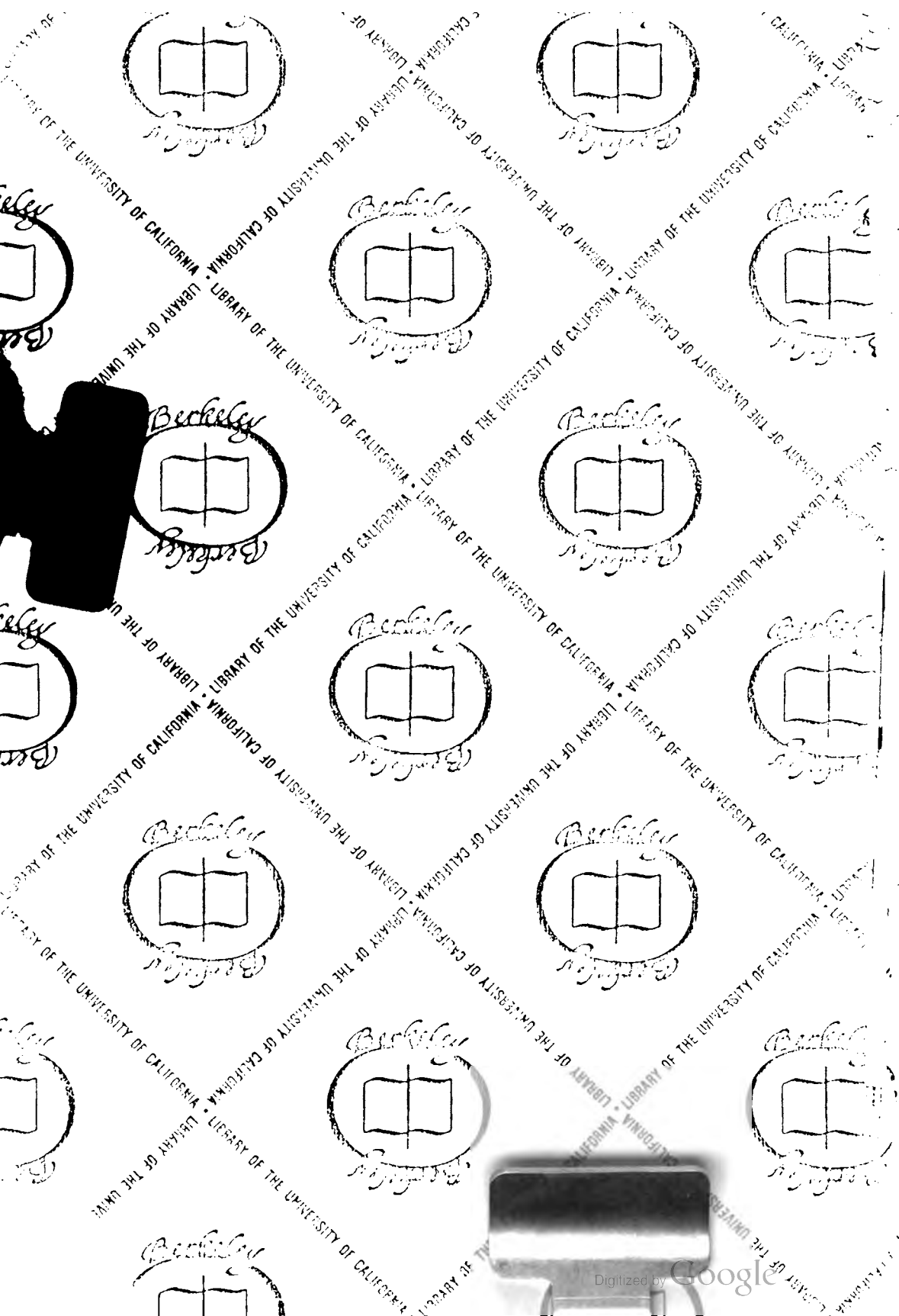
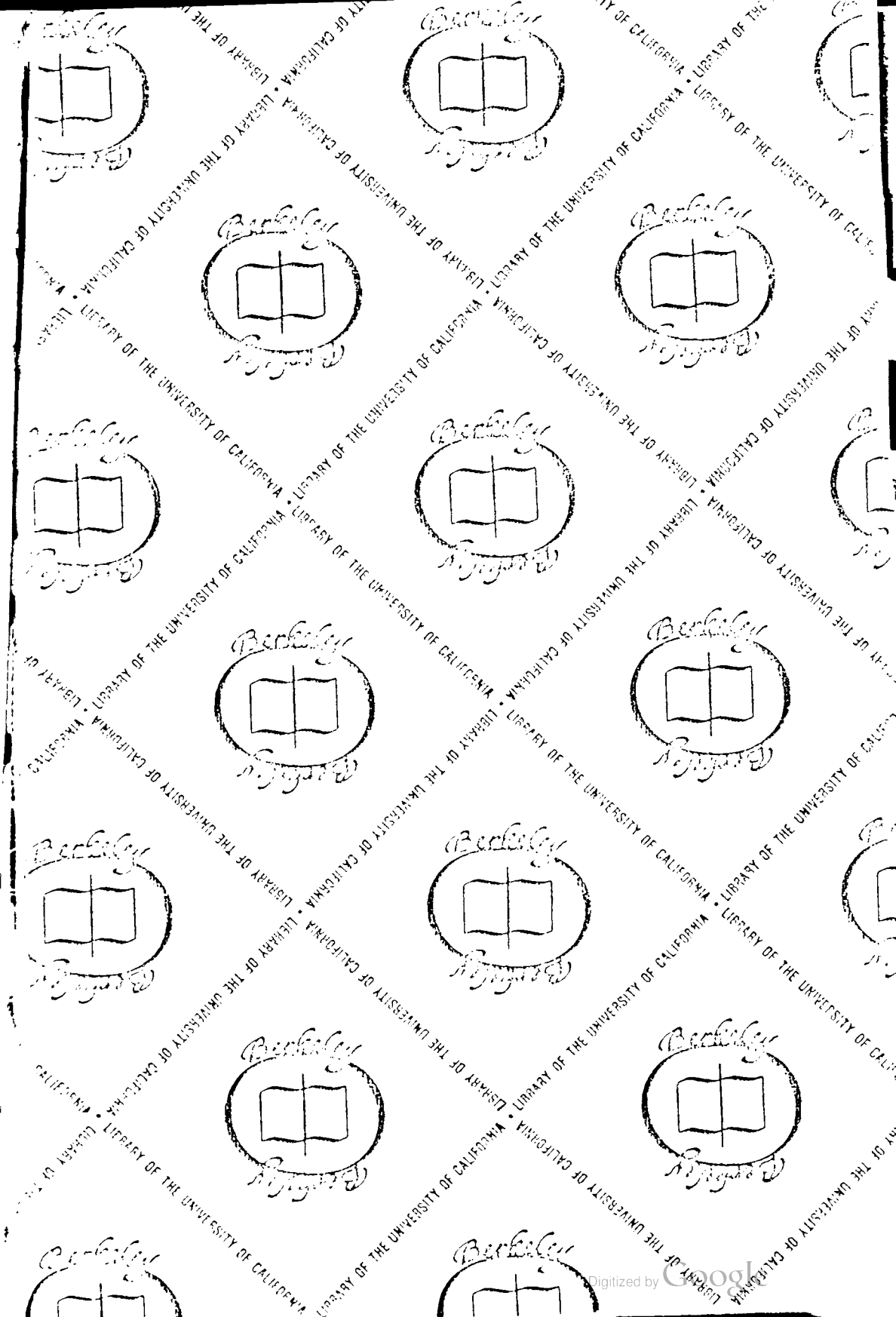


UC-NRLF



B 4 414 367





Tạp chí Công sản

MAIN/UC-B

CƠ QUAN LÝ LUÂN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT-NAM

LIBRARY

OCT 02 1984

UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

7

7.1984

Nông dân tập thể và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội



NÔNG lịch sử dân tộc ta, nông dân giữ một vai trò rất quan trọng. Nước ta vốn là một nước nông nghiệp, nông dân là lực lượng đông đảo nhất trong nhân dân. Nông dân Việt nam vốn có tinh thần cần cù, dũng cảm lao động, có truyền thống yêu nước, đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước. Nhưng dưới chế độ thực dân phong kiến, tất cả những thành quả lao động của nông dân đều bị bọn đế quốc, phong kiến chiếm đoạt. Nông dân bị chúng cướp mất ruộng đất (giạt cấp địa chủ chưa bằng 5% số dân đã cùng với bọn đế quốc chiếm hơn 70% ruộng đất; nông dân bằng hơn 90% số dân chỉ có 30% ruộng đất) phải đi làm thuê làm mướn, cấy ruộng rẽ, nộp tô, tức, sưu thuế cho chúng rất nặng nề. Quanh năm lao động cực nhọc mà đói rét vẫn hoàn đói rét, nhiều nông dân đã phải rời bỏ quê hương, làng mạc đi làm ăn nơi khác nhưng dưới chế độ thực dân phong kiến, đi đâu cũng không thoát cảnh bị áp bức, bóc lột và nhiều người đã phải chết dần chết mòn trong các đồn điền, hầm mỏ của chúng. Không chịu cảnh nước mất nhà tan, nông dân đã nhiều lần nổi dậy đấu tranh anh dũng chống đế quốc, phong kiến nhưng tất cả những cuộc đấu tranh ấy đều bị thất bại vì chưa có người đưa đường, chỉ lối đúng đắn.

Chỉ từ khi có Đảng cộng sản Việt nam — đảng tiên phong của giai cấp công nhân Việt nam ra đời và lãnh đạo cách mạng, nông dân Việt nam mới có điều kiện phát huy vai trò cách mạng của mình, đoàn kết với các tầng lớp nhân dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất, đưa cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp đi đến thắng lợi.

Trải qua hơn nửa thế kỷ chiến đấu gian khổ của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt từ ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thắng lợi và nước nhà thống nhất đến nay, tình hình nông thôn, sản xuất nông nghiệp và đời sống nông dân đã có những biến đổi to lớn, sâu sắc.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhân dân ta, nông dân ta, từ những người dân nô lệ mất nước, mất tự do, đã trở thành những người làm chủ tập thể của đất nước. Với thắng lợi của cải cách ruộng đất, nông dân ta từ chỗ không có hoặc thiếu ruộng đất đã trở thành người làm chủ đồng ruộng, làm chủ nông thôn. “Độc lập dân tộc”, “người cày có ruộng” —

đó là bước nhảy vọt đầu tiên của nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, và đó cũng là yếu tố quyết định mở đường tạo ra những biến đổi sâu sắc khác trong nông thôn ta, trong sự nghiệp cách mạng nước ta.

Chính trên cơ sở làm chủ tập thể đất nước và "người cày có ruộng", nông dân cả nước đã đem sức người, sức của, góp phần cùng toàn dân làm nên chiến thắng "Điện biên phủ từng lấy địa cầu", kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và sẵn sàng bước vào thực hiện những nhiệm vụ mới của cách mạng.

Trên miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, chỉ trong 3 năm 1958 - 1960, nông dân ta nghe theo tiếng gọi của Đảng đã căn bản làm xong việc tổ chức nhau đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp, trở thành giai cấp nông dân tập thể, **thực hiện bước nhảy vọt thứ hai**, chuyển từ vị trí làm chủ nhỏ hợp với lối sản xuất riêng lẻ sang vị trí làm chủ tập thể rộng lớn với lối làm ăn tập thể, cùng nhau xây dựng cuộc sống mới, nông thôn mới.

Thắng lợi của phong trào hợp tác hóa đã tiếp thêm sức mạnh cho nông dân miền Bắc trong việc xây dựng những cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu của nông nghiệp, mở đường cho sản xuất nông nghiệp phát triển ngay trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ác liệt.

Dựa vào nền nông nghiệp hợp tác hóa, nông thôn và nông dân tập thể miền Bắc đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, vừa kịp thời đánh trả có hiệu quả cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, vừa dốc sức người, sức của chi viện cho cuộc kháng chiến ở miền Nam mau tới toàn thắng.

Trước kia, ở nông thôn chỉ có cảnh bùn lầy nước đọng, nhà tranh vách đất, luỹ đạt bộ phận nông dân không biết chữ, song nhờ có nền nông nghiệp hợp tác hóa và tinh thần phấn đấu của nông dân tập thể, ngay trong những năm chiến tranh ác liệt, nông thôn miền Bắc đã có những biến đổi to lớn về nhiều mặt. Đời sống vật chất và tinh thần của nông dân đã có nhiều tiến bộ rất đáng tự hào.

Ở miền Nam, những năm kháng chiến chống Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông dân cùng với các tầng lớp nhân dân khác đã phát huy truyền thống cách mạng của "Thành đồng Tổ quốc", kiên quyết đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn của Mỹ - ngụy, tích cực tham gia kháng chiến, làm thất bại hết âm mưu này đến âm mưu khác của kẻ thù. Trong chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh mùa Xuân năm 1975, phối hợp với bộ đội, ở nhiều nơi nông dân đã cùng với các tầng lớp nhân dân khác nổi dậy giành chính quyền, góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Sau ngày Tổ quốc thống nhất, nông dân miền Nam đã tích cực tham gia xây dựng chính quyền cách mạng, giữ gìn an ninh trật tự ở nông thôn, khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định đời sống, đoàn kết tương trợ, nhường nhịn, điều chỉnh ruộng đất và giải quyết các vụ mâu thuẫn về ruộng đất trong nội bộ nông dân, xóa bỏ các tàn dư của lối bóc lột phong kiến, hăng hái thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tính đến cuối năm 1983, các lĩnh vực miền Trung đã xây dựng được 1185 hợp tác xã, 775 tập đoàn sản xuất, thu hút 98,8% số hộ nông dân vào sản xuất tập thể; các lĩnh vực miền Bắc đã xây dựng được 267 hợp tác xã và 1952 tập đoàn sản xuất, thu hút 71% số hộ nông dân vào sản xuất tập thể. Đến nay, toàn Nam bộ đã có 296 hợp tác xã, 20341 tập đoàn sản xuất bao gồm 45,3% số hộ nông dân và 38% diện

tiệc cạnh tác. Qua phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, giai cấp nông dân lập thể ở các tỉnh miền Nam đã và đang hình thành.

Bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước, nông dân ta tiếp tục đóng góp phần đáng kể vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, tăng cường liên minh công nông, phát huy sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản, kết hợp cải tạo với xây dựng, đẩy mạnh thực hiện ba cuộc cách mạng và hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa; đồng thời có những tiến bộ mới về ý thức làm chủ tập thể, về trình độ văn hóa và khoa học kỹ thuật.

Mặc dù trước mắt chúng ta còn nhiều khó khăn, song những biến đổi trong nông thôn ta, trong đời sống nông dân ta từ Cách mạng Tháng Tám tới nay là vô cùng to lớn, sâu sắc và rất đáng tự hào. Những biến đổi ấy chứng tỏ Đảng ta đã giải quyết tốt vấn đề nông dân ở nước ta, nhằm đưa nước ta, một nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Những biến đổi ấy cũng chứng minh nông dân ta ngay từ buổi bình minh của cách mạng và suốt trong mọi thời kỳ cách mạng đã một lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, hăng hái chấp hành mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Chính do tin yêu Đảng, quyết tâm đi theo đường lối lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, nông dân nước ta đã phát huy được những phẩm chất tốt đẹp, có bước trưởng thành lớn về chính trị, tư tưởng, trở thành người bạn đồng minh đáng tin cậy của giai cấp công nhân và cùng với giai cấp công nhân hợp thành đội quân chủ lực của cách mạng, có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp đấu tranh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Tuy vậy, sống trong hoàn cảnh sản xuất nhỏ từ lâu đời, nông dân ta có những nhược điểm đáng kể như: chưa nhận thức được đầy đủ về nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa, về sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; tinh thần đấu tranh giành thắng lợi cho con đường xã hội chủ nghĩa đối với con đường tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp chưa thật kiên định, ý thức làm chủ tập thể chưa cao; trình độ hiểu biết về khoa học kỹ thuật, về xây dựng và quản lý kinh tế cũng như trình độ tổ chức nói chung còn thấp.

Những biến đổi cách mạng lớn lao trong đời sống nông thôn ta cũng như những ưu điểm, những nhược điểm của nông dân ta gắn liền với những hoạt động của Hội nông dân trước đây mà ngày nay là Hội liên hiệp nông dân tập thể Việt nam, vì Hội có nhiệm vụ, chức năng chủ yếu là đoàn kết, giáo dục, vận động nông dân đi theo con đường cách mạng của Đảng.

Hiện nay, Hội đã lập hợp trong tổ chức của mình hơn 10 triệu hội viên. Nhìn chung, các hội viên đã từng bước trưởng thành trong hoạt động, và ở mỗi giới, mỗi lứa tuổi đều phát huy được ưu thế của mình đối với việc thực hiện nhiệm vụ, chức năng của Hội. Những đóng góp và kết quả hoạt động của Hội trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trước đây cũng như trong giai đoạn đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay là niềm tự hào của nông dân cả nước ta.

Song, đứng trước những yêu cầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tổ chức Hội đang bộc lộ những nhược điểm, khuyết điểm: chưa phát huy được mạnh mẽ tinh thần làm chủ tập thể của nông dân một cách toàn diện, nhất là trong việc tham gia quản lý nền kinh tế tập thể và tham gia quản lý các mặt đời sống văn hóa - xã hội với các cơ quan Nhà nước các cấp, đặc biệt là ở cơ sở và ở

cấp huyện; chưa đi sâu vào nội dung và phương pháp hoạt động cụ thể, cho nên trên nhiều mặt công tác còn chưa có kinh nghiệm; chưa tác động có hiệu quả vào việc xây dựng người nông dân mới và nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Tổ chức Hội những năm gần đây thiếu ổn định, chủ yếu là do chưa làm rõ được lĩnh vực, nhiệm vụ của Hội và mối quan hệ giữa tổ chức cơ sở của Hội với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và các tổ chức kinh tế tập thể khác ở nông thôn. Để đáp ứng kịp thời những đòi hỏi bức thiết của công tác vận động nông dân do Đảng đề ra, Hội cần ra sức phát huy ưu điểm, khắc phục những khuyết điểm, như sau:



Đại hội đại biểu toàn quốc Hội liên hiệp nông dân tập thể sắp tới là một sự kiện chính trị quan trọng của tổ chức Hội và của toàn thể hội viên, nông dân nước ta. Đại hội có ý nghĩa quan trọng đặc biệt vì đây là đại hội đầu tiên của Hội, nhằm mục đích xác định nhiệm vụ của Hội là giáo dục, vận động nông dân phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và kiện toàn tổ chức Hội theo đúng lĩnh vực của Hội. Đại hội sẽ thông qua Điều lệ của Hội và bầu ra Ban chấp hành Trung ương Hội, xác định cơ sở hành động của mỗi hội viên, làm cho tổ chức của Hội thống nhất từ trên xuống dưới, tạo thành sức chiến đấu mạnh mẽ của Hội trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Hiện nay, cách mạng nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Một nhiệm vụ quan trọng đặc biệt của Đảng ta, Nhà nước ta và toàn thể nhân dân ta trong chặng đường này là tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đáp ứng những nhu cầu của đời sống và làm cơ sở cho việc phát triển công nghiệp.

Trong cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm. Có thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chúng ta mới có thể xây dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc.

Hội liên hiệp nông dân tập thể Việt nam là một tổ chức quần chúng nông dân xã hội chủ nghĩa do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo. Hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt nam, là sợi dây liên lạc nối liền nông dân với Đảng và Nhà nước. Hội có nhiệm vụ cùng với các đoàn thể quần chúng khác giúp Đảng giáo dục, vận động nông dân phát huy cao độ tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia xây dựng nền kinh tế mới, nông thôn mới và người nông dân mới xã hội chủ nghĩa, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Cùng với việc nhấn mạnh vai trò quan trọng của nông nghiệp, làm cho nông dân nhận rõ vinh dự và trách nhiệm phấn đấu trên mặt trận nông nghiệp, Hội cần chú ý tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong nông dân về nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Hợp tác hóa nông nghiệp và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đều là sự nghiệp chung của cả hai giai cấp công nhân và nông dân tập thể. Giai cấp công nhân đã và đang đóng góp phần quan trọng vào phong

trào hợp tác hóa nông nghiệp, vào việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Giải cấp nông dân tập thể có nghĩa vụ góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng cách làm đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là những chính sách về phát triển kinh tế, về phân phối lưu thông, bảo đảm cho Nhà nước có điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Những vấn đề nói trên cũng chính là những yêu cầu nhằm tăng cường khối liên minh công nông vững chắc trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Xây dựng nền kinh tế mới trong nông thôn, về thực chất là xây dựng, củng cố nền nông nghiệp hợp tác hóa, phát huy ưu thế của lối làm ăn tập thể, phần đầu đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trước mắt bảo đảm những yêu cầu về sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng xuất khẩu. Phần đầu thực hiện bằng được mục tiêu 18 triệu tấn lương thực năm 1984, 19 - 20 triệu tấn năm 1985. Để đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, còn phải chú ý đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp; hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp theo hình thức và bước đi thích hợp ở những nơi chưa hoàn thành, củng cố, phát huy tác dụng của các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất ở những nơi đã xây dựng; tăng cường và nâng cao chất lượng kinh tế tập thể, khuyến khích phát triển kinh tế gia đình đúng hướng; thiết lập và mở rộng các quan hệ kinh tế xã hội chủ nghĩa trực tiếp giữa Nhà nước với hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và nông dân, giữa quốc doanh và tập thể, giữa công nghiệp và nông nghiệp thông qua kế hoạch Nhà nước và các hợp đồng kinh tế, các hình thức liên kết sản xuất, kinh doanh.

Xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa chủ yếu là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ở cơ sở gắn với địa bàn huyện về tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và đời sống. Về chính trị: bảo đảm cho nông dân có quyền bình đẳng, quyền tự do chính đáng đi đôi với yêu cầu mỗi người làm đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, với tập thể; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội ở nông thôn. Về kinh tế: hình thành và phát huy ưu thế của lối làm ăn tập thể, bảo đảm kết hợp hài hòa ba lợi ích kinh tế (lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động). Về văn hóa xã hội và đời sống: tổ chức chu đáo việc ăn, ở, di lại, học hành; chăm sóc trẻ em, người già, gia đình liệt sĩ, thương binh; có những công trình phúc lợi và văn hóa công cộng để phục vụ quần chúng; mỗi người đều có nếp sống văn minh, hăng hái tham gia xây dựng gia đình văn hóa mới, có tinh thần đoàn kết, thương yêu nhau, giúp đỡ nhau trong xóm ấp, bản làng.

Việc xây dựng nền kinh tế mới, nông thôn mới không tách rời việc xây dựng người nông dân thành con người mới xã hội chủ nghĩa, vì con người mới xã hội chủ nghĩa vừa là sản phẩm, vừa là chủ thể của việc xây dựng nền kinh tế mới và nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Con người mới xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, trong tình hình hiện nay phải là người xã viên, tập đoàn viên tiên tiến (nơi chưa có hợp tác xã và tập đoàn sản xuất thì phải là tổ viên tiên tiến của tổ đoàn kết sản xuất hoặc tổ văn công, đội công), gắn bó với con đường làm ăn tập thể, chăm lo xây dựng hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, hăng hái tham gia phong trào thi đua lao động xã hội chủ nghĩa, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, chính sách

của Đảng và Nhà nước, điều lệ, nội quy của các tổ chức kinh tế tập thể, hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước và tập thể, cảnh giác và kiên quyết đấu tranh chống mọi hành động phá hoại của kẻ thù, có tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa trong sáng.

Xây dựng nền kinh tế mới, nông thôn mới và con người mới xã hội chủ nghĩa chỉ có thể đạt được kết quả trên cơ sở phong trào nông dân liên hành đồng thời ba cuộc cách mạng một cách sâu rộng, mạnh mẽ và liên tục. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hội liên hiệp nông dân tập thể cần hướng việc tuyên truyền, giáo dục, vận động nông dân phát huy quyền làm chủ tập thể và mọi năng lực sáng tạo vào phong trào cách mạng đó.

Trước mắt, Hội cần phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể và các ngành có liên quan thường xuyên chăm lo việc nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho nông dân, làm cho nông dân phân biệt rõ lao động với bóc lột, phát huy tinh thần vượt lên trên mọi khó khăn, thử thách, thay được những âm mưu thâm độc của địch phá hoại ta về nhiều mặt, từ đó nâng cao tinh thần kiên định, vững vàng trước cuộc đấu tranh giữa hai con đường và tinh thần cảnh giác cách mạng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Vận động nông dân hàng hái thủ công đưa lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, phần đầu thực hiện theo kế hoạch Nhà nước về kinh tế — xã hội 1984 — 1985 và những năm tiếp theo gắn liền với việc hoàn thành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chấp hành đúng đắn và hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động.

Hội cần chủ động phối hợp với các đoàn thể bạn và các ngành liên quan chăm lo đời sống mọi mặt của nông dân. Cùng với việc vận động nông dân đẩy mạnh sản xuất và tăng cường kinh tế tập thể, cần hướng dẫn nông dân phát triển kinh tế gia đình đúng hướng, mang lại hiệu quả thiết thực, đồng thời hàng hái thêm gia xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới và nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Chủ ý bồi dưỡng, nâng cao ý thức và năng lực làm chủ tập thể cho nông dân trong việc tham gia quản lý kinh tế, quản lý các mặt đời sống kinh tế, văn hóa — xã hội ở nông thôn, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền, phản ánh kịp thời với Đảng và Nhà nước những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nông dân.

Giáo dục, vận động nông dân thực hiện quốc phòng toàn dân, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bán nước, bảo vệ quyền Trung quốc cầu kết với đế quốc Mỹ, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nêu cao tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Cải tiến nội dung và phương thức hoạt động của Hội; xây dựng, củng cố tổ chức Hội theo phương hướng nội dung của Điều lệ Hội.

Tất cả các nội dung công tác nói trên đều nhằm phát huy vai trò làm chủ tập thể của nông dân lao động để đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng giai cấp nông dân tập thể trưởng thành về mọi mặt, xây dựng tổ chức Hội liên hiệp nông dân tập thể vững mạnh theo đúng tinh thần, nhiệm vụ của Hội, xứng đáng là một tổ chức quần chúng tin cậy của Đảng.

MẤY VẤN ĐỀ CÙNG CỐ QUỐC PHÒNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

VĂN TIẾN DŨNG

NĂM nay, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, với niềm tự hào chính đáng, kỷ niệm 30 năm chiến thắng Điện Biên phủ và 40 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt nam. Hai sự kiện lịch sử này đánh dấu thành công vĩ đại của Đảng ta trong lãnh đạo tiến hành chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc

và xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân.

Đây là một dịp để chúng ta qua những trang sử vẻ vang ấy rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu, suy nghĩ về nhiệm vụ chiến lược sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

I

Với thắng lợi hoàn toàn và triệt để của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cách mạng nước ta chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn cả nước độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã xác định xây dựng đất nước phải đi đôi với bảo vệ đất nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó là yêu cầu sống còn của dân tộc ta, đồng thời là quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày nay.

Vì vậy trong khi lãnh đạo nhân dân bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước, Đảng ta luôn luôn chăm lo sự nghiệp củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng công nghiệp quốc phòng, bảo đảm cho đất nước sẵn sàng đánh bại âm mưu và hành động xâm lược, phá hoại của mọi kẻ thù.

Vừa ra khỏi ba mươi năm chiến tranh, chúng ta khôi phục kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội chưa được bao lâu thì lại phải đương đầu ngay với những thử thách vô cùng nghiêm

trọng do chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung quốc — kẻ thù mới của cách mạng nước ta gây ra.

Chúng ta đã chiến thắng oanh liệt trong hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống bọn phản động Trung quốc cùng bè lũ tay sai, giữ vững độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội ở nước ta và làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân hai nước Cam-pu-chia và Lào anh em, làm thất bại mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù. Dân tộc Việt nam một lần nữa thể hiện ý chí và quyết tâm, khả năng và sức mạnh tự bảo vệ mình và tinh thần quốc tế trong sáng thủy chung, viết tiếp những trang sử hào hùng mới vào thiên sử vàng chống ngoại xâm.

Từ đó đến nay, dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, các nghị quyết của Trung ương, Bộ chính trị và Quân ủy trung ương, cùng với những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, công cuộc củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta lại có một bước phát triển mới.

Tổ chức phòng thủ đất nước được tăng cường rõ rệt. Việc xây dựng quân đội nhân dân chính quy hiện đại tiến bộ trên nhiều mặt. Sức mạnh giữ nước của chúng ta không ngừng tăng lên: thế trận chiến tranh nhân dân trên cả nước ngày càng được củng cố. Tổ quốc ta được bảo vệ ngày càng vững chắc.

Trong gian khổ khó khăn, nhân dân và quân đội ta vẫn tiếp tục vươn lên mạnh mẽ xây dựng những cơ sở ban đầu của chủ nghĩa xã hội, chăm lo ổn định đời sống, đồng thời kiên quyết đập tan kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và sẵn sàng đối phó với sự đe dọa chiến tranh mới của chúng.

Song trong tình hình quốc tế và khu vực rất phức tạp hiện nay, chúng

ta không thể thỏa mãn với những gì đã làm được.

Cuộc đấu tranh giữa một bên là các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội và một bên là những thế lực đế quốc và phản cách mạng trên phạm vi thế giới, đang diễn ra rất quyết liệt và phức tạp. Trước sự lớn mạnh của ba dòng thác cách mạng mà Liên xô là thành trì vững chắc, trong thế thất bại, đi xuống, đế quốc Mỹ ngoan cố đẩy mạnh chính sách quân phiệt, hiếu chiến, ráo riết chạy đua vũ trang với quy mô chưa từng thấy, điên cuồng chống phá chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc, làm cho tình hình thế giới rất căng thẳng. Bất chấp nguyện vọng hòa bình của nhân dân thế giới và thiện chí của Liên xô, đế quốc Mỹ mưu toan phá vỡ sự cân bằng chiến lược quân sự đã hình thành. Chúng bắt đầu bố trí tên lửa hạt nhân tầm trung bình trên lãnh thổ một số nước Tây Âu. Hành động đó cùng những hành động phiêu lưu quân sự khác của chúng thật sự đặt loài người trước nguy cơ chiến tranh hạt nhân.

Nhưng Liên xô và cả cộng đồng xã hội chủ nghĩa đã có biện pháp kiên quyết chống trả, không cho chúng làm thay đổi so sánh lực lượng trên thế giới. Phong trào cách mạng thế giới quyết không để cho chúng thực hiện âm mưu điên rồ đó. Loài người có đủ sức mạnh và khả năng ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân.

Tuy vậy, cuộc đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng còn rất gay gắt. Các cuộc chiến tranh khu vực đã và còn tiếp tục xảy ra. Trên cơ sở tăng cường vũ trang, đế quốc Mỹ đang ra sức tập hợp các lực lượng đồng lõa, phản kích quyết liệt các phong trào cách mạng, ngăn chặn các nước độc lập dân tộc phát triển lên con đường xã hội chủ nghĩa. Chúng đã trắng trợn xâm lăng Grê-na-đa, trực tiếp can thiệp vào Li-băng,

En Xan-va-do, tiến hành cuộc chiến tranh không tuyên bố chống Ni-ca-ra-goa, uy hiếp Cu-ba, Xi-ri...

Điều nổi bật trong chính sách của Mỹ hiện nay là chúng ra sức cầu kết với bọn phản động trong giới cầm quyền Trung quốc nhằm chống Liên xô, Việt nam, chia rẽ và làm suy yếu các nước xã hội chủ nghĩa, biến Trung quốc thành «con ngựa thành Tro-roi» trong thế giới thứ ba.

Riêng ở khu vực Đông Nam châu Á, lo sợ trước lực lượng so sánh và tình thế chính trị ngày càng chuyển biến có lợi cho cách mạng ở đây do thắng lợi và sự liên minh chiến đấu của ba nước Đông dương, để quốc Mỹ, bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc và các thế lực phản động khác cầu kết với nhau, đang có những âm mưu thâm độc mới đối với Việt nam, Cam-pu-chia và Lào. Đông dương đã và đang là một trong những địa bàn nóng bỏng, nơi diễn ra những cuộc đấu tranh gay gắt giữa cách mạng và phản cách mạng của thế giới.

Trung quốc đang đứng trước những khó khăn to lớn về nhiều mặt, trong một thời gian ngắn khó có thể khắc phục được. Những khó khăn trong nước cùng với những khó khăn trên trường quốc tế đã buộc Trung quốc có một số thay đổi về sách lược trong quan hệ đối ngoại. Nhưng *đối với Việt nam, chiến lược và sách lược của bọn phản động Trung quốc chưa hề thay đổi. Cày cú và lúc lỏi sau mấy lần thất*

bại, chúng càng tỏ ra thù địch với ta hơn. Những cuộc bắn phá liên tục trên khắp các tỉnh biên giới phía Bắc nước ta và những cuộc tiến công lấn chiếm bằng bộ binh vào một số nơi trên lãnh thổ nước ta vừa qua càng chứng tỏ rằng không thể mơ hồ về bản chất phản động và âm mưu đen tối của chúng.

Chúng đang tăng cường cầu kết với đế quốc Mỹ tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta và các nước khác ở Đông dương, đồng thời vẫn ráo riết chuẩn bị chiến tranh xâm lược khi có điều kiện và thời cơ.

Tình hình nói trên đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải thường xuyên nâng cao cảnh giác, kiên quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược của chúng, gắn chặt nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, gắn chặt nhiệm vụ dân tộc với nghĩa vụ quốc tế. Phải làm cho đất nước ta thật sự mạnh lên cả về kinh tế và quốc phòng, *tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn nhất để bảo vệ đất nước.* Làm được như vậy, chúng ta sẽ chủ động trong mọi tình huống, ngăn ngừa, đẩy lùi nguy cơ xâm lược, tăng được khả năng thực tế giữ vững hòa bình, và nếu kẻ thù liều lĩnh gây chiến tranh, thì nhất định chúng sẽ vấp phải thất bại nặng nề hơn.

II

Cuộc đấu tranh giai cấp trên phạm vi thế giới và ở khu vực này đòi hỏi chúng ta phải quan tâm đầy đủ đến việc tăng cường sức mạnh phòng thủ của đất nước ta. Tiếp tục củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang, bảo vệ Tổ quốc, đi đôi với

đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội, *vẫn là nhiệm vụ trọng đại không phút nào được lơ lửng của quân và dân ta.* Đây cũng là một nhiệm vụ thuộc về sứ mệnh lịch sử của chuyên chính vô sản ở nước ta, mang ý nghĩa dân tộc và ý nghĩa quốc tế sâu sắc.

Sự nghiệp củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang ta hiện nay phải đáp ứng những yêu cầu mới của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa chống kẻ thù mới của cách mạng nước ta.

Cũng như các cuộc chiến tranh cách mạng trước đây, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là chiến tranh nhân dân do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, tuân theo những quy luật chung của chiến tranh nhân dân trong những điều kiện cụ thể của nước ta, đồng thời có những đặc điểm riêng của nó. Đó là một cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ, cách mạng, mang tính chất toàn dân, toàn diện, hiện đại, dựa trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn nhất để đánh thắng địch. Cuộc chiến tranh đó là cả nước đánh giặc, toàn dân là chiến sĩ, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, lấy đánh địch bằng quân sự trên chiến trường là chủ yếu kết hợp với tiến công địch về chính trị và có lúc bằng cả ngoại giao, tiến công địch với sức mạnh toàn diện của chế độ xã hội chủ nghĩa, của nền quốc phòng toàn dân; kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của khối liên minh đặc biệt giữa ba nước Đông dương, sức mạnh của sự liên minh hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, sức mạnh của sự ủng hộ và giúp đỡ của phong trào cách mạng thế giới.

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công, thực hiện làm chủ và tiến công, tiến công và làm chủ, làm chủ đất nước, làm chủ chiến trường để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ chiến trường, làm chủ đất nước. Cuộc chiến tranh đó đòi hỏi kết hợp hoạt động của các thứ quân, kết hợp hai phương thức tiến hành chiến tranh: chiến tranh nhân dân địa phương và chiến tranh

bằng các binh đoàn chủ lực, lực lượng tại chỗ với lực lượng cơ động. Vận dụng những cách đánh cơ bản một cách thích hợp. Vừa đánh địch vừa bồi dưỡng lực lượng ta, kết hợp chiến đấu với sản xuất, vừa tích cực kháng chiến vừa tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng và củng cố hậu phương, vừa đánh mạnh được, vừa đánh lâu dài được, kiên quyết giành thắng lợi hoàn toàn trong mọi tình huống.

Những nội dung mới của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang. Đó là yêu cầu phải vừa xây dựng lực lượng thường trực vừa xây dựng lực lượng hậu bị, vừa xây dựng lực lượng sẵn sàng chiến đấu vừa xây dựng lực lượng mọi mặt của đất nước, bảo đảm vừa xây dựng mạnh vừa sẵn sàng chiến đấu cao để khi kẻ thù gây chiến tranh xâm lược, chúng ta có thể nhanh chóng chuyển đất nước vào chiến tranh, phát huy tiềm lực quốc phòng thành sức mạnh hiện thực lớn nhất đánh thắng chiến tranh xâm lược. Toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, các ngành, các địa phương và quân đội cùng nhau phối hợp xúc tiến những công việc chuẩn bị để thật sự đáp ứng các yêu cầu đó ngay từ khi chưa có chiến tranh.

Trong thời gian tới, chúng ta tập trung giải quyết mấy vấn đề lớn sau đây:

1 - Đánh bại kế hoạch chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và sẵn sàng đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược với bất cứ quy mô nào của bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc cầu kết với đế quốc Mỹ.

Kẻ địch của chúng ta rất xảo quyệt và nham hiểm. Chúng đang cầu kết với đế quốc Mỹ thi hành thủ đoạn truyền thống của chúng là kết hợp

phá hoại từ trong nội bộ ta với phá hoại từ bên ngoài nhằm làm ta suy yếu trong khi vẫn chuẩn bị chiến tranh xâm lược nước ta.

Cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch gắn liền với cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, đồng thời là một bộ phận của cuộc đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới. Vì vậy, cuộc đấu tranh này rất quyết liệt, phức tạp và lâu dài.

Cần thấy rằng chiến tranh phá hoại nhiều mặt có thể phát triển thành chiến tranh xâm lược. Cho nên đánh bại chiến tranh phá hoại nhiều mặt có thể ngăn ngừa, đẩy lùi âm mưu gây chiến tranh xâm lược. Như vậy, việc đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch là rất quan trọng, song lại phải đồng thời *đẩy mạnh và hoàn chỉnh công cuộc chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, xây dựng và bố trí lực lượng, tổ chức thể trận quốc phòng, xác định các cách đánh có hiệu quả nhất để chiến thắng địch trong mọi tình huống nếu chiến tranh xảy ra.*

Đối phó với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch thì lực lượng địa phương, lực lượng tại chỗ là chính, thể làm chủ ở địa phương, ở cơ sở có ý nghĩa quyết định. Các quân khu, các tỉnh, huyện cần rút kinh nghiệm về việc thực hiện nghị quyết của Bộ chính trị trong những năm qua, trên cơ sở đó soát xét và bổ sung kế hoạch đến tận cơ sở. Bằng những hình thức thích hợp, chúng ta tiến hành công tác giáo dục sâu rộng làm cho đồng bào và chiến sĩ ta hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, không ngừng nâng cao cảnh giác, hiểu rõ tính gay go, phức tạp, lâu dài của cuộc đấu tranh này. Gắn chặt quốc phòng với an ninh; dùng sức mạnh hiệp đồng của các lực

lượng, các ngành, các đoàn thể dưới sự lãnh đạo thống nhất tập trung của các cấp ủy Đảng, lấy sức mạnh của quần chúng làm cơ sở để đánh địch một cách toàn diện. Tập trung vào các địa bàn trọng điểm và các khâu trọng tâm, chia mũi nhọn đấu tranh vào bốn phản động Trung quốc, đồng thời cảnh giác đối phó với sự chống phá của đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác phối hợp với bọn bành trướng.

Mặt khác, chúng ta chú trọng củng cố nội bộ, tập trung cố gắng xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, trước hết là xây dựng cơ sở chính trị, Đảng, chính quyền. Đứng chân và làm chủ vững chắc trên địa bàn, mới có thể tiến công liên tục, mạnh mẽ vào mọi loại phản động. Gắn chặt với kế hoạch chống chiến tranh phá hoại của địch, các địa phương cần xây dựng phương án chuẩn bị lực lượng và thể trận phòng thủ chống chiến tranh xâm lược trong các tình huống khác nhau, phù hợp với đặc điểm của địa phương mình, theo đúng đường lối, quan điểm quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2 - *Nâng cao chất lượng và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang.*

Việc xây dựng các lực lượng vũ trang phải được tiến hành một cách toàn diện, đồng bộ và cân đối. Phải coi trọng xây dựng cả quân đội nhân dân và dân quân tự vệ, có lực lượng thường trực vững mạnh và lực lượng hậu bị hùng hậu.

Trong sức mạnh tổng hợp của đất nước, *quân đội nhân dân* (bao gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và bộ đội biên phòng) là một công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản, một trụ cột vững chắc của chế độ làm chủ tập thể. Khi kẻ thù gây chiến tranh xâm lược, các *binh đoàn chủ lực* của quân đội nhân dân giữ vai

trở quyết định trực tiếp trong việc tiêu diệt lớn quân chủ lực của địch, đập tan các biện pháp tác chiến chiến lược của chúng, làm chuyển biến so sánh lực lượng, thế trận và cục diện từng chiến trường cũng như toàn cuộc chiến tranh.

Đảng và nhân dân ta luôn luôn coi sự nghiệp xây dựng quân đội nhân dân là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của mình. Nhờ vậy, quân đội ta đã không ngừng trưởng thành và lớn mạnh, cùng toàn dân đánh thắng những kẻ thù đông mạnh nhất của thời đại. Như đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn kính mến đã chỉ rõ, một trong những thành quả vĩ đại nhất của cách mạng nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng là đã xây dựng nên một quân đội nhân dân vô địch.

Ngày nay chúng ta có một quân đội đang tiến lên chính quy hiện đại, gồm những binh đoàn chủ lực, những quân chủng và binh chủng kỹ thuật được trang bị ngày càng hiện đại, được tổ chức và huấn luyện tốt, có tinh thần chiến đấu cao, có sức cơ động và đột kích ngày càng mạnh, nắm vững khoa học và nghệ thuật quân sự tru việt, khoa học kỹ thuật quân sự hiện đại, đủ sức hoàn thành những nhiệm vụ nặng nề, đa dạng, phức tạp.

Nhưng nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ quân sự của cách mạng nước ta trong thời kỳ lịch sử trước mắt đòi hỏi phải *đưa công cuộc xây dựng quân đội ta lên tầm cao mới*. Quân đội ta hiện nay phải sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu cùng với toàn dân bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đồng thời lao động sản xuất xây dựng kinh tế và làm nghĩa vụ quốc tế.

Theo phương hướng đã được nghị quyết Đại hội thứ IV của Đảng chỉ ra và nghị quyết Đại hội thứ V cụ thể hóa và phát triển, chúng ta cần tiếp tục đẩy mạnh công cuộc xây

dựng quân đội ta thành một quân đội nhân dân cách mạng, có ý chí quyết thắng sắt đá, có kỷ luật chặt chẽ, có tác phong nghiêm túc, có trình độ chính quy hiện đại ngày càng cao, trình độ sẵn sàng chiến đấu không ngừng hoàn thiện, đồng thời xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng vững mạnh, rộng khắp. Phải làm cho quân đội nhân dân là đội quân đáng tin cậy trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, đồng thời là đội quân xây dựng tài giỏi, một trường học lớn rèn luyện con người mới đối với các thế hệ thanh niên. Quân đội nhân dân phải tiêu biểu cho sức mạnh quân sự của Nhà nước Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Phải xây dựng *bộ đội chủ lực* (gồm các quân chủng: lực quân, không quân, hải quân, phòng không) tương xứng với chức năng và vị trí của nó trong nền quốc phòng toàn dân và trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Những binh đoàn cơ động chính quy hiện đại phải trở thành những quả đấm thép sẵn sàng những hành động phiêu lưu của kẻ thù. Bộ đội chủ lực ngày nay phải có quy mô tổ chức thích hợp, có cơ cấu cân đối, đồng bộ giữa các quân chủng, binh chủng và trong từng quân chủng, binh chủng.

Chúng ta cần quan tâm đầy đủ đến việc xây dựng *bộ đội địa phương* làm nòng cốt cho chiến tranh nhân dân địa phương. Có bộ đội địa phương mạnh cùng với lực lượng vũ trang quần chúng rộng khắp tức là có lực lượng xung kích đề vừa củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát triển sản xuất, vừa bảo vệ được địa phương chống giặc ngoài, phòng chống có hiệu quả chiến tranh phá hoại, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, lại tạo điều kiện cho chủ lực cơ động giáng những đòn mạnh vào kẻ thù.

Tùy theo vị trí của từng địa phương trong thế trận chung của cả nước,

chúng ta tổ chức bộ đội địa phương một cách thích hợp, làm cho bộ đội địa phương có chất lượng cao, tổ chức gọn mạnh, có trang bị phù hợp, được huấn luyện tốt.

Chúng ta phải củng cố, nâng cao hiệu lực của *bộ đội biên phòng*, một thành phần của Quân đội nhân dân, một lực lượng vũ trang chuyên trách công tác quản lý, bảo vệ an ninh vùng biên giới của đất nước cả trên đất liền và vùng biển. Phải xây dựng bộ đội biên phòng đủ mạnh bảo đảm làm tròn được chức năng quan trọng mang tính chất an ninh, quốc phòng và đối ngoại, trong cả thời bình cũng như khi có chiến tranh.

Đi đôi với việc xây dựng lực lượng thường trực đủ sức mạnh để bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân, chúng ta khôn trương xây dựng lực lượng hậu bị đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu, mở rộng quân đội khi cần thiết.

Lực lượng hậu bị cần được xây dựng có chất lượng tốt, tổ chức và quản lý chặt chẽ, huấn luyện chu đáo, có kế hoạch tập trung thống nhất động viên nhanh chóng lực lượng này cùng với những phương tiện vật chất cần thiết để mở rộng quân đội khi có chiến tranh và trong quá trình chiến tranh. Việc gọi thanh niên nhập ngũ và việc bố trí, sử dụng, quản lý các sĩ quan hết hạn phục vụ và các chiến sĩ đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự hàng năm trở về địa phương đều cần làm tốt.

Nếu như việc tổ chức quân đội nhân dân phải bảo đảm tỷ lệ cần đòi với khả năng kinh tế của đất nước, thì việc xây dựng *lực lượng vũ trang quần chúng* không thoát ly sản xuất lại có điều kiện thuận lợi để phát triển đông đảo, rộng khắp và mạnh mẽ.

Dân quân, tự vệ, một lực lượng chiến lược, là công cụ bạo lực của Đảng và chính quyền ở cơ sở, có vai trò nòng

cốt cả trong sản xuất, quốc phòng và an ninh, là một chỗ dựa của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, trường học rèn luyện con người mới ở cơ sở. Trong những năm tới, đi đôi với việc phát triển dân quân, tự vệ với số lượng cần thiết phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương, cần tập trung nâng cao chất lượng dân quân, tự vệ về mọi mặt, nhất là chất lượng chính trị, bảo đảm tin cậy. Việc xây dựng đó phải kết hợp và dựa vào kết quả của việc xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh về mọi mặt, gắn liền với việc thực hiện ba cuộc cách mạng ở cơ sở. Đối với vùng xung yếu, cần thường xuyên tập trung chỉ đạo xây dựng dân quân, tự vệ cho thật vững mạnh.

Với lực lượng dân quân, tự vệ hùng hậu ở từng cơ sở, với lực lượng dân quân cơ động ở mỗi xã cộng với lực lượng hậu bị có thể động viên nhanh chóng kịp thời, lại có sự liên kết chặt chẽ tất cả các lực lượng vũ trang của địa phương trong thể trận chung, mỗi địa phương tỉnh, huyện sẽ có một sức mạnh rất to lớn chưa lường hết được để chủ động đối phó với mọi tình huống.

Các thứ quân được *bố trí hợp lý* trên cả nước và ở từng chiến trường, từng địa phương, hình thành lực lượng cơ động và lực lượng tại chỗ, tạo nên một thể chiến lược vững chắc của chiến tranh nhân dân để giữ vững quyền làm chủ và chủ động tiến công quân xâm lược trong mọi tình huống.

Trong tình hình chung của đất nước hiện nay, chúng ta cần nghiên cứu giải quyết tốt mối *quan hệ giữa số lượng và chất lượng* của các lực lượng vũ trang. Một mặt, phải thấy rằng những nhiệm vụ rộng lớn của quân đội, những đòi hỏi cao của việc huấn luyện bộ đội, sự cần thiết sống còn của yêu cầu cảnh giác buộc chúng ta

phải duy trì một quân đội thường trực chính quy với số lượng đủ đối phó với mọi tình huống. Nhưng mặt khác cũng cần nắm vững mối quan hệ cân đối giữa xây dựng quân đội và khả năng kinh tế của đất nước, có cân nhắc đầy đủ mọi yếu tố, tính toán chặt chẽ.

Số lượng là quan trọng, nhưng không thể đơn thuần chạy theo số lượng, mà phải luôn luôn coi trọng chất lượng, lấy chất lượng làm chính. Cần đi vào nhiệm vụ, dự đoán về địch, khả năng kinh tế của đất nước, chất lượng của các lực lượng vũ trang, thực trạng của tổ chức phòng thủ và thế trận chiến tranh nhân dân, số lượng và chất lượng quân hậu bị..., mà quy định số lượng thích hợp và cần thiết về quân thường trực. Với số lượng đó, cần tập trung nâng cao chất lượng để tăng cường mạnh mẽ sức chiến đấu, tạo nên hiệu suất chiến đấu cao. Chúng ta lấy nhỏ đánh lớn, cho nên xưa nay bao giờ cũng lấy chất lượng cao thắng số lượng đông.

Chất lượng của các lực lượng vũ trang bao gồm cả những yếu tố tạo thành sức mạnh vật chất kỹ thuật và những yếu tố tạo thành sức mạnh chính trị, tinh thần, cả những yếu tố về tổ chức cũng như những yếu tố về tư tưởng. Những yếu tố nói trên có phần do các lực lượng vũ trang, có phần do toàn xã hội tạo ra. Vì vậy việc nâng cao chất lượng của các lực lượng vũ trang một mặt phải do các lực lượng vũ trang tự giải quyết với nỗ lực chủ quan và trách nhiệm cao nhất của mình, mặt khác, phải có sự tham gia tích cực và thường xuyên của các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền, các đoàn thể quần chúng, các ngành và các địa phương.

Chúng ta đặt vấn đề *nâng cao chất lượng của các lực lượng vũ trang một cách toàn diện bằng những biện pháp tổng hợp và đồng bộ*. Kết hợp trang bị tăng cường những vũ khí và phương

tiện chiến tranh ngày càng hiện đại với tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ bảo đảm hậu cần - kỹ thuật cho bộ đội, và nâng cao chất lượng huấn luyện quân sự, làm cho bộ đội làm chủ mọi vũ khí và trang bị kỹ thuật, nắm vững khoa học và nghệ thuật quân sự của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; làm chủ những cách đánh có hiệu suất cao. Phát huy cao độ hiệu lực của công tác Đảng - công tác chính trị, xây dựng các đảng bộ trong quân đội vững mạnh, đặt tài nghệ và bản lĩnh chiến đấu của quân đội trên một nền tảng chính trị, tư tưởng và tổ chức vững chắc, bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ. Kết hợp công tác tư tưởng, động viên và cổ vũ cán bộ, chiến sĩ đem hết nhiệt tình và trách nhiệm xây dựng quân đội lớn mạnh với chăm lo chu đáo đời sống vật chất, tinh thần của bộ đội, đồng thời có những chỉnh sachs thích hợp đối với các lực lượng vũ trang.

Để nâng cao chất lượng lực lượng vũ trang, còn phải giải quyết những vấn đề tổ chức một cách khoa học và cách mạng, xây dựng cơ cấu tổ chức cân đối và hợp lý, biên chế gọn, nhẹ, mạnh, cơ chế quản lý, chỉ huy chặt chẽ, có hiệu lực, bảo đảm tổ chức mạnh và từng người mạnh, cơ quan mạnh và đơn vị mạnh, binh đoàn mạnh và cơ sở mạnh.

Trong việc nâng cao chất lượng lực lượng vũ trang, cần chú ý là các thứ quân có *giàu cầu khác nhau* tùy theo chức năng và nhiệm vụ. Bộ đội chủ lực phải có khả năng tiêu diệt những lực lượng lớn của địch, bảo vệ vững chắc những địa bàn chiến lược của ta. Bộ đội địa phương phải có đủ sức mạnh làm nòng cốt cho chiến tranh nhân dân địa phương. Bộ đội biên phòng phải bảo đảm làm tròn nhiệm vụ nòng cốt trong quản lý, bảo vệ chủ quyền đất nước. Dân quân, tự vệ phải xứng đáng là nòng

cối thực hiện vũ trang toàn dân, toàn dân đánh giặc ở cơ sở.

Chất lượng phải thể hiện ở tư thế sẵn sàng chiến đấu cao, sẵn sàng cả về tư tưởng và tổ chức, về lực lượng và thể trận, về người và vũ khí, đánh thắng mọi hành động phá hoại và xâm lược của địch bất kỳ thời gian nào, trên quy mô nào, bất kỳ từ đâu tới và bằng lực lượng gì.

Trong việc nâng cao chất lượng của các lực lượng vũ trang, thì nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là *vấn đề then chốt nhất*. Đội ngũ cán bộ là nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân. Cán bộ quân đội phải tiêu biểu cho quân đội nhân dân chính quy, hiện đại, cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Phải nắm vững đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng, khoa học, nghệ thuật quân sự, khoa học kỹ thuật quân sự của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Phải gắn bó chặt chẽ với chiến sĩ, với nhân dân, giữ vững lối sống trong sạch, giản dị. Nói tóm lại là phải có đủ tư cách và năng lực hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới của cách mạng.

Phải quan tâm đầy đủ tăng cường công tác cán bộ, một công tác có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp xây dựng lực lượng vũ trang.

Trong những năm tới, chúng ta tập trung sức thực hiện nghị quyết của Bộ chính trị về công tác tổ chức theo các nội dung đã được cụ thể hóa. Đưa công tác quy hoạch cán bộ vào chiều sâu; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; xây dựng quy chế và nền nếp quản lý theo cơ chế mới; chấn chỉnh hệ thống nhà trường quân đội, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có số lượng đủ với cơ cấu hợp lý và có chất lượng ngày càng cao, có phẩm chất, đạo đức tốt, vững vàng về chính trị, có năng lực tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ, tuổi

và sức khỏe phù hợp, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ.

3 - *Củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh gắn chặt với việc xây dựng đất nước mạnh lên về kinh tế*

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh là nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên và lâu dài của nhân dân ta trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là nhiệm vụ khẩn trương cấp bách trong tình hình hiện nay. Chúng ta biết rằng chiến tranh chỉ diễn ra trong từng thời gian nhất định. Nhưng chừng nào chủ nghĩa bành trướng và bá quyền còn thống trị ở Trung quốc, trên thế giới còn chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác, thì chúng ta còn phải quan tâm đầy đủ đến việc tăng cường sức mạnh phòng thủ, giữ gìn an ninh của Tổ quốc.

Tổ tiên ta đã để lại nhiều kinh nghiệm về vấn đề này. Sau khi chiến thắng quan xâm lược của các triều Hán, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, tổ tiên ta đã giữ đất nước thái bình từ hàng chục năm đến ba thế kỷ.

Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, nước Việt nam với đất đai mầu mỡ, rừng vàng, biển bạc là đối tượng nhòm ngó, bành trướng không bao giờ dứt của giai cấp thống trị Trung quốc. Ý thế nước lớn, dân đông, quân nhiều, mặc dù thất bại nối tiếp thất bại, chúng chết mà nết bành trướng, xâm lược không chừa. Để tồn tại và phát triển bên cạnh một kẻ láng giềng như vậy, tổ tiên ta không thể không giải quyết tốt vấn đề dựng nước mạnh, giữ nước bền.

Tất yếu lịch sử, nhu cầu thực tiễn, ý chí làm chủ đất nước và trí tuệ Việt nam đã sản sinh ra biết bao sáng kiến: đắp thành kết hợp với trị thủy, phát triển giao thông vận tải để thuận tiện cho việc điều binh; xây dựng thế trận làng - nước trùng điệp... Đặc biệt là chính sách "ngụ binh ư nông", một chính sách kết

hợp kinh tế với quốc phòng, đã được hoàn chỉnh từng bước trở thành quy chế và phát huy hiệu lực to lớn qua nhiều thử thách của chiến tranh. Với chính sách này, ông cha ta đã gắn chặt tổ chức quân sự với tổ chức kinh tế, bảo đảm kết hợp lực lượng sản xuất với lực lượng chiến đấu, duy trì được một lực lượng thường trực gọn, mạnh sẵn sàng chiến đấu. Đồng thời có lực lượng hậu bị đông đảo đã được huấn luyện quân sự, dễ dàng huy động chủ động đối phó với mưu đồ bành trướng của kẻ thù lớn mạnh ngay trước cửa ngõ. Trần Hưng Đạo trước khi mất còn để lại di chúc về thượng sách giữ nước, lấy việc khoan thư sức dân làm kế rã sâu gốc vững. Dù thấy trong hoàn cảnh chưa có chiến tranh xâm lược, dân tộc ta ngày xưa vẫn ngày đêm lo nghĩ kế sách bảo vệ quyền sống, quyền làm chủ quê hương đất nước.

Sơ với ông cha ta ngày trước, ngày nay chúng ta có những khả năng mới và sức mạnh mới để xây dựng một nền quốc phòng vững mạnh, phát triển cao nhất trong lịch sử. Đó là nền quốc phòng toàn dân, toàn diện và hiện đại, mang bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.

Xây dựng quốc phòng có nhiều nội dung mới: từ xây dựng tiềm lực, xây dựng hệ thống công nghiệp quốc phòng, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, chuẩn bị đất nước sẵn sàng và sẵn sàng chuyển từ thời bình sang thời chiến, đến việc thể chế hóa, kế hoạch hóa, tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm nhưng đây là nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp bách cần phải vừa làm vừa học.

Chúng ta đặt vấn đề củng cố quốc phòng gắn chặt với xây dựng kinh tế. Bởi vì cơ sở của sức mạnh quốc phòng là chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, là kết quả tổng hợp của ba

cuộc cách mạng. Đây mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước và ở từng địa phương mới tạo ra sức mạnh tổng hợp của quốc phòng. Có nền quốc phòng mạnh mới bảo vệ được thành quả của cách mạng của nhân dân ta, bảo đảm điều kiện hòa bình và an ninh để xây dựng đất nước.

Tuy vậy không phải cứ có kinh tế mạnh là có quốc phòng mạnh, mà phải có ý thức, có kế hoạch tổ chức, chuẩn bị điều kiện và tiềm lực sẵn sàng chuyển thành sức mạnh quân sự khi có chiến tranh.

Vì vậy phải kết hợp kinh tế với quốc phòng, khéo kết hợp giải quyết một cách thích đáng những yêu cầu riêng khác nhau của kinh tế và của quốc phòng nhằm đạt tới: mỗi bước phát triển của công cuộc xây dựng đất nước tạo thêm điều kiện cho khả năng bảo vệ Tổ quốc; mỗi bước tăng cường sức mạnh kinh tế là một bước nâng cao sức mạnh quốc phòng; trong khi tập trung xây dựng vẫn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu cao.

Chúng ta kết hợp kinh tế và quốc phòng trong kế hoạch dài hạn và ngắn hạn bằng những phương thức và bước đi thích hợp.

Quá trình xây dựng cơ cấu công nông nghiệp cũng đồng thời là quá trình xây dựng nền quốc phòng vững mạnh, thống nhất xây dựng một thể bố trí chiến lược về kinh tế và quốc phòng trên phạm vi cả nước và trên từng địa phương theo một chiến lược kinh tế và quân sự thông nhất. Cả các ngành kinh tế trung ương và kinh tế địa phương đều có nhiệm vụ đáp ứng đầy đủ và kịp thời những nhu cầu của quân đội và quốc phòng, thực hiện các chính sách hậu phương quân đội, giải quyết hậu cần tại chỗ cho công cuộc phòng thủ. Kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang gắn chặt với kế hoạch Nhà nước để các ngành kinh tế của Nhà nước phục vụ tốt nhiệm

vụ củng cố quốc phòng xây dựng lực lượng vũ trang. Về phần mình, lực lượng vũ trang phải phấn đấu để giảm bớt chi phí của Nhà nước đối với quân đội, và trong khi làm nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, phải tham gia xây dựng kinh tế một cách tích cực và có hiệu quả, với những phương thức thích hợp.

Chúng ta đặt vấn đề củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với việc xây dựng kinh tế trên phạm vi cả nước, trong từng địa phương cũng như ở cơ sở, bảo đảm cho cả nước vừa xây dựng được cơ cấu kinh tế ngày càng phát triển, vừa củng cố được thế trận phòng thủ ngày càng vững chắc.

Xây dựng và củng cố quốc phòng là nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược của mọi kẻ thù trong bất kỳ tình huống nào.

Cho nên trong khi xây dựng tiềm lực mọi mặt của quốc phòng (tiềm lực chính trị - tinh thần, tiềm lực kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật, tiềm lực quân sự), phải sẵn sàng đề nhanh chóng động viên những tiềm lực ấy thành sức mạnh của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Cả nước và từng địa phương phải được chuẩn bị sẵn sàng và sẵn sàng chuyển từ thời bình sang thời chiến, thể hiện bằng các kế hoạch: kế hoạch phòng thủ đất nước, kế hoạch chuẩn bị động viên quân đội, kế hoạch động viên kinh tế, kế hoạch phòng thủ dân sự...

Gắn liền với các kế hoạch đó phải chuẩn bị sẵn kế hoạch chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến.

Thực hiện đầy đủ, chu đáo, kịp thời những công việc nói trên, chúng ta mới động viên được toàn bộ tiềm lực quốc phòng để bước vào chiến tranh một cách chủ động, có tổ chức, có đủ sức mạnh đánh thắng kẻ thù xâm lược trong bất cứ tình huống nào, duy trì được hoạt động của đất

nước trong chiến tranh với tổn thất ít nhất.

Trong xây dựng và củng cố quốc phòng, chúng ta chuẩn bị cho từng người dân, từng cơ sở sẵn sàng đánh địch. Cho nên hết sức coi trọng xây dựng sức mạnh tại chỗ của các địa phương, nhất là *trên địa bàn huyện*.

Sức mạnh tại chỗ là sức mạnh tiến công địch nhanh nhất, kịp thời nhất. Sức mạnh đó cũng là sức mạnh tổng hợp cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và quốc phòng. Chính vì vậy Đảng ta chủ trương xây dựng huyện thành những cứ điểm mạnh phát triển kinh tế và pháo đài vững chắc bảo vệ Tổ quốc; xây dựng cơ sở vừa là đơn vị sản xuất, vừa là đơn vị chiến đấu.

Việc phân bổ lại lao động, dân cư ở từng vùng cần kết hợp đáp ứng yêu cầu xây dựng và tổ chức lực lượng chiến đấu (cả về số lượng và chất lượng) của chiến tranh nhân dân địa phương. Việc xây dựng và bố trí các cơ sở kinh tế, văn hóa và hệ thống cấu trúc hạ tầng phải đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân, đồng thời tạo điều kiện bảo đảm hậu cần, bảo đảm kỹ thuật, khả năng cơ động và hệ thống chỉ huy cho chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Trong công tác giáo dục của các trường ở địa phương, cần tăng cường giáo dục lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, giáo dục về ý thức quốc phòng, cải tiến nội dung giáo dục quân sự phổ cập, và ở những nơi có điều kiện cần phát triển các môn thể thao quốc phòng... Quân đội nhân dân, trong phạm vi khả năng của mình, góp phần tích cực vào việc xây dựng sức mạnh tại chỗ của địa phương.

Chúng ta cần tận dụng những thuận lợi mới được tạo ra, khắc phục mọi khó khăn, tiếp tục xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân bao gồm xây dựng các tuyến phòng thủ, làng, bản, xã chiến đấu, cụm chiến đấu liên hoàn,

pháo đài quân sự huyện, xây dựng các vùng chiến lược vững mạnh, trước hết là ở các địa bàn trọng điểm. Xây dựng một thể trận có thể kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực, bảo đảm làm chủ vững chắc, tiến công mạnh mẽ.

Công cuộc củng cố quốc phòng liên quan đến toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội. Chúng ta thiết lập cơ chế xây dựng quốc phòng từ trung ương đến cơ sở; có kế hoạch ngắn hạn và dài hạn được xác định trong kế hoạch Nhà nước và biến thành pháp lệnh, có bảo đảm vật chất để thực hiện và định kỳ soát xét lại, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình phát triển.

Sức mạnh quốc phòng của chúng ta còn là sức mạnh của khối liên minh đặc biệt của ba nước Việt nam, Lào và Cam-pu-chia anh em, của quan hệ đoàn kết, liên minh, hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Vì vậy, cũng có khối liên minh của ba nước Đông dương ngày càng vững mạnh, tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ cơ bản trong sự nghiệp củng cố quốc phòng.

Quân đội nhân dân chúng ta có một nhiệm vụ quan trọng là tích cực tham gia xây dựng kinh tế. Quân đội nhân dân vừa là công cụ đặc lực của chuyển chính vô sản, vừa là một lực

lượng xung kích trên mặt trận xây dựng kinh tế.

Đó là sự thể hiện chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, cũng là một vấn đề thuộc bản chất của quân đội nhân dân. Quân đội tham gia xây dựng kinh tế là để đáp ứng một phần những nhu cầu của bản thân quân đội, đồng thời góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội chung của đất nước. Dựa trên cơ sở tính toán hợp lý thời gian, lực lượng, hình thức, đặc điểm nhiệm vụ, địa bàn, tổ chức và khả năng mà xác định việc tham gia của mình. Các kế hoạch sản xuất, xây dựng của quân đội cần gắn với kế hoạch kinh tế quốc dân của cả nước, của từng ngành, từng địa phương, nhằm đạt cho được năng suất, chất lượng, hiệu quả, và trong thực hiện cần áp dụng các chế độ, chính sách quy định của Nhà nước.

Tiết kiệm là một quốc sách của chúng ta. Trong xây dựng quân đội, trong mọi chi phí cho quốc phòng, phải triệt để thực hành tiết kiệm sức người, sức của.

Quân đội phải tích cực góp phần xây dựng hậu phương vững mạnh, một nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của chiến tranh. Các đơn vị bộ đội đứng chân ở địa bàn nào đều có trách nhiệm góp phần xây dựng địa phương về chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, làm cho địa phương ngày càng giàu mạnh, văn minh, an ninh trật tự.



Toàn dân làm quốc phòng, toàn dân đánh giặc là truyền thống đặc sắc của dân tộc ta, thể hiện tinh thần làm chủ sự nghiệp giữ nước của nhân dân ta và cũng đã trở thành một nội dung cơ bản trong học thuyết quân sự Mác-Lê-nin ở Việt nam.

Nền quốc phòng của chúng ta, các lực lượng vũ trang của chúng ta, chiến tranh mà chúng ta tiến hành để bảo vệ Tổ quốc chống kẻ thù xâm lược đều là của dân, do dân, vì dân. Cho nên nhiệm vụ củng cố quốc phòng, xây dựng các lực lượng vũ

trang, đánh giặc giữ nước, là nhiệm vụ chung của toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Những công việc nêu trên nhằm tiếp tục củng cố quốc phòng, xây dựng các lực lượng vũ trang là hết sức to lớn, khó khăn và phức tạp, vừa cơ bản, vừa cấp bách, đòi hỏi mỗi người, mỗi ngành, mỗi địa phương, toàn dân và cả nước cùng làm. Ngay cả những việc chủ yếu do quân đội thực hiện cũng phải có sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp, giúp đỡ của các lực lượng khác, mới có thể mang lại kết quả mong muốn.

Thực tế lịch sử đã chứng minh sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Trước kia, hiện nay và mãi mãi là như vậy.

Trong 40 năm qua, Ban chấp hành trung ương Đảng mà thường xuyên trực tiếp là Bộ chính trị đã lãnh đạo chặt chẽ công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, củng cố nền quốc phòng toàn dân và tiến hành các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Đảng ta đã xác định một cách đúng đắn sáng tạo, đường lối và nhiệm vụ quân sự, khoa học và nghệ thuật quân sự đi từ những vấn đề cơ bản trong đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng của Đảng.

Ngày nay, trong giai đoạn mới của cách mạng, những yêu cầu khách quan của tình hình và nhiệm vụ đòi hỏi phải *tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo vững chắc của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng và sức mạnh phòng thủ của đất nước, sức mạnh chiến đấu của quân đội.*

Các cấp ủy Đảng, các ngành, các địa phương *phát huy cao độ trách nhiệm* trong việc lãnh đạo tổ chức và điều hành công việc xây dựng quốc

phòng, xây dựng lực lượng vũ trang ở trên địa bàn mình, trong ngành mình, thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý đối với sự nghiệp giữ nước.

Giữ nước là sự nghiệp của quần chúng. Toàn dân ta nêu cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, ý thức không có gì quý hơn độc lập tự do, đem hết tinh thần và sức lực, đóng góp sức người, sức của củng cố quốc phòng, thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ và quyền lợi đã được pháp luật quy định đối với việc bảo vệ Tổ quốc. Tinh thần này phải được thể hiện thành *một phong trào quần chúng sâu rộng củng cố quốc phòng và an ninh*, kết hợp với phong trào toàn dân làm kinh tế, xây dựng đất nước. Nội dung cơ bản của phong trào này là, lúc bình thường, toàn dân lo việc quốc phòng, xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng kết hợp với lao động sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt và sẵn sàng chiến đấu; khi chiến tranh xảy ra, thì cả nước dồn sức ra tiền tuyến đánh giặc giữ nước.

Nhân dân ta đã nhiều lần phải chống ngoại xâm, cho nên không mong muốn gì hơn là có điều kiện hòa bình để xây dựng đất nước, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Nhưng chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung quốc cầu kết với chủ nghĩa đế quốc Mỹ đang ra sức phá hoại công cuộc lao động sáng tạo của nhân dân ta, lấn lē xâm lược nước ta, đe dọa sự sống còn của Tổ quốc ta.

Chúng ta có đầy đủ quyết tâm, có kế hoạch và biện pháp cụ thể làm mọi việc cần thiết để bảo đảm cho Tổ quốc Việt nam giàu mạnh và được bảo vệ vững chắc, nhân dân Việt nam đời đời được sống trong độc lập, tự do.

**CHUẦN BỊ ĐẤT NƯỚC SẴN SÀNG ĐỘNG VIÊN CHIẾN TRANH,
BẢO VỆ YŨNG CHẮC TÒ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

LÊ TRỌNG TẤN

SAU tiếng gọi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân ta không có nguyên vọng nào tha thiết hơn là được tập trung sức xây dựng lại đất nước, tạo nên cuộc sống ấm no, hạnh phúc trong hòa bình. Để tập trung được thống nhất lực lượng và công sức của nhân dân cả nước, Đảng không được bỏ qua những điều kiện thuận lợi nhất và kết quả của hòa bình thương mại quốc tế với đế quốc Mỹ. Đại thắng mùa xuân đã đem đến cho ta những cơ hội và lợi thế xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa.

[illegible]

Ở khu vực Đông Nam châu Á và Đông Nam Á cũng diễn ra một cuộc đấu tranh gay gắt giữa phong trào dân tộc và chủ nghĩa xã hội với các chính quyền, ba quốc gia này đều kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động.

[illegible]

Tuy đã thất bại thảm hại trong hai cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam, bọn phản động Trung quốc vẫn khư khư ôm giấc mộng thôn tính nước ta. Trước những khó khăn trong nước và trên quốc tế, đề che đậy bộ mặt phản động xấu xa, giới cầm quyền Trung quốc buộc phải có một số thay đổi về sách lược trong công tác đối ngoại với một số nước. Nhưng đối với Việt nam, chiến lược và sách lược của chúng không có gì thay đổi.

Phân tích đúng đắn tình hình nói trên, Đảng ta xác định: đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn hành tẩu. bá quyền Trung quốc cấu kết với đế quốc Mỹ, đồng thời phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây ra chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Vì vậy, hai nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay gắn bó chặt chẽ với nhau và tác động lẫn nhau.

Nhân dân ta từ xưa đã có kinh nghiệm gắn chặt xây dựng đất nước với bảo vệ đất nước. Đấu tranh, đề dựng nước và giữ nước gắn liền với nhau đã trở thành quy luật tồn tại và phát triển, thành truyền thống của dân tộc Việt nam qua mấy ngàn năm lịch sử. Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quy luật và truyền thống đó đang được vận dụng và phát huy ở một trình độ mới cao hơn trên cơ sở sức mạnh tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và sức mạnh của thời đại.

Điều mấu chốt ở đây là chúng ta phải thực hiện đồng thời và gắn bó chặt chẽ với nhau hai nhiệm vụ chiến lược để giải quyết cả hai yêu cầu xây dựng kinh tế và bảo vệ Tổ quốc, từng bước tạo được một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa giàu mạnh và một nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, hiện đại, luôn luôn sẵn sàng đồng viên sức

mạnh vật chất và tinh thần của cả nước cho chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống quân hành tẩu Trung quốc xâm lược trong bất cứ tình huống nào. Những gì mà chúng ta đã và đang giành được trên mặt trận kinh tế trong những năm vừa qua đều là những thắng lợi quan trọng, tạo cơ sở vững chắc để chúng ta tiếp tục tiến lên. Tiềm lực về kinh tế và quốc phòng của ta đã tăng được một mức đáng kể. Sự đoàn kết và hợp tác chặt chẽ với Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa là một bảo đảm vững chắc để phát triển tiềm lực kinh tế và quốc phòng của nước ta. Khối liên minh đặc biệt giữa ba nước Việt nam — Lào — Cam-pu-chia trên bán đảo Đông dương ngày càng vững chắc đã tạo nên thế và lực mới cho cách mạng mỗi nước và cho cách mạng ba nước. Chúng ta lại có những kinh nghiệm và truyền thống quý báu của những cuộc chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong 40 năm qua. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng, những nhân tố ấy được phát huy sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng đất nước và chuẩn bị đất nước cho một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trước sự đe dọa thường xuyên của kẻ thù ở ngay bên cạnh chúng ta.

Đương nhiên, muốn làm được như vậy, chúng ta còn phải khắc phục nhiều khó khăn to lớn. Khó khăn lớn nhất và cũng là nguyên nhân sâu xa của những khó khăn cụ thể khác là chúng ta từ một nền sản xuất nhỏ đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, cùng một lúc phải đáp ứng những yêu cầu cơ bản và cấp thiết của cả hai mặt xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những khó khăn này là những khó khăn trong quá trình phát triển đi lên. Nhưng nếu không nhận thức đúng đắn sự kết hợp chặt chẽ và biện chứng giữa hai nhiệm vụ chiến lược, coi nhẹ một

nhệm vụ nào, thậm chí đối lập hai nhệm vụ đó với nhau, nhất là thiếu những biện pháp tích cực và có hiệu lực để thực hiện sự kết hợp đó, thì sẽ dẫn tới hậu quả khó lường trước được. Kinh tế và quốc phòng trong chế độ xã hội chủ nghĩa về cơ bản là thống nhất với nhau. Nếu nhận thức đúng và có những biện pháp tích cực và có hiệu lực thì không những chúng ta có thể khắc phục được mặt mâu thuẫn, mà còn phát huy mặt thống nhất, để kinh tế và quốc phòng thúc đẩy nhau phát triển. Trong thực tế, có những nơi đã làm tốt sự kết hợp này, nhưng cũng có không ít nơi làm chưa tốt, thậm chí tách rời hoặc đối lập.

Công tác chuẩn bị đất nước đối phó với một cuộc chiến tranh xâm lược trong tình hình hiện nay rõ ràng là phải thật tích cực, chu đáo. Bác Hồ kính yêu đã từng căn dặn chúng ta: « Bất kỳ hòa bình hoặc chiến tranh, ta cũng phải nắm vững chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước » (1).

Lịch sử các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là lịch sử cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của Liên xô đã cho ta thấy: quá trình và kết quả của chiến tranh phụ thuộc vào trình độ hiểu biết của nhân dân về tính chất, mục đích, yêu cầu chiến tranh, thái độ của họ đối với chiến tranh và mức độ chuẩn bị, sử dụng những khả năng của đất nước, trong đó chủ yếu là khả năng về kinh tế để chiến thắng quân thù.

Vì vậy, dù khó khăn thế nào ngay từ trong thời bình chúng ta cũng phải chuẩn bị đất nước với những nội dung cần thiết, biện pháp thiết thực nhằm đáp ứng kịp thời những yêu cầu của cuộc chiến tranh chống xâm lược của kẻ thù là bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc. Chúng ta cần làm cho cán bộ và nhân dân thấy rõ tính chất, yêu cầu, đặc điểm của cuộc

chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nhất là những đòi hỏi mới của nó so với chiến tranh giải phóng dân tộc. Những hiểu biết và kinh nghiệm về chiến tranh giải phóng dân tộc của chúng ta là rất quý. Song nếu chỉ dừng lại ở đó, thì không nhận thức được đầy đủ, đúng đắn đối với công tác chuẩn bị đối phó với chiến tranh hiện nay, và cũng khó mà vận dụng tốt những hiểu biết và kinh nghiệm của chúng ta trước đây.

Cũng như chiến tranh giải phóng dân tộc trước đây, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay là chiến tranh nhân dân do Đảng ta lãnh đạo, tuân theo những quy luật chung của chiến tranh nhân dân, được vận dụng vào điều kiện cụ thể của nước ta. Đó là cuộc chiến tranh cách mạng chính nghĩa, tự vệ, cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, hiện đại và liên minh.

Song xét về đối tượng tác chiến, mục tiêu của chiến tranh, trạng thái ban đầu và quá trình phát triển của chiến tranh, nó có những điểm khác với chiến tranh giải phóng dân tộc.

Quân đội Trung quốc tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta là đội quân phi nghĩa, phản bội, nhưng là một đội quân đông, mang bản chất phản động, được kích thích bởi tinh thần dân tộc đại Hán, cho nên rất hung hăng, tàn bạo. Chúng ở liền đất, liền trời, liền biển với ta. Chúng lại có kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác trong khu vực. Bọn phản động Trung quốc đã từng là bạn của ta, nay chuyển thành thù, cho nên có điều kiện để thực hiện âm mưu nham hiểm đối với nước ta là kết hợp tiến công từ ngoài vào với gây bạo loạn lật đổ từ trong.

Mục tiêu chiến lược của ta là phải tiêu diệt địch, nhưng lại phải bảo vệ

(1) Hồ Chí Minh: *Chiến tranh nhân dân Việt nam*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 1980, trang 334.

chủ quyền (vùng đất, vùng trời, vùng biển) đồng thời phải bảo vệ dân, bảo vệ các cơ sở kinh tế, chính trị, quốc phòng, giữ vững hậu phương của từng chiến trường và hậu phương chung cả nước. Chúng ta phải đánh địch trong không gian rộng lớn, cả ở tuyến trước và tuyến sau, theo chiều dài của đất nước, vừa đánh địch ở tiền tuyến, vừa sẵn sàng chống bạo loạn ở phía sau.

Vì vậy, cuộc chiến tranh sẽ diễn ra quyết liệt ngay từ đầu và trong suốt cả quá trình chiến tranh (đặc biệt quyết liệt ngay từ trận đầu, trên tuyến đầu) với nhiều tình huống khẩn trương, phức tạp. Điều quan trọng là không được để cho địch chiếm đất, chiếm dân, đánh phá sâu vào bên trong, nếu không, sẽ ảnh hưởng lớn đến thời gian giành thắng lợi của chiến tranh. Điều đó khác nhiều so với chiến tranh giải phóng mà chúng ta tiến hành: từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, đánh kẻ địch đã ở ngay trong đất nước ta, từng bước lấy lại đất, giành lại dân, đi từ thắng lợi từng phần, tiến lên giải phóng toàn đất nước.

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ngày nay phải thực hiện cho được sự kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu giữa chiến tranh nhân dân địa phương và tác chiến của các binh đoàn chủ lực, trong đó tác chiến của các binh đoàn chủ lực giữ vai trò quyết định thắng lợi của chiến tranh.

Nhu cầu về nhân lực, về các điều kiện vật chất, kỹ thuật, và hậu cần... trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sẽ tăng lên rất nhanh với khối lượng rất lớn. Nó đòi hỏi phải có nguồn dự trữ sẵn sàng, đầy đủ và được tổ chức tiếp tế, bổ sung kịp thời đáp ứng những yêu cầu tác chiến hợp đồng quân chủng, binh chủng với quy mô lớn của các lực lượng vũ trang trong suốt cả cuộc chiến tranh, nhất là trong thời kỳ đầu.

Qua một thời gian nghiên cứu và triển khai thực hiện, chúng ta cần thấy đây là một vấn đề mới, khó khăn và phức tạp, là một vấn đề chiến lược lớn, một vấn đề khoa học và nghệ thuật chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Chúng ta cần có sự suy nghĩ tìm tòi không ngừng qua quá trình thực tế kiểm nghiệm, quan tâm lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo, thì công tác chuẩn bị đó mới đem lại kết quả rõ rệt, sử dụng và phát huy được mọi khả năng, tiềm năng hiện có vào sự nghiệp phòng thủ đất nước.



Sức mạnh của sự nghiệp phòng thủ đất nước ta biểu hiện ở sức mạnh quốc phòng gắn liền với sức mạnh kinh tế. Nội dung xây dựng sức mạnh quốc phòng của ta là xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân giữ nước và tiềm lực mọi mặt của đất nước, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng sức mạnh quốc phòng là nhằm đáp ứng những yêu cầu của chiến tranh, song trong thời bình, sức mạnh ấy lại thông qua và biểu hiện tập trung ở nền kinh tế phát triển ngày càng đáp ứng được các yêu cầu của quốc phòng, ở trình độ chuẩn bị sẵn sàng đối phó với chiến tranh của đất nước, sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang, và khi chiến tranh xảy ra, nhanh chóng chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến, chuyển sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân thành sức mạnh tổng hợp lớn nhất của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng kẻ thù.

Vì vậy công cuộc chuẩn bị đất nước sẵn sàng động viên chiến tranh phải được tiến hành một cách chủ động; có tổ chức, trước hết phải thể

hiện bằng quy hoạch và kế hoạch của Nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở, trong các ngành, các tổ chức, từ đơn vị tập thể đến từng người, *đặc biệt phải coi trọng cấp huyện*. Ở đây, vai trò lãnh đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, vai trò tổ chức thực hiện của các cấp chính quyền, đặc biệt là việc thực hiện chức năng của chính quyền đề sử dụng sức mạnh tổng hợp ở từng địa phương và trong cả nước nhằm bảo đảm kế hoạch chuẩn bị đất nước từ trung ương đến cơ sở, có ý nghĩa quyết định.

Công cuộc chuẩn bị đó bao gồm nhiều mặt: chuẩn bị nhân dân, chuẩn bị về kinh tế, chuẩn bị thể trận chiến lược và hậu phương chiến lược, chuẩn bị lực lượng vũ trang... nhưng quan trọng hơn hết là *kế hoạch chuẩn bị động viên nền kinh tế quốc dân, động viên quân đội nhân dân, chuẩn bị phòng thủ dân sự và kế hoạch chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến, bảo đảm cho năm đầu chiến tranh*.

Điều quan trọng trước hết là phải tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, chấp hành triệt để đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, quán triệt và thực hiện tự giác, đầy đủ cả hai nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn mới của cách mạng, vừa sản xuất giỏi, vừa sẵn sàng phục vụ chiến đấu và trực tiếp chiến đấu tốt. Chúng ta giáo dục cho nhân dân ta thấy rõ bộ mặt phản bội và phản động của kẻ thù, từ đó nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức trách nhiệm của mỗi công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời giáo dục tinh thần quốc tế vô sản, sẵn sàng chiến đấu vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội của cả ba nước Đông dương, góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam châu Á và thế giới.

Chúng ta cần đặc biệt quan tâm đến thế hệ trẻ, những lớp người kế tục sự

nghiệp cách mạng của chúng ta. Ràng buộc hình thức thiết thực, phương pháp phù hợp, chúng ta giáo dục, rèn luyện họ trở thành những con người mới xã hội chủ nghĩa mang truyền thống quật cường, bất khuất của dân tộc, bản sắc của người Việt nam, thông minh, sáng tạo, có tri thức khoa học, biết lấy "đại nghĩa thắng hung tàn", trở thành những con cháu của Bác Hồ, trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Chúng ta đều biết chiến tranh là một hiện tượng xã hội, cần bản phụ thuộc vào kinh tế. Đặc biệt trong chiến tranh hiện đại, nhu cầu về bảo đảm vật chất và trang bị kỹ thuật rất lớn, đòi hỏi phải có nguồn dự trữ được tổ chức sẵn. Vì vậy, việc chuẩn bị kinh tế cho động viên chiến tranh là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của công cuộc chuẩn bị đất nước chống xâm lược. Đi đôi với xây dựng và phát triển kinh tế, phải đồng thời chuẩn bị kinh tế cho động viên chiến tranh. Kế hoạch đó phải đáp ứng được những nhu cầu của quốc phòng một cách nhanh chóng nhất, với khối lượng nhân lực, tài lực, vật lực lớn nhất: bảo đảm nhu cầu phòng thủ nhân dân; bảo đảm những nhu cầu bức thiết của nền kinh tế quốc dân và những nhu cầu không thể thiếu được của đời sống nhân dân trong chiến tranh; bảo đảm chuyển hướng nhanh chóng nền kinh tế từ thời bình sang thời chiến một cách có tổ chức, có kế hoạch, tránh được những rối loạn, hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do địch gây ra.

Vì vậy, ở các cấp, các ngành, quy hoạch, kế hoạch kinh tế — xã hội cần kết hợp chặt chẽ với quy hoạch, kế hoạch quốc phòng, nhằm giải quyết các chỉ tiêu về kinh tế và quốc phòng hằng năm và 5 năm theo kế hoạch

chung của Nhà nước. Ngoài việc *bảo đảm thường xuyên nhu cầu của quốc phòng* trong thời bình, các cấp, các ngành đều cần có *kế hoạch động viên kinh tế trước mắt*, tạo ra và nâng dần những điều kiện, khả năng thực hiện *kế hoạch đó ở trung ương cũng như ở từng địa phương* đạt được kết quả tốt nhất khi chiến tranh xảy ra. Đồng thời lại phải có *kế hoạch kinh tế năm đầu chiến tranh* nhằm bố trí lại các mặt cân đối của nền kinh tế quốc dân trong năm đầu chiến tranh. Kế hoạch này thường xuyên được điều chỉnh theo sự phát triển của tình hình và sẵn sàng thực hiện theo lệnh của Nhà nước khi chiến tranh xảy ra, trong đó đặc biệt coi trọng một số ngành chủ chốt có liên quan chặt chẽ đến quốc phòng: công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, thông tin, bưu điện, y tế...

Kế hoạch chuẩn bị động viên của các ngành, các cấp cần có sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thống nhất của Ủy ban kế hoạch Nhà nước và Bộ quốc phòng. Từng thời gian, từng vấn đề, có thể tiến hành động viên thứ đệ rút kinh nghiệm, đánh giá trình độ chuẩn bị sẵn sàng của từng ngành, từng địa phương và bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch.

Đi đôi với việc động viên nền kinh tế quốc dân sẵn sàng chống chiến tranh xâm lược, cần có kế hoạch động viên quân đội nhân dân và thành lập các đơn vị chuyên môn cho thời chiến của các ngành, các địa phương. Để chủ động đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược, việc tổ chức một đội quân thường trực đủ mạnh cả về số lượng và chất lượng là cần thiết. Nhưng khi chưa xảy ra chiến tranh, đội quân thường trực này chỉ cần một lực lượng đủ để sẵn sàng chiến đấu thường xuyên, số còn lại được tổ chức thành lực lượng dự bị, trở về địa phương tham gia sản xuất, công tác. Lực lượng dự bị phải được đăng

ký, tổ chức huấn luyện theo định kỳ, luôn luôn sẵn sàng đáp ứng yêu cầu động viên, khôi phục và mở rộng tổ chức quân đội, theo kế hoạch triển khai chiến lược của cấp trên.

Kế hoạch động viên quân đội nhân dân phải đáp ứng các yêu cầu đủ số lượng, khôi phục, mở rộng, bổ sung quân đội trong thời chiến, nhất là thời kỳ đầu chiến tranh và trong quá trình chiến đấu; bảo đảm đúng chất lượng, theo cơ cấu tổ chức, biên chế, trang bị của quân đội chính quy, hiện đại, có nhiều quân chủng, binh chủng; sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị phải có tinh thần chiến đấu cao, trình độ chỉ huy, chuyên môn, kỹ thuật thành thạo, tùy theo chức trách của mình; bảo đảm động viên được nhanh chóng, đúng kế hoạch, chiến đấu được ngay.

Do cơ cấu tổ chức lực lượng vũ trang của ta có quân đội nhân dân và dân quân tự vệ, cho nên khi động viên lực lượng dự bị, cần chú trọng bảo đảm yêu cầu duy trì và phát triển chiến tranh nhân dân địa phương và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị và kinh tế của địa phương trong thời chiến. Các cấp, các ngành thực hiện những quy định về tổ chức động viên quân đội nhân dân, là dựa vào kế hoạch động viên (đã được Hội đồng bộ trưởng thông qua) của Bộ quốc phòng và của các cơ quan quản lý ngành ở trung ương và các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương. Đây là vấn đề còn rất mới đối với ta, cho nên cần nhanh chóng kiện toàn các tổ chức chuyên trách công tác động viên, đề sớm đi vào nền nếp.

Việc thực hiện đầy đủ luật nghĩa vụ quân sự, luật sĩ quan, tiến hành các công tác đăng ký, thống kê, tổ chức, huấn luyện quân dự bị ở cơ sở, ở các cấp các ngành trong và ngoài quân đội, thực hiện chu đáo các chính sách đối với cán bộ và chiến sĩ xuất ngũ, kịp thời ổn định

đời sống và đăng ký họ vào ngạch dự bị theo thời hạn quy định, cũng có tác dụng rất quan trọng đối với công tác động viên, chuẩn bị chiến tranh.

Chúng ta cần thấy hết tầm quan trọng và yêu cầu khẩn trương của vấn đề chuyển lực lượng vũ trang, đặc biệt chuyển quân đội nhân dân vào tư thế chiến tranh, kịp thời đánh trả quân địch ngay thời kỳ đầu chiến tranh trên tuyến đầu của Tổ quốc, tạo điều kiện cho toàn bộ đất nước chuyển vào thời chiến. Vấn đề này bao gồm việc triển khai lực lượng sẵn có, động viên lực lượng dự bị, khôi phục, mở rộng lực lượng mới theo kế hoạch thời chiến. Đối với chiến tranh hiện đại, việc tổ chức động viên và triển khai lực lượng quân chính quy, tác chiến hợp đồng quân chủng, binh chủng theo quy mô lớn là biện pháp rất quan trọng, rất phức tạp, rất khẩn trương, nhiều khi có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi hay thất bại của chiến tranh. Có thấy rõ những yêu cầu mới, chất lượng mới trong công tác tổ chức, động viên và triển khai lực lượng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc hiện nay so với chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ, thì mới có cách khắc phục khó khăn, làm đầy đủ các quy định thực hiện kế hoạch động viên quân, đội nhân dân, từng bước rút kinh nghiệm, bổ sung, hoàn chỉnh công việc đó.

Để làm tốt công tác chuẩn bị nói trên, việc kết hợp đúng đắn giữa

xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Khi giải quyết vấn đề kinh tế, phải nghĩ đến yêu cầu kết hợp với quốc phòng. Các lực lượng quốc phòng có trách nhiệm tham gia xây dựng kinh tế, tiết kiệm lao động, vật tư, tài chính, đóng góp tích cực nhất cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Kinh tế và quốc phòng mỗi mặt tuy có quy luật riêng, nhưng khi kết hợp, chúng ta phải tìm ra những hình thức và nội dung thích hợp nhất để chúng thúc đẩy lẫn nhau phát triển phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước và phòng thủ đất nước.



Theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, đi đôi với nhiệm vụ xây dựng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, các cấp, các ngành cần nhận rõ trách nhiệm của mình, thường xuyên chuẩn bị mọi điều kiện cho một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc nếu chúng liều lĩnh gây chiến tranh xâm lược. Cần lãnh đạo chặt chẽ, có kế hoạch chu đáo, có biện pháp cụ thể, đề khi cần thiết, có thể nhanh chóng chuyển cấp mình, ngành mình từ thời bình sang thời chiến. Đó cũng là một nhiệm vụ rất quan trọng và cấp bách của các cấp ủy Đảng, chính quyền và của cả các cơ quan quân sự trong tình hình hiện nay.

ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN CƠ CHẾ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI QUÂN ĐỘI

LÊ XUÂN LỰU

I

TRONG mấy chục năm qua, căn cứ vào tình hình cụ thể của chiến tranh cách mạng và của lực lượng vũ trang, Đảng ta đã ba lần thay đổi cơ chế lãnh đạo của mình đối với quân đội. Đáng chú ý là trong một thời gian tương đối dài chúng ta đã thực hiện chế độ "tập thể đảng ủy lãnh đạo, thủ trưởng phân công tổ chức thực hiện theo chức trách" với hệ thống tổ chức dọc cấp ủy Đảng từ Quân ủy trung ương đến tổ chức cơ sở của Đảng và có hệ thống cơ quan chính trị từ cấp trung đoàn trở lên với tính chất là cơ quan giúp đảng ủy và thủ trưởng tiến hành công tác Đảng - công tác chính trị. Chế độ lãnh đạo và chỉ huy đó đã phát huy tác dụng to lớn trong công cuộc xây dựng quân đội và tiến hành chiến tranh cách mạng. Nó phù hợp với những điều kiện lịch sử trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ vừa qua khi mà quy mô tổ chức quân đội phát triển dần từng bước và cũng chưa thật lớn, trang bị chưa thật hiện đại, chiến trường bị chia cắt, bộ đội hoạt động trên từng khu vực, quy mô tác chiến chưa thật lớn, sự hợp đồng tác chiến chưa thật phức tạp...

Bước qua giai đoạn mới của cách mạng, sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc đã có những yêu cầu mới. Sự nghiệp xây dựng ấy có nội dung phong phú hơn và phức tạp hơn. Những nỗ lực quốc phòng phải bao gồm nhiều mặt: quân sự, chính trị - tinh thần, kinh tế và khoa học - kỹ thuật mới tạo ra được tiềm lực cho chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Điều này đòi hỏi Đảng có sự lãnh đạo chặt chẽ, tập trung, thống nhất để phát huy sức mạnh tổng hợp của dân tộc và của thời đại, phát triển một cách cân đối, hài hòa và có hiệu quả nhất sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Nền kinh tế - kỹ thuật của ta hiện nay còn thấp kém, nhưng nhờ sự giúp đỡ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, quân đội ta đang được trang bị nhiều phương tiện chiến đấu hiện đại và đang xây dựng theo phương hướng một quân đội nhân dân, cách mạng, chính quy, hiện đại. Quân đội đó đòi hỏi có sự thống nhất ý chí, thống nhất chỉ huy, kỷ luật nghiêm minh, và nếu chiến tranh xảy ra, tác chiến trong điều kiện hiện đại và quy mô lớn, quân đội phải hành động một cách kiên quyết, khôn

pháo đài quân sự huyện, xây dựng các vùng chiến lược vững mạnh, trước hết là ở các địa bàn trọng điểm. Xây dựng một thể trận có thể kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực, bảo đảm làm chủ vững chắc, tiến công mạnh mẽ.

Công cuộc củng cố quốc phòng liên quan đến toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội. Chúng ta thiết lập cơ chế xây dựng quốc phòng từ trung ương đến cơ sở; có kế hoạch ngắn hạn và dài hạn được xác định trong kế hoạch Nhà nước và biến thành pháp lệnh, có bảo đảm vật chất để thực hiện và định kỳ soát xét lại, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình phát triển.

Sức mạnh quốc phòng của chúng ta còn là sức mạnh của khối liên minh đặc biệt của ba nước Việt nam, Lào và Cam-pu-chia anh em, của quan hệ đoàn kết, liên minh, hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Vì vậy, *củng cố khối liên minh của ba nước Đông dương ngày càng vững mạnh, tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ cơ bản trong sự nghiệp củng cố quốc phòng.*

Quân đội nhân dân chúng ta có một nhiệm vụ quan trọng là *tích cực tham gia xây dựng kinh tế*. Quân đội nhân dân vừa là công cụ đặc lực của chuyên chính vô sản, vừa là một lực

lượng xung kích trên mặt trận xây dựng kinh tế.

Đó là sự thể hiện chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, cũng là một vấn đề thuộc bản chất của quân đội nhân dân. Quân đội tham gia xây dựng kinh tế là để đáp ứng một phần những nhu cầu của bản thân quân đội, đồng thời góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội chung của đất nước. Dựa trên cơ sở tính toán hợp lý thời gian, lực lượng, hình thức, đặc điểm nhiệm vụ, địa bàn, tổ chức và khả năng mà xác định việc tham gia của mình. Các kế hoạch sản xuất, xây dựng của quân đội cần gắn với kế hoạch kinh tế quốc dân của cả nước, của từng ngành, từng địa phương, nhằm đạt cho được năng suất, chất lượng, hiệu quả, và trong thực hiện cần áp dụng các chế độ, chính sách quy định của Nhà nước.

Tiết kiệm là một quốc sách của chúng ta. Trong xây dựng quân đội, trong mọi chi phí cho quốc phòng, phải triệt để thực hành tiết kiệm sức người, sức của.

Quân đội phải tích cực góp phần xây dựng hậu phương vững mạnh, một nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của chiến tranh. Các đơn vị bộ đội dừng chân ở địa bàn nào đều có trách nhiệm góp phần xây dựng địa phương về chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, làm cho địa phương ngày càng giàu mạnh, văn minh, an ninh trật tự.



Toàn dân làm quốc phòng, toàn dân đánh giặc là truyền thống đặc sắc của dân tộc ta, thể hiện tinh thần làm chủ sự nghiệp giữ nước của nhân dân ta và cũng đã trở thành một nội dung cơ bản trong học thuyết quân sự Mác-Lê-nin ở Việt nam.

Nền quốc phòng của chúng ta, các lực lượng vũ trang của chúng ta, chiến tranh mà chúng ta tiến hành để bảo vệ Tổ quốc chống kẻ thù xâm lược đều là của dân, do dân, vì dân. Cho nên nhiệm vụ củng cố quốc phòng, xây dựng các lực lượng vũ

trang, đánh giặc giữ nước, là nhiệm vụ chung của toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Những công việc nêu trên nhằm tiếp tục củng cố quốc phòng, xây dựng các lực lượng vũ trang là hết sức to lớn, khó khăn và phức tạp, vừa cơ bản, vừa cấp bách, đòi hỏi mỗi người, mỗi ngành, mỗi địa phương, toàn dân và cả nước cùng làm. Ngay cả những việc chủ yếu do quân đội thực hiện cũng phải có sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp, giúp đỡ của các lực lượng khác, mới có thể mang lại kết quả mong muốn.

Thực tế lịch sử đã chứng minh sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Trước kia, hiện nay và mãi mãi là như vậy.

Trong 40 năm qua, Ban chấp hành trung ương Đảng mà thường xuyên trực tiếp là Bộ chính trị đã lãnh đạo chặt chẽ công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, củng cố nền quốc phòng toàn dân và tiến hành các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Đảng ta đã xác định một cách đúng đắn sáng tạo, đường lối và nhiệm vụ quân sự, khoa học và nghệ thuật quân sự đi từ những vấn đề cơ bản trong đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng của Đảng.

Ngày nay, trong giai đoạn mới của cách mạng, những yêu cầu khách quan của tình hình và nhiệm vụ đòi hỏi phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo vững chắc của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng và sức mạnh phòng thủ của đất nước, sức mạnh chiến đấu của quân đội.

Các cấp ủy Đảng, các ngành, các địa phương phát huy cao độ trách nhiệm trong việc lãnh đạo tổ chức và điều hành công việc xây dựng quốc

phòng, xây dựng lực lượng vũ trang ở trên địa bàn mình, trong ngành mình, thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý đối với sự nghiệp giữ nước.

Giữ nước là sự nghiệp của quần chúng. Toàn dân ta nêu cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, ý thức không có gì quý hơn độc lập tự do, đem hết tinh thần và sức lực, đóng góp sức người, sức của cùng cố quốc phòng, thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ và quyền lợi đã được pháp luật quy định đối với việc bảo vệ Tổ quốc. Tinh thần này phải được thể hiện thành một phong trào quần chúng sâu rộng củng cố quốc phòng và an ninh, kết hợp với phong trào toàn dân làm kinh tế, xây dựng đất nước. Nội dung cơ bản của phong trào này là, lúc bình thường, toàn dân lo việc quốc phòng, xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng kết hợp với lao động sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt và sẵn sàng chiến đấu; khi chiến tranh xảy ra, thì cả nước dồn sức ra tiền tuyến đánh giặc giữ nước.

Nhân dân ta đã nhiều lần phải chống ngoại xâm, cho nên không mong muốn gì hơn là có điều kiện hòa bình để xây dựng đất nước, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Nhưng chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung quốc cầu kết với chủ nghĩa đế quốc Mỹ đang ra sức phá hoại công cuộc lao động sáng tạo của nhân dân ta, lấn le xâm lược nước ta, đe dọa sự sống còn của Tổ quốc ta.

Chúng ta có đầy đủ quyết tâm, có kế hoạch và biện pháp cụ thể làm mọi việc cần thiết để bảo đảm cho Tổ quốc Việt nam giàu mạnh và được bảo vệ vững chắc, nhân dân Việt nam đời đời được sống trong độc lập, tự do.

CHUẨN BỊ ĐẤT NƯỚC SẴN SÀNG ĐỒNG VIÊN CHIẾN TRANH, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

LÊ TRỌNG TẤN

SAU thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân ta không có nguyện vọng nào tha thiết hơn là được tập trung sức xây dựng lại đất nước, tạo nên cuộc sống ấm no, hạnh phúc trong hòa bình, độc lập, tự do, thống nhất và cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Song không được bao lâu, nhân dân ta lại phải đối phó với kẻ thù mới là bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc cầu kết với đế quốc Mỹ. Đất nước ta phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Sự nghiệp nặng nề, khó khăn ấy lại nằm trong bối cảnh quốc tế, trong nước có nhiều biến động phức tạp. Trên thế giới, đế quốc Mỹ đang đẩy mạnh chạy đua vũ trang, ngoan cố xúc tiến việc đặt các tên lửa tầm trung binh ở châu Âu, mưu toan giành ưu thế quân sự đối với Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đồng thời chia rẽ, nhón vào Liên xô, Việt nam và Cu-ba, phát động các cuộc chiến tranh xâm lược khu vực, gây nên tình hình hết sức căng thẳng, đặt loài người trước nguy cơ một cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt.

Ở khu vực Đông Nam châu Á và Đông dương cũng đang diễn ra một cuộc đấu tranh gay gắt giữa phong trào độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung quốc cầu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác.

Bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc kinh ngày càng cầu kết chặt chẽ với đế quốc Mỹ, đồng thời lợi dụng các chính quyền phản động ở một số nước trong khối ASEAN, tập hợp bọn lưu vong phản động Lào, Cam-pu-chia, Việt nam trên đất Thái lan, móc nối và nuôi dưỡng các lực lượng phản động trong các nước Đông dương. Chúng tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt, phối hợp với những hành động quân sự bắn phá ác liệt, kéo dài, lấn chiếm ở Việt nam: thực hiện những mưu đồ chính trị kết hợp với các hoạt động quân sự chống phá cách mạng Cam-pu-chia và Lào. Chúng tìm mọi cách chia rẽ ba nước Đông dương, chia rẽ Việt nam với Liên xô, tìm mọi cách cô lập Việt nam trên trường quốc tế, hòng làm cho cả ba nước Đông dương trước hết là Việt nam suy yếu, để thực hiện âm mưu thôn tính

Tuy đã thất bại thảm hại trong hai cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam, bọn phản động Trung quốc vẫn khư khư ôm giấc mộng thôn tính nước ta. Trước những khó khăn trong nước và trên quốc tế, để che đậy bộ mặt phản động xấu xa, giới cầm quyền Trung quốc buộc phải có một số thay đổi về sách lược trong công tác đối ngoại với một số nước. Nhưng đối với Việt nam, chiến lược và sách lược của chúng không có gì thay đổi.

Phân tích đúng đắn tình hình nói trên, Đảng ta xác định: đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc cấu kết với đế quốc Mỹ, đồng thời phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây ra chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Vì vậy, hai nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay gắn bó chặt chẽ với nhau và tác động lẫn nhau.

Nhân dân ta từ xưa đã có kinh nghiệm gắn chặt xây dựng đất nước với bảo vệ đất nước. Đấu tranh, đề dựng nước và giữ nước gắn liền với nhau đã trở thành quy luật tồn tại và phát triển, thành truyền thống của dân tộc Việt nam qua mấy ngàn năm lịch sử. Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quy luật và truyền thống đó đang được vận dụng và phát huy ở một trình độ mới cao hơn trên cơ sở sức mạnh tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và sức mạnh của thời đại.

Điều mấu chốt ở đây là chúng ta phải thực hiện đồng thời và gắn bó chặt chẽ với nhau hai nhiệm vụ chiến lược đề giải quyết cả hai yêu cầu xây dựng kinh tế và bảo vệ Tổ quốc, từng bước tạo được một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa giàu mạnh và một nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, hiện đại, luôn luôn sẵn sàng đồng viên sức

mạnh vật chất và tinh thần của cả nước cho chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống quân bành trướng Trung quốc xâm lược trong bất cứ tình huống nào. Những gì mà chúng ta đã và đang giành được trên mặt trận kinh tế trong những năm vừa qua đều là những thắng lợi quan trọng, tạo cơ sở vững chắc để chúng ta tiếp tục tiến lên. Tiềm lực về kinh tế và quốc phòng của ta đã tăng được một mức đáng kể. Sự đoàn kết và hợp tác chặt chẽ với Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa là một bảo đảm vững chắc để phát triển tiềm lực kinh tế và quốc phòng của nước ta. Khối liên minh đặc biệt giữa ba nước Việt nam - Lào - Cam-pu-chia trên bán đảo Đông dương ngày càng vững chắc đã tạo nên thế và lực mới cho cách mạng mỗi nước và cho cách mạng ba nước. Chúng ta lại có những kinh nghiệm và truyền thống quý báu của những cuộc chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong 10 năm qua. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng, những nhân tố ấy được phát huy sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng đất nước và chuẩn bị đất nước cho một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trước sự đe dọa thường xuyên của kẻ thù ở ngay bên cạnh chúng ta.

Đương nhiên, muốn làm được như vậy, chúng ta còn phải khắc phục nhiều khó khăn to lớn. Khó khăn lớn nhất và cũng là nguyên nhân sâu xa của những khó khăn cụ thể khác là chúng ta từ một nền sản xuất nhỏ đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, cùng một lúc phải đáp ứng những yêu cầu cơ bản và cấp thiết của cả hai mặt xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những khó khăn này là những khó khăn trong quá trình phát triển đi lên. Nhưng nếu không nhận thức đúng đắn sự kết hợp chặt chẽ và biện chứng giữa hai nhiệm vụ chiến lược, coi nhẹ một

nhệm vụ nào, thậm chí đối lập hai nhệm vụ đó với nhau, nhất là thiếu những biện pháp tích cực và có hiệu lực để thực hiện sự kết hợp đó, thì sẽ dẫn tới hậu quả khó lường trước được. Kinh tế và quốc phòng trong chế độ xã hội chủ nghĩa về cơ bản là thống nhất với nhau. Nếu nhận thức đúng và có những biện pháp tích cực và có hiệu lực thì không những chúng ta có thể khắc phục được mặt mâu thuẫn, mà còn phát huy mặt thống nhất, để kinh tế và quốc phòng thúc đẩy nhau phát triển. Trong thực tế, có những nơi đã làm tốt sự kết hợp này, nhưng cũng có không ít nơi làm chưa tốt, thậm chí tách rời hoặc đối lập.

Công tác chuẩn bị đất nước đối phó với một cuộc chiến tranh xâm lược trong tình hình hiện nay rõ ràng là phải thật tích cực, chu đáo. Bác Hồ kính yêu đã từng căn dặn chúng ta: «Bất kỳ hòa bình hoặc chiến tranh, ta cũng phải nắm vững chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước» (1).

Lịch sử các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là lịch sử cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của Liên xô đã cho ta thấy: quá trình và kết quả của chiến tranh phụ thuộc vào trình độ hiểu biết của nhân dân về tính chất, mục đích, yêu cầu chiến tranh, thái độ của họ đối với chiến tranh và mức độ chuẩn bị, sử dụng những khả năng của đất nước, trong đó chủ yếu là khả năng về kinh tế để chiến thắng quân thù.

Vì vậy, dù khó khăn thế nào ngay từ trong thời bình chúng ta cũng phải chuẩn bị đất nước với những nội dung cần thiết, biện pháp thiết thực nhằm đáp ứng kịp thời những yêu cầu của cuộc chiến tranh chống xâm lược của kẻ thù là bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc. Chúng ta cần làm cho cán bộ và nhân dân thấy rõ tính chất, yêu cầu, đặc điểm của cuộc

chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nhất là những đòi hỏi mới của nó so với chiến tranh giải phóng dân tộc. Những hiểu biết và kinh nghiệm về chiến tranh giải phóng dân tộc của chúng ta là rất quý. Song nếu chỉ dừng lại ở đó, thì không nhận thức được đầy đủ, đúng đắn đối với công tác chuẩn bị đối phó với chiến tranh hiện nay, và cũng khó mà vận dụng tốt những hiểu biết và kinh nghiệm của chúng ta trước đây.

Cũng như chiến tranh giải phóng dân tộc trước đây, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay là chiến tranh nhân dân do Đảng ta lãnh đạo, tuân theo những quy luật chung của chiến tranh nhân dân, được vận dụng vào điều kiện cụ thể của nước ta. Đó là cuộc chiến tranh cách mạng chính nghĩa, tự vệ, cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, hiện đại và liên minh.

Song xét về đối tượng tác chiến, mục tiêu của chiến tranh, trạng thái ban đầu và quá trình phát triển của chiến tranh, nó có những điểm khác với chiến tranh giải phóng dân tộc.

Quân đội Trung quốc tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta là đội quân phi nghĩa, phản bội, nhưng là một đội quân đông, mang bản chất phản động, được kích thích bởi tinh thần dân tộc đại Hán, cho nên rất hung hăng, tàn bạo. Chúng ở liền đất, liền trời, liền biển với ta. Chúng lại có kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác trong khu vực. Bọn phản động Trung quốc đã từng là bạn của ta, nay chúng chuyển thành thù, cho nên có điều kiện để thực hiện âm mưu nham hiểm đối với nước ta là kết hợp tiến công từ ngoài vào với gây bạo loạn lật đổ từ trong.

Mục tiêu chiến lược của ta là phải tiêu diệt địch, nhưng lại phải bảo vệ

(1) Hồ Chí Minh: *Chiến tranh nhân dân Việt nam*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980, trang 334.

chủ quyền (vùng đất, vùng trời, vùng biển) đồng thời phải bảo vệ dân, bảo vệ các cơ sở kinh tế, chính trị, quốc phòng, giữ vững hậu phương của từng chiến trường và hậu phương chung cả nước. Chúng ta phải đánh địch trong không gian rộng lớn, cả ở tuyến trước và tuyến sau, theo chiều dài của đất nước, vừa đánh địch ở tiền tuyến, vừa sẵn sàng chống bạo loạn ở phía sau.

Vì vậy, cuộc chiến tranh sẽ diễn ra quyết liệt ngay từ đầu và trong suốt cả quá trình chiến tranh (đặc biệt quyết liệt ngay từ trận đầu, trên tuyến đầu) với nhiều tình huống khẩn trương, phức tạp. Điều quan trọng là không được để cho địch chiếm đất, chiếm dân, đánh phá sâu vào bên trong, nếu không, sẽ ảnh hưởng lớn đến thời gian giành thắng lợi của chiến tranh. Điều đó khác nhiều so với chiến tranh giải phóng mà chúng ta tiến hành: từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, đánh kẻ địch đã ở ngay trong đất nước ta, từng bước lấy lại đất, giành lại dân, đi từ thắng lợi từng phần, tiến lên giải phóng toàn đất nước.

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ngày nay phải thực hiện cho được sự kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu giữa chiến tranh nhân dân địa phương và tác chiến của các binh đoàn chủ lực, trong đó tác chiến của các binh đoàn chủ lực giữ vai trò quyết định thắng lợi của chiến tranh.

Nhu cầu về nhân lực, về các điều kiện vật chất, kỹ thuật, và hậu cần... trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sẽ tăng lên rất nhanh với khối lượng rất lớn. Nó đòi hỏi phải có nguồn dự trữ sẵn sàng, đầy đủ và được tổ chức tiếp tế, bổ sung kịp thời đáp ứng những yêu cầu tác chiến hợp đồng quân chủng, binh chủng với quy mô lớn của các lực lượng vũ trang trong suốt cả cuộc chiến tranh, nhất là trong thời kỳ đầu.

Qua một thời gian nghiên cứu và triển khai thực hiện, chúng ta cần thấy đây là một vấn đề mới, khó khăn và phức tạp, là một vấn đề chiến lược lớn, một vấn đề khoa học và nghệ thuật chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Chúng ta cần có sự suy nghĩ tìm tòi không ngừng qua quá trình thực tế kiểm nghiệm, quan tâm lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo, thì công tác chuẩn bị đó mới đem lại kết quả rõ rệt, sử dụng và phát huy được mọi khả năng, tiềm năng hiện có vào sự nghiệp phòng thủ đất nước.



Sức mạnh của sự nghiệp phòng thủ đất nước ta biểu hiện ở sức mạnh quốc phòng gắn liền với sức mạnh kinh tế. Nội dung xây dựng sức mạnh quốc phòng của ta là xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân giữ nước và tiềm lực mọi mặt của đất nước, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng sức mạnh quốc phòng là nhằm đáp ứng những yêu cầu của chiến tranh, song trong thời bình, sức mạnh ấy lại thông qua và biểu hiện tập trung ở nền kinh tế phát triển ngày càng đáp ứng được các yêu cầu của quốc phòng, ở trình độ chuẩn bị sẵn sàng đối phó với chiến tranh của đất nước, sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang, và khi chiến tranh xảy ra, nhanh chóng chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến, chuyển sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân thành sức mạnh tổng hợp lớn nhất của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng kẻ thù.

Vì vậy công cuộc chuẩn bị đất nước sẵn sàng động viên chiến tranh phải được tiến hành một cách chủ động, có tổ chức, trước hết phải thể

hiện hàng quy hoạch và kế hoạch của Nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở, trong các ngành, các tổ chức, từ đơn vị tập thể đến từng người, *đặc biệt phải coi trọng cấp huyện*. Ở đây, vai trò lãnh đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, vai trò tổ chức thực hiện của các cấp chính quyền, đặc biệt là việc thực hiện chức năng của chính quyền đề sử dụng sức mạnh tổng hợp ở từng địa phương và trong cả nước nhằm bảo đảm kế hoạch chuẩn bị đất nước từ trung ương đến cơ sở, có ý nghĩa quyết định.

Công cuộc chuẩn bị đó bao gồm nhiều mặt: chuẩn bị nhân dân, chuẩn bị về kinh tế, chuẩn bị thể trận chiến lược và hậu phương chiến lược, chuẩn bị lực lượng vũ trang... nhưng quan trọng hơn hết là *kế hoạch chuẩn bị động viên nền kinh tế quốc dân, động viên quân đội nhân dân, chuẩn bị phòng thủ dân sự và kế hoạch chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến, bảo đảm cho năm đầu chiến tranh*.

Điều quan trọng trước hết là phải tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, chấp hành triệt để đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, quán triệt và thực hiện tự giác, đầy đủ cả hai nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn mới của cách mạng, vừa sản xuất giỏi, vừa sẵn sàng phục vụ chiến đấu và trực tiếp chiến đấu tốt. Chúng ta giáo dục cho nhân dân ta thấy rõ bộ mặt phản bội và phản động của kẻ thù, từ đó nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức trách nhiệm của mỗi công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời giáo dục tinh thần quốc tế vô sản, sẵn sàng chiến đấu vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội của cả ba nước Đông dương, góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam châu Á và thế giới.

Chúng ta cần đặc biệt quan tâm đến thế hệ trẻ, những lớp người kế tục sự

nghiệp cách mạng của chúng ta. Bằng những hình thức thiết thực, phương pháp phù hợp, chúng ta giáo dục, rèn luyện họ trở thành những con người mới xã hội chủ nghĩa mang truyền thống quật cường, bất khuất của dân tộc, bản sắc của người Việt nam, thông minh, sáng tạo, có tri thức khoa học, biết lấy "đại nghĩa thắng hung tàn", trở thành những con cháu của Bác Hồ, trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Chúng ta đều biết chiến tranh là một hiện tượng xã hội, căn bản phụ thuộc vào kinh tế. Đặc biệt trong chiến tranh hiện đại, nhu cầu về bảo đảm vật chất và trang bị kỹ thuật rất lớn, đòi hỏi phải có nguồn dự trữ được tổ chức sẵn. Vì vậy, việc chuẩn bị kinh tế cho động viên chiến tranh là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của công cuộc chuẩn bị đất nước chống xâm lược. Đi đôi với xây dựng và phát triển kinh tế, phải đồng thời chuẩn bị kinh tế cho động viên chiến tranh. Kế hoạch đó phải đáp ứng được những nhu cầu của quốc phòng một cách nhanh chóng nhất, với khối lượng nhân lực, tài lực, vật lực lớn nhất: bảo đảm nhu cầu phòng thủ nhân dân; bảo đảm những nhu cầu bức thiết của nền kinh tế quốc dân và những nhu cầu không thể thiếu được của đời sống nhân dân trong chiến tranh; bảo đảm chuyển hướng nhanh chóng nền kinh tế từ thời bình sang thời chiến một cách có tổ chức, có kế hoạch, tránh được những rối loạn, hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do địch gây ra.

Vì vậy, ở các cấp, các ngành, quy hoạch, kế hoạch kinh tế — xã hội cần kết hợp chặt chẽ với quy hoạch, kế hoạch quốc phòng, nhằm giải quyết các chỉ tiêu về kinh tế và quốc phòng hằng năm và 5 năm theo kế hoạch

chung của Nhà nước. Ngoài việc *bảo đảm thường xuyên nhu cầu của quốc phòng* trong thời bình, các cấp, các ngành đều cần có *kế hoạch động viên kinh tế trước mắt*, tạo ra và nâng dần những điều kiện, khả năng thực hiện *kế hoạch đó ở trung ương cũng như ở từng địa phương* đạt được kết quả tốt nhất khi chiến tranh xảy ra. Đồng thời lại phải có *kế hoạch kinh tế năm đầu chiến tranh* nhằm bố trí lại các mặt cân đối của nền kinh tế quốc dân trong năm đầu chiến tranh. Kế hoạch này thường xuyên được điều chỉnh theo sự phát triển của tình hình và sẵn sàng thực hiện theo lệnh của Nhà nước khi chiến tranh xảy ra, trong đó đặc biệt coi trọng một số ngành chủ chốt có liên quan chặt chẽ đến quốc phòng: công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, thông tin, bưu điện, y tế...

Kế hoạch chuẩn bị động viên của các ngành, các cấp cần có sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thống nhất của Ủy ban kế hoạch Nhà nước và Bộ quốc phòng. Từng thời gian, từng vấn đề, có thể tiến hành động viên thử để rút kinh nghiệm, đánh giá trình độ chuẩn bị sẵn sàng của từng ngành, từng địa phương và bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch.

Đi đôi với việc động viên nền kinh tế quốc dân sẵn sàng chống chiến tranh xâm lược, cần có kế hoạch động viên quân đội nhân dân và thành lập các đơn vị chuyên môn cho thời chiến của các ngành, các địa phương. Đề chủ động đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược, việc tổ chức một đội quân thường trực đủ mạnh cả về số lượng và chất lượng là cần thiết. Nhưng khi chưa xảy ra chiến tranh, đội quân thường trực này chỉ cần một lực lượng đủ để sẵn sàng chiến đấu thường xuyên, số còn lại được tổ chức thành lực lượng dự bị, trở về địa phương tham gia sản xuất, công tác. Lực lượng dự bị phải được đăng

ký, tổ chức huấn luyện theo định kỳ, luôn luôn sẵn sàng đáp ứng yêu cầu động viên, khôi phục và mở rộng tổ chức quân đội, theo kế hoạch triển khai chiến lược của cấp trên.

Kế hoạch động viên quân đội nhân dân phải đáp ứng các yêu cầu đủ số lượng, khôi phục, mở rộng, bổ sung quân đội trong thời chiến, nhất là thời kỳ đầu chiến tranh và trong quá trình chiến đấu; bảo đảm đúng chất lượng, theo cơ cấu tổ chức, biên chế, trang bị của quân đội chính quy, hiện đại, có nhiều quân chủng, binh chủng; sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị phải có tinh thần chiến đấu cao, trình độ chỉ huy, chuyên môn, kỹ thuật thành thạo, tùy theo chức trách của mình; bảo đảm động viên được nhanh chóng, đúng kế hoạch, chiến đấu được ngay.

Do cơ cấu tổ chức lực lượng vũ trang của ta có quân đội nhân dân và dân quân tự vệ, cho nên khi động viên lực lượng dự bị, cần chú trọng bảo đảm yêu cầu duy trì và phát triển chiến tranh nhân dân địa phương và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị và kinh tế của địa phương trong thời chiến. Các cấp, các ngành thực hiện những quy định về tổ chức động viên quân đội nhân dân, là dựa vào kế hoạch động viên (đã được Hội đồng bộ trưởng thông qua) của Bộ quốc phòng và của các cơ quan quản lý ngành ở trung ương và các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương. Đây là vấn đề còn rất mới đối với ta, cho nên cần nhanh chóng kiện toàn các tổ chức chuyên trách công tác động viên, đề sớm đi vào nền nếp.

Việc thực hiện đầy đủ luật nghĩa vụ quân sự, luật sĩ quan, tiến hành các công tác đăng ký, thông kê, tổ chức, huấn luyện quân dự bị ở cơ sở, ở các cấp các ngành trong và ngoài quân đội, thực hiện chu đáo các chính sách đối với cán bộ và chiến sĩ xuất ngũ, kịp thời ổn định

đời sống và đăng ký họ vào ngạch dự bị theo thời hạn quy định, cũng có tác dụng rất quan trọng đối với công tác động viên, chuẩn bị chiến tranh.

Chúng ta cần thấy hết tầm quan trọng và yêu cầu khẩn trương của vấn đề chuyển lực lượng vũ trang, đặc biệt chuyển quân đội nhân dân vào tư thế chiến tranh, kịp thời đánh trả quân địch ngay thời kỳ đầu chiến tranh trên tuyến đầu của Tổ quốc, tạo điều kiện cho toàn bộ đất nước chuyển vào thời chiến. Vấn đề này bao gồm việc triển khai lực lượng sẵn có, động viên lực lượng dự bị, khôi phục, mở rộng lực lượng mới theo kế hoạch thời chiến. Đối với chiến tranh hiện đại, việc tổ chức động viên và triển khai lực lượng quân chính quy, tác chiến hợp đồng quân chủng, binh chủng theo quy mô lớn là biện pháp rất quan trọng, rất phức tạp, rất khẩn trương, nhiều khi có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi hay thất bại của chiến tranh. Có thấy rõ những yêu cầu mới, chất lượng mới trong công tác tổ chức, động viên và triển khai lực lượng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc hiện nay so với chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ, thì mới có cách khắc phục khó khăn, làm đầy đủ các quy định thực hiện kế hoạch động viên quân, đội nhân dân, từng bước rút kinh nghiệm, bổ sung, hoàn chỉnh công việc đó.

Đề-làm tốt công tác chuẩn bị nói trên, việc kết hợp đúng đắn giữa

xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Khi giải quyết vấn đề kinh tế, phải nghĩ đến yêu cầu kết hợp với quốc phòng. Các lực lượng quốc phòng có trách nhiệm tham gia xây dựng kinh tế, tiết kiệm lao động, vật tư, tài chính, đóng góp tích cực nhất cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Kinh tế và quốc phòng mỗi mặt tuy có quy luật riêng, nhưng khi kết hợp, chúng ta phải tìm ra những hình thức và nội dung thích hợp nhất để chúng thúc đẩy lẫn nhau phát triển phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước và phòng thủ đất nước.



Theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, đi đôi với nhiệm vụ xây dựng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, các cấp, các ngành cần nhận rõ trách nhiệm của mình, thường xuyên chuẩn bị mọi điều kiện cho một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc nếu chúng liều lĩnh gây chiến tranh xâm lược. Cán lãnh đạo chặt chẽ, có kế hoạch chu đáo, có biện pháp cụ thể, đề khi cần thiết, có thể nhanh chóng chuyển cấp mình, ngành mình từ thời bình sang thời chiến. Đó cũng là một nhiệm vụ rất quan trọng và cấp bách của các cấp ủy Đảng, chính quyền và của các cơ quan quân sự trong tình hình hiện nay.

ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN CƠ CHẾ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI QUÂN ĐỘI

LÊ XUÂN LỰU

I

TRONG mấy chục năm qua, căn cứ vào tình hình cụ thể của chiến tranh cách mạng và của lực lượng vũ trang, Đảng ta đã ba lần thay đổi cơ chế lãnh đạo của mình đối với quân đội. Đáng chú ý là trong một thời gian tương đối dài chúng ta đã thực hiện chế độ "tập thể đảng ủy lãnh đạo, thủ trưởng phân công tổ chức thực hiện theo chức trách" với hệ thống tổ chức dọc cấp ủy Đảng từ Quân ủy trung ương đến tổ chức cơ sở của Đảng và có hệ thống cơ quan chính trị từ cấp trung đoàn trở lên với tính chất là cơ quan giúp đảng ủy và thủ trưởng tiến hành công tác Đảng - công tác chính trị. Chế độ lãnh đạo và chỉ huy đó đã phát huy tác dụng to lớn trong công cuộc xây dựng quân đội và tiến hành chiến tranh cách mạng. Nó phù hợp với những điều kiện lịch sử trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ vừa qua khi mà quy mô tổ chức quân đội phát triển dần từng bước và cũng chưa thật lớn, trang bị chưa thật hiện đại, chiến trường bị chia cắt, bộ đội hoạt động trên từng khu vực, quy mô tác chiến chưa thật lớn, sự hợp đồng tác chiến chưa thật phức tạp...

Bước qua giai đoạn mới của cách mạng, sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc đã có những yêu cầu mới. Sự nghiệp xây dựng ấy có nội dung phong phú hơn và phức tạp hơn. Những nỗ lực quốc phòng phải bao gồm nhiều mặt: quân sự, chính trị - tinh thần, kinh tế và khoa học - kỹ thuật mới tạo ra được tiềm lực cho chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Điều này đòi hỏi Đảng có sự lãnh đạo chặt chẽ, tập trung, thống nhất để phát huy sức mạnh tổng hợp của dân tộc và của thời đại, phát triển một cách căn đối, hài hòa và có hiệu quả nhất sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Nền kinh tế - kỹ thuật của ta hiện nay còn thấp kém, nhờ sự giúp đỡ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, quân đội ta đang được trang bị nhiều phương tiện chiến đấu hiện đại và đang xây dựng theo phương hướng một quân đội nhân dân, cách mạng, chính quy, hiện đại. Quân đội đó đòi hỏi có sự thống nhất ý chí, thống nhất chỉ huy, kỷ luật nghiêm minh, và nếu chiến tranh xảy ra, tác chiến trong điều kiện hiện đại và quy mô lớn, quân đội phải hành động một cách kiên quyết, khôn

trương, hiệp đồng chặt chẽ và người chỉ huy phải xử trí tình huống một cách chủ động, quyết đoán, chính xác và kịp thời để giành thắng lợi.

Nhận rõ những biến đổi khách quan trên đây, đồng thời thấy rõ sự trưởng thành mọi mặt của quân đội ta, trước hết là sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ. Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng đã đặt vấn đề: « phải nghiên cứu để cải tiến sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, kiện toàn tổ chức của Đảng và chế độ tổ chức công tác chính trị trong quân đội cho phù hợp với sự phát triển về tổ chức và nhiệm vụ mới của quân đội » (1), và xác định: « Đảng lãnh đạo trực tiếp, tập trung, thống nhất các lực lượng vũ trang cả về chính trị, tư tưởng và về tổ chức » (2), « thực hiện đầy đủ chế độ một người chỉ huy » (3).

II

Cơ chế lãnh đạo mới của Đảng đối với quân đội là một thể hoàn chỉnh, một hệ thống tổ chức bao gồm: tổ chức và phương thức lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương đối với quân đội và sự nghiệp quốc phòng, thực hiện chế độ một người chỉ huy và thành lập Hội đồng quân sự; đổi mới chức năng, nhiệm vụ của hệ thống cơ quan chính trị; xây dựng tổ chức cơ sở của Đảng và tổ chức quần chúng.

Mỗi tổ chức trong hệ thống đó có chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động khác nhau, có vai trò, vị trí khác nhau nhưng liên quan chặt chẽ với nhau, tạo thành một chỉnh thể để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng và *nhằm bảo đảm cho sự lãnh đạo đó vững chắc trong mọi lĩnh vực, phát huy cao độ vai trò, trách nhiệm của người chỉ huy, không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức mạnh chiến đấu của quân đội.*

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội không phải là một vấn đề trừu tượng, mà nó phải được

thể hiện bằng những nguyên tắc, phương thức cụ thể. Nguyên tắc hàng đầu trong cơ chế mới là: Ban chấp hành trung ương Đảng, mà thường xuyên và trực tiếp là Bộ chính trị, lãnh đạo trực tiếp, tập trung, thống nhất về mọi mặt Quân đội nhân dân Việt-nam.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội phải gắn chặt với chăm lo xây dựng tổ chức chỉ huy, vì sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội bao giờ cũng dựa trên cơ sở phát huy hiệu lực của tổ chức chỉ huy.

Tổ chức lãnh đạo của Đảng và tổ chức chỉ huy trong quân đội thống nhất với nhau, tuyệt đối không mâu thuẫn nhau mặc dù đó là hai khái niệm, hai phạm trù khác nhau và không thể đồng nhất với nhau nhưng gắn bó chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể. *Tổ chức chỉ huy là một hệ thống nằm trong cơ chế lãnh đạo thống nhất của Đảng*, một khâu nối tiếp sau khi Đảng vạch đường lối, nhiệm vụ, chủ trương, chính sách và đề thực hiện đường lối, nhiệm vụ, chủ trương, chính sách đã vạch ra. Mọi quan niệm tách rời chỉ huy với sự lãnh đạo của Đảng, xem nó như một cái gì biệt lập, thậm chí đối lập với việc giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đều là sai lầm cả về lý luận và thực tiễn, và sẽ làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội.

Trong cơ chế mới, việc thực hiện chế độ *một người chỉ huy* là một nguyên tắc rất quan trọng trong công cuộc xây dựng và chiến đấu của quân đội ta. Chế độ đó buộc người thủ trưởng phải thật sự phụ trách, phải quyết đoán công việc, không thể dựa dẫm vào tập thể để buông lỏng trách nhiệm. Chế độ đó cho phép sử dụng

(1) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi điều lệ Đảng. Nxb Sự thật. Hà-nội, 1977, tr. 120 — 121.

(2), (3) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật. Hà-nội, 1982, tập III, tr. 89.

tốt nhất năng lực của con người, giải quyết nhanh chóng, kịp thời công việc và kiểm tra được công việc trên thực tế chứ không phải trên lời nói.

Trong quân đội, chế độ một người chỉ huy tạo điều kiện cho việc giữ vững tinh thần quyết và tinh linh hoạt, nhạy bén trong chỉ huy tác chiến hiện đại, tinh kỷ luật nghiêm minh, tinh tổ chức chặt chẽ trong xây dựng, quản lý và chỉ huy bộ đội chấp hành nhiệm vụ. Trong chế độ này, chức năng chỉ huy, quản lý đơn vị về mọi mặt: quân sự, chính trị, hậu cần, kỹ thuật... được tập trung vào người chỉ huy và người đó có quyền quyết định cuối cùng, nhưng những quyết định đó phải phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước, điều lệnh của quân đội và ý định của cấp trên.

Khi làm việc, người chỉ huy phải phát huy đầy đủ vai trò của cơ quan chính trị, dựa vững chắc vào tổ chức Đảng, Đoàn, biết sử dụng sức mạnh lãnh đạo, động viên cũng như tinh tích cực sáng tạo của các tổ chức này để hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị. Người chỉ huy không có quyền ra chỉ thị về công tác Đảng cho cơ quan chính trị và tổ chức Đảng, nhưng lại phải biết dựa vào cơ quan chính trị và tổ chức Đảng. Muốn thế khi thực hiện chức trách của mình, người chỉ huy phải phối hợp chặt chẽ với cơ quan chính trị và tổ chức Đảng, kịp thời phổ biến cho chủ nhiệm chính trị, phó chỉ huy về chính trị, bí thư đảng ủy biết rõ mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên, nhiệm vụ được giao, những dự định của mình về thực hiện nhiệm vụ, đề xuất những vấn đề cần lãnh đạo để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ. Đó là sự kết hợp giữa chỉ huy bằng mệnh lệnh và hoạt động lãnh đạo thông qua công tác tư tưởng và tổ chức, giáo dục, thuyết phục, động viên, cổ vũ tinh thần tự giác, ý thức làm chủ và từ đó mà tạo ra phong trào hành động cách mạng của quân chúng.

Chế độ một người chỉ huy không gạt bỏ phương thức lãnh đạo tập thể ở những khâu nhất định trong quân đội. Nguyên tắc tập thể lãnh đạo quân đội được thể hiện trước hết và chủ yếu trong các cuộc thảo luận ở các đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng; các hội nghị của Ban chấp hành trung ương và Bộ chính trị về các chủ trương và biện pháp lớn trong công cuộc xây dựng quân đội, cũng có quốc phòng.

Ở các cấp chiến dịch — chiến lược, nghị quyết của Bộ chính trị đã quy định tổ chức *Hội đồng quân sự* nhằm phát huy trí tuệ tập thể đề tăng cường cho chế độ một người chỉ huy. Đây là sự thể hiện nguyên tắc lãnh đạo thi tập thể, quản lý thì một người, cả hai khâu hợp thành một chỉnh thể lãnh đạo thống nhất. Chức năng của Hội đồng quân sự là bảo đảm thường xuyên sẵn sàng chiến đấu của bộ đội, bảo đảm chất lượng cao trong huấn luyện quân sự và giáo dục chính trị, giữ vững kỷ luật của quân đội, củng cố và tăng cường hiệu lực chế độ một người chỉ huy, nâng cao sức mạnh chiến đấu của đơn vị. Với tư cách là một tổ chức lãnh đạo quân sự tập thể, Hội đồng quân sự xem xét và quyết định tập thể những chủ trương và biện pháp lớn thuộc các vấn đề quan trọng nhất về đời sống bộ đội theo đúng quy định của điều lệnh từng cấp. Hội đồng quân sự không quyết định về quyết tâm và phương án tác chiến, về các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động của bộ đội và về công tác xây dựng Đảng. Riêng về công tác cán bộ, Hội đồng quân sự bàn bạc tập thể và quyết định theo đa số trong phạm vi quyền hạn được phân công quản lý. Hội đồng quân sự làm việc theo nguyên tắc tập thể, ra nghị quyết theo đa số, và nghị quyết được thể hiện bằng mệnh lệnh, chỉ thị của người chỉ huy.

Trong khi xác định chế độ một người chỉ huy là nguyên tắc rất quan trọng

trong công cuộc xây dựng và chiến đấu của quân đội, nghị quyết của Bộ chính trị cũng đã khẳng định: tiến hành công tác Đảng - công tác chính trị là một vấn đề nguyên tắc trong công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng. Hoạt động công tác Đảng - công tác chính trị là hoạt động nhằm bảo đảm quan điểm chính trị của Đảng trong việc giải quyết các nhiệm vụ quân sự, nhằm đưa nội dung tư tưởng của Đảng vào mọi lĩnh vực của đời sống quân đội, vào bất cứ phạm vi hoạt động nào của cán bộ và chiến sĩ để làm cho hoạt động đó mang tính tự giác, tính tích cực, có mục đích rõ rệt. Hoạt động đó nhằm xây dựng những phẩm chất chiến đấu, phẩm chất chính trị - tinh thần, động viên mọi cán bộ, chiến sĩ thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ quân sự trong thời bình và thời chiến.

Trong cơ chế lãnh đạo mới của Đảng đối với quân đội, cơ quan chính trị có hai chức năng; về mặt Đảng, tiến hành công tác xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh và huy động đảng bộ thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhiệm vụ đơn vị được giao; về mặt hệ thống tổ chức quân đội, cơ quan này là một thành phần của cơ cấu tổ chức bộ máy chỉ huy - quản lý của đơn vị, cho nên nó là cơ quan giúp người chỉ huy tiến hành các hoạt động công tác chính trị. Nó kết hợp trong bản thân mình chức năng cơ quan Đảng - chính trị và cơ quan quân sự. Điều đó tạo khả năng cho nó tác động một cách có hiệu quả đến mọi lĩnh vực hoạt động xây dựng và chiến đấu của quân đội.

Người phụ trách cơ quan chính trị là chủ nhiệm chính trị. Chủ nhiệm chính trị cũng có hai chức năng; về mặt Đảng là người chủ trì cơ quan lãnh đạo về Đảng trong đơn vị, về mặt quân đội là người có trách nhiệm

giúp người chỉ huy đơn vị tổ chức thực hiện công tác chính trị trong đơn vị. Như vậy chủ nhiệm chính trị là cấp dưới của người chỉ huy, đồng thời là cấp trên của các cán bộ chỉ huy cấp dưới, của cán bộ và chiến sĩ trong đơn vị.

Hệ thống cơ quan chính trị trong quân đội gồm Tổng cục chính trị đối với toàn quân, Cục chính trị ở quân khu, quân chủng, quân đoàn và đơn vị tương đương, Phòng chính trị ở cấp binh chủng, ở sư đoàn và đơn vị tương đương.

Trong cơ quan chính trị có Ủy ban kiểm tra Đảng để kiểm tra việc thực hiện điều lệ Đảng, theo dõi việc chấp hành kỷ luật, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của đảng viên nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm đối với việc thi hành điều lệnh, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Cơ quan kiểm tra đặt dưới sự lãnh đạo của cơ quan chính trị cùng cấp và sự chỉ đạo của Ủy ban kiểm tra cấp trên.

Để bảo đảm tính tập thể trong công tác lãnh đạo, Ban bí thư Trung ương Đảng quy định thành lập Hội đồng cơ quan chính trị với nhiệm vụ xem xét và tập thể giải quyết những vấn đề quan trọng về công tác đảng - công tác chính trị, về công tác cán bộ chính trị và về kỷ luật đảng viên. Nghị quyết của Hội đồng được thể hiện bằng chỉ thị của chủ nhiệm chính trị.

Cán bộ chính trị ở đơn vị cơ sở gồm có các phó chỉ huy về chính trị ở lữ đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội, bí thư đảng ủy cơ sở, bí thư ban chấp hành Đoàn cơ sở và các cán bộ công tác Đảng - công tác chính trị ở lữ đoàn, trung đoàn. Người phó chỉ huy chính trị ở lữ đoàn, trung đoàn là đại diện của phòng chính trị, có nhiệm vụ trực tiếp tổ chức tiến hành công tác Đảng - công tác chính trị ở đơn vị.

Tổ chức cơ sở của Đảng trong quân đội được thành lập ở trung đoàn và đơn vị tương đương; ở các tiểu đoàn trong lữ đoàn, các tiểu đoàn, đại đội độc lập và tương đương; ở các hệ hoặc tiểu đoàn, đại đội học viên trong các học viện, nhà trường đào tạo sĩ quan; ở các cục hoặc phòng trong các cơ quan; ở các bệnh viện và xí nghiệp quốc phòng...

Tổ chức cơ sở của Đảng là nơi giáo dục rèn luyện đảng viên, là nơi kết nạp và sàng lọc đảng viên, là nơi trực tiếp đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhiệm vụ của đơn vị vào quần chúng và lãnh đạo quần chúng thực hiện. Nhiệm vụ của nó trước hết là chăm lo xây dựng tổ chức mình trong sạch và vững mạnh, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, nhất là chất lượng cán bộ chủ chốt, rèn luyện họ trở thành những chiến sĩ cộng sản luôn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, xứng đáng với danh hiệu cao quý đó. Mặt khác, nó phải chăm lo củng cố mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng, làm cho mọi đảng viên biết làm tốt công tác chính trị với quần chúng, cổ vũ họ hành động cách mạng, thi đua hoàn thành mọi nhiệm vụ của đơn vị.

Tổ chức cơ sở của Đảng phải biết gắn chặt công tác Đảng, công tác chính trị với công tác quân sự, công tác chuyên môn, công tác sản xuất, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp ở đơn vị cơ sở; cổ vũ các nhân tố tích cực, đấu tranh khắc phục mọi mặt tiêu cực. Mọi hoạt động của tổ chức cơ sở của Đảng phải hướng vào việc bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ của đơn vị sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, học tập, công tác và lao động sản xuất có kỷ luật, có chất lượng và hiệu quả cao.

Tổ chức cơ sở của Đảng không quyết định những vấn đề thuộc trách nhiệm của người chỉ huy như phương

án tác chiến, các chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch, các biện pháp về kinh tế, kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ.

Tổ chức cơ sở của Đảng thường xuyên chăm lo củng cố và tăng cường hiệu lực của chế độ một người chỉ huy, xây dựng và phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng trong đơn vị như *Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh* và *Công đoàn*.

III

Cơ chế lãnh đạo mới của Đảng đối với quân đội đòi hỏi người chỉ huy và người cán bộ chính trị phải có những phẩm chất và năng lực mới. *Người chỉ huy* có vị trí và trách nhiệm rất lớn. Là người thể hiện ý chí của Đảng trong quân đội, trước hết người chỉ huy phải có lòng trung thành vô hạn với Tổ quốc và nhân dân, với lý tưởng của Đảng, phải tiêu biểu cho đường lối chính trị, quân sự của Đảng, có tinh thần trách nhiệm, ý chí chiến đấu cao, mẫu mực trong việc chấp hành luật pháp Nhà nước, điều lệnh quân đội, có lòng yêu nước nồng nàn, có tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, có nếp sống giản dị, lành mạnh.

Là cán bộ của Đảng lãnh trách nhiệm chủ trì đơn vị, người chỉ huy phải rèn luyện cho mình một tính Đảng cao. Tính Đảng đó thể hiện ở tinh tư tưởng cộng sản chủ nghĩa và tinh nguyên tắc trong việc xem xét và giải quyết các vấn đề trong đời sống xã hội và đời sống quân đội, trong việc đấu tranh không khoan nhượng chống những quan điểm phi vô sản và những việc làm tiêu cực. Người chỉ huy phải thường xuyên trau dồi ý thức Đảng, sinh hoạt đều đặn ở chi bộ, chịu sự quản lý của chi bộ Đảng như điều lệ Đảng đã quy định và luôn luôn phấn đấu làm người đảng viên mẫu mực trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

Phẩm chất của người chỉ huy tác động không nhỏ đến việc hình thành

và phát triển nhân cách của cán bộ và chiến sĩ trong đơn vị. Nó trực tiếp ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình rèn luyện chính trị - tư tưởng của mọi quân nhân, củng cố kỷ luật trong đơn vị. Do đó, người chỉ huy phải chăm lo rèn luyện mình một cách toàn diện, luôn luôn mẫu mực trong lời nói và việc làm.

Đặc biệt, trong cơ chế mới, có sự tập trung quyền hạn cho người chỉ huy và có những quy định nghiêm ngặt về sự phục tùng của cấp dưới, nhưng không vì thế mà người chỉ huy rơi vào chủ nghĩa quân phiệt, quản lý đơn vị một cách thô bạo, vi phạm quyền làm chủ tập thể của cán bộ và chiến sĩ. Người chỉ huy phải là người thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng, hiểu rõ mình được giao quyền hạn là để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của đơn vị: quyền hạn đó chỉ là phương tiện để thực hiện ý chí của nhân dân, của Đảng và Nhà nước.

Chức trách của người chỉ huy đòi hỏi họ phải có một hệ thống kiến thức về quân sự và kỹ năng, kỹ xảo nhiều mặt. Trước hết người chỉ huy phải có trình độ hiểu biết nhất định về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, làm cơ sở nhận thức cho hành động của mình trong mọi tình huống. Chỉ có nắm được những kiến thức về các mặt cần thiết, người chỉ huy mới có năng lực cụ thể để giải quyết có hiệu quả mọi nhiệm vụ xây dựng và chiến đấu của đơn vị.

Tài nghệ của người chỉ huy thể hiện trình độ hiểu biết cao và năng lực hành động giỏi. Người chỉ huy không thể chỉ thu hẹp sự chỉ huy của mình ở chỗ đề ra quyết định, hạ mệnh lệnh. Đó chỉ mới là cái khởi đầu của công việc, còn cái chính là phải tổ chức thực hiện thắng lợi quyết định đã đề ra. Điều này đòi hỏi người chỉ huy phải có những kiến thức

chuyên ngành cụ thể sâu sắc, những kinh nghiệm thực tế phong phú và năng lực tổ chức thực tiễn giỏi.

Việc thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn liền với việc tăng cường công tác Đảng - công tác chính trị. Người chỉ huy phải biết sử dụng các hình thức đa dạng của công tác chính trị, tư tưởng và công tác tổ chức, bảo đảm cho bộ đội tham gia tích cực vào việc giải quyết các nhiệm vụ huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, củng cố kỷ luật và chấp hành các chế độ của quân đội.

Người chỉ huy không thể đơn thuần chỉ huy đơn vị bằng mệnh lệnh, mà phải biết sử dụng các biện pháp khác nhau để làm công tác quần chúng. Đảng đòi hỏi người chỉ huy tích cực tham gia công tác Đảng và trong toàn bộ hoạt động của mình phải thường xuyên dựa vào cơ quan chính trị và các tổ chức Đảng, vì chỉ có như vậy mới có sức mạnh đầy đủ để thực hiện nhiệm vụ của mình một cách có hiệu quả.

Cán bộ chính trị trong quân đội là một bộ phận trong đội ngũ cán bộ quân sự của Đảng mà nghề nghiệp chuyên môn của họ là làm công tác Đảng - công tác chính trị. Những nguyên tắc, phương pháp công tác Đảng - công tác chính trị quy định những nội dung cơ bản về phẩm chất người cán bộ công tác Đảng - công tác chính trị trong quân đội. Sức mạnh của công tác Đảng - công tác chính trị chủ yếu là sức mạnh nền gương. Biện pháp chủ yếu để tiến hành công tác đó là biện pháp thuyết phục, giáo dục. Cho nên người cán bộ chính trị trước hết phải là người đảng viên ưu tú trong quân đội. Người đó phải có những phẩm chất tiêu biểu cho Đảng ta trong quân đội. Người đó là tấm gương mọi mặt cho quần chúng noi theo, luôn luôn lạc quan tin tưởng, vững vàng, tích cực, nhạy bén, góp phần quan trọng

làm cho đơn vị đứng vững trong mọi hoàn cảnh. Họ có trách nhiệm rất cao là dồn hết tâm trí và sức lực của mình vào việc xây dựng, củng cố đảng bộ, không ngừng nâng cao sức mạnh lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, đồng thời luôn luôn gần bó, hòa mình với quần chúng, có mối liên hệ tốt đẹp với quần chúng, là hạt nhân đoàn kết mọi chiến sĩ trong đơn vị.

Người cán bộ công tác Đảng - công tác chính trị trong quân đội cũng là người cán bộ quân sự của Đảng. Người đó phải có hệ thống kiến thức quân sự, không chỉ là những vấn đề đờng lối, chiến lược quân sự, mà cả những vấn đề về nghệ thuật chiến dịch, chiến thuật và kỹ thuật. Không có đầy đủ hệ thống kiến thức đó, người cán bộ chính trị trong quân đội không thể làm công tác Đảng - công tác chính trị được, vì chính trị trong quân đội là chính trị - quân sự, chính trị được thể hiện thông qua hoạt động quân sự; cũng không thể đưa quan điểm tư tưởng của Đảng vào lĩnh vực hoạt động chủ yếu của quân đội, không hiểu con người cán bộ và chiến sĩ trong quân đội với những đặc điểm về tư tưởng, tình cảm, tâm lý của họ để động viên, giáo dục và xây dựng họ.

Người cán bộ đó phải biết xây dựng và sử dụng đội ngũ cán bộ chính trị thuộc quyền, biết huy động cơ quan chính trị và các tổ chức Đảng làm công tác chính trị đối với mọi người trên mọi lĩnh vực hoạt động và đời sống của quân đội, biết xây dựng các tổ chức quần chúng vững mạnh và phát huy chức năng của nó trong việc hoàn thành mọi nhiệm vụ của đơn vị.



Thực hiện việc đổi mới, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với

quân đội lần này là một bước phát triển mới trong công tác tổ chức của Đảng, là một yêu cầu mới về năng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng đối với quân đội. Điều đó phù hợp với tình hình cách mạng và sự phát triển của quân đội ta. Nó thể hiện tính cách mạng và khoa học trong công tác lãnh đạo và tổ chức của Đảng.

Trong việc đổi mới này, hoàn toàn không có vấn đề đề cao hoặc hạ thấp bất cứ tổ chức nào, cơ quan nào và chức vụ nào mà từng tổ chức, từng cơ quan, từng chức vụ đều được đặt đúng chỗ và đều phải phát huy cao độ vị trí, vai trò và chức năng của mình.

Không phải một lúc mà mọi người chúng ta đều có thể nhận thức được đúng đắn, đầy đủ và sâu sắc những nội dung của sự đổi mới này. Ở đây một mặt phải thay đổi nếp suy nghĩ cũ, khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, chủ nghĩa kinh nghiệm, mặt khác phải đề phòng những tư tưởng, phương pháp xem xét chủ quan, phiến diện, đề nhanh chóng tiếp nhận cái mới.

Thực hiện tốt việc đổi mới này là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân, của tổ chức lãnh đạo, tổ chức chỉ huy, mọi cán bộ, đảng viên, nhưng trước hết và trực tiếp là của cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị và cấp ủy Đảng. Do đó cán bộ, đảng viên phải có quyết tâm đầy đủ và chuẩn bị chu đáo cho việc triển khai thực hiện quyết định quan trọng này. Đặc biệt cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị phải thấy rõ những yêu cầu của Đảng đối với mình về phẩm chất, năng lực để không ngừng học tập, rèn luyện, bảo đảm thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ và các quy định, đề sớm đưa cơ chế mới vào nền nếp, tạo ra một bước phát triển mới trong sự nghiệp xây dựng quân đội và củng cố quốc phòng.

GIẢI CẤP CÔNG NHÂN

LỰC LƯỢNG CHÍNH TRỊ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng ta đã quyết định lấy ngày 28 tháng 7 năm 1929, ngày thành lập Tổng công hội đồ Bắc kỳ, tổ chức Công đoàn cách mạng hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đồng lương cộng sản Đảng làm ngày kỷ niệm thành lập Công đoàn Việt nam. Đây là một sự kiện lịch sử quan trọng của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt nam. Năm nay, giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt nam kỷ niệm lần thứ 55 ngày lịch sử quang vinh đó với niềm tự hào sâu sắc.



55 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, Công đoàn Việt nam đã tổ chức, giáo dục, vận động công nhân, viên chức cả nước thực hiện xuất sắc vai trò giai cấp tiên phong cách mạng trong cuộc đấu tranh đầy hy sinh gian khổ của dân tộc chống các tên đế quốc lớn giành giải phóng và thống nhất đất nước cũng như trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay trong hoàn cảnh của một đất

nước mà sản xuất nhỏ là phổ biến và lại phải đương đầu với kẻ thù mới rất nguy hiểm là bọn bành trướng bá quyền Trung quốc.

Giai cấp công nhân Việt nam hình thành vào những năm cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 do chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Ngay từ khi ra đời, giai cấp công nhân nước ta đã mang trong mình những phẩm chất cách mạng tốt đẹp của giai cấp công nhân thế giới như: cách mạng triệt để, tinh tổ chức, kỷ luật cao, có tinh thần quốc tế.

Ngoài ra, giai cấp công nhân nước ta còn có những đặc điểm riêng: ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc; sớm có chính đảng tiên phong lãnh đạo, gắn bó mật thiết với nông dân, không bị ảnh hưởng của chủ nghĩa cải lương. Giai cấp công nhân nước ta bước lên vũ đài chính trị trong lúc trên phạm vi toàn thế giới chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, giai cấp công nhân đã trở thành trung tâm của thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu

bằng thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, cuộc cách mạng đã soi tỏ con đường đấu tranh của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức.

Hạnh phúc lớn cho giai cấp công nhân và dân tộc Việt nam ta là, đồng chí Nguyễn Ái Quốc, lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt nam, đã sớm đón nhận được ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười, tiếp thụ được chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vạch ra được đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt nam. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập ra *Thanh niên cách mạng đồng chí Hội*, gieo những hạt giống đỏ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt nam. Cùng với việc chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức để thành lập chính đảng của giai cấp công nhân. Người đề ra những quan điểm lý luận, đặt nền móng cho việc xây dựng tổ chức công đoàn. Người viết: « Tổ chức công hội trước là để công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình; hai là để nghiên cứu với nhau; ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khá hơn bây giờ; bốn là giữ gìn lợi quyền cho công nhân; năm là để giúp cho quốc dân; giúp cho thế giới » (1).

Dưới sự lãnh đạo của Đồng lương cộng sản Đảng, nhiều tổ chức công hội đỏ đã ra đời trong các xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền ở Việt nam, và ngày 28 tháng 7 năm 1929, Tổng công hội đỏ Bắc kỳ chính thức thành lập. Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, Ủy viên Trung ương lâm thời của Đảng là một trong những người sáng lập và lãnh đạo đầu tiên của tổ chức công đoàn.

Ngay sau khi Tổng công hội đỏ Bắc kỳ ra đời, công đoàn đã đi sâu, đi sát vận động, giáo dục công nhân, đưa phong trào công nhân tiến lên với một khí thế mới, một chất lượng mới. Phong trào đấu tranh của công nhân kết hợp với phong trào đấu tranh của

nông dân đã dẫn tới cao trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh khiến bọn thực dân, phong kiến vô cùng hoảng sợ.

Trong những năm sôi động của phong trào Đồng lương Đại hội, Mặt trận dân chủ Đồng lương 1936 - 1939, phong trào công nhân và Công đoàn đã phát triển mạnh mẽ dưới các hình thức hội Ái hữu, hội Tương tế..., đi đầu trong cuộc đấu tranh đòi tự do, cơm áo và hòa bình.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, lần đầu tiên trong lịch sử của mình, giai cấp công nhân thực sự đổi đời, từ người nô lệ, làm thuê trở thành người chủ đất nước. Ngay sau khi thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta, để bảo vệ thành quả của cách mạng, công đoàn đã vận động công nhân, viên chức đốc toàn bộ lực lượng của mình vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Khi đế quốc Mỹ thay chân đế quốc Pháp nhảy vào xâm lược nước ta, theo đường lối của Đảng, thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân-tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, công đoàn lại tiếp tục tổ chức, vận động công nhân, viên chức anh dũng xông lên, quyết tâm chiến đấu giành thắng lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay, vị trí, vai trò của công đoàn ngày càng tăng lên như Lê-nin đã dạy: « Các công đoàn nói chung là trường học chủ nghĩa cộng sản, nói riêng là trường học quản lý xã hội chủ nghĩa ». ... « nếu không có sự liên kết chặt chẽ với công đoàn, không được công đoàn nhiệt liệt ủng hộ, không có công tác đầy hy sinh tận

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật. Hà nội. 1980. tập 1. tr.280.

tuy của công đoàn..., thì chúng ta không thể quản lý được Nhà nước và thực hiện được chuyên chính... » (2).

Lực lượng công nhân, viên chức cả nước ta hiện nay có khoảng trên 3,5 triệu người (trong đó có trên 1,7 triệu công nhân kỹ thuật) chiếm khoảng 6% dân số, 16% lực lượng lao động xã hội, nhưng công nhân, viên chức đã tạo ra một khối lượng sản phẩm công nghiệp chiếm 37,5% tổng sản phẩm xã hội, bảo đảm 65,1% ngân sách Nhà nước. Điều đó nói lên vai trò quyết định của giai cấp công nhân, của kinh tế công nghiệp trong đời sống xã hội chúng ta.

Đại hội toàn quốc thứ IV và thứ V của Đảng đã xác định đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Thấu suốt đường lối của Đảng, những năm qua, mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn, song tuyệt đại bộ phận công nhân, viên chức vẫn giữ vững bản chất cách mạng tốt đẹp, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chịu đựng gian khổ, thiếu thốn, không lùi bước trước mọi thử thách. Hằng ngày, hằng giờ, trên khắp mọi miền của Tổ quốc, trên mọi lĩnh vực công tác, sản xuất và chiến đấu, trong tổ chức đời sống, trong đấu tranh chống tiêu cực, băng hành động cụ thể của mình, công nhân, viên chức đã và đang là chỗ dựa vững chắc của Đảng, của Nhà nước, là lực lượng tiên tiến quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất, quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. •

Những thành tích mà giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn đạt được trong 55 năm qua là vô cùng to lớn và rất đáng tự hào. Đạt được những thành tích ấy trước hết là do Đảng ta đã nắm vững chủ nghĩa Mác-Lê-nin, luôn luôn xác định đúng sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt nam,

vai trò và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn, không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào công nhân và hoạt động công đoàn.

Đạt được những thành tích ấy là do giai cấp công nhân, đội ngũ công nhân, viên chức nước ta kế tục và phát huy được truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm, có lòng yêu nước thiết tha, có tinh thần làm chủ tập thể, kiên quyết đấu tranh cho mục tiêu cao cả của thời đại: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Những thắng lợi của giai cấp công nhân và nhân dân ta còn gắn liền với sự đoàn kết và ủng hộ hết lòng của giai cấp công nhân và các tổ chức công đoàn quốc tế.

Tuy nhiên, chúng ta cũng còn những mặt yếu kém cần sớm khắc phục. Nói chung, công nhân, viên chức chưa được giác ngộ đầy đủ về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về trách nhiệm làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, cho nên đứng trước những khó khăn, thử thách mới, nhiều người tỏ ra thiếu vững vàng, có những việc làm trái với lương tâm người công nhân, với phẩm chất, đạo đức tốt đẹp của giai cấp công nhân. Những hiện tượng tiêu cực như kỷ luật lao động lỏng lẻo, năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm kém, tài sản xã hội chủ nghĩa bị xâm phạm, còn khá phổ biến.

Công đoàn—người chịu trách nhiệm chính trong việc giáo dục, rèn luyện đội ngũ công nhân, viên chức thời gian qua cũng chưa làm tốt nhiệm vụ, chức năng của mình. Hoạt động của công đoàn còn đơn điệu, chưa đi sâu, đi sát cơ sở, đi sát quần chúng, chưa có tác động mạnh mẽ vào việc thực

(2) V.I. Lê-nin: *Công đoàn trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội*, Nxb lao động, Hà-nội 1976, tr. 27.

hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội cũng như đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực để xây dựng người công nhân mới xã hội chủ nghĩa. Cũng tự hào về những phẩm chất tốt đẹp, những thắng lợi đã giành được của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn, chúng ta càng phải nghiêm khắc với những yếu kém ấy để kiên quyết khắc phục.

Thực tiễn hoạt động của công đoàn Việt nam trong hơn nửa thế kỷ qua cho phép chúng ta rút ra những kết luận sau:

Một là, đánh giá đúng vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt nam là vấn đề cốt tử của cách mạng.

Trong điều kiện một nước vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, kinh tế chậm phát triển, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, công nghiệp còn nhỏ bé, tuyệt đại bộ phận công nhân xuất thân từ nông dân và các tầng lớp dân cư khác, thì việc xác định đúng vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân thật không đơn giản. Đảng ta do Hồ Chủ tịch sáng lập và rèn luyện, do sớm tiếp thu và nắm vững chủ nghĩa Mác-Lê-nin, cho nên ngay từ khi mới thành lập cũng như trong suốt quá trình hoạt động, Đảng luôn luôn khẳng định giai cấp công nhân Việt nam là lực lượng lãnh đạo cách mạng, đồng thời cùng với giai cấp nông dân hợp thành đội quân chủ lực của cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Giai cấp công nhân giữ vai trò quyết định trong sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Điều quan trọng hiện nay là, khi đánh giá về giai cấp công nhân, chúng ta cần có cách nhìn toàn diện. Một mặt, phải thấy hết bản chất cách mạng triệt để và những mặt mạnh, mặt tích cực của đội ngũ giai cấp công nhân nước ta; mặt khác cũng phải nhận rõ những mặt yếu

kém còn tồn tại, do ảnh hưởng của nền sản xuất nhỏ, của chế độ thực dân cũ và mới, do những hoạt động phá hoại thâm độc của kẻ thù. Từ đó mà tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thường xuyên tiến hành đấu tranh trong nội bộ công nhân, phát huy những mặt mạnh, khắc phục những mặt yếu kém, từng bước xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân lớn mạnh.

Hai là, sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đối với tổ chức công đoàn là tất yếu. Các cấp ủy Đảng, các đảng viên, cán bộ của Đảng cần nắm vững những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê-nin về công tác công đoàn, trên cơ sở đó mà hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ của công đoàn trong giai đoạn cách mạng hiện nay; thật sự tôn trọng và tạo điều kiện để tổ chức công đoàn, cán bộ và đoàn viên, công nhân, viên chức thực hiện quyền làm chủ tập thể; thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới.

Ba là, nắm vững tính chất giai cấp, tính chất quần chúng của công đoàn trong hoạt động thực tiễn là một vấn đề cơ bản, nguyên tắc.

Tính chất giai cấp của công đoàn thể hiện ở mục tiêu đấu tranh của công đoàn. Nó đòi hỏi công đoàn phải đấu tranh kiên quyết để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa phụng hội, chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa kinh tế, chủ nghĩa công đoàn...

Tính chất quần chúng của công đoàn thể hiện ở chỗ công đoàn là tổ chức quần chúng rộng lớn nhất của giai cấp công nhân. Nó đòi hỏi phải tập hợp được đông đảo công nhân, viên chức vào công đoàn, và trong mọi hoạt động của mình, công đoàn phải lấy việc giáo dục, thuyết phục, động viên công nhân, viên chức tự

giác hành động cách mạng dưới mọi hình thức thích hợp với trình độ giác ngộ, với nguyện vọng của họ làm phương pháp công tác cơ bản.

Do nắm vững hai tính chất ấy, thời gian qua, công đoàn Việt nam đã làm tròn chức trách là sợi dây chuyển lực nổi liên Đảng cộng sản với quần chúng công nhân, là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước chuyên chính vô sản.

Trước kia cũng như hiện nay, kẻ thù của giai cấp công nhân ở khắp nơi trên thế giới luôn tìm cách chống phá phong trào công nhân và thành quả cách mạng của giai cấp công nhân. Một mũi nhọn tập trung của chúng là tìm cách làm mất tính chất giai cấp, tính chất quần chúng của tổ chức công đoàn. Chúng lập ra những công đoàn giả hiệu để lừa bịp và chia rẽ quần chúng công nhân và phong trào công đoàn.

Bốn là, thực hiện vai trò, chức năng của công đoàn phải gắn với việc thực hiện đường lối của Đảng trong từng giai đoạn cách mạng. Đây cũng là một vấn đề có tính nguyên tắc, bởi vì nếu không lấy việc thực hiện đường lối của Đảng làm mục tiêu hoạt động của mình, công đoàn sẽ mất phương hướng. Trước mắt, công đoàn phải vận động công nhân, viên chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra. Nhưng cần chú ý là, công đoàn phải thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng sao cho phù hợp với vai trò, tính chất và chức năng của công đoàn, không « lộn sẩn » với các cơ quan Nhà nước, với các đoàn thể khác.



Dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, Đại hội thứ V công đoàn Việt nam đã xác định những

nhiệm vụ, mục tiêu của công đoàn trong thời gian tới là :

Một là, xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân lớn mạnh, xây dựng người công nhân mới xã hội chủ nghĩa.

Đây là nhiệm vụ cơ bản và lâu dài của toàn Đảng, của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, trong đó công đoàn có trách nhiệm rất quan trọng.

Trước mắt, nhiệm vụ đó đang nổi lên hết sức cấp thiết, bởi vì nếu không có đội ngũ giai cấp công nhân tương xứng với nhiệm vụ chính trị mà Đảng đã đặt ra thì chúng ta không thể giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh gay gắt, quyết liệt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa; không thể cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa; không thể thực hiện được công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Đảng ta đã chỉ rõ: « Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì phải thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Muốn thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa thì phải có một giai cấp công nhân đông đảo và vững mạnh về mọi mặt » (Nghị quyết 167 của Ban bí thư Trung ương Đảng).

Xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh trước mắt hiện nay là :

— Về chính trị, phải xây dựng giai cấp công nhân có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có tinh thần và năng lực làm chủ tập thể cao, bồi dưỡng, giới thiệu ngày càng nhiều công nhân ưu tú để Đảng lựa chọn kết nạp vào Đảng, đưa vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ở các cấp, bảo đảm cho đường lối của Đảng được thực hiện một cách triệt để.

— Về kinh tế và xã hội, phải phát triển mạnh kinh tế quốc doanh, tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, từng bước thực hiện công

nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; không ngừng nâng cao trình độ nghề nghiệp, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, kiến thức về quản lý sản xuất, quản lý kinh tế của công nhân, viên chức; đồng thời ra sức chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của công nhân viên chức, bảo đảm quan hệ hợp lý giữa mức thu nhập của công nhân viên chức với thu nhập của các tầng lớp dân cư khác trên nguyên tắc phân phối theo lao động.

Hai là, tập trung mọi hoạt động của công đoàn vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Mấy năm gần đây, sản xuất nông nghiệp có nhiều tiến bộ, sản lượng lương thực năm sau tăng hơn năm trước, nhưng chưa thật vững chắc. Bình quân lương thực tính theo đầu người còn quá thấp (chưa đầy 300 kg). Trên mặt trận sản xuất công nghiệp, tuy có tiến bộ nhưng vẫn dè dặt nhất hiện nay là công suất thiết bị, máy móc sử dụng còn quá thấp, năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế chưa cao. Nhà nước chưa nắm được đủ hàng. Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng nhất của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn hiện nay là đẩy lên một phong trào cách mạng sâu rộng, sôi nổi, đều khắp, thi đua lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, thực hành tiết kiệm nhằm khai thác mọi khả năng tiềm tàng về lao động, vật tư, máy móc, thiết bị, ứng dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và sản xuất nông nghiệp.

Thi đua xã hội chủ nghĩa là biểu hiện cụ thể của tinh cảm cách mạng, của tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân, viên chức, là biện pháp có tính tổng hợp để tiến hành đồng thời ba cuộc cách

mạng ở nước ta hiện nay. Công đoàn phải làm tốt vai trò của mình trong việc tổ chức các phong trào thi đua. Khẩu hiệu hành động hằng ngày của chúng ta là: « Năng suất, chất lượng, hiệu quả cao nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng đã đề ra ».

Ba là, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước giải quyết những vấn đề cụ thể đề òn định và bảo đảm đời sống công nhân, viên chức.

Do chính sách về tiền lương, tiền thưởng không còn phù hợp, cho nên thu nhập của công nhân, viên chức hiện nay nói chung không bảo đảm được yêu cầu tái sản xuất sức lao động. Đời sống công nhân, viên chức đang gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Hiện nay, phân phối lưu thông đang là vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách nhất, nóng bỏng nhất và cũng là nơi đang diễn ra một cách quyết liệt nhất cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa cũng như cuộc đấu tranh giữa ta với địch. Công đoàn có trách nhiệm và có khả năng góp phần cùng với Nhà nước lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông. Các cấp công đoàn cần đẩy mạnh hơn nữa công tác vận động, giáo dục công nhân, viên chức để mọi người nhận rõ và tự giác chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phân phối lưu thông. Đồng thời tăng cường hoạt động của các ban thanh tra công nhân ở xí nghiệp, có những hình thức hoạt động phong phú thu hút đông đảo công nhân, viên chức tham gia kiểm kê, kiểm soát, thực hiện phân phối công bằng, hợp lý, kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực.

Công đoàn cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Nhà nước chăm lo đời sống công nhân, viên chức. Trước mắt cần tạo cho mọi người có

đủ việc làm; bảo đảm cung cấp đầy đủ, đúng thời gian những mặt hàng thuộc nhu cầu thiết yếu của đời sống công nhân, viên chức, hướng dẫn, tổ chức tốt việc làm kinh tế phụ gia đình và các hoạt động dịch vụ nhằm phục vụ công nhân, viên chức và gia đình họ. Cần thực hiện rộng rãi chế độ trả lương khoán, lương sản phẩm, lương thời gian có thưởng. Sử dụng đúng đắn các quỹ khen thưởng và phúc lợi ở cơ sở. Công đoàn cần nghiên cứu đề nghị Nhà nước và kiên quyết ủng hộ Nhà nước thực hiện những biện pháp tích cực, đồng bộ nhằm bảo đảm tiền lương thực tế của công nhân, viên chức; xúc tiến việc cải thiện chế độ tiền lương; đổi mới một số chính sách không còn phù hợp với tình hình hiện nay, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, gần người lao động với thành quả lao động.

Bốn là, kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực hoạt động của tổ chức công đoàn.

Cần nâng cao hơn nữa năng lực tổ chức thực hiện, chỉ đạo, điều hành, năng lực và hiệu lực tham gia công việc của Nhà nước và kiểm tra hoạt động của Nhà nước, tham gia quản lý sản xuất, quản lý kinh tế, quản lý xã hội; đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động để tổ chức công đoàn thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, chức năng của mình.

Muốn vậy, các cấp công đoàn cần cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở những nguyên tắc đã ghi trong Điều lệ Công đoàn Việt nam, khẩn trương nghiên cứu đề nghị Nhà nước cụ thể hóa và thể chế hóa quan hệ giữa công đoàn và Nhà nước, bảo đảm cho công đoàn thực hiện tốt vai trò và chức năng đã được Hiến pháp quy định.

Xúc tiến việc lập quỹ Loach đội ngũ cán bộ công đoàn, trước hết là cán bộ chủ chốt ở các cấp công đoàn. Mạnh dạn đề bạt cán bộ trẻ, có phẩm

chất, có năng lực, đồng thời coi trọng việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công đoàn lâu năm, bảo đảm tính kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ công đoàn.

Nhanh chóng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động để có nhiều hình thức hoạt động phong phú, linh hoạt, nhạy bén, làm cho mọi hoạt động của tổ chức công đoàn ngày càng thiết thực, cụ thể, đạt hiệu quả, khắc phục bệnh quan liêu, đơn giản và khô cứng trong tổ chức và trong sinh hoạt của công đoàn.

Năm là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động công nhân và hoạt động của tổ chức công đoàn.

Vấn đề chủ yếu hiện nay là cần nâng cao hơn nữa nhận thức của toàn Đảng, toàn dân về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; ra sức xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh; cải tiến và tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác công đoàn. Có nhận thức đúng, chúng ta mới có hành động đúng trong việc xây dựng giai cấp công nhân, xây dựng tổ chức công đoàn. Đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư của Đảng đã nói: « Mọi người công nhân Việt nam phải hiểu rõ vai trò lịch sử của giai cấp mình đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta và đối với sự phát triển của cách mạng thế giới. Nếu không hiểu rõ điều ấy thì dù là công nhân thật sự, chúng ta cũng chưa hẳn đã là những công nhân giác ngộ cách mạng, dù là đảng viên đi nữa, chúng ta cũng chưa hẳn đã là người cộng sản chân chính » (3).

Thời gian qua, Đảng ta đã có những chỉ thị, nghị quyết về công tác vận động công nhân và hoạt động của

(3) Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*, Nxb Sự thật - Hà nội, 1976, tập 1, tr. 540.

công đoàn. Trong giai đoạn trước mắt, đề công đoàn phát huy được đầy đủ vai trò và chức năng của mình như các nghị quyết của Đảng đã đề ra, các cấp ủy Đảng cần lãnh đạo chặt chẽ mọi hoạt động của công đoàn, phân công cấp ủy viên có năng lực trực tiếp phụ trách công tác công đoàn; giáo dục đảng viên nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ người đoàn viên, hội viên trong các tổ chức quần chúng nội chung và công đoàn nội riêng; lãnh đạo công đoàn, cơ quan Nhà nước và các đoàn thể khác như Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ phối hợp công tác một cách chặt chẽ.

Các cấp ủy Đảng, trước hết là ở cơ sở, cần đẩy mạnh công tác phát triển Đảng trong công nhân để tăng cường thành phần công nhân trong Đảng; thông qua phong trào công nhân và hoạt động công đoàn mà bồi dưỡng, đào tạo ngày càng nhiều cán bộ xuất thân từ công nhân cho Đảng và Nhà nước.

Hiện nay, trong một số cán bộ, đảng viên chưa có nhận thức đầy đủ về vấn đề này. Có người chưa thấy rõ mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với giai cấp công nhân, chưa thấy rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chưa thấy rõ vai trò, vị trí, chức năng của công đoàn; do đó chưa có ý thức đầy đủ đối với việc chăm lo xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn

vững mạnh. Ở không ít nơi, cấp ủy thường «khoán trang» công tác công đoàn cho một số ít cán bộ công đoàn chuyên trách; có đồng chí coi công đoàn chỉ là tổ chức lo toan việc «cơm, áo, gạo, tiền», hạ thấp vai trò, chức năng, nhiệm vụ của công đoàn. Đó là những khuyết điểm cần sớm được khắc phục.

☆

Kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Công đoàn Việt nam, cán bộ, đoàn viên, công nhân, viên chức nước ta vô cùng tự hào về tổ chức cách mạng của mình. Được sự lãnh đạo, giáo dục của Đảng và của Hồ Chủ tịch kính mến, Công đoàn Việt nam ngày nay đã trở thành một tổ chức rộng lớn, vững mạnh, một thành viên nòng cốt trong hệ thống chuyên chính vô sản và khối đại đoàn kết toàn dân.

Biết bao người con ưu tú của Đảng, của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn đã ngã xuống vì những mục tiêu cao cả của giai cấp và của dân tộc. Trong giai đoạn cách mạng mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn kính mến, Công đoàn Việt nam quyết vượt qua mọi khó khăn, cùng toàn dân, toàn quân xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới. •

CUỘC ĐẤU TRANH GIỮA « HAI CON ĐƯỜNG » TRÊN LĨNH VỰC GIÁ CẢ

Giáo sư ĐOÀN TRỌNG TRUYỀN

QUẢN TRIỆT QUAN ĐIỂM CHUNG CỦA ĐẢNG VỀ CUỘC ĐẤU TRANH GIỮA HAI CON ĐƯỜNG TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ TRÊN LĨNH VỰC GIÁ CẢ

TRONG thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đặc biệt là trong chặng đường đầu tiên hiện nay, cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa diễn ra khá gay gắt, quyết liệt, phức tạp, dai dẳng ở tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, cuộc đấu tranh giữa hai con đường trên lĩnh vực giá cả chỉ có thể giành được thắng lợi khi nó nằm trong cục diện chung của cuộc đấu tranh giữa « hai con đường » do Đảng lãnh đạo đề cập tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Kinh nghiệm những năm qua cho thấy, ở đầu tiên hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đúng đường lối của Đảng, thì ở đó vấn đề giá cả cũng được giải quyết dần dần hơn. Sự lớn mạnh và vai trò chủ đạo của hệ thống giá cả xã hội chủ nghĩa của Nhà nước không phải chủ yếu ở bản

thân nó mà ở sức mạnh tổng hợp của nền chuyên chính vô sản, (mà cơ sở là thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa) và của so sánh lực lượng giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Chừng nào ta chưa đạt được thắng lợi cơ bản của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chưa có một nền sản xuất lớn cơ khí xã hội chủ nghĩa, chưa cơ bản cải tạo và xóa bỏ các thành phần kinh tế tư nhân, thì ta chưa có cơ sở vững chắc và đầy đủ cho một hệ thống giá cả xã hội chủ nghĩa ổn định và chi phối tuyệt đối thị trường xã hội. Nhưng ngay trong chặng đường đầu tiên hiện nay, nhìn một cách tổng thể và biện chứng, lực và thế của chủ nghĩa xã hội mạnh hơn lực và thế của chủ nghĩa tư bản. Tiến hành cuộc đấu tranh giữa hai con đường trên lĩnh vực giá cả, chính là phải biết phân tích lực và thế của hai bên và biết phát huy lực và thế của chủ nghĩa xã hội để xây dựng và

phát huy tác dụng của hệ thống giá cả xã hội chủ nghĩa của Nhà nước, làm chủ được thị trường và giá cả trong toàn xã hội. Phát triển sản xuất (có năng suất, chất lượng và hiệu quả), nhất là sản xuất quốc doanh và tập thể xã hội chủ nghĩa, mở rộng thị trường và thương nghiệp xã hội chủ nghĩa về quy mô, số lượng và chất lượng, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế tư nhân và quản lý chặt chẽ thị trường tự do, bãi trừ đầu cơ buôn lậu, ổn định và tăng cường sức mạnh của nền tài chính quốc gia và giữ vững giá trị đồng tiền..., đó là những cơ sở tạo nên lực và thế của chủ nghĩa xã hội trên lĩnh vực thị trường và giá cả, đi đến làm chủ thị trường và giá cả. Trong cuộc đấu tranh « ai thắng ai », chúng ta có những tiềm năng và khả năng hiện thực để giành thắng lợi từng bước, từng phần, đi đến thắng lợi hoàn toàn. Đó là vì chúng ta có nền chuyên chính vô sản mạnh, dựa trên cơ sở làm chủ tập thể của nhân dân lao động, lấy công - nông liên minh làm nền tảng; vì Nhà nước ta nắm trong tay những vị trí kinh tế then chốt, chiến lược, những vật tư, hàng hóa chủ yếu mà Nhà nước độc quyền quản lý hay độc quyền kinh doanh; vì trên cơ sở đó, Nhà nước có khả năng đầy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản, cải tạo giai cấp tư sản dưới nhiều hình thức, và có khả năng lôi cuốn hàng triệu những người sản xuất hàng hóa nhỏ đi theo chủ nghĩa xã hội, đi vào con đường làm ăn tập thể; vì bằng sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản, Nhà nước có thể đập tan những âm mưu và hành động phá hoại của những kẻ địch bên ngoài câu kết với những thế lực phản động bên trong. Phát huy và sử dụng đúng đắn những khả năng đó là làm chủ được quá trình tái sản xuất xã hội, trước hết là làm chủ sản xuất, và trên cơ sở làm chủ

sản xuất và từ làm chủ sản xuất mà kết hợp làm chủ cả phân phối, lưu thông, tiêu dùng, tức là làm chủ thị trường và giá cả. Một sự đánh giá và so sánh lực và thế không đúng, cục bộ, phiến diện, hời hợt có thể dẫn đến hai thái độ không đúng:

— Hoặc tiêu cực, bỏ rơi trận địa xã hội chủ nghĩa, bị động trước sự tiến công của những thế lực phi xã hội chủ nghĩa, của thị trường tự do và thương nhân, và phương bộ, thậm chí chịu khuất phục trước tác động tự phát của quy luật giá trị, chấp nhận cơ chế thị trường tự do;

— Hoặc chủ quan nóng vội, phiêu lưu mạo hiểm, muốn đánh một trận là xong, xóa bỏ một cách đơn giản thị trường bằng đơn thuần dùng mệnh lệnh hành chính.

Trên cơ sở những tiền đề trên được tạo ra và lớn dần trong cuộc đấu tranh thực tế, cần vận dụng chính sách giá cả như là một bộ phận hữu cơ của chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, nhằm mục tiêu chung là cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường. Cần dứt khoát trong nhận thức, tư tưởng như vậy, không mơ hồ trước tình trạng giá cả đang có những biến động phức tạp, trong chừng mực nhất định là hỗn loạn; có như vậy mới không lạc đường, không rơi vào khuynh hướng mua bán đơn thuần trong quan hệ thị trường phức tạp hiện nay.

Trong tình hình hiện nay, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực giá cả còn phần ảnh cuộc đấu tranh giữa ta và địch. Bọn hành trưởng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác phối hợp với bọn phản động trong nước ta, bọn tư sản chưa chịu cải tạo, lợi dụng những chỗ yếu của nền kinh tế ta, những diễn biến phức tạp và tự phát của thị trường và giá cả hiện nay, lợi

dùng những mắt cân đối trong nền kinh tế và những sơ hở trong quản lý của ta để phá hoại nền kinh tế, làm rối loạn thị trường và giá cả. Trong điều kiện nền kinh tế ta còn khó khăn, cung—cầu còn mất cân đối, kẻ địch thường tìm cách tạo ra những đợt tăng giá giả tạo. Sự thật là ẩn đằng sau những đợt tăng giá đợt biến trên thị trường tự do những năm 1981 — 1982 — 1983 vừa qua là sự phá hoại của địch kết hợp với sự chống đối cũ; các tầng lớp tư sản chưa chịu cải tạo và xu hướng tư bản chủ nghĩa tự phát của những người tiểu sản xuất hàng hóa và thương nhân. Cần thấy rằng kẻ địch phá hoại kinh tế, làm rối loạn giá cả không chỉ nhằm những mục tiêu kinh tế đơn thuần, mà còn có mục đích chính trị xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có chính sách giá cả, làm suy yếu nền chuyên chính vô sản, làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng, Nhà nước và làm hư hỏng một bộ phận cán bộ.

Cuộc đấu tranh giữa hai con đường không chỉ là cuộc đấu tranh chống chạy theo cơ chế thị trường trong nước, mà còn bao gồm chống xu hướng chạy theo cơ chế thị trường thế giới tư bản chủ nghĩa. Trong điều kiện hiện nay của nước ta, một bộ phận quan trọng những tư bản sản xuất chủ yếu sử dụng trong nước là nhập khẩu và khoảng 10 — 15% thu nhập quốc dân được hình thành thông qua hoạt động xuất nhập khẩu, thì vấn đề quan hệ giữa hệ thống giá trong nước với giá quốc tế có ý nghĩa quan trọng. Cần khắc phục cả hai khuynh hướng: khuynh hướng “khép kín” hệ thống giá trong nước, biệt lập hoàn toàn với giá cả quốc tế; và khuynh hướng khác là gán một cách thụ động giá cả trong nước với giá cả quốc tế, từ đó làm cho giá cả trong nước cùng trôi nổi theo sự biến động của giá cả quốc tế, trước hết là giá cả thị trường thế giới tư bản. Đây là

một vấn đề phức tạp, một địa hạt mới mở đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu công phu, toàn diện những vấn đề lý luận và phương pháp luận về sự tác động của giá cả quốc tế đến hệ thống giá cả trong nước. Tuy nhiên, vấn đề cơ bản là phải quán triệt những quan điểm, chính sách của Đảng, những nguyên tắc hình thành giá cả, phải bảo đảm tính độc lập và tính kế hoạch của hệ thống giá cả trong nước, giữ vững nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương, trung ương thống nhất quản lý ngoại thương và ngoại hối. Tội ác ác liệt của cuộc đấu tranh giai cấp trên thị trường và giá cả trong quan hệ đối ngoại (với các nước tư bản chủ nghĩa) được Lê-nin vạch rõ trong lời nói về độc quyền ngoại thương: «... bất cứ chính sách thuế quan nào cũng không thể có hiệu lực được ở thời đại chủ nghĩa đế quốc và ở thời đại có sự khác nhau giữa các nước nghèo và những nước giàu không thể tưởng tượng. Nhiều lần Bu-kha-rin viện đến sự bảo hộ bằng thuế quan mà không thấy rằng trong tình hình đó, bất cứ một nước công nghiệp giàu mạnh nào cũng có thể đập tan hoàn toàn thứ bảo hộ đó... Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, ngoài chế độ độc quyền ngoại thương ra, không thể nói đến bất cứ một chính sách thuế quan nghiêm túc nào cả» (1). Đó là vấn đề rất quan trọng đối với nền kinh tế tự chủ của nước ta hiện nay, trong lúc đế quốc Mỹ cấu kết với bọn bán hàng trưởng Bắc kinh và các bọn phản động khác thi hành một chính sách thù địch hòng bóp nghẹt nền kinh tế ta, và thông qua quan hệ ngoại thương mà phá hoại nền kinh tế ta, làm rối loạn thị trường, giá cả và tiền tệ của ta. Điều đó càng quan trọng do tình trạng tranh mua, tranh bán giữa một

(1) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*, Nhà Tiền bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 45, tr. 386 — 387.

số cơ quan kinh doanh xuất nhập khẩu trung ương và địa phương và giữa các địa phương với nhau, do xu hướng đua nhau kiếm lời bằng chênh lệch giá, bằng đẩy giá một số mặt hàng xuất khẩu và nhập khẩu lên cao, làm giảm sút nghiêm trọng giá trị đồng tiền trong nước. Những sơ hở

của ta trong lĩnh vực quản lý thị trường và giá cả trong nước và trong lĩnh vực ngoại thương vừa qua không góp phần làm cho thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, mà làm tăng thế lực thị trường tự do trong nước, gây thiệt hại đến lợi ích của nhân dân lao động và của Nhà nước.

GIÁ CẢ ĐƯỢC HÌNH THÀNH CÓ KẾ HOẠCH DƯỚI CHẾ ĐỘ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Cách đây hàng trăm năm, Các Mác đã nhấn mạnh một luận điểm khoa học cực kỳ quan trọng «... giá trị chỉ có thể thể hiện ra trong mối quan hệ xã hội giữa hàng hóa này với hàng hóa khác mà thôi» (2). Ngày nay, qua thực tiễn sinh động của đời sống kinh tế - xã hội nước ta, đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã khẳng định: «Giá cả là quan hệ xã hội, đặc biệt quan trọng là quan hệ công - nông, quan hệ tích lũy - tiêu dùng» (3). Khi Các Mác nói: «Giá cả là biểu hiện bằng tiền của giá trị» thì bản thân phạm trù giá trị và tiền cũng đã bao hàm các mối quan hệ xã hội. Thông thường người ta dễ thấy giá cả như là quan hệ mua bán, tức là quan hệ kinh tế - xã hội trên thị trường, không thấy ẩn náu đằng sau quan hệ kinh tế - xã hội một cách toàn diện và cơ bản, từ quan hệ sở hữu đến quan hệ phân phối, quan hệ giải cấp... Nói đến giá cả là nói đến thị trường, mà nói đến quan hệ thị trường là nói đến quan hệ hàng - tiền, tiền - hàng. Cho nên, nội dung của làm chủ giá cả là làm chủ thị trường, làm chủ hàng và tiền. Ai nắm hàng, nắm tiền, người đó làm chủ thị trường và giá cả. Không nắm hàng - tiền, không làm chủ thị trường và thương nghiệp mà nói làm chủ giá cả là vô nghĩa, là «thả mỗi bát bóng». Nhưng làm chủ hàng, tiền, thị

trường, giá cả lại có nguồn gốc sâu xa hơn nữa là làm chủ sản xuất, tức là làm chủ lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, làm chủ sản phẩm, và trên cơ sở làm chủ sản xuất, và từ làm chủ sản xuất mà làm chủ phân phối - lưu thông, làm chủ giá cả. Như vậy, có thể nói, giá cả xã hội chủ nghĩa là kết quả của sản xuất có năng suất, chất lượng và hiệu quả, cộng với (+) phân phối theo những quan hệ kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa. Cũng vì vậy giá cả vừa bị chi phối bởi các yếu tố sản xuất - kỹ thuật, vừa bị chi phối bởi các yếu tố xã hội, những lợi ích kinh tế, những quan hệ giải cấp trong sản xuất và phân phối. Nếu ta chỉ thay những yếu tố sản xuất - kỹ thuật, bỏ qua các yếu tố kinh tế - xã hội, thoát ly khỏi cuộc đấu tranh giữa hai con đường, thì sẽ biến sự hình thành giá cả thành một sự tính toán số học; ngược lại, chỉ cường điệu các yếu tố kinh tế - xã hội, không tính đầy đủ những yếu tố sản xuất - kỹ thuật thì dễ rơi vào những suy luận chủ quan, thiếu căn cứ khách quan, tức là giá trị và thực thể của nó là «lượng lao động xã hội

(2) Các Mác: *Tư bản*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1973, quyển thứ nhất, tập 1, tr. 97.

(3) Bài nói của đồng chí Lê Duẩn tại hội nghị thứ 5 BCH TƯ Đ, ngày 7-12-1983. *Tạp chí Công sản* số 1-1984, tr. 14.

cần thiết». Tinh phức tạp của cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai con đường, giữa ta và địch trên lĩnh vực giá cả, trước hết, là do bản thân giá cả là quan hệ xã hội mà quan hệ xã hội ở đây lại là quan hệ xã hội trong thời kỳ quá độ của nền kinh tế còn nhiều thành phần, tức là một xã hội còn giai cấp và đấu tranh giai cấp. Giá trị và sự chuyển hóa giá trị biểu hiện rõ dưới hình thức tồn tại của nó là các loại hình giá như thế nào là do sự tác động tổng hợp của các quy luật kinh tế đang tồn tại và phát sinh tác dụng trong nền kinh tế, do trình độ phát triển của các quan hệ sản xuất, của các lực lượng sản xuất, tức là do cơ sở kinh tế — xã hội cụ thể khách quan quyết định. Một trong những đặc điểm cơ bản nhất phân biệt sự khác nhau giữa sự hình thành và vận động của giá cả trong nền sản xuất hàng hóa ngay cả trong thời kỳ quá độ với sự hình thành và vận động của giá cả trong các nền sản xuất hàng hóa khác là *một bên giá cả hình thành theo cơ chế kế hoạch hóa, còn một bên là giá cả hình thành tự phát theo cơ chế thị trường*. Điều đó không phải do ý muốn chủ quan mà là một tất yếu khách quan của sự tác động tổng hợp của các quy luật kinh tế, phản ánh các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã hình thành, được củng cố và ngày càng hoàn thiện. Sự tác động tự phát của thị trường, của tình trạng sản xuất tư nhân cạnh tranh vô chính phủ hay của tư bản độc quyền trong các phương thức sản xuất trước đây được thay thế bằng sự phát triển cân đối, có kế hoạch của nền kinh tế quốc

dân, bằng sự quản lý có căn cứ khoa học toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội. Chính vì vậy, cuộc đấu tranh giữa hai con đường trên lĩnh vực giá cả ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thể hiện tập trung nhất và trước hết ở sự đối lập giữa hai cơ chế quản lý không thể dung hòa nhau được; tức là giữa một bên là sự tồn tại khá dai dẳng của cơ chế thị trường đã ăn sâu vào đời sống xã hội và trong tiềm thức của nhiều người, với một bên là sự ra đời và ngày càng lớn mạnh, có vị trí chi phối của cơ chế quản lý lấy kế hoạch làm trung tâm. Luận điểm cho rằng trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ ở nước ta, do còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế khác nhau, cần vận dụng quy luật giá trị, sử dụng đòn bẩy giá cả như là một công cụ « vận năng » hồng điều tiết và thúc đẩy sản xuất và thoát ra khỏi những khó khăn hiện nay là một luận điểm sai lầm, rơi vào quan điểm của « chủ nghĩa xã hội thị trường », nguy hiểm đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nó trái với đường lối của Đảng ta, như đồng chí Lê Duẩn đã nhấn mạnh: « Nói năm thành phần kinh tế ở miền Nam là nói năm thành phần để sản xuất, làm ra hàng hóa chứ không phải cả năm thành phần chia nhau năm hàng, năm tiền » (4). Trong điều kiện nền sản xuất nhỏ còn phổ biến, sản xuất hàng hóa tư nhân còn khá rộng lớn, nếu ta không kiên quyết đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, không thực hiện cơ chế quản lý lấy kế hoạch làm chính, thì nền kinh tế sẽ lâm vào xu thế tự phát tư bản chủ nghĩa.

GIÁ CẢ LÀ CÔNG CỤ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Kế hoạch mà không kinh doanh là kế hoạch quan liêu; kinh doanh mà không lấy kế hoạch làm trung tâm thì không còn là kinh doanh xã hội

chủ nghĩa. Giá cả phải quán triệt hai

(4) Bài nói của đồng chí Lê Duẩn tại Hội nghị thứ 5 BCH TƯ Đảng ngày 7-12-1983. Tạp chí công sản số 1-1984, tr. 11.

yêu cầu đó. Có thể nói giá cả dưới chủ nghĩa xã hội là *giá cả kế hoạch — kinh doanh xã hội chủ nghĩa*.

Việc sử dụng công cụ giá cả trong cơ chế quản lý kinh tế đòi hỏi phải vận dụng cả hệ thống các quy luật kinh tế, trong đó các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội chiếm vai trò chủ đạo và quy luật giá trị có một vị trí rất quan trọng phát sinh tác dụng trong tổng thể cơ chế tác động của các quy luật đang tồn tại. Vận dụng tự giác quy luật giá trị phục vụ cho kế hoạch hóa và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, hay đề nó tự phát điều tiết nền kinh tế quốc dân với những hậu quả không tốt của nó? Điều đó tùy thuộc vào khả năng Đảng và Nhà nước ta phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và sức mạnh tổng hợp kinh tế — chính trị — xã hội của chuyên chính vô sản để điều hành nền kinh tế, đấu tranh có hiệu lực chống sự phá hoại của địch, chống khuynh hướng tư bản chủ nghĩa tự phát của sản xuất nhỏ và sự « hấp dẫn » của con đường tư bản chủ nghĩa. Giá cả xã hội chủ nghĩa chứa đựng các mối quan hệ lớn về kinh tế — xã hội, góp phần giải quyết thỏa đáng các mối quan hệ và bảo đảm sự hài hòa giữa ba loại lợi ích: lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động. Nó không dung thứ những hành động núp dưới danh nghĩa « xã hội chủ nghĩa » để kiếm lời riêng tư, bất chính cho cá nhân hoặc cục bộ bản vị cho đơn vị, cho địa phương mình bằng đầu cơ chênh lệch giá. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường trên lĩnh vực giá cả là một bộ phận cơ bản của cuộc đấu tranh giữa hai lối kinh doanh: xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa; cho nên nó không chỉ diễn ra trên mặt trận phân phối, lưu thông mà còn diễn ra ở mọi mặt của đời sống kinh tế — xã hội và xuyên suốt toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội từ sản xuất đến phân phối, lưu thông, tiêu dùng. Nói đến kinh

doanh xã hội chủ nghĩa là nói đến làm ăn có hiệu quả, tức là sản xuất ra nhiều sản phẩm có chất lượng với chi phí ít nhất, và có sản phẩm thặng dư, có tích lũy cho tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, sự hình thành giá cả có kế hoạch đòi hỏi trước hết phải tính được giá thành sản xuất và phí lưu thông, bảo đảm phản ánh đúng đắn những chi phí lao động xã hội cần thiết, loại trừ những chi phí bất hợp lệ, bất hợp lý; tức cũng là tính giá trên cơ sở kế hoạch hóa và hạch toán kinh tế chứ không phải lấy giá thị trường tự do làm chuẩn để định giá theo phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa và hạch toán thương mại. Điều đó cho thấy cuộc đấu tranh giữa hai con đường diễn ra trước hết ở ngay các cơ sở sản xuất và kinh doanh trong quá trình sản xuất; nó diễn ra trong bộ máy tổ chức của Nhà nước giữa lối làm ăn tùy tiện với bất cứ giá nào, bất chấp kế hoạch và hạch toán kinh tế, với lối làm ăn có hạch toán kinh tế, có kế hoạch và định mức, có tính toán hiệu quả kinh tế, lời lỗ trên cơ sở tìm mọi biện pháp thiết thực, có hiệu lực để giảm giá thành và phí lưu thông. Trong quá trình phân phối, lưu thông, giá cả có một vị trí quan trọng. Tuy nhiên, cần thấy rằng, biện pháp quan trọng nhất là phải chủ động, kiên quyết nắm hàng, nắm tiền chứ không phải cứ tung tiền ra để mua bán, trao đổi với bất cứ giá nào. Mặt khác, tuy giá cả hình thành trên cơ sở giá trị, nhưng Nhà nước xã hội chủ nghĩa có khả năng và oân thiết vận dụng cơ chế giá cả chênh lệch với giá trị, vận dụng quan hệ tỷ giá chênh lệch với quan hệ tỷ lệ giá trị nhằm phục vụ cho những mục tiêu kinh tế — xã hội nhất định trong từng thời kỳ nhất định. Tỷ giá công — nông nghiệp thể hiện quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và giai cấp công nhân với nông dân, giữa công nghiệp với nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn. Mối quan

hệ trao đổi hàng hóa này không thể là mối quan hệ trao đổi tự phát, thuận mua vừa bán đơn thuần theo cơ chế thị trường. Nó phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước bằng một cơ chế và một hệ thống tổ chức thu mua (nông - lâm - hải sản) và cung ứng (tư liệu, sản xuất phục vụ nông nghiệp và hàng công nghiệp tiêu dùng phục vụ đời sống) một cách trực tiếp giữa các tổ chức kinh doanh của Nhà nước với nông dân; nó phải được thực hiện chủ yếu theo kế hoạch và thông qua phương thức hợp đồng kinh tế hai chiều, theo giá chỉ đạo của Nhà nước mà cơ bản là theo giá thu mua nghĩa vụ và giá bán tư liệu sản xuất, giá bán lẻ Nhà nước ổn định, và một phần nhỏ theo giá mua khuyến khích. Vì giá cả xã hội chủ nghĩa hình thành có kế hoạch - kế hoạch kinh doanh xã hội chủ nghĩa phục vụ cho mục tiêu kế hoạch - kinh doanh xã hội chủ nghĩa trong điều kiện kinh tế của ta hiện nay -, cho nên giá cả hình thành theo cơ chế kế hoạch hóa và kinh doanh cũng là một bộ phận hữu

cơ của cơ chế quản lý chung, theo những nguyên tắc và quy tắc chung, có những ưu việt chung, đồng thời cũng có những sự hạn chế của bản thân cơ chế chung ấy. Do đó, hệ thống giá chỉ đạo của Nhà nước vừa có bộ phận ổn định (những mặt hàng chủ yếu: tư liệu sản xuất cũng như hàng tiêu dùng và nông sản), và có bộ phận linh hoạt (như giá mua khuyến khích, giá cao có hướng dẫn, giá kinh doanh thương nghiệp). Ổn định giá cả một cách cứng nhắc và muốn ổn định tất cả giá cả là không có cơ sở; nhưng cứ để giá cả trôi nổi theo thị trường thì cũng nguy hại. Vì vậy, phải tùy tình hình kinh tế - tài chính, tùy từng mặt hàng, tùy hoàn cảnh cụ thể mà giữ giá những mặt hàng chính; điều chỉnh bộ phận cần thiết và thi hành chính sách hai giá thích hợp. Ổn định giá và vận dụng giá một cách linh hoạt, giữ giá và điều chỉnh giá cũng đều nằm trong quỹ đạo quản lý giá cả có kế hoạch và tạo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

SỬ DỤNG SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN, TIẾN HÀNH ĐỒNG BỘ BA BIỆN PHÁP: KINH TẾ, HÀNH CHÍNH, GIÁO DỤC ĐỂ QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG VÀ GIÁ CẢ

Để tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh giữa hai con đường trên lĩnh vực giá cả, cần sử dụng sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản, tiến hành đồng thời cả ba loại biện pháp: kinh tế, hành chính, giáo dục. Trong đó biện pháp kinh tế là cơ bản nhất; cần coi trọng biện pháp nắm hàng, nắm tiền, mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa xuống sâu xã, phường, đi đôi với thu hẹp thị trường tự do ở thành thị cũng như ở nông thôn. Kinh nghiệm cho thấy, nơi nào làm tốt từ khâu sản xuất đến khâu phân phối, lưu thông ở cơ sở,

đặc biệt là chủ động nắm hàng, nắm tiền, đẩy mạnh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, thì giá cả tuy có biến động, song sự biến động không lớn. Nhưng trong bối cảnh hiện nay, việc nhân mạnh biện pháp kinh tế không có nghĩa là buông lỏng biện pháp hành chính đi đến buông lỏng chuyên chính vô sản. Thật là nguy hiểm nếu không dùng sức mạnh của chuyên chính vô sản, không dùng những biện pháp cứng rắn để ngăn chặn và trừng trị kẻ địch bên ngoài câu kết với bọn phản động trong nước, móc nối với những phần tử thoái hóa trong bộ máy Nhà nước

đề giành giết với Nhà nước hàng hóa trong xã hội, ăn cắp và cướp đoạt hàng của Nhà nước, buôn bán cả những hàng chiến lược của Nhà nước trên thị trường tự do.

Cần kết hợp tốt biện pháp kinh tế với biện pháp hành chính và giáo dục nhằm «từng bước lập lại trật tự mới trên lĩnh vực giá cả, trước hết trong khu vực kinh tế Nhà nước và trên thị trường có tổ chức» như nghị quyết các hội nghị thứ ba và thứ năm của Ban chấp hành trung ương Đảng đã nêu. Điều quan trọng là phải thiết lập được kỷ cương của Nhà nước trong việc quản lý giá cả bao gồm giá cả thị trường xã hội chủ nghĩa có tổ chức và giá cả trên thị trường không có tổ chức (thị trường tự do), đặc biệt là tăng cường sự thống nhất quản lý giá cả trên phạm vi cả nước. Giá cả trên thị trường có tổ chức là giá chỉ đạo của Nhà nước, hình thành có kế hoạch, do Nhà nước chủ động tính toán, được quy định (đó là khung giá tương đối linh hoạt) và phải được chấp hành theo điều lệ quản lý giá cả của Nhà nước. Mọi sự tùy tiện vi phạm mức giá và quy chế quản lý giá Nhà nước là vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa. Giá cả trên thị trường không có tổ chức chịu tác động mạnh của quy luật cung cầu, nhưng không phải nó được hình thành hoàn toàn tự phát với đầy đủ ý nghĩa và nội dung của thương mại tự do dưới chủ nghĩa tư bản, vì nó nằm dưới nền chuyên chính vô sản, chịu sự khống chế của kinh tế xã hội chủ nghĩa, của thị trường và thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, và của pháp luật Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Quan điểm cho rằng, vì ta còn yếu, không đủ hàng, cho nên không khống chế được thị trường tự do, không loại trừ được đầu cơ và giả đầu cơ, do đó không làm chủ được thị trường và giá cả, là một quan điểm sai lầm, Đồng chí Lê Duẩn đã nói:

«Phải đặt lại vấn đề:

— Hoặc để cho bọn phá hoại, cho tư sản, cho thị trường «tự do» và tư thương hoành hành, tranh mua, tranh bán với Nhà nước, móc ngoặc với những phần tử xấu trong cơ quan, xí nghiệp, của hàng để rút hàng từ trọng kho Nhà nước, tự do buôn lậu, lũng đoạn giá cả, rồi ta chạy theo «cạnh tranh» với chúng bằng cách nâng giá để mua, để bán, gọi đó là «cơ chế giá linh hoạt».

— Hoặc chặn tay chúng lại, không cho phép tự do mua bán lương thực, nông sản, hàng công nghiệp chủ yếu, chuyên chính với bọn phá hoại, bọn đầu cơ, buôn lậu, lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên thị trường, bảo đảm quyền của Nhà nước thống nhất kinh doanh những mặt hàng quan trọng. Từ tiền đề đó, Nhà nước tính toán với nông dân, thợ thủ công, tổ chức quy hoạch sản xuất, đầu tư, tổ chức hợp đồng cung ứng tư liệu sản xuất, phân phối đến tay người lao động những hàng tiêu dùng thiết yếu theo giá ổn định, mở rộng tín dụng, tổ chức thu mua tận gốc theo hợp đồng thoả đưa hàng trước lấy nông sản sau, hoặc ngược lại, mua chịu, lấy nông sản trước cung ứng hàng sau). Làm như vậy thì giữ được giá chỉ đạo và quan hệ tỷ giá hợp lý, được nhân dân đồng tình, chống được tình trạng nâng giá tùy tiện, mua cao, bán thấp.

Đó là hai cách làm, hai quan điểm. Cách làm thứ nhất là nguy hiểm, biến kinh tế quốc doanh thành cái đuôi của thị trường «tự do», và do đó để giá trôi nổi và rối loạn, chỉ có lợi cho bọn phá hoại, bọn đầu cơ và tư thương» (5).

Rõ ràng, quan điểm nhìn thị trường xã hội chủ nghĩa mạnh ra yếu, nhìn thị trường tự do yếu ra mạnh, và

(5) Bài nói của đồng chí Lê Duẩn tại Hội nghị thứ năm của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V).

trong một thời gian dài đã lùi trên địa xã hội chủ nghĩa, để cho thị trường tự do lấn tới là hoàn toàn sai lầm. Cần hiểu rằng, giữa hai thị trường không có một bức thành ngăn cách, mà hai thị trường giao thoa với nhau, tác động qua lại, giành giật lẫn nhau. Nếu ta sợ hãi, nếu thị trường xã hội chủ nghĩa thiếu lực mà lại lạc thế, hơn nữa nếu nó bị bệnh hoạn để cho những yếu tố nhiễu loạn và phá hoại như những oon vi trùng của thị trường tự do chui vào đục khoét cơ thể của mình, thì một bộ phận của thị trường xã hội chủ nghĩa thực chất biến thành thị trường tự do, tiếp tay cho tư thương và bản thân nó trở thành yếu tố nhiễu loạn thị trường và giá cả.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh của mình trên thị trường có tổ chức và cả trên thị trường không có tổ chức, mạnh dạn thi hành *chính sách hai giá* có khi dùng cả những biện pháp của thương nghiệp tư nhân, dùng chính sách giá cao đối với những mặt hàng nhất định, trong những thời điểm nhất định, ở những địa bàn nhất định để đấu tranh với thị trường tự do, để loại trừ bọn đầu cơ, để kìm giá và giữ giá, và khi có điều kiện thì kéo giá thị trường tự

do xuống. Đó là sách lược mà Lê-nin đã nói: « phải găm lên với chó sói » (tục ngữ ta nói: đi với ma mặc áo giấy). Kinh nghiệm của những năm qua cho thấy, giá cả diễn biến hỗn loạn không chỉ trên thị trường tự do mà ngay trong thị trường có tổ chức. Tùy tiện định giá và thay đổi giá, thậm chí cả những giá chỉ đạo đối với những sản phẩm, hàng hóa thiết yếu đối với đời sống nhân dân là điều nguy hại đối với sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hội đồng bộ trưởng đã ban hành « Điều lệ quản lý giá », vừa bảo đảm tính thống nhất của chính sách giá và hệ thống giá chỉ đạo của Nhà nước trên phạm vi cả nước, bảo đảm sự quản lý tập trung của trung ương, của Hội đồng bộ trưởng, phát huy vai trò của Ủy ban vật giá Nhà nước là cơ quan của Hội đồng bộ trưởng có chức năng thống nhất quản lý Nhà nước về lĩnh vực giá cả; đồng thời, quy định sự phân công, phân cấp quản lý giá cho các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu theo nguyên tắc tập trung dân chủ phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay. Các ngành, các cấp cần thực hiện đúng chế độ quản lý giá cả của Nhà nước theo Điều lệ mới ban hành.

Nghiên cứu

VỀ CÁC QUY LUẬT CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI*

THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

QUYẾT TIẾN

ĐÂY là quy luật chung đối với những nước đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế kém phát triển hoặc phát triển chưa cao. Còn đối với những nước có nền công nghiệp phát triển cao, thì sau khi nhân dân lao động đã giành được chính quyền, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa không phải là điều nhất thiết phải làm. Mặc dù vậy, nhân dân lao động ở các nước này vẫn phải phấn đấu nhằm khắc phục tình trạng kỹ thuật lạc hậu ở một số vùng và một số ngành kinh tế do chủ nghĩa tư bản dè dặt, cải tổ lại nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội làm cho nền kinh tế được cải tổ đó thực hiện được những chức năng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta biết rằng, mỗi chế độ xã hội đều cần có cơ sở vật chất kỹ thuật tương ứng. Nền đại công nghiệp cơ khí chính là cơ sở vật chất của

chủ nghĩa xã hội. Và việc tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật ấy là nhiệm vụ chủ yếu của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Điều đó chứng tỏ rằng công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là một quy luật khách quan đối với tất cả các nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế mà công nghiệp chưa phát triển hoặc phát triển chưa cao. Quy luật ấy càng đặc biệt quan trọng đối với những nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Cần nhấn mạnh rằng, công nghiệp hóa mà chúng ta nói ở đây là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa một thứ công nghiệp hóa bảo đảm cho *khu vực xã hội hóa* trong công nghiệp thắng *khu vực tư nhân* thắng *khu*

* Xem Tạp chí Công sản từ số tháng 1-1984.

vực sản xuất hàng hóa nhỏ và tư bản chủ nghĩa.

Công nghiệp hóa nói chung là quá trình xây dựng và phát triển công nghiệp để cho công nghiệp trở thành ngành kinh tế chính. Còn thực chất của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là phát triển công nghiệp cơ khí, lớn (đặc biệt là công nghiệp nặng mà cái lõi của nó là ngành chế tạo máy), bảo đảm cho chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa giành được thắng lợi, bảo đảm cho nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ.

Lê-nin đã từng nói: ... « Chủ nghĩa xã hội bắt đầu xuất hiện ở nơi nào đã bắt đầu có sự sản xuất tương đối đại quy mô... Chúng ta đã nói, chỉ có những điều kiện vật chất này, tức là điều kiện đại công nghiệp cơ khí hóa có những xí nghiệp to lớn phục vụ cho hàng trăm triệu người, mới là cơ sở của chủ nghĩa xã hội... » (1). Như vậy, ý nghĩa bao trùm nhất của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa chính là ở chỗ: *nó là điều kiện quyết định nhất bảo đảm cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.*

Ngoài ý nghĩa bao trùm nói trên, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa còn có tác dụng và ý nghĩa về nhiều mặt:

Một là, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bảo đảm nâng cao năng suất lao động một cách nhanh chóng và không ngừng, và đây là điều kiện cơ bản nhất để cho chủ nghĩa xã hội chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản.

Hai là, nó là cái bảo đảm quan trọng nhất cho việc nâng cao không ngừng phúc lợi của nhân dân lao động. Chúng ta biết rằng, công nghiệp hóa được tiến hành căn cứ vào tác dụng của quy luật ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất so với sản xuất tư liệu tiêu dùng. Việc phát triển sản xuất tư liệu sản xuất tạo tiền đề cho việc phát triển những ngành chế tạo

tư liệu tiêu dùng, cho việc nâng cao phúc lợi của nhân dân.

Ba là, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa tạo cơ sở vật chất để phát triển các hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa, để xóa bỏ các yếu tố tư bản chủ nghĩa trong nền kinh tế; nó đem lại cho các hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa ưu thế kỹ thuật cần thiết để hoàn toàn chiến thắng thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa và kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ.

Bốn là, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa làm biến đổi cơ cấu của nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa. Nền công nghiệp lớn được xây dựng ngày càng đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của đất nước và tác động tới tất cả các ngành kinh tế quốc dân khác. Trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, những tỷ lệ cân bằng, hợp lý nhất trong nền kinh tế quốc dân được tạo ra.

Năm là, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, mà nội dung chủ yếu là phát triển công nghiệp nặng, xét cho cùng chính là cái chìa khóa để cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội trên cơ sở kỹ thuật cơ khí. Bằng cách cung cấp các phương tiện kỹ thuật hiện đại cho nông nghiệp, nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa làm nảy sinh và phát triển các lực lượng sản xuất mới, hiện đại ở nông thôn, các lực lượng sản xuất này là cần thiết cho thắng lợi của chế độ hợp tác xã trong nông nghiệp.

Sáu là, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa làm tăng thêm số lượng và ý thức tổ chức của giai cấp công nhân tập trung trong những xí nghiệp lớn, hiện đại. Do đó, địa vị lãnh đạo của giai cấp công nhân trong xã hội được nâng cao, cơ sở của chuyên chính vô sản được củng cố, liên minh công nông được tăng cường.

(1) V.I. Lê-nin: *Bên về công nghiệp hóa*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1967, tr. 91.

Bây là, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là một yếu tố mạnh mẽ để phát triển kinh tế và văn hóa ở những vùng dân tộc lạc hậu. Nền công nghiệp lớn được xây dựng ở các vùng này là cơ sở để thực hiện quyền bình đẳng thật sự giữa các dân tộc, cũng có tính đoàn kết, giúp nhau giữa các dân tộc nhằm xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hùng mạnh.

Còn cũng, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là điều kiện cần thiết để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và cũng có khả năng quốc phòng của đất nước. Phát triển công nghiệp nặng là cơ sở vật chất để sản xuất các loại vũ khí hiện đại cần cho việc bảo vệ đất nước chống sự xâm lược của các thế lực đế quốc và phản động bên ngoài.

Với tất cả những ý nghĩa và tác dụng như đã nêu trên, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa không những là một quy luật của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa mà xây dựng chủ nghĩa xã hội ở những nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một yêu cầu kinh tế kém phát triển hoặc chưa phát triển cao, mà còn là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong thời kỳ quá độ. Hơn thế nữa, ở những nước tiến từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa còn là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa khác về căn bản với công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa.

Trước hết, đó là sự khác nhau về mục đích. Nếu công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa nhằm mục đích đem lại nhiều lợi nhuận cho nhà tư bản thì công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa lại nhằm mục đích xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở đó đáp ứng nhu cầu

vật chất và văn hóa ngày càng cao của nhân dân lao động.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được thực hiện có ý thức và có kế hoạch. Trong khi công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa được tiến hành một cách tự phát và vô chính phủ. Điều đó khiến cho nhân dân lao động và toàn thể xã hội xã hội chủ nghĩa không được sự lắng nghe, gồm về sức người, sức của như đã từng xảy ra trong các nước tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa còn khác công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa ở những nguồn gốc của mình. Trong bất cứ chế độ xã hội nào, chúng ta có thể chia những nguồn gốc này thành hai loại: trong nước và ngoài nước. Đối với chế độ tư bản chủ nghĩa, sự bóc lột người lao động một cách tàn nhẫn là nguồn gốc bên trong, còn sự cướp bóc thuộc địa và các nước phụ thuộc là nguồn gốc bên ngoài. Chính các nước tư bản đã tận dụng hai nguồn gốc đó làm phương tiện tiến hành công nghiệp hóa. Nước Anh chẳng hạn đã dựa vào sự bóc lột tàn nhẫn các nước thuộc địa của mình để tích lũy vốn ban đầu để tiến hành công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa. Công cuộc công nghiệp hóa nước Đức phần lớn lại dựa vào các khoản bồi thường chiến tranh lớn nhận được từ nước Pháp bị trận vào ba mươi năm cuối của thế kỷ 19. Khác với hai nước trên, nước Nga sa hoàng mưu toan dựa vào việc vay của nước ngoài làm nguồn vốn chính để công nghiệp hóa. Song như ta đã thấy, điều đó chỉ dẫn đến kết quả là nước Nga phụ thuộc hoàn toàn vào các nhóm tư bản độc quyền nước ngoài, tình trạng lạc hậu về kinh tế và kỹ thuật chẳng những không được khắc phục mà còn trầm trọng hơn. Do vậy, Nhà nước xã hội chủ nghĩa không thể tiến hành công nghiệp hóa đất nước bằng cách bóc lột nhân dân

lao động. Nó càng không thể trông chờ vào sự "giúp đỡ vốn" của các nước tư bản. Bởi vậy, Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới không có cách nào khác là thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng những nguồn tích lũy trong nước mà chủ yếu là tiền lãi trích từ các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa; tiền thuế thu được từ những phần tử bóc lột còn sót lại và một số tiền thuế nhỏ do những người lao động đóng góp (nguồn tích lũy này đóng vai trò thứ yếu); và số tài sản tước đoạt được từ tay các giai cấp bóc lột đã bị lật đổ v.v.

Phần lớn các nước xã hội chủ nghĩa ra đời sau này, ngoài nguồn tích lũy trong nước là chủ yếu, còn có thể sử dụng sự viện trợ của Liên xô và các nước anh em khác làm một nguồn tích lũy quan trọng để công nghiệp hóa. Đó là vì khác với hoàn cảnh của Liên xô trước đây tồn tại một mình trong vòng vây của chủ nghĩa tư bản, các nước này đã có hoàn cảnh quốc tế thuận lợi hơn nhiều khi tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa còn khác với công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa về tốc độ tiến hành. Như ta đã biết, nước Anh đã tiến hành công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa trong gần 100 năm; nước Mỹ, khoảng 75 năm. Còn Liên xô vượt qua chặng đường công nghiệp hóa, thiết lập cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong vòng vài chục năm. Sở dĩ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa có thể ngắn hơn nhiều so với công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa chính là vì nó có những ưu việt do chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất và sự phát triển kinh tế có kế hoạch đem lại.

Cuối cùng, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa khác với công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa về mặt hậu quả kinh

tế và xã hội. Nếu công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa làm tăng thêm những mâu thuẫn gay gắt về xã hội và kinh tế trong xã hội tư bản chủ nghĩa, cả trên phạm vi từng nước lẫn trên phạm vi quốc tế, thì công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trái lại giúp giải quyết các mâu thuẫn của thời kỳ quá độ, vì mục đích của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhằm thủ tiêu tình trạng người bóc lột người, nâng cao mức sống của nhân dân lao động.

Như chúng ta biết, nước Nga xô viết đã nêu tấm gương đầu tiên về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Hoàn cảnh quốc tế của Liên xô khi bắt đầu tiến lên chủ nghĩa xã hội là vô cùng khó khăn. Lúc đó, trình độ phát triển kinh tế của Liên xô còn thấp. Liên xô lại là nước xã hội chủ nghĩa duy nhất trên thế giới bị chủ nghĩa tư bản bao vây bốn phía. Những nước tư bản này chẳng những tiến hành bao vây, cấm vận về kinh tế mà còn sẵn sàng can thiệp về quân sự chống Liên xô bất cứ lúc nào. Tình hình đó buộc Liên xô phải gấp rút công nghiệp hóa trong thời gian ngắn nhất để khắc phục tình trạng lạc hậu về kinh tế, nhanh chóng tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho việc phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và củng cố quốc phòng. Một khó khăn lớn nữa là Liên xô chỉ có thể dựa vào bản thân mình để tiến hành tích lũy xã hội chủ nghĩa, bởi vì các nước tư bản hoặc là từ chối, không cho Liên xô vay, hoặc chỉ nhận cho vay với những điều kiện khắt khe không sao chấp nhận được. Mặc dù vậy, những kinh nghiệm công nghiệp hóa ở Liên xô vẫn có ý nghĩa quốc tế to lớn và được các nước xã hội chủ nghĩa áp dụng một cách thích hợp, tùy theo tình hình cụ thể của mỗi nước khi bước vào con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Trong các nước xã hội chủ nghĩa khác, công nghiệp hóa có nhiều đặc

điềm riêng, mà nổi bật nhất là các nước này tiến hành công nghiệp hóa không phải là đơn độc, mà trong điều kiện có sự giúp đỡ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới hùng mạnh. Do đó, các nước này có những thuận lợi hơn Liên xô trong công nghiệp hóa. Học cũng không cần phải tiến hành công nghiệp hóa với nhịp độ cũng thẳng như Liên xô. Và để xây dựng nền công nghiệp hiện đại phát triển cao, các nước này có thể thu hút không những các nguồn phương tiện trong nước, mà cả từ nước ngoài, tức là giúp đỡ lẫn nhau, sử dụng tổ chức quốc tế của các nước xã hội chủ nghĩa là Hội đồng tương trợ kinh tế cũng như những hiệp định hợp tác hai bên. Một điều quan trọng nữa là, vận dụng tính ưu việt của sự phân công lao động xã hội chủ nghĩa quốc tế, các nước này có khả năng xây dựng những ngành mà nước mình có điều kiện thuận lợi nhất để phát triển (điều kiện thiên nhiên, lịch sử v.v.).

Do kết quả công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được tiến hành trong điều kiện có sự giúp đỡ lẫn nhau về các mặt vật chất, kỹ thuật và tài chính, các nước xã hội chủ nghĩa đã thu được những thành tích lớn trong việc phát triển lực lượng sản xuất của xã hội. Ngay năm 1961, phân sản lượng công nghiệp đã chiếm ưu thế trong toàn bộ sản phẩm xã hội của hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Ở nước ta, một nước từ nền kinh tế lạc hậu, sản xuất nhỏ là chủ yếu, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa từ lâu đã được Đảng ta xác định là nhiệm vụ trung tâm trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nó cũng được Đảng ta coi là một trong mấy vấn đề lớn cần chú ý trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng.

Chúng ta biết rằng, ở nước ta, chúng ta phải xây dựng xã hội mới

từ gốc đến ngọn: từ lực lượng sản xuất mới đến quan hệ sản xuất mới, từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng, từ kinh tế đến chính trị, văn hóa, xã hội và tư tưởng. Điều đó là dễ hiểu, bởi vì khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta thiếu đủ thứ, mà cái thiếu nhất là công nghiệp nặng — cái “cốt vật chất” của xã hội mới. Điều đó giải thích rõ vì sao, chúng ta phải coi công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, coi việc xây dựng cho được cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ trung tâm trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Có tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chúng ta mới tạo ra được cái “cốt vật chất” của xã hội mới, quanh đó đắp da đắp thịt cho cơ thể của xã hội mới được hình thành một cách hoàn chỉnh. Nói một cách khác, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được tiến hành thắng lợi là điều kiện quyết định để củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, củng cố những thành quả của cách mạng về quan hệ sản xuất và cả cách mạng văn hóa và tư tưởng, làm cho tư tưởng mới chiếm địa vị thống trị tuyệt đối trong xã hội ta, làm cho văn hóa mới phát triển rực rỡ và con người mới xã hội chủ nghĩa được hình thành ngày càng đông đảo. Hơn nữa, nó còn là điều kiện quyết định để củng cố vững chắc nền chuyên chính vô sản, và tạo cơ sở vững bền cho việc củng cố và tăng cường nền quốc phòng của nước ta. Với những ý nghĩa ấy, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa chẳng những là nhiệm vụ trung tâm trong thời kỳ quá độ, mà còn là một vấn đề cực kỳ quan trọng trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng.

Một điềm nữa cần nói thêm là, chúng ta cần hiểu rõ những nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt, bao gồm những năm 80 của thế

kỷ này, mà Đảng ta đã xác định: « Cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng với công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý ». Coi nhẹ việc phát triển công nghiệp nặng là sai lầm. Nhưng không thấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu trong những năm trước mắt cũng là không đúng.

Đề tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa một cách đúng đắn. Đảng ta đã xác định rõ các chính sách lớn về kinh tế xã hội là: kết hợp đúng đắn công nghiệp và nông nghiệp; kết hợp đúng đắn xây dựng kinh tế trung ương với phát triển mạnh kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; bảo đảm sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, luôn luôn kết hợp

chặt chẽ cải tạo quan hệ sản xuất với tổ chức lại và phát triển sản xuất; kết hợp kinh tế với quốc phòng; quốc phòng với kinh tế; kết hợp phát triển kinh tế trong nước với mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài; mở rộng phân công lao động, phân bổ lại và sử dụng tốt lao động trong cả nước để tăng năng suất lao động; đẩy mạnh công tác khoa học, kỹ thuật; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, coi tiết kiệm là một quốc sách lớn và lâu dài; thiết lập trật tự mới, xã hội chủ nghĩa trên mặt trận, phân phối, lưu thông; xác lập chế độ quản lý và kế hoạch hóa đúng đắn.

Nội dung cụ thể của những chính sách ấy phản ánh tính đặc thù của con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Thực hiện tốt những chính sách ấy là cách tốt nhất để tiến hành thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta tiến lên mạnh mẽ và vững chắc.

Trao đổi ý kiến

VỀ XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN*

VỀ PHÁO ĐÀI QUÂN SỰ HUYỆN

CHÂU KHẢI DỊCH

(Đại tá Chỉ huy trưởng Tỉnh đội Nghĩa bình)

Xây dựng pháo đài quân sự huyện là một bước cụ thể hóa đường lối quân sự của Đảng. Trong những năm vừa qua, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nghĩa bình đã cùng với các huyện trong tỉnh làm được một số việc trong công tác tổ chức nghiên cứu xây dựng pháo đài quân sự huyện.

Qua chỉ đạo thực tế, chúng tôi xin nêu một số vấn đề về nhận thức và nội dung xây dựng pháo đài quân sự huyện để chúng ta cùng nghiên cứu và rút kinh nghiệm.

I — Nhận thức về pháo đài quân sự huyện.

Chúng tôi nghĩ rằng, xây dựng pháo đài quân sự huyện không chỉ là xây nhiều lô cốt, nhiều hầm ngầm, nhiều tuyến phòng thủ, nhiều đài quan sát..., tất nhiên những lô cốt và

tuyến phòng thủ trong huyện không thể thiếu được. Song việc xây dựng những lô cốt, những hầm ngầm và tuyến phòng thủ trên địa bàn huyện phải căn cứ vào kế hoạch tác chiến và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc của địa bàn huyện.

Chúng tôi cũng nghĩ rằng, xây dựng pháo đài quân sự huyện không phải là toàn bộ công tác quân sự địa phương của huyện. Xét về tính chất, đặc điểm, xây dựng pháo đài quân sự huyện không hoàn toàn giống như xây dựng một nền quốc phòng toàn dân.

Pháo đài quân sự huyện là một tổ chức, một thể trận của toàn dân đánh giặc và bảo vệ trật tự, an ninh xã hội trên địa bàn huyện. Tổ chức ấy phải thể hiện tinh vững chắc, tinh tổ chức

* Xem tạp chí Cộng sản từ số 2 — 1984.

kỷ luật cao, phải được thường xuyên kiện toàn, củng cố, bổ sung; nó phải thể hiện được các trạng thái sẵn sàng chiến đấu một cách đầy đủ trên địa bàn huyện. Tổ chức ấy phải thể hiện được sức mạnh tổng hợp về chính trị, kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện tập trung ở thể trận và sức mạnh quân sự. Trước mắt, nó là thể trận để chúng ta đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch trên địa bàn huyện. Khi có chiến tranh lớn xảy ra, pháo đài quân sự huyện là nơi bám trụ, làm chủ địa phương để tiến công địch, và phối hợp chiến đấu với các pháo đài quân sự huyện bạn, tạo điều kiện cho các binh đoàn chủ lực phát triển thế tiến công tiêu diệt địch, giữ vững quyền làm chủ của địa phương.

Từ những đặc điểm như trên, chúng tôi quan niệm rằng, pháo đài quân sự huyện là địa bàn cơ bản để tăng cường quốc phòng an ninh và tiến hành thắng lợi chiến tranh nhân dân ở địa phương, được tổ chức, xây dựng vững chắc từ cơ sở đến toàn huyện theo một ý định phòng thủ thống nhất từ trên xuống, được lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất. Trong bất cứ tình huống nào địa bàn huyện cũng là nơi chúng ta kiên trì bám trụ, giữ vững quyền làm chủ của địa phương, phát huy sức mạnh chiến đấu tổng hợp của nhân dân, của lực lượng vũ trang của các ngành, nhằm thực hiện tốt mọi yêu cầu đánh thắng các âm mưu, thủ đoạn phá hoại và xâm lược của địch ở địa phương, tích cực góp phần giành thắng lợi trong cả tỉnh, cả quân khu, cả nước, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ nhân dân, bảo vệ địa phương và bảo vệ Tổ quốc. Nó là chiến trường được tổ chức và chuẩn bị trước để phối hợp với các binh đoàn chủ lực phát triển thế tiến công tiêu diệt địch, giữ vững quyền làm chủ ở địa phương.

II - Phải bắt đầu từ xây dựng pháo đài quân sự làng, xã.

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, các làng, bản chiến đấu đã phát huy tác dụng như những pháo đài bảo vệ vững chắc địa phương, là một bộ phận của thể trận đánh giặc tại chỗ. Hệ thống làng bản là nơi cung cấp kịp thời, không bao giờ cạn nhân lực, vật lực cho quân đội. Lịch sử các cuộc kháng chiến của dân tộc ta từ xưa đến nay đã ghi lại không biết bao nhiêu chiến công của các làng bản với cách đánh giặc mưu trí, sáng tạo. Đó là một truyền thống chiến đấu độc đáo, một nét độc đáo trong nghệ thuật quân sự Việt nam trước đây.

Trong kháng chiến chống Pháp, khi giặc thực hiện âm mưu « lấy chiến tranh nuôi chiến tranh », « lấy người Việt đánh người Việt », Đảng ta đã kịp thời đề ra chủ trương « xây dựng làng chiến đấu » đẩy mạnh chiến tranh vùng sau lưng địch. Từ đó đã xuất hiện hàng trăm pháo đài làng xã chiến đấu, đó là những pháo đài quân sự vững chắc. Khi đế quốc Mỹ và bọn tay sai dùng thủ đoạn hết sức nham hiểm và tàn bạo nhằm bình định nông thôn, đánh phá cơ sở cách mạng ở từng thôn ấp như lập các vành đai trắng, dồn dân lập « ấp chiến lược » và « khu trù mật », thì Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân tổ chức vũ trang từng thôn ấp, đấu tranh kiên cường với địch, diệt ác ôn, phá kim kẹp; trở về làng cũ, xây dựng ấp chiến đấu có lực lượng chính trị, lực lượng quân sự, hệ thống địa đạo, hầm ngầm, bám trụ lâu dài để chiến đấu.

Vì vậy, trong quá trình đi lên xây dựng pháo đài quân sự huyện vững mạnh, bước đầu phải xây dựng pháo đài quân sự làng xã. Có xây dựng pháo đài quân sự làng xã vững chắc thì mới xây dựng được pháo đài quân sự huyện vững mạnh. Mặt khác,

việc xây dựng pháo đài quân sự huyện là một yêu cầu khách quan. **khản trương** trong điều kiện hiện nay và cũng là một nhiệm vụ lâu dài trong công cuộc xây dựng quốc phòng toàn dân vững mạnh. Ngày nay, cả nước ta đang bắt tay vào công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, cơ cấu tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội, nhất là cơ cấu kinh tế nông, lâm, ngư, công nghiệp đang được tổ chức lại từ cơ sở và trên địa bàn huyện theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta không thể chỉ dừng lại ở việc xây dựng pháo đài quân sự làng xã, mà phải từng bước xây dựng pháo đài quân sự huyện vững mạnh.

III - Yêu cầu về xây dựng một pháo đài quân sự huyện vững mạnh.

Một pháo đài quân sự huyện thật sự vững mạnh phải thể hiện được những mặt sau đây:

1 - Xây dựng tiềm lực chính trị và tinh thần: việc này chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính, củng cố và không ngừng hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Xây dựng và củng cố vững chắc hệ thống chuyên chính vô sản và chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa từ thôn xóm, làng xã đến các ngành, các cấp ở địa phương, thực hiện tốt cơ chế: Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ. Từ đó, nâng cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tư tưởng làm chủ tập thể và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của mỗi người dân, làm cho họ tự giác xây dựng làng xã và các cụm chiến đấu liên hoàn nằm trong tổng thể pháo đài quân sự huyện.

2 - Tăng cường tiềm lực kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật trên địa

bàn huyện. Sức mạnh của pháo đài quân sự huyện thể hiện không chỉ bằng sức mạnh của các cụm chiến đấu liên hoàn trên địa bàn huyện, mà còn bằng sức mạnh của nền kinh tế huyện. Do đó, việc tổ chức cơ cấu nền kinh tế huyện, gắn liền với việc xây dựng pháo đài quân sự huyện. Có thể nói, trình độ phát triển kinh tế của một huyện là thước đo một phần sức mạnh của nền quốc phòng ở huyện đó. Chúng ta phải xây dựng cho huyện có một cơ cấu kinh tế phát triển vững mạnh theo hướng nông - công nghiệp, nông - lâm - công nghiệp hoặc nông - ngư - công nghiệp. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ có hiệu quả việc phát triển nền kinh tế trong huyện và có khả năng sử dụng cho quốc phòng khi chiến tranh xảy ra. Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đủ số lượng, bảo đảm chất lượng phục vụ công tác nghiên cứu xây dựng và phát triển nền kinh tế huyện; nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân.

3 - Tăng cường tiềm lực quân sự. Pháo đài quân sự huyện là biểu hiện cụ thể của nền quốc phòng toàn dân ở huyện, nó thể hiện sức mạnh mọi mặt của huyện tập trung trên lĩnh vực quân sự. Vì lẽ đó, cần phải giáo dục, động viên và tổ chức toàn dân đánh giặc, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, dân quân tự vệ thật sự vững mạnh đủ sức làm nông, cày, bảo vệ vững chắc công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở huyện. Giáo dục phổ cập kiến thức và kỹ năng quân sự cho toàn dân, thi hành nghiêm chỉnh luật nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ lao động. Xây dựng thể trận chiến đấu của chiến tranh nhân dân ở huyện theo một kế hoạch cơ bản, thống nhất từ trên xuống dưới. Xây dựng từng bước công nghiệp quốc phòng ở huyện, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng. Xây dựng các tổ chức, cơ cấu kinh tế ở thôn xã bảo đảm phục vụ chiến đấu và chiến đấu tại

chỗ, tổ chức huấn luyện các lực lượng tại chỗ.

IV - Nội dung xây dựng pháo đài quân sự huyện.

Pháo đài quân sự huyện thể hiện thể trận và sức mạnh tại chỗ, sức mạnh lớn nhất, nhanh nhất, cơ động nhất để đánh địch của huyện. Muốn có sức mạnh tại chỗ, phải có nội dung xây dựng phù hợp. Ở đây chúng tôi xin nêu lên một số công tác cụ thể như sau:

1 - Xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện. Xây dựng các làng, bản, xã, phường, lâm trường, nông trường, hợp tác xã, xí nghiệp, cơ quan, ngành, giới vững mạnh toàn diện là nhiệm vụ cụ thể đầu tiên để xây dựng pháo đài quân sự huyện vững mạnh. Trong đó, đặc biệt chú trọng xây dựng Đảng, chính quyền, đội ngũ cán bộ cốt cán, thường xuyên kiện toàn và nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng bộ cơ sở, hiệu lực của chính quyền cơ sở và tác dụng của các đoàn thể quần chúng. Phải làm cho cơ sở thật sự mạnh về chính trị tư tưởng; có tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể vững mạnh; có lực lượng dân quân tự vệ mạnh; có lực lượng an ninh đáng tin cậy; sản xuất phát triển và đời sống nhân dân được bảo đảm.

2 - Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và lực lượng dự bị bao gồm: bộ đội địa phương, dân quân tự vệ và quân dự bị. Các cơ quan quân sự tỉnh, huyện phải làm tham mưu đặc lực cho cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương về tổ chức xây dựng lực lượng đề động viên nhanh, kịp thời, đủ số lượng, bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu bổ sung, phát triển lực lượng theo kế hoạch; bảo đảm yêu cầu phát triển chiến tranh

nhân dân ở địa phương; bảo đảm yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị và kinh tế của địa phương trong thời chiến. Ở Nghĩa binh, nhờ làm tốt công tác đăng ký, quản lý quân dự bị ở địa phương, cho nên trong diễn tập (tháng 5-1982) số quân dự bị của các huyện, thị trong tỉnh đã nhanh chóng chấp hành lệnh trở lại quân đội đúng thời gian, đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, trên cơ sở đó đã hình thành các tiểu đoàn dự bị động viên của các huyện.

3 - Xây dựng thể trận của pháo đài quân sự huyện. Thể trận của pháo đài quân sự huyện là một thể trận đã bày sẵn bao gồm cả về tổ chức, về chính trị và tinh thần, về cơ sở vật chất kỹ thuật và về kế hoạch chiến đấu phòng thủ cơ bản của huyện. Xây dựng thể trận là phải xây dựng từ các kế hoạch của các làng bản chiến đấu đến kế hoạch của các cụm chiến đấu nằm trong tổng thể kế hoạch chung của huyện. Thể trận phải được kiểm nghiệm trong thực tế và thường xuyên được củng cố, bổ sung. Công tác xây dựng thể trận là một công tác rất cụ thể, nó liên quan đến nhiều cơ quan Nhà nước và tổ chức quần chúng. Nó đòi hỏi cung cấp nhân lực, vật lực để tổ chức thực hiện. Việc giải quyết vấn đề này phải dựa trên cơ sở tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng được củng cố và kiện toàn vững mạnh, mỗi người dân được giáo dục kỹ và nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc thực hiện kế hoạch chuyển từ thời bình sang thời chiến ở quê hương mình, hăng hái tham gia xây dựng các cụm chiến đấu đủ khả năng thực hiện phương án chiến đấu bảo vệ địa phương. Trong việc xây dựng các cụm chiến đấu cũng phải kết hợp kinh tế với quốc phòng, tính toán, xem xét cụ thể việc gì làm trước, việc gì làm sau.

CÔNG TÁC QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG TRONG XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Phú Khánh

TỪ sau ngày tỉnh nhà được giải phóng, đảng bộ và nhân dân Phú Khánh đã tập trung giải quyết nhiều việc để xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn huyện. Đối với một tỉnh bị địch chiếm đóng lâu ngày như Phú Khánh, sau khi được giải phóng, đi đôi với nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ bảo vệ địa phương là một nhiệm vụ cấp bách, đòi hỏi ngay từ đầu phải kết hợp xây dựng kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, với giữ gìn an ninh, củng cố quốc phòng.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng, qua thực tiễn công tác quân sự địa phương trên địa bàn huyện, chúng tôi ngày càng vũ vật và đi dần vào những nội dung cơ bản của vấn đề, đồng thời có nhiều vấn đề đặt ra phải tiếp tục nghiên cứu giải quyết. Dưới đây là một số vấn đề về công tác quân sự địa phương trong xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

1 - Muốn xây dựng huyện thành pháo đài quân sự vững mạnh, trước hết phải xác định vị trí của quốc phòng và nhiệm vụ của huyện trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

Từng huyện có đặc điểm riêng về địa hình, thế mạnh về kinh tế, mật

độ dân cư, trình độ chính trị, văn hóa, xã hội... Để phát huy được thế mạnh về kinh tế và hình thành từng bước thế trận chiến tranh nhân dân ở địa phương, chúng tôi đã phân loại huyện theo ý định tác chiến cơ bản, xác định nhiệm vụ và yêu cầu đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch hiện nay, chuẩn bị sẵn sàng cùng cả nước đánh thắng chiến tranh xâm lược, bảo vệ địa phương, bảo vệ Tổ quốc. Đến nay các huyện, thành phố, thị xã đã có kế hoạch tác chiến cơ bản được thông qua bước đầu. Nhiệm vụ quân sự cụ thể của huyện đã được nêu ra và kết hợp trong kế hoạch xây dựng huyện nói chung, được tiến hành trong quá trình xây dựng hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, củng cố và phát triển dân quân tự vệ, quản lý hộ khẩu, quản lý lao động, đăng ký nghĩa vụ quân sự, củng cố và phát triển mạng lưới đường sá, trồng cây kết hợp với tác chiến sau này v.v.

2 - Phải tạo cho được cơ sở mạnh.

Trước tình hình cơ sở có nhiều mặt yếu kém, Tỉnh ủy Phú Khánh có chủ trương cử từng đoàn cán bộ tỉnh, huyện về tham gia xây dựng cơ sở. Nhờ đó ở nhiều xã, phường, tổ chức Đảng và bộ máy chính quyền, các đoàn thể cách mạng được kiện toàn

và củng cố, chất lượng dân quân tự vệ được nâng lên. Qua kiên trì giáo dục phát động quần chúng, nâng cao ý thức làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tinh thần cảnh giác trong cán bộ, nhân dân đã được nâng lên, ý thức về trách nhiệm và vai trò của nhân dân trong việc đấu tranh ngăn chặn các hoạt động của địch, xây dựng quốc phòng, giữ gìn an ninh trật tự, thực hiện nghĩa vụ quân sự đã được đề cao. Do xây dựng được cơ sở mạnh mà tỉnh chúng tôi đã truy quét có kết quả bọn phản động FULRO ở miền núi, phát triển và ngăn chặn kịp thời phần lớn các vụ vượt biên trái phép, bắt được trên 80 tổ chức nhen nhóm phản động; bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

3 - Tăng cường quản lý và từng bước làm trong sạch địa bàn về chính trị.

Sau ngày giải phóng, ở thôn, xã nào cũng có những người trong bộ máy ngụy quân, ngụy quyền cũ; ở nhiều nơi còn có những người trong các tổ chức đảng phái phản động và bọn phản động đội lốt tôn giáo. Qua sự giáo dục của chính quyền cách mạng, phần lớn những đối tượng trên nhân thức được chính sách của cách mạng, chăm lo làm ăn, góp phần xây dựng quê hương. Nhưng cũng còn một số người ngoan cố ngấm ngấm hoạt động chống đối, phá hoại, dọa dẫm khống chế quần chúng, có lúc, có nơi gây ra tình hình căng thẳng trong xã hội. Phát động quần chúng đấu tranh kết hợp với thực hiện các biện pháp hành chính, tỉnh chúng tôi đã trấn áp kịp thời bọn phản cách mạng hiện hành. Đối với những đối tượng nguy hiểm, tỉnh có kế hoạch quản lý, theo dõi, lập hồ sơ xử lý theo pháp luật. Những việc làm trên đã nâng cao khí thế quần chúng, nhất là ở vùng núi và vùng tập trung đồng bào theo đạo thiên chúa. Ở vùng trọng điểm đã có

kế hoạch từng bước điều chỉnh dân số. Đến nay nhiều địa bàn đã quản lý tốt, đầy mạnh được sản xuất, giữ vững an ninh.

4 - Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội là góp phần thúc đẩy công tác quân sự ở cơ sở lên.

Hiện nay, tuy chưa đáp ứng được hết những yêu cầu chính đáng của các đối tượng trong diện chính sách, nhưng trên cơ sở nắm vững quan điểm và chủ trương chính sách của Đảng, với khả năng của địa phương, tích cực vận động nhân dân tham gia và tranh thủ sự phối hợp giúp đỡ của các ngành, các đoàn thể, chúng tôi đã giải quyết được một số lớn vấn đề do chiến tranh để lại. Phong trào «đền ơn đáp nghĩa» đã có tác dụng giáo dục quần chúng, lôi cuốn mọi người thiết thực giúp đỡ, động viên anh chị em thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, gia đình quân nhân tại ngũ và anh chị em bộ đội phục viên. Công tác quy tụ mồ mả đã được tiến hành khẩn trương, đạt chỉ tiêu 100%, phong trào chăm sóc con em liệt sĩ cũng làm được tốt. Trong vài năm gần đây, tỉnh chúng tôi đã có nhiều tiến bộ trong việc giải quyết công ăn việc làm và việc học hành cho những người đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Từ năm 1981, Thường vụ tỉnh ủy đã có chỉ thị cho các cấp ủy Đảng chăm lo hơn nữa công tác hậu phương quân đội. Từng địa phương tổ chức hội nghị chuyên đề bàn về công tác này. Từ đó đến nay việc chăm lo công tác hậu phương quân đội có nhiều tiến bộ hơn trước. Những việc làm đó đã tạo điều kiện thuận lợi để triển khai công tác quân sự ở cơ sở, bảo đảm cho hậu phương ổn định, công tác tổ chức xây dựng, huấn luyện dân quân tự vệ, quản nhân dự bị đạt kế hoạch, công tác gọi thanh niên nhập ngũ đạt và vượt chỉ tiêu.

NHÂN DÂN BA LAN

đang tiến bước vững chắc

HỮU NGHỊ

NGÀY 22-7-1984, nước Cộng hòa nhân dân Ba lan tròn 40 tuổi. Chẳng đường lịch sử đã qua tuy ngắn ngủi, nhưng những thành tựu mà nhân dân Ba lan đạt được thật là to lớn. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Ba lan trải qua thử thách đã được khẳng định.

Cuộc khủng hoảng chính trị năm 1980 do các thế lực phản cách mạng hoạt động theo lệnh của đế quốc Mỹ gây ra, về cơ bản đã được giải quyết. Chủ nghĩa xã hội ở Ba lan đã được bảo vệ và vững bước tiến lên.

Bọn phản cách mạng ra sức hoạt động nhằm làm suy yếu Đảng công nhân thống nhất Ba lan, tiến tới lật đổ chuyên chính vô sản ở Ba lan. Chúng dùng mọi thủ đoạn hòng phá vỡ liên minh Ba lan - Liên xô, tách Ba lan khỏi cộng đồng xã hội chủ nghĩa, cuối cùng đưa Ba lan trở lại chế độ tư bản thân phương Tây.

Những hoạt động điên cuồng của bọn phản động trong « công đoàn đoàn kết » được sự chỉ đạo và tiếp sức của đế quốc Mỹ. Sự cầu kết giữa thù trong, giặc ngoài đã đẩy Ba lan lún sâu vào khủng hoảng, đưa nền

kinh tế Ba lan đến bờ vực của sự suy sụp, khiến xã hội Ba lan rơi nhanh vào tình trạng hỗn loạn, vô chính phủ, đe dọa thủ tiêu toàn bộ thành quả cách mạng và sự sống còn của đất nước và dân tộc Ba lan.

Đứng trước hiểm họa của đất nước, Nhà nước Ba lan phải áp dụng biện pháp đặc biệt: thiết quân luật. Việc thiết quân luật được thi hành từ cuối năm 1981 và kéo dài 19 tháng, đã chặn đứng cuộc tiến công của lực lượng phản cách mạng, xoay chuyển lại tình thế, tạo ra những điều kiện cần thiết để khôi phục trật tự và từng bước thoát khỏi khủng hoảng.

Việc chấn chỉnh lại Đảng công nhân thống nhất Ba lan mà trước đó có một triệu đảng viên tham gia « công đoàn đoàn kết », là biện pháp quan trọng nhất nhằm khôi phục sức mạnh của đội ngũ lãnh đạo, đưa nước Ba lan trở lại tình trạng bình thường để sau đó tiếp tục đi lên theo quỹ đạo đúng đắn. Rút kinh nghiệm về những thiếu sót trước đây, ban lãnh đạo Ba lan coi trọng việc tăng cường giáo dục trong Đảng về mặt chính trị, tư tưởng và lý luận, nâng cao

chất lượng đảng viên; đồng thời, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên đã mất phẩm chất, củng cố Đảng về mặt tổ chức, phục hồi mọi hoạt động của Đảng. Qua củng cố Đảng, số lượng đảng viên tuy giảm khoảng một phần ba nhưng do chất lượng đảng viên được nâng lên, những phân tử cơ hội chủ nghĩa được loại trừ, nội bộ Đảng đoàn kết thống nhất hơn, cho nên *vai trò lãnh đạo của Đảng được phục hồi và tăng cường*. Việc bầu lại chính quyền các cấp đánh dấu một bước tiến mới trong việc khôi phục và tăng cường quyền lực của bộ máy Nhà nước. Thay thế cho công đoàn phản động trước đây, công đoàn mới đã được thành lập trong tất cả các cơ sở công nghiệp quan trọng, bao gồm trên 4 triệu đoàn viên.

Ở Ba lan, do những sai lầm trước đây về mặt giáo dục chính trị, tư tưởng và văn hóa, do ảnh hưởng của tư tưởng tư sản phương Tây, một bộ phận khá đông thanh niên, trí thức, văn nghệ sĩ có xu hướng xa rời chính trị, tỏ ra bất mãn với chế độ, thậm chí có thái độ phủ định thành quả cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thêm vào đó, sự không ăn khớp giữa lý tưởng xã hội chủ nghĩa và thực tế của cuộc sống ở Ba lan những năm trước đây, khi mà những biểu hiện tiêu cực được dung dưỡng, càng làm cho họ hoài nghi, mất lòng tin đối với chế độ mới, cho rằng chủ nghĩa xã hội tư nó mang trong mình những tật xấu không thể sửa đổi được. Do vậy, những luận điệu xuyên tạc, vu khống của kẻ thù càng dễ lọt tai những thanh niên chưa có kinh nghiệm, chưa qua thử thách. Để sớm khắc phục tình hình nói trên, Đảng công nhân thống nhất Ba lan đã đặc biệt chú ý việc giáo dục các tầng lớp thanh niên, trí thức, nhằm *thu hẹp và xóa bỏ ảnh hưởng tư tưởng và lối sống tư sản và tiểu tư sản trong tầng lớp*

này. Mặt khác, Đảng đã thẳng thắn tự phê bình, kiên quyết lên án và đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong đội ngũ của Đảng, xử lý một cách kịp thời những người mắc sai lầm, bất kể họ ở cương vị nào. Nhờ vậy, đã từng bước lấy lại uy tín và quyền lực của Đảng, của chủ nghĩa xã hội.

Ở Ba lan, đạo thiên chúa có lịch sử lâu đời trên một nghìn năm, hiện có trên 46.000 linh mục và tu sĩ, 65 tờ báo. Số người theo đạo chiếm 85% số dân Ba lan. Tư tưởng duy tâm thiên chúa giáo do vậy còn ảnh hưởng nặng nề trong xã hội. Trên cơ sở bảo đảm tự do tín ngưỡng đúng theo Hiến pháp, Đảng công nhân thống nhất Ba lan đã phấn đấu mở rộng ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học trong nhân dân, nhằm từng bước tạo ra những điều kiện tư tưởng, chính trị và tổ chức cần thiết để những người theo đạo chấp nhận chế độ xã hội chủ nghĩa, tích cực tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng nước Ba lan hùng mạnh. Cùng với việc giáo dục về chủ nghĩa xã hội cho nhân dân, Đảng đã kiên quyết tiến hành cuộc *đấu tranh không khoan nhượng chống các thế lực phản cách mạng và chống cộng trong giới tăng lữ thiên chúa giáo*.

Trên lĩnh vực kinh tế, nơi chủ yếu diễn ra chiến dịch phá hoại nghiêm trọng của các thế lực phản cách mạng, Đảng và Nhà nước Ba lan đang đứng trước những nhiệm vụ rất nặng nề. Trước khủng hoảng, Ba lan là một trong 10 nước có nền công nghiệp phát triển trên thế giới, giá trị sản lượng công nghiệp của Ba lan chiếm 2,3% giá trị sản lượng công nghiệp thế giới, trong khi số dân Ba lan chiếm không đầy 1% số dân thế giới. Nhưng do đường lối kinh tế sai lầm trước đây, công nghiệp phát triển không cân đối: mức đầu tư vào công nghiệp nặng quá lớn, không hợp lý, trong

khí chỉ có 4% công suất công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Ba lan có diện tích nông nghiệp rộng lớn, 19,2 triệu héc ta so với 36 triệu dân (tính đến cuối năm 1983). Tuy nhiên, chỉ có 16,6% diện tích và 15,8% sản lượng nông nghiệp thuộc sở hữu Nhà nước; 3,2% diện tích và 2,5% sản lượng thuộc sở hữu tập thể. Số còn lại là của nông dân cá thể. Với quan hệ sản xuất như vậy, lại thêm chính sách quản lý giá cả và thu mua chưa hợp lý, cho nên trước đây nạn thiếu lương thực thường xảy ra nghiêm trọng và kéo dài, tạo thành một nhân tố dễ gây bùng nổ.

Đầu những năm 70, ban lãnh đạo cũ của Ba lan lại thi hành chiến lược coi tiêu dùng là động lực phát triển kinh tế, để cho mức tăng tiền lương vượt quá mức tăng của năng suất lao động, của lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng. Các thế lực thù địch, các phần tử xấu đã lợi dụng tình hình đó để kích thích trong nhiều người tâm lý đòi hỏi, hưởng thụ, muốn lấy của Nhà nước càng nhiều càng tốt, dù Nhà nước đang gặp nhiều khó khăn.

Chính sách vay nợ của các nước phương Tây để nhập khẩu ô tô, thiết bị, kỹ thuật, lương thực, thực phẩm v.v. không những gây nên hậu quả nghiêm trọng về kinh tế mà còn trở thành nhân tố gây mất ổn định về chính trị và xã hội.

Hoạt động của các thế lực phản cách mạng đã gây ra sự ngừng trệ nghiêm trọng trong toàn bộ nền sản xuất của Ba lan, khiến thu nhập quốc dân năm 1980 giảm 30% so với năm trước. Thêm vào đó, để quốc Mỹ dùng những biện pháp "trừng phạt" kinh tế chống Ba lan, làm cho nền kinh tế Ba lan bị thiệt hại hàng tỷ đô la. Trước tình hình ấy, ngay sau khi thiết quân luật, Nhà nước Ba lan đã tập trung sức nhanh chóng khôi phục sản xuất, nâng cao năng suất lao động

trong tất cả các ngành, trước hết là các ngành then chốt, có quan hệ sống còn đối với đời sống của nhân dân như lương thực, thực phẩm, công nghiệp tiêu dùng và một số ngành công nghiệp nặng quan trọng. Trong điều kiện thiết quân luật, cùng với việc giáo dục, động viên, Nhà nước Ba lan đã buộc mọi người phải trở lại cương vị sản xuất, bảo đảm hoàn thành đúng hạn chỉ tiêu số lượng và chất lượng sản phẩm, duy trì hoạt động bình thường của các cơ sở sản xuất. Đồng thời triển khai một chương trình cải cách chế độ quản lý kinh tế, xóa bỏ những sai lầm, bất hợp lý trong các chính sách kinh tế, thắt chặt quan hệ kinh tế với Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Đảng công nhân thống nhất Ba lan đã nêu ra khẩu hiệu: *nước Ba lan xã hội chủ nghĩa phải và có thể sản xuất lấy cái ăn, cái mặc và đồ dùng hằng ngày cho mình, nhân dân Ba lan phải sống chủ yếu bằng những phương tiện của mình và do mình làm ra*, và động viên mọi người phấn đấu theo khẩu hiệu đó.

Nhờ những biện pháp đồng bộ đó, từ năm 1983, nền kinh tế Ba lan đã có chuyển biến tốt. Lấy kết quả năm 1983 để xem xét thì thu nhập quốc dân so với năm trước tăng 4,5%; sản lượng nông nghiệp tăng 3,6%, trong đó lương thực đạt 22 triệu tấn, tăng 4,1%; xuất khẩu than đạt 35,2 triệu tấn, tăng 19%. Công nghiệp hàng tiêu dùng tăng 7%, giá cả ngừng leo thang, việc cung cấp thực phẩm và rau tăng lên. Nhà nước Ba lan đã quyết định trong thời hạn 1983 - 1985 phải đưa nền kinh tế ra khỏi suy thoái, bước đầu phát triển, tiến tới tự túc về lương thực bằng cách đưa công nghiệp phục vụ nông nghiệp nhiều hơn nữa và thi hành những chính sách động viên nông dân tích cực tăng giá sản xuất.

Những thành tích mà nhân dân Ba lan đạt được sau khủng hoảng tuy chỉ mới là bước đầu nhưng thật đáng khích lệ. Đúng như đồng chí V.I-a-ru-den-xki, Bí thư thứ nhất Đảng công nhân thống nhất Ba lan đã từng nói: « Những gì bi thảm nhất đã qua đi, nhưng những khó khăn lớn nhất hãy còn trước mắt ». Đảng công nhân thống nhất Ba lan cho rằng kẻ thù giai cấp đã bị giáng một đòn chí mạng, nhưng chúng chưa bị tiêu diệt hẳn. Chúng vẫn được đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế hà hơi tiếp sức. Nhân dân Ba lan còn phải tiếp tục nêu cao cảnh giác và còn phải làm rất nhiều mới xóa hết mọi di hại của cuộc khủng hoảng vừa qua. Tuy nhiên về cơ bản, Ba lan đã thoát khỏi cơn thử thách nặng nề nhất trong lịch sử nước Cộng hòa nhân dân Ba lan. Điều

đó chứng minh hùng hồn rằng, với Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa hùng mạnh làm hậu thuẫn, đáng của giai cấp công nhân Ba lan, nhân dân Ba lan anh hùng hoàn toàn có đủ sức mạnh để tự mình bảo vệ vận mệnh của mình, bảo vệ chủ nghĩa xã hội phát triển đúng hướng. Khó khăn vẫn còn nhiều nhưng chân trời huy hoàng đang rộng mở.

Nhân dân Việt nam hoàn toàn tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng công nhân thống nhất Ba lan, nước Ba lan xã hội chủ nghĩa chắc chắn sẽ vượt qua mọi chông gai, làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ và bọn phản động quốc tế, vững bước tiến lên, xứng đáng là một thành viên được thử thách của cộng đồng xã hội chủ nghĩa do Liên xô hùng cường làm trụ cột.

CÁCH MẠNG NI-CA-RA-GOA đang không ngừng phát triển

THIỆN DÂN

N NGÀY 19 tháng 7 năm 1979 đã đi vào lịch sử Ni-ca-ra-goa như một trang rực rỡ nhất. Cách mạng thắng lợi ở Ni-ca-ra-goa, một khu vực xung yếu, « sân sau » của đế quốc Mỹ, khiến hệ thống thực dân mới của Mỹ ở Tây bán cầu bị đứt thêm một mắt xích, góp phần tạo ra thế chiến lược mới cho cách mạng Mỹ la tinh. Để giành được thắng lợi nói trên, nhân dân Ni-ca-ra-goa đã trải qua một quá trình chiến đấu ác liệt và anh dũng. Người tổ chức và lãnh đạo quá trình đấu tranh đó là « Mặt trận giải phóng dân tộc Ni-ca-ra-goa » được thành lập năm 1961, sau đổi tên thành Mặt trận giải phóng dân tộc Xan-di-nô, gọi tắt là FSLN.

Ngay sau khi giành thắng lợi, mặc dù phải giải quyết ngay một loạt vấn đề cấp bách để ổn định đời sống nhân dân sau chiến tranh và để đứng vững trước sự phản kích của kẻ thù, những

người lãnh đạo Ni-ca-ra-goa, nhận thức rõ vai trò quyết định của tổ chức lãnh đạo, đã bắt tay trước hết vào việc củng cố và tăng cường FSLN, chuyển mặt trận thống nhất các lực lượng yêu nước rộng rãi trong cách mạng dân tộc và dân chủ, chống chế độ độc tài tay sai của Mỹ thành đội tiên phong lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chế độ mới. Để có phương hướng đúng trong việc củng cố và tăng cường FSLN, trước hết, ban lãnh đạo FSLN xác định tính chất dân chủ, nhân dân và chống đế quốc của cách mạng Ni-ca-ra-goa trong giai đoạn đầu tiên. Đồng thời, FSLN cũng quyết định nhiệm vụ chiến lược hiện nay của cách mạng Ni-ca-ra-goa là xây dựng Ni-ca-ra-goa thành một nước không có bóc lột, không có áp bức và không lạc hậu, một nước tự do, độc lập và tiến bộ, đồng thời thực hiện vũ trang toàn dân để bảo vệ

chính quyền, bảo vệ thành quả cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi hành động xâm lược và phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai. Ban lãnh đạo Ni-ca-ra-goa đặc biệt chỉ rõ cách mạng Ni-ca-ra-goa đang bị sự chống phá ác liệt của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, đang đứng trước nguy cơ không chỉ đe dọa thành quả cách mạng mà còn đe dọa sự sống còn của đất nước. Do vậy, việc xây dựng và tăng cường lực lượng vũ trang cũng như việc chỉ đạo cuộc chiến đấu hàng ngày chống lại cuộc xâm lược vũ trang của đế quốc Mỹ và tay sai, là một nhiệm vụ cấp bách trước mắt.

Trong công cuộc xây dựng lại đất nước về mặt kinh tế và xã hội, trong 5 năm qua nhân dân Ni-ca-ra-goa đã giành được những thành tựu rất đáng tự hào. Trước hết là việc thực hiện nhiệm vụ khôi phục sản xuất và ổn định đời sống cho gần ba triệu dân trong hoàn cảnh hết sức khó khăn: nền công nghiệp bị chiến tranh tàn phá nặng nề, 60% diện tích đất trồng trọt bị bỏ hoang, gần 1 triệu người phải cứu đói. Hiện nay, mặc dù còn nhiều thiếu thốn, khó khăn, Ni-ca-ra-goa đã bảo đảm lương thực và thực phẩm cho nhân dân, trước hết là cho trẻ em và người già.

Thay đổi cơ cấu kinh tế là một trong những mục tiêu lớn của chính quyền cách mạng. Ban lãnh đạo Ni-ca-ra-goa cho rằng việc phát triển nền kinh tế gồm nhiều thành phần là chính sách phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của đất nước và do đó có ý nghĩa chiến lược. Chủ trương này dựa trên điều kiện tiên quyết là

Nhà nước phải nắm các ngành kinh tế then chốt, đồng thời, Nhà nước dùng pháp luật và dùng biện pháp giúp đỡ để thúc đẩy các thành phần kinh tế khác phát triển sản xuất, và hướng vào phục vụ lợi ích của nhân dân lao động.

Hiện nay Nhà nước nhân dân Ni-ca-ra-goa nắm toàn bộ các ngành tài chính, ngân hàng, ngoại thương, bảo hiểm, tín dụng và hầm mỏ, 60% các hoạt động giao thông vận tải, 10% các hoạt động nội thương, 23% sản lượng công nghiệp và 25% diện tích nông nghiệp.

Từ năm 1981, ở Ni-ca-ra-goa đã ban hành luật cải cách ruộng đất. Tiếp đó, đã bước đầu tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp. Hiện nay, tính chung cả nước có 4000 hợp tác xã nông nghiệp bao gồm 60 000 hộ.

Mặc dù thiên tai giữa năm 1982 gây nhiều thiệt hại, vụ mùa 1982 - 1983 cũng đã giành thắng lợi lớn. Chỉ tính 4 loại sản phẩm chủ yếu là bông, cà phê, đường, thịt, đã đạt giá trị sản lượng 301 triệu đô la, tăng 35 triệu đô la so với vụ mùa trước. Riêng cà phê đạt hơn nửa triệu tấn, một kỷ lục chưa từng có ở Ni-ca-ra-goa.

Do hậu quả của chính sách thực dân mới, kinh tế Ni-ca-ra-goa trước đây hầu như hoàn toàn phụ thuộc thị trường Mỹ. Ngay sau khi cách mạng Ni-ca-ra-goa thành công, hơn một nửa giá trị hàng nhập khẩu của Ni-ca-ra-goa là từ Mỹ. Những năm gần đây, Ni-ca-ra-goa đã thi hành chính sách đa dạng hóa quan hệ kinh tế, nhằm giảm sự lệ thuộc vào Mỹ.

Năm 1983, giá trị nhập khẩu của Ni-ca-ra-goa là 775 triệu đô la, trong đó, chỉ có 19% nhập từ nước Mỹ.

Đề hạn chế tới mức thấp nhất việc nhập khẩu hàng tiêu dùng, một căn bệnh truyền thống mà các nước từng phụ thuộc vào chủ nghĩa thực dân mới thường mắc, Ni-ca-ra-goa ra sức phát huy tinh thần chủ động sáng tạo của công nhân, của cán bộ khoa học kỹ thuật, tìm nhiều biện pháp sử dụng ngày càng tốt, ngày càng nhiều nguồn nguyên liệu trong nước để phát triển công nghiệp tiêu dùng.

Trên mặt trận văn hóa, giáo dục, những thành tích của nhân dân Ni-ca-ra-goa cũng rất có ý nghĩa. Năm 1980, «Cuộc đại thập tự chinh xóa nạn không biết chữ» đã hạ tỷ lệ người không biết chữ so với số dân từ 52% trước cách mạng xuống còn 12%, khiến Ni-ca-ra-goa trở thành một trong 10 nước châu Mỹ la tinh có tỷ lệ người không biết chữ thấp nhất. Nền giáo dục mới với nội dung cách mạng đã được nhanh chóng thiết lập trong cả nước. Hiện nay ở Ni-ca-ra-goa, việc đi học, khám bệnh và chữa bệnh đều không mất tiền. Năm 1982, Ni-ca-ra-goa có gần 1 triệu người đi học, tính ra cứ 3 người dân có một người đi học.

Đề bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của mình, nhân dân Ni-ca-ra-goa không ngừng nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi hành động chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai, đồng thời ra sức xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng. Ngày 1-11-

1984, nhân dân Ni-ca-ra-goa sẽ bầu những người đứng đầu Nhà nước và đại biểu quốc hội. Chủ trương này là một thắng lợi mới về chính trị của nhân dân Ni-ca-ra-goa, một đòn nặng giáng vào âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ. Hiện nay, chiến lược của Mỹ nhằm chống phá cách mạng Ni-ca-ra-goa vẫn rất trắng trợn và thâm độc. Chúng ra sức tuyên truyền, vu cáo cách mạng Ni-ca-ra-goa, đồng thời không ngừng dùng sức ép về quân sự và kinh tế nhằm lật đổ chính quyền cách mạng ở Ni-ca-ra-goa. Về quân sự, Mỹ đang tiến hành cuộc chiến tranh chống Ni-ca-ra-goa bằng hai gọng kìm: Ở phía Bắc, tại On-đu-rát, Mỹ sử dụng 5000 tân quân Xô-mô-xa, lại có quân On-đu-rát phối hợp tác chiến đặc lực. Ở phía Nam, trên đất Có-xta Ri-ca, Mỹ có 6000 lính đánh thuê do tên phân bội E-den Pa-xtô-ra điều khiển dưới sự bảo trợ của Mỹ. Từ cuối năm 1982 đến nay, các lực lượng phản cách mạng do Mỹ trực tiếp nuôi dưỡng đã không ngừng xâm nhập vùng biên giới phía Bắc và phía Nam Ni-ca-ra-goa, tiến hành các vụ tiến công tới ác nhằm quấy rối, phá hoại công cuộc lao động hòa bình ở đất nước này. Chúng còn cho máy bay tập kích thủ đô Ma-na-goa, thả mìn phong tỏa các cảng của Ni-ca-ra-goa. Hải quân Mỹ thường xuyên tập trận quy mô lớn ở vùng biển Ca-ri-bê, ngoài khơi Ni-ca-ra-goa. Gần đây, Ri-gán còn đề nghị tăng thêm 21 triệu đô la vũ khí cho bọn phản động nhằm tích cực chống phá Ni-ca-ra-goa. Trên thực tế, Ni-ca-ra-goa là nước có chủ quyền đang bị đế quốc Mỹ đe dọa và

tiến công nhiều nhất ở lục địa châu Mỹ.

Hành động leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai ở Ni-ca-ra-goa đang vấp phải những đòn giáng trả địch đáng của nhân dân Ni-ca-ra-goa anh hùng. Mọi cuộc tiến công của kẻ thù đều bị chặn đứng. Mặt khác, Chính phủ cách mạng Ni-ca-ra-goa giương cao ngọn cờ hòa bình, chủ trương thương lượng với Mỹ để tìm một giải pháp chính trị cho các cuộc xung đột ở Trung Mỹ và vùng Ca-ri-bê. Ni-ca-ra-goa cũng đòi Mỹ phải xem xét những sáng kiến do nhóm Côn-ta-dô-ra (gồm Mê-bi-cô, Vê-nê-du-ê-la, Cô-lôm-bi-a, Pa-na-ma) đưa ra, nhằm biến Trung Mỹ và vùng Ca-ri-bê thành một khu vực hòa bình, độc lập và phát triển.

Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và lập trường chính nghĩa của Ni-ca-ra-goa được sự đồng tình và ủng hộ rộng

rãi của dư luận toàn thế giới, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa, các nước Mỹ la tinh, các nước Tây Âu như Pháp, Thụy điển v.v., và ngay cả không ít người trong chính giới Mỹ. "Bài học Việt nam" đang sôi động trong nhân dân Mỹ và đang biến thành sức mạnh thất sự ngăn cản Ri-gan dùng súng đạn hồng dè bẹp cách mạng Ni-ca-ra-goa.

Nhân dân Việt nam vui mừng chào đón thắng lợi của cách mạng Ni-ca-ra-goa. Chúng ta tin rằng dưới sự lãnh đạo đúng đắn và kiên cường của mặt trận giải phóng dân tộc Xan-di-nô, nhân dân Ni-ca-ra-goa anh hùng, trên cơ sở những thành tích đã đạt được, nhất định sẽ vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, làm thất bại mọi âm mưu và hành động phiêu lưu của đế quốc Mỹ và tay sai, bảo vệ vững chắc cách mạng Ni-ca-ra-goa, đưa đất nước Ni-ca-ra-goa tiến lên không ngừng.

ПЕРЕДОВАЯ – Коллективизированное крестьянство и дело социалистического строительства. **ВАН ТЬЕН ЗУНГ** – Некоторые вопросы об укреплении обороны и защите социалистической родины. **ЛЕ ЧОНГ ТАН** – Быть стране готовой к военной мобилизации и надежной защите социалистического отечества. **ЛЕ СУАН ЛЬУ** – Обновить и совершенствовать механизм партийного руководства армией. **НГУЕН ДЫК ТХУАН** – Рабочий класс – основная политическая сила социализма. **ДОАН ЧОНГ ЧУЕН** – Борьба «двух путей» в области цен. **ХЬУ НГИ** – Польский народ уверенно идет вперед. **ТХЬЕН ЗАН** – Никарагуанская революция непрерывно развивается.

REVIEW OF COMMUNISM N° 7-1984

Editorial – The Collective Peasantry and Socialist Construction. **VĂN TIÊN DŨNG** – Some Questions on Strengthening National Defence and Defending the Socialist Fatherland. **LÊ TRONG TẤN** – Getting the Nation Prepared for War Mobilization and for Defending our Socialist Fatherland. **LÊ XUÂN LŨU** – Renovating and Bringing to Perfection the Party's Leadership over the Armed Forces. **NGUYỄN ĐỨC THUẬN** – The Working Class – the Fundamental Political Force of Socialism. **ĐOÀN TRỌNG TRUYỀN** – The Struggle between «Two Roads» in the Field of Prices. **HỒU NGHỊ** – Poland: Firm Steps forward. **THIỆN DÂN** – Steady Development of the Nicaraguan Revolution.

REVUE DU COMMUNISME N° 7-1984

Editorial – La paysannerie collectiviste et l'édification du socialisme. **VĂN TIÊN DŨNG** – Problèmes concernant la défense nationale, la défense de la patrie socialiste. **LÊ TRONG TẤN** – Préparer la pays à une mobilisation en cas de guerre pour défendre la patrie socialiste. **LÊ XUÂN LŨU** – Renover, parfaire la direction du Parti à l'adresse de l'armée. **NGUYỄN ĐỨC THUẬN** – La classe ouvrière, force politique fondamentale du socialisme. **ĐOÀN TRỌNG TRUYỀN** – La lutte entre les deux voies dans le domaine des prix. **HỒU NGHỊ** – Le peuple polonais avance à pas sûrs. **THIỆN DÂN** – La révolution nicaraguayenne en plein essor.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 7-1984

Editorial – Los campesinos colectivos y la edificación del socialismo. **VĂN TIÊN DŨNG** – Algunos problemas acerca del fortalecimiento de la defensa nacional y la salvaguardia de la patria socialista. **LÊ TRONG TẤN** – Preparar por la movilización general al servicio de la guerra en el país para defender con firmeza nuestra nación socialista. **LÊ XUÂN LŨU** – Renovar y perfeccionar el mecanismo de dirección del Partido en el ejército. **NGUYỄN ĐỨC THUẬN** – La clase obrera – fuerza política fundamental del socialismo. **ĐOÀN TRỌNG TRUYỀN** – La lucha entre los «dos caminos» en el dominio de precio. **HỒU NGHỊ** – El avance con pasos seguros del pueblo polaco. **THIỆN DÂN** – El desarrollo incesante de la revolución de Nicaragua.

MỤC LỤC

Xã luận — Nông dân tập thể và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội	1
VÂN TIẾN DŨNG — Máy vận dẽ cũng có quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	7
LÊ TRỌNG TẤN — Chuẩn bị đất nước sẵn sàng động viên chiến tranh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	20
LÊ XUÂN LUY — Đổi mới, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng với quân đội	27
NGUYỄN ĐỨC THUẬN — Giai cấp công nhân, lực lượng chính trị cơ bản của chủ nghĩa xã hội	34
ĐOÀN TRỌNG TRUYỀN — Cuộc đấu tranh giữa « hai con đường » trên lĩnh vực giá cả	42
Nghiên cứu ★ QUYẾT TIẾN — Thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa	51
Trao đổi ý kiến về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ★ CHÂU KHẢI DỊCH — Về pháo đài quân sự huyện ★ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Phú Khánh — công tác quân sự địa phương trong xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện	57
HỒ CŨNG NGHỊ — Nhân dân Ba lan đang tiến bước vững chắc	63
THIỆN DÂN — Cách mạng Ni-ca-ra-goa đang không ngừng phát triển	67

Các bạn tìm đọc:

LÊ DUẤN

- Tiến bước theo phương hướng chiến lược đã vạch ra

LÊ ĐỨC THỌ

- Thực hiện một sự chuyển biến sâu sắc về tổ chức nhằm tăng cường lãnh đạo và quản lý về mọi mặt, nhất là về kinh tế.

TỔ HỮU

- Một số vấn đề cần nắm vững khi thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành trung ương

VŨ OANH

- Hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp các tỉnh Nam bộ

★★★

- Lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên thị trường
- Chính sách, biện pháp phát triển sản xuất hàng xuất khẩu và quản lý xuất nhập khẩu

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUÂN VÀ CHÍNH TRI
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/LIC-B



8

8.1984

100

Hãy thực hiện tốt những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế

TRONG những năm qua, thực hiện các nghị quyết của Đảng, chúng ta đã cải tiến được một bước công tác quản lý kinh tế theo hướng mở rộng quyền chủ động sáng tạo cho cơ sở và địa phương, dưới sự quản lý tập trung thống nhất của trung ương về những mặt cơ bản, khuyến khích mạnh mẽ người lao động hăng hái sản xuất.

Việc cải tiến quản lý kinh tế được tiến hành trên nhiều mặt và thể hiện trên nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhưng nổi bật nhất là chính sách khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp, chính sách mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và kế hoạch hóa ở các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, chính sách xuất, nhập khẩu... Nó đã góp phần quan trọng tạo ra những tiền bộ trong đời sống kinh tế — xã hội nước ta mấy năm vừa qua.

Tuy nhiên, những tiền bộ và chuyển biến trong quản lý kinh tế chưa đồng đều, chưa mạnh mẽ, chưa cơ bản. Công tác quản lý kinh tế còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm, trong đó có những mặt kéo dài và nghiêm trọng. Những khuyết điểm ấy là biểu hiện của lệ quan liêu bao cấp, bảo thủ, trì trệ trong cơ chế quản lý kinh tế và tình trạng phân tán, cục bộ, vô lễ chức, vô kỷ luật. Những khuyết điểm ấy hoàn toàn trái với đường lối của Đảng ta, với bản chất của chế độ ta, gây thiệt hại cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Những khuyết điểm ấy cần phải được khắc phục một cách kiên quyết.

Nhằm thực hiện bốn mục tiêu kinh tế — xã hội của những năm 80 do Đại hội thứ V của Đảng đề ra, Hội nghị thứ sáu của Trung ương Đảng vừa họp xong, đã nêu lên **những phương hướng và yêu cầu chủ yếu** của công tác cải tiến quản lý kinh tế trong thời gian tới là:

a) Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện ba cấp cùng làm chủ, động viên sức mạnh tổng hợp của cả nước nhằm khai thác tối

nhất các **tiềm năng, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh với năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao.**

Cơ chế quản lý kinh tế mới phải thấu suốt nguyên tắc lập trung dân chủ, lấy kế hoạch làm trung tâm, gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Mở rộng quyền chủ động, sáng tạo, xác lập quyền tự chủ tài chính của các đơn vị sản xuất, kinh doanh; mở rộng quyền chủ động của các địa phương dưới sự quản lý lập trung thống nhất của trung ương, gắn chặt quyền lợi với lợi ích, trách nhiệm với quyền hạn ở mọi ngành, mọi cấp và trong lòng đơn vị cơ sở.

Tiếp tục thực hiện việc phân công, phân cấp hợp lý giữa trung ương và địa phương (tỉnh, thành phố, huyện, quận); xây dựng và kiện toàn các ngành kinh tế - kỹ thuật; kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ; đẩy mạnh xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện.

b) Củng cố và phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh; đẩy mạnh cải tạo kết hợp với xây dựng, kiên quyết chống các hiện tượng tiêu cực, chống sự phá hoại của địch, phát triển sản xuất gắn liền với bảo vệ sản xuất, giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa ta và địch; thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trong kinh tế và xã hội theo đường lối của Đảng.

c) Tiếp tục cải tiến công tác phân phối, lưu thông một cách tích cực và vững chắc, thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trong phân phối lưu thông.

Trên cơ sở phát triển sản xuất là gốc và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, tích cực củng cố và mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; tăng cường quản lý thị trường; xóa bỏ tư sản thương nghiệp, loại trừ chợ đen; xóa bỏ thị trường tự do về những mặt hàng do Nhà nước độc quyền kinh doanh. Điều chỉnh kịp thời các chính sách giá cả, tiền lương, tài chính, tiền lệ, thực hiện thống nhất hai hóa ba lợi ích, vận dụng đúng đắn nguyên tắc phân phối theo lao động, phù hợp với tình hình thực tế, phục vụ tốt hơn sản xuất, kinh doanh xã hội chủ nghĩa; ổn định và từng bước cải thiện đời sống của người lao động, nhất là công nhân, cán bộ, lực lượng vũ trang; đồng thời chăm lo lịch lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

d) Chấn chỉnh bộ máy quản lý, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, phục vụ đắc lực cho cơ sở. Từ phân định rõ và kết hợp tốt chức năng quản lý Nhà nước về hành chính kinh tế và quản lý sản xuất, kinh doanh mà quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của từng đơn vị và từng người; kiện toàn và tinh giản bộ máy, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, chế độ kỷ luật và chế độ trách nhiệm.

Trước mắt, phải lao ra một chuyên biến mạnh mẽ trong quản lý kinh tế, lập trung giải quyết hàng loạt vấn đề sau đây:

Một là, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tinh chủ động, sáng tạo và mọi khả năng của các cơ sở, tổ chức lại sản xuất, từng bước xây dựng cơ chế quản lý mới, phân công, phân cấp quản lý đúng đắn.

Hai là, giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông, đặc biệt là các lĩnh vực thị trường, giá, lương, tiền, nhằm phục vụ tốt cơ sở, đồng thời giải quyết đúng đắn các mối quan hệ phân phối trong nền kinh tế quốc dân.

Hai một đó là một thể thống nhất, phục vụ lẫn nhau, tạo điều kiện và tiền đề cho nhau.



Để giải quyết tốt loại vấn đề thứ nhất, cần sắp xếp lại các cơ sở sản xuất kinh doanh, đồng thời cải tiến cơ chế quản lý đối với các cơ sở ấy.

Trong việc sắp xếp lại các cơ sở sản xuất kinh doanh, phải tập trung những điều kiện và khả năng để sản xuất những sản phẩm quan trọng nhất, ưu tiên cho những cơ sở quốc doanh quan trọng có điều kiện sản xuất ổn định, có hiệu quả kinh tế cao nhất. Chuyển hướng những cơ sở không có điều kiện sản xuất theo nhiệm vụ thiết kế. Kiên quyết giải thể những cơ sở không có khả năng bảo đảm sản xuất có hiệu quả, thua lỗ kéo dài.

Đẩy mạnh việc xây dựng quy hoạch của từng huyện; tiếp tục củng cố và tăng cường các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp; nâng cao chất lượng của các nông trường, lâm trường, các quốc doanh đánh cá; kiện toàn các cơ sở quốc doanh dịch vụ — kỹ thuật phục vụ nông, lâm, ngư, nghiệp; đẩy mạnh xây dựng các hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng.

Các tổ chức liên hiệp sản xuất cần được kiện toàn, với hình thức và quy mô phù hợp với trình độ tập trung và chuyên môn hóa sản xuất cũng như trình độ và điều kiện quản lý. Các tổ chức ấy phải thực hiện hạch toán kinh tế và quyền tự chủ tài chính.

Các quan hệ hợp tác liên doanh, liên kết kinh tế cần được phát triển một cách đa dạng. Trong liên kết giữa đơn vị sản xuất nguyên liệu với công nghiệp, phải bảo đảm sự hài hòa về lợi ích giữa người sản xuất nguyên liệu, cơ sở chế biến và tích lũy cho ngân sách, trong đó chủ ý thích đáng đến lợi ích của cơ sở sản xuất nguyên liệu.

Cần khẩn trương phân cấp quản lý kinh tế, xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Việc phân giao các cơ sở cho ngành hay địa phương trực tiếp quản lý phải lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn hàng đầu.

Việc cải tiến cơ chế quản lý đối với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh phải nhằm mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của xí nghiệp. Vì mục đích ấy, về kế hoạch hóa, đã thu hẹp các chỉ tiêu pháp lệnh. Áp dụng các chính sách khuyến khích xí nghiệp kiếm thêm vật tư ngoài vật tư do Nhà nước cung cấp, để khai thác mọi tiềm năng, mở rộng sản xuất.

Về cung ứng vật tư và liệu thụ sản phẩm, các cơ quan cung ứng và xí nghiệp đều phải làm tốt trách nhiệm của mình đúng kế hoạch và hợp đồng đã ký kết; nghiêm cấm các xí nghiệp và các cơ quan, cơ sở kinh tế tự ý nâng giá, bán sản phẩm, vật tư ra thị trường tự do.

Để bảo đảm thực hiện chế độ tự chủ tài chính của xí nghiệp, cần sửa đổi các chế độ hạch toán giá thành, định giá bán buôn xí nghiệp, cải tiến chế độ thu quốc doanh. Việc sửa đổi định mức lợi nhuận, và thể thức tính lợi nhuận

nhằm làm cho phần lợi nhuận xí nghiệp được hưởng chỉ phụ thuộc vào quy mô phát triển sản xuất, năng suất và hiệu quả của xí nghiệp. Việc lập các quỹ xí nghiệp cũng phải gắn với hiệu quả hoạt động của xí nghiệp.

Cần cải tiến kế hoạch hóa quỹ lương trên cơ sở định mức và đơn giá được tính toán có căn cứ và được duyệt. Xí nghiệp được nhận tiền lương theo mức độ hoàn thành chỉ tiêu giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện và sản phẩm giao nộp. Vận dụng phổ biến chế độ khoán sản phẩm, thực hiện hạch toán đến tổ, đội sản xuất. Mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của giám đốc xí nghiệp trong việc quản lý quỹ lương, trong việc tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp và cho thôi việc đối với người lao động.

Trên cơ sở các nguyên tắc và chủ trương quản lý đối với xí nghiệp công nghiệp nêu trên, sẽ quy định cơ chế quản lý phù hợp đối với các đơn vị kinh tế quốc doanh trong các ngành và lĩnh vực khác như xây dựng, vận tải, an ninh và trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, xã hội, v.v.

Đối với hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Nhà nước thông qua các chính sách đòn bẩy, cung ứng vật tư kỹ thuật, hợp đồng kinh tế, các hình thức tổ chức liên kết, liên doanh để chỉ đạo các hợp tác xã xây dựng kế hoạch. Chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh giao cho hợp tác xã, thể hiện trong hợp đồng kinh tế được ký từ đầu vụ, bao gồm khối lượng sản phẩm hợp tác xã bán cho Nhà nước và các điều kiện vật chất Nhà nước cung ứng cho hợp tác xã,

Cần lồng kết công tác tổ chức, quản lý hợp tác xã, đặc biệt chú ý tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Trên cơ sở các nguyên tắc và chủ trương về cơ chế quản lý đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, sẽ quy định cơ chế quản lý phù hợp với các hợp tác xã trong các ngành nghề khác như: lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải.



Hiện nay, tình hình sản xuất còn rất khó khăn, nhiều mặt mất cân đối, nhất là lương thực, năng lượng, vật tư, tài chính, tiền tệ, thị trường tự do còn quá rộng; giá cả biến động mạnh; đời sống của nhân dân lao động, trước hết là công nhân, cán bộ và lực lượng vũ trang, còn nhiều khó khăn; quan hệ về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội rất bất hợp lý.

Trước tình hình ấy, việc cải tiến công tác phân phối, lưu thông phải nhằm những mục tiêu sau đây:

— Thúc đẩy phát triển sản xuất với năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao.

— Ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân lao động, trước hết là công nhân, cán bộ và các lực lượng vũ trang; điều tiết hợp lý thu nhập của các tầng lớp dân cư.

— Củng cố nền tài chính quốc gia, bảo đảm dự trữ Nhà nước, từng bước tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

— Thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực phân phối lưu thông.

Đề đạt được các mục tiêu đó, trên lĩnh vực phân phối, lưu thông trong một số năm trước mắt, cần tiến hành đồng thời hai loại công việc :

Một mặt, trên cơ sở phát triển sản xuất phải đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng và mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; tích cực cải tạo và quản lý chặt chẽ thị trường tự do; cấm tư thương kinh doanh các mặt hàng do Nhà nước thống nhất quản lý, chống đầu cơ, buôn lậu; loại trừ chợ đen.

Mặt khác, phải khẩn trương điều chỉnh các chính sách về giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ cho phù hợp với tình hình kinh tế tài chính đã thay đổi và chưa ổn định, nhằm phục vụ tốt hơn cho sản xuất, kinh doanh xã hội chủ nghĩa và đời sống của người lao động.

Chính sách phân phối phải giải quyết đúng đắn các mối quan hệ cơ bản của nền kinh tế quốc dân, quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động, xóa bỏ chế độ bao cấp, làm cho người lao động hàng hải sản xuất, kết hợp hài hòa các loại lợi ích: lợi ích của toàn xã hội, của tập thể và của người lao động; lợi ích của trung ương, của địa phương và của cơ sở.

Một loạt công tác cấp bách về quản lý thị trường và thương nghiệp, về giá cả, tiền lương, về tài chính và tiền tệ cũng như về quản lý xuất nhập khẩu đã được đề ra nhằm thực hiện hai loại công việc nói trên. Chúng ta cần thực hiện nghiêm chỉnh các công tác cấp bách đó để tạo ra một chuyển biến mới trong công tác cải tiến quản lý kinh tế.

Quản lý thị trường là một công tác mang tính chất đấu tranh giai cấp sâu sắc, đồng thời là một công tác có ý nghĩa rất quan trọng. Vì rằng thị trường là nơi diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, diễn ra cuộc đấu tranh giữa ta và địch một cách gay gắt, hằng ngày, hằng giờ. Nếu không quản lý tốt thị trường, để cho thị trường tự do hoạt động lấn chiếm thị trường xã hội chủ nghĩa, thì chẳng những không có lợi cho việc phát triển sản xuất và thực hiện phân phối lưu thông một cách đúng đắn, mà cũng không thể ổn định được sức mua của đồng tiền, giá cả và đời sống của người lao động. Vì lẽ đó, cần khẩn trương thực hiện mọi công tác mà Đảng đề ra trong lĩnh vực này. Ở đây, hơn ở đâu hết, cần nêu cao tư tưởng của giai cấp công nhân, tư tưởng của chủ nghĩa xã hội, đề phòng và khắc phục các khuynh hướng sai lầm như: do dự, không kiên quyết loại trừ «chợ đen», không tích cực thu hẹp thị trường «tự do», sợ cải tạo mạnh sẽ ảnh hưởng xấu đến sản xuất và lưu thông bình thường; và nóng vội, muốn xóa ngay thị trường «tự do» bằng các biện pháp hành chính đơn thuần, mà không tích cực mở rộng thị trường có tổ chức và hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Về giá, ngoài nhiều mặt khác ra, có một điều quan trọng cần nhấn mạnh là Nhà nước ta phải tăng cường quản lý giá, đồng thời thực hiện phân công phân cấp quản lý giá hợp lý để bảo đảm giá cả được quyết định mau lẹ, kịp thời, không ảnh hưởng đến sản xuất và lưu thông hàng hóa. Nghiêm cấm các ngành, các cấp định sai giá chế độ, tùy tiện nâng giá và ép giá để tăng thu nhập bất hợp lệ. Cần phát đề cao kỷ luật về giá và kiên quyết lập lại trật tự trên lĩnh vực giá cả. Trong điều kiện cung cầu còn mất cân đối, việc Nhà nước tạm thời thi hành chính sách hai giá là rất cần thiết. Song cần phải tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiến tới thực hiện chính sách một hệ thống giá thống nhất dựa trên những căn cứ hợp lý và có cơ sở ổn định vững chắc.

Về lương, cần thấy rằng, trong điều kiện hiện nay, vẫn đề không phải chỉ đơn thuần là tăng lương danh nghĩa theo sự biến động của giá cả thị trường tự do, mà trước hết và cơ bản nhất là phải bảo đảm phân phối cho người lao động một lượng hàng tiêu dùng cần thiết hợp lý. Do đó phải áp dụng chế độ cung ứng theo giá ổn định những mặt hàng thiết yếu, làm cho bộ phận cơ bản của tiền lương thực tế không bị phụ thuộc vào giá thị trường thường xuyên biến động. Đồng thời, đối với phần tiền lương còn chịu ảnh hưởng của sự thay đổi giá cả, cần định kỳ xem xét đề bảo đảm thu nhập thực tế của công nhân, cán bộ và lực lượng vũ trang. Cùng với việc trên, chúng ta khẩn trương nghiên cứu một phương án toàn diện cải tiến một bước chế độ tiền lương, làm cho tiền lương thật sự bảo đảm tái sản xuất sức lao động của người ăn lương, bảo đảm quan hệ hợp lý giữa các ngành nghề và tính thống nhất của chế độ tiền lương trong cả nước, bảo đảm thực hiện phân phối theo lao động.

Để giải quyết các khó khăn và mất cân đối nghiêm trọng về tài chính và tiền tệ, vẫn đề cơ bản nhất vẫn là đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt; nhưng đồng thời cần phải đề ra và thực hiện một chính sách tài chính quốc gia phù hợp với chặng đường hiện nay của thời kỳ quá độ. Cũng cần phải có chính sách kinh tế tài chính thích hợp và các biện pháp kiên quyết, đồng bộ để củng cố sức mua của đồng tiền.

Về quản lý xuất, nhập khẩu, cần phát triển và cải tiến quan hệ kinh tế với nước ngoài, đặc biệt là với Liên xô và các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Uu tiên bảo đảm các điều kiện sản xuất, vật tư kỹ thuật cần thiết, dành quỹ vật tư, hàng hóa thích đáng, trong đó có phần vật tư, hàng hóa nhập khẩu, để phục vụ sản xuất và thu mua hàng xuất khẩu theo kế hoạch Nhà nước.

Trên cơ sở thực hiện nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương và ngoại hối, trung ương thống nhất quản lý ngoại thương, thống nhất quản lý vận tải xuất, nhập khẩu, khuyến khích các địa phương, các ngành và các đơn vị cơ sở đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu và xuất khẩu. Mọi hoạt động xuất, nhập khẩu, dù là của trung ương hay của địa phương và cơ sở, đều phải chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ ngoại thương.

Cần sắp xếp lại và tăng cường các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu. Thống nhất kinh doanh xuất, nhập khẩu những mặt hàng và nhóm hàng quan trọng trong cả nước vào một đầu mối.



Nhằm mục đích tăng cường phục vụ và quản lý cơ sở, cần cải tiến quản lý ở các ngành, các cấp. Điều này có nghĩa là phải nhanh chóng nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý Nhà nước.

Trước hết phải cải tiến công tác kế hoạch hóa, cụ thể hóa chủ trương ba cấp cơ bản (trung ương, địa phương và cơ sở) làm chủ kế hoạch.

Ở cấp trung ương, ngoài trách nhiệm nhiều mặt của Hội đồng bộ trưởng, trong đó có việc xây dựng và nắm vững những cân đối chủ yếu về hiện vật và giá trị nhằm bảo đảm cho trung ương thông qua kế hoạch mà chỉ phối vững chắc quá trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, các bộ, tổng cục có trách nhiệm xây dựng kế hoạch toàn ngành phù hợp với trình độ phát triển và đặc điểm của từng ngành; bảo đảm cho kế hoạch được xây dựng và tổng

hợp lý cơ sở do bộ trực tiếp quản lý cũng như từ các cơ sở cùng ngành do các địa phương và các bộ khác trực tiếp quản lý

Các tỉnh, thành phố được mở rộng quyền hạn và trách nhiệm trong việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh tế-xã hội toàn diện của địa phương gồm cả phần kế hoạch do địa phương phụ trách đối với các cơ sở trung ương đóng tại địa phương. Kế hoạch tỉnh phải thể hiện cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp tỉnh bao gồm cả các cơ sở kinh tế trung ương và kinh tế địa phương. Còn kế hoạch huyện thì phải thể hiện cơ cấu kinh tế nông-công nghiệp huyện, được xây dựng theo quy hoạch cụ thể của từng huyện (nông-công nghiệp, nông-lâm-công nghiệp, nông-ngư-công nghiệp, v.v.).

Kế hoạch của các ngành và các địa phương đều phải thể hiện phương châm « Trung ương và địa phương cùng làm », « Nhà nước và nhân dân cùng làm », và các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các địa phương với nhau, hoặc giữa địa phương với các ngành trung ương.

Cần ban hành, bổ sung hoặc sửa đổi một số chính sách, chế độ quản lý, trong đó có chế độ kế toán và thống kê Nhà nước, các chính sách chế độ về lao động, các chính sách, chế độ quản lý khoa học-kỹ thuật... Cần tăng cường kiểm tra và thanh tra tài chính của Nhà nước.

Phát huy gần bộ máy quản lý Nhà nước, đồng thời tinh giản bộ máy của Đảng và các đoàn thể quần chúng các cấp. Tăng cường pháp chế Nhà nước xã hội chủ nghĩa và kỷ luật Nhà nước.

Cuối cùng phải hết sức coi trọng công tác cán bộ, bảo đảm tuyển chọn cán bộ một cách có căn cứ khoa học, đánh giá cán bộ một cách đúng đắn, căn cứ vào phẩm chất, đạo đức và năng lực thực hiện cơ chế quản lý mới.



Đề bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết Hội nghị thứ sáu của Ban chấp hành trung ương Đảng, cần làm thấu suốt nghị quyết này trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, khẩn trương cụ thể hóa các chủ trương, biện pháp ghi trong nghị quyết, cải tiến lề lối làm việc, từ chuẩn bị quyết định, ra quyết định đến tổ chức, kiểm tra việc thực hiện và sơ kết, tổng kết công tác; động viên quần chúng đầy mạnh phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, phát triển sản xuất và thực hành tiết kiệm, tích cực bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, kiên quyết chống các hoạt động phá hoại của địch và các mặt tiêu cực trong xã hội.

Toàn Đảng, toàn dân ta hãy phát huy ý chí tự lực tự cường và tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, ra sức khắc phục khuyết điểm, thực hiện tốt những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế mà Hội nghị thứ sáu của Trung ương Đảng đã đề ra, thi đua đầy mạnh sản xuất và cải tiến công tác phân phối, lưu thông, quyết tâm hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1984 và kế hoạch 5 năm 1981-1985, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế-xã hội mà Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đề ra

Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng

Về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế

Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã họp từ ngày 3-7 đến ngày 10-7-1981 bàn về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế.

Phát biểu ý kiến tại hội nghị, đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng, đã nêu rõ những vấn đề về nguyên tắc, có tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, những tư tưởng cơ bản của Đảng về vấn đề cải tiến quản lý kinh tế.

Hội nghị Trung ương lần này đã tập trung thảo luận và giải quyết hai loại vấn đề quan trọng: *một là*, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tính chủ động sáng tạo và mọi khả năng của các cơ sở, tổ chức lại sản xuất, từng bước xây dựng cơ chế quản lý mới, phân công, phân cấp quản lý đúng đắn; *hai là*, giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông, đặc biệt là các lĩnh vực thị trường, giá, lương, tiền, nhằm phục vụ tốt cơ sở, đồng thời giải quyết đúng đắn các mối quan hệ phân phối trong nền kinh tế quốc dân.

Hội nghị nhận định: dưới ánh sáng của các nghị quyết của Đảng và dựa trên những kinh nghiệm thực tế phong phú của những điển hình tốt xuất hiện ở các địa phương, các ngành và các cơ sở, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm cải tiến một số mặt trong quản lý kinh tế có tác động tích cực đến sản xuất, kinh doanh. Thực tế chứng minh rằng, trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay, thấu suốt và cụ thể hóa đường lối đúng đắn của Đảng bằng một cơ cấu kinh tế hợp lý và một cơ chế quản lý thích hợp, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở từng cơ sở, từng địa phương, từng ngành, động viên được sức mạnh tổng hợp của cả nước, thì chúng ta có khả năng tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, những tiến bộ và chuyển biến trong quản lý kinh tế chưa đồng đều, chưa mạnh mẽ, chưa cơ bản. Hội nghị đã phân tích sâu sắc những khuyết điểm và nhược điểm nghiêm trọng và kéo dài trong công tác quản lý kinh tế. Những khuyết

điểm đó là biểu hiện của tệ quan liêu, bao cấp, bảo thủ trì trệ trong cơ chế quản lý kinh tế, và tình trạng phân tán, cục bộ, vô tổ chức, vô kỷ luật. Những khuyết điểm ấy hoàn toàn trái với đường lối của Đảng, gây thiệt hại cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cần được khắc phục một cách kiên quyết.

Nhằm thực hiện 4 mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra, Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng đã định rõ những phương hướng và yêu cầu chủ yếu của việc cải tiến quản lý kinh tế trong thời gian tới là:

a) Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện ba cấp cùng làm chủ, động viên sức mạnh tổng hợp của cả nước nhằm nhanh chóng khai thác tốt nhất các tiềm năng, đẩy mạnh sản xuất - kinh doanh với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao.

Cơ chế quản lý kinh tế mới phải thấu suốt nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy kế hoạch làm trung tâm, gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Mở rộng quyền chủ động, sáng tạo, xác lập quyền tự chủ tài chính của các đơn vị sản xuất kinh doanh, và mở rộng quyền chủ động của các địa phương dưới sự quản lý tập trung thống nhất của trung ương, gắn chặt nghĩa vụ với lợi ích, trách nhiệm với quyền hạn của mỗi ngành, mỗi cấp và trong từng đơn vị cơ sở.

Tiếp tục thực hiện việc phân công, phân cấp hợp lý giữa trung ương và địa phương (tỉnh, thành phố, huyện, quận); xây dựng và kiện toàn các ngành kinh tế - kỹ thuật, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ; đẩy mạnh xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện.

b) Củng cố và phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh; đẩy mạnh cải tạo kết hợp với xây dựng, chống các hiện tượng tiêu cực, chống sự phá hoại của địch, phát triển sản xuất gắn liền với bảo vệ sản xuất, giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa ta và địch; thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trong kinh tế và xã hội theo đường lối của Đảng.

c) Tiếp tục cải tiến công tác phân phối, lưu thông một cách tích cực và vững chắc, thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trong phân phối, lưu thông.

Trên cơ sở phát triển sản xuất là gốc và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, tích cực củng cố và mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; tăng cường quản lý thị trường; xóa bỏ tư sản thương-nghiệp; loại trừ chợ đen, cấm tư thương kinh doanh những mặt hàng do Nhà nước thống nhất quản lý. Điều chỉnh kịp thời các chính sách giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ phù hợp với tình hình thực tế, thực hiện thống nhất hài hòa ba lợi ích, vận dụng đúng đắn nguyên tắc phân phối theo lao động, phục vụ tốt hơn sản xuất, kinh doanh xã hội chủ nghĩa; ổn định và từng bước cải thiện đời sống của người lao động, nhất là công nhân, cán bộ, lực lượng vũ trang; đồng thời chăm lo tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

d) Chấn chỉnh bộ máy quản lý, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, phục vụ đắc lực cho cơ sở. Từ phân định rõ và kết hợp tốt chức năng quản lý Nhà nước về hành chính kinh tế và quản lý sản xuất, kinh doanh, mà quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của từng đơn vị và từng người; kiện toàn và tinh giản bộ máy, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, tăng cường pháp chế xã

lợi chủ nghĩa, chế độ kỷ luật và chế độ trách nhiệm.

Hội nghị đã vạch ra những phương hướng và nhiệm vụ về sắp xếp và tổ chức lại sản xuất và tiếp tục cải tiến cơ chế quản lý các đơn vị cơ sở.

Các xí nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương cần được sắp xếp lại nhằm khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo hiện nay. Nhằm sử dụng có lợi nhất các năng lực sản xuất hiện có, sẽ tập trung điều kiện và khả năng để sản xuất những sản phẩm trọng yếu của nền kinh tế quốc dân, ưu tiên cho những cơ sở quốc doanh quan trọng có điều kiện sản xuất ổn định, có hiệu quả kinh tế cao nhất; chuyển hướng những cơ sở không có điều kiện sản xuất theo nhiệm vụ thiết kế; giải thể những cơ sở không có khả năng bảo đảm sản xuất có hiệu quả, thua lỗ kéo dài.

Trên cơ sở phân vùng quy hoạch nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp trong cả nước, đẩy mạnh xây dựng quy hoạch của từng huyện, tiếp tục củng cố và tăng cường các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, ổn định phương hướng sản xuất, quy mô và tổ chức các hợp tác xã nông nghiệp, nâng cao chất lượng các nông trường, lâm trường, quốc doanh đánh cá, sắp xếp lại và kiện toàn các cơ sở quốc doanh dịch vụ—kỹ thuật phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Đẩy mạnh xây dựng các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng.

Hội nghị đã vạch ra phương hướng kiện toàn các tổ chức liên hiệp sản xuất, phát triển các hình thức quan hệ hợp tác liên doanh, liên kết kinh tế, và nhấn mạnh rằng các tổ chức liên hợp phải là tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện hạch toán kinh tế và quyền tự chủ tài chính; trong liên kết giữa các đơn vị sản xuất nguyên liệu với công nghiệp, phải

bảo đảm sự hài hòa về lợi ích giữa người sản xuất nguyên liệu, cơ sở chế biến, và tích lũy cho ngân sách, trong đó chú ý thích đáng đến lợi ích của cơ sở sản xuất nguyên liệu.

Hội nghị yêu cầu các ngành, các cấp thực hiện khẩn trương hơn nữa các chủ trương về phân cấp quản lý kinh tế, trên các lĩnh vực kế hoạch hóa—tài chính, thương nghiệp, xuất khẩu, xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

Hội nghị Trung ương đã có những quyết định quan trọng về cải tiến cơ chế quản lý đối với xí nghiệp công nghiệp quốc doanh nhằm mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của xí nghiệp. Về kế hoạch hóa, thu hẹp số chỉ tiêu pháp lệnh; áp dụng các chính sách khuyến khích xí nghiệp tự kiếm thêm nguồn vật tư ngoài phân vật tư được Nhà nước cung ứng, khai thác mọi tiềm năng để mở rộng sản xuất. Về cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm, yêu cầu các cơ quan cung ứng phải bảo đảm cung ứng vật tư, năng lượng cho xí nghiệp theo đúng kế hoạch và hợp đồng; đề cao kỷ luật về hợp đồng kinh tế và nâng cao vai trò của trọng tài kinh tế, đồng thời nghiêm cấm các xí nghiệp và các cơ quan, cơ sở kinh tế tự ý nâng giá, bán sản phẩm, vật tư ra thị trường tự do.

Để thực hiện chế độ tự chủ tài chính của xí nghiệp, sẽ sửa đổi các chế độ hạch toán giá thành, định giá bán buôn xí nghiệp, cải tiến chế độ thu quốc doanh, sửa đổi định mức lợi nhuận và thể thức tính lợi nhuận, xác định lại các quỹ xí nghiệp, làm cho phân lợi nhuận xí nghiệp được hưởng gắn chặt với quy mô phát triển sản xuất, năng suất và hiệu quả của xí nghiệp; mở rộng quyền xí nghiệp được vay vốn của ngân hàng, kể cả vốn ngoại tệ để sản xuất kinh doanh.

Về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng, cải tiến kế hoạch hóa quỹ lương trên cơ sở định mức và đơn giá được tính toán có căn cứ; xí nghiệp nhận tiền lương theo mức độ hoàn thành chỉ tiêu giá trị sản phẩm hàng hóa thực hiện và sản phẩm giao nộp, vận dụng phổ biến chế độ khoán sản phẩm, thực hiện hạch toán đến tổ, đội sản xuất. Mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của giám đốc xí nghiệp trong việc quản lý quỹ lương, trong việc tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp và cho thôi việc đối với người lao động.

Trên cơ sở các nguyên tắc và chủ trương quản lý đối với xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, Hội đồng Bộ trưởng sẽ quy định cơ chế quản lý phù hợp đối với các đơn vị kinh tế quốc doanh trong các ngành khác, như xây dựng, vận tải, nông, lâm, ngư nghiệp, kể cả các xí nghiệp trong quốc phòng, an ninh, trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, xã hội v.v...

Đối với hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, Nhà nước thông qua các chính sách đòn bẩy, cung ứng vật tư kỹ thuật, hợp đồng kinh tế, các hình thức tổ chức liên kết, liên doanh để chỉ đạo các hợp tác xã xây dựng kế hoạch. Trên cơ sở đề cao kỷ luật hợp đồng kinh tế, chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh giao cho hợp tác xã (và tập đoàn sản xuất) thể hiện trong hợp đồng kinh tế được ký từ đầu vụ bao gồm khối lượng sản phẩm hợp tác xã bán cho Nhà nước và các điều kiện vật chất Nhà nước cung ứng cho hợp tác xã.

Hội nghị Trung ương nhấn mạnh cần tổng kết công tác tổ chức quản lý hợp tác xã, đặc biệt chú ý tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Trên cơ sở các nguyên tắc và chủ trương về cơ chế quản lý đối với hợp tác xã nông nghiệp, Hội đồng Bộ trưởng

quy định cơ chế quản lý phù hợp với các hợp tác xã trong các ngành nghề khác, như lâm nghiệp, ngư nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải.

Về một số vấn đề cấp bách của mặt trận phân phối lưu thông, Hội nghị nhận định: Hiện nay tình hình sản xuất còn rất khó khăn, nhiều mặt mất cân đối, nhất là lương thực; năng lượng, vật tư, tài chính, tiền tệ, thị trường tự do còn quá rộng; giá cả biến động mạnh; đời sống của nhân dân lao động, trước hết là công nhân, cán bộ và lực lượng vũ trang, còn nhiều khó khăn; quan hệ về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội rất bất hợp lý. Trước tình hình ấy, việc cải tiến công tác phân phối, lưu thông phải nhằm những mục tiêu sau đây: .

— Thúc đẩy phát triển sản xuất với năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao.

— Ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân lao động, trước hết là công nhân, cán bộ và lực lượng vũ trang. Điều tiết hợp lý thu nhập của các tầng lớp dân cư.

— Cũng cố nền tài chính quốc gia; bảo đảm dự trữ Nhà nước, từng bước tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

— Thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực phân phối lưu thông.

Để đạt được các mục tiêu đó, trên lĩnh vực phân phối, lưu thông trong một số năm trước mắt, cần tiến hành đồng thời hai loại công việc:

Một mặt, trên cơ sở phát triển sản xuất, phải đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng và mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; tích cực cải tạo và quản lý chặt chẽ thị trường tự do; cấm tư thương kinh doanh những mặt hàng do Nhà nước thống nhất quản lý; chống đầu cơ, buôn lậu, phá rối thị trường; loại trừ chợ đen.

Mặt khác, phải khẩn trương điều chỉnh các chính sách về giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ cho phù hợp với tình hình kinh tế - tài chính đã thay đổi và chưa ổn định, nhằm phục vụ tốt hơn sản xuất, kinh doanh xã hội chủ nghĩa và đời sống của người lao động.

Chính sách phân phối phải giải quyết đúng đắn các mối quan hệ cơ bản của nền kinh tế quốc dân, quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động, xóa bỏ chế độ bao cấp, làm cho người lao động hăng hái sản xuất. Kết hợp hài hòa các loại lợi ích: lợi ích của toàn xã hội, của tập thể và của người lao động; lợi ích của trung ương, của địa phương và của cơ sở.

Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương đã quyết định phát triển và cải tiến quan hệ kinh tế với nước ngoài, đặc biệt là với Liên xô và các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, phù hợp với những văn kiện được thông qua tại Hội nghị cấp cao các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế ở Mát-xcơ-va tháng 6 năm 1984.

Trên cơ sở thực hiện nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương và ngoại hối, trung ương thống nhất quản lý ngoại thương; thống nhất quản lý vận tải xuất, nhập khẩu, áp dụng các chính sách, chế độ khuyến khích các địa phương, các ngành và các đơn vị cơ sở đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu và xuất khẩu. Sắp xếp lại và tăng cường các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu.

Hội nghị cũng chỉ ra những phương hướng và nhiệm vụ cải tiến quản lý ở các ngành, các cấp nhằm tăng cường phục vụ việc quản lý cơ sở. Cải tiến công tác kế hoạch hóa; xác định lại trách nhiệm của các bộ, tổng cục trong việc xây dựng kế hoạch toàn ngành, mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của tỉnh, thành phố trong việc xây

dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội toàn diện của địa phương; định rõ tính chất và nội dung kế hoạch tỉnh và kế hoạch huyện. Ban hành, bổ sung hoặc sửa đổi một số chính sách, chế độ quản lý; xúc tiến thực hiện việc tinh giản bộ máy quản lý Nhà nước, bộ máy của Đảng và các đoàn thể ở các cấp. Tiếp tục cụ thể hóa và thể chế hóa chủ trương "Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý", tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật Nhà nước.

Hội nghị chỉ rõ: công tác cán bộ giữ một vị trí hết sức quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ cải tiến quản lý kinh tế. Cần có quy trình và tổ chức bảo đảm tuyển chọn cán bộ, đánh giá cán bộ một cách đúng đắn, căn cứ vào phẩm chất đạo đức và năng lực thực hiện cơ chế quản lý mới. Trên cơ sở đó, sắp xếp, tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt ở các cấp, các ngành kinh tế, trong các cơ quan quản lý Nhà nước, nhất là ở huyện và ở các tổ chức sản xuất, kinh doanh. Lựa chọn và cử những cán bộ có phẩm chất đạo đức, có năng lực quản lý và kinh doanh, làm giám đốc xí nghiệp và công ty quan trọng; làm bí thư và chủ tịch huyện.

Đề bảo đảm thực hiện tốt Nghị quyết của Hội nghị lần thứ sáu của Ban chấp hành trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo của Bộ chính trị, Ban bí thư và Hội đồng Bộ trưởng phải có chương trình cụ thể tổ chức thực hiện nghị quyết, nhằm vào những điểm chủ yếu là:

— Đạt được sự nhất trí cao, bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, trong tất cả các ngành, các cấp.

— Cụ thể hóa các chủ trương biện pháp đã ghi trong nghị quyết thành các

(Xem tiếp trang 46)

Cần làm tốt việc sắp xếp lại sản xuất công nghiệp

ĐỖ MUỘI

I

QUẢN triệt đường lối, chính sách của Đảng, dựa trên những kinh nghiệm và kết quả bước đầu đã đạt được, đề đẩy mạnh việc sắp xếp lại sản xuất công nghiệp trong thời gian tới, chúng ta cần thống nhất tư tưởng và hành động từ trung ương đến địa phương và cơ sở, kết hợp, phối hợp chặt chẽ ngành công nghiệp với các ngành có liên quan, tập trung mọi khả năng, cố gắng tiến hành sắp xếp lại sản xuất công nghiệp, đề từ nay đến năm 1985, vừa hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước 1981 - 1985, vừa lập lại được trật tự xã hội chủ nghĩa trong sản xuất kinh doanh, ổn định tình hình kinh tế và quản lý trong công nghiệp tạo ra các tiền đề thuận lợi cho việc xây dựng, thực hiện kế hoạch Nhà nước 1986 - 1990 và những năm sau.

Sắp xếp lại sản xuất công nghiệp phải quán triệt đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng là: «đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát

triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng; tăng cường quan hệ hợp tác tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi; làm cho nước Việt nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc».

Vận dụng đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trên đây vào việc sắp xếp lại công nghiệp trong thời gian trước mắt, nhằm giải quyết sự mất cân đối cơ bản hiện nay là nông nghiệp chưa bảo đảm được nhu cầu tối thiểu về lương thực, thực phẩm và các nông sản thiết yếu khác

cho yêu cầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. *Phương hướng chung* sắp xếp lại sản xuất công nghiệp từ nay đến hết năm 1990 là phải tập trung sức thúc đẩy phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức đẩy mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, công nghiệp làm hàng xuất khẩu, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng để khẩn trương và từng bước khắc phục sự mất cân đối nghiêm trọng về năng lượng, vật tư, phụ tùng, nguyên liệu, giao thông vận tải..., nhằm kết hợp nông nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý, phù hợp với yêu cầu của bước đi ban đầu trong thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Những mục tiêu cụ thể phải đạt là :

- Sắp xếp lại sản xuất phải nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất trên cơ sở bảo đảm sự phát triển theo quy hoạch và kế hoạch Nhà nước, bảo đảm sự cân đối hợp lý giữa các ngành, các vùng, các địa phương, các cơ sở, các thành phần kinh tế, tập trung được mọi khả năng vào việc thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch Nhà nước.

Ưu tiên dành các điều kiện vật chất cho việc đẩy mạnh sản xuất những sản phẩm thiết yếu phục vụ cho sản xuất, đời sống, xuất khẩu và củng cố quốc phòng, những sản phẩm tạo ra nguồn thu lớn cho ngân sách. Trong các xí nghiệp cùng sản xuất một loại hàng, cần dành ưu tiên cho những cơ sở đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Kiên quyết chuyển hướng hoặc đình chỉ sản xuất ở những cơ sở nào mà trước mắt cũng như lâu dài, không có khả năng đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực, càng kéo dài sản xuất

càng gây ra lãng phí về nhân, tài, vật lực; giảm bớt hoặc đình chỉ xây dựng những công trình chưa thật cần thiết, hoặc xây dựng xong mà không bảo đảm điều kiện sản xuất.

Coi trọng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và cải tiến quản lý, ra sức phấn đấu nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, hạ giá thành, đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, hạn chế đi tới xóa bỏ các hoạt động tiêu cực trong kinh doanh công nghiệp.

- Sắp xếp lại sản xuất phải nhằm tạo nên thể cân đối lịch cực trên cơ sở triệt để thực hiện tiết kiệm tiêu dùng và ra sức khai thác các nguồn vật tư, năng lượng theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương, địa phương và cơ sở cùng làm.

Điều chỉnh và sắp xếp lại sản xuất công nghiệp không phải là một việc làm bị động, chỉ dựa vào những điều kiện vật tư, năng lượng hiện có do trung ương phân phối theo chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước, mà phải được tiến hành một cách chủ động hơn dựa trên những khả năng hiện thực về khai thác thêm những tiềm năng từ nhiều nguồn khác nhau và từ việc sử dụng hợp lý hơn những nguồn vật tư, năng lượng đó.

Thực tiễn vừa qua đã chứng minh rằng, nếu sắp xếp lại sản xuất công nghiệp theo thể bị động, cắt giảm sản xuất đơn thuần cho hợp với khả năng cung ứng hiện có của Nhà nước thì kết quả bị hạn chế; ngược lại, nếu biết chủ động tìm cách sử dụng mọi tiềm năng bằng các biện pháp thích hợp, có sự khuyến khích thích đáng bằng cơ chế quản lý hợp lý hơn (khuyến khích bằng vật chất đối với người lao động, tổ chức liên doanh, liên kết, tiết kiệm tiêu dùng, cố gắng xuất khẩu để nhập khẩu nguyên liệu, phụ tùng...) thì phần lớn đều thành công.

— Sắp xếp lại sản xuất phải nhằm *lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa* trong sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, cần kết hợp chặt chẽ sắp xếp sản xuất với cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường kinh tế xã hội chủ nghĩa, củng cố vai trò lãnh đạo của thành phần kinh tế quốc doanh, tạo được thế mạnh cho công nghiệp trung ương đủ sức đảm đương vai trò chủ đạo, làm nòng cốt cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, mở rộng kinh tế hợp tác xã, sắp xếp hợp lý và phát huy mặt tích cực của các thành phần kinh tế khác, kiên quyết ngăn chặn và xóa bỏ các hoạt động tiêu cực, làm ăn bất chính, phi pháp, đẩy mạnh việc hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

— Sắp xếp lại sản xuất phải nhằm *cải tiến nhiều mặt quản lý* quan trọng khác, *xây dựng một cơ chế quản lý kinh tế mới*, năng động hơn, phù hợp với các điều kiện sản xuất, kinh doanh của giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay, trước hết là đổi mới công tác kế hoạch hóa và hệ thống các đơn vị kinh tế, lập lại trật tự kinh tế có kế hoạch, có kỷ luật trên cơ sở mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp, tăng cường hạch toán kinh tế trên cơ sở tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm và tự trang trải; kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của cá nhân người lao động, kết hợp chặt chẽ trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của trung ương, địa phương và cơ sở trong một hệ thống tổ chức quản lý kinh doanh thống nhất và hợp lý. Phải hết sức chú trọng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, của giai cấp công nhân để quản lý công nghiệp. Ở từng đơn vị sản xuất kinh doanh, phải tạo điều kiện để công nhân, viên chức có thể tham gia tích cực, có hiệu quả vào công tác quản lý xí nghiệp như tổ chức lại sản xuất,

xây dựng kế hoạch, kiểm tra tài chính, giao nộp sản phẩm... đấu tranh để thực hiện đúng đắn chính sách, pháp luật Nhà nước.

Phạm vi sắp xếp lại sản xuất công nghiệp cần bao quát các vấn đề sau đây:

— Sắp xếp lại các lực lượng sản xuất trong quá trình sản xuất cho hợp lý nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

— Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức quản lý, đặc biệt là làm tốt việc phân công, phân cấp quản lý và việc tinh giản, hợp lý hóa bộ máy quản lý nhằm phục vụ đắc lực nhất cho sản xuất phát triển.

— Cải tiến một bước cơ chế quản lý kinh tế, làm cho công tác kế hoạch hóa và các chính sách đòn bẩy phục vụ và kích thích sản xuất phát triển, góp phần lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trong kinh tế và quản lý, đẩy lùi và khắc phục có hiệu quả các hoạt động tiêu cực.

Ba mặt sắp xếp trên đây cần được tiến hành một cách đồng bộ, ăn khớp, hợp lý, và xoay quanh việc sắp xếp lại tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả kinh tế — xã hội cao nhất. Trên cơ sở *phương hướng, mục tiêu và phạm vi* của việc sắp xếp lại sản xuất nêu trên, *nội dung của sắp xếp lại sản xuất công nghiệp* được xác định như sau:

— *Sắp xếp lại các cơ sở sản xuất công nghiệp* (xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp...).

Sắp xếp lại các cơ sở sản xuất công nghiệp cần được tiến hành theo hướng tăng cường các quá trình tích tụ, chuyên môn hóa, hợp tác hóa và liên hiệp sản xuất. Các đơn vị cơ sở căn cứ vào khả năng thực tế về điện, nhiên liệu, vật tư, nguyên liệu, phụ tùng... do Nhà nước cấp và do cơ sở tự lo, căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao và khả năng

tiêu thụ sản phẩm trong thời gian tới để xác định phương hướng sản xuất đúng đắn, phương án sản phẩm thích hợp, quy mô, hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; tận dụng tối đa công suất thiết bị hiện có, đồng thời nghiên cứu khả năng đồng bộ hóa thiết bị, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sử dụng lao động để nâng cao năng suất lao động và tận dụng sức lao động hiện có; sắp xếp lại bộ máy quản lý xí nghiệp gọn nhẹ, có hiệu lực, bố trí lại đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật, cán bộ quản lý theo hướng đồng bộ hóa và tiêu chuẩn hóa để bảo đảm hiệu quả sản xuất và chất lượng công tác.

Các cấp trên có trách nhiệm giúp đỡ cơ sở, và từng cơ sở phấn đấu bảo đảm việc cung ứng vật tư, phụ tùng và phương tiện sản xuất để quá trình sản xuất kinh doanh được ổn định và liên tục. Cần xây dựng được mối liên kết kinh tế hợp lý và đa dạng giữa các đơn vị kinh tế, thông qua các hợp đồng kinh tế, nhằm thực hiện tốt nhất phương hướng và các chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước. Trong từng cơ sở, cần chăm lo bồi dưỡng sức khỏe, rèn luyện, nâng cao tay nghề và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động yên tâm, phấn khởi sản xuất.

— Sắp xếp lại sản xuất công nghiệp theo ngành kinh tế — kỹ thuật và theo vùng lãnh thổ.

Mỗi ngành kinh tế, kỹ thuật bao gồm các xí nghiệp quốc doanh trung ương, xí nghiệp quốc doanh địa phương, xí nghiệp công tư hợp doanh, hợp tác xã, xí nghiệp tư nhân và các hộ sản xuất cá thể cùng ngành; các viện nghiên cứu kinh tế, nghiên cứu khoa học — kỹ thuật, thiết kế phục vụ cho phát triển ngành. Tùy từng trường hợp, tổ chức của ngành có thể bao gồm bộ phận cung ứng vật tư kỹ thuật hay tiêu thụ sản phẩm. Các cơ sở của ngành được phân bố cụ thể theo từng vùng lãnh thổ, có phân cấp

cho trung ương hoặc địa phương quản lý.

Trong phạm vi cả nước, bộ là cơ quan quản lý Nhà nước cao nhất đối với ngành, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về quản lý hành chính — kinh tế và kết quả sản xuất kinh doanh của toàn ngành. Dưới sự lãnh đạo của bộ, có thể tổ chức các liên hiệp xí nghiệp toàn quốc hay khu vực (trong điều kiện kinh tế, kỹ thuật, xã hội của nước ta hiện nay, chủ yếu nên tổ chức các liên hiệp xí nghiệp khu vực thì hợp lý hơn) hoạt động trên nguyên tắc hạch toán kinh tế.

Các xí nghiệp của ngành do địa phương quản lý cũng có thể tổ chức thành liên hiệp xí nghiệp do chính quyền địa phương quản lý, hoặc từng xí nghiệp trực thuộc sở công nghiệp, nếu số lượng các xí nghiệp địa phương quản lý chỉ có rất ít.

Để thực hiện việc quản lý theo ngành, có thể tổ chức các nhóm sản phẩm bao gồm các xí nghiệp, hợp tác xã cùng ngành (do trung ương quản lý và do địa phương quản lý) để cùng nhau bàn bạc, thống nhất ý kiến về việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch, điều hòa, cung ứng vật tư, thực hiện các định mức kinh tế, kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm... Các thành viên trong nhóm vẫn giữ quyền chỉ đạo thực hiện kế hoạch riêng của mình.

Với tư cách là cơ quan quản lý ngành cao nhất, bộ cần chỉ đạo, hướng dẫn các ủy ban nhân dân địa phương quản lý các cơ sở sản xuất thuộc bộ phận kinh tế địa phương của ngành (kể cả các cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp) theo quy hoạch và chính sách kỹ thuật thống nhất.

Trong phạm vi lãnh thổ và địa phương, việc tổ chức sản xuất phải bảo đảm các mối quan hệ giữa các xí nghiệp thuộc các ngành, cấp khác nhau trên vùng lãnh thổ và địa phương đó về các mặt: hợp tác sản

xuất, kỹ thuật, cung ứng, tiêu thụ, kết cấu hạ tầng, dịch vụ v.v. nhằm phát huy hiệu quả cao nhất trên từng lãnh thổ, trong từng địa phương và phải hướng vào việc không những tạo ra cơ cấu công nghiệp hợp lý, mà còn tạo ra cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp hợp lý trên vùng lãnh thổ và địa phương đó. Ủy ban nhân dân địa phương cần làm tốt trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với các xí nghiệp của trung ương nằm trên vùng lãnh thổ của mình.

Việc sắp xếp kinh tế ngành và kinh tế lãnh thổ phải trên cơ sở bảo đảm làm chủ tập thể ở ba cấp: trung ương, địa phương và cơ sở, chú trọng kiện toàn cấp huyện đủ sức chỉ đạo tổ chức lại sản xuất nông — công nghiệp trên địa bàn huyện để sử dụng tối lao động, đất đai, rừng, biển, đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao.

— *Sắp xếp lại các thành phần kinh tế trong công nghiệp* thông qua việc kết hợp phát triển sản xuất kinh doanh với tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, khai thác hết khả năng tích cực của các thành phần kinh tế hiện có, đồng thời tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế tư bản tư doanh và tiểu chủ.

Tùy theo vị trí quan trọng của từng ngành, nghề, đối với nền kinh tế, đối với an ninh chính trị và quốc phòng, mà xác định ngành, nghề gì thì chỉ có một thành phần kinh tế quốc doanh hoạt động (thí dụ: in văn hóa phẩm, bào chế thuốc tân dược...), ngành nghề gì có cả quốc doanh, công tư hợp doanh và hợp tác xã, ngành nghề gì có thể mở rộng cho các thành phần kinh tế hiện có tham gia dưới sự chỉ đạo của Nhà nước; đối với những tổ chức sản xuất già mại, biến tướng, làm ăn phi pháp thì phải kiên quyết cấm hoạt động.

Cần kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng với cải tạo, lấy xây dựng là chính, thông qua đó mà lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trong sản xuất kinh doanh, bảo đảm vai trò lãnh đạo của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa mà nòng cốt là kinh tế quốc doanh, lập lại trật tự kỷ luật trong quản lý kinh tế có kế hoạch, bảo đảm hiệu lực cao của pháp luật Nhà nước: từ đó mới có thể sắp xếp lại sản xuất theo đúng phương hướng, quy hoạch, kế hoạch Nhà nước, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế theo đúng đường lối, chính sách của Đảng.

— *Mở rộng quan hệ hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh* giữa các đơn vị kinh tế của các ngành, các cấp, các thành phần kinh tế để góp phần thúc đẩy việc hình thành trên thực tế cơ cấu kinh tế hợp lý trong phạm vi cả nước và trong từng vùng lãnh thổ, gắn nông nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu kinh tế hợp lý, gắn nơi tạo nguồn nguyên liệu với nơi chế biến nguyên liệu trong một cơ cấu sản xuất liên ngành hợp lý, gắn sản xuất với cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm một cách nhanh chóng và thuận tiện nhất, phát huy được hiệu quả kinh tế của việc sắp xếp lại sản xuất.

Cần cứ vào các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước, vào kế hoạch dài hạn và hằng năm, các ngành, các địa phương, các xí nghiệp, các hợp tác xã, các tổ chức tư nhân và cá thể ký kết hợp đồng kinh tế với nhau để mở rộng quan hệ hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh giữa các đơn vị kinh tế, giữa các ngành, giữa các địa phương, giữa trung ương và địa phương nhằm khai thác tốt nhất các nguồn vật tư, nguyên liệu, tận dụng công suất thiết bị và sức lao động trong các xí nghiệp, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, phân đầu đạt được

các mục tiêu của kế hoạch theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương, địa phương và cơ sở cùng làm.

Những hình thức hợp tác sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch mà chưa dự kiến trước thì phải được bổ sung kịp thời vào kế hoạch và được cấp trên có thẩm quyền cho phép trên cơ sở triệt để tuân thủ pháp luật và kỷ luật của Nhà nước về quản lý thị trường, giá cả, thuế và tiền tệ.

— Sắp xếp lại tổ chức quản lý :

Hiện nay các bộ, các tổng cục được tổ chức theo ngành kinh tế — kỹ thuật tổng hợp. Tuy nhiên, cũng có một số bộ chỉ quản lý một ngành, nhưng các đơn vị trực thuộc còn quá ít, tạo nên cơ cấu quản lý cồng kềnh, không tương xứng với cơ cấu sản xuất. Vì vậy, cần sắp xếp bộ máy quản lý các ngành ở trung ương theo hướng vừa đầy nhanh quá trình chuyên môn hóa theo ngành, vừa xây dựng được bộ máy quản lý gọn nhẹ, có hiệu lực, giảm các khâu trung gian, bớt đầu mối không cần thiết.

Bộ máy quản lý của các địa phương cũng cần được nghiên cứu tinh giản và hợp lý hóa trong quá trình sắp xếp lại sản xuất. Đồng thời, cần khẩn trương tiến hành phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương theo tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng nhằm kết hợp tốt nhất việc quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ trong một tổng thể kinh tế quốc dân thống nhất; xác định rõ ràng, hợp lý trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của trung ương, địa phương và cơ sở trong tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh.

Nhìn chung lại, trong những năm qua, sản xuất công nghiệp đã có những bước phát triển nhất định, nhưng do thiếu quy hoạch thống

nhất và đồng bộ, cho nên đã làm tăng thêm sự phân tán, manh mún, mất cân đối nhiều mặt trong sản xuất, kinh doanh, những bất hợp lý trong phân cấp quản lý giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, giữa các khu vực quốc doanh, tập thể và cá thể, đưa lại hiệu quả kinh tế thấp.

Vì vậy, để khắc phục tình trạng phát triển tự phát, chông chéo, giảm áp lực lẫn nhau hoặc giữ nguyên hiện trạng làm ăn theo kiểu sản xuất nhỏ, phân tán, tự cung tự cấp, nhằm đẩy nhanh quá trình tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, *phương pháp tốt nhất là phát triển hành sắp xếp lại sản xuất theo ngành kinh tế — kỹ thuật*. Cần từng bước đi vào quy hoạch, kế hoạch của ngành nhằm tạo ra cơ cấu ngành hợp lý trong tổng thể nền kinh tế quốc dân, thực hiện đúng đắn chiến lược kinh tế của Đảng, áp dụng kịp thời tiến bộ kỹ thuật, thực hiện được các định mức kinh tế, kỹ thuật hợp lý, các chính sách kinh tế, kỹ thuật đúng đắn, phối hợp giữa kinh tế trung ương, kinh tế địa phương và các thành phần kinh tế trong việc xây dựng ngành, nghề hợp lý, thống nhất từ trung ương cho đến cơ sở. Từ đó, không ngừng phát triển sản xuất, tiết kiệm chi phí, sử dụng hợp lý các nguồn năng lượng, vật tư, tăng năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tăng thu nhập quốc dân, bảo đảm phân phối hợp lý thu nhập quốc dân và các sản phẩm cho tích lũy và tiêu dùng.

Đồng thời, phải kết hợp việc sắp xếp theo ngành kinh tế — kỹ thuật với việc *sắp xếp kinh tế lãnh thổ của từng địa phương và trên cả nước*, nhằm tạo ra cơ cấu kinh tế hợp lý trong phạm vi cả nước cũng như trong từng vùng lãnh thổ, kết hợp hài hòa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương trong tổng thể nền kinh tế quốc dân thống nhất.

Sắp xếp lại sản xuất là một cuộc vận động lớn, có nhiều vấn đề phức tạp động chạm tới mọi mặt của kinh tế, xã hội; do đó, đề tiến hành có kết quả, nhất thiết phải có những chính sách, biện pháp phù hợp, mà các cơ quan có trách nhiệm phải đi sâu nghiên cứu, đề xuất và ban hành, nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu của đợt sắp xếp sản xuất lần này.

Có thể nói, hiện nay có nhiều chính sách đã trở nên cũ kỹ, lạc hậu so với yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới, thậm chí có những tình vực hầu như không có chính sách chỉ đạo, cho nên đã để cho việc thi hành rất tùy tiện, thậm chí đã để xảy ra những việc làm ngược lại lợi ích chung mà không phê phán, ngăn chặn kịp thời.

Cần gấp rút nghiên cứu và ban hành một số chính sách sau đây để hướng dẫn và chỉ đạo việc sắp xếp lại sản xuất trong các ngành, các cấp và cơ sở.

— Chính sách về năng lượng, vật tư: nhằm hết sức khuyến khích đẩy mạnh sản xuất năng lượng, vật tư, khuyến khích tìm thêm những nguồn năng lượng, vật tư mới để bổ sung, đồng thời hết sức khuyến khích tiết kiệm tiêu dùng và bảo đảm việc quản lý, phân phối năng lượng, vật tư chặt chẽ, có trọng điểm và chống thất thoát.

Cần tổ chức thực hiện tốt điều lệ cung cấp và sử dụng điện và nghiên cứu ban hành một số chính sách có liên quan để bảo đảm phân phối ưu tiên cho các cơ sở sản xuất trọng điểm, quy định rõ những việc được dùng điện và những việc phải nghiêm cấm sử dụng điện, nghiêm trị những vi phạm quy định về phân phối, sử dụng điện; thi hành chế độ giá điện có phân biệt rõ rệt giữa giờ cao điểm và thấp điểm; hết sức tiết kiệm điện trong sinh hoạt; thi hành chế độ hợp

đồng kinh tế giữa bên cung cấp điện và bên tiêu dùng điện, có chế độ thưởng, phạt nghiêm minh với cả hai bên cung cấp và tiêu thụ trong việc chấp hành hợp đồng.

Hiện nay xăng dầu, than, sắt, thép, đồng, nhôm, xi măng, nhựa, hóa chất cơ bản, thuốc nhuộm v.v. là những vật tư do Nhà nước trung ương và địa phương độc quyền quản lý, kinh doanh và phân phối. Nhưng do có những sơ hở trong quản lý, nhiều loại vật tư này bị tuồn ra thị trường tự do với khối lượng khá lớn. Mặt khác, việc sử dụng vật tư chiến lược cũng chưa được quản lý chặt chẽ, gây nhiều lãng phí và tổn thất.

Cần bổ sung, sửa đổi và ban hành các quy chế về xuất khẩu, nhập khẩu, sản xuất, lưu thông và sử dụng vật tư chiến lược phù hợp với yêu cầu trước mắt và lâu dài. Nghiêm cấm, xử lý nghiêm minh mọi hiện tượng buôn bán và sử dụng vật tư trái phép; thực hành tiết kiệm và có biện pháp khuyến khích thỏa đáng việc sử dụng vật tư thay thế từ các nguồn trong nước. Cụ thể là:

— Ban hành quy định về việc chỉ sử dụng các vật tư quý hiếm vào những sản phẩm nhất định.

— Ban hành chính sách thưởng vật chất thích đáng cho những đơn vị sử dụng vật tư thay thế, do đó tiết kiệm được ngoại tệ và vật tư nhập khẩu.

— Chính sách đối với thiết bị, nhà xưởng của các xí nghiệp: nhằm tạo điều kiện thuận lợi, dễ dàng cho những cơ sở thuộc diện ưu tiên phát triển sản xuất được bổ sung đồng bộ để tăng cường năng lực sản xuất chủ yếu bằng các thiết bị dư thừa từ các ngành, các cơ sở sản xuất, các kho của Nhà nước, với quy trình công nghệ hoàn chỉnh, tiên tiến hơn.

Đối với những thiết bị chuyên dùng hiện đại, trước mắt có đời thừa nhưng sau này lại rất cần cho sản xuất, thì cần có biện pháp bảo quản chu đáo và

quy định rõ người chịu trách nhiệm quản lý, bảo dưỡng.

Đối với những dây chuyền sản xuất hoàn chỉnh nay không có điều kiện duy trì sản xuất, thì có thể nghiên cứu để ra chủ trương và chính sách huy động vốn với những hình thức thích hợp để khai thác kinh doanh, vừa duy trì được công việc làm cho công nhân, vừa có sản phẩm và Nhà nước thu được lợi nhuận.

Đối với những nhà xưởng, mặt bằng phải ngừng sản xuất, cần nghiên cứu sớm chuyển sang làm việc khác, đáp ứng nhu cầu trước mắt hoặc lâu dài của các cơ sở trong ngành công nghiệp hoặc ngoài ngành công nghiệp, dưới hình thức quốc doanh hoặc hợp tác xã, không nên để kéo dài, lãng phí.

— Chính sách bảo đảm đời sống đối với cán bộ, công nhân, viên chức trong các ngành công nghiệp. Đời sống công nhân, viên chức hiện đang có rất nhiều khó khăn, cần hết sức chú ý đề xuất những chính sách và biện pháp để giải quyết các khó khăn đó, đồng thời quán triệt hơn nữa nguyên tắc phân phối theo lao động, gắn thu nhập thực tế của công nhân viên chức với việc tăng năng suất, phát triển sản xuất, đưa lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất. Biện pháp chủ yếu là phải tìm thêm việc làm để giải quyết thu nhập cho cán bộ công nhân viên chức. Cần đẩy mạnh việc trả lương khoán sản phẩm, khoán công việc, mở rộng các hình thức tiền thưởng trên cơ sở giữ được mối quan hệ tương đối hợp lý giữa tiền lương và tiền thưởng, giữa các ngành, các địa phương, các loại cơ sở.

Đối với các xí nghiệp thuộc diện phải chuyển hướng sản xuất, hoặc rút bớt kế hoạch, thì cần mở rộng quyền hạn cho giám đốc xí nghiệp tự tìm cách bổ sung kế hoạch bằng những công việc và nguồn nguyên liệu tự

tìm kiếm, khai thác, bằng hình thức làm gia công hoặc mở rộng liên doanh, liên kết kinh tế với các đơn vị khác, để giải quyết việc làm, thu nhập và đời sống của công nhân, viên chức.

Đối với những công nhân kỹ thuật thuộc diện dời ra qua sắp xếp lại, cần có biện pháp thích hợp để quản lý họ, cố gắng tìm cho họ công việc làm tạm thời để có thu nhập đủ sống, khi cần thiết có thể tập trung lại được. Đối với số công nhân, viên chức mới tuyển, tay nghề thấp, làm trong những ngành, nghề không có triển vọng phát triển, cũng cần nghiên cứu để ra chính sách, chế độ cụ thể để giải quyết thỏa đáng nhằm giảm nhẹ biến chế Nhà nước bằng cách chuyển họ sang tham gia sản xuất thủ công nghiệp, nông nghiệp.

Chính sách thu sản phẩm. Sản phẩm do các cơ sở công nghiệp làm ra, nói chung, đều bán buôn cho thương nghiệp quốc doanh để tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu. Trường hợp cơ sở cần dùng một bộ phận sản phẩm của mình để đổi lấy nguyên liệu, vật liệu, thì phải lập kế hoạch và được cấp có thẩm quyền xét duyệt. Những sản phẩm của sản xuất phụ về nguyên tắc cũng phải bán cho thương nghiệp quốc doanh. Trường hợp thương nghiệp quốc doanh không nhận tiêu thụ thì cơ sở có thể ủy thác cho thương nghiệp quốc doanh hoặc hợp tác xã mua bán bán ra thị trường theo giá hướng dẫn của cơ quan vật giá có thẩm quyền.

Giá bán sản phẩm cho thương nghiệp quốc doanh là giá bán buôn xí nghiệp. Giá này phải bù đắp đủ chi phí sản xuất có căn cứ kinh tế và phải dành cho cơ sở một mức lợi nhuận thích đáng để tái sản xuất mở rộng và lập các quỹ cần thiết của xí nghiệp.

Chính sách xuất khẩu: khuyến khích sản xuất ngày càng nhiều hàng xuất khẩu và các ngành, các địa

phương và cơ sở sản xuất, từ quốc doanh, hợp tác xã đến cá thể và nghề phụ gia đình. Cần có chính sách giúp đỡ vốn và kỹ thuật để các cơ sở có khả năng mở rộng hàng xuất khẩu. Chính sách cho vay trước ngoại tệ để nhập nguyên liệu làm hàng xuất khẩu; chính sách cho các cơ sở được trích một tỷ lệ ngoại tệ thu được bằng hàng xuất khẩu của mình để tự đáp ứng yêu cầu nhập khẩu số thiết bị, phụ tùng, vật tư cần thiết. Trong xuất khẩu, phải ưu tiên cho việc xuất khẩu những sản phẩm đã qua chế biến, những loại hàng có khả năng thu ngoại tệ mạnh.

Cần chú ý khuyến khích hơn nữa các ngành, địa phương tham gia vào việc xuất khẩu hàng sang các nước xã hội chủ nghĩa; Nhà nước sẽ có quỹ hàng hóa riêng để thanh toán cho các ngành, địa phương theo chính sách một cách chủ động, dứt khoát, nếu đem lại lợi ích kinh tế thiết thực; đồng thời cũng phải có chính sách và biện pháp quản lý việc xuất khẩu, nhập khẩu với các nước tư bản chủ nghĩa của các ngành, các địa phương để bảo đảm nguyên tắc độc quyền của Nhà nước về ngoại thương, ngoại hối.

— Nhà nước cần sớm ban hành các quy định và điều lệ quản lý theo ngành kinh tế — kỹ thuật và quản lý kinh tế theo lãnh thổ; một mặt bảo đảm sự quản lý của ngành về các mặt quy hoạch, kế hoạch, định mức, chính sách và chế độ quản lý đối với tất cả các xí nghiệp quốc doanh, tập thể, cá

thể thuộc ngành xuyên suốt qua các cấp quản lý cho đến tận cơ sở; mặt khác, tăng cường sự quản lý lãnh thổ của chính quyền các tỉnh, thành phố đối với tất cả các cơ sở kinh doanh đặt trên địa bàn lãnh thổ.

Trước mắt, cần quy định gấp phần lợi nhuận mà các xí nghiệp trung ương phải đóng góp cho ngân sách địa phương một cách hợp lý nhằm gắn bó lợi ích của các địa phương với kết quả hoạt động của xí nghiệp, khuyến khích các địa phương tập trung đúng mức các khả năng về nhân, tài, vật lực của địa phương để bảo đảm sản xuất tại các xí nghiệp đó và đóng góp cho ngân sách địa phương để cùng nhau chú ý chăm lo hơn nữa tới đời sống của công nhân, viên chức tại các xí nghiệp (trung ương và địa phương); làm tốt các dịch vụ phục vụ sản xuất, phát triển các công trình phúc lợi công cộng trên địa bàn địa phương...

Có thể còn có những chính sách và biện pháp cần thiết khác cần được nghiên cứu ban hành. Nhưng trước mắt những chính sách trên đây là rất cấp thiết để chỉ đạo việc sắp xếp lại sản xuất tiến hành được đúng đắn, bảo đảm thống nhất tư tưởng và hành động trong các ngành các cấp. Tuy nhiên, đây là những vấn đề rất khó khăn, phức tạp, cần có sự tập trung nghiên cứu của các ngành có trách nhiệm dưới sự chỉ đạo sát sao, chặt chẽ của Thường vụ Hội đồng bộ trưởng, mới có thể đem lại kết quả tốt.

Mặt trận Tổ quốc với việc tổ chức đời sống xã hội trên địa bàn dân cư

ĐẶNG NGỌC NAM

BÁO cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V đã xác định bốn mục tiêu kinh tế và xã hội tổng quát của những năm 80, trong đó mục tiêu được nêu trước tiên là: *Đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trước hết giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, đáp ứng tốt hơn những nhu cầu về mặc, học hành, chữa bệnh, ở, đi lại, về chăm sóc trẻ em và các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu khác.*

Tổ chức đời sống xã hội trên địa bàn dân cư chính là để góp phần thực hiện mục tiêu quan trọng đó. Địa bàn dân cư, đó là một xã hội thu nhỏ ở phường, xã bao gồm nhiều tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo, thể hệ v.v., trong đó đông đảo nhất là nhân dân lao động làm các ngành, nghề khác nhau. Ở các thành phố và thị trấn, cùng với đã phát triển kinh tế của đất nước, thành phần công nhân, cán bộ, viên chức, thợ thủ công ngày càng đông thêm. Dù làm việc ở đâu thì hết 8 giờ lao động,

họ cũng về nơi mình ở và phần lớn sinh hoạt còn lại của họ cũng diễn ra tại đây. Nhân dân trên địa bàn dân cư có người đang tuổi lao động, lại có người đã về nghỉ hưu hoặc mất sức lao động; có người có tay nghề và người không có tay nghề; có người đang có việc làm và có người chưa có việc làm hoặc có việc làm không ổn định; có người có thu nhập cao và có người sống còn thiếu thốn, khó khăn; bên cạnh số đông làm những nghề chính đáng vẫn còn một số ít làm những nghề không thích hợp với chế độ mới, v.v. Trên địa bàn dân cư, có người lớn thuộc các lứa tuổi khác nhau và trẻ em; số đông trẻ em đã được đi học, còn một số ít vì điều kiện kinh tế hay hoàn cảnh gia đình, chưa được hưởng thụ nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Thực tế cho thấy nếu không chú trọng đầy đủ những đặc điểm nói trên thì việc tổ chức đời sống xã hội cho nhân dân lao động trên địa bàn dân cư không thể làm tốt được.

Địa bàn dân cư chính là nơi tiến hành ba cuộc cách mạng, nơi diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt để giải quyết

vấn đề «ai thắng ai» giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, nơi phát huy trực tiếp nhất và thiết thực nhất vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Đời sống xã hội ở địa bàn dân cư bao gồm nhiều mặt cụ thể: từ công việc làm ăn, sản xuất đến cái ăn, nước uống, áo mặc, từ sách vở, thuốc chữa bệnh, đến mái nhà, trường lớp, từ con hẻm đi lại, cái cầu qua lạch, ngọn đèn dầu ngõ đến ống cống thoát nước, nhà vệ sinh chung, giỏ rác công cộng, nơi hội họp, phòng đọc sách, v.v. Đời sống ở đây còn bao gồm cả tiếng hát của trẻ em và nụ cười của người lớn, cả trật tự an ninh ngoài đường và không khí ấm êm trong gia đình cũng tình làng nghĩa xóm... Rõ ràng, tổ chức đời sống xã hội chẳng những là đưa lại những gì thiết yếu cho người dân mà còn là vận động quần chúng xây dựng cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa và từng bước xây dựng nên mô hình về quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở cơ sở.



Thực tiễn mấy năm qua ở rất nhiều nơi đã khẳng định hoàn toàn có thể tổ chức và tạo ra cuộc sống mới cho nhân dân lao động trên địa bàn dân cư. Lấy phường 21, một phường nghèo của quận Bình Thạnh (thành phố Hồ Chí Minh) làm ví dụ: 8550 người dân ở đây hầu hết sống bằng các công việc làm thuê, các nghề thủ công, dịch vụ hay buôn bán lặt vặt; nhiều người chưa có việc làm; nhiều ngõ hẻm lấy lợi, tối tăm, có nhà chỉ là một lá tôn nát ghềnh nhờ lên một béc tường gạch; khá đông trẻ em đến tuổi đi học không có điều kiện đến lớp ban ngày. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hồ Chí Minh đã bàn bạc và thống nhất ý kiến với Quận ủy và Ủy ban Mặt trận quận Bình Thạnh cùng chi ủy phường lấy nơi đây làm thử cho

việc Mặt trận đứng ra phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên và giữa Mặt trận với chính quyền ở phường để tổ chức đời sống cho nhân dân. Chỉ trong một năm, dưới sự lãnh đạo của chi ủy phường, Mặt trận đã vận động nhân dân đóng góp 228 700 đồng và hàng nghìn ngày công để làm 18 công trình và các công việc cụ thể khác nhằm cải thiện đời sống cho dân. Năm 1982, trên cơ sở hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch sản xuất của quận giáo, phường đã tìm việc làm cho 326 người và trong quý I/1983, thêm 98 người, trong đó hơn 40% được thu nhận vào các cơ sở sản xuất ở ngay trong phường. Phường đã dành khoản chi phí 24000 đồng (có 7000 đồng do nhân dân đóng góp) để xây tường bao quanh trường học bảo đảm yên tĩnh cho học sinh, xây nhà vệ sinh cho trường mẫu giáo, đắp cao hai con hẻm cho bớt lầy lội trong mùa mưa. Đặc biệt phường đã phối hợp với các cơ quan, đoàn thể và vận động nhân dân đóng góp tiền và công sức xây mới 20 căn nhà, diện tích mỗi căn là 22,5 mét vuông với tổng chi phí hết 645400 đồng, cấp cho hai mươi hộ thuộc diện chính sách hoặc nghèo. Một tổ dân phố mới gồm các hộ nói trên được thành lập và đặt tên là tổ dân phố xã hội chủ nghĩa.

Tổ chức đời sống trên địa bàn dân cư về cơ bản phải tiến hành trên cơ sở thúc đẩy sản xuất phát triển, động viên nhân dân hoàn thành những chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước đã đề ra, đồng thời tạo thêm ngành nghề, lập thêm các cơ sở sản xuất; ngoài ra còn liên hệ với các nơi để tìm việc cho tất cả những người chưa có việc làm và các em đến tuổi lao động. Muốn vậy, cần vận động nhân dân giúp đỡ nhau về vốn, công cụ, mặt bằng, dạy nghề cho nhau để xây dựng các hợp tác xã hay tổ hợp sản xuất hàng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, tổ chức kinh tế gia đình

như chăn nuôi, trồng trọt, làm hàng gia công, làm cơ sở sản xuất vệ tinh cho các nhà máy, xí nghiệp, v.v. Đây là công việc có tính quyết định hàng đầu trong tổ chức đời sống cho nhân dân lao động, vì có được việc làm thích hợp thì mọi người mới dần dần ổn định được đời sống, từ đó mới có thể tiến tới ổn định về tinh thần, tư tưởng, chính trị.

Ở phường Phú Thuận, thành phố Huế, từ sau ngày giải phóng, số người không có việc làm rất đông. Cùng với việc tạo điều kiện cho một số người trở về quê cũ làm ruộng, hoặc đi xây dựng vùng kinh tế mới, chính quyền và Mặt trận phường đã vận động và hướng dẫn nhân dân mở rộng các nghề thủ công truyền thống như rèn, gò, hàn, mộc, thêu ren, làm nón..., đồng thời mở thêm các nghề mới như đan mây tre xuất khẩu, làm muối hăm, cán nhựa cao su, v.v. Mấy năm qua, hơn 200 người trước đây sống dựa vào nguy quân, nguy quyền đã được phường tìm cho công ăn việc làm chính đáng; hàng trăm gia đình buôn bán được chuyển sang sản xuất dưới hai hình thức tập thể và gia đình. Phường thành lập 4 hợp tác xã, hai tổ hợp sản xuất và 3 đội sản xuất thu hút được gần một phần ba số lao động trong phường.

Phường 1, thị xã Bến tre có 5039 người dân, đến đầu năm 1983 đã xây dựng được 3 hợp tác xã và 20 tổ hợp sản xuất. Phường 2, thị xã Tây ninh trước đây không có một cơ sở sản xuất nào, đã phấn đấu để trở thành "một phường lao động có sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển đa dạng, có cuộc sống văn hóa tiến bộ"; đến cuối năm 1982, đã xây dựng 10 cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, với tiền vốn đầu tư của nhân dân là 917500 đồng, đưa giá trị tổng sản lượng của phường năm 1982 lên 4 689 278 đồng, cơ bản giải quyết được việc làm cho

nhân dân trong phường. Phường 5, quận Bình Thạnh (thành phố Hồ Chí Minh) vốn là một phường nghèo và trắng về sản xuất, đến đầu năm 1984 tổ chức được 4 hợp tác xã, 2 tổ hợp sản xuất, 32 cơ sở sản xuất cá thể, đưa giá trị tổng sản lượng từ 8 035 000 đồng năm 1983 lên 11 044 600 đồng năm 1984, giải quyết việc làm cho 234 trong số 242 người chưa có việc làm. Nhiều phường khác ở thành phố Hồ Chí Minh cũng đều đạt những kết quả tốt đẹp tương tự như vậy.

Phục vụ sản xuất, chăm lo các bữa ăn hằng ngày và tổ chức mạng lưới dịch vụ là việc làm cấp bách để giảm bớt khó khăn về đời sống của nhân dân lao động, đồng thời góp phần giành thắng lợi trên mặt trận nông bông nhất hiện nay là mặt trận phân phối, lưu thông. Đây là công việc thuộc chức năng của ngành thương nghiệp nhưng chính quyền và Mặt trận ở cơ sở lại có trách nhiệm rất lớn trong việc tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra và tạo điều kiện để các hợp tác xã tiêu thụ, hợp tác xã mua bán và tổ chức đại lý bán lẻ đi sâu vào các thôn xóm, ngõ ngách đưa hàng đến tận tay người dân, bảo đảm đúng phẩm chất, định lượng, tiêu chuẩn với giá phải chăng và bán vào giờ giấc thích hợp để người dân mua được thuận tiện.

Hợp tác xã mua bán được xây dựng chủ yếu dựa vào sự ủng hộ của nhân dân. Như hợp tác xã Duy hòa, huyện Duy Xuyên (Quảng nam - Đà nẵng), do xác định nhiệm vụ hàng đầu và trực tiếp là phục vụ sản xuất nông nghiệp có 12 điểm vừa mua vừa bán đặt khắp 5 thôn, góp sức với hợp tác xã nông nghiệp đẩy mạnh sản xuất. Hoạt động dịch vụ ở đây cũng được mở rộng bao gồm nhiều ngành. Hai tổ may máy chuyên lo và chữa quần áo cũ cho nhân dân. Hợp tác xã đã tham gia đắc lực việc cải tạo tiểu thương, giảm số người

buôn bán vật xuống còn một nửa. Nhờ sự vận động của Mặt trận và các đoàn thể, 99% số dân trong xã đến tuổi lao động đã tham gia đóng góp cổ phần vào hợp tác xã. Hợp tác xã mua bán phường 21, quận Bình Thạnh (thành phố Hồ Chí Minh) đã kinh doanh 276 mặt hàng, bán 10 mặt hàng không lấy lãi cho xã viên, bán bù lỗ 8 mặt hàng cho công an, phường đội, ưu tiên phân phối không lấy lãi 8 mặt hàng thiết yếu nhất như gạo, rau, củi v.v. cho các gia đình thương binh, liệt sĩ. Hợp tác xã mua bán phường 18, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh trong vòng một năm đã làm lợi cho nhân dân lao động hơn 1 triệu đồng. Mạng lưới dịch vụ ở phường 27, quận Bình Thạnh gồm nhiều cửa hàng ăn uống, sửa xe, sửa đồng hồ, cắt tóc, uốn tóc, điện lạnh, sửa chữa và quét vôi nhà, làm đồ sắt, đồ mộc, v.v. với giá rẻ hơn từ 15 đến 50% so với giá của tư nhân.

Công tác tổ chức đời sống trên địa bàn dân cư còn nhiều mặt khác phải chăm lo như: chống dốt và sửa nhà, xây nhà "tình nghĩa" cho thương binh và gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng (như các xã thuộc huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh trong hơn một năm đã xây được 63 ngôi nhà "tình nghĩa"); đắp đường, lấp trũng, thấp sáng ngõ hẻm; đào giếng, bắt ống đưa nước đến tận nhà; bắc loa truyền thanh đưa tiếng nói và tiếng hát cách mạng đến từng gia đình v.v. Đặc biệt là việc xây trường học để giải tỏa « ca ba » cho học sinh, hoặc có nơi để các em tiếp tục học tập giữa mùa nước nổi. Phong trào này đang lan rộng và sôi nổi khắp nơi, ở thành thị cũng như ở nông thôn hẻo lánh. Chỉ trong năm 1982, ở phường 22 quận Bình Thạnh, một cửa lao nghèo, rách mường chỉ chít, nhân dân và các cơ quan, xí nghiệp đóng trong phường đã đóng góp xây nên 7 công trình phúc lợi công cộng, trong đó có hai trường học với tổng

chi phí là 2,6 triệu đồng (phần của Nhà nước cấp chỉ 200 000 đồng). Cùng với trường học, là những tụ điểm cho các em đến vui chơi, giải trí; đây cũng là những lớp học ngoài giờ bổ sung cho khóa học chính, nơi quản lý và giáo dục các em trong những giờ không đến trường và trong những ngày hè sôi động. Phường 2, quận 11 (thành phố Hồ Chí Minh) đã lấp một dây ao xây dựng một sân chơi cho các em rộng 2542 mét vuông với 542 400 đồng và hàng trăm công lao động hoàn toàn do nhân dân trong phường đóng góp. Rõ ràng, trong lúc đời sống người lớn chưa hết khó khăn, mà chăm lo cái thiện được một phần đời sống cho trẻ em thì cũng đã đem lại phần khởi và hạnh phúc cho mọi người.

Sinh hoạt văn hóa cũng là một nhu cầu thiết yếu trong đời sống hằng ngày của nhân dân ở cơ sở. Chính vì vậy, nhiều nơi cố gắng tự xây nên nhà văn hóa, câu lạc bộ, nhà hát. Phường Quyết thắng, thành phố Biên Hòa (Đồng Nai) nêu phương châm « tập thể, nhân dân làm là chính, Nhà nước hướng dẫn và giúp đỡ » đã xây nhà văn hóa với chi phí hơn 100 000 đồng, trong đó hơn 80 000 đồng do nhân dân, các tổ hợp sản xuất và cơ quan đóng góp. Ở Tiền Giang, nhân dân xã An Hữu (Cái Bè) xây được một nhà hát lớn và một bệnh xá lớn; xã An Thới trung ở giữa Đồng Tháp Mười cũng tự lực xây lên một nhà hát có 1500 chỗ ngồi. Tỉnh Nghĩa Bình, thực hiện chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm, đã xây dựng hàng chục cụm văn hóa ở xã, phường, mỗi huyện có từ ba đến bốn cụm, nhiều cụm văn hóa gắn với cụm kinh tế - kỹ thuật; mỗi cụm bao gồm khu sinh hoạt văn hóa, bãi chiều bóng, cửa hàng sách, đài truyền thanh, trường học, trạm y tế, sân vận động, chợ. Có một số cụm hoạt động rất tốt như Dương Long (Tây Sơn), Đập Đá (An Nhơn), Mỹ Chánh (Phước Mỹ), Phố hòa

(Đức phồ). Quán lát (Mộ đức), Sông vệ (Tư nghĩa). Sự ra đời của các cụm văn hóa một mặt nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, mặt khác rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn. Năm 1983, tổng số chi phí xây dựng các công trình văn hóa cơ sở của tỉnh Nghĩa bình là 17,2 triệu đồng, trong đó Nhà nước giúp 3,2 triệu (18%), phần còn lại do tập thể và nhân dân đóng góp. Ở Gia lai - Công tum, nhân dân xây dựng các nhà văn hóa làm tự điểm cho mọi sinh hoạt của nhân dân trong buôn. Ở thành phố Hồ Chí Minh, hầu hết các phường, xã đều có nhà văn hóa, có nơi xây dựng rất khang trang, đủ tiện nghi. Phường 19, quận Bình Thạnh xây nhà văn hóa trị giá 265.000 đồng. Tỉnh Kiên Giang cải tạo hang trăm am, miếu thành những nơi phục vụ đời sống văn hóa Nhân chung, đời sống văn hóa của nhân dân ở địa bàn dân cư đã không ngừng được nâng lên, góp phần không nhỏ vào việc thực hiện ba cuộc cách mạng ở cơ sở.

Còn biết bao nhiêu công trình phúc lợi khác nữa do nhân dân tự lực xây dựng để cải thiện đời sống cho mình. Bảy năm trời đề nghị và chờ đợi là bảy năm nhân dân một số khu phố ở phường 15, quận Bình Thạnh (thành phố Hồ Chí Minh) phải mua nước về dùng hằng ngày, vì không có đủ khoản kinh phí 750.000 đồng để xây dựng đường ống. Cuối cùng, Mặt trận phối hợp với chính quyền động viên nhân dân phát huy tinh thần tự lực tự cường xây dựng một đường ống dài 1650 mét đưa nước về đúng dịp Tết cho các gia đình. Riêng trong năm 1983, quận Bình Thạnh đã xây dựng 286 công trình phúc lợi công cộng, chi phí hết 9.719.432 đồng, trong đó nhân dân đóng góp hơn 70%. Ở tỉnh Quảng nam - Đà nẵng, Mặt trận đã vận động nhân dân xây dựng những công trình phúc lợi khá quy mô như trạm thủy điện 400 ki lô oát ở Duy

son 2, trạm thủy điện ở xã Đại quang; hội trường, đài truyền thanh, nhà mẫu giáo ở xã Điện thọ v.v.



Qua nhiều việc làm tốt và thiết thực của công tác tổ chức đời sống xã hội cho nhân dân lao động trên địa bàn dân cư ở một số tỉnh miền Nam, có thể rút ra mấy suy nghĩ bước đầu sau đây:

- Trước hết là vấn đề nhận thức. Rõ ràng, ai cũng thấy rằng chăm lo cải thiện đời sống của nhân dân lao động là mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Nhưng một câu hỏi thường đặt ra là: nhu cầu về đời sống thì nhiều, có mặt rất cấp bách, trong lúc tình hình kinh tế chung của đất nước và riêng của địa phương chưa phát triển mạnh. Vậy thì việc tổ chức đời sống xã hội trên địa bàn dân cư do cơ sở tự lo là chính liệu có làm được không, và tổ chức nào đứng ra đảm nhiệm công việc đây khó khăn và phức tạp này?

Từ lâu, Đảng đã chỉ rõ tổ chức cuộc sống mới và nâng cao dần từng bước đời sống cho nhân dân lao động là một mục tiêu của cách mạng. Đảng và Bác Hồ cũng đã luôn luôn dạy chúng ta rằng tiềm năng của nhân dân là vô tận, nếu biết phát huy thì "khó vạn lần, dân liệu cũng xong". Quá trình nâng cao đời sống nhân dân tất nhiên được tiến hành trên cơ sở phát triển nền kinh tế quốc dân, nhưng không nhất thiết phải đợi phát triển kinh tế đầy đủ rồi mới cải thiện đời sống của dân. Trái lại, trong lúc sản xuất còn nhiều khó khăn, ngân sách Nhà nước dành cho công việc này còn có hạn thì tổ chức Đảng ở cơ sở cần và hoàn toàn có thể phát huy tinh năng động và tiềm năng của nhân dân để tự lo liệu và giải quyết một phần những nhu cầu cấp bách trong đời sống và từng bước tạo nên cuộc sống mới tốt đẹp. Có cải thiện

đời sống cho dân mới bồi dưỡng được sức dân, nâng cao ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tăng thêm nhiệt tình và niềm tin vào chế độ mới, mới tập hợp được ngày càng đông đảo quần chúng vào các tổ chức thích hợp để không ngừng mở rộng và củng cố khối đoàn kết toàn dân, làm đẩy lên phong trào hành động cách mạng của quần chúng ở cơ sở một cách sôi nổi và liên tục.

Tổ chức đời sống xã hội trên địa bàn dân cư là tổ chức cho nhân dân lao động thực hiện nghĩa vụ và quyền làm chủ tập thể ở cơ sở, trong từng người, từng gia đình, từng khu phố, xóm ấp, buôn làng để tự mình đứng lên tổ chức cải thiện đời sống cho mình với ý thức tự lập, tự cường. Ở đây, vai trò của cấp ủy Đảng ở cơ sở là quyết định. Nơi nào làm tốt việc cải thiện đời sống cho dân chính là nơi cấp ủy Đảng đã có nhận thức đúng, có ý thức trách nhiệm cao đối với nhân dân, có dũng khí vượt khó khăn, biết dựa vào quần chúng, biết truyền nhiệt tình cho toàn thể các ban, ngành, tổ chức trong bộ máy chuyên chính vô sản ở cơ sở.

— Tổ chức đời sống cho nhân dân là trách nhiệm chung của cả chính quyền và các đoàn thể. Nhưng vai trò của Mặt trận ở cơ sở rất quan trọng. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, Mặt trận là trung tâm đầu mối phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, giữa Mặt trận với chính quyền nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện mọi nhiệm vụ cách mạng ở cơ sở. Đó là chức năng quan trọng nhất, là chức năng đặc thù của Mặt trận. Không có sự phối hợp và thống nhất hành động thì việc tổ chức đời sống xã hội cho nhân dân trên địa bàn dân cư cũng như nhiều công tác quan trọng khác sẽ rời rạc, tản mạn, làm được việc này quên việc khác, làm được cho bộ phận này

quên bộ phận khác, không thể tập hợp mọi khả năng, sức lực ở cơ sở thành một sức mạnh tổng hợp. Mặt trận cơ sở cần cứ vào chủ trương của cấp ủy Đảng, phối hợp với chính quyền và Hội đồng nhân dân để ra kế hoạch tổ chức đời sống cho nhân dân trong từng thời gian, rồi cùng với các tổ chức thành viên vạch kế hoạch thực hiện, có phân công cụ thể, có đơn đốc, có kiểm tra hoạt động của chính quyền.

— Tổ chức đời sống trên địa bàn dân cư phải do phường, xã làm là chính, quận, huyện có giúp đỡ, có phối hợp trong một chừng mực nào đó. (Tất nhiên ở đây không nói đến những công trình phúc lợi quy mô tương đối lớn do trung ương hay tỉnh, thành phố, hoặc quận, huyện làm mà cơ sở có nhiệm vụ đóng góp; cũng không nói đến những công trình khác như làm đường giao thông liên quận, liên huyện, liên tỉnh hay mở mang các công trình thủy lợi, đem lại những hiệu quả rất to lớn cho sản xuất và đời sống). Nói phường, xã làm là chính có nghĩa là mọi khả năng, phương tiện, tiền của, nhân lực, v.v. có trên địa bàn phường, xã, kể cả của những cơ quan, xí nghiệp, bệnh viện, trường học, công trường... đóng trong phường, xã nhưng không do xã, phường quản lý, đều được huy động để làm. Nhiều phường ở thành phố Hồ Chí Minh đã huy động được tốt những khả năng này phục vụ nhân dân đạt nhiều kết quả thiết thực.

— Nội dung tổ chức đời sống xã hội trên địa bàn dân cư bao gồm rất nhiều việc phục vụ cho nhiều tầng lớp nhân dân, song trước hết phải chăm lo mọi mặt đời sống của trẻ em. Trẻ em là tương lai của đất nước, là mầm non của dân tộc. Tổ chức nâng cao đời sống cho trẻ em gắn liền với thực hiện nghiêm chỉnh những chủ trương, chính sách bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; ưu tiên đáp

ứng những nhu cầu của trẻ em về ăn, mặc, phòng bệnh, chữa bệnh, học hành, đi lại, giải trí, dành hẳn những gì cần thiết và tốt nhất mà chúng ta có cho các cháu.

— Quá trình tổ chức đời sống trên địa bàn dân cư là quá trình giáo dục nâng cao ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần đoàn kết, tương trợ và nhiệt tình cách mạng cho nhân dân. Quá trình phối hợp và thống nhất hành động trong tổ chức đời sống trên địa bàn dân cư cũng là quá trình mở rộng và củng cố Mặt trận, các đoàn thể quần chúng và chính quyền ở cơ sở. Thực tiễn ở rất nhiều nơi cho thấy những kết quả gặt hái được bao gồm nhiều mặt phong phú cả về đời sống lẫn chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng.



Chỉ thị số 17 của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Mặt trận Tổ quốc Việt nam trong giai đoạn mới có đoạn nêu rõ:

« Các cấp ủy Đảng cần lãnh đạo Ủy ban Mặt trận hướng công tác vào cơ sở (xã, phường), nhằm đẩy mạnh các phong trào cách mạng của quần chúng từ cơ sở và tạo ra cuộc sống mới ở khu dân cư bằng những hình thức và phương pháp linh hoạt, thích hợp với đặc điểm, điều kiện từng nơi ».

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, công tác Mặt trận có tầm quan trọng to lớn, nhiệm vụ của Mặt trận các cấp, đặc biệt là ở cơ sở, rất nặng nề, trong đó việc tổ chức và tạo ra một cuộc sống mới cho nhân dân lao động ở khu dân cư là một công tác bức thiết. Tranh thủ triệt để sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, biết phát huy và động viên khả năng vô tận của nhân dân, biết tổ chức tốt mối quan hệ phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên trong hệ thống chuyên chính vô sản, đồng thời động viên được sự đóng góp to lớn của tất cả các lực lượng đông trên địa bàn dân cư, Mặt trận cơ sở nhất định sẽ góp phần đắc lực vào việc giải quyết những vấn đề cấp bách nhằm ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Phân kỳ thời kỳ quá độ ở các nước xã hội chủ nghĩa

NGUYỄN NGỌC TUÂN

Máy vấn đề phương pháp luận quan trọng về thời kỳ quá độ.

Luận điểm về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là luận điểm cơ bản có tính cách mạng trong học thuyết kinh tế của Các Mác. Luận điểm đó được hình thành rất sớm trong các tác phẩm đầu tiên của chủ nghĩa Mác vào cuối những năm 40 của thế kỷ 19. Ở đó, Mác và Ăng-ghe-nhê chưa dùng hẳn thuật ngữ thời kỳ quá độ, nhưng tư tưởng của các ông về sự cần thiết phải có thời gian dài để chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội đã được hình thành rõ nét. Trong cuốn *Phê phán cương lĩnh Gô-ta* (1875), Mác, người đầu tiên dùng thuật ngữ thời kỳ quá độ đã nói rõ, giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản có một khoảng cách đặc biệt, đó là thời kỳ quá độ, và Người khẳng định: giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa là giai đoạn xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa sau những cơn đau đẻ kéo dài.

Lê-nin cũng rất chú trọng thời kỳ này. Sau khi giai cấp vô sản Nga

giành được chính quyền và liền đó, vấn đề thời kỳ quá độ được đặt ra không chỉ về mặt lý luận mà cả trong thực tiễn, thì Lê-nin đã có những cống hiến vô giá đối với việc phát triển học thuyết của Mác về thời kỳ này.

Lê-nin nhắc lại nhiều lần tư tưởng của Mác về « những cơn đau đẻ kéo dài » khi sinh ra xã hội mới và khẳng định, những khó khăn phức tạp của « cơn đau đẻ kéo dài » như vậy có ở tất cả các nước chứ không phải chỉ riêng ở nước Nga. Người viết: « Ở tất cả các nước thời kỳ này nhất thiết sẽ kéo dài lâu, rất lâu, bởi vì, tôi xin nhắc lại, đối với mỗi thắng lợi của giai cấp bị áp bức, bọn áp bức đều đáp lại bằng hết mưu toan này đến mưu toan khác để kháng cự và lật đổ chính quyền của giai cấp bị áp bức » (1). Người còn nói rằng « Một nước càng lạc hậu mà lại phải — do những bước ngoắt ngoéo của lịch sử — bắt đầu làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, thì nước đó càng gặp khó khăn trong việc chuyển từ những quan hệ

(1) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-cơ-va, 1977, tập 36, tr. 549—550.

cũ, tư bản chủ nghĩa sang những quan hệ xã hội chủ nghĩa » (2).

Tháng 5 năm 1919, trong thư chào mừng giai cấp công nhân Hung-ga-ri, khi nước Cộng hòa xô viết Hung-ga-ri được thành lập, Lê-nin nói rõ thêm: « Mục đích của giai cấp vô sản là thiết lập chủ nghĩa xã hội... Mục đích đó, người ta không thể đạt ngay tức khắc được; muốn thế, cần phải có một thời kỳ quá độ khá lâu dài..., vì cần tổ sản xuất là việc khó khăn, vì cần phải có thời gian mới thực hiện được những thay đổi căn bản trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, và vì phải trải qua một cuộc đấu tranh quyết liệt, lâu dài mới có thể thắng được sức mạnh to lớn của thói quen quản lý theo kiểu tiêu tư sản và tư sản » (3).

Lê-nin cũng khẳng định, cả trong *trường hợp tốt nhất*, thời kỳ quá độ cũng kéo dài nhiều năm, và Người bổ sung: Một cuộc cách mạng đi theo sát chiến tranh, liên quan với chiến tranh và bùng nổ trong chiến tranh là một « trường hợp sinh đẻ đặc biệt khó khăn ». Tuy vậy, xã hội mới ra đời « không thể tiêu vong được, và việc nó sinh ra chỉ trở nên đau đớn hơn và lâu hơn thôi, nó trưởng thành và phát triển chậm hơn thôi » (4).

Hiện nay, các nhà kinh tế tư sản phương Tây quả quyết rằng, thời kỳ quá độ chỉ cần cho những nước có trình độ phát triển trung bình và kém, không cần cho những nước có trình độ phát triển cao, như nước Mỹ chẳng hạn, vì ở đây, lực lượng sản xuất đã đạt tới mức tương ứng với quan hệ sản xuất cộng sản chủ nghĩa. Song, những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vừa nêu và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển ở Liên xô đã giúp các nhà khoa học xô viết nhận định rằng, trong tương lai, ngay cả nước Mỹ khi đi lên chủ nghĩa xã hội vẫn phải trải qua thời kỳ quá độ. Đó chủ yếu là vì: nhiệm vụ cơ bản của cách

mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội không chỉ đơn thuần là phát triển lực lượng sản xuất, mà còn là xây dựng quan hệ sản xuất mới, song quan hệ sản xuất này lại không thể xuất hiện trong lòng xã hội cũ được, phải thủ tiêu sức ý lớn của những tàn dư cũ, phải đào tạo người lao động kiểu mới v.v. Tất nhiên, thời kỳ quá độ ở đây có chịu ảnh hưởng của trình độ phát triển cao vốn có của lực lượng sản xuất, cũng như của các đặc điểm lịch sử và dân tộc...

Phân kỳ thời kỳ quá độ ở Liên xô và ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Sự phát triển của xã hội là những quá trình khách quan tuân theo những quy luật nhất định, không phải là những quá trình hỗn tạp mang tính chất ngẫu nhiên, hoặc con người có thể dùng ý chí hay sắc lệnh để vượt qua những giai đoạn phát triển tự nhiên đó. C.Mác từng viết: Một xã hội, ngay khi đã phát hiện ra con đường đi của quy luật tự nhiên chỉ phối sự vận động của mình, cũng không thể nào nhảy vọt để vượt qua hay dùng sắc lệnh để xóa bỏ các giai đoạn phát triển tự nhiên của nó; tuy vậy nó có thể rút ngắn thời kỳ thai nghén và giảm bớt những đau khổ trong quá trình phát sinh của các giai đoạn ấy. Tư tưởng quan trọng này của C. Mác đã được đồng chí lu. V.An-drô-pốp, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô vừa qua cổ nhân mạnh: « Chúng ta phải hình dung một cách tỉnh táo xem chúng ta đang ở đâu. Chạy lên trước có nghĩa là đề ra những nhiệm vụ không thể thực hiện được, chỉ

(2) Sách đã dẫn, tr. 6.

(3) Sách đã dẫn, 1977, tập 38 tr. 464.

(4) Sách đã dẫn, 1977, tập 36, tr. 593.

đứng lại ở những cái đã đạt được, có nghĩa là không sử dụng tất cả những cái mà chúng ta có. Xem xét xã hội chúng ta trong sự phát triển năng động hiện thực với tất cả khả năng và nhu cầu của nó — đó là yêu cầu hiện nay (5).

Thời kỳ quá độ, như trên đã phân tích, là thời kỳ dài hoặc tương đối dài, trong đó các nước phải giải quyết một loạt vấn đề kinh tế — xã hội khác nhau về tính chất theo các trình tự không giống nhau. Điều này dẫn tới sự cần thiết phải chia thời kỳ đó thành các giai đoạn nhỏ, hay các thời đoạn khác nhau. Theo Lê-nin, trong thời kỳ đó, các chính sách của chúng ta phải phù hợp với nhiều giai đoạn nhỏ nữa. Và tất cả cái khó về đường lối và nghệ thuật chỉ đạo của chúng ta là phải tìm ra được cách giải quyết đặc thù cho từng giai đoạn.

Như vậy, sự phân kỳ đúng đắn tự nó sẽ cho các nước thấy được sự phát triển liên tục của xã hội, biết được những gì là thuộc về quá khứ, những gì là của hiện tại, những gì là thuộc về tương lai và mối quan hệ giữa quá khứ, hiện tại và tương lai; nhận thức được đặc điểm của từng giai đoạn, và xác định đúng nhiệm vụ và đặc thù của từng thời kỳ, qua đó đề ra chính sách kinh tế, phương pháp quản lý đặc thù sát hợp với từng giai đoạn. Chính vì vậy, Lê-nin đã xem vấn đề phân kỳ là nhiệm vụ số một, nhiệm vụ đầu tiên của khoa học trong việc nghiên cứu sự phát triển của các hình thái kinh tế — xã hội. Đồng thời, Người cũng lưu ý chúng ta phải tính đến những đặc điểm dân tộc, tính đến những cái riêng, song không được sùng bái nó, mà phải đề lên hàng đầu cái chung.

Trong các tác phẩm của mình, cả Mác lẫn Lê-nin đều mới nêu lên những giai đoạn phát triển chung nhất trong sự phân kỳ hình thái xã

hội cộng sản chủ nghĩa, chưa chỉ ra những giai đoạn nhỏ, những thời đoạn phát triển cụ thể trong bản thân từng giai đoạn đó, nhất là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điều này cũng dễ hiểu, vì ở thời các ông, khó có thể thấy hết được các đặc điểm cụ thể của từng giai đoạn nhỏ, nhất là những cái mốc phát triển bắt buộc mà các nước xã hội chủ nghĩa phải trải qua trong từng giai đoạn đó.

Thời đại ngày nay đòi hỏi các nước càng phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu, sự phân kỳ. Sau khi trải qua những giai đoạn phát triển nhất định, bằng kinh nghiệm thực tế và với sự tổng kết lý luận của mình, Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu mới khẳng định rằng, thời kỳ quá độ cũng được chia ra thành các giai đoạn nhỏ khác nhau và mỗi nước, tùy theo những điều kiện cụ thể của mình, có thể phân thời kỳ đó thành những giai đoạn nhỏ phù hợp với đặc điểm của từng nước.

Song có một vấn đề được đặt ra là: có thể có những giai đoạn hình thành chủ nghĩa xã hội có tính chất chung nhất cho tất cả các nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội không, vì trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, các nước phải giải quyết nhiều vấn đề tương tự nhau và phải vượt qua những cái mốc chung giống nhau về nguyên tắc. Dựa vào luận điểm của Mác về hai hình thức phát triển của tư bản: phát triển theo chiều rộng và phát triển theo chiều sâu, cũng như dựa vào tư tưởng của Lê-nin về xã hội hóa, và với những kinh nghiệm thực tế của nước mình, nhiều nhà khoa học Xô viết đã phân thời kỳ quá độ ra làm ba giai đoạn cơ bản chung cho các nước, căn cứ

(5) Iu. V. An-drô-pốp: "Học thuyết của Các Mác và một số vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô". *Tạp chí Cộng sản*, Hà Nội, 1983, số 3, tr. 21.

vào mức độ phát triển và củng cố của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Đồng thời họ cũng chỉ ra rằng, về nguyên tắc, sự phát triển theo chiều rộng của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phải dựa trên cơ sở phát triển theo chiều sâu của nó. Còn về những cái mốc kinh tế đánh dấu bước chuyển giai đoạn, thì chủ yếu dựa vào việc thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ đặc thù của mỗi giai đoạn, vào tình chất đặc thù của phương pháp quản lý...

Ba giai đoạn cơ bản chung đó là :

1 - Giai đoạn xuất hiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và hình thành bước đầu hệ thống kinh tế mới.

Nhiệm vụ đặc thù của giai đoạn này là: quốc hữu hóa các khâu then chốt của nền kinh tế quốc dân (các xí nghiệp công nghiệp lớn, các hệ thống ngân hàng, tài chính, ngoại thương, giao thông vận tải, đường sắt... và bưu điện), tịch thu ruộng đất của địa chủ, xây dựng bước đầu hệ thống quản lý mới để trực tiếp điều hành các cơ sở kinh tế đầu não vừa được quốc hữu hóa. Trong giai đoạn này, các biện pháp tác nghiệp giữ vai trò chính. Đây là giai đoạn tập dượt để đi tới kế hoạch hóa dài hạn nền kinh tế trong giai đoạn tiếp theo. Còn các chính sách kinh tế tất yếu phải mang tính chất cưỡng bức phi kinh tế, vì nếu không, sẽ không thực hiện được những tư liệu sản xuất cơ bản trong tay giai cấp bóc lột.

Mục tiêu phải đạt được là: quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được hình thành ở những khâu then chốt của nền kinh tế. Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, vì vậy ngay từ đầu đã chiếm địa vị *chủ đạo*. Hệ thống mới về quản lý được thành lập bước đầu.

Giai đoạn này bắt đầu ở Liên xô khi chính quyền cách mạng được thiết lập tháng 11-1917 và kết thúc

vào năm 1924, tức gồm hơn 7 năm; còn ở các nước dân chủ nhân dân Đông Âu chỉ gồm từ 3 đến 4 năm và kết thúc vào các năm từ 1947 đến 1949.

2 - Giai đoạn quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chiếm địa vị thống trị và xây dựng cơ sở của chủ nghĩa xã hội.

Trong giai đoạn này, Nhà nước sẽ đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trên quy mô lớn, triển khai rộng rãi việc tập thể hóa những người sản xuất nhỏ..., nhằm xây dựng cơ sở của chủ nghĩa xã hội trên ba mặt: xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật thích ứng với trình độ phát triển của quan hệ sản xuất; xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới; đào tạo người lao động kiểu mới cho phù hợp với lực lượng sản xuất mới. Đây cũng là ba phương hướng của việc xã hội hóa theo quan điểm của Lê-nin. Các phương pháp kinh tế, các quan hệ hàng-tiền được sử dụng rộng rãi hơn.

Mục tiêu phải đạt được là: cơ sở của chủ nghĩa xã hội được tạo dựng trên những vị trí và những ngành chủ chốt (tỷ trọng của công nghiệp ở Liên xô đến cuối giai đoạn này chiếm khoảng 70% tổng giá trị sản lượng công nông nghiệp, trong đó nhóm « A » chiếm 60%), thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa từ chỗ chiếm địa vị chủ đạo trong giai đoạn trước trở thành thành phần *thống trị tuyệt đối* trong nền kinh tế quốc dân (ở Liên xô, thành phần đó là 99% trong công nghiệp và 84,5% trong nông nghiệp).

Giai đoạn này ở Liên xô kết thúc vào năm 1931 (tức kéo dài khoảng trên dưới 10 năm); ở Bun-ga-ri: năm 1956; ở Cộng hòa dân chủ Đức và Tiệp-khắc: năm 1958; ở Ru-ma-ni: năm 1960; và ở Hung-ga-ri: năm 1962.

3 - Giai đoạn quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chiếm lĩnh toàn bộ nền

kinh tế quốc dân và xây dựng xong cơ sở của chủ nghĩa xã hội.

Giai đoạn này có nhiệm vụ giải quyết nốt tất cả những vấn đề kinh tế cơ bản của thời kỳ quá độ: xây dựng xong cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trên những nét cơ bản, hoàn thành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và tập thể hóa nông nghiệp, hoàn thiện hệ thống quản lý kinh tế - xã hội,...

Đến cuối giai đoạn này, thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa giữ địa vị thống trị *tuyệt đối và không giới hạn* trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân (ở Liên xô, thành phần đó chiếm 99% vốn sản xuất cố định, 99,1% thu nhập quốc dân, 99,8% sản xuất công nghiệp, 98,5% sản xuất nông nghiệp, 100% thương nghiệp bán lẻ); cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội phải được xây dựng xong về cơ bản. Trước đây, cái mốc về mặt lực lượng sản xuất thường được đặc trưng bằng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp chủ yếu tính theo đầu người. Song nhiều năm gần đây, các nước đã xem lại đặc trưng đó và cho rằng, những con số cụ thể đó có thể sẽ rất khác nhau vào thời điểm kết thúc thời kỳ quá độ ở mỗi nước. Hơn nữa, những cái gì được coi là đầy đủ ở thời điểm kết thúc trước, thì đến ngày nay có thể được coi là chưa đầy đủ, nhất là trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ và tác động ngày càng mạnh đến việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật ở mỗi nước. Do đó, các nước cho rằng, phải hiểu cái mốc đó theo một nguyên tắc chung là, vào thời điểm kết thúc thời kỳ quá độ, sản xuất bằng máy móc lớn phải trở thành cơ sở của tất cả các ngành kinh tế quốc dân.

Giai đoạn ba ở Liên xô kết thúc vào năm 1937, ở Bun-ga-ri - năm 1968, ở Hung-ga-ri - năm 1962, ở Cộng hòa

dân chủ Đức - đầu những năm 60. Giai đoạn này kết thúc, thì thời kỳ quá độ cũng chấm dứt. Từ đó, các nước bước vào giai đoạn mới, giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển.

Theo kinh nghiệm của Liên xô và của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, thì sự phân biệt các giai đoạn nêu trên chỉ có ý nghĩa tương đối, vì không phải lúc nào ba giai đoạn đó cũng được phân biệt rạch ròi trong thực tế. Có thể có tình hình là: nếu đứng trên quan điểm phát triển theo chiều rộng của quan hệ sản xuất mà xét, thì chẳng hạn một nước nào đó đã ở cuối giai đoạn hai, còn nếu đứng trên góc độ phát triển theo chiều sâu mà nhận định, thì nước đó vẫn còn ở giai đoạn một. Điều này xảy ra khi một nước tiến hành phát triển "đạt" theo chiều rộng, mà không kịp củng cố quan hệ sản xuất mới bằng những thành tựu đạt được trong lĩnh vực công nghiệp hóa, bay trong việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật. Một sự phát triển như vậy, rõ ràng là không, có cơ sở để tuyên bố rằng đất nước đã chuyển giai đoạn. Đây là luận điểm có tính nguyên tắc, vì trình độ chín muồi của quan hệ sản xuất mới, suy cho cùng là do trình độ phát triển của cơ sở vật chất quyết định. Chỉ có trên cơ sở trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất, các nước mới có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Tiêu chuẩn kết thúc thời kỳ quá độ.

Vào cuối những năm 30, sách báo Liên xô thường dùng khái niệm *xây dựng xong chủ nghĩa xã hội về cơ bản* để đặc trưng cho tiêu chuẩn chung kết thúc thời kỳ quá độ. Gần đây, khái niệm đó được thay bằng khái niệm khá phổ biến ở tất cả các nước: *xây dựng xong cơ sở của chủ nghĩa xã hội*. Hiểu theo nghĩa rộng,

cơ sở này gồm những nội dung chính sau:

Về kinh tế: Nền kinh tế nhiều thành phần không còn, chỉ có một thành phần duy nhất thống trị — thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Như vậy, lúc này trong nền kinh tế chỉ có một loại quan hệ sản xuất và một hệ thống quy luật *đồng nhất với nhau về chất* được gọi là *hệ thống hữu cơ* tồn tại. Hệ thống quy luật này tuy đã có điều kiện để hoạt động mạnh, song vẫn còn bị hạn chế nhất định. Những hạn chế này chỉ được loại trừ hoàn toàn khi xây dựng xong chủ nghĩa xã hội phát triển.

Sản xuất cá thể có thể vẫn còn, nhưng số lượng ít, lực lượng nhỏ và phân tán, tự nó không đủ sức trở thành một thành phần độc lập trong hệ thống kinh tế mới (6).

Kinh tế phụ gia đình vẫn được duy trì và tồn tại cả trong chủ nghĩa xã hội phát triển. Theo một số nhà kinh tế Xô viết, thì ở Liên xô không loại trừ khả năng kinh tế phụ gia đình tồn tại lâu hơn cả sở hữu của các nông trang. Hơn thế, nó còn được các nước xã hội chủ nghĩa khuyến khích phát triển, vì đây là một hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa, nó bổ sung cho nền kinh tế đó.

Những đặc trưng chủ yếu của cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội phải được hình thành, tuy chưa phải là tất cả và toàn bộ. Nền sản xuất lớn cơ khí hóa được xây dựng, sản xuất bằng máy lớn chiếm ưu thế. Nhờ đó, đời sống nhân dân có sự thay đổi về chất: nạn thất nghiệp bị thủ tiêu, chế độ tem phiếu không còn, hàng tiêu dùng thiết yếu được cung cấp tương đối khá, v.v.

Về chính trị: Chuyên chính vô sản được củng cố, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa phát triển. Vấn đề «ai thắng ai» đã được giải quyết với thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Đối kháng giai cấp không còn, nhưng

không loại trừ khả năng là nếu đường lối, chính sách có sai lầm lớn, thì ngay cả trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, những mâu thuẫn vốn có của nó — tức mâu thuẫn không đối kháng — vẫn có thể trở thành những mâu thuẫn mang tính chất đối kháng.

Về xã hội: Sự bóc lột bị xóa bỏ, sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay bị loại trừ, song sự khác biệt giữa chúng vẫn còn.

Về văn hóa — tư tưởng. Hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, thế giới quan Mác — Lênin chiếm địa vị thống trị trong tư tưởng của mọi người, cũng như trong đời sống tinh thần của nhân dân.

Tóm lại, khi kết thúc thời kỳ quá độ, các nước mới xây dựng được *cơ sở* của chủ nghĩa xã hội. Lúc này, chủ nghĩa xã hội vẫn chưa có đủ các hình thức tổ chức cao nhất của nó: chưa gột bỏ hết những tàn dư của xã hội cũ trong các quan hệ kinh tế, đạo đức và trí tuệ; chưa đạt được trình độ phát triển lực lượng sản xuất thật cao để có thể giải quyết một cách đầy đủ tất cả các nhiệm vụ xây dựng và nâng cao đời sống. Nói cách khác là khi kết thúc thời kỳ quá độ, chủ nghĩa xã hội vẫn chưa *phát triển trên cơ sở riêng của chính nó được*. Đúng như Mác từng chỉ rõ, ở giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, chúng ta có quan hệ «không phải với xã hội cộng sản đã phát triển trên cơ sở riêng của nó, mà ngược lại với xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, nên trong các quan hệ kinh tế, đạo đức và trí tuệ, nó vẫn

(Xem tiếp trang 39)

(6) Trong các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu, chỉ có Liên xô là không còn kinh tế tư nhân khi kết thúc thời kỳ quá độ. Ở các nước khác, kinh tế cá thể vẫn được duy trì ở mức độ nhất định. Ví dụ: năm 1976, kinh tế của nông dân cá thể ở Hung-ga-ri vẫn chiếm 6,1% tổng sản lượng đất; ở Cộng hòa dân chủ Đức: 5,6%; ở Ru-ma-ni: 9,4%; ở Tiệp khác: 5,3%.

Mấy vấn đề cấp bách về dân số

Tiến sĩ **ĐẶNG THU**

NGAY từ năm 1881, Ăng-ghe-n đã đưa ra ý kiến là phải có một giới hạn cho sự phát triển dân số, và nếu khi nào đó xã hội cộng sản bắt buộc phải điều khiển việc sản sinh ra con người thì xã hội thực hiện điều đó không khó khăn gì, cũng giống như điều khiển việc sản xuất ra một sản phẩm vật chất nào vậy.

Phát triển dân số phải phù hợp trước tiên với mức độ khai thác tài nguyên, đất đai, với trình độ phát triển kinh tế, và yêu cầu nâng cao mức sống... Đương nhiên nó cũng tùy thuộc một phần quan trọng vào phương thức sản xuất của xã hội. Ngày nay, khuynh hướng chung của thế giới đều cho rằng loài người phải sớm hướng tới ổn định dân số, nghĩa là mỗi phụ nữ chỉ nên sinh đẻ hơn hai con một chút.

Các nước văn minh trên thế giới đều sớm đi đến ngưỡng hay gần như ngưỡng phát triển dân số. Ở một số nước, phụ nữ đã thực hiện sinh hơn hai con một chút từ 50 năm nay:

Hiện nay một phụ nữ ở Cộng hòa dân chủ Đức sinh 1,7 con; ở Tây Đức 1,1 con, ở Thụy điển 1,5 con; ở Hung-ga-ri 2,0 con; ở Cu ba 2,0 con, ở Bun-ga-ri, Tiệp khác, Ba lan 2,2 con; ở Liên xô 2,3 con.

Người ta đã chủ động được sinh đẻ, chỉ sinh số con đủ để thay thế mình, dành phần lớn sức lực vào việc xây dựng cuộc sống giàu có, hạnh phúc.

Trước đây, tuổi thọ trung bình của con người là trên 20 tuổi. Trong điều kiện đó, nếu một phụ nữ không sinh đẻ trung bình được 8-10 lần thì loài người không thể duy trì được nổi giống. Còn hiện nay, khi tuổi thọ trung bình đã lên tới 60-75 tuổi thì một phụ nữ cần sớm hưởng tới sinh đẻ ở mức khoảng trên 2 con một ít. Dân số trước đây cân bằng ở mức chết nhiều và sinh nhiều, hiện nay phải hướng tới cân bằng ở mức chết ít và sinh ít.

Hai thế kỷ qua, tính tới giữa thế kỷ 20, các nước châu Âu chỉ tăng dân số 0,6% hằng năm, lao động cũng chỉ tăng chừng ấy hằng năm. Họ đã cơ bản sử dụng hết lao động.

Ba bốn mươi năm qua, dân số các nước thế giới thứ ba đã tăng tới 3-4% hằng năm, và lao động cũng tăng theo mức đó. Do vậy, nền kinh tế không thu hút hết số lao động, nhiều nước thừa tới 30% số lao động.

Nếu như một thế kỷ hay nửa thế kỷ về trước, dân số thế giới chưa đông,

đất đai màu mỡ còn nhiều, khoa học, kỹ thuật chưa phát triển, năng suất lao động chưa cao, mức sống giữa các nước chưa chênh lệch nhau nhiều, thì tăng dân số và tăng lao động là điều không đáng ngại. Nhưng từ những năm 1950 trở lại đây, dân số thế giới đã tăng lên nhanh chóng, đất đai màu mỡ không còn nhiều nữa, cách mạng khoa học, kỹ thuật phát triển như vũ bão, máy móc ở nhiều nơi đã mang lại lợi gấp nhiều lần so với dùng lao động giản đơn của con người, năng suất lao động giữa các nước đã chênh lệch nhau tới hàng 100 lần; trong tình hình như vậy, sự tăng dân số ở nơi đất chật, năng suất lao động thấp là điều vô cùng tai hại.

Mấy chục năm về trước, mức tăng dân số và tăng lao động 1% hằng năm là hợp lý vì giúp cho phát triển kinh tế. Còn hiện nay, đối với nước đã có bùng nổ dân số rồi thì dù có tăng dân số 1% hằng năm cũng là bất lợi.

Nhiều nước có đông lao động đã bị thiệt thòi về nhiều mặt. Nhật bản chẳng hạn là nước không thiếu vốn, không thiếu kỹ thuật, nhưng thiếu đất, có đông lao động làm nông nghiệp, cho nên năng suất lao động trong nông nghiệp ở Nhật bản các năm 1969 - 1971 chỉ bằng 1/24 năng suất lao động trong nông nghiệp của Tân Tây lan. Tuy-ni-di là nước có thu nhập quốc dân tính theo đầu người hơn 1000 đô la, có khả năng cơ giới hóa toàn bộ nông nghiệp, nhưng đã phải hy sinh, hạn chế mức độ cơ giới hóa lại để tạo việc làm cho 80 000 lao động nông nghiệp. Ở nhiều nơi, tình trạng đông lao động đang là trở ngại rất lớn cho việc ứng dụng kỹ thuật mới. Theo công thức tính toán về lao động:

$$L = \frac{C}{V.T}$$
 thì tăng lao động (L) tỷ lệ thuận với tăng vốn đầu tư (C) và tỷ

lệ nghịch với tăng tiền lương (V) và phát triển kỹ thuật (T).

Một nước đông lao động muốn cho lao động được sử dụng hết thì cần tăng vốn đầu tư (C), nhưng lại thiếu vốn; đó là một mâu thuẫn.

Một nước nghèo, mức sống thấp, cần tăng lương thực tế, nhưng tăng lương (V) lại tỷ lệ nghịch với tăng lao động (L), đó là mâu thuẫn thứ hai.

Một nước lạc hậu muốn đuổi kịp các nước tiên tiến thì phải chạy vào kỹ thuật (T) nhưng thiếu vốn, không đủ kỹ thuật trang bị cho người lao động. T tỷ lệ nghịch với tăng lao động (L), đó là mâu thuẫn thứ ba.

Rõ ràng tăng nhanh lao động là điều bất lợi.

Thu nhập quốc dân tính theo đầu người ở các nước phát triển so với các nước chậm phát triển cách đây 30 năm chỉ chênh lệch nhau 10-15 lần. Hiện nay độ chênh lệch này đã là 50 lần. Thu nhập quốc dân tính theo đầu người của các nước phát triển chỉ cần tăng 2% thì phần tăng này đã bằng toàn bộ thu nhập quốc dân tính theo đầu người của các nước chậm phát triển. Ngân hàng thế giới năm 1980 dự báo, thu nhập quốc dân tính theo đầu người ở các nước công nghiệp phát triển sẽ tăng từ hơn 8000 đô la (năm 1978) lên 24 500 đô la (năm 2010); còn thu nhập quốc dân tính theo đầu người ở các nước chậm phát triển chỉ có thể tăng từ 200 đô la (năm 1978) lên 450 đô la (năm 2010). Rõ ràng là độ chênh lệch về thu nhập quốc dân tính theo đầu người ở hai loại nước ngày càng lớn. Nếu các nước chậm phát triển đã đông dân mà còn tiếp tục tăng dân số thì độ chênh lệch này có thể lên tới 100 lần vào cuối thế kỷ, và 200 lần sau đây 50 năm. Để xảy ra tình trạng như vậy là một sai lầm lịch sử không thể tha thứ được!

Ở các nước chậm phát triển, việc tăng sản lượng lương thực và hạ

thấp tỷ lệ phát triển dân số luôn luôn phải được coi là hai việc quan trọng nhất của đất nước mình, và hai việc này phải xếp ngang nhau.

Ở một nước sau khi đã có bùng nổ dân số thì chỉ một đồng cho hạn chế sinh đẻ sẽ mang lại lợi bằng 100 đồng bỏ vào đầu tư cho phát triển kinh tế. Người ta đã tính toán rất cụ thể rằng một nước có thu nhập quốc dân tăng đều 6% và số dân tăng đều 3% một năm, thì thu nhập quốc dân tính theo đầu người tăng đều 3% hằng năm, và sau 60 năm, thu nhập quốc dân tính theo đầu người tăng được 6 lần. Nếu thu nhập quốc dân tăng đều 6% hằng năm mà không tăng dân số thì sau 60 năm thu nhập quốc dân tính theo đầu người sẽ tăng được 32 lần. Còn nếu như thu nhập quốc dân tăng đều 8% hằng năm mà dân số không tăng thì sau 60 năm thu nhập quốc dân tính theo đầu người sẽ tăng 100 lần. Như vậy, biện pháp hạn chế sinh đẻ trong vài ba năm trước mắt chưa mang lại hiệu quả thật lớn, nhưng 50 — 60 năm sau nó làm cho kinh tế phát triển nhanh từ 5 đến 10 lần. Vì vậy, đối với một nước mà dân số đã «đống đến tận cổ» như Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm Văn Đồng vẫn thường nói mà muốn phát triển nhanh kinh tế và nâng cao mức sống thì phải khẩn thiết đầu tư mạnh vào việc hạn chế sinh đẻ, đi đến ngừng phát triển dân số càng sớm càng tốt.

Ở một số nước có dân số tăng nhanh liên trong mấy chục năm thì sau đó một phụ nữ dù chỉ sinh một con, dân số của nước đó hằng năm vẫn tăng. Có nước đã khuyến khích mỗi phụ nữ chỉ sinh một con, họ hy vọng sau 30 năm mới ngừng được việc phát triển dân số. Ở Xinh-ga-po hiện nay, trung bình mỗi phụ nữ sinh 1,8 con, họ hy vọng sau 50 năm nữa mới ngừng phát triển dân số.

Còn ở nước ta, nếu tới cuối thế kỷ này mới đạt mức trung bình mỗi phụ

nữ sinh 2 con thì dân số còn tăng trong 70 năm nữa. Vì vậy, tiêu chuẩn mỗi phụ nữ sinh 2 con thực tế vẫn còn cao so với yêu cầu phát triển nhanh kinh tế ở nước ta.

Một cặp vợ chồng có quyền sinh đẻ số con mà họ mong muốn. Nhưng quyền của đứa trẻ khi ra đời phải được nuôi nấng, dạy dỗ chu đáo, phải được học hành, và lớn lên phải có việc làm thích hợp, là cao hơn quyền sinh đẻ của bố mẹ nó. Và quyền của mọi người trong xã hội phải có cuộc sống được cải thiện, có an ninh, cũng cần được tôn trọng. Vì vậy xã hội nào cũng thế, phải hướng dẫn các cặp vợ chồng sinh đẻ cho phù hợp với quyền lợi của mọi người trong xã hội.

Không có tiến bộ nào mà không phải trả giá. Muốn tiến lên nhanh chóng thì phải sớm thay đổi những mặt lạc hậu về quan niệm, tập quán, tâm lý xã hội... đối với vấn đề gia đình, số con và dân số. Thậm chí cả những biện pháp hành chính phải thực hiện hôm nay cũng là điều cần thiết để đổi lấy cuộc sống đỡ bị nghèo khổ dày vò trong ngày mai.



Những vấn đề đặt ra ở trên cho thấy tầm quan trọng đặc biệt của việc hạn chế sinh đẻ để hướng tới ngừng phát triển dân số. Bất cứ một nước nào trên thế giới cũng đều phải quan tâm tới vấn đề này nếu như họ thật sự muốn có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Nước Việt nam ta hiện nay có gần 60 triệu dân, là nước đông dân thứ 13 trên thế giới, nhưng về thu nhập quốc dân tính theo đầu người lại là một trong những nước thấp nhất thế giới. Ba, bốn năm qua, dân số nước ta đã vượt dân số của Pháp, Ý, Anh và tới cuối năm 1985 sẽ vượt thêm Tây Đức, lúc đó, nước ta sẽ đứng thứ 12 trên thế giới về đông dân.

Dân số nước ta vẫn tăng đều hàng năm. Điều đáng chú ý là ngay cả trong các thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, tốc độ tăng dân số vẫn diễn ra liên tục.

Tính bình quân, mỗi năm nước ta có thêm 1,3 triệu dân, nếu không tăng được 40 vạn tấn lương thực hàng năm thì lương thực tính cho đầu người năm sau sẽ thấp hơn năm trước. Đó là điều không thể chấp nhận được.

Do nhận rõ tầm quan trọng đặc biệt của việc hạn chế sinh đẻ, hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số, cho nên ngay từ năm 1963, Đảng và Nhà nước ta đã phát động phong trào « vận động sinh đẻ có kế hoạch ». Tỷ lệ sinh đẻ hàng năm đã giảm từ 4,6% năm 1960 xuống còn 3% hiện nay; tỷ lệ tử vong từ 1,2% năm 1960 xuống còn 0,7% hiện nay. Như vậy là đã có một số kết quả, nhưng chưa đáp ứng được đòi hỏi của tình hình đất nước, vì số trẻ em sinh ra hàng năm vẫn nhiều hơn trước, dân số hàng năm vẫn tiếp tục phát triển. Cụ thể, năm 1960 số trẻ em được sinh ra là 138 vạn, năm 1982 là 168 vạn, số dân tăng thêm của năm 1960 là 102 vạn, còn của năm 1982 là 128 vạn.

Hiện nay, tỷ lệ sinh đẻ ở nước ta thấp hơn mức trung bình của thế giới thứ ba (3% so với 3,1%) và tỷ lệ chết ở nước ta lại càng thấp hơn tỷ lệ này của thế giới thứ ba (0,7% so với 1,1%), vì vậy tuy ưu việt hơn về sinh và chết, nhưng tỷ lệ phát triển dân số ở nước ta lại cao hơn mức trung bình của thế giới thứ ba (2,2% so với 2-2,1%).

Một phụ nữ Việt nam ở lứa tuổi sinh đẻ, tính chung cho cả người có chồng và chưa có chồng, trung bình năm 1960 sinh 6,2 con hiện nay 4,5 con. Số con sinh ra tuy đã giảm, nhưng còn xa mới đạt chỉ tiêu sinh 2 con ở một nữ.

Hiện nay, nước ta có 60 vạn nữ ở lứa tuổi 24. Giả thiết một nữ chỉ sinh

1 con (ở lứa tuổi 24) thì hàng năm vẫn có 60 vạn trẻ ra đời, trừ đi số chết trong cả nước hàng năm là 40 vạn người, dân số vẫn tăng 20 vạn mỗi năm.

Số sinh hiện nay là 168 vạn một năm, bằng 1 lần số chết. Để dân số sớm ổn định, số sinh phải giảm xuống ngang số chết.

Số trẻ em dưới 16 tuổi ở nước ta cũng rất đông, chiếm 45% dân số, trong khi ở Thụy điển và ở Anh số trẻ em này chỉ chiếm 22-23% dân số, bằng nửa tỷ lệ này của Việt nam. Số người ở lứa tuổi 20-19 của Việt nam chiếm 26,4% dân số, còn ở Thụy điển chiếm 39,3% dân số, gấp rưỡi tỷ lệ này của Việt nam. Nói một cách khác, một người lớn ở lứa tuổi 20-19 của nước ta phải nuôi số trẻ em nhiều gấp 3 lần so với một người lớn cùng lứa tuổi ở Thụy điển.

Số nữ thuộc lứa tuổi sinh đẻ ở nước ta tăng đều khoảng 3,5% hàng năm. Vì vậy, nếu giữ mức sinh đẻ như hiện nay thì vào gần những năm 2000, mỗi năm sẽ có khoảng trên 3 triệu trẻ em ra đời. Hoặc kế hoạch hóa sinh đẻ, muốn tới năm 2000 chỉ sinh dưới 1 triệu trẻ em thì phải giảm mức sinh đẻ đi hơn 3 lần so với hiện nay.

Về công tác tuyên truyền giáo dục dân số, chúng ta làm rất kém. Rất nhiều người chưa hiểu và vì vậy chưa tán thành hạn chế sinh đẻ và cũng chưa có hiểu biết về phòng ngừa thai nghén. Cho tới nay mới có 30% các cặp vợ chồng ở lứa tuổi sinh đẻ dùng các biện pháp tránh thai.

Nếu công tác hạn chế sinh đẻ tiến hành chậm như mấy năm vừa qua thì sẽ không đạt chỉ tiêu hạ tỷ lệ tăng dân số xuống còn 1,7% vào năm 1985. Nếu đẩy mạnh hạn chế sinh đẻ thì dân số nước ta năm 2000 sẽ là 75 triệu, không đây mạnh công tác này thì dân số năm 2000 sẽ hơn 80 triệu, có thể lên tới 93 triệu.

Năm 1983 ta có 28 triệu người ở độ tuổi lao động, năm 1984 có 29 triệu người ở độ tuổi này, và năm 2000 sẽ có 46 triệu người. Số 46 triệu người lao động vào năm 2000 là số có thực chứ không phải số dự báo, vì trẻ em sinh ra hiện nay thì tới năm 1999 sẽ được tính vào lứa tuổi lao động.

Năng suất lao động xã hội là thu nhập quốc dân chia cho tổng số người lao động. Năng suất lao động ở nhiều nước tăng lên nhanh chóng là do đổi mới thiết bị, kỹ thuật. Nước ta đất chật, tài nguyên không nhiều, thiếu vốn, thiếu thiết bị, trong khi đó đội quân lao động ngày càng đông thì năng suất lao động xã hội sẽ còn thấp trong một thời gian dài, tiền lương thực tế và mức sống khó lòng nâng lên nhanh chóng, do đó càng thấy sự bất lợi của tăng nhanh dân số và lao động.

Mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm khá sớm tới vấn đề sinh đẻ đẻ hạ tỷ lệ phát triển dân số xuống mức hợp lý, nhưng công việc mới chủ yếu giao cho ngành y tế. Ngành y tế tuy có cố gắng nhưng không đủ sức đảm đương một vấn đề rộng lớn, nhiều mặt như vấn đề dân số. Và lại, ngành y tế chưa được đầu tư thích đáng, không đủ biện pháp, và khả năng tính toán chuyên môn có hạn.

Các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở chưa có nhận thức đầy đủ và thống nhất về vấn đề dân số. Nhà nước thời gian qua chưa có bộ máy thống nhất và có hiệu lực đề đầy mạnh công tác dân số, sinh đẻ có kế hoạch, tuyên truyền, giáo dục dân số, nghiên cứu, thống kê tính toán dân số, đánh giá tình hình, lập danh sách ..

Công tác nghiên cứu khoa học về dân số cũng chưa được quan tâm đúng mức.

Tình hình thực tế trên đây về công tác dân số ở nước ta cho thấy việc hạ chế sinh đẻ, hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số đến mức hợp lý cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế là yêu cầu khẩn thiết, là công việc cấp bách trước mắt của xã hội ta hiện nay.

Hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số xuống còn 1,7% vào năm 1985 như chỉ thị số 29/HDBT tháng 8-1981 của Hội đồng bộ trưởng đã xác định là mục tiêu phấn đấu có tính pháp lệnh. Song đạt được chỉ tiêu đó hoàn toàn không phải dễ vì đó là công việc phức tạp, có khối lượng rất lớn và khi tiến hành, chúng ta đã vấp phải không ít khó khăn. Nhưng dù khó khăn đến mấy cũng vẫn phải làm bằng được, không thể nào khác.

Phân kỳ thời kỳ quá độ...

(Tiếp theo trang 34)

còn mang những tàn dư của xã hội cũ" (7). Vì vậy, phải có nhiều thời gian nữa chủ nghĩa xã hội mới đạt đến trình độ cao, mà Lê-nin gọi là chủ nghĩa xã hội phát triển, hay chủ nghĩa xã hội hoàn chỉnh.

Nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu tuy có những sự khác nhau về điểm xuất phát về lịch sử, dân tộc, địa lý..., song lý luận và kinh nghiệm phân kỳ nêu trên chắc

chắn sẽ giúp ta có thêm căn cứ để xác định tốt hơn các chặng đường và nội dung kinh tế chủ yếu của từng chặng—trước hết là của chặng đường đầu—, để phân biệt rõ đâu là cái phổ biến và đâu là cái đặc thù..., nhằm rút ngắn quá trình nghiên cứu về mặt lý luận sự phân kỳ thời kỳ quá độ ở nước ta.

(7) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Tổng tập bản tiếng Nga*, tập 19, tr. 18.

Nghiên cứu

về các quy luật của cách mạng xã hội
chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

Phát triển kinh tế quốc dân có kế hoạch
nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa
cộng sản và nâng cao mức sống của những
người lao động

QUYẾT TIẾN

CHỨNG ta biết rằng, mọi hình thái xã hội, muốn tồn tại và phát triển, đều cần phải có những tỷ lệ nhất định trong việc phân phối tư liệu sản xuất và sức lao động giữa các ngành kinh tế quốc dân. Song những tỷ lệ cân thiết để phát triển sản xuất ấy, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, chỉ có thể hình thành một cách tự phát thông qua những biến động và mất cân đối thường xuyên, thông qua những cuộc khủng hoảng sản xuất thừa có tính chất chu kỳ. Những cuộc khủng hoảng này là sự phản ánh mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Chứng nào quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa còn tồn tại, thì tình trạng cạnh tranh, sản xuất vô chính phủ, cùng với những cuộc khủng hoảng kinh tế vẫn sẽ diễn ra, dù giai cấp tư sản có cố gắng đến đâu trong việc tổ chức có kế hoạch sản xuất trong từng công xưởng, từng công ty của chúng. Ngay cả việc quốc hữu hóa tư bản chủ nghĩa từng xí nghiệp,

từng công ty lớn, và cả việc thành lập những công ty tư bản độc quyền lớn trong phạm vi từng quốc gia, cho đến những công ty đa quốc gia cũng không thể thủ tiêu được tình trạng sản xuất vô chính phủ trên phạm vi toàn xã hội, bởi vì quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở đó vẫn không hề bị thủ tiêu. Chỉ có điều là quan hệ tư bản chủ nghĩa càng được đẩy tới chỗ tột cùng, thì nó càng tạo điều kiện khách quan cho sự ra đời của phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Đến chủ nghĩa xã hội, thì tình trạng sản xuất vô chính phủ được khắc phục. Và thay thế cho nó, là sự điều tiết sản xuất một cách có kế hoạch trên phạm vi toàn xã hội, tùy theo nhu cầu của toàn thể xã hội, cũng như của mỗi người.

Ăng-ghe-n đã từng viết: « Giai cấp vô sản đoạt lấy quyền lực xã hội và nhờ

* Xem Tạp chí Cộng sản từ số 1 — 1984.

quyền lực đó mà biến những tư liệu sản xuất xã hội đã giành được trong tay giai cấp tư sản, thành sở hữu công cộng. Do hành vi đó, giai cấp vô sản giải phóng cho tư liệu sản xuất thoát khỏi tính chất cố hữu của nó là biến thành tư bản; và làm cho tính chất xã hội của tư liệu sản xuất được hoàn toàn tự do phát huy tác dụng. Một nền sản xuất xã hội theo một kế hoạch đã quyết định trước, từ nay là một điều có thể thực hiện được» (1).

- Như vậy là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất do nền chuyên chính vô sản tạo nên, đã đề ra tính tất yếu và khả năng phát triển có kế hoạch nền kinh tế quốc dân, vì lợi ích của toàn thể xã hội.

Nếu chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất chia rẽ những người sản xuất hàng hóa, dù đó là nông dân, thợ thủ công hay nhà tư bản, thì chế độ công hữu về tư liệu sản xuất liên kết rất nhiều xí nghiệp lại thành một khối kinh tế quốc dân thống nhất, phục vụ một mục đích chung. Không có một kế hoạch chung làm cho toàn xã hội hành động thống nhất và bảo đảm cho từng ngành, từng xí nghiệp cho đến toàn bộ nền kinh tế quốc dân phát triển theo những tỷ lệ cần thiết thì nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa xã hội hóa không thể phát triển được. Lê-nin đã từng nhấn mạnh rằng nhiệm vụ lớn lao của cách mạng xã hội chủ nghĩa là: «biến toàn bộ bộ máy kinh tế Nhà nước thành một bộ máy lớn duy nhất, thành một cơ cấu kinh tế hoạt động sao cho hàng trăm triệu con người đều được chỉ đạo bằng một kế hoạch duy nhất» (2).

Như vậy, sự phát triển nền kinh tế quốc dân một cách có kế hoạch nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội và nâng cao mức sống của những người lao động là một quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội.

Quy luật phát triển nền kinh tế quốc dân một cách có kế hoạch đòi

hỏi tất cả các ngành kinh tế phải phát triển dưới sự lãnh đạo thống nhất, có kế hoạch của xã hội; giữa các bộ phận và các yếu tố của nền kinh tế quốc dân phải có sự cân đối, bởi vì theo Lê-nin, sự cân đối thường xuyên, được giữ vững một cách có ý thức là đặc điểm của chủ nghĩa xã hội. Quy luật đó còn đòi hỏi phải sử dụng đầy đủ nhất, hợp lý nhất và có hiệu quả nhất các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực và phải mở rộng không ngừng sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của nhân dân.

Muốn bảo đảm có sự cân đối trong nền kinh tế quốc dân thì cần phải có: a) tốc độ cao và những tỷ lệ cần thiết trong việc phát triển các ngành kinh tế quốc dân và ngay cả trong việc phát triển các bộ phận cấu thành của mỗi một ngành kinh tế; b) những tỷ lệ đúng đắn giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa nguồn vật lực và tài lực, giữa tổng số thu nhập hàng tiền của nhân dân và khối lượng lưu thông hàng hóa cũng số lượng sự nghiệp công ích phục vụ nhân dân; c) quan hệ tỷ lệ đúng đắn giữa số cân hộ hiện có và nhu cầu về cân hộ của nền kinh tế quốc dân; d) phân bố hợp lý nền sản xuất xã hội chủ nghĩa trên cơ sở phát triển toàn diện các vùng kinh tế, mở rộng phân công, tiến hành chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất giữa các vùng trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Cần thấy rằng quan hệ tỷ lệ đúng đắn giữa sản xuất tư liệu sản xuất và sản xuất vật phẩm tiêu dùng là một trong những tỷ lệ quan trọng nhất của việc phát triển nền kinh tế quốc dân. Để giải quyết đúng đắn tỷ lệ giữa hai khu vực này của nền sản

(1) Ph. Ăng-ghen: *Chống Duy-rinh*. Nxb Sự thật. Hà-nội, 1960, tr. 479.

(2) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1-77, tập 36, tr. 8.

xuất xã hội, thì cần phải chú ý đến yêu cầu của quy luật ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất.

Việc quy định đúng đắn tỷ lệ giữa công nghiệp và nông nghiệp cũng có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc phát triển nền kinh tế quốc dân. Muốn vậy, một mặt phải bảo đảm vai trò chủ đạo của công nghiệp, làm cho công nghiệp có thể trang bị kỹ thuật tiến tiến cho nông nghiệp và cung cấp hàng công nghiệp cho nông thôn; mặt khác phải phát huy vai trò rất quan trọng của nông nghiệp trong việc cung cấp lương thực và thực phẩm cho công nhân và nhân dân thành thị, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ và hàng nông sản cho xuất khẩu. Đương nhiên, muốn phát triển sản xuất đều đặn, còn cần có những tỷ lệ đúng đắn giữa các ngành trong nội bộ công nghiệp và nội bộ nông nghiệp nữa.

Giữa sản xuất và tiêu dùng cũng cần có quan hệ đúng đắn. Điều đó có nghĩa là khối lượng hàng hóa tiêu dùng cá nhân cùng với khối lượng các dịch vụ công cộng phải phù hợp với thu nhập bằng tiền ngày càng tăng của nhân dân lao động; và phải có những tỷ lệ đúng đắn giữa sự phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và sự phát triển của lưu thông hàng hóa.

Những tỷ lệ đúng đắn giữa tích lũy và tiêu dùng phải bảo đảm cho sản xuất xã hội chủ nghĩa tăng lên không ngừng, đồng thời bảo đảm nâng cao không ngừng đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

Sự phát triển có kế hoạch của nền kinh tế quốc dân đòi hỏi phải phân bổ sản xuất một cách hợp lý nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao phúc lợi của nhân dân và củng cố sức mạnh của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Sự phân bổ hợp lý nền sản xuất xã hội chủ nghĩa phải dựa trên những nguyên tắc sau đây:

Một là, làm cho sản xuất càng gần với nguồn nguyên liệu, nguồn điện lực và nhiên liệu, gần với các vùng tiêu thụ sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp, nhằm sử dụng tốt hơn các nguồn lợi thiên nhiên, tránh việc chuyên chở quá xa, không hợp lý.

Hai là, phân công có kế hoạch theo lãnh thổ giữa các vùng kinh tế, đồng thời kết hợp với việc phát triển toàn diện nền kinh tế trong nội bộ các vùng đó.

Ba là, phân bổ công nghiệp một cách có kế hoạch theo lãnh thổ của đất nước, bảo đảm lập nên những thành phố mới và những trung tâm công nghiệp ở những vùng nông nghiệp trước kia lạc hậu, làm cho nông nghiệp càng gần gũi với công nghiệp nhằm xóa bỏ những sự khác nhau căn bản giữa thành thị và nông thôn.

Bốn là, chấm dứt tình trạng bất bình đẳng thật sự về mặt kinh tế giữa các dân tộc, phát triển nhanh chóng nền kinh tế ở các vùng dân tộc trước kia lạc hậu, nhằm củng cố tình đoàn kết và hợp tác giữa các dân tộc.

Việc phân bổ hợp lý công nghiệp và nông nghiệp trên phạm vi cả nước đòi hỏi phải phát triển và phân bổ hợp lý toàn bộ ngành vận tải mà Mác coi là ngành sản xuất vật chất thứ tư của xã hội sau công nghiệp khai khoáng, công nghiệp chế biến và nông nghiệp.

Việc phân bổ sản xuất xã hội chủ nghĩa cũng đòi hỏi phải phân bổ sức lao động một cách có kế hoạch giữa các ngành kinh tế và giữa các vùng trong nước, để bảo đảm sử dụng hợp lý nhất nguồn nhân lực của đất nước, tăng năng suất lao động xã hội và đẩy nhanh tốc độ phát triển sản xuất.

Đương nhiên, trong tình hình còn tồn tại nguy cơ xâm lược của kẻ thù bên ngoài thì việc phát triển kinh tế có kế hoạch trong các nước xã hội

chủ nghĩa phải tính tới yêu cầu cũng cổ quốc phòng.

Và hiện nay, khi hệ thống kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa thế giới đã ra đời và phát triển thì phạm vi hoạt động của quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch cũng được mở rộng. Quy luật này tác động ngày càng mạnh mẽ đến mối quan hệ kinh tế giữa các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Ở trên là những đặc điểm chủ yếu của quy luật phát triển có kế hoạch nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa.

Quy luật phát triển có kế hoạch nền kinh tế quốc dân tạo khả năng khách quan cho sự phát triển có kế hoạch nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Muốn biến khả năng đó thành hiện thực thì cần có hoạt động tự giác của con người thông qua công tác kế hoạch hóa. Chính ở đây nổi lên tầm quan trọng to lớn của sự lãnh đạo một cách khoa học của Đảng đối với sự phát triển kinh tế và xã hội, nổi lên vai trò tổ chức và kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Lãnh đạo kinh tế quốc dân theo kế hoạch tức là dự kiến. Mà dự kiến khoa học thì phải dựa trên cơ sở nhận thức các quy luật kinh tế khách quan và xuất phát từ những nhu cầu chín muồi của sự phát triển đời sống vật chất của xã hội.

Bởi vậy công tác kế hoạch hóa không chỉ là một quá trình kinh tế, mà còn là một quá trình khoa học. Công tác kế hoạch hóa muốn có tác dụng tốt đối với sự phát triển kinh tế thì cần phải phản ánh đúng đắn những yêu cầu của quy luật phát triển có kế hoạch nền kinh tế quốc dân. Hơn nữa, nó phải được xây dựng trên cơ sở vận dụng tốt cả các quy luật kinh tế khác của chủ nghĩa xã hội.

Vậy quan hệ giữa công tác kế hoạch hóa với các quy luật kinh tế là như thế nào? Nếu nói một cách ngắn gọn

nhất thì trong công tác kế hoạch hóa, quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch được vận dụng để xác định tương quan tỷ lệ giữa các bộ phận, các mặt của nền kinh tế quốc dân.

Quy luật kinh tế cơ bản được vận dụng để định ra phương hướng nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội trong mỗi thời kỳ nhất định, xác định khối lượng và cơ cấu các nguồn tiềm lực cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch và xác định sự cân đối giữa mục đích và các nguồn tiềm lực ấy.

Quy luật giá trị được vận dụng để xác định các chỉ tiêu hiện vật và các chỉ tiêu giá trị của kế hoạch, mà quan trọng nhất là để kế hoạch hóa thu nhập quốc dân.

Quy luật phân phối theo lao động được vận dụng để kế hoạch hóa quỹ tiêu dùng cá nhân và quỹ tiêu dùng xã hội, kế hoạch hóa tiền lương, kế hoạch hóa các quỹ kích thích v.v.

Quy luật tăng năng suất lao động được vận dụng để lập kế hoạch về tốc độ tăng năng suất lao động, xác định những khả năng tiêu dùng trong việc tăng năng suất lao động. Đặc biệt quy luật này được vận dụng trong kế hoạch hóa việc áp dụng khoa học kỹ thuật mới, cơ khí hóa sản xuất cũng như trong việc kế hoạch hóa tỷ lệ dân số tham gia vào sản xuất xã hội.

Quy luật tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa được vận dụng trong việc ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất so với sản xuất tư liệu tiêu dùng.

Cần chú ý rằng các quy luật kinh tế nói trên không tồn tại và tác động một cách riêng rẽ; trái lại chúng thể hiện như một tổng thể các quy luật có quan hệ khăng khít với nhau và tác động đồng bộ đến sự phát triển có kế hoạch của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Khi tiến hành công tác kế hoạch hóa, phải tuân theo các nguyên tắc: tinh dân, pháp lệnh, tập trung dân chủ, tính khoa học, lựa chọn các khâu cơ bản, phối hợp kế hoạch hóa giữa ngành và lãnh thổ v.v.

Nguyên tắc tinh dân đòi hỏi toàn bộ công tác này, từ khi lập kế hoạch cho đến khi thực hiện kế hoạch đều phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Kế hoạch phải phản ánh trung thực đường lối phát triển kinh tế và xã hội của Đảng (do đó mà nó trở thành cương lĩnh thứ hai của Đảng), và phải thể hiện một cách tập trung tinh thần của Đảng là: tất cả vì sự giàu mạnh của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Nguyên tắc pháp lệnh đòi hỏi tất cả các ngành các cấp, cho đến các cơ sở sản xuất và kinh doanh đều phải thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch Nhà nước, bởi vì một khi đã được Nhà nước chuẩn y thì kế hoạch mang tính pháp lệnh, bắt buộc mọi người phải thực hiện.

Nguyên tắc tập trung dân chủ thể hiện cả trong việc kế hoạch hóa lẫn trong việc xây dựng và hoạt động của các cơ quan lập kế hoạch. Công tác kế hoạch hóa phải được tiến hành dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của một trung tâm, đồng thời nó phát huy cao độ tinh năng động, sáng tạo của các ngành, các địa phương và cơ sở cho đến toàn thể nhân dân lao động theo tinh thần của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, các cơ quan lập kế hoạch từ trên xuống dưới đều được xây dựng theo nguyên tắc tập trung dân chủ, và đều hoạt động theo một phương pháp luận thống nhất trong cả nước.

Nguyên tắc tính khoa học đòi hỏi công tác kế hoạch phải được tiến hành trên cơ sở vận dụng các quy luật kinh tế khách quan, và phải phù hợp với những yêu cầu và khả năng của đất nước trong từng thời kỳ.

Nguyên tắc lựa chọn các khâu cơ bản đòi hỏi kế hoạch phải làm nổi bật lên những ngành quan trọng nhất quyết định sự hoàn thành thắng lợi toàn bộ kế hoạch kinh tế quốc dân.

Nguyên tắc phối hợp kế hoạch hóa giữa ngành và lãnh thổ là một sự cần thiết khách quan, bởi vì bất cứ ngành kinh tế—kỹ thuật nào cũng đều được bố trí trên một lãnh thổ nhất định, và do đó nó có mối liên hệ nhất định với lãnh thổ đó. Phối hợp được việc kế hoạch hóa theo ngành và theo lãnh thổ thì sẽ bảo đảm được cho ngành đó phát triển, đồng thời cũng bảo đảm cho lãnh thổ đó phát huy được hết tiềm năng của mình.

So với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế kế hoạch hóa của chủ nghĩa xã hội có *tinh ưu việt rõ rệt*. Tinh ưu việt đó thể hiện ở chỗ: nền kinh tế kế hoạch hóa phát triển không ngừng với tốc độ cao trong khi nền kinh tế tư bản chủ nghĩa luôn luôn vấp phải những cuộc khủng hoảng có tính chất chu kỳ; nền kinh tế kế hoạch hóa bảo đảm sử dụng sức lao động và nguồn của cải của đất nước một cách đầy đủ và hợp lý nhất trong khi nền kinh tế tư bản chủ nghĩa không tránh khỏi dễ ra nạn thất nghiệp và gây nên những lãng phí rất lớn về sức người, sức của của xã hội; nền kinh tế kế hoạch hóa bảo đảm cho khoa học và kỹ thuật được phát triển một cách có kế hoạch, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế quốc dân trong khi dưới chủ nghĩa tư bản kỹ thuật phát triển không đều và hiện tượng mất cân đối trong sản xuất ngày càng tăng.

Lịch sử 10 kế hoạch 5 năm của Liên xô cho chúng ta thấy rõ Liên xô đã tiến những bước không lồ như thế nào trong việc phát triển có kế hoạch nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trải qua 10 kế hoạch 5 năm, Liên xô đã trở thành cường quốc hàng đầu trên thế giới với tiềm lực kinh tế và

quốc phòng hùng mạnh, với đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao. Sau khi hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm thứ 10 (1976 - 1980), ở Liên xô thu nhập quốc dân của 5 năm bằng thu nhập quốc dân của cả năm 1928. Lúc là năm trước kế hoạch 5 năm thứ nhất. Liên xô đã sản xuất 1/5 sản lượng công nghiệp cả thế giới, đứng đầu thế giới về sản xuất thép, dầu mỏ, quặng sắt và măng gan, than cốc, phân khoáng, xi măng, dầu máy chạy bằng hơi và điện, một số loại sản phẩm khác. Nếu trước đây, Liên xô lạc hậu từ 50 đến 100 năm so với các nước phát triển phương Tây, thì ngày nay, nhiều chỉ tiêu công nghiệp của Liên xô bằng cả chỉ tiêu của 3-4 nước tư bản phát triển cộng lại, và vượt Mỹ.

Các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng đều phát triển nền kinh tế của mình với tốc độ cao và các kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội đều được hoàn thành thắng lợi.

Những kinh nghiệm thành công về liên kết kinh tế giữa các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa đã chứng minh những khả năng to lớn về phát triển sản xuất và văn hóa do nền kinh tế xã hội chủ nghĩa kế hoạch hóa tạo ra.

Thực tiễn phát triển kinh tế có kế hoạch của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đã cung cấp cho ta nhiều kinh nghiệm quý, trong đó đáng kể nhất là những đổi mới trong công tác kế hoạch hóa theo hướng nâng cao tính khoa học của kế hoạch và đề cao vai trò của kế hoạch dài hạn; thực hiện triệt để hơn nữa nguyên tắc tập trung dân chủ trong kế hoạch hóa bằng cách kết hợp việc kế hoạch hóa từ trung ương với việc mở rộng hơn nữa tính chủ động sáng tạo của các địa phương và các cơ sở sản xuất; kết hợp các biện pháp hành chính với các công cụ kinh tế, áp dụng rộng rãi các đòn bẩy kinh tế

trong công tác kế hoạch, xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa kế hoạch và thị trường v.v.

Ở nước ta, quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch đã xuất hiện và phát huy tác dụng ngay từ khi miền Bắc tiến lên giải đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đã ra đời. Nhưng phạm vi hoạt động của quy luật này còn hẹp vì lúc đó thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa còn nhỏ.

Tuy vậy, Đảng và Nhà nước ta đã vận dụng khá thành công quy luật đó trong việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch kinh tế ở miền Bắc, trong đó có kế hoạch 5 năm thứ nhất (1961 - 1965). Sau khi cả nước đã thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã thực hiện kế hoạch 5 năm thứ hai (1976 - 1980) và hiện nay đang sôi nổi thực hiện kế hoạch 5 năm thứ ba (1981 - 1985). Việc thực hiện những kế hoạch nói trên đã đem lại kết quả to lớn là tăng cường và củng cố miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm cho miền Bắc phát huy được vai trò quyết định nhất của mình vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, đồng thời cải thiện một bước đời sống của nhân dân miền Bắc; thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước, đồng thời góp phần quan trọng vào việc đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bán quốc gia quyền Trung quốc và tay sai của chúng ở Cam-pu-chia.

Bên cạnh những thành tựu nói trên, chúng ta cũng mắc phải một số khuyết điểm trong công tác quản lý và kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân như: vừa nóng vội, đề ra những chỉ tiêu quá cao về sản xuất và xây dựng, như trong lúc đầu của thời kỳ kế hoạch 5 năm thứ ba; lại vừa bảo thủ trì trệ, không quyết tâm phát huy những thuận lợi và khả năng của đất nước.

Vừa tập trung quan liêu, hạn chế tính chủ động sáng tạo của các địa phương và cơ sở sản xuất, lại vừa lỏng lẻo trong công tác quản lý và kế hoạch hóa, để xảy ra những hiện tượng bất vị, cục bộ, địa phương chủ nghĩa v. v.

Để khắc phục những khuyết điểm trên, chúng ta cần thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng: «Tạo cho được một sự chuyển biến về kế hoạch hóa, theo hướng các cấp quản lý: trung ương, địa phương và cơ sở đều làm kế hoạch, xây dựng kế hoạch từ cơ sở, gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Rất coi trọng việc cải tiến và tăng cường việc điều hành thực hiện kế hoạch, kiên quyết tập trung lực lượng và phương tiện một

cách đồng bộ cho những nhiệm vụ và những khâu then chốt. Kết hợp chặt chẽ ba loại biện pháp: kinh tế, hành chính và giáo dục, coi trọng biện pháp kinh tế. Tiếp tục ban hành kịp thời một số chính sách đòn bẩy cấp bách nhằm khuyến khích sản xuất, tăng năng suất, bảo đảm thống nhất ba lợi ích. Chấn chỉnh bộ máy tổ chức quản lý, cải tiến chế độ làm việc, tăng cường công tác thông tin kinh tế. Đẩy mạnh phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa sôi nổi và bền bỉ».

Làm được như thế thì chắc chắn nền kinh tế kế hoạch hóa của nước ta sẽ có một bước phát triển mới, mạnh mẽ, phục vụ tốt cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng...

(Tiếp theo trang 12)

chỉ thị của Đảng, các quyết định của Nhà nước, có kế hoạch, các phương án, các chương trình mục tiêu có biện pháp đồng bộ.

— Cải tiến lề lối làm việc, thực hiện đúng các quy trình về chuẩn bị và ra quyết định; tăng cường kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nghị quyết, kịp thời sơ kết, tổng kết, khen thưởng và kỷ luật, nghiêm khuyến khích và phê bình các kinh nghiệm tốt, việc làm tốt và ngăn ngừa những khuyết điểm, lệch lạc.

— Động viên phong trào cách mạng của quần chúng, đẩy mạnh phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa sản xuất và tiết kiệm, tích cực bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, chống tiêu cực; tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể làm tốt nhiệm vụ động

viên, giáo dục, tổ chức quần chúng tham gia thiết thực vào công tác quản lý, nhất là ở cơ sở.

Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân ta, phát huy ý chí tự lực tự cường và tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động, huy ra sức phấn đấu thực hiện tốt nghị quyết của Hội nghị lần thứ sáu của Ban chấp hành trung ương Đảng, thi đua đẩy mạnh sản xuất và cải tiến công tác phân phối, lưu thông, thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1981, chuẩn bị tốt kế hoạch Nhà nước năm 1985, quyết tâm hoàn thành kế hoạch 5 năm 1981 — 1985, thực hiện các mục tiêu kinh tế — xã hội mà Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đề ra.

Trao đổi ý kiến

VỀ XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN*

XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN ĐỀ ĐUA NÔNG NGHIỆP NGHĨA BÌNH TỪNG BƯỚC LÊN SẢN XUẤT LỚN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

TÔ ĐÌNH CƠ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân
lĩnh Nghĩa bình

NGHĨA BÌNH là một tỉnh thuộc duyên hải miền Trung, có diện tích tự nhiên trên 1,1 triệu héc ta, với gần 2,2 triệu người trong đó có 60 vạn người lao động.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Nghĩa bình bị tàn phá hết sức nặng nề. Hai phần ba số xã bị triệt hạ. Nhiều thôn xóm bị hủy diệt hoàn toàn. Phần lớn các khu rừng bị địch rải chất độc hóa học làm rụng lá chết cây biến thành đồi núi trơ trụi. Trên 1/3 diện tích ruộng đất canh tác bị hoang hóa. 60 vạn dân bị Mỹ nguy đồn vào khu tập trung...

Sau ngày giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Nghĩa bình đã nhanh chóng ổn định tình hình, hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân, đồng thời xây dựng bộ máy chính quyền nhân

dân các cấp từ cơ sở đến huyện và tỉnh; thành lập các tổ chức kinh tế quốc doanh xã hội chủ nghĩa như: thương nghiệp, vật tư, vận tải, tài chính, ngân hàng và các trạm trại kỹ thuật nông - lâm nghiệp... Tích cực tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp từ giữa năm 1977 và hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp vào cuối năm 1979 với 420 hợp tác xã ở đồng bằng và 464 tập đoàn sản xuất ở miền núi. Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh, thành lập các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và các xí nghiệp công tư hợp doanh...

Sự ra đời của các tổ chức kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể (chủ yếu là các hợp tác xã nông nghiệp và hợp

* Xem Tạp chí Cộng sản từ số tháng 2-1984.

tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp) và sự tồn tại của kinh tế gia đình đặt ra cho Nghĩa bình một tất yếu khách quan là phải tổ chức lại sản xuất từ cơ sở và trên địa bàn huyện mới có thể tiến hành sản xuất theo hướng tập trung, chuyên môn hóa, hợp tác hóa và liên hiệp hóa sản xuất, trang bị kỹ thuật, xây dựng và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật, củng cố quan hệ sản xuất mới. Nếu huyện không gắn và liên kết với cơ sở, thì cả ở cơ sở và trên địa bàn huyện đều không thể khai thác tốt tiềm năng đất đai, lao động và ngành nghề để làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội và cải thiện đời sống nhân dân, không thể tiến hành sản xuất theo hướng chuyên canh, thâm canh, không thể trang bị và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật, không thể gắn nông nghiệp với công nghiệp, sản xuất với phân phối lưu thông. Nói cách khác, yêu cầu đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải thực hiện chủ trương xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện của trung ương đã đề ra, gắn huyện với cơ sở, lấy huyện làm địa bàn trọng yếu để thực hiện những nội dung đưa nông nghiệp Nghĩa bình một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.



Qua ba năm thực hiện chủ trương xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, đến nay Nghĩa bình đã hình thành được các loại huyện có dạng hình cơ cấu kinh tế tương đối hợp lý.

Cả tỉnh có một huyện có cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp. Đây là một huyện đất ít, người đông, bình quân ruộng đất đầu người chỉ có 560 mét vuông. Huyện này phấn đấu đến năm 1990 sẽ đạt sản lượng lương thực gấp 2 lần năm 1982 (hiện nay bình quân đầu người mới có 380 kg lương

thực). Giá trị sản lượng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp sẽ chiếm 40% tổng giá trị sản lượng nông, công nghiệp toàn huyện. Với mỗi héc ta canh tác sẽ bán cho Nhà nước từ 2,5 đến 3 tấn thóc. Giá trị hàng hóa xuất khẩu của toàn huyện sẽ lên 30 triệu đồng (theo giá cố định năm 1970). Thực tế, có năm (1983) huyện này đã đạt lượng thực bình quân đầu người 460 kg; với mỗi héc ta canh tác đã bán cho Nhà nước 2,5 tấn lương thực; giá trị sản lượng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp đã chiếm 46% tổng giá trị sản lượng nông, công nghiệp.

Ba huyện có cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp đều phấn đấu tăng nhanh sản phẩm hàng hóa cả về lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày; phát triển mạnh chăn nuôi bò để có nhiều hàng hóa thịt bò và da bò; phát triển mạnh trồng cây gây rừng và sản xuất các loại sản phẩm từ nghề trồng cây gây rừng đem lại.

Chín huyện có cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư - công nghiệp đều phấn đấu đến năm 1990 tăng sản lượng lương thực từ 30% đến 50% so với năm 1982; phát triển nhanh diện tích và sản lượng cây công nghiệp dài ngày (như dừa, đào lộn hột); khai thác hải sản xuất khẩu (có huyện phấn đấu xuất khẩu đạt trên 2 triệu rúp, đó là một năm); huy động lương thực từ 1,5 đến 2 tấn thóc một héc ta; giá trị sản lượng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp đạt từ 20% đến 29% giá trị sản lượng nông - lâm - ngư - công nghiệp toàn huyện.

Bảy huyện có cơ cấu kinh tế lâm - nông - công nghiệp đều phấn đấu giải quyết lương thực tại chỗ trong những năm đầu; phát triển nghề rừng theo hướng nông - lâm kết hợp, đẩy mạnh trồng cây công nghiệp dài ngày như cà phê, thông ba lá, hồ tiêu; phát triển mạnh bò đàn; khai thác lâm sản phụ làm được liệu và cung cấp

nguyên liệu cho việc phát triển thủ công nghiệp tùy theo tình hình cụ thể của từng huyện và bán ra ngoài huyện.

Hai thị xã trong tỉnh được xác định có cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp.

Từng loại huyện xây dựng cơ cấu kinh tế sát hợp với đặc điểm và thế mạnh của riêng mình, song đều gắn liền với kinh tế vùng của tỉnh. Vùng lúa gồm 114 hợp tác xã có diện tích gần 39 000 héc ta. Vùng lúa màu gồm 150 hợp tác xã có diện tích 47 000 héc ta. Vùng cây công nghiệp và lúa màu gồm 115 hợp tác xã và 5 nông trường quốc doanh có diện tích 30 000 héc ta. Vùng trồng cây gây rừng ở miền núi gồm 27 hợp tác xã, 363 tập đoàn sản xuất và 4 nông trường quốc doanh có diện tích 30 000 héc ta. Vùng ven biển trồng cối và lúa gồm 19 hợp tác xã có diện tích 8 300 héc ta. Hai phần ba số hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh đều có kinh doanh tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Nhiều hợp tác xã ở miền núi đã được giao đất, giao rừng để quản lý và sử dụng. Ngoài ra, trên địa bàn các huyện ven biển còn có các hợp tác xã và tổ hợp danh bất cá biên.

Chính nhờ từng huyện xây dựng được cơ cấu kinh tế hợp lý, từ đó xác định đúng đắn phương hướng sản xuất và vạch ra kế hoạch thực hiện hàng năm, đã làm cho tình hình phát triển kinh tế, nhất là sản xuất nông nghiệp của cả tỉnh có chuyển biến rõ rệt trong mấy năm qua. Nhờ đó, đến nay tỉnh chúng tôi đã tự trang trải được nhu cầu lương thực trên địa bàn địa phương và đã làm tốt nghĩa vụ bán lương thực cho Nhà nước (trước đây hằng năm tỉnh phải xin trung ương cung cấp 30 vạn tấn lương thực). Trên cơ sở những kế hoạch cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội của các huyện được xác định tương đối hợp lý, mở ra triển vọng

đến năm 1990 tỉnh Nghĩa Bình sẽ có 100 000 héc ta lúa thâm canh, 20 000 héc ta mía để sản xuất 10 vạn tấn đường các loại, có từ 2 đến 3 vạn héc ta đào lợn hội, 2 000 héc ta thuốc lá, 1 000 héc ta thầu dầu, 10 triệu cây dừa, 100 triệu cây quế, nuôi 30 vạn trâu bò, cây kéo, sản xuất từ 8 đến 10 vạn tấn muối...

Các huyện đã phát huy tinh thần tự lực, tự cường, đồng thời tranh thủ sự đầu tư trang bị của Nhà nước, dựa theo quy hoạch đã vạch ra, từng bước xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất từ cơ sở và trên địa bàn huyện. Các cơ sở phục vụ phân phối lưu thông cũng được xây dựng và ngày càng tăng cường. Hợp tác xã mua bán được tổ chức gắn với hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã tín dụng. Huyện tổ chức các cửa hàng thương nghiệp tổng hợp tại các cụm kinh tế - kỹ thuật - văn hóa trên địa bàn huyện. Các trạm vật tư nông nghiệp đều đã phân giao và phân cấp cho huyện trực tiếp quản lý, phục vụ sản xuất và tiến tới làm đại lý thu mua cung ứng vật tư nông nghiệp.

Các huyện bước đầu đã chủ động phân công và sử dụng lao động có kế hoạch, bố trí lao động theo ngành nghề, cân đối giữa các vùng trên lãnh thổ huyện. Ở nhiều huyện đã xuất hiện hình thức tổ chức lao động liên kết sản xuất giữa các hợp tác xã trong huyện để mở rộng chăn nuôi theo quy mô lớn; hoặc liên kết kinh tế giữa các huyện trong tỉnh và ngoài tỉnh để mở rộng sản xuất kinh doanh, phân công lao động, thực hiện liên kết kỹ thuật, tăng thu ngân sách cho huyện, tạo ra cân đối mới cho yêu cầu phát triển của sản xuất. Các huyện đều phấn đấu từ nay đến 1985 giảm tốc độ phát triển dân số xuống dưới 2% bằng vận động sinh đẻ có kế hoạch và đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới ở ngoài huyện và ngoài tỉnh.

Đi đôi với tổ chức lại sản xuất từ cơ sở và trên địa bàn huyện, các huyện đều tiến hành từng bước tổ chức lại đời sống văn hóa tương đối tốt. Nhiều huyện đã xây dựng các cụm văn hóa gắn liền với các cụm kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn huyện. Hệ thống trường học phổ thông, mẫu giáo, bệnh xá, bệnh viện, truyền thanh, nhà văn hóa, thư viện, văn nghệ chuyên nghiệp và nghiệp dư phát triển rộng khắp.

Quy hoạch tổng thể về kinh tế - xã hội của các huyện và quy hoạch của từng đơn vị sản xuất ở cơ sở đều gắn với quốc phòng. Đi đôi với xây dựng lực lượng vũ trang, các huyện đều tiến hành giáo dục, nâng cao cảnh giác cho nhân dân, nhất là ở các vùng xung yếu.

Trên cơ sở quy hoạch và cơ cấu phát triển kinh tế - xã hội của từng huyện, các huyện đều tiến hành đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt cho cơ sở bằng nhiều hình thức. Huyện tự tổ chức các lớp (có nhờ tỉnh giúp) bồi dưỡng cho cán bộ về kiến thức quản lý kinh tế nông nghiệp, quản lý kinh tế công nghiệp; hoặc gửi đi đào tạo ngắn ngày và dài ngày ở các trường chuyên nghiệp của Nhà nước.

Đi đôi với việc hình thành bộ máy giúp việc về quản lý hành chính và quản lý kinh tế cho Ủy ban nhân dân huyện điều hành toàn diện, mỗi huyện còn tổ chức các công ty kinh doanh từ cơ sở, tùy điều kiện từng nơi, cần đến đâu tổ chức đến đấy.

Đến nay, các huyện ở Nghĩa Bình bước đầu có sự tiến bộ rõ rệt về năng lực quản lý toàn diện. Tuy mức độ ở mỗi huyện có khác nhau, song nói chung huyện nào cũng bước đầu biết quản lý sản xuất, kinh doanh, biết nắm và điều hành lao động thống nhất trên địa bàn huyện theo kế hoạch những khi cần thiết, và biết nắm

pháp luật Nhà nước để quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.



Qua những kết quả bước đầu và những thiếu sót vướng mắc trong quá trình xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện vừa qua ở Nghĩa Bình, chúng tôi sơ bộ rút ra một số vấn đề mà chúng tôi thấy cần nắm chắc để tiếp tục xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở địa phương mình.

Một là, phải làm cho mọi ngành, mọi cấp và cán bộ quán triệt đường lối xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện của Đảng và Nhà nước; xác định rõ vị trí và vai trò cấp huyện, nắm vững nội dung cơ bản về chủ trương và biện pháp xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, để có sự chuyên biến đồng bộ và quyết tâm cao của các cấp, các ngành ở huyện và ở tỉnh; xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện không chỉ là trách nhiệm của cấp huyện mà còn là trách nhiệm của các ngành cấp tỉnh.

Hạt là, cơ cấu kinh tế của mỗi huyện nằm trong cơ cấu kinh tế chung của tỉnh và của cả nước. Do đó, quy hoạch huyện phải xuất phát từ quy hoạch và nhiệm vụ của tỉnh và của cả nước trên lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Trên cơ sở đó, gắn với điều kiện kinh tế và tự nhiên của mỗi huyện để xác định cơ cấu kinh tế và phương hướng sản xuất. Quy hoạch (bao gồm quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành, quy hoạch các đơn vị sản xuất cơ sở) được xây dựng chu đáo mới có cơ sở khoa học để vạch ra bước đi cụ thể qua kế hoạch thực hiện hàng năm.

Ba là, nắm nội dung cơ bản của công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện trong giai đoạn trước mắt là tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động, gắn nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu

và từ cơ sở, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật giữ vai trò then chốt để chuyển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, đi đôi với tổ chức lại sản xuất, cần áp dụng các chính sách đòn bẩy kinh tế, kích thích sản xuất phát triển, bảo đảm hài hòa ba lợi ích (Nhà nước, tập thể, và cá nhân người lao động). Phát huy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên là chính của cấp huyện và cơ sở, đồng thời thực hiện tốt phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », « nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ nếu xét cần thiết » để xây dựng cơ sở vật chất

kỹ thuật, xây dựng các công trình công cộng, khai thác tối liêm năng lao động, đất đai, tài nguyên sẵn có và ngành nghề của địa phương để phát triển mạnh nền kinh tế huyện.

Năm là, việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện đòi hỏi có đội ngũ cán bộ có năng lực và phẩm chất tốt, có nhiệt tình cách mạng, dám nghĩ, dám làm và chịu trách nhiệm trước Đảng và nhân dân. Vì vậy mỗi huyện đều phải có quy hoạch và kế hoạch sắp xếp cán bộ, gắn chặt đào tạo, bồi dưỡng trước mắt với lâu dài, tạo ra đội ngũ cán bộ phù hợp với cơ cấu kinh tế, nắm vững khoa học kỹ thuật và biết quản lý kinh tế.

ĐẢNG BỘ HUYỆN MỸ VĂN ĐI LÊN TỪ SỰ ĐOÀN KẾT NHẤT TRÍ

NGUYỄN QUANG

Bí thư Huyện ủy Mỹ Văn

HUYỆN Mỹ Văn chúng tôi hình thành do sự hợp nhất các huyện Văn Lâm, Yên Mỹ, Mỹ Hào và 2 xã của huyện Văn Giang cũ. Qua hai lần hợp nhất huyện (lần thứ nhất vào năm 1977, lần thứ hai vào đầu năm 1979), đến nay huyện Mỹ Văn có 38 xã với 22.069 héc ta đất tự nhiên, trong đó có 15.503 héc ta đất canh tác, và 21 vạn dân. Ruộng đất ở các vùng có độ cao thấp khác nhau lại phân bố không đều so với dân cư. Khi chưa hợp nhất,

mỗi huyện có những mặt mạnh, mặt yếu khác nhau, phong trào không đồng đều, song nhìn chung là có nhiều mặt yếu kém như: sản xuất chậm phát triển, năng suất lúa bình quân chưa đạt 5 tấn/héc ta, ruộng đất bỏ hoang lên tới hàng trăm héc ta, diện tích vụ đông mới đạt 29%, mức đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước còn thấp và nhiều năm không hoàn thành, 39% số dân bộ cơ sở trong huyện thuộc loại yếu kém.

Khi tiến hành hợp nhất, thành huyện mới, phân đồng cán bộ, đảng viên và nhân dân phần khối, tin tưởng vào chủ trương của Trung ương, hy vọng vào khả năng và sức mạnh mới, song không phải không có những băn khoăn, lo lắng, ngại quy mô huyện quá lớn không quản lý nổi, sợ phân tán sự lãnh đạo, chỉ đạo, sợ đi lại xa xôi, ngại công sức và tiềm năng đã có của huyện mình bị san sẻ. Một số có tâm tư lo ngại về sự sắp xếp, bố trí cán bộ. Và có người nảy sinh tư tưởng cục bộ, địa phương, "giữ miếng"...

Tin tưởng vào Trung ương và được sự lãnh đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy Hải Hưng, Huyện ủy Mỹ Văn chúng tôi sớm nhận ra những yêu cầu công tác của mình, quyết tâm bằng mọi cách nhanh chóng ổn định tình hình, phát huy đến mức cao nhất sức mạnh mới của huyện hợp nhất. Chúng tôi chủ trương phải sắp xếp một cách hợp lý các cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ lãnh đạo ở các ngành và cán bộ khoa học kỹ thuật, nhằm phát huy hết năng lực của đội ngũ này. Trên cơ sở đó phát động toàn Đảng, toàn dân trong huyện thi đua lao động sáng tạo, tận dụng và khai thác

với hiệu quả cao nhất tiềm năng và cơ sở vật chất đã có của địa phương để phục vụ tốt nhất cho phát triển sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Huyện Mỹ Văn sau mấy năm hợp nhất đã đạt được những kết quả đáng phần khởi. Trong sản xuất nông nghiệp, chúng tôi đã xóa được diện tích hoang hóa, thực hiện thâm canh 2 vụ lúa, mở rộng diện tích vụ đông đi đôi với phát triển chăn nuôi, đẩy mạnh sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và mở rộng sản xuất hàng xuất khẩu. Năng suất lúa tăng lên rõ rệt. Năm 1979 năng suất lúa bình quân đạt 49 tạ/héc ta; năm 1980: 53 tạ/héc ta, năm 1982: 76 tạ/héc ta và năm 1983: 74,82 tạ/héc ta. Trong huyện không còn một hợp tác xã nào đạt dưới 50 tạ/héc ta. Tổng sản lượng lương thực thực năm 1979 là 73000 tấn, năm 1982: 126 613 tấn; năm 1983: 112 678 tấn, bằng 102% kế hoạch. Diện tích vụ đông năm 1979 chiếm tỷ lệ 29%, năm 1982 lên 47,8%. Do mở rộng vụ đông cho nên việc chăn nuôi lợn cũng phát triển. Tỷ lệ tăng đầu lợn hàng năm là 7%. Làm nghĩa vụ lương thực và thực phẩm với Nhà nước mỗi năm một tăng:

Năm	Thóc	Thịt lợn hơi
1979	12100 tấn	1180 tấn
1981	16600 tấn	1263 tấn
1982	21500 tấn	1306 tấn
1983	27100 tấn	1311 tấn

Các mặt công tác khác của huyện đều được xếp loại khá của tỉnh, đặc biệt là phong trào xây dựng "vườn quả Pác Hồ" và phong trào vận động sinh đẻ có kế hoạch. Mấy năm liền Mỹ Văn giữ được mức tăng dân số là 1,5%.

Đảng bộ huyện được Ban bí thư Trung ương Đảng tặng cờ "Đảng bộ vững mạnh".

Thực tế của huyện chúng tôi cho phép khẳng định rằng, xây dựng và

củng cố sự đoàn kết nhất trí là một vấn đề rất quan trọng trong công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, là điều quyết định bảo đảm thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ ở địa phương. Đối với huyện Mỹ Văn chúng tôi, một huyện đã trải qua hai lần hợp nhất, bao gồm những xã của 4 huyện cũ với những hoàn cảnh, đặc điểm, phương thức và lễ lối công tác không giống nhau thì vấn đề xây dựng và củng cố sự đoàn kết nhất trí càng

được đặt ra một cách hết sức nghiêm túc. Có thể nói có những kết quả đạt được trong mấy năm qua là do huyện ủy đã xây dựng được khối đoàn kết nhất trí trong toàn huyện. Để giữ vững và tăng cường sự đoàn kết trong đảng bộ và nhân dân, một mặt chúng tôi thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân nêu cao tinh thần đoàn kết, hợp tác, thương yêu giúp đỡ nhau, nghiêm khắc phê phán và đấu tranh với những tư tưởng cục bộ, địa phương, hẹp hòi; mặt khác chúng tôi thống nhất trong huyện ủy thực hiện thật tốt những biện pháp sau đây:

1 - Lãnh đạo và chỉ đạo theo một kế hoạch thống nhất, thực hiện bằng được các nghị quyết của huyện ủy.

Ngay sau khi hợp nhất huyện, chúng tôi đã sớm thống nhất được với nhau cách đánh giá tình hình mọi mặt của huyện để từ đó xây dựng quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Trên cơ sở đó, từng thời gian huyện ủy đưa ra bản bạc và quyết định những chủ trương và biện pháp thực hiện. Rút kinh nghiệm việc chỉ đạo công tác ở từng huyện trước đây, huyện ủy chúng tôi chủ trương phải lãnh đạo và chỉ đạo các ngành, các xã thực hiện các nghị quyết của huyện ủy một cách nghiêm túc và chặt chẽ, bảo đảm thực hiện bằng được các chủ trương đã đề ra. Huyện ủy yêu cầu tất cả các cán bộ lãnh đạo, nhất là các đồng chí trong thường vụ huyện ủy phải chấp hành đúng quy định này. Mặt khác, trong chỉ đạo thực hiện, huyện ủy kiên quyết thực hiện bằng được những chủ trương đã vạch ra. Chẳng hạn như khi tổ chức thực hiện quy hoạch thủy lợi, xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn, huyện ủy đã phát động và tổ chức quần chúng làm bằng được. Huyện huy động phương tiện và lao động để giúp những xã có nhiều khó khăn. Đó cũng là biện pháp tích cực

giúp các xã thực hiện tốt nghị quyết của huyện ủy. Lực lượng lao động của cả huyện được huy động để tập trung xây dựng các công trình tưới nước, tiêu nước cho từng vùng, liên tiếp mở các chiến dịch nạo vét các lòng sông, tu bổ kênh mương dẫn nước, xây dựng cầu cống... Chỉ trong một thời gian ngắn, với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", huyện chúng tôi đã cải tạo và xây dựng mới được hệ thống tưới nước và tiêu nước trong huyện, giải quyết được nạn úng và hạn ở nhiều nơi, đồng thời xây dựng được các trục đường giao thông nối liền huyện lỵ với các xã và các xã với nhau. Chỉ trong mấy năm, huyện Mỹ văn đã đào đắp 1 triệu 500 nghìn mét khối đất thủy lợi, xây dựng 500 cầu cống, 8 trạm biến thế điện, 28 trạm bơm, mua sắm 700.000 tấn phương tiện vận tải đường thủy.

Một thí dụ khác. Trước đây ở một số xã, việc làm nghĩa vụ lương thực và thực phẩm đối với Nhà nước thường dây dưa, thậm chí có xã không đóng góp đủ. Xã làm kém không được phê phán nghiêm khắc, xã làm nhanh, làm đủ cũng không được gì hơn. Từ khi hợp nhất huyện, chúng tôi kiên quyết chấn chỉnh hiện tượng này, coi quy định về việc đóng góp theo nghĩa vụ là pháp lệnh. Huyện yêu cầu các xã làm đủ số lượng, đúng thời gian. Đối với những xã có khó khăn đột xuất, nếu vụ này đóng góp thiếu thì vụ sau phải nộp bù cho đủ. Xã nào đóng góp nhanh, vượt mức, huyện khen thưởng kịp thời và vụ sau được giảm bớt phần đã đóng dư. Do chỉ đạo kiên quyết và chặt chẽ như vậy, chỉ sau một vài năm xã nào cũng thực hiện tốt nghĩa vụ đóng góp lương thực và thực phẩm cho Nhà nước.

2 - Cấp ủy làm việc theo một quy chế thống nhất.

Xây dựng quy chế làm việc thống nhất và chấp hành nghiêm túc quy

chế, đó là điều kiện bảo đảm sự đoàn kết nhất trí, đó cũng là điều kiện để thực hiện tốt mọi quyết định của huyện ủy nhằm hoàn thành những nhiệm vụ do đảng bộ huyện đề ra. Ngay sau khi họp nhất huyện, chúng tôi đã đề ra những quy định cụ thể về lề lối làm việc, sinh hoạt của cấp ủy, của các ngành và các đoàn thể. Những quy định này, được các đồng chí trong cấp ủy, các cán bộ lãnh đạo các ngành và các đoàn thể tham gia bàn bạc và thống nhất ý kiến. Huyện ủy yêu cầu mọi cán bộ lãnh đạo, kể cả đồng chí bí thư huyện ủy, đều phải chấp hành nghiêm túc quy định này.

Về lề lối làm việc, quy chế định rõ những vấn đề nào phải được sự bàn bạc và quyết định của toàn thể Ban chấp hành huyện, những vấn đề nào phải xin ý kiến Ban thường vụ huyện ủy... Những vấn đề lớn như triển khai thực hiện nghị quyết của Trung ương, của tỉnh ủy; xây dựng và phát triển kinh tế của huyện; xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức quần chúng; tổ chức đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân trong huyện, bảo vệ an ninh chính trị; công tác cán bộ v.v. phải được toàn Ban chấp hành huyện bàn bạc và quyết định. Chúng tôi còn định rõ, khi quyết định những vấn đề thuộc về đầu tư, huy động vật tư, tiền vốn và lao động, huyện ủy phải bàn bạc kỹ và thống nhất cao vì đó là vấn đề động chạm trực tiếp đến quyền lợi của mỗi địa phương, dễ gây nên mất đoàn kết nội bộ.

Đối với Ủy ban nhân dân huyện, quy chế định rõ, những vấn đề lớn như kế hoạch hàng năm và những biện pháp chính nhằm thực hiện kế hoạch đó; mức đóng góp lương thực, thực phẩm theo nghĩa vụ; phương án chống bão lụt, hạn, úng; việc sử dụng ngân sách; phương thức phân phối vật tư, hàng hóa... nhất thiết phải xin ý kiến Ban chấp hành huyện ủy,

khi cần gấp cũng phải xin ý kiến thường vụ huyện ủy. Đối với những việc đã có chế độ, nguyên tắc của Nhà nước quy định hoặc đã có nền nếp thì Ủy ban nhân dân làm việc theo chức năng của mình.

Hàng tháng huyện ủy chúng tôi họp một lần, thường vụ huyện ủy họp 3 lần vào các ngày quy định, không kể những kỳ họp đột xuất. Để nâng cao chất lượng các quyết định của huyện ủy, các đồng chí thường trực và thường vụ huyện ủy phải chuẩn bị kỹ nội dung hội nghị, thông báo trước những vấn đề phải bàn, nếu là vấn đề quan trọng thì có tài liệu gửi trước để mọi người chuẩn bị ý kiến. Một nguyên tắc làm việc của chúng tôi là khi bàn bạc trong hội nghị có thể có ý kiến khác nhau nhưng sau khi một vấn đề đã được biện quyết và trở thành nghị quyết thì mọi cán bộ đều phải nói và làm theo đúng nghị quyết. Mọi nghị quyết của huyện ủy đều được truyền đạt đến đảng viên trong từng đảng bộ cơ sở. Các đảng bộ cơ sở thảo luận và bàn biện pháp thực hiện nghị quyết của huyện ủy.

Để bảo đảm cho các nghị quyết của huyện ủy được thực hiện tốt, chúng tôi còn định rõ chế độ kiểm tra việc chấp hành các nghị quyết. Nhờ vậy, chúng tôi đã kịp thời bổ khuyết những mặt chưa sát của chủ trương, biện pháp, và phê bình, uốn nắn những nơi chấp hành không nghiêm nghị quyết. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra theo Điều lệ Đảng, kiểm tra xử lý kỷ luật đối với đảng viên cũng được tiến hành nghiêm túc và có nền nếp. Chúng tôi thực hiện «toàn cấp ủy làm công tác kiểm tra», không khoán trắng cho Ủy ban kiểm tra.

Trong lề lối làm việc và sinh hoạt, chúng tôi còn coi việc xây dựng nền nếp tự phê bình và phê bình. Việc tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy được tiến hành theo định kỳ hoặc

sau mỗi đợt công tác. Nội dung tự phê bình và phê bình xoay quanh việc thực hiện nhiệm vụ công tác được giao. Chúng tôi cùng nhau xem xét công việc của từng người, rút kinh nghiệm, góp ý cho những đồng chí làm chưa tốt, biểu dương, học tập những đồng chí có nhiều thành tích. Chúng tôi rất coi trọng năng lực và nhiệt tình của từng đồng chí, đồng thời không coi nhẹ, không bỏ qua những thiếu sót về tư cách, đạo đức cũng như tác phong công tác, sinh hoạt. Duy trì tốt nề nếp tự phê bình và phê bình đã tác động tốt đến sự nỗ lực của mỗi cấp ủy viên trong việc phấn đấu hoàn thành công việc được giao. Sự đoàn kết nhất trí trong cấp ủy càng được bảo đảm.

3 - Đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sắp xếp cán bộ một cách hợp lý, bảo đảm đoàn kết nội bộ.

Là huyện hợp nhất, chúng tôi hiểu rằng vấn đề bố trí, sắp xếp một cách hợp lý đội ngũ cán bộ từ các huyện cũ hợp lại là một điều kiện bảo đảm đoàn kết. Lúc đầu, ban chấp hành huyện ủy do tỉnh ủy chỉ định. Ban chấp hành này căn cứ vào ý kiến các ban của tỉnh đề lựa chọn các trưởng và phó trưởng ngành. Thời gian này hầu hết các bí thư đảng ủy của các cơ quan quan trọng trong huyện đều có chân trong Ban chấp hành huyện đề huyện ủy có điều kiện giải quyết kịp thời những vướng mắc nảy sinh trong thời kỳ đầu chưa hiểu biết nhau. Về sau, trong việc bố trí, sắp xếp cán bộ, chúng tôi căn cứ vào tiêu chuẩn là chính, song việc giữ cho được sự hài hòa giữa các huyện cũ cũng rất quan trọng để bảo đảm đoàn kết. Chúng tôi chú ý đào tạo, bồi dưỡng để huyện cũ nào cũng có lực lượng cán bộ dồi dào, có đủ năng lực và phẩm chất, từ đó chúng tôi chủ động bố trí, sắp xếp, thay thế những cán bộ đến tuổi nghỉ hưu, những cán bộ không đủ năng lực

hoặc phạm sai lầm không thể tiếp tục làm việc. Chúng tôi cho rằng bảo đảm sự hài hòa trong việc sắp xếp cán bộ là cần thiết, nhưng như thế không có nghĩa là chia đều ghế. Điều quyết định là những cán bộ này phải có đủ tiêu chuẩn, đáp ứng được yêu cầu công tác, là những người tiêu biểu cho phong trào toàn huyện.

Chúng tôi còn quan niệm rằng, việc đào tạo, bồi dưỡng năng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ cũng là một điều kiện bảo đảm sự đoàn kết nhất trí. Đội ngũ cán bộ có trình độ văn hóa, lý luận, nghiệp vụ khá thì khi bàn bạc công việc dễ thống nhất quan điểm, thống nhất phương pháp. Chúng tôi quan tâm đến việc nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ huyện và cơ sở. Hiện nay Ban chấp hành huyện ủy có 35 đồng chí thì 31 người có trình độ lý luận trung, cao cấp, 15 người học qua đại học và trung học, số còn lại phần lớn có trình độ văn hóa cấp III. Số huyện ủy viên phụ trách các ngành kinh tế đều có trình độ đại học. Đại hội đảng bộ ở các cơ sở vừa qua đã bổ sung 140 cấp ủy viên mới, đưa tỷ lệ cán bộ trẻ lên 41%, số cán bộ có trình độ văn hóa cấp III tăng 27%, không còn một cấp ủy viên nào có trình độ văn hóa cấp I. Đề tăng cường cán bộ cho cơ sở, huyện ủy đã phân công 12 huyện ủy viên và 3 cán bộ có trình độ tương đương về làm bí thư đảng ủy và chủ nhiệm hợp tác xã.

4 - Sự đoàn kết nhất trí của huyện ủy là nhân tố đoàn kết đáng kể toàn huyện.

Đề động viên được sức lực và trí tuệ của mọi người vào việc xây dựng Mỹ văn thành huyện giàu mạnh, thường vụ huyện ủy chúng tôi quyết tâm xây dựng khối đoàn kết nhất trí từ cấp ủy huyện, lấy đó làm hạt nhân xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong toàn huyện. Chúng tôi coi sự gương mẫu của các ủy viên huyện ủy, nhất là của

các đồng chí trong thường vụ huyện ủy là không thể thiếu được. Chúng tôi cố gắng để không có tình trạng « trống đánh xuôi, kèn thổi ngược »; ngược lại, toàn thể ban chấp hành huyện là một tập thể hiệp đồng chặt chẽ với nhau trong hành động. Hoạt động của ba đồng chí thường trực huyện ủy là một. Hoạt động của 11 đồng chí thường vụ huyện ủy là một. Và hoạt động của cả cấp ủy huyện cũng là một. Muốn vậy, mỗi người phải thực hiện nghiêm túc quy chế sinh hoạt và làm việc của huyện ủy, mỗi cấp ủy viên đều dân chủ bản bạc mọi công việc của huyện. Chúng tôi thực hiện dân chủ bản bạc nhưng không dựa dẫm vào nhau, không dung nạp thái độ vô trách nhiệm. Chúng tôi thực hiện dân chủ khi bản bạc nhưng hoạt động chỉ đạo của huyện ủy lại bảo đảm tập trung. Tập trung cao nhưng không độc đoán, chuyên quyền do có sự giám sát thường xuyên của tập thể. Trong thực tế cũng có những việc trên một mức độ nhất định chưa thống nhất ý kiến được chúng tôi cứ triển khai công

việc và qua thực tế, chúng tôi lại bản bạc với nhau và đi đến nhất trí với nhau. Ngay trong việc góp ý kiến phê bình nhau cũng có những trường hợp chúng tôi phải chờ đợi nhau, dành thời gian cho đồng chí mình suy nghĩ, hành động rồi qua đó cùng nhau rút kinh nghiệm. Làm việc theo tinh thần đó, càng ngày chúng tôi càng hiểu nhau, đoàn kết với nhau hơn.

Sự đoàn kết nhất trí đó đã tạo ra sức mạnh giúp chúng tôi vượt qua được nhiều khó khăn, thử thách, đưa huyện vững bước tiến lên. Có thể nói mấy năm qua phong trào về mọi mặt của huyện Mỹ văn phát triển khá đồng đều, vững chắc. Thực hiện nghị quyết của Đảng về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, cùng với việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chúng tôi cố gắng đẩy mạnh phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nhất là đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu, cố gắng cân đối chăn nuôi và trồng trọt, để xây dựng huyện Mỹ văn thành huyện nông - công nghiệp giàu mạnh, giữ vững danh hiệu « đảng bộ huyện vững mạnh ».

VĨNH LONG COI TRỌNG CÔNG TÁC BỒ TÚC VĂN HÓA

VŨ QUỐC CHÂU

Từ sau ngày giải phóng đến nay, trong giai đoạn mới của cách mạng, thị xã Vĩnh Long (tỉnh Cửu Long) đã có những tiến bộ đáng kể.

Nền giáo dục xã hội chủ nghĩa đã hình thành và đang trên đà phát triển. Một thành tựu rất có ý nghĩa trên lĩnh vực văn hóa giáo dục của

Vĩnh long là sau khi xóa xong nạn không biết chữ (năm 1977), đã hoàn thành cơ bản phổ cập cấp I bổ túc văn hóa cho nhân dân thị xã vào cuối năm 1983.



Thị xã Vĩnh long gồm bảy phường và hai xã, có số dân gần 10 vạn người.

Dưới chế độ cũ, phần lớn nhân dân lao động ở Vĩnh long sống nghèo khổ và bị giam hãm trong vòng dốt nát. Sau khi quyền làm chủ đất nước thật sự trở về tay nhân dân, mọi người phấn khởi, hăng hái xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng cuộc sống mới.

Trong điều kiện khó khăn về cơ sở vật chất và những trở ngại do đời sống kinh tế còn thiếu thốn gây ra, Đảng bộ và chính quyền thị xã Vĩnh long đã coi trọng ngay từ đầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục cách mạng. Vì nếu được học hành, trình độ văn hóa được nâng cao, thì nhân dân, lao động có thể phát huy được năng lực làm chủ tập thể trong sản xuất và trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đóng góp nhiều công sức vào sự nghiệp xây dựng quê hương, đất nước.

Trước tiên, với chủ trương « mọi người thoát dốt », thị xã Vĩnh long đã tổ chức ngay các lớp xóa nạn không biết chữ. Phong trào học tập được phát động sôi nổi, rộng khắp, lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia, người biết chữ tận tình dạy người chưa biết chữ. Kết quả là thị xã Vĩnh long được công nhận là đơn vị xóa nạn không biết chữ trước thời gian quy định, năm 1977 được cờ thưởng của Bộ giáo dục và Huân chương Lao động hạng ba của Chính phủ tặng.

Tiếp tục củng cố, phát huy thành tích giáo dục vừa đạt được, Vĩnh long

lại bước vào « chiến dịch 55 ngày đêm phổ cập lớp hai » với quyết tâm mới, và cũng đã thực hiện thắng lợi đúng vào dịp kỷ niệm ngày sinh của Bác Hồ kính yêu 19-5-1977

Đảng bộ và chính quyền thị xã Vĩnh long nhận rõ — như tinh thần Nghị quyết Đại hội thứ IV của Đảng đã nêu — phải « tăng cường công tác bổ túc văn hóa cho những người lao động lớn tuổi, nhất là những cán bộ và thanh niên ở miền Nam đã trải qua đấu tranh cách mạng », và đã coi đó là « một biện pháp rất quan trọng để xây dựng đội ngũ cốt cán cách mạng ».

Nghiên cứu và chấp hành nghiêm chỉnh các chỉ thị của trung ương và của tỉnh về công tác đào tạo và quy hoạch cán bộ, về công tác bổ túc văn hóa cho cán bộ chủ chốt, đảng viên, đoàn viên và thanh niên ưu tú..., đảng bộ và chính quyền Vĩnh long quyết định phát động « chiến dịch phổ cập cấp I bổ túc văn hóa » trong nhân dân thị xã và được đông đảo quần chúng nhiệt liệt hưởng ứng.

Ban giáo dục thị xã Vĩnh long đã tiến hành điều tra cơ bản về trình độ văn hóa của nhân dân, vạch kế hoạch tổ chức các lớp học và bố trí giáo viên cho ba loại đối tượng học viên theo hướng dẫn của Bộ giáo dục. Diện phổ cập văn hóa cụ thể như sau:

1 — Cán bộ, đảng viên, đoàn viên phổ cập lớp 5, mức hoàn chỉnh đạt 100%; và một bộ phận học lên cấp II.

2 — Thanh niên và nhân dân lao động từ 15 đến 30 tuổi, phổ cập lớp 5, mức hoàn chỉnh đạt 90 phần trăm trở lên.

3 — Nhân dân lao động từ 30 đến 40 tuổi phổ cập lớp 5, đạt 80 phần trăm trở lên.

Một ban chỉ đạo công tác bổ túc văn hóa được thành lập bao gồm các đại diện đảng bộ, chính quyền, đoàn

thề và ngành giáo dục, do đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã làm trưởng ban, và có hệ thống tổ chức đến các phường, xã. Đồng thời, các hội bảo trợ bổ túc văn hóa cũng được lập ra ở cơ sở để vận động, giúp đỡ mọi người đi học. Nhân dân hăng hái, tự nguyện quyền góp cho các lớp học vở, bút, mực, phấn viết, bảng đen, dầu v.v... Nhiều hội viên bảo trợ mặc dù tuổi cao, sức yếu, vẫn thường xuyên làm công việc vận động, nhắc nhở người đi học, sẵn sàng trông coi giúp nhà cửa hoặc cho mượn nhà để mở lớp.

Cán bộ phường, xã đã nêu cao nhiệt tình trong việc vận động nhân dân, vận động gia đình mình tham gia phong trào học tập bổ túc văn hóa, và bản thân cũng gương mẫu đến lớp đều đặn. Hầu hết các bí thư chi bộ, chủ tịch xã đều là những học viên bổ túc văn hóa chuyên cần. Nhiều người học tập tiến bộ rõ rệt, thể hiện trong việc lãnh đạo thực hiện ngày càng tốt các mặt công tác ở địa phương. Có đồng chí nhờ được bồi dưỡng, nâng cao trình độ văn hóa cho nên đã có thể tiếp thụ nội dung chương trình học tập lý luận ở trường Đảng dành cho cán bộ trung, cao cấp. Một số chiến sĩ, nhân viên học tập bổ túc văn hóa tốt đã được sớm kết nạp vào Đảng và trở thành cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Rõ ràng, công tác bổ túc văn hóa đã góp phần quan trọng cho việc đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ của thị xã Vĩnh long.

Phong trào bổ túc văn hóa của Vĩnh long được đẩy mạnh còn là do đội ngũ giáo viên chuyên trách và nửa chuyên trách đã khắc phục mọi khó khăn để tiến hành tốt công tác giảng dạy. Mặc dù trình độ tổ chức, năng lực nghiệp vụ còn hạn chế, phương tiện dạy và học thiếu thốn, các thầy giáo, cô giáo luôn luôn nêu cao tinh thần tận tụy, hết lòng vì học viên. Khá đông giáo viên đã thực hiện « một hội đồng, hai nhiệm vụ »,

ban ngày dạy ở trường phổ thông, buổi tối có mặt ở 74 điểm học bổ túc văn hóa của thị xã. Do đó, các lớp học bổ túc văn hóa ban đêm bao giờ cũng có đông người học và đạt kết quả tốt đẹp.

Từ đầu năm 1980 trở đi, lần lượt các phường của thị xã Vĩnh long hoàn thành về cơ bản việc phổ cập bổ túc văn hóa cấp I như chương trình đã vạch. Riêng hai xã ở vùng nông thôn còn gặp nhiều khó khăn: địa bàn rộng, cơ sở vật chất thiếu thốn, số người trong diện bổ túc văn hóa đông gấp ba lần so với các phường. Vì vậy, thị xã đã mở hội nghị sơ kết, rút kinh nghiệm, tập trung chỉ đạo đẩy phong trào bổ túc văn hóa của hai xã tiến lên.

Cùng với các lớp bổ túc văn hóa ở phường, xã, các ban, ngành của thị xã Vĩnh long cũng mở các lớp học và tổ chức nhiều kỳ thi, đạt được tiêu chuẩn phổ cập lớp 5 cho toàn cơ quan, đơn vị.

Sau 4 năm phấn đấu, thị xã Vĩnh long đã hoàn thành kế hoạch phổ cập bổ túc văn hóa cấp I cho 5023 người, trong số này có 157 người là cán bộ, đảng viên, đoàn viên (đạt 100 phần trăm); 3 424 người là thanh niên và nhân dân lao động từ 15 đến 30 tuổi (đạt 97 phần trăm); 1442 người là nhân dân lao động từ 30 đến 40 tuổi (đạt 97 phần trăm). Như vậy, tính chung thị xã Vĩnh long hiện nay đã có trên 30 000 người đạt trình độ lớp 5 bổ túc văn hóa. Điều có ý nghĩa nhất là đông đảo nhân dân lao động có được quyền lợi và nghĩa vụ học tập, có trình độ văn hóa nhất định để có thể đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng con người mới, nền văn hóa mới và cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa ở địa phương



Thành tựu bước đầu đáng phấn khởi về văn hóa giáo dục của thị xã Vĩnh long cho thấy:

(Xem tiếp trang 63)

HAI MƯƠI LĂM NĂM PHIM TRUYỆN VIỆT NAM

NGUYỄN THỤ

Kể từ ngày bộ phim truyện đầu tiên *Chung một dòng sông* ra đời đến nay, ngành phim truyện Việt nam đã trải qua chặng đường dài một phần tư thế kỷ.

Quãng thời gian đó thật là ngắn ngủi nếu so với lịch sử lâu đời của các ngành nghệ thuật khác của dân tộc hoặc so ngay với lịch sử ngót 100 năm của điện ảnh thế giới. Nhưng quãng thời gian ngắn ngủi đó lại là một giai đoạn vẻ vang của phim truyện Việt nam.

Phim truyện Việt nam, ngay từ những bộ phim đầu như *Chung một dòng sông*, *Con chim vành khuyên*, *Chị Tư Hậu*, *Nỗi gió*, *Kim Đồng*, *Người chiến sĩ trẻ*, v.v. không những đã giành được nhiều giải thưởng cao ở các liên hoan phim quốc tế mà còn khẳng định một bước tiến, một thành tựu và phong cách riêng của nền điện ảnh non trẻ Việt nam.

Trong suốt 25 năm qua, với gần 200 bộ phim lớn nhỏ, dài ngắn khác nhau, phim truyện Việt nam đã đề cập tới mọi khía cạnh của cuộc sống với những đề tài hết sức phong phú, đa dạng, làm nổi bật lên chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lòng nhân ái, tinh thần hy sinh gian khổ và ý chí sắt đá của toàn dân ta trong cuộc chiến tranh giải phóng Tổ quốc cũng

như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Chủ đề sâu sắc làm nên nội dung cơ bản của các bộ phim truyện Việt nam là *chủ nghĩa anh hùng cách mạng* bắt nguồn từ truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta trong suốt bốn nghìn năm lịch sử mà đỉnh cao của nó là hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng và truyền thống đấu tranh bất khuất đó, ta có thể bắt gặp ở nhiều nhân vật trong nhiều bộ phim viết về đề tài chiến tranh giải phóng dân tộc, từ bé Nga trong *Chim vành khuyên*, Văn trong phim *Nỗi gió*, Nguyễn Văn Trỗi trong phim *Nguyễn Văn Trỗi*, Núi trong phim *Đường về quê mẹ*, Nguyễn Thành Trung trong phim *Đứa con bị từ chối*, đèn chày Sĩ trong phim *Hòn đất*, Tâm Quyên trong phim *Mùa gió chướng*, Ba Đô trong phim *Cánh đồng hoang* v.v. Và khi cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung quốc xảy ra ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc thì chúng ta lại tiếp tục làm những bộ phim truyện về cuộc chiến tranh này như *Dắt mẹ*, *Thị xã trong tầm tay*, v.v.

Chủ nghĩa anh hùng trong phim truyện Việt nam là chủ nghĩa anh hùng đã được thử thách trong chiều dài của lịch sử và qua thực tế khắc nghiệt của chiến tranh chính nghĩa vì độc lập và tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Đó là chủ nghĩa anh hùng của những con người sống, có thực, sáng chói trong hiện thực cách mạng vĩ đại Việt nam, đối lập hoàn toàn với những hình tượng nhân vật anh hùng giả tạo, được dựng nên bởi thuyết duy ý chí và sùng bái cá nhân một cách mù quáng như chúng ta đã từng thấy trước đây trong phim ảnh của một vài nước.

Trung thành với phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa, phim truyện Việt nam đã cố gắng phản ánh ngày càng trung thực cuộc sống của nhân dân ta, dung dị tươi sáng, nhưng đầy chất trữ tình, lãng mạn và anh hùng ca.

Theo khuynh hướng và phong cách này, những bộ phim gần đây đã phát triển thêm một bước, nhuần nhị hơn, mà biểu hiện rõ nhất là trong phim *Cánh đồng hoang*, *Pho tượng*, v.v.

Hai mươi lăm năm xây dựng và phát triển của nền điện ảnh phim truyện Việt nam là hai mươi lăm năm phấn đấu cho một nền điện ảnh nhân đạo. Vì vậy chủ đề nhân đạo cũng là chủ đề rất nổi trong phim truyện Việt nam. Đây vừa là vấn đề có tính nguyên tắc lại vừa là nét đặc trưng cơ bản của nền điện ảnh mang tính đảng cộng sản chủ nghĩa. Nền điện ảnh tư sản đầu độc, hủy diệt tâm hồn, tính cách của con người. Tội ác và dục tính là hai bộ phận tạo thành tác phẩm điện ảnh tư sản. Không có tội ác và dục tính không thể dựng nên cốt truyện phim ảnh tư sản. Nhiều chuyên gia điện ảnh tư sản, nhiều « minh tinh màn bạc » và công chúng điện ảnh tư sản bán khoán, lo lắng cho con cái mình bị hư hỏng trong thời đại mà cuộc sống cũng như trên màn

ảnh tràn ngập những chất kích thích độc hại: ma túy, súng lục, bộ chét và dao găm. Ngược lại, trong gần 200 bộ phim truyện Việt nam sản xuất trong 25 năm qua, chủ nghĩa nhân đạo thấm sâu trong từng nhân vật, hành động và lời nói. Cũng như chủ nghĩa anh hùng, chủ nghĩa nhân đạo là truyền thống, bản sắc, đạo lý và lẽ sống của con người Việt nam. Không phải ngẫu nhiên mà trong Viện lưu trữ phim quốc gia của nước Cộng hòa Pháp lại có bộ phim truyện Việt nam *Chom và Sa* mặc dầu ta chưa có quan hệ mua bán, trao đổi phim với nước Pháp. Người phụ trách Viện này nói rằng ông ta mua bộ phim *Chom và Sa* ở một trung tâm trao đổi phim quốc tế, ông rất thích bộ phim này vì nó chứa đựng chủ nghĩa nhân đạo rất cao.

Không chỉ phim *Chom và Sa*, nhiều bộ phim truyện Việt nam khác, từ *Bình minh xôn xao*, *Đứa con người hàng xóm*, *Những đứa con*, *Em bé Hà nội*, *Cô giáo Hạnh...* cho đến những phim gần đây sau ngày giải phóng miền Nam như *Cho cả ngày mai*, *Con mèo Nhung*, *Tội lỗi cuối cùng...* đều có chủ đề trung tâm là chủ nghĩa nhân đạo.

Về chủ đề cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phim truyện cũng đã có những đóng góp đáng kể. Các tác giả kịch bản phim, các đạo diễn đã bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong từng giai đoạn cụ thể mà xây dựng những bộ phim phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị trước mắt cũng như lâu dài. Phản ánh phong trào xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có phim *Vườn cam*; làm thủy lợi có phim *Làng mới*; sáng kiến cải tiến kỹ thuật, mở mang xây dựng những công trường có phim *Khởi trang*, *Cô gái công trường*; tổ chức lại sản xuất, cải tạo đồng ruộng đi vào làm ăn lớn có *Quê nhà*, *Vợ chồng anh Lực* và bây giờ trong phong trào khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động lại có *Cuộc chia tay*

mùa hạ. Các tác giả đã mang vào những bộ phim này hơi thở của cuộc sống, không khí hồ hởi, tươi vui của những ngày đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội và vạch ra con đường tất yếu của cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ tư hữu, xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất; xóa bỏ chế độ phong kiến, tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu chiến lược mà điện ảnh phim truyện phải hướng mọi cố gắng vào đây là góp phần hình thành rõ nét tinh cách con người mới xã hội chủ nghĩa Việt nam, dựng được hình mẫu, xác định được tiêu chuẩn con người mới, xây dựng được những nhân vật và tác phẩm xứng đáng với đất nước và thời đại. Xét từ ý nghĩa đó thì ở loại chủ đề này, phim truyện Việt nam chưa có mấy thành công. Sơ lược, công thức, đơn giản một chiều, dập khuôn, sáo mòn... đây là khuyết điểm thường thấy ở nhiều bộ phim. Cho đến hiện nay vẫn còn những bộ phim với những nhân vật và sự việc đơn điệu, nhạt nhẽo. Tuy nhiên, về chủ đề này cũng đã có những bộ phim đạt chất lượng tốt như *Vợ chồng anh Lực*, *Những người đã gặp*, *Cách sống của tôi* và một số phim khác nữa. Ở những bộ phim này, các tác giả không những đã đi sâu vào cuộc sống hiện thực, cố gắng khắc họa nhân vật và tính cách, tạo nên tính chân thực có sức thuyết phục, mà còn có cách nhìn mới, cách suy nghĩ mới đối với con người và cuộc sống. Khuynh hướng này trong những năm gần đây được bộc lộ rõ nét và mạnh mẽ hơn qua những bộ phim *Ai giận ai thương*, *Hy vọng cuối cùng*, *Cuộc chia tay mùa hạ*, *Biển sáng*, *Xa và gần*. Đó là một sự đổi mới trong cách nhìn nhận hiện thực, trong cấu trúc cốt truyện, trong xây dựng nhân vật và giải quyết mâu thuẫn, xóa bỏ những lối sáo mòn cũ, đi sâu vào sự khám phá sáng tạo, không biến người xem thành một lớp khán giả thụ động mà để

người xem cùng với tác giả băn khoăn, suy ngẫm, chọn lựa, tạo nên sự bất ngờ, sự chấn trổ để tìm ra cái đúng, cái hay.

Nếu như ở thời kỳ đầu, những bộ phim về chủ đề chiến tranh thường dung dị, giàu chất trữ tình, chất thơ với sự ngắn gọn, súc tích; trong giai đoạn chống Mỹ, cứu nước xuất hiện những bộ phim lớn cả về độ dài và sự kiện, cả về quy mô của những trận đánh và khối lượng của bom đạn, thì hiện nay những bộ phim về chiến tranh đã đổi mới rất nhiều. Trước đây sự kiện thường che lấp con người, còn bây giờ con người đã nổi bật lên trên các sự kiện. Bây giờ, chiến tranh là cái nền, là bối cảnh để từ đó nhân vật hoạt động, đề từ đó nổi lên tâm hồn, tính cách và ý chí của con người Việt nam. Những bộ phim *Cánh đồng hoang*, *Thị xã trong tầm tay*, *Pho tượng*, thuộc loại đó. Phim *Cánh đồng hoang* đã khái quát một cách sâu sắc ý chí, sức mạnh bất diệt và chủ nghĩa nhân đạo của con người Việt nam. Trong *Pho tượng*, *Thị xã trong tầm tay*, các tác giả đã đưa vào phim chất trí tuệ, chất suy tư, nghịch lý của chiến tranh chi phối con người và số phận, cả phong cách và phương pháp, thủ pháp nghệ thuật mới. Khác với những phim đánh quân xâm lược Trung quốc trước đó, phim *Thị xã trong tầm tay* chẳng có những đội quân, cũng chẳng có những trận đánh mà người xem vẫn thấy được sự thật của chủ nghĩa Mao và sự nguy hại cũng nguồn gốc sâu xa của nó.

Một vấn đề đặt ra cho phim truyện Việt nam trong những năm gần đây là *phát triển, phát giải đáp những câu hỏi của cuộc sống*. Đứng trước những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, các nghệ sĩ phim truyện phải có thái độ như thế nào và phải làm gì? Về mặt này, phim truyện Việt nam cũng đã thu được những thành tựu đáng kể. Bộ phim *Vườn cam*. Sau

con bão. *Chuyển xe bão táp* và hàng loạt phim khác đã tiến công không khoan nhượng vào những hiện tượng tiêu cực, những con người tha hóa. Chính vì nhằm bảo vệ Đảng, củng cố niềm tin trong nhân dân vào sự tất thắng của lẽ phải, của lý tưởng xã hội chủ nghĩa mà các bộ phim ấy, với cái nhìn sâu sắc, với thái độ nhiệt tình và quan điểm đúng đắn, đã đưa ra ánh sáng những gì đang làm tổn hại đến những nguyên lý đạo đức và lẽ sống của xã hội mới chúng ta. Một loạt phim truyện mang chủ đề phê phán như vậy đã ra đời, góp tiếng nói mạnh mẽ vào cuộc đấu tranh xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực để ủng hộ cái mới chân chính, được đông đảo người xem đồng tình ủng hộ.

Những bộ phim mang chủ đề phê phán của chúng ta càng ngày càng sâu sắc hơn, có sức thuyết phục hơn, góp phần giải đáp được nhiều câu hỏi đang đặt ra trong cuộc sống. *Dứa, con người hàng xóm*, *Cuộc chia tay mùa hạ*, *Họ vọng cuối cùng* đã không hề che giấu, không hề né tránh hiện thực khác nghiệt. Nó cũng không hề lý tưởng hóa hiện thực, vạch ra những con đường thẳng tắp hay bảo trước cho người xem một kết cục tốt đẹp. Các tác giả nhìn nhận hiện thực trong dạng phức tạp vốn có của nó, phân tích, lý giải nó một cách cặn kẽ, cung cấp cho người xem đầy đủ sự kiện và chứng cứ; phần còn lại dành cho người xem là bắt họ suy nghĩ, tự hỏi mình phải làm gì cho chân lý, cho lẽ phải chiến thắng.

Một vấn đề đáng chú ý nữa trong nghệ thuật phim truyện Việt nam là *sự kết hợp hài hòa tính dân tộc với tính hiện đại, truyền thống với cách tân*, làm nên tính dân tộc — hiện đại của điện ảnh Việt nam. Đây là vấn đề rất quan trọng. Nếu chỉ chú ý đến tính dân tộc và truyền thống mà không chú ý đến tính hiện đại và cách tân thì sẽ không đáp ứng được những nhu cầu của khán giả hiện đại ở trong

nước và trên thế giới. Ngược lại, nếu chỉ chú ý đến tính hiện đại và cách tân mà không chú ý đến tính dân tộc và truyền thống thì sẽ làm mất bản sắc và những nét độc đáo của dân tộc.

Nhiều nghệ sĩ điện ảnh phim truyện đã chú ý đến vấn đề này và càng ngày càng thể hiện một cách sâu sắc, có chọn lọc và tìm tòi sáng tạo trong tác phẩm của mình. Sự thành công của các bộ phim: *Cánh đồng hoang*, *Thị xã trong tâm tay*, *Về nơi gió cát*, là một ví dụ. Cả ba bộ phim trên đều giành được giải thưởng cao vì đã kết hợp hài hòa những yếu tố cách tân với những nét riêng độc đáo của con người, thiên nhiên đất nước Việt nam.

Trong một số phim trên thế giới có nhiều cảnh nói đến những em bé, nhưng em bé trong phim *Cánh đồng hoang* không giống bất cứ một đứa trẻ nào trong số đó. Kể cả cuộc sống chiến đấu của vợ chồng người giao liên và thiên nhiên, sông nước trong phim *Cánh đồng hoang* cũng mang màu sắc riêng, một màu sắc hết sức độc đáo của vùng đất cực nam Tổ quốc ta. Phim *Về nơi gió cát*, ngoài việc miêu tả tâm hồn, tính cách và những vấn đề thời sự của Việt nam, còn là một bài thơ, một bức tranh về một làng quê Việt nam tuyệt đẹp không giống một làng quê nào của bất cứ nước nào trên thế giới. Còn *Thị xã trong tâm tay* lại khác, nó có sự đổi mới trong cấu trúc kịch bản, trong phương pháp thể hiện, không giống những phim truyền thống. *Thị xã trong tâm tay* không có chuyện, không có tuyến màu thuẫn và xung đột theo kiểu truyền thống, cũng chẳng có những trận đánh và bom đạn, ở đây thật và giả, hiện đại và quá khứ liên kết với nhau, đan chéo vào nhau. Tính dân tộc ở đây được thể hiện trong tình cảm và suy nghĩ của người Việt nam, trong hoàn cảnh cụ thể của đất nước Việt nam. Từ sự

tích về một nàng Tô thị, một động Tam thanh, từ nội câu ca dao và những mối tình bị lãng quên, bị phụ bạc ngày xưa, tác giả đã làm sống lại những vấn đề của con người Việt nam hiện đại, và tác giả cũng không nhằm gây xúc động, thương sót mà là nhằm hướng tới sự suy nghĩ trong người xem. Bởi vậy mà tác giả đã đề cho nhân vật hồi tưởng, nhớ lại, trần trố, suy tư, dần dần bộc lộ tính cách, tâm trạng và những vấn đề mà tác giả muốn nói. Thủ pháp nghệ thuật này đối với thể giới không phải là

mới, nhưng nó đã được áp dụng một cách có suy nghĩ, tính toán cho một chủ đề và câu chuyện của Việt nam.

Phát huy truyền thống tốt đẹp và những thành tựu đã đạt được trong 25 năm qua, ngành phim truyện Việt nam đang tiếp tục phấn đấu làm những bộ phim tốt hơn nữa, hay hơn nữa, vừa có tác dụng giáo dục lớn lại vừa có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với người xem. Đó là con đường tất yếu mà nghệ thuật phim truyện phải đi tới và đang đi tới.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN...

(Tiếp theo trang 58)

Các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền và đoàn thể ở Vĩnh long đã quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của trung ương và địa phương về nhiệm vụ công tác giáo dục, nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của công tác bồi túc văn hóa trong giai đoạn mới của cách mạng. Trên cơ sở đó, đã quyết tâm tập trung công sức, có kế hoạch chỉ đạo, biện pháp tổ chức cụ thể, quản lý chặt chẽ để tiến hành xây dựng và phát triển phong trào học tập văn hóa cho nhân dân.

— Điều kiện cơ bản để thực hiện thắng lợi sự nghiệp giáo dục là phải tổ chức tốt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp giữa các ngành của chính quyền và các đoàn thể, sự kết hợp chặt chẽ giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Vì vậy, việc thành lập Ban chỉ đạo bồi túc văn hóa và hội bảo trợ bồi túc văn hóa có hệ thống từ trên xuống đến cơ sở để thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ, động viên mọi mặt cho việc học tập văn hóa ở các phường, xã của Vĩnh long là rất cần thiết và có tác dụng lớn đối với phong trào. Đồng thời, hoạt động của các ngành thông tin, tuyên truyền, báo chí... biểu

đương, cổ vũ kịp thời gương người tốt, việc tốt trong giảng dạy và học tập lại càng không thể thiếu được để góp phần giữ vững và đẩy mạnh phong trào bồi túc văn hóa.

— Đối với địa bàn nông thôn, cần bố trí cán bộ có năng lực và nhiệt tình xuống tận cơ sở xóm, ấp cùng với kế hoạch dứt điểm theo từng thời gian nhất định cho từng nơi, để thực hiện phổ cập bồi túc văn hóa đều khắp toàn xã. Cần chú ý đến thời vụ sản xuất và kết hợp với các phong trào cách mạng khác để tổ chức dạy học cho thích hợp.

— Muốn hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bồi túc văn hóa, nhất thiết phải chuẩn bị tốt việc xây dựng một đội ngũ cán bộ, giáo viên chuyên trách và nửa chuyên trách thật sự là đội quân xung kích vượt mọi khó khăn, luôn luôn bám sát địa bàn, bám lớp học, đồng thời làm tham mưu giỏi cho cấp ủy và chính quyền ở cơ sở trên lĩnh vực giáo dục.

Sự quan tâm đầy mạnh mẽ bồi túc văn hóa của thị xã Vĩnh long nhất định sẽ góp phần tích cực vào việc đào tạo, xây dựng một đội ngũ cán bộ cốt cán đông đảo, có phẩm chất chính trị, trình độ hiểu biết và năng lực công tác đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng hiện nay.

Nguyễn Thông — một ngôi sao sáng của nước ta nửa cuối thế kỷ XIX

TRƯƠNG QUỐC MINH

GIỮA thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp bắt đầu xâm chiếm nước ta, một trong các tác gia của dòng văn học yêu nước lúc bấy giờ được cả nước biết tiếng là Nguyễn Thông.

Nguyễn Thông sinh ngày 22 tháng 6 năm 1827 tại thôn Bình thanh, Tổng Thạnh hội hạ, huyện Tân thanh, phủ Tân an, tỉnh Gia định (nay là xã Phú Ngãi trị, huyện Vàm cò, tỉnh Long an), trong một gia đình nhà nho nghèo. Năm 17 tuổi, ông được theo học chữ Hán ở Phú xuân và thi đỗ cử nhân lúc 22 tuổi. Dưới thời Tự Đức, ông làm quan đến chức bố chánh. Ông mất ngày 25 tháng 8 năm 1884 tại làng Thành đức, tổng Đức thắng, phủ Hàm thuận, tỉnh Bình thuận (nay là phường Đức nghĩa, thị xã Phan thiết, tỉnh Thuận hải) là nơi ông coi như quê hương thứ hai của mình.

Nhà trí thức yêu nước Nguyễn Thông với kiến thức sâu rộng, toàn diện đã đóng góp đáng kể vào kho tàng văn hóa Việt nam với nhiều tác phẩm có giá trị về văn học, lịch sử, địa lý, giáo dục và pháp luật.



Nói đến sự nghiệp của Nguyễn Thông, người ta thường chú ý trước hết về mặt văn học với hàng mấy trăm bài thơ, bài văn viết bằng chữ Hán của ông, được tập hợp trong các bộ *«Nga du sào thi văn tập»*, *«Đôn an văn tập»*, *«Kỳ xuyên văn sao»*, *«Kỳ xuyên thi sao»*... mỗi bộ gồm nhiều quyển với nội dung yêu quê hương đất nước đậm đà và có giá trị văn chương cao.

Do sự hạn chế của hệ ý thức phong kiến, văn thơ Nguyễn Thông không khỏi có một số nhược điểm về tư tưởng nhưng đã thể hiện rõ tiết tháo của người trí thức yêu nước thương nòi và khí phách chung của dân tộc. Tuy phần lớn các bài thơ của ông thường sử dụng điển cổ văn học, song ý tứ chung lại rất tự nhiên, chân chất và bao giờ cũng chứa đựng một niềm trân trọng, day dứt trước vận mệnh của non sông đất nước thời bấy giờ.

Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Thông dành nhiều thời gian trong cuộc đời riêng để sáng tác thơ văn, vì theo ông nghĩ: «đời người ta,

muốn việc cuối cùng chẳng còn gì hết, chỉ có cái ngời sáng văn chương lâu đời vẫn không phai mòn, huống hồ tôi bình sinh có bao nhiêu sức lực đều dùng vào đó cả» (Bài tựa *Ngoa du sào thi văn tập*).

Trong bài tựa đề tựa tập «*Kỳ xuyên thi sao*», quan niệm sáng tác thơ ca của Nguyễn Thông rất rõ ràng: «không cần khoe sức mà diễm lệ, không cần gọt giũa mà khéo léo, không cần lựa chọn chi ly mà ôn hòa, cái đó gọi là chân thi vậy». Ông chủ trương văn chương phải gắn bó với cuộc sống; mục đích sáng tác thơ văn nhằm «có thể lấy đó mà răn dạy đời». Vì vậy, ông phê phán thơ ca của các triều đại phong kiến Trung hoa từ Tần, Tống đến Đường... khi thi ủy mị, khi thi quá nhiều lời, «không thể làm hưng khởi tinh thần người ta. Chớ nên thơ ấy, kẻ thiên phú, tục sĩ không được ích lợi gì». Nguyễn Thông cũng không quên phê phán nghiêm khắc trường hợp xa rời thực tế của các bậc văn sĩ vốn «kiến thức trống rỗng» lại hay «vẽ vời thiếu dặt», là những người «chưa từng trải việc binh mà thích bàn chuyện binh, chưa từng coi việc dân mà thích bàn chuyện dân, chưa từng gặp việc mà thích bàn tới việc, đầu chân không rời ra khỏi cổng làng mà bàn luận xa xôi đến cả phong thổ chín châu, công nghiệp không ra tới dân chúng một vùng mà muốn sánh ngang với bậc hiền nhân quân tử trên đời». Trong sáng tác thơ ca, khác với một số nhà thơ cùng thời thường coi nhẹ hình thức, ông tỏ ra nghiêm túc «thường lấy sự cầu thả làm điều răn mình» để có được những áng thơ đẹp từng câu từng chữ.

Có lẽ trong nửa cuối thế kỷ XIX ở nước ta, Nguyễn Thông là người viết văn xuôi hiếm có, đặc biệt là viết truyện anh hùng, liệt sĩ đương thời một cách trung thực. Ông viết loại truyện này, xuất phát từ ý nghĩ rằng:

«...đang cơn loạn lạc, hầu hết mấy ai chịu quyền sinh tử giữ vững khí tiết. Thế mà những người nêu cao được tiết tháo nhưng việc làm bị che lấp, không ai biết mà truyền lại». Qua các truyện viết về Trương Định, Hồ Huân Nghiệp, Phan Văn Đạt, v.v., Nguyễn Thông đã giới thiệu khá cụ thể tiểu sử và quá trình chiến đấu, hy sinh vì nước của từng nhân vật một cách sinh động. Ông đặc tả nhân vật anh hùng bằng những nét điển hình trong đấu tranh cũng như trong cuộc sống bình thường, và làm nổi bật được mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa cá nhân với quần chúng nhân dân trong lịch sử.

Nguyễn Thông không chỉ là nhà thơ mà còn là một trí thức xuất sắc về nhiều mặt.

Tuy không phải là sử gia, Nguyễn Thông vẫn được triều đình nhà Nguyễn giao việc tham gia khảo duyệt bộ «*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*» (1876), và riêng ông đã nêu lên 167 điều nhận xét, đề nghị sửa đổi những điểm không chính xác, hoặc bác bỏ các chuyện mê tin dị đoan trong sử sách trước đây. Ông đã biên soạn cuốn «*Việt sử cương giám khảo lược*» trong đó có những kiến thức lịch sử, địa lý sâu rộng. Ngoài Việt nam, tác giả còn nghiên cứu giới thiệu cả hai nước bạn láng giềng Lào và Cam-pu-chia.

Nguyễn Thông quan tâm đến các vấn đề kinh tế cụ thể và nêu nhiều ý kiến chỉ đạo sản xuất rất đúng đắn. Thời gian làm bố chánh ở Quảng Ngãi, ông khuyến khích nhân dân đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp bằng lời lẽ giản dị, chân thành trong nhiều bài thơ như «*Khuyến chăm nghề nông*» (*Khuyến cần nông*), «*Khuyến việc trồng trọt*» (*Khuyến tât thực*), «*Khuyến đào mương thủy lợi*» (*Khuyến hưng cừ*)... luôn luôn có «mấy lời gửi bạn nhà nông của ta» rằng «chớ sợ mới gần một sức», «đừng bỏ sót nguồn

lợi nào của đất » và « có chí việc gì cũng thành công ». Đặc biệt với « bài Ký về Kênh Vĩnh lợi », Nguyễn Thông tỏ rõ óc nghiên cứu khoa học của mình qua việc đề xướng cách đào kênh nhỏ hẹp và cạn để có thể hút nước sông Vệ vào cho dòng được chảy xiết, đủ sức đẩy xe nước quay nhanh.

Một điểm nổi bật trong sự nghiệp của nhà trí thức yêu nước Nguyễn Thông là tầm nhìn chiến lược của ông đối với việc xây dựng mở mang đất nước. Vấn đề khai khẩn vùng núi để làm giàu cho nước được ông hết sức coi trọng. Ông cho rằng: « Từ xưa tới nay, bờ cõi hoang vu, trời đất dành cho ta một kho tàng vô tận » cho nên đã nhiều lần dâng sớ « khai sơn quốc nghị » lên vua đề nghị tiến hành kế hoạch dùng binh lính khai phá vùng núi trong một thời gian « lâu dài 10 năm mới xong nhưng công việc thì phải nỗ lực từng ngày một » để làm cho nước mạnh, binh cường, đủ sức giành lại phần lãnh thổ bị mất về tay giặc Pháp. Chính Nguyễn Thông là người đi đầu trong việc phát hiện khả năng và tiềm lực kinh tế, quốc phòng quan trọng của vùng núi phía tây Bình thuận và Nam Tây nguyên nói chung. Mặc dù thể chất ốm yếu, thường đau bệnh, Nguyễn Thông vẫn đích thân mở các cuộc thám hiểm ở vùng thượng nguồn sông La Ngà và vùng rừng núi Tánh Linh (Bình thuận). Bản thân ông từng in dấu vết ở cao nguyên Lâm viên trước khi thực dân Pháp mở đến nơi này.



Cuộc đời của Nguyễn Thông là tấm gương thanh bạch, liêm khiết được bạn hữu tin yêu, nhân dân quý trọng. Mọi người còn kính phục ông ở tình thân bảo vệ chính nghĩa, kiên quyết không chấp nhận mọi sự bất công, sai trái của triều đình. Trong bất cứ trường hợp nào, ông cũng nêu cao tinh thần bất khuất trước bạo lực, cường quyền. Thời gian giữ chức án sát tỉnh

Khánh hòa (1868) và làm biện lý bộ Hình, ông gửi sớ lên vua đề nghị sửa đổi « *Hoàng triều luật lệ* » (tức bộ luật Gia Long ban hành từ năm 1815). Trong tờ sớ điều trần công việc nội trị, Nguyễn Thông thẳng thắn mong vua Tự Đức « từ nay bỏ bớt những cuộc đi chơi xa (...), bớt những việc xây dựng đề nêu gương tiết kiệm, đem lòng thành tín mà đối đãi với người (...), dùng cho nói thẳng để khuyến khích sự can rầu... » (*Đại nam thực lục chính biên*, tập 35, tr. 283-286). Ông tỏ ra rất căm ghét lũ người chuyên quyền làm hại quốc gia. Qua « câu chuyện yếm quý » (*Nhượng quĩ thuyết*), ông vạch mặt chỉ trần sáu loại quý: loại « quấy phá pháp luật », loại « tự ý cất chức, giáng chức người khác », loại « buôn bán bút mực, văn chương », loại « lợi dụng việc binh mưu lợi cho mình », loại « háms công danh », loại « mượn gấm thêu làm mờ mắt người ».

Cũng do trực tiếp đối đầu với chế độ bạo ngược của triều đình, Nguyễn Thông đã có lần bị bọn tham quan ô lại vu oan giá họa đến phải bị cách chức, bắt giam và bị xử tử trượng (1871). Sau đó, nhờ nhân dân Quảng Ngãi đề đơn đến tận kinh đô tích cực kêu xin, ông mới được giải oan.

Tóm lại, bằng hành động thực tế của mình, Nguyễn Thông luôn luôn tỏ rõ là một người có tư tưởng cấp tiến, nêu cao chí khí kiên cường và giành nghị lực đấu tranh.



Khi ba tỉnh miền đông Nam kỳ về tay giặc Pháp, Nguyễn Thông cùng một số sĩ phu yêu nước bỏ đất bị giặc chiếm đóng, lánh về miền tây, thậm chí bốc cả mộ thầy học là Võ Trường Toản mang đi cải táng nơi khác. Giặc Pháp chiếm nốt ba tỉnh miền tây, Nguyễn Thông lại lánh ra Bình thuận. Đó hoàn toàn không phải là biểu hiện của sự cầu an, chạy dài. Bởi vì ở

giữa hai chủ trương khác biệt lúc bấy giờ: một bên là cứ lùi dần trước thế mạnh của giặc tiến tới chỗ thỏa hiệp, đầu hàng và một bên là cứ tiếp tục chiêu mộ nghĩa quân đánh địch đến cùng. Nguyễn Thông lại chủ trương xây dựng, củng cố phần lãnh thổ còn lại, lập căn cứ vững chắc, tổ chức lực lượng, chuẩn bị lương thảo, tiến hành kháng chiến lâu dài để thu hồi phần giang sơn đã mất. Rõ ràng, mục đích đó mang đầy đủ ý nghĩa tích cực của nó.

Nhưng tiếc thay, nhiều điều Nguyễn Thông hằng mong muốn đã không thực hiện được, chủ yếu là do sự can trở của triều đình phong kiến dòn hèn, thối nát.

Bản thân Nguyễn Thông vốn là người có khí phách chống giặc xâm lăng, không ngại hiềm nguy đến tính mạng. Tuy không phải là con nhà võ nhưng ngay khi đất nước bị họa xâm lược, ông đã dứt khoát từ quan ở Huế để tòng quân, tham gia đánh giặc ở Gia Định và từng giữ chức Phó đề đốc. Khi Đại đồn thất thủ, Nguyễn Thông lại tìm về Tân an cùng nghĩa quân Trương Định tiếp tục diệt giặc.

Được lệnh cùng với quân triều đình rút ra Bình Thuận, Nguyễn Thông chẳng chịu ngồi yên, không ngừng lao vào mọi việc mưu cầu ích nước, lợi

dân. Ông dành hơn một phần ba cuộc đời gắn bó chặt chẽ với quê hương thứ hai là Bình Thuận. Ông chăm lo chu đáo đến việc sắp xếp, tổ chức đời sống cho nhân dân về mọi mặt, đặc biệt là với tổ chức « Đồng châu xã » do ông sáng lập.

Có thể thấy được ở Nguyễn Thông dáng dấp một con người Việt nam cần đại tuy còn bị ràng buộc bởi hệ tư tưởng phong kiến nhưng cũng đã sớm nhìn thấy được những vấn đề mới nhằm đưa đất nước tiến lên tự chủ, tự cường.

Chịu ảnh hưởng tinh thần yêu nước thương nỗi sâu đậm của Nguyễn Thông, các con trai ông sau này đã cùng một số sĩ phu yêu nước đầy mạnh phong trào Duy Tân. Các tổ chức canh tân kinh tế, văn hóa như « Liên thành thương quán », « Liên thành thi xã », « Trường Dục thành » do các ông Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh sáng lập vào những năm đầu thế kỷ XX tại Phan thiết, rõ ràng là sự đóng góp có ý nghĩa tích cực của gia đình Nguyễn Thông đối với phong trào đấu tranh yêu nước trong thời kỳ đó.

Nhà trí thức yêu nước Nguyễn Thông mãi mãi là một ngôi sao sáng của nhân dân miền Nam nước ta, của dân tộc Việt nam ta.

Công nghiệp và nông nghiệp Ru ma ni dưới chính quyền nhân dân

LÊ TỊNH

Cuối tháng 8-1944, những thắng lợi có ý nghĩa quyết định của Hồng quân Liên xô trên mặt trận chống phát xít Đức đã tạo điều kiện cơ bản có lợi cho tình thế cách mạng ở Ru ma ni. Ngày 23-8-1944, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Ru ma ni, nhân dân Ru ma ni đã nổi dậy lật đổ chế độ phát xít trong nước, giải phóng một bộ phận đất nước. Do vậy, ngày 23-8-1944 đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử Ru ma ni và trở thành ngày quốc khánh của Ru ma ni. Từ đó thắng lợi đó, Hồng quân Liên xô cùng với quân và dân Ru ma ni đã tiến lên giải phóng Ru ma ni khỏi họa phát xít. Tuy nhiên, do sự chống đối của các thế lực phản động trong nước, mãi đến ngày 30-12-1947, Ru ma ni mới thật sự giành được chính quyền, về tay giải cấp công nhân và tuyên bố thành lập nước Cộng hòa nhân dân Ru ma ni. Từ 23-8-1944 đến năm 1951 là thời kỳ cách mạng dân chủ ở Ru ma ni. Nhiệm vụ chiến lược của thời kỳ này là khôi phục kinh tế, tiến hành cải cách ruộng đất và những cải cách dân chủ khác, tạo những điều kiện căn bản để bước vào giai đoạn xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Kể từ 1951, năm đầu tiên của kế hoạch 5 năm thứ nhất, cho đến năm 1965, khi Ru

ma ni tuyên bố chuyển thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Ru ma ni là thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở Ru ma ni. Từ 1965, Ru ma ni bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển. Mục tiêu chiến lược của thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở Ru ma ni là ưu tiên tiến hành công nghiệp hóa nhằm xây dựng một nền công nghiệp hiện đại, cân đối, năng động, có khả năng trang bị cho toàn bộ kinh tế quốc dân bằng những máy móc có trình độ kỹ thuật và hiệu quả cao.

Sau khi được giải phóng, nước Ru ma ni mới kế thừa một nền kinh tế lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, công nghiệp chỉ chiếm khoảng 20% giá trị tổng sản lượng kinh tế quốc dân, nông nghiệp chiếm 75% sức lao động toàn xã hội. Trước tình hình đó, việc xây dựng một nền công nghiệp hiện đại là yêu cầu khách quan có tầm quan trọng hàng đầu. Vì vậy, *Nhà nước Ru ma ni đã lập trung sức vào công cuộc công nghiệp hóa, phát huy vai trò then chốt của công nghiệp đối với phát triển kinh tế, phát triển khoa học, văn hóa và nâng cao đời sống, và cả đối với việc tham gia hợp tác kinh tế và văn hóa với các nước khác.*

Chiến lược công nghiệp hóa đó phản ánh trên mọi lĩnh vực phát triển kinh tế và xã hội, được cụ thể hóa trong phương hướng đầu tư, trong việc xác định tốc độ và tỷ lệ phát triển của các ngành, trong các biện pháp xây dựng nhằm biến công nghiệp thành một ngành chủ đạo, nhân tố năng động và là đòn bẩy đối với toàn bộ kinh tế quốc dân.

Với chiến lược phát triển công nghiệp nói trên, ngày nay Ru ma ni trở thành một nước công - nông nghiệp và đang trên con đường trở thành một nước công nghiệp phát triển. Năm 1983, công nghiệp tạo ra 61% tổng sản phẩm xã hội, trên 57% tổng thu nhập quốc dân, cung cấp trên 80% máy móc, thiết bị cho toàn bộ nền kinh tế. Năm 1983, công nghiệp đã cung cấp cho xã hội 44,5 triệu tấn than, 82.700 máy kéo, 2,9 triệu tấn phân hóa học, 70,2 tỷ ki lô oát giờ điện, 10,6 triệu tấn dầu mỏ, 32,6 tỉ mét khối khí đốt, 12,6 triệu tấn thép, 110,9 triệu mét vải.

Đi đôi với sự phát triển của công nghiệp, ngành nông nghiệp Ru ma ni cũng không ngừng phát triển. Việc hoàn thành hợp tác hóa năm 1962 đã tạo điều kiện căn bản đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Ở Ru ma ni, yếu tố quyết định sự tăng trưởng của nông nghiệp là mức độ đầu tư để xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật trong nông nghiệp, việc hướng công nghiệp vào phục vụ nông nghiệp. Kinh nghiệm của Ru ma ni cho thấy có tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật hùng mạnh cho nông nghiệp, khiến cho nông nghiệp đủ sức hạn chế những tác hại của thiên tai, bảo đảm cơ khí hóa và hóa học hóa nông nghiệp, tưới tiêu đầy đủ, thường xuyên làm cho đất màu mỡ, mới có những điều kiện cần thiết để tạo ra một nền nông nghiệp hiện đại, đủ sức cung cấp lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội, bảo đảm nguyên liệu cần thiết cho công nghiệp.

Đó là thực chất của nhiệm vụ hàng đầu của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa có kế hoạch ở Ru ma ni. Thực tế Ru ma ni cho thấy nếu coi nhẹ nông nghiệp sẽ có hại cho bước đi ổn định của toàn bộ kinh tế, ảnh hưởng tiêu cực đến mức tăng lên của thu nhập quốc dân, cản trở việc nâng cao mức sống của nhân dân. Chính vì vậy mà trong khi Ru ma ni coi công nghiệp là yếu tố quyết định sự phát triển của sản xuất xã hội, là đòn bẩy thúc đẩy sự tăng trưởng của kinh tế quốc dân, thì lại coi nông nghiệp là điều kiện, là cơ sở để phát triển kinh tế.

Trong nông nghiệp Ru ma ni, nông trường quốc doanh có vị trí đặc biệt quan trọng. Nông trường quốc doanh Ru ma ni hiện có 2,11 triệu héc ta, là chỗ dựa chủ yếu và ổn định nhất của Nhà nước về lương thực và thực phẩm. Các nông trường quốc doanh được trang bị kỹ thuật hiện đại cho nên luôn luôn dẫn đầu về năng suất trong toàn ngành nông nghiệp.

Khu vực nông nghiệp tập thể hiện có trên 9 triệu héc ta, bao gồm 1.655 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Đối với khu vực này, Nhà nước Ru ma ni đã giúp đỡ nhiều mặt. Các trạm máy nông nghiệp do Nhà nước quản lý đã giúp các hợp tác xã hoàn thành những quá trình lao động nông nghiệp kịp thời vụ với chất lượng tốt. Nhà nước bảo đảm cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu, cung cấp giống cây trồng và giống súc vật nuôi với chất lượng cao, tạo điều kiện cho các hợp tác xã áp dụng những kỹ thuật tiên tiến. Nhà nước cho nông dân vay vốn với điều kiện có lợi.

Với số dân 23 triệu, nhờ tập trung sức phát triển nông nghiệp, năm 1983 Ru ma ni thu hoạch 20 triệu tấn lương thực, 1,57 triệu tấn thịt.

Trong thập kỷ này, Ru ma ni đang cố gắng thực hiện một cuộc đổi mới sâu sắc trong nông nghiệp cả về mặt cơ sở vật chất kỹ thuật và tổ chức

sản xuất, cả trong lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi. Để làm việc này, Ru ma ni đang áp dụng các biện pháp nhằm bảo vệ và làm giàu chất đất, đẩy mạnh tưới tiêu, mở rộng cơ khí hóa, bón phân với số lượng và chất lượng cao, phấn đấu đạt năng suất cao và ổn định đối với các loại cây trồng, trước hết là cây lương thực, cây công nghiệp, rau, cây ăn quả. Việc tăng sản lượng cây trồng được thực hiện chủ yếu theo hướng tăng năng suất trên đơn vị diện tích bằng cách chọn giống và tăng phân bón, tăng cường tưới tiêu và các công trình cải tạo chất đất, đi đôi với việc tăng cường quản lý công việc đồng áng kịp thời vụ. Ru ma ni đang cố gắng đề đến năm 1990, thu hoạch 29 triệu tấn lương thực, bình quân một người dân một tấn lương thực một năm.

Chiến lược phát triển kinh tế 1981-1990 đánh dấu một giai đoạn mới của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển ở Ru ma ni, với mục tiêu hiện đại hóa hơn nữa nền kinh tế trên cơ sở cách mạng khoa học kỹ thuật, nhằm đạt chất lượng mới trong tất cả các ngành kinh tế. Trong thời kỳ này, Ru ma ni *phấn đấu phát triển công nghiệp và nông nghiệp một cách ổn định và cân đối*. Đó là kinh nghiệm và là bài học lớn nhất trong nhiều thập kỷ xây dựng và phát triển kinh tế ở Ru ma ni. Đồng thời, trong thời kỳ này, Ru ma ni chú ý giữ vững tỷ lệ hợp lý giữa tất cả các ngành kinh

tế; tập trung sức tăng cường cơ sở nguyên liệu và năng lượng trong nước, cải thiện cơ cấu công nghiệp theo hướng ưu tiên những ngành kỹ thuật trong nông nghiệp, cải thiện quan hệ sản xuất và tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, tiếp tục phân bổ lực lượng sản xuất một cách hợp lý trên phạm vi cả nước, tiến hành rộng rãi cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, nâng cao năng suất lao động xã hội, áp dụng cơ chế mới về kinh tế, tài chính. Phương châm phấn đấu của Ru ma ni là *biến thập kỷ 80 thành thập kỷ "khoa học, kỹ thuật, chất lượng và hiệu quả"*.

Việc hoàn thành những mục tiêu đó sẽ đưa lại sự *cân đối mới giữa công nghiệp và nông nghiệp*, thiết lập cơ cấu hợp lý và năng động của nền kinh tế phức hợp. Đó là điều kiện cơ bản để không ngừng phát triển sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, đưa nền kinh tế Ru-ma-ni vững bước tiến lên.

Kỷ niệm lần thứ 40 ngày quốc khánh của Ru ma ni, nhân dân Việt nam rất vui mừng trước những thành tựu to lớn của nhân dân Ru ma ni anh em. Cùng với những lời chúc mừng chân thành nhất, chúng ta mong muốn và quyết tâm phấn đấu để quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt nam và Ru ma ni không ngừng phát triển tốt đẹp.

ПЕРЕДОВАЯ — Успешно выполняйте актуальные задачи по совершенствованию управления экономикой. **VI ПЛЕНУМ ЦК КПВ** — Об актуальных задачах по совершенствованию управления экономикой. **ДО МЫОИ** — Необходимо упорядочить промышленное производство. **ДАНГ НГОК НАМ** — Отечественный фронт и организация общественной жизни населения. **НГУЕН ТХУ** — Художественному кино Вьетнама 25 лет. **ЧЫОНГ КУОК МИНН** — Нгуен Тхонг — один из замечательных людей Вьетнама в конце XIX в. **ЛЕ ТИНН** — Промышленность и сельское хозяйство Румынии при народной власти.

REVIEW OF COMMUNISM № 8-1984

Editorial — Let us well carry out the urgent tasks in the improvement of economic management. **The 6th Plenum of Party's Central Committee** on the urgent tasks in the improvement of economic management. **ĐÓ MUỖI** — Reorganizing industrial production. **ĐĂNG NGOC NAM** — The Fatherland Front with the social life organization on the populated regions. **NGUYỄN THỤ** — Twenty-five years of Vietnamese feature films. **TRƯỜNG QUỐC MINH** — Nguyen Thong — a shining star of our country in the second half of the 19th century. **LÊ TÍNH** — Industry and agriculture of Rumania under the people power.

REVUE DU COMMUNISME № 8-1984

Editorial — Menez à bien les tâches urgentes dans le perfectionnement de la gestion économique. **Le 6e Plénum du Comité Central du Parti** Sur les tâches urgentes dans le travail de perfectionnement de la gestion économique. **ĐÓ MUỖI** — Bien réaménager la production industrielle. **ĐĂNG NGOC NAM** — Le Front de la Patrie et l'organisation de la vie sociale sur une aire de population. **NGUYỄN THỤ** — Les 25 ans du film de fiction vietnamien. **TRƯỜNG QUỐC MINH** — Nguyen Thong — une étoile brillante de notre pays dans la seconde moitié du XIXesiècle. **LÊ TÍNH** — L'industrie et l'agriculture roumaines sous le régime populaire.

REVISTA DEL COMUNISMO № 8-1984

Editorial — A cumplir bien las urgentes tareas de mejoramiento de la gestión económica. **El sexto Pleno del Comité Central del Partido** sobre las urgentes tareas de mejoramiento de la gestión económica. **ĐÓ MUỖI** — A optimizar la reorganización de la producción industrial. **ĐĂNG NGOC NAM** — El Frente de la Patria y la organización de la vida social en las áreas de la población. **NGUYỄN THỤ** — Las películas de ficción de Viet Nam durante 25 años. **TRƯỜNG QUỐC MINH** — Nguyễn Thông — una estrella brillante de nuestro país de la segunda mitad del siglo XIX. **LÊ TÍNH** — La industria y la agricultura rumana bajo el poder popular.

MỤC LỤC

Xã luận — Hãy thực hiện tốt những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế	1
<i>Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng</i> — Về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế	8
ĐỖ MUỖI — Cần làm tốt việc sắp xếp lại sản xuất công nghiệp	13
ĐẶNG NGỌC NAM — Mặt trận Tổ quốc với việc tổ chức đời sống xã hội trên địa bàn dân cư	22
NGUYỄN NGỌC TUẤN — Phân kỳ thời kỳ quá độ ở các nước xã hội chủ nghĩa	29
ĐẶNG THU — Mấy vấn đề cấp bách về dân số	35
Nghiên cứu ★ QUYẾT TIẾN — Phát triển kinh tế quốc dân có kế hoạch nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản và nâng cao mức sống của những người lao động	40
Trao đổi ý kiến về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ★ TÔ ĐÌNH CƠ — Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện để đưa nông nghiệp Nghĩa bình từng bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ★ NGUYỄN QUANG — Đảng bộ huyện Mỹ văn đi lên từ sự đoàn kết nhất trí ★ VŨ QUỐC CHÂU — Vinh long coi trọng công tác bổ túc văn hóa	47
NGUYỄN THU — Hai mươi lăm năm phim truyện Việt nam	59
TRƯƠNG QUỐC MINH — Nguyễn Thông — một ngôi sao sáng của nước ta nửa cuối thế kỷ XIX	64
LÊ TINH — Công nghiệp và nông nghiệp Ru ma ni dưới chính quyền nhân dân	68

Tim đọc:

MÁC – ĂNG-CHEN – LÊ-NIN

- Về sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp vô sản

V. I. LÊ-NIN

- Về chủ nghĩa quan liêu

HỒ CHÍ MINH

- Về phát triển sản xuất thực hành tiết kiệm
(in lần thứ ba có bổ sung)

LÊ DUẤN

- Tiến bước theo phương hướng chiến lược đã vạch ra

PHẠM VĂN ĐỒNG

- Tạo bước chuyển biến mới để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế – xã hội trong những năm trước mắt



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUÂN VÀ CHÍNH TRI
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



9

9.1984

Xã luận

PHÁT HUY CAO ĐỘ TINH THẦN TỰ LỰC TỰ CƯỜNG XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC



ƯỚC ta đang từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đó là con đường tất yếu của cách mạng vô sản ở nước ta trong thời đại ngày nay. Song đó là con đường mới mẻ, khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự tìm tòi, sáng tạo, phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân kết hợp với sức mạnh của thời đại trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế — xã hội, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để bảo đảm thắng lợi, vấn đề cơ bản cần đặc biệt chú ý mà Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng đã vạch ra là phải nắm vững chuyên chính vô sản, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động và tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Nước ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong tình hình quốc tế đang diễn biến phức tạp, kẻ thù dùng mọi thủ đoạn gây rối, bao vây hòng cô lập ta, đặc biệt là bọn đế quốc, bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ đang ra sức tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nhân dân ta. Nền kinh tế của ta còn ở trình độ phát triển thấp, chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh thực dân mới của đế quốc Mỹ, đang mất cân đối nghiêm trọng trong sản xuất, giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa các ngành kinh tế với nhau.

Tuy vậy, chúng ta có những thuận lợi cơ bản, đó là : đường lối của Đảng đã được xác định đúng đắn, phù hợp với quy luật tiến lên của cách mạng nước ta và đã được cụ thể hóa sát với thực tiễn hiện nay; tinh thần đấu tranh cách mạng, đức tính cần cù và khả năng lao động sáng tạo của nhân dân ta; những kinh nghiệm đã tích lũy được và những chuyển biến trong quản lý kinh tế theo hướng đúng; nhiều năng lực sản xuất chưa được sử dụng hết như lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất kỹ thuật đã có và đang được xây dựng thêm; sự hợp tác toàn diện và giúp đỡ của Liên-xô và các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, của hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em.

Phát huy những thuận lợi cơ bản, khắc phục những sai lầm, thiếu sót và những nhược điểm mà Đại hội thứ V của Đảng và các nghị quyết của Trung ương Đảng đã chỉ ra, chúng ta có khả năng vượt qua những khó khăn trong chặng

đầu của thời kỳ quá độ, đưa sự nghiệp cách mạng lòng bước liền lên, trước mắt là hoàn thành các nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1981 — 1985, cơ bản ổn định tình hình kinh tế — xã hội, chuẩn bị tốt cho bước phát triển trong kế hoạch 5 năm 1986 — 1990 và thời kỳ tiếp theo được vững chắc, với nhịp độ ngày càng nhanh.



Trong ba năm đầu của kế hoạch 5 năm 1981 — 1985, theo phương hướng, nhiệm vụ mà Đại hội thứ V của Đảng đã vạch ra, với những đổi mới trong chính sách kinh tế và biện pháp quản lý đã được ban hành nhằm kích thích lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả, tăng cường trách nhiệm và tính chủ động của các ngành, các cấp và người lao động, cả nước ta cũng như từng địa phương, từng cơ sở đã phát huy tinh thần làm chủ, đi sâu vào thực tế, phát hiện và tìm cách khắc phục tiềm năng, cải tiến tổ chức và quản lý, đã khắc phục được nhiều khó khăn, giành được những thắng lợi trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Kết quả rõ rệt đạt được trong ba năm qua là chúng ta đã đưa nền kinh tế vượt qua tình trạng suy sụp sau những đảo lộn nghiêm trọng trong những năm 1979 — 1980, chuyển dần theo hướng đi lên, ổn định dần từng mặt, tiến tới có những bước phát triển mới mạnh mẽ. Nền kinh tế từng bước được sắp xếp lại, sản xuất công, nông nghiệp và thu nhập quốc dân tăng lên hàng năm. Nổi bật là trong nông nghiệp, mặc dù điều kiện vật tư kỹ thuật hạn chế thiên tai xảy ra ở nhiều vùng, nhưng với cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, sản xuất lương thực phát triển mạnh, thu hoạch mỗi năm tăng 1 triệu tấn. Các ngành công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản đều tiến bộ, có những mặt tăng sản lượng đáng kể so với thời kỳ 1979 — 1980. Trên mặt trận phân phối lưu thông, cũng đã có một số chuyển biến. Công tác xuất nhập khẩu được quan tâm hơn, kim ngạch xuất khẩu tăng dần. Hoạt động hợp tác quốc tế được tăng cường, việc sử dụng vốn viện trợ và vay của nước ngoài được tính toán, cân nhắc kỹ hơn nhằm đưa lại hiệu quả tốt hơn.

Những mặt yếu kém, những khó khăn của nền kinh tế còn rất lớn. Nhưng những thành tích và tiến bộ đạt được ba năm qua khẳng định rằng trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, phức tạp của đất nước trên con đường đi từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta có khả năng đạt tới mục tiêu trên cơ sở năm vững đường lối, quan điểm của Đảng, phát huy sức lực và trí tuệ của nhân dân, tổ chức chấp hành các nhiệm vụ và chính sách của Đảng và Nhà nước một cách nghiêm chỉnh và sáng tạo, sát với hoàn cảnh cụ thể của từng ngành, từng địa phương và cơ sở.

Những thành tích và tiến bộ ấy càng có ý nghĩa ở chỗ chúng được tạo ra bằng sự cố gắng lao động của nhân dân và những điều kiện sẵn có của đất nước ta là chủ yếu, có kết hợp đúng đắn với sự giúp đỡ của bên ngoài trên tinh thần dựa vào sức mình là chính, không trông chờ, ỷ lại.

Nhân tố tự lực tự cường là một trong những nhân tố của thắng lợi, đã từng phát huy tác dụng quyết định trong công cuộc đánh giặc cứu nước, thì nay trong xây dựng kinh tế, bảo vệ Tổ quốc vẫn giữ nguyên nội dung cách mạng của nó. Chính vì vậy mà nghị quyết Hội nghị thứ 4 của Trung ương Đảng (khóa V) đã đề ra yêu cầu phải “tự lực vươn lên với tinh thần làm chủ, khai

thác mọi khả năng đề cân đối kế hoạch một cách tích cực và vững chắc" và nêu rõ nhiệm vụ của công tác tư tưởng là phải đấu tranh quyết liệt chống «...ý lại, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn chung của đất nước, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc».



Tư lực tự cường là quan điểm cách mạng nhất quán của Đảng. Năm vững quan điểm đó, dù khó khăn đến mấy, chúng ta vẫn giữ vững lòng tin, nêu cao tinh thần trách nhiệm và ý chí quyết thắng, phát huy tinh năng động và sáng tạo, nhất định sẽ vươn tới thắng lợi. Ngược lại, nơi nào, lúc nào, chúng ta xa rời quan điểm đó, trông chờ, ỷ lại, thì sẽ lúng túng, va vấp thậm chí thất bại. Cũng trong điều kiện vật tư, nguyên liệu, năng lượng tương tự như những năm 1979 — 1980, vừa qua nền kinh tế chuyển biến tích cực, nhiều địa phương, cơ sở không chịu bó tay, vươn lên mạnh mẽ, duy trì và phát triển được sản xuất, làm ra nhiều sản phẩm mới bằng cách tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý, tìm cách khai thác tiềm năng, tận dụng phế liệu phế phẩm, nghiền cứu sản xuất vật liệu thay thế, tạo nguồn nguyên liệu tại chỗ, khôi phục, sửa chữa và cải tiến máy móc đã cũ hoặc hư hỏng, chế tạo công cụ, thiết bị và phụ tùng để tự trang bị cho mình. Ngoài ra, còn tạo thêm nguồn hàng xuất khẩu, tăng xuất để nhập các thứ cần cho sản xuất, tổ chức liên kết, hợp tác kinh tế để các địa phương, các cơ sở... bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Tóm lại là chủ động và sáng tạo trong việc khắc phục khó khăn, tự tạo ra điều kiện cần thiết để cân đối tích cực các yếu tố sản xuất, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ, đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã vạch ra.

Trên lý luận cũng như trong thực tiễn, sự phát triển của một sự vật, của cả một xã hội bao giờ cũng do sự vận động bên trong quyết định. Muốn phát triển kinh tế, củng cố và tăng cường quốc phòng, đưa đất nước ra khỏi khó khăn, tiến lên vững chắc, bản thân chúng ta phải cố gắng đem hết sức lực và tài năng để giải quyết công việc sát với hoàn cảnh thực tế của mình. Sự giúp đỡ từ bên ngoài, nguồn chi viện của các nước anh em là rất cần thiết và quan trọng, nhưng chỉ không thể thiếu được, nhưng không thể thay thế cho sự nỗ lực chủ quan của chúng ta. Yếu tố khách quan chỉ phát huy tác dụng tích cực khi nó được tiếp nhận với tinh thần tự lực tự cường và chỉ thật sự có ý nghĩa khi nó được coi là nguồn tiếp sức cho ta nhanh chóng phát triển và trưởng thành, nâng cao khả năng tự giải quyết các vấn đề của đất nước và nhân dân mình. Sự lớn mạnh lên bằng cố gắng chủ quan sẽ tạo điều kiện mở rộng hợp tác, liên kết xã hội chủ nghĩa với bên ngoài, có lợi cho cả đôi bên, và qua đó chúng ta tranh thủ được thêm ngày càng nhiều sự bổ sung cần thiết cho sự phát triển không ngừng của đất nước mình. Nguyên lý này hoàn toàn đúng cho cả nước, cũng như cho từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở và từng người lao động trong nội bộ nền kinh tế quốc dân. Mọi biểu hiện trông chờ, ỷ lại, thiếu tự tin, trong nước ỷ lại vào ngoài nước, cấp dưới ỷ lại vào cấp trên, nhân dân ỷ lại vào Nhà nước đều là có hại, trái với tinh thần tự lực tự cường. Đường lối, muốn từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải có sự giúp đỡ của Liên-xô, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác mà chúng ta hết sức tranh thủ; trong nội bộ nền kinh tế, thì địa phương và cơ sở phải được sự giúp đỡ nhất định của cấp trên, kể cả trung ương. Nhưng các nguồn từ bên ngoài, từ cấp trên chỉ có hạn, từng nơi phải tự sắp xếp, phát huy tiềm

năng của mình để tự cân đối các mặt, tìm ra cách làm để đạt mục tiêu. Nghị quyết Hội nghị thứ III của Trung ương Đảng đã chỉ rõ: « Mỗi ngành, mỗi địa phương và đơn vị cơ sở phải chủ động tìm mọi biện pháp khai thác các thế mạnh và khả năng từ nhiều nguồn để cân đối nhu cầu của mình và đóng góp cho cả nước ». Ngoài nguồn vốn do Nhà nước cung cấp cần được sử dụng hợp lý và tiết kiệm, các ngành, các địa phương và cơ sở phải chủ trọng trước hết tận dụng khả năng của bản thân mình, huy động triệt để nguồn vốn tự có, khai thác tối đa trữ vể đất đai, lao động, năng lực sản xuất hiện có, các loại vật tư, nguyên liệu tại chỗ để bổ sung cho nguồn vốn có hạn do trung ương cung ứng. Cần tăng cường quan hệ liên dụng, dùng vốn liên dụng để phát triển sản xuất kinh doanh, thực hiện phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm » để động viên hợp lý có hiệu quả sức lực của nhân dân vào việc xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội mang lại lợi ích thiết thực, trực tiếp cho nhân dân địa phương và cơ sở. Mở rộng sự hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh giữa các đơn vị kinh tế, giữa các địa phương giữa các thành phần kinh tế nhằm bổ sung cho nhau, tạo điều kiện phát huy đến mức cao khả năng và thế mạnh của mỗi bên. Cần phấn đấu sản xuất nhiều hàng xuất khẩu, và thông qua đây mạnh xuất khẩu để tăng nguồn nhập khẩu vật tư, nguyên liệu cần thiết cho sản xuất. Kết hợp và tận dụng cả bốn nguồn vốn nói trên là cách tốt nhất để tạo ra sức mạnh tổng hợp, huy động đầy đủ khả năng nội bộ nền kinh tế quốc dân, vươn lên tự lực giải quyết thỏa đáng những nhu cầu bức thiết về xây dựng và đời sống đang đặt ra cho mỗi ngành, mỗi cấp trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều khó khăn, mặt cân đối nghiêm trọng. Tư tưởng ỷ lại, thiếu tự tin là lực kìm hãm lớn cần được kiên quyết đấu tranh để khắc phục.

Tự lực tự cường có quan hệ chặt chẽ với làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Một mặt, có làm chủ tập thể tốt mới phát huy được sức mạnh tổng hợp để tự lực vươn lên. Mặt khác, có xây dựng được ý thức làm chủ tốt mới thấy rõ trách nhiệm của mình, mới cố gắng tự lo liệu, không dòi hỏi, không ngồi chờ đủ điều kiện mới làm, trong khi khả năng của Nhà nước, của cấp trên còn hạn chế. Từng người, từng cấp phải huy động tinh thần tự lực tự cường là thể hiện đúng đắn quan điểm làm chủ tập thể, là điều kiện để cả nước tự lực tự cường.

Tự lực tự cường không có nghĩa là đóng cửa, chỉ biết đến mình. Gắn bó chặt chẽ với quan điểm làm chủ tập thể, tinh thần tự lực tự cường không dung thứ bất cứ biểu hiện nào của tư tưởng cục bộ, bản vị, tự do, tàn mạt. Một địa phương, một cơ sở khi tự lực giải quyết công việc của mình không được phép chỉ nghĩ đến lợi ích bản thân, xâm phạm lợi ích của đơn vị khác, của cấp trên, của cả nước, cũng không tự trói buộc mình mà cần tranh thủ sự hợp tác, giúp đỡ của bên ngoài. Trái lại, phải đóng góp vào lợi ích chung, tạo ra khả năng tự lực tự cường của đất nước. Những hiện tượng vi phạm chính sách, chế độ, kỷ luật như tranh mua, tranh bán, không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết, chiếm dụng vốn của nhau, sử dụng tùy tiện quỹ hàng hóa dành cho quan hệ hai chiều với nông dân để lấy chênh lệch giá đưa vào ngân sách địa phương, không làm đầy đủ nghĩa vụ tập trung hàng hóa vào tay Nhà nước, không nộp sống phần các khoản thu tài chính cho ngân sách trung ương, giữ sản phẩm, tiền vốn lại để lo cho lợi ích và công việc của riêng đơn vị, địa phương mình v.v. như đã và đang còn xảy ra, xét đến cùng là do thiếu ý thức làm chủ tập thể, di ngược quan điểm tự lực tự cường.

Nói lực lực tự cường là nói đến **tiết kiệm và hiệu quả**. Tiết kiệm là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Kinh tế còn nghèo, càng phải tiết kiệm nghiêm ngặt. Tiết kiệm thời gian, vật tư, tiền vốn, đất đai và tài nguyên, tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng. Hiệu quả là thước đo cao nhất, là tiêu chuẩn đánh giá hoạt động của mỗi người lao động, của cả một tổ chức, một đơn vị. **Năng suất, chất lượng, hiệu quả** phát triển thành khẩu hiệu hành động cách mạng. Sản xuất, kinh doanh lỗ vốn, làm ra bao nhiêu ãĩ hết bấy nhiêu, thậm chí chi tiêu phung phí, vượt định mức, chể đợ, vượt quá khả năng sản xuất cho phép, ăn thâm vào vốn, lấy cả nguồn viện trợ và vay của nước ngoài để tiêu dùng, không bảo đảm tái sản xuất giản đơn, không có tích lũy để tái sản xuất mở rộng, làm như vậy là trái với quy luật tái sản xuất, trái với nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả, trái với quan điểm lực lực tự cường.

Để phát huy tinh thần lực lực tự cường, cần thấu suốt tình hình và nhiệm vụ, nhận thức rõ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân ta, mọi người, mọi cấp, mọi ngành đều phải trực tiếp đóng góp hết sức mình, không ai có thể làm thay chúng ta được. Từ đó, khơi động mạnh mẽ tinh thần trách nhiệm, ý chí tiến công, trí thông minh và sáng tạo, lòng tin vào sức mạnh của bản thân mình, chủ động và tự giác làm tròn nhiệm vụ. Cần thực hiện đúng đắn nguyên tắc **tập trung dân chủ** trong quân tử. Trung ương nắm lấy những nhiệm vụ then chốt có ý nghĩa toàn quốc, toàn dân, có tác dụng quyết định đến sự phát triển của đất nước, và kiên quyết tập trung các điều kiện lao động, vật tư kỹ thuật, tiền vốn bảo đảm cho các nhiệm vụ đó được thực hiện tốt; triệt để khắc phục lối tập trung quan liêu và chể đợ bao cấp đã và đang gây ra sự gò bó, cứng nhắc, làm cho cấp dưới ỷ lại, thụ động. Đồng thời cải tiến phân cấp quản lý, mở rộng quyền chủ động cho địa phương và cơ sở, tạo những điều kiện vật chất cần thiết phù hợp với khả năng của Nhà nước, có chính sách đúng để giải quyết vướng mắc, kích thích và thúc đẩy tinh thần chủ động sáng tạo của địa phương và cơ sở trong việc khai thác tiềm năng của mình để tự cân đối các mặt, bảo đảm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao, vừa có lợi cho địa phương và cơ sở, vừa có lợi cho cả nước.

Những chuyển biến tích cực mấy năm gần đây đem lại cho chúng ta niềm tin ở sức mình. Phát huy cao độ tinh thần lực lực tự cường, nhằm trước mắt thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ và mục tiêu đề ra trong các nghị quyết của Đảng, hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm 1981 — 1985, chắc chắn chúng ta sẽ tạo được đà phát triển mới, mạnh mẽ và vững chắc trên con đường từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

NẮM VỮNG QUY LUẬT, ĐỔI MỚI QUẢN LÝ KINH TẾ.

LÊ DUÂN

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này bàn về vấn đề cải tiến quản lý kinh tế. Đây là một vấn đề quan trọng, cấp bách do cuộc sống đặt ra và phải được giải quyết đúng đắn để phát huy hơn nữa những thành tựu đã đạt được, sớm đưa nền kinh tế nước ta vượt qua những khó khăn trước mắt, tiếp tục tiến lên mạnh mẽ.

Không ngừng cải tiến quản lý kinh tế là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của chúng ta. Nhiệm vụ được đặt ra không chỉ với nước ta đang còn trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ mà đặt ra cả với các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Mấy chục năm nay, trong quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, Liên xô và các nước anh em khác đều coi hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế là một trong những nhiệm vụ có tầm quan trọng hàng đầu để nâng cao hiệu quả sản xuất của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, khai thác theo chiều sâu những tiềm năng của đất nước và phát huy tinh thần yêu nước của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, vấn đề đổi mới quản lý kinh tế đã được đặt ra trong chương trình của Trung ương từ đầu

khóa IV, nhất là tại Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương (khóa IV). Đại hội lần thứ V của Đảng và các hội nghị sau đó của Trung ương khóa V đã đề ra những phương hướng cơ bản về đổi mới quản lý kinh tế. Đảng và Nhà nước ta đã có những cố gắng to lớn khắc phục một bước cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp và xúc tiến xây dựng cơ chế quản lý mới nhằm thực hiện đúng những nguyên tắc quản lý kinh tế, vừa bảo đảm sự tập trung thống nhất quản lý của trung ương, vừa mở rộng quyền chủ động, sáng tạo của các cơ sở, các địa phương, các ngành trong sản xuất, kinh doanh, thực hiện quyền làm chủ tập thể của quần chúng lao động, khuyến khích mạnh mẽ tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế. Những sự đổi mới đó trong công tác quản lý kinh tế — như Hội nghị lần thứ năm của Trung ương chỉ rõ — tuy là bước đầu nhưng đã góp phần quan trọng tạo ra những tiến bộ trong tình hình kinh tế, xã hội ba năm qua. Mặc dù vậy, nền kinh tế của ta vẫn còn nhiều khó khăn, thể hiện trên các mặt: cơ sở vật chất — kỹ thuật còn non yếu, năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả kinh tế còn thấp;

* Bài nói tại Hội nghị lần thứ sáu của BCHTW Đảng khóa V (ngày 3-7-1984).

trận địa xã hội chủ nghĩa có những bộ phận bị thu hẹp; trật tự trong nền kinh tế và trong xã hội có những hiện tượng lộn xộn kéo dài; hiệu lực của bộ máy Nhà nước chưa đủ mạnh.

Bên cạnh những nguyên nhân khách quan mà Trung ương đã nhiều lần chỉ rõ, chúng ta cần thấy đây đủ hơn những thiếu sót chủ quan, trước hết là trong quản lý kinh tế. Ở lĩnh vực này, vẫn còn khá nhiều biểu hiện bảo thủ, trì trệ cũng như phân tán, cục bộ, trước hết là chưa quán triệt và cụ thể hóa đường lối của Đảng một cách đúng đắn, phù hợp với tình hình của đất nước để tạo nên một cơ chế quản lý mới thích hợp hơn.

Trong chủ nghĩa xã hội, công tác quản lý kinh tế phải vận dụng những quy luật khách quan đã được nhận thức nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả của từng đơn vị sản xuất, kinh doanh cũng như của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đạt cho được những mục tiêu kinh tế, xã hội do Đảng lãnh đạo đề ra. Thực tiễn quản lý và những sai lầm, khuyết điểm tương đối phổ biến cho thấy sự cấp bách của việc đổi mới quản lý, đổi mới cả về hình thức và nội dung. Chúng ta không thể không xem xét một cách có hệ thống từ cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất đến kế hoạch hóa, các chính sách kinh tế và bộ máy quản lý, đề trên cơ sở đó, xác định một cơ chế quản lý thích hợp. Đây là việc không dễ dàng, nhưng nhất thiết phải làm và làm đúng, tập trung sức giải quyết cho được một số khâu then chốt. Điều kiện thuận lợi to lớn là chúng ta đã có kinh nghiệm phong phú xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung và quản lý kinh tế nói riêng của các nước anh em. Chúng ta cần phải tham khảo và vận dụng những kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo, không sao chép máy móc.

Để xây dựng một cơ chế quản lý đúng đắn, chúng ta phải tổng kết

những kinh nghiệm của chính mình. Đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, là việc chưa từng có trong lịch sử nhưng lại là một tất yếu trong thời đại mới. Quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đang đặt ra hàng loạt vấn đề về lý luận và thực tiễn cần được giải quyết, bao gồm những vấn đề thấu suốt đường lối cách mạng và đường lối phát triển kinh tế, phát huy những động lực của sự phát triển, tăng cường quản lý Nhà nước, nâng cao trình độ tổ chức thực tiễn, phát động phong trào cách mạng của quần chúng. Chúng ta không thể quản lý thành công nền kinh tế nếu không vươn lên nắm lấy vũ khí lý luận sắc bén nhất của thời đại — phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Đảng phải trang bị cho cán bộ, đảng viên những hiểu biết sâu sắc về lý luận và thực tiễn, tạo ra trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý một tư duy kinh tế đúng đắn, tức là **nắm vững và vận dụng đúng các quy luật kinh tế**, và các vấn đề có tính **quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta**.

Nhân hội nghị này của Trung ương, trước khi đi vào giải quyết những vấn đề cụ thể của cơ chế quản lý, tôi muốn trình bày với các đồng chí Trung ương những vấn đề có tính chất quy luật ấy — những vấn đề đã được nêu lên rất rõ ràng, rất súc tích trong đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế, nhưng chưa được mọi người chúng ta nhận thức đầy đủ và vận dụng đúng đắn. Nếu không nhận rõ những vấn đề có tính quy luật chung, không quán triệt những tư tưởng cơ bản của đường lối, thì sẽ không thể có những quyết định đúng về quản lý kinh tế.

I — NHÂN DÂN LAO ĐỘNG LÀM CHỦ TẬP THỂ TIẾN HÀNH ĐỒNG THỜI BA CUỘC CÁCH MẠNG

Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng ta đề ra chỉ rõ nhân dân lao động làm chủ tập thể là bản chất của chế độ mới, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động là mục tiêu bao trùm của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nhân dân lao động làm chủ tập thể là một điều hoàn toàn mới ở nước ta cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy, người ta không dễ dàng nhận thức tầm vóc lịch sử của nó. Đối với người Việt nam chúng ta, bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước đã hun đúc cho dân tộc ta những truyền thống bền vững và quý báu: ý chí làm chủ đất nước và tinh thần cộng đồng. Nhờ những truyền thống ấy, dân tộc ta đã đứng vững mà không bị đồng hóa qua một nghìn năm thông trị của chủ nghĩa phong kiến phương bắc; ông cha ta đã đánh thắng chiến tranh xâm lược của các thế lực bành trướng Trung quốc hết triều đại này đến triều đại khác. Ngày nay, dưới sự chỉ đạo của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, truyền thống ấy bắt gặp xu thế của thời đại, tạo thành động lực to lớn của chế độ mới, bảo đảm cho nhân dân ta đánh thắng hai đế quốc hùng mạnh bậc nhất là Pháp và Mỹ.

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động là kết hợp truyền thống dân tộc với sức mạnh thời đại.

Với tính cách là **bản chất** của chế độ mới và **mục tiêu** của cách mạng xã hội chủ nghĩa, làm chủ tập thể là kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng. Nó được xây dựng trong mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng về quan hệ sản xuất tạo ra cơ sở kinh tế cho nhân dân lao động làm chủ tập thể: làm chủ lao động, làm chủ tư liệu sản xuất, làm chủ sản xuất, làm chủ phân phối, lưu thông. Coi nhẹ cách mạng quan hệ sản xuất bất cứ ở khâu nào cũng là làm suy yếu cơ sở kinh tế của chế độ làm chủ tập thể. Ngập ngừng trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, không coi trọng kế hoạch hóa hoặc không kế hoạch hóa đúng đắn, không phát huy quyền làm chủ sản xuất và phân phối lưu thông, không thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động, v.v. là buông lỏng cho các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa phát triển, làm xói mòn kinh tế xã hội chủ nghĩa, khiến cho hoạt động kinh tế đi trệch phương hướng cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng khoa học - kỹ thuật tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Cuộc cách mạng này đem lại cho nhân dân lao động khả năng làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội ngày càng cao, dựng lên cái "cốt vật chất" của chế độ mới. Thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, bảo đảm cho chế độ làm chủ tập thể hoàn toàn và vĩnh viễn chiến thắng chế độ làm chủ cá thể. Thiếu say sưa đi vào khoa học kỹ thuật, thiếu quyết tâm tiến hành công nghiệp hóa, chậm đưa cách mạng khoa học - kỹ thuật vào những khâu cần thiết, thì sản xuất giảm chân tại chỗ, đời sống của người lao động khó khăn.

Cách mạng quan hệ sản xuất kết hợp với cách mạng khoa học - kỹ thuật hình thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, cơ sở kinh tế -

xã hội và vật chất — kỹ thuật của chế độ làm chủ tập thể.

Cách mạng tư tưởng và văn hóa xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, con người làm chủ tập thể, có năng lực và ý thức làm chủ. Phải khắc phục tình trạng buông lỏng mặt trận tư tưởng và văn hóa, không kiên quyết đấu tranh chống các hệ tư tưởng và văn hóa tư sản, thực dân, phong kiến, không phê phán, cải tạo tư tưởng, lối sống, tâm lý, thói quen của người sản xuất nhỏ và những tàn dư văn hóa cũ, những tập tục lạc hậu, làm hư hỏng con người, kích thích chủ nghĩa ích kỷ cá nhân.

Chế độ làm chủ tập thể là một tổng thể các quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Nó phải được xây dựng một cách đồng bộ thông qua việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng.

Chế độ làm chủ tập thể không chỉ là mục đích cuối cùng của cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà còn là **mục tiêu hành động cách mạng hằng ngày**. Các quan hệ xã hội mới, xã hội chủ nghĩa, hình thành, phát triển và chín muồi qua từng bước phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải kịp thời từng bước thể chế hóa những quan hệ ấy bằng những tổ chức, thiết chế, pháp luật, quy tắc, v.v. thích hợp, nhằm bảo đảm cho nhân dân lao động thật sự làm chủ cuộc sống của mình. Tùy theo sự phát triển của ba cuộc cách mạng, chế độ làm chủ tập thể được xây dựng từng bước từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện.

Được xây dựng đúng đắn, chế độ làm chủ tập thể trở thành **động lực** của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chế độ làm chủ tập thể dựa trên dân lao động lên làm chủ **xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân**. Làm chủ là nắm quy luật và hành động theo đúng quy luật. Khi con người nắm được quy

luật xã hội, quy luật thiên nhiên, quy luật tư duy và vận dụng những quy luật ấy vào tổ chức và quản lý xã hội, thì sẽ thúc đẩy tiến trình của lịch sử với những nhịp độ chưa từng thấy.

Chế độ làm chủ tập thể bảo đảm cho nhân dân lao động **làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội**. Làm chủ về chính trị tạo ra sức mạnh tổng hợp của ba nhân tố: sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và phong trào cách mạng sâu rộng của hàng chục triệu người. Làm chủ về kinh tế bảo đảm sự thống nhất giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, làm cho lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất quyện với nhau làm một. Nó cho phép tổ chức lại ngay lập tức mấy chục triệu lao động để khai thác đất đai và mở mang ngành, nghề theo một quy hoạch và kế hoạch hợp lý, trong phạm vi cả nước, và kết hợp với cách mạng khoa học — kỹ thuật, tạo ra lực lượng sản xuất to lớn nhằm chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu. Làm chủ về văn hóa tạo điều kiện cho nhân dân lao động phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nam được những thành tựu cao của trí tuệ loài người, biến những cái đó thành sức mạnh vật chất. Như vậy, chế độ làm chủ tập thể đem lại cho nhân dân lao động ba công cụ mạnh nhất: quyền lực chính trị, sức mạnh của kinh tế, khoa học, kỹ thuật, và sức mạnh của tư tưởng, văn hóa.

Chế độ làm chủ tập thể **kết hợp sức mạnh của cộng đồng với sức mạnh của cá nhân**. Xã hội, gia đình và cá nhân vốn thống nhất. Các chế độ người bóc lột người đối lập xã hội với cá nhân và gia đình. Chế độ làm chủ tập thể làm cho cá nhân, gia đình và xã hội thống nhất lại trong một tồn tại hợp lý nhất. Nó giải phóng xã hội để giải phóng cá nhân. Nó chăm lo sự phồn vinh của xã hội vì hạnh phúc từng gia đình, từng cá

nhân. Nó ràng buộc cá nhân vào kỷ cương của cộng đồng để đem lại cho cá nhân tự do đầy đủ. Nó kết hợp sự làm chủ của cộng đồng với sự làm chủ của cá nhân. Làm chủ của cộng đồng đem lại sức mạnh tập trung của cả nước, của từng địa phương và từng tập thể. Làm chủ của cá nhân phát huy sức mạnh thể lực, trí tuệ, tài năng của những con người được giải phóng trong khuôn khổ và phù hợp với sự làm chủ của cộng đồng.

Chế độ làm chủ tập thể kết hợp sức mạnh của ba cấp làm chủ:

cả nước, địa phương và cơ sở, tạo thành sức mạnh tổng hợp của cả nước. Làm chủ trong cả nước là điều kiện cơ bản để làm chủ ở địa phương và cơ sở. Sức mạnh của cả nước lại bắt nguồn từ các cơ sở và các địa phương. Cả nước làm chủ để tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của từng cơ sở và từng địa phương.

Thực tiễn cách mạng từ sau Đại hội lần thứ V đến nay đem lại cho chúng ta nhiều bài học phong phú về việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể với tính cách vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng.

Việc thực hiện một số chủ trương đúng đắn trong quản lý kinh tế, với những mức độ khác nhau, đã làm nổi bật nguồn gốc sức mạnh động lực của chế độ làm chủ tập thể. Những chủ trương ấy đều khẳng định một chân lý: nhân dân lao động giành quyền làm chủ không phải vì một mục đích nào khác mà vì lợi ích của chính mình. Các Mác đã diễn đạt chân lý ấy một cách sâu sắc: « Một khi « tư tưởng » tách rời « lợi ích » thì nhất định nó sẽ tự làm nhục nó » (1). Chế độ làm chủ tập thể là chế độ duy nhất thực hiện được lợi ích bền vững của nhân dân lao động theo quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội: thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội, cũng như của mỗi thành viên

bằng cách không ngừng phát triển sản xuất trên cơ sở làm chủ tập thể và một nền khoa học kỹ thuật ngày càng cao.

Trong lĩnh vực kinh tế, chế độ làm chủ tập thể hình thành một cơ cấu lợi ích hợp lý. Đó là sự thống nhất lợi ích của xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động. Trong đó lợi ích của xã hội là tối cao và lâu dài, lợi ích của tập thể là rất quan trọng, lợi ích của cá nhân người lao động là trực tiếp.

Chế độ làm chủ tập thể cũng đòi hỏi và cho phép kết hợp hài hòa lợi ích của cả nước với lợi ích từng địa phương, từng cơ sở, trong đó lợi ích của cả nước là tối cao và lâu dài, lợi ích của địa phương là quan trọng, lợi ích của cơ sở là trực tiếp.

Sự thống nhất các loại lợi ích ấy rất cuộc là vì lợi ích của nhân dân lao động. Các loại lợi ích ấy kết hợp lại là động lực thúc đẩy người lao động sản xuất và công tác ngày càng tốt hơn. Trong quản lý kinh tế, phải khắc phục bệnh tập trung quan liêu, coi nhẹ lợi ích của người lao động, của cơ sở, của địa phương, cũng như bệnh cục bộ, bản vị, chủ nghĩa phương hại, chủ nghĩa cá nhân, chỉ to vun vén lợi ích địa phương, lợi ích tập thể, lợi ích người lao động, làm thiệt hại lợi ích cả nước. Chăm lo đúng đắn lợi ích của địa phương, của cơ sở, của người lao động cũng phải vì lợi ích của cả nước. Bảo đảm lợi ích cả nước cũng vì lợi ích của địa phương, của cơ sở và của người lao động.

Chế độ làm chủ tập thể không chỉ bảo đảm lợi ích của nhân dân lao động mà còn kết hợp chặt chẽ lợi ích với quyền hạn, nghĩa vụ và

(1) C. Mác — Ph. Ăng ghen: *Toàn tập*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1983, tập 2, tr. 126.

trách nhiệm. Ở đâu có lợi ích thì ở đó phải có quyền hạn để bảo đảm lợi ích được thực hiện. Nhưng lợi ích và quyền hạn phải đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm, mà cao nhất là nghĩa vụ và trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Có lợi ích mà không có quyền hạn thì không có cách nào để thực hiện được lợi ích. Có lợi ích và có quyền mà không có nghĩa vụ và trách nhiệm thì sinh ra đặc quyền, đặc lợi. Trong mọi trường hợp, mối quan hệ giữa lợi ích, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm đều

phải được thể chế hóa thành pháp luật, chế độ, quy tắc.

Để bảo đảm lợi ích của nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, không có cách nào khác là làm chủ tập thể.

Công tác quản lý kinh tế phải nắm vững quan điểm làm chủ tập thể, coi đó là nguyên tắc quan trọng nhất trong quản lý kinh tế, tạo ra cho được **sự kết hợp hài hòa các lợi ích**, trên cơ sở đó, phát huy sức mạnh động lực của chế độ làm chủ tập thể, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, đưa nền kinh tế phát triển mạnh mẽ và vững chắc.

II – XÂY DỰNG CƠ CẤU KINH TẾ CÔNG – NÔNG NGHIỆP

Chế độ làm chủ tập thể có cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp làm cơ sở vật chất, thể hiện và bảo đảm về mặt kinh tế bản chất, mục đích và động lực của nó.

Trong quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, công nghiệp và nông nghiệp gắn với nhau thành một cơ cấu ngay từ đầu, các cơ sở của kinh tế trung ương cũng như kinh tế địa phương cùng phát triển trong sự chuyên môn hóa, hợp tác và liên hiệp sản xuất chặt chẽ, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất quyện vào nhau trong một thể thống nhất, kinh tế kết hợp với quốc phòng, phân công lao động trong nước đi liền với mở rộng hợp tác quốc tế.

Quan hệ cơ cấu giữa công nghiệp và nông nghiệp vốn là một thực tế khách quan từ xa xưa, khi loài người ra khỏi thời kỳ hái lượm, bắt đầu trồng trọt và chăn nuôi để có ăn, có mặc. Con người làm đất bằng công cụ thô sơ nhất đã gắn liền nông nghiệp và công nghiệp trong cùng một động tác sản xuất.

Trong tiến trình lịch sử, công nghiệp luôn luôn có tác dụng quyết định; những biến đổi về chất lượng của công nghiệp đánh dấu những bước phát triển của loài người, từ đồ đá đến đồ đồng, đồ sắt, từ các công cụ thô sơ đến máy móc đại công nghiệp. Gắn liền với công nghiệp và được sự thúc đẩy của công nghiệp để phát triển, nông nghiệp luôn luôn có vai trò trọng yếu trong việc bảo đảm các nhu cầu ăn, mặc, ở ngày càng cao của con người, cung cấp lao động, nguyên liệu và thị trường cho công nghiệp.

Các chế độ nô lệ, phong kiến và nhất là chế độ tư bản chủ nghĩa đã khiến cho cánh kéo giữa công nghiệp và nông nghiệp mở rộng, thành thị và nông thôn tách rời và đối lập với nhau. Quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp là tồn tại khách quan, không xóa bỏ được, song quan hệ ấy diễn ra tự phát qua thị trường, với nhiều sự mất cân đối, bất hợp lý, và bị chế độ người bóc lột người bóc lột. Trước khi có chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, con

người chưa làm chủ được quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta chủ động gần ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành cơ cấu, theo đúng quy luật đã được thể hiện thành đường lối của Đảng, là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Sự gắn bó công nghiệp và nông nghiệp thành cơ cấu chứng tỏ khả năng của công nhân và nông dân lao động nước ta cùng nhau làm chủ tập thể để xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Công nghiệp nặng nhất thiết phải được ưu tiên phát triển, chỉ có như vậy mới hoàn thành được nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tạo ra cái mà chúng ta thiếu nhất và cần nhất để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, là nền đại công nghiệp cơ khí đủ sức trang bị kỹ thuật hiện đại cho toàn bộ nền kinh tế, có tác dụng thúc đẩy việc xác lập và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng những con người mới phù hợp với nền sản xuất lớn hiện đại. Song, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng phải được thực hiện một cách hợp lý, từng chặng đường tập trung vào những ngành công nghiệp nặng nào, làm công nghiệp nặng với quy mô và mức độ dần dần, là phải dựa trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, và trong chặng đường đầu tiên, trước hết phải nhằm thúc đẩy nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, từ đó mà công nghiệp nặng có nguồn vốn, có lao động, có lương thực, thực phẩm cho công nhân, có thiết bị, nguyên liệu cho nhà máy, có thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Trong chặng đường đầu tiên hiện nay, **nông nghiệp và công nghiệp**

nhẹ có khả năng lớn nhất về thu hút đề tận dụng lao động xã hội và sử dụng đất đai cùng nhiều tài nguyên của đất nước, làm ra những sản phẩm trực tiếp thỏa mãn nhu cầu đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Song, mỗi bước tiến của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ đều diễn ra dưới tác động của công nghiệp nặng, và đều nhằm tăng cường thêm cơ sở cho sự phát triển công nghiệp nặng.

Trong quan hệ giữa công nghiệp nặng với nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, vai trò ưu tiên hợp lý của công nghiệp nặng cũng như vai trò cơ sở của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ làm điều kiện cho nhau, và sự gắn bó thành cơ cấu như vậy là quy luật tiến lên của nền kinh tế.

Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, chúng ta phải phát huy động lực làm chủ tập thể để sử dụng hợp lý vốn quý nhất và tiềm năng kinh tế lớn nhất là lao động và đất đai, sắp xếp cho mọi người lao động đều có việc làm, mọi đất đai đều được khai thác. Chế độ làm chủ tập thể cho phép đưa ngay nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tiến hành sản xuất và phân phối sản phẩm nông nghiệp theo kế hoạch của cả nước, tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật và ứng dụng nhiều thành quả khoa học, kỹ thuật tiên tiến trong nông nghiệp, hoàn thành cái tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và người nông dân mới. Chúng ta có thể phân bố lại lao động trong từng địa phương và trong cả nước để thâm canh, tăng vụ đi đôi với mở rộng diện tích, khai thác cả đồng bằng, trung du, miền núi, miền biển, gắn liền chuyên môn hóa với kinh doanh tổng hợp trong nông nghiệp, phát triển mạnh cả trồng trọt và chăn nuôi, kết hợp chặt chẽ nông, lâm, ngư nghiệp. Bằng cách đó, chúng ta phân đầu trong chặng đường đầu

tiền này sử dụng hết 10 triệu héc ta đất nông nghiệp và 15 triệu héc ta đất rừng, gieo trồng bình quân hai vụ trên đất trồng cây hằng năm, bố trí cơ cấu cây trồng và vật nuôi một cách hợp lý, để mỗi héc-ta đất mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Những kết quả thực tế mấy năm nay theo phương hướng trên đây cho chúng ta thấy rõ khả năng đưa nông nghiệp vươn lên làm tròn cả ba nhiệm vụ: bảo đảm ăn, mặc, ở cho nhân dân, đặc biệt là sản xuất đủ lương thực và có dự trữ, cung ứng nguyên liệu nông sản cho công nghiệp hàng tiêu dùng, và tạo ra nguồn xuất khẩu quan trọng.

Một nền nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa như vậy hoàn toàn không thể do tự thân nông dân và nông nghiệp một cách đơn độc, mà nhất thiết phải là sản phẩm của cả công nghiệp và nông nghiệp, gắn bó với nhau trong một cơ cấu hợp lý.

Phát triển nông nghiệp phải kết hợp chặt chẽ với phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng, bao gồm công nghiệp thực phẩm và các ngành công nghiệp nhẹ. Công nghiệp hàng tiêu dùng có vai trò rất quan trọng, sử dụng được nhiều lao động xã hội, qua chế biến làm tăng thêm giá trị nông sản, tạo ra những sản phẩm cuối cùng sẵn sàng phục vụ người tiêu dùng, nhờ đó có nguồn hàng trao đổi với nông dân và kích thích sản xuất nông nghiệp, cung ứng nhiều mặt hàng xuất khẩu, giúp thu những khoản lớn cho ngân sách Nhà nước, giảm bội chi, tiến tới ổn định tài chính và tiền tệ. Mấy năm nay, công nghiệp hàng tiêu dùng tăng chậm, những năng lực sản xuất hiện có chỉ dùng được chừng một nửa, chất lượng nhiều loại sản phẩm giảm sút; những thiếu sót đó gây trở ngại trực tiếp đối với việc phát triển nông nghiệp, làm khó khăn thêm cho việc Nhà nước

nắm hàng và làm chủ thị trường, làm cho xuất - nhập khẩu chậm phát triển, và ảnh hưởng xấu đến đời sống của nhân dân. Ngay hiện nay, chúng ta hoàn toàn có khả năng và nhất thiết phải sớm giải quyết các vấn đề về cung ứng năng lượng và nguyên liệu, về sắp xếp lại sản xuất và đổi mới cơ chế quản lý để phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng cả chiều rộng và chiều sâu, từ công nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương đến các ngành, nghề tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở nông thôn và thành thị. Nếu tăng được khoảng từ 20 đến 25% sản lượng hàng tiêu dùng, thì thế và lực về kinh tế của Nhà nước có sự thay đổi rõ rệt.

Trong chặng đường đầu tiên của chủ nghĩa xã hội, tập trung sức đẩy mạnh nông nghiệp, tích cực phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng, là tăng cường cơ sở cho việc xây dựng công nghiệp nặng. Mặt khác, để đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, và tăng nhanh công nghiệp hàng tiêu dùng, phải luôn luôn nắm vững và phát huy vai trò ưu tiên hợp lý của công nghiệp nặng, sử dụng thật tốt các năng lực công nghiệp nặng sẵn có, xây dựng thêm những cơ sở công nghiệp nặng cần thiết, cung ứng thêm điện, than, xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, hóa chất cơ bản, các loại thiết bị, máy móc, công cụ và phụ tùng, các loại vật liệu xây dựng... Phải phát triển thích đáng và nâng cao chất lượng những mặt hàng công nghiệp nặng xuất khẩu để có thêm ngoại tệ nhập kỹ thuật và vật tư cho nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và bản thân công nghiệp nặng. Ngành giao thông vận tải phải được chấn chỉnh và tăng cường về mọi mặt, bằng cách thực hiện rộng rãi chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm, để phục vụ nhanh chóng và an toàn cho sản xuất, xây dựng, quốc phòng và đời sống nhân dân. Những

năm sắp tới, phải đặc biệt chú trọng đẩy mạnh công nghiệp năng lượng, giao thông vận tải, là hai bộ phận chủ yếu của kết cấu hạ tầng bảo đảm cho mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời là hai khâu yếu nổi bật của nền kinh tế.

Trong khi hướng công nghiệp nặng trước hết nhằm thúc đẩy nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng, phải xúc tiến mọi công tác chuẩn bị cần thiết, như làm luận chứng kinh tế - kỹ thuật, tranh thủ sự hợp tác và giúp đỡ của các nước anh em và các nước khác về xây dựng công nghiệp nặng, thiết kế các công trình, bồi dưỡng công nhân và cán bộ. Chúng ta phải luôn luôn chủ động, tận dụng mọi thời cơ và khả năng để bắt tay xây dựng một số công trình công nghiệp nặng then chốt, đặc biệt là cơ khí và luyện thép. Không có thép và cơ khí thì không có công nghiệp nặng, không có chủ nghĩa xã hội. Chúng ta phải ra sức phấn đấu xây dựng cơ khí lớn và cơ khí nặng, đẩy mạnh khai thác dầu và khí, làm cho dầu khí sớm trở thành một chủ bài kinh tế, mở thêm một số nhà máy nhiệt điện và thủy điện tiếp theo sông Đà, Phú Lai và Trị An, xây dựng cơ sở luyện kim nửa triệu tấn và hàng triệu tấn thép đi đôi với một số cơ sở cỡ mười vạn tấn, phát triển luyện kim màu, công nghiệp hóa chất và vật liệu xây dựng. Tóm lại, ngay trong chặng đường đầu tiên, từ kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, phải bắt đầu tiến hành từng bước những công việc sẽ trở thành nội dung chủ yếu của chặng đường tiếp theo, là xây dựng hệ thống công nghiệp nặng phát triển, làm nòng cốt cho cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hiện đại.

Trong cơ cấu kinh tế, vai trò nền tảng vô cùng quan trọng thuộc về các đơn vị cơ sở. Không có cơ sở thì không có công nghiệp và nông nghiệp, không có kinh tế trung ương và kinh

tế địa phương, không có sự tồn tại của nền kinh tế. Đơn vị cơ sở là tiền tuyến của mặt trận kinh tế, nơi sản xuất mọi của cải vật chất, nơi tạo ra sản phẩm thặng dư và nguồn vốn tích lũy, nơi quần chúng lao động hằng ngày và trực tiếp tiến hành ba cuộc cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Trong công nghiệp, đơn vị cơ sở là xí nghiệp hoặc xí nghiệp liên hợp. Trong nền nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đơn vị cơ bản là huyện, gắn liền với hợp tác xã. Với chừng 200 nghìn dân trên diện tích chừng 20 nghìn héc ta canh tác, huyện có vai trò quan trọng có tính lịch sử, là địa bàn thích hợp để hội tụ lực lượng từ các hợp tác xã, phân công mới lao động, sử dụng tốt đất đai, mở mang các ngành, nghề, gắn liền trồng trọt, chăn nuôi và chế biến nông sản, kết hợp lực lượng của hợp tác xã và của huyện với lực lượng từ tỉnh và trung ương đưa về, tạo ra một sức mạnh tổng hợp, phát triển kinh tế, xây dựng văn hóa, bồi dưỡng con người mới, củng cố quốc phòng, bảo đảm đời sống của nhân dân và tái sản xuất mở rộng.

Một nhiệm vụ cơ bản của quản lý kinh tế là ra sức củng cố và xây dựng tốt chừng 400 xí nghiệp lớn và tổ chức liên hiệp sản xuất trong công nghiệp, cùng với chừng 400 huyện nông - công nghiệp. Bằng cách đó, tăng nhanh sản phẩm xã hội, làm chủ tận gốc hàng và tiền, tạo ra cái cốt vững chắc cho nền kinh tế. Muốn vậy, phải tổ chức lại sản xuất thật hợp lý trong từng xí nghiệp và từng huyện, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh của từng cơ sở để đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Mở rộng quyền làm chủ cho cơ sở, tăng cường tính năng động, linh hoạt của cơ sở, tập trung sức của các ngành, các cấp để chỉ đạo và phục vụ cơ sở, sớm xóa bỏ những cơ sở yếu kém, sớm chuyển những cơ sở trung bình

thành tiền tiến, sớm tổng kết và phổ biến kinh nghiệm của các cơ sở xuất sắc, đó là phương hướng lớn của việc đổi mới quản lý kinh tế.

Chế độ làm chủ tập thể ở ba cấp cơ bản đương nhiên dẫn đến cơ cấu kinh tế liên kết hợp lý các đơn vị cơ sở thành kinh tế trung ương và kinh tế địa phương.

Kinh tế trung ương bao gồm những cơ sở quan trọng nhất của cả nước, là những đơn vị đầu đàn của công nghiệp nặng, công nghiệp hàng tiêu dùng và nông nghiệp, với kỹ thuật tiên tiến, quy mô lớn, giúp cho các ngành kinh tế - kỹ thuật sớm hình thành và trở nên trụ cột của nền sản xuất lớn, đi vào chuyên và tinh, vận dụng khoa học kỹ thuật hiện đại. Tích cực củng cố những ngành kinh tế - kỹ thuật đã có và ra sức xây dựng một cách vững chắc những ngành kinh tế - kỹ thuật mới trong phạm vi cả nước, trước hết là những ngành trọng yếu, đặc biệt chú ý liên kết các ngành gần nhau và bổ sung cho nhau, nhất là liên kết công - nông nghiệp, đó là một nhiệm vụ có tính chiến lược, xét trước mắt cũng như lâu dài, đòi hỏi sự cộng tác và phối hợp chặt chẽ của các bộ cũng các cấp chính quyền tỉnh, thành và quận, huyện.

Kinh tế địa phương bao gồm các cơ sở quy mô vừa và nhỏ, các cơ sở chế biến nông sản, lâm sản, hải sản do địa phương sản xuất, các cơ sở công nghiệp nhẹ và vật liệu xây dựng có ý nghĩa địa phương, một số cơ sở làm công cụ và tư liệu sản xuất sử dụng ở địa phương. Kinh tế địa phương tận dụng mọi tài nguyên và thế mạnh tại chỗ, đạt hiệu quả khu vực cao nhất, sản xuất nhiều mặt hàng đa dạng, phụ trách phân phối và bảo đảm đời sống cho toàn bộ dân cư ở địa phương, tạo ra những mẫu kinh tế và cho xã hội, kết hợp kinh tế

với quốc phòng, bảo đảm hậu cần tại chỗ, đóng góp ngày càng lớn cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà.

Bằng sự phân định hợp lý cơ cấu và sự phát triển đồng thời kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, chúng ta lồng được vào nhau cả ba giai đoạn hợp tác giản đơn, công trường thủ công và đại công nghiệp cơ khí, vận dụng đúng đắn các kỹ thuật thô sơ và hiện đại, các quy mô lớn, vừa và nhỏ, kết hợp tốt chuyên môn hóa, hợp tác và liên hiệp sản xuất, tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa một cách hợp lý nhất, chủ động nhất.

Cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý gắn bó với nhau thành một tồn tại, trong đó cơ cấu kinh tế quyết định cơ chế quản lý, và cơ chế quản lý phục vụ cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sự hình thành cơ cấu kinh tế mới. Phải tích cực sắp xếp và tổ chức lại nền sản xuất xã hội, bắt đầu từ các cơ sở, bố trí cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý, nhằm vào đó và dựa trên nền tảng đó mà đổi mới cơ chế quản lý, như vậy kế hoạch Nhà nước và các chính sách đòn bẩy mới phát huy được tác dụng mong muốn. Mặt khác, cần chủ động xác định cơ chế quản lý thích hợp, vận dụng cơ chế ấy để xây dựng cơ cấu kinh tế mới, theo đúng đường lối của Đảng. Những khâu quan trọng, những mặt yếu kém trong cơ cấu kinh tế phải là những trọng điểm về đổi mới cơ chế quản lý. Theo tinh thần đó, đổi mới quản lý kinh tế hiện nay là làm cho mọi cơ sở đều có quyền chủ động sản xuất, kinh doanh, làm cho cấp huyện có đủ quyền làm chủ để xây dựng thành công huyện nông - công nghiệp, làm cho kinh tế địa phương phát triển mạnh, các ngành kinh tế - kỹ thuật, trước nhất là các ngành then chốt như cơ khí, năng lượng, giao thông vận tải, luyện kim, hóa chất được xây dựng tích cực, các

cơ sở cũng như các ngành, các địa phương đều đi nhanh vào khoa học, kỹ thuật, làm ra nhiều sản phẩm có

chất lượng tốt, bảo đảm được đời sống nhân dân và có tích lũy để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

III - GẮN LIỀN KẾ HOẠCH VỚI HẠCH TOÁN KINH TẾ, VÀ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, LẤY KẾ HOẠCH LÀM TRUNG TÂM

Nền kinh tế thiết lập trên cơ sở công hữu tư liệu sản xuất cũng như toàn bộ chế độ xã hội chủ nghĩa ra đời một cách có kế hoạch. Vừa kế hoạch hóa sự phát triển của từng đơn vị kinh tế cơ sở, của từng địa phương và từng ngành, vừa kế hoạch hóa toàn bộ nền kinh tế quốc dân, tổ chức hợp lý mọi lực lượng lao động để sử dụng có hiệu quả mọi đối tượng lao động và tư liệu lao động, đứng trên tầm nhìn và quy mô toàn xã hội mà huy động tất cả sức mạnh vật chất và tinh thần của chế độ, tập trung hoàn thành những nhiệm vụ và đạt những mục tiêu của cả nước, đó là một đặc điểm bản chất và một ưu thế tuyệt đối của chủ nghĩa xã hội, mà chủ nghĩa tư bản không thể có được. Chế độ làm chủ tập thể cho phép và đòi hỏi phát huy ngay từ đầu bản chất và ưu thế ấy, kế hoạch hóa sự phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng với trình độ tự giác và chủ động ngày càng cao cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, cũng như toàn bộ xã hội xã hội chủ nghĩa, tránh được những cơn khủng hoảng là căn bệnh đang ngày càng trầm trọng của hệ thống tư bản chủ nghĩa quốc tế.

Ở nước ta, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, mặc dù nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chưa rộng khắp trong cả nước, chúng ta vẫn dựa trên quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động đã được xác lập, phát huy vai trò của Nhà

nước xã hội chủ nghĩa, luôn luôn nắm vững kế hoạch, coi đó là trung tâm của hệ thống quản lý kinh tế, sử dụng kế hoạch để thúc đẩy sản xuất phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, và tiến hành công nghiệp hóa nước nhà.

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội cho thấy kế hoạch hóa là một trong những vấn đề cơ bản và cấp bách, nhưng lại khó khăn và phức tạp của công cuộc vận dụng các quy luật kinh tế, phát huy những động lực nhiều mặt của chế độ mới, tạo ra nhân tố quyết định thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, tức là một năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản.

Kế hoạch là cương lĩnh kinh tế, xã hội của Đảng. Kế hoạch Nhà nước bố trí cơ cấu, những cần đổi, những tỷ lệ, những chỉ tiêu kinh tế thể hiện sự lựa chọn chiến lược của nền kinh tế quốc dân. Theo tinh thần ấy, kế hoạch hóa là nắm tất cả của cải, lao động, đất đai và các tài nguyên khác, sử dụng tốt mọi cơ sở vật chất - kỹ thuật và năng lực sản xuất, làm ra nhiều của cải cho xã hội. Từ những công trình xây dựng lớn huy động hàng chục vạn người và hàng tỷ đồng vốn, những xí nghiệp quốc doanh hàng mấy ngàn công nhân, cho đến hoạt động sản xuất của từng người nông dân và thợ thủ công cá thể, đều nằm trong kế hoạch hoặc được thu hút vào quỹ đạo của kế hoạch. Từ việc đáp ứng những nhu cầu to lớn

về nhiều mặt của toàn xã hội, việc chuẩn bị lâu dài cho các thế hệ mai sau, đến việc bảo đảm đời sống hằng ngày cho từng gia đình, việc nuôi dạy các cháu nhỏ, việc chăm sóc các cụ già, đều được tính toán trong các cân đối của kế hoạch.

Kế hoạch phải là đòn bẩy mạnh mẽ nhất trong hệ thống đòn bẩy kinh tế, không chỉ là pháp lệnh bắt buộc, mà thật sự chứa đựng ngay trong đó một sức khuyến khích, cổ vũ to lớn đối với các đơn vị cơ sở, các địa phương, các ngành và đối với mỗi người lao động.

Kế hoạch phải là bản tổng hợp những phương án kinh tế - khoa học - kỹ thuật được lựa chọn chu đáo, bảo đảm đưa nhanh thành quả khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào nền kinh tế quốc dân, tạo điều kiện và bắt buộc mọi cơ sở, mọi người lao động đều làm việc theo những tiêu chuẩn, những định mức kinh tế và khoa học kỹ thuật tiên bộ.

Kế hoạch phải bao quát nội dung ba cuộc cách mạng, và về kinh tế, phải quán xuyên được các khâu của quá trình tái sản xuất xã hội, gắn liền sản xuất với phân phối, lưu thông và tiêu dùng, gắn liền thị trường trong nước với thị trường thế giới.

Phù hợp với ba cấp cơ bản làm chủ tập thể, phải xây dựng cho được ba cấp kế hoạch cơ bản: cả nước (trong đó có các ngành), địa phương và đơn vị cơ sở, mỗi cấp, kế hoạch đều do cả ba cấp cùng làm chủ theo nội dung và phương pháp kế hoạch hóa thích hợp. Ba cấp kế hoạch là một tồn tại khách quan, một thực thể chính trị, kinh tế, xã hội thống nhất. Trung tâm của công tác quản lý phải được xác định là hệ thống kế hoạch từ trung ương đến cơ sở, trong đó kế hoạch cơ sở, kế hoạch huyện, kế hoạch địa phương có vai trò rất quan trọng.

Nói ba cấp kế hoạch, không phải là một kế hoạch quyết định từ một trung tâm rồi phân ra từng phần để giao xuống cho từng cấp dưới, hoặc ngược lại, từng cơ sở tùy ý xoay xở, bất chấp kế hoạch của các cấp trên. Ba cấp kế hoạch làm chủ tập thể là mỗi cấp thật sự làm chủ kế hoạch, xây dựng, cân đối, bảo vệ và thực hiện kế hoạch của mình; từng cơ sở và từng địa phương được giao rộng rãi quyền hạn để căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ và những chỉ tiêu chủ yếu của cả nước, mà khai thác mọi tiềm năng của đơn vị, sản xuất, kinh doanh năng động, đạt hiệu quả cao, bảo đảm phân phối hợp lý, cải thiện đời sống của người lao động, đáp ứng nhu cầu tái sản xuất mở rộng của đơn vị, đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà.

Trong khi nêu bật sự cần thiết phải mở rộng quyền hạn làm chủ kế hoạch của các đơn vị cơ sở, của cấp huyện, của các địa phương và các ngành, chúng ta cũng nhấn mạnh một cách tương ứng sự cần thiết phải nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ của tất cả các cấp ấy đối với sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế, đối với đời sống của nhân dân cả nước. Trong ba cấp kế hoạch, chúng ta nêu cao vị trí ưu tiên và tác dụng quyết định của kế hoạch cả nước, Được xây dựng từ đơn vị cơ sở nhưng không phải là số cộng đơn thuần của các kế hoạch cơ sở, kế hoạch cả nước phải xác định phương hướng, mục tiêu và những nhiệm vụ chung của toàn bộ nền kinh tế, xã hội; phải chỉ ra chính xác những ngành và những địa bàn trọng điểm để tập trung ưu tiên các lực lượng cả nước; phải thật sự tổng hợp kế hoạch của các cấp, các ngành thành các cân đối lớn, các chỉ tiêu chủ yếu và các biện pháp thực hiện. Làm hết sức mình để góp vào việc hoàn thành kế hoạch cả nước, đó là nghĩa vụ, lương tâm và vinh dự của

mỗi đơn vị, mỗi người lao động làm chủ tập thể.

Trong hệ thống các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, kế hoạch hằng năm, hằng quý ở các cấp (cơ sở có thêm kế hoạch hằng tháng, hằng tuần) giữ vai trò chủ yếu, đó là những công cụ điều hành, phải được cơ động điều chỉnh kịp thời theo những biến động của tình hình kinh tế, xã hội. Phát hiện và tận dụng mọi khả năng, bồi dưỡng những nhân tố tích cực khi vừa xuất hiện, khắc phục những khó khăn khi mới nảy sinh, chính là nhờ sự điều chỉnh linh hoạt này. Đồng thời, kế hoạch năm năm, có chia ra từng năm, giữ vai trò ngày càng quan trọng và thiết thực, và từng bước tiến lên trở thành hình thức kế hoạch hóa chủ yếu. Trước mắt, cần khẩn trương xây dựng kế hoạch 5 năm 1986 - 1990. Xác định chiến lược kinh tế, xã hội của thời kỳ quá độ và của chặng đường đầu tiên, lập quy hoạch phát triển và phân bố lực lượng sản xuất, xây dựng kế hoạch dài hạn, là những khâu cơ bản của quá trình kế hoạch hóa, cần được xúc tiến một cách nghiêm túc, đề cụ thể hóa đường lối của Đảng, vận dụng các quy luật tiến lên chủ nghĩa xã hội, vạch ra triển vọng và hướng dẫn cả quá trình phát triển kinh tế, xã hội trong thời gian tương đối dài.

Công tác kế hoạch hóa ở tất cả các cấp phải là công tác kinh tế gắn liền với cuộc sống sinh động và thực trạng kinh tế xã hội. Trong công tác kế hoạch hóa, phải sử dụng những hình thức phong phú để thu hút sự tham gia tích cực của đội ngũ cán bộ kinh tế và khoa học, kỹ thuật, của đông đảo nhân dân lao động, làm cho kế hoạch ở mỗi cấp thật sự là một công trình của trí tuệ tập thể.

Hạch toán kinh tế là phương pháp quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa áp dụng đối với các cơ sở và các tổ chức sản xuất, kinh doanh.

Từng đơn vị nắm vững kế hoạch là trung tâm, thực hiện quyền làm chủ, tính toán hiệu quả kinh tế, động viên mọi lực lượng của đơn vị, phát huy mọi nhân tố tăng trưởng, khai thác mọi khả năng qua liên kết trong nước và qua xuất nhập khẩu, đề xây dựng và thực hiện kế hoạch của mình một cách tốt nhất, tự chủ về tài chính, tự trang trải mọi chi phí, có nhiều lợi nhuận, và phân phối lợi nhuận ấy một cách đúng đắn cho cả ba lợi ích, của xã hội, của đơn vị và của từng người lao động. Không phải là hạch toán kinh tế nếu không có đủ những yếu tố nói trên, như lấy kế hoạch làm trung tâm, tự chủ về tài chính của cơ sở, phân phối lợi nhuận thỏa đáng cho cả ba lợi ích. Muốn hạch toán kinh tế, phải có định mức, tiêu chuẩn, phải thống kê, phải tính hiệu quả đến nơi đến chốn. Hạch toán kinh tế không phải là hạch toán thương nghiệp.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với các cơ sở, các tổ chức, các ngành sản xuất, kinh doanh, chính là thực hiện chế độ hạch toán kinh tế. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa còn bao hàm cả cách nghĩ, cách làm mới mẻ của con người làm chủ tập thể, mà đặc trưng là luôn luôn nhạy cảm về hiệu quả kinh tế. Mọi cấp quản lý, mọi người quản lý, từ Hội đồng Bộ trưởng, các đồng chí đứng đầu các ngành và các địa phương, các cán bộ tham mưu, cán bộ tác chiến trên mặt trận kinh tế, cho đến từng người lao động, mỗi người trên chức trách và công việc cụ thể của mình, đều phải thấm nhuần tư tưởng kinh doanh xã hội chủ nghĩa và biết cách kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước là tổng tham mưu về kinh doanh xã hội chủ nghĩa, và kế hoạch Nhà nước chính là phương án kinh doanh xã hội chủ nghĩa của cả nước.

Kế hoạch không gắn với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì chỉ là sản phẩm chủ quan của những cơ quan quản lý quan liêu, xa

cuộc sống. Hạch toán kinh tế không lấy kế hoạch làm trung tâm thì làm mất đi cái bản chất, cái linh hồn của nó, không còn là hạch toán kinh tế mà chỉ là sự xoay xở phường hội. Kinh doanh thoát ly kế hoạch cũng có nghĩa là thoát ly phương hướng xã hội chủ nghĩa và đề cao vai trò chỉ phối của quy luật giá trị, của thị trường.

Sử dụng những phương pháp, những hình thức kế hoạch hóa cụ thể, xác định những chính sách đòn bẩy kinh tế thỏa đáng để thực hiện việc gắn liền kế hoạch, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa phù hợp với chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta là phương hướng đổi mới cơ chế quản lý và kế hoạch hóa của chúng ta.

Phương hướng ấy, về lâu dài cũng như trước mắt, là **khắc phục bệnh quan liêu, bao cấp, khắc phục khuynh hướng chạy theo thị trường tự do, chống tệ bản vị, cục bộ hẹp hòi**. Phương hướng ấy là mở rộng quyền hạn, đề cao trách nhiệm và tăng thêm lợi ích cho các cấp dưới, trước nhất là cho các đơn vị cơ sở, cho huyện, thật sự đề cho cơ sở tự chủ tài chính, thật sự nâng cao quyền chủ động sản xuất, kinh doanh cho các địa phương và các ngành; là mạnh dạn khuyến khích tích cực lợi ích vật chất của người lao động, xem đó là một động lực rất quan trọng trong các động lực vật chất và tinh thần của chế độ làm chủ tập thể; là phát huy sức mạnh của từng người khuyến khích sáng kiến cá nhân, đi đôi với phát huy sức mạnh của tập thể.

Mở rộng quyền chủ động cho cơ sở, khuyến khích lợi ích vật chất và giải phóng sức sáng tạo của từng

người lao động đi đôi với phát huy sức mạnh của cộng đồng, là làm cho nhân dân lao động hăng hái, phấn khởi đi vào khoa học kỹ thuật, làm việc có năng suất, chất lượng và hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để củng cố trật tự xã hội chủ nghĩa, tăng cường hiệu lực của pháp chế và kỷ luật, phát triển sản xuất, thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng, qua đó mà chọn lọc cán bộ và bồi dưỡng tài năng.

Mở rộng quyền chủ động về kinh tế của các cấp dưới, là tạo điều kiện cần thiết để trung ương tập trung sức thực hiện các cân đối lớn, nắm chắc các khâu chủ yếu của tái sản xuất xã hội, các công trình xây dựng quan trọng nhất, các sản phẩm có ý nghĩa chiến lược đối với cả nước. Nhà nước trung ương phải nắm chắc những khâu then chốt của nền kinh tế quốc dân nhằm ba mục đích, một là để chỉ đạo phương hướng và hoạt động của toàn bộ nền kinh tế, hai là để đáp ứng những nhu cầu của cả nước mà trung ương trực tiếp phụ trách, và ba là để bảo đảm mở rộng quyền làm chủ của cơ sở, của địa phương và của người lao động, đây là một điểm rất quan trọng.

Trong điều kiện hiện nay, ở mỗi đơn vị, kế hoạch phải vận dụng được bốn nguồn khả năng vật chất là: khả năng mà đơn vị tự có, khả năng do liên kết kinh tế, khả năng do xuất nhập khẩu và khả năng do cấp trên cung ứng; kế hoạch phải phát huy được sức mạnh to lớn của việc ứng dụng khoa học, kỹ thuật, đổi mới quản lý kinh tế, thực hành triệt để tiết kiệm, và khơi phong trào cách mạng của nhân dân.

IV – TIẾN HÀNH CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHIỆP HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trên thế giới đang

tạo ra những hệ thống máy móc tự động, những nguồn năng

lượng, nguyên liệu mới, những công nghệ sản xuất, những phương tiện điều khiển kinh tế, quản lý xã hội với chất lượng và hiệu quả to lớn chưa từng thấy. Cách mạng khoa học - kỹ thuật đang thâm nhập mọi lĩnh vực hoạt động và đời sống của con người, mang lại những bước tiến kỳ diệu.

Khoa học cùng với kỹ thuật đang thật sự trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp. Những thành tựu khoa học và kỹ thuật không chỉ vật chất hóa thành những thiết bị, công cụ, vật tư mà một phần quan trọng được thể hiện trong sự hiểu biết tiên tiến, những quy trình hoạt động hợp quy luật thiên nhiên và xã hội, những cách thức sản xuất hiện đại trong công nghiệp, những biện pháp liên hoàn thâm canh tăng năng suất trong nông nghiệp, những phương pháp mới mẻ, sáng tạo trong quản lý kinh tế. Nhiều thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật tiên tiến có thể thực hiện được ở những nước trình độ phát triển về kinh tế chưa cao.

Phát huy tinh tru việt của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, chúng ta có thể khai thác khả năng cực kỳ quan trọng đó của cách mạng khoa học - kỹ thuật. Chúng ta đặt cách mạng khoa học - kỹ thuật thành bộ phận then chốt của cách mạng xã hội chủ nghĩa và ra sức tạo cho nó những điều kiện vật chất, chính trị, xã hội dễ phát triển mạnh mẽ. Chúng ta phải phát triển đồng thời cả ba loại khoa học - khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội; xây dựng con người của xã hội mới thành con người có hiểu biết và tự giác tiến hành cách mạng khoa học - kỹ thuật.

Phương châm của chúng ta là **nhANH CHỌNG vươn lên làm chủ cho được những lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, cần thiết và có**

khả năng thực hiện, với tinh thần: cái gì đất nước có nhu cầu thì ta phải làm chủ cho kỳ được. Phải phát huy năng lực sáng tạo to lớn của đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, khuyến khích phát minh, sáng chế, lựa chọn những cái tiên tiến, đi thẳng vào kỹ thuật hiện đại hoặc tiếp cận với những thành tựu khoa học, kỹ thuật cao nhất. Đồng thời, chúng ta cũng sử dụng những thành tựu loại trung bình và những phương tiện thủ công cần thiết. Song trong chế độ làm chủ tập thể, lao động thủ công cũng có thể nắm được và vận dụng những thành tựu tiên tiến, như cách mạng sinh học, những quy trình tăng năng suất trồng trọt và chăn nuôi, những công nghệ hiện đại.

Một cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật như vậy rõ ràng **không thể chỉ là công việc của những người lao động trí óc, của công tác nghiên cứu ở các viện, các trường, mà cơ bản phải là sự nghiệp của quần chúng đông đảo**, phải thành phong trào thường xuyên và thói quen làm việc của hàng chục triệu người lao động.

Vai trò then chốt của cách mạng khoa học - kỹ thuật gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, nhằm xây dựng nền đại công nghiệp cơ khí đủ sức trang bị kỹ thuật hiện đại cho các ngành của nền kinh tế quốc dân, xây dựng hệ thống công nghiệp nặng, phát triển kết cấu kỹ thuật hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông vận tải. Do sự gắn liền như vậy, bước đi và cách làm của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa chính là bước đi và cách làm của cách mạng khoa học - kỹ thuật.

Trong chặng đường trước mắt, trong khi tập trung sức đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn bằng một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý,

chúng ta phải nhìn xa tính trước, chuẩn bị điều kiện cho chặng đường công nghiệp hóa tiếp theo.

Chúng ta cần làm sáng tỏ những phương hướng tổng quát và xác định những sự lựa chọn về khoa học, kỹ thuật đối với từng ngành, như cách mạng sinh học, cơ khí, điện tử, năng lượng, luyện kim, hóa chất, vật liệu xây dựng, giao thông vận tải... Sự lựa chọn này phải xuất phát đầy đủ từ tiềm năng của đất nước về từng ngành và phải sử dụng thích hợp những thành tựu tiên tiến. Đối với một vài ngành có ý nghĩa quyết định, như cơ khí, trung tâm thần kinh của nền kinh tế, cần phải chú ý rằng sự lạc hậu ở đây sẽ gây ra sự lạc hậu về kỹ thuật của tất cả các ngành, và càng dễ sự lạc hậu kéo dài thì càng khó khắc phục. Do đó, cần phải sớm đưa mấy ngành có ý nghĩa quyết định đi nhanh vào kỹ thuật hiện đại.

Sự lựa chọn về phương hướng khoa học, kỹ thuật phải thông nhất với sự lựa chọn về phương hướng kinh tế, xã hội. Khoa học, kỹ thuật phải tối ưu về hiệu quả kinh tế, và kinh tế phải tiên tiến về trình độ khoa học, kỹ thuật. Phương hướng này phải được thực hiện trong những chương trình tổng thể kinh tế - khoa học - kỹ thuật - xã hội, làm nông cốt cho các kế hoạch kinh tế quốc dân.

Khoa học, kỹ thuật không chỉ là căn cứ, là cơ sở của hoạt động kinh tế, xã hội, mà còn là yêu cầu nội tại của các hoạt động ấy. Công tác quản lý kinh tế phải đưa các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến vào nội dung và phương pháp kế hoạch hóa, vào các chính sách đòn bẩy, các hình thức tổ chức, để cho cơ chế quản lý mới vận dụng được khoa học, kỹ thuật như lực lượng sản xuất trực tiếp.

Như vậy là có hai mặt liên quan chặt chẽ với nhau một mặt, nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật của

quản lý, bảo đảm cho các quyết định về đầu tư, sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng được nhanh nhạy và đúng đắn. Mặt khác, hình thành một cơ chế quản lý thật sự thúc đẩy sản xuất bằng khoa học, kỹ thuật, nhờ đó, không ngừng hoàn thiện các sản phẩm, tiết kiệm tiêu hao vật chất, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao.

Chúng ta đã có những điều kiện thuận lợi đầy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật. Đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật đang tăng lên tương đối nhanh. Đội ngũ này gồm khoảng 850 nghìn người, kể cả cán bộ kỹ thuật trung cấp, cùng với gần một triệu công nhân có nghề, sự phân bố đang được điều chỉnh theo hướng tăng cường cho cơ sở sản xuất. Nhiều cán bộ khoa học, kỹ thuật có tài năng và phẩm chất. Các tổ chức nghiên cứu và quản lý khoa học, kỹ thuật cũng phát triển nhanh, đã hình thành hệ thống từ trung ương đến xí nghiệp, hợp tác xã. Công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ thuật đã có những thành tựu đáng mừng về nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, xây dựng và về điều tra cơ bản thiên nhiên. Hàng chục triệu người lao động ở nông thôn và thành thị, vượt qua biết bao khó khăn, đã phát huy nhiều sáng kiến đầy mạnh sản xuất, ứng dụng những thành tựu tiên tiến của khoa học, kỹ thuật.

Năng lực khoa học, kỹ thuật của cán bộ và nhân dân ta chưa được đánh giá đúng và sử dụng tốt, kể từ việc phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của quần chúng tại chỗ, tìm ra những biện pháp khoa học; kỹ thuật cụ thể, việc tập trung lực lượng giải quyết các vấn đề phát triển khoa học, kỹ thuật của từng ngành, cho đến việc huy động tổng hợp toàn bộ đội ngũ, cả khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội,

kết hợp với trí tuệ của những người lao động, xây dựng những quy hoạch và kế hoạch tổng thể cho nền kinh tế, xã hội.

Phương pháp kế hoạch hóa, các chính sách, chế độ quản lý và cách tổ chức làm việc của chúng ta chưa khuyến khích và bắt buộc mọi người ứng dụng khoa học, kỹ thuật, thậm chí có những trường hợp từ chối tiến bộ khoa học, kỹ thuật, duy trì lối làm ăn cũ kỹ. Chính sách đối với cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật, như bồi dưỡng, giáo dục, tạo điều kiện và phương tiện làm việc, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, còn nhiều chỗ chưa thỏa đáng.

Phương hướng cơ bản của việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và cả quản lý khoa học, kỹ thuật là

khắc phục những khuyết điểm trên đây, làm cho cơ chế quản lý mới **thật sự mở đường cho khoa học, kỹ thuật trở thành bản chất bên trong của các quyết định kinh tế và là nhân tố tăng trưởng của kinh tế**; cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật phải được đặt đúng vị trí của mình, nhất là được bố trí đúng ở cơ sở sản xuất, nghiên cứu, thử nghiệm, được đãi ngộ không phải chủ yếu theo bằng cấp và học vị, mà được trả lương và khen thưởng theo hiệu quả kinh tế, xã hội của lao động sáng tạo trong sản xuất và đời sống. Cơ chế đó cũng bảo đảm động viên sự tham gia của hàng chục triệu người lao động vào cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang diễn ra hàng ngày.

V - LÀM CHỦ PHÂN PHỐI, LƯU THÔNG

Sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng là bốn khâu cơ bản của quá trình tái sản xuất xã hội, có quan hệ biện chứng với nhau. Sản xuất là gốc, sản xuất quyết định phân phối, lưu thông và tiêu dùng. Đồng thời, là khâu nối liền sản xuất với sản xuất, nối liền sản xuất với tiêu dùng, công tác phân phối, lưu thông có tác động mạnh mẽ, nhanh nhạy đến sản xuất và đời sống.

Sản xuất quyết định phân phối, lưu thông và tiêu dùng cả về quy mô và phương thức. Chỉ có thể phân phối, lưu thông và tiêu dùng trong phạm vi sản xuất cho phép, và ứng với mỗi phương thức và trình độ phát triển sản xuất phải có phương thức phân phối, lưu thông phù hợp. **Trong bất cứ hoàn cảnh nào, cũng phải nắm vững cái gốc là sản xuất, chỉ có làm chủ sản xuất, đẩy mạnh sản xuất phát triển, mới**

có cơ sở để làm chủ phân phối, lưu thông.

Tài chính, tiền tệ, thương nghiệp, giá cả, tiền lương là những phạm trù hoạt động theo những quy luật chung của phân phối, lưu thông xã hội chủ nghĩa, mỗi phạm trù lại có quy luật riêng của nó, mà chúng ta phải phát hiện và vận dụng cho tốt. Song ngay trong chặng đường đầu tiên này, các quy luật về phân phối, lưu thông phải **phục tùng quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và quy luật phát triển cân đối, có kế hoạch**. Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều thành phần, cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa còn phức tạp, thì phân phối, lưu thông còn chịu tác động của các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa nhỏ và của chủ nghĩa tư bản, và chúng ta phải luôn luôn sử

dụng các công cụ phân phối, lưu thông để tiến hành đấu tranh giai cấp, bảo đảm sự thắng lợi hoàn toàn cho chủ nghĩa xã hội.

Phân phối diễn ra dưới cả hai hình thái hiện vật và giá trị. Trong chủ nghĩa xã hội, còn có sản xuất hàng hóa, cho nên, còn giá trị và quy luật giá trị, song quan hệ giữa giá trị và giá trị sử dụng đã thay đổi; giá trị sử dụng là mục đích, còn giá trị là thước đo tính toán, là phương tiện phân phối và đòn bẩy kích thích để thực hiện kế hoạch, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Kế hoạch kinh tế, xã hội của ta đặt lên hàng đầu giá trị sử dụng và các cân đối hiện vật, đồng thời coi trọng giá trị và các cân đối về giá trị.

Phân phối phải thúc đẩy sản xuất phát triển, trên cơ sở đó, phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân một cách hợp lý, bảo đảm các mối quan hệ cơ bản trong nền kinh tế, nhất là giữa thu nhập của các tầng lớp dân cư trong xã hội. Đó chính là chức năng cơ bản của **tài chính**. Từ sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội, yêu cầu tạo ra nguồn vốn ban đầu là một vấn đề chiến lược đang đặt ra hết sức gay gắt. Nguồn vốn đó là ở chỗ nắm vững và khai thác tốt các khả năng dồi dào về lao động, đất đai và tài nguyên của đất nước, những cơ sở vật chất - kỹ thuật sẵn có và mọi ngành, nghề. Đồng thời với đẩy mạnh sản xuất trong nước, phải phát triển quan hệ kinh tế với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu để thực hiện tích lũy xã hội chủ nghĩa.

Nguồn vốn tài chính được hình thành ngay trong quá trình sản xuất vật chất diễn ra tại các đơn vị cơ sở. **Muốn có nguồn vốn ngày càng tăng, phải chăm lo cho các đơn vị cơ sở hoạt động có hiệu quả theo nguyên tắc hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.** Phải kiên quyết đấu tranh chống

tham ô, lãng phí; **chống khuynh hướng tạo vốn bằng cách đơn thuần chạy theo lợi nhuận, tùy tiện nâng giá để thu chênh lệch;** chống vun vén cho lợi ích cục bộ của đơn vị, xem nhẹ phần đóng góp cho cả nước.

Sản xuất phải đi đôi với tiết kiệm; tiết kiệm trong sản xuất cũng như trong tiêu dùng. Phải sắp xếp tiêu dùng trong giới hạn mà sản xuất cho phép, kiên quyết thay đổi những thói quen tiêu dùng không phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế và truyền thống cần kiệm của dân tộc.

Trong chủ nghĩa tư bản, có tiền là mua được tất cả. Trong chủ nghĩa xã hội, đồng tiền không còn vị trí như vậy; cái quyết định là sử dụng lực lượng lao động xã hội trên cơ sở làm chủ tập thể của những người lao động. Nhưng đồng tiền vẫn là phương tiện tổ chức lao động, tổ chức sản xuất, gắn lao động với đất đai để tạo ra nhiều sản phẩm; đồng tiền còn là công cụ phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân dưới hình thái giá trị, thống nhất với hình thái hiện vật. **Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải quản lý chặt chẽ lưu thông tiền tệ, ổn định và củng cố sức mua của đồng tiền, thu bớt tiền thừa trong lưu thông,** nhất là những khối lượng tiền lớn trong tay bọn gian thương, đầu cơ, tích trữ, buôn lậu. Mặt khác, trên cơ sở làm chủ sản xuất, làm chủ thị trường, Nhà nước có thể **chủ động phát hành theo kế hoạch để thúc đẩy sản xuất,** phân phối lại các nguồn vốn có lợi cho các lực lượng xã hội chủ nghĩa, với điều kiện bảo đảm đồng tiền được sử dụng có hiệu quả. Ngân hàng phải điều hòa lưu thông tiền tệ, huy động tiền nhàn rỗi vào kinh doanh, và bản thân ngân hàng phải biết kinh doanh đồng tiền một cách nhanh nhạy. Thông qua

ngiệp vụ kinh doanh, ngân hàng thực hiện chức năng phục vụ và kiểm soát quá trình sản xuất cũng như quá trình phân phối, lưu thông.

Lưu thông vật tư, hàng hóa (thương nghiệp) là lĩnh vực hoạt động kinh tế, xã hội hết sức quan trọng. Như Lê-nin từng nói, những người cộng sản "phải học tập buôn bán" (2) để biết buôn bán văn minh, theo kiểu xã hội chủ nghĩa. Kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa lấy phục vụ sản xuất và đời sống người lao động làm mục tiêu hàng đầu, chứ không phải để kiếm lời.

Làm chủ thị trường là vấn đề gay gắt nhất hiện nay của Nhà nước ta. Thị trường xã hội chủ nghĩa là quan hệ trao đổi có tổ chức, có kế hoạch giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa hai giai cấp cùng làm chủ là công nhân và nông dân, do Nhà nước quản lý, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các tổ chức cung ứng và thu mua của Nhà nước phải thông qua việc ký kết hợp đồng với người sản xuất ngay từ đầu vụ, tổ chức đưa vật tư và hàng tiêu dùng về phục vụ kịp thời yêu cầu của sản xuất và đời sống, để năm được sản phẩm ngay từ nơi sản xuất, không phải chạy theo việc tranh mua, tranh bán trên thị trường. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (quốc doanh và hợp tác xã mua bán) phải mở rộng mạng lưới bán lẻ đến tận phường, xã, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân mà tổ chức tốt sự phân phối phục vụ đời sống của người lao động, tuyệt đối không được thông qua bọn buôn bán đầu cơ. Chỉ có như vậy, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa mới thật sự là hậu cần của sản xuất và nội trợ của toàn dân, thực hiện đúng mục đích cơ bản của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là đáp ứng những nhu cầu ngày càng tăng của đời sống vật chất và văn hóa của những người lao động.

Thị trường là nơi diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, diễn ra cuộc đấu tranh giữa ta và địch một cách gay gắt hằng ngày, hằng giờ. Không thể làm chủ sản xuất, phân phối, lưu thông, không thể ổn định đồng tiền, giá cả và đời sống của người lao động, nếu không làm chủ thị trường, nếu để thị trường tự do hoạt động lẫn chiếm thị trường xã hội chủ nghĩa. Chúng ta chủ trương còn đề năm thành phần kinh tế trong một số ngành, nghề sản xuất và trong một số năm của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở miền Nam là nhằm khai thác mọi tiềm năng sản xuất, tạo thêm của cải cho xã hội. Nhưng không phải trong sản xuất có bao nhiêu thành phần thì trong thương nghiệp cũng có bấy nhiêu thành phần. Ngay từ bây giờ, Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải nhanh chóng quản lý thống nhất, độc quyền kinh doanh những mặt hàng có ý nghĩa lớn đối với quốc kế, dân sinh, trước hết là lương thực và những vật tư chiến lược, những hàng công nghiệp do quốc doanh sản xuất, do Nhà nước gia công hoặc nhập khẩu. Bằng các loại biện pháp kinh tế, hành chính, giáo dục kết hợp, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải vươn lên nắm đại bộ phận bán buôn, chi phối phần lớn bán lẻ. Cải tạo xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ thị trường tự do về những mặt hàng chủ yếu, thủ tiêu chợ đen, loại trừ bọn đầu cơ, buôn lậu, chống sự phá hoại của kẻ thù, xóa bỏ mọi hình thức thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, cắt đứt sự liên kết giữa tư sản thành thị với phú nông, phú thương và nông dân cá thể, đó là một tiền đề có tính quyết định, để làm chủ thị trường và giá cả. Xác định đúng chính sách giá, vận dụng chính sách

(2) V.I. Lê-nin: *Toán tập*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ. Mat-xcơ-va, 1978, tập 45, tr. 99.

hai loại giá cũng là đề dẫu tranh đấu
lùi thị trường tự do, tiến tới làm chủ
thị trường ngày càng rộng lớn và
vững chắc hơn.

Đề làm chủ thị trường, xóa bỏ tư
sân thương nghiệp, cải tạo tiểu
thương, điều quyết định là phải ra sức
phát triển thương nghiệp xã hội chủ
nghĩa, mở rộng trận địa và nâng cao
chất lượng của mậu dịch quốc doanh,
hết sức coi trọng tổ chức và phát huy
vai trò của hợp tác xã mua bán, xem
đó là lực lượng trợ thủ đắc lực của
mậu dịch quốc doanh.

Trong điều kiện kinh tế hiện nay,
chúng ta chủ trương còn đề thị trường
tự do tồn tại trong một phạm vi nhất
định ở nông thôn và thành thị, làm
nơi trao đổi, mua bán trực tiếp những
sản phẩm thứ yếu giữa người sản
xuất và người tiêu dùng, không có
trung gian đầu cơ mua đi, bán lại. Các
hoạt động của tiểu thương (kể cả dịch
vụ) cần phải được tổ chức, kiểm soát
chặt chẽ và phải được thay thế dần
bằng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Giá cả là biểu hiện bằng tiền của
giá trị, đồng thời phản ánh tổng hòa
các mối quan hệ cơ bản về kinh tế,
xã hội. Giá cả trước hết lấy giá trị
làm cơ sở, thực chất của giá trị là
lượng lao động xã hội cần thiết. Giá
cả phải dựa trên cơ sở giá thành hợp
lý, được quản lý và tính toán chặt
chẽ và ngày càng đầy đủ. Giá cả phải
bảo đảm cho người sản xuất có thu
nhập và lợi nhuận thỏa đáng, bảo
đảm có tích lũy để thực hiện tái sản
xuất mở rộng cho từng cơ sở, từng
địa phương, từng ngành, và cho toàn
bộ nền kinh tế quốc dân, phục vụ sự
nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ
nghĩa. Giá cả phải giải quyết đúng
đắn các mối quan hệ giữa công nghiệp
và nông nghiệp, bảo đảm cho công
nghiệp và nông nghiệp đều phát triển
trong một cơ cấu công-nông nghiệp
hợp lý. Giá cả trong nước phải dựa
trên các mối quan hệ bên trong của

nền kinh tế quốc dân là chủ yếu ;
đồng thời giá cả trong nước cũng
phải có mối quan hệ với giá cả thế
giới, nhằm góp phần mở rộng quan hệ
kinh tế với nước ngoài, đẩy mạnh
xuất khẩu, thực hiện chính sách kinh
tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Trong điều kiện còn tồn tại các
thành phần kinh tế tư nhân và cá
thể, giá cả Nhà nước phải có tác
dụng dẫu tranh thu hẹp thị trường
tự do. **Phải chống cả hai khuynh
hướng không đúng: một là,
chạy theo cơ chế thị trường,
lấy giá thị trường tự do làm
chuẩn để định giá Nhà nước,**
muốn thả toàn bộ hệ thống giá Nhà
nước trôi nổi theo giá thị trường tự
do đẩy rẩy những yếu tố đầu cơ,
phá hoại, và chứa đựng những quan
hệ phân phối tự phát; **hai là,
không tính đến những biến đổi
của tình hình kinh tế, tài chính,**
không đáp ứng những đòi hỏi khách
quan của các quan hệ kinh tế, xã hội
đã thay đổi. Đại bộ phận giá trong
quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội
phải là giá có kế hoạch, hình thành
từ trong sản xuất, chứ không phải
hình thành do quan hệ cung - cầu
trên thị trường. Đó là hệ thống giá
bảo đảm chế độ làm chủ tập thể của
nhân dân lao động. **Nói chung, Nhà
nước trung ương giữ quyền
quyết định trong lĩnh vực giá.**
Ngoài danh mục những mặt hàng do
trung ương định giá, bao gồm tất cả
những sản phẩm quan trọng của nền
kinh tế quốc dân, trung ương phân
cấp cho chính quyền tỉnh, thành định
giá những mặt hàng thứ yếu, sản
xuất và tiêu thụ tại địa phương. Đề
thích ứng với điều kiện sản xuất,
kinh doanh, đối với một số mặt hàng,
Nhà nước trung ương quyết định
khung giá và cho phép chính quyền
địa phương vận dụng linh hoạt trong
phạm vi khung giá đó. Nhà nước ta
nằm trong tay những cơ sở kinh tế then
 chốt và đại bộ phận sản phẩm của

nền kinh tế quốc dân, hoàn toàn có thể và cần phải làm chủ giá những mặt hàng thiết yếu đối với sản xuất và đời sống. Mặt khác, trong một thời gian nhất định, do tình hình cung cầu còn mất cân đối, Nhà nước trước mắt cần thi hành chính sách hai loại giá. Bên cạnh bộ phận giá cơ bản ổn định đối với những sản phẩm chính của kinh tế quốc doanh, những hàng tiêu dùng thiết yếu cung ứng cho công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang, những vật tư và một số hàng tiêu dùng trong hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước với nông dân và thợ thủ công, còn có một bộ phận giá được chỉ đạo linh hoạt để mở rộng kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và đấu tranh với thị trường tự do, góp phần hướng dẫn và quản lý thị trường. Hướng phấn đấu của chúng ta là tiến tới thực hiện chính sách một hệ thống giá thống nhất dựa trên những căn cứ hợp lý và có cơ sở ổn định vững chắc.

Vấn đề tiền lương và thu nhập phải được đặt ra và giải quyết trên cơ sở bảo đảm cho mọi người lao động phát huy quyền làm chủ tập thể trong sản xuất và đời sống, ai cũng có việc làm và làm việc với năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, tạo ra cho xã hội nhiều giá trị sử dụng ngày càng tốt hơn, rẻ hơn. Tiền lương trong chủ nghĩa xã hội phải quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động, là một yếu tố thúc đẩy sản xuất, khuyến khích người lao động đem hết sức mình làm ra nhiều của cải chất lượng tốt, giá thành hạ. Tiền lương phải bảo đảm cho người lao

động tái sản xuất sức lao động của mình, đủ ăn, đủ mặc, có nhà ở và nuôi được con cái. Trong điều kiện hiện nay, việc giải quyết vấn đề tiền lương không phải chỉ đơn thuần là tăng lương danh nghĩa theo sự biến động của giá cả thị trường « tự do », mà trước hết và cơ bản nhất là phải bảo đảm phân phối cho người lao động một lượng hàng tiêu dùng cần thiết hợp lý. Do đó, phải áp dụng chế độ cung ứng theo giá ổn định những mặt hàng thiết yếu, làm cho bộ phận cơ bản của tiền lương thực tế không bị phụ thuộc vào giá thị trường thường xuyên biến động. Đồng thời đối với phần tiền lương còn chịu ảnh hưởng của sự thay đổi giá cả, cần định kỳ xem xét để bảo đảm thu nhập thực tế của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang.

Phải làm chủ sản xuất, làm chủ thị trường, nhất thiết đập tan sự phá hoại của địch, nhất thiết không để cho bọn đầu cơ, buôn lậu và thương lái gây rối. Đó là điều kiện cần thiết để làm chủ giá cả và tiền lương, từng bước giải quyết cơ bản vấn đề giá - lương - tiền, điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư cho công bằng, hợp lý, thiết thực tăng mức sống của công nhân, viên chức, và lực lượng vũ trang, khiến cho người ăn lương yên tâm chăm lo công việc sản xuất, tăng năng suất lao động. Từ đó, chúng ta tạo ra những điều kiện cơ bản để ngăn chặn và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực về kinh tế và xã hội, làm cho sản xuất phát triển, người lao động phấn khởi, đời sống xã hội lành mạnh.

VI - MỞ RỘNG QUAN HỆ KINH TẾ VỚI NƯỚC NGOÀI, DẪY MẠNH XUẤT NHẬP KHẨU

Nước ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh mới của thế giới.

Những đặc điểm tình hình kinh tế thế giới ngày nay có thể tóm tắt như sau :

Một là, chủ nghĩa xã hội đã trở thành hệ thống thế giới, thành một cộng đồng quốc tế có công nghiệp hiện đại và khoa học, kỹ thuật tiên tiến trong hệ thống đó, sự phân công và hợp tác, sự liên kết xã hội chủ nghĩa được thực hiện với quy mô ngày càng lớn.

Hai là, cả thế giới đã hình thành một thị trường với hai hệ thống thị trường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa song song tồn tại, cùng với các thị trường khu vực khác. Trong phạm vi từng loại thị trường và giữa các thị trường ấy với nhau, không chỉ có sự trao đổi buôn bán mà còn có những sự tác động và ảnh hưởng qua lại ngày càng trực tiếp hơn

Ba là, cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật đang phát triển mạnh, mở ra những khả năng mới để con người chinh phục thiên nhiên và tạo ra những lực lượng sản xuất mới đồ sộ chưa từng thấy. Mỗi nước đang phát triển đều có thể nắm lấy những thành tựu của cuộc cách mạng ấy, bằng những con đường tương đối ngắn, đưa nền kinh tế của mình tiến lên trình độ hiện đại.

Sự vận động đồng thời của ba nhân tố trên đây tạo nên một cách khách quan mối liên hệ tất yếu về kinh tế giữa nước này với nước khác, giữa nhóm nước này với nhóm nước khác. Gắn liền việc xây dựng kinh tế trong nước với việc thiết lập và ngày càng mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài là một hiện tượng có tính tất yếu khách quan. Mỗi dân tộc phải tự mình lớn lên, phải xây dựng lấy nền kinh tế độc lập, tự chủ, nhưng điều đó phải được hiểu là phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường, tận lực khai thác các khả năng trong nước đi đôi với phát triển kinh tế đối ngoại, chứ không phải là tự cô lập, khép kín. Mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài là tích cực tham gia sự phân công lao

động quốc tế, thực hiện sự trao đổi giá trị lao động, khai thác các khả năng bên ngoài phục vụ việc xây dựng và phát triển kinh tế trong nước. Đối với nước ta, chính sách mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Muốn thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước, chúng ta phải tăng cường quan hệ kinh tế với nước ngoài để sử dụng một cách có lợi nhất những thành tựu của khoa học, kỹ thuật tiên tiến, của nền công nghiệp hiện đại thế giới.

Là một nước xã hội chủ nghĩa, thành viên của cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới, gắn bó với các nước anh em vì cùng chung một lý tưởng, một hình thái kinh tế, xã hội, chúng ta **đặt lên hàng đầu mối quan hệ hợp tác với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, trước hết là với Liên xô.** Đây là sự hợp tác của những người anh em, hợp tác bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau, cùng có lợi; sự hợp tác này là sự liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa, mà mục đích là thúc đẩy quá trình xích lại gần nhau về trình độ phát triển kinh tế của các nước trong cộng đồng. Nói mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà trước hết là nói đến mối quan hệ phân công lao động và hợp tác với các nước anh em. Không có sự phân công và hợp tác đó, sẽ không sử dụng được sức mạnh tổng hợp của kinh tế xã hội chủ nghĩa thế giới. Hội nghị cấp cao mới đây của các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế đã đề ra những phương hướng cơ bản và những hình thức phong phú về hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật, dựa sự hợp tác giữa các nước thành viên phát triển lên một trình độ mới. Hội nghị quyết định tăng cường sự giúp đỡ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu đối với nước ta và Cu-ba,

Mỏng cõ, đó là điều kiện thuận lợi mới cho việc mở rộng quan hệ hợp tác giữa nước ta với các nước anh em.

Lào và Cam-pu-chia là hai nước xã hội chủ nghĩa láng giềng có mối quan hệ đặc biệt, có sự gắn bó lâu dài trong lịch sử với nước ta. cùng nước ta hợp thành một khu vực kinh tế đặc biệt trên bán đảo Đông dương. Lợi ích của mỗi nước và của toàn khu vực đòi hỏi phải **thực hiện một sự liên kết đặc biệt.** Trong việc mở rộng hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt với Lào và Cam-pu-chia, nước ta phải vươn lên đảm nhận vai trò nòng cốt.

Chúng ta cũng sử dụng đúng mức quan hệ kinh tế với các nước khác, coi trọng việc mở rộng giao lưu với các nước độc lập dân tộc, các nước không liên kết, đồng thời khai thông việc giao lưu với các nước tư bản chủ nghĩa, phá bỏ sự bao vây của bọn đế quốc và bọn bành trướng. Cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới không thể không bao gồm cuộc đấu tranh trên mặt trận kinh tế. Song, dù muốn hay không, sự tồn tại của thị trường thế giới như một tổng thể thống nhất cũng tất yếu dẫn đến việc thiết lập mối quan hệ kinh tế giữa nước này với nước khác.

Chiến lược kinh tế đối ngoại của nước ta phải là một chiến lược chủ động, tích cực. Phải nắm vững nhu cầu của thị trường thế giới, đề ra những chủ trương thích hợp đối với từng khu vực và từng nước, những chính sách đúng đắn và những hình thức tổ chức linh hoạt để buôn bán và hợp tác quốc tế. Xuất-nhập khẩu, hợp tác kinh tế, hợp tác khoa học, kỹ thuật, kinh doanh dịch vụ, vay tín dụng quốc tế... là những hình thức phổ biến để mở rộng quan hệ kinh tế với các nước, trong đó, xuất khẩu (bao gồm cả các hình thức hợp tác để tạo

nguồn hàng xuất khẩu) là một khâu rất quan trọng.

Xuất-nhập khẩu phải được coi là một bộ phận trọng yếu trong cơ cấu kinh tế. Để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, chúng ta phải mạnh dạn nhập những gì ta cần, trước hết là những kỹ thuật, thiết bị, máy móc, phụ tùng, vật tư; đồng thời nhập một phần nhất định hàng tiêu dùng thiết yếu cho đời sống nhân dân. Muốn nhập khẩu phải có xuất khẩu, xuất nhiều là để nhập nhiều. Vay mượn là cần thiết, nhất là trong thời kỳ đầu, nhưng có vay phải có trả. Vì vậy, phải bằng mọi cách đẩy mạnh xuất khẩu, coi xuất khẩu là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược.

Kim ngạch xuất khẩu của ta những năm gần đây có tăng lên nhưng còn chậm. Cơ cấu hàng xuất khẩu trong một thời gian dài không được cải thiện; mặt hàng xuất khẩu nổi chung còn manh mún, giá trị chưa cao. Chúng ta hiểu biết còn quá ít về thị trường thế giới, thiếu những thông tin kịp thời và đáng tin cậy. Cần phải cố gắng rất lớn để thay đổi tình hình này.

Cơ cấu kinh tế trong nước phải bảo đảm tạo ra những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, chất lượng tốt, giá trị cao, khối lượng lớn và ổn định, có thị trường vững chắc. Chúng ta có thể mở rộng sản xuất hàng xuất khẩu bằng cách khai thác tốt những khả năng trong nước, đồng thời sử dụng các hình thức hợp tác kinh tế với nước ngoài, trước hết là với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, từ làm gia công, vay vốn đầu tư, trả bằng sản phẩm, cho đến liên kết, liên doanh.

Xuất khẩu phải thật sự trở thành một nghĩa vụ của toàn dân, của mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ sở sản xuất và cả mỗi người lao động. Cơ chế kinh tế của chúng ta phải bảo đảm mỗi người lao động một năm có thể dành khoảng

một trăm ngày công cho xuất khẩu, từ thể mạnh của lao động, đất đai, ngành nghề tạo ra những nguồn xuất khẩu lớn về nông sản, thực phẩm, hàng công nghiệp. Rất có thể dành một phần ba lực lượng lao động cho sản xuất hàng xuất khẩu và tạo ra được những giá trị lớn. Có thể sử dụng hàng triệu người vào việc trồng và khai thác hàng chục vạn héc ta cao su, chè, cà phê và các cây trồng ngắn ngày và dài ngày khác. Nếu trong lồng số lợn nuôi được, chúng ta dành một phần tư cho xuất khẩu, thì mỗi năm ít ra cũng xuất được ba triệu con. Đương nhiên, lợn xuất khẩu phải được nuôi dưỡng đặc biệt, dùng kỹ thuật, để đạt những tiêu chuẩn chất lượng cần thiết.

Nhà nước phải có chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, từ ưu tiên đầu tư, cung ứng

lương thực, thực phẩm và phương tiện sản xuất, cho đến ưu tiên về giá cả, định mức lợi nhuận, quyền sử dụng ngoại tệ, tiền lương và tiền thưởng.

Cơ chế quản lý xuất - nhập khẩu phải linh hoạt, vừa bảo đảm nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương và ngoại hối, vừa tạo điều kiện cho các cơ sở lớn, các địa phương và các ngành được tiếp xúc với thị trường nước ngoài, khuyến khích đến mức cao nhất việc tăng hàng xuất khẩu. Phải kế hoạch hóa và quản lý chặt chẽ hoạt động xuất - nhập khẩu, thông qua xuất - nhập khẩu mà thúc đẩy toàn bộ sản xuất trong nước, đưa kỹ thuật hiện đại và phương pháp quản lý mới, đưa chất lượng và hiệu quả cao vào hoạt động kinh tế.

VII - XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA MỚI. CON NGƯỜI MỚI

Con người là vốn quý nhất. Hạnh phúc của con người là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Khẩu hiệu hành động của chúng ta là tất cả vì con người, tất cả do con người. Nói xây dựng chủ nghĩa xã hội, nói quản lý kinh tế là phải nói đến con người, chủ thể và đối tượng của quản lý kinh tế.

Trước đây, ý thức làm chủ đất nước, sức mạnh của mỗi con người Việt nam yêu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, là nhân tố có ý nghĩa quyết định làm nên những thắng lợi vĩ đại của cách mạng và những cuộc kháng chiến chống xâm lược. Ngày nay, trong sự nghiệp đưa nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, xây dựng chủ nghĩa xã hội, ý thức tự giác và sức mạnh của con người làm chủ tập thể càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Từ những cơ sở kinh tế nghèo nàn và lạc hậu, bị chiến tranh tàn

phá nặng nề, lại đang phải đương đầu với một kẻ thù mới thâm độc và xảo quyết ở sát cạnh mình, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta càng đòi hỏi phải phát huy cao độ ý thức làm chủ, tinh thần sáng tạo của con người Việt nam. Nhiệm vụ trung tâm của cách mạng tư tưởng và văn hóa là xây dựng nền văn hóa mới và con người mới. Con người là lực lượng sản xuất chủ yếu, tính năng động của con người có tác dụng to lớn trong sản xuất và quản lý kinh tế.

Chế độ mới, nền kinh tế mới quyết định sự hình thành nền văn hóa mới, đồng thời, nền văn hóa mới đang từng bước xây dựng cũng có tác dụng trực tiếp đến việc xây dựng nền kinh tế mới, hoàn thiện chế độ mới. Là sản phẩm của kinh tế, văn hóa cũng là động lực thúc đẩy kinh tế. Trong những điều kiện nhất định, văn hóa

có thể đi trước để ảnh hưởng trở lại tiến trình kinh tế. Vì nói đến văn hóa, trước hết là nói đến con người. Con người vừa là sản phẩm của xã hội vừa là chủ thể xây dựng xã hội. Con người mới được hình thành và hoàn thiện, bằng kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng, cũng là người thực hiện ba cuộc cách mạng ấy. **Sức mạnh kinh tế không thể tách rời sức mạnh văn hóa, sức mạnh con người, và sức mạnh của văn hóa, của con người phải được hiện thực hóa trong sức mạnh kinh tế.** Tách rời kinh tế với văn hóa và con người là không nắm vững quy luật phát triển kinh tế và xã hội.

Từ cội nguồn của nó, văn hóa là lao động. Hành vi văn hóa đầu tiên chính là lao động của con người tác động vào tự nhiên. Có lao động mới có con người, và có con người là có văn hóa. Văn hóa là biểu hiện sự gắn bó giữa người và người, làm cho con người hiểu kỹ con người, làm nảy nở những tình cảm tốt đẹp của con người trong lao động cải tạo thiên nhiên, cải tạo xã hội. Nền văn hóa cao nhất là nền văn hóa đưa con người lên vị trí làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, thực hiện đạo lý «mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người». Đó là mục tiêu của sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới. Nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc của nền văn hóa phải thể hiện phong phú, sinh động tư tưởng làm chủ tập thể. Nói cho cùng thì nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc chỉ là một. Bản lĩnh của dân tộc ta, một dân tộc có truyền thống văn hiến, phải được phát huy trong chủ nghĩa xã hội, làm đẹp thêm chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội nâng cao những tinh hoa của dân tộc để thật sự hài hòa với cuộc sống Việt nam, với đại gia đình các dân tộc anh em đã từng kề vai sát cánh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Nền văn hóa mới

phải vun đắp tình yêu Tổ quốc kết hợp với tình thần quốc tế vô sản, gắn liền vận mệnh của dân tộc mình với vận mệnh của các dân tộc trên thế giới trong sự nghiệp bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Nền văn hóa ấy là nền văn hóa làm chủ tập thể.

Nền văn hóa làm chủ tập thể phát huy lên một tầm cao mới tinh cộng đồng trong truyền thống dân tộc, đồng thời tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát triển đầy đủ tài năng và trí tuệ của mình. Con người mới, con người lao động làm chủ tập thể, yêu lao động, giàu tình thương, trọng lễ phải là mục tiêu của nền văn hóa mới

Lao động là phẩm chất hàng đầu của con người làm chủ tập thể, đó là lao động tự giác, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm ngày càng cao. Chủ nghĩa xã hội đem giá trị của con người trả lại cho con người, mà sự thể hiện tập trung nhất là vai trò làm chủ trong lao động sáng tạo xây dựng cuộc sống mới. Con người làm chủ tập thể được hưởng quyền làm chủ và biết làm chủ, trước hết thể hiện trong hoạt động hằng ngày của mình đem lại hiệu quả cho xã hội, cho tập thể và cho cả bản thân mình. Làm theo năng lực và được phân phối theo lao động, đó là chân lý đơn giản, nhưng là nguyên tắc đạo đức cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Chỉ bằng lao động và thông qua lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội, mới từng bước xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người, làm nảy nở tình thương rộng lớn, một phẩm chất cao đẹp vốn có của con người Việt nam. Thương nước — thương nhà, thương người — thương mình là tình cảm lớn làm nên vẻ đẹp của con người, lối sống và nền văn hóa Việt nam. Tình thương lớn ấy cần phải được bồi

đường và nâng lên trong các mối quan hệ của chế độ làm chủ tập thể.

Con người mới yêu lao động, giàu tình thương là con người biết trọng lẽ phải, nhận thức được chân lý. Để làm chủ tiến trình xây dựng xã hội mới, người lao động không những phải thiết tha gắn bó với sự nghiệp đó, mà còn phải hiểu biết quy luật phát triển của nó. Chỉ bằng nhiệt tình, không thể đưa nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Quyền làm chủ chỉ có thể thực hiện được đầy đủ khi con người biết làm chủ, có năng lực làm chủ và tự giác đứng lên làm chủ.

Một mũi tiến công nguy hiểm của các loại kẻ thù là làm sa đọa, tha hóa con người, kích động những tình cảm, lối sống ích kỷ, hẹp hòi, thấp kém. Chúng ta cần phải cảnh giác trước những âm mưu nham hiểm của chúng, phải ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ những ảnh hưởng độc hại đó trong đạo đức và lối sống.

Những sai lầm của công tác quản lý kinh tế, xã hội nhất là trong phân phối, lưu thông cũng là một nguyên nhân quan trọng gây ra và làm trầm trọng thêm những biểu hiện tiêu cực trong đời sống văn hóa, tinh thần. Bằng việc giải quyết thỏa đáng mối quan hệ hài hòa giữa các lợi ích, bằng việc gắn liền quyền lợi với trách nhiệm và nghĩa vụ, cơ chế quản lý

kinh tế, xã hội mới phải góp phần mạnh mẽ vào công cuộc xây dựng lối sống và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Đề thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế và xã hội, phải phát huy sức mạnh của tập thể và sức mạnh của mỗi người. Đó chính là từng bước thực hiện tư tưởng của Các Mác « sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người (3). Xác lập vị trí của mỗi người trong cơ chế làm chủ tập thể, phát huy được tài năng và phẩm chất của cá nhân để thực hiện tốt quyền làm chủ của từng người lao động về nghĩa vụ và lợi ích, đó là sự bảo đảm đúng đắn sức mạnh của chế độ làm chủ tập thể. Phải tạo ra một cơ chế thể hiện rõ cá nhân, gia đình và xã hội là một tồn tại khách quan. Con người lao động làm chủ tập thể phải là hiện thân của mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân, gia đình và xã hội.

Yêu lao động giàu tình thương, trọng lẽ phải; đó là những phẩm chất cơ bản cần được bồi dưỡng và hoàn thiện để cho con người có thể từng bước làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, tiếp cận và chiếm lĩnh được cái đúng, cái tốt và cái đẹp của cuộc sống. **Làm chủ tập thể** chính là **cái đúng, cái tốt và cái đẹp** cao nhất mà con người đang vươn tới trong thời đại mới.

VIII – ĐÁP ỨNG NHU CẦU ĐỜI SỐNG, TÍCH LŨY ĐỀ CÔNG NGHIỆP HÓA VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH

Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và nền sản xuất xã hội xây dựng trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất tất yếu dẫn đến mục đích cơ bản và thường xuyên của sản xuất là đáp ứng ngày càng

đầy đủ những nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân. Để đạt được

(3) Mác - Ăng - ghen: *Tuyên ngôn*, Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội (xuất bản với sự công tác của Nhà xuất bản Địch-xơ Béc-lin), 1980, tập 1, tr. 569.

mục đích đó, sản xuất phải không ngừng phát triển trên cơ sở một nền kỹ thuật ngày càng cao, và do đó, tích lũy để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội cũng trở thành tất yếu. Mặt khác, phải thấy rõ rằng chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh đất nước đã giành được độc lập, tự do nhưng kẻ thù bên ngoài vẫn chưa từ bỏ âm mưu xâm lược, vẫn tiếp tục phá hoại và đe dọa chiến tranh, cho nên những nhu cầu về quốc phòng và an ninh cũng đặt ra một cách thường xuyên và cấp bách. Hơn thế nữa, khi chủ nghĩa xã hội chưa giành được thắng lợi trên phạm vi toàn thế giới, khi trên trái đất này vẫn còn tồn tại nhiều xã hội có chế độ chính trị khác nhau, còn có chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng, còn có chiến tranh và các nguyên nhân gây ra chiến tranh, thì việc bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm những nhu cầu về quốc phòng vẫn còn được đặt ra đối với mỗi nước.

Nâng cao đời sống, tích lũy để xây dựng, bảo đảm quốc phòng và an ninh, đó là ba loại nhu cầu có tính khách quan, tất yếu mà mọi kế hoạch kinh tế, xã hội đều phải tính đến. Trong mỗi giai đoạn cách mạng, mỗi thời kỳ lịch sử nhất định, xuất phát từ tình hình cụ thể, có thể đặt thứ tự ưu tiên cho việc đáp ứng các nhu cầu đó một cách thỏa đáng, song sẽ sai lầm nếu tuyệt đối hóa một nhu cầu, đi đến coi nhẹ hoặc bỏ qua các nhu cầu khác.

Trong chặng đường trước mắt của chủ nghĩa xã hội ở nước ta, do cơ sở vật chất - kỹ thuật còn non kém, trình độ phát triển sản xuất còn thấp, việc cùng một lúc đáp ứng cả ba nhu cầu nói trên là không dễ dàng. Mặt khác, phải thấy rõ tính chất bức thiết của cả ba loại nhu cầu đó, thấy rõ sự gắn bó chặt chẽ

giữa chúng với nhau để xác định phương hướng và biện pháp giải quyết.

Sự vững vàng của đất nước trước hết là ở chỗ nhân dân sống no đủ, sống lành mạnh, nhưng nếu làm được bao nhiêu ăn tiêu hết bấy nhiêu, **không chất tích lũy, không thực hiện công nghiệp hóa, thì cũng không thể có chủ nghĩa xã hội, và rồi cuộc, cũng không thể nâng cao đời sống.** Và cũng sẽ **không có chủ nghĩa xã hội nếu độc lập dân tộc không được giữ vững**, nếu chỉ một chiều nhấn mạnh việc thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân mà coi nhẹ, đi đến hạ thấp việc đáp ứng những nhu cầu về quốc phòng và an ninh.

Thực tiễn cho thấy chúng ta có thể và nhất định phải đồng thời giải quyết cả ba loại nhu cầu nói trên. Trước đây, nhân dân ta làm không đủ ăn, ngay cả quỹ tiêu dùng cũng phải dựa vào nước ngoài một phần. Với nhịp độ phát triển kinh tế như mấy năm gần đây, chúng ta thấy rõ khả năng làm đủ ăn và tiến tới có tích lũy. Về quốc phòng, chúng ta đang cố gắng bảo đảm những nhu cầu thiết yếu của đời sống bộ đội.

Thu nhập quốc dân, tính theo đầu người tuy còn thấp, nhưng nếu biết quản lý và phân phối tốt, sử dụng tiết kiệm và hợp lý, thì vẫn có thể bảo đảm được những nhu cầu tối thiểu của nhân dân và đất nước.

Phải trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong cả nước, ở từng địa phương, từng cơ sở để giải quyết vấn đề đời sống. Nguyên tắc phân phối theo lao động, phải được tôn trọng và thực hiện đúng. Địa phương nào, đơn vị nào, người nào làm việc tốt hơn, có năng suất và hiệu quả cao hơn, thì địa phương đó, đơn vị đó, người đó phải có thu nhập cao hơn, được sống tốt hơn. Chủ nghĩa

binh quân trong phân phối là một khuynh hướng sai lầm, xa lạ với chủ nghĩa Mác - Lê-nin; chúng ta phải thừa nhận tính đa dạng của cuộc sống. Đồng thời cũng phải hết sức chú trọng việc không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội và phúc lợi tập thể là phần mà mọi người lao động và con cái họ đều được hưởng một cách bình đẳng. Việc giải quyết hợp lý các loại phúc lợi này đi liền với phân phối theo lao động sẽ tạo ra một động lực mạnh mẽ. Trong khi chăm lo chung đời sống của nhân dân cả nước, chúng ta cần đặc biệt quan tâm đến đồng bào các dân tộc ít người, ra sức phát huy những truyền thống tốt đẹp và khả năng cách mạng của đồng bào các dân tộc, khai thác những thế mạnh to lớn của trung du và miền núi để mở mang đồng bộ kinh tế, văn hóa và xã hội, từ đó nhanh chóng nâng cao trình độ phát triển và cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc, tăng cường sự đồng góp của đồng bào đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nâng cao đời sống của nhân dân là vấn đề mấu chốt trong quy luật kinh tế cơ bản của xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm quốc phòng và an ninh của đất nước cũng là quy luật của đấu tranh cách mạng trong tình hình của thế giới ngày nay. Hai loại quy luật đó, xét về mục đích, chẳng những không đối lập nhau, mà trong quá trình vận động, nếu được vận dụng đúng đắn, còn tác động thuận chiều với nhau, bổ sung cho nhau. Sức mạnh của quốc phòng là sức mạnh tổng hợp của kinh tế, chính trị và quân sự. Kết hợp kinh tế với quốc phòng và quốc phòng với kinh tế là xây dựng kinh tế và quốc phòng theo một cơ cấu hợp lý, làm cho kinh tế đủ mạnh để bảo đảm cho quốc phòng mạnh và quốc phòng mạnh để bảo vệ kinh tế, bảo đảm những điều kiện an ninh cho kinh tế phát triển. Mọi chương trình kinh tế, xã hội hằng năm và dài hạn

đều phải quán triệt bốn mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra, quán triệt nhiệm vụ đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

Phải làm cho đất nước, trong khi tập trung vào nhiệm vụ xây dựng kinh tế, vẫn ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu cao, sẵn sàng phát huy sức mạnh tổng hợp lớn nhất của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc khi kẻ thù phát động chiến tranh xâm lược.

Theo phương hướng đó, phải đẩy mạnh xây dựng kinh tế để đáp ứng các nhu cầu về đời sống, về tích lũy, và về quốc phòng và an ninh; phải xây dựng công nghiệp quốc phòng, bảo đảm hậu cần, tạo ra hậu phương vững chắc cho chiến tranh nhân dân. Các lực lượng quốc phòng và an ninh thì phải làm tròn nhiệm vụ bảo vệ đất nước, bảo vệ an ninh cho sự nghiệp xây dựng kinh tế, đồng thời dùng một phần lực lượng, lao động và cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình trực tiếp tham gia xây dựng và phát triển kinh tế. Mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi đơn vị đều cần đánh giá cho đúng, thấy cho hết âm mưu và những hành động phá hoại của địch, nhất là trên mặt trận kinh tế, kiên quyết áp dụng những biện pháp có hiệu lực để ngăn ngừa và chống lại sự phá hoại đó; thực hiện một cách nhất quán kế hoạch bảo vệ sản xuất, bảo vệ xí nghiệp, công trường, bảo vệ máy móc, vật tư, nguyên liệu.

Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng và quốc phòng với kinh tế phải thực hiện trong phạm vi cả nước cũng như trên từng vùng lãnh thổ, từng địa phương tỉnh, huyện, xã, phường. Nó phải xuyên suốt từ việc bố trí cơ cấu kinh tế - quốc phòng, phân bố lực lượng lao động, cho đến việc lập những kế hoạch cụ thể về sản xuất cũng như kế hoạch chuẩn bị chiến đấu, tổ chức hậu cần tại chỗ, thi hành chính sách bộ đội làm kinh tế và các

cơ sở kinh tế làm hàng quốc phòng, chính sách an ninh nhân dân, hậu phương quân đội, v.v.

Do vị trí và hoàn cảnh đặc biệt của nước ta, quân đội ta phải duy trì một số quân thường trực đủ sức làm tròn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Sử dụng một phần thời gian và lực lượng (kể cả một phần máy móc, thiết bị) vào việc xây dựng kinh tế thì có thể tạo ra một năng lực sản xuất quan trọng. Thực tiễn chỉ rõ, các cơ sở công nghiệp quốc phòng có nhiều khả năng làm những mặt hàng kinh tế có kỹ thuật cao, bao gồm cả tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng.

Trừ các đơn vị trực tiếp chiến đấu, bộ đội đóng ở đâu cũng có thể tham gia các hoạt động sản xuất, từ trồng trọt, chăn nuôi đến tự cải thiện đời sống cho đến xây dựng những công trình theo kế hoạch Nhà nước như trồng rừng, làm thủy lợi, giao thông, nhà ở. Các đơn vị bộ đội chuyên làm kinh tế có thể đảm nhiệm những công trình lớn hơn trong các ngành nông nghiệp và công nghiệp. Khi có giặc thì cầm súng đánh giặc; khi không có giặc thì tập luyện và làm kinh tế, đó là một truyền thống dân tộc và một nét tiêu biểu trong sinh hoạt của bộ đội ta.

IX — XÂY DỰNG CƠ CHẾ ĐẢNG LÃNH ĐẠO, NHÂN DÂN LÀM CHỦ, NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ

Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý là ba khâu gắn bó chặt chẽ với nhau thành một thể thống nhất. Đảng lãnh đạo đề nhân dân làm chủ. Đó là sứ mệnh lịch sử của Đảng, đồng thời cũng là tất yếu khách quan của chế độ làm chủ tập thể. Không có sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân lao động không thực hiện được quyền làm chủ của mình. Nhân dân lao động làm chủ chủ yếu bằng Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ba khâu của cơ chế làm chủ tập thể nằm trong một tồn tại thống nhất. Mỗi khâu lại có vị trí và chức năng riêng biệt không thể lẫn lộn. Đảng là một bộ phận trong nhân dân nhưng là bộ phận tiên tiến nhất của xã hội. Đảng lãnh đạo có nghĩa là Đảng phải đề ra đường lối, chính sách đúng đắn, phản ánh quy luật của xã hội, lợi ích của nhân dân, và thông qua công tác tổ chức, vận động quần chúng đề lối cuốn nhân dân đi vào hành động cách mạng. Nhân dân làm chủ có nghĩa là nhân dân tự mình xây dựng

và quản lý cuộc sống về mọi mặt phù hợp với yêu cầu của quy luật để thỏa mãn các nhu cầu vật chất và văn hóa của mình. Nhân dân làm chủ thể hiện trong các phong trào cách mạng của quần chúng trên mọi lĩnh vực sinh hoạt xã hội. Nhà nước là người đại diện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Nhà nước quản lý có nghĩa là Nhà nước phải cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng thành pháp luật của Nhà nước để tổ chức hành động cách mạng của quần chúng. Nhân dân lao động còn làm chủ tập thể bằng các đoàn thể cách mạng; các đoàn thể này có trách nhiệm và tác dụng lớn trong việc giáo dục đường lối, chính sách và ý thức làm chủ cho quần chúng, hướng dẫn quần chúng phát huy vai trò chủ động trong quản lý kinh tế, xã hội. Xây dựng cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý một cách đúng đắn thì sẽ tạo được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản, làm đẩy lên

phong trào sôi nổi của quần chúng thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Nhân dân lao động làm chủ tập thể về mọi mặt trong cả nước. Cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý phải xuyên suốt mọi mặt, mọi ngành hoạt động của xã hội, mọi cấp quản lý, mọi địa bàn của đất nước để bảo đảm nội dung toàn diện của chế độ làm chủ tập thể.

Trong cơ chế ấy, Nhà nước giữ một vai trò đặc biệt quan trọng. Nhà nước gắn liền mật thiết với Đảng, chịu sự lãnh đạo thường xuyên và chặt chẽ của Đảng. Đồng thời Nhà nước là bản thân nhân dân lao động tự tổ chức lại thành cơ cấu chính quyền. Nhà nước quản lý là thực hiện sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ của nhân dân. Bản chất đó phải thể hiện trong chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động, lề lối làm việc của Nhà nước, cũng như trong tư tưởng và tác phong công tác của cán bộ chính quyền.

Nhà nước ta có hai chức năng gắn bó chặt chẽ với nhau: chức năng bảo vệ và chức năng xây dựng. Đứng trước âm mưu của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ đang tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt nhằm xâm phạm nền độc lập dân tộc và phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta, Nhà nước ta phải không ngừng chăm lo công tác quốc phòng và an ninh, xây dựng vững mạnh các công cụ bảo vệ như quân đội, công an, tòa án, v.v. để đập tan mọi mưu toan phá hoại, xâm lược từ bên ngoài và mọi hành vi phản cách mạng của những phần tử thù địch trong nước. Song chức năng chủ yếu của Nhà nước ta là tổ chức kinh tế và văn hóa, xây dựng chủ nghĩa

xã hội. Nhà nước ta là một Nhà nước vững mạnh, có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh chính trị và quân sự. Nhưng đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà thực chất là xây dựng kinh tế, thì Nhà nước ta còn có nhiều nhược điểm. Vì vậy, trong việc xây dựng cơ chế làm chủ tập thể, phải đặc biệt quan tâm xây dựng Nhà nước để thực hiện thắng lợi đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng. Nhà nước phải là công cụ sắc bén và đặc lực của chuyên chính vô sản để phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng thành công chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Đảng lãnh đạo đề ra đường lối. Người tổ chức thực hiện đường lối trong tất cả chiều rộng và chiều sâu của nó, để biến đường lối đó thành hiện thực trong cuộc sống là Nhà nước. Quản lý một nền kinh tế đang trong quá trình hình thành, Nhà nước phải cùng một lúc làm tốt cả hai việc: vừa xây dựng ra đối tượng quản lý, vừa quản lý đối tượng đang được xây dựng từng bước ấy. Có làm tốt việc quản lý mới xây dựng đúng; có xây dựng đúng mới quản lý tốt.

Là người đại biểu quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, trong quản lý kinh tế, Nhà nước phải làm chủ tư liệu sản xuất, làm chủ đất, rừng, biển, làm chủ các cơ sở sản xuất công nghiệp và nông nghiệp đang được xây dựng ngày càng nhiều, làm chủ lực lượng lao động trong cả nước, từng địa phương, từng cơ sở, làm chủ quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội, phân bố và sử dụng hợp lý lao động, kết hợp lao động với tư liệu sản xuất, làm ra ngày càng nhiều của cải vật chất, làm chủ toàn bộ sản phẩm do nền kinh tế quốc dân tạo ra để phân phối đúng chính sách, đáp ứng nhu cầu của toàn xã hội cũng như của mỗi thành viên.

Thay mặt nhân dân lao động làm chủ toàn bộ nền kinh tế, Nhà nước phải điều hành hoạt động kinh tế theo một kế hoạch và một nền pháp chế thống nhất. Muốn làm chủ nền kinh tế, Nhà nước phải thiết lập một cơ cấu tổ chức thích hợp bảo đảm Nhà nước vừa là một bộ máy quản lý hành chính kinh tế, vừa là một bộ máy quản lý sản xuất, kinh doanh. Quản lý hành chính kinh tế và quản lý sản xuất, kinh doanh là hai mặt của công tác quản lý kinh tế gắn bó mật thiết với nhau nhưng không lẫn lộn. Muốn làm tốt công tác quản lý kinh tế, Nhà nước phải kết hợp được cả hai mặt ấy của quản lý. Bộ máy Nhà nước và bộ máy kinh tế phải là một, với hai loại cơ quan: các cơ quan quản lý hành chính kinh tế, kể từ Hội đồng Bộ trưởng, các bộ đến các ủy ban các cấp; và cơ quan quản lý sản xuất, kinh doanh ở các xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp, công ty, v.v. Cơ cấu tổ chức Nhà nước phải gắn với cơ cấu tổ chức kinh tế. Bộ máy Nhà nước phải được tổ chức phù hợp với yêu cầu của cơ cấu kinh tế và những quy luật do cơ cấu này quyết định. Quy luật tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước phải phản ánh quy luật tổ chức và hoạt động của cơ cấu kinh tế. Không thể tùy tiện đặt ra tổ chức này hoặc tổ chức khác mà không xuất phát từ yêu cầu của tổ chức và hoạt động kinh tế. Đồng thời cũng tránh khuynh hướng giản đơn, không muốn lập ra những tổ chức mới khi có nhu cầu.

Nhà nước từ trung ương đến cơ sở phải được xây dựng theo đúng Hiến pháp để thật sự là người đại diện quyền làm chủ của nhân dân, là một Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Bộ máy ấy phải nằm ngay trong nhân dân, trong toàn bộ đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân.

Đề quản lý kinh tế đúng đắn, bộ máy Nhà nước từ Quốc hội, Hội đồng

Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, đến các Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành, quận, huyện, xã, phường phải được tổ chức đúng đắn với những chức năng, quyền hạn rõ ràng, bảo đảm làm chủ về kinh tế ở ba cấp: cả nước, địa phương và cơ sở. Ở đây, phải có sự phân công nhiệm vụ, phân định quyền hạn, phân giao trách nhiệm, phân phối lợi ích rõ ràng, chính xác.

Cơ cấu kinh tế là một cơ thể sống có rất nhiều mối liên hệ ngang dọc phức tạp. Bộ máy Nhà nước phải kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ, quản lý tổng hợp với quản lý theo ngành kinh tế — kỹ thuật. Các bộ tổng hợp và các bộ chuyên ngành, các bộ ở trung ương và các ủy ban nhân dân ở địa phương, trong khi thực hiện chức năng của mình, phải phối hợp chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau như những bộ phận của một cơ thể thống nhất dưới sự chỉ đạo tập trung của Hội đồng Bộ trưởng. Việc quản lý hành chính kinh tế của Hội đồng Bộ trưởng và của các bộ, cũng như của ủy ban các cấp phải tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh phát huy được đầy đủ năng lực của mình. Nhằm mục đích ấy, phải đề ra những chính sách, chế độ chính xác, khơi dậy được tính sáng tạo của cơ sở. Mặt khác, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, trong thực tiễn hoạt động của mình, phải tích cực tham gia quản lý hành chính kinh tế, đề xuất với Nhà nước những vấn đề thuộc về chính sách, chế độ.

Quản lý Nhà nước là quản lý theo pháp luật. Một mặt, phải chống lối tập trung quan liêu; mặt khác, phải giữ nghiêm pháp chế, đề cao kỷ luật, kiên quyết chống những hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật, vi phạm pháp luật Nhà nước. Các cơ quan và cán bộ Nhà nước là người chấp hành pháp luật càng phải nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật.

Bộ máy Nhà nước từ trung ương đến cơ sở, từ các cấp chính quyền đến các cơ quan trực tiếp quản lý sản xuất, kinh doanh phải sát thực tế và cuộc sống, nhạy cảm với cái mới, nhanh chóng phát hiện và ủng hộ sáng kiến của quần chúng, kịp thời uốn nắn những hiện tượng sai lầm, lệch lạc. Việc quản lý của Nhà nước phải sát đến từng cơ sở kinh tế, từng điền dân cư, từng gia đình, từng người lao động, từng người dân. Nhà nước phải bảo đảm mỗi người lao động đều có việc làm và làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả để mỗi người có mức sống ổn định, từng bước được cải thiện và góp phần tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà. Nhà nước phải có trách nhiệm chăm lo cho người già và trẻ em.

Có cơ chế làm chủ tập thể đúng vẫn chưa đủ. Còn phải có một đội ngũ cán bộ tốt, để thực hiện đúng dân cơ chế ấy. Cán bộ quyết định tất cả là điều đã được thực tiễn của các đơn vị điển hình tiên tiến chứng minh.

Đảng ta có một đội ngũ cán bộ được rèn luyện, thử thách qua giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, qua các cuộc kháng chiến và bước đầu có kinh nghiệm về cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng nhìn chung, cán bộ ta còn thiếu kiến thức và năng lực quản lý kinh tế, xã hội. Quản lý vừa là một khoa học vừa là một nghệ thuật mà chúng ta phải học tập, một phần qua sách vở, và chủ yếu qua kinh nghiệm thực tiễn. Một nhiệm vụ cấp bách, rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định của công tác cán bộ là phải ra sức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế, xã hội từ trung ương đến cơ sở, thông qua thực tiễn, tổng kết kinh nghiệm, học tập các điển hình tiên tiến.

Phẩm chất của cán bộ thường xuyên là một vấn đề lớn. Cần khẳng định rằng đại đa số cán bộ ta có phẩm chất cách mạng tốt đẹp. Trong

sự nghiệp xây dựng kinh tế, nhiều cán bộ đã trưởng thành và tích lũy được kinh nghiệm. Nhưng trong giai đoạn cách mạng mới, trước những thử thách mới của sự nghiệp xây dựng kinh tế trong hòa bình, một số không ít cán bộ do thiếu rèn luyện đã giảm sút ý chí chiến đấu và nhiệt tình cách mạng, phạm phải những sai lầm thuộc về phẩm chất như tham ô, tư lợi, vun vén cho cá nhân. Thậm chí nhiều người bị lợi ích vật chất cám dỗ đã trở nên thoái hóa, biến chất và phạm tội bóc lột, ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng. Những sai lầm này, nhất là trong hàng ngũ những cán bộ có trách nhiệm ở các cấp, xâm phạm nghiêm trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng, làm thiệt hại lợi ích kinh tế, chính trị của quần chúng. Những sai lầm này đang là trở ngại to lớn ngăn cản việc thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cơ chế làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Vì vậy, đi đôi với việc mạnh dạn đề bạt những cán bộ có năng lực và phẩm chất đã được thử thách, phải loại trừ những cán bộ đã thoái hóa, biến chất, mất hết tín nhiệm với quần chúng, đưa ra khỏi Đảng những phần tử không còn đủ tư cách đảng viên, truy tố trước pháp luật những kẻ phạm tội nghiêm trọng. Cần tổ chức cho quần chúng định kỳ tham gia ý kiến với Đảng về công tác cán bộ, phê bình, nhận xét cán bộ, nêu kiến nghị về sắp xếp và đề bạt cán bộ.

Công tác cán bộ của Đảng phải được tiến hành một cách có kế hoạch nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ thật sự đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, của sự nghiệp xây dựng kinh tế, văn hóa xã hội chủ nghĩa. Phải đánh giá lại toàn diện đội ngũ cán bộ hiện có và có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ấy, đào tạo đội ngũ dự bị. Phải bố trí và sử dụng cán bộ đúng với tài năng và sở trường của từng người. Phải có chính sách dài ngắn đúng đắn để khuyến khích

phát huy năng lực của từng người. Phải phát hiện những người có năng lực quản lý để đưa vào cương vị phụ

trách các ngành, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, và đào tạo những chuyên gia giỏi cho từng lĩnh vực công tác.

X – SỬ DỤNG SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA CÁCH MẠNG

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân và toàn diện, nhân dân ta có sức mạnh to lớn để chiến thắng. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, sử dụng sức mạnh tổng hợp với trình độ cao hơn, nhân dân ta đã đánh thắng tên đế quốc xâm lược lớn nhất của thời đại. Sử dụng sức mạnh tổng hợp là một khoa học, một nghệ thuật cách mạng, kết hợp sức mạnh của nước ta với sức mạnh của thời đại, sức mạnh quân sự với sức mạnh chính trị, kinh tế, văn hóa, sức mạnh của đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, sức mạnh của từng người với sức mạnh của từng thôn xóm, từng huyện, từng tỉnh và của cả nước, sức mạnh của ba thứ quân, của ba vùng chiến lược và của ba mũi giáp công. Biết sử dụng tổng hợp mọi lực lượng và mọi hình thức chiến đấu, chúng ta luôn luôn ở thế chủ động linh hoạt, giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và cuối cùng đã giành được thắng lợi hoàn toàn.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ, Đảng ta phải sử dụng sức mạnh tổng hợp của đất nước và của nền kinh tế ngay từ đầu.

Cơ sở của sức mạnh tổng hợp tồn tại khách quan trong bản thân sự vật. Mọi liên hệ phổ biến đòi hỏi xem xét mỗi sự vật một cách toàn diện và xử lý nó trong mối quan hệ với sự vật khác. Đó là một nguyên lý mà phép biện chứng duy vật đã khẳng định.

Chính là phù hợp với nguyên lý đó mà các khoa học trong thời đại ngày nay, trên cơ sở những tiến bộ đã đạt được trong giai đoạn phân tích trước đây, đang tiến tới giai đoạn tổng hợp. Xét về mặt lịch sử xã hội cũng vậy, loài người đang tiến tới thời đại làm chủ tập thể của nhân dân lao động, trong đó lịch sử diễn ra không phải tự phát mà là tự giác, đòi hỏi giải quyết mọi vấn đề phù hợp với sự vận động tổng hợp của các loại quy luật.

Đường lối cách mạng của Đảng ta phản ánh quy luật vận động tổng hợp của các loại quy luật kinh tế, xã hội và các quy luật khoa học đang chi phối quá trình cách mạng nước ta. Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa là sự vận dụng tổng hợp các quy luật về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, giữa cơ sở kinh tế với kiến trúc thượng tầng, giữa các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giữa truyền thống của dân tộc với tinh hoa của thời đại. Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý ngay trong chặng đường đầu tiên của chủ nghĩa xã hội là phù hợp với quan hệ tác động qua lại và kết hợp với nhau thành sức mạnh to lớn giữa công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ và nông nghiệp, giữa kinh tế trung ương, kinh tế địa phương và cơ sở.

giữa kinh tế trong nước và nước ngoài, giữa kinh tế và quốc phòng. Xây dựng chế độ làm chủ tập thể là xây dựng một chế độ xã hội kết hợp hài hòa các mối quan hệ giữa làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, giữa làm chủ về chính trị với làm chủ về kinh tế, văn hóa, xã hội, giữa làm chủ cả nước với làm chủ trong từng địa phương và cơ sở, giữa cộng đồng và cá nhân.

Đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế của ta phản ánh các mối quan hệ tổng hợp khách quan cho phép chúng ta tạo nên sức mạnh tổng hợp để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Tổ chức thực hiện đường lối, biến đường lối đúng đắn thành hiện thực sinh động trên đất nước ta cũng phải là sự cố gắng tổng hợp của toàn Đảng và toàn dân.

Kinh tế, nhất là nền kinh tế trong

quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, vận động theo quy luật tổng hợp. Không nắm vững và vận dụng quy luật vận động này trong khi điều hành toàn bộ nền kinh tế, cũng như trong khi giải quyết từng vấn đề cụ thể, nhất định chúng ta sẽ vấp phải những mâu thuẫn, những sự mất cân đối, thậm chí những sự rối ren, ngăn cản sự phát triển của kinh tế và cả các lĩnh vực hoạt động xã hội khác. Vì vậy, từng ngành, từng cấp, từng địa phương, từng cơ sở đều phải xuất phát từ thực tế của ngành, địa phương và cơ sở mình mà vận dụng tổng hợp đường lối chung và đường lối kinh tế để giải quyết các vấn đề kinh tế và các vấn đề khác một cách đồng bộ, tạo nên sức mạnh tổng hợp, đưa sự nghiệp cách mạng của chúng ta tiến lên một cách năng động, linh hoạt.



Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này tập trung thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng về quản lý kinh tế, xã hội, giải quyết những vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách nhằm thực hiện cho được những mục tiêu và nhiệm vụ do Đại hội lần thứ V đề ra. Muốn vậy, hội nghị chúng ta phải cùng nhau thảo luận để đạt đến sự nhất trí cao về những vấn đề thuộc đường lối, quan điểm, những vấn đề

có tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chỉ trên cơ sở đó mới có thể vạch ra được một cách đúng đắn phương hướng cơ bản, các biện pháp quan trọng và cấp bách về đổi mới quản lý kinh tế. Từ sự nhất trí đó, chúng ta phải động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cùng nhau hăng hái phấn đấu thống nhất ý chí và hành động, làm chuyển biến cho được tình hình kinh tế, xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tiến lên.

Sử dụng sức mạnh tổng hợp – một bài học lớn của cách mạng

VĨNH NGHIÊM

TRONG bài phát biểu tại các hội nghị thứ năm và thứ sáu của Ban chấp hành trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã nhấn mạnh rằng: « Bài học cơ bản đối với chúng ta về những thành tựu đã đạt được vừa qua chính là bài học về làm chủ tập thể và sử dụng sức mạnh tổng hợp ». « Xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ, Đảng ta phải sử dụng lực lượng tổng hợp của đất nước và của nền kinh tế để tạo ra sức mạnh to lớn ngay từ đầu ».

Phép biện chứng, khoa học về sự liên hệ phổ biến đã chỉ ra rằng các sự vật và hiện tượng trong giới tự nhiên hay trong xã hội có mối liên hệ ràng buộc với nhau, tác động và ảnh hưởng lẫn nhau. Sự tồn tại và phát triển của sự vật và hiện tượng này phụ thuộc vào sự tồn tại và phát triển của sự vật và hiện tượng khác, đồng thời tác động và ảnh hưởng trở lại đến sự vật và hiện tượng ấy. Các sự vật và hiện tượng đều nảy sinh và phát triển theo những quy luật chung, đồng thời lại có những quy luật phát triển riêng của từng sự vật.

Do đó, « muốn thật sự hiểu được sự vật, cần phải nhìn bao quát và nghiên cứu tất cả các mặt, tất cả các mối liên hệ và « quan hệ gián tiếp » của sự vật đó. Chúng ta không thể làm được điều đó một cách hoàn toàn đầy đủ, nhưng sự cần thiết phải xét tất cả mọi mặt sẽ đề phòng cho chúng ta khỏi phạm phải sai lầm và sự cứng nhắc » (1).

Dương nhiên mỗi liên hệ và tác động qua lại giữa các sự vật và hiện tượng mang tính chất nhiều về, vô cùng phong phú và phức tạp. Mỗi quá trình vận động thường là kết quả của nhiều nguyên nhân, chịu sự tác động của nhiều mối liên hệ: có mỗi liên hệ trực tiếp, có mỗi liên hệ gián tiếp, có mỗi liên hệ bên trong, có mỗi liên hệ bên ngoài, có mỗi liên hệ tất nhiên, có mỗi liên hệ ngẫu nhiên... Các mối liên hệ đó không phải bao giờ cũng tác động theo một hướng và có ý nghĩa quan trọng như nhau. Có mỗi liên hệ này tác động một cách quyết định đến sự tồn tại

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1979, tập 42, tr 364.

và phát triển của sự vật, hiện tượng, có mối liên hệ khác ít quan trọng hơn, cũng có những mối liên hệ tác động theo chiều hướng ngược lại.

Các mối liên hệ, tác động đó không phải « nhất thành bất biến » mà luôn luôn vận động, phát triển và đổi mới không ngừng trong những điều kiện lịch sử cụ thể nhất định.

Vì vậy, nhận thức rõ, tự giác nắm lấy và sử dụng các nhân tố tác động một cách thuận lợi đến sự vận động, phát triển theo hướng đi lên của sự vật, hiện tượng ; ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả những mối liên hệ, những tác động cản trở, đi ngược lại sự phát triển của sự vật, hiện tượng ; trong từng thời kỳ tìm ra và giải quyết đúng những khâu chủ yếu nhất trong hệ thống các mối liên hệ, tác động, coi đó là nòng cốt, là khâu chính cho sự phát huy toàn bộ các mối liên hệ, các tác động đến sự phát triển không ngừng của sự vật, hiện tượng, là thực chất của việc sử dụng sức mạnh tổng hợp.

Lê-nin đã căn dặn chúng ta : « Làm một nhà cách mạng, một người tán thành chủ nghĩa xã hội, hay một người cộng sản nói chung, như thế chưa đủ. Trong mỗi thời kỳ đặc biệt, cần phải biết tìm cho ra cái mắt xích đặc biệt mà người ta phải đem toàn lực ra nắm lấy để giữ vững được toàn bộ cái xích và chuẩn bị để chuyển vững chắc sang mắt xích kế bên ; hơn nữa trình tự nối tiếp, hình thức, mối liên hệ của các mắt xích, và những đặc điểm khác nhau của mắt xích này với mắt xích khác trong cái xích những sự biến lịch sử, đều không đơn giản, và cũng không phải sơ sài như trong cái xích thường do bàn tay người thợ rèn làm ra » (2).

Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, sự ra đời của Nhà nước chuyên chính vô sản, mở đầu cho việc thiết lập chế độ làm chủ tập thể, đã tạo ra những

khả năng cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động phát huy những hành động tự giác theo quy luật khách quan. Đó chính là điều kiện đầu tiên để nhân dân lao động có thể tự giác sử dụng và phát huy được sức mạnh tổng hợp để làm chủ đất nước.

Cả nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội trong những điều kiện thuận lợi, song cũng có không ít những khó khăn, trở ngại làm cho bước đường đi lên không tránh khỏi trải qua những chặng đường gay go, phức tạp. Nền kinh tế của nước ta lạc hậu, sản xuất nhỏ còn là phổ biến, lại chịu hậu quả nặng nề của hơn 30 năm chiến tranh ác liệt tàn phá, và gần 10 năm qua lại trải qua hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống bọn bành trướng bá quyền Trung quốc và bè lũ phản động tay sai... Sản xuất và đời sống có nhiều khó khăn, nền kinh tế bị mất cân đối nghiêm trọng. Nhiều mặt về tổ chức quản lý kinh tế, quản lý xã hội lại đang ở trong quá trình vừa tìm tòi vừa xây dựng, có những mặt còn non yếu. Sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đất nước mới đang ở trong chặng đường đầu. Những hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế - xã hội ở nhiều nơi có chiều hướng phát triển. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra phức tạp và quyết liệt, đặc biệt là trong lĩnh vực phân phối lưu thông ; một số yếu tố tư bản chủ nghĩa đã nhân những non yếu và sơ hở của ta, xâm lấn trận địa xã hội chủ nghĩa. Những khó khăn khách quan, cùng những thiếu sót, khuyết điểm của ta có lúc, có nơi bị kẻ địch lợi dụng hòng chống lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Cuộc sống đang đặt ra cho chúng ta những

(2) V.I. Lê-nin: *Tư tưởng*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 252

yêu cầu bức thiết phải giải quyết. Trong tình hình có nhiều khó khăn, phức tạp đó, việc sử dụng sức mạnh tổng hợp để hoàn thành thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa càng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng và cấp bách. Đó là con đường tốt nhất để từ những lực lượng nhỏ, phân tán, rời rạc, chúng ta tạo nên một sức mạnh tổng hợp to lớn hướng vào việc phấn đấu cho những mục tiêu xác định trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Nó sẽ làm cho những tiềm năng về lao động, đất đai, tài nguyên... của đất nước được khai thác và sử dụng một cách có hiệu quả vì lợi ích của sự phát triển của mỗi cơ sở, mỗi địa phương và của cả nước. Điều đó sẽ làm cho những nhân tố mới, thường lúc đầu còn rất non yếu không những ngày càng được những lực lượng tại chỗ từng bước phát huy mà còn được lực lượng ở nhiều nơi và trong cả nước vun xới, hỗ trợ, khiến chúng nhanh chóng được khẳng định, trưởng thành, hoàn thiện và nhân lên theo đường lối của Đảng. Khác với các chế độ làm chủ của các giai cấp bóc lột xưa kia, quyền làm chủ của người này lấy việc xóa bỏ quyền làm chủ của người khác làm tiền đề, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải bảo đảm quyền làm chủ của tất cả các thành viên trong xã hội, người này làm chủ tốt là điều kiện cần thiết để bảo đảm quyền làm chủ của người khác, cấp này làm chủ đúng đắn là điều kiện để cấp khác làm chủ được tốt. Đó chính là điều kiện cơ bản nhất để bảo đảm cho việc tự giác phát huy sức mạnh tổng hợp vốn tiềm tàng trong chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là điều kiện để có thể kết hợp tinh thần tự lực, tự cường với việc tiếp nhận tốt sự giúp đỡ của quốc tế. Tạo nên và vận dụng

một cách có ý thức sức mạnh tổng hợp đó chính là phương pháp cách mạng làm cho chúng ta sớm khắc phục được tình trạng non yếu, phân tán, rời rạc, manh mún, phát huy được tinh năng động, sáng tạo của từng địa phương và vai trò tổ chức quản lý tập trung, thống nhất của trung ương, đồng thời cũng là điều kiện cần thiết để chúng ta có thể biến thành hiện thực những mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội thứ V của Đảng vạch ra cho chặng đường cách mạng hiện nay.

Trong việc lãnh đạo xây dựng và quản lý xã hội xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, chúng ta đặc biệt quan tâm đến việc tạo nên và phát huy sức mạnh tổng hợp của mối quan hệ cơ bản: Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý. Trong sức mạnh tổng hợp này, trước hết là sức mạnh của Đảng - hạt nhân lãnh đạo chính trị của toàn xã hội. Đảng phải được trang bị đầy đủ về chủ nghĩa Mác - Lênin và có hiểu biết sâu sắc nhất, toàn diện nhất về thực tiễn của đất nước; được xây dựng và chỉ thu hút vào đội ngũ của mình những phần tử ưu tú nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, những người đại biểu cho trình độ tự giác cách mạng cao nhất trong xã hội. Đảng định ra đường lối đúng đắn về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng nền kinh tế mới, nền quốc phòng toàn dân và các mặt khác trong từng thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, có năng lực lãnh đạo Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chuyên chính vô sản thực hiện những đường lối đó trong đời sống thực tế. Đây là nhân tố quyết định nhất làm chuyển động toàn thể bộ máy của chế độ xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy toàn bộ xã hội tiến lên.

Với tư cách là cơ quan quyền lực của giai cấp công nhân và nhân dân

lao động. Nhà nước là công cụ sắc bén nhất, chủ yếu nhất thông qua đó Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với toàn bộ đời sống xã hội. Nhà nước là người trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, trực tiếp tổ chức, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Với chức năng đó, Nhà nước còn là một công cụ quan trọng và rất đặc lực để tổ chức quần chúng, thực hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của quần chúng và thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng. Sức mạnh của Nhà nước chính là ở năng lực tổ chức quản lý của nó. Sức mạnh lãnh đạo của Đảng một phần quan trọng thông qua năng lực tổ chức quản lý của Nhà nước. Sử dụng và phát huy đồng bộ các biện pháp hành chính, pháp luật, tổ chức, kinh tế, văn hóa, giáo dục..., Nhà nước nắm lấy những công cụ mạnh mẽ, đầy hiệu lực ấy để thực hiện đường lối, chính sách và những nhiệm vụ do Đảng đề ra. Đó là cơ sở của một nền chuyên chính mạnh mẽ của giai cấp vô sản.

Xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp đầy khó khăn và phức tạp, là sự nghiệp của chính bản thân quần chúng nhân dân đã giành được quyền làm chủ tập thể. "Tinh sáng tạo sinh động của quần chúng, đó là nhân tố cơ bản của xã hội mới... Chủ nghĩa xã hội không phải là kết quả của những sắc lệnh từ trên ban xuống... chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo, là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân" (3). Sức mạnh cách mạng của quần chúng nhân dân ngày càng có điều kiện phát huy tác dụng tích cực do trình độ giác ngộ chính trị, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật của họ không ngừng được nâng lên trong điều kiện họ đã được giải phóng về mặt xã hội, thật sự làm chủ vận mệnh của mình. Sức mạnh của quần chúng nhân dân được bảo đảm bằng hệ thống các tổ chức

chính trị, kinh tế, văn hóa có tính chất quần chúng, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý tích cực của Nhà nước. Bằng những phương thức hoạt động thích hợp, quần chúng lao động ngày càng tham gia đông đảo vào việc quản lý Nhà nước về các mặt kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội. Sức mạnh sáng tạo của quần chúng được tổ chức lại, kết hợp với hoạt động quản lý đúng đắn và có hiệu quả của Nhà nước là những điều kiện để đẩy lên những phong trào cách mạng sôi nổi, mạnh mẽ của quần chúng nhằm biến đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước thành sức mạnh vật chất, thành hiện thực sinh động trong cuộc sống.

Đảng ta đã chỉ rõ rằng, sức mạnh của nhân dân làm chủ phải thể hiện ở việc thực hiện làm chủ ở ba cấp cơ bản: trung ương, địa phương và cơ sở. Trong chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, cả nước là một tổng thể hữu cơ thống nhất, mỗi địa phương, mỗi đơn vị cơ sở là một bộ phận cấu thành khăng khít của tổng thể toàn vẹn không thể chia cắt đó. Mỗi cấp làm chủ đúng đắn là tiền đề cần thiết để cho các cấp khác làm chủ có hiệu quả. Trong mối quan hệ đó, làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong cả nước là quan trọng nhất, tạo ra sức mạnh quyết định nhất. Làm chủ tập thể trong phạm vi cả nước là ưu thế riêng có của chủ nghĩa xã hội. Nó cho phép chúng ta sử dụng được ưu thế tập trung thống nhất trên cơ sở lấy kế hoạch làm trung tâm để quản lý kinh tế, quản lý xã hội, để điều hành các quá trình kinh tế - xã hội trong cả nước. Nó cho phép chúng ta khai thác, động viên được sức mạnh của cả nước để xây dựng những cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 35, tr. 64.

nghĩa xã hội và giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội của toàn dân. Đồng thời cho phép chúng ta phát huy được tính chủ động sáng tạo của địa phương và cơ sở, cho phép khai thác có hiệu quả các tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề tại chỗ, thúc đẩy nhanh quá trình tích tụ từ địa phương, cơ sở. Đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh rằng: *"Kết hợp sự thống nhất hoạt động của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng với tính chủ động sáng tạo rộng lớn nhất của quần chúng nhân dân, đó là quy luật phát triển của chế độ ta"* (1). Đó cũng là sức mạnh tổng hợp quan trọng để chúng ta thực hiện những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong chặng đường hiện nay. Mỗi quan hệ đúng đắn giữa làm chủ cả nước, làm chủ từng địa phương và từng cơ sở tạo ra khả năng trong những điều kiện nhất định dùng lực lượng có tính chất cả nước để giải quyết những vấn đề có ý nghĩa quyết định của từng địa phương; dùng lực lượng của mỗi địa phương để tập trung giải quyết những vấn đề trọng yếu của từng cơ sở. Điều đó tất yếu sẽ đưa lại những kết quả tích cực trong sự đóng góp của mỗi địa phương, mỗi cơ sở vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước với lực lượng ngày càng to lớn và có hiệu quả hơn. Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong những năm qua đã chứng tỏ rằng đó chính là điều kiện ra đời của những công trình trọng điểm chẳng những của cả nước mà còn của từng địa phương hay từng cơ sở. Đó cũng chính là ưu thế của chế độ làm chủ tập thể trong quá trình đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhân dân ta nắm vững chuyên chính vô sản, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng

quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, chính là thể hiện sức mạnh tổng hợp của cách mạng, đồng thời cũng là tạo nên và phát huy sức mạnh tổng hợp đó. Đây cũng là một quy luật vận động và phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, là hoạt động thực tiễn hằng ngày của các ngành, các cấp nhằm tạo ra và vun xới những nhân tố xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi những nhân tố lạc hậu, phi xã hội chủ nghĩa. Đảng ta đã nhiều lần chỉ ra rằng: xã hội mới hay con người mới, quan hệ sản xuất mới hay lực lượng sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, một sản phẩm mới hay một ngành kinh tế mới, một địa phương đổi mới hay cả đất nước đổi mới đều phải là kết quả sức mạnh tổng hợp của cả ba cuộc cách mạng. Đồng chí Lê Duẩn đã nói: *"Trong mỗi sản phẩm làm ra, dù là của công nghiệp hay của nông nghiệp, không chỉ có mồ hôi của người trực tiếp sản xuất, có chất xám của nhà khoa học, kỹ thuật, nhà văn hóa nghệ thuật mà còn có cả máu của chiến sĩ. Ngay bản thân sự lớn lên của từng địa phương, từng cơ sở cũng là kết quả của sức mạnh tổng hợp đó"* (2).

Sức mạnh tổng hợp của chúng ta là sức mạnh của việc khai thác, sử dụng mọi tiềm năng của đất nước kết hợp với việc mở rộng và thực hiện tốt sự hợp tác quốc tế. Đất nước ta vừa thiếu một nền đại công nghiệp cơ khí, cái "cốt vật chất" của chủ nghĩa xã hội, vừa chịu hậu quả nặng nề của hơn 30 năm chiến tranh ác liệt, của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, và ngày nay đang phải đối phó

(1) Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam* Nxb Sự thật, Hà nội, 1976, tập II, tr. 449.

(2) Lê Duẩn: *Bài nói tại Hội nghị khu 5 (khóa V)* của BCHTƯĐ.

với chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc. Làm thế nào để thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ chiến lược do Đảng đã đề ra? Đương nhiên chúng ta phải dựa vào sức phấn đấu kiên cường của nhân dân ta để bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng còn một mặt rất quan trọng nữa là chúng ta phải biết sử dụng những điều kiện khách quan của thời đại. Đó là sự tồn tại và giúp đỡ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Thiếu sức mạnh này thì không thể nói đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đương nhiên chúng ta cũng tính đến việc phát triển quan hệ kinh tế - kỹ thuật với các nước khác, kể cả các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, trên các nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền và cũng có lợi. Song vấn đề có ý nghĩa chiến lược của cách mạng nước ta là tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên xô, Lào, Cam-pu-chia và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ và đoàn kết của các lực lượng cách mạng, dân chủ, hòa bình và tiến bộ trên thế giới. Đó là sức mạnh to lớn để chống lại sự can thiệp vũ trang và mọi mưu toan xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động Trung quốc, và để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Muốn sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ, hợp tác quốc tế xã hội chủ nghĩa to lớn đó lại phải biết khai thác, phát huy mọi tiềm năng của đất nước với ý thức tự lực tự cường cao. Tất cả các mặt đó nếu được giải quyết một cách tự giác, đúng đắn sẽ tạo nên những khả năng to lớn trong sự nghiệp cách mạng ở nước ta.



Chính những tư tưởng, quan điểm và nội dung về sử dụng sức mạnh tổng hợp được thể hiện ngay trong đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng và về các mặt khác. Để có thể tạo nên và sử dụng sức mạnh tổng hợp trên các mặt và trong cả nước, điều quan trọng hàng đầu là thâm nhuần sâu sắc và thực hiện đúng đắn, sáng tạo và có hiệu quả các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong đường lối của Đảng ta không tách rời từng mặt hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, không có lập từng phần của sự nghiệp cách mạng thành từng lĩnh vực riêng biệt. Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng là một tổng thể hoàn chỉnh thống nhất giữa mục tiêu và phương tiện, biện pháp, giữa cơ sở kinh tế và kiến trúc thượng tầng, giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa kinh tế và quốc phòng, giữa cải tạo và xây dựng, giữa tính năng động chủ quan và tác động của những điều kiện khách quan, giữa nguyên nhân và kết quả. Sức mạnh tổng hợp được tạo ra từ sự đồng thời ra đời, phát triển và tác động lẫn nhau giữa các yếu tố đó.

Các yếu tố đó kết hợp chặt chẽ với nhau, quy định lẫn nhau, thâm nhập vào nhau, tác động qua lại với nhau, trong đó mỗi yếu tố vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của những yếu tố khác. Trong đường lối kinh tế, sức mạnh tổng hợp được tạo ra từ sự gắn bó ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu thống nhất, kết hợp hài hòa kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, làm kế hoạch ở ba cấp cơ bản: cả nước,

địa phương và cơ sở, theo tinh thần hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nắm cả giá trị sử dụng lẫn giá trị và quy luật giá trị, thống nhất giữa phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, kết hợp phân công lao động trong nước với phát triển kinh tế đối ngoại, trước hết với Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là những vấn đề có tính quy luật của quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta bằng sức mạnh tổng hợp.

Đồng chí Lê Duẩn đã khẳng định: “Chúng ta chỉ có thể hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ lịch sử hết sức khó khăn đưa đất nước ta từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bằng cách tạo ra cho được một lực lượng tổng hợp của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế chính là lực lượng tổng hợp cần thiết ấy. Đường lối đó phát huy sức mạnh của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy những khả năng đã và đang tiềm tàng của đất nước và cho phép chúng ta tận dụng các khả năng mới của thời đại, bằng sự gắn bó nước ta với Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, với ba đồng minh cách mạng” (6).

Nhiều khuyết điểm, thiếu sót trong thời gian vừa qua chính là do chưa thấu suốt đường lối, chưa cụ thể hóa hay cụ thể hóa chưa đúng đường lối, đồng thời có phần do sự yếu kém về công tác tổ chức và quản lý, do đó chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cách mạng xã hội chủ nghĩa, thậm chí có trường hợp lại dẫn đến tình trạng ngành này, cấp này gây trở ngại cho ngành khác, cấp khác, trái với lợi ích làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Dựa theo những đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, công tác tổ chức và quản lý có vai trò hết sức năng động trong việc tạo ra và sử dụng sức mạnh tổng hợp. Đây là một công tác có tính thực tiễn rất rộng lớn, rất phức tạp, cụ thể, tinh vi. Việc nâng cao trình độ tổ chức và quản lý kinh tế, xã hội của chúng ta đang thật sự trở thành nhiệm vụ quan trọng và cấp bách hàng đầu để có thể phát huy được sức mạnh tổng hợp. Trong việc đó, chúng ta rất coi trọng nâng cao trình độ xây dựng kế hoạch, xác định đúng đắn chiến lược kinh tế - xã hội và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch, cương lĩnh thứ hai của Đảng. Để phát huy sức mạnh tổng hợp, phải nắm và vận dụng đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc kết hợp hài hòa các lợi ích, nghệ thuật phát huy tính năng động, sáng tạo cách mạng, ý thức tự giác và tinh tổ chức kỷ luật, tinh thần làm chủ tập thể của mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi địa phương, mỗi cơ sở và của mỗi người lao động. Tổ chức quản lý đúng đắn và có hiệu quả chính là thể hiện ở việc phát huy sức mạnh tổng hợp của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Để tạo nên sức mạnh tổng hợp, chúng ta còn phải quán triệt quan điểm đồng bộ, quan điểm hệ thống, bảo đảm cho các mối liên hệ, các nhân tố khách quan và hoạt động chủ quan của con người cùng tác động và tác động theo một hướng tích cực đến sự vật, hiện tượng. Trong tổ chức thực hiện, tinh hiệu quả của phương pháp đồng bộ, hệ thống đòi hỏi phải thống nhất và kết hợp hài hòa giữa các mục tiêu, phương tiện và biện pháp để đạt mục tiêu đã đề ra, phải đặt các

(6) Lê Duẩn: *Thấu suốt hơn nữa đường lối của Đảng trong chặng đầu của thời kỳ quá độ*. Nhà Sự thật, Hà Nội, 1983, tr. 24.

tổ chức, các yếu tố trong một hệ thống chặt chẽ, hợp lý, khoa học, bảo đảm cho mỗi tổ chức, mỗi yếu tố đó thật sự phát huy được tác dụng của mình theo mục tiêu chung, chứ không phải cản trở nhau, triệt tiêu nhau, từ đó tạo thành sức mạnh tổng hợp để đạt mục tiêu xác định trong từng thời kỳ. Như vậy, phải vừa tính toán một cách toàn diện và đầy đủ những điều kiện khách quan, những cơ sở vật chất—kỹ thuật hiện có và sẽ có, vừa biết khơi dậy tính năng động chủ quan, biết đánh giá đúng và biết kết hợp một cách hiện thực những điều kiện sẵn có và khai thác các tiềm năng. Vừa tính toán đầy đủ, toàn diện các yếu tố và sự tác động lẫn nhau giữa tư tưởng, tổ chức, kinh tế, hành chính và giáo dục, vừa quan tâm đến chức năng, vị trí và tính đặc thù của mỗi yếu tố trong những không gian và thời gian nhất định. Vừa bảo đảm bao quát chung các mặt, đồng thời tập trung sức giải quyết có hiệu quả khâu chủ yếu nhất để chuyển biến cục diện chung theo hướng tích cực.

Phát huy sức mạnh tổng hợp là khoa học vận dụng những khả năng, những nhân tố tác động đến quá trình vận động của sự vật dựa trên những hoạt động tự giác. Tính tự giác ấy thể hiện ở sự nhận thức đúng và hành động đúng theo quy luật khách quan, giải quyết đúng những vấn đề của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong từng thời kỳ. Phủ nhận những quy luật khách quan, không tính đầy đủ đến những điều kiện khách quan trong nhận thức và hành động sẽ gây ra những tổn hại cho chủ nghĩa xã hội, và cũng không thể phát huy được sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp cách mạng. Cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung là một quá trình hoạt động có ý thức tự giác cao. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn, xã hội chủ nghĩa

lại càng đòi hỏi tính tự giác rất cao. Tìm tòi, vận dụng sáng tạo, hành động tự giác theo quy luật là điều quan trọng trong hoạt động cách mạng. Điều đó lại càng có ý nghĩa quan trọng trong chặng đường cách mạng hiện nay ở nước ta, khi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đang đặt ra những vấn đề rất khó khăn và phức tạp. Vì vậy trong khi nhấn mạnh việc tôn trọng các điều kiện khách quan và nghiêm túc vận dụng các quy luật khách quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta hết sức chú ý phát huy tính năng động cách mạng của quần chúng lao động, coi đó là một động lực cơ bản trong việc vận dụng sức mạnh tổng hợp của cách mạng.

Để phát huy sức mạnh tổng hợp, việc đề ra các hình thức, biện pháp, bước đi, việc xây dựng hệ thống các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đóng vai trò rất to lớn. Thực tiễn đã cho chúng ta hiểu sâu sắc rằng, sức mạnh tổng hợp không phải tồn tại ở dạng trừu tượng, không phải ở mục đích tự nó, mà ở chỗ nó tác động một cách cụ thể đến những nhiệm vụ của cách mạng, đến hiệu quả của việc thực hiện những nhiệm vụ ấy. Nếu như việc nhận thức đúng quy luật khách quan, định ra được nhiệm vụ cách mạng là quan trọng, thì việc vạch ra được những hình thức, biện pháp, những chế độ, chính sách thích hợp, từng bước hình thành một hệ thống hợp lý có tác dụng hướng dẫn, quy định những hành động cụ thể trên các mặt cũng rất quan trọng. Về mặt nào đó có thể nói, đó là hoạt động khó khăn, phức tạp hơn. Không ở đâu đòi hỏi nhiều trình độ tự giác, sáng tạo và nhạy bén của người cách mạng như trong vấn đề này. Đương nhiên việc nghiên

(Xem tiếp trang 54)

Về phân phối theo lao động trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

TRẦN HỒ

Một phương thức sản xuất có một hình thức phân phối sản phẩm thích ứng với nó. Phân phối là một trong những mặt của quan hệ sản xuất do chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất quyết định.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, toàn bộ sản phẩm xã hội, bao gồm cả sản phẩm cần thiết và sản phẩm thặng dư, đều trực tiếp hoặc gián tiếp, trước mắt hoặc lâu dài phục vụ cho lợi ích của những người lao động. Riêng phần sản phẩm cần thiết thì được phân phối cho người lao động theo nguyên tắc phân phối theo lao động.

Phân phối theo lao động là lấy lao động làm thước đo làm tiêu chuẩn để phân phối cho người lao động. Theo nguyên tắc này thì những người có khả năng lao động phải lao động mới được phân phối vật phẩm làm ra và mức độ phân phối là do số lượng và chất lượng lao động của họ cống hiến cho xã hội quyết định. Lao động nhiều thì hưởng nhiều, lao động ít thì hưởng ít; có khả năng lao động mà không lao động thì không được hưởng.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là mỗi người lao động đã tạo ra bao nhiêu sản phẩm thì được trực tiếp hưởng hết bấy nhiêu, trái lại họ chỉ được phân phối một phần sản phẩm làm ra mà thôi. Chủ trương của Lát-xan đòi người lao động phải được hưởng « sản phẩm toàn vẹn của lao động » là hoàn toàn ảo tưởng và phản động, vì như vậy xã hội sẽ không thể tồn tại và phát triển được.

Sản xuất quyết định phân phối, có sản xuất mới có phân phối và tiêu dùng nhưng phân phối có tác động rất quan trọng đối với sản xuất. Xuất phát từ quan điểm đó, Mác đã chỉ rõ rằng, trước hết phải lấy một phần trong tổng sản phẩm xã hội để bù đắp những tư liệu sản xuất đã hao phí trong sản xuất nhằm tiếp tục quá trình sản xuất và tích lũy để tái sản xuất mở rộng; đồng thời cần phải xây dựng quỹ dự trữ hoặc quỹ bảo hiểm để đề phòng khi có tai nạn bất ngờ. Những khoản dành ra đó là hoàn toàn cần thiết về mặt kinh tế, cũng giống như phải lập quỹ khấu hao tài sản cố định, quỹ sản xuất ở các xí

ng nghiệp thì mới có điều kiện khôi phục và phát triển sản xuất.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, người ta còn phải lập quỹ xã hội để mở rộng phúc lợi chung. Cho nên trong sản phẩm làm ra, phải trích một phần để hình thành các quỹ xã hội như chi phí quản lý chung, quỹ dùng để đáp ứng yêu cầu về giáo dục, y tế và quỹ cứu tế xã hội để nuôi những người không có khả năng lao động. Mác đã nói: «Cái mà người sản xuất đứng về mặt cá nhân, đã bị tước mất, thì về mặt thành viên của xã hội, người ấy lại được lấy lại một cách trực tiếp hay gián tiếp» (1).

Phần lớn vật phẩm tiêu dùng còn lại được đem phân phối trực tiếp cho người lao động dưới hình thức tiền lương. «Vậy thì người sản xuất — một khi đã khấu trừ xong các khoản — nhận cho cá nhân mình một vật ngang giá đúng với cái mà người ấy đã cung cấp cho xã hội» (2). Tuy nhiên, như Mác đã nói, xã hội xã hội chủ nghĩa mới là giai đoạn thấp của xã hội cộng sản, là một xã hội «vừa từ xã hội tư bản thoát ra; và vì vậy một xã hội về mọi phương diện: kinh tế, đạo đức, trí tuệ, còn giữ những dấu vết của xã hội cũ, trong đó nó đã thoát thai ra» (3), cho nên trong xã hội xã hội chủ nghĩa, mặc dù quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã hình thành và ngày càng mở rộng nhưng lực lượng sản xuất phát triển chưa thật cao, sự khác biệt về trình độ kỹ thuật, về năng suất của người lao động, cũng như sự khác nhau giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa lao động phức tạp và lao động giản đơn vẫn còn tồn tại. Về mặt nhận thức, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, lao động tuy là niềm vinh dự trong xã hội, nhưng vẫn chưa trở thành nhu cầu bậc nhất của con người mà còn là một phương tiện sống của mỗi người lao động. Bên cạnh

thái độ mới, xã hội chủ nghĩa đối với lao động đã được hình thành cùng với những quan điểm đạo đức mới, vẫn còn những tư tưởng của xã hội cũ: chây lười, trốn tránh lao động, chưa thiết tha với lao động, công hiến ít nhưng lại đòi hưởng thụ nhiều, không lao động nhưng lại muốn hưởng thành quả lao động của người khác, v.v.

Tất cả những điều kiện kinh tế — xã hội ấy khiến cho việc phân phối theo lao động trở thành một tất yếu khách quan, trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Phân phối theo lao động là phân phối vật phẩm tiêu dùng cá nhân cho người lao động theo số lượng và chất lượng lao động mà mỗi người đóng góp cho xã hội. Đó là sự thực hiện nguyên tắc lợi ích vật chất, gắn chặt lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội, thúc đẩy người sản xuất quan tâm đến sản phẩm làm ra, nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với lao động, làm cho người lao động nhận rõ được mối quan hệ giữa thành quả lao động với thu nhập của mình. Phân phối theo lao động còn kích thích người lao động nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, trình độ lành nghề, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật và tăng năng suất lao động. Thực hiện tốt việc phân phối theo lao động tạo điều kiện tổ chức và ổn định lực lượng lao động ở các đơn vị sản xuất, góp phần ổn định đội ngũ công nhân có kỹ thuật lành nghề, tiến đến chấm dứt tình trạng di chuyển sức lao động không hợp lý, tạo điều kiện cho Nhà nước phân bổ và sử dụng lao động một cách có kế hoạch. Chính có phân phối theo lao động mới bắt buộc được những kẻ có khả năng lao động nhưng không chịu lao

(1), (2), (3) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Phê phán các cương lĩnh Gô-ta và Êc-phuya*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1957, tr. 23 và 24.

động, phải tham gia lao động. Đồng thời, còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc rèn luyện ý thức trách nhiệm và kỷ luật lao động, đấu tranh chống tư tưởng bóc lột, miệt thị lao động, góp phần giáo dục và xây dựng con người mới, nền văn hóa mới.

Chủ nghĩa xã hội đã tạo ra điều kiện và sự cần thiết khách quan để thực hiện phân phối vật phẩm tiêu dùng cá nhân theo lao động. Phân phối theo lao động là một quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Đây là sự phân phối công bằng, hợp lý và bình đẳng nhất trong lịch sử xã hội loài người từ trước đến nay. Quy luật này yêu cầu việc phân phối vật phẩm tiêu dùng cá nhân của mỗi người sản xuất, phải trả công bằng nhau, không phân biệt nam hay nữ, tuổi tác, dân tộc của những người lao động trong xã hội xã hội chủ nghĩa.



Nước ta đã trải qua nhiều biến chuyển của lịch sử và có nhiều đặc điểm đặc sắc trong sự phát triển của cách mạng, cho nên việc thực hiện phân phối theo lao động đã bị nhiều hạn chế.

Ở miền Bắc trước đây, do tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chiến tranh, cho nên cùng với việc thực hiện phân phối theo lao động, chúng ta cố gắng bảo đảm nhu cầu cơ bản cho mọi thành viên trong xã hội. Hàng triệu nông dân mặc áo lính thoát ly sản xuất, ra tiền tuyến, đòi hỏi xã hội phải phân phối lương thực cho những người lao động nông nghiệp, và cả gia đình họ theo định lượng.

Đối với công nhân viên chức, ngoài việc trả lương ra, Nhà nước còn phân phối theo định lượng một số vật phẩm tiêu dùng thiết yếu.

Nền kinh tế của nước ta chịu nhiều hậu quả của chiến tranh lâu dài và ác liệt, do đó việc cải thiện một phần đời sống của cán bộ, công nhân viên chức thông qua quỹ tiền lương cũng đã bị hạn chế. Cho đến nay, một số vật phẩm tiêu dùng còn phải được phân phối thông qua giá cả theo chế độ cung cấp.

Trong hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử, chính sách phân phối vật phẩm tiêu dùng như nói trên của Đảng và Nhà nước là cần thiết và đúng đắn. Chính sách phân phối đó đã góp phần tăng cường đoàn kết toàn dân, nhất là đoàn kết trong nông dân, động viên được sức người sức của cho cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, bảo đảm giành thắng lợi vĩ đại cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Đó là điều mà chúng ta cần phải khẳng định. Tuy nhiên, do hoàn cảnh lịch sử của đất nước lúc bấy giờ bắt buộc chúng ta bảo đảm nhu cầu cơ bản cho mọi thành viên trong xã hội, cho nên đã sinh ra ý lại, dựa dẫm vào Nhà nước và từ đó dẫn đến việc bao cấp tràn lan trong sản xuất kinh doanh và đời sống.

Trong giai đoạn mới của cách mạng, việc đổi mới của chế độ phân phối đáng lẽ phải được thực hiện sớm hơn, nhưng các chính sách về giá cả, tiền lương... mang nặng tính chất bao cấp, cứng nhắc không phù hợp với tình hình thực tế đã bị kéo dài một cách bảo thủ và trì trệ trong cơ chế quản lý kinh tế. Việc phân phối theo chế độ bao cấp không thể có những nhân tố kinh tế bên trong để kích thích tăng năng suất lao động và thúc đẩy sản xuất phát triển. Vì thu đủ chi đủ, cho nên diễn ra tình hình kinh tế là: sản xuất với bất cứ giá nào, không tính toán đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, không tính đến hiệu quả kinh tế, bất chấp có lợi nhuận

hay không có lợi nhuận, nếu có lỗ đã có Nhà nước gánh chịu. Hạch toán kinh tế mang tính chất hình thức, không phản ánh đúng thực chất về hiệu quả của sản xuất và kinh doanh. Từ đó, công nhân dựa dẫm vào nhau, không phân biệt người lao động giỏi với người lao động kém, ý lại vào tập thể, ý lại vào Nhà nước, những biểu hiện của chủ nghĩa bình quân trong phân phối ngày càng tăng lên một cách trầm trọng.

Ở khu vực kinh tế tập thể, lối phân phối mang tính chất bao cấp đã dẫn đến nhiều hiện tượng tiêu cực, người xã viên không quan tâm đến sản xuất, dựa dẫm vào nhau, không phân biệt người làm giỏi với người làm kém, không hứng thú trong lao động, người lao động giỏi cũng như người lười nhác đều hưởng ngang nhau. Những hiện tượng cây cầy, chăm bón không kịp thời, đã làm cho sản lượng thu hoạch hằng năm không đạt kế hoạch. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho nông nghiệp chậm phát triển trong một thời gian dài.

Trong lĩnh vực công nghiệp quốc doanh, chúng ta chưa chú ý đúng mức và chưa phân phối thỏa đáng cho người công nhân lành nghề có năng suất lao động cao, đã tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội. Do đó, đã kìm hãm việc cải tiến kỹ thuật, tăng số lượng và chất lượng sản phẩm trong các xí nghiệp. Sự chênh lệch về bậc lương trong các thang lương rất thấp, cho nên chưa kích thích được việc cải tiến kỹ thuật và phát triển sản xuất. Do chế độ bao cấp như vậy, cho nên các xí nghiệp không tiết kiệm được lao động sống và lao động quá khứ, dẫn đến năng suất lao động và sản lượng công nghiệp chậm phát triển.

Thực hiện phân phối theo lao động trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần chú ý một số vấn đề sau đây:

Phân phối theo lao động được tiến hành trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều thành phần.

Hiện nay, bên cạnh kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, thành phần kinh tế tư nhân có một phương thức phân phối thích ứng với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Trong thành phần kinh tế tư bản tư nhân, việc phân phối sản phẩm dựa trên sở hữu về vốn đầu tư của nhà tư sản; người công nhân nhận tiền lương của mình thông qua việc bán sức lao động; tiền lương đó là giá cả sức lao động và ở đây người công nhân còn bị nhà tư sản bóc lột. Đương nhiên, trong điều kiện của chuyên chính vô sản, quyền lợi của người lao động được luật pháp bảo vệ và nhà tư sản không được đối xử với công nhân như trong xã hội cũ. Những người nông dân và thợ thủ công trong thành phần kinh tế tiểu tư hữu được hưởng theo kết quả lao động cả thể của mình

Như vậy, trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều thành phần, ở nước ta hiện nay còn nhiều phương thức phân phối khác nhau. Bên cạnh việc kế hoạch hóa của Nhà nước là chủ yếu về phân bổ sức lao động giữa các xí nghiệp, giữa các ngành kinh tế và các vùng của đất nước thì sự di chuyển sức lao động giữa các thành phần kinh tế và các đơn vị sản xuất kinh doanh trong một mức độ nhất định vẫn diễn ra theo sự tác động của tiền lương và thu nhập thực tế của những người lao động. Do đó, các xí nghiệp quốc doanh phải có biện pháp tổ chức lao động và ổn định lực lượng lao động một cách vững chắc ở xí nghiệp mình, nhất là lao động có kỹ thuật, có tay nghề thành thạo; không để công nhân có trình độ kỹ thuật bỏ xí nghiệp ra làm ngoài với tư nhân

Phân phối theo lao động trong hoàn cảnh nền kinh tế chủ yếu còn đang ở tình trạng sản xuất nhỏ.

Nhân dân ta đã đạt được những thành tựu đáng kể trong công cuộc cải tạo và xây dựng nền kinh tế quốc dân. Một số cơ sở công nghiệp nặng then chốt đã được hình thành, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng từng bước được xây dựng. Nông nghiệp đang có đà phát triển tốt, các ngành kinh tế khác đã có những tiến bộ quan trọng. Tuy nhiên, cho đến nay, về cơ bản nền kinh tế nước ta vẫn chưa rút ra khỏi « cuồng nhau của nền sản xuất nhỏ »; nước ta về mặt kinh tế, vẫn còn là một nước đang phát triển. Năng suất lao động xã hội còn thấp, nền kinh tế còn đang mất cân đối nghiêm trọng. Tổng sản phẩm xã hội tăng chậm, thu nhập quốc dân còn ít, sản phẩm cần thiết để bù đắp và tái sản xuất sức lao động còn ở mức tối thiểu, sản phẩm thặng dư dùng cho tích lũy để tái sản xuất mở rộng còn rất ít, do đó những vật phẩm tiêu dùng dành để phân phối cho những người lao động dưới hình thức tiền lương cũng còn rất hạn chế. Mặt khác, nền kinh tế nước ta lại phải chịu nhiều hậu quả nặng nề của chiến tranh lâu dài và ác liệt; hiện nay bốn bành trướng và bá quyền Trung quốc cầu kết với đế quốc Mỹ đang tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nước ta. Do đó, việc cải thiện đời sống của cán bộ, công nhân viên chức một phần rất quan trọng qua quỹ tiền lương cũng bị hạn chế. Cho đến nay, một số vật phẩm tiêu dùng thiết yếu còn phải phân phối thông qua giá cả cung cấp (Nhà nước còn phải bù lỗ qua ngân sách đối với 9 mặt hàng thiết yếu về đời sống và một số mặt hàng tiêu dùng không định lượng theo giá bán lẻ ổn định). Đó là một chính sách cần thiết và đúng đắn của

Đảng ta trong tình hình mức sản xuất của nước ta còn rất thấp.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, cũng có khuynh hướng lệch lạc đòi « xóa bỏ ngay giá cả theo chế độ cung cấp đối với một số mặt hàng thiết yếu về đời sống ». Thực tiễn trong ba năm qua đã chứng minh rằng: nếu chỉ đơn thuần dùng giá cả để giải quyết những khó khăn về kinh tế thì thật là ảo tưởng và sai lầm. Trong hoàn cảnh kinh tế kém phát triển, thị trường chưa ổn định, giá cả biến động mạnh, quan hệ giữa cung và cầu về hàng hóa thiết yếu đang mất cân đối thì chúng ta bắt buộc phải tạm thời chấp nhận giá cả theo chế độ cung cấp đối với một số mặt hàng thiết yếu về đời sống cho cán bộ, công nhân viên chức. Về thực chất những mặt hàng thiết yếu mà Nhà nước cung cấp theo định lượng và giá ổn định cho cán bộ, công nhân viên chức là một hình thức trả tiền lương bằng hiện vật để bảo đảm một phần tiền lương thực tế. Do đó, trước mắt, việc Nhà nước ta tạm thời thi hành chính sách hai loại giá là rất cần thiết.

Trình độ phân công lao động xã hội còn rất thấp, lao động kỹ thuật các ngành nghề chậm phát triển.

Lực lượng sản xuất ở nước ta còn kém phát triển, việc phân công lao động xã hội còn đang ở trình độ rất thấp. Chính vì vậy, lao động kỹ thuật của các ngành nghề cũng kém phát triển. Điều này lưu ý chúng ta khi thực hiện chế độ tiền lương cần phải thể hiện sự kích thích phát triển lao động có kỹ thuật của các ngành nghề, khuyến khích lao động có kỹ thuật của các ngành nghề, nhất là các ngành nghề mới ra đời, nhưng có triển vọng lớn đối với công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế quốc dân, làm cho tiền lương thật sự bảo đảm tái sản xuất sức lao động của người ăn lương, bảo đảm quan hệ hợp lý giữa các ngành nghề và tính

thống nhất của chế độ tiền lương trong cả nước. Cần chú ý phân biệt lao động bình thường với lao động nặng nhọc, lao động giản đơn với lao động phức tạp, lao động chân tay với lao động trí óc trong việc cải tiến chế độ tiền lương nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ.

Chống chủ nghĩa bình quân và triệt để thực hiện phân phối theo lao động.

Trong quá trình thực hiện phân phối theo lao động, phải kiên quyết chống chủ nghĩa bình quân vì nó hoàn toàn đối lập với yêu cầu của quy luật phân phối theo lao động, đối lập với nguyên tắc lợi ích vật chất. Chủ nghĩa bình quân là biểu hiện của quan niệm tiêu tư sản về chủ nghĩa xã hội. Những người theo chủ nghĩa bình quân hiểu "bình đẳng" trong chủ nghĩa xã hội một cách tuyệt đối, ảo tưởng và sai lầm. Họ lầm tưởng rằng trong chủ nghĩa xã hội, mọi người phải được phân phối nhất loạt ngang nhau, mặc dù số lượng và chất lượng lao động của mỗi người đóng góp cho xã hội hoàn toàn khác nhau. Chủ nghĩa bình quân đã hạn chế tính tích cực lao động của những người sản xuất, hạn chế sự quan tâm cải tiến kỹ thuật, từ đó làm hạn chế sự phát triển sản xuất.

Mặt khác, cần phê phán quan điểm chỉ nhấn mạnh một chiều đến lợi ích vật chất, chạy theo lợi ích thiên cặn trước mắt, không thấy lợi ích lâu dài, toàn cục, đem lợi ích cá nhân tách rời, thậm chí đối lập với lợi ích xã hội. Những người có quan điểm sai lầm này không thấy rằng lợi ích cá nhân phải nằm trong lợi ích xã hội, lợi ích xã hội có được củng cố và phát triển thì lợi ích cá nhân của những người lao động mới được thực hiện đúng theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Và một khi lợi ích xã hội bị xâm phạm, bị xói mòn, bị "rút ruột", bị đục khoét thì lợi ích

chính đáng của cá nhân người lao động cũng không được bảo đảm.

Trong hoàn cảnh nước ta từ một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ là chủ yếu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, việc thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động càng có ý nghĩa quan trọng. Nó là một đòn bẩy và cũng là một trong những động lực rất quan trọng để kích thích sản xuất phát triển, đưa nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Việc phân phối theo lao động càng được thực hiện triệt để bao nhiêu thì tác dụng thúc đẩy của nó đối với công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa lại càng mạnh mẽ bấy nhiêu.

Điều này đã được chứng minh ở việc thực hiện chỉ thị số 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) về «khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động» trong nông nghiệp. Trong ba năm qua, phong trào lao động sản xuất được đẩy lên thành một cao trào sâu rộng trong nông thôn cả nước, đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất lao động, đã góp phần nâng cao sản lượng lương thực, tính bình quân mỗi năm tăng gần 1 triệu tấn. Được như vậy là nhờ ở việc sửa đổi một số chính sách cụ thể trong việc khoán sản phẩm, trong việc phân phối ăn chia ở hợp tác xã nông nghiệp, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, chú ý đến lợi ích vật chất của người lao động.

Tình hình trên chứng tỏ rằng, việc lựa chọn và xác định đúng đắn các hình thức kinh tế biểu hiện được hoạt động của các quy luật kinh tế khách quan có ý nghĩa quan trọng biết bao đến công cuộc cải tạo và xây dựng nền kinh tế hiện nay.

Những vật phẩm tiêu dùng đem phân phối cho người lao động gồm

nhiều bộ phận, trong đó tiền lương là bộ phận cơ bản nhất, phải chiếm phần lớn thu nhập của công nhân. Tuy nhiên, trong thực tế vừa qua, ở nhiều xí nghiệp, phần tiền thưởng lại cao gấp nhiều lần so với tiền lương cơ bản của công nhân, và cũng có nơi, có lúc, thu nhập bằng quỹ phúc lợi lại xấp xỉ với tiền lương cơ bản. Đó là điều bất hợp lý, cần được khắc phục.

Trong khi thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, chúng ta không bao giờ xao lãng việc chấp hành đúng đắn chính sách đối với những người lao động về hưu, nghỉ công tác vì mất sức lao động, các thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, những người già yếu, tàn tật không nơi nương tựa, v.v.

Cùng với việc phân phối theo lao động, cần tiến hành tốt công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho những người lao động. Chúng ta phải đặt vấn đề giáo dục tư tưởng là một công tác rất quan trọng, không được coi nhẹ. Xã hội của chúng ta vừa thoát ra từ xã hội cũ, cho nên vẫn còn không ít những tư tưởng, tập quán của xã hội cũ như: không chịu lao động, làm ăn gian dối, làm bừa, làm ẩu, ăn cắp của công, móc ngoặc, hối lộ, buôn lậu, phe phẩy v.v. để có thu nhập cao hơn mọi người. Những tư tưởng và tập quán xấu xa đó cần phải lên án và đả phá đến tận gốc rễ đi đôi với xây dựng tinh thần lao động mới, sống bằng sức lao động của chính mình, bằng thành quả lao động của mình, xây dựng tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Sử dụng sức mạnh...

(Tiếp theo trang 47)

cứu, tìm tòi và định ra những hình thức, biện pháp, chế độ, chính sách nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cách mạng trong từng mặt, từng ngành, từng địa phương cho đến cả nước phù hợp với những điều kiện lịch sử cụ thể của từng chặng đường, không thể tách rời thực tiễn cách mạng, tách rời phong trào cách mạng của quần chúng. Chính trong hoạt động cách mạng sôi động của quần chúng, nhất là ở các địa phương, cơ sở sẽ nảy sinh những sáng kiến, những hình thức, biện pháp hợp lý, khoa học. Nhiệm vụ của những người cách mạng là hướng dẫn, tổng hợp, xác minh, hoàn

thiện và nâng cao những kinh nghiệm, sáng kiến ấy. Nghị quyết Hội nghị thứ sáu của Ban chấp hành trung ương Đảng đã chỉ rõ: «... Trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay, thấu suốt và cụ thể hóa đường lối đúng đắn của Đảng bằng một cơ cấu kinh tế hợp lý và một cơ chế quản lý thích hợp, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở từng cơ sở, từng địa phương, từng ngành, động viên được sức mạnh tổng hợp của cả nước thì chúng ta có khả năng tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế - xã hội ». Phấn đấu theo phương hướng đó chúng ta sẽ đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta tiến lên một bước mới.

Những thành tựu bước đầu của Long an trên mặt trận kinh tế

LÊ VĂN KIẾN

Bí thư tỉnh ủy Long an

SAU giải phóng miền Nam chưa được ba năm, nhân dân tỉnh Long an chúng tôi phải đương đầu với cuộc chiến tranh ác liệt ở biên giới tây nam do bè lũ Pôn Pốt, tay sai của bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc gây ra. Đến năm 1978, nhân dân tỉnh chúng tôi phải khắc phục hậu quả nặng nề của trận lụt lớn chưa từng có và nạn sâu rầy phá hoại mùa màng liên tiếp trong ba vụ. Cho nên sản lượng nông nghiệp tỉnh chúng tôi giảm sút nghiêm trọng, công nghiệp đình đốn vì thiếu vật tư và nguyên liệu.

Trước tình hình đó, tỉnh ủy chúng tôi đã quyết tâm lãnh đạo nhân dân khắc phục nhanh những hậu quả của thiên tai và địch họa, ra sức tổ chức lại sản xuất, khai thác mọi tiềm năng lao động và đất đai, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, giải quyết công ăn việc làm cho những người lao động. Tỉnh đã đầu tư vốn một cách thỏa đáng về vật tư, phân bón, thủy lợi để đẩy mạnh thâm canh và tăng năng suất trong nông nghiệp; biến hàng nghìn héc ta đất hoang thành đất trồng trọt, chuyển

hàng nghìn héc ta ruộng lúa một vụ lên hai vụ với năng suất ổn định; tích cực giải quyết vật tư, nguyên liệu bằng cân đối bốn nguồn để khôi phục và phát triển công nghiệp, nhất là tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, chủ yếu là đẩy mạnh phát triển hàng tiêu dùng: vải, đường... nhằm ổn định đời sống nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, tỉnh chúng tôi đã ra sức khắc phục khó khăn. Với sự hỗ trợ của các ngành trung ương và các tỉnh bạn, chỉ trong một thời gian ngắn, Long an đã góp phần đánh thắng bọn Pôn Pốt và đạt được một số thành quả đáng phấn khởi về mặt kinh tế.

Từ một tỉnh bị mất mùa liên tiếp, nhân dân thiếu ăn, đến năm 1980, Long an đã đạt 136 157 tấn lương thực, bình quân nhân khẩu 400 kg. Năm 1983, sản lượng lương thực đạt 510 777 tấn, bình quân nhân khẩu là 465 kg. Các loại cây công nghiệp qua các năm đều tăng. Đây năm 1980 chỉ có 785 tấn, năm 1983 tăng lên 1938 tấn. Sản lượng mía năm 1980 đạt 233 855 tấn,

năm 1983 tăng lên 328 396 tấn. Với số mía này, qua chế biến, có thể cung cấp đủ đường cho nhân dân trong tỉnh. Sản lượng thịt lợn cũng tăng nhanh qua các năm: năm 1980 là 6 349 tấn, năm 1981 là 6 516 tấn, năm 1982 là 6 694 tấn, năm 1983 là 8 200 tấn.

Gắn liền với đây mạnh phát triển sản xuất, tỉnh chúng tôi đã coi trọng việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Tính đến tháng 6-1984, Long an có 1 300 tập đoàn sản xuất và 9 hợp tác xã nông nghiệp, với 40% số hộ nông dân, và 44% diện tích đất toàn tỉnh.

Về công nghiệp, sản lượng vải tăng khá: năm 1980 chỉ có 2,2 triệu mét, năm 1981 có 3,2 triệu mét, năm 1982 là 3,5 triệu mét, năm 1983 lên đến 4,7 triệu mét. Sản lượng đường ăn tăng: năm 1980 là 1 351 tấn, năm 1981 là 4 632 tấn, năm 1982 là 7 100 tấn, năm 1983 là 6 121 tấn. Ngoài ra tỉnh chúng tôi còn giao nộp cho trung ương 93 000 tấn mía cây. Nước mắm đạt 1,3 triệu lít năm 1980, năm 1982 có 1,7 triệu lít, năm 1983 lên 2,6 triệu lít.

Những con số trên không lớn lắm, nhưng chúng tôi rất trân trọng và tự hào với những thành quả do chính nhân dân lao động của tỉnh mình đã tạo ra trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và phức tạp.

Di đối với việc tổ chức lại sản xuất nhằm không ngừng phát triển nông nghiệp và công nghiệp, tỉnh ủy chúng tôi đã quyết tâm thực hiện cải tiến công tác phân phối lưu thông. Chúng tôi nhận thức rằng, sản xuất quyết định lưu thông, nhưng lưu thông có tác động rất quan trọng đối với sản xuất. Ở một thời điểm nhất định, về một số mặt hàng nào đó, lưu thông có tác dụng quyết định đối với sản xuất. Hơn nữa, trong nhiều năm qua, do cơ chế hành chính bao cấp cho nên giá mua nông sản và thực phẩm chưa bù đắp được chi phí sản xuất, việc

thu mua hàng hóa của Nhà nước chưa thực hiện được trôi chảy. Mua hàng vào không đạt kế hoạch cho nên cũng không đủ hàng để bán ra, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã lúng túng, bị động, không thực hiện được chức năng cơ bản của mình, chỉ giảm chân tại chỗ và hoạt động một cách hạn chế trong phạm vi cung cấp một số mặt hàng theo định lượng cho công nhân viên chức cũng rất khó khăn, chứ chưa nói đến việc đấu tranh giành quyền làm chủ thị trường và giá cả.

Được trung ương cho phép, Long an làm thử cải tiến phân phối lưu thông đến nay đã được bốn năm. Qua thực hiện cải tiến phân phối lưu thông, ở tỉnh chúng tôi sản xuất được kích thích và thúc đẩy phát triển đúng hướng; bốn năm qua sản lượng lương thực và nông sản khác năm sau tăng hơn năm trước một cách rõ rệt. Việc thu mua năm hàng hóa vào tay Nhà nước có nhiều tiến bộ: từ năm 1981 đến năm 1983, tỉnh chúng tôi đã hoàn thành vượt mức kế hoạch thu mua nông sản và thực phẩm. Nhờ tập trung quỹ hàng hóa vào một mối dưới sự quản lý thống nhất của ủy ban nhân dân tỉnh cho nên đã thực hiện tốt hợp đồng hai chiều với nông dân, bảo đảm hàng hóa đối lưu với các tỉnh bạn, đáp ứng cung cấp hàng hóa theo kế hoạch cho trung ương, đồng thời phục vụ tốt xuất khẩu. Chúng tôi đã xuất phát từ thực tiễn đề nghị cứu và vận dụng một số vấn đề có tính quy luật trong phân phối lưu thông được thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của Long an.

Trước hết, các tổ chức của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã *nắm được hàng hóa và bước đầu vận dụng quan hệ hàng hóa—tiền tệ trong kinh doanh*. Có tổ chức được sản xuất hàng hóa thì mới có hàng hóa để lưu thông và tiêu dùng. Tuy nhiên, lâu

nay ở nhiều nơi, có mặt hàng đã được sản xuất tương đối khá, nhưng trong các cửa hàng thương nghiệp quốc doanh vẫn thiếu hàng hóa đó để bán cho người tiêu dùng. Một nguyên nhân quan trọng là do Nhà nước chưa nắm được đại bộ phận hàng hóa trong tay. Chính Long an đã từ làm chủ sản xuất mà tổ chức nắm được hàng hóa, nhất là việc tập trung thống nhất nguồn hàng để từ đó có điều kiện vật chất cho thương nghiệp quốc doanh đấu tranh, giành quyền làm chủ thị trường.

Hàng hóa ở Long an do địa phương sản xuất và cần đổi bằng trao đổi với các nguồn khác, kể cả nhập khẩu mà có, bao gồm cả tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Sở hàng hóa này không được phân chia ra làm nhiều quỹ hàng hóa mà tất cả đều tập trung vào một quỹ hàng hóa thống nhất. Như thế là các tổ chức kinh doanh của các ngành ở tỉnh không còn giữ vật tư để phân phối theo kế hoạch riêng của mình cho nên đã khắc phục được việc phân tán ra nhiều ngành trong việc cung ứng vật tư cho nông dân. Quỹ hàng hóa này đặt dưới sự quản lý tập trung thống nhất của một cơ quan, được phân phối theo kế hoạch thống nhất là phương tiện vật chất quyết định cho việc lập lại trật tự trong phân phối lưu thông, tạo điều kiện cho thương nghiệp quốc doanh đấu tranh giành quyền làm chủ thị trường. Sự thống nhất quỹ hàng hóa về một mối có ưu thế là phát huy được sức mạnh tổng hợp và tập trung, có tác động quyết định đến thị trường và giá cả; đồng thời khắc phục được lối kinh doanh phân tán, tản mún, "có con", làm lãng phí lực lượng vật chất và hao hụt hàng hóa.

Cũng như ở một số địa phương khác, trước kia Long an đã thực hiện việc hàng đổi hàng, cụ thể là đem vật tư và hàng tiêu dùng đổi lấy

nông sản với nông dân theo một tỷ lệ nhất định. Thông qua hình thức này, Nhà nước đã cung cấp một phần tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng cho nông dân, đồng thời mua của nông dân một số nông sản nhất định. Hình thức hàng đổi hàng có nhiều nhược điểm: có những mặt hàng nông dân không cần. Nhà nước cũng đem đổi cho nông dân để lấy nông sản, nông dân không dùng các thứ hàng đó cho nên họ đem bán ra thị trường; nông dân do đó biến thành người đi buôn; quỹ hàng hóa của Nhà nước bị phân tán cho nhiều tổ chức kinh doanh của nhiều ngành với nhiều phương thức thu mua khác nhau; hình thức trao đổi này đã gây ra tranh mua, kích giá lên cao, chẳng những có tác động không tốt đối với quản lý thị trường mà còn gây rối loạn trong mối quan hệ hợp tác giữa các tổ chức kinh doanh của thương nghiệp quốc doanh.

Long an đã tổ chức nghiên cứu cải tiến việc mua lương thực và các loại nông sản khác theo *hợp đồng ứng trước tư liệu sản xuất* với nông dân. Các tổ chức thu mua của Nhà nước đã ký hợp đồng với hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và nông dân bằng cách giao trước vật tư, sau đó nông dân trả lương thực và nông sản khác với một tỷ lệ sản phẩm nhất định theo hợp đồng. Điều đặc biệt khác với các địa phương là ở đây không đưa hàng tiêu dùng vào hợp đồng, hạn chế được nông dân đi buôn mà Nhà nước lại tập trung được nguồn hàng tiêu dùng để bình ổn vật giá trên thị trường. Chính việc thu mua nông sản theo hợp đồng ứng trước tư liệu sản xuất là thích hợp với điều kiện nông nghiệp nước ta như đồng chí Lê Duẩn đã phát biểu tại hội nghị thứ 5 của Trung ương Đảng: « Nhà nước tính toán với nông dân... tổ chức hợp đồng cung ứng tư liệu sản xuất... tổ chức thu mua tận gốc theo hợp đồng

hoặc đưa hàng trước lấy nông sản sau hoặc ngược lại, mua chịu, lấy nông sản trước, cung ứng hàng sau" (1).

Năm vừa qua, số lượng lương thực mua được theo phương thức này chiếm đến 84% trong tổng số lương thực mua được. Đối với phần nông sản còn thừa của nông dân, các tổ chức thương nghiệp mua bằng tiền mặt theo giá cả thấp hơn giá thị trường từ 5 - 15% tùy từng mặt hàng.

Trong việc tổ chức nắm nguồn hàng, khi mới bắt đầu thực hiện cơ chế mới, công tác thu mua đã có hiệu quả ngay. Vụ hè thu năm 1980, mua lương thực được 25 276 tấn, gấp

2,5 lần so với cùng kỳ năm 1979. Từ 1-12-1980 đến 19-2-1981, trong vụ mùa và đông xuân đó, tính huy động lương thực được 32 602 tấn, hơn cùng kỳ năm trước gần 2 vạn tấn. Trong 4 tháng cuối năm 1980, lợn mua được 905 tấn, gấp 1,7 lần của 8 tháng đầu năm, gấp 3,4 lần của năm 1979, trứng vịt mua được 3 triệu quả, gấp 40 lần năm 1979; lạc mua được 675 tấn, gấp 3,3 lần của 8 tháng đầu năm, đây kết quả thu mua cả năm lên 822 tấn, đạt 270% kế hoạch và gấp 3 lần của năm 1979.

Công tác thu mua nông sản của tỉnh chúng tôi từ năm 1981 đến năm 1983 luôn luôn hoàn thành kế hoạch; số lượng hàng mua được qua các năm như sau:

Hàng hóa	Đơn vị	1981	1982	1983
Lương thực	tấn	71 200	77 700	118 100
Lợn	tấn	2 692	4 410	7 005
Lạc	tấn	1 003	1 150	1 980
Đậu	tấn	230	829	1 070

Khó khăn chính của việc thu mua nông sản là chúng ta thiếu hàng công nghiệp, nếu có dồi dào hàng công nghiệp, nhất là tư liệu sản xuất và vật tư cho nông nghiệp thì còn có thể

mua thêm được nhiều hơn nữa.

Từ năm 1980 đến năm 1983, việc cung cấp hàng hóa cho trung ương được liên tục hoàn thành kế hoạch, năm sau nhiều hơn năm trước:

Hàng hóa	Đơn vị tính	1979	1980	1981	1982	1983
Lương thực	tấn	3 500	36 100	17 700	57 000	106 000
Lợn	tấn	68	930	1 915	2 508	3 885
Đường	tấn		400	1 207	2 606	1 918

Xóa bỏ cơ chế hành chính bao cấp không phải là một việc dễ dàng. Có khắc phục được tình bao thủ và sức ỳ của những tập quán cũ thì mới thực hiện được việc xóa bỏ đó. Chúng tôi đã coi trọng và vận dụng quy luật

giá trị trong điều kiện còn tồn tại hàng hóa và tiền tệ dưới chế độ xã

(1) Lê Duẩn: "Làm chủ tập thể, sử dụng sức mạnh tổng hợp, tạo chuyên môn sâu sắc về kinh tế xã hội". *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1984, tr. 15.

hội chủ nghĩa, nhất là nước ta lại đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, nền kinh tế còn nhiều thành phần. Các tổ chức thương nghiệp quốc doanh đã xuất phát từ chỉ phí sản xuất hàng hóa, vận dụng các chính sách của Đảng và Nhà nước về phân phối lưu thông, nghiên cứu quan hệ giữa cung và cầu về hàng hóa, tính toán sức mua của các tầng lớp dân cư trong tỉnh, số lượng tiền tệ lưu thông trên thị trường, mối quan hệ giữa hàng hóa và tiền tệ... để quy định giá mua nông sản và giá bán lẻ hàng tiêu dùng tương đối hợp lý. Các tổ chức lưu thông đã biết kinh doanh có kế hoạch, có hiệu quả kinh tế, lấy thu nhập của những cơ sở kinh doanh để bù đắp những chi phí của những cơ sở đó, sử dụng hợp lý vốn và bảo đảm có lợi nhuận.

Đối với công nhân viên chức, trong những năm qua, tỉnh chúng tôi đã sử dụng nhiều biện pháp tích cực, phong phú và linh hoạt để bảo đảm tiền lương thực tế và ổn định đời sống theo đúng chính sách của Nhà nước. Trên cơ sở chính sách cung cấp những hàng hóa tiêu dùng thiết yếu về đời sống theo định lượng và một số mặt hàng khác không theo định lượng đối với công nhân viên chức, chúng tôi đã nghiên cứu và từng bước thực hiện việc mua bán bình thường trong xã hội.

Trong quá trình thực hiện cải tiến phân phối lưu thông, tỉnh chúng tôi đã quan tâm đến việc phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đồng thời cải tạo thương nghiệp tư nhân. Ở các huyện đều có công ty thương nghiệp, cửa hàng tổng hợp, hợp tác xã mua bán và công ty vật tư nông nghiệp huyện. Công ty thương nghiệp huyện có các cửa hàng khu vực và đã phát triển mạng lưới gồm nhiều điểm bán hàng. Gắn bó chặt chẽ với các tập đoàn sản xuất nông nghiệp, tổ chức hợp tác xã mua bán

cùng với 396 điểm bán hàng đã được hình thành và phát triển khắp các xã, làm trợ thủ đắc lực cho thương nghiệp quốc doanh. Đại bộ phận các tổ chức hợp tác xã mua bán đã đảm nhiệm việc ủy thác thu mua hàng nông sản và thực phẩm cho thương nghiệp quốc doanh.

Sự phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã tạo điều kiện cho việc cải tạo thương nghiệp tư nhân và quản lý thị trường có kết quả. Bằng sự kết hợp các biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục, trong đó lấy biện pháp kinh tế là chính, tỉnh chúng tôi đã từng bước cải tạo từng loại tư thương, sử dụng và quản lý họ, kiên quyết đấu tranh chống tiền tệ và quản lý thị trường có hiệu quả. Qua cải tiến phân phối lưu thông, các hoạt động kinh doanh của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán được phát triển rộng rãi với tốc độ tương đối nhanh, một số tiểu thương có tay nghề và tích cực được sử dụng làm đại lý bán hoặc ủy thác mua. Ở Long an, đã căn bản xóa bỏ thương nghiệp tư nhân mua bán lúa gạo, thịt lợn, mía, đường và các tư liệu sản xuất nông nghiệp; đến nay không còn tư sản kinh doanh thương nghiệp.

Tuy nhiên, trong những năm qua, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân vẫn còn thiếu kịp thời và chưa nhạy bén, công tác quản lý thị trường ở từng nơi từng lúc chưa được chỉ đạo sát, chưa kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng. Trong thời gian qua, có lúc chưa nắm chắc tình hình thị trường, việc chỉ đạo giá cả hàng hóa chưa sát, nhất là ở vùng giáp ranh với các tỉnh khác, còn nhiều chênh lệch với giá thị trường tự do, do đó thương nhân còn mua đi bán lại. Cơ sở vật chất kỹ thuật của thương nghiệp quốc doanh còn yếu. Hệ thống

tập tác xã mua bán có phát triển, song chưa đủ mạnh để quản lý tốt thị trường nông thôn rộng lớn.



Tỉnh chúng tôi đạt được những kết quả trên là do các nhân tố sau đây:

Đã tổ chức được việc phát triển sản xuất và từ làm chủ sản xuất mà nắm được hàng hóa vào tay Nhà nước.

Trước hết, chúng tôi nhận rõ rằng, muốn chủ động, phải nắm được hàng hóa, trước hết là nắm hàng hóa được sản xuất ở trong tỉnh, ngoài những nguồn hàng do trung ương cung cấp, trao đổi với các tỉnh khác và nhập khẩu. Muốn nắm hàng hóa, phải tổ chức việc sản xuất. Chúng tôi đã sản xuất được một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu, bao gồm lương thực, các loại nông sản khác, thực phẩm... Bên cạnh hàng hóa do nông nghiệp sản xuất, hằng năm Long an còn có 4.7 triệu mét vải do xí nghiệp công nghiệp dệt tạo ra; sản lượng về đường mía do địa phương sản xuất đã cung cấp đủ cho nhân dân trong tỉnh...

Hàng hóa được tập trung vào tay Nhà nước là một phương tiện vật chất có ý nghĩa quyết định đến việc lập lại trật tự trong phân phối lưu thông, tạo điều kiện cho thương nghiệp quốc doanh làm chủ thị trường. Nắm được hàng hóa một cách chặt chẽ, từ đó sử dụng một phần để tiêu thụ ở địa phương, một phần giao nộp cho trung ương, trao đổi với các tỉnh khác và một phần cho xuất khẩu để nhập vật tư phục vụ sản xuất phát triển. Thế mạnh về hàng hóa của Long an chủ yếu là nông sản. Để đáp ứng các yêu cầu về mở rộng quá trình tái sản xuất và bảo đảm đời sống nhân dân, chúng tôi phải biến một phần hàng nông sản đó thành hàng công nghiệp (bao gồm vật tư

cho sản xuất và hàng công nghiệp tiêu dùng) bằng cách trao đổi với trung ương, với các tỉnh khác và đẩy mạnh xuất khẩu. Chính do địa phương thực hiện được kế hoạch trao đổi hàng hóa với các tỉnh khác và đẩy mạnh xuất khẩu cho nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Long an đẩy mạnh thu mua nông sản và có thêm hàng công nghiệp tiêu dùng để đáp ứng nhu cầu về đời sống nhân dân. Thông qua việc tăng cường xuất khẩu, chúng tôi đã chủ động nhập khẩu một số vật tư, nguyên liệu, phụ tùng thay thế để phục vụ sản xuất công nghiệp và nông nghiệp. Nhờ đó, chúng tôi đã giải quyết được một phần khó khăn về sản xuất, tạo điều kiện dễ cân đối giữa hàng và tiền ở địa phương, góp phần thực hiện hợp đồng ứng trước tư liệu sản xuất đối với nông dân và giảm bớt bội chi tiền mặt trong thu mua nông sản.

Nắm được hàng hóa, tổ chức mạng lưới thương nghiệp bán lẻ hợp lý, từ đó thương nghiệp quốc doanh nắm được tiền và sử dụng tiền một cách có hiệu quả với tốc độ vòng quay nhanh để tiếp tục mở rộng thu mua nông sản, mua hàng của các cơ sở công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và mua hàng hóa ở các tỉnh khác để mở rộng thị trường có tổ chức. Không ngừng phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ở địa phương.

Một nguyên nhân dẫn đến đạt được một số thành tựu nói trên là tỉnh chúng tôi đã thực hiện đúng mức nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế. Tất cả sản phẩm do địa phương sản xuất, hay trao đổi với các nguồn khác và nhập khẩu được mà có, đều tập trung vào một quỹ hàng hóa thống nhất. Chính đó là sức mạnh vật chất để tập trung hoàn thành một số công trình mới xây dựng phục vụ kịp thời cho việc đẩy mạnh sản xuất phát triển, thực

hiện tốt nhiệm vụ thu mua nông sản, cung cấp hàng cho trung ương và đẩy mạnh xuất khẩu.

Phát huy sức mạnh tổng hợp và quyền làm chủ tập thể.

Tỉnh đã thực hiện phối hợp đồng bộ các yếu tố: vật tư, tài chính, giá cả, thương nghiệp, ngân hàng, xuất nhập khẩu... trong công tác quản lý kinh tế. Các tổ chức kinh doanh đã phát huy quyền làm chủ tập thể, phát huy tinh thần tự lực tự cường và năng lực sáng tạo, biết sử dụng tốt các biện pháp kinh tế, hành chính, giáo dục để phát triển lực lượng kinh tế quốc doanh, đồng thời cải tạo thương nghiệp tư nhân, đấu tranh chống tiêu cực.

Các tổ chức thương nghiệp đã xuất phát từ thực tiễn, nghiên cứu nắm nhu cầu, tính toán sức mua của quần chúng, nắm chắc cơ cấu về hàng tiêu dùng của các tầng lớp dân cư để đáp ứng được nhu cầu về hàng hóa. Các tổ chức tài chính, ngân hàng, thông qua nghiệp vụ của mình, đã nắm được số lượng tiền tệ trong lưu thông, phối hợp với thương nghiệp để cân đối giữa hàng và tiền nhằm ổn định giá cả và hạn chế được bội chi tiền mặt.

Vai trò lãnh đạo của Đảng:

Thời gian qua, đề bảo đảm được sự lãnh đạo của Đảng về các mặt trong quản lý kinh tế, tỉnh ủy đã chú ý giáo dục, rèn luyện cho đảng viên nắm

những quan điểm cơ bản của Đảng, tập trung đầy mạnh sản xuất, khắc phục quan điểm kinh doanh đơn thuần, nhận thức đúng các mặt chính sách của Đảng về liên minh giữa công nhân và nông dân dưới điều kiện mới của chuyên chính vô sản, về quan hệ hàng hóa giữa Nhà nước và nông dân, về chính sách thu mua và giá cả, v.v.

Tỉnh ủy đã biết phát huy công tác xây dựng Đảng trong quản lý kinh tế, nêu cao vai trò tiên phong của đảng viên trong các tổ chức cơ sở Đảng ở các xí nghiệp, cơ sở sản xuất, công ty, trạm trại và cửa hàng thương nghiệp, giáo dục về bảo vệ tài sản Nhà nước, giữ gìn của công, về đức tính liêm khiết trong sạch; chống tham ô, móc ngoặc.

Một vấn đề nổi bật ở đây là sự nhất trí cao trong đảng bộ và quần chúng. Dưới sự lãnh đạo của đảng bộ tỉnh và sự quản lý của bộ máy Nhà nước trong tỉnh, nhân dân Long an tăng cường đoàn kết, quyết tâm thực hiện tốt việc tổ chức đầy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, gắn chặt việc phát triển lực lượng sản xuất với cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới, gắn chặt phát triển sản xuất với cải tiến phân phối lưu thông; ra sức xây dựng Long an thành một tỉnh giàu mạnh, tích cực góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Những quan điểm cơ bản của Lê-nin về sử dụng các chuyên gia tư sản

TRẦN HẬU

NHỮNG quan điểm của Lê-nin về xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật nói chung, cũng như về sử dụng các chuyên gia do chế độ cũ để lại nói riêng, là một bộ phận quan trọng trong kho tàng lý luận của chủ nghĩa Lê-nin. Những quan điểm đó không chỉ là bộ được soi đường cho Đảng cộng sản và Nhà nước Liên xô mà còn có ý nghĩa chỉ đạo quan trọng đối với tất cả những đảng cộng sản và công nhân đang trực tiếp lãnh đạo công cuộc cải tạo xã hội cũ và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Mười, chính quyền xô viết non trẻ phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, thử thách. Chính quyền đó vừa phải khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, vừa phải tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đất nước ngay trên đồng tro tàn và đổ nát của chiến tranh, trong lúc còn thiếu thốn đủ mọi thứ. Chỉ riêng về văn hóa và khoa học kỹ thuật, chủ nghĩa tư bản lạc hậu ở nước Nga đã để lại cho chính quyền xô viết những gì? 70% dân số nước Nga từ 9 đến 49 tuổi

không biết chữ, 4/5 trẻ em thất học, nhiều dân tộc không có chữ viết riêng. Lúc đó người ta tính rằng muốn xóa nạn không biết chữ ở nước Nga phải mất 180 năm cho đàn ông và 280 năm cho đàn bà. Năm 1913 ở nước Nga Sa hoàng chỉ có 17500 kỹ sư và kỹ thuật viên trung học trong khu vực công nghiệp, 15000 trong nông nghiệp và 5000 trong giao thông vận tải.

Trong hoàn cảnh đầy đầy những khó khăn và phức tạp đó, Lê-nin đã nhìn rõ và quyết định những phương hướng cơ bản, những nhiệm vụ chiến lược của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người nhấn mạnh rằng, cơ sở vật chất duy nhất của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể là nền công nghiệp cơ khí hiện đại dựa trên những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật. Người nói: "Nếu không chuyển nước Nga lên một nền kỹ thuật khác cao hơn trước, thì không thể nói gì đến khôi phục kinh tế quốc dân, cũng không thể nói gì đến chủ nghĩa cộng sản được" (1). Và chính trong những năm tháng ấy, Người

(1) V. I. Lê-nin: *Toán tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1977, tập 42, tr. 36.

vạch ra công thức nổi tiếng: « chủ nghĩa cộng sản là chính quyền xô viết cộng với điện khí hóa toàn quốc ».

Từ những phương hướng chiến lược của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và yêu cầu to lớn của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, Lê-nin đã đánh giá rất cao ý nghĩa của việc xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, trong đó có vấn đề sử dụng các chuyên gia tư sản. Trong hàng loạt tác phẩm của mình, Lê-nin đã trình bày một cách có hệ thống các quan điểm về vai trò của cán bộ khoa học kỹ thuật và về công tác của Đảng và Nhà nước xô viết đối với các chuyên gia cũ. Đó là những quan điểm gắn bó chặt chẽ tinh thần khoa học nghiêm túc với nhiệt tình cách mạng và chủ nghĩa nhân đạo cộng sản rộng lớn.

Lê-nin khẳng định rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng khoa học ra khỏi xiềng xích và sự nô dịch của giai cấp tư sản; chỉ có quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa mới tạo được những điều kiện thuận lợi để mở rộng không ngừng nền sản xuất xã hội và thực hiện nguyên tắc phân phối xã hội chủ nghĩa. Tháng 4-1918, Lê-nin viết « Sơ thảo kế hoạch công tác khoa học - kỹ thuật », trong đó Người xác định rõ nguyên tắc cơ bản của chính sách khoa học kỹ thuật, các nhiệm vụ chiến lược và biện pháp tập hợp các lực lượng khoa học tham gia giải quyết những nhiệm vụ kinh tế nóng bỏng của đất nước. Người đề ra cho các nhà khoa học nhiệm vụ soạn thảo kế hoạch tổ chức nền công nghiệp và phát triển kinh tế ở nước Nga, đồng thời Người xác định mối quan hệ khăng khít giữa khoa học, kỹ thuật và kinh tế. Lê-nin chỉ ra rằng, mục đích của khoa học là phục vụ kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa, phát triển sức sản

xuất, tạo lập và hoàn thiện các quan hệ mới trong xã hội, tổ chức và hướng mọi nỗ lực của quần chúng lao động vào một mục đích chung. Người yêu cầu phải chống thiên hướng « tháp ngà » trong công tác khoa học, từ đó xác định nhiệm vụ và yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật. Những tư tưởng đó của Lê-nin được phát triển và cụ thể hóa trong kế hoạch GOELRO nổi tiếng - kế hoạch điện khí hóa nước Nga, áp dụng kỹ thuật công nghiệp tiên tiến để phát triển sản xuất trên cơ sở sử dụng điện năng và sử dụng tổng hợp các tài nguyên thiên nhiên của đất nước.

Theo Lê-nin, sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thực hiện được bằng con đường tận dụng những thành quả của khoa học kỹ thuật, kế thừa cả những kiến thức và kinh nghiệm của chế độ cũ. Trong lịch sử loài người, bất cứ giai cấp nào sau khi lật đổ giai cấp thống trị và thực hiện sự quá độ từ chế độ cũ sang chế độ mới cũng đều phải sử dụng những kiến thức và kinh nghiệm do chế độ trước đó để lại. Không như thế thì không thể xây dựng xã hội mới được. Bởi vì « nghệ thuật quản lý không phải từ trên trời rơi xuống và cũng không phải do thần thánh ban cho; một giai cấp nào đó không phải vì là một giai cấp tiên tiến mà trở thành có khả năng quản lý ngay tức khắc được » (2).

Phân tích ý nghĩa quan trọng của việc kế thừa những kiến thức và kinh nghiệm quản lý của chủ nghĩa tư bản, cũng như sự cần thiết phải sử dụng các chuyên gia tư sản để xây dựng chủ nghĩa xã hội, Lê-nin chỉ ra rằng việc chủ nghĩa tư bản bị đè bẹp

(2) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va. 1977, tập 40, tr. 293.

chưa thể làm cho nhân dân no đủ ngay được. Muốn cho nhân dân no đủ, phải xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Những người cộng sản bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội với sức mạnh của nền chuyên chính vô sản và tài nguyên thiên nhiên của đất nước, nhưng lại thiếu kiến thức văn hóa và hiểu biết về khoa học kỹ thuật, thiếu kinh nghiệm quản lý và sự thành thạo trong xây dựng kinh tế. Do đó họ phải tiếp thu một cách có chọn lọc những kiến thức văn hóa, những thành tựu khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm của chủ nghĩa tư bản và dùng những cái đó để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nếu chỉ dựa vào riêng lòng trung thành của những người cộng sản, chỉ muốn dùng « bàn tay sạch sẽ của những người cộng sản sạch sẽ » để xây dựng chủ nghĩa xã hội thì không thể nào thành công được. Nhiệm vụ của chính đảng vô sản sau khi giành được chính quyền là phải nhanh chóng biến toàn bộ cái vốn vô cùng phong phú về văn hóa và khoa học - kỹ thuật mà chủ nghĩa tư bản đã tích lũy được, từ chỗ là công cụ phục vụ cho chủ nghĩa tư bản, cho giai cấp tư sản thành công cụ phục vụ cho chủ nghĩa xã hội, cho lợi ích của toàn thể nhân dân lao động. Lê-nin viết: « Phải tiếp thu toàn bộ văn hóa do chủ nghĩa tư bản để lại và dùng văn hóa đó để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải tiếp thu toàn bộ khoa học, kỹ thuật, tất cả những kiến thức, tất cả nghệ thuật. Không có cái đó, chúng ta không thể xây dựng cuộc sống của xã hội cộng sản được » (3). Lê-nin cũng đã chỉ rõ rằng, những kiến thức khoa học kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, kinh nghiệm quản lý đó, người ta không thể lấy ở đâu khác ngoài giai cấp tư sản và các chuyên gia tư sản, là « những người xuất thân trong giai cấp đã bị chúng ta đánh đổ,

những con người đã tiếm nhiệm những thiên kiến của giai cấp họ, và là những con người mà chúng ta có nhiệm vụ phải cải tạo » (4). Vì vậy, theo Lê-nin, phải rất quý trọng các chuyên gia tư sản, « phải coi bất kỳ một chuyên gia nào cũng đều là thứ tài sản duy nhất về kỹ thuật và văn hóa, mà không có cái đó thì không thể có chủ nghĩa cộng sản nào cả » (5). Phải mạnh dạn sử dụng các chuyên gia tư sản dù biết rằng về mặt tư tưởng, những chuyên gia đó còn hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa cộng sản. Lê-nin nhiều lần nhấn mạnh rằng không sử dụng và phát huy đến mức cao nhất kiến thức và trí tuệ của các chuyên gia tư sản thì không thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Người cho rằng, khi bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, về mặt vốn kiến thức khoa học kỹ thuật những người cộng sản không có « vật liệu » quý nào khác ngoài các chuyên gia do chế độ cũ để lại. So với những đảng viên cộng sản hữu danh vô thực thì những chuyên gia tư sản thành thạo công việc còn quý gấp trăm gấp nghìn lần. Và Người « sẵn sàng đổi hàng tá những đảng viên hữu danh vô thực để lấy một chuyên gia thành thạo công việc », dù đó là chuyên gia tư sản. Lê-nin phê phán gay gắt và đấu tranh kiên quyết chống những hiện tượng coi thường việc học tập và sử dụng các chuyên gia tư sản. Người coi những hiện tượng đó là có hại cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, việc sử dụng những chuyên gia do chế độ cũ để lại là hết sức cần thiết, là một trong những biện

(3) V.I. Lê-nin: *Tồn tập*. Nxb Sự thật: Hà Nội, 1968, tập 29, tr. 71.

(4) V.I. Lê-nin: *Tồn tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1977, tập 40, tr. 294.

(5) V.I. Lê-nin: *Tồn tập*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1968, tập 30, tr. 549.

pháp quan trọng để xây dựng xã hội mới. Tuy nhiên, Lê-nin đòi hỏi việc sử dụng các chuyên gia tư sản phải có nguyên tắc, phải có quan điểm giai cấp rõ rệt, chứ không phải là sử dụng một cách bừa bãi. Người luôn luôn nhắc nhở những người cộng sản trong khi sử dụng các chuyên gia tư sản phải đứng vững trên lập trường của giai cấp vô sản, phải nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Theo Người, việc sử dụng chuyên gia tư sản phải đạt được 3 yêu cầu:

Một là, phải phát huy mạnh mẽ những khả năng sáng tạo của các chuyên gia tư sản nhằm mục đích xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Hai là, trong khi sử dụng chuyên gia tư sản phải đánh giá đúng những ưu điểm và nhược điểm của họ, từ đó mà kết hợp việc sử dụng với việc cải tạo họ nhằm biến họ thành những chuyên gia khoa học kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Ba là, phải nhận rõ những đặc điểm về nghề nghiệp của những người làm công tác khoa học kỹ thuật để có phương pháp lãnh đạo thích hợp.

Để đáp ứng yêu cầu đó, Người vạch ra những phương hướng và biện pháp cơ bản để thu phục và sử dụng các chuyên gia tư sản.

Trước hết, Lê-nin cho rằng, chính quyền vô sản chỉ có thể thu phục và sử dụng được các chuyên gia tư sản thông qua việc kiểm kê và kiểm soát. Chính quyền vô sản phải giữ quyền lãnh đạo tối cao và kiểm soát các hoạt động của chuyên gia tư sản, vì họ là sản phẩm của chế độ người bóc lột người, và chịu ảnh hưởng sâu sắc của thể giới quan của giai cấp tư sản. Phải bằng công tác kiểm kê và kiểm soát chặt chẽ mà thu phục các chuyên gia tư sản, đặt họ dưới sự chỉ huy

thống nhất của chính quyền vô sản, tổ chức họ làm việc theo kế hoạch thống nhất của nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa. Những nơi nào không làm tốt công tác kiểm kê kiểm soát thì dù có chính quyền, giai cấp vô sản cũng không thể thu phục được chuyên gia tư sản.

Thứ hai, giai cấp vô sản phải bằng lòng trả một giá rất cao về "công phục vụ" của các chuyên gia tư sản, nhất là những chuyên gia giàu kinh nghiệm nhất. Phải thừa nhận rằng, đó « là một bước lùi của Chính quyền xã hội chủ nghĩa xô viết », « là một sự thỏa hiệp, một sự xa rời những nguyên tắc của Công xã Pa-ri », tức là những nguyên tắc « đòi hỏi phải rút tiền lương xuống ngang mức tiền công của người công nhân trung bình ». (6). Nhưng, như Lê-nin phân tích, trong điều kiện chiến tranh vừa mới chấm dứt, nền kinh tế còn nghèo nàn, giai cấp vô sản còn thiếu kinh nghiệm tổ chức và quản lý kinh tế thì sự thỏa hiệp đó là có lợi cho giai cấp vô sản. Giá thuê hàng năm có phải chỉ phí khoảng 100 triệu rúp để trả công cho 1000 chuyên gia hạng nhất trên các lĩnh vực nhằm đẩy mạnh nền kinh tế trong nước thì vẫn có lợi hơn là để mất hàng tỷ rúp do tình trạng lạc hậu của công tác tổ chức, quản lý của Nhà nước xô viết lúc bấy giờ. Cần phải giải thích rõ cho quần chúng biết điều ấy, và chắc chắn quần chúng sẽ đồng tình ủng hộ. Nhưng cũng cần thấy rằng món tiền lương cao ấy có thể có « ảnh hưởng tồi tệ » đến cả chính quyền xô viết và quần chúng công nhân, nhất là trong điều kiện cách mạng thành công rất nhanh chóng, một số bọn phiêu lưu và bịp bợm muốn bám vào những kẻ bất tài hoặc vô lương tâm trong số các

(6) V. I. Lê-nin: *Tổng tập*. Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 218.

«thủ trưởng» đề trở thành những «ngôi sao» trong nghề ăn cắp của công. Muốn thoát khỏi tình trạng công vật và tiêu cực đó trong hàng ngũ cách mạng thì chỉ có cách là «tổ chức nhau lại, tăng cường kỷ luật trong bản thân chúng ta, quét sạch ra khỏi hàng ngũ chúng ta tất cả những... bọn lười biếng, ăn bám, ăn cắp của công» (7). Chỉ khi nào đội ngũ giai cấp vô sản thật sự vững mạnh và trong sạch, đủ sức đứng vững trên cương vị lãnh đạo của mình, lúc đó mới có thể đoàn kết được mọi lực lượng chung quanh mình, kể cả các chuyên gia tư sản, thành một sức mạnh tổng hợp to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thứ ba, Lê-nin yêu cầu phải có thái độ phân hóa giai cấp trong khi xem xét, đánh giá và sử dụng các chuyên gia, bởi vì do tính không thuần nhất về xã hội, họ có lợi ích gần liền với lợi ích của các giai cấp khác nhau, phục vụ cho lợi ích của các giai cấp ấy. Phải coi các chuyên gia của giai cấp vô sản là một trong những động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa; đồng thời phải trung lập hóa các chuyên gia tư sản và đấu tranh chống các chuyên gia tư sản phản động có quyền lợi gần gũi với giai cấp tư sản. «Trung lập hóa» các chuyên gia tư sản và tiêu tư sản không có nghĩa là đẩy xa họ khỏi chủ nghĩa xã hội mà là làm «tê liệt tính không kiên định» của họ, lôi kéo họ về phía giai cấp vô sản, tách họ ra khỏi sự mua chuộc của giai cấp tư sản và các phần tử phản động khác, động viên và sử dụng có hiệu quả tính tích cực của họ có lợi cho sự nghiệp của giai cấp vô sản. Lê-nin nhắc nhở rằng ở các chuyên gia tư sản luôn luôn có những biểu hiện mơ hồ, ngả nghiêng, dao động, nhất là vào những lúc khó khăn. Do đó, giai cấp vô sản phải thường xuyên coi trọng công tác giáo

dục và cải tạo các chuyên gia tư sản trong quá trình sử dụng họ. Đội ngũ giai cấp vô sản càng trong sạch và vững mạnh thì càng có khả năng giáo dục và cải tạo các chuyên gia cũ. Các cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước, dù ở cấp nào cũng phải là tấm gương cho các chuyên gia cũ, phải tiêu biểu cho tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội và của giai cấp công nhân công nghiệp.

Thứ tư, đề thu phục các chuyên gia cũ, Lê-nin còn yêu cầu những người cộng sản phải hiểu rõ những đặc điểm công tác của các chuyên gia để đối xử với họ một cách thận trọng và khéo léo, khiếm tốn học hỏi họ và giúp đỡ họ. Năm 1921, trong tác phẩm «Bàn về kế hoạch kinh tế quốc dân thống nhất», Lê-nin kịch liệt phê phán một số đảng viên cộng sản không biết cách làm việc với chuyên gia. Họ thường ba hoa, ra mệnh lệnh, viết đề cương, nêu khẩu hiệu trừu tượng mà không khiếm tốn và kiên trì hướng dẫn công việc của các chuyên gia, không đi sâu nghiên cứu công việc một cách nghiêm túc. Lê-nin gọi đó là «thối kiêu căng cộng sản» và quan liêu chủ nghĩa, là «cái nhọt» trong công tác của các tổ chức Đảng. Lê-nin chỉ rõ: «Những người cộng sản đó phải nhớ rằng một kỹ sư sẽ thông qua những tài liệu khoa học của họ mà thừa nhận chủ nghĩa cộng sản, chứ không phải như một cán bộ tuyên truyền bí mật hay một nhà viết văn» (8). Người đối xử phải khắc phục khuynh hướng không tin vào các chuyên gia, hoặc có những yêu cầu quá khắt khe theo lối những người quen làm công tác tuyên truyền cổ động kiểu cũ đối với các chuyên gia.

(7) Sách đã dẫn, tập 36, tr. 220-221.

(8) V.I. Lê-nin: *Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tập 32, tr. 181.*

Thứ năm, trên cơ sở hiểu rõ đặc điểm công tác của các chuyên gia, những người lãnh đạo phải tạo cho họ những điều kiện tinh thần và vật chất tốt nhất để sống, làm việc và cống hiến. Phải làm cho các chuyên gia — «hạng người đặc biệt ấy của xã hội», cảm thấy sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa thoải mái hơn dưới chế độ tư bản chủ nghĩa cả về mặt vật chất, pháp lý, quan hệ hợp tác anh em với công nông, lẫn về mặt tinh thần, nghĩa là làm cho họ được thỏa mãn với công tác của họ, và có ý thức rằng bản thân họ có ích cho xã hội, rằng họ đã được giải phóng khỏi những lợi ích tham lam của giai cấp tư sản. Để động viên tinh tích cực của các chuyên gia, Lê-nin yêu cầu phải làm sao tạo ra và bao quanh lấy họ bằng một bầu không khí tinh đồng chí, bầu không khí lao động theo tinh thần cộng sản chủ nghĩa và làm thế nào để họ sát cánh với chính quyền công nông cùng tiến lên.

Như vậy, chính sách của Đảng cộng sản và Nhà nước chuyển chính vô sản là nhân tố quyết định trong việc phát huy tác dụng tích cực của các chuyên gia tư sản trong công cuộc xây dựng xã hội mới.

Những quan điểm của Lê-nin về việc sử dụng chuyên gia do chế độ cũ để lại không phải chỉ bó hẹp trong phạm vi mối quan hệ giữa Đảng cộng sản với các chuyên gia tư sản, mà nó xuất phát từ sự xác định đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và khoa học kỹ thuật, trong đó mặt chủ đạo là phải xuất phát từ yêu cầu của kinh tế, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội để giải quyết vấn đề cán bộ khoa học kỹ thuật. Lê-nin coi khoa học, kinh tế và chủ nghĩa xã hội là một thể thống nhất. Người kêu gọi sử dụng vốn liếng khoa học do chế độ cũ để lại với tư cách là một sản phẩm của loài người, là công cụ vô cùng quan trọng để phát

triển kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo đảm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân. Sự rộng rãi của giai cấp vô sản trong việc đối xử về tinh thần và vật chất đối với chuyên gia tư sản tuyệt nhiên không phải là hữu khuynh, là nuông chiều thói xấu tư sản, hoặc coi nhẹ công nông. Trái lại, quan điểm của Lê-nin thể hiện một tầm nhìn chiến lược, một sự uyên bác về khoa học, sự thấu hiểu chính xác và cần kíp những yêu cầu và quy luật của chủ nghĩa xã hội, lòng yêu mến thiết tha và sự chăm lo vô bờ bến đối với lợi ích cơ bản của công nông.



Những quan điểm của Lê-nin về xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và sử dụng các chuyên gia tư sản đã từng là cơ sở tư tưởng của hàng loạt chính sách của Đảng cộng sản và Nhà nước Liên xô đối với trí thức nói chung và đối với trí thức của giai cấp tư sản nói riêng trong những năm tiên hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Năm vững các quan điểm đó, Đảng cộng sản Liên xô đã phân hóa được đội ngũ trí thức tư sản, cô lập những phần tử phản động chống lại chính quyền xô viết, đồng thời tranh thủ và lôi kéo đông đảo các chuyên gia do chế độ cũ để lại vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, những quan điểm đó của Lê-nin vẫn đang là ánh sáng soi đường cho Đảng cộng sản Liên xô xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến và phát triển nền khoa học kỹ thuật hiện đại. Toàn bộ sự phát triển của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật xô viết và những thành tựu vĩ đại của nền khoa học kỹ thuật Liên xô ngày nay không tách rời những quan điểm khoa học

(Xem tiếp trang 70)

Nghiên cứu khoa học phục vụ nhu cầu của cách mạng: một hoạt động cơ bản của nhà trường Đại học

HỒ ĐẮC DI

KHÔNG có khoa học ở bên ngoài đời sống xã hội. Khoa học xuất phát từ đời sống và trở lại phục vụ đời sống, thông qua đó mà phát triển khoa học.

Nghiên cứu khoa học tức là tìm giải pháp hợp lý cho những vấn đề mà thực tiễn đặt ra để thúc đẩy xã hội phát triển. Mỗi giải pháp khoa học phải đặt trên cơ sở những quy luật khách quan của tự nhiên và xã hội (quy luật của tư duy là sự phản ánh của những quy luật trên).

Do xuất phát từ những quy luật khách quan của sự vật, công tác nghiên cứu khoa học giúp cho con người giải quyết đúng đắn những vấn đề thực tiễn, đồng thời dự đoán triển vọng của tương lai, đề ra những vấn đề sẽ phải giải quyết. Nghiên cứu khoa học là một bộ phận tất yếu của mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Trong quá trình nghiên cứu khoa học, con người xuất phát từ cái toàn thể hỗn độn của sự vật, đi đến chỗ phân tích để hiểu những bộ phận cụ thể, và từ những bộ phận được nhận thức thật rõ ràng, chính xác mà người ta tổng

hợp trở lại để hiểu cái toàn thể được rõ ràng hơn. Trong quá trình phát triển không ngừng này, tư duy lý luận phát hiện những quy luật tất yếu trừu tượng, còn thực tiễn xã hội và thực nghiệm khoa học mang lại cho con người những điều cụ thể phong phú, muôn màu muôn vẻ.

Quan hệ giữa khoa học và kỹ thuật là quan hệ giữa cái trừu tượng và cái cụ thể, giữa bản chất và hiện tượng, chúng luôn luôn bổ sung cho nhau, và phát triển không ngừng. Không nắm được khoa học hiện đại thì không thể làm chủ được kỹ thuật hiện đại.

Trong khoa học, phương pháp là cái cơ bản nhất. Phương pháp khoa học càng phát triển, càng mở rộng khả năng nhận thức của con người và đẩy mạnh tốc độ phát triển của khoa học. Phương pháp là công cụ lao động của người lao động trí óc. Ở đây, cần phân biệt phương pháp luận và phương pháp cụ thể: phương pháp luận là những quan điểm và lý thuyết tổng quát về thế giới khách quan, nó chỉ cho chúng

ta phương hướng, con đường tìm tòi, nghiên cứu có thể dẫn chúng ta đi đến đích, một cách chắc chắn; phương pháp luận là kim chỉ nam rất quan trọng và rất cần thiết cho hành động của người lao động trí óc. Nhưng chỉ có phương pháp luận thì chưa đủ, người lao động trí óc còn phải nắm những phương pháp cụ thể đặc thù của từng ngành khoa học. Nhưng phương pháp cụ thể phụ thuộc vào đặc điểm của đối tượng nghiên cứu, trình độ phát triển của từng ngành khoa học và nền văn minh của xã hội loài người mà biến đổi nhanh chóng. Trong lịch sử, các nhà khoa học đã đi từ quan sát, mô tả bằng giác quan đến những công cụ, kỹ thuật với trình độ tinh vi khác nhau trong phòng thí nghiệm, cho đến những máy móc đo lường và tính toán điện tử...

Những quy luật khoa học mang tính khái quát, phổ biến, tất yếu khách quan. Khoa học là một quá trình được xây dựng, phát triển theo một trình tự và hệ thống chặt chẽ: đi bước lên đỉnh cao của cái thang khoa học do loài người đã xây dựng, thế hệ ngày nay không thể bỏ qua một bậc thang nào. Đó là đặc điểm của khoa học.

Tổ chức cho thầy giáo và học sinh nghiên cứu khoa học, phục vụ tốt yêu cầu của cách mạng, nhà trường có thể thông qua đó mà gắn chặt tri thức với đời sống. Đây là một phương thức gắn học với làm, nhà trường với đời sống, cá nhân với xã hội, thầy với trò, chính trị với chuyên môn, khoa học với phương hướng, đường lối, nhiệm vụ cách mạng, đào tạo với tự đào tạo.

Trong các xã hội trước, các mặt trên đây bị tách rời, mọi sự vật và con người đều bị chia cắt, mọi hoạt động đều mang tính phiến diện. Trong nhà trường, học sinh bị coi là

đối tượng; thầy là người chủ, học sinh là kẻ bị phụ thuộc, bị điều khiển.

Ở nước ta, quan hệ sản xuất, quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa được thiết lập, con người có điều kiện phát triển toàn diện, nhờ có quyền làm chủ tập thể về kinh tế, chính trị và văn hóa; mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội được khắc phục. Trong xã hội ta, mình vì mọi người, và mọi người vì mình. Giáo dục tạo điều kiện cho con người học sinh phát triển toàn diện, và trở thành con người có văn hóa xã hội chủ nghĩa, có nhiệt tình sôi nổi và hiểu biết sử dụng khoa học, tự giác phục vụ xã hội. Dưới chế độ ta, trong nhà trường của ta, gần giảng dạy, học tập với nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu của cách mạng, tức là gắn khoa học với thực tế đời sống, liên hệ lý luận khoa học với hành động cách mạng. Vì vậy, người học sinh được đặt ở địa vị chủ thể tích cực.

Nội dung chương trình và phương pháp trong nhà trường phải xuất phát từ đối tượng học sinh, từ nhu cầu học tập và công tác phục vụ của họ, chứ không phải xuất phát từ ý muốn của thầy giáo. Quan hệ thầy trò là quan hệ bình đẳng, cộng đồng trách nhiệm, là quan hệ giữa những người bạn, những người đồng chí cùng nhau làm chủ nhà trường, làm chủ giáo dục, làm chủ xã hội. Giáo dục của ta là giáo dục dân chủ. Thầy giữ vai trò điều chỉnh, chứ không đề học sinh bị lệ thuộc, đánh thức tính tự giác của học sinh chứ không bắt buộc họ bằng mệnh lệnh.

Công tác giáo dục của thầy giáo trong nhà trường nhằm đánh thức những tiềm năng của học sinh. Chính văn hóa mới có tác dụng hình thành những thuộc tính của nhân cách. Các quan hệ xã hội là nguồn gốc của văn hóa. Nhà trường xã hội chủ nghĩa

kết hợp hữu cơ giữa giáo dục với văn hóa, kết hợp vai trò giáo dục của nhà trường với tác dụng giáo dục của xã hội, của văn hóa. Để phát triển toàn diện con người học sinh, phải gắn nhà trường với đời sống xã hội. Giáo dục tôn trọng con người, tạo điều kiện cho học sinh có thể hoàn toàn tự giác giáo dục tự hào cao khi ra khỏi trường, chuẩn bị tự thủ tiêu giáo dục của nhà trường đối với từng cá nhân học sinh để nhường chỗ cho văn hóa. Vì vậy nhà trường phải dạy cho học sinh cách sống, cách lao động, học tập, nghiên cứu khoa học, cách tư duy, tưởng tượng...

Trong nhà trường đại học xã hội chủ nghĩa, nghiên cứu khoa học phục vụ thực tiễn cách mạng là một hoạt động cơ bản của thầy và trò, nó tổng hợp những yếu tố giáo dục của nhà trường, của xã hội và văn hóa. Giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, và công tác phục vụ là một tổng thể. Chúng ta có kinh nghiệm và tiềm lực để thực hiện hoạt động tổng hợp này. Cách mạng đang đòi hỏi chúng ta. Thầy và trò chúng ta hãy hòa mình vào đời sống xã hội, phục vụ đắc lực và thiết thực thực tiễn cách mạng để không ngừng tiến lên.

Những quan điểm cơ bản...

(Tiếp theo trang 67)

và sáng tạo của Lê-nin về chính sách đối với trí thức.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, được chủ nghĩa Mác - Lê-nin soi đường, Đảng cộng sản Việt nam luôn luôn có quan điểm và thái độ đúng đối với các tầng lớp trí thức, kể cả những người trí thức cũ. Năm 1957 Đảng đã công bố chính sách đối với trí thức. Trong các nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng cũng như trong nhiều văn kiện quan trọng khác của Đảng và Nhà nước ta đã thể hiện những quan điểm Lê-nin nói đối với đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, trong đó có các cán bộ khoa học kỹ thuật do chế độ cũ để lại. Đặc biệt, nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng năm 1981 « Về chính sách khoa học kỹ thuật » một

lần nữa chứng tỏ quan điểm đúng đắn của Đảng trong việc vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta để giải quyết vấn đề cán bộ khoa học kỹ thuật. Nghị quyết ấy của Đảng đã chỉ ra phương hướng, nội dung hoạt động và biện pháp khác phục những khó khăn thiếu sót, tăng cường hơn nữa công tác đào tạo và sử dụng các cán bộ khoa học, kỹ thuật.

Việc nghiên cứu những luận điểm của Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng giúp chúng ta nắm vững cơ sở tư tưởng và có phương pháp luận đúng để thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ khoa học kỹ thuật, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Nghiên cứu

về các quy luật của cách mạng xã hội
chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội*

Thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa

QUYẾT TIẾN

Để đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa đến toàn thắng, Đảng của giai cấp công nhân không những phải lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng chính trị và cách mạng kinh tế mà còn phải lãnh đạo nhân dân thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa nữa.

Chúng ta biết rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng toàn diện nhất, sâu sắc nhất và triệt để nhất trong lịch sử nhân loại. Nó có nhiệm vụ phải cải tạo triệt để xã hội cũ về mọi mặt, và xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hóa và tư tưởng. Các Mác đã từng nói: « Cách mạng cộng sản chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với chế độ sở hữu cổ truyền, không có gì là lạ nếu trong tiến trình phát triển của nó, nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng cổ truyền » (1). Điều đó nói lên rằng, thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa là tất yếu, bởi vì nó là một bộ phận

hữu cơ của toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nhân mạnh tâm quan trọng to lớn của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa (cuộc cách mạng văn hóa theo nghĩa rộng, bao gồm cả cách mạng tư tưởng). Lênin đã từng viết: « Bây giờ, chúng ta chỉ cần hoàn thành cuộc cách mạng văn hóa, là đủ để cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa hoàn toàn » (2).

Với tư cách là một bộ phận hữu cơ của toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, cuộc cách mạng trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa có ý nghĩa và tác dụng về nhiều mặt:

Một là, nó góp phần to lớn vào việc củng cố và tăng cường nền chuyên chính vô sản — công cụ hùng mạnh của giai cấp công nhân và nhân

* Xem Tạp chí Công sản từ số 1-1984.

(1) C. Mác-Ph. Ăng ghen: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tập 1, tr. 50.

(2) V.I. Lênin: *Tuyên tập*, tiếng Việt. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, tr. 180.

dân lao động trong cuộc đấu tranh để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.

Bằng việc nâng cao trình độ giác ngộ chính trị và trình độ văn hóa của nhân dân lao động, tạo điều kiện cho đông đảo nhân dân tham gia tích cực vào việc quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế và xã hội, cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa có tác dụng tăng cường chuyên chính vô sản, nêu cao quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động.

Hai là, nó góp phần to lớn vào việc đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên lĩnh vực kinh tế. Công cuộc cải tạo và xây dựng này rất cần có trình độ tư tưởng, chính trị và văn hóa ngày càng cao của nhân dân. Riêng trên lĩnh vực xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, mà chủ yếu là xây dựng nền công nghiệp máy móc lớn, xã hội chủ nghĩa thì cần tới những công nhân có trình độ văn hóa và kỹ thuật cao mà nền sản xuất phân tán nhỏ, dựa vào lao động thủ công không hề biết tới, những người công nhân như thế chỉ có thể do cách mạng văn hóa và tư tưởng tạo nên.

Ba là, nó giải quyết vấn đề cán bộ lãnh nghề cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bằng việc cải tạo và sử dụng đội ngũ trí thức do xã hội cũ để lại, và nhất là bằng việc đào tạo một đội ngũ đông đảo, đồng bộ những trí thức mới, xuất thân từ nhân dân lao động, cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa phát huy tác dụng to lớn của mình đối với công cuộc xây dựng xã hội mới, một xã hội có năng suất lao động cao và có nền văn hóa phát triển rực rỡ.

Bốn là, cách mạng tư tưởng và văn hóa có tác dụng trực tiếp đối với việc xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Nền văn hóa mới này - tức văn hóa vô sản -

đã được Lê-nin coi là: « sự phát triển hợp quy luật của tổng số những điều kiện mà loài người đã tạo ra dưới ách áp bức của xã hội tư bản, của xã hội bọn địa chủ, của xã hội quan lại » (3). Còn con người mới xã hội chủ nghĩa thì vừa là sản phẩm của toàn bộ sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, mà trực tiếp là của cách mạng tư tưởng và văn hóa, lại vừa là chủ thể tạo nên xã hội mới, theo tinh thần lời nói sau đây của Hồ Chủ tịch: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa ».

Với những ý nghĩa và tác dụng như trên, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, rõ ràng là một quy luật quan trọng của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Rất dễ thấy là, ở các nước tiến từ xã hội tiền tư bản lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa rất khó khăn, phức tạp và lâu dài. Còn ở các nước tư bản phát triển cao thì do hệ tư tưởng tư sản giữ địa vị thống trị, người lao động thường không có điều kiện sử dụng những thành tựu văn hóa ở mức độ cần thiết, cho nên trong tương lai, khi tiến lên chủ nghĩa xã hội, ở những nước này cũng cần phải thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, để giải phóng người lao động về mặt tinh thần và mở ra cho họ con đường đi tới nền văn hóa chân chính.

Với những ý nghĩa và tác dụng như trên, cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa có những nhiệm vụ chủ yếu sau đây :

1 - Xây dựng tư tưởng mới.

Tư tưởng mới, tiên tiến nhất, khoa học nhất của thời đại chúng ta là chủ nghĩa Mác - Lê-nin

(3) V.I. Lê-nin: Sách đã dẫn, tr. 713.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là vũ khí tư tưởng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Nó cung cấp cho người ta một công cụ nhận thức vĩ đại là thế giới quan duy vật biện chứng, một nhân sinh quan cách mạng nhất của thời đại là nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa; một quan niệm đạo đức trong sáng và cao đẹp là đạo đức của chủ nghĩa tập thể: «mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người»; một vũ khí sắc bén để đấu tranh và xây dựng là tính tổ chức của giai cấp công nhân và ý thức lao động tự giác và có kỷ luật.

Lê-nin đã từng nói rằng: «chỉ có thế giới quan của chủ nghĩa Mác là biểu hiện đúng đắn lợi ích, quan điểm và văn hóa của giai cấp vô sản cách mạng» (4). Người nói thêm: «chủ nghĩa Mác đã giành được cho mình một địa vị quan trọng, có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới, với tư cách là hệ tư tưởng của giai cấp vô sản cách mạng, là do chủ nghĩa Mác không hề vứt bỏ những thành tựu quý báu nhất của thời đại tư sản, mà trái lại đã tiếp thu và cải biến tất cả những cái gì là quý giá trong hơn hai nghìn năm phát triển của tư duy và văn hóa của loài người» (5). Và Người cho rằng, chỉ có công tác được tiếp tục tiến hành trên cơ sở đó và theo phương hướng đó mới có thể được coi là sự phát triển của nền văn hóa vô sản thật sự.

Từ những câu nói trên của Lê-nin, chúng ta có thể hiểu rằng: chủ nghĩa Mác - Lê-nin hay chủ nghĩa cộng sản khoa học không những là nội dung cơ bản mà còn là cơ sở của toàn bộ công tác xây dựng nền văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa.

Với tư cách là kim chỉ nam cho hành động cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lê-nin cần phải được vận dụng

một cách thích hợp vào điều kiện cụ thể của mỗi nước, từ đó mà hình thành nên đường lối chính trị đúng đắn của đảng tiên phong. Bởi vậy, giáo dục đường lối chính sách của Đảng chính là giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách cụ thể, sinh động. Và đó cũng là nội dung rất quan trọng của toàn bộ công tác giáo dục tư tưởng, chính trị của Đảng trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ này, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng kinh tế; chính sách chủ yếu của Đảng cũng là xây dựng đất nước về mặt kinh tế. Xuất phát từ điều đó, Lê-nin cho rằng toàn bộ công tác cổ động và tuyên truyền của Đảng phải đặt trên cơ sở đó, tức cơ sở kinh nghiệm chính trị của công cuộc xây dựng kinh tế. Bởi vì lúc này, chủ nghĩa cộng sản không còn là một cương lĩnh, một lý luận hay sứ mệnh nữa, mà là công việc xây dựng cụ thể hàng ngày. Gắn với công cuộc xây dựng hàng ngày, chỉ ra cho quần chúng thấy một cách cụ thể phải xây dựng chủ nghĩa xã hội như thế nào căn cứ vào những kinh nghiệm thực tế, đó là cách thức mới của công tác giáo dục tư tưởng, chính trị mà Lê-nin chỉ ra cho những người cộng sản. Người kịch liệt phản đối lối tuyên truyền suông về chủ nghĩa cộng sản, coi đó là lối tuyên truyền vô bổ.

Lê-nin bao giờ cũng gắn công tác giáo dục tư tưởng cho quần chúng với cuộc đấu tranh tư tưởng chống giai cấp tư sản. Người cho rằng: «Nhiệm vụ của chúng ta là phải đánh bại mọi cuộc đề kháng của bọn tư bản, không chỉ trên địa hạt quân sự và chính trị, mà cả trên địa hạt tư tưởng, ở đây sức đề kháng của chúng là sâu sắc nhất và mạnh mẽ nhất. Các cán bộ giáo dục của chúng ta có

(4), (5) V. I. Lê-nin sách đã dẫn, tr. 725 - 726.

nhệm vụ phải thực hiện công cuộc cải tạo này đối với quần chúng » (6).

Lê-nin rất coi trọng công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho quần chúng lao động để chuẩn bị cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người cho rằng không thể nói gì đến chuyện chính vô sản, nếu như giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh với giai cấp tư sản không luyện được cho mình một tinh thần giác ngộ cao, một kỷ luật tốt, một lòng trung thành sâu sắc, nghĩa là tất cả những đức tính cần thiết để cho giai cấp vô sản toàn thắng kẻ thù muôn đời của mình. Người nhấn mạnh: « Nhiệm vụ cơ bản của các nhân viên làm công tác giáo dục và của Đảng cộng sản, đối tiền phong trong cuộc đấu tranh, là phải góp phần giáo dục và huấn luyện cho quần chúng lao động, dạy khắc phục những tập quán cũ, những lễ thói cổ hủ, do chế độ cũ để lại, những lễ thói và tập quán của kẻ tư hữu, chúng đã thâm sâu vào quần chúng đông đảo » (7).

Như vậy, giáo dục chủ nghĩa Mác-Lê-nin và đường lối chính sách của Đảng cho quần chúng lao động, làm cho chủ nghĩa Mác-Lê-nin chiếm địa vị thống trị trong xã hội, làm cho đường lối chính sách của Đảng, nhất là đường lối xây dựng kinh tế thâm sâu vào quần chúng lao động, khiến cho họ tự giác, tích cực tham gia vào sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, đó là một nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng tư tưởng và văn hóa.

2 - Xây dựng nền văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa.

Nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa là nền văn hóa được xây dựng trên cơ sở của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Nó kết tinh và nâng cao những gì tốt đẹp nhất của truyền thống dân tộc, của văn hóa dân tộc; đồng thời tiếp thu có chọn lọc những thành tựu

văn hóa khoa học hiện đại, những kết quả của văn minh loài người.

Nền văn hóa ấy lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối của Đảng làm kim chỉ nam cho hành động. Thấm nhuần sâu sắc tinh thần đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, cho việc thủ tiêu tình trạng người bóc lột người, thủ tiêu các giai cấp, nền văn hóa ấy mang tính dân rất nghiêm ngặt.

Nền văn hóa ấy phải có tính nhân dân sâu sắc, bởi vì nhân dân không chỉ là đối tượng của văn hóa mà còn là chủ thể của văn hóa, không chỉ là người hưởng thụ những giá trị tinh thần mà còn là người sáng tạo ra những giá trị ấy.

Là một bộ phận cấu thành của xã hội mới, nền văn hóa ấy thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Nó phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đồng thời đấu tranh cho sự nghiệp bảo vệ hòa bình thế giới, cho việc củng cố tình hữu nghị giữa tất cả các dân tộc trên trái đất.

Phân đấu xây dựng một nền văn hóa như thế đương nhiên là một nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng tư tưởng và văn hóa. Nền văn hóa ấy vừa là mục đích của cách mạng xã hội chủ nghĩa, lại vừa là phương tiện quan trọng đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Để xây dựng một nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, cần phải phát triển sự nghiệp giáo dục quốc dân, đem kiến thức về mọi mặt đến cho thanh niên và cho toàn dân để xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Nền giáo dục này phải thể hiện đường lối chính trị và đường lối văn hóa của Đảng lãnh đạo, phải

(6), (7) V.I. Lê-nin: sách đã dẫn tr 734, 729.

phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu chung của sự nghiệp giáo dục là đào tạo những người lao động có ý thức và giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có trình độ văn hóa phổ thông, lao động có kỹ thuật, có kỷ luật, có năng suất cao, có sức khỏe và có óc thẩm mỹ.

Cần phải đẩy mạnh công tác khoa học và kỹ thuật, tạo ra cho đất nước có một đội ngũ công nhân kỹ thuật giỏi, một đội ngũ những cán bộ lãnh nghề đủ sức giải quyết các vấn đề khoa học kỹ thuật phức tạp do sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đặt ra, đi đôi với việc cải tạo và sử dụng đúng đắn những người trí thức do xã hội cũ để lại.

Đương nhiên, cũng cần phát triển công tác y tế, thể dục thể thao gắn với sản xuất và đời sống, gắn với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Là một bộ phận hợp thành của nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, nền văn nghệ mới theo phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa phải thể hiện những tư tưởng lớn, tình cảm lớn của dân tộc và của thời đại. Nó phải trở thành niềm vui, vẻ đẹp, có tác dụng nâng cao tư tưởng và tình cảm của nhân dân, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Cũng cần phải xây dựng nếp sống mới, xã hội chủ nghĩa trong nhân dân, làm cho nhân dân thấm nhuần nguyên tắc "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người". Quan điểm đạo đức ấy đòi hỏi mỗi người phải hết lòng phấn đấu cho sự nghiệp xã hội chủ nghĩa vĩ đại, lao động một cách tự giác, có kỷ luật và có kỹ thuật, ra sức đấu tranh bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, có thái độ yêu thương, quý trọng con người, tôn trọng những quý tộc của đời sống công cộng, ra sức học tập nâng cao mình về mọi mặt; đồng thời kiên quyết đấu tranh

chống những tập quán lạc hậu và lề thói cổ hủ do xã hội cũ để lại.

3 - Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Theo quan điểm của các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học, con người mới phải là con người phát triển toàn diện, rũ bỏ được những tập tục và thói quen của xã hội cũ, có thế giới quan khoa học, có nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, trung thành với sự nghiệp vĩ đại giải phóng con người khỏi mọi áp bức, bóc lột và bất công, có ý thức cao về chủ nghĩa tập thể xã hội chủ nghĩa, có học vấn, nắm được những kiến thức khoa học kỹ thuật hiện đại, có sức khỏe tốt, có óc thẩm mỹ.

Trung thành với những lời dạy của Mác và Ăng-ghe-n, Lê-nin cũng đã phác ra những nét lớn của con người mới mà Người gọi là người cộng sản, tức những người đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.

Lê-nin nói: "các đồng chí sẽ phạm sai lầm nghiêm trọng nếu kết luận rằng người ta có thể trở thành người cộng sản mà không cần thấm nhuần tổng số những kiến thức do khoa học loài người đã tích lũy được" (8).

Với việc coi toàn bộ công tác văn hóa, giáo dục nhằm đào tạo nên những người cộng sản thật sự đều phải được tiến hành trên cơ sở chủ nghĩa Mác, mà chủ nghĩa Mác là sự kế tục và phát huy những gì quý giá nhất trong hơn hai nghìn năm phát triển của tư duy và văn hóa của loài người, Lê-nin đã chỉ cho chúng ta thấy rằng con người mới phải là con người thấm nhuần chủ nghĩa Mác với thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng, đạo đức cộng sản... của nó.

Lê-nin nói: "cơ sở của đạo đức cộng sản là cuộc đấu tranh để củng

(8) V.I. Lê-nin: sách đã dẫn, tr 712.

cổ chủ nghĩa cộng sản, để hoàn thành việc xây dựng chủ nghĩa cộng sản» (9).

Về thái độ lao động của con người mới, Lê-nin viết: «cần phải làm sao cho Đoàn thanh niên cộng sản giáo dục được mọi người từ khi họ còn nhỏ tuổi, trong lao động tự giác và có kỷ luật» (10).

Và trong nhiều tác phẩm của mình, Lê-nin luôn nhấn mạnh rằng cần phải làm cho mọi người thấm nhuần nguyên tắc «mọi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người», cần phải đã phá những lề thói cũ xấu xa mà nổi bật nhất là câu châm ngôn «mỗi người lo cho mình, Thượng đế lo cho tất cả», một câu châm ngôn sắc mùi cá nhân chủ nghĩa, sản phẩm của chế độ tư hữu tài sản mà đỉnh cao là chế độ tư bản chủ nghĩa.

Như vậy, trong tư tưởng của Lê-nin, những đặc trưng cơ bản nhất của con người mới là: thấm nhuần chủ nghĩa Mác, trung thành với sự nghiệp cộng sản chủ nghĩa, có đạo đức cộng sản cao đẹp, có học vấn cao, có tinh thần lao động tự giác và có kỷ luật, có óc thẩm mỹ do thấm nhuần nền văn hóa vô sản v.v. Đương nhiên, trong ý thức của Lê-nin, những người cộng sản hơn ai hết phải là những người nhiệt thành yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình, đồng thời có tinh thần quốc tế vô sản trong sáng — một đặc tính đẹp đẽ của giai cấp vô sản cách mạng.

Ở trên là những nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa.

Một điều cần nhấn mạnh là con người mới cũng như tư tưởng mới và văn hóa mới chỉ được xây dựng vững chắc trong thực tiễn đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Và cuộc cách mạng trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, cũng như trên các lĩnh vực khác, phải được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản và sự quản lý

của Nhà nước chuyên chính vô sản, mới bảo đảm giành được thắng lợi. Đó là một vấn đề thuộc về nguyên tắc, đồng thời là một chân lý đã được thực tiễn của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nhiều nước hoàn toàn chứng thực.

Lê-nin đã từng nói: «tất cả các tổ chức thuộc văn hóa vô sản... phải thực hiện nhiệm vụ của mình dưới sự lãnh đạo chung của Chính quyền xô viết... và của Đảng cộng sản Nga, phải coi những nhiệm vụ của mình là một phần trong toàn bộ những nhiệm vụ của chuyên chính vô sản» (11). Đó là điều chúng ta cần ghi nhớ.

Ở Liên xô, trong hơn 60 năm tồn tại của chế độ xã hội chủ nghĩa, người ta đã đạt được những kết quả cực kỳ to lớn trong cuộc cách mạng văn hóa vĩ đại. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin từ lâu đã chiếm được địa vị thống trị tuyệt đối trong xã hội. Hầu hết mọi người đều đã sống và làm việc theo phương châm: «mọi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người». Nền văn hóa chung của đất nước xô viết, với những màu sắc dân tộc rất khác nhau, đã phát triển rực rỡ chưa từng có. Trình độ học vấn chung của nhân dân đã được nâng cao rất nhiều, sau khi đã xóa bỏ nạn mù chữ từ những năm 30. Trên nhiều lĩnh vực của khoa học kỹ thuật, Liên xô đã chiếm những đỉnh cao trên thế giới. Một mẫu người mới, mẫu người xô viết đã hình thành phổ biến trong xã hội với những đức tính cao đẹp rất gần gũi với những người cộng sản mà Lê-nin đã mô tả. Cần nói thêm rằng, kết quả chung, tổng quát nhất của cuộc cách mạng văn hóa là Liên xô đã đào tạo được đầy đủ cán bộ chuyên môn cho tất cả các ngành kinh tế, khoa học, giáo dục, văn hóa và quản lý Nhà nước. Vài số liệu sau đây chứng tỏ rằng Liên

(9) V.I. Lê-nin: sách đã dẫn, tr. 720.

(10) V.I. Lê-nin: sách đã dẫn, tr. 724.

(11) V.I. Lê-nin: sách đã dẫn, tr. 726.

xô đã đạt thành tích to lớn như thế nào về mặt đào tạo công nhân và cán bộ lành nghề. Năm 1982, cứ 1000 người lao động ở Liên xô, thì 851 người có trình độ đại học và trung học (tốt nghiệp và chưa tốt nghiệp). Năm 1981, ở Liên xô có hơn 1,4 triệu cán bộ khoa học, tức 1/4 tổng số người làm công tác khoa học trên thế giới. Năm 1981, cứ 10000 người ở Liên xô có 38 bác sĩ. Cán bộ chuyên môn lành nghề đóng vai trò chủ chốt trong các ngành kinh tế. Điều đó bảo đảm tiền bộ khoa học kỹ thuật nhanh chóng cho đất nước. Không phải ngẫu nhiên mà Liên xô là nước đầu tiên trong lịch sử loài người đã đưa vào vũ trụ vệ tinh nhân tạo đầu tiên của trái đất, đưa nhà du hành vũ trụ đầu tiên trên thế giới là I-u-ri Ga-ga-rin lên quỹ đạo gần trái đất. Cũng không nên quên rằng, cùng với việc đào tạo đội ngũ trí thức mới của chủ nghĩa xã hội, Liên xô đã sử dụng đúng đắn và phát huy mạnh mẽ tài năng của những trí thức do xã hội cũ để lại mà tiêu biểu là kỹ sư Phri-đrich Xan-de-ơ, người sáng lập tổ chức khoa học đầu tiên chuyên nghiên cứu chuyển động phân tử và chế tạo tên lửa, Cơn-xtan-tin Xi-ôn-cốp-xki, người sáng lập khoa học vũ trụ, và Ni-cô-lai Giu-cốp-xki, nhà lý thuyết hàng không nổi tiếng, v.v.

Các nước xã hội chủ nghĩa khác, nơi mà hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng là hệ tư tưởng thống trị, cũng đã thu được những thắng lợi lớn trong việc tiến hành cách mạng văn hóa, thành lập chế độ giáo dục nhân dân chân chính và hình thành giới trí thức nhân dân.

Ở nước ta, Đảng ta rất coi trọng cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, coi đó là một bộ phận hữu cơ của toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta đã đặt cách mạng tư tưởng và văn hóa vào trong nội dung của đường lối chung về cách

mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, trong mối quan hệ biện chứng với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học kỹ thuật, được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đảng ta đã đề ra nhiệm vụ phải phấn đấu làm cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin, hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, chiếm địa vị thống trị tuyệt đối trong đời sống của xã hội ta. Đảng ta đã chỉ rõ nền văn hóa mới mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân. Đảng ta cũng chỉ rõ con người Việt nam mới xã hội chủ nghĩa có những đặc trưng nổi bật là làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản. Đảng ta còn chỉ ra những biện pháp đúng đắn để xây dựng tư tưởng mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa mà điểm chủ chốt là phải xây dựng trong thực tiễn cách mạng, trong quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cũng như trong cuộc đấu tranh chống những âm mưu và hành động phá hoại, xâm lược của đế quốc và bọn phản động quốc tế chống lại nước ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta đã giành được những thắng lợi rất quan trọng.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã chiếm ưu thế trong đời sống tinh thần của nhân dân ta và đang vươn tới địa vị thống trị tuyệt đối. Một hệ thống giáo dục quốc gia từ thấp đến cao, rộng khắp trong cả nước đã được xây dựng, góp phần đào tạo đội ngũ những người lao động mới, có chất lượng. Các nhà trí thức do xã hội cũ để lại đang được sử dụng vào công cuộc xây

(Xem tiếp trang 88)

KẾ TỤC SỰ NGHIỆP VĨ ĐẠI CỦA QUỐC TẾ I

VÀO giữa thế kỷ trước, chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh chóng, giai cấp tư sản bóc lột thậm tệ giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cuộc đấu tranh giữa lao động và tư bản diễn ra gay gắt, phong trào công nhân và dân chủ phát triển mạnh mẽ. Tình hình đó đòi hỏi cấp bách giai cấp công nhân phải đoàn kết lại không những trong từng nước mà cả trên phạm vi quốc tế, nhằm đấu tranh không chỉ về mặt kinh tế mà cả về mặt chính trị. Trước tình hình đó, C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ đã tập trung toàn bộ hoạt động của mình vào việc vũ trang cho quần chúng vô sản lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học, làm cho giai cấp vô sản thấy được sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của mình, chuẩn bị cho việc thành lập một tổ chức cách mạng quốc tế chân chính của giai cấp công nhân. Ngày 28 tháng 9 năm 1864, trong một cuộc họp lớn của đại biểu công nhân các nước tại Luân đôn (Anh), một sự kiện vô cùng quan trọng trong lịch sử phong trào cộng sản và công nhân thế giới đã diễn ra: **Hội liên hiệp quốc tế của những người lao động**, tức là **Quốc tế I** ra đời.

Mác và Ăng-ghe-nơ, những người sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học cũng chính là những người xây dựng và lãnh đạo **Quốc tế I**. Những tư tưởng chủ đạo của « **Tuyên ngôn của Đảng cộng sản** » do Mác và Ăng-ghe-nơ viết năm 1848 theo sự ủy nhiệm của **Liên đoàn những người cộng sản**, một tổ chức cách mạng do Mác và Ăng-ghe-nơ thành lập năm 1847, đã được Mác trình bày trong « **Lời kêu gọi mở đầu** » và trong **Điều lệ** của Quốc tế I. Qua 8 năm hoạt động (1864 — 1872), **Quốc tế I**, như Lê-nin nhận định, « đã đặt nền tảng cho cuộc đấu tranh vô sản, có tính chất quốc tế, để thực hiện chủ nghĩa xã hội » (1).

Công lao vĩ đại của **Quốc tế I** trước hết là đã làm cho giai cấp vô sản thế giới hiểu rõ sứ mệnh lịch sử và vai trò chính trị của mình là lãnh đạo cuộc đấu tranh nhằm xóa bỏ trật tự xã hội cũ, xây dựng một chế độ xã hội hoàn toàn mới: chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Nó đã đưa lý luận cách mạng của giai cấp

(1) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 38, tr. 363.

công nhân lên vũ đài thế giới, đặt cơ sở cho sự kết hợp chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân trên phạm vi quốc tế.

Quốc tế I đã đặt cơ sở cho tính tổ chức của giai cấp vô sản trên phạm vi quốc tế cũng như trong từng nước. Nó chuẩn bị điều kiện cho việc thành lập các chính đảng cách mạng có tính chất quần chúng, đề ra những nguyên lý chiến lược và sách lược của các tổ chức ấy.

Quốc tế I đặt nền móng cho mối quan hệ chặt chẽ và sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và hành động giữa các đội ngũ của giai cấp công nhân các nước, đoàn kết các đội ngũ ấy trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế vô sản. Nó mở đầu việc rèn luyện các đội ngũ khác nhau của giai cấp công nhân về tinh đoàn kết, về tinh thần giúp đỡ nhau trên quan hệ anh em, về kinh nghiệm đấu tranh cách mạng và lý luận khoa học. Nó chứng minh bản chất và ý nghĩa của chủ nghĩa quốc tế vô sản, vạch rõ rằng giai cấp công nhân chỉ có thể chiến thắng kẻ thù giai cấp bằng những cố gắng liên hợp của mình. Trong khuôn khổ của **Quốc tế I**, các đội tiên phong của giai cấp công nhân các nước đã nhận thức được nghĩa vụ đối với nhân dân lao động nước mình, hiểu rõ trách nhiệm đối với phong trào công nhân quốc tế.

Quốc tế I đã thực hiện chế độ dân chủ kiểu mới: chế độ dân chủ vô sản, và toàn bộ hoạt động của nó được xây dựng theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Quá trình xây dựng và tồn tại của **Quốc tế I** cũng là quá trình đấu tranh tích cực để đưa phong trào công nhân đi đúng quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội khoa học, tẩy trừ nọc độc của chủ nghĩa cơ hội và các thứ chủ nghĩa xã hội phi vô sản. Về tổ chức, Mác đã đánh bại âm mưu của phái Prudong muốn biến **Quốc tế I** thành một

«câu lạc bộ cái vớ» và âm mưu của phái Ba-cu-min nhằm gây tình trạng chia rẽ nội bộ, lôi kéo phe cánh đề hồng lũng đoạn **Quốc tế I**. Mác cũng đã vạch trần bản chất cải lương, phản động của phái Lát-xan ở Đức, phái công liên chủ nghĩa ở Anh. Các nhóm cơ hội và bè phái này đã bị loại khỏi **Quốc tế I**.



Quốc tế I đã nêu cao ngọn cờ chiến thắng, chỉ rõ phương hướng cho phong trào cộng sản và công nhân tiến lên. Nhân kỷ niệm sự nghiệp và truyền thống cách mạng vẻ vang đó, năm 1889 Ăng-ghe-n đã thành lập **Quốc tế II**. **Quốc tế II** (1889 – 1914) đã phát triển phong trào cộng sản quốc tế về bề rộng, đã giúp các đảng công nhân xã hội chủ nghĩa ra đời và lợi dụng điều kiện hợp pháp mở rộng hoạt động trong nhiều nước tư bản chủ nghĩa. Sau khi Ăng-ghe-n mất (1895), **Quốc tế II** bị chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, chủ nghĩa xét lại lũng đoạn. Trong thời kỳ này, Lê-nin đã đảm đương nhiệm vụ đấu tranh chống mọi xu hướng cơ hội và xét lại trong **Quốc tế II**. Lê-nin là người đầu tiên đã biến lý tưởng của **Quốc tế I** thành hiện thực, lãnh đạo thành công Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, lập lên nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Năm 1919, theo sáng kiến của Lê-nin, **Quốc tế III**, tức là **Quốc tế cộng sản**, được thành lập nhằm kế tục sự nghiệp của **Quốc tế I**. Qua gần 25 năm tồn tại, **Quốc tế III** đã phát triển phong trào cộng sản sâu rộng khắp thế giới; thúc đẩy sự ra đời và trưởng thành của các đảng cộng sản không những ở hầu khắp các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây, mà cả ở các nước phương Đông, nơi kinh tế còn lạc hậu, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, nông dân chiếm đại bộ phận trong dân cư.

Từ ngày **Quốc tế I** ra đời đến nay, bộ mặt thế giới đã hoàn toàn thay đổi. Cuộc tiến công cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân nước Nga đã đưa tới thắng lợi có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn của Cách mạng Tháng Mười Ngà, mở đầu một kỷ nguyên mới cho loài người. Đi theo ngọn cờ của Cách mạng Tháng Mười, cuộc tiến công cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân nhiều nước sau chiến thắng chống chủ nghĩa phát xít đã đưa tới sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày càng lớn mạnh. Cùng với sự hình thành và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh lên cao chưa từng thấy. Đến nay, chủ nghĩa thực dân về căn bản đã bị xóa bỏ với tính cách là một hệ thống, hầu hết các dân tộc thuộc địa cũ đã giành được độc lập dân tộc, trong đó nhiều nước đã tiến lên theo hướng phát triển xã hội chủ nghĩa. Ba dòng thác cách mạng vĩ đại trên thế giới ở thế tiến công đang thu hẹp trận địa của chủ nghĩa đế quốc, mở rộng ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới. Lý tưởng của **Quốc tế I** đã được thực hiện trên một bộ phận quan trọng của hành tinh chúng ta và trở thành một lực lượng vật chất đang quyết định nội dung, phương hướng và đặc điểm chủ yếu của sự phát triển lịch sử của xã hội loài người trong thời đại hiện nay. Có thể khẳng định, trong lịch sử chưa hề có một hệ thống lý luận xã hội, một phong trào chính trị nào giành được thắng lợi cực kỳ vĩ đại như học thuyết về chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản mà **Quốc tế I** có vị trí mở đầu.



Một trong những bài học quan trọng của **Quốc tế I** là muốn đoàn kết và thống nhất giai cấp công nhân trên cơ sở chủ nghĩa xã hội khoa học,

dưới ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản thì phải đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa biệt phái và mọi trào lưu tư tưởng phi vô sản khác.

Hiện nay, trong các trào lưu dân tộc chủ nghĩa tiêu tư sản khoác áo chủ nghĩa Mác chống chủ nghĩa Mác thì chủ nghĩa Mao, mà thực chất là chủ nghĩa số vanh đại Hán, là đặc biệt nguy hiểm. Cũng giống như kẻ thù của **Quốc tế I** cách đây 120 năm, giới cầm quyền Bắc kinh, đồ đệ của chủ nghĩa Mao, đang ra sức tiến công chủ nghĩa quốc tế vô sản. Chúng ra sức bóp méo, xuyên tạc những nguyên lý của chủ nghĩa Mác để phục vụ chủ nghĩa bành trướng, bá quyền của chúng, biện hộ cho những hành động phản bội cách mạng của chúng. Bằng những thủ đoạn hết sức bỉ ổi, chúng vu cáo Liên xô là "đại bá", nhằm phủ định Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, trụ cột của hệ thống xã hội chủ nghĩa, chỗ dựa tin cậy của cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Chúng không từ một hành động xấu xa nào, kể cả vũ trang xâm lược, tiến công Việt nam, hòng làm suy yếu pháo đài quan trọng của hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam châu Á. Chúng đã từng không ngớt nói xấu Cu-ba, tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở châu Mỹ la tinh. Bằng sự lôi kéo, mua chuộc, bằng sự dối trá, lừa lọc và nhiều thủ đoạn lá mặt, lá trái, chúng mưu toan phá hoại khối đoàn kết nhất trí của hệ thống xã hội chủ nghĩa, làm suy yếu sự thống nhất về chính trị và tư tưởng, sự hợp tác tự nguyện và quan hệ bình đẳng giữa các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới. Rõ ràng là Bắc kinh đang là kẻ phá hoại và chia rẽ lớn nhất đối với phong trào cách mạng thế giới về cả hai mặt tư tưởng và tổ chức, chà đạp một cách đáng nguyên rủa truyền thống tốt đẹp của **Quốc tế I**.

Lê-nin đã từng chỉ rõ : « Những quan hệ kinh tế lạc hậu hay chậm phát triển thường xuyên dẫn tới chỗ là, trong phong trào công nhân, xuất hiện những phần tử chỉ lĩnh hội được một số khía cạnh của chủ nghĩa Mác, một số bộ phận riêng biệt của thế giới quan mới, hoặc một số khẩu hiệu và yêu sách riêng biệt, mà lại không thể đoạn tuyệt dứt khoát với tất cả những truyền thống của thế giới quan tư sản nói chung và của thế giới quan dân chủ — tư sản nói riêng » (2). Ngày nay, những việc làm tội ác của những người lãnh đạo Trung quốc không phải vì lý do độc nhất là họ « chỉ lĩnh hội được một số khía cạnh của chủ nghĩa Mác », mà chính là vì họ đã cố tình lợi dụng, xuyên tạc và đi đến phản bội chủ nghĩa Mác. Có thể nói, từ Quốc tế I đến nay chưa có một đảng nào bị những người cầm đầu làm cho biến chất một cách tai hại như Đảng cộng sản Trung quốc.

Cuộc đấu tranh quyết liệt của Quốc tế I chống bọn cơ hội chủ nghĩa Prudôm và Ba-cu-nin đã đưa đến thắng lợi là chủ nghĩa Mác, từ chỗ lúc đầu chỉ là một trong nhiều trào lưu tư tưởng lúc bấy giờ, trở thành hệ tư tưởng chiếm địa vị chủ đạo trong phong trào công nhân kể từ những

thập kỷ cuối thế kỷ 19. Cuộc đấu tranh kiên quyết của Lê-nin và của những người cộng sản chân chính chống lại bọn cơ hội chủ nghĩa trong Quốc tế II đã tạo điều kiện đưa đến thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại và sau đó, sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Ngày nay, những người cộng sản chân chính trên thế giới, trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đang kiên quyết đấu tranh chống lại chủ nghĩa cơ hội các loại, đặc biệt là chống lại sự xuyên tạc, phá hoại của chủ nghĩa Mao, coi đó là hiểm họa của phong trào cộng sản và công nhân thế giới, một trở ngại lớn cho việc phát huy truyền thống cách mạng của Quốc tế I. Kế tục truyền thống cách mạng vẻ vang của Quốc tế I, đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa Mao và chủ nghĩa cơ hội các loại, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, các đảng cộng sản và công nhân các nước nhất định sẽ thúc đẩy sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, giành những thắng lợi mới to lớn hơn nữa cho cách mạng thế giới.

(2) V. I. Lê-nin : *Toán tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1980, tập 20, tr. 77.

Những thành tựu về kinh tế của Bun-ga-ri

NGUYỄN HỒ

NGÀY 9-9-1944, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Bun-ga-ri và được sự giúp đỡ của quân đội Liên xô, nhân dân Bun-ga-ri đã đứng lên khởi nghĩa vũ trang tự giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa phát xít.

Ngay sau khi được giải phóng, Bun-ga-ri đã từng bước tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới. Đại hội thứ V của Đảng cộng sản Bun-ga-ri (1948) đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong đó nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hợp tác hóa nông nghiệp được đặt vào vị trí chủ yếu. Qua gần mười hai năm cải tạo và xây dựng, Bun-ga-ri đã giải quyết về căn bản những nhiệm vụ chủ yếu của thời kỳ quá độ đề bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển. Hội nghị toàn thể Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Bun-ga-ri họp vào tháng 4 năm 1956, căn cứ vào những thành tựu đã đạt được và căn cứ vào đặc điểm tình hình của đất nước, đã đề ra đường lối phát triển kinh tế toàn diện: tiếp tục tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sự phát triển của công nghiệp nặng, coi công nghiệp nặng là cơ sở để phát triển có hiệu quả toàn bộ nền kinh tế quốc dân, củng cố vị trí của giai cấp công nhân, đồng thời phát triển vững chắc nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Đường lối này, thường được gọi là đường lối Tháng tư, đã tạo ra một chuyển biến sâu sắc không những trong hoạt động kinh tế mà cả trong đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân Bun-ga-ri. Với đường lối đó, việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội được đẩy mạnh, tạo điều kiện cho sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Trong quá trình thực hiện đường lối đó, điều đó có ý nghĩa to lớn đối với quá trình chuyển hóa của nền kinh tế Bun-ga-ri là một bộ phận lớn của lao động nông nghiệp đã chuyển sang công nghiệp — nơi có năng suất lao động cao hơn. Các đại hội tiếp theo của Đảng đã bổ sung, phát triển và hoàn thiện đường lối nói trên, bảo đảm cho nền kinh tế Bun-ga-ri phát triển ngày càng vững chắc và ổn định. Gần đây Đại hội thứ 12 Đảng cộng sản Bun-ga-ri (1981) đã đề ra phương hướng cơ bản để xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Đó là thực hiện tự động hóa trong sản xuất và trong các lĩnh vực hoạt động xã hội khác, phát triển kỹ thuật điện tử, kỹ thuật người máy, công trình vi mô, quy trình vi sinh vật; tích cực cải tạo và hiện đại hóa rộng rãi nền sản xuất hiện có.

Trong chiến lược kinh tế, Đảng cộng sản Bun-ga-ri khẳng định trước hết phải dựa vào sức của chính mình,

khai thác có hiệu quả tiềm lực của đất nước, đồng thời coi trọng việc hợp tác và liên kết kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đặc biệt là với Liên xô, coi đó là nhân tố cần thiết để đẩy nhanh tốc độ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Từ nhiều năm nay, Bun-ga-ri là thành viên tích cực của Hội đồng tương trợ kinh tế. Bun-ga-ri đã tích cực thực hiện chuyên môn hóa, hợp tác sản xuất và liên kết kinh tế nhằm mang lại lợi ích cho đất nước mình và các nước anh em theo nguyên tắc tương trợ, hợp tác và cùng có lợi.

Nhờ đường lối chiến lược kinh tế ngày càng hoàn thiện, qua bốn mươi năm phấn đấu kiên cường, nhân dân Bun-ga-ri đã biến đất nước mình từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước có công nghiệp và nông nghiệp phát triển, có cơ sở vật chất - kỹ thuật không những to lớn về khối lượng và giá trị, mà còn cân đối, hài hòa giữa các ngành và được bố trí hợp lý về lãnh thổ.

Về công nghiệp, những thành tựu đã đạt được là niềm tự hào của nhân dân Bun-ga-ri. Ngày nay sản lượng công nghiệp đã tăng 81 lần so với trước cách mạng và đã vượt lên chiếm vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Trước năm 1944, tỷ trọng giữa công nghiệp và nông nghiệp là 24,7 : 75,3 ; hiện nay là 83 : 17. Một số ngành công nghiệp then chốt như chế tạo máy, điện lực, hóa chất, v.v. đã phát triển nhanh chóng và đạt những thành tựu xuất sắc. Sản lượng công nghiệp chế tạo máy năm 1982 tăng 121 lần so với năm 1951. Trước năm 1951, ngành công nghiệp chế tạo máy của Bun-ga-ri hầu như không có hàng xuất khẩu, thì năm 1982, chỉ riêng sản phẩm của ngành đó xuất khẩu sang các nước xã hội chủ nghĩa đã trị giá 3,2 tỷ rúp. Sản lượng điện cũng tăng nhanh, năm 1983 so với

năm 1960 tăng gấp 6 lần. Hiện nay ở Bun-ga-ri, năng lượng điện nguyên tử chiếm 25% tổng sản lượng điện. Nếu tính bình quân đầu người thì Bun-ga-ri có mức sản lượng điện vào hàng các nước tiên tiến của châu Âu.

Về nông nghiệp, Bun-ga-ri cũng đã có những bước phát triển vượt bậc. Lấy năm 1982 so với năm 1951 thì sản lượng nông nghiệp tăng gấp 3,4 lần. Năm 1983, với số dân 9 triệu người, Bun-ga-ri sản xuất được 10 triệu tấn ngũ cốc, gần 850 000 tấn thịt, 2,5 triệu tấn sữa, 2500 triệu quả trứng. Ngoài phần dành cho xuất khẩu và cho sản xuất công nghiệp, tính bình quân khẩu phần hằng năm cho đầu người có khoảng 70 ki lô gam thịt, 250 ki lô gam sữa, 215 quả trứng, 280 ki lô gam rau quả, 35 ki lô gam đường và các sản phẩm đường, v.v.

Nền nông nghiệp Bun-ga-ri chẳng những đáp ứng được nhu cầu lương thực, thực phẩm của nhân dân, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến mà còn bảo đảm khoảng 30% tổng giá trị xuất khẩu.

Đạt được kết quả trên là do nhiều nguyên nhân, trong đó có việc tích cực hướng công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Ở Bun-ga-ri, hầu hết các khâu trong sản xuất nông nghiệp đã được cơ khí hóa. Một phần tư diện tích canh tác được tưới nước, tiêu nước một cách chủ động. Hằng năm, công nghiệp đã cung cấp cho nông nghiệp 750 nghìn tấn phân bón hóa chất. Trước năm 1950, mỗi héc ta canh tác chỉ được bón chưa đầy 1 ki lô gam phân khoáng, thì nay được bón bình quân 174 ki lô gam. Về chi số này, Bun-ga-ri đã vượt Mỹ, Ca-na-đa và nhiều nước ở Tây Âu.

Trong những nguyên nhân thắng lợi của nông nghiệp Bun-ga-ri, cần phải nói đến việc cải tiến cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý sản xuất nông nghiệp. Trong những năm

1959 — 1960, quy mô hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được mở rộng, phù hợp với tính chất của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa. Trong vòng 2 năm đó, 3290 hợp tác xã nhỏ đã hợp lại thành 932 hợp tác xã lớn có quy mô diện tích canh tác bình quân là 4300 héc ta. Những hợp tác xã lớn đó là cơ sở để thành lập những tổ hợp nông — công nghiệp (gọi tắt là APK). Hiện nay, sản xuất nông nghiệp của Bun-ga-ri được tập trung vào gần 300 tổ hợp lớn với diện tích canh tác là 4,1 triệu héc ta, chiếm hơn 85% toàn bộ đất canh tác. Với cách tổ chức như vậy, Bun-ga-ri là một trong những nước đứng đầu thế giới về trình độ tập trung trong sản xuất nông nghiệp.

Việc thành lập tổ hợp nông — công nghiệp là bước chuyển biến lớn trong sản xuất nông nghiệp ở Bun-ga-ri, tạo điều kiện thực hiện tập trung hóa, chuyên môn hóa và mở rộng phạm vi ứng dụng các biện pháp công nghiệp vào sản xuất nông nghiệp. Kinh nghiệm xây dựng APK của Bun-ga-ri không những được một số nước xã hội chủ nghĩa, mà cả một số nước dân tộc chủ nghĩa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ la tinh nghiên cứu áp dụng.

Một thành tựu khác trong việc thực hiện đường lối chiến lược kinh tế của Bun-ga-ri là công tác *đào tạo cán bộ* phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế. Trong 40 năm qua, Bun-ga-ri đã đào tạo được 367 000 cán bộ có trình độ đại học. Hiện nay ở Bun-ga-ri đã có 29 trường đại học và 181 viện nghiên cứu khoa học với 22900 cán bộ nghiên cứu khoa học, trong đó có hàng nghìn giáo sư, tiến sĩ và phó giáo sư. Ngoài công tác đào tạo cán bộ, ngành giáo dục Bun-ga-ri đã phần nào trang bị cho đồng bào nhân dân Bun-ga-ri những kiến thức văn hóa, khoa học, kỹ thuật cần thiết để sử dụng các loại máy móc hiện đại, giải quyết các vấn đề phức tạp trong sản xuất.

Cùng với việc phát triển các ngành khoa học kỹ thuật, Bun-ga-ri rất coi trọng việc phát triển các ngành khoa học xã hội nhằm phục vụ việc quản lý kinh tế xã hội. Đảng và Nhà nước Bun-ga-ri khuyến khích việc sử dụng nhanh chóng những kết quả nghiên cứu xã hội học vào hoạt động quản lý. Năm 1967, Bộ chính trị Ủy ban trung ương Đảng có nghị quyết về việc tiến hành công tác nghiên cứu xã hội học và năm 1982 đã có nghị quyết về việc giao cho các nhà tâm lý học và xã hội học các chức vụ trong biên chế của các xí nghiệp công nghiệp và các cơ quan kinh tế.

Sau bốn mươi năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, Bun-ga-ri ngày nay, như đồng chí Tô-đô Gíp-cốp, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Bun-ga-ri, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Bun-ga-ri đã nhận định, « là một nước xã hội chủ nghĩa phát triển với nền công nghiệp phát triển và nền nông nghiệp được xây dựng lại trên cơ sở xã hội chủ nghĩa, được cơ khí hóa cao; là một nước đang làm giàu thêm những giá trị văn hóa của dân tộc mình và của thế giới; là đất nước mà ở đó tất cả được làm vì người lao động, vì con người » (1).

Nhân dân Việt nam rất vui mừng trước những thành tựu to lớn của nhân dân Bun-ga-ri anh em. Chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng, trên cơ sở những thành quả đã đạt được, nhân dân Bun-ga-ri, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản Bun-ga-ri, nhất định sẽ đạt được những thành tựu to lớn mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho cuộc sống trên « đất nước hoa hồng » ngày càng phồn vinh, hạnh phúc và góp phần xứng đáng tăng cường tiềm lực của cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

(1) Thông báo tin tức — Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Bun-ga-ri — 11-1953 (tiếng Nga tr. 39).

Ê-ti-ô-pi-a trên đường thắng lợi

HÒ BẮT KHUẤT

THẮNG lợi của cách mạng Ê-ti-ô-pi-a đánh dấu một sự kiện có ý nghĩa to lớn không những đối với phong trào cách mạng ở châu Phi mà cả đối với phong trào cách mạng thế giới.

Được sự cổ vũ của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, trong đó có tấm gương chiến đấu của nhân dân Việt nam, nhân dân Ê-ti-ô-pi-a đã đứng lên đấu tranh giành quyền sống của mình. Bằng sức mạnh của lòng căm thù và nổi uất hận sâu sắc đối với chế độ phong kiến, ngày 12-9-1974, nhân dân Ê-ti-ô-pi-a đã phế truất vua Hai-lê Xê-la-xi-ê, chấm dứt vĩnh viễn sự thống trị hàng nghìn năm của giai cấp phong kiến ở Ê-ti-ô-pi-a.

Với lòng khát khao xây dựng một chế độ xã hội tự do, dân chủ và bình đẳng, nhân dân cách mạng Ê-ti-ô-pi-a đã từng bước thực hiện những cải tạo cách mạng: quốc hữu hóa nhà máy, xí nghiệp, ngân hàng của bọn tư sản, tịch thu ruộng đất của bọn vua chúa, quý tộc, địa chủ chia cho nông dân, xóa bỏ từng bước chế độ người bóc lột người. Mười năm qua, nhân dân Ê-ti-ô-pi-a đã vượt qua muôn vàn khó khăn, giành những thắng lợi có ý nghĩa quyết định.

Những đổi mới về kinh tế - xã hội.

Xây dựng một nền kinh tế dân tộc lớn mạnh là mối quan tâm hàng đầu của Ê-ti-ô-pi-a. Tuy nhiên, đó là công việc đầy khó khăn, phức tạp, do trình độ kinh tế còn lạc hậu, công tác thăm dò tài nguyên chưa làm được bao nhiêu, lực lượng cán bộ chưa đủ cho công cuộc xây dựng v.v. Xuất phát từ đặc điểm của đất nước, trong giai đoạn đầu của cách mạng, Ê-ti-ô-pi-a chú ý phát triển nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu về lương thực, thực phẩm cho đời sống xã hội, nguyên liệu cho công nghiệp và tạo nguồn hàng xuất khẩu. Nhờ áp dụng kỹ thuật thâm canh mới, năng suất các loại cây trồng tăng nhanh. Riêng năng suất cà phê (cây trồng chính trong nông nghiệp) năm 1982 đã tăng gấp đôi so với trước cách mạng. Tổng diện tích trồng trọt năm 1982 cũng tăng gấp đôi so với năm 1979. Hệ thống nông trường quốc doanh phát triển nhanh chóng, ngày càng có vai trò quan trọng trong việc giải quyết vấn đề lương thực. Các khâu công tác ở nông trường về căn bản đã được cơ giới hóa, đội ngũ công nhân ngày càng có tay nghề cao. Hiện nay, các

nông trường quốc doanh đang phần đầu đề sản xuất trên 40% tổng sản lượng lương thực.

Nhận thức được tầm quan trọng của cách mạng quan hệ sản xuất, ban lãnh đạo Ê-ti-ô-pi-a coi trọng công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp, đã tiến hành công cuộc đó một cách vừa khẩn trương vừa thận trọng. Các hợp tác xã, các tập đoàn sản xuất nông nghiệp được thành lập với sự tự nguyện của đông đảo nông dân. Hiện nay Ê-ti-ô-pi-a đã có hơn 2000 hợp tác xã nông nghiệp và hơn 3000 hợp tác xã mua bán. Các hợp tác xã đang phần đầu đề thật sự là những đơn vị kinh tế tiên tiến, thật sự mang lại hiệu quả kinh tế.

Do nông nghiệp phát triển, xuất khẩu cũng tăng nhanh. Lấy năm 1982 so với năm 1974 thì giá trị xuất khẩu tăng 217% (chủ yếu là cà phê, da, mật ong, hạt có dầu). Về nhập khẩu, trước năm 1974, chủ yếu nhập hàng tiêu dùng và hàng xa xỉ. Hiện nay phần lớn hàng nhập khẩu là những thứ cần thiết cho sự nghiệp phát triển kinh tế.

Nền công nghiệp Ê-ti-ô-pi-a cũng đã có những bước phát triển có ý nghĩa. Hiện nay lao động công nghiệp tuy chỉ chiếm 5% số dân nhưng đã mang lại hơn 10% tổng thu nhập quốc dân. Năm 1983, trong khu vực công nghiệp quốc doanh, bao gồm 140 xí nghiệp lớn và vừa, mức sản xuất tăng 8,1% so với năm trước. Nhiều nhà máy cỡ lớn về thủy điện, cơ khí, hóa chất, xi măng... đang trong quá trình được xây dựng với sự giúp đỡ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Về văn hóa giáo dục, một chiến dịch lớn nhằm xóa bỏ nạn không biết chữ đã được tiến hành ở Ê-ti-ô-pi-a. Hơn 60 000 giáo viên và quân nhân tham gia chiến dịch này, nhờ vậy hàng chục triệu người dân đã biết chữ. Năm 1980, Ê-ti-ô-pi-a được nhận huy chương vàng của Liên hợp quốc vì

những thành tích xuất sắc nói trên. So với trước cách mạng, số học sinh phổ thông đã tăng gấp đôi. Hiện nay cả nước có hơn 3,5 triệu học sinh đang học ở các trường.

Thành lập một đảng mác xít – lê nin nít, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của những người cách mạng.

Nhân dân Ê-ti-ô-pi-a tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ và bắt tay vào xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trong hoàn cảnh chưa có một đảng theo chủ nghĩa Mác-Lê-nin lãnh đạo. Do vậy việc thành lập một đảng mác xít – lê nin nít là nhu cầu bức thiết, là đòi hỏi khách quan, là bước phát triển tất yếu của cách mạng, đồng thời là nguyện vọng thiết tha của những người cách mạng Ê-ti-ô-pi-a.

Cương lĩnh cách mạng dân tộc dân chủ ở Ê-ti-ô-pi-a công bố ngày 20-6-1976 đã khẳng định: « Điều duy nhất bảo đảm cho thắng lợi cuối cùng là phải có một đảng vô sản chân chính ».

Những chiến sĩ cách mạng chân chính của Ê-ti-ô-pi-a, sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lê-nin, đã nỗ lực phấn đấu tạo ra sự chuyển hóa từ hệ tư tưởng dân chủ sang hệ tư tưởng chủ nghĩa xã hội khoa học, hướng dẫn cuộc đấu tranh giai cấp đi đúng quỹ đạo của nó. Trong quá trình đấu tranh đó, họ đã loại trừ dần những phần tử cơ hội, hữu khuynh, những kẻ thù địch về hệ tư tưởng và lợi ích giai cấp, đi đến thống nhất về tư tưởng.

Trên cơ sở đó, năm 1979, « Ủy ban tổ chức Đảng nhân dân lao động Ê-ti-ô-pi-a » (COPWE) được thành lập và đã bầu đồng chí Men-gi-xtu Hai-lê Ma-ri-am làm chủ tịch. Ủy ban này có nhiệm vụ tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tạo điều kiện và cơ sở cho việc thành lập đội tiên phong của giai cấp công nhân.

Từ ngày thành lập đến nay, COPWE đã tiến hành ba lần hội nghị nhằm đề ra đường lối chiến lược, sách lược cho cách mạng Ê-ti-ô-pi-a trong giai đoạn trước mắt và lâu dài, xây dựng Cương lĩnh, Điều lệ, đồng thời tổng kết và rút kinh nghiệm công tác Đảng.

COPWE coi trọng việc truyền bá rộng rãi thể giới quan của giai cấp công nhân, đề cao công tác tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức chính trị cho nhân dân. Các thành viên COPWE tổ chức hội thảo hằng tuần ở các cơ quan, xí nghiệp, nông trường... về những nội dung cơ bản của học thuyết Mác - Lê-nin. Trong cả nước hiện có 6.500 câu lạc bộ với nội dung hoạt động phong phú, thiết thực, tạo điều kiện cho đông đảo nhân dân nghiên cứu những tác phẩm kinh điển của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin. Những người cách mạng Ê-ti-ô-pi-a còn coi trọng việc học tập, nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng Đảng của các nước anh em, đặc biệt là những nước có đặc điểm gần gũi với Ê-ti-ô-pi-a như Việt nam, Cu-ba...

COPWE bồi dưỡng và kết nạp thành viên thông qua thực tiễn đấu tranh cách mạng và lao động sản xuất, căn cứ vào những tiêu chuẩn chủ yếu là trình độ giác ngộ, lòng trung thành và nhiệt tình đối với sự nghiệp cách mạng, sự thừa nhận «Cương lĩnh cách mạng dân tộc dân chủ».

Hiện nay, COPWE có trên 3 vạn thành viên, với nhiều tổ chức chi bộ đã được thành lập ở các cơ quan, xí nghiệp, nông trường, hợp tác xã, các đơn vị lực lượng vũ trang. Điều có ý nghĩa quan trọng là số thành viên thuộc đội ngũ công nhân tăng lên nhanh chóng; năm 1982, số thành viên là công nhân chỉ chiếm 2,9% thì hiện nay là 21%, tức là cứ 5 thành viên của COPWE thì có một người thuộc giai cấp công nhân. Đây là dấu

hiệu chứng tỏ giai cấp công nhân Ê-ti-ô-pi-a ngày càng lớn mạnh, đang vươn lên đảm nhiệm sứ mạng tiên phong của mình.

Ban lãnh đạo cách mạng Ê-ti-ô-pi-a đã thiết lập được mối quan hệ mật thiết với nhân dân, tạo ra cơ sở quan trọng bảo đảm cho việc thành lập một chính đảng mạnh. Lần đầu tiên trong lịch sử của Ê-ti-ô-pi-a, các tổ chức dân chủ của quần chúng như Công đoàn, Đoàn thanh niên cách mạng, Hội phụ nữ, Hội nông dân v.v. đã xuất hiện và hoạt động. Ngày nay, đông đảo nhân dân đã tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, 1,3 triệu cán bộ các cấp của các tổ chức quần chúng được bầu cử một cách dân chủ đã nhất trí ủng hộ vai trò lãnh đạo của COPWE và mong muốn nó trở thành Đảng lao động Ê-ti-ô-pi-a. Trên thực tế, COPWE đã đóng vai trò tiền thân của một đảng mác xít - lê nin nít, là người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Ê-ti-ô-pi-a trong thời gian qua.

Như vậy, có thể nói rằng, ở Ê-ti-ô-pi-a, những cơ sở và điều kiện cần thiết để chính thức thành lập một đảng mác xít - lê nin nít đã được chuẩn bị đầy đủ. Cùng với việc kỷ niệm lần thứ 10 ngày cách mạng thắng lợi, Đảng lao động Ê-ti-ô-pi-a ra đời là sự kiện cực kỳ quan trọng trong đời sống chính trị của nhân dân Ê-ti-ô-pi-a. Từ nay, một chính đảng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực tiếp lãnh đạo cách mạng Ê-ti-ô-pi-a, đưa cách mạng tới những đỉnh cao mới.

Đối với lịch sử ba nghìn năm của dân tộc Ê-ti-ô-pi-a, mười năm qua chỉ là một khoảng thời gian rất ngắn, nhưng đó là mười năm vẻ vang. Nó đánh dấu sự vươn dậy tự giải phóng mình của nhân dân lao động Ê-ti-ô-pi-a và mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên xây dựng chế độ tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên đất nước Ê-ti-ô-pi-a.

Tức tới trước những thắng lợi của cách mạng Ê-ti-ô-pi-a, bọn phản động quốc tế, đứng đầu là đế quốc Mỹ đã phản kích quyết liệt, hòng buộc nhân dân Ê-ti-ô-pi-a từ bỏ con đường đã chọn. Chúng đã trắng trợn xuyên tạc tình hình cách mạng ở Ê-ti-ô-pi-a, tiếp tay cho các lực lượng phản động ở Ê-ti-ô-pi-a tìm cách ngóc đầu dậy, giúp đỡ Xô-ma-li tiến hành chiến tranh xâm lược Ê-ti-ô-pi-a v.v. Nhưng với sức mạnh kiên cường của bản thân, với sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của Liên xô, Cu-ba và các nước xã hội chủ nghĩa khác, quân và dân Ê-ti-ô-pi-a đã

chặn đứng mọi âm mưu phá hoại nội trên của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, bảo vệ vững chắc đất nước, vững bước đi lên theo con đường đã chọn.

Nhân dân Việt nam cũng toàn thể loài người tiến bộ rất vui mừng trước những thắng lợi mà cách mạng Ê-ti-ô-pi-a đã giành được và tin tưởng sâu sắc rằng với quyết tâm, nghị lực và trí sáng tạo của mình, lại được sự giúp đỡ đầy tình nghĩa của phong trào cách mạng thế giới, nhân dân Ê-ti-ô-pi-a anh em nhất định sẽ tiến lên, vươn tới những đỉnh cao thắng lợi ngày càng rực rỡ.

THỰC HIỆN CÁCH MẠNG...

(Tiếp theo trang 77)

dựng xã hội mới. Ngành giáo dục đã cung cấp cho kinh tế và quốc phòng nước ta những cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quân lý, nghiệp vụ, những thanh niên có tri thức văn hóa, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Một nền văn hóa, nghệ thuật mới đã hình thành và đang phát triển, có tác dụng tốt trong việc nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật từng bước trưởng thành. Ta đã đào tạo được hơn 3 000 cán bộ có trình độ trên đại học, hơn 180 000 cán bộ có trình độ đại học, gần 70 000 cán bộ có trình độ cao đẳng, hơn 170 000 cán bộ có trình độ trung học chuyên nghiệp, hơn nửa triệu công nhân kỹ thuật. Sự nghiệp y tế và thể dục thể thao phát triển khá. Những con người mới xã hội chủ nghĩa đang nảy nở ngày càng nhiều trong xã hội ta.

Đó là mấy nét khái quát về những thắng lợi của cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta

Đề đây mạnh hơn nữa cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhân dân

ta cần thực hiện tốt lời căn dặn sau đây của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn: "Cách mạng tư tưởng và văn hóa xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, con người làm chủ tập thể, có năng lực và ý thức làm chủ. Phải khắc phục tình trạng buông lỏng mặt trận tư tưởng và văn hóa, không kiên quyết đấu tranh chống các hệ tư tưởng và văn hóa tư sản, thực dân phong kiến, không phê phán, cải tạo tư tưởng, lối sống, tâm lý, thói quen của người sản xuất nhỏ và những tàn dư văn hóa cũ, những tập tục lạc hậu, làm hư hỏng con người, kích thích chủ nghĩa ích kỷ cá nhân" (trích bài nói tại Hội nghị thứ sáu của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa V).

Chúng ta tin tưởng rằng, tuân theo đường lối của Đảng và lời căn dặn của đồng chí Tổng bí thư, với sức mạnh của nền chuyển chính vô sản, dựa vào ý thức làm chủ của nhân dân lao động và khắc phục những khó khăn, khuyết điểm do Đảng đã chỉ ra, cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta nhất định sẽ giành được những thắng lợi mới, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của toàn dân ta.

ПЕРЕДОВАЯ – Всемерно повышать дух «оноры на собственные силы» в строительстве страны. **ЛЕ ЗУАН** – Усвоив закономерности, обновить управление экономикой. **ВИНЬ НГИЕМ** – Использовать объединенную мощь – большой урок революции. **ЧАН ХО** – О распределении по труду на первом этапе перехода к социализму в нашей стране. **ЧАН ХАУ** – Основные положения В. И. Ленина об использовании буржуазных специалистов. ★★ – Продолжаем великое дело I Интернационала. **НГУЕН ХО** – Успехи болгарской экономики. **ХО БАТ КХУАТ** – Эфиопия уверенно шагает к победе.

REVIEW OF COMMUNISM № 9-1984

Editorial – Bringing into full play the spirit of self-reliance in national construction. **LÊ DUÂN** – Grasping the laws and renewing the management of the economy. **VĨNH NGHIÊM** – Making use of the aggregate strength – a great lesson of the revolution. **TRẦN HỒ** – On division of labour in the first stage of the period of transition to socialism in our country. **TRẦN HẬU** – Lenin's fundamental views on the use of capitalist experts. ★★ – Let us continue the great cause of the First International. **NGUYỄN HỒ** – Bulgaria's economic achievements. **HỒ BẮT KHUẤT** – Ethiopia on the road to victory.

REVUE DU COMMUNISME № 9-1984

Editorial – Promouvoir l'esprit d'indépendance dans la construction nationale. **LÊ DUÂN** – Bien saisir les lois de développement, renouveler le mode de gestion économique. **VĨNH NGHIÊM** – Employer la force globale – une grande leçon de notre révolution. **TRẦN HỒ** – Sur la distribution selon le travail dans le premier stade de la période de transition au socialisme. **TRẦN HẬU** – Les points de vue fondamentaux de V.I. Lénine sur l'emploi des experts bourgeois. ★★ – Continuer l'oeuvre grandiose de la Première Internationale communiste. **NGUYỄN HỒ** – Les réalisations de l'économie bulgare. **HỒ BẮT KHUẤT** – L'Éthiopie sur la voie de la réussite.

REVISTA DEL COMUNISMO № 9-1984

Editorial – Promover el espíritu de independencia en la construcción nacional. **LÊ DUÂN** – Mantener bien las leyes de desarrollo, renovar el método de gestión económica. **VĨNH NGHIÊM** – Emplear la fuerza global – una gran lección de nuestra revolución. **TRẦN HỒ** – Acerca de la distribución según el trabajo en la primera etapa del período de transición al socialismo. **TRẦN HẬU** – Los puntos de vista fundamentales de V.I. Lenin sobre el empleo de los expertos burgueses. ★★ – Continuar la obra grandiosa de la Internacional Comunista. **NGUYỄN HỒ** – Las realizaciones de la economía búlgara. **HỒ BẮT KHUẤT** – La Etiopía en camino de victoria.

Mục lục

Xa luận

- | | | |
|----|---|-------------|
| 1 | Phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường xây dựng đất nước | |
| 6 | Nắm vững quy luật, đổi mới quản lý kinh tế | LÊ DUÂN |
| 40 | Sử dụng sức mạnh tổng hợp — một bài học lớn của cách mạng | VĨNH NGHIÊM |
| 48 | Về phân phối theo lao động trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta | TRẦN HỒ |
| 55 | Những thành tựu bước đầu của Long an trên mặt trận kinh tế | LÊ VĂN KIẾN |
| 62 | Những quan điểm cơ bản của Lê-nin về sử dụng các chuyên gia tư sản | TRẦN HẬU |
| 68 | Nghiên cứu khoa học phục vụ nhu cầu của cách mạng: một hoạt động cơ bản của nhà trường đại học | HỒ ĐẮC DI |

Nghiên cứu

- | | | |
|--------|--|----------------|
| 71 | Thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa | QUYẾT TIẾN |
| 78 | Kế tục sự nghiệp vĩ đại của Quốc tế I | ★ ★ |
| 82 | Những thành tựu về kinh tế của Bun-ga-ri | NGUYỄN HỒ |
| 85 | Ê-ti-ô-pi-a trên đường thắng lợi | HIỆO BẮT KHUẤT |
| Bìa 4. | Tranh cổ động của Dương Hương Minh | |

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP

1 Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TẠI MIỀN NAM

19 Duy Tân — T.P Hồ chí Minh. Dây nói: 25768 — 22010



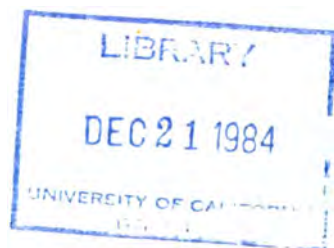
PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG
YÊU NƯỚC, YÊU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

**TÍCH CỰC THAM GIA
MUA CÔNG TRÁI
XÂY DỰNG TỔ QUỐC**

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



10

10 . 1984

CẢI TẠO VÀ QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

NGHI quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) «Về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế» đã nêu rõ: «Trước mắt, phải tạo ra một chu kỳ biến mệnh mẽ trong quản lý kinh tế, lập trung giải quyết hai loại vấn đề sau đây:

— Một là: phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tính chủ động, sáng tạo và mọi khả năng của các cơ sở, tổ chức sản xuất, từng bước xây dựng cơ chế quản lý mới, phân công, phân cấp quản lý đúng đắn.

— Hai là: giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông, đặc biệt là các lĩnh vực thị trường — giá — lương — tiền, nhằm phục vụ tốt cơ sở, đồng thời giải quyết đúng đắn các mối quan hệ phân phối trong nền kinh tế quốc dân».

Hai mặt nêu trên là một thể thống nhất, có mối quan hệ biện chứng, tạo điều kiện và tiền đề cho nhau. Phải đặt phân phối lưu thông trong tổng thể nền kinh tế quốc dân, trước hết là trên cơ sở nền sản xuất xã hội.

Sản xuất quyết định phân phối, nhưng phân phối có tính độc lập tương đối của nó và có tác động trở lại đối với sản xuất. Tùy theo phân phối đúng hay sai mà tác động ấy mang tính chất tích cực hay tiêu cực. Chúng ta không nên nghĩ rằng chừng nào sản xuất còn thấp kém, nền kinh tế còn mất cân đối, thì sự rối loạn trong phân phối lưu thông là không thể tránh khỏi. Để xảy ra rối loạn và bất công như mấy năm qua, trước hết phải xem đó là khuyết điểm chủ quan của chúng ta trong công tác phân phối lưu thông. Trong một thời gian dài, chúng ta đã buông lỏng quản lý và cải tạo thị trường, buông lỏng cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa và đấu tranh giữa ta và địch để cho một số tư sản cũ phục hồi, thậm chí để xuất hiện những phần tử tư sản mới, để cho thị trường «tự do» và «chợ đen» lấn át thị trường xã hội chủ nghĩa, hàng nhập lậu tràn vào thị trường trong nước, nhiều nhân tố tiêu cực (tham ô, móc ngoặc, lỵ do vô chính phủ...) phát triển trong xã hội và trong bộ máy Nhà nước. Lợi dụng những cơ hội đó, kẻ địch trà trộn vào các hoạt động trên để phá hoại ta. Việc điều chỉnh giá năm 1981 là chưa đủ mức lại tiến hành một cách đơn độc, không kết hợp với các biện pháp về tiền lương, tài chính, quản lý thị trường, v.v. Do đó, giá cả thoát ly giá trị, biến động tự phát, hệ thống tiền lương lộ rõ nhiều bất hợp lý, đồng tiền giảm giá, đời sống công nhân viên chức và lực lượng vũ trang quá khó khăn.

Chính sách phân phối lưu thông của chúng ta phải nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất; ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, trước hết là

công nhân, cán bộ và lực lượng vũ trang; điều tiết hợp lý thu nhập của các tầng lớp dân cư; củng cố nền tài chính quốc gia, bảo đảm dự trữ Nhà nước, từng bước tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực phân phối lưu thông.

Đề đạt những mục tiêu trên, cần giải quyết đồng thời các vấn đề thị trường, giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải vươn lên chiếm ưu thế tuyệt đối trên thị trường. **Phải quản lý và cải tạo thị trường « tự do »** để khắc phục về cơ bản tình trạng đầu cơ, buôn lậu; đồng thời kịp thời điều chỉnh chính sách giá cả, làm cho giá cả đi vào thể ổn định, giải quyết thỏa đáng các mối quan hệ lớn của nền kinh tế; điều chỉnh tiền lương làm cho tiền lương bảo đảm tái sản xuất sức lao động và theo nguyên tắc phân phối theo lao động; bảo đảm cho ngân sách Nhà nước và sức mua của đồng tiền được ổn định.

Cần thấy rõ tác động mạnh mẽ của thị trường đối với các vấn đề giá — lương — tiền. Nếu Nhà nước có chính sách giá — lương — tiền đúng đắn, nhưng không nắm và quản lý được thị trường, để thị trường hỗn loạn, thì tác dụng của các chính sách nói trên sẽ bị hạn chế rất lớn, thậm chí có khi bị triệt tiêu. Tình hình kinh tế những năm qua, khi ta điều chỉnh chính sách giá — lương — tiền nhưng không nắm và quản lý được thị trường, đã chứng minh rất rõ điều này. Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã nói: « **Thị trường là nơi diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, diễn ra cuộc đấu tranh giữa ta và địch một cách gay gắt hằng ngày, hằng giờ. Không thể làm chủ sản xuất, phân phối, lưu thông, không thể ổn định đồng tiền, giá cả và đời sống của người lao động, nếu không làm chủ thị trường** » (1).

Trong tình hình hiện nay, vấn đề **quản lý thị trường và phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa** trở thành một vấn đề hết sức quan trọng trong phân phối lưu thông, vì cơ cải tạo và quản lý tốt thị trường đồng thời phát triển mạnh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa thì mới có **tiền đề** cho việc giải quyết tốt các chính sách giá cả, tiền lương, tài chính và các chính sách đòn bẩy khác; đồng thời đây là vấn đề thời sự kinh tế nóng bỏng, là mối nhọc trong cuộc đấu tranh giải quyết vấn đề « ai thắng ai » trên mặt trận kinh tế hiện nay.



Cải tạo và quản lý thị trường, lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trong phân phối lưu thông là nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước ta hiện nay, là tiền đề cơ bản để giải quyết tốt các chính sách giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ..., nhằm tạo điều kiện cho các ngành, các cấp, các địa phương, nhất là các cơ sở sản xuất kinh doanh phát huy đầy đủ quyền chủ động sáng tạo của mình để **phát triển mạnh sản xuất theo hướng của kế hoạch Nhà nước**.

Cải tạo và quản lý thị trường trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều thành phần, trên thị trường còn nhiều thành phần thương nghiệp tham gia, về cơ bản là xây dựng thị trường xã hội chủ nghĩa vững mạnh để lãnh đạo và quản lý các thành phần kinh tế khác trong thương nghiệp, làm cho mọi việc mua bán trên thị trường được tiến hành trong vòng pháp luật, tiến tới xây dựng được một thị trường xã hội chủ nghĩa thống nhất với một hệ thống chính sách giá — lương — tiền thống nhất, nhằm giải quyết được các vấn đề của sản xuất, tổ chức lại sản xuất, cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng trên toàn xã hội.

(1) Trích bài nói của đồng chí Lê Duẩn tại hội nghị thứ sáu của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V).

Muốn quản lý tốt thị trường, điều chủ yếu là thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải vươn lên nắm hàng; làm chủ thị trường; cải tiến quản lý kinh doanh, tổ chức lại mạng lưới kinh doanh, nắm đại bộ phận bán buôn, chi phối phần lớn bán lẻ, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư nhân, tổ chức lại các ngành hàng, kết hợp kinh doanh với phục vụ, chống tư tưởng kinh doanh đơn thuần. Ở đâu có hàng hóa, có nhu cầu tiêu dùng thì ở đó phải có một cửa thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Về **nắm hàng**. Nhà nước phải thống nhất quản lý và kinh doanh lương thực và những vật tư chiến lược, những hàng công nghiệp thiết yếu do quốc doanh sản xuất hoặc gia công và hàng nhập khẩu, làm sao cho những sản phẩm hàng hóa làm ra trong khu vực kinh tế quốc doanh cũng như khu vực kinh tế tập thể được tập trung vào trong tay Nhà nước, và nguồn hàng hóa làm ra từ các thành phần kinh tế khác, cũng cần được huy động phần lớn vào tay Nhà nước. Phải nhanh chóng khắc phục tình trạng đẽ hàng của xí nghiệp quốc doanh sản xuất hoặc Nhà nước gia công lọt ra thị trường « tự do » và « chợ đen ».

Muốn nắm được tuyệt đại bộ phận sản phẩm hàng hóa, cần **đầy mạnh việc huy động lương thực và các nông sản khác**. Ngoài việc thu đủ thuế nông nghiệp bằng hiện vật và thu nợ, Nhà nước cần mở rộng phương thức **thu mua theo hợp đồng hai chiều**. Đây là phương thức thu mua bảo đảm thỏa đáng nhất lợi ích của cả Nhà nước và của nông dân, là phương thức kế hoạch hóa sản xuất và lưu thông thích hợp nhất trong tình hình hiện nay đối với khu vực kinh tế tập thể và cá thể. Cần đưa vào hợp đồng hai chiều những tư liệu sản xuất, nơi nào người sản xuất có nhu cầu thì đưa thêm một phần hàng tiêu dùng thiết yếu, kể cả lương thực; không nên dùng hàng công nghiệp để đổi trực tiếp hoặc bù thêm vào giá mua nông sản, làm sản, thủy sản. Vấn đề mấu chốt để bảo đảm thực hiện tốt chính sách thu mua theo hợp đồng hai chiều là Nhà nước phải bảo đảm đủ vật tư hàng hóa cho nông dân theo đúng các cam kết trong hợp đồng hai chiều.

Ngoài phần nộp thuế và thực hiện việc bán sản phẩm hàng hóa theo hợp đồng hai chiều, người sản xuất được quyền tự do chi phối phần sản phẩm còn lại; Nhà nước cần vận động họ bán số nông sản thừa cho Nhà nước theo **giá thỏa thuận**. Giá này có tính đến yếu tố cung cầu ở thị trường địa phương, nhưng khác với giá thị trường ở chỗ: đây là một chính sách giá được sự thỏa thuận giữa Nhà nước và người sản xuất trong điều kiện Nhà nước đã loại trừ yếu tố cạnh tranh và đấu cơ. Trong điều kiện thương nhân không được quyền tranh mua với Nhà nước, và quan hệ mua bán này bao hàm ý nghĩa yêu nước của người nông dân. Trong tình hình cung cầu mất cân đối như hiện nay, Nhà nước áp dụng đúng dần chính sách giá mua thỏa thuận là một chính sách hợp tình hợp lý mà nông dân dễ chấp nhận.

Nhà nước đã mua theo hai giá thì cũng phải bán theo hai giá. Cần phân bổ rành mạch bốn quỹ hàng hóa: quỹ hàng cung cấp cho công nhân, cán bộ và lực lượng vũ trang; quỹ hàng đối lưu theo hợp đồng hai chiều; quỹ hàng xuất khẩu; quỹ hàng bán lẻ cho các nhu cầu xã hội. Quỹ vật tư hàng hóa dành cho thu mua được phân bổ trên kế hoạch theo mặt hàng thu mua, theo ngành và theo địa phương, tương ứng với khối lượng nông sản, lâm sản, thủy sản phải mua.

Trên cơ sở nắm hàng, tăng cường lực lượng hàng hóa trong tay Nhà nước, cần ra sức **củng cố và phát triển mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán** đến tận cơ sở. Phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, nhất là thương nghiệp quốc doanh; tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật

và chấn chỉnh công tác quản lý của nó trong cung ứng vật tư cũng như trong phân phối lưu thông hàng tiêu dùng, trong buôn bán cũng như bán lẻ, trong kinh doanh đường dài cũng như phân phối trên địa bàn phụ trách.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cần ra sức cải tiến quản lý; thực hiện đúng phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy việc phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân làm mục đích, xây dựng lối đời ngũ cán bộ, nhân viên về phẩm chất và nghiệp vụ. Về cải tiến quản lý kinh doanh thương nghiệp, Nghị quyết Hội nghị thứ sáu của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) ghi rõ: « Sắp xếp lại hệ thống tổ chức cung ứng vật tư vận tải, thương nghiệp; tập trung nhiệm vụ cung ứng các loại vật tư thông dụng vào Bộ vật tư; xóa bỏ những cấp, những khâu trung gian không cần thiết, bảo đảm quá trình lưu thông vật tư, hàng hóa hợp lý theo con đường ngắn nhất từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Mở rộng hình thức « đại lý » và các hình thức quá độ khác rõ kiểm soát chặt chẽ trong thương nghiệp, vật tư và vận tải.

Đẩy mạnh việc xây dựng và tăng cường các công ty kinh doanh của huyện do cấp huyện quản lý. Công ty vật tư huyện làm chức năng cung ứng vật tư nông nghiệp và đại lý cung ứng vật tư thông dụng khác trên địa bàn huyện. Công ty thương nghiệp huyện làm chức năng thu mua và bán lẻ trên địa bàn huyện, đồng thời làm đại lý thu mua và bán lẻ một số mặt hàng thuộc phạm vi kinh doanh của các ngành khác. Ở các vùng sản xuất tập trung hàng xuất khẩu, công ty ngoại thương huyện làm nhiệm vụ trực tiếp thu mua nông sản xuất khẩu. Công ty lương thực huyện làm chức năng lưu động và kinh doanh lương thực ».

Chỉ có trên cơ sở nắm chắc các nguồn hàng và cải tiến công tác kinh doanh, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa mới phát triển được mạnh mẽ lực lượng của mình, mới đủ sức cải tạo và quản lý thị trường. Hiện nay, khi mà « chợ đen » đang tiếp tục phát triển, gây nhiều thiệt hại cho kinh tế và đời sống, làm sa đọa một bộ phận không nhỏ thanh thiếu niên và cả một số cán bộ ta, thì Nhà nước phải đặt lên hàng đầu biện pháp hành chính, dùng quyền lực của mình xóa bỏ thị trường bất hợp pháp ấy. Cần áp dụng tất cả các biện pháp kiên quyết nhất, triệt để nhất, những biện pháp đặc biệt để trong khoảng thời gian nhất định, có thể đẩy lùi và xóa bỏ được tệ nạn ăn cắp vật tư, hàng hóa của Nhà nước và nạn tham nhũng, nhằm xóa được thị trường « chợ đen ». Đây là nguyện vọng bức thiết của quần chúng nhân dân. Ở đây Nhà nước phải kiên quyết thực hiện chức năng chuyên chính của mình. V.I. Lê-nin đã nói: «... ai tưởng rằng bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội có thể thực hiện được, mà không cần đến cường bách và chuyên chính, thì sẽ phạm một điều đại tội hết sức lớn và tỏ ra không tưởng một cách hết sức vô lý » (2).

Muốn xóa bỏ được thị trường bất hợp pháp này, Nhà nước cần tiến hành đồng bộ và triệt để các biện pháp truy quét, nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu, ăn cắp tại sân Nhà nước để tuồn ra thị trường; cấm buôn bán những mặt hàng mà Nhà nước độc quyền sản xuất, nhập khẩu và phân phối; ngăn chặn việc buôn lậu hàng hóa, vàng và ngoại tệ qua biên giới; xóa bỏ tư sản thương nghiệp và dẹp tan những âm mưu và hành động phá hoại của địch; thực hiện việc kiểm kê, kiểm soát đối với mọi hoạt động kinh doanh trên thị trường, đánh thuế công thương nghiệp, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh và nông nghiệp cá thể.

Phải cắt đứt mối quan hệ kinh tế giữa tư sản, phú thương với thị trường nông thôn, với khu vực tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Nhà nước cần có biện pháp có hiệu lực chống sự bóc lột của bọn gian thương, phần tử xấu với

(2) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 237.

những kẻ thoái hóa, biến chất trong các cơ sở kinh tế Nhà nước. Có làm được như vậy, mới cải dứt được nguồn hàng của thị trường bất hợp pháp, mới xóa bỏ được tư sản thương nghiệp, và những hoạt động tư thương bán buôn đường dài, và mới có điều kiện sắp xếp và cải tạo những người buôn bán nhỏ. Ngoài ra, những tổ chức và cá nhân không có chức năng kinh doanh cũng phải chấm dứt việc mua bán trên thị trường. Đối với anh em thương binh, bộ đội, công nhân viên chức, cán bộ về hưu buộc phải ra buôn bán để có thêm thu nhập cho gia đình, thì Nhà nước cần sắp xếp cho họ làm dịch vụ, sản xuất, làm đại lý bán lẻ hàng cho Nhà nước... Cần nhanh chóng tổ chức lại thị trường, cải tạo và sắp xếp lại việc buôn bán của tiểu thương, kiên quyết không cấp đăng ký kinh doanh những mặt hàng do Nhà nước quản lý, kiểm soát chặt chẽ và xử phạt thật nghiêm những người không chịu chấp hành việc đăng ký giá và bán hàng theo giá niêm yết.



Để làm tốt công tác cải tạo và quản lý thị trường, cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tập trung làm tốt công tác này ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ.

Trong lúc nền kinh tế bị mất cân đối, sản xuất sút kém, mối quan hệ giữa cung và cầu, giữa tiền và hàng, giữa xuất khẩu và nhập khẩu, giữa thu và chi tài chính ngày càng gay gắt, giá cả tăng vọt, đời sống nhân dân lao động gặp khó khăn, thu nhập thực tế của người sống bằng tiền lương giảm sút, trên thị trường đang có nhiều hiện tượng tiêu cực, thì nhiệm vụ đặt ra cho các cấp lãnh đạo của Đảng là phải **làm thật tốt công tác tư tưởng.**

Hơn bao giờ hết, các cấp ủy Đảng cần coi trọng công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ đảng viên và nhân dân, làm cho họ hiểu rõ những khó khăn và thuận lợi, củng cố lập trường giai cấp công nhân, bồi dưỡng quan điểm đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa ta và địch trên mặt trận phân phối lưu thông, quản trị và chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách của Đảng và Nhà nước về cải tạo và quản lý thị trường. Thông qua công tác cải tạo và quản lý thị trường mà củng cố các tổ chức Đảng, rèn luyện cán bộ, đảng viên.

Chinh quyền các cấp cần làm **tốt công tác quản lý.** Trước mắt là cùng với việc cải tiến công tác kế hoạch hóa, phải quản lý tốt công tác phân phối lưu thông, đề cao kỷ luật và luật pháp Nhà nước, quản lý tốt thị trường, giá cả, tài chính, tiền tệ, lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông.

Đấu tranh đề cải tạo và quản lý thị trường là cuộc đấu tranh cách mạng, vì thế nó phải là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Nếu không có sự tham gia tích cực của nhân dân lao động, thì cuộc đấu tranh này không thể giành được thắng lợi. Vì vậy, cần phát động quần chúng **làm chủ trong sản xuất cũng như trong phân phối lưu thông,** thực hiện đầy đủ quyền làm chủ để họ tham gia tích cực vào việc **kiểm kê kiểm soát đối với sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội,** đấu tranh chống các tệ nạn của công, nạn tham nhũng, đấu tranh chống đầu cơ buôn lậu, chống các hành vi tiêu cực của cán bộ và nhân viên Nhà nước. Một khi quần chúng hiểu rõ được ý nghĩa quan trọng của việc làm đó của họ, thì nhất định họ sẽ tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh đề cải tạo và quản lý thị trường, chống các hiện tượng tiêu cực trong sản xuất và phân phối lưu thông, xây dựng nếp sống lành mạnh tốt đẹp của con người mới xã hội chủ nghĩa.

Quản lý kinh tế xã hội bằng pháp luật

NGUYỄN HỮU THỌ

NGHỊ quyết Hội nghị thứ 6 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa V viết: *Tiếp tục cụ thể hóa và thể chế hóa chủ trương « Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý ».* Tăng cường **pháp chế Nhà nước xã hội chủ nghĩa và kỷ luật Nhà nước**. Tiến hành các biện pháp đồng bộ để chống quan liêu, lạm dụng chức quyền, tham nhũng, thực hiện thường phạt nghiêm mình, kịp thời, trên tinh thần cấp trên làm gương cho cấp dưới, trong Đảng làm gương cho người ngoài Đảng.

Trong bài nói tại Hội nghị quan trọng này, đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn nhắc: *Quản lý Nhà nước là quản lý theo pháp luật. Một mặt phải chống lối tập trung, quan liêu; mặt khác, phải giữ nghiêm pháp chế, đề cao kỷ luật, kiên quyết chống những hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật, vi phạm pháp luật Nhà nước.* Các cơ quan và cán bộ Nhà nước là người chấp hành pháp luật càng phải nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật.

Pháp luật là một bộ phận của cấu trúc thượng tầng. Nó phản ánh tình chất của chế độ xã hội, đồng thời phản ánh trình độ của từng bước phát triển của chế độ xã hội.

Với chúng ta, những người lao động đã giành được chính quyền,

pháp luật vừa là công cụ chuyên chính để bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng trật tự xã hội mới, con người mới, vừa là sự ràng buộc trách nhiệm giữa những người quản lý xã hội với toàn xã hội, giữa những người làm chủ xã hội với những người quản lý xã hội, và giữa những người làm chủ xã hội với nhau. Mọi sự khác biệt về hoàn cảnh, về tính đặc thù của từng khu vực và từng lớp người được « định mức » về nghĩa vụ và quyền lợi qua pháp luật.

Tất nhiên chúng ta hiểu rằng đất nước hoàn toàn giải phóng chưa được mười năm, thời gian vật chất không đủ để Nhà nước ban hành tất cả pháp luật ở tất cả lĩnh vực sinh hoạt xã hội. Đó là việc sẽ được thực hiện dần trong tương lai với một nhịp độ khẩn trương. Pháp luật xã hội chủ nghĩa không chỉ là sản phẩm của ý định cai trị, mà còn chứa đựng trong lòng nó những nhân tố hiện thực, mà chính cuộc sống tới mức độ nào mới đủ sức đặt ra với ý nghĩa là điều cam kết trong quá trình sản xuất và đời sống cộng đồng, góp phần thúc đẩy xã hội tiến lên.

Quản lý kinh tế xã hội là một khoa học, đồng thời là một nghệ thuật, dù sao cũng còn mới lạ, bởi vì, cán bộ

ta còn thiếu kiến thức và năng lực quản lý kinh tế xã hội. Quản lý kinh tế xã hội xã hội chủ nghĩa còn là một phạm trù phức tạp hơn; nó không chỉ nhằm xử lý những gì xảy ra mà còn chủ yếu nhằm cải tạo và phát triển xã hội một cách tự giác, đồng bộ. Nếu đời sống kinh tế giữ vai trò nền tảng mọi chế độ chính trị, vấn đề mấu chốt của chính quyền cách mạng vô sản là làm kinh tế, thì pháp luật kinh tế trở thành cơ sở trọng yếu của mọi pháp luật. Mục đích của chủ nghĩa xã hội, nói một cách đơn giản và dễ hiểu: tức là « xây dựng đời sống ấm no sung sướng cho nhân dân » (báo *Nhân dân* ngày 20-6-1962) Hồ Chủ tịch đã dạy như vậy. Đồng chí Lê Duẩn cũng nói: « Nội dung của đấu tranh giai cấp là kinh tế... Chuyên chính vô sản là điều kiện chính trị thuận lợi cho việc xóa bỏ bóc lột, chứ tự nó không đẻ ra chủ nghĩa xã hội. Đẻ ra chủ nghĩa xã hội là kinh tế » (Bài nói tháng 11-1966). Chúng ta đã thấy: Nghiêm túc chấp hành pháp luật kinh tế chính là bảo vệ cái nòng cốt trọng yếu của chế độ.

Chúng ta đều hiểu một điểm sơ hở lớn đã qua của chúng ta, đó là nhiều quy định về kinh tế xã hội quá lỗi thời, chẳng những không đủ khả năng phản ánh thực tế của tình hình khách quan, mà còn cản trở sự phát triển của tình hình đó. Lẽ ra, sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, chúng ta phải căn cứ vào thực tế mới—chủ nghĩa xã hội triển khai trên phạm vi cả nước, với hai miền mang nhiều đặc điểm khác nhau, và trong hoàn cảnh tương đối hòa bình—để xét duyệt tất cả chủ trương quản lý kinh tế xã hội đã có từ trước xuất phát từ một thực tế khác: xây dựng chủ nghĩa xã hội trên nửa nước, đất nước có chiến tranh, những chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hồi đó phải tự hạn chế trong nhiệm vụ chiến lược « tất cả vì giải phóng miền Nam ». Nghĩa là từ ngày 30-4-1975, chủ nghĩa

xã hội ở Việt nam đòi hỏi những quy định về pháp luật quản lý đáp ứng kích thước và chất lượng mới của cách mạng Việt Nam. Sự chấp và đương nhiên gây bao nhiêu linh kinh mà Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương đã chỉ rõ. Nhưng, đó cũng là một tất yếu, chúng ta phải tạm dùng những quy định cũ và có tính cách cục bộ trong khi chưa có quy định mới. Vấn đề ở đây là đôi khi chúng ta bằng lòng với những biện pháp đã lỗi thời, chưa cải tiến đó, thậm chí bằng lòng dù chúng không phù hợp với từng phần hoặc toàn bộ chủ trương của Đảng.

Cho nên, giữa lúc chờ đợi sự đòi mới cơ bản, công việc của mỗi tổ chức quản lý ở các cấp của Nhà nước là vừa nắm vững nguyên tắc chung—nguyên tắc gồm ba mục tiêu chủ yếu: nền kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện từng bước, và Nhà nước có tích lũy tập trung—đồng thời linh hoạt trong vận dụng. Còn nếu theo cách đơn giản hơn hết, ít tốn lao động tư duy hơn hết tức là theo lối mòn cũ, bất kể hiệu quả thật sự của những quy định đã bị cuộc sống bỏ rơi từ lâu, thì tất cả ý muốn tốt đẹp của chúng ta sẽ dừng lại ở mức hồ hào chung.

Công tác quản lý kinh tế hiện nay rất phân tán. Chẳng ai trong chúng ta thích thú với hiện tượng mỗi ngành, mỗi địa phương điều hành sản xuất và lưu thông phân phối một cách. Có nhiều nguyên nhân gây ra tình trạng phân tán trong quản lý kinh tế, trong đó rõ nét nhất là cơ chế quản lý quan liêu hành chính bao cấp của chúng ta. Mọi người đều thấy, trong ngót mười năm qua, ai cũng kêu ca về lương, về giá, nhưng ai cũng sống—mức sống của mỗi người không giống nhau, nhưng đều sống. Như vậy, chúng ta thấy điều gì? Chúng ta thấy rằng tổng sản phẩm xã hội nuôi nổi

nhân dân cả nước ta. Chúng ta thấy thêm: sự phân phối tự động đó để ra hai tai hại: Một là bất công tồn tại và mở rộng — ở mức chênh lệch không thể chấp nhận về thu nhập giữa những người dân cùng sống trong một chế độ. Hai là, phần tích lũy để công nghiệp hóa đất nước thu hẹp hẳn; lợi ích đáng lẽ thuộc về xã hội, lại lọt vào túi những cá nhân, những cục bộ, bị phí phạm, sai lạc mục tiêu, thậm chí làm hư hỏng xã hội, và chống lại đất nước.

Tất nhiên, để xóa bỏ tình trạng không bình thường này, cần có công tác chính trị tư tưởng, cần có chủ trương và chính sách đúng, nhưng xét về khoa học, *quần lý hết sức cần có luật pháp để bảo đảm tính lãnh mạnh* trong bước đi ban đầu khá bề bộn hiện nay.



Pháp luật kinh tế trước hết có chức năng kích thích cổ vũ phát triển sản xuất trong mỗi giai đoạn của đất nước, bám sát quan điểm, đường lối, chủ trương chung, và chính sách cụ thể từng lúc, từng nơi của Đảng và Nhà nước ta. Pháp luật kinh tế ngăn ngừa sự khôi phục của hình thức bóc lột trong lĩnh vực kinh tế, phục vụ cho sự phân phối công bằng, hợp lý. Pháp luật kinh tế bảo đảm thực hiện cơ chế nhân dân lao động làm chủ trong các hoạt động kinh tế, phát huy tính năng động sáng tạo của quần chúng và cơ sở, đồng thời bảo đảm quyền lợi của các tầng lớp dân cư trong khuôn khổ trình độ sản xuất chung của đất nước, bảo đảm nghĩa vụ về mặt kinh tế của mọi người đối với lợi ích toàn cục như luật định. Đó là phương diện tổng quát. Pháp luật kinh tế còn nhằm xác định chức trách của các ngành quản lý kinh tế với nhau, của các địa phương với nhau, và giữa ngành

với địa phương, giữa các cấp và các đơn vị.

Trong hoạt động thực tiễn, mối quan hệ chẳng hạn này chỉ có thể rành rọt qua pháp luật.

Ở đây, cần dứt khoát trong quan điểm: nền kinh tế của cả nước là một cơ thể thống nhất, thiệt hại ở một cấp, một đơn vị, có nghĩa là nền kinh tế chung bị tổn thương. Thành tích ở một cấp, một đơn vị chính là bộ phận của thành tích chung. Cần dứt khoát như vậy để loại bỏ cách nhìn, cách xử lý nặng, nhẹ, trọng, khinh trong điều khiển guồng máy kinh tế, cũng để tránh tình trạng một ngành cấp trên không giữ đúng điều cam kết thì như là có thể hiểu được vì đại diện cho lợi ích rộng hơn, và một ngành, một địa phương cấp dưới vi phạm cam kết thì đáng khiển trách. Tệ nạn tùy tiện — nói cho chính xác — không chỉ là biểu hiện của cấp dưới, và rõ ràng phạm vi tác hại do cấp dưới gây ra dù sao cũng hẹp.

Tính đồng bộ là một trong những yêu cầu nghiêm ngặt của hoạt động kinh tế. Chúng ta có cơ sở chung nhất, đó là kế hoạch. Tất nhiên, Nghị quyết 6 (và những nghị quyết khác) nhắc nhở sự đổi mới công tác kế hoạch. Kế hoạch phải phù hợp với khả năng thực tế của nền kinh tế nước ta, nhằm sự phát triển lâu dài, vững chắc, hợp lý, chứ không nhằm kích thích vượt chỉ tiêu nhất thời, để rồi nền kinh tế kiệt sức. Cố gắng ổn định mà bớt tình trạng điều chỉnh chỉ tiêu đột xuất (hoặc tăng hoặc hạ) để cho kế hoạch trước hết mang tính pháp lệnh chặt chẽ, là tiêu chuẩn pháp lệnh trong thời gian kế hoạch có hiệu lực.

Không phải ngẫu nhiên mà Nghị quyết 6 ghi: "*Tiến hành các biện pháp đồng bộ để chống quan liêu, lạm dụng chức quyền, tham nhũng; thực hiện thường phạt nghiêm minh, kịp*

thời, trên tinh thần cấp trên làm gương cho cấp dưới, trong Đảng làm gương cho người ngoài Đảng».

Kỷ luật đó, chính là pháp luật. Trong trường hợp pháp luật chưa đủ các điều khoản phản ánh sinh hoạt kinh tế phức tạp thì kỷ luật giữ vai trò bổ sung quan trọng. Ngay cả khi đã có pháp luật chi li mọi thứ rồi, kỷ luật vẫn là động lực bảo đảm pháp luật có hiệu lực. Và, kỷ luật nhất thiết phải có hiệu lực đối với mọi cấp, mọi ngành, không ngoại lệ. Thời gian qua, trong thực tế chúng ta thường nặng phê phán những vi phạm cá nhân thuộc lĩnh vực hình sự, mà ít quan tâm những tổn thất do thiếu trách nhiệm quản lý gây ra, càng không chú trọng những người, những tập thể làm ăn thua lỗ triền miên, những tổn thất do sai lầm trong chỉ đạo, thậm chí ảnh hưởng xấu đến một khu vực sinh hoạt của đất nước.



Trọng tài kinh tế là cơ quan có nhiệm vụ xử lý các tranh chấp trong kinh tế giữa các cấp, đơn vị quản lý. Tuy có nhiều cố gắng, cho đến nay vai trò của trọng tài kinh tế vẫn chưa thật tích cực. Điều này một phần quan trọng do trọng tài kinh tế không thể làm đúng chức năng trong cơ chế quan liêu, hành chính, bao cấp. Phần khác, do lẽ lời «thông cảm» mà chúng ta mắc phải từ thói quen xuê xoa trước đây. Phần nữa do các hợp đồng kinh tế thường đại khái, chung chung, khi vấp trở ngại,

thì khó truy cứu trách nhiệm cụ thể. Sau cùng, do sự can thiệp hành chính thậm chí của cá nhân người lãnh đạo chính trị còn quá lớn vào quá trình sản xuất kinh doanh, cho nên tiếng nói của trọng tài kinh tế kém sức nặng.

Chẳng những sắp tới, chúng ta phải chỉnh đốn hoạt động của trọng tài kinh tế, mà đã đến lúc cần có Tòa án kinh tế để xét xử các vi phạm hợp đồng. Nếu sự vi phạm gây tổn thất cho nền kinh tế mà người có lỗi không bị trừng phạt thích đáng thì kỷ cương sẽ lỏng lẻo, nền kinh tế xã hội sẽ rối loạn.

Chúng ta đang từng bước học tập quản lý kinh tế. Nghiên cứu áp dụng quản lý kinh tế bằng pháp luật là một trong những yêu cầu bảo đảm cho công tác quản lý được nâng cao và thật sự là một công tác khoa học.

Tôi nghĩ là các cơ quan chức năng liên quan đến pháp luật cần bắt tay ngay vào việc nghiên cứu luật kinh tế trên ba yếu tố kết hợp nhịp nhàng: bảo đảm quyền lãnh đạo tập trung của Nhà nước, phát huy quyền chủ động của các địa phương và cơ sở, giải quyết thỏa đáng lợi ích của người lao động.

Với pháp luật kinh tế, Nhà nước sẽ tác động vào các mối quan hệ kinh tế hình thành trong lĩnh vực quản lý kinh tế bằng phương pháp kinh tế. Có như vậy, hệ quản lý hành chính, quan liêu, bao cấp mới phải đối phó với sức mạnh của những quy định rõ rệt, về mặt Nhà nước, và tình trạng tùy tiện, tùy hứng trong chủ trương quản lý mới không có đất sinh nở.

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN XỨNG ĐÁNG LÀ CÔNG CỤ TIN CẬY CỦA ĐẢNG, CÔNG CỤ SẮC BÉN CỦA NHÀ NƯỚC CHUYÊN CHÍNH VÔ SÂN, LÀ CON EM YÊU QUÝ CỦA NHÂN DÂN

PHẠM HÙNG

I

Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đang diễn ra trong bối cảnh của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Mức độ, tính chất đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa hết sức gay gắt, quyết liệt. Đế quốc Mỹ ráo riết tập hợp lực lượng, đẩy mạnh chạy đua vũ trang, đe dọa chiến tranh hạt nhân, ra sức phá hoại hòa bình, điên cuồng chống lại ba dòng thác cách mạng thế giới, chống Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế muốn đè bẹp phong trào giải phóng dân tộc, ngăn chặn các nước độc lập dân tộc phát triển lên chủ nghĩa xã hội, và nhằm đánh vào những khâu yếu trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Ri-gan đã phát động cuộc "viễn chinh mới của đội quân chữ thập chống chủ nghĩa cộng sản", kích động cái gọi là "dân chủ hóa" trong các nước xã hội chủ nghĩa, thực chất là tiến hành các hoạt động gây bạo

loạn, lật đổ theo kiểu «diễn biến hòa bình» phản cách mạng.

Ba dòng thác cách mạng tiếp tục ở thế tiến công. Cộng đồng xã hội chủ nghĩa do Liên xô làm trụ cột ngày càng lớn mạnh về mọi mặt, là chỗ dựa vững chắc của nhân dân thế giới đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Sáng kiến hòa bình, duy trì và củng cố hòa hoãn của Liên xô đã thúc đẩy thêm phong trào chống chạy đua vũ trang hạt nhân do Mỹ phát động, bảo vệ hòa bình thế giới, thúc đẩy phong trào đấu tranh đòi xóa bỏ các căn cứ vũ khí hạt nhân ngay trong lòng các nước đế quốc và các nước tư bản phát triển.

Bọn phản động Trung quốc, mặc dù đã hai lần thất bại nhục nhã trong chiến tranh xâm lược biên giới tây nam và phía bắc nước ta, vẫn ra sức chuẩn bị các cuộc phiêu lưu mới hòng thực hiện âm mưu cố bản, lâu dài của chúng là *khua phục và thôn tính Việt nam, Lào, Cam-pu-chia để mở đường tiến xuống Đông Nam Á*. Qua tình hình ở biên giới phía bắc

hiện nay, chúng ta càng phải đánh giá cho đúng, càng phải thấy hết âm mưu và hoạt động phá hoại của địch đối với nước ta và cả hạ nước Đông dương. *Chiến lược và sách lược của Trung quốc chưa hề thay đổi mà còn thù địch và độc ác với ta hơn.* Chúng ta càng cần kết chặt chẽ với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác ráo riết tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống phá cách mạng nước ta. Kiểu chiến tranh phá hoại này không giống các loại chiến tranh mà nhân dân ta đã trực tiếp đương đầu và chiến thắng như chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ, chiến tranh Việt nam hóa và chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ ở miền Bắc trước đây.

Trong kiểu chiến tranh phá hoại này, kẻ địch phá hoại ta về nhiều mặt, cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, quốc phòng, an ninh, ngoại giao... Đây là một kiểu chiến tranh rất thâm độc, rất nguy hiểm, trong khi kẻ thù chưa có thể tiến hành chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Chúng phá hoại ta bằng nhiều thủ đoạn, bằng nhiều cách, có lúc phá chính diện, có lúc phá ngầm. Chúng sử dụng nhiều thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt, từ những hình thức mà bề ngoài có vẻ « không gây mất lòng » đến những hình thức thù địch công khai, trắng trợn. Chúng ra sức xây dựng một mạng lưới gián điệp, kích động các loại phản động và các bọn tội phạm khác, lợi dụng những hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế xã hội để phá từ bên trong mà hướng chủ yếu là nhằm vào nội bộ Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng. Chúng tập trung quân đội áp sát biên giới phía bắc nước ta, ra sức lấn chiếm một số điểm cao trên lãnh thổ ta, kết hợp tung biệt kích, thám báo sang để thu thập tin tức, ám sát, bắt cóc cán bộ và nhân dân ta hòng tạo ra tình hình thường xuyên căng

thẳng ở biên giới. Chúng hy vọng bằng « từ ngoài đánh vào kết hợp từ trong đánh ra » làm « chảy máu Việt nam », làm cho ta suy yếu nhiều mặt, gây khó khăn cho đời sống, gây chống đối, gây bạo loạn hòng thực hiện âm mưu lật đổ và thôn tính nước ta. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù lại diễn ra trong hoàn cảnh nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, bị nhiều năm chiến tranh tàn phá, việc xây dựng chủ nghĩa xã hội mới ở bước đầu, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa chưa làm xong. Từ đó, xuất hiện một trạng thái mới: *Cuộc đấu tranh giữa ta với địch và cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang quện vào nhau hết sức phức tạp.*

Trong điều kiện đó, cần nhận thức sâu sắc nhiệm vụ đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc cần kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, là một nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng, bức thiết của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong giai đoạn mới. Chúng ta không được lơ đãng, không được một chút lơ là hoặc mất cảnh giác với kẻ thù nguy hiểm này. Mất cảnh giác sẽ dễ ra nhiều tác hại không thể lường hết được.

Có làm thất bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch thì chúng ta mới tạo điều kiện ổn định để xây dựng kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phát triển sản xuất, ổn định và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân, tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng và an ninh. Hơn nữa, làm thất bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch là chủ động ngăn ngừa và đẩy lùi âm mưu gây chiến tranh

xâm lược quy mô lớn, đồng thời cũng là tích cực chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu cao đề đối phó thắng lợi với tình huống địch liên minh gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn.

Những đặc điểm tình hình phân tích trên đây cho phép chúng ta rút ra những quan điểm về phương pháp luận hết sức quan trọng, cần thiết. Đó là: Cuộc đấu tranh chống kẻ thù chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch phải gắn liền với cuộc đấu tranh « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ ở nước ta; từ đó phải kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng kinh tế với nhiệm vụ củng cố quốc phòng và an ninh, đồng thời nhiệm vụ củng cố quốc phòng phải gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; nhiệm vụ bảo vệ kinh tế, chống địch phá hoại kinh tế phải gắn liền với nhiệm vụ đấu tranh chống tiêu cực trong hoạt động kinh tế; nhiệm vụ bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản trong cơ quan xí nghiệp phải gắn liền với nhiệm vụ giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Để thực hiện các nhiệm vụ trên đây, phải tăng cường bảo vệ nội bộ thật vững chắc, trước hết là bảo vệ Đảng.

Nắm vững những quan điểm trên đây là quán triệt sâu sắc mối quan hệ mật thiết giữa hai nhiệm vụ chiến lược do Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra.

Nhận thức sâu sắc những đặc điểm mới rất phức tạp của tình hình, từ đó nắm vững những vấn đề trên đây là điều có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong việc chỉ đạo cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và chỉ đạo công cuộc xây dựng lực lượng công an nhân dân trong giai đoạn mới.

II

Lực lượng công an nhân dân Việt Nam là một công cụ trọng yếu của Đảng và Nhà nước chuyên chính vô

sản, được Đảng và Bác Hồ kính yêu dày công giáo dục, rèn luyện, được nhân dân hết lòng giúp đỡ và đùm bọc. Trải qua các giai đoạn cách mạng, công an nhân dân đã không ngừng trưởng thành về mọi mặt và thu được nhiều thành tích vẻ vang trong việc bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Đứng trước tình hình mới, đề hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong giai đoạn mới, Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Phải xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, thật sự là công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân, có lực lượng chuyên trách chính quy, hiện đại, vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, có trình độ khoa học kỹ thuật khá, được trang bị chuyên môn cần thiết; có lực lượng nửa chuyên trách vững mạnh, có cơ sở quần chúng rộng khắp, bảo đảm hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ » (1).

Trong mấy năm qua, chúng ta phần đầu thực hiện chỉ thị số 92 của Ban bí thư về cuộc vận động « Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh và đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ». Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, việc xây dựng lực lượng công an nhân dân đã đạt được một số kết quả tốt, không những đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trước mắt mà còn tạo điều kiện cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị lâu dài. Chúng ta đã củng cố một bước chất lượng chính trị, giữ vững và phát huy bản chất cách mạng, bản chất giai cấp, bản chất nhân dân và những truyền thống tốt đẹp của công an nhân dân. Tổ chức bộ máy công an nhân dân đã được

Văn kiện Đại hội V, NXB Sự thật, Hà Nội, 1982, tập I, tr. 45 — 46.

kiện toàn một bước, chế độ làm việc được cải tiến, bảo đảm tập trung, thống nhất, chuyên sâu và nhanh chóng phát huy hiệu lực trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới; chúng ta đã xây dựng được quy hoạch cán bộ, bố trí, sắp xếp cán bộ lãnh đạo chỉ huy đáp ứng yêu cầu tổ chức theo mô hình mới. Việc chú trọng công tác tổng kết kinh nghiệm và nghiên cứu khoa học công an, trên cơ sở đó mà bồi dưỡng trình độ chính trị, nghiệp vụ cho đông đảo cán bộ, chiến sĩ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, đã thiết thực nâng cao năng lực và phẩm chất của cán bộ. Chúng ta đã thanh loại ra khỏi lực lượng hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ không đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ mới. Tổ chức Đảng và Đoàn thanh niên đã được củng cố làm cơ sở cho việc xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, đã phát triển một bước nhất là ở các địa bàn biên giới, xung yếu. Lực lượng công an cơ sở như công an xã, phường, lực lượng bảo vệ các cơ quan, xí nghiệp và các tổ chức quần chúng làm công tác an ninh, trật tự được xây dựng và củng cố.

Kết quả tốt đẹp của việc hợp tác quốc tế trên mặt trận an ninh trật tự cũng là một thuận lợi rất quan trọng của cuộc vận động trong thời gian qua.

Tuy nhiên, so với mục tiêu, yêu cầu đã đề ra, lực lượng công an nhân dân còn có những khuyết điểm và nhược điểm nhất định. Một số đơn vị, địa phương chưa thật sự quan tâm đẩy đủ đến công tác chính trị, tư tưởng, chưa giáo dục đầy đủ cho cán bộ, chiến sĩ nhận thức sâu sắc về âm mưu và hoạt động của địch, về mối quan hệ hữu cơ giữa cuộc đấu tranh chính trị - ta và cuộc đấu tranh giữa hai

con đường; ý thức thường trực chiến đấu và tinh thần trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ, chiến sĩ chưa cao. Còn phải tiếp tục điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của một số đơn vị, địa phương để giải quyết những chỗ chưa hợp lý về mô hình tổ chức mới; hệ thống điều lệnh, điều lệ hoạt động của các cấp công an cần được xây dựng hoàn chỉnh hơn; trình độ, năng lực lãnh đạo, chỉ huy và lề lối làm việc của một số cán bộ còn chưa đáp ứng được yêu cầu của tổ chức mới, trình độ, năng lực về chính trị, nghiệp vụ, khoa học, kỹ thuật nói chung còn thấp, nhất là còn một số cán bộ, chiến sĩ kém phẩm chất, chưa trong sạch; bệnh quan liêu sự vụ còn là một trở ngại cho quá trình xây dựng phông cách và chế độ làm việc chính quy, khoa học của công an nhân dân.

Để phát huy, tốt kết quả thực hiện cuộc vận động theo chỉ thị 92 của Ban bí thư, Bộ nội vụ phát động trong toàn lực lượng công an nhân dân phong trào thi đua (từ 19-5-1983 đến 19-5-1985) học tập, thấm nhuần sâu sắc và thực hiện nghiêm túc sáu điều dạy của Bác Hồ kính yêu đối với công an nhân dân.

Bên cạnh những tính chất chung giống các ngành khác, công an nhân dân còn có những đặc điểm riêng như: chiến đấu trên mặt trận bí mật, chống kẻ thù bí mật, công tác công an đòi hỏi tính chiến đấu thường xuyên, liên tục, phức tạp, quyết liệt, tính khẩn trương và chính xác cao để bảo đảm tuyệt đối an toàn cho cách mạng, cho nhân dân; phải sử dụng tổng hợp nhiều lực lượng, nhiều biện pháp, trong đó có những lực lượng và những biện pháp nghiệp vụ đặc biệt; lao động công an là bằng cả trí tuệ và xương máu, chủ yếu là đấu trí với kẻ thù; cán bộ, chiến sĩ hoạt động trong những môi trường xã hội hết sức phức tạp, có nhiều khi lại là chiến đấu riêng lẻ, trên trận tuyến thâm lậu và khó phân chia...

Từ những đặc điểm đó và qua quá trình thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng về xây dựng lực lượng công an, chúng ta càng nhận thức sâu sắc nội dung xây dựng lực lượng công an nhân dân phải hết sức toàn diện, bao gồm cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cả về con người và trang bị kỹ thuật, cả về phẩm chất và năng lực của cán bộ, chiến sĩ; cả về xây dựng lý luận khoa học và xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ yêu cầu chiến đấu, công tác và đời sống. Tất cả nhằm bảo đảm cho lực lượng công an nhân dân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi giai đoạn cách mạng.

Đảng ta coi việc xây dựng công an nhân dân về chính trị và tư tưởng có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Đó là bảo đảm cho lực lượng công an nhân dân tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, thấu triệt hơn nữa đường lối chính trị đúng đắn và sáng tạo của Đảng, đường lối chung, đường lối kinh tế, hai nhiệm vụ chiến lược... và thể hiện nó một cách cụ thể và sinh động trong các chủ trương, nguyên tắc, kế hoạch và biện pháp của công an nhân dân, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của Đảng giao cho, thật sự là công cụ tin cậy của Đảng, là công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản, là con em yêu quý của nhân dân. Phải giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ công an nhận rõ kẻ thù rất thâm độc, xảo quyệt và rất nguy hiểm hiện nay của nhân dân ta là bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc cầu kết với đế quốc Mỹ và các loại phản động quốc tế khác chống phá cách mạng nước ta. Phải nâng cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản, phải khắc sâu lòng căm thù địch, luôn luôn cảnh giác, dũng cảm chiến đấu vì sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, liên hệ mật thiết với quần chúng, tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là nguyên tắc hành động cơ bản nhất của lực lượng công an nhân dân để tiến hành thắng lợi sự nghiệp đấu tranh bảo vệ an ninh và trật tự.

Những khuynh hướng, tư tưởng « nghiệp vụ đơn thuần, nghiệp vụ tách rời chính trị », coi nhẹ sự lãnh đạo của Đảng, coi thường sức mạnh vĩ đại của quần chúng, thiếu tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân, dẫn tới thiếu đoàn kết, hiệp đồng chặt chẽ với các cơ quan, đoàn thể quần chúng trong hệ thống chuyên chính vô sản... nhất định sẽ làm giảm sức mạnh chiến đấu của lực lượng công an nhân dân trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng công an nhân dân về chính trị tư tưởng, đó là nâng cao không ngừng lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân, trình độ tư tưởng và kiên thức mọi mặt cho cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân, nhằm bảo đảm thực hiện tốt nhất đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng. Nhiệm vụ công tác tư tưởng trong giai đoạn hiện nay là làm cho công an nhân dân nắm vững nguyên lý chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng, bám sát thực tế đất nước, nâng cao nhiệt tình cách mạng, tinh năng động sáng tạo, tinh thần cách mạng tiến công và tiến công liên tục, tinh thần đấu tranh không khoan nhượng chống mọi kẻ thù.

Công tác lý luận, một bộ phận không thể thiếu của việc xây dựng công an nhân dân về mặt tư tưởng, cần phải được coi trọng hơn nữa. Công an nhân dân phải thường xuyên sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm về công tác chiến đấu và xây dựng lực lượng; qua công tác nghiên cứu khoa học mà phát triển lý luận khoa học công an nhân dân Việt nam.

Xây dựng công an nhân dân về chính trị, tư tưởng phải luôn luôn gắn liền với xây dựng về mặt tổ chức, nâng cao năng lực và trình độ tổ chức, cải tiến chế độ làm việc.

Xây dựng tổ chức công an cách mạng và khoa học phải phù hợp với quy luật của cuộc đấu tranh, phù hợp với đặc điểm của bản thân nó, đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ nhất định. Tổ chức bộ máy công an phải thường xuyên được kiện toàn và cải tiến kịp thời, có quy chế rất chặt chẽ, có kỷ luật thật nghiêm minh, có nhiệm vụ, chức trách rõ ràng, gắn bó tất cả mọi người trong một ý chí thống nhất, một hành động thống nhất.

Cùng với chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, hoạt động của bọn tội phạm khác vẫn còn nghiêm trọng. Do đó phạm vi công tác quân lý, bảo vệ an ninh và trật tự phải ngày càng mở rộng. Để đáp ứng yêu cầu trên, việc kiện toàn tổ chức công an nhân dân phải tiếp tục theo phương hướng thống nhất, chuyên sâu, gồm các lực lượng chuyên trách, nửa chuyên trách và phong trào quần chúng rộng rãi bảo vệ an ninh Tổ quốc có lãnh đạo, chỉ huy một cách tập trung, thống nhất. Đối với lực lượng nửa chuyên trách cần phải khẩn trương xây dựng, củng cố bằng nhiều biện pháp: huấn luyện nghiệp vụ, trang bị phương tiện kỹ thuật, thuần khiết nội bộ v.v. như một số tỉnh thành đã làm. Kiên quyết khắc phục tình trạng phân tán, quan liêu, những sơ hở và trùng lặp trong tổ chức, lề lối làm việc, cản trở hiệp đồng chiến đấu. Phải xây dựng chế độ phân công, phân cấp một cách toàn diện, hợp lý. Đặc biệt khẩn trương xây dựng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, điều lệ hoạt động và chế độ làm việc khoa học trong công an các cấp, các đơn vị, bảo đảm hiệu lực cao trong chiến đấu và công tác; khẩn trương xây dựng và

thực hiện tốt quy hoạch cán bộ và bố trí cán bộ theo đúng tiêu chuẩn cán bộ của Đảng, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, có phẩm chất và năng lực ngang tầm với nhiệm vụ. Ra sức kiện toàn tổ chức công an huyện và phường đủ sức giải quyết mọi công việc an ninh, trật tự tại chỗ một cách nhanh nhạy.

Tạo bằng được một sự chuyển biến thật mạnh mẽ về phương pháp lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp công an là một nhân tố rất quan trọng. Xây dựng tác phong làm việc cách mạng và khoa học; đổi mới phương pháp chuẩn bị và ra quyết định của các cấp lãnh đạo trên cơ sở cải tiến chế độ thông tin, đánh giá và phân đoán chính xác các tình huống nghiệp vụ; kiên quyết cải tiến việc tổ chức thực hiện các quyết định. Phải coi kế hoạch hóa là công cụ trọng tâm của lãnh đạo và quản lý công tác nghiệp vụ. Luôn luôn chăm lo xây dựng các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức quần chúng trong sạch, vững mạnh về mọi mặt. Không ngừng nâng cao sức mạnh lãnh đạo của tổ chức Đảng, nâng cao hiệu lực chỉ huy, quản lý của cán bộ lãnh đạo và phát huy quyền làm chủ của các bộ, chiến sĩ. Rèn luyện tinh chiến đấu, tác phong khẩn trương trong công tác, kiên quyết bài trừ tệ hành chính quan liêu trong toàn lực lượng công an nhân dân. Kiên quyết làm cho tất cả cán bộ, chiến sĩ công an đều thật sự và triệt để tôn trọng, bảo vệ và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đây không phải là một khẩu hiệu chung chung, hình thức, mà phải đi vào thực chất, không phải chỉ là giáo dục tư tưởng, ý thức, mà phải đi vào tổ chức hành động, biến thành hiện thực cụ thể, sinh động, phổ biến hằng ngày bằng các cơ chế, điều lệnh, điều lệ, quy trình cụ thể của các cấp công an, các đơn vị công an, nhất là công an cơ sở.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng phải có quy mô thích hợp, tạo ra một đội ngũ cán bộ có cơ cấu đồng bộ, cân đối về ngành nghề, về trình độ, phù hợp với nhiệm vụ của từng lực lượng trong bộ máy tổ chức mới.

Trong thời gian qua, để chiến thắng những thế lực xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế, vận dụng những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lê nin vào đặc điểm tình hình đất nước, Đảng ta đã từng bước xây dựng nền khoa học công an nhân dân Việt nam cách mạng và sáng tạo, mà Bác Hồ kính yêu là người đầu tiên đặt nền móng. Ngày nay, trong thời kỳ mới, để thực hiện thắng lợi đường lối cách mạng của Đảng và nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, một mặt tận dụng toàn bộ kinh nghiệm đã và đang được tổng kết, mặt khác chăm chú theo dõi, tiếp thu các thành tựu khoa học công an của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, Đảng ta nhất định phát triển khoa học công an Việt nam lên một đỉnh cao mới, đánh thắng mọi kẻ thù, bảo đảm vững chắc nền an ninh quốc gia và củng cố trật tự, an toàn xã hội.

III

Để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ xây dựng lực lượng công an nhân dân trong giai đoạn mới, cần nắm vững những quan điểm cơ bản sau đây :

1 - Công an nhân dân là công cụ tin cậy của Đảng, là công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản, là con em yêu quý của nhân dân.

Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh : « Công an của ta là Công an nhân dân, vì dân mà phục vụ và dựa vào nhân dân mà làm việc » (2). « Công an cách mạng là vũ khí sắc bén của chuyên chính vô sản » (3) đã khẳng định bản chất nhân dân, bản chất giai cấp, bản chất cách mạng của công an nhân dân Việt nam.

Rõ ràng, để bảo đảm chiến thắng hoàn toàn và triệt để trong cuộc đấu tranh giữa ta với địch và đấu tranh giữa hai con đường, nhân dân ta phải sử dụng Nhà nước làm công cụ quan trọng bậc nhất. Chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước bao gồm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội : xây dựng và quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Các lĩnh vực đó gắn bó mật thiết với nhau. Do đó, các chức năng của Nhà nước chuyên chính vô sản phải được hiểu và thực hiện trong một chỉnh thể thống nhất.

Công an nhân dân là một lực lượng vũ trang và là một công cụ bạo lực trọng yếu của Đảng và Nhà nước ta, là lực lượng xung kích, nòng cốt thực hiện chức năng quản lý xã hội về mặt an ninh, trật tự của Nhà nước chuyên chính vô sản. Nó là một công cụ sắc bén để nhân dân lao động thống qua đó thực hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của mình trên lĩnh vực an ninh và trật tự an toàn xã hội. Hiện nay và trong một thời gian dài, trước tình thế phải đối phó với thù trong giặc ngoài, công an nhân dân là một công cụ để phát hiện, ngăn ngừa, chặn đứng và đập tan âm mưu phá hoại của địch từ bên trong và âm mưu gây chiến tranh xâm lược từ bên ngoài. Đúng như Bác Hồ kính yêu đã chỉ rõ : « Có lúc chiến tranh, có lúc hòa bình. Lúc chiến tranh thì Quân đội đánh giặc, lúc hòa bình thì tập luyện. Còn Công an thì phải đánh địch thường xuyên, lúc chiến tranh có việc, lúc hòa bình lại càng nhiều việc » (4). Đó là quan điểm cơ bản của Đảng ta về vị trí, vai trò và nhiệm vụ của công an nhân dân trong các giai đoạn cách mạng, nhất là trong tình hình hiện nay. Mọi nhận thức, khuynh hướng lệch lạc coi nhẹ việc

(2) Chủ tịch Hồ Chí Minh với ngành công an nhân dân Việt nam, Bộ nội vụ xuất bản, 1980, tr. 75.

(3), (4) Sách đã dẫn, tr. 45, 19.

xây dựng lực lượng công an đều trái với quan điểm cơ bản của Đảng, đều dẫn tới làm giảm sức mạnh của Nhà nước chuyên chính vô sản, gây hậu quả nghiêm trọng không lường được đối với sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và ổn định trật tự an toàn xã hội trong tình hình hiện nay. Vì vậy việc chăm lo xây dựng, củng cố lực lượng công an nhân dân ngày càng trong sạch, vững mạnh là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta.

2 — *Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh trật tự, đối với việc xây dựng lực lượng công an nhân dân.*

Sự lãnh đạo của Đảng quyết định bản chất của công an nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy: « Các cấp ủy Đảng phải thật sự giúp đỡ và lãnh đạo chặt chẽ công an » (5). « Đảng có lãnh đạo chính trị đúng, thì chuyên môn mới đúng. Công an nhân dân vũ trang hay là quân đội cũng thế, phải phục tùng sự lãnh đạo của Đảng từ trên xuống dưới. Nhất định phải như thế » (6). Nghị quyết Đại hội V của Đảng cũng đã chỉ rõ: « Đảng lãnh đạo trực tiếp, tập trung, thống nhất các lực lượng vũ trang về chính trị, tư tưởng và về tổ chức », « các cấp ủy và đồng chí bí thư cần nắm chắc cơ quan công an và lực lượng công an nhân dân, chỉ đạo trực tiếp việc kiện toàn, củng cố các cơ quan, đơn vị ấy » (7). Nhưng để lãnh đạo, chỉ đạo công an nhân dân có hiệu quả tốt nhất, các cấp ủy Đảng cũng cần có những kiến thức cần thiết về chuyên môn, nghiệp vụ, như Bác Hồ đã dạy: « ... những đồng chí lãnh đạo địa phương cũng phải nghiên cứu công tác chuyên môn, hiểu biết chuyên môn thì giải quyết các vấn đề mới được thiết thực » (8).

Công tác Đảng trong lực lượng công an nhân dân phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức đối với các đơn vị công an.

Trong bất cứ tình huống nào và bước phát triển nào, ở bất cứ đơn vị, địa phương nào, nếu buông lỏng sự lãnh đạo của tổ chức Đảng thì dù chỉ là đơn vị nhỏ cũng dẫn đến nguy cơ mất sức chiến đấu, thậm chí có khi đi chệch mục tiêu chiến đấu của mình.

Công tác Đảng trong lực lượng công an nhân dân phải đấu tranh chống khuynh hướng nghiệp vụ đơn thuần, kiên quyết chống bệnh quan liêu xa thực tế. Mọi nhận thức, khuynh hướng sai trái đều phải được đấu tranh, phê phán kịp thời, triệt để trong các tổ chức cơ sở của Đảng.

3 — *Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản, phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân là nhân tố cơ bản quyết định đối với mọi thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.*

Hồ Chủ tịch thường dạy chúng ta « Đoàn kết là sức mạnh ». « Đoàn kết là lực lượng tất thắng ». Trong các giai đoạn đấu tranh, sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt nam đã được chứng minh là sức mạnh vô địch.

Đối với công an nhân dân, Người dạy: « Phải đoàn kết nội bộ, đoàn kết với nhân dân và với các ngành khác thì công việc mới thắng lợi » (9). Trong mối quan hệ hiệp đồng chiến đấu với các ngành, Người đặc biệt nhấn mạnh đến sự đoàn kết chặt chẽ giữa Quân đội nhân dân và Công an nhân dân: « Công an và quân đội là hai cánh tay của nhân dân, của Đảng, của Chính phủ, của vô sản chuyên chính, vì vậy, càng phải đoàn kết

(5), (6) Sách đã dẫn, tr. 47, 28.

(7) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật. Hà Nội, 1932, tập III, tr. 89, 91.

(8), (9) Chủ tịch Hồ Chí Minh với ngành công an nhân dân Việt nam, Bộ nội vụ xuất bản, 1980, tr. 28, 25.

chặt chẽ với nhau, giúp đỡ lẫn nhau, rã sức phát triển ưu điểm, khắc phục những tư tưởng không đúng» (10). Chính làm theo lời của Bác Hồ kính yêu mà Bộ quốc phòng và Bộ nội vụ đã có chỉ thị liên bộ số 01 và 02.

Trong việc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, chính sức mạnh tổng hợp đó đã phát huy hiệu quả thật sự trong cuộc đấu tranh bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Sắp tới phải tiếp tục phối hợp một cách chủ động, đồng bộ giữa các ngành, các cơ quan, đoàn thể, các lực lượng, các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng để chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, phối hợp tốt giữa các ngành công an, kiểm sát, tư pháp trong việc tăng cường pháp chế, khắc phục cho được tình hình không bình thường là nhiều luật và pháp lệnh đã ban hành không được thi hành nghiêm chỉnh; phối hợp thật tốt giữa các lực lượng công an nhân dân với quân đội nhân dân, dân quân tự vệ, các tổ chức quần chúng trong việc giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh nhằm đập tan kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tiến công và phòng ngừa các loại tội phạm, các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Sự phối hợp trên đây phải thể hiện một cách đầy đủ trong các chương trình, kế hoạch thống nhất. Chương trình, kế hoạch đó phải được tính toán một cách khoa học, nhằm vào những trọng điểm, những địa bàn, những lĩnh vực nóng bỏng nhất. Quán triệt tư tưởng tiến công trong cuộc đấu tranh chống các loại tội phạm và các hiện tượng tiêu cực, mỗi ngành, mỗi cơ quan, mỗi đoàn thể quần chúng, tổ chức xã hội trên từng địa phương và trong cả nước, phát huy cao độ tinh thần làm chủ, tổ chức đấu tranh một cách chủ động và

kiên quyết chống các loại tội phạm. Phải tích cực xây dựng nội bộ ta trong sạch và vững mạnh, chủ động ngăn ngừa, chủ động tiến công và tiến công liên tục kẻ địch. *Kết hợp chặt chẽ tiến công sắc bén với chủ động phòng ngừa, lấy phòng ngừa làm chính và tiến công là đặc biệt quan trọng.* Phối hợp khéo léo tất cả các lực lượng, các ngành, các đoàn thể, trong đó công an là lực lượng xung kích và nòng cốt để chủ động phòng ngừa và chủ động tiến công và tiến công liên tục các loại tội phạm bằng nhiều phương thức và biện pháp trên từng khu vực và trong cả nước. Tùy theo yêu cầu và điều kiện từng lúc, từng nơi có thể mở chiến dịch quy mô lớn, trong đó lực lượng hiệp đồng bao gồm tất cả các ngành, các đoàn thể nhằm nhiều mục tiêu cùng một lúc, lại có những chiến dịch quy mô nhỏ nhằm một mục tiêu nhất định, đi vào loại hình tội phạm cụ thể, trên từng địa bàn, từng lĩnh vực; có chiến dịch trong phạm vi cả nước, lại có chiến dịch trong phạm vi từng địa phương. Phải biết giành thắng lợi bằng hình thức chiến dịch, lại phải biết giành thắng lợi trong từng trận đánh cụ thể, trong từng vụ án cụ thể, nhất là các trọng án. *Nhưng quan trọng hơn, cơ bản hơn là phải nắm chắc được từng hộ, từng người, qua đó mà chủ động phát hiện, đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, phục vụ đắc lực cho các kế hoạch kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng của Nhà nước.*

Mỗi cơ quan, đoàn thể, xí nghiệp, nông trường, công trường, hợp tác xã... đều quản lý nội bộ một cách chặt chẽ, đều xây dựng nội bộ vững mạnh, đều chủ động phòng ngừa và chủ động tiến công các loại tội phạm và hiện tượng tiêu cực, thì nhất định sẽ tạo thành sức mạnh "cộng thể" vô địch. Phát huy sức mạnh cộng thể đó là cả một nghệ thuật của các cấp lãnh đạo.

(10) Sách đã dẫn, tr. 27.

4 - *Xây dựng lực lượng công an nhân dân là quá trình « vừa chiến đấu, vừa chiến thắng, vừa xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh ».*

Chỉ có qua công tác và chiến đấu thật sự mới có thể đưa công an nhân dân từng bước trưởng thành vững chắc. Đó là quá trình *« phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, trên cơ sở tự phê bình và phê bình nghiêm túc »*, là quá trình bồi dưỡng những nhân tố mới, quá trình thường xuyên phát hiện, bồi dưỡng điển hình và nhân điển hình tiên tiến, đồng thời kiên quyết thanh lọc những phần tử thoái hóa biến chất ra khỏi đội ngũ. Đội ngũ phải trong sạch thì mới vững mạnh.

Quá trình xây dựng lực lượng công an nhân dân gắn liền với quá trình đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước, phát huy hiệu lực quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đó là quá trình kết hợp việc xây dựng công an nhân dân với việc xây dựng các công cụ bạo lực khác của Nhà nước chuyên chính vô sản như Quân đội nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, v.v là những công cụ mà thông qua đó, Nhà nước ta tổ chức và quản lý cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự. Việc xây dựng, củng cố và phát huy hiệu lực hiệp đồng chiến đấu giữa các công cụ chuyên chính đó chỉ có thể đạt kết quả tốt nhất trên cơ sở sự thống nhất vững chắc về yêu cầu chính trị, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và sự ủng hộ của quần chúng nhân dân.

5 - *Xây dựng lực lượng công an nhân dân gắn bó mật thiết với xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.*

Tổ chức quần chúng trong một phong trào rộng lớn như phong trào « Bảo vệ an ninh Tổ quốc » thật sự

đòi hỏi biết bao hình thức, biện pháp phong phú và sáng tạo phù hợp với lợi ích thiết thân nhất của quần chúng thì mới tạo điều kiện thúc đẩy phong trào phát triển sâu rộng và vững chắc. Thực tế ở nhiều địa phương đã chứng minh điều đó.

Đi đôi với biện pháp tuyên truyền, giáo dục, phải thực hiện tốt biện pháp tổ chức và các biện pháp hành chính, kinh tế, pháp luật để xây dựng, củng cố phong trào. Đồng thời phải xác định nhiệm vụ, kế hoạch và các phương án đấu tranh cụ thể ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cơ sở. Nghiên cứu bố trí và đào tạo một đội ngũ cốt cán tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện tốt kế hoạch, phương án đấu tranh đã vạch ra.

Vì công an nhân dân là lực lượng nòng cốt, xung kích của phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, cho nên việc xây dựng lực lượng công an nhân dân rõ ràng có tác động rất mạnh mẽ đối với sự phát triển của phong trào quần chúng. Ngược lại, phải thông qua việc phát triển phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc mà xây dựng công an nhân dân. Chỉ có trong thực tiễn chiến đấu, công tác và qua phong trào quần chúng mà rút ra những bài học tốt nhất để giáo dục phẩm chất và nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ, để thanh lọc những cán bộ, chiến sĩ thoái hóa biến chất.

Sự gắn bó giữa phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc và việc xây dựng lực lượng công an nhân dân là một tất yếu khách quan, là một quy luật của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự, chi phối cả quá trình phát triển của phong trào quần chúng và quá trình phát triển của lực lượng công an nhân dân. Mọi nhận thức và hành động tách rời việc xây dựng lực lượng với phong trào quần chúng đều trái với quy luật, đều ít nhiều kìm hãm sự

(Xem tiếp trang 41)

Hòa bình phải được giữ vững

HOÀNG TÙNG

*Thưa đồng chí Chủ tịch,
Thưa các đồng chí,*

Thay mặt Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Việt nam, chúng tôi chân thành cảm ơn Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Tiệp khắc đã tạo những điều kiện rất tốt cho hội nghị của chúng ta họp tại thủ đô Pra-ha giàu đẹp và mến khách, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp khắc, ở đây mấy thập kỷ qua đã từng diễn ra nhiều hoạt động quốc tế quan trọng.

Xin gửi đến các đoàn đại biểu các đảng anh em tham dự hội nghị lời chào thân thiết nhất.

Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Việt nam nhất trí với những ý kiến đồng chí Bi-lắc, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Tiệp khắc, đồng chí Pô-nô-ma-ri-ốp, Trưởng đoàn đại biểu Liên xô và các đồng chí khác đã nêu lên về phương hướng và biện pháp tăng cường sự phối hợp giữa các đảng chúng ta trên lĩnh vực tuyên truyền và tư tưởng trong tình hình quốc tế hiện nay cũng như trong những hoạt động của chúng ta nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 chiến thắng chủ nghĩa

phát xít Hít-le và chủ nghĩa quân phiệt Nhật vào năm tới.

Các đồng chí thân mến,

Sự phát triển của tình hình thế giới mấy năm qua và nhất là trong thời gian gần đây hoàn toàn chứng minh sự đúng đắn của những nhận định mà các hội nghị Bí thư Trung ương Đảng các nước xã hội chủ nghĩa anh em chúng ta đã từng nêu lên trước đây. Chúng tôi không nhắc lại những nhận định đó mà chỉ xin phát biểu thêm một số ý kiến về diễn biến gần đây của tình hình thế giới nói chung và tình hình châu Á nói riêng, đề từ đó, nêu lên một số vấn đề về công tác tuyên truyền, đối ngoại của chúng ta.

Tình hình thế giới càng thẳng thắn mấy năm vừa qua, mối đe dọa ngày càng tăng đối với hòa bình và an ninh của các dân tộc, do đường lối quân phiệt cực kỳ phản động của chủ nghĩa

• Bài phát biểu tại hội nghị thường kỳ các Bí thư Trung ương Đảng phụ trách các vấn đề đối ngoại và tư tưởng các nước xã hội chủ nghĩa anh em tại Pra-ha ngày 11 và 12-7-1984.

đế quốc Mỹ gây ra, gần đây đã trở nên đặc biệt nghiêm trọng do:

a) Mỹ bắt đầu triển khai các tên lửa tầm trung ở châu Âu từ cuối năm 1983, mở hết tốc lực chạy đua vũ trang và đưa cả cuộc chạy đua này vào khoảng không vũ trụ.

b) Mỹ thiết lập liên minh quân sự Mỹ - Nhật - Nam Triều tiên đồng thời với việc đẩy mạnh sự cấu kết chiến lược giữa Mỹ, Nhật bản và Trung quốc.

c) Mỹ và bọn phản động tăng cường hoạt động chống các lực lượng độc lập dân tộc ở nhiều khu vực, nhất là ở Trung Mỹ, Trung Đông, Nam phần châu Phi và Đông Nam Á.

Việc Mỹ triển khai tên lửa tầm trung bình ở châu Âu nằm trong mưu đồ giành ưu thế quân sự chiến lược nhằm tạo nên một mối đe dọa chiến tranh ngày càng lớn từ phía Tây đối với Liên xô và Cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Điềm mới đáng chú ý là việc Mỹ xúc tiến việc thiết lập liên minh quân sự Mỹ, Nhật, Nam Triều tiên đồng thời với việc đẩy mạnh sự cấu kết chiến lược giữa Mỹ, Trung quốc và Nhật bản nằm trong mưu đồ tăng cường sự uy hiếp từ phía Đông đối với Liên xô và Cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Mỹ đã tuyên bố toàn bộ vùng châu Á - Thái bình dương là khu vực « lợi ích sống còn » của Mỹ, đưa ra cái gọi là « học thuyết Thái bình dương » với sự ủng hộ của chính quyền Na-ca-xô-nê, kẻ đang đẩy mạnh việc quân phiệt hóa Nhật bản.

Rõ ràng chính quyền Ri-gan đang mưu toan tạo ra ở châu Á - Thái bình dương một liên minh quân sự chính trị kiểu NATO kéo dài từ Đông Bắc Á xuống Đông Nam Á, tạo nên ở đây một lực lượng xung kích đứng hàng thứ hai về sức mạnh nhằm chống lại các nước xã hội chủ nghĩa, chống lại phong trào cách mạng của nhân dân các nước, trước hết là các

nước ở khu vực này. NATO phương Đông này sẽ là một mắt xích trọng yếu trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ cũng mang dáng dấp cái trục tay ba trước chiến tranh thế giới thứ hai. Lực lượng nòng cốt của NATO phương Đông là liên minh quân sự Mỹ - Nhật - Nam Triều tiên, được bổ sung bằng sự cấu kết chiến lược Mỹ - Nhật - Trung quốc. Không phải ai khác mà chính nhà cầm quyền Trung quốc đã từng lên tiếng tán thành một NATO phương Đông. Âm mưu này của Oa-sinh-ton, được sự đồng tình và sự tham gia với mức độ nhất định (tuy giấu mặt) của Bắc kinh đang làm cho tình hình lục địa châu Á ngày càng căng thẳng, biến châu Á thành một khu vực đối đầu. Chúng tôi nghĩ rằng cần phát vạch trần và lên án ngay từ đầu âm mưu nguy hiểm mở « phòng tuyến thứ hai » mới này của chủ nghĩa đế quốc Mỹ và những kẻ đồng lõa của chúng - nhất là những kẻ tự vỗ ngực là xã hội chủ nghĩa tuy giả vờ tuyên bố « đứng giữa » nhưng trên thực tế đang tăng cường sự cấu kết với chủ nghĩa đế quốc cả trong lời nói và trong việc làm. Trong khi cuộc đấu tranh giữa hai thế lực: cách mạng và phản cách mạng trên phạm vi toàn thế giới đang trở nên vô cùng gay gắt thì lập trường « đứng giữa », dù với bất cứ động cơ nào, đều có nghĩa là « nổi giáo cho giặc », thực chất là đứng vào hàng trận của chủ nghĩa đế quốc.

Thưa các đồng chí,

Do đường lối quân phiệt chủ nghĩa của chính quyền Mỹ, trên « phòng tuyến thứ nhất » và cả « phòng tuyến thứ hai » tình hình đang rất căng thẳng. Nhưng trước sức mạnh và tinh đoàn kết chiến đấu, phối hợp hành động của Cộng đồng xã hội chủ nghĩa mà Liên xô là trụ cột, các thế lực đế

quốc và phản động hiếu chiến nhất – tuy tiếp tục – và sẽ tiếp tục lâu dài – đẩy mạnh chính sách đối đầu, chính sách leo thang chạy đua vũ trang, rõ ràng, với tinh thần cảnh giác và sự sẵn sàng giáng trả của chúng ta, kẻ thù chưa dám liều lĩnh xông thẳng đến một cuộc đụng đầu trực tiếp với Liên xô và Cộng đồng xã hội chủ nghĩa vì đối với chúng đó sẽ chỉ là một hành động tự sát. Cho nên, trước mắt chính sách đối đầu của chúng là một mũi tên hồng nhằm một lúc ba cái đích :

– Tạo điều kiện để có thể thương lượng với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa trên thế mạnh.

– Làm tiêu hao tiềm lực của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác vào việc tăng cường lực lượng phòng thủ tốn kém, kết hợp với các âm mưu phá hoại khác (bao vây kinh tế, can thiệp vào công việc nội bộ dưới chiêu bài “nhân quyền” và các thủ đoạn chiến tranh tâm lý khác...) hồng làm suy yếu hay ít nhất kìm hãm sự phát triển về mọi mặt của các nước xã hội chủ nghĩa, trước hết gây trở ngại cho việc thực hiện các chương trình kinh tế xã hội của chúng ta.

– Hạn chế sự ủng hộ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đối với cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân các nước trên thế giới để chúng rảnh tay đàn áp các cuộc đấu tranh đó.

Không phải ngẫu nhiên mà vừa qua bọn đế quốc hiếu chiến trong khi đẩy mạnh chính sách đối đầu với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác ở châu Âu, xúc tiến việc thiết lập liên minh quân sự ở châu Á, thì chúng đã và đang điên cuồng phân kích các lực lượng cách mạng ở « thế giới thứ 3 », khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh, nơi phong trào độc lập dân tộc tiếp tục dâng lên mạnh mẽ, nhiều nước đang có xu thế phát triển theo

con đường xã hội chủ nghĩa. Chính ở khu vực gọi là trung gian này đang diễn ra sự giành giật quyết liệt giữa cách mạng và phản cách mạng. Chính đây là nơi các thế lực đế quốc và phản động tăng cường phối hợp hành động để hồng chặn đứng và đẩy lùi các lực lượng cách mạng. Vì chúng biết rằng số phận của chúng, kết quả cuộc đấu tranh nhằm giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới tùy thuộc một phần quan trọng vào việc các nước ở khu vực này tiếp tục ở trong quỹ đạo của chủ nghĩa đế quốc hay là trở thành những nước độc lập được củng cố, phát triển theo con đường tiến bộ và xã hội chủ nghĩa, khiến cho phạm vi chi phối của chúng ngày càng bị thu hẹp, và so sánh lực lượng ngày càng biến chuyển không có lợi cho chúng. Các dân tộc không thể không đề phòng và sẵn sàng đối phó với khả năng những cuộc chiến tranh nội bùng nổ và lan rộng ở khu vực giành giật quyết liệt này. Cũng như từ trước đến nay, từ nay về sau, các nước xã hội chủ nghĩa chúng ta luôn luôn có nghĩa vụ quốc tế dành cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ la tinh sự chú ý đầy đủ và ủng hộ mạnh hơn nữa trong công tác tuyên truyền đối ngoại của chúng ta cũng như trong các lĩnh vực khác.

Thưa các đồng chí,

Đường lối quân phiệt hiếu chiến của các thế lực đế quốc chủ nghĩa và phản động đứng đầu là đế quốc Mỹ, tuy có gây thêm khó khăn, phức tạp cho cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, nhưng rõ ràng là kẻ thù của chúng ta đã liên tiếp thất bại trong âm mưu của chúng.

Chúng đã thất bại trong âm mưu giành lại ưu thế quân sự chiến lược,

chúng cũng đã thất bại trong âm mưu chia rẽ, phá hoại hồng làm suy yếu hoặc ít nhất ngăn cản sự lớn mạnh của Liên xô và Cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa. Mỹ không thể làm tên sen đầm quốc tế và khu vực của chủ nghĩa đế quốc như chúng mưu toan. Hội nghị cấp cao các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế đã kiểm điểm những thành tựu to lớn nhiều mặt của các nước xã hội chủ nghĩa trong sự nghiệp xây dựng và hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển; những thành tựu đó là do sự nỗ lực của từng nước kết hợp với sự hợp tác, tương trợ giữa các nước trong khối đồng. Bản tuyên bố của Hội nghị cấp cao vừa rồi một lần nữa thể hiện mạnh mẽ lập trường vững vàng và tinh thần trách nhiệm cao cả của các nước xã hội chủ nghĩa trước những nguy cơ do chính sách phiêu lưu của các thế lực đế quốc hiếu chiến gây nên; chứng tỏ rằng Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trước sau như một kiên trì đường lối hòa bình có nguyên tắc, vừa có thiện chí vừa kiên quyết. Đảng cộng sản và nhân dân Việt nam đánh giá cao Bản tuyên bố của Hội nghị cấp cao Hội đồng tương trợ kinh tế và kiên quyết làm tròn nghĩa vụ của một thành viên của Hội đồng. Các sáng kiến hòa bình liên tiếp trong đó có những ý kiến đề xuất quan trọng của đồng chí C.U. Trắc-nen-cô gần đây nói lên thiện chí hòa bình, tinh thần sẵn sàng thương lượng nghiêm túc của Liên xô trên nguyên tắc bình đẳng và an ninh ngang nhau. Nhưng mặt khác những biện pháp giáng trụ của Liên xô và các nước thành viên Hiệp ước Vác-sa-va là hoàn toàn cần thiết và đúng đắn. Những biện pháp đó và các biện pháp khác nhằm tăng cường hơn nữa sức mạnh quốc phòng của các nước trong Cộng đồng xã hội chủ nghĩa phản ánh tinh nguyên tắc, lập trường không khoan nhượng của các nước xã hội chủ nghĩa trên các vấn đề liên

quan đến nền an ninh của Cộng đồng chúng ta. Chủ nghĩa đế quốc không thể thi hành chính sách bất bĩ.

Chúng cũng đã vấp phải nhiều thất bại trong âm mưu đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn và có nơi bị tổn thất, cuộc đấu tranh của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ la tinh tiếp tục phát triển, làm thất bại từng bước chính sách can thiệp và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động. Nổi lên gần đây là thắng lợi của lực lượng yêu nước Li-băng đã buộc Mỹ, Anh, Pháp, I-ta-li-a phải rút quân khỏi vùng này sau 18 tháng can thiệp. Thất bại của Mỹ ở Li-băng có ý nghĩa chính trị to lớn. Nó chứng tỏ sự khủng hoảng chiến lược của Mỹ sau thất bại ở Việt nam, khả năng của Mỹ ngày càng có hạn cả trong âm mưu « làm chiến tranh qua tay người khác » lẫn trong ý đồ trở lại can thiệp trực tiếp bằng quân sự. Việc Mỹ rút quân khỏi Li-băng và Hiệp ước I-xra-en - Li-băng bị hủy bỏ đã dẫn tới sự phá sản của hiệp định giữa Ai-cập - I-xra-en. Thất bại này của Mỹ cò vũ cuộc đấu tranh của các dân tộc A-rập chống Mỹ, đồng thời không thể không làm cho các chính quyền A-rập thân Mỹ ở khu vực này phải suy nghĩ về chính sách của họ.

Ở Trung Mỹ, Ca-ri-bê, bằng cuộc đấu tranh kiên cường của bản thân mình, được sự đồng tình, ủng hộ của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, hòa bình và tiến bộ trên thế giới, nước Cu-ba xã hội chủ nghĩa, nước Ni-ca-ra-goa cách mạng không ngừng tăng cường lực lượng mọi mặt của mình bất chấp sự uy hiếp của chủ nghĩa đế quốc Bắc Mỹ. Cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân En Xan-ya-do tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Ở khu vực này, xu thế chống sự can thiệp của Mỹ ngày càng mạnh mẽ.

Chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là Mỹ cũng đã thất bại trong âm mưu làm suy yếu và đánh lạc hướng phong trào hòa bình chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Cuộc tiến công mùa xuân của các lực lượng hòa bình ở Tây Âu, Bắc Mỹ, Nhật bản, châu Đại dương, v.v. đã diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ với tính chất chống Mỹ rõ rệt. Ở các nơi đó, cuộc đấu tranh cho hòa bình ngày càng gắn liền với cuộc đấu tranh vì dân chủ và quyền sống. Tổng bãi công của công nhân mỏ than ở Anh, các cuộc đấu tranh của công nhân luyện kim, cơ khí ở Pháp, của công nhân I-ta-li-a, Bỉ, Tây Đức, Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha v.v. gần đây báo hiệu một cao trào đấu tranh mới của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa, khi mà cuộc tổng khủng hoảng của chế độ đã bị lật lủ lên án ngày càng trầm trọng.

Chúng tôi nghĩ rằng công tác tuyên truyền của chúng ta cần phải *phân tích, phân tích, đánh giá kịp thời một thắng lợi nổi trên của các lực lượng cách mạng* để ngày càng có nhiều người trên khắp trái đất này thấy rõ rằng tình hình thế giới tuy rất căng thẳng, nguy cơ chiến tranh rất lớn, nhưng *hòa bình có thể giữ vững được và cách mạng vẫn tiếp tục tiến lên*. Vì đó là xu thế của thời đại không thể đảo ngược.

Đồng thời, chúng ta cần vạch trần nhiều hơn nữa sự thối nát của chủ nghĩa tư bản và tăng cường công tác tuyên truyền chống lại chiến tranh tâm lý, một bộ phận quan trọng của cuộc "thập tự chinh" chống chủ nghĩa xã hội của Rì-gan.

Thưa các đồng chí,

Là một bộ phận không tách rời của thế giới trong tình hình quốc tế càng căng thẳng, tình hình Đông Nam Á cũng đang nóng bỏng. Không phải ngẫu nhiên mà mấy chục năm qua, Đông

Nam Á là một vùng bùng nổ cách mạng. Cũng không phải ngẫu nhiên mà các thế lực đế quốc và phản động đã thay nhau lấy Việt nam và ba nước Đông dương làm một trong những hướng phản kích quan trọng của chúng. Trước hết là vì đây là nơi hai trào lưu cách mạng lớn của thời đại là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội sớm được kết hợp làm một và đang ở thế tiến công.

Chủ nghĩa bá quyền Trung quốc và chủ nghĩa đế quốc Mỹ đang phối hợp chặt chẽ với nhau chống các nước Đông dương.

Chúng tôi đã nhiều lần tuyên bố chính sách của mình mong muốn giải quyết các vấn đề tồn tại giữa Việt nam và Trung quốc, thông qua con đường thương lượng, tiến tới lập lại quan hệ bình thường với Trung quốc. Nhưng nhà cầm quyền Bắc kinh không hề đáp ứng tích cực bất cứ một đề nghị nào của chúng tôi. Trái lại họ tiếp tục phối hợp với Mỹ và bọn phản động trong khu vực tìm mọi cách cô lập, phá hoại, làm suy yếu Việt nam về mọi mặt, chia rẽ ba nước Đông dương, chia rẽ Việt nam với các nước khác trong cộng đồng *"xã hội chủ nghĩa"*. Cũng không phải là ngẫu nhiên mà những cuộc pháo kích dữ dội, những cuộc hành quân quy mô trung đoàn, sư đoàn của Trung quốc (nhiều đơn vị chủ lực thuộc năm quân đoàn cùng một lực lượng không quân to lớn vẫn đang áp sát các tỉnh biên giới phía Bắc chúng tôi) đánh phá biên giới phía Bắc Việt nam đã bắt đầu diễn ra trong thời gian Rì-gan đi thăm Trung quốc, và rõ ràng sau chuyến đi đó, sự cầu kết giữa Trung quốc với Mỹ và bọn phản động Thái lan chống Việt nam, Cam-pu-chia và Lào đã tăng lên. Đây là những hành động chiến tranh nghiêm trọng nhất kể từ năm 1979 đến nay. Chúng muốn dùng kiểu chiến tranh biên giới này để *giam* nhãm lãnh thổ của Việt nam (cũng

như Lào, Cam-pu-chia), phá hoại sự nghiệp xây dựng đất nước của chúng tôi, làm suy yếu tiền đồn phía Đông Nam của chủ nghĩa xã hội. Trước cuộc tiến công tàn bạo của Trung quốc chống nước chúng tôi, sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em làm nức lòng quân đội và nhân dân Việt nam. Một lần nữa, chúng tôi bày tỏ sự biết ơn chân thành đối với Liên xô và các nước anh em khác đã luôn luôn đứng bên cạnh chúng tôi trong cuộc đấu tranh còn tiếp diễn phức tạp và lâu dài của nhân dân ba nước Đông dương chống các thế lực đế quốc chủ nghĩa, bành trướng chủ nghĩa và bọn phản động khu vực. Sát cánh bên nhau, tăng cường thống nhất hành động, chúng ta nhất định làm thất bại mọi âm mưu phân hóa, chia rẽ của kẻ thù.

Thưa các đồng chí,

Trong năm 1985, cùng với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, chúng tôi chuẩn bị kỷ niệm trọng thể lần thứ 40 chiến thắng chủ nghĩa phát xít Hít-le và chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản. Ngày 7-2-1981 Bộ chính trị Trung ương Đảng cộng sản Việt nam đã ra nghị quyết về tổ chức lễ kỷ niệm lớn này cùng với một số ngày kỷ niệm quan trọng khác của chúng tôi trong năm 1985 là kỷ niệm lần thứ 40 Cách mạng Tháng Tám và ngày thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa ngày nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam (19-8 và 2-9-1945 - 19-8 và 2-9-1985) và kỷ niệm lần thứ 10 ngày thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (30-4-1975 - 30-4-1985).

Chúng tôi gần những ngày kỷ niệm trên với nhau, với tinh thần không có chiến thắng chủ nghĩa phát xít Hít-le và chủ nghĩa quân phiệt Nhật thì không có thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt nam mới. Việt nam có câu « Uống nước nhớ nguồn ». Nhân ngày kỷ niệm lớn này chúng tôi sẽ triển khai những hoạt động có tính quần chúng rộng rãi nhằm làm cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân chúng tôi hiểu rõ hơn nữa những hy sinh to lớn và cống hiến vĩ đại của nhân dân Xô viết và Hồng quân Liên xô dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên xô đã bằng cuộc chiến đấu có tính chất quyết định của mình, cùng các lực lượng khác cứu nhân loại khỏi thảm họa phát xít và mở đường cho một cao trào mới của cách mạng thế giới trong đó có cách mạng Việt nam; hiểu rõ hơn nữa sự lớn mạnh, vai trò và vị trí ngày nay của Liên xô, của Cộng đồng xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại, trong đó cấp bách nhất là cuộc đấu tranh cho hòa bình chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Các hoạt động kỷ niệm trọng thể và có tính quần chúng rộng rãi đó sẽ tiến hành dưới khẩu hiệu chung: « Tất cả vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân »; « Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, và bọn bành trướng Trung quốc, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới ».

Xin cảm ơn sự chú ý của các đồng chí.

THỦ ĐÔ HÀ NỘI 30 NĂM VỪA XÂY DỰNG, VỪA CHIẾN ĐẤU

TRẦN VI

Ủy viên Trung ương Đảng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Sự kiện ngày 10-10-1954, thủ đô Hà Nội được hoàn toàn giải phóng khỏi ách chiếm đóng của thực dân Pháp xâm lược, đã đánh dấu một bước ngoặt có ý nghĩa cực kỳ to lớn trong lịch sử ngàn năm của Thăng long - Đông đô - Hà Nội. Từ khi Lý Công Uẩn dời đô về Thăng long năm 1010, thì thủ đô lâu đời của nước ta đã mấy lần bị quân thù chiếm đóng, rồi lại được nhân dân ta giải phóng bằng chính sức mạnh đoàn kết, ý chí bất khuất và lòng dũng cảm, kiên cường của mình. Song không có lần giải phóng nào lại có ý nghĩa to lớn và sâu sắc như lần giải phóng này. Đó là lần giải phóng ở thời đại nước ta có Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và Đảng cộng sản quang vinh lãnh đạo, ở thời đại thế giới đang quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Từ đó trở đi, Hà Nội sạch bóng quân thù xâm lược, nhân dân thủ đô có điều kiện chắc chắn để làm chủ cuộc đời và cùng nhau xây dựng một cuộc sống hoàn toàn khác xưa.

Tuy nhiên sau giải phóng, Hà Nội ở vào một hoàn cảnh hiểm cớ so với nhiều thủ đô các nước khác: không

có hòa bình thật sự để chuyên tâm dốc sức vào công cuộc xây dựng. Sau khi chiến thắng giặc Pháp không được bao lâu, Hà Nội lại bước vào cuộc đời đầu quyết liệt gần 20 năm trời với đế quốc Mỹ, và nay lại hằng ngày phải đối phó với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt hết sức thâm độc, xảo quyệt của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc. Trái tim Hà Nội luôn luôn đập cùng một nhịp, chia sẻ với đất nước mọi gian lao, vất vả. Trong ba thập kỷ qua, lịch sử thủ đô Hà Nội của chúng ta có thể chia làm ba thời kỳ.

- Thập kỷ thứ nhất, từ 1954 đến 1961: tiếp thu nền kinh tế - xã hội nghèo nàn, què quặt do thực dân Pháp để lại, Hà Nội phải qua một thời gian khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa, rồi mới bắt tay vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm đầu tiên (1961 - 1965), trong khi đó vẫn ủng hộ hết sức mình cuộc đấu tranh gian khổ của đồng bào miền Nam để thống nhất Tổ quốc.

- Thập kỷ thứ hai, từ 1965 đến 1975: Hà Nội vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa dốc sức người, sức của chi

viện miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Mặt khác lại trực tiếp đánh thắng 2 cuộc chiến tranh phá hoại ác liệt bằng không quân của giặc Mỹ để bảo vệ thủ đô, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Khẩu hiệu lúc này là «Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ» «Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người» cho tiền tuyến.

— Thập kỷ thứ ba, từ 1975 đến nay : cả nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội. Hà nội xây dựng kế hoạch mới phát triển kinh tế—xã hội chưa được bao lâu thì sự phản bội của bọn bành trướng Trung quốc lại gây ra nhiều khó khăn to lớn. Hà nội sát cánh cùng cả nước góp phần đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới, và thường xuyên phải đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, trong đó thủ đô là một trọng điểm phá hoại của kẻ thù.

Trong bối cảnh liên tục phải vừa xây dựng, vừa chiến đấu như thế, trước hết chúng ta có thể tự hào khẳng định một thành tích rất to lớn, rất bao trùm của 30 năm qua là :

Hà nội đã làm tròn nghĩa vụ là trung tâm của hậu phương lớn đối với cả nước, với miền Nam ruột thịt, đánh bại hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, lập nên kỳ tích «Điện biên phủ trên không», góp phần đánh bại hai cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới và bước đầu làm thất bại kế hoạch chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn phản động Trung quốc, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng và thống nhất đất nước, bảo vệ vững chắc thủ đô và Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Khó mà thống kê hết sức người, sức của mà Hà nội đã huy động trong 30 năm qua để phục vụ sự nghiệp cách mạng chung của cả nước. Ngay từ những ngày đầu miền Nam đồng khởi (1959 — 1960), Hà nội đã lần lượt cử cán bộ, chiến sĩ vượt Trường sơn mở đường đánh Mỹ. Hà nội là quê

hương phong trào «ba sẵn sàng», động viên hàng chục vạn thanh niên đi bất kỳ đâu, làm bất kỳ việc gì Tổ quốc cần. Biết bao lao động trẻ khỏe, thông minh, tài giỏi đã từ già ruộng đồng, xí nghiệp, công trường, hợp tác xã, cơ quan, trường học, viện nghiên cứu đi tới khắp các chiến trường, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc. Ở hậu phương, sôi nổi phong trào «ba đảm đang» của phụ nữ, «ba quyết tâm» của trí thức, với khí thế «thi đua mời người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt, vì Sài Gòn — Huế kết nghĩa». Đến khi kẻ thù trực tiếp dội bom đạn xuống Hà nội thì quân và dân thủ đô không hề nao núng, không sợ tàn phá hy sinh, sẵn sàng vì miền Nam mà chấp nhận cuộc độ sức quyết liệt. Nhân dân thủ đô đã chịu đựng hàng chục vạn tấn bom của địch đổ xuống nội ngoại thành, đánh phá 2/3 số xã, 108 cơ sở công nghiệp, 97 trường học, 51 cơ sở y tế, phá hủy 10 vạn mét vuông nhà ở, song đã giáng trả địch những đòn địch đáng : bắn rơi 35 máy bay địch, diệt và bắt sống nhiều giặc lái ; đặc biệt trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 đã phá sập uy thế của không quân chiến lược Hoa kỳ, bắn rơi 23 siêu pháo đài bay B52, 2F111 và 5 máy bay phản lực khác, buộc Ních xon phải chấp nhận trở lại Hội nghị Pa-ri kết thúc chiến tranh xâm lược Việt nam. Chiến công «Điện biên phủ trên không» có một không hai đã làm rung động lương tri loài người tiến bộ, đã làm cho bạn bè trên thế giới tin yêu gọi Hà nội là «thủ đô của phẩm giá con người». Quân và dân Hà nội xứng đáng được Nhà nước tuyên dương là anh hùng, thường huân chương Độc lập hạng nhất, được Hồ Chủ tịch 5 lần thưởng cờ luân lưu «Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược».

Khi bọn phản động Trung quốc gây chiến tranh xâm lược ở biên giới phía Bắc, quân dân Hà nội lại tích

cực chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, huy động hàng vạn cán bộ, thanh niên đi xây dựng phòng tuyến bảo vệ, và lên tấc hoàn thành nghĩa vụ tuyến quân bổ sung cho bộ đội chủ lực. Lực lượng vũ trang thủ đô được xây dựng ngày càng lớn mạnh, cùng nhân dân làm thất bại nhiều âm mưu phá hoại của địch đối với thủ đô, giữ vững an ninh chính trị và sẵn sàng đối phó với bất cứ mưu đồ nào của địch định gây chiến tranh với quy mô lớn.

Ba mươi năm qua, tuy vừa xây dựng, vừa chiến đấu, có lúc vừa xây xong bị địch phá phải xây dựng lại, Hà nội vẫn cố gắng đạt những tiến bộ to lớn về mặt xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Xóa bỏ các giai cấp bóc lột, thiết lập quan hệ sản xuất mới, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, biến Hà nội từ một thành phố tiêu phi trở thành một thành phố sản xuất, một trung tâm kinh tế lớn của cả nước.

Thực dân Pháp khi rút đi để lại một thành phố tiêu thụ. Trong những năm bị chiếm đóng, thành phố sống dựa vào những yêu cầu của bộ máy cai trị và quân đội viễn chinh Pháp, tuy mang vẻ phồn vinh nhưng hoàn toàn là giả tạo, không dựa trên cơ sở sản xuất; công nhân và nông dân ở địa vị những người đi làm thuê, bị áp bức, bóc lột. Cho nên Hà nội phải chịu những hậu quả rất nặng nề. Song chúng ta đã nhanh chóng thanh toán các tệ nạn xã hội, tiến hành cải cách ruộng đất, xóa bỏ giai cấp địa chủ, tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, tổ chức lại những người sản xuất nhỏ. Đây là một sự thay đổi cơ bản về quan hệ sản xuất và cơ cấu xã hội, khơi dậy tinh thần phấn khởi và tiềm năng to lớn của những người lao

động từ nay làm chủ ruộng đồng, nhà máy của mình.

Lúc mới giải phóng, Hà nội chỉ có 8 xí nghiệp sửa chữa phục vụ với 1369 công nhân cộng với khoảng 5000 lao động thủ công. Chúng ta đã tích cực, bền bỉ xây dựng dần các cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở Hà nội, trước hết là xây dựng nền công nghiệp để có khả năng trang bị mới cho nông nghiệp và các ngành kinh tế khác. Kể cả trong thời kỳ chiến tranh, các nhà máy, xí nghiệp vẫn không ngừng được xây dựng và hoạt động tại chỗ hoặc ở nơi sơ tán. Đến nay, Hà nội có 266 xí nghiệp (trong đó có 114 xí nghiệp địa phương) với 105 nghìn công nhân, 438 hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp với gần 130 nghìn lao động, làm ra một khối lượng giá trị gấp 38 lần năm 1955. Vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản năm 1983 tăng gấp 4,5 lần so với năm 1965. Nhiều khu công nghiệp lớn đã hình thành như Thượng định, Đông anh, Xuân hòa, v.v. Đã xây dựng nhiều công trình thủy lợi lớn, cung cấp điện, máy kéo phục vụ sản xuất nông nghiệp, thành lập nhiều nông trường quốc doanh, đã và đang làm những công trình giao thông vận tải lớn như cầu Thăng long, cầu Chương đưng, hàng chục công trình văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế, trong đó có những công trình có tiếng như Trường đại học bách khoa, các bệnh viện phụ sản, bệnh viện nhi, bệnh viện Hai bà Trưng, Nhà văn hóa thiếu nhi, Cung văn hóa công nhân, khách sạn Thăng lợi, nhà trẻ Di-mi-tơ-rốp v.v. và nhiều khu nhà ở nhiều tầng. Do những thành tựu xây dựng thủ đô trong 30 năm qua, diện tích của Hà nội ngày nay đã tăng gấp nhiều lần so với năm 1954; “Năm cửa ô” ngày trước, nay không còn là cửa ô nữa mà đã trở thành những khu dân cư ở giữa thành phố. Các công trình xây dựng chẳng những phục vụ sản xuất, đời sống, mà đã làm thay đổi địa hình và bộ mặt thành phố. Co

những thời gian cả Hà nội là một công trường xây dựng khổng lồ, nếu không có chiến tranh và sự tàn phá của bom đạn thì Hà nội còn được xây dựng to, đẹp hơn nhiều.

Nói riêng về công nghiệp thì ngoài thế mạnh, tập trung ở ngành cơ khí chế tạo, có khả năng đổi mới trang bị cho các ngành kinh tế quốc dân, Hà nội đã có những sản phẩm tiêu dùng của công nghiệp địa phương (bao gồm cả công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp) khá đa dạng, từ xe đạp, đồng hồ, máy khâu, kim khâu, đến các loại vải bằng sợi bông, sợi tổng hợp, tơ tằm, các loại hàng bằng da, nhựa, cao su, v.v. Mặc dù sản xuất công nghiệp hiện nay gặp nhiều khó khăn do thiếu năng lượng và vật tư, nguyên liệu, do cơ chế quản lý chậm được cải tiến, chúng ta không thể phủ nhận thành tựu to lớn là Hà nội từ một thành phố tiêu phí hoàn toàn lệ thuộc vào nước ngoài, đã trở thành một thành phố sống bằng lao động sản xuất của chính mình, một trung tâm công nghiệp lớn đáp ứng một phần nhu cầu của cả nước, trước hết là cho khu vực miền Bắc. Cũng nhờ sự nỗ lực lao động của giai cấp nông dân tập thể được sự hỗ trợ đắc lực của công nghiệp, mà vùng ngoại thành đã trở thành vành đai lương thực, thực phẩm của Hà nội. Năng suất lúa đã sớm đạt 5 tấn một héc ta, huyện Đan phượng đạt 8,2 tấn, và một số hợp tác xã đạt trên 10 tấn. Tiềm năng sản xuất cây công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu của ngoại thành cũng đang được tích cực khai thác.

Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học, bảo vệ bà mẹ trẻ em, xây dựng con người mới không ngừng phát triển, phục vụ đông đảo nhân dân lao động, làm cho Hà nội xứng đáng là trung tâm văn hóa, khoa học - kỹ thuật của cả nước.

Đây cũng là một tiến bộ nổi bật. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa,

khoa học... của chúng ta phát triển nhằm phục vụ sản xuất và đời sống, phục vụ đông đảo nhân dân lao động chứ không phải dành riêng cho một số tầng lớp bóc lột giàu có như trong chế độ cũ.

Cuối năm 1958, Hà nội đã căn bản thanh toán nạn không biết chữ, là địa phương đạt thành tích này sớm nhất miền Bắc. Nay thủ đô đã tiến lên phổ cập giáo dục cấp I cho toàn dân, phổ cập cấp II cho cán bộ và thanh niên nhiều cơ quan, đơn vị đã phổ cập cấp III. Hệ thống giáo dục phát triển nhanh chóng: tất cả các phường, xã đều có trường phổ thông cơ sở, 16 quận, huyện, thị có 52 trường phổ thông trung học với trên 600 nghìn học sinh cả hai cấp. Từ 2 trường đại học trước đây, nay Hà nội tập trung 31 trường đại học và cao đẳng, 32 trường trung học chuyên nghiệp, 44 trường công nhân kỹ thuật, đào tạo hàng vạn cán bộ và công nhân kỹ thuật mỗi năm. Bây giờ ở mỗi làng, kể cả làng hẻo lánh nhất của thủ đô cũng đều có những con em của nhân dân lao động tốt nghiệp đại học ở trong nước hoặc nước ngoài. Ở thủ đô còn có gần 100 viện nghiên cứu khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Số nhà trẻ và lớp mẫu giáo trước đây hầu như không có, nay thành một ngành học có cơ sở ở khắp nơi, góp phần giáo dục thế hệ tương lai ngay từ lứa tuổi thơ.

Sự nghiệp y tế, bảo vệ sức khỏe, có mạng lưới từ thành phố xuống quận, huyện, phường, xã, tới từng cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã, trường học. Hầu hết các xã có trạm y tế, nhà hộ sinh. Bên cạnh các bệnh viện đầu ngành do trung ương quản lý, hệ thống các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa từ các quận, huyện lên thành phố được bố trí tương đối hoàn chỉnh, kết hợp với phong trào vệ sinh phòng bệnh trong nhân dân, cho nên đã căn bản thanh toán được một số bệnh xã hội, ngăn chặn không để xảy ra nhiều dịch bệnh lớn.

Điều căn bản khác trước là văn hóa nghệ thuật ở Hà nội ngày nay có nội dung lành mạnh, hình thức phong phú. Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa đã thấm sâu vào đời sống tinh thần của nhân dân thủ đô. Một điều quan trọng nữa là nhân dân lao động không chỉ thụ động hưởng thụ các sản phẩm văn hóa nghệ thuật, mà trở thành chính người sáng tạo ra các sản phẩm đó. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển khá rộng khắp ở các cơ sở, trong người lớn cũng như trong thiếu nhi, góp phần bồi dưỡng nhiều năng khiếu mới.

Thể dục thể thao cũng là một phong trào quần chúng rộng khắp, thu hút từ những người nhiều tuổi, trong các câu lạc bộ thể dục ngoài trời, cho đến lớp người trẻ tuổi qua các cuộc vận động có tính quần chúng về rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn. Nhiều trường văn hóa thể dục thể thao đào tạo những em có năng khiếu từ lứa tuổi trẻ. Vận động viên Hà nội đạt nhiều kỷ lục trong các cuộc thi diễn kinh hoặc thi thể thao trong nước và là thành viên quan trọng trong các đội tuyển Việt nam thi đấu với nước ngoài.

Kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng văn hóa và tư tưởng) là những con người mới của thủ đô xã hội chủ nghĩa dần dần hình thành, vừa thể hiện những phẩm chất, đạo đức mới, xã hội chủ nghĩa, vừa kế thừa truyền thống tốt đẹp của người thủ đô ngàn năm văn vật: giàu lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lao động cần cù sáng tạo, có ý thức chính trị nhạy bén, vững vàng trước mọi thử thách, có trình độ văn hóa khá, khiếu thẩm mỹ tinh tế, có nếp sống giản dị, lành mạnh, phong cách thanh lịch, mến khách, có tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Mấy năm gần đây, do sản xuất và đời sống gặp nhiều khó khăn, do

chúng ta có phần buông lỏng quản lý kinh tế - xã hội, lơ là giáo dục về cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa ta và địch, chậm khắc phục những hiện tượng tiêu cực, cho nên đã làm ảnh hưởng không tốt đến những kết quả to lớn nói trên. Chúng ta tin rằng đó chỉ là hiện tượng tạm thời và cục bộ, sẽ được khắc phục. Thủ đô và những con người thủ đô chúng ta được rèn luyện qua nhiều thử thách trong 30 năm qua nhất định sẽ vươn lên vượt mọi khó khăn, đạt những tiến bộ lớn hơn



Những bước trưởng thành của Hà nội trong 30 năm qua trước hết là nhờ sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Trung ương Đảng và Chính phủ. Với vị trí thủ đô của cả nước, Hà nội được sự quan tâm chăm sóc đặc biệt của Hồ Chủ tịch, của các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước ta. Một tuần sau ngày giải phóng thủ đô, Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu trong buổi tiếp đại biểu nhân dân Hà nội đã căn dặn đồng bào thủ đô phải "hăng hái phấn đấu làm cho mọi ngành hoạt động của thủ đô ngày thêm phát triển, để làm gương mẫu, để dẫn đầu cho nhân dân cả nước ta". Các đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng đến dự các đại hội đảng bộ Hà nội đã cho những chỉ thị quý báu. Sự quan tâm ấy lại được thể hiện tập trung trong Nghị quyết Hội nghị Bộ chính trị về công tác của thủ đô Hà nội (tháng 1-1983) mà đảng bộ và nhân dân Hà nội đang ra sức thực hiện.

Được sự lãnh đạo sát sao và quan tâm của Trung ương, đảng bộ Hà nội đã cố gắng vận dụng và cụ thể hóa các đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng vào hoàn cảnh của thủ đô, động viên, giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, huy động

sức mạnh của các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể ở địa phương tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, từng bước cải tạo và xây dựng Hà nội thành một thủ đô xã hội chủ nghĩa. Nhân dân Hà nội trong 30 năm qua đã tỏ rõ tinh thần lao động hăng say, cần cù, chiến đấu dũng cảm, kiên cường và như Nghị quyết Bộ chính trị đã nhận định: « số đông cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức ở Hà nội đứng trước những khó khăn về đời sống và những diễn biến phức tạp trong tình hình kinh tế - xã hội, vẫn giữ vững phẩm chất, thể hiện rõ sự vững vàng về chính trị, kiên trì phấn đấu khắc phục khó khăn, tích cực chấp hành và bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực ». Có bạn nước ngoài đã nói: « Hà nội có những con người xây dựng không biết mệt mỏi, dựng lên lại bị tàn phá, bị tàn phá lại dựng lên ».

Hà nội lại được sự chỉ đạo cụ thể của Hội đồng bộ trưởng, sự giúp đỡ của các bộ, các ngành ở trung ương, được sự hỗ trợ, cõ vũ của các tỉnh, thành phố trong cả nước, kể cả đồng bào Việt nam sống ở nước ngoài, sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của các nước và các nhân sĩ tiến bộ, của nhiều bạn bè trên thế giới, đặc biệt là sự giúp đỡ to lớn về nhiều mặt của Liên xô, sự đồng tình, ủng hộ mạnh mẽ của Lào, Cam-pu-chia. Đó là những nhân tố chủ yếu tạo nên những bước trưởng thành của Hà nội trong 30 năm qua.

Trước những yêu cầu của nhiệm vụ rất nặng nề trong giai đoạn cách mạng mới, với trách nhiệm xây dựng thủ đô xã hội chủ nghĩa của cả nước, người Hà nội thấy chưa thể hài lòng với những gì đã làm được, nhất là so với những yêu cầu mà nghị quyết Bộ chính trị đề ra đối với thủ đô thì còn một khoảng cách lớn.

Trước mắt, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, Hà nội còn có những khó khăn lớn. Cơ sở vật chất và kỹ thuật phát triển chậm, đặc biệt là kết cấu hạ tầng và các công trình công cộng quá nhỏ bé, thiếu thốn so với số dân tăng nhanh. Nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp và tiêu thủ công nghiệp phần lớn dựa vào nhập khẩu. Lương thực, thực phẩm và nông sản nguyên liệu một phần không nhỏ cũng dựa vào sự cung ứng của trung ương và các tỉnh bạn. Hà nội là nơi tập trung đông cán bộ, công nhân, viên chức là những người ăn lương và Nhà nước có trách nhiệm cung cấp mọi nhu cầu thiết yếu về đời sống. Do đó, khi các nguồn nhập khẩu và cung ứng nơi trên gặp khó khăn, thì sản xuất và đời sống của Hà nội chịu ảnh hưởng nặng hơn nhiều địa phương khác, do đó các hiện tượng tiêu cực có thể có cơ hội phát sinh. Bộ máy quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước hoạt động theo cơ chế quan liêu bao cấp tập trung một phần quan trọng ở Hà nội, cho nên việc tháo gỡ hiện nay không đơn giản. Thủ đô Hà nội lại là địa bàn mà địch tập trung phá hoại về nhiều mặt, đặc biệt là chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý đi đôi với phá hoại về kinh tế và văn hóa...

Đề vượt qua những khó khăn nói trên, đảng bộ và chính quyền Hà nội chúng tôi đang ra sức sửa chữa những khuyết điểm chủ quan mà Nghị quyết Bộ chính trị về công tác của thủ đô đã vạch ra là:

— Sự lãnh đạo của Thành ủy chưa thật năng động, nhạy bén, chưa thật chủ động sáng tạo vươn lên, tư tưởng trông chờ vào trung ương, vào Nhà nước, tình trạng bảo thủ, trì trệ chậm được khắc phục, nên chưa phát huy được hết truyền thống và thế mạnh của thủ đô để khắc phục khó khăn, thích ứng với tình hình mới. «

— Đảng bộ thành phố có phần chủ quan, chưa nhận rõ nước ta đang ở

chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. cuộc đấu tranh giữa hai con đường còn tiếp diễn gay gắt, nên đã phần nào buông lỏng quản lý kinh tế - xã hội trên nhiều mặt.

- Chất lượng và hiệu quả công tác xây dựng Đảng chưa cao, chưa phát huy được sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của một đảng bộ lớn tập trung nhiều đảng viên có trình độ cao như ở Hà nội. Lực lượng cán bộ dồi dào, nhưng việc lựa chọn, bồi dưỡng và bố trí cán bộ chưa bảo đảm được yêu cầu.

Dựa vào sự đánh giá nói trên của Bộ chính trị, Đại hội đại biểu lần thứ IX của đảng bộ thành phố (tháng 6-1983) đã thẳng thắn kiểm điểm, tự phê bình về những thiếu sót của mình và đề ra phương hướng sửa chữa, quyết tâm vươn lên ngang tầm với nhiệm vụ mới, phấn đấu đạt các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra:

Mới đây, để thực hiện Nghị quyết hội nghị thứ 6 của Trung ương Đảng, Thành ủy chúng tôi một lần nữa nghiêm khắc phê phán các biểu hiện kém năng động, thiếu nhạy bén, thiếu chủ động sáng tạo, phê phán tình trạng quan liêu bao cấp, bảo thủ trì trệ vẫn còn nặng nề và phổ biến, đồng thời phê phán tình trạng phân tán và thiếu ý thức tổ chức kỷ luật trong tổ chức thực hiện các đường lối, chính sách, từ đó đề ra chương trình hành động nhằm thực hiện Nghị quyết của Trung ương.

Được các Nghị quyết của Bộ Chính trị và của Trung ương soi sáng, đảng bộ thành phố thấy mình phải luôn luôn nắm vững và làm tốt những vấn đề sau đây:

1. Hà nội là trung tâm đầu não về chính trị, văn hóa và khoa học kỹ thuật, đồng thời là trung tâm lớn về kinh tế và trung tâm giao dịch quốc tế của cả nước đề từ đó đề ra đúng

yêu cầu và nội dung xây dựng thành phố về mọi mặt.

2. Coi trọng công tác xây dựng đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đặc biệt là công tác cán bộ.

3. Phát huy cao độ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân trên các mặt của đời sống xã hội, không ngừng hoàn thiện cơ chế «Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý» ở thủ đô.

4. Tăng cường vai trò quản lý thành phố của chính quyền, ra sức kiện toàn chính quyền ba cấp ở thành phố, mạnh dạn phân cấp quản lý cho quận, huyện và phường, xã, kết hợp tốt các liên pháp quản lý, làm cho mỗi cấp có đủ điều kiện phát huy quyền làm chủ của mình.



Ba mươi năm phấn đấu và trưởng thành, đảng bộ và nhân dân thủ đô rất hạnh phúc được sự lãnh đạo, chỉ bảo ân cần của Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu, của các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết Bộ chính trị về công tác của thủ đô, cùng với các nghị quyết khác của Đảng là bộ được soi đường, là nguồn cổ vũ rất lớn đối với đảng bộ Hà nội. Tuyệt đối tin tưởng và làm theo đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng, đảng bộ và nhân dân thủ đô đã từng vùng vằng trước mọi thử thách, không sợ gian khổ, hy sinh, nhất định sẽ vượt qua được mọi khó khăn trước mắt, dũng cảm tiến lên hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, làm cho Hà nội xứng đáng là thủ đô anh hùng của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, đáp ứng lòng tin yêu, mong đợi của đồng bào cả nước.

Quân và dân tỉnh Hà tuyên kiên quyết đánh bại mọi âm mưu xâm lược và phá hoại của bọn phản động Trung quốc

NGUYỄN ĐỨC THIỆNG

HÀ TUYÊN là tỉnh tuyến đầu phía bắc nước ta. Biên giới Việt-Trung dọc tỉnh Hà giang cũ dài 270 km, qua đất 33 xã của 7 huyện: Nín mần, Hoàng xu phi, Vĩ xuyên, Quán bạ, Yên minh, Đồng văn và Mèo vạc. Trong cuộc chiến tranh xâm lược trực tiếp tháng 2 năm 1979 cũng như qua 5 năm tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt cực kỳ thâm độc chống Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, bọn phản động Trung quốc vẫn coi Hà tuyên là trọng điểm xâm lấn, phá hoại hòng tạo bàn đạp mở rộng chiến tranh xâm lược lúc có điều kiện. Chúng đã gây ra vô vàn tội ác rất nghiêm trọng đối với nhân dân tỉnh Hà tuyên.

Ngay từ những ngày đầu năm 1981, bọn phản động Trung quốc đã gây ra tình hình rất căng thẳng ở dọc tuyến biên giới tỉnh Hà tuyên, làm cho đời sống kinh tế xã hội của nhân dân ta ở vùng giáp biên giới thường xuyên không ổn định. Chúng đã điều động thêm nhiều sư đoàn, quân đoàn (trong đó có quân đoàn 11 đã từng tham gia chiến tranh xâm lược tháng 2-1979), áp sát biên giới đối diện với địa

phận các huyện Vĩ xuyên, Yên minh, Đồng văn, Mèo vạc và ra lệnh « động viên thời chiến ». Chúng liên tục vận chuyển vũ khí đạn dược, vật liệu, phương tiện chiến tranh hiện đại đến; rào riết củng cố, mở rộng mạng đường giao thông quân sự, trận địa, công sự, hầm hào v.v. ở sát biên giới. Chúng tung nhiều tên thám báo, biệt kích, gián điệp, bọn phản động người Việt gốc Hoa đã chạy sang Trung quốc luồn sâu vào nội địa hoạt động trinh sát, tình báo, phục kích, bắt cóc cán bộ, nhân dân, gài mìn phá giao thông, quấy rối, đốt phá rừng, nhen nhóm cơ sở phân cách mạng, kích động phá hoại tình đoàn kết giữa các dân tộc, mua chuộc, lôi kéo các phần tử xấu chống phá cách mạng nước ta. Chúng không ngớt tung ra những luận điệu vu cáo, nói xấu Việt nam và đe dọa chiến tranh, tung tin đánh chiếm một số nơi trong dịp Tết Nguyên đán.

Đặc biệt từ tháng 4 đến nay, Hà tuyên là một trong sáu tỉnh biên giới phía bắc bị quân Trung quốc lấn chiếm, bắn phá rất ác liệt, liên tục, dài ngày nhất với số đạn nhiều nhất

kể từ sau chiến tranh xâm lược tháng 2-1979. Trong hơn bốn tháng qua, quân lính Trung quốc đã bắn trên 170 000 viên đạn pháo, cối hạng nặng các loại, tên lửa H12 vào 28 xã của 7 huyện biên giới và vào một số khu vực sâu trong nội địa cách đường biên giới từ 10 đến 20 km như Phương tiến, Phương thiện, Phương độ, Thuận hòa (huyện Vị Xuyên); Phong quang, các khu phố Quang Trung, Yên biên (thị xã Hà giang); Quyet tiến (huyện Quân bạ); Na khê, Sùng chánh, Sùng thái (huyện Yên minh); Thái phin tung (huyện Đồng văn). Nhiều khu vực bị bắn phá liên tục suốt từ đầu tháng 1 đến nay có tính chất hủy diệt như Thanh thủy, Thanh dưc, Bạch dịch, Phú lũng, Lũng củ, Đồng văn... Riêng thị xã Hà giang bị bốn đợt pháo kích với nhiều đạn pháo hạng nặng, có đợt kéo dài đến 3 ngày. Không có ngày nào là không có tiếng súng của quân Trung quốc xâm lược bắn vào vùng biên giới tỉnh Hà tuyên. Hành động bắn phá có chủ đích của nhà cầm quyền Bắc kinh đã gây nhiều tổn thất về người và tài sản cho đồng bào tỉnh Hà tuyên; hàng trăm người chết và bị thương phần lớn là người già, phụ nữ, trẻ em, giáo viên và học sinh, hàng trăm trâu bò, ngựa, lợn bị giết hoặc bị cướp mang về Trung quốc. Đạn pháo của quân Trung quốc đã đốt cháy, phá hỏng hàng nghìn ngôi nhà của dân, kho tàng, trường học, trạm y tế, bệnh viện; phá hủy hàng nghìn hecta ruộng lúa, ngô, cây công nghiệp, cây ăn quả, rừng gỗ quý, sơ bộ ước tính thiệt hại lên đến 54 triệu đồng. Đây là những bằng chứng không thể chối cãi được về tội ác của bọn phản động Trung quốc giết hại dân thường, phá hoại các cơ sở kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa xã hội - điều mà luật pháp và tập quán quốc tế lên án, nghiêm cấm. Nhân dân tỉnh Hà tuyên mãi mãi khắc sâu lòng căm thù

về tội ác của bọn bành trướng Đại Hán.

Sau, cuộc chiến tranh xâm lược tháng 2-1979 bị thất bại nhục nhã buộc phải rút quân về bên kia biên giới, nhà cầm quyền Bắc kinh cầu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác vẫn âm ập cường vọng bành trướng xuống Đông dương và Đông Nam châu Á bằng nhiều hình thức. Chúng thường dùng lực lượng vũ trang chiếm đất hoặc tổ chức lực lượng phi tại chỗ. Tháng 10-1980, chúng đã cho một trung đoàn đánh chiếm cụm điểm cao 1992 thuộc huyện Xín nian; tháng 5-1981, chúng lại huy động một lực lượng lớn tiến công lần chiếm các cụm điểm cao 1800 A - 1800B - 1688 thuộc huyện Vị Xuyên. Từ tháng 4-1981 đến nay, chúng đã điều động nhiều đơn vị quân chủ lực cỡ sư đoàn được sự chi viện rất lớn của nhiều đơn vị pháo binh hạng nặng và các binh chủng kỹ thuật diên cường mở nhiều cuộc tiến công lần chiếm một số điểm cao thuộc lãnh thổ tỉnh Hà tuyên. Ngày 18-4, nhiều tiểu đoàn quân Trung quốc mở cuộc tiến công hồng lũng chiếm điểm cao 1250 thuộc huyện Yên minh, chúng đã bị quân và dân địa phương trừng trị đích đáng, diệt nhiều tên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh; chúng phải vội vã rút chạy về Trung quốc. Liên tiếp trong các ngày 28, 29, 30 tháng 4 và 1 tháng 5, chúng lại tiến công lần chiếm các điểm cao 1509, 772, 233 thuộc huyện Vị Xuyên, cụm điểm cao 1250 thuộc huyện Yên minh: ngày 13-5, chúng lại mở nhiều đợt tiến công lần chiếm điểm cao 1030 thuộc huyện Vị Xuyên. Tuy bị quân và dân Hà tuyên kiên quyết giáng trả, tiêu diệt nhiều tên, bọn phản động Trung quốc vẫn tiếp tục điều động nhiều sư đoàn bộ binh, pháo binh áp sát biên giới giáp huyện Đồng văn, đồng thời tổ chức nhiều đợt tiến công hồng lũng chiếm điểm cao 1911. Tại các điểm cao đã lần chiếm, chúng ra

sức tăng quân, rào riết xây dựng hầm hào, lô cốt, đường giao thông với ý đồ chiếm đóng lâu dài, tạo bàn đạp để chuẩn bị cho những cuộc tiến công lần chiếm khác hoặc mở rộng vùng khống chế, đe dọa việc đi lại trên các đường giao thông, phá hoại sản xuất, uy hiếp cuộc sống của đồng bào các dân tộc vùng biên giới tỉnh Hà Tuyên. Cùng với hành động vũ trang lấn chiếm lãnh thổ một cách công khai, trắng trợn, bọn phản động Trung quốc đang mưu toan tập hợp bọn phi, bọn phản động lưu vong đưa sang xây dựng «chính quyền hai mặt» ở một số thôn bản thuộc các huyện Xín mần, Hoàng xu phi, Mèo vạc ở sát biên giới nhằm làm bàn đạp đẩy mạnh chiến tranh phá hoại và mở rộng việc lấn chiếm một cách thâm hiểm, xảo quyệt hơn. Ngày 21-6, chúng cho quân lính lên lút đột nhập vào xã Lũng cú, huyện Đồng văn đập phá cột mốc số 17, đây là một hành động hết sức ngang ngược nhằm từng bước gặm nhấm dần lãnh thổ Việt nam, nó hoàn toàn trái với luận điệu mà chúng thường rêu rao là «không thêm một tấc đất của Việt nam». Những thủ đoạn, hình thức lấn chiếm lãnh thổ Việt nam (dùng lực lượng vũ trang bắn phá, tiến công; tập hợp lực lượng phi xây dựng chính quyền hai mặt; đập phá, di chuyển cột mốc; sửa lại đường biên giới lịch sử trên bản đồ...) mà bọn phản động Trung quốc đã và đang đẩy mạnh ở vùng biên giới tỉnh Hà tuyên cũng đã và đang được chúng tiến hành ở một số vùng biên giới của các tỉnh Hoàng liên sơn, Cao bằng, Lạng sơn. Chúng còn ra sức tạo điều kiện cho những tên phản bội cách mạng, phản bội Tổ quốc lên lút hoạt động chống phá cách mạng Việt nam, thực hiện chính sách chia rẽ cổ truyền, chính sách «dùng người Việt trị người Việt».

Những hành động tội ác trên đây của bọn bán hàng và bá quyền

Trung quốc đối với đồng bào các dân tộc tỉnh Hà tuyên cũng như các tỉnh khác của ta cho thấy chính sách thù địch của chúng chống Việt nam nhằm làm Việt nam suy yếu, tiến tới thôn tính Việt nam, không hề thay đổi mà càng diễn cường hơn, độc ác dã man hơn, ngoan cố hơn. Thế nhưng trong lúc đó, những kẻ cầm quyền ở Trung nam hải cũng với bộ mặt tuyên truyền của chúng lại ra rả ngày đêm tung ra đủ mọi luận điệu vu cáo trắng trợn, đồi trướng thay đen. Chúng đang cố kêu gào la lối nào là «Việt nam đang tập trung quân dọc biên giới» để chuẩn bị cho một cuộc tiến công mới, nào là «Việt nam xâm chiếm nhiều nơi trên lãnh thổ Trung quốc», hoặc là «chúng ta không thể làm gì khác hơn là đánh trả để tự vệ tới cùng...». Dừng là giọng lười của những kẻ «vừa ăn cướp vừa la làng».

Cùng với quân và dân các tỉnh biên giới phía bắc, quân và dân Hà tuyên phát huy truyền thống Tân trào lịch sử, Sông Lô chơi lại, đã kiên cường chiến đấu trừng trị địch đang quân xâm lược Trung quốc. Tháng 2-1979, một quân đoàn bộ binh Trung quốc có xe tăng, pháo binh hộ trợ, với hàng vạn dân binh ồ ạt tiến công tuyến biên giới Hà tuyên. Ngay từ đầu, chúng đã bị đánh những đòn đau, hàng nghìn tên xâm lược phải dền tội, nhiều xe tăng, phương tiện chiến tranh bị phá hủy. Sau hơn 20 ngày bị quân và dân Hà tuyên đánh cho thất bại thảm hại, ngày 11-3-1979, bọn Trung quốc xâm lược đã phải rút chạy khỏi Hà tuyên. Đư âm của những chiến công vang dội ngày ấy đã cổ vũ động viên quân và dân Hà tuyên chiến đấu lập nhiều thành tích mới làm nức lòng nhân dân cả nước trong đợt trừng trị quân xâm lược Trung quốc bốn tháng qua. Riêng hai tháng 4 và 5, Hà tuyên đánh thiệt hại nặng 11 tiểu đoàn, phá 20 trận địa pháo, cối của quân Trung

quốc. Ngày 11 và 12 tháng 6, quân và dân huyện Vij xuyên biên cấm thủ thành sức mạnh đã tiêu diệt 3 diêm địch lần chiếm sâu trong nội địa nước ta, đánh thiệt hại nặng một trung đoàn, một tiểu đoàn, diệt 70 tên, bắt một số tù binh, phá hủy 12 khẩu pháo, 6 súng cối 100 mm của địch. Tiếp đó ngày 22-7 bộ đội biên phòng và dân quân huyện Quân hạ hợp đồng chiến đấu, diệt 16 tên xâm lược, thu 2 súng, 2 máy thông tin vô tuyến, 5 la bàn khi chúng xâm nhập sâu vào đất ta ở khu vực mốc số 15. Liên tiếp trong các ngày 28, 29 và 30 tháng 7, quân và dân huyện Vij xuyên lại trừng trị đích đáng bọn Trung Quốc xâm lược, đánh lui 3 đợt tiến công của một tiểu đoàn bộ binh, diệt hơn 200 tên, phá hỏng 4 khẩu pháo và một số xe kéo pháo... Chiến công nối tiếp chiến công của quân và dân Hà tuyên càng tô thắm thêm truyền thống yêu nước, ý chí quyết chiến quyết thắng và chủ nghĩa anh hùng cách mạng sáng ngời của đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Từ trận tuyến giáp mặt với quân thù đến hậu phương rộng lớn đồng bào các dân tộc anh em trong tỉnh đã kết thành một khối đoàn kết vững vàng trong thế trận chống quân thù giữ vững biên cương Tổ quốc. Trong những ngày chiến đấu ác liệt này, đồng bào các huyện Bắc mê, Bắc quang, Hàm yên, Chiêm hóa, Na lang, Sơn dương, thị xã Tuyên quang luôn luôn hướng về tiền tuyến, chỉ viện kịp thời và to lớn về người và của cho tiền tuyến đánh thắng quân giặc. Huyện Bắc mê tuy mới thành lập, số xã lại ít, nhưng từ những ngày đầu đã chuyển lên tuyến trước hàng chục tấn lương thực, hàng trăm con trâu, bò, lợn. Hàng chục nghìn lượt người ở huyện Vij xuyên và thị xã Hà giang tình nguyện lên tham gia đào hầm

hào trận địa, chuyển lương thực, đạn được giúp bộ đội. Hàng trăm em học sinh Trường sư phạm của tỉnh đang chuẩn bị ra trường làm cô giáo, thầy giáo cũng có mặt tại chiến hào sát cánh cùng bộ đội chiến đấu chống quân hành trưởng Trung quốc. Người ở lại tuyến trước anh dũng diệt địch, còn những người già yếu, trẻ em sơ tán về những nơi an toàn cũng được chăm sóc chu đáo. Huyện Vij xuyên tạo mọi điều kiện để hơn hai nghìn gia đình đến nơi sơ tán ăn ở, sinh hoạt và tiếp tục sản xuất thuận lợi. Nói sao cho hết những cử chỉ, tấm lòng của hậu phương gắn bó với tiền tuyến. Cả nước hướng về Hà tuyên, chỉ viện cho tiền tuyến là tuyên chiến thắng Tỉnh cảm quân-dân, tiền tuyến-hậu phương càng gắn bó keo sơn, thế trận chống quân hành trưởng Trung quốc ở Hà tuyên lại càng thêm vững chắc. Truyền thống yêu nước chống ngoại xâm; tinh thần cảnh giác cách mạng; ý chí quyết chiến quyết thắng; sự đoàn kết gắn bó giữa đồng bào các dân tộc trong tỉnh, giữa quân với dân, giữa tiền tuyến với hậu phương; sự lãnh đạo vững vàng của các cấp Đảng từ cơ sở đến trung ương... là những nhân tố cơ bản giúp Hà tuyên đánh thắng trong cuộc chiến đấu chống quân Trung quốc xâm lược, bảo vệ Tổ quốc, đồng thời bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tiếp tục lao động sáng tạo xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Kẻ thù độc ác và nguy hiểm muốn làm suy yếu, tiến tới thôn tính là tuyên và cả nước ta. Nhưng những đôn trùng trị tích đảng của quân và dân tỉnh Hà tuyên vừa qua là những câu trả lời danh thép của dân tộc ta đối với chúng.

Đổi mới hướng đầu tư khai thác than

TRẦN ANH VINH

THAN là nguồn nguyên liệu, là nguồn năng lượng của nhiều ngành sản xuất: «... không có ngành công nghiệp than thì không thể nghĩ đến bất kỳ một nền công nghiệp hiện đại nào, bất kỳ một công xưởng hay nhà máy nào. Than thật sự là bánh mỳ của công nghiệp, không có nó thì công nghiệp sẽ ngừng trệ. ... » (1).

Tình hình khai thác than ở nước ta trong những năm qua tuy đã đạt được một số tiến bộ, song nhìn chung, sản lượng than khai thác hằng năm còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu. Điều đó có thể do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân đầu tư khai thác chưa đúng hướng.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng đã chỉ rõ, phải: « đưa sản lượng than năm 1985 lên 8-9 triệu tấn và tạo thêm gần 5 triệu tấn công suất gỏi đầu cho kế hoạch 1986-1990 » (2).

Để đạt được chỉ tiêu này, cần mạnh dạn đổi mới phương hướng khai thác than, xác định cơ cấu và tỷ lệ vốn đầu tư hợp lý cho các loại công trình dài hạn và ngắn hạn, kết hợp một cách khoa học giữa việc mở mỏ lớn, mở vừa, và mở nhỏ; chọn đúng đối tượng đầu tư để đầu tư khai thác, bảo đảm kết hợp giữa nhiệm vụ trước

mắt và lâu dài, giữa tích lũy và tiêu dùng.

Chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, cơ sở vật chất kỹ thuật và tiền vốn còn rất hạn chế, việc xác định phương hướng khai thác than và chọn đối tượng đầu tư phải phù hợp với những đặc điểm của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy, phương hướng khai thác than và sự lựa chọn đối tượng đầu tư trong thời gian tới phải thể hiện tính đồng bộ, thường xuyên và có trọng điểm.

Hiệu quả của phương hướng khai thác và đầu tư hợp lý được thể hiện ở chu kỳ chuẩn bị sản xuất được rút ngắn, thời gian quay vòng vốn nhanh, đồng vốn sớm phát huy tác dụng. Đặc điểm của sản xuất than đòi hỏi đầu tư xây dựng cơ bản lớn, thời gian xây dựng mô lâu và công tác xây dựng cơ bản phải làm thường xuyên để duy trì công suất thiết kế. Vì vậy phương hướng khai thác hợp lý nhất để bảo đảm tính đồng bộ và có trọng điểm là kết hợp chặt chẽ đầu tư xây dựng các công trình lớn với đầu tư xây

(1) V.I. Lênin: *Tôđn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 40, tr. 339.

(2) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập 2, tr. 48.

đựng các công trình vừa và nhỏ; chú ý thích đáng các công trình vừa và công trình nhỏ

Thời gian xây dựng các mỏ phụ thuộc vào từng công trình: mỏ hầm lò hay mỏ lộ thiên, đồng thời còn phụ thuộc vào công suất thiết kế các mỏ. Mỏ lộ thiên có công suất lớn 2 triệu tấn/năm nhưng thời gian xây dựng cơ bản cũng chỉ tương đương với mỏ hầm lò có công suất 50 - 60 vạn tấn/năm. Cũng có công suất thiết kế như nhau nhưng vốn đầu tư cho mỏ hầm lò lớn hơn mỏ lộ thiên. Hiện nay chúng ta gọi công trình lớn là những công trình có thời gian xây dựng cơ bản kéo dài (thường là 10 năm), công suất thiết kế lớn, dù đó là mỏ hầm lò hay mỏ lộ thiên. Công trình vừa và nhỏ là những công trình chỉ đòi hỏi thời gian xây dựng cơ bản nhiều nhất là 4 đến 5 năm.

Công trình lớn đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thiết kế và thi công phức tạp, chậm được khai thác do thời gian xây dựng kéo dài, song các công trình này mang lại khối lượng sản phẩm lớn, hiệu quả kinh tế cao. Việc xây dựng các công trình vừa và công trình nhỏ, tuy có những nhược điểm như không cơ giới hóa được cao, công suất các mỏ không lớn, khối lượng sản phẩm không nhiều; song lại sớm được khai thác do thời gian xây dựng cơ bản thường kết thúc trong vòng 3 đến 4 năm, vốn đầu tư cho nó không lớn; việc thiết kế và xây dựng các công trình vừa và công trình nhỏ lại phù hợp với trình độ của cán bộ và công nhân ta hiện nay. Như vậy xét về khả năng vốn đầu tư hiện nay và nhu cầu về than trước mắt cũng như lâu dài, nên ưu tiên vốn đầu tư cho công trình vừa và công trình nhỏ. Theo ý chúng tôi có thể dành khoảng 80% vốn đầu tư cho các công trình vừa và nhỏ, 20% vốn cho các công trình lớn; có như vậy mới khỏi chìm vốn lâu. Chú ý đúng mức các công

trình vừa và công trình nhỏ song không hạn chế việc xây dựng một số công trình lớn, đó là cách làm có hiệu quả kinh tế cao, đồng thời cũng là kết hợp tốt nhất yêu cầu trước mắt và lâu dài. Thực chất đó là việc lấy ngắn nuôi dài, lấy than nuôi than, hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế của nước ta hiện nay.

Chọn đối tượng đầu tư phải dựa trên cơ sở của phương hướng khai thác là ưu tiên các mỏ lộ thiên, tận dụng các lộ vỉa vì mỏ lộ thiên, dù là mỏ có công suất lớn từ 2 đến 3 triệu tấn, năm thì việc chuẩn bị khai thác cũng chỉ mất khoảng 4 - 5 năm. Ví dụ, mỏ Cao Sơn là mỏ lộ thiên có công suất 2 triệu tấn/năm, sau hơn 3 năm chuẩn bị khai thác, đến đầu năm 1980 đã đi vào sản xuất. Các công trình mỏ hầm lò là những công trình xây dựng lâu, nhất là các mỏ lớn, vì vậy trong giai đoạn trước mắt này, ngoài việc đầu tư có trọng điểm một số mỏ lộ thiên lớn, nên đầu tư thích đáng cho các mỏ hầm lò có công suất vừa và nhỏ, khoảng từ 30 đến 40 vạn tấn/năm để đáp ứng yêu cầu ra than nhanh. Đồng thời nên chú ý đầu tư xây dựng các mỏ vừa, mỏ nhỏ, các lộ vỉa cạnh các mỏ lớn vì đây là một biện pháp dễ tăng nhanh sản lượng than trong một thời gian ngắn, lại tận dụng được các công trình phụ, các công trình trên mặt đất, dựa được vào các cơ sở vật chất của mỏ lớn; mặt khác mỏ vừa, mỏ nhỏ cạnh mỏ lớn lại rất phù hợp với đặc điểm địa chất nước ta. Trong kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 ta đã làm xong 9 mỏ vừa và mỏ nhỏ cạnh mỏ lớn, cho nên từ năm 1980 đến nay, các mỏ này hằng năm sản xuất được trên 2 triệu tấn than. Ngoài ra, trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, cần quan tâm đúng mức tới việc tổ chức khai thác than ở các mỏ nằm rải rác trên khắp các địa phương trong cả nước. Đây là điều rất cần thiết để giải quyết được nhu cầu than tại chỗ, vừa giảm được chi phí vận chuyển, vừa tận

dụng được tài nguyên và lao động của địa phương để phát triển công nghiệp.

Ở nước ta, phần lớn các mỏ than đều nằm ở vùng đồi núi, vì vậy dễ phù hợp với hoàn cảnh địa chất, trong mỗi khoáng sản có thể chia nhiều phân tầng, chia nhiều khoảnh để mỏ nhiều lò cùng một lúc. Mỏ hầm lò Mạo Khê đã chọn kiểu đầu tư thích hợp, tiến hành mỏ nhiều vỉa theo kiểu chia nhiều phân tầng, nhiều khoảnh nên đã tiết kiệm được vốn đầu tư ban đầu, than sớm được khai thác. Cách khai thác than này của mỏ Mạo Khê phù hợp với điều kiện khai thác mỏ và trang bị của chúng ta nên đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Tuy nhiên, trong quá trình chọn đối tượng đầu tư không nên mở diện quá rộng, cần phải chú ý đầu tư theo chiều sâu, chẳng hạn sau khi hoàn thành việc xây dựng mỏ Khe Châm I có công suất 30 - 35 vạn tấn/năm, chúng ta nên tiếp tục xây dựng mỏ Khe Châm II nhằm tận dụng cơ sở vật chất của mỏ Khe Châm I và măng ga Cao sơn, phát huy hết công suất của khu vực rồi mới đi vào xây dựng mỏ Khe Tam là khu mới.

Đầu tư khai thác than phải được thực hiện một cách *thường xuyên*. Điều đó không chỉ thể hiện ở việc đầu tư làm nhiều mỏ cùng một lúc, kết hợp mỏ mỏ lớn với mỏ vừa và mỏ nhỏ để khắc phục tình trạng chậm ra than mà còn phải dành một tỷ lệ đầu tư hợp lý cho xây dựng cơ bản thường xuyên trong mỗi mỏ đang khai thác. Đặc điểm của sản xuất than là nguồn tài nguyên ở mỗi mỏ do được khai thác nên giảm dần. Do đó, nếu không đầu tư trang bị thêm để xây dựng đường lò mới, các vỉa mới, đường vận chuyển và bãi thải mới, đầu tư công trình cung cấp khí nén, điện nước, bốc thêm đất đá v.v. thì không thể tiếp tục lấy than được. Thực chất của khoản đầu tư thêm này là để đáp ứng

yêu cầu duy trì công suất mỏ, nhất là đối với các mỏ hầm lò, và tỷ lệ vốn đầu tư này phải cân đối với tổng số vốn đầu tư ban đầu (không nên để mức quá thấp như hiện nay).

Trong xây dựng và quản lý ngành than, chúng ta có khuyết điểm lớn là chưa nhận thức đầy đủ và chưa quan tâm thích đáng đến cơ cấu hạ tầng của sản xuất than, dẫn đến hậu quả than chậm được khai thác, hoặc bị ứ đọng do chậm được vận chuyển nên bị giảm phẩm chất. Do đó, cần *chú ý đầu tư đúng mức* cho cơ cấu hạ tầng bao gồm từ các khâu trực tiếp phục vụ khai thác than như sàng tuyển, bến bãi, vận chuyển, các công trình cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, v.v. đến các công trình gián tiếp như y tế, văn hóa, giáo dục, cửa hàng thương nghiệp, nhà ở v.v. nhằm bảo đảm tính đồng bộ của dây chuyền sản xuất than. Có như vậy mới tránh được tình trạng các công trình trong mỏ đã xây dựng xong, nhưng chưa thể tiến hành khai thác được vì các công trình trên mặt bằng chưa xây dựng kịp; hoặc than được khai thác rồi, nhưng ứ đọng ở bến bãi do thiếu phương tiện vận chuyển, sàng tuyển, bốc rót. Theo kinh nghiệm của Liên xô và nhiều nước tiên tiến khác, đầu tư cho khai thác than và đầu tư cho cơ cấu hạ tầng luôn luôn bảo đảm tỷ lệ 6/4. Thời gian qua, chúng ta đã dành tỷ trọng quá lớn (81,2%) cho khâu khai thác, và chỉ có 18,8% tổng số vốn cho xây dựng cơ cấu hạ tầng, các khâu ngoài mỏ, đường sá, cống rãnh thoát nước trong mỏ chưa được xây dựng hoàn chỉnh theo thiết kế; nhà ở cho công nhân viên chức, các công trình phúc lợi công cộng như nhà hát, rạp chiếu bóng, công viên, trạm điều dưỡng, nhà nghỉ mát, hệ thống dịch vụ, v.v. trong nhiều năm chưa được chú ý đúng mức, cho nên chưa động viên và thu hút người lao động làm nghề mỏ.

Thực hiện đúng tiến độ thi công, đưa công trình vào sản xuất theo

đúng kế hoạch là góp phần bảo đảm hiệu quả phương hướng đầu tư ban đầu. Muốn vậy, phải tổ chức thực hiện đầu tư cho tốt, phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị tham gia đầu tư và xây dựng, bao gồm chủ đầu tư và các đơn vị khảo sát, thiết kế, các đơn vị thi công xây lắp các loại, các đơn vị cung ứng vật tư, vận tải, v.v. Do thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các khâu thiết kế và thi công, cho nên tiến độ thi công xây lắp hiện nay ở các mỏ, đặc biệt ở các mỏ hầm lò loại lớn như Vàng Danh, Mông Dương thường phải kéo dài từ 1,5 đến 2 lần so với kế hoạch. Điều đó đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc sản xuất than và hiệu quả vốn đầu tư.



Nhằm thực hiện tốt phương án khai thác than, phát huy hiệu quả cao của vốn đầu tư, cần mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh của các mỏ than, nơi trực tiếp sử dụng lao động, vật tư, thiết bị để khai thác tài nguyên và là nơi thể hiện quyền làm chủ tập thể về kinh tế của quần chúng công nhân.

Mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp bao gồm nhiều nội dung, ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến vấn đề kế hoạch. Kế hoạch hóa là công cụ chủ yếu của hệ thống quản lý kinh tế, cho nên nói đến quyền chủ động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, trước hết phải nói đến quyền chủ động trong kế hoạch, nói đến hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước giao cho các mỏ. Hiện nay đề vừa bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước, vừa mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và quyền tự chủ tài chính của các xí nghiệp quốc doanh, Nhà nước ta, căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị thứ sáu của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V), đã rút hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh từ 9 xuống còn 5,

trong đó có 4 chỉ tiêu thuộc về trách nhiệm của xí nghiệp đối với Nhà nước là:

— Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện (có phần cho xuất khẩu);

— Sản phẩm giao nộp (có phần cho xuất khẩu) theo chỉ tiêu chất lượng quy định trong hợp đồng.

— Mức giảm giá thành

— Lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách.

Và một chỉ tiêu thuộc về trách nhiệm của Nhà nước đối với xí nghiệp là: những vật tư chủ yếu do Nhà nước cung ứng.

Với hệ thống 5 chỉ tiêu pháp lệnh này, giám đốc mỏ có thể chủ động bố trí sản xuất trên cơ sở phương án khai thác Bộ đã duyệt, chủ động sử dụng lao động hợp lý, dùng đòn bẩy kinh tế kích thích kịp thời việc nâng cao năng suất lao động, sử dụng tiết kiệm vật tư, tiền vốn... nhưng Nhà nước vẫn nắm được sản phẩm chủ yếu để phát triển nền kinh tế quốc dân.

Trong tình hình nền kinh tế của chúng ta còn mất cân đối như hiện nay, việc tạo ra thể chủ động mới trong sản xuất phụ thuộc cả vào Nhà nước và các xí nghiệp, các mỏ. Một mặt, Nhà nước cố gắng từng bước cung cấp vật tư, thiết bị, nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, phụ tùng thay thế đúng, đủ, đồng bộ, kịp thời cho các mỏ, các xí nghiệp; các ngành tài chính, ngân hàng, giá v.v. tạo điều kiện cho cơ sở phát triển sản xuất. Mặt khác, Nhà nước có thể tạo điều kiện cho các xí nghiệp, các mỏ tự cân đối đề đầy mạnh sản xuất trên cơ sở các mỏ phải hoàn thành kế hoạch giao nộp sản phẩm cho Nhà nước theo phần Nhà nước cân đối, phần còn lại các mỏ có thể dùng để xuất khẩu lấy ngoại tệ mua vật tư thiết bị để mở rộng sản xuất. Tuy nhiên, việc mở rộng quản hệ xuất khẩu và nhập khẩu của mỗi đơn vị kinh tế

với nước ngoài phải được tổ chức chặt chẽ dưới sự quản lý thống nhất về hành chính — kinh tế của Bộ ngoại thương và phải tính toán đến hiệu quả kinh tế, đến lợi ích chung của nền kinh tế quốc dân.

Công tác kế hoạch của ta lâu nay còn có nhược điểm là tập trung quan liêu, chưa phát huy và bảo đảm quyền làm chủ tập thể về kinh tế của cơ sở, cho nên chưa khai thác được mọi tiềm năng của các mỏ. Để khắc phục khuyết điểm này, Kế hoạch sản xuất của cơ sở cần được xây dựng từ dưới lên chứ không phải từ trên dội xuống. Dựa vào khả năng thực tế của mình, căn cứ vào số kiểm tra và các thông tin hướng dẫn của cấp trên.

Thông qua các hợp đồng kinh tế đã ký với khách hàng, các mỏ và công ty chủ động lập kế hoạch sản xuất. Kế hoạch đó sẽ được cấp trên điều chỉnh (tạo thêm khả năng hoặc giảm bớt yêu cầu) và xét duyệt, giao cho xí nghiệp thực hiện.

Xác định đúng đắn phương hướng khai thác và đầu tư, đổi mới công tác kế hoạch hóa và tăng cường quyền chủ động sản xuất kinh doanh của các mỏ, các xí nghiệp, sẽ tạo điều kiện cho ngành than mau chóng nâng cao sản lượng than, đáp ứng nhu cầu sản xuất và xuất khẩu của nền kinh tế quốc dân cũng như nhu cầu tiêu dùng than cho sinh hoạt.

Xây dựng lực lượng công an...

(Tiếp theo trang 19)

phát triển của phong trào và cả việc xây dựng lực lượng công an nhân dân.



Trong quá trình chiến đấu và trưởng thành, lực lượng công an nhân dân luôn luôn xác định rằng mỗi chiến công của mình đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, từ sự đoàn kết và hợp đồng chặt chẽ với Quân đội nhân dân, với các ngành, các đoàn thể quần chúng và sự yêu

thương, đùm bọc, giúp đỡ của nhân dân. Công an nhân dân Việt nam cần luôn luôn xác định đúng đắn vai trò, nhiệm vụ của mình trong giai đoạn mới, phát huy bản chất, truyền thống tốt đẹp để hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ trọng đại mà Đảng và nhân dân giao cho. Bởi vì đó là việc làm có ý nghĩa sâu sắc nhất, thiết thực nhất để xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng, của Nhà nước, của nhân dân và thể hiện lòng biết ơn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người cha thân yêu của lực lượng công an nhân dân Việt nam.

Trao đổi ý kiến

VỀ XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN*

Mấy vấn đề về xây dựng huyện ở Lạng sơn trong tình hình hiện nay

LA THĂNG

Bí thư Tỉnh ủy Lạng sơn

LANG SON là một tỉnh miền núi ở cửa ngõ biên giới phía bắc nước ta, bắc giáp tỉnh Cao bằng, nam giáp tỉnh Hà bắc, tây giáp tỉnh Bắc thái, đông giáp tỉnh Quảng ninh của nước ta và tỉnh Quảng tây của Trung quốc.

Lạng sơn có diện tích tự nhiên rộng hơn 8000 km², là một tỉnh giàu có với nhiều loại nông sản, lâm sản và khoáng sản quý.

Trong lịch sử chống quân xâm lược phương Bắc, Lạng sơn luôn luôn là một vùng đất phải đối đầu trực tiếp với các mũi tiến công có số quân đông nhất, mạnh nhất và quyết liệt nhất của kẻ thù.

Trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta hồi tháng 2 năm 1979, bọn hành tẩu và bá quyền Trung quốc cũng đã tập trung tới 1/3 số quân mà chúng huy động để mở cuộc tiến công vào Lạng sơn.

Mặc dù bị thất bại thảm hại trong cuộc chiến tranh đó, bọn hành tẩu và bá quyền Trung quốc vẫn không từ bỏ ý đồ xâm lược nước ta. Chúng đã tiến hành kiên chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với Việt nam. Và, Lạng sơn với 22 xã có chiều dài 253 km

giáp giới với Trung quốc lại hằng ngày, hằng giờ phải mặt đối mặt với kiểu chiến tranh phá hoại nham hiểm đó của kẻ thù.

Trên địa bàn Lạng sơn trong những năm qua, bọn chúng đã tiến hành nhiều phương thức, thủ đoạn hoạt động phá hoại rất thâm độc. Đi đôi với khiêu khích vũ trang, bọn chúng thường xuyên tung biệt kích, thám báo sang đất ta phá hoại, bắt cóc cán bộ, quân nhân và dân thường. Chúng tăng cường các hoạt động gián điệp nhằm thu thập tình báo, móc nối xây dựng cơ sở, ly gián nội bộ ta. Chúng điên cuồng đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, hòng phá vỡ khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân, xuyên tạc, đã kích các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta nhằm phá hoại tinh thần, tư tưởng, lòng tin và ý chí cách mạng của nhân dân ta, đặc biệt chú trọng đánh vào lớp trẻ và những cán bộ, đảng viên tiêu cực, bất mãn. Chúng còn dùng hàng hóa để mua chuộc, lôi kéo người dân của ta sang Trung quốc; tiến hành xây dựng các tổ chức chính trị phản động để chuẩn bị chống phá ta lâu dài.

* Xem Tạp chí Công sản từ số 2-1984.

Đặc biệt, trên địa bàn tỉnh Lạng sơn từ ngày 2-4 đến 25-5 năm nay, bọn hành trưởng và bá quyền Trung quốc đã tiến hành khiêu khích vũ trang quy mô khá lớn, trên một không gian khá rộng trong một thời gian khá lâu và mang tính chất khá ác liệt. Chúng đã bắn tất cả 20761 quả đạn các loại từ cối 82 đến pháo 152 ly vào 13/22 xã giáp biên, gây ra nhiều thiệt hại về người và của cho đồng bào các dân tộc tỉnh chúng tôi.

Xuất phát từ tình hình thực tế trên đây, một vấn đề cấp thiết đặt ra cho công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở tỉnh Lạng sơn chúng tôi là phải phấn đấu làm sao cho mỗi huyện đều được bố phòng tốt, có chính trị vững, có kinh tế và văn hóa phát triển, có lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh và có khả năng giải quyết tốt hậu cần tại chỗ.

Phấn đấu cho tất cả các huyện trong tỉnh đều đạt được yêu cầu nói trên là một công việc khó khăn, phức tạp. Khó, nhưng nhất thiết phải làm, không thể nào khác được.

Để làm được việc đó, trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo, Tỉnh ủy Lạng sơn đã chú ý giải quyết một số vấn đề cơ bản sau đây:

1 - Làm cho các cấp Đảng và chính quyền từ tỉnh đến cơ sở thấy rõ mối quan hệ biện chứng giữa hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa trong công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

Đây tưởng chừng như một vấn đề đơn giản, song không phải thế. Đã có tư tưởng cho rằng ở một tỉnh miền núi địa đầu Tổ quốc, nơi hàng ngày phải giáp mặt với kẻ thù và luôn luôn bị kẻ thù quấy phá thì không cần thiết phải đầu tư nhiều cho việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; mà chỉ nên tập trung cho việc xây dựng và củng cố quốc phòng, bảo

vệ biên giới của Tổ quốc. Nhận thức lệch lạc đó đã được tỉnh ủy kịp thời uốn nắn. Chúng tôi đã xác định cho các cấp Đảng và chính quyền thấy rõ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. Phải xây dựng chủ nghĩa xã hội đạt những kết quả thiết thực làm cho cả nước, cũng như mỗi địa phương, mỗi cơ sở mạnh lên về mọi mặt và trong mọi hoàn cảnh thì mới có đủ sức đánh thắng mọi cuộc chiến tranh xâm lược của địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Ngược lại, có tăng cường phòng thủ đất nước, làm thất bại kế hoạch chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và bảo đảm cho đất nước luôn luôn được bảo vệ vững chắc thì mới có đủ điều kiện để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc đi đôi với đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội là những nhiệm vụ trọng đại không phút nào được lơ lửng. Đây cũng là sự mệnh lệnh sử của chuyên chính vô sản ở nước ta mang ý nghĩa dân tộc và ý nghĩa quốc tế sâu sắc. Nếu không nhận thức đúng đắn tình hình và tất yếu của sự kết hợp chặt chẽ và biện chứng giữa hai nhiệm vụ chiến lược đó, coi nhẹ một nhiệm vụ nào, thậm chí đối lập hai nhiệm vụ đó với nhau, thiếu những biện pháp tích cực, có hiệu quả để thực hiện sự kết hợp đó thì sẽ dẫn đến những hậu quả xấu không thể lường trước được. Kinh tế và quốc phòng trong chế độ xã hội chủ nghĩa về cơ bản là thống nhất với nhau. Nếu nhận thức đúng và có những biện pháp tích cực và có hiệu quả thì kinh tế và quốc phòng chẳng những không mâu thuẫn, mà còn thúc đẩy nhau phát triển.

Thực tế ở Lạng sơn cho thấy, huyện nào có được nhận thức đúng đắn như vậy thì trong công tác xây dựng huyện sẽ đỡ lúng túng và đạt được những

kết quả tốt. Huyện Trảng định là một ví dụ. Trảng định là một trong năm huyện của Lạng sơn có biên giới chung với Trung quốc. Tháng 2-1979, Trảng định đã bị bọn xâm lược Trung quốc tiến công và tàn phá. Nhưng Huyện ủy Trảng định đã xác định rõ trách nhiệm của mình là vừa phải lãnh đạo việc bố phòng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu có hiệu quả cao để bảo vệ lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ nhân dân, vừa phải đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế để bảo đảm đời sống nhân dân, làm cho nhân dân yên tâm, tin tưởng, bám trụ sản xuất, gắn bó với làng, bản và có ý thức trách nhiệm cao trong việc bảo vệ làng, bản của mình. Đồng thời, Huyện ủy Trảng định cũng đã bổ sung, sửa đổi một số điểm trong quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện mình cho phù hợp với tình hình mới. Do đó, những năm qua, Trảng định là một huyện được bố phòng tốt, có chính trị vững, có kinh tế và văn hóa phát triển, có lực lượng vũ trang nhân dân khá vững mạnh.

Trong thời gian xảy ra chiến sự từ đầu tháng tư đến cuối tháng năm vừa qua, một lần nữa Trảng định lại chứng minh được điều đó.

2 - *Xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn từng huyện, bảo đảm khả năng phòng thủ ở mức cao nhất.*

Xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện là bố trí lực lượng theo những phương án tác chiến cơ bản. Thể trận đó được xây dựng trên cơ sở những ưu thế về chính trị, tinh thần, kinh tế của ta và căn cứ vào những âm mưu, thủ đoạn của địch, đối tượng tác chiến của ta, căn cứ vào yếu tố địa hình, địa vật của từng vùng. Nó bảo đảm cho nhân dân và các lực lượng vũ trang trong huyện vừa chiến đấu, vừa sản xuất, vừa tích lũy, bồi dưỡng lực lượng để có thể chiến đấu độc lập, dài ngày,

giữ vững được quyền làm chủ địa phương, góp phần làm chủ cả nước.

Thể trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện được hình thành trong các thể trận ở từng xã, từng làng, bản, từng nhà máy, xí nghiệp, công trường, lâm trường, thể trận của từng cụm chiến đấu liên hoàn, liên kết với nhau thành nhiều tuyến có cả bề rộng và chiều sâu, tạo điều kiện bám trụ kiên cường, giáp đỡ lẫn nhau để giữ vững địa bàn chiến đấu liên tục và có những căn cứ hậu phương để tiếp tục sản xuất trong mọi hoàn cảnh của chiến tranh, giữ vững mối liên hệ với tỉnh và quân khu.

Việc xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện còn phải xuất phát từ yêu cầu của cuộc chiến tranh và khả năng của ta trên từng vùng để có cách đánh thích hợp.

Ở Lạng sơn, trên địa bàn từng huyện đều xây dựng *xã chiến đấu*. Tổ chức dân quân ở các xã chiến đấu được phân chia thành ba lực lượng với những nhiệm vụ cụ thể khác nhau: lực lượng cơ động chiến đấu có nhiệm vụ cơ động tác chiến trên toàn bộ địa bàn của xã khi xảy ra chiến sự; lực lượng chiến đấu bảo vệ làng, bản có nhiệm vụ tác chiến tại chỗ để bảo vệ làng, bản của mình; lực lượng bảo vệ nhân dân tạm lánh về phía sau. Riêng đối với các xã giáp biên, ngoài ba lực lượng nói trên, xã nào cũng có thêm một lực lượng dân quân tập trung thường trực chiến đấu.

Việc xây dựng các xã chiến đấu phải làm sao cho ta có thể hoàn toàn ở thế chủ động: vẫn sản xuất bình thường, bảo vệ được dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đồng thời khi địch đến là có thể chiến đấu được ngay và chiến đấu tốt. Vì vậy, trong mọi việc, từ bố trí dân cư, tổ chức lại sản xuất, sắp xếp lại lao động, tổ chức đời sống của nhân dân... đều phải tính toán một cách khoa học. Những xã ở các huyện

biên giới đều tổ chức khu vực hậu cứ của xã mình đề khi chiến tranh xảy ra, nhân dân có thể tạm lánh ở đó trước khi có lệnh lui về tuyến sau nữa.

Cùng với việc xây dựng xã chiến đấu, chúng tôi còn chỉ đạo xây dựng các *cụm xã chiến đấu*. Cụm xã chiến đấu được xây dựng trên cơ sở có địa bàn gần nhau; mỗi cụm bao gồm khoảng 3 - 4 xã. Các lực lượng vũ trang trong mỗi cụm có nhiệm vụ tác chiến trên địa bàn cả cụm mà mình phụ trách; đồng thời sẵn sàng cơ động chiến đấu hoặc giúp đỡ các cụm khác khi cần thiết. Mỗi cụm có một ban chỉ huy chung gồm đại diện của lực lượng vũ trang, của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương. Mỗi cụm đều có một xã hậu cứ đề khi có chiến tranh, nhân dân mỗi cụm tạm lánh về đó.

Như vậy xã có khu vực an toàn của xã, cụm có khu vực an toàn của cụm, huyện có khu vực an toàn của huyện. Việc tổ chức các xã và cụm xã chiến đấu như vậy nhằm mục đích vừa bảo đảm sản xuất tốt, vừa bảo đảm chiến đấu tốt.

Các lực lượng vũ trang trên địa bàn huyện đều xác định rõ trách nhiệm của mình và có kế hoạch phối hợp tác chiến cụ thể.

Xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện như vậy, ta có thể thực hiện làm chủ và tiến công, tiến công và làm chủ, vừa đánh được địch, vừa bồi dưỡng được lực lượng ta, vừa kết hợp được chiến đấu với sản xuất.

3 - Khàn trương chỉ đạo các huyện xây dựng quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành trên địa bàn huyện sao cho vừa phát huy được thế mạnh của huyện vừa phù hợp với tình hình hiện nay.

Việc xây dựng quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội và quy hoạch từng ngành ở huyện thật sự trở thành một đòi hỏi cấp bách hiện nay ở Lạng Sơn.

Nó vừa là đòi hỏi của sự nghiệp phát triển kinh tế, vừa là đòi hỏi của sự nghiệp củng cố quốc phòng.

Quy hoạch tổng thể bao gồm việc xác định cơ cấu sản xuất, phương hướng sản xuất của huyện, phân rõ các vùng, xác định phương hướng sản xuất của từng vùng, xác định các mục tiêu kinh tế - xã hội của huyện và của từng vùng, xác định các biện pháp cần thiết, các cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết để bảo đảm các mục tiêu đó. Quy hoạch tổng thể là chỗ dựa để xây dựng quy hoạch ngành và quy hoạch ngành là cụ thể hóa quy hoạch tổng thể. Có xây dựng quy hoạch tổng thể mới tổ chức lại được sản xuất trên địa bàn huyện, mới có cơ sở để tiến hành phân bố lại lực lượng sản xuất, sắp xếp lại ngành nghề, bố trí lại cây trồng, con vật nuôi, xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật. Quy hoạch tổng thể cũng là chỗ dựa để xây dựng tốt kế hoạch hằng năm, xác định cơ cấu cây trồng từng mùa, từng vụ trên từng vùng, xây dựng quy trình sản xuất, quy trình kỹ thuật thích hợp cho từng vụ và từng loại cây trồng, con vật nuôi...

Thấy rõ tầm quan trọng và những nội dung cụ thể của việc xây dựng quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện như vậy cho nên chúng tôi đã xúc tiến chỉ đạo các huyện khẩn trương xây dựng quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội và quy hoạch từng ngành trên địa bàn của huyện mình.

Chúng tôi đã tập trung chỉ đạo huyện diêm Tràng định đề rút kinh nghiệm chỉ đạo các huyện khác và bước đầu đạt được kết quả tốt. Tràng định xác định cơ cấu kinh tế của huyện mình là nông - lâm - công nghiệp. Tràng định cũng đã thực hiện được sự phân vùng kinh tế trong huyện, xác định được phương hướng sản xuất và các mục tiêu kinh tế xã hội của từng vùng. Đến nay,

ở Trảng định đã hình thành bốn tiểu vùng kinh tế gắn liền với các cụm xã chiến đấu. Tiểu vùng thứ nhất chủ yếu trồng lúa và chăn nuôi lợn; tiểu vùng thứ hai chủ yếu trồng cây công nghiệp ngắn ngày; tiểu vùng thứ ba chủ yếu chăn nuôi đại gia súc; tiểu vùng thứ tư chủ yếu làm lâm nghiệp và trồng cây công nghiệp dài ngày. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể, từng ngành sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, phân phối lưu thông, văn hóa xã hội đều có quy hoạch riêng của ngành mình phù hợp với tình hình mới và phù hợp với sự phát triển chung của toàn huyện.

Từ kinh nghiệm của huyện Trảng định, chúng tôi đã tiến hành chỉ đạo tiếp hai huyện Hữu lung, Cao lộc và sau đó là các huyện Bình gia, Bắc sơn, Lộc bình, Chi Lăng...

Chúng tôi yêu cầu các huyện trong việc xây dựng quy hoạch tổng thể phải xác định rõ phương hướng sản xuất kinh doanh của huyện; các bước đi, các mục tiêu kinh tế - xã hội của từng thời kỳ; sự phân vùng trong huyện; phương hướng sản xuất và các mục tiêu kinh tế - xã hội của huyện nói chung và của từng vùng nói riêng...

Phương hướng phấn đấu của Lạng sơn là trong một thời gian ngắn nữa các huyện trong tỉnh đều xây dựng xong quy hoạch tổng thể cũng như quy hoạch từng ngành trên địa bàn huyện phù hợp với đặc điểm, tình hình của một tỉnh biên giới địa dân Tộc quốc.

4 - Xây dựng và củng cố cơ sở sao cho mỗi cơ sở thật sự trở thành một đơn vị vừa sản xuất giỏi vừa chiến đấu tốt.

Vấn đề này đối với các tỉnh, huyện miền xuôi đã là quan trọng và cấp bách; đối với một tỉnh miền núi như Lạng sơn lại càng quan trọng và cấp bách. Muốn xây dựng huyện tốt phải có cơ sở vững.

Trong công tác xây dựng và củng cố cơ sở, chúng tôi phải đặc biệt chú ý tới việc xây dựng và củng cố hợp tác xã, giữ vững quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Bởi vì hợp tác xã có vững mới có thể nói tới chuyện tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động, bố trí lại dân cư. Hợp tác xã có vững mới có thể nói tới chuyện đưa những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tổ chức đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Hợp tác xã có vững mới có thể nói tới chuyện xây dựng lực lượng dân quân, chuẩn bị bố phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội... Nói tóm lại, không có hợp tác xã vững mạnh, không củng cố được quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa thì khi tiến hành những công việc nói trên chúng ta sẽ gặp khó khăn cực kỳ to lớn. Sở dĩ phải đặt vấn đề này ra bởi vì đối với các tỉnh miền núi do có những khó khăn khách quan như: dân cư phân tán, trình độ giác ngộ chính trị, trình độ văn hóa, những hiểu biết về khoa học kỹ thuật... còn hạn chế, cho nên xây dựng được những cơ sở khá là một điều rất khó.

Trong việc xây dựng và củng cố cơ sở còn phải chú ý nâng cao chất lượng và sức chiến đấu của lực lượng dân quân bởi vì đó là một lực lượng chiến lược, là công cụ bạo lực của Đảng và chính quyền ở cơ sở. Nó giữ vai trò nòng cốt cả trong sản xuất, quốc phòng và an ninh, là chỗ dựa của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động và là trường học rèn luyện con người mới ở cơ sở.

Đi đôi với việc phát triển dân quân có số lượng cần thiết phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương, cần tập trung nâng cao chất lượng dân quân về mọi mặt, nhất là chất lượng chính trị. Việc xây dựng dân quân phải kết hợp và dựa vào kết quả của việc xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng đơn vị cơ sở

vững mạnh về mọi mặt, phải gắn liền với việc thực hiện ba cuộc cách mạng ở cơ sở. Đối với những vùng xung yếu của các huyện biên giới cần thường xuyên tập trung chỉ đạo xây dựng dân quân cho thật vững mạnh.

Hiện nay, ở tỉnh chúng tôi, nhất là ở 5 huyện biên giới từ Đình lập tới Trảng định, lực lượng dân quân đã được xây dựng khá tốt, đủ sức chủ động đánh địch trong mọi tình huống, song vẫn phải chú ý nâng cao chất lượng hơn nữa mới có thể đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới.

Một vấn đề quan trọng nữa trong công tác xây dựng và củng cố cơ sở

là vấn đề xây dựng và kiện toàn đội ngũ cán bộ. Kinh nghiệm thực tế ở Lạng sơn cho thấy cơ sở nào xây dựng được đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực thì ở đó có phong trào tốt. Ngược lại, cơ sở nào đội ngũ cán bộ kém thì ở đó phong trào mọi mặt đều bề trễ. Do vậy, mấy năm qua, tỉnh ủy đã yêu cầu các huyện phải tập trung sức chỉ đạo cơ sở, nâng dần trình độ của cán bộ cơ sở lên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt. Riêng đối với các huyện biên giới, vừa phải có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở đủ sức đảm đương công việc, vừa phải có kế hoạch bảo vệ đội ngũ cán bộ đó, không để cho địch móc nối, mua chuộc hoặc ám hại.

Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở Thanh hóa

HÀ TRỌNG HÒA

Bí thư Tỉnh ủy Thanh hóa

Những việc làm có kết quả bước đầu.

Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện là vấn đề rất mới đối với chúng tôi. Có nhiều nội dung trong xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện mà cán bộ các ngành từ tỉnh đến huyện chưa hình dung được cụ thể, mỗi người hiểu một khác. Chúng tôi vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, vừa thảo luận làm cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh và huyện đều nhận thức được rằng:

Huyện là địa bàn thích hợp và thuận lợi nhất để nắm và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tiềm năng lao động, đất đai và ngành nghề ở địa phương. Huyện là cấp trực tiếp chỉ đạo và giúp đỡ sát thực tế cho cơ sở xây dựng vững mạnh. Cho nên huyện

phải được xây dựng và tăng cường đủ mạnh để có điều kiện chỉ đạo và giúp đỡ có hiệu lực cho cơ sở. Cấp huyện là nơi thực hiện đường lối kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu và từ cơ sở, là cứ điểm tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, là cấp giao điểm gắn liền Nhà nước, tập thể và nhân dân.

Từ những nhận thức bước đầu như trên, kết hợp với việc làm thử để rút kinh nghiệm ở huyện Thọ xuân, tỉnh chúng tôi đã mở rộng việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở tất cả 23 huyện, thị.

Qua mấy năm tiến hành xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, đến nay Thanh hóa đã làm được một số việc có kết quả bước đầu.

Huyện diêm Thọ xuân là huyện phát triển khá của tỉnh, có bước đi tương đối vững chắc, đã hoàn thành được các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong các thời kỳ từ 1976 đến 1980 và từ 1981 đến 1983. Riêng về chương trình lương thực, Thọ xuân đã đạt được khối lượng và tốc độ phát triển đáng phấn khởi: Tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm trong thời kỳ từ 1976—1980 đạt 51 000 tấn, tăng 16,6% và trong thời kỳ 1981—1983 đạt 72 000 tấn, tăng 41,3% so với các năm trong thời kỳ từ 1971—1975 (lúc chưa tiến hành chủ trương xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện). Lương thực bình quân đầu người hằng năm trong thời kỳ từ 1976—1980 đạt 306 kg, tăng 12,9% và trong thời kỳ từ 1981—1983 đạt 412 kg, tăng 34,6% so với các năm trong thời kỳ từ 1971—1975. Tổng mức lương thực huy động cho Nhà nước bình quân hằng năm trong thời kỳ từ 1976—1980 đạt 7600 tấn, tăng 10% và trong thời kỳ từ 1981—1983 đạt 18 000 tấn, tăng 136% so với các năm trong thời kỳ từ 1971—1975. Những việc làm có kết quả bước đầu về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở huyện diêm Thọ xuân đã cho phép rút ra được một số kinh nghiệm tốt và có sức thuyết phục đối với các huyện, thị trong tỉnh.

Đến nay, tất cả 23 huyện, thị trong tỉnh đã xây dựng xong quy hoạch kinh tế — xã hội tổng thể. Tỉnh đã xét duyệt được 15 huyện. Tuy nội dung và chất lượng quy hoạch còn thấp, nhưng các huyện, thị đều lấy đó làm nội dung chủ yếu để tổ chức lại sản xuất và xây dựng kế hoạch hằng năm của mình.

Bộ máy cán bộ của các huyện, thị được kiện toàn một bước và tăng cường về chất lượng. Tỉnh đã tăng cường cho các huyện, thị 900 cán bộ các loại, trong đó có 650 cán bộ có trình độ trung cấp và đại học. Hiện nay, số người tham gia huyện ủy và thị ủy có trình độ khoa học kỹ thuật

học đại học chiếm 26,8% (các khóa trước chỉ mới có 17,4%) và có trình độ trung cấp chiếm 21,4% (các khóa trước chỉ 19%). Trên 55% số người tham gia huyện ủy và thị ủy đã được học lý luận chính trị trung cấp và cao cấp. Riêng Ban nông nghiệp ở các huyện có tới 63,2% số cán bộ có trình độ đại học, chỉ có 21,5% là cán bộ trung cấp kỹ thuật.

Các ngành kinh tế — kỹ thuật và hành chính sự nghiệp của tỉnh đã tiến hành phân cấp quản lý cho huyện về các cơ sở kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, phục vụ trực tiếp trên địa bàn huyện.

Những việc làm nói trên đã giúp cho các huyện, thị trong tỉnh trưởng thành hơn trước. Các huyện, thị đã chủ động điều hành được các mặt sản xuất nông nghiệp, huy động lương thực, thực phẩm và nông sản hàng hóa cung cấp cho Nhà nước, và giải quyết một bước đời sống cho nhân dân ở địa phương mình. Việc điều hành lao động trên địa bàn huyện, thị đã có tác dụng tốt đối với việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật không chỉ trong phạm vi huyện, thị mà cả trên địa bàn toàn tỉnh. Việc phân công lao động mới được tiến hành trên địa bàn huyện. Nhiều huyện đã đưa được một số đảng bộ cơ sở yếu kém lên thành đảng bộ trung bình và khá. Cả tỉnh đã có 3 huyện được Ban bí thư Trung ương Đảng tặng cờ « Đảng bộ vững mạnh » là Thọ xuân, (vùng đồng bằng), Hoằng hóa (vùng ven biển) và Quan hóa (miền núi cao).

Những mặt yếu kém và những vấn đề đặt ra phải giải quyết.

Xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp hợp lý là vấn đề cốt lõi trong việc xây dựng và tổ chức lại cơ cấu kinh tế — xã hội phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của từng huyện, thị. Thế nhưng cơ cấu kinh tế của các huyện, thị được thể hiện trong quy hoạch còn rất xem nhẹ vị trí của công

ng nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn huyện. Nhiều hợp tác xã nông nghiệp chưa xác định rõ phương hướng phát triển ngành nghề tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Ngay cả một số hợp tác xã trước đây đã tổ chức và phân công lao động làm ngành nghề tương đối có nền nếp, đến nay lại bỏ không kinh doanh ngành nghề, làm cho sản xuất ngành nghề tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp trong hợp tác xã nông nghiệp teo đi. Sản xuất nông nghiệp được coi trọng, song cũng chỉ mới chú ý đến trồng trọt. Phương hướng sản xuất của các hợp tác xã nông nghiệp chỉ mới chú trọng xây dựng cơ cấu cây trồng tương đối tốt, cơ cấu ngành chăn nuôi còn kém và chưa cân đối với trồng trọt. Tất cả các ngành sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp trên địa bàn huyện và ở cơ sở đều xem nhẹ khai thác và phát triển các mặt hàng xuất khẩu. Do đó, kinh tế xuất khẩu ở nhiều huyện, thị còn rất kém.

Quy hoạch kinh tế - xã hội của nhiều huyện, thị còn tách rời quy hoạch quốc phòng an ninh. Qua kinh nghiệm bước đầu về xây dựng pháo đài quân sự huyện ở Quảng xương, chúng tôi thấy rõ sự cần thiết phải gắn xây dựng kinh tế với quốc phòng an ninh. Việc xây dựng pháo đài quân sự huyện ở đây đã phát huy được sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân thông qua việc xây dựng lực lượng quân sự địa phương, tổ chức dân quân tự vệ, xây dựng lực lượng công an và các tổ chức an ninh nhân dân làm lực lượng xung kích cùng toàn dân quyết tâm đánh thắng chiến tranh phá hoại nhiều mặt và chiến tranh xâm lược của địch, đấu tranh chống tiền tệ, bảo vệ sản xuất, giữ gìn an ninh trật tự xã hội, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Nhiều huyện, thị khác chưa có quy hoạch và kế hoạch xây dựng pháo đài quân sự

huyện vững mạnh. Đó là một thiếu sót lớn trong quá trình xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

Trong việc tổ chức bộ máy quản lý và xây dựng quy hoạch cán bộ cũng như trong một số mặt công tác khác của quá trình xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, chúng tôi còn lúng túng và có mặt yếu kém từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch đến khâu tổ chức chỉ đạo thực hiện. Vì vậy, trước mắt chúng tôi thấy cần phải soát xét và bổ sung quy hoạch, cả quy hoạch tổng thể cũng như quy hoạch từng ngành và kế hoạch hằng năm.

Dề bổ sung quy hoạch xây dựng và tổ chức cơ cấu kinh tế - xã hội cho các huyện, thị, lần này chúng tôi hướng vào tập trung khai thác thế mạnh của từng địa phương.

Các huyện đồng bằng tập trung vào thâm canh, tăng vụ, xây dựng vùng lúa cao sản, phát triển nhanh đàn lợn; phát triển các ngành nghề tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp chế biến nông sản; tổ chức liên doanh nung vôi, sản xuất vật liệu xây dựng và các liên doanh xay xát, chế biến thức ăn gia súc.

Các huyện miền biển tập trung tổ chức lại ngành đánh bắt cá, tôm; phát triển có trọng điểm nghề khơi đánh bắt cá bằng cơ giới; phát triển và cải tiến nghề lặn đánh bắt cá theo lối thủ công. Thâm canh tăng năng suất đồng muối. Khai hoang mở rộng diện tích và thâm canh đồng cỏ, xây dựng các vùng nuôi tôm, cá nước lợ. Phát triển những cây trồng phù hợp với chân đất cát ven biển, làm hàng xuất khẩu như lạc, kê, tỏi..., trồng phi lao chắn gió và trồng dừa dọc ven biển. Phát triển các nghề tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp nhất là nghề chế biến hải sản và các ngành nghề phục vụ cho hoạt động kinh tế biển nhằm sử dụng hết số lao động chưa có việc làm ở ven biển.

Các huyện trung du và miền núi tập trung phát triển kinh tế rừng theo hướng « nông - lâm kết hợp », lấy ngân nuôi dài. Nhà nước, hợp tác xã và gia đình xã viên cùng làm kinh tế rừng. Thâm canh cây lúa nước ở những nơi có ruộng lúa. Phát triển màu lương thực, lạc, dổi, mía dổi và các loại cây làm thuốc. Mở rộng chăn nuôi trâu bò. Khôi phục, phát triển và du nhập thêm các ngành nghề thủ công, nhất là nghề chế biến lâm sản và chế biến màu.

Các thị xã, thị trấn tập trung vào việc quy hoạch và tổ chức lại các cơ sở công nghiệp, phát triển mạnh tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp nhằm giải quyết việc làm cho người lao động ở thị xã, thị trấn. Chủ động khai thác và sử dụng các nguồn nguyên liệu phong phú trong tỉnh để sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Quy hoạch, thiết kế và từng bước xây dựng các công trình công cộng, các khu dân cư theo hướng thích hợp, bền đẹp và tiên tiến.

Đồng thời, các huyện, thị phải xây dựng quy hoạch quốc phòng an ninh gắn liền với quy hoạch kinh tế - xã hội. Chúng tôi hướng dẫn cho các huyện, thị xác định đúng vị trí địa bàn trọng điểm và vùng xung yếu của từng địa phương để vạch ra thế bố trí chiến lược về kinh tế và quốc phòng; xây dựng phương án chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt và phương án chống chiến tranh xâm lược của địch; quy hoạch xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng công an nhân dân, tổ chức lực lượng quân dự bị; xây dựng hệ thống giao thông liên lạc kết hợp kinh tế với quốc phòng; xây dựng các chương trình huấn luyện và thực tập chiến đấu tại chỗ và trong từng cụm chiến đấu liên hoàn.

Về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật từ cơ sở và trên địa bàn huyện, trong thời gian trước mắt chúng tôi tập trung giải quyết ba khâu quan trọng

nhất của sản xuất nông nghiệp là: giải quyết các loại giống cây trồng và giống gia súc; nước và phân bón cho cây trồng và thức ăn cho gia súc; phòng chống sâu bệnh và dịch bệnh. Đối với sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp thì tập trung vào cải tiến và đổi mới công cụ sản xuất cho các cơ sở sản xuất; xây dựng các quy trình công nghệ sản xuất các loại mặt hàng theo phương pháp tiên tiến; nâng cao tay nghề và trình độ tinh xảo nghề nghiệp cho người lao động.

Xây dựng các cụm kinh tế - kỹ thuật gắn với cụm chiến đấu liên hoàn nhằm vào hướng: tổ chức sự liên kết giữa kinh tế quốc doanh với kinh tế tập thể và kinh tế gia đình; tổ chức sự liên doanh sản xuất từng mặt hoặc nhiều mặt giữa các hợp tác xã trong vùng; kết hợp giữa sản xuất và bảo vệ sản xuất từ cơ sở; tạo tiền đề gắn nông nghiệp với công nghiệp, đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Xác định mức phát triển dân số và phân công lao động mới được đặt ra thành nhiệm vụ nóng hổi và bức thiết. Ngay từ bây giờ các huyện, thị phải nghiêm túc thực hiện theo hai hướng cơ bản: một là, tìm đủ việc làm cho người lao động tại chỗ và phân bố số lao động dôi ra đưa đi xây dựng các vùng kinh tế mới. Hai là, áp dụng tất cả các biện pháp sinh đẻ có kế hoạch để hạ thấp mức độ tăng dân số quá nhanh như lâu nay.

Về phân công, phân cấp quản lý giữa các ngành cấp tỉnh và cấp huyện, ở tỉnh chúng tôi có hai khuynh hướng lệch lạc chính sau đây: về phía các ngành cấp tỉnh, thường có tư tưởng chán chừ, do dự, thậm chí cần trợ việc phân cấp cho huyện do thiếu tin tưởng vào cấp huyện và còn do tính toán gây cản về quyền hành và lợi ích cục bộ. Khi phân cấp xong lại bỏ mặc cho huyện, bỏ trách nhiệm quản

lý theo ngành từ tỉnh xuống huyện và cơ sở. Về phía cấp huyện thường có tư tưởng chủ quan, giản đơn, cục bộ địa phương, thiếu tôn trọng ngành dọc, đôi khi tùy tiện ra những quyết định vi phạm chế độ chính sách về kinh tế tài chính, về tổ chức nhân sự, v.v. Chúng tôi phê phán nghiêm khắc và kiên quyết khắc phục các khuynh hướng sai trái đó. Điều quan trọng hiện nay là phải tiếp tục làm cho cán bộ lãnh đạo các ngành cấp tỉnh và cấp huyện quán triệt nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ, lấy hiệu quả kinh tế làm mục đích để xúc tiến việc tiến hành phân cấp quản lý cho huyện.

Cơ sở là gốc và là nơi hằng ngày diễn ra những việc làm cụ thể trực tiếp thực hiện chương trình xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Vì vậy, chúng tôi luôn luôn coi trọng việc xây dựng và củng cố các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của Nhà nước và của tập thể. Hiện nay, chúng tôi đang xúc tiến việc củng cố và tăng cường hợp tác xã nông nghiệp, trước mắt tập trung sửa chữa những lệch lạc trong kế hoạch sản phẩm nông nghiệp. Chống khoán trắng làm suy yếu kinh tế tập thể ở các hợp tác xã nông nghiệp. Xây dựng các xã, phường thành đơn vị an toàn, chiến thắng, làm cho các đoàn thể quần chúng như công đoàn, hội liên hiệp phụ nữ, hội nông dân tập thể và đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh ở cơ sở có chương trình hoạt động thiết thực nhằm động viên quần

chúng hăng hái thực hiện các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, xây dựng con người mới và nếp sống mới ở nông thôn. Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động gắn liền với việc xây dựng đảng bộ cơ sở vững mạnh bằng cách nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo thực hiện các quy hoạch và kế hoạch kinh tế-xã hội, quốc phòng an ninh ở địa phương.

Muốn cho cơ sở vững mạnh phải có đội ngũ cán bộ chủ chốt vững mạnh. Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tiến hành tuyển chọn, bồi dưỡng và đào tạo theo quy hoạch 6 chức danh cán bộ chủ chốt cho cơ sở là: bí thư đảng ủy, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, chủ nhiệm hợp tác xã, xã đội trưởng, công an trưởng và bí thư đoàn thanh niên. Bồi dưỡng và huấn luyện cho các cán bộ chủ chốt ở cơ sở nắm vững chức trách và nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ công tác để họ đủ sức điều hành hoạt động kinh tế-xã hội, trật tự trị an, chăm lo giải quyết đời sống cho nhân dân, xây dựng cơ sở thật sự vững mạnh. Trên địa bàn huyện có nhiều cơ sở vững mạnh, không còn cơ sở yếu kém thì huyện mới trở thành vững mạnh được.



Từ nay đến năm 1985, Thanh hóa quyết tâm xây dựng 23 huyện, thị vững mạnh, đưa phong trào tiến lên tương xứng với khả năng phong phú của địa phương, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong cả nước.

Tổ chức lại sản xuất, phân bố lại lao động trên địa bàn huyện

PHAN THANH PHONG

Bí thư Huyện ủy Bến Lức

BẾN Lức là một huyện thuộc tỉnh Long an có khả năng phát triển

nông nghiệp toàn diện. Toàn huyện đã hình thành hai vùng chuyên canh

tập trung: vùng lúa và vùng cây công nghiệp, cây ăn quả ngắn ngày.

Do chính sách dồn dân của địch trong những năm chiến tranh, khó khăn lớn hiện nay của Bền Lức là dân cư, lao động phân bố không đều. Các xã phía nam huyện dọc hai bên quốc lộ số 1 và các khu vực chung quanh thị trấn là vùng đất hẹp dân đông, bình quân diện tích dưới 1000 mét vuông/dầu người, có xã chỉ có 600 mét vuông. Các xã phía bắc huyện đất rộng người thưa, bình quân diện tích dầu người là gần 4000 mét vuông; vùng đất hoang có khả năng trồng trọt khoảng 5000 héc ta chưa được khai thác bao nhiêu. Trong sản xuất nông nghiệp, huyện còn độc canh cây lúa, chưa cân đối giữa trồng trọt với chăn nuôi cho nên năng suất lao động chưa cao, bình quân số ngày công của một lao động nông nghiệp ở vùng trồng lúa là từ 140 đến 150 ngày trong một năm; các ngành nghề chưa được chú trọng xây dựng và phát triển. Đời sống của nhân dân lao động chưa được nâng lên, còn một bộ phận lao động chưa được sử dụng hết.

Khó khăn lớn của sản xuất nông nghiệp trong huyện là thiếu nguồn nước ngọt. Các xã phía nam huyện là vùng trồng lúa nhưng đất bị nhiễm mặn, vùng phía bắc huyện bị nhiễm phèn lâu đời.

Từ đặc điểm trên, Đại hội thứ III của đảng bộ huyện chúng tôi xác định hướng đi lên chủ yếu của huyện là phải gắn việc tổ chức lại sản xuất với phân bố lại lao động trên địa bàn huyện để phát huy thế mạnh về nông nghiệp bao gồm cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày và cây ăn quả bằng biện pháp thâm canh trên toàn bộ diện tích canh tác, và tích cực mở rộng diện tích trồng trọt bằng khai hoang. Đồng thời đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, phát triển các cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, mở ra nhiều ngành nghề giải quyết

công ăn việc làm cho nhân dân. Chúng tôi đã tiến hành điều tra cơ bản về đất đai, lao động, cây, con, các cơ sở vật chất, ngành nghề, những phong tục tập quán và điều kiện sản xuất để bố trí cây trồng, con vật nuôi cho thích hợp ở từng vùng. Theo nội dung quy hoạch tổng thể của huyện và sự phân cấp quản lý của tỉnh, chúng tôi dự kiến xây dựng 3 cụm kinh tế kỹ thuật ở 2 vùng sản xuất.

Để thực hiện phương hướng trên, trong những năm qua nhất là từ đầu năm 1983 đến nay, chúng tôi tổ chức lại sản xuất và phân bố lại lao động trên địa bàn huyện như sau:

Trên vùng sản xuất lúa, gồm 9 xã ở phía nam và một phần các xã phía bắc huyện, với diện tích 10511 ha trong đó có khu vực sản xuất lúa cao sản với diện tích 5127 ha, chúng tôi đã tập trung làm thủy lợi với phương châm là giữ ngọt, ngăn mặn, xây dựng hệ thống đê bao dọc theo sông Bền Lức, hoàn chỉnh hệ thống kênh mương tưới, tiêu nội đồng cho nên đã tăng vụ hơn 2000 ha. Tích cực đẩy mạnh thâm canh, chúng tôi đã sử dụng giống mới có năng suất cao, kháng sâu bệnh, loại bỏ các giống lúa năng suất thấp đã thoái hóa (từ 45 loại giống, nay tuyển chọn còn 16 loại giống tốt). Ngoài ra, huyện còn xây dựng vùng giống lúa của huyện, và xã nào cũng có tổ chức tuyển chọn giống lúa mới. Phát động phong trào làm phân hữu cơ bao gồm phân chuồng, phân xanh, phân rác, rơm rạ, đất bùn ao kết hợp với phân hóa học theo định mức hợp lý giữa đạm, lân, ka li để bón ruộng từ 1 đến 2 tấn cho một héc ta gieo trồng. Ở các vùng trọng điểm lúa cao sản, chúng tôi định mức bón phân khá hơn. Về sức kéo trong huyện chúng tôi đã tổ chức quản lý tốt. Nhờ biết tập hợp và sử dụng hợp lý 3 lực lượng sức kéo (trạm máy kéo của huyện, số máy kéo của chi cục máy

kéo tỉnh chỉ viện và trâu bò trong huyện), năm 1983 và vụ hè thu năm nay chúng tôi làm đất nhanh, đúng kỹ thuật và kịp thời vụ, rút ngắn được hơn nửa thời gian so với những năm trước đây. Kỹ thuật cây ải, sạ khô, bừa lấp được áp dụng đại trà, kỹ thuật bắt nhỏ, cấy dày trong sản xuất vụ mùa và đông xuân được áp dụng rộng rãi.

Đi đôi với các biện pháp kỹ thuật trên, chúng tôi tăng cường xây dựng mạng lưới bảo vệ thực vật, trang bị các phương tiện phòng trừ sâu bệnh cho các đơn vị sản xuất, đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên đi cùng với số cán bộ trạm bảo vệ thực vật của huyện phân công nhau thường xuyên có mặt ở đồng ruộng. Từ chỗ làm thử có kết quả việc ký hợp đồng giao ước bảo hiểm "phòng trừ sâu bệnh cây lúa" năm 1983, đến nay, chúng tôi đã mở rộng diện thực hiện hình thức bảo hiểm này, kịp thời chữa trị và dập tắt các ổ sâu bệnh, tiết kiệm được một khối lượng thuốc trừ sâu đáng kể, gây được lòng tin trọng quần chúng.

Chính nhờ thực hiện tốt các biện pháp trên cho nên năng suất, sản lượng lúa hằng năm đều tăng; vùng lúa cao sản năm 1982 đạt 7,5 tấn/ha, năm 1983 tăng lên 8,4 tấn/ha, có những tổ đoàn kết, tập đoàn sản xuất đạt từ 9 đến 10 tấn/ha. Vụ lúa mùa năm 1983 đạt 3 tấn/ha (trước là 2,2 tấn); vùng lúa 2 vụ của huyện được ghi vào danh sách của câu lạc bộ 8 - 10 tấn. Ủy ban nhân dân tỉnh Long an đã công nhận Bến Lức là huyện có năng suất lúa cao nhất của tỉnh. Mức bình quân lương thực đầu người của huyện năm 1983 lên đến 589 kg. Huyện chúng tôi đã hoàn thành nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước. Vụ mùa năm 1983 huyện đã huy động được 12 400 tấn, vụ đông xuân 1984 huy động gần 8 000 tấn, trong đó thuế và phần thóc thực hiện hợp đồng hai chiều (vật tư ứng trước)

đạt 100 phần trăm. Chăn nuôi cũng đang trên đà phát triển. Năm 1983 đàn heo tăng 21 phần trăm, vịt đàn tăng gần gấp đôi, trâu bò cày kéo tăng 20 phần trăm so với năm 1982.

Trên vùng trồng cây công nghiệp và cây ăn quả ngắn ngày là vùng mới được khai hoang, phục hóa sau ngày giải phóng, chúng tôi đã tập trung lực lượng lao động cả huyện cùng với sự đầu tư của Nhà nước xây dựng các công trình thủy lợi đề tiêu úng, xả phèn, xây dựng hệ thống giao thông, từng bước làm cho sản xuất vùng này biến đổi. Những cây trồng thích hợp chủ yếu ở vùng này là mía, dứa, bàng, tràmiếu, đào lộn hột... Ở đây nhân dân đã có tập quán lâu đời trồng các loại cây này. Đến năm 1982, cả vùng đã trồng được 2 534 ha dứa, 2 100 ha mía, 102 ha cói; ngoài ra còn có 600 ha sản trồng xen canh. Hiện nay trong vùng còn khoảng 5 000 ha đất hoang tập trung ở khu vực Bà vụ và phía tây 2 xã Thạnh hòa, Thạnh lợi.

Mục tiêu đặt ra cho Bến Lức đến năm 1985 là phải khai hoang được khoảng 3 000 ha, trong đó có 1 500 ha do 3 nông trường của tỉnh đảm nhiệm số còn lại huyện phải tổ chức lực lượng lao động của các xã phía nam lên khai thác. Năm 1983, chúng tôi đã đưa diện tích cây mía lên 2 624 ha, tăng 524 ha so với năm 1982; cây dứa lên 2 261 ha, tăng 130 ha; cây đào lộn hột lên 10 ha. Như vậy là riêng vùng khai hoang, chúng tôi đã mở ra gần 700 ha, đạt 50 phần trăm kế hoạch. Khả năng lao động của huyện có thể đưa tốc độ khai hoang lên cao hơn, nhưng do sự đầu tư của các ngành không đồng bộ cho nên chưa đạt chỉ tiêu đã định. Hiện nay, huyện chúng tôi mới có khả năng đầu tư một phần cho cây mía, trong khi đó cây dứa là cây trồng thích hợp nhất trên đất hoang mới khai phá thì chưa được đầu tư đúng mức.

Với tinh thần tự lực tự cường, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, huyện ủy chúng tôi quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội thứ III của đảng bộ huyện về việc huy động lao động cho công tác khai hoang và xây dựng các công trình thủy lợi. Đến nay chúng tôi đã hoàn thành về cơ bản hệ thống kênh mương làm cơ sở thuận lợi cho việc đưa lao động dư thừa của các xã phía nam lên sản xuất. Hiện nay đã có trên 200 hộ không có đất và thiếu đất được sắp xếp đưa lên vùng này thụ hoạch và trồng mới trên 200 ha mía, dừa. Chúng tôi đang tiếp tục vận động các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất ở các xã phía nam lên vùng này xây dựng cơ sở thứ hai. Kết quả bước đầu đã có 3 hợp tác xã và 42 tập đoàn đưa gần 1000 lao động lên đắp bờ vùng, bờ thửa, làm kênh mương nội đồng, khai thác 1150 ha đất hoang để sản xuất vào vụ tới.

Chúng tôi còn quy hoạch 500 ha trồng cây trám gió để lấy tinh dầu, 500 ha trồng cây bàng tự nhiên để làm nguyên liệu đan bao, đan đệm, đưa diện tích trồng cói từ 102 lên 300 ha để có nguyên liệu dệt chiếu cho tiêu dùng và cho xuất khẩu, và dành 400 ha để trồng cây đào lộn hột. Chúng tôi đã cho trồng xen trên các bờ kênh các loại cây dừa, tre, trúc, bạch đàn, so đũa... để tăng thêm nguyên liệu cho công nghiệp.

Những năm vừa qua, chúng tôi đã gắn việc tổ chức lại sản xuất và phân bổ lại lao động với việc đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Trong khi điều chỉnh ruộng đất, chúng tôi xác định là phải đứng trên địa bàn huyện để điều chỉnh thì mới khai thác và phát huy hết tiềm năng lao động và đất đai sản có của huyện. Nếu chỉ đứng trên địa bàn xã để điều chỉnh thì ruộng đất sẽ manh mún, không lên sản xuất lớn được.

Trên cơ sở quy hoạch đất đai và lao động, huyện ủy chúng tôi chủ trương vừa xây dựng phong trào hợp tác hóa vừa đưa lao động dư thừa của các xã phía nam lên phía bắc để mở rộng diện tích canh tác, làm cho sản xuất không ngừng phát triển. Đó là vấn đề xuyên suốt trong quá trình chỉ đạo của chúng tôi. Chính từ đó, chúng tôi xác định hình thức tổ chức và bước đi từ thấp tới cao và hết sức coi trọng các phương án kinh tế kỹ thuật của các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, tổ đội đoàn kết sản xuất, và các biện pháp đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Đến năm 1982, chúng tôi xóa xong bóc lột của phú nông, tư sản nông thôn còn sót lại và đã điều chỉnh xong phần ruộng đất của trung nông lớp trên ở vùng trồng lúa và 2 xã vùng trồng cây công nghiệp ngắn ngày. Còn 3 xã đang tiếp tục vận động điều chỉnh gắn với việc chuyển dân, phân bố lao động. Đến nay toàn huyện đã xây dựng được 3 hợp tác xã và 150 tập đoàn sản xuất, trong đó có 62 tập đoàn sản xuất chuyên canh cây mía; 51,5% số hộ và diện tích canh tác đã được đưa vào làm ăn tập thể. Có 5 xã và 1 thị trấn đã hoàn thành về cơ bản hợp tác hóa nông nghiệp. Hiện nay huyện chúng tôi còn 139 đội đoàn kết sản xuất đang ở bước tập dượt, trong đó có hơn một nửa là những đội khá có khả năng chuyển lên tập đoàn sản xuất trong vụ đông xuân tới.

Các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất qua nhiều vụ sản xuất, đã từng bước sắp xếp lại lao động, mở ra các ngành nghề, nhất là ngành thủ công như dệt chiếu, đan bao, đệm, làm mành trúc làm nệm tai mèo, nấu rơm, mở rộng diện chăn nuôi heo, vịt đàn. Từng hợp tác xã, từng tập đoàn đã xây dựng được kế hoạch sản xuất từ cơ sở, nắm chắc và cân đối vật tư bằng hợp đồng hai chiều ứng trước

cho các đơn vị sản xuất, quản lý và điều hành sức kéo, phân công cán bộ kỹ thuật nắm đồng ruộng, thực hiện chính sách khoán sản phẩm... cho nên đã từng bước phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống, của xã viên, tập đoàn viên, từng bước có tích lũy và ngày càng mở rộng cơ sở vật chất của tập thể.

Chuyển biến mới của các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã là nắm chắc lực lượng lao động, phát huy quyền làm chủ của xã viên, tập đoàn viên trong việc bình chọn và phân phối lao động đi xây dựng cơ sở ở vùng phía bắc của huyện. Những người ở lại gánh vác công việc của người đi, và người đi yên tâm vì có chính sách trong phân phối ăn chia. Mỗi xã, mỗi hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đều cử những cán bộ có năng lực để chăm lo việc này cho nên đạt kết quả tương đối tốt. Hiện nay chúng tôi đang kiểm tra và có kế hoạch bồi dưỡng năng cao khả năng hoạt động của các đội đoàn kết còn yếu, và củng cố các tập đoàn sản xuất mới tổ chức, khắc phục những sai sót, lệch lạc trong một số tập đoàn sản xuất.

Chúng tôi cũng đã chú trọng gần việc cải tạo nông nghiệp với cải tạo thương nghiệp tư nhân, xây dựng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Các hợp tác xã mua bán từng bước được củng cố cùng với các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp; các xã viên, tập đoàn viên sản xuất nông nghiệp đều là xã viên của hợp tác xã mua bán. Các quầy hàng của hợp tác xã mua bán được tổ chức ở từng ấp, vừa bán hàng công nghệ phẩm phục vụ cho nhân dân, vừa thu mua hàng nông sản tại chỗ. Nhiều hợp tác xã mua bán làm tốt nhiệm vụ thu mua ủy thác cho thương nghiệp quốc doanh bảo đảm việc cung ứng vật tư

nông nghiệp và thu hồi sản phẩm qua hợp đồng hai chiều. Các hợp tác xã mua bán thực hiện việc trích thưởng cho các tập đoàn sản xuất, các hợp tác xã nông nghiệp, nhờ đó huy động hàng nông sản mỗi năm một tăng. Các hợp tác xã mua bán đều nắm được phần lớn các mặt hàng chủ yếu như lương thực, mía đường, chiếu cói. Hiện nay các xã trong huyện đều có hợp tác xã tín dụng. Các hợp tác xã tín dụng đã giúp một phần vốn cho các hợp tác xã mua bán, tập đoàn sản xuất nông nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh và cho xã viên, tập đoàn viên vay để phát triển kinh tế gia đình. Với biện pháp cải tiến quản lý, đưa vật tư ứng trước hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng đã góp phần thúc đẩy sản xuất, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi, loại dần tư thương ra khỏi thị trường nông thôn. Chính các hình thức tổ chức tập thể này, đã thúc đẩy nhau cùng phát triển, làm cho quan hệ sản xuất mới ngày càng được mở rộng và không ngừng được củng cố. Nhà nước thu mua hàng nông sản nhiều hơn so với trước, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới.

Trong quá trình tổ chức lại sản xuất và phân bố lại lao động, huyện chúng tôi đã cố gắng từng bước hình thành cơ cấu nông công nghiệp từ cơ sở. Chúng tôi đã xây dựng công nghiệp tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp trước hết để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (như sản xuất nông cụ cầm tay, sửa chữa máy nông nghiệp...), chế biến nông sản (như xay xát lúa, gạo, ép mía, làm đường ly tâm...), sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng cho nhân dân trong huyện và cho xuất khẩu. Hiện nay huyện trực tiếp quản lý 5 xí nghiệp quốc doanh, hai hợp tác xã, 19 tổ hợp sản

xuất và 124 cơ sở sản xuất của tư nhân được cải tạo bằng hình thức liên doanh gia công cho Nhà nước. Ngoài ra, còn có các xí nghiệp của tỉnh đóng trên địa bàn huyện; lực lượng quốc doanh đảm nhiệm toàn bộ việc chế biến gỗ, một phần lớn việc chế biến đường thủ công và đường kết tinh. Năm nay chúng tôi thu mua hầu hết mía sản xuất trong địa phương: 101 600 tấn trên tổng sản lượng 110 000 tấn. Hiện nay xí nghiệp đường của trung ương (xí nghiệp Hiệp hóa) không tiêu thụ hết khối lượng mía đã ký hợp đồng, chỉ nhận có 45 400 tấn; phần còn lại địa phương chúng tôi phải bảo đảm chế biến và nộp sản phẩm lên trên.

Sản xuất của các hợp tác xã, tổ hợp cũng như các cơ sở sản xuất khác trong huyện rất phong phú và đa dạng, làm ra nhiều mặt hàng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, cho tiêu dùng của nhân dân trong địa phương, đóng góp cho Nhà nước và cho xuất khẩu.

Nhóm chế biến hàng nông sản bao gồm 84 cơ sở xay xát có 43 lò đường trong đó có 3 xí nghiệp chế biến thực ăn gia súc, chế biến nước mắm, tương, chao, bánh kẹo, làm xà phòng, v.v. ngoài ra còn có một số cơ sở cưa xẻ gỗ đóng giường, thuyền, bàn ghế, giường, tủ, bàn ghế cho học sinh, v.v.

Nhóm cơ khí sửa chữa có khả năng sản xuất nông cụ cầm tay như cuốc, phăng, lưỡi cày... công cụ cải tiến: xe chế cối, xe chế và nối dây day dệt dệt chiếu, và có khả năng trung tu các loại xe ô tô, máy kéo nông nghiệp.

Nhóm sản xuất hàng thủ công phát triển mạnh, đặc biệt là nghề dệt chiếu, dệt thảm day, đóng bao, đan đệm, làm mảnh trúc phục vụ cho tiêu dùng và cho xuất khẩu. Trong năm 1983 toàn huyện xuất khẩu 13,3 triệu đồng, vượt kế hoạch 33 phần trăm, trong đó các mặt hàng thủ công nghiệp, thủ công nghiệp chiếm 50

phần trăm. Tính từ năm 1983 đến nay, chúng tôi đã giải quyết việc làm cho hơn 2000 lao động, phần lớn làm nghề dệt chiếu, làm mảnh trúc xuất khẩu. Đa số những người này trước đây sống dựa vào việc mua bán các mặt hàng Nhà nước cấm, mua dẫu chợ, bán cuối chợ, gây rối loạn thị trường.

Năm 1982 giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp đạt 6 569 000 đồng, đến năm 1983 tăng lên 11 900 000 đồng, vượt kế hoạch 31 phần trăm. (Tính theo giá cố định năm 1970). 6 tháng đầu năm 1981 đạt 50,69 phần trăm kế hoạch cả năm.

Hiện nay đối với các đơn vị kinh tế tập thể ở khu vực sản xuất nông nghiệp và sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, chúng tôi đang bố trí đảng viên trực tiếp lãnh đạo, những nơi chưa có đảng viên thì xây dựng tổ trung kiên làm nông cốt, chuẩn bị tiến tới xây dựng tổ chức Đảng. Chúng tôi cũng quan tâm xây dựng, củng cố các tổ chức như Hội nông dân tập thể, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng an ninh nhân dân trong từng tập đoàn, từng đội đoàn kết sản xuất để bảo đảm thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên các mặt.

Huyện ủy chúng tôi xác định rằng các việc làm trên đây chỉ mới là bước đầu, kết quả đạt được còn thấp so với tiềm năng của huyện: nông nghiệp phát triển chưa cân đối, nhất là giữa chăn nuôi và trồng trọt; công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp tuy có vươn lên nhưng chưa khai thác hết khả năng để phát triển mạnh việc chế biến nông sản, nhất là mía, đưa cho nên có ảnh hưởng đến việc mở rộng vùng trồng mía, trồng dứa. Ở phía bắc huyện chúng tôi còn tìm năng lớn về đất đai, nhưng việc phân

(Xem tiếp trang 67)

«BA LỢI ÍCH»

TRONG thời gian gần đây trên báo chí và đài phát thanh thường nói đến ba lợi ích, đó là lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể và lợi ích bản thân của người lao động.

Thật đáng buồn, «ba lợi ích» đã trở thành câu nói cửa miệng của một số người để bào chữa cho những hành vi tiêu cực trắng trợn của mình.

Một số lái xe tự xếp khách, yền cầu khách phải đưa tiền gấp 5 - 10 lần giá vé quy định và phân bua: «bà con thông cảm, ba lợi ích mà!».

Một số thầy thuốc làm việc ở bệnh viện, trước những căn bệnh hiểm nghèo đã vùi vãnh thân nhân người bệnh «bồi dưỡng» tiền nghìn và cũng lấy có «kết hợp ba lợi ích»!

Một số cán bộ, công nhân, viên chức trong ngày làm việc, đi muộn, về sớm cũng lấy có «kết hợp ba lợi ích»!

Một số cơ quan, xí nghiệp sử dụng tiền bạc, vật tư sai nguyên tắc, chế độ cũng lấy có «kết hợp ba lợi ích»!

Thật ra trong xã hội xã hội chủ nghĩa - xã hội mà mọi tài sản của Nhà nước đều thuộc quyền sở hữu của toàn dân, thì lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể và lợi ích bản thân của người lao động gắn bó với nhau không thể tách rời. Một việc làm có ích dù nhỏ cũng đem lại lợi ích cả

cho Nhà nước, cho tập thể và cho bản thân hoặc gia đình mình.

Người công nhân làm việc trong nhà máy với chất lượng và năng suất cao sẽ đem lại lợi ích cho Nhà nước, cho nhà máy và cho bản thân. Cũng người công nhân ấy nếu còn tìm nguồn thu nhập khác chính đáng để cải thiện đời sống gia đình thì cũng là làm lợi cho xã hội.

Người nông dân hăng hái làm việc trên mảnh đất của hợp tác xã hay mảnh đất phân trám của gia đình mình để đạt vụ thu hoạch năng suất cao thì cũng là làm lợi cho Nhà nước, cho hợp tác xã và cho gia đình.

Ngay những em bé chăm chỉ học hành biết giúp cha mẹ bắt con tôm, con cá cũng là làm lợi cho xã hội chứ đâu chỉ làm lợi cho gia đình.

Do vậy, theo suy nghĩ của mình, tôi thấy trong chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước, cần tạo cho mọi người dân có suy nghĩ và hành động «ích nước, lợi nhà».

Suy nghĩ và hành động «ích nước, lợi nhà», đó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời phù hợp với nguyên tắc sống xã hội chủ nghĩa «mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người».

VŨ KHÁNH
Kiến an - Hải phòng

Sự đóng góp quý báu của các hiến pháp xô viết vào việc xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa

PHAN HIỀN

I

DẤT nước của Lê-nin, trải qua những chuyển biến cách mạng vô cùng sâu sắc từ Cách mạng Tháng Mười vĩ đại đến nay, đã đạt được những thành tựu kinh tế - xã hội chưa từng có trong lịch sử loài người. Việc Nhà nước xô viết lần lượt ban hành các Hiến pháp 1918, 1924, 1936 và 1977 gắn liền với những chuyển biến và những thành tựu ấy, phù hợp với các giai đoạn phát triển lịch sử của đất nước Liên xô và của hệ thống xã hội chủ nghĩa xuất hiện sau chiến tranh thế giới thứ hai, với so sánh lực lượng giữa hai hệ thống chính trị - kinh tế thế giới trong từng thời kỳ, là sự kiện vừa có tầm quan trọng quốc gia, vừa có tầm quan trọng quốc tế hết sức lớn lao.

Tháng 1-1918, chỉ hai tháng sau khi Cách mạng Tháng Mười thắng lợi, Đại hội thứ III các xô viết toàn Nga đã thông qua nghị quyết chuẩn bị dự thảo Hiến pháp nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô viết Nga. V.I. Lê-nin giữ vai trò quyết định trong việc soạn thảo Hiến pháp xô viết đầu tiên này. Tại Đại hội thứ V các Xô viết toàn Nga, trong phiên họp

cuối cùng ngày 10-7-1918 Hiến pháp Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô viết Nga được nhất trí thông qua.

Hiến pháp Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô viết Nga năm 1918 là Hiến pháp của Nhà nước Xô viết đầu tiên trên thế giới. Nó xác nhận thành quả đấu tranh của quần chúng lao động Nga, củng cố thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, và thể hiện những kinh nghiệm đầu tiên của chính quyền xô viết. Trong phần thứ nhất, Hiến pháp mở đầu bằng « Tuyên bố về quyền của nhân dân lao động và bị áp bức », xác định vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc của việc tổ chức Nhà nước chuyên chính vô sản là chính quyền của nhân dân lao động, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nó xác định nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản là liên minh công nông, có nhiệm vụ xóa bỏ nạn người bóc lột người và xóa bỏ sự phân chia xã hội thành các giai cấp đối kháng. Hiến pháp khẳng định: « Tất cả quyền lực cần và chỉ thuộc về quần chúng lao động và người đại diện toàn quyền của họ là xô viết đại biểu công nhân, binh lính và nông dân ».

Hiến pháp ghi nhận quyền sở hữu về những tư liệu sản xuất cơ bản (đất;

rừng, nước, nhà máy, hầm mỏ, v.v.) thuộc về nhân dân lao động, xác định nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô viết Nga hình thành "trên cơ sở liên minh tự do của các dân tộc tự do", đề ra nguyên tắc mọi người đều bình đẳng, không phân biệt dân tộc và chủng tộc. Có thể nói Hiến pháp 1918 là ngọn cờ đầu tranh của nhân dân lao động Nga, nó cũng cổ vũ chính quyền xô viết, bảo đảm việc chống thù trong giặc ngoài thắng lợi, bước đầu làm chuyển biến nền kinh tế quốc dân theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Lịch sử cách mạng Nga, qua bão táp nội chiến và chiến tranh xâm lược do các nước đế quốc gây ra, kết thúc bằng thắng lợi của Hồng quân, đã tiến những bước dài trong một thời gian ngắn. Năm 1922 Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết được thành lập. Ngày 31-1-1924, Hiến pháp mới được Đại hội thứ II các xô viết toàn Liên bang thông qua. *Hiến pháp 1924 là Hiến pháp xô viết thứ hai và là Hiến pháp đầu tiên của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết.*

Kế thừa Hiến pháp 1918, Hiến pháp này khẳng định nguyên tắc các nước cộng hòa tự nguyện và tự do gia nhập và rút khỏi Liên bang, quyền bình đẳng của tất cả các nước Cộng hòa trong Liên bang, sự giúp đỡ của Nhà nước đối với những vùng phát triển chậm.

Có thể nói đây là Hiến pháp đầu tiên trên thế giới bảo đảm quyền của các dân tộc được tự do, bình đẳng, tự nguyện xây dựng chủ nghĩa xã hội trong khuôn khổ một liên bang thống nhất. Nó mở đường cho việc tổ chức lại phân công lao động xã hội và tổng hợp khai thác, sử dụng các tài nguyên thiên nhiên của đất nước Liên xô bao la.

Với việc thực hiện Hiến pháp 1924, chỉ trong hơn một thập kỷ, đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của Liên xô đã có những biến đổi sâu sắc. Tại

Đại hội thứ VII (bất thường) các xô viết toàn Liên bang (ngày 25-11-1936), Xta-lin vạch rõ, phần chủ yếu của chủ nghĩa xã hội đã được thực hiện. Nếu năm 1924 nền kinh tế quốc dân với cơ sở vật chất kỹ thuật lạc hậu, còn xa mới đạt mức sản xuất trước chiến tranh, thì đến năm 1936, đã trở thành một lực lượng kinh tế to lớn dựa trên một nền kỹ thuật mới, hiện đại. Chủ nghĩa tư bản đã bị loại trừ. Chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất trở thành cơ sở vững chắc của xã hội xô viết. Cơ cấu giai cấp trong xã hội chỉ còn hai giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức. Các giai cấp và tầng lớp này hoàn toàn thoát khỏi tình trạng bị bóc lột và là chủ xã hội. Quan hệ giữa các dân tộc trong toàn Liên bang trở thành quan hệ anh em gắn bó bền vững, lâu dài.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, ngày 5-12-1936 Đại hội thứ VIII các xô viết toàn Liên bang đã quyết định thông qua Hiến pháp Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết (về sau được Xô viết tối cao Liên xô khóa IV (họp kỳ thứ tư ngày 26-12-1955) sửa đổi và bổ sung). *Hiến pháp Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết năm 1936 xác định Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết là Nhà nước xã hội chủ nghĩa của hai giai cấp công nhân và nông dân, trong đó quyền lãnh đạo xã hội về mặt chính trị, quyền chuyển chính, thuộc về giai cấp công nhân.* Hiến pháp ghi nhận những vấn đề có tính nguyên tắc, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, như chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, tổ chức Nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc phân phối theo lao động v.v. Có thể nói, Hiến pháp 1936 là kiểu mẫu của Hiến pháp các nước xã hội chủ nghĩa sau này.

Hiến pháp 1936 tạo điều kiện tăng thêm sức mạnh của Liên xô, đưa đến

chiến công rực rỡ và thắng lợi lịch sử của Liên xô trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại, mở ra khả năng thuận lợi cho sự phát triển của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, và góp phần vào việc mở rộng phong trào giải phóng dân tộc, củng cố hòa bình trên trái đất.

Sau 40 năm thực hiện Hiến pháp 1936, sự liên minh giữa các giai cấp công nhân, nông dân tập thể và tầng lớp trí thức nhân dân, tình đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc trong Liên bang xô viết được củng cố. Sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong nhân dân, trong đó giai cấp công nhân là lực lượng chủ đạo, được tăng cường. Lực lượng sản xuất phát triển, nền văn hóa và khoa học được nâng cao, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được củng cố. Với việc mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân tham gia ngày càng nhiều vào việc quản lý Nhà nước.

Trước tình hình phát triển mới của đất nước, tại kỳ họp thứ 7, (bất thường) ngày 7-10-1977 Xô viết tối cao Liên xô khóa IX đã thông qua *Hiến pháp Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết năm 1977*. Kế thừa và phát triển những tư tưởng và nguyên tắc của Hiến pháp 1918, Hiến pháp 1924 và Hiến pháp 1936, Hiến pháp này quy định những nguyên tắc xây dựng Nhà nước và xã hội trong điều kiện xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản.

Trong phần I Hiến pháp 1977 quy định "những cơ sở của chế độ xã hội và cơ sở chính trị của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết" bao gồm: hệ thống chính trị, hệ thống kinh tế, phát triển xã hội và văn hóa, chính sách đối ngoại, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp coi những quy định về quyền bình đẳng của công dân, các quyền cơ bản, các quyền tự do và nghĩa vụ của công dân

là những vấn đề thuộc mối quan hệ giữa « Nhà nước và cá nhân ». Như vậy, Hiến pháp 1977 là bằng chứng hùng hồn về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đập tan mọi luận điệu xằng bậy của bọn đế quốc nói rằng ở các nước xã hội chủ nghĩa « nhân quyền » không được bảo đảm. Hiến pháp còn nêu rõ ý nguyện thực hiện nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau; mặt khác nhấn mạnh nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, coi đó là « chức năng quan trọng bậc nhất của Nhà nước, sự nghiệp của toàn thể nhân dân ».

II

Những Hiến pháp xô viết xuất hiện từ sau Cách mạng Tháng Mười đã cung cấp nhiều kinh nghiệm quý báu cho việc xây dựng Hiến pháp của các nước xã hội chủ nghĩa, đóng góp phần cơ bản và chủ yếu vào kho tàng lý luận về luật Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Rõ ràng những *Hiến pháp xô viết* là sự thể hiện rực rỡ bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, là sự ghi nhận bằng pháp luật những gì được coi là đạo lý, lý tưởng, ước mơ của nhân dân lao động từ bao nhiêu thế kỷ. Qua những Hiến pháp này, ta thấy rõ những mục tiêu cao cả mà vì nó biết bao chiến sĩ đã hy sinh, biết bao học giả đã dày công luận bàn như: tự do, bình đẳng, dân chủ, công bằng xã hội ... có thể thực hiện như thế nào.

Ở đây, tự do trước hết là tự do của các giai cấp công nhân, nông dân, là những người lao động trước đây bị áp bức, bóc lột, nay tự tổ chức lại thành lập Nhà nước của mình; là "Liên minh tự do của các dân tộc tự do" được tổ chức lại thành Liên bang xô viết; là tự do của những công dân tự mình lựa chọn đại biểu vào các xô viết để thực hiện nguyện vọng, ý chí và quyền lực của nhân dân. Ở đây các quyền tự do cơ bản của công dân (tự

do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp và mít tinh...), quyền bất khả xâm phạm về thân thể, nhà ở, đồ dùng, bí mật thư tín, v.v. đã được thể hiện.

« Quyền bình đẳng là một pháp luật tuyệt đối » (Hiến pháp 1936); là quyền cơ bản của mọi công dân trong mọi lĩnh vực của đời sống; là quyền bình đẳng về mặt chủ quyền cũng như về mặt lập pháp của các nước Cộng hòa trong Liên bang xô viết. Mọi hạn chế dưới bất cứ hình thức nào, mọi việc tuyên truyền cho tư tưởng vị chủng và vị tộc đều bị pháp luật trừng trị. Lần đầu tiên trong lịch sử loài người, phụ nữ được hưởng quyền ngang với nam giới trong mọi lĩnh vực.

Đúng như Lê-nin đã nói, đây là nền dân chủ thật sự, nền dân chủ lớn hơn hàng triệu lần so với nền dân chủ tư sản. Tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Người công dân có đủ các quyền: bầu cử và có thể được bầu, quyền có việc làm, được nghỉ ngơi, được học tập, quyền cư trú, quyền khiếu nại, tố cáo, v.v. Các quyền này được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng những chính sách, chế độ, biện pháp được ghi ngay trong Hiến pháp. Đương nhiên người công dân cũng phải thực hiện một số nghĩa vụ như: nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ học tập, nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tôn trọng Hiến pháp và pháp luật...

Các Hiến pháp xô viết ghi nhận: các quyền tự do, bình đẳng, dân chủ chân chính đều thuộc về nhân dân lao động, những người tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội, những người xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Điều đó thể hiện cụ thể, đầy đủ nhất lẽ công bằng xã hội. Trên đất nước xã hội chủ nghĩa này, số lượng và chất lượng lao động được coi là căn cứ, là thước đo của mức hưởng thụ: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít; những người bóc lột, những người ăn bám không làm thì không được hưởng.

Trước kia, khi Nhà nước xô viết chưa ra đời, vấn đề xây dựng như thế nào một xã hội công bằng, trong đó không có áp bức, bóc lột, mọi người sống bình đẳng, tự do, hạnh phúc, còn là vấn đề tranh luận. Chính các Hiến pháp xô viết đã mang lại lời giải đáp rõ ràng cho vấn đề tranh luận ấy, vạch ra những nguyên tắc cơ bản, nhất quán của chế độ xã hội chủ nghĩa, dù ở trình độ phát triển thấp hay cao.

Đó là sự thiết lập Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nhà nước đó thực hiện nhiệm vụ chuyên chính vô sản: xây dựng xã hội mới trên cơ sở xóa bỏ các giai cấp bóc lột, tiến hành cuộc đấu tranh giữa hai con đường, đưa đến thắng lợi hoàn toàn và vĩnh viễn của con đường xã hội chủ nghĩa. Nhà nước đó dựa vào khối liên minh công nông; hơn nữa, ngay khi việc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã hoàn thành về cơ bản, Nhà nước đó vẫn là « Nhà nước xã hội chủ nghĩa của công nhân và nông dân » (Hiến pháp 1936).

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân thực hiện quyền lực ấy thông qua các Hội đồng (Xô viết) đại biểu nhân dân, là cơ sở chính trị của Nhà nước mới. Các hội đồng này bầu ra các Ủy ban chấp hành – hành chính, các thẩm phán và kiểm tra hoạt động của họ. Những Ủy ban và thẩm phán ấy chịu trách nhiệm trước các Hội đồng đại biểu nhân dân. Các đại biểu Hội đồng nhân dân, các cán bộ do các Hội đồng này bầu ra đều có thể bị bãi miễn nếu không còn được các cử tri hoặc các Hội đồng ấy tin nhiệm.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, kết hợp mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy tính chủ động sáng tạo của các địa phương, các cơ sở và quần chúng.

với việc tăng cường chỉ đạo thống nhất từ trung ương.

Sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức — sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể — là nền tảng của hệ thống kinh tế trong xã hội xã hội chủ nghĩa, là điều kiện cần thiết bảo đảm xóa bỏ vĩnh viễn chế độ người bóc lột người. Sở hữu đó là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Nhà nước bảo vệ và không ngừng củng cố, phát triển quyền sở hữu đó.

Mục đích cao nhất của sản xuất xã hội chủ nghĩa là thỏa mãn đầy đủ nhất nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của nhân dân bằng cách phát triển và hoàn thiện sản xuất trên cơ sở củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy tiến bộ khoa học — kỹ thuật, bảo đảm tăng năng suất lao động, chất lượng công tác và hiệu quả sản xuất.

Việc chỉ đạo kinh tế phải tiến hành theo kế hoạch Nhà nước về phát triển kinh tế và xã hội. Các kế hoạch Nhà nước được xây dựng và thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Lao động là vinh dự, là quyền và nghĩa vụ của công dân. Ở đây nguyên tắc "làm theo năng lực, hưởng theo lao động" là nguyên tắc phân phối công bằng, hợp lý nhất trong những điều kiện của chủ nghĩa xã hội...

Trong khi ghi nhận những nguyên tắc cơ bản nói trên, phù hợp với quan điểm, tư tưởng chủ nghĩa Mác — Lênin, bảo đảm xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa, các *Hiến pháp xã hội chủ nghĩa* đã đồng thời thể hiện con đường phát triển từ thấp lên cao của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Nền trong thời kỳ đầu sau Cách mạng Tháng Mười, do các giai cấp bóc lột chưa bị đánh bại hoàn toàn, Hiến pháp Cộng hòa Liên bang xã hội chủ nghĩa Xô viết Nga năm 1918 còn phải hạn chế quyền dân chủ ở mức độ nhất định, thì đến năm 1936, khi chủ nghĩa xã hội đã được thực hiện trong phạm vi chủ yếu, Hiến pháp mới không

cần quy định những hạn chế tương tự nữa.

Căn cứ vào trình độ phát triển kinh tế — xã hội và ý thức tổ chức kỷ luật, cũng như tính tự giác của nhân dân lao động, Hiến pháp 1977 so với Hiến pháp 1936 đã quy định nhiều quyền dân chủ hơn, được bảo đảm bằng những điều kiện kinh tế — xã hội cụ thể. Đồng thời Hiến pháp này cũng quy định tỉ mỉ hơn chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp chế (tòa án, trọng tài và viện công tố) trong điều kiện xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển đã được xây dựng, cần thiết phải "bảo đảm kết hợp các quyền và tự do thật sự của công dân với nghĩa vụ và trách nhiệm của họ trước xã hội" (Lời mở đầu Hiến pháp 1977).

Điều đặc biệt quan trọng là: 60 năm sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, *Hiến pháp 1977 cho thấy rõ hơn khả năng và con đường tiến lên chủ nghĩa cộng sản trên đất nước Liên xô*. Hiến pháp quy định: "Nhà nước giúp phát triển sở hữu công trang — hợp tác xã và làm cho sở hữu ấy xích gần với sở hữu Nhà nước". "Nhà nước góp phần tăng cường tính thuần nhất xã hội của xã hội: xóa bỏ những khác biệt giai cấp, những khác biệt chủ yếu giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay..." Đồng thời Hiến pháp nhấn mạnh việc mở rộng hơn nữa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vai trò của các tập thể lao động và của toàn dân trong việc tham gia quyết định công việc của Nhà nước và của xã hội.

III.

Các Hiến pháp xã hội chủ nghĩa đánh dấu những bước đi trên con đường xây dựng và phát triển xã hội Liên xô, thể chế hóa phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp mang tính quy luật của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có thể nói những Hiến pháp đó là

mẫu mực đối với nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Hiến pháp hiện hành của các nước xã hội chủ nghĩa khác đều thể hiện những nguyên tắc cơ bản, nhất quán của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Hiến pháp xô viết đã ghi nhận. Với việc tham khảo kinh nghiệm quý báu của các hiến pháp xô viết, Hiến pháp các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã quy định nhiều điều phong phú và sáng tạo nhằm xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay, nước ta trải qua ba thời kỳ phát triển. Thích ứng với ba thời kỳ ấy, Nhà nước ta đã ban hành ba Hiến pháp.

Hiến pháp năm 1946 đặt nền tảng pháp lý cho việc xây dựng Nhà nước dân chủ làm nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thể hiện những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về Nhà nước cách mạng. Hiến pháp năm 1959 là Hiến pháp xã hội chủ nghĩa của nước Việt nam dân chủ cộng hòa tiến hành xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc sau chiến thắng lẫy lừng Điện Biên phủ và giải phóng hoàn toàn một nửa đất nước. Để xây dựng Hiến pháp này, trong phiên họp đầu tiên của Ban sửa đổi Hiến pháp ngày 27-2-1957, Hồ Chủ tịch đã chỉ thị: « Chúng ta cần phải nghiên cứu kỹ tình hình nước ta, nghiên cứu lại bản Hiến pháp 1946, phải tham khảo Hiến pháp của các nước bạn và của một số nước tư bản có tính chất điển hình » (1). Tài liệu tham khảo chủ yếu đối với chúng ta lúc đó là Hiến pháp Liên xô năm 1936 (được sửa đổi và bổ sung năm 1955).

Với thắng lợi lịch sử mùa Xuân 1975 và việc thống nhất nước nhà năm 1976, Đảng và Nhà nước ta quyết định xây dựng Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Đây

là Hiến pháp của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước. Khi dự thảo Hiến pháp này, chúng ta đã tham khảo Hiến pháp Liên xô năm 1977 cùng với Hiến pháp nhiều nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Tuy thể hiện một trình độ phát triển chính trị và kinh tế - xã hội cao hơn so với tình hình ở nước ta, Hiến pháp Liên xô năm 1977 là một tài liệu tham khảo quý báu đối với chúng ta.

Trong diện mừng gửi các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên xô ngày 9-10-1977 nhân dịp Xô viết tới cao Liên xô thông qua Hiến pháp 1977, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta đã viết:

« Kể từ những bản Hiến pháp trước đây của Liên xô, bản Hiến pháp mới phản ánh những chuyển biến sâu sắc của xã hội xô viết trong mấy chục năm qua, đồng thời vạch ra những nét cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển đang tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Văn kiện quan trọng đó là một bằng chứng hùng hồn về tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa và của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ cao nhất hiện nay của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Bản Hiến pháp mới vừa được Xô viết tới cao thông qua là một thắng lợi rực rỡ của nhân dân Liên xô. Đó là sự cổ vũ mạnh mẽ đối với nhân dân lao động các nước đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội » (2).

Nhân Ngày Hiến pháp Liên xô, chúng ta chúc nhân dân Liên xô anh em, với truyền thống cách mạng và tài năng sáng tạo, đạt tới những đỉnh cao mới trên con đường xây dựng chủ nghĩa cộng sản, tương lai xán lạn của loài người.

(1) *Hiến pháp (pháp luật cơ bản) của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1957, 4 ôi nhà xuất bản tr. 5.

(2) *Báo Nhân dân*, số 8555 ngày 12-10-1977.

Kinh tế Cộng hòa dân chủ Đức trên đà phát triển vững mạnh

YẾN VÂN

SAU khi phát xít Đức bị đánh bại và đầu hàng không điều kiện, những quy định về chế độ Nhà nước của nước Đức sau chiến tranh đã được Liên xô, Mỹ và Anh thỏa thuận tại Hội nghị Y-an-ta và Pô-xđam. Nhưng những thỏa thuận đó trong thực tế đã bị Mỹ và Anh vi phạm liên tục và trắng trợn. Tháng 9-1949, các chính phủ Mỹ, Anh và Pháp thực hiện đường lối chia cắt nước Đức, tuyên bố thành lập nước Cộng hòa liên bang Đức.

Trước tình hình đó, ngày 7 tháng 10 năm 1949, kỳ họp thứ 9 của Hội đồng nhân dân Đức, một tổ chức do Đại hội nhân dân Đức lần thứ II cử ra theo sáng kiến và dưới sự lãnh đạo của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, đã tuyên bố thành lập nước Cộng hòa dân chủ Đức.

Việc thành lập nước Cộng hòa dân chủ Đức là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Nó đánh dấu đỉnh cao thắng lợi của cuộc đấu tranh kéo dài hàng thế kỷ của các lực lượng tiên bộ Đức từng mơ ước một Nhà nước Đức mới, công bằng và nhân đạo. Nó ngăn chặn con đường khôi phục vị trí của bọn phục thù và bọn quân

phiệt Đức trên lãnh thổ Đông Đức, góp phần chống lại những kế hoạch xâm lược của các thế lực phản động ở Đức và trên thế giới.

Ba mươi lăm năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, gần bó chặt chẽ và hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, Cộng hòa dân chủ Đức không ngừng lớn mạnh. Với diện tích không rộng (108 178km²) và số dân không đông (17 triệu người), Cộng hòa dân chủ Đức ngày nay là nước xã hội chủ nghĩa phát triển vững mạnh, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học, kỹ thuật tiên tiến, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân không ngừng được nâng cao.

Trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, Cộng hòa dân chủ Đức đã phải vượt qua những khó khăn hết sức to lớn. Khi chiến tranh kết thúc, 70% xí nghiệp công nghiệp bị phá hủy hoàn toàn. Nạn đói và các bệnh dịch đe dọa nghiêm trọng. Tiếp đó, tình trạng bị chia cắt do các cường quốc phương Tây gây ra đã cản trở không ít sự phát triển kinh tế (mất khu công nghiệp chủ yếu là hạt Rura;

những quan hệ kinh tế được hình thành trong lịch sử giữa Đông và Tây Đức bị phá vỡ: hầu hết các nhà máy ở Đông Đức bị tách khỏi các nguồn nguyên liệu vốn có ở Tây Đức, v.v.). Bọn đế quốc và phản động quốc tế cũng đã không từ một thủ đoạn nào nhằm phá hoại nền kinh tế Cộng hòa dân chủ Đức. Chúng thực hiện chính sách bao vây kinh tế trong hàng chục năm liền, ra sức mua chuộc, lôi kéo các công nhân lành nghề, các chuyên gia và các nhà khoa học Cộng hòa dân chủ Đức hòng thúc đẩy họ rời bỏ đất nước.

Sự lãnh đạo của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức là nhân tố quyết định những thắng lợi ngày càng to lớn của nước Cộng hòa dân chủ Đức. Đại hội thứ III của Đảng họp tháng 7 năm 1950 đã quyết định các nhiệm vụ của bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và thông qua kế hoạch 5 năm thứ nhất nhằm phát triển nền kinh tế quốc dân (1951 - 1955). Đến những năm đầu của thập kỷ 60, Cộng hòa dân chủ Đức đã giải quyết về căn bản những nhiệm vụ chủ yếu của bước quá độ đó, đã xây dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đại hội thứ VI của Đảng họp tháng 2 năm 1963 quyết định việc xây dựng chủ nghĩa xã hội theo quy mô lớn. Theo nghị quyết của Đại hội, công tác chỉ đạo và quy hoạch kinh tế quốc dân được cải tiến nhằm bảo đảm vận dụng triệt để những quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Các liên hiệp xí nghiệp ra đời vào nửa cuối thập kỷ 60. Các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được liên kết thành những tổ chức liên doanh hợp tác. Sự liên kết đó tạo điều kiện thuận lợi tiếp tục tăng cường phát triển theo chiều sâu và chuyên môn hóa nền nông nghiệp, sử dụng hợp lý hơn nữa kỹ thuật hiện đại trong trồng trọt và chăn nuôi.

Trong những năm đầu của thập kỷ 70, nền kinh tế Cộng hòa dân chủ Đức

phát triển ổn định và liên tục. Các mục tiêu kế hoạch được thực hiện tốt, trong đó có những bộ phận được thực hiện vượt mức. Căn cứ vào tình hình đó, Đại hội thứ IX của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức họp tháng 5 năm 1976 đã quyết định tiếp tục xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển ở Cộng hòa dân chủ Đức và qua đó, tạo điều kiện cho bước quá độ tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Sang thập kỷ 80 này, những nhiệm vụ kinh tế của Cộng hòa dân chủ Đức nhằm tạo ra một bước tiến mới trong việc kết hợp tinh ưu việt của chủ nghĩa xã hội với những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật. Đại hội thứ X của Đảng họp vào tháng 4 năm 1981 đã nhấn mạnh: «Chiến lược kinh tế nhằm vào việc tăng một cách đáng kể và với quy mô rộng hơn năng suất lao động, sử dụng tốt hơn nguyên liệu và nhiên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản xuất theo chiều sâu, tập trung phương tiện vào việc hợp lý hóa xã hội chủ nghĩa».

Để phát triển sản xuất theo chiều sâu, Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức coi việc *đẩy mạnh nghiên cứu khoa học kỹ thuật và áp dụng những tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất là nhân tố quyết định*.

Ở Cộng hòa dân chủ Đức, công tác nghiên cứu khoa học được hướng vào việc phục vụ các nhiệm vụ kinh tế, gắn với từng bước đi lên của nền kinh tế. Hiện nay, hướng phấn đấu của khoa học, kỹ thuật là hiện đại hóa các cơ sở sản xuất hiện có bằng công nghiệp vi điện tử và kỹ thuật người máy. Chi phí đầu tư cho hoạt động khoa học, kỹ thuật ngày càng tăng. Trong những năm từ 1976 đến 1980, đã chi 32,5 tỷ马克, gấp hơn hai lần so với những năm 1966 - 1970 và gần gấp rưỡi so với những năm 1971 - 1975. Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và công

nhân lãnh nghề được đầy mạnh. Năm 1982 so với năm 1955, số công nhân lãnh nghề nhiều gấp 2,5 lần, số cán bộ có trình độ cao đẳng về khoa học, kỹ thuật gấp 4 lần. Cũng trong những năm 1976 - 1980, ở Cộng hòa dân chủ Đức đã có khoảng 28 000 sáng chế, phát minh, trong đó có 4 000 sáng chế, phát minh được cấp bằng.

Quá trình phát triển sản xuất theo chiều sâu gắn rất chặt với việc tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu trong sản xuất. Cộng hòa dân chủ Đức coi việc tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu là một trong những phương hướng chủ yếu của tiến bộ khoa học, kỹ thuật. Đảng đã giáo dục cho từng người lao động ý thức phấn đấu nhằm đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao với số nguyên liệu, chất đốt, vật tư, năng lượng và thời gian ngày càng giảm. Những biện pháp tiết kiệm nghiêm ngặt đã được quy định trong sản xuất và đã mang lại kết quả cụ thể. Năm 1980, với số nguyên liệu giảm 5% so với năm trước, với mức tiêu thụ nhiên liệu cũng giảm, sản xuất công nghiệp vẫn tăng. Việc thu nhặt phế liệu để dùng lại vào sản xuất được đẩy mạnh. Hiện nay 10% nguyên liệu dùng trong công nghiệp được lấy từ đó các phế liệu. Một phong trào thu nhặt các phế liệu như giấy vụn, mảnh chai, sắt vụn, quần áo cũ, v.v. đang được đông đảo nhân dân hưởng ứng.

Nhờ chiến lược kinh tế đúng đắn, qua 35 năm phấn đấu bền bỉ, Cộng hòa dân chủ Đức đã đạt những thành tựu to lớn trên mặt trận sản xuất.

Công nghiệp không ngừng được hiện đại hóa. Hằng năm, nhiều nhà máy với trang bị kỹ thuật mới được đưa vào hoạt động. Nhiều ngành sản xuất hiện đại như kỹ thuật điện tử và vi điện tử được phát triển. Năng lượng hạt nhân ngày càng chiếm tỷ lệ cao trong ngành điện. Hằng năm, công nghiệp mang lại 60% thu nhập quốc dân và là nguồn chính của xuất khẩu.

Năm 1982 so với năm 1950, sản xuất công nghiệp tăng gấp 10 lần, và so với năm 1970 thì gấp 2 lần. Từ năm 1970 đến nay, mức tăng của sản xuất công nghiệp ở Cộng hòa dân chủ Đức cao hơn mức tăng của các nước công nghiệp phát triển ở Tây Âu. Hiện nay Cộng hòa dân chủ Đức là một trong mười nước đứng đầu thế giới về sản lượng công nghiệp tính theo đầu người.

Nông nghiệp cũng đạt những thành tích lớn. Mặc dù bình quân diện tích canh tác tính theo đầu người chỉ đạt 1/3 héc ta, nhưng nhờ công nghiệp tác động ngày càng tích cực vào nông nghiệp cho nên năng suất và sản lượng các loại cây trồng và con vật nuôi tăng nhanh. Năm 1983 so với năm 1949, sản lượng ngũ cốc tăng gấp 2 lần, đàn gia súc gấp 7 lần, sản lượng sữa gấp 3 lần, sản lượng trứng gấp 6 lần. Trong các năm 1982 và 1983, Cộng hòa dân chủ Đức đã sản xuất được trên 10 triệu tấn ngũ cốc mỗi năm. Nông nghiệp đã bảo đảm nhu cầu của xã hội về thịt, sữa, bơ, pho mát, trứng, bánh mì, khoai tây, đường. Riêng thịt còn là nguồn xuất khẩu. Năm 1982, bình quân mỗi người dân ở Cộng hòa dân chủ Đức đã tiêu thụ 91 ki lô gam thịt và sản phẩm thịt, 300 quả trứng, 16 ki lô gam bơ, 100 lít sữa, 44 ki lô gam đường và sản phẩm đường.

Cũng nhờ sự tác động tích cực của công nghiệp vào nông nghiệp, số lao động nông nghiệp hằng năm giảm rõ rệt để bổ sung cho khu vực công nghiệp. Năm 1949 có 2 triệu người lao động nông nghiệp, năm 1965 có 1,1 triệu và hiện nay còn 800 000 người.

Kinh tế phát triển đã nâng cao rõ rệt mức sống của nhân dân lao động. Thu nhập bình quân hằng tháng của công nhân viên chức tăng từ 311 mác (năm 1950) lên 555 mác (năm 1960), 735 mác (năm 1970) và 1066 mác (năm 1982). Năm 1982 so với năm 1950, số

cơ sở điều dưỡng tăng gấp 3 lần, số bệnh viện, trạm y tế gấp 2 lần, số nhà trẻ gấp 50 lần, số trường mẫu giáo gấp 5 lần. Một trong những vấn đề phúc lợi xã hội được Đảng và Nhà nước Cộng hòa dân chủ Đức quan tâm giải quyết hàng đầu là vấn đề nhà ở. Từ khi thành lập nước Cộng hòa dân chủ Đức đến năm 1970 đã xây dựng 1,35 triệu căn nhà. Từ năm 1971 đến năm 1980 đã xây dựng thêm và hiện đại hóa 1,4 triệu căn nhà, cải thiện được chỗ ở cho 1/4 số dân.



Ra đời cách đây 35 năm, Cộng hòa dân chủ Đức là quốc gia trẻ tuổi nhất châu Âu. Song những thành tựu về mọi mặt của đất nước này đã góp phần khẳng định ngày càng hùng hồn tính ưu việt của chủ nghĩa xã

hội. Đúng như đồng chí Ê-rich Hô-nêch-ơ, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa dân chủ Đức đã nhận định: «... Trên đất nước Đức, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới mang lại hạnh phúc, tự do và phẩm giá cho con người ».

Chào mừng kỷ niệm thứ 35 ngày thành lập Cộng hòa dân chủ Đức, chúng ta tin tưởng vững chắc rằng với nghị lực và trí sáng tạo của mình, trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, nhân dân Cộng hòa dân chủ Đức, dưới sự lãnh đạo của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, nhất định ngày càng vươn lên, vượt mọi trở ngại khó khăn, giành nhiều thắng lợi mới, to lớn hơn nữa trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển.

Tồ chức lại sản xuất, phân phối lại lao động...

(Tiếp theo trang 56)

bố lao động và dân cư để khai thác tiềm năng đó còn yếu. Năng suất lao động trong nông nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp nhìn chung chưa cao, còn nhiều lao động chưa được sử dụng. Việc thu mua năm hàng nông sản như Lương thực, heo còn bị sức hút mạnh của thị trường bên ngoài chi phối; giá cả cũng còn có mặt chưa hợp lý cho nên việc huy động của địa phương chúng tôi còn gặp nhiều khó khăn phức tạp.

Để khai thác tốt tiềm năng của huyện, huyện chúng tôi cần được sự đầu

tư của Nhà nước cho vùng trồng cây công nghiệp ngắn ngày như mía và nhất là dưa, giúp huyện có điều kiện thuận lợi hơn trong việc chuyển lao động dư thừa còn khá lớn sang mở rộng vùng đất chưa phen còn hoang hóa. Huyện chúng tôi cũng cần được Nhà nước giúp vốn, vật tư, phụ tùng tạo điều kiện cho các cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển sản xuất, để sớm hình thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp hoàn chỉnh trên địa bàn huyện.

Một cương lĩnh chính trị cường chiến

NHUẬN VU

BẮC điểm nổi bật của cương lĩnh chính trị của Đảng cộng hòa Mỹ được Đại hội toàn quốc của đảng này thông qua ngày 21 tháng 8 năm 1984 là tính chất hung hăng cường chiến của nó. Từ bầu không khí của Đại hội toàn quốc Đảng cộng hòa Mỹ đến nội dung bản cương lĩnh mà đại hội đó thông qua xõng lên nồng nặc mùi sỏ vanh dân tộc tốt đỉnh, mùi quân phiệt cực đoan và hiện ra cả viễn cảnh những chiếc nắm hạt nhân. Tuy vẫn tro trên cái vại chiếc lồng hồ câu "hòa bình", làm vật trang sức đóm dánh lấy lệ. Ri-gân kiểu căng với chính nguyên hình của mình là con "diều hâu siêu đẳng".

Ngay từ những hàng chữ mở đầu phân đối ngoại, cương lĩnh chính trị của Đảng cộng hòa Mỹ đã nhấn mạnh rằng có sự khác nhau sâu sắc về tinh thần giữa các hành động, lý tưởng của các chế độ theo chủ nghĩa Mác-Lê-nin và các chế độ dân chủ của Mỹ. Điều đó hàm ý sâu sắc rằng cốt lõi của chính sách quốc gia Mỹ dưới chính quyền Ri-gân đương nhiệm và nếu được tái cử là "cuộc thập tự chinh mới chống chủ nghĩa cộng sản" chia mũi nhọn vào Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Dưới lá cờ đen này, Ri-gân sẽ thổi bùng mạnh

hơn nữa ngọn gió "chiến tranh lạnh", đẩy nước Mỹ vào những bước mới của cuộc chạy đua vũ trang trên miệng hố chiến tranh hạt nhân, ra sức chuẩn bị "chiến tranh nóng" và bước vào những cuộc phiêu lưu quân sự, những cuộc can thiệp và xâm lược mới. Mục tiêu được khoe khoang trong cương lĩnh là "giữ cho nước ta (Mỹ) mạnh hơn bất kỳ kẻ thù tiềm tàng nào".

Sức mạnh quân sự Mỹ, bộ máy chiến tranh Mỹ "mạnh nhất thế giới" vốn được xem là chiếc bè để đặt lên đấy chiếc ghế "sen đầm quốc tế". Đây chính là mục tiêu đã thu hút đế quốc Mỹ trong suốt gần 40 năm qua, kể từ ngày chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Cương lĩnh chính trị của Đảng cộng hòa Mỹ nhấn mạnh "chúng ta (Mỹ) tàn thành các nguyên tắc của chủ nghĩa Mon-rô, coi đó là nền móng mạnh mẽ nhất của chính sách Mỹ trên khắp bán cầu". Nói trắng ra, châu Mỹ được xem như "khu rừng săn riêng" của đế quốc Mỹ.

Vẫn theo cương lĩnh, Mỹ lại coi những "quyền lợi sống còn" tại tất cả mọi nơi trên thế giới, từ châu Mỹ, châu Âu, Trung Đông đến châu Á, Thái bình dương và châu Phi.

Cương lĩnh trắng trợn nói toạc ra rằng « chúng ta (Mỹ) hình dung trước một nền dân chủ chân chính cho tương lai của Cu ba », tức là Mỹ làm le tiến hành hoạt động lật đổ và chiến tranh xâm lược chống Cu ba.

Với giọng lưỡi trịch thượng thô bạo, sắc mòi, « sen đầm quốc tế », cương lĩnh đòi « Ni-ca-ra-goa không được phép cứ là một đất thánh của chủ nghĩa cộng sản ».

Đối với khu vực châu Á - Thái bình dương, cương lĩnh viết: « Chúng ta (Mỹ) được cổ vũ trước việc Nhật bản tăng thêm chi tiêu quốc phòng và kêu gọi Nhật bản mở rộng hơn nữa sự đóng góp của họ cho việc phòng thủ khu vực ». Nền tảng của việc « phòng thủ khu vực » đang được Mỹ rắp tâm xây dựng đó là liên minh Đông Bắc Á: Mỹ - Nhật bản - Nam Triều tiên với « hành động song song » của Trung quốc, chia mũi nhọn vào vùng Viễn Đông của Liên xô.

Tán dương các hoạt động của Ri-gân nhằm « phát triển quan hệ Mỹ - Trung quốc », cương lĩnh nhấn mạnh rằng: « cả hai nước - Mỹ và Trung quốc - đều chia sẻ một mục tiêu quan trọng chung: chống Liên xô ». Đến đây, cương lĩnh cũng không quên nhắc đến « sự quan tâm và lòng chung thủy » của Mỹ đối với Đài loan và « tán thành nhiệt liệt lời của tổng thống Ri-gân nói rằng chính sách của Mỹ là ủng hộ và hoàn toàn thực hiện các điều khoản trong luật quan hệ với Đài loan ».

Về khu vực Đông Nam châu Á, cương lĩnh nhấn mạnh ý định của Mỹ bằm chặt lấy hai căn cứ Clac và Xuy-bích tại Phi-líp-pin, tăng cường « quan hệ đặc biệt » tức là sự không chế của Mỹ đối với Thái lan, «u cáo Việt nam về những cái gọi là « Văn đề Cam-pu-chia » và « những người Mỹ mất tích ». Cương lĩnh của Đảng cộng hòa không quên kích động các nước ASEAN chống Việt nam và

Liên xô, và hứa hẹn « tăng cường các quan hệ chính trị và kinh tế » với các nước ASEAN, tức là mở rộng các hoạt động thực dân mới của Mỹ tại khu vực này.

Những lời lẽ thù địch nhất trong cương lĩnh đã được dành cho phần quan hệ với Liên xô. Cương lĩnh đòi thi hành « chính sách hòa bình thông qua sức mạnh » của Mỹ đối với Liên xô, hai chữ « hòa bình » được dẽm vào một cách giả tạo. Theo cương lĩnh, yêu cầu cấp thiết hiện nay trong quan hệ với Liên-xô không phải là việc đàm phán nhằm hạn chế các vũ khí chiến lược mà là Mỹ « sẽ tiếp tục các cố gắng nhiều phía nhằm làm cho bộ máy quân sự của Liên xô không có được kỹ thuật tiên tiến của phương Tây ». Cương lĩnh kết thúc phần chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Liên xô bằng những lời lẽ xuyên tạc cực kỳ bỉ đĩ nhằm chia rẽ nội bộ nhân dân Liên xô, chia rẽ Liên xô với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Biện pháp được Đảng cộng hòa Mỹ lựa chọn để thực hiện « chính sách đối ngoại trên sức mạnh » là tăng cường chạy đua vũ trang nhằm tăng cường bộ máy chiến tranh của Mỹ trên tất cả các lĩnh vực, trước hết là về vũ khí hạt nhân chiến lược, nhằm « giành ưu thế quân sự chiến lược » so với Liên xô và đồng minh.

Cương lĩnh của Đảng cộng hòa cam kết « làm mọi việc cần thiết để sao cho trong trường hợp có xung đột, Mỹ chắc chắn sẽ thắng ».

Trong số « mọi việc cần thiết » đó, có việc đòi « tăng cường các cơ quan tình báo Mỹ » và đưa ra một chủ trương cực kỳ nguy hiểm là sử dụng hoạt động tình báo để « ảnh hưởng đến các sự kiện quốc tế nhằm hậu thuẫn cho các mục tiêu trong chính sách đối ngoại của Mỹ », tức là dùng cơ quan tình báo Mỹ can thiệp vào

công việc nội bộ của các nước khác bằng mọi thủ đoạn.

Một "việc cần thiết" mới nữa đối với Mỹ được cương lĩnh nhấn mạnh là "sáng kiến chiến lược" của Ri-gân trong việc xây dựng "hệ thống vũ khí đặt trên vũ trụ" nhằm mục đích, theo nhận xét của báo chí phương Tây, "tiến hành chiến tranh hạt nhân từ các vì sao".

Như vậy là, theo cương lĩnh mới của Đảng cộng hòa, mọi hoạt động của nước Mỹ ngày nay đều phải xoay quanh cái trục chuẩn bị chiến tranh cả thông thường lẫn hạt nhân. Mục tiêu cấp thiết trước mắt mà Ri-gân đề ra cho nước Mỹ là phá vỡ thế cân bằng quân sự - chiến lược đã hình thành giữa Mỹ và Liên xô, giành ưu thế quân sự - chiến lược về phía Mỹ. Ri-gân chủ trương "đổi đầu trực tiếp" với ba đồng thác cách mạng của thời đại trên thế giới, chĩa mũi nhọn vào Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Ri-gân đẩy mạnh cuộc chạy đua vũ trang bằng cách khẩn trương chế tạo những hệ thống vũ khí hạt nhân chiến lược và hủy diệt mới, xây dựng những bản đạp tiến công hạt nhân mới từ dưới mặt biển, trên vũ trụ và trên mặt đất ở những địa bàn tiếp cận Liên xô.

Bóng đen của chủ nghĩa quân phiệt đang bao phủ bầu trời nước Mỹ cũng như một số nước đồng minh, tay sai, "bạn bè" của Mỹ. Bản cương lĩnh cường chiến của Đảng cộng hòa Mỹ đã phơi bày một sự thật hoàn toàn đen giấu nhưng cực kỳ nguy hiểm: đế quốc Mỹ là mối đe dọa chiến tranh hạt nhân đối với toàn thể loài người.

Tuy nhiên, bản cương lĩnh chống lại loài người này là sản phẩm của

sự giãy giụa tuyệt vọng của đế quốc Mỹ đang lún sâu trong khủng hoảng toàn diện của thời kỳ "sau Việt nam".

Ngay sau khi bản cương lĩnh được thông qua, dư luận chính giới Mỹ đã vạch rõ rằng với "bản cương lĩnh đánh dấu một bước ngoặt mạnh về phía hữu" này, Đảng cộng hòa của Ri-gân đang đứng trước muôn vàn khó khăn và mâu thuẫn ở bên trong và bên ngoài nước Mỹ. Những chính sách kinh tế của Ri-gân mấy năm qua tuy có chút ít thành tích song đang bước vào những luẩn quẩn, bế tắc, đe dọa nghiêm trọng lợi ích của người dân Mỹ, trước hết là người lao động. Đảng cộng hòa tuy tạm thời có sự nhất trí của đa số đề thông qua bản cương lĩnh hiếu chiến này, nhưng sau cơn cuồng nhiệt đó, một sự rạn nứt mới đang bộc lộ ngày càng gay gắt trong nội bộ đảng này. Các thế lực chống lại Đảng cộng hòa đang triển khai một chiến dịch mạnh mẽ nhất để bác bỏ bản cương lĩnh của đảng này. Các đồng minh của Mỹ từ lâu đã chịu đủ sức ép của Mỹ về vấn đề chạy đua vũ trang, chắc chắn không thể kham nổi những yêu sách số vanh, ích kỷ được toát lên trong cương lĩnh của Đảng cộng hòa Mỹ.

Bản cương lĩnh cường chiến của Đảng Cộng hòa Mỹ hoàn toàn đi ngược lại xu thế của thời đại. Sức mạnh của hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội do Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa làm trụ cột, đang không ngừng lớn mạnh. Toàn thể loài người tiến bộ đang nêu cao cảnh giác, sẵn sàng ngăn chặn mọi hành động phiêu lưu mới của đế quốc Mỹ và đồng bọn.

« ТАПЧІ КОНГШАН » № 10 – 1984

ПЕРЕДОВАЯ – Преобразовать и управлять рынком. НГУЕН ХЫУ ТХО – Управлять экономикой и обществом посредством законов. ФАМ ХУНГ – Создать народные милицейские силы достойными быть надежным орудием партии, мощным орудием государства пролетарской диктатуры и любимым детищем народа. ХОАНГ ТУНГ – Мир должен быть сохранен. ЧАН ВИ – Ханой 30 лет в борьбе и строительстве. НГУЕН ДЫК ТХИЕНГ – Население и войска провинции Хатуйен дают решительный отпор любым агрессивным посяхам и подрывным действиям китайских реакционеров. ФАН ХЬЕН – Ценный вклад конституций союзных республик в строительство социалистического государства. ЙЕН ВАН – Экономика ГДР в ходе динамичного развития. НЬЮАН ВУ – Безумная политическая программа.

REVIEW OF COMMUNISM № 10-1984

Editorial – Transformation and management of the market. NGUYỄN HỮU THỌ – Management of the economy and society by means of laws. PHẠM HÙNG – Building up the people's security forces into a reliable tool of the Party, a sharp weapon of the proletarian dictatorship State and beloved sons and daughters of the people. HOÀNG TÙNG – Peace must be preserved. TRẦN VĂN – Hanoi – 30 years of construction and fighting. NGUYỄN ĐỨC THIỆNG – The people and army of Ha tuyen province resolutely defeat every scheme of aggression and sabotage by the reactionary Chinese clique. PHAN HIẾN – The valuable contribution of the Constitutions of the Soviet Union to the construction of the socialist State. YẾN VÂN – Steady development of the economy of the German Democratic Republic. NHUẬN VŨ – A warlike political programme.

REVUE DU COMMUNISME № 10-1984

Editorial – Transformation et gestion du marché. NGUYỄN HỮU THỌ – La gestion de l'économie et de la société par les lois. PHẠM HÙNG – Edifier la police populaire en un instrument de confiance du Parti, un instrument efficace de l'Etat de dictature prolétariat et un enfant du peuple. HOÀNG TÙNG – Que la paix soit fermement préservée. TRẦN VĂN – Hanoi, 30 ans de lutte et de construction. NGUYỄN ĐỨC THIỆNG – Les troupes et la population de la province de Ha tuyen déterminent à faire échec à toutes les menées d'agression et de sabotage des réactionnaires chinois. PHAN HIẾN – Contribution précieuse des Constitutions soviétiques à l'édification de l'Etat socialiste. YẾN VÂN – Développement vigoureux de l'économie de la RDA. NHUẬN VŨ – Une doctrine politique belliqueuse à l'extrême.

REVISTA DEL COMUNISMO № 10-1984

Editorial – Transformar y administrar el mercado. NGUYỄN HỮU THỌ – Administrar la economía y asuntos sociales mediante las leyes. PHẠM HÙNG – Edificar las fuerzas de seguridad popular para merecerse de un instrumento confiable del Partido, de un eficaz instrumento del Estado de dictadura del proletariado y de amados hijos del pueblo. HOÀNG TÙNG – La paz debe ser preservada. TRẦN VĂN – La Capital Hanoi: sus 30 años de construcción y combate. NGUYỄN ĐỨC THIỆNG – El ejército y el pueblo de la provincia de Ha tuyen están dispuestos a frustrar toda maniobra de invasión y sabotaje de los reaccionarios chinos. PHAN HIẾN – La preciosa contribución de las Constituciones Soviéticas a la construcción del Estado socialista. YẾN VÂN – La economía de la RDA en su vigoroso impulso de desarrollo. NHUẬN VŨ – Un Programa político frenéticamente belicoso.

Mục lục

Xa luận – Cải tạo và quản lý thị trường	1
NGUYỄN HỮU THỌ – Quản lý kinh tế xã hội bằng pháp luật	6
PHẠM HÙNG – Xây dựng lực lượng công an nhân dân xứng đáng là công cụ tin cậy của Đảng, công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản, là con em yêu quý của nhân dân	10
HOÀNG TÙNG – Hòa bình phải được giữ vững	25
TRẦN VĨ – Thủ đô Hà nội 30 năm vừa xây dựng vừa chiến đấu	26
NGUYỄN ĐỨC THIỆNG – Quân và dân tỉnh Hà tuyên kiên quyết đánh bại mọi âm mưu xâm lược và phá hoại của bọn phản động Trung quốc	33
TRẦN ANH VINH – Đổi mới hướng dẫn tư khai thác than	37
Trao đổi ý kiến về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ★ LA THẮNG – Một vấn đề về xây dựng huyện ở Lạng sơn trong tình hình hiện nay ★ HÀ TRỌNG HÓA – Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở Thanh hóa ★ PHAN THANH PHONG – Tò chức lại sản xuất, phân bổ lại lao động trên địa bàn huyện	42
Thư bạn đọc ★ VŨ KHÁNH – « Ba lợi ích »	57
PHAN HIỀN – Sự đóng góp quý báu của các hiến pháp xô viết vào việc xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa	58
YẾN VÂN – Kinh tế Cộng hòa dân chủ Đức trên đà phát triển vững mạnh	64
NHUẬN VŨ – Một cương lĩnh chính trị cường chiến	66
Bìa 4 – Ký họa của Dương Hương Minh	

Trụ sở Bộ biên tập :

1 Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dãy nói : 52061 – 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Duy Tân – T.P Hồ chí Minh. Dãy nói : 25768 – 22040



TUỔI TRẺ THỬ ĐỒ TRÊN TUYẾN BIÊN GIỚI PHÍA BẮC

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-D

11

11. 1984

ĐI THEO CON ĐƯỜNG DO LÊ-NIN VĨ ĐẠI ĐÃ
VẠCH RA, CON ĐƯỜNG CỦA CÁCH MẠNG THÁNG
MƯỜI, NHÂN DÂN VIỆT NAM ĐÃ GIÀNH ĐƯỢC
THẮNG LỢI RẤT TO LỚN. CHÍNH VÌ VẬY MÀ MỐI
TÌNH GÂN BÓ VÀ LÒNG BIẾT ƠN CỦA NHÂN DÂN
VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VẄ
VANG, ĐỐI VỚI LÊ-NIN VĨ ĐẠI VÀ ĐỐI VỚI NHÂN
DÂN LIÊN XÔ LẢ VÔ CÙNG SÂU SẮC.

HỒ CHÍ MINH

Tiến hành tích cực và vững chắc công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ

CÔNG cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ đã có những chuyển biến mới quan trọng. Việc điều chỉnh ruộng đất đã hoàn thành ở vùng lúa thâm canh và diện tích ruộng đất t. Ở vùng có bình quân diện tích ruộng đất cao, vùng có nhiều đất vườn, chuyên canh cây công nghiệp và cây ăn quả đang tiếp tục điều chỉnh ruộng đất gắn với phân bố dân cư và lao động ở nơi khác đến. Trong hai năm 1983 và 1984, đã điều chỉnh thêm được trên 89 nghìn héc ta, đưa tổng số ruộng đất đã điều chỉnh từ 1976 đến nay lên tới trên 389 nghìn héc ta.

Gắn liền với điều chỉnh ruộng đất, các địa phương đều tổ chức nông dân vào tổ đoàn kết sản xuất. 90% số xã ở các tỉnh Nam bộ đã tổ chức hợp tác xã mua bán và một số nơi đã tổ chức hợp tác xã tín dụng. Đến giữa năm 1984, các tỉnh Nam bộ đã xây dựng được 23664 tập đoàn sản xuất và 268 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Đến nay, ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu long, 56% số hộ nông dân với 47% diện tích ruộng đất đã vào các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp. Có 15 huyện, 515 xã, phường ở các tỉnh Nam bộ đã căn bản hoàn thành việc tổ chức nông dân vào tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Phần lớn các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã làm ăn tốt, đã tổ chức lao động, thâm canh, tăng vụ đạt năng suất và sản lượng lúa cao hơn nông dân cá thể. Một số tập đoàn sản xuất và hợp tác xã bắt đầu phát triển được ngành nghề. Những tập đoàn sản xuất và hợp tác xã làm ăn giỏi, lành thu nhập và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước xuất hiện ngày càng nhiều, đang có sức thuyết phục đối với nông dân. Cán bộ quản lý ở các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, cán bộ các cấp xã, huyện và tỉnh ngày càng có thêm kinh nghiệm trong việc kết hợp cải tạo với xây dựng nông thôn và phát triển nông nghiệp ở vùng sản xuất lương thực. Nói chung, phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ trong thời gian qua đã phát triển tốt và lành mạnh.

Thực tiễn đó chứng minh rằng, trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng về cải tạo nông nghiệp, các cấp ủy Đảng, các ngành và cán bộ đảng viên ở các tỉnh Nam bộ ngày càng thấu suốt hơn và có nhiều năng động, tìm ra cách làm linh hoạt, thích hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội ở Nam bộ. Các địa phương ở Nam bộ đã biết gắn cải tạo và xây dựng nông nghiệp với cải

tạo và xây dựng công thương nghiệp; kết hợp phát-triển rộng rãi tổ đoàn kết sản xuất và hợp tác xã mua bán với việc tổ chức nông dân vào các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp với trình độ và quy mô thích hợp từ thấp đến cao; dựa hẳn vào khối đoàn kết nông dân lao động và đấu tranh với giai cấp tư sản, phú nông ở nông thôn, thực hiện chính sách trả hoa lợi ruộng đất, tạo điều kiện thu hút trung nông lớp trên đi theo chủ nghĩa xã hội; thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động ngay từ đầu khi mới tổ chức tập đoàn sản xuất; kết hợp chặt chẽ hợp tác hóa với thủy lợi hóa, từng bước cơ giới hóa và đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp; gắn cải tạo và xây dựng kinh tế với phát triển các sự nghiệp văn hóa, xã hội và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trong cải tạo nông nghiệp được xác định khẩn trương. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể ngày càng chặt chẽ trong việc tích cực vận động và tổ chức nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể.

Khẳng định mặt tốt là cơ bản, nhưng chúng ta không được xem nhẹ những khuyết điểm và nhược điểm để kiên quyết và khẩn trương khắc phục nhằm thực hiện tốt hơn nữa những nội dung về cải tạo nông nghiệp trong các chỉ thị của Trung ương đã vạch ra cho các tỉnh Nam bộ. Việc điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp kết hợp với điều chỉnh dân cư từ nơi khác đến những vùng nhiều ruộng đất, ít người chưa làm được nhiều. Các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã ở vùng lúa, do chưa chú trọng chỉ đạo việc cải tạo và mở rộng kinh doanh, chỉ mới quản lý sản xuất lúa là chính, đã rơi vào thế độc canh, hiệu quả thấp, số lượng ngày càng sản xuất cho tập thể và thu nhập từ kinh tế tập thể của tập đoàn viên và xã viên chưa cao. Chất lượng hoạt động của nhiều tập đoàn sản xuất còn thấp. Một số nơi có khuynh hướng mở rộng quy mô hợp tác xã một cách hình thức, vượt quá trình độ phát triển sản xuất của hợp tác xã, trình độ tổ chức và quản lý kinh tế của cán bộ hợp tác xã, do đó chưa phát huy tốt tính hơn hẳn của quan hệ sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa. Công tác cải tạo ở các vùng làm vườn và cây công nghiệp chỉ mới có một số mô hình nhưng chưa hoàn chỉnh và còn làm thử để rút kinh nghiệm. Hệ thống hợp tác xã mua bán, nhất là hợp tác xã tín dụng ở nông thôn còn yếu, cho nên chưa làm chủ được thị trường và nạn cho vay nặng lãi ở nông thôn vẫn còn nặng. Ở một số địa phương, việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện làm chậm, và chưa thật gần với cải tạo và xây dựng ở cơ sở.

Hiện nay phong trào cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ đang có đà tiến lên và ngày càng mở rộng. Trong chỉ đạo tổ chức thực hiện, phải hết sức tránh xu hướng làm lướt, thiên về hình thức, không coi trọng chất lượng và hiệu quả; đồng thời phải tránh tư tưởng rập khuôn, cứng nhắc, không xuất phát từ tình hình thực tế của từng vùng mà xây dựng các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh thích hợp nhằm phát triển mạnh mẽ và vững chắc phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.



Phát huy những kết quả và kinh nghiệm đã đạt được, chúng ta cần tập trung sức tiếp tục đẩy mạnh công tác cải tạo và phát triển nông nghiệp có **chất lượng và hiệu quả**, bảo đảm bước đi **tích cực và vững chắc** nhằm căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ bằng hình thức tập

đoàn sản xuất là chủ yếu vào cuối năm 1985, đồng thời chuẩn bị cho bước phát triển tiếp theo của các năm sau.

Các tỉnh và thành phố ở Nam bộ cần có kế hoạch tiếp tục hoàn thành điều chỉnh ruộng đất kết hợp với phân bố lao động ở một số vùng chưa điều chỉnh xong ruộng đất để sử dụng và phát huy tối tiềm năng lao động và đất đai trong phạm vi toàn huyện, toàn tỉnh và cả khu vực Nam bộ. Tránh lối làm hình thức chủ nghĩa và không để xảy ra tình trạng điều chỉnh xong lại bỏ đất hoang trong khi lao động tại chỗ không được sử dụng hợp lý. Những nơi đã hoàn thành điều chỉnh ruộng đất phải kiểm tra lại để phát hiện và giải quyết kịp thời những lệch lạc đã nảy sinh.

Những nơi chưa tổ chức lập đoàn sản xuất và hợp tác xã, nhất là những vùng sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, nuôi thủy sản, trồng rừng và làm các ngành nghề khác cần phải thu hút và phát triển rộng rãi nông dân vào tổ đoàn kết sản xuất. Trong xây dựng tổ đoàn kết sản xuất, cần chú trọng đặc điểm của từng vùng và từng đối tượng, làm cho các tổ đoàn kết sản xuất hoạt động thật thực và có hiệu quả.

Đối với vùng lúa, việc cần bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp vào cuối năm 1985 phải đạt từ 70 – 75% số hộ nông dân và ruộng đất vào lập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; số còn lại được tổ chức vào tổ đoàn kết sản xuất. Ở những vùng thâm canh 2 vụ, 3 vụ lúa trong một năm thì tỷ lệ nông dân và ruộng đất đưa vào lập đoàn sản xuất và hợp tác xã phải đạt từ 80 – 85%. Vùng trồng lúa nổi, đất phèn và mặn cần được chỉ đạo chặt chẽ, thu hút phần lớn nông dân vào tổ đoàn kết sản xuất, từng bước đưa lên lập đoàn sản xuất với tỷ lệ thích hợp. Ở những vùng trồng màu là chủ yếu ở miền đông Nam bộ, cần lập trung cũng cố tốt các tổ đoàn kết sản xuất để đưa lên lập đoàn sản xuất, đồng thời tích cực phát triển tổ đoàn kết sản xuất ở các nơi khác, đưa tỷ lệ nông dân và ruộng đất vào lập đoàn sản xuất không dưới 60%.

Riêng đối với vườn cây ăn quả, việc cải tạo cần tiến hành thận trọng. Trước mắt, cần khuyến khích các gia đình thâm canh các vườn cây ăn quả và thông qua khâu thương nghiệp, tái chính để tập trung được nông sản hàng hóa vào tay thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và điều tiết một phần thu nhập của các hộ có thu nhập cao

Tất cả các xã ở Nam bộ cần nhanh chóng tổ chức đông đảo nông dân vào các hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng. Các hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của chính quyền cấp xã và dựa vào các tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp để mở rộng mạng lưới và phạm vi hoạt động ra khắp thôn xóm, thay thế tư thương, xóa bỏ nạn đầu cơ, nạn cho vay nặng lãi, tiến đến làm chủ thị trường, phục vụ tốt sản xuất và đời sống nhân dân ở nông thôn. Các hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng cần được các ngành thương nghiệp quốc doanh, ngân hàng Nhà nước ủy thác một số công việc mua, bán, tín dụng ở nông thôn và hướng dẫn nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Củng cố các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hiện có nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả kinh tế, bảo đảm nâng cao đời sống của tập đoàn viên và xã viên, tăng tích lũy vốn cho tái sản xuất mở rộng, giao nộp và bán nhiều nông sản cho Nhà nước, bảo đảm tinh chất tập thể xã hội chủ nghĩa về một phương diện từ tổ chức sản xuất đến quản

tỷ và phân phối, bảo đảm tập đoàn sản xuất và hợp tác xã làm ăn lời hơn so với nông dân cá thể. Cần tổng kết kinh nghiệm để phát huy tác dụng của các đơn vị liên liên và đặc biệt chú ý củng cố các tập đoàn sản xuất mới thành lập và các tập đoàn sản xuất yếu kém.

Chuẩn bị tốt việc **phát triển tập đoàn mới**, đặc biệt là làm tốt công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch cải tạo nông nghiệp của địa phương, làm tốt công tác quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và xây dựng nông thôn mới.

Tổ chức các hình thức **liên tập đoàn** ở những nơi hoàn thành lập thể hóa nông nghiệp trên phạm vi cả ấp, mở rộng liên doanh để liên kết sản xuất giữa các tập đoàn (khớp với quy hoạch của một hợp tác xã sau này) để từng bước tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật mới, phân công lao động theo hướng chuyên môn hóa kết hợp với hiệp tác hóa, nâng cao trình độ quản lý của cán bộ nhằm phát triển sản xuất, mở mang ngành nghề ở nông thôn, chuẩn bị liên để vật chất đưa các tập đoàn sản xuất lên hợp tác xã với quy mô thích hợp khi có điều kiện.

Trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ, song song với việc củng cố và phát triển các nông trường quốc doanh, các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và tập đoàn sản xuất, các địa phương cần quan tâm đúng mức đến việc phát triển **kinh tế gia đình** của xã viên, thực hiện ngay từ đầu sự liên kết, hợp tác và hỗ trợ giữa kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế gia đình xã viên, kinh tế của những nông dân còn làm ăn cá thể về các mặt: phương hướng sản xuất, sử dụng lao động, chế biến nông sản, tiêu thụ sản phẩm...

Đào tạo **cán bộ cơ sở** và tăng cường **bộ máy cấp xã** là những việc hết sức cấp bách để phục vụ cho công cuộc cải tạo nông nghiệp. Các địa phương cần căn cứ vào quy hoạch hợp tác hóa và quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để lập quy hoạch cán bộ cho từng xã. Cần thông qua phong trào quần chúng tiến hành ba cuộc cách mạng ở nông thôn để lựa chọn từ cơ sở những người chỉ cốt, quyết tâm xây dựng các tổ chức sản xuất và kinh doanh tập thể, liên kết, biết quản lý kinh tế, được quần chúng tin nhiệm để đưa vào quy hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ. Cấp tỉnh và huyện có trách nhiệm đào tạo một đội ngũ cán bộ làm công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể, quản lý kỹ thuật cho các xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, phục vụ trong xã.

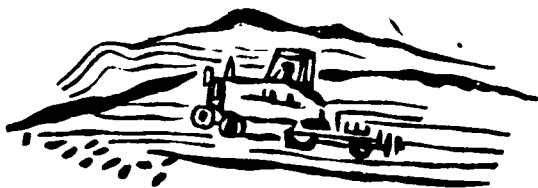
Khẩn trương phát triển hệ thống **quốc doanh sản xuất và dịch vụ nông nghiệp** trên địa bàn huyện, phát huy ngay từ đầu vai trò chỉ đạo của kinh tế quốc doanh huyện trong việc cải tạo và phát triển nông nghiệp, quản lý thị trường, tín dụng ở nông thôn. Xuất phát từ quy hoạch sản xuất và cơ cấu kinh tế nông, lâm, ngư, công nghiệp của từng loại huyện mà xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống quốc doanh dịch vụ kỹ thuật (máy kéo, thủy nông, giống cây trồng, giống gia súc, bảo vệ thực vật, thú y...) gắn với hoạt động của tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Kết hợp ngay từ đầu việc tổ chức sản xuất nguyên liệu với công nghiệp chế biến, xây dựng hệ thống công nghiệp chế biến với quy mô và trình độ kỹ thuật phù hợp, gắn công nghiệp huyện với thủ công nghiệp ở cơ sở thành một cơ cấu được phân công, phân cấp hợp lý. Công nghiệp chế biến huyện, ngoài chức năng sản xuất, phải vươn lên làm vai trò tổ chức hướng dẫn kỹ thuật và công nghệ cho các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, tạo điều kiện cho các hợp tác xã và các tập đoàn sản xuất liên doanh, liên kết mở mang

ngành nghề, xây dựng cơ cấu nông - công nghiệp huyện từ cơ sở. Căn cứ vào yêu cầu sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản để xây dựng các xí nghiệp và hợp tác xã cơ khí trên địa bàn huyện làm nhiệm vụ sửa chữa và sản xuất công cụ cải tiến, công cụ nửa cơ khí phục vụ cho cơ sở. Hoàn chỉnh hệ thống dịch vụ lưu thông bằng cách phát triển nhanh thương nghiệp quốc doanh huyện và hợp tác xã mùa bán gắn với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, lập đoàn sản xuất và tổ đoàn kết sản xuất để thực hiện tốt hợp đồng hai chiều về cung ứng vật tư sản xuất, hàng tiêu dùng và thu mua nông sản. Cần phát triển nhanh ngân hàng huyện và hợp tác xã tín dụng ở nông thôn; xây dựng các cơ sở cần thiết cho việc phát triển giáo dục, y tế, văn hóa; hình thành từng bước những cụm (kinh tế - xã hội) theo từng khu vực trên địa bàn huyện.



Phấn đấu hoàn thành căn bản việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ vào cuối năm 1985 là một nhiệm vụ rất nặng nề. Trong thời gian tới, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp sẽ phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, đòi hỏi sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng phải chặt chẽ, nhanh nhạy và linh hoạt. Việc giành thắng lợi toàn diện trên cả hai mặt cải tạo và phát triển nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ, đòi hỏi Đảng và Nhà nước tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo và chỉ đạo của mình. Các ngành trong khối nông nghiệp cùng các đoàn thể quần chúng và các ngành kinh tế khác thống nhất chương trình hoạt động, tích cực tham gia một cách thiết thực vào công tác cải tạo nông nghiệp.

Nhận rõ tầm quan trọng của sự nghiệp cải tạo nông nghiệp, các tỉnh ủy, thành ủy tăng cường hơn nữa việc lãnh đạo và chỉ đạo đối với công tác này một cách đúng mức và kịp thời. Các huyện ủy phát huy vai trò của mình là cấp lãnh đạo trực tiếp các cơ sở, bảo đảm nâng cao hơn nữa chất lượng của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Sự nhất trí cao và tăng cường lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp từ trung ương đến địa phương và cơ sở nhất định sẽ đưa phong trào tiếp tục lên **mạnh mẽ và vững chắc**, bảo đảm căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp chủ yếu bằng hình thức lập đoàn sản xuất ở các tỉnh Nam bộ vào cuối năm 1985 với chất lượng tốt và hiệu quả cao.



Nhà nước và nhân dân cùng làm

CÁCH mạng là sự nghiệp của quần chúng. Đánh giặc giữ nước là sự nghiệp của quần chúng. Xây dựng chủ nghĩa xã hội càng là sự nghiệp của quần chúng. Với chế độ làm chủ tập thể, nhân dân cùng Nhà nước của mình hằng ngày tham gia các hoạt động xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa.

Ba năm qua, nhân dân cả nước đã đóng góp gần hai trăm triệu ngày công để làm thủy lợi, phát triển giao thông vận tải nông thôn và xây dựng các công trình văn hóa, phúc lợi. Trong việc xây dựng công trình thủy lợi ở Nghĩa bình, Nhà nước đã đầu tư 93 triệu đồng, nhân dân đóng góp 60 triệu đồng. Về xây dựng cơ bản ở Hải phòng, trung ương đã cấp vốn là 100 triệu đồng, địa phương đóng góp 300 triệu đồng. Để đào hai con kênh bằng cơ giới ở huyện Chợ mới (An giang), ủy ban nhân dân huyện đã đầu tư 588.000 đồng, nhân dân đã đóng góp 1 triệu 85 vạn đồng. Trong phong trào Tết trồng cây 20 năm qua, nhân dân đã trồng được 2 tỷ cây, tương đương với khoảng 1 triệu héc ta rừng, tăng thu nhập cho hợp tác xã và đem lại nhiều lợi ích cho xã hội. Phong trào nhân dân trồng dâu nuôi tằm, trồng tơ dệt lụa mở ra ở hàng trăm huyện đã góp phần tăng thêm vải mặc ở các địa phương đó. Về công nghiệp, nhiều nơi ở Quảng nam - Đà nẵng nhân dân đã đóng góp gần 50% vốn với Nhà nước để xây dựng công trình thủy điện, cơ

sở sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Để xây dựng công trình thủy điện Trị an, cho đến nay nhân dân đã đóng góp trên 200 triệu đồng. Trong sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế ở nhiều huyện, nhân dân đã góp công sức, vật liệu để sửa chữa và xây dựng trường học, lớp mẫu giáo, nhà trẻ, bệnh xá, nhà văn hóa... Phong trào trồng và sử dụng thuốc ta phát triển rộng rãi, đến nay trong cả nước đã có hơn 3.000 xã và gần 100 huyện, quận đạt tiêu chuẩn về trồng và sử dụng thuốc ta...

Thực tiễn chứng minh khả năng của quần chúng nhân dân là to lớn và vô tận. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội không thể chỉ là công việc của các cơ quan Nhà nước, của các cơ sở kinh tế quốc doanh mà là sự nghiệp của nhân dân, sự nghiệp của Nhà nước và nhân dân cùng làm. Đây chính là bài học cơ bản của chúng ta về phát huy chế độ làm chủ tập thể và sử dụng sức mạnh tổng hợp.

Nội dung của phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm là, có những công việc do Nhà nước trực tiếp làm và nhân dân tham gia. Có những công việc do nhân dân trực tiếp làm và Nhà nước giúp đỡ. Có những công việc do Nhà nước làm một phần và nhân dân làm một phần, và có những công việc do Nhà nước và nhân dân cùng trực tiếp làm. Phương châm Nhà nước và nhân dân

cùng làm còn bao gồm cả nội dung trung ương, địa phương và cơ sở cùng làm, quốc doanh, tập thể và gia đình cùng làm...

Tinh thần của phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm là theo quy hoạch và kế hoạch chung, việc gì nhân dân có thể làm được, làm tốt thì để nhân dân làm, giúp nhân dân làm. Việc gì địa phương có thể làm được, làm tốt thì để địa phương làm, trung ương không nên ôm đồm, bao biện. Việc gì tập thể có thể làm được, làm tốt thì để tập thể làm. Việc gì gia đình có thể làm được, làm tốt thì giúp đỡ gia đình làm.

Ý nghĩa của việc thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm là nhằm đề cao trách nhiệm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc phát triển kinh tế và văn hóa, cải thiện đời sống, làm cho nhân dân hiểu rằng, chính họ phải làm chủ, phải tự lo lấy cuộc sống của mình dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, chứ không ỷ lại vào Nhà nước. Mặt khác, còn nhằm khắc phục tình trạng tập trung quan liêu của bộ máy Nhà nước.



Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu trong chặng đường trước mắt và đang thu hút trên dưới 70% lao động xã hội. Cho nên để thực hiện tốt phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, trước hết phát triển nông nghiệp toàn diện bao gồm 6 ngành nghề chính là: sản xuất lương thực; trồng cây công nghiệp; chăn nuôi gia súc, gia cầm; trồng cây gây rừng; nuôi trồng thủy sản; lâm nghiệp công nghiệp, thủ công nghiệp. Ra sức xây dựng huyện, làm cho huyện thật sự trở thành địa bàn đề tổ chức lại sản xuất, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng ở nông thôn, chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Kết hợp sức mạnh của cả nước với

sức mạnh của huyện để từng bước tạo ra cơ cấu nông - công nghiệp huyện và góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà. Hiện nay và trong nhiều năm tới, thủy lợi vẫn là biện pháp hàng đầu để phát triển nông nghiệp. Vì vậy, để tiếp tục thực hiện tốt phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm thủy lợi, cần kế hoạch hóa việc xây dựng, bảo đảm nghiêm ngặt các quy trình kỹ thuật trong thiết kế cũng như thi công, phát huy sức mạnh tập thể của nhân dân cả trong xây dựng và khai thác. Cần định rõ phạm vi trách nhiệm của Nhà nước và nhân dân trong từng loại công trình, có chính sách huy động và sử dụng tiết kiệm sức người, sức của của nhân dân. Phát triển mạnh mẽ các phong trào nhân dân cùng Nhà nước khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới, sản xuất vật liệu xây dựng, trồng dâu nuôi tằm, trồng bông dệt vải để tự túc một phần về mặc.

Kết hợp phát triển nông nghiệp với lâm nghiệp là một chủ trương quan trọng trong việc phát triển nông lâm nghiệp. Dưới chế độ ta, rừng là tài sản của toàn dân. Sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng là sự nghiệp của nhân dân. Cho nên để nhanh chóng phủ xanh đất trống, đồi trọc, thực hiện phương thức nông - lâm kết hợp, trải rộng thâm thực vật rừng trên khắp đất nước, cần đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng cho hợp tác xã quản lý, giao đất, giao rừng cho từng gia đình xây dựng vườn rừng và kinh doanh rừng theo quy hoạch, kế hoạch và chính sách của Nhà nước. Tiếp tục đẩy mạnh Tết trồng cây, và mở rộng phong trào nhân dân trồng cây gây rừng trong cả nước. Kết hợp quy hoạch trồng cây gây rừng với kế hoạch sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế, khuyến khích nhân dân trồng bất cứ loại cây gì xét thấy có lợi.

Phát triển công nghiệp nhẹ và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp để cùng

với nông nghiệp tạo ra các điều kiện kinh tế trực tiếp cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là một chủ trương quan trọng trong đường lối kinh tế của Đảng. Vì vậy, để thực hiện tốt phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, cần phát triển công nghiệp nhẹ theo hướng phổ cập từ công nghiệp trung ương đến công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, từ quy mô lớn đến quy mô vừa và nhỏ, từ kỹ thuật hiện đại đến kỹ thuật thô sơ, từ sản xuất tập trung đến sản xuất phân tán. Từ sản xuất nhỏ đi lên, phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp có nhiều tác dụng, vì không đòi hỏi phải có những dự trữ lớn của Nhà nước mà có thể huy động được vốn của nhân dân và thu hút được nhiều lao động, do đó thực hiện tốt phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, quốc doanh, tập thể và gia đình cùng làm. Cần phát triển rộng rãi tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở thành thị và nông thôn, và tùy theo tính chất, đặc điểm của từng ngành nghề, từng mặt hàng, từng dịch vụ mà vận dụng các hình thức tổ chức và cải tạo một cách thích hợp. Phương hướng sản xuất kinh doanh của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp là kết hợp chuyên môn hóa với đa dạng hóa sản xuất. Mỗi hợp tác xã cần có kế hoạch rèn luyện tay nghề, đầu tư kỹ thuật nhằm đẩy mạnh sản xuất một vài mặt hàng chính có truyền thống với số lượng ngày càng nhiều, chất lượng ngày càng tốt để có thể chiếm được thị trường, làm cho tên tuổi của mặt hàng này gắn liền với tên tuổi của hợp tác xã; mặt khác, phải làm thêm nhiều mặt hàng phòng phú nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và nâng cao đời sống của xã viên.

Phát triển giao thông vận tải là điều kiện quan trọng để bảo đảm sản xuất, phục vụ đời sống và củng cố quốc phòng. Để có thể phát triển nhanh giao thông vận tải, cùng với

việc Nhà nước đầu tư vốn và tập trung sức xây dựng các công trình quan trọng như đường sắt, đường bộ, mở rộng vận tải viễn dương, cần huy động các địa phương và nhân dân góp tiền của và công sức để phát triển giao thông nông thôn, giao thông miền núi, vận tải đường sông, tổ chức sản xuất và sử dụng rộng rãi các phương tiện vận tải thô sơ và cải tiến. Ngoài ra, cần có kế hoạch huy động nhân dân tham gia bảo vệ giao thông, góp phần sửa chữa kịp thời đường sá, cầu cống khi bị hư hỏng.

Đẩy mạnh xuất khẩu để nhập khẩu là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược trong toàn bộ hoạt động kinh tế. Để đẩy mạnh xuất khẩu, ngoài việc tập trung sức sản xuất một số mặt hàng chủ lực có khối lượng lớn, giá trị cao, còn phải tận dụng tất cả những cái gì có thể xuất khẩu được theo phương châm «góp gió thành bão» để xuất khẩu tăng thêm ngoại tệ. Vì vậy, cần thực hiện tốt phương châm Trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng làm hàng xuất khẩu. Vận động nhân dân tiết kiệm tiền dùng để xuất khẩu, nhà nhà làm hàng xuất khẩu, người người làm hàng xuất khẩu. Trong những năm trước mắt, phân đấu mỗi lao động mỗi năm từ 50 đến 100 ngày công làm hàng xuất khẩu và mỗi người dân làm ra từ 100 - 200 đồng hàng xuất khẩu.

Chiến lược kinh tế - xã hội đòi hỏi không những chỉ phát triển kinh tế mà phải phát triển toàn diện: kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm ổn định và nâng cao từng bước đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân. Cho nên cần thực hiện rộng rãi phương châm trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng làm trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế. Tiếp tục vận động nhân dân góp công, góp của xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trường học, nhà văn hóa và các công trình

phúc lợi khác. Đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh, hoàn thành dứt điểm các công trình y tế.



Để thực hiện tốt phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, cần sử dụng tốt các thành phần kinh tế theo hướng: không ngừng củng cố và tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, thực hiện quyền tự chủ kinh doanh của các đơn vị kinh tế nhằm làm cho kinh tế quốc doanh trở thành những tấm gương về năng suất, chất lượng và hiệu quả; khuyến khích phát triển và nâng cao chất lượng của kinh tế tập thể, có những chính sách đúng đắn, bảo đảm làm ăn tập thể tốt hơn cá thể; sử dụng đúng đắn kinh tế tư nhân, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, hướng họ sản xuất kinh doanh theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Khuyến khích phát triển kinh tế gia đình là cách động viên nhân dân làm kinh tế và thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm một cách triệt để nhất. Cần phát triển kinh tế gia đình ở nông thôn theo cơ cấu trồng cây, nuôi cá, chăn nuôi gia cầm, gia súc và phát triển các ngành nghề thủ công. Kinh tế gia đình ở thành thị trước hết là thủ công nghiệp, gia công, dịch vụ... và sản xuất thêm rau quả, thực phẩm ở những nơi có điều kiện. Để khuyến khích kinh tế gia đình phát triển, Nhà nước cần giúp đỡ như cho vay vốn, cung cấp giống, thức ăn gia súc, viện trợ kỹ thuật... Mặt khác, các xí nghiệp và hợp tác xã phải quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ kinh tế gia đình một cách thỏa đáng.

Để thực hiện tốt phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương, địa phương và cơ sở cùng làm, quốc doanh, tập thể và gia đình cùng làm, cần đổi mới *quản lý kinh tế*, xóa bỏ lối *quản lý hành chính* bao cấp, thực hiện *quản lý kinh doanh xã hội*

chủ nghĩa, nhằm bảo đảm tinh thần làm chủ và phát huy cao độ sức sáng tạo của quần chúng nhân dân.

Thực tiễn khoán mới trong nông nghiệp, khoán gọn trong xây dựng cơ bản và việc mở rộng trả lương khoán, lương sản phẩm trong công nghiệp đã chứng minh rằng, "giáo khoán" là một cơ chế tốt, vì nó thật sự bảo đảm quyền làm chủ của người lao động cũng như của các đơn vị kinh tế, gần được lợi ích chung với lợi ích cá nhân, động viên được nhiệt tình lao động của quần chúng. Để thực hiện tốt phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm, cần hoàn chỉnh chế độ khoán sản phẩm trong nông nghiệp, mở rộng cơ chế giao khoán ra các lĩnh vực khác một cách thích hợp.

Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung tiến tới hoàn chỉnh hệ thống chính sách kinh tế, nhất là các chính sách về đòn bẩy kinh tế nhằm kết hợp hài hòa các lợi ích kinh tế. Về vấn đề này, một mặt, chúng ta yêu cầu các địa phương và người lao động phải đặt lợi ích cả nước và phải đặt lợi ích chung lên trên hết; mặt khác, chúng ta cũng phải hết sức quan tâm và khuyến khích thỏa đáng đối với lợi ích của các địa phương và lợi ích trực tiếp của từng người lao động. Các địa phương và người lao động có lợi ích thì mới hăng hái đẩy mạnh sản xuất, khai thác mọi tiềm năng đem lại nhiều lợi ích cho toàn xã hội. Cần có cơ chế làm cho lợi ích chung và lợi ích riêng thể hiện cùng chiều và tỷ lệ thuận với nhau, để khi các địa phương và người lao động hành động theo lợi ích của mình thì cũng đồng thời thực hiện lợi ích chung của toàn xã hội.

Cần có chính sách quy định rõ mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân như công việc gì thì Nhà nước làm,

(Xem tiếp trang 63)

Chủ nghĩa Lê-nin — chủ nghĩa Mác trong thời đại chúng ta

NGUYỄN ĐỨC BÌNH

BỨC tranh chính trị toàn cảnh của thế giới ngày nay là ba dòng thác cách mạng không ngừng lớn mạnh, tiếp tục tiến công chủ nghĩa đế quốc, giành những thắng lợi từng bước; còn chủ nghĩa đế quốc mặc dù cố hết sức phản kích hòng giành lại những vị trí đã mất, vẫn không đảo ngược được tình thế về căn bản, ngày càng lún sâu vào cuộc khủng hoảng toàn diện, sâu sắc nhất, không lối thoát. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa — nhân tố quyết định sự phát triển xã hội loài người, ngày càng tỏ rõ sức sống mãnh liệt, tinh hơn hẳn so với hệ thống tư bản đế quốc chủ nghĩa. Ngày nay, phong trào cộng sản đang là phong trào chính trị có ảnh hưởng rộng lớn, sâu sắc nhất, là đội quân tiên phong của các lực lượng tiên bộ trong cuộc đấu tranh nhằm cải tạo thế giới theo hướng cách mạng. Sức mạnh và cuộc diễn hành chiến thắng của ba dòng thác cách mạng của thời đại là bằng chứng hùng hồn về sức sống vô tận, tính sáng tạo, ý nghĩa quốc tế của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Những tư tưởng cộng sản chủ nghĩa hấp dẫn hàng nghìn triệu trái tim, khối óc loài người không chỉ với tư cách là thế giới quan duy nhất khoa học mà

hơn thế, còn bằng cả một phong trào chính trị rộng lớn trên các lục địa, nhất là bằng chủ nghĩa xã hội hiện thực tồn tại với tính cách một hệ thống thế giới, ở đó giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc trước đây bị áp bức đã làm chủ vận mệnh của mình, làm chủ xã hội, làm chủ quá trình phát triển lịch sử. Tất cả điều đó đang đem lại niềm tin, nguồn cổ vũ to lớn cho các dân tộc đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Thực tiễn lịch sử đó khiến kẻ thù của chúng ta rất lo lắng. Chúng đang tìm mọi cách hòng ngăn chặn ảnh hưởng của học thuyết Mác — Lê-nin. Chủ nghĩa đế quốc, các thế lực phản động quốc tế, các phần tử cơ hội, xét lại đủ mọi màu sắc đang điên cuồng đẩy mạnh cuộc đấu tranh tư tưởng — lý luận chống chủ nghĩa Mác — Lê-nin hòng phối hợp với việc gây lại không khí chiến tranh lạnh, tiến hành các hoạt động phá hoại từ nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa và phá hoại sự đoàn kết quốc tế của những người cộng sản.

Mặt khác, bản thân quá trình đi lên mới mẻ và không ít khó khăn của các nước xã hội chủ nghĩa, sự lớn

manh không ngừng của các phong trào dân tộc, dân chủ, sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học - kỹ thuật, tất cả những quá trình đó cũng kéo theo hàng loạt những quan niệm, những khuynh hướng tư tưởng mới mà không phải bao giờ qua đó người ta cũng dễ dàng phân rõ ranh giới giữa cách mạng và phản cách mạng, sáng tạo và cơ hội, tiến bộ và phản động.

Toàn bộ tình hình trên đặt cho những người cộng sản nhiệm vụ phân tích sâu sắc trên quan điểm: khoa học vững chắc những hiện tượng và vấn đề mới, đấu tranh không khoan nhượng và có hiệu quả chống các trào lưu phản mác xít dưới mọi màu sắc. Một hướng chính mà kẻ thù tiên hành công kích chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chống cộng là xuyên tạc chủ nghĩa Lê-nin, phủ nhận chủ nghĩa Lê-nin như một học thuyết có tính quốc tế phổ biến, phủ nhận sự thống nhất giữa chủ nghĩa Lê-nin và chủ nghĩa Mác. Kẻ thù của chúng ta biết rất rõ rằng tất cả những chiến công vĩ đại của các đảng cộng sản và nhân dân lao động trên thế giới đều gắn liền với tên tuổi, sự nghiệp và học thuyết của Lê-nin, rằng phủ nhận chủ nghĩa Lê-nin có nghĩa là phủ nhận chính ngay chủ nghĩa Mác, có nghĩa là trên thực tế phủ nhận chủ nghĩa xã hội hiện thực, là chia rẽ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, là đánh lạc hướng đấu tranh của quần chúng ở các nước tư bản phát triển và các phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc, là chống Liên xô - quê hương của chủ nghĩa Lê-nin, thành trì của cách mạng thế giới; là chống cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới - nhân tố quyết định sự phát triển xã hội loài người trong thời đại ngày nay. Vì vậy, bảo vệ chủ nghĩa Lê-nin, bảo vệ sự thống nhất nội tại vốn có của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bảo vệ Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự

đoàn kết quốc tế của các lực lượng cách mạng, đấu tranh chống mọi thủ đoạn của kẻ thù giai cấp và kẻ thù tư tưởng từ phía chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế cũng như ngay trong phong trào cộng sản và công nhân, điều đó đã và vẫn là nhiệm vụ hàng đầu không thể lơ là của tất cả các đảng mác xít - lê nin nít.



V.I. Lê-nin là người kế tục và phát triển những tư tưởng lý luận của Mác trong thời đại chúng ta. Chủ nghĩa Lê-nin chính là chủ nghĩa Mác trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản, thời đại sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, thời đại quá độ của loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

Hoạt động trong hoàn cảnh đế quốc chủ nghĩa, ngay từ những ngày đầu cuộc đời cách mạng, Lê-nin đã dứt khoát chọn con đường theo Mác, lấy chủ nghĩa Mác làm phương pháp lý luận, lấy hiện thực nước Nga và chủ nghĩa tư bản thế giới làm đối tượng phân tích, từ đó xây dựng nên học thuyết cách mạng tuyệt vời cho giai cấp vô sản. Vạch rõ ý nghĩa lớn lao của lý luận, của hệ tư tưởng đối với phong trào cách mạng và công cuộc giải phóng xã hội, Lê-nin viết: «Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng» (1), hơn nữa «không thể có một lý luận cách mạng nào ngoài chủ nghĩa Mác cả» (2). Ngay trong các tác phẩm đầu tay của Người, chúng ta đã dễ dàng nhận thấy lập trường kiên quyết của Lê-nin trong việc đấu tranh chống «những người phê phán Mác», gắn liền lợi ích căn bản của

(1) V.I. Lê-nin: *Tổng tập tiếng Việt*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. p 6, tr. 30.

(2) V.I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, tập 1, tr. 423.

phong trào vô sản với cuộc đấu tranh chống hệ tư tưởng tư sản và mọi tư tưởng phản động. Lê-nin coi việc bảo vệ sự trong sáng của học thuyết Mác và đấu tranh chống hệ tư tưởng tư sản là điều kiện tất yếu để phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác, xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, thống nhất các lực lượng vô sản quốc tế vì thắng lợi của cách mạng.

Lê-nin đã tiếp thu rất cẩn kẽ, sâu sắc toàn bộ tư tưởng của Mác và Ăng-ghe-n, làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác trên cả ba bộ phận cấu thành : triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong sự đa dạng của tư duy và tầm cỡ rộng lớn của các kiến thức khoa học bao quát nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, nổi bật lên *phép biện chứng duy vật* như là hạt nhân tư tưởng - lý luận của Lê-nin, tấm gương sáng ngời có một không hai của Người về thái độ trung thành và sáng tạo đối với chủ nghĩa Mác. Vận dụng và phát triển sáng tạo phép biện chứng mác-xít vào điều kiện cụ thể của nước Nga và thế giới khi đó, Lê-nin đã khẳng định trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, những mâu thuẫn giữa vô sản và tư sản chẳng những không đi đi, trái lại càng gay gắt thêm, một cuộc cách mạng chính trị có tổ chức do giai cấp công nhân lãnh đạo nhằm lật đổ chế độ cũ, thiết lập chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản là một tất yếu không tránh khỏi. Lê-nin đã rút ra kết luận lô-gíc rằng chủ nghĩa đế quốc là « *dèm trước của cách mạng vô sản* » và sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản có thể diễn ra và phải diễn ra trước hết trong một nước, như nước Nga, không phải đợi cách mạng vô sản nổ ra ở tất cả các nước.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, từ di sản lý luận vĩ đại của Mác và Ăng-ghe-n về hình thái xã hội cộng sản chủ nghĩa và quá trình « *sinh đẻ* » ra xã hội mới, Lê-nin đã luận

giải một cách toàn diện bản chất và những nhiệm vụ của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Luận điểm về khả năng các nước lạc hậu có thể quá độ thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, là đóng góp quan trọng của Lê-nin làm sáng tỏ những dự đoán của Mác và Ăng-ghe-n, thể hiện sự sáng tạo tuyệt vời phép biện chứng về sự phát triển nhảy vọt của lịch sử loài người trong điều kiện lịch sử mới.

Trước sự phức tạp của hiện thực nước Nga cuối thế kỷ XIX mà những người thuộc phái dân túy, phái kinh tế, những nhà xã hội học chủ quan không sao hiểu nổi, thì Lê-nin, nhờ có tư duy lý luận kiệt xuất, quán triệt sâu sắc phương pháp mác-xít, đã « *mở xẻ* » toàn diện cơ thể xã hội Nga, làm sáng tỏ hơn nữa học thuyết của Mác về quá trình phát sinh, phát triển và diệt vong tất nhiên của chủ nghĩa tư bản. Tác phẩm « *Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* », có thể nói, là tập 5 của bộ « *Tư bản* ». Kết luận chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước là « *sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, là phòng chờ đi vào chủ nghĩa xã hội, là nấc thang lịch sử mà giữa nó (nấc thang đó) với nấc thang được gọi là chủ nghĩa xã hội thì không có một nấc nào ở giữa cả* » (3) là luận điểm hết sức cách mạng và khoa học của Lê-nin mà thực tế hôm nay của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước chẳng những không thể bác bỏ, trái lại, càng chứng minh rõ hơn tính chính xác của nó.

Khi cách mạng đã giành được chính quyền, với cương vị người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước xô-viết, Lê-nin đã vận dụng và phát triển sáng tạo trên thực tiễn và cả trên lý luận những tư tưởng của Mác.

(3) V.I. Lê-nin: Sách đã dẫn, 1976, tập 34, tr. 258.

Ăng-ghe-n trong các lĩnh vực cải tạo xã hội cũ, xây dựng và quản lý xã hội mới.

Học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác – Ăng-ghe-n được Lê-nin phát triển lên một trình độ cao mới, cực kỳ phong phú và sinh động, trang bị cho những người cách mạng Nga và phong trào cộng sản quốc tế hệ thống lý luận khoa học về chiến lược, sách lược cách mạng, vũ khí đấu tranh thắng lợi chống mọi khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa hữu và « tả » khuynh. Từ những phân tích mâu thuẫn trong xã hội Nga và tình hình thế giới, vận dụng vào những điều kiện lịch sử mới những tư tưởng của Mác về cách mạng bạo lực, về sự tất yếu phải đập tan chính quyền Nhà nước tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản, về các phương pháp tiến hành cách mạng và các hình thức đấu tranh..., Lê-nin đã trang bị cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga những tri thức cách mạng cần thiết để từng bước tiến lên giành chính quyền. Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười trở thành mẫu mực có một không hai về sự chỉ đạo chiến lược và phương pháp cách mạng. Cũng rắn trong những vấn đề có tính nguyên tắc và linh hoạt cao độ trong sách lược cụ thể, đó là đặc trưng tiêu biểu ở Lê-nin trong quá trình chỉ đạo cách mạng.

Công lao to lớn nhất của Lê-nin là đã kết hợp thống nhất hoạt động lý luận với thực tiễn cách mạng dẫn đến sáng lập và xây dựng Đảng bốn sè vịch Nga. Người đã sớm luận giải và đấu tranh cho vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản ngay trong điều kiện cách mạng dân chủ tư sản. Người đã đặt nền móng lý luận – tư tưởng và tự mình xây dựng nền đảng vô sản kiểu mới đầu tiên. Lê-nin luôn đòi hỏi những người cộng sản sự giác ngộ lý luận cách mạng, tinh tồ chức cao, sống sâu trong quần chúng, lòng dũng

cảm, đức hy sinh, xả thân vì sự nghiệp cách mạng. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, Người yêu cầu phải nghiêm khắc ngăn ngừa bệnh quan liêu, xa rời quần chúng, phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý, kinh tế – xã hội.

Trên tất cả những vấn đề cơ bản, Lê-nin đã rất mực trung thành với chủ nghĩa Mác, trung thành theo nghĩa chính xác nhất, có nghĩa không phải là lặp lại từng câu, từng chữ mà là trung thành với tinh thần cốt lõi, với cái tạo thành linh hồn sống của chủ nghĩa Mác, đó là *phương pháp lý luận* của Mác. Cái đó là duy nhất có sức sống bền vững, phổ biến. Trung thành với nội dung ý nghĩa như thế tự nó bao hàm và đòi hỏi sự sáng tạo. Người đã nhận thấy sức hấp dẫn không gì cưỡng nổi của chủ nghĩa Mác chính ở chỗ nó kết hợp trong bản thân mình tính khoa học nghiêm ngặt với tính cách mạng cao độ. Theo tinh thần ấy, mọi tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác đều được Lê-nin vận dụng, phân tích và rút ra những kết luận mới từ trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Cái chung thông qua cái riêng mà trở nên sinh động, phong phú. Phương pháp lý luận mác xít trong tay Lê-nin trở nên công cụ kỹ diệu cho phép tìm ra các giải pháp cụ thể cho mọi tình hình cụ thể. Tính sáng tạo ấy bắt nguồn từ chính thực chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác. Cách mạng là sáng tạo, cách mạng đòi hỏi phải thật sự khoa học. Mà bản tính của khoa học, chân chính khoa học, là cách mạng, là sáng tạo, là động lực của đổi mới tiến bộ. Những nguyên lý đã có, khi vận dụng vào điều kiện lịch sử mới, có thể đưa lại những kết luận mới, đôi khi dường như trái ngược với kết luận cũ. Không nên ngại ngần vì điều đó. Thông qua thực tiễn mới mà khái quát nên những nguyên lý mới. Sáng tạo

là sản phẩm và đòi hỏi tất yếu của sự trung thành; không thể thật sự trung thành nếu thiếu sáng tạo. Ở Lê-nin (cũng như ở Mác, ở Ăng-ghe-n), tập trung những phẩm chất vừa của nhà bác học, vừa của nhà cách mạng, chiến đấu không mệt mỏi vì sự nghiệp của giai cấp công nhân. Song thực chất vấn đề không chỉ ở cá nhân Lê-nin mà chủ yếu ở chỗ hệ thống những tư tưởng lý luận của Người, trong bản chất, là sự thống nhất của tính cách mạng và tính khoa học và vì vậy chủ nghĩa Lê-nin với chủ nghĩa Mác là một, nó là sự tiếp tục lô-gích của chủ nghĩa Mác, là chủ nghĩa Mác trong thời đại chúng ta.

Sự thật hiển nhiên đó hoàn toàn bác bỏ những luận điệu xằng bậy, phủ nhận tính thống nhất hữu cơ, nội tại vốn có ở chủ nghĩa Mác - Lê-nin với tư cách một học thuyết hoàn chỉnh của giai cấp công nhân cách mạng. Bản thân việc hoài nghi tính thống nhất đó, thậm chí không thừa nhận ngay cả chủ nghĩa Mác như một hệ thống lý luận hoàn chỉnh, tự nó đã bộc lộ tính chất giả dối, thù địch của những nhà "Mác học". Một thời E. Béc-xtanh, C. Cau-xky... đã có tình dưng nên những "mâu thuẫn" trong chủ nghĩa Mác, bịa ra những câu chuyện hoang đường về sự đối lập giữa Mác "trẻ" và Mác "già", giữa Mác và Ăng-ghe-n, giữa những quan điểm của Lê-nin với chủ nghĩa Mác. Đương thời, Lê-nin đã giảng cho những phân tử cơ hội, xét lại ấy những đòn phê phán đích đáng. Từ đầu những năm 70 chúng ta lại thấy xuất hiện không ít những luận điệu phản động, rêu rao về "chủ nghĩa Mác đa nguyên" hoặc về "tính đa dạng" của chủ nghĩa Mác. Thủ đoạn của chúng rất tinh vi, ra vẻ khoa học, thực chất là khoa học giả hiệu. Bằng cách gộp chung vào chủ nghĩa Mác từ Lê-nin và những người cộng sản, đến những người dân chủ - xã hội, từ bọn tô-rốt-kít đến

bọn xét lại, bọn cơ hội đủ loại, chúng bác bỏ chủ nghĩa Lê-nin với tính cách là sự kế tục lô-gích và sự phát triển tiếp tục chủ nghĩa Mác một cách hợp quy luật, chúng coi chủ nghĩa Lê-nin chỉ như một trong vài chục "trao lưu" ngang nhau trong "nội bộ" chủ nghĩa Mác. Có kẻ đã từng tuyên bố rằng « không có "chủ nghĩa Mác - Lê-nin" thống nhất nữa; không có con đường phát triển liên tục giữa Mác và những cuốn sách giáo khoa xô viết hiện đại... ngược lại, có sự khêch nhau hiển nhiên, rõ ràng giữa chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lê-nin, chủ nghĩa Xta-lin và những quan niệm sau Xta-lin », rằng chủ nghĩa Mác đã phân hóa thành ba dòng: chủ nghĩa cộng sản kiểu Liên xô, học thuyết Mao Trạch Đông và chủ nghĩa cộng sản cải lương gồm « chủ nghĩa xã hội nhân đạo », « chủ nghĩa xã hội dân chủ », « chủ nghĩa xã hội trí thức », « chủ nghĩa xã hội nhân dân » v.v. (V. Lê-ôn-hác, 1970). Thực chất đó chỉ là mưu toan tạo ra một mớ hồ lộn chiết trung các lý thuyết xã hội cải lương, tư sản của những kẻ giả danh chủ nghĩa Mác, ngay từ đầu đã là những trào lưu chống chủ nghĩa Mác, chống chủ nghĩa Lê-nin. Những cái gọi là « chủ nghĩa Mác mới », « chủ nghĩa Mác nửa sau thế kỷ XX », « chủ nghĩa Mác Trung quốc hóa » của Mao Trạch Đông, « chủ nghĩa cộng sản châu Âu » v.v. chỉ là những chiêu bài giả hiệu. Đối với các loại « chủ nghĩa Mác » này, và đối với các « nhà mác xít » này, ta có thể dùng cách nói của Lê-nin, họ đã « vận dụng chủ nghĩa Mác sao cho toàn bộ nội dung của chủ nghĩa đó biến đi hết » (4).

Bất chấp sự thật, một số kẻ đưa ra lập luận vô căn cứ rằng Mác và Ăng-ghe-n tuy có hoạt động chính trị nhưng trước hết là những nhà lý luận; còn Lê-nin tuy có hoạt động lý luận

(4) V.I. Lê-nin: sách đã dẫn, 1940, tập 26, tr. 268.

nhưng trước hết là nhà chiến lược và sách lược cách mạng. Từ đó, họ suy diễn rằng chủ nghĩa Mác mới là khoa học về xã hội, là lý luận về quá trình xã hội với những kết luận chính trị nhất định, còn chủ nghĩa Lê-nin chỉ là hệ tư tưởng cách mạng được luận chứng ít nhiều về mặt lý luận, trong đó những vấn đề sách lược chính trị được xếp ưu tiên, còn những tư tưởng nhân đạo mác xít thì bị xếp xuống hàng thứ yếu. Họ cố tình không thừa nhận sự thống nhất hữu cơ giữa lý luận cách mạng với thực tiễn cách mạng trong bản thân chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lê-nin; sự thống nhất hữu cơ vốn có giữa hoạt động lý luận và hoạt động chính trị trong chính ngay sự nghiệp của Mác, Ăng-ghe-n và Lê-nin. Sự thật, để chiến đấu thắng lợi cho mục tiêu giải phóng giai cấp vô sản, các ông phải ra công nghiên cứu và phát triển lý luận, trở thành những người sáng lập ra học thuyết cách mạng thật sự khoa học. Học thuyết của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin không phải là thứ lý thuyết kinh viện mà là khoa học đấu tranh cách mạng, phục vụ sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, tất cả những người lao động và các dân tộc bị áp bức, là khoa học cải tạo thế giới cũ, xây dựng thế giới mới đúng theo quy luật phát triển lịch sử. Ở các ông đã hòa làm một những thiên tài của nhà lý luận, lãnh tụ giai cấp và nhà cách mạng thực tiễn. Nếu như trong các tác phẩm và trong cuộc đời của Lê-nin có đậm nét hơn những hoạt động thực tiễn cụ thể thì đó là do Lê-nin sống và hoạt động trong điều kiện lịch sử mới khi cách mạng vô sản đã chín muồi, đặt ra trực tiếp vấn đề giành chính quyền, sau đó là củng cố Nhà nước vô sản, lật tay cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới — hoàn cảnh mà thời kỳ Mác, Ăng-ghe-n chưa có.

Với tư cách là chủ nghĩa Mác trong thời đại chúng ta, chủ nghĩa Lê-nin

mang tính phổ biến. Nó là cơ sở khoa học cho chiến lược và sách lược của phong trào cách mạng thế giới, cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa Lê-nin là chủ nghĩa Mác không chỉ trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản, mà trong suốt cả thời đại quá độ của loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa Lê-nin là công cụ nhận thức phổ biến và cải tạo thế giới bằng cách mạng, không kể nước này hay nước khác đang ở trình độ phát triển nào của xã hội trong thời đại chúng ta. Những kinh nghiệm sáng tạo của các đảng cộng sản và công nhân trong từng điều kiện lịch sử cụ thể có ý nghĩa cực kỳ to lớn — và điều đó là tất yếu, không thể khác được — điều đó cần được hiểu là sự vận dụng và làm phong phú thêm chủ nghĩa Lê-nin; đó là chủ nghĩa Lê-nin trong hành động, là chủ nghĩa Mác — Lê-nin sống động. Thực tiễn đang chứng minh danh thép rằng không một đảng nào giữ được tính chất cộng sản chân chính, giữ được uy tín đối với quần chúng, tăng cường được vị trí chính trị của mình mà trong thực tế lại chống chủ nghĩa Lê-nin!

Sự thật đó hoàn toàn vạch trần luận điệu của các học giả tư sản và những phần tử cơ hội, xét lại cho rằng chủ nghĩa Lê-nin chỉ là hiện tượng đặc thù Nga, là chủ nghĩa Mác «Nga hóa», là một trong nhiều dạng chủ nghĩa Mác mang «tính chất cục bộ», chỉ đúng với các nước chưa phát triển, là sản phẩm riêng của nước Nga «lạc hậu». Chúng xuyên tạc một cách ác độc rằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại là «mô hình Nga», chủ nghĩa xã hội đang được xây dựng ở Liên xô là một «hệ thống quan liêu», là «chế độ cực quyền» đặc trưng cho các nước lạc hậu về công nghiệp... Do không đề đảng trực tiếp bác bỏ chủ nghĩa Lê-

nin, đôi khi các nhà tư tưởng tư sản và xã hội—cải lương làm ra về khách quan thừa nhận tính kế tục và sự phát triển hợp quy luật của Lê-nin đối với Mác, song đó chỉ là thủ đoạn giả khoa học, còn trong thực chất, họ giải thích chủ nghĩa Lê-nin chỉ là « việc đem gò những quan điểm mác xít vào những điều kiện nước Nga, là sự tổng kết về mặt tư tưởng và kinh nghiệm của cách mạng Nga » (V. Lê-ôn-hác, 1970). Âm mưu sâu xa của họ là bác bỏ tính quốc tế của học thuyết Lê-nin, bác bỏ tính vạn năng trong phương pháp luận nhận thức của nó, phủ nhận khả năng giải thích trên cơ sở lý luận và phương pháp của chủ nghĩa Lê-nin những hiện tượng mới trong sự phát triển xã hội và khoa học. Xét đến cùng, họ nhằm đánh lạc hướng đấu tranh và cản trở sự thức tỉnh và phát triển ý thức giai cấp của công nhân trong các nước tư bản phát triển, xoa dịu sự bùng nổ ý thức dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Họ muốn gây ra sự hoài nghi rằng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội của cả loài người khởi đầu từ Cách mạng Tháng Mười không phải là quá trình lịch sử có tính quy luật và đã chín muồi. Từ đó chúng chia rẽ phong trào vô sản các nước và các phong trào giải phóng dân tộc với hệ thống xã hội chủ nghĩa. Trước ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của chủ nghĩa Lê-nin, của đại Cách mạng Tháng Mười, trước những thành tựu to lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Liên-xô và trong cả cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trước những trào lưu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, chống chủ nghĩa tư bản đế quốc ngày càng dâng cao, sự xuất hiện những luận điệu đó không phải là điều khó hiểu.

Đem đối lập nước Nga « lạc hậu », « không có truyền thống dân chủ » với các nước Tây Âu « tiên tiến », « dân chủ » hòng đối lập phong trào công nhân cách mạng Nga với phong

trào công nhân Tây Âu, phủ nhận tính thống nhất nội tại, hữu cơ và tính phổ biến của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, phủ nhận con đường Tháng Mười và những kinh nghiệm Liên-xô, đó là thủ đoạn thường thấy ở các nhà « Mác học » phương Tây cũng như ở những kẻ xét lại, cơ hội chủ nghĩa... Thậm chí, từ đó chúng kích động tâm lý dân tộc số vanh, chống Liên-xô như đã từng xảy ra trước đây ở Tiệp khắc, Hung ga ri, Ba lan. Chẳng hạn, đề chuẩn bị về tư tưởng, tâm lý cho « mùa xuân Pra-ha », chúng tung ra luận điệu « chúng ta thấy ở Lê-nin, ít ra là trong các tác phẩm của Lê-nin, sự tranh chấp thường xuyên giữa một bên là các truyền thống của chủ nghĩa Mác Tây Âu, của một nền văn hóa châu Âu và một bên là ảnh hưởng sâu sắc của các truyền thống Nga và tính đặc thù của sự phát triển Nga » (J. Cockl, 1968). Tính chất vô căn cứ của những luận điệu đó thể hiện ở chỗ chủ nghĩa Lê-nin ra đời ở nước Nga khi đó đã thuộc loại phát triển trung bình về phương diện tư bản chủ nghĩa với đội ngũ công nhân đông hàng chục triệu người, phong trào công nhân đã có tổ chức cao, với những truyền thống văn hóa dân chủ cách mạng nổi tiếng ; không những thế chủ nghĩa Lê-nin ra đời còn dựa trên cơ sở khái quát những kinh nghiệm và lực lượng của phong trào công nhân quốc tế và những phát triển mới của nền khoa học thế giới. Bản thân Lê-nin là người rất am hiểu lịch sử, khoa học, văn hóa, truyền thống phương Tây. Người luôn đánh giá cao và tiếp thu nội dung tiến bộ của nó. Như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, chủ nghĩa Lê-nin là thành tựu cao nhất của nền văn hóa Nga và thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Cho dù những thủ đoạn xuyên tạc của kẻ thù có tinh vi đến đâu, chủ nghĩa Lê-nin với tư cách học thuyết kế tục, thống nhất trong chủ nghĩa Mác—Lê-nin vẫn là cơ sở vững chắc

cho hoạt động lý luận và thực tiễn cách mạng của tất cả các đảng cộng sản trên thế giới, là nền tảng không gì phá vỡ nổi của sự đoàn kết quốc tế, là nguồn sáng tạo vô tận của những người cộng sản và nhân dân lao động các nước trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới, là vũ khí sắc bén cho mọi phong trào đấu tranh chống áp bức vì các quyền tự do, dân chủ và tiến bộ xã hội, là ngôi sao dẫn đường cho tất cả các dân tộc tiến lên trong thời đại mới của lịch sử thế giới.

Một trong những biểu hiện quan trọng nhất của sự thống nhất giữa chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Lê-nin là chủ nghĩa quốc tế vô sản. Sự thống nhất ấy bắt nguồn từ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, từ sự thống nhất về lợi ích căn bản trong cuộc đấu tranh giai cấp của vô sản toàn thế giới, từ đòi hỏi khách quan của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Lê-nin đã phát triển khẩu hiệu của Mác và Ăng-ghe-n « Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại! » thành khẩu hiệu « Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại! ». Những tư tưởng của Mác và Ăng-ghe-n về tình đoàn kết của giai cấp công nhân các nước trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, chống chiến tranh, được Lê-nin phát triển một cách sâu sắc, sinh động trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản. Xuất phát từ thực tế nước Nga Sa hoàng — nhà tù của các dân tộc và trong điều kiện chiến tranh đế quốc, những luận điểm của Lê-nin về quyền dân tộc tự quyết là sự vận dụng thiên tài những nguyên tắc quốc tế chủ nghĩa của Mác.

Cống hiến đặc biệt của Lê-nin trong việc coi cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng vô sản đã chỉ ra cho giai cấp công nhân chính quốc và các dân tộc thuộc địa con đường đấu tranh thắng lợi. Hoạt

động phong phú của Lê-nin trong Quốc tế cộng sản là bằng chứng nổi bật về tư tưởng, lập trường quốc tế chủ nghĩa cao cả của Người. Sự hy sinh to lớn của nhân dân Liên xô trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại và sự giúp đỡ vô tư, đầy hiệu quả của Đảng, Nhà nước và nhân dân Liên xô cho các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ những thành quả cách mạng là biểu hiện rực rỡ những nguyên tắc quốc tế Lê-nin nít. Trong cuộc phấn đấu nhằm củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trên tinh đồng chí giữa các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; trong cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới; trong cuộc đấu tranh chống những khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa tư sản và tiểu tư sản nảy sinh trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế hiện nay, chúng ta càng thấy những tư tưởng của Mác, của Lê-nin, của học thuyết cách mạng thống nhất của chúng ta về tình đoàn kết quốc tế của những người cộng sản là quan trọng đến chừng nào! Thiếu nó, căn bản không thể có thắng lợi của cách mạng, của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.



Chủ nghĩa Mác vào Việt nam chính là qua chủ nghĩa Lê-nin mà người có công đầu trong việc đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thiên tài của Hồ Chủ tịch là ở chỗ ngay trong lúc chủ nghĩa Mác—Lê-nin còn xa lạ với nhiều dân tộc bị áp bức, Người đã quyết định đi theo Lê-nin, theo Quốc tế thứ ba, đưa cách mạng Việt Nam nhịp bước với trào lưu cách mạng của thời đại. Người khẳng định: cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận không

khất của cách mạng vô sản toàn thế giới, các dân tộc thuộc địa chủ động đấu tranh tự giải phóng và giành thắng lợi ngay cả khi giải cấp vô sản chính quốc chưa giành được chính quyền; giai cấp công nhân là lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc; trong cuộc cách mạng này công nhân và nông dân là hai động lực chính. Những luận điểm ấy bắt nguồn trực tiếp và có sáng tạo từ những tư tưởng của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Hồ Chủ tịch đã từng kể lại, chính *Luận cương của Lê-nin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* đã khiến Người « vui mừng đến phát khóc », coi đó là « cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta » (5).

Vào những năm 20 của thế kỷ này, phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa chưa phải đã được đánh giá đúng mức trong một số đảng cộng sản. Trong khi đó, nhiều nhà yêu nước ở các thuộc địa đang bế tắc về đường lối, chưa phân rõ được phải trái giữa các thứ học thuyết, các thứ chủ nghĩa nảy sinh lúc bấy giờ. Chính lúc đó Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định một cách dứt khoát và danh thép rằng: « chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin » (6). Lời khẳng định ấy chứng tỏ tầm hiểu biết sâu rộng và nhãn quan chính trị của Người nhạy bén biết chừng nào!

Đảng ta, do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và lãnh đạo, từ khi ra đời đến nay đã luôn luôn trung thành và vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta.

Dân tộc ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã đấu tranh kiên cường giành và giữ vững chính quyền, đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến. Chủ nghĩa Lê-nin bắt gặp chủ nghĩa yêu nước truyền

thống Việt nam, đã nhanh chóng cắm rễ sâu vào mảnh đất Việt nam, soi sáng con đường giải phóng cho dân tộc ta, nhờ đó Đảng ta đã xác định được mục tiêu chính xác ngay từ đầu, những mục tiêu phản ánh những nhu cầu sống còn của dân tộc trong thời đại mới — đó là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Sự đúng đắn của đường lối cách mạng, lấy nguồn từ hệ tư tưởng Mác — Lê-nin, là bảo đảm cơ bản cho các mục tiêu lãnh đạo lực, cả tính nguyên tắc lẫn tiềm năng sáng tạo, cả sức mạnh bên trong lẫn sự ủng hộ của bè bạn quốc tế cho thắng lợi của cách mạng. Hồ Chủ tịch nói: « Chủ nghĩa Lê-nin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt nam, không những là cái « cầm nang » thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản » (7).

Trên mảnh đất Việt nam giàu chất cách mạng và từng là một trong những điểm hội tụ những mâu thuẫn mang tính chất thời đại, chủ nghĩa Lê-nin một lần nữa không những được chứng thực mà còn có thêm bằng chứng mới về sức sáng tạo phong phú, sinh động và vô tận. Những kinh nghiệm cách mạng Việt nam sở dĩ có được ý nghĩa quốc tế nhất định bởi vì đây là một chiến công mới của chủ nghĩa Mác — Lê-nin ở một nước vốn là thuộc địa, nửa phong kiến.

Khái quát những bài học kinh nghiệm cách mạng nước ta suốt những chặng đường đầy khó khăn gian khổ nhưng cũng đầy chiến công, Báo cáo chính trị tại Đại hội thứ IV của Đảng

(5) Hồ Chí Minh: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập II, tr. 175

(6) Hồ-Chí-Minh: *Sách đã dẫn*, tập I, tr. 240.

(7) Hồ Chí Minh: *Sách đã dẫn*, tập II, tr. 176-177.

do đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn trình bày đã đánh giá: “Đảng ta sở dĩ lãnh đạo được nhân dân làm nên những sự nghiệp vĩ đại ấy, trước hết là nhờ nắm vững chủ nghĩa Mác – Lên-in, tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác – Lên-in. Đảng nắm chủ nghĩa Mác – Lên-in không phải trên câu chữ mà từ trong thực chất *cách mạng và khoa học* vốn là hai đặc tính căn bản kết hợp làm một trong bản thân chủ nghĩa Mác – Lên-in. Đảng biết quán triệt đặc tính căn bản ấy của chủ nghĩa Mác – Lên-in trong hoạt động chính trị, tư tưởng và tổ chức của mình, trong đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng, trong toàn bộ cuộc đấu tranh của Đảng ở tất cả các thời kỳ” (8).

Ngay sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Đảng ta đã vạch ra được đường lối chung và đường lối kinh tế đúng đắn đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lên-in về cách mạng xã hội chủ nghĩa được Đảng ta quán triệt trong tinh thần biện chứng “chấn lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo”, đó là linh hồn sống của những nghị quyết Đại hội thứ IV, thứ V và các Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng, nhằm đưa nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Di sản lý luận của Lê-nin bao trùm mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, sâu sắc đến cả những vấn đề chi tiết, nhưng chưa phải là toàn bộ những lời giải đáp sẵn cho bất cứ câu hỏi nào do cuộc sống hôm nay đặt ra. Lê-nin không bao giờ cho rằng học thuyết của mình có khả năng ấy. Người viết: “Tất cả các dân tộc đều sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc

điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ, vào loại này hay loại khác của chuyên chính vô sản, vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội” (9). Lê-nin nói Mác không tự trói tay mình, cũng không trói tay những người cộng sản tương lai bằng những kết luận riêng rẽ do mình đề ra một lúc nào đó. Bởi vì, Mác biết rằng lịch sử phát triển sẽ đưa lại biết bao điều mới mẻ. Đến lượt mình, Lê-nin cũng có thái độ như thế đối với lý luận do mình đề ra và cũng hoàn toàn như Mác, Lê-nin luôn luôn đòi hỏi sáng tạo trong thực tiễn cũng như trong lý luận cách mạng. Tất nhiên, trên những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc, chúng ta chỉ có thể tìm thấy phương hướng giải quyết đúng đắn từ trong chủ nghĩa Lê-nin với tư cách là phương pháp luận cách mạng và khoa học. Sức mạnh của học thuyết Mác – Lê-nin chính là ở đó.

Đảng ta đang đứng trước những nhiệm vụ lịch sử hết sức nặng nề. Tâm cơ rộng lớn, tinh thần phứt tập, đa dạng và mới mẻ của các nhiệm vụ càng khiến chúng ta phải nắm chắc phương pháp lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, như đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn thường nhắc nhở, nhằm giải quyết đúng đắn và sáng tạo những vấn đề nảy sinh trong đời sống kinh tế – xã hội, trong sự nghiệp cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.



Chúng ta đang sống trong thời đại của những chuyển biến cách mạng vĩ

(Xem tiếp trang 70)

(8) Báo cáo chính trị của BCHTƯH tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 182.

(9) V. I. Lê-nin: sách đã dẫn, 1981, tập 30, tr. 160.

Cải cách giáo dục ở Liên xô hiện nay

Tiến sĩ PHẠM MINH HẠC

I - Giai đoạn phát triển mới - yêu cầu mới đối với nhà trường.

THỰC hiện nghị quyết của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô họp tháng 6-1983, Ủy ban cải cách giáo dục toàn Liên xô do đồng chí C. U. Trắc-nen-xô, lúc đó là ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng cộng sản Liên xô làm Chủ tịch, được thành lập. Ngày 4-1-1984, bản Dự thảo nghị quyết của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô về cải cách trường phổ thông và trường dạy nghề được công bố. Toàn Đảng, toàn dân Liên xô đã thảo luận sôi nổi. Hội nghị Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô (10-1-1984) và hội nghị Xô viết tối cao Liên xô (12-4-1984) nhất trí thông qua văn kiện Các phương hướng chủ yếu cải cách trường phổ thông và trường dạy nghề.

Cải cách giáo dục ở Liên xô lần này nằm trong chương trình kinh tế-xã hội, nhằm hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển, thể hiện ngày một đầy đủ hơn bản chất nhân đạo của chủ nghĩa xã hội, tạo ra những biến đổi sâu sắc trong sản xuất vật chất và quan hệ xã hội, tiếp tục phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, cũng có và phát triển lối sống xô viết.

Trước Cách mạng Tháng Mười (1917), ở nước Nga chỉ có khoảng 28,4% số người từ 9 đến 49 tuổi biết chữ và khoảng 20% trẻ em được đi học. 17 năm sau, hầu hết trẻ em 11-15 tuổi đều được đi học, việc phổ cập (bắt buộc và không mất tiền) giáo dục cấp I (lớp 4) được thực hiện. Năm 1940, Liên xô xóa xong nạn không biết chữ trong toàn dân. Bốn năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, Liên xô chủ trương đưa trình độ phổ cập giáo dục lên lớp 7 và đến năm 1956 việc này được hoàn thành. Năm 1962, trình độ phổ cập của trẻ em trong độ tuổi được nâng lên lớp 8. Năm 1975, thực hiện phổ cập phổ thông trung học (lớp 10) cho học sinh độ tuổi 17 trong toàn Liên bang. Chất lượng giáo dục cũng dần dần được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần vào sự tiến bộ của loài người. Suốt trong quá trình đi lên đó, Liên xô luôn luôn phải giải quyết và đã giải quyết được những mâu thuẫn giữa trình độ phát triển của hệ thống giáo dục với yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Đến nay, trường phổ thông ở Liên xô lại không đáp ứng kịp yêu cầu mới của giai đoạn phát triển mới.

đặc biệt về mặt giáo dục tinh thần sẵn sàng lao động xã hội, giáo dục nhu cầu lao động vì xã hội một cách có ý thức, giáo dục thể giới quan Mác-Lê-nin, tinh thần trách nhiệm, tinh tổ chức và kỷ luật, tinh thần cảnh giác và sẵn sàng chiến đấu v. v. Mẫu thuẫn hiện nay ở nhà trường phổ thông và các trường dạy nghề là giữa nội dung học vấn phổ thông (tri thức khoa học, kỹ thuật; tri thức và kỹ năng lao động; tinh thần, thái độ và hành vi đạo đức; quan điểm, lập trường, tư tưởng; khả năng định hướng nghề nghiệp; tâm thế sẵn sàng lao động và chiến đấu vì sự nghiệp và Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, v.v.) với yêu cầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển. Đó là mâu thuẫn giữa trình độ đào tạo học vấn phổ thông tương đối cao với những dạng lao động ít dùng đến trí lực, đơn điệu, nặng nhọc; là mâu thuẫn giữa tâm lý phổ biến khi học xong lớp 10 chỉ thích thi lên đại học, trung học chuyên nghiệp chứ không thích tham gia lao động sản xuất với yêu cầu rất lớn của xã hội về lực lượng lao động. Vì vậy, cải cách giáo dục lần này đề ra 5 nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1—Nâng cao chất lượng đào tạo và giáo dục. Học sinh phải nắm vững cơ sở khoa học; cải tiến giáo dục tư tưởng — chính trị, giáo dục lao động và đạo đức, giáo dục thẩm mỹ và giáo dục thể chất; chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa hình thức, loại trừ hiện tượng quá tải của học sinh; hoàn thiện kế hoạch giảng dạy, chương trình, sách giáo khoa, phương pháp giảng dạy và giáo dục; bỏ các tài liệu giảng dạy quá phức tạp.

2—Cải tiến một cách cơ bản việc giáo dục lao động và giảng dạy lao động, công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông; tăng cường nội dung kỹ thuật tổng hợp và thực tiễn trong giảng dạy; mở rộng đáng kể

việc đào tạo công nhân có tay nghề, tiến tới phổ cập dạy nghề cho thanh niên.

3—Nâng cao tinh thần trách nhiệm của học sinh đối với chất lượng học tập, tinh thần kỷ luật trong học tập và lao động; nâng cao tinh độc lập, tự quân của học sinh trong các tổ chức của các em.

4—Nâng cao uy tín xã hội của thầy giáo và các thợ cả dạy lao động sản xuất; nâng cao trình độ lý luận và thực hành của giáo viên; bảo đảm đủ giáo viên; cải thiện điều kiện sinh hoạt cho cán bộ giáo dục.

5—Hoàn thiện trường phổ thông, trường dạy nghề và công tác quản lý ngành giáo dục.

II — Nội dung cơ bản của cải cách giáo dục.

Cải cách giáo dục ở Liên xô lần này trước hết là *cải cách cơ cấu giáo dục phổ thông và dạy nghề*:

Ở Liên xô, trường phổ thông thống nhất lao động 9 năm gồm 2 cấp được tổ chức từ năm 1918. Năm 1934, có trường trung học hoàn chỉnh từ lớp 1 đến lớp 10. Năm 1958, trường này kéo dài thành 11 năm, đến năm 1964 lại thu lại còn 10 năm, và tuổi đi học bắt đầu từ 7 tuổi tròn.

—Cải cách giáo dục lần này quy định tuổi đi học bắt đầu từ 6 tuổi, thời hạn học phổ thông là 11 năm: cấp 1 từ lớp 1 đến lớp 4; trường phổ thông không hoàn chỉnh từ lớp 5 đến lớp 9; trường trung học phổ thông, trường dạy nghề và trường trung học chuyên nghiệp từ lớp 10 đến lớp 11. Bắt đầu từ năm học 1986 — 1987 sẽ nhận học sinh 6 tuổi vào học lớp 1, và sẽ thực hiện dần trong nhiều năm, tùy thuộc vào việc xây dựng trường sở, đào tạo giáo viên, ý thích của phụ huynh học sinh, trình độ phát triển của trẻ em và khả năng của địa phương.

Vấn đề phân luồng học sinh tốt nghiệp lớp 9 sẽ được giải quyết phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế quốc dân, có tính đến xu hướng và năng lực của trẻ cũng như mong muốn của phụ huynh học sinh và kiến nghị của tập thể giáo viên. Sẽ tăng gấp đôi số học sinh đã học hết lớp 9 vào học các trường dạy nghề (năm 1982 số học sinh học hết lớp 8 khoảng 4 triệu thì có 60% trong số đó tiếp tục học lên lớp 9 và 40% vào các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề). Số còn lại học hết lớp 11 và vào học trường trung học chuyên nghiệp theo hệ một năm hay vào học đại học hoặc ra sản xuất ngay.

Học sinh từ lớp 8 đến lớp 11 được học các môn tự chọn, đi sâu và nâng cao theo các nhóm bộ môn toán - lý, hóa - sinh, xã hội - nhân văn. Giảng dạy lao động ở các lớp 10 - 11 kết hợp với dạy nghề phổ thông. Trong vòng 5 - 10 năm sẽ tiến hành phổ cập dạy nghề cùng với phổ cập phổ thông trung học và dần dần sẽ sáp nhập hai loại trường này lại.

Các trường buổi tối và trường hàm thụ dành cho thanh niên, công nhân chưa tốt nghiệp trung học phổ thông vẫn được duy trì nhưng phải cải cách nội dung và tổ chức hoạt động. Việc tuyển sinh vào đại học cũng được cải cách, bảo đảm cho học sinh tốt nghiệp các loại trường trung học (phổ thông, dạy nghề, chuyên nghiệp) đều có quyền lợi như nhau.

Nâng cao chất lượng học tập và giáo dục là nội dung quan trọng nhất. Nhiệm vụ của nhà trường là cung cấp cho học sinh tri thức sâu sắc, vững chắc về các cơ sở của khoa học, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận dụng tri thức vào thực tiễn, giáo dục thể giới quan Mác - Lênin cho các em. Vì vậy, kế hoạch, chương trình giảng dạy, sách giáo khoa... phải đáp ứng những yêu cầu của tiến bộ kinh tế - xã hội và khoa học, kỹ thuật. Nội

dung giảng dạy ở trường trung học phổ thông sẽ chú ý đến tri thức và kỹ năng sử dụng máy tính hiện đại. Đặc biệt phải xóa bỏ hiện tượng quá tải trong học sinh, không dạy những gì thứ yếu, không cần thiết. Triệt để chống chủ nghĩa hình thức và chủ nghĩa phần trăm (1) trong giáo dục và giảng dạy. Cải tiến cơ bản vấn đề giảng dạy và giáo dục lao động, hướng nghiệp trong trường phổ thông và trường dạy nghề. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng dạy nghề đáp ứng yêu cầu lao động của đất nước, phải bảo đảm trình độ học vấn như ở trường trung học phổ thông.

Các phương pháp và phương tiện dạy học sẽ được hoàn thiện. Phải quy định rõ danh mục tài liệu giảng dạy và khối lượng tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cho từng bộ môn. Số học sinh trong một lớp sẽ là 30 em (từ lớp 1 đến lớp 9) và 25 em (lớp 10 và lớp 11).

Toàn bộ việc giáo dục, giáo dưỡng nhằm thực hiện một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng là tạo ra sự phát triển toàn diện, hài hòa của nhân cách. Muốn vậy, phải có các chỉ dẫn cụ thể để thực hiện phương pháp tiếp cận đồng bộ, bảo đảm các mặt giáo dục cộng sản: trí dục, tư tưởng - chính trị, lao động, đạo đức, thẩm mỹ và thể lực, thực hiện lời dạy của Lê nin: "Làm cho toàn bộ sự nghiệp giáo dục, huấn luyện, học tập của thanh niên ngày nay phát triển được đạo đức cộng sản..." (2).

Để hoàn thiện các hoạt động của nhà trường xã hội, Đảng cộng sản Liên xô coi việc chuẩn bị cho thế hệ trẻ đi vào lao động là việc làm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Giải quyết

(1) Chủ nghĩa phần trăm là những tư tưởng, chủ trương cốt làm sao có cái gọi là thành tích báo cáo lên cấp trên để được khen thưởng, không hoặc ít chú ý tới chất lượng giáo dục.

(2) C. Mác. Ph. Ăng-ghen. V.I. Lê-nin. L.V. Xta-lin: Về thanh niên, Nxb Sự thật. Hà Nội, 1978, tr. 147.

một cách đúng đắn vấn đề *giáo dục và giảng dạy lao động, hướng nghiệp*, cho học sinh tham gia lao động, sản xuất là những yếu tố không có gì thay thế được trong việc hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa. Giáo dục và giảng dạy lao động, tạo điều kiện cho học sinh làm quen với các cơ sở sản xuất; làm cho học sinh có kỹ năng, kỹ xảo lao động; có ý thức đối với việc chọn nghề. Sẽ có quy định rõ yêu cầu, mức độ giáo dục và giảng dạy lao động cho từng cấp học. Thời gian dành cho việc giáo dục lao động, hướng nghiệp tăng từ 1000 giờ lên 2500 giờ. Yêu cầu của công tác này đối với học sinh là làm sao cuối lớp 8 các em có suy nghĩ chín chắn để chọn một nghề và trường tương ứng để tiếp tục học lên. Công tác giáo dục hướng nghiệp do Ủy ban lao động và các vấn đề xã hội của Nhà nước phụ trách.

Để làm tốt việc giáo dục lao động, mỗi trường phải có cơ sở sản xuất đồ dạy được Nhà nước cấp ngân sách, điều kiện vật chất, công nhân lành nghề, cán bộ kỹ thuật dành cho công tác này... Học sinh lớp 10 và lớp 11 sẽ học một số nghề phổ thông mà địa phương có yêu cầu. Nếu đủ điều kiện, các em sẽ học trọn vẹn một nghề và thi tay nghề theo quy định của Ủy ban lao động, Bộ giáo dục và Ủy ban dạy nghề Liên xô. Đồng thời còn có thêm giáo dục kinh tế — một vấn đề được đặt ra lần đầu tiên cho nhà trường Liên xô. Nội dung của giáo dục kinh tế là đưa học sinh tham gia thật sự vào các quan hệ sản xuất, hiểu đầy đủ về sở hữu xã hội chủ nghĩa, về kế hoạch sản xuất, kỷ luật lao động, kỷ luật sản xuất, tiền lương, và biết quý từng đồng rúp do lao động làm ra.

III — Các biện pháp lớn để thực hiện cải cách giáo dục.

Muốn thực hiện được những nhiệm vụ to lớn của cải cách giáo dục, một trong những vấn đề được Đảng cộng

sản Liên xô quan tâm là *kết hợp và thống nhất nhà trường, gia đình, xã hội* trong việc giáo dục thế hệ trẻ. Giáo dục xã hội được xác định là giáo dục từ trường mẫu giáo, ngoài giờ lên lớp, ngoài nhà trường, ở câu lạc bộ, cung thiếu nhi, phường, xã v.v. Sẽ mở thêm nhiều trường, lớp học cả ngày và cải tiến một cách nghiêm túc công tác giáo dục ngoài giờ lên lớp. Tiếp tục phát triển các cơ quan phụ trách hoạt động giáo dục ngoài nhà trường như: cung thiếu nhi, nhà thiếu nhi, trạm các nhà kỹ thuật trẻ tuổi và các nhà nghiên cứu thiên nhiên trẻ tuổi, du lịch, thể thao, âm nhạc, nghệ thuật, múa, thư viện thiếu nhi, trại thiếu nhi... Cải tiến một cách cơ bản công tác giáo dục ở phường, xã, phố, xóm, và ở đây nhà trường phải giữ vai trò trung tâm. Toàn bộ công tác giáo dục ngoài nhà trường do ủy ban nhân dân các cấp, đoàn thanh niên cộng sản, công đoàn và các tổ chức xã hội phụ trách.

Quan tâm hơn đến việc giáo dục trong các trường trẻ mồ côi, các trường nội trú dành cho các em vừa chữa bệnh vừa học tập.

Nâng cao trách nhiệm của gia đình đối với việc giáo dục con cái. Giáo dục thế hệ trẻ là nhiệm vụ của tất cả các công dân. Bằng mọi cách, phụ huynh học sinh phải góp phần nâng cao uy tín của thầy giáo, cô giáo và nhà trường, dạy trẻ biết chăm sóc bố mẹ và người lớn.

Đội ngũ giáo viên — niềm tự hào của đất nước, chỗ dựa đáng tin cậy của Đảng trong công tác giáo dục — giữ vai trò quyết định trong công tác giáo dục thanh niên và thiếu niên. Đảng thường xuyên chăm sóc đội ngũ này, đưa họ lên vị trí cao chưa từng có trong xã hội. Phải cải tiến đáng kể công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, nâng cao kết quả đào tạo, cả về lý thuyết lẫn thực hành, trình độ tư tưởng, tay nghề, vốn văn hóa và tư

duy; cải tiến việc tuyển sinh vào trường sư phạm; tăng từ 30 đến 35% mức lương của giáo viên hiện nay; mở rộng việc khen thưởng giáo viên và cán bộ ngành giáo dục.

Khoa học giáo dục cần đóng góp nhiều hơn nữa vào việc nâng cao trình độ và kết quả của hoạt động trong nhà trường. Viện hàn lâm khoa học giáo dục, các trường đại học chuyển mạnh sang giải quyết các vấn đề cấp bách của trường phổ thông và trường dạy nghề. Sẽ thành lập Hội giáo dục học Liên xô và Viện bảo tàng giáo dục Liên xô nhằm mở rộng việc phổ biến các tri thức sư phạm, khái quát và áp dụng các kinh nghiệm giáo dục tiên tiến.

Đề thỏa mãn những yêu cầu của cuộc cải cách giáo dục, sẽ tăng cường cơ sở vật chất trong nhà trường: xây dựng thêm nhiều trường mới từ mẫu giáo đến đại học, các liên hợp học tập - sản xuất, các cơ sở giáo dục ngoài nhà trường, nhà ở cho giáo viên, ký túc xá cho học sinh; sản xuất đồ dùng dạy học, trong đó có cả những thiết bị tính toán điện tử.

Vì giáo dục phổ thông và giáo dục dạy nghề ngày càng xích lại gần nhau và tiến tới thống nhất cho nên phải tổ chức các tiêu ban liên ngành từ trung ương đến địa phương để phụ trách việc kế hoạch hóa, phân luồng học sinh tốt nghiệp cấp II và cấp III, xây dựng cơ sở vật chất, v.v. *Kiến quyết cải tiến phong cách và phương pháp quản lý giáo dục*: tiến hành phân tích sâu sắc thực trạng giáo dục, hoàn thiện kế hoạch giảng dạy, chương trình, sách giáo khoa (không viết lại, chỉ sửa chữa khoảng trên 300 điểm trong toàn bộ các sách giáo khoa phổ thông theo hướng chủ yếu là tinh giản; chấn chỉnh hệ thống thanh tra, bớt hẳn các loại văn bản chỉ thị, báo cáo, đề các tập thể sư phạm tập trung vào giảng dạy và giáo dục; củng cố phòng giáo dục huyện

là cơ quan chịu trách nhiệm chính đối với toàn bộ sự nghiệp giáo dục ở địa phương; tạo điều kiện cho các hiệu trưởng có thể làm việc một cách sáng tạo; nâng cao vai trò và uy tín của giáo viên chủ nhiệm.

Quan tâm đến các trường ở nông thôn, các cấp ủy Đảng, chính quyền, công đoàn, đoàn thanh niên, các liên hợp công - nông nghiệp phải góp sức tạo điều kiện tốt cho nhà trường hoạt động.

Toàn Đảng, toàn dân chăm sóc nhà trường. Các cấp ủy Đảng phải hiểu sâu sắc hoạt động của nhà trường; kịp thời phát hiện những vướng mắc và chỉ ra các cách giải quyết; chỉ thị cho các cấp chính quyền, đoàn thể, các cơ quan sản xuất, kinh tế quan tâm đến nhà trường. Thường vụ và các ban chấp hành đảng bộ hợp thường kỳ đề xem xét các vấn đề giáo dục, đặc biệt quan tâm đến đội ngũ giáo viên, thông báo gọn nhẹ cho giáo viên biết các vấn đề về đường lối đối nội và đối ngoại của Đảng. Cải tiến việc lãnh đạo các tổ chức Đảng trong nhà trường và các cơ quan giáo dục.

IV - Nghiên cứu và học tập kinh nghiệm cải cách giáo dục ở Liên xô hiện nay.

Cuộc cải cách giáo dục lần này ở Liên xô là một chủ trương lớn, cực kỳ quan trọng để thực hiện nghị quyết Đại hội thứ XXVI và các Hội nghị của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô, nhằm làm cho nhà trường phục vụ đắc lực các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong thời kỳ hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển. Nghị quyết của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô đã nhấn mạnh rằng *cuộc cải cách giáo dục này là một bộ phận không thể tách rời của quá trình hoàn thiện toàn diện, có kế hoạch của xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển*; cuộc cải cách giáo dục này có ý nghĩa

chính trị, xã hội — kinh tế và tư tưởng to lớn.

Muốn thực hiện được nhiệm vụ đó, trường phổ thông phải tiến lên một thời kỳ phát triển mới, đạt một chất lượng mới của nhà trường phổ thông thống nhất, lao động, kỹ thuật tổng hợp, có thêm cả chức năng (tính chất) hướng nghiệp và một phần dạy nghề ở trường trung học phổ thông; tiến tới thống nhất hệ thống giáo dục phổ thông và hệ thống giáo dục dạy nghề, từng bước (trong vòng 5 — 10 năm) thực hiện phổ cập dạy nghề cho thanh niên. Đây là yêu cầu của cuộc sống hiện nay ở Liên xô và cũng là xu thế chung của nền giáo dục hiện đại, một bước tiến quan trọng của nhà trường xô viết. Trước đây, thời gian để phổ cập cấp I là 20 năm; cấp II là 20 năm cấp III là 13 năm. Ngày nay, chỉ cần 5 — 10 năm để phổ cập dạy nghề, tới khi đó Liên xô sẽ là một trong những nước đầu tiên trên thế giới vừa phổ cập cấp III (lớp 10, lớp 11) vừa phổ cập dạy nghề. Cùng với việc dạy nghề, giáo dục lao động và giáo dục đạo đức — chính trị đặc biệt được coi trọng và tăng cường.

Sự nghiệp phát triển giáo dục ở Liên xô ngày càng thực hiện tốt một nguyên tắc cơ bản của kế hoạch hóa là cân đối giữa các mục tiêu đề ra cho giáo dục và các điều kiện thực tế để thực hiện các mục tiêu đó. Liên xô ngày càng có chính sách đúng đắn hơn trong việc đầu tư cho giáo dục như là một ngành vừa trực tiếp phục vụ vừa đón đầu các mục tiêu kinh tế — xã hội và thỏa mãn cả những yêu cầu về phúc lợi xã hội.

Sự nghiệp giáo dục thật sự là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên

xô, Hội đồng bộ trưởng Liên xô, các ngành, các giới, các xí nghiệp sản xuất, các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương đều có những nhiệm vụ cụ thể được quy định rõ ràng cùng với ngành giáo dục chăm sóc thế hệ trẻ. Vai trò giáo dục của gia đình được nhấn mạnh. Vai trò của các đoàn thể thanh niên, thiếu niên, của bản thân từng học sinh, tính chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh ngày càng được đề cao, như là yếu tố quyết định cuối cùng đối với hoạt động dạy — học.

Trong lời phát biểu tại Hội nghị toàn thể Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô, ngày 10-4-1984, đồng chí C. U. Tréc-nen-cô, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô, đã chỉ ra rằng: « Xã hội Liên xô muốn vững bước tiến tới những mục tiêu vĩ đại của chúng ta, thì từng thế hệ trẻ phải vươn lên một trình độ học vấn và văn hóa chung, trình độ nghề nghiệp và tinh thần tích cực của người công dân cao hơn trước đây. Có thể nói rằng đây là một quy luật của tiến bộ xã hội ».

Việc nghiên cứu các kinh nghiệm của nhà trường xô viết nói chung, của cuộc cải cách giáo dục lần này ở Liên xô nói riêng, sẽ giúp chúng ta triển khai tốt nghị quyết 14 của Bộ chính trị Trung ương Đảng cộng sản Việt nam về cải cách giáo dục, các nghị quyết 126 và 73 của Hội đồng bộ trưởng, các nghị quyết của Ủy ban cải cách giáo dục trung ương, nhằm xây dựng thành công nhà trường xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thắng lợi cho cuộc đấu tranh giữa « hai con đường » trong sự nghiệp giáo dục ở nước ta hiện nay, góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra.

Ba năm thực hiện công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông

NGUYỄN TRỌNG BẢO

HIỆN nay, hằng năm chúng ta có khoảng 700 nghìn học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở và 200 nghìn học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học. Sau khi các trường phổ thông trung học, dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học đã tuyển sinh đủ cho trường mình rồi, vẫn còn trên nửa triệu học sinh chưa có ngành nghề hoặc không có chỗ học lên. Vì vậy, việc hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, sử dụng tốt số học sinh ra trường, ngày càng trở thành một vấn đề đáng quan tâm của cả xã hội. Nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước ta đã nhấn mạnh vấn đề này.

Hướng nghiệp và sử dụng hợp lý học sinh ra trường là một vấn đề vừa cơ bản vừa cấp bách.

Ngành giáo dục nói chung có nhiệm vụ đào tạo những con người lao động mới, làm chủ tập thể, có kỹ năng thực hành và có trình độ nghề nghiệp cần thiết. Nhưng trong xã hội có nhiều ngành nghề, mỗi ngành nghề chỉ thu nhận một số người nhất định theo yêu cầu của nó. Mỗi học sinh lại thường có năng lực, sở trường, nguyện vọng riêng phù hợp hay không phù hợp với phân công cụ thể của xã hội. Vấn

đề đặt ra rõ ràng là: *một mặt*, phải có quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của cả nước và của từng địa phương, bao gồm cả dự kiến về số lượng và chất lượng người lao động cần thiết cho từng ngành nghề; *mặt khác*, phải trang bị cho học sinh những hiểu biết về các ngành nghề, hướng dẫn nguyện vọng của học sinh, rèn luyện cho các em kỹ năng lao động phù hợp với yêu cầu của xã hội, trước hết là của địa phương. Giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông do đó là hết sức cần thiết.

Giáo dục hướng nghiệp là một hệ thống các biện pháp giáo dục, thông qua các hoạt động trong và ngoài nhà trường, nhằm chuẩn bị cho học sinh về tư tưởng, tâm lý, tri thức, kỹ năng, thái độ, tác phong... cần thiết để sau khi học xong trường phổ thông học sinh có thể vào học các trường chuyên nghiệp hoặc tham gia lao động sản xuất trong các ngành, nghề phổ thông ở địa phương, nếu trong quá trình hướng nghiệp, có sự dạy nghề đơn giản cho họ. Quá trình giáo dục hướng nghiệp sẽ làm bộc lộ rõ các năng lực, sở trường của từng học sinh; góp phần dắt dẫn, điều chỉnh nguyện vọng của học sinh, hướng các

em vào các trường chuyên nghiệp, vào các ngành nghề, các lĩnh vực lao động; giúp các em rèn luyện để thích ứng với yêu cầu phân công lao động xã hội mà địa phương và Tổ quốc đang cần.

Hiện nay, chúng ta đang ở trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, lao động thủ công còn là phổ biến, năng suất lao động xã hội rất thấp. Số người lao động đông nhất hiện nay vẫn là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Xí nghiệp, nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường quốc doanh còn ít; do đó số người được thu hút vào khu vực kinh tế Nhà nước, chưa thể

hiều được. Số người gián tiếp sản xuất hiện nay trong xã hội đã chiếm tỷ trọng khá lớn. Vậy mà tâm lý phổ biến trong xã hội, nhất là trong thanh niên, thiếu niên, là cứ muốn học để thoát ly lao động thủ công; vào biên chế Nhà nước, làm cán bộ, không muốn lao động sản xuất ở nông thôn, trong khu vực kinh tế tập thể. Đó đang là một trở ngại cho giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông. Cần chỉ ra rằng tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trường phổ thông cơ sở được chọn vào trường phổ thông trung học ở nước ta đã cao (30%) so với nhiều nước xã hội chủ nghĩa (1). Số học

(1) Xin xem bảng thống kê sau đây:

Tên nước	Vào các trường dạy nghề %	Vào trường trung học chuyên nghiệp %	Vào trường phổ thông trung học %	Lao động sản xuất và học BT/H %
Liên xô	20,8	11	61	7,2
Bun-ga-ri	48,5	19,5	27	5
Hun-ga-ri	56,8	16	19	6,2
Ba-lan	58	19	18	5
Tiếp khác	60,5	18,3	14	7,2
CHDC Đức	79,1	7	11,4	2,5

sinh tốt nghiệp phổ thông trung học hằng năm được chọn vào các trường cao đẳng, đại học cũng khoảng 30 nghìn em (15%). Trước mắt chưa thể nâng tỷ lệ này lên được nữa. Vậy thì phải hướng cho số đông còn lại (70% học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở và 85% học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học) đi vào lao động sản xuất trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở địa phương, trong khu vực kinh tế tập thể, sẵn sàng đem trí thức và kỹ năng của mình phục vụ đắc lực ba cuộc cách mạng ở địa phương.

Một trở ngại khác đối với giáo dục hướng nghiệp hiện nay là việc phân cấp để xây dựng quy hoạch, kế hoạch

nhằm sử dụng học sinh học xong trường phổ thông, trong những năm trước, chưa được rõ ràng. Quyết định 126 CP của Hội đồng bộ trưởng Về giáo dục hướng nghiệp và sử dụng hợp lý học sinh phổ thông ra trường, đã xác định trách nhiệm chính trong việc sử dụng học sinh là thuộc Ủy ban nhân dân các cấp. Nhưng nhiều địa phương chưa gắn kế hoạch sử dụng học sinh với việc đào tạo cán bộ, công nhân, lực lượng lao động có kỹ thuật, chưa đưa việc này vào quy hoạch tổng thể, chưa gắn nó với kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, do đó mà có tình trạng: hoặc thiếu cán bộ kỹ thuật, hoặc học sinh ra trường không được sử dụng hay không được sử

đúng hợp lý, gây tác động ngược lại, gây khó khăn cho việc hướng nghiệp trong nhà trường.

Chỉ khi nào chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở, quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo cụ thể, làm cho việc hướng nghiệp và sử dụng học sinh tốt nghiệp gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thì giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông mới thật sự có kết quả tốt: học sinh yên tâm và tích cực học tập khi đã có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; địa phương chủ động nắm lấy, ngay từ trong quá trình đào tạo, đội ngũ lao động của mình, kể cả lực lượng lao động kỹ thuật cao, vốn là con em của địa phương gửi đi học ở các trường cao đẳng, đại học.

Nhà trường làm công tác hướng nghiệp.

Ngoài các trường tiên tiến đã có và đang phát triển, như các trường phổ thông cơ sở Bắc Lý (Hà nam ninh), Nghĩa đồng (Nghệ tĩnh), Trường phổ thông trung học Cao Bá Quát (Hà nội), Trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hòa bình (Hà sơn bình)..., mấy năm qua đã xuất hiện thêm nhiều trường làm tốt công tác hướng nghiệp. Đó là các trường phổ thông cơ sở Nam chấn (Hà nam ninh), Thăng lợi (Bắc thái), Nguyễn Đức Cảnh (Hải phòng), An đạo (Vĩnh phú), Phan Tây Hồ, Trần Hưng Đạo (thành phố Hồ Chí Minh)..., các trường phổ thông trung học vừa học vừa làm An thái, Bạch đằng (Hải phòng), Quán triều (Thái nguyên), Cồn tiên, Tân làm (Bình trị thiên), Thống nhất (Thanh hóa)...; các trường phổ thông trung học Việt trí (Vĩnh phú), Quang Trung (Nghĩa bình) v.v. Ở tất cả các trường nói trên, bước đi ban đầu có thể khác nhau, nhưng nhìn chung cách làm thường là như sau:

Thảo luận đề mọi giáo viên thấy rõ sự cấp thiết của công tác hướng nghiệp, góp phần làm chuyển biến

nhận thức về việc thực hiện mục tiêu đào tạo người lao động mới: chỉ một số ít học sinh phổ thông tiếp tục học lên, còn số đông sẽ tham gia lao động sản xuất ở địa phương nơi trường đóng. Trên cơ sở đó, các trường bàn bạc tìm cách giải quyết từng bước những khó khăn, vướng mắc để thực hiện công tác hướng nghiệp qua các khâu: giáo dục hướng nghiệp bằng bộ môn, bằng việc dạy kỹ thuật, tổ chức lao động, sản xuất, bằng hoạt động ngoại khóa... Các trường đều nhận thấy rằng muốn làm tốt công tác hướng nghiệp, một mặt phải tiến hành giáo dục toàn diện, dạy và học tốt các bộ môn văn hóa theo tinh thần kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp; mặt khác, nhất thiết phải dạy kỹ thuật và tổ chức lao động sản xuất gắn với ngành, nghề cụ thể ở địa phương.

Để giải quyết khó khăn thiếu giáo viên kỹ thuật, thiếu cơ sở vật chất, các trường đã thực hiện các biện pháp: xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên văn hóa kiêm dạy cả kỹ thuật (cử giáo viên đi học kỹ thuật với nhiều hình thức); mới cán bộ kỹ thuật, thợ giỏi, người sản xuất có kinh nghiệm, những người về hưu am hiểu kỹ thuật..., làm "thầy giáo thứ hai" giảng dạy, hướng dẫn học sinh thực hành; xin cấp trên điều động cán bộ kỹ thuật, giáo viên dạy kỹ thuật đến tăng cường đội ngũ giáo viên, v.v. Dựa vào sự đóng góp, giúp đỡ của địa phương và một số trang bị của Nhà nước, các trường đã từng bước xây dựng vườn trường, xưởng trường, xây dựng các trung tâm thực hành kỹ thuật và lao động sản xuất. Các trường đã tổ chức cho học sinh lao động sản xuất và thực hành kỹ thuật ở các cơ sở vật chất của các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, các xí nghiệp, nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường...

Các hoạt động này vừa có ý nghĩa giáo dục, vừa đem lại hiệu quả kinh tế. Từng buổi lao động đều được tổ chức theo hướng: lao động có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất, phù hợp với tâm lý, sinh lý, lứa tuổi của học sinh.

Sự lãnh đạo, giúp đỡ của cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các cơ sở sản xuất nơi trường đóng là yếu tố rất quan trọng để nhà trường làm tốt những việc trên đây. Nhà trường báo cáo với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về mục tiêu đào tạo, về số học sinh tốt nghiệp và trường hằng năm. Địa phương thông báo cho nhà trường về phương hướng phát triển kinh tế, ngành nghề; giúp nhà trường cơ sở sản xuất, cử cán bộ kỹ thuật, thợ giỏi tới dạy kỹ thuật, dạy các ngành, nghề truyền thống, v.v. Điều quan trọng là nhà trường, cơ sở sản xuất, Ủy ban nhân dân cùng bàn kế hoạch bồi dưỡng, sử dụng tốt học sinh ra trường. Các trường Nam chắn (Hà nam ninh), Chu Phan, Cao Bá Quát (Hà nội), An thái, Bạch đằng (Hải phòng), Thống nhất (Thanh hóa)... đã bước đầu xây dựng được các hợp đồng giữa cơ sở sản xuất (bên A) với trường học (bên B), có Ủy ban nhân dân làm trọng tài, và Hội đồng giáo dục giám sát việc thực hiện. Trên cơ sở đó, hằng năm nhà trường tiến hành công tác hướng nghiệp và cuối năm làm lễ bàn giao số học sinh tốt nghiệp cho các cơ sở sản xuất ở địa phương.

Các địa phương, cơ sở sản xuất làm công tác hướng nghiệp và sử dụng học sinh ra trường.

Ba năm qua, ở một số địa phương, các cấp ủy Đảng đã thấy được sự cấp thiết phải chuyển biến phương pháp giáo dục để tạo ra một đội ngũ những người lao động mới, đã bước đầu gắn sự nghiệp giáo dục với việc sử dụng lực lượng lao động học sinh, phát

triển kinh tế - văn hóa ở địa phương mình. Ba mươi tỉnh và thành phố đã có chỉ thị, nghị quyết về công tác hướng nghiệp và sử dụng học sinh ra trường. Các quận, huyện ở Hải phòng (Lê Chân, Thủy nguyên), ở Hà nội (Đống đa, Gia lâm), ở thành phố Hồ Chí Minh (Gò vấp, Quận 11), ở Hà nam ninh (Nam ninh), ở Bình trí thiên (Hương phú), ở Quảng nam - Đà nẵng, Đồng nai, Tiền giang, Vĩnh phú, Hà sơn bình và nhiều nơi khác đã có những xã, những phường, những cơ sở sản xuất có kinh nghiệm hướng nghiệp tốt, gắn sự nghiệp giáo dục với ba cuộc cách mạng ở địa phương.

Ở những nơi ấy, cấp ủy Đảng và Ủy ban nhân dân đã làm cho cán bộ chủ chốt của các ngành, các cơ sở sản xuất thấu suốt quyết định 126 CP của Hội đồng bộ trưởng. Ở những nơi ấy, đã có chủ trương khi xây dựng quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhất thiết phải có quy hoạch và kế hoạch đào tạo cán bộ, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng lực lượng lao động kèm theo. Nhiều tỉnh, thành phố đã có các kế hoạch cụ thể về mạng lưới, hệ thống trường, lớp từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đến giáo dục chuyên nghiệp. Nhiều nơi đã mở các trường, lớp nâng cao về văn, toán, lý, ngoại ngữ, kỹ thuật, nghệ thuật, thể dục...; mở các trường, lớp cho thanh niên, thiếu niên thất học; phát triển các loại trường phổ thông trung học kỹ thuật, bổ túc văn hóa có học nghề v.v. Các tỉnh, thành phố đã ban hành việc chấn chỉnh các trường dạy nghề chính quy, các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đề tiên tới đào tạo những công nhân, cán bộ trung cấp thật sự có chất lượng. Nhiều nơi còn chú ý mở các trường, lớp không chính quy, ngắn hạn, dạy nghề: trồng trọt, chăn nuôi, may nghề, các nghề truyền thống, dịch

vụ v.v. Các thành phố Hồ Chí Minh, Hà nội, Hải phòng, tỉnh Hà nam ninh đã chú ý tới các hình thức: mở trung tâm dạy nghề; tổ chức dạy nghề tại các cơ sở sản xuất, mở trường chuyên nghiệp; các đoàn thể và tư nhân tổ chức dạy nghề... nhiều nơi quan tâm chấn chỉnh công tác tuyển sinh, thực hiện chiêu sinh từ cơ sở, đề đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ cho địa phương mình.

Bằng cách dựa vào các hợp tác xã nông nghiệp, và các hợp tác xã tiểu công nghiệp thủ công nghiệp, một số xã, phường thuộc các huyện Nam ninh, Hải hậu (Hà nam ninh), Thanh oai, thị xã Hà đông (Hà sơn bình), quận Lê chân (Hải phòng), quận Hoàn kiếm, huyện Đan phượng (Hà nội)... đã tổ chức dạy các nghề phổ thông ở địa phương và đưa học sinh vào các tổ, đội sản xuất của những cơ sở đó.

Nhiều cơ sở sản xuất còn cử cán bộ kỹ thuật giới thiệu trường giới thiệu cụ thể về ngành nghề (công cụ, máy móc, sản phẩm, thời gian đào tạo, tri thức, kỹ năng phổ thông cần thiết, các bệnh cần tránh, triển vọng của nghề...) và hướng dẫn thực hành cho học sinh. Có nơi đã tổ chức cho học sinh tìm hiểu xí nghiệp, tạo điều kiện cho các em thực hành, lao động sản xuất trong một số phân xưởng; giúp nhà trường máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, đất đai, giống, vốn... để xây dựng xưởng trường, vườn trường, v.v. Một số cơ sở sản xuất đã bàn bạc, ký hợp đồng với nhà trường về hướng nghiệp và sử dụng học sinh ra trường.

Nhà máy sửa chữa ô tô Hòa bình (Hà sơn bình), Nhà máy sửa chữa ô tô 1-5 (Hà-nội), Xí nghiệp giày da xuất khẩu (Hà nội), Xí nghiệp đóng tàu (Hải phòng), các nông trường Thống nhất, Sao vàng (Thanh hóa), Tàu lăm (Bình trị thiên), các hợp tác

xã An thái, An thọ (Hải phòng), Thạch bản, Chu Phan (Hà nội)... đều cho biết rằng, học sinh phổ thông đã được hướng nghiệp ở trường, khi vào học nghề và lao động sản xuất ở các xí nghiệp và nông trường đó đều đạt chất lượng và hiệu quả lao động cao hơn so với các học sinh khác.

Ở những nơi bước đầu làm tốt công tác hướng nghiệp và sử dụng học sinh ra trường đều thấy rõ vai trò của Hội đồng giáo dục, Hội cha mẹ học sinh, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Công đoàn và các đoàn thể quần chúng khác. Dưới sự chỉ đạo thống nhất của cấp ủy Đảng, các tổ chức này tạo thành một sức mạnh tổng hợp, khắc phục được rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết được vấn đề lương thực, thực phẩm, giấy, bút, tiền phụ cấp dạy giờ cũng như vấn đề đầu tư, khấu hao cơ sở vật chất v.v.; Hải phòng xây dựng mô hình cụ thể: trường - phường - xí nghiệp; Nông trường Thống nhất (Thanh hóa) coi trường như một đội sản xuất của mình v.v



Kinh nghiệm thực tế mấy năm qua cho thấy, chúng ta hoàn toàn có điều kiện và khả năng đề từng bước làm tốt việc hướng nghiệp và sử dụng hợp lý học sinh ra trường, đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của đông đảo học sinh và cha mẹ các em, góp phần vào việc đào tạo đội ngũ những người lao động mới, những con người mới. Nếu công tác này đạt được kết quả mong muốn thì nhà trường phổ thông của chúng ta sẽ là: trường phổ thông - lao động - kỹ thuật tổng hợp, và sự nghiệp giáo dục của chúng ta sẽ thật sự gắn bó chặt chẽ với sự nghiệp cách mạng chung.

Vấn đề tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong đổi mới quản lý kinh tế

VŨ CAO ĐÀM

Hội nghị thứ 6 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã bàn về một trong những vấn đề nóng hổi nhất của quá trình phát triển cách mạng nước ta: đổi mới quản lý kinh tế. Đây cũng là vấn đề thời sự trong bước đường đi lên của các nước xã hội chủ nghĩa.

Ngay từ Đại hội toàn quốc thứ III, Đảng ta đã đặt vấn đề cải tiến quản lý kinh tế như một nhiệm vụ quan trọng trên con đường hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Chúng ta đã phát động phong trào « ba xây, ba chống », phong trào cải tiến quản lý hợp tác xã vòng I, vòng II; đã làm các cuộc vận động cải tiến quản lý xí nghiệp; đã thi hành các biện pháp tổ chức lại sản xuất v.v. Nhiều biện pháp đã góp phần tạo ra những biến đổi tích cực trong tổ chức và quản lý sản xuất, được quần chúng nhiệt liệt hưởng ứng, như chủ trương khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động, v.v. Nhìn lại toàn bộ các biện pháp đó có thể thấy rõ rằng khi những biện pháp đề ra phù hợp với các quy luật vận động của kinh tế và của xã hội, thì nó sẽ nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo được không khí hồ hởi sáng tạo của cơ sở; biện pháp nào không phù hợp thì chỉ có thể dẫn

đến những kết quả giả tạo và nhanh chóng bị đẩy ra ngoài sản xuất.

Bài học quan trọng cần rút ra ở đây là phải có những tiêu chuẩn để đánh giá tính đúng đắn của các biện pháp cải tiến quản lý. Có nhất trí nhìn nhận các tiêu chuẩn này thì mới có thể cùng nhau tháo gỡ được những vướng mắc của nền sản xuất hiện nay. Từ 5 năm trước đây, Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương (khóa IV) đã chỉ rõ, tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá tính đúng đắn của các chính sách là « tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân » (Do tôi nhấn mạnh — V.C.Đ.) (1). Nắm vững các tiêu chuẩn này thì sẽ không phải lo ngại, phân vân về việc đôi khi cơ sở phải « vi phạm » chính sách vì yêu cầu của sản xuất, và từ đây có thể rút ra những bài học cần thiết cho việc xem xét đề kịp thời sửa đổi các chủ trương, chính sách đã ban hành, khắc phục việc duy trì cứng nhắc một số biện pháp bấy lâu bị hiểu lầm là những « nguyên tắc bất biến » của chủ nghĩa xã hội, khiến cho nền kinh tế ngày càng trở nên khô cứng, làm mất tính năng động của nền kinh tế, của cơ sở sản xuất và của người lao động. Các tiêu chuẩn

(1) Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương (khóa IV) Về thành tích và nhiệm vụ cấp bách, Hà Nội, 1979, tr.18.

này, một lần nữa lại được khẳng định trong Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương (khóa V): *“ mở rộng quyền chủ động sáng tạo, xác lập quyền tự chủ tại chính ”* của cơ sở, tạo điều kiện cho cơ sở *“ đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao ”*.

Cũng chính là nhằm mục tiêu đó mà trong Hội nghị vừa qua của Trung ương, khi nói tới vai trò của khoa học, kỹ thuật trong quản lý kinh tế, đồng chí Lê Duẩn đã chỉ ra rằng: *“ Như vậy là cơ hai mặt liên quan chặt chẽ với nhau: một mặt, nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật của quản lý, bảo đảm cho các quyết định về đầu tư, sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng được nhanh nhạy và đúng đắn; mặt khác, hình thành một cơ chế quản lý thật sự thúc đẩy sản xuất bằng khoa học, kỹ thuật, như đổ, không ngừng hoàn thiện các sản phẩm, tiết kiệm tiêu hao vật chất, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao ”* (2).

Hai mặt đó trong đời mỗi quản lý là đôi hồi khách quan của quá trình phát triển, là sự cụ thể hóa đường lối *“ cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt ”* trong thực tiễn.

I. Sử dụng khoa học và kỹ thuật phục vụ công tác quản lý.

Không thể tổ chức sản xuất trong một xí nghiệp, công nghiệp hiện đại theo trình độ hiểu biết của người nông dân sản xuất nhỏ. Nói rộng hơn, xã hội càng phát triển thì việc quản lý xã hội càng đòi hỏi phải đạt đến trình độ khoa học và kỹ thuật cao.

Trong điều kiện nước ta, việc vận dụng khoa học và kỹ thuật phục vụ công tác quản lý đại thể bao gồm những vấn đề sau đây:

1. *Bảo đảm những điều kiện kỹ thuật tối thiểu cho việc đánh giá định lượng những chỉ tiêu kế hoạch của sản xuất.*

Đây là công việc sơ giản nhất của quản lý sản xuất: đề ra những định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm và bảo đảm phương tiện đo lường để kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu định lượng đã đề ra.

Trong những năm qua, các phương tiện cân đo thiếu ở mức độ nghiêm trọng, nhất là những loại cân lớn tại các đầu mối giao thông. Đã thế, ở nhiều nơi, phương tiện cân đo lại bị cố ý phá hỏng, vì lợi ích bất chính của một số người, gây khó khăn cho công tác quản lý. Cho nên, tăng cường bộ máy kiểm tra các phương tiện đo lường, các tiêu chuẩn chất lượng, quy trình, quy phạm trong sản xuất là hết sức cần thiết. Đồng nhiên, việc tăng cường các phương tiện kỹ thuật của quản lý chỉ đạt được hiệu quả tốt khi có một hệ thống chính sách đi kèm. Một khi Nhà nước có chính sách thỏa đáng đối với người lao động, để họ có quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh, thì chính họ, với ý thức năng cao hiệu quả kinh tế, sẽ có ý thức đầy đủ về các phương tiện cân đo. Vấn đề là phải tạo ra trong sản xuất sự quan tâm thật sự của ban thân người lao động tới chất lượng sản phẩm do họ làm ra.

2. *Bảo đảm những cân cứ khoa học cho các quyết định trong quản lý.*

Trong bất kỳ hoạt động xã hội nào và ở bất kỳ cấp nào, mỗi quyết định trong quản lý đều tác động tới những con người thừa hành nhiệm vụ, tới hiệu quả hoạt động của họ. Trong sản xuất, đó là hiệu quả kinh tế của sản xuất. Một quyết định đúng đắn trong quản lý sẽ có tác dụng thúc đẩy tích cực sáng tạo của mỗi người lao động và do vậy sẽ tạo ra hiệu quả trong hoạt động của họ.

(2) Lê-Duẩn: *Năm cũng quy luật đời mỗi quản lý kinh tế* (Bài nói tại Hội nghị thứ 6 của BCHTWĐ (khóa V), 1984, tr. 34

Một quyết định sai trong quản lý sẽ tạo ra hiệu ứng ngược lại.

Tuy nhiên, xã hội con người là một hệ thống biến động. Một quyết định dù hết sức đúng đắn trong một hoàn cảnh này, lại có thể hoàn toàn không phù hợp trong một hoàn cảnh khác. Vấn đề là người quản lý phải hiểu thấu và biết vận dụng đúng đắn quy luật phát triển của đối tượng quản lý, quy luật tâm lý của con người, quy luật kinh tế của xã hội.

Phát hiện những quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy là chức năng của khoa học. Người quản lý cần sử dụng khoa học như một trợ thủ đắc lực, như một công cụ để vận dụng đúng đắn những quy luật đó, để xây dựng những căn cứ cho các quyết định quản lý.

Đó có sự quan tâm to lớn của Đảng và Nhà nước, hiện nay ở nước ta đã có trên 160 cơ quan nghiên cứu khoa học trong hầu khắp các lĩnh vực của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học kỹ thuật, khoa học nông nghiệp và y học, với số lượng cán bộ (riêng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học) khoảng 350 người trong một triệu dân. Đó là một tỷ lệ khá cao trên thế giới. Ngoài ra, còn có một lực lượng đông đảo trí thức Việt nam ở nước ngoài sẵn sàng góp phần vào sự phát triển của đất nước. Lực lượng này có thể giúp các cấp quản lý phát hiện những vấn đề khác nhau của quá trình phát triển xã hội nước ta, những vấn đề quan hệ quốc tế trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, v.v.

Trong các nước xã hội chủ nghĩa, việc sử dụng khoa học và kỹ thuật để giải quyết các nhiệm vụ xã hội được các Đảng cộng sản và công nhân đặc biệt quan tâm. Khẳng định vai trò của khoa học trong việc thúc đẩy quá trình phát triển xã hội. Báo cáo chính trị tại Đại hội 26 của Đảng cộng sản Liên xô đã đòi hỏi « khoa học cũng

phải thường xuyên bắt bình trước sự yên tĩnh », phải « chỉ rõ ngành nào đã bị trì trệ và lạc hậu » (3).

Ở nước ta, Nhà nước đã dành nhiều cố gắng vào việc tổ chức các nhà khoa học, các cơ quan nghiên cứu khoa học trong khuôn khổ các chương trình trọng điểm nhằm xây dựng những căn cứ khoa học phục vụ việc giải quyết những vấn đề kỹ thuật, kinh tế, xã hội cho công cuộc phát triển. Đây là những hình thức thử nghiệm bước đầu. Các cấp quản lý có thể và cần tập hợp các cơ quan khoa học tham gia mạnh mẽ hơn nữa vào việc xây dựng căn cứ khoa học và kỹ thuật cho việc lựa chọn mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế và xã hội, xác định các phương hướng ưu tiên, lập các luận chứng kinh tế làm cơ sở cho các quyết định đầu tư của các cấp quản lý.

3. Không ngừng nâng cao trình độ khoa học và kỹ thuật của quản lý.

Công việc quản lý ngày nay đã đạt đến một trình độ khoa học và kỹ thuật rất cao cùng với sự phát triển của khoa học và kỹ thuật hiện đại.

Theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương (khóa V), các cấp quản lý cần tăng cường sử dụng các cơ quan khoa học, tiến hành các hoạt động nghiên cứu nhằm nâng cao trình độ khoa học và kỹ thuật của quản lý, xây dựng những quy trình, ra quyết định và điều hành bộ máy một cách khoa học, trong đó đặc biệt coi trọng những quyết định về chủ trương đầu tư, sớm khắc phục hiện tượng tùy tiện trong việc nhập kỹ thuật, nâng cao trình độ tổ chức sản xuất và tổ chức bộ máy quản lý.

Bất cứ quốc gia nào ngày nay cũng không thể xem sự phát triển của mình như một hệ cô lập, mà phải đạt

(3) Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên xô. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, tr. 84.

minh trong mối quan hệ qua lại với thị trường thế giới. Nhu cầu thiết thân của sự phát triển của mỗi nước đòi hỏi phải mở rộng cửa, thiết lập các quan hệ quốc tế trong hàng loạt hoạt động kinh tế, khoa học và kỹ thuật. Do đó cần phải tăng cường những phương tiện xử lý thông tin hiện đại, nhanh chóng nắm được mọi biến động của thế giới, đồng thời nâng cao năng lực lựa chọn các phương án cho các quyết định của các cấp quản lý.

Tính khoa học của công tác quản lý còn đòi hỏi phải không ngừng hoàn thiện nó. Theo sự phát triển biến chứng của xã hội, mọi biện pháp quản lý các hoạt động xã hội cũng phải có sự thay đổi tương ứng. Một chủ trương quản lý rất đúng đắn hôm nay, hoàn toàn có thể không còn thích hợp nữa trong vài ba năm sau. Vì vậy, việc nghiên cứu, đánh giá, kiến nghị, sửa đổi các chủ trương, biện pháp quản lý là những công việc cần thiết cho quá trình phát triển xã hội, thể hiện tính khoa học, tính biện chứng trong phương pháp công tác của những người theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

II. Hoàn thiện quản lý nhằm thúc đẩy tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân.

Chúng ta đã có những thành tựu khoa học và kỹ thuật được áp dụng trong sản xuất, đưa lại hiệu quả kinh tế rõ rệt. Nhưng thực tiễn sản xuất của nước ta trong những năm qua cũng bộc lộ nhiều mặt yếu kém:

- Nhiều công trình nghiên cứu đã thành công trong điều kiện thí nghiệm, đã được xác nhận, nhưng không được áp dụng vào sản xuất.

- Hàng loạt kỹ thuật hiện đại được nhập khẩu, nhưng chỉ qua sản xuất một thời gian là không duy trì được trình độ kỹ thuật ban đầu.

- Gần đây, mặc dù số sản phẩm được đăng ký chất lượng có tăng lên, nhưng nhìn chung trình độ kỹ thuật của sản xuất vẫn còn thấp, nhiều chỉ tiêu giảm sút.

Ở các ngành công nghiệp, trong khoảng thời gian từ 1975 đến 1980, giá trị tài sản cố định tăng khoảng 81%, song giá trị tổng sản lượng chỉ tăng 5%, còn năng suất lao động của công nhân sản xuất trực tiếp thì giảm 18%. Ngành cơ khí, ngành then chốt của nền kinh tế cũng phát triển theo chiều hướng tương tự. Trong khi giá trị tài sản cố định tăng 116%, thì giá trị tổng sản lượng chỉ tăng 33%, còn năng suất lao động chỉ tăng 2%. Những chỉ tiêu kể trên cho thấy giá trị sinh lợi từ 1 đồng vốn tài sản cố định ngày càng giảm, hiệu quả đầu tư kỹ thuật thấp.

Việc tăng chi phí do thiệt hại sản phẩm trong cơ cấu giá thành cũng chứng tỏ sự sút kém của trình độ kỹ thuật trong sản xuất: từ 1975 đến 1978, ở ngành luyện kim, chi phí đó tăng lên tới 9 lần (bình quân mỗi năm tăng gấp 3 lần, từ 1975 đến 1980, ở ngành dệt và may mặc, chi phí đó tăng 11 lần (bình quân mỗi năm tăng hơn 2 lần).

Những chỉ tiêu kỹ thuật thâm canh trong nông nghiệp cũng cho thấy một tình hình không tương xứng với thành tựu khoa học và kỹ thuật của ngành. Chỉ so sánh qua 1 năm, từ 1976 đến 1979, trong khi diện tích gieo trồng tăng 12%, thì phân hóa học cho một héc ta gieo trồng giảm 12%; thuốc trừ sâu chỉ tăng 1%; diện tích được thả bèo dậu giảm 25%. Trong nghiên cứu giống lúa, mặc dù đã đạt nhiều thành tựu khá quan trọng, nhưng diện tích cây giống mới lại giảm, năm 1979 chỉ bằng 86% so với năm 1976, còn diện tích bị sâu bệnh lại tăng 5 lần. Kết quả tổng hợp nhất của tình hình đó biểu hiện ở sự giảm sút năng suất lúa: nếu như năng suất bình quân năm 1975 là 21,3 tạ/héc ta, thì đến năm 1979 chỉ còn 19,8 tạ/héc ta.

Các chỉ tiêu về trình độ kỹ thuật trong cả hai lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp có được nhích lên một chút trong một vài năm gần đây (tùy từng khu vực, khoảng 1980 - 1981 trong công nghiệp và 1982 - 1983 trong nông nghiệp), nhưng không giữ được thể ổn định và vẫn còn có chiều hướng giảm sút:

Từ 1981 đến 1981, lượng than tiêu chuẩn dùng sản xuất điện đã tăng từ 0,7 tới gần 1,0 kg/kwh; tỷ lệ điện năng tổn thất trên đường dây ở một số nơi đã tăng từ 23% lên 29%.

- Trong khi chỉ tiêu tiên tiến của các nhà máy đường đã đạt tới 5 - 7 mia/1 đường, nhiều xí nghiệp đường địa phương cũng đã đạt tỷ lệ 9 - 10/1, thì có xí nghiệp đường của trung ương vẫn còn ở mức 19-20/1.

- Nhiều định mức kinh tế - kỹ thuật đề ra không thực hiện được. Chẳng hạn, định mức than cục để sản xuất 1 tấn a mỗ ni ác 99,5% là 1,9 tấn nhưng trong thực tế sử dụng 2,1 tấn; định mức phế phẩm đúc gang những năm 60 là 10% thì nay phải nâng tới 15%, trong khi chỉ tiêu tiên tiến của thế giới là 1 - 5%.

Tình hình trên đây đặt trước chúng ta một nghịch lý: trong khi số cán bộ khoa học và kỹ thuật tăng thêm, công tác nghiên cứu khoa học đạt được một số thành tựu nhất định, vốn đầu tư cho việc nhập kỹ thuật không nhỏ, thì năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất đều giảm sút. Nhiều giám đốc xí nghiệp khi bàn về tình hình trên đây đã khẳng định rằng, ngay cả trong trường hợp giám đốc xí nghiệp có tâm huyết muốn đổi mới kỹ thuật, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, họ cũng không thể thực hiện được: cơ chế kế hoạch hóa cũ thôi thúc họ phải chạy theo các chỉ tiêu về số lượng; các đòn bẩy kinh tế không mang lại lợi ích cho xí nghiệp khi đổi mới kỹ thuật và đổi mới sản phẩm; sản xuất chỉ theo mệnh lệnh từ cơ quan quản

lý cấp trên, không quan tâm tới nhu cầu của người tiêu dùng về số lượng, chất lượng và thẩm mỹ của mặt hàng.

Rõ ràng là một nền sản xuất như thế không thể có sự phát triển bình thường, lành mạnh; sự giảm sút năng suất, chất lượng, hiệu quả là điều khó tránh khỏi.

Nghị quyết của Bộ chính trị Về chính sách khoa học và kỹ thuật đã nói rõ nguyên nhân của tình hình trên đây: « Những thiếu sót về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý khoa học và kỹ thuật vừa qua đã làm trở ngại đến việc áp dụng các tiên bộ khoa học và kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất và đời sống » (4).

Trên cơ sở nhận định rằng « Ngày nay, trình độ cao về khoa học và kỹ thuật, đặc biệt là việc ứng dụng nhanh chóng các thành tựu khoa học, tạo ra những kỹ thuật cao trong sản xuất là một trong những nhân tố quyết định sức mạnh kinh tế của một nước » (5), Đảng ta đã đề ra nhiệm vụ phải tạo ra những biện pháp quản lý thúc đẩy tiên bộ khoa học và kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân. Điều đó đòi hỏi các cấp quản lý nhận thức rõ, Đảng ta đặt nhiệm vụ phát triển khoa học và kỹ thuật không phải vì mục tiêu tự thân của khoa học và kỹ thuật, mà chính vì nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội. Theo nhận thức đó, mọi biện pháp quản lý đều phải xét tới một nhân tố quan trọng: nó có tác dụng thúc đẩy hay kìm hãm tiên bộ kỹ thuật trong sản xuất?

Ví dụ, việc trích lập quỹ phát triển sản xuất không căn cứ vào lợi nhuận thực tế của xí nghiệp, mà theo tỷ lệ tài sản cố định, sẽ không khuyến khích việc khai thác chiều sâu vốn tài sản cố định hiện có mà chỉ khuyến khích mở rộng tài sản cố định; việc

(4) Nghị quyết của Bộ chính trị Về chính sách khoa học và kỹ thuật, tr. 8.

(5) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tập I, tr. 73.

định mức lợi nhuận tỷ lệ với giá thành sẽ khuyến khích tăng giá thành sản phẩm, nghĩa là khuyến khích việc giảm trình độ kỹ thuật của sản xuất và sản phẩm.

Như vậy, việc đổi mới kỹ thuật trong sản xuất không thể chỉ là trách nhiệm của các nhà khoa học và các cơ quan khoa học. Điều quan trọng nhất là cơ sở sản xuất có muốn đổi mới kỹ thuật hay không? Mà nguyên nhân sâu xa lại là các cơ chế về kế hoạch, tài chính, giá cả, chính sách phân phối lợi nhuận cho người lao động có tác dụng thúc đẩy việc đổi mới kỹ thuật hay không.

Khi bàn về vấn đề này, có ý kiến cho rằng, chúng ta chưa thể đi vào *chất lượng* (tức là phải đầu tư khoa học và kỹ thuật) khi chưa thỏa mãn đủ *số lượng* cho người tiêu dùng. Đây là một quan điểm sai lầm. Có thể thấy, chẳng hạn chúng ta hoàn toàn có thể sản xuất được 1 triệu lốp xe đạp có độ bền đủ dùng trong 2 năm thay cho việc sản xuất 2 triệu lốp có độ bền chỉ dùng trong 1 năm (1). Như thế sẽ tiết kiệm được 50% vật liệu. Vai trò của khoa học và kỹ thuật, của «đầu tư chiều sâu» chính là ở chỗ đó.

Dương nhiên, đề chuyển sang việc sản xuất sản phẩm với chất lượng cao hơn, thì toàn bộ quan điểm về kế hoạch hóa, về giá cả, chính sách phân phối lợi nhuận, trả lương, v.v. đều phải có những thay đổi cơ bản. Cơ sở của quan điểm đó chính là việc mở rộng quyền chủ động của cơ sở trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xóa bỏ những nguyên tắc khô cứng trói buộc người sản xuất: quyền chủ động đó được phát triển thông qua mối quan hệ ngang giữa người tiêu dùng với người sản xuất, và do vậy sẽ thúc đẩy mối liên kết giữa sản xuất với khoa học.

Trong điều kiện tác động của cơ chế quản lý mới, sự liên kết giữa khoa học với sản xuất sẽ không chỉ

bó hẹp trong các quan hệ hành chính thông qua các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh trên giao, mà được đa dạng hóa dưới dạng các hợp đồng kinh tế, hình thành các kiểu liên kết tự nguyện về tổ chức, như các liên hiệp khoa học – sản xuất, các liên doanh, dựa trên nhu cầu thiết thân của sản xuất trong việc không ngừng hoàn thiện công nghệ, đổi mới sản phẩm, thỏa mãn nhu cầu không ngừng tăng lên của người tiêu dùng.



Thấu suốt tinh thần Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương, thể chế hóa nó bằng những luật lệ của Nhà nước, làm cho công tác quản lý có căn cứ khoa học, khắc phục nếp làm ăn tùy tiện theo kiểu người nông dân sản xuất nhỏ, chính là yêu cầu bức thiết bảo đảm cho sự thành công của quá trình đổi mới quản lý.

Quản lý không bao giờ là một mục tiêu tự thân. Mục tiêu của quản lý là tạo ra động lực định hướng và động viên người lao động phát huy tối đa năng lực của mình để tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Mục tiêu đó sẽ không thể đạt được, nếu cơ chế quản lý khuyến khích duy trì một nền sản xuất bảo thủ, năng suất và chất lượng thấp kém, bù lỗ triền miên. Không thể nào khác, một cơ chế quản lý có hiệu quả phải là cơ chế quản lý tạo ra nền sản xuất có năng suất cao, với những sản phẩm có chất lượng, một nền sản xuất có hiệu quả kinh tế cao. Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, đó là nền sản xuất có năng lực không ngừng đổi mới kỹ thuật, nhằm thỏa mãn nhu cầu không ngừng tăng lên của xã hội đối với sản phẩm của mình.

Xuất phát từ quan điểm đó, chắc chắn chúng ta sẽ tạo ra được những biện pháp quản lý có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội của nước ta.

TÌNH HÌNH CÁC TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT VÀ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP Ở NAM BỘ

ĐOÀN TRỌNG

CUỘC cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở Nam bộ kể từ khi bắt đầu làm thử đến nay đã được gần 8 năm. Trong thời gian đó, phong trào có lúc chững lại, và cuối năm 1980 phong trào đã đi vào ổn định và có đà đi lên.

Ở các tỉnh Nam bộ đã có 23.664 tập đoàn sản xuất và 268 hợp tác xã. Đến nay ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu long, 56% số hộ nông dân với 47% diện tích ruộng đất đã vào các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ ngày càng gắn chặt với yêu cầu phát triển sản xuất của từng vùng, với việc thâm canh tăng năng suất, làm thủy lợi, sử dụng giống mới, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước. Việc các tập đoàn và hợp tác xã bước đầu thể hiện được tính hơn hẳn của mình so với nền kinh tế cá thể đã làm thay đổi một bước quan trọng nhận thức và lòng tin của nông dân vào con đường làm ăn tập thể.

Từ năm 1982 và đầu năm 1983, phong trào hợp tác hóa ở các tỉnh Nam bộ phát triển tương đối mạnh, số tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp tăng gấp 2 lần so với năm 1981, có tỉnh tăng khá nhanh. Với tốc độ ấy,

nhiều nơi đã bỏ qua các bước vận động và nội dung cơ bản của việc tổ chức tập đoàn, cho nên có nhiều tập đoàn không mang đúng tính chất của một tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa. Ở những tập đoàn đó, chưa xác lập quyền sở hữu tập thể về ruộng đất, chưa tổ chức và phân công lao động, cho nên ngành nghề chưa phát triển. Ở nhiều tập đoàn, cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu, trình độ cán bộ còn thấp. Trong khi đó, một số địa phương lại muốn mở rộng việc xây dựng các hợp tác xã quy mô vừa (200 ha), nhưng các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, về phương án kinh tế, về cán bộ quản lý chưa được chuẩn bị tốt... cho nên các hợp tác xã mới tổ chức chưa phát huy được ưu thế của quy mô lớn.

Những nơi đã nhận rõ thiếu sót trên, quyết tâm tập trung lực lượng cán bộ để sửa thì đạt được kết quả tốt. Tuy vậy kinh nghiệm thực tế cho thấy rằng việc sửa đó, không đơn giản, đúng là "cơm đã nấu sòng, nấu chín lại không dễ".

Bên cạnh đó, trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp cũng xuất hiện nhiều tập đoàn và hợp tác xã tiên tiến trên các vùng kinh tế khác nhau và đã có một số kinh nghiệm nhất định.

Khi tổ chức tập đoàn, phải làm tốt bước vận động, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, xác lập ngay từ đầu việc tập thể hóa những tư liệu sản xuất chủ yếu, trước hết là ruộng đất, đó là khâu mở đầu, là nội dung cơ bản của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Đồng thời với tập thể hóa ruộng đất, các tập đoàn, hợp tác xã đã coi trọng việc nắm lấy mấy mốc nông nghiệp trực tiếp phục vụ cho sản xuất bằng các hình thức thích hợp từ quản lý sử dụng đến tập thể hóa.

Dựa trên cơ sở làm tốt công tác thủy lợi, nhiều tập đoàn, hợp tác xã đã mở rộng thêm diện tích canh tác bằng khai hoang và tăng vụ, thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật. Các tập đoàn, hợp tác xã đã chú ý xây dựng nhà kho, sân phơi, xây dựng chuồng trại chăn nuôi, phát triển ngành nghề. Hiện nay có một số tập đoàn đã hiệp tác với nhau trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, thực hiện liên doanh, liên kết về máy kéo, máy bơm, bảo vệ thực vật... mở ra hướng quan trọng là thực hiện liên doanh giữa các tập đoàn máy với tập đoàn sản xuất nông nghiệp, gắn hoạt động của máy với kết quả sản xuất nông nghiệp.

Các tập đoàn và hợp tác xã đã tích lũy vốn bằng nhiều cách: huy động một phần sức lao động dư thừa của xã viên, vay vốn với lãi suất hợp lý, tiến hành tập thể hóa các cơ sở công nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp, huy động vốn cổ phần để mua sắm những tư liệu sản xuất chủ yếu như: máy bơm, máy tuốt lúa, trâu bò, nhà kho, sân phơi, máy chế biến nông sản... làm tăng cơ sở vật chất của tập thể, từ đó mà *gắn bó tập đoàn viên với tập thể chặt chẽ hơn*.

Các tập đoàn, hợp tác xã tiên tiến có giá trị tài sản cố định bình quân 1 ha canh tác là 6000 đồng. Giá trị tài sản cố định của các tập đoàn, hợp tác xã tiên tiến, nhất là của các tập đoàn đã qua 8-9 vụ sản xuất đều tăng dần qua các năm. Những nơi nắm chắc

sức kéo, giải quyết kịp thời phân bón và các loại vật tư khác, đã làm cho sản xuất nông nghiệp phát triển tốt. Các tập đoàn sản xuất ở xã Liêu tú, huyện Long phú, tỉnh Hậu giang đã cùng nhau góp vốn mua máy cày và giao cho xã quản lý, điều hành thống nhất. Cùng với việc hình thành các cơ sở sửa chữa..., đó là hình ảnh tốt của việc xây dựng cội kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn huyện, - một việc tất yếu phải làm trong quá trình hình thành cơ cấu nông - công nghiệp huyện.

Các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã tiên tiến đã bước đầu tổ chức lại sản xuất, phân phối lại lao động theo phương hướng và quy hoạch phù hợp, đã chú trọng thâm canh, từng bước phá thế độc canh để phát triển ngành nghề và kinh doanh tổng hợp.

Đối với trồng trọt, nhiều tập đoàn, hợp tác xã ở vùng làm một vụ lúa đã chuyển phần lớn hoặc toàn bộ diện tích sang 2 vụ; một số tập đoàn, hợp tác xã đưa diện tích 2 vụ lên 3 vụ, bằng cách tăng thêm 1 vụ màu, trồng thêm 1 vụ đậu nành, làm cho diện tích gieo trồng thay đổi theo hướng tăng tỷ lệ diện tích màu và cây công nghiệp.

Hệ số sử dụng ruộng đất của các tập đoàn, hợp tác xã tiên tiến là 1,6 lần, một số tập đoàn, hợp tác xã có hệ số 2,5-2,8 lần (trong khi hệ số chung của Nam bộ là 0,91).

Các tập đoàn đã chú trọng thâm canh, tăng năng suất bằng cách làm thủy lợi, cải tạo xây dựng đồng ruộng, cải tạo đất, sử dụng giống mới có năng suất cao, bố trí công việc đúng thời vụ, áp dụng các biện pháp kỹ thuật một cách liên hoàn.

Năng suất lúa trong các tập đoàn, hợp tác xã tiên tiến ở Nam bộ đã tăng lên rõ rệt. Ở Tiền giang các tập đoàn, hợp tác xã đã đạt năng suất trên 7 tấn/ha/năm. Ở Hậu giang, năng suất lúa hè thu đạt 4,3 tấn/ha, lúa

đồng xuân 3,49 tấn/ha, lúa mùa 3,0 tấn/ha. Ở Long an, bình quân năng suất lúa đạt 4 tấn/ha. Ở Đồng nai, năng suất lúa của các tập đoàn tiên tiến tăng 45% so với các tập đoàn khác trong tỉnh. Ở Bến tre, số tập đoàn, hợp tác xã đạt 4 - 5 tấn/ha/vụ, tăng gấp 3 lần năm 1982.

So với năm 1980, các tập đoàn, hợp tác xã tiên tiến có bước phát triển mạnh hơn trong việc tổ chức chăn nuôi, mở rộng ngành nghề cả về quy mô và phương thức hoạt động. Một số tập đoàn, hợp tác xã có điều kiện, đã chú ý phát triển ngành nuôi đánh bắt tôm, cá sông, cá đồng; nổi bật là tập đoàn 2 Tân hội (Hồng ngự, Đồng tháp) vừa chăn nuôi cả tra bột, dầy tôm, vừa chăn nuôi cả dầy, cá linh và liên doanh với tập đoàn bạn về đánh bắt tôm, hàng năm đã thu trên dưới 30.000 đồng. Nhiều tập đoàn ở Minh hải đã kết hợp giữa trồng lúa và nuôi tôm, cá đạt kết quả tốt. Tập đoàn 3, phường 22, quận 8 (thành phố Hồ Chí Minh) là một điển hình về việc kết hợp giữa thủy lợi, giao thông, nuôi cá và trồng cây.

Ngoài trồng trọt và chăn nuôi, một số tập đoàn, hợp tác xã đã phát triển thêm nghề chế biến nông sản thực phẩm như xay xát gạo, chế biến thức ăn gia súc, chế biến đường, có tổ sửa chữa nhỏ, tổ rèn.

Một số tập đoàn sản xuất nông nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh đã chú ý trồng coi, dệt chiếu, đan lát, làm các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ xuất khẩu. Ở huyện Thủ thừa, Bến lức, tỉnh Long an có một số tập đoàn trồng coi theo kiểu « một chôn đôi què » xây dựng vùng kinh tế mới, phân bố lại lao động.

Mặt khác, do yêu cầu của sự phát triển sản xuất, các tập đoàn đã mở rộng dần các hình thức liên doanh, liên kết kinh tế... Đây là nhân tố mới trong các tập đoàn ở từng khu vực, từng cụm xã, gắn với địa bàn huyện.

mở ra khả năng mới làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa cho xã hội (cả về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng công nghiệp, thủ công nghiệp) góp phần nâng cao thu nhập của tập đoàn viên, tận dụng số lao động nhàn rỗi, mở ra hướng phân phối lao động mới trong từng cơ sở và trên địa bàn huyện.

Thực hiện chỉ thị số 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) về « khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động », là gắn trách nhiệm và quyền lợi của người sản xuất với sản phẩm cuối cùng, là cách tổ chức lao động phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có của chúng ta, có tác dụng củng cố và phát triển tập đoàn. Khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động phải trên cơ sở giác ngộ của quần chúng, chuẩn bị tốt các điều kiện, nhất là các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, điều tra lại đất đai và định mức sản lượng khoán, chuẩn bị cán bộ biết quản lý theo cơ chế hoạt động của khoán sản phẩm. Tiêu chuẩn để xác định khoán đúng hay sai, phát triển tập đoàn đúng hay sai là căn cứ vào mục đích và nguyên tắc khoán sản phẩm mà chỉ thị số 100 đã đề ra và nội dung cơ bản của đơn vị sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa. Tập đoàn Phú lợi thượng (Bến tre) hợp tác xã Tân ba (Sông bó), tập đoàn 3, phường 22, quận 8 (thành phố Hồ Chí Minh) là những đơn vị đã mở rộng sản xuất kinh doanh khá nhanh, tiến hành khoán sản phẩm trên nhiều mặt, tăng thu nhập của tập đoàn viên và xã viên, đồng thời tăng tích lũy của tập đoàn, hợp tác xã và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước. Những nơi đã làm rõ ranh giới giữa điều chỉnh ruộng đất, vận động tổ chức tập đoàn với khoán sản phẩm đều phát huy tác dụng của khoán sản phẩm để phát triển nhanh và tốt tập đoàn sản xuất, hợp tác xã. Những nơi không có nhận thức rõ

ràng về ba công việc trên đây đều xây dựng tập đoàn sản xuất không dùng tính chất của nó, việc khoán sản phẩm cũng không có ý nghĩa thực tế với tư cách là một hình thức quản lý kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa.

Trong phân phối, các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã tiên tiến đã kết hợp hài hòa ba lợi ích, thực hiện tốt nguyên tắc cùng có lợi, đồng thời đấu tranh có hiệu quả chống tư thương, bảo đảm cho Nhà nước nắm nhiều sản phẩm xã hội hơn trước; phối hợp với các tổ chức thương nghiệp xã hội chủ nghĩa hoặc tự mình đảm nhận việc cung cấp hàng hóa cho xã viên, tập đoàn viên và quần chúng.

Thu nhập từ một ngày công của các tập đoàn, hợp tác xã tiên tiến ở miền đông Nam bộ là 8 - 10 kg thóc, một số tập đoàn đạt 15 - 18 kg; ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu long, thu nhập từ một ngày công là 15 - 18 kg, một số tập đoàn đạt 40 - 50 kg. Bình quân thu nhập của một lao động trong các tập đoàn, hợp tác xã tiên tiến là hơn 1 tấn/vụ, có nơi đạt 2 - 3 tấn/vụ, đa số các hộ đều thu nhập cao hơn so với hồi còn làm ăn cá thể.

Các hộ gia đình liệt sĩ, thương binh, đồng con, neo đơn... được giúp đỡ về vật chất và tinh thần. Nhiều tập đoàn, hợp tác xã đã chú ý trả hoa lợi ruộng đất với tỷ lệ cao hơn cho các hộ trên, đồng thời trích một phần lương thực để bán điều hòa cho những hộ đã tích cực lao động mà vẫn thiếu ăn. Những phụ nữ sinh đẻ, các cháu thiếu nhi và các cụ già đều được quan tâm chăm sóc.

Quỹ của tập thể ngày càng tăng, nhất là quỹ tích lũy bình quân 1 ha là 1500 đồng. Nhờ đó, các tập đoàn đã mua sắm thêm được máy móc, trâu bò, xây dựng thêm một số cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất và phúc lợi tập thể.

Các tập đoàn, hợp tác xã tiên tiến đã thực hiện đầy đủ và nhanh gọn việc làm nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước. Ngoài ra, tập đoàn viên và xã viên còn bán nhiều thóc theo hợp đồng hai chiều và theo giá thỏa thuận cho Nhà nước. Ở vùng lúa năng suất cao thuộc các tỉnh Long an, Tiền giang, Cửu long, An giang, Hậu giang..., một số tập đoàn, hợp tác xã tiên tiến đạt mức huy động lương thực cho Nhà nước trên 4 tấn/ha/năm. Các tập đoàn, hợp tác xã tiên tiến ở tỉnh Bến tre cũng đạt mức huy động lương thực cho Nhà nước ngày càng tăng.

Cùng với việc đẩy mạnh phát triển sản xuất, các tập đoàn, hợp tác xã tiên tiến đã quan tâm phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, góp phần tích cực xây dựng nông thôn mới. Phong trào học tập văn hóa cho nhân dân, việc tổ chức nhà trẻ, lớp mẫu giáo đã phát triển; các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được coi trọng, bước đầu tạo ra cuộc sống vui tươi, lành mạnh trong nông thôn. Các hoạt động chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Tiền giang, Minh hải và nhiều nơi khác đã phản ánh rõ rệt mối quan hệ biện chứng giữa quá trình hợp tác hóa nông nghiệp với việc từng bước xây dựng nông thôn mới.

Vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của phong trào hợp tác hóa là phải có một đội ngũ cán bộ đủ về số lượng và tốt về chất lượng, kết hợp tốt cán bộ với quần chúng, làm nông cốt dựa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đồng thời nâng cao trình độ quản lý.

Nhờ được bồi dưỡng liên tục, cán bộ các tập đoàn, hợp tác xã đã trưởng thành rõ rệt. Qua vài năm đã có hàng nghìn cán bộ tập đoàn trở thành đảng viên. Thời gian qua, bộ máy chuyên chính vô sản ở nông thôn bao gồm các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng... cũng được bổ

sung hàng nghìn cán bộ là tập đoàn viên tiên tiến. Cả biệt có tập đoàn trưởng đã được bầu vào huyện ủy.

Hợp tác hóa nông nghiệp là một cuộc vận động cách mạng sâu sắc, triệt để và toàn diện nhằm đưa nông dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nó đòi hỏi các đảng bộ, nhất là đảng bộ huyện và đảng bộ cơ sở ở nông thôn, phải nhất trí và thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng về mặt này. Trong Đảng, cần phân công những đồng chí có năng lực trực tiếp phụ trách mặt trận nông nghiệp. Tất cả các ngành khác đều phải hợp đồng chặt chẽ với ngành nông nghiệp, từ đó tạo ra sức mạnh tổng hợp để thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn. Một điều có ý nghĩa thiết thực là phải giải quyết tốt tình hình một số cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức Nhà nước đã dính dấp không đúng đèn ruồng dật, gây trở ngại cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Kinh nghiệm cho thấy việc giải quyết vấn đề này không phải làm một lần là xong mà phải làm thường xuyên, liên tục, thậm chí có nơi phải làm đi làm lại nhiều lần mới có kết quả tốt được.

Sự lãnh đạo của Đảng không dừng ở cấp huyện, cấp xã, mà phải sát từng đơn vị sản xuất (tập đoàn, hợp tác xã). Hoạt động tốt của các tổ chức Đảng, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức công an và dân quân, và các tổ chức kinh tế - xã hội khác là nhân tố quan trọng bảo đảm cho quần chúng thường xuyên làm chủ ở cơ sở. Cần phải phát huy tác dụng của các tổ chức Đảng, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức công an, dân quân, các tổ chức kinh tế - xã hội khác để thúc đẩy phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, đồng thời phải qua phong trào hợp tác hóa nông nghiệp mà củng cố và tăng cường các tổ chức nói trên.

Trong một thời gian ngắn, từ nay đến năm 1985, với phương châm « tích cực và vững chắc », một mặt chúng ta phải tiếp tục đưa những nông dân cá thể vào làm ăn tập thể. Mặt khác, căn cứ vào những kinh nghiệm của các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã tiên tiến, chúng ta phải tập trung sức lực và khả năng tạo mọi điều kiện để củng cố tốt các tập đoàn sản xuất tuy phát triển nhanh, rộng nhưng còn yếu kém do thiếu chuần bị và làm tốt các khâu cơ bản ngay từ đầu. Cần thấy rằng công tác củng cố này không phải giản đơn, dễ dàng, chóng vánh, bởi vì trong thực tiễn mấy năm qua, chúng ta đã mắc phải một số sai sót, khuyết điểm, thậm chí có sai sót nghiêm trọng. Cần phải thu hẹp loại tập đoàn sản xuất không đúng với tên gọi và nội dung của nó. Hiện nay, số tập đoàn sản xuất này chiếm trên dưới 20% tổng số tập đoàn sản xuất; có nơi chiếm tới 30%. Củng cố tốt những cái hiện có sẽ có tác dụng tốt đối với việc phát triển các tập đoàn sản xuất mới, đúng hướng, đúng tính chất và có chất lượng.

Thực tiễn đã chứng minh rằng, nhận thức rõ mục đích, yêu cầu, tính chất gay go phức tạp của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, tôn trọng đầy đủ ba nguyên tắc cơ bản: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, ra sức đào tạo cán bộ, phát huy tác dụng lãnh đạo của các chi bộ, đảng bộ xã và vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên, vận dụng tốt các chính sách kinh tế và các đòn bẩy kinh tế, đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chống hoạt động phá hoại của kẻ thù, đó là những khâu quan trọng để bảo đảm đưa phong trào hợp tác hóa nông nghiệp phát triển mạnh mẽ và vững chắc.

Xóa bỏ áp bức dân tộc và xây dựng quyền bình đẳng giữa các dân tộc

QUYẾT TIẾN

VẤN đề dân tộc là một trong những vấn đề phức tạp nhất mà loài người đã gặp phải. Đó cũng là vấn đề khó giải quyết nhất do tính phức tạp của nó và do nó đã tồn tại hàng bao nhiêu thế kỷ dưới chế độ chuyên chế và chế độ quân chủ, tiếp đó lại tồn tại trên cơ sở quan hệ sở hữu tư bản chủ nghĩa, trên cơ sở sự áp bức đế quốc chủ nghĩa và sự bóc lột thuộc địa.

Chỉ đến khi có chủ nghĩa Mác-Lênin, vấn đề đó mới được giải quyết sáng tỏ về mặt lý luận, và tiếp đó được giải quyết trên thực tế bằng thực tiễn của cách mạng xã hội chủ nghĩa mà tiêu biểu nhất là Cách mạng Tháng Mười Nga — cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên của loài người.

Mác và Ăng-ghe-nơ là những người đầu tiên đã nêu lên những tư tưởng sâu sắc về vấn đề dân tộc.

Trong Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, Mác và Ăng-ghe-nơ viết:

«Hãy xóa bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ.

Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo » (1).

Tại cuộc mít tinh quốc tế ở Luân-đôn nhân kỷ niệm thứ 17 cuộc khởi nghĩa Ba-lan năm 1830, Mác đã từng nói: «Giai cấp vô sản chiến thắng giai cấp tư sản cũng còn có nghĩa là khắc phục tất cả những cuộc xung đột dân tộc và xung đột công nghiệp hiện nay đang dề ra lòng thù hận giữa các dân tộc. Vì vậy mà thắng lợi của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản cũng còn là dấu hiệu giải phóng tất cả các dân tộc bị áp bức » (2).

Cũng tại cuộc mít tinh đó, Ăng-ghe-nơ nói: «Không một dân tộc nào có thể trở thành tự do nếu cùng lúc đó còn tiếp tục áp bức những dân tộc khác» (3). Ăng-ghe-nơ còn nói thêm: «Bởi lẽ tình cảnh công nhân tất cả các nước giống nhau, bởi lẽ lợi ích của họ thống nhất, những kẻ thù của họ cũng là một, cho nên họ cần hiệp lực đấu tranh chung và họ cần đem liên minh hữu ái của công nhân tất cả các dân tộc đối lập với liên minh hữu ái của giai cấp tư sản tất cả các dân tộc » (4).

* Xem Tạp chí Công sản từ số tháng 1-1984.

(1) Mác — Ăng-ghe-nơ: *Tuyên ngôn*, Nxb Đức Dietz Verlag Berlin và Nxb Sự thật cộng tác xuất bản, bản tiếng Việt, 1980, tập 1, tr. 565.

(2), (3), (4) Sách đã dẫn, tr. 468, 469 và 471.

Từ những lời trích dẫn trên đây, chúng ta thấy rằng các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học đã nêu lên tư tưởng về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với cách mạng xã hội chủ nghĩa, coi thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa là tiền đề để giải quyết vấn đề dân tộc; về sự cần thiết phải đoàn kết giai cấp công nhân tất cả các dân tộc để chiến thắng kẻ thù chung, v.v. Đáng chú ý là Mác rất coi trọng các phong trào dân tộc, nhưng bao giờ cũng đặt vấn đề dân tộc xuống dưới vấn đề cách mạng của giai cấp công nhân. Đối với Mác, Lê-nin nhận xét, «thật không còn nghi ngờ gì cả, nếu đem vấn đề dân tộc so với «vấn đề công nhân» thì vấn đề dân tộc chỉ có một ý nghĩa thứ yếu mà thôi. Nhưng lý luận của Mác so với việc coi thường các phong trào dân tộc thì cách xa nhau như trời với đất» (5). Đặc biệt là chính sách của Mác trong vấn đề Ai-rơ-lan, Lê-nin nói, «đã nêu một gương mẫu lớn nhất, gương mẫu ấy cho đến nay vẫn còn giữ được một ý nghĩa thực tiễn to lớn, về cách thức mà giai cấp vô sản thuộc các dân tộc đi áp bức phải xử trí với các phong trào dân tộc như thế nào» (6). Trong vấn đề này, lúc đầu Mác nghĩ rằng không phải là phong trào dân tộc của dân tộc bị áp bức mà là phong trào công nhân trong lòng dân tộc đi áp bức mới giải phóng được Ai-rơ-lan. Nhưng về sau, khi thấy rằng phong trào giải phóng của giai cấp tư sản ở Ai-rơ-lan đã được củng cố và đã mang những hình thức cách mạng, trong khi đó thì việc nô dịch Ai-rơ-lan đã củng cố và nuôi dưỡng thế lực phản động ở Anh, làm cho giai cấp vô sản Anh bị rơi vào ảnh hưởng của giai cấp tư sản Anh, thì Mác đã xét lại và sửa chữa quan điểm của mình. Với nhận thức cho rằng «Một dân tộc mà đi nô dịch một dân tộc khác, đó chính là tai họa cho dân tộc ấy», Mác vừa đồng tình với «dân tộc Ai-rơ-lan», với «nhân dân Ai-rơ-

lan», lại vừa khuyến khích Ai-rơ-lan nên tách ra khỏi nước Anh, «đầu cho sau sự phân lập lại đi đến thành lập liên bang chẳng nữa». Mác cũng khuyến công nhân Anh hãy ủng hộ phong trào dân tộc của Ai-rơ-lan, hãy thúc đẩy cho nó có một đà cách mạng, hãy tiến hành phong trào này đến cùng vì lợi ích giải phóng của chính bản thân họ.

Phát triển những tư tưởng của Mác và Ăng-ghe-n về vấn đề dân tộc, trong thời đại mới của lịch sử thế giới, thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản, Lê-nin đã đề ra một cương lĩnh đầy đủ, đúng đắn để giải quyết vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Bản sơ thảo đề cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa do Lê-nin viết cho Đại hội thứ hai của Quốc tế cộng sản nói một cách vắn tắt, gồm những điểm chủ yếu sau đây:

1—Mấy luận điểm cơ bản làm cơ sở cho việc giải quyết vấn đề dân tộc:

Một là, ý nghĩa thật sự của việc đòi quyền bình đẳng nói chung, trong đó bao gồm cả quyền bình đẳng dân tộc, chung quy chỉ là đòi thủ tiêu giai cấp.

Hai là, trong vấn đề dân tộc, Đảng cộng sản phải đánh giá đúng hoàn cảnh lịch sử cụ thể, trước hết là hoàn cảnh kinh tế; phải tách thật rõ rệt quyền lợi của giai cấp bị áp bức, của người lao động, của người bị bóc lột ra khỏi quyền lợi của giai cấp thống trị; phân biệt thật rõ rệt giữa những dân tộc bị áp bức, bị phụ thuộc, bị cướp mất quyền bình đẳng với những dân tộc đi áp bức, bóc lột, làm chúa tể, nghĩa là phải thấy rõ việc tuyệt đại đa số nhân dân trên hoàn cầu bị một số nước tư bản tiên tiến, giàu có, nô dịch về mặt thực dân và tài chính.

Ba là, thực tiễn của chiến tranh đế quốc 1911—1918 và việc tăng cường

(5), (6) V.I. Lê-nin: *Tuyên cáo*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1961, quyển I, phần II, tr. 341, 348.

những hành vi bạo ngược của « các nước dân chủ phương Tây » sau chiến tranh càng chống làm tan rã những ảo tưởng dân tộc tiêu tư sản cho rằng với chế độ tư bản, các dân tộc có thể chung sống hòa bình và bình đẳng với nhau được.

2 — Xuất phát từ những luận điểm nói trên, nền tảng chính sách của Quốc tế cộng sản trong các vấn đề dân tộc và thuộc địa phải là làm cho những người vô sản và quần chúng cần lao của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau trong cuộc đấu tranh cách mạng chung để lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản.

3 — Do giai cấp tư sản tất cả các nước đều đấu tranh chống nước Cộng hòa xô viết Nga, nước này nhất định tập hợp được quanh mình phong trào công nhân tiên tiến và phong trào giải phóng dân tộc ở tất cả các nước, cho nên cần có một chính sách bảo đảm sự đoàn kết chặt chẽ nhất của tất cả phong trào giải phóng dân tộc và thuộc địa với nước Nga xô viết.

4 — Do liên bang là hình thức quá độ tiến tới thống nhất hoàn toàn những người lao động ở các dân tộc khác nhau, cho nên những người cộng sản ở đây phải tăng cường sự đoàn kết liên bang ngày càng chặt chẽ hơn; phải chú ý đoàn kết các nước cộng hòa xô viết cả về chính trị lẫn kinh tế, chú ý đến xu hướng tạo nên một nền kinh tế thế giới duy nhất, do giai cấp vô sản thuộc tất cả các dân tộc quản lý theo một kế hoạch toàn bộ.

5 — Trong phạm vi những quan hệ nội bộ của mỗi quốc gia, chính sách dân tộc của Quốc tế cộng sản về quyền bình đẳng giữa các dân tộc không thể dừng lại ở chỗ thừa nhận một cách hình thức, bằng những lời nói suông, mà phải: a) luôn luôn giải thích rõ chế độ xô viết là chế độ duy nhất có thể thật sự thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc; b) trực

tiếp ủng hộ các phong trào cách mạng của những dân tộc bị phụ thuộc, hoặc không được hưởng đầy đủ quyền bình đẳng và các thuộc địa.

6 — Trong các nước mà chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao, nhiệm vụ quan trọng nhất của đảng công nhân là phải đấu tranh chống những sự xuyên tạc của bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn hòa bình chủ nghĩa tiêu tư sản đối với quan niệm và chính sách của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

7 — Đối với các nước và các dân tộc chậm tiến hơn, thì không được quên rằng:

a) Nhất thiết phải có sự giúp đỡ của tất cả các đảng cộng sản đối với phong trào giải phóng dân chủ tư sản của những nước ấy. Nhiệm vụ tích cực ủng hộ phong trào giải phóng của một dân tộc nào đó, trước hết là do công nhân của nước đi áp bức dân tộc đó đảm nhiệm.

b) Nhất thiết phải đấu tranh chống những phần tử phản động đang còn có ảnh hưởng trong các nước chậm tiến.

c) Nhất thiết phải đặc biệt ủng hộ phong trào nông dân ở các nước chậm tiến chống bọn địa chủ; phải ra sức làm cho phong trào nông dân có tính chất cách mạng nhất bằng cách thực hiện sự liên minh chặt chẽ nhất giữa giai cấp vô sản cộng sản Tây Âu với phong trào cách mạng nông dân ở các nước phương Đông, ở các nước thuộc địa và nói chung, ở các nước chậm tiến. Đặc biệt là phải hướng tất cả mọi sự nỗ lực vào việc áp dụng những nguyên tắc cơ bản của chế độ xô viết trong các nước mà những quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa đang thống trị, bằng cách lập nên các « xô viết của những người lao động », v.v.

d) Quốc tế cộng sản chỉ nên ủng hộ những phong trào dân tộc dân chủ tư sản ở các nước thuộc địa và các nước chậm tiến với điều kiện là những cơ sở của các đảng vô sản, cộng sản tương lai ở tất cả các nước chậm tiến.

phải thật sự được tập hợp và được giáo dục theo tinh thần của cuộc đấu tranh chống những phong trào dân chủ tư sản ở trong lòng dân tộc của họ.

Bản sơ thảo đề cương kết thúc bằng câu sau đây :

« Không có sự cố gắng tự nguyện của giai cấp vô sản rồi sau nữa của quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên thế giới để tiến tới liên minh và thống nhất, thì không thể thắng hẳn chủ nghĩa tư bản được » (7).

Tinh thần bản Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa là sự thâm nhuần sâu sắc lập trường và quan điểm giai cấp công nhân của chủ nghĩa Mác ; là sự giải quyết vấn đề dân tộc một cách khoa học căn cứ vào một sự kiện cơ bản của thời đại đế quốc chủ nghĩa là có sự phân chia các dân tộc thành dân tộc bị áp bức và dân tộc bị áp bức, tiếp đó là có sự tồn tại của nước Nga xô viết đối lập với toàn bộ hệ thống đế quốc chủ nghĩa thế giới ; là sự coi trọng phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức, coi nó là bạn đồng minh của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh của mình chống chủ nghĩa đế quốc ; là đem tinh thần quốc tế chủ nghĩa của giai cấp công nhân đối lập với chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiêu tư sản của bọn cơ hội chủ nghĩa đủ loại mà tiêu biểu lúc đó là các đảng công nhân trong Quốc tế thứ hai.

Lê-nin đã vạch ra một cách sâu sắc mối liên hệ khăng khít giữa việc giải quyết vấn đề dân tộc với việc giải quyết những nhiệm vụ căn bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Một mặt Lê-nin cho rằng : « chủ nghĩa xã hội thắng lợi nhất thiết phải lập nên chế độ dân chủ hoàn toàn và, do đó, không những làm cho các dân tộc hoàn toàn bình quyền với nhau, mà còn thực hành quyền tự quyết của các dân tộc bị áp bức, tức là quyền tự do phân

lập về mặt chính trị » (8). Mặt khác, Lê-nin nói : « Cũng giống như không thể quan niệm được một chủ nghĩa xã hội thắng lợi mà lại không thực hiện dân chủ hoàn toàn, giai cấp vô sản cũng không thể nào chuẩn bị để chiến thắng giai cấp tư sản được, nếu nó không tiến hành một cuộc đấu tranh toàn diện, triệt để và cách mạng để giành dân chủ » (9).

Chính xuất phát từ mối quan hệ giữa việc giải quyết vấn đề dân tộc với việc giải quyết những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Lê-nin đã chứng minh rằng phong trào giải phóng dân tộc là bạn đồng minh của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Lê-nin giải thích điều đó như sau : « Bất cứ chủ nghĩa dân tộc tư sản nào của một dân tộc bị áp bức, cũng đều có một nội dung dân chủ chung *phản đối* sự áp bức ; và chính cái nội dung ấy là cái mà chúng ta ủng hộ một cách *vô điều kiện*, đồng thời nghiêm khắc gạt ra một bên cái xu hướng mưu địa vị dân tộc *độc biệt*... » (10).

Cần thấy rằng trong những nguyên lý then chốt nêu trong cương lĩnh của Lê-nin, có một nguyên lý rất quan trọng : đó là nguyên lý về sự thừa nhận *quyền dân tộc tự quyết*. Nguyên lý này đã được Lê-nin giải thích rất sâu sắc. Lê-nin nói : quyền dân tộc tự quyết hoàn toàn chỉ có nghĩa là các dân tộc có quyền độc lập chính trị, có quyền phân lập về mặt chính trị khỏi dân tộc áp bức họ. Yêu sách đòi quyền dân tộc tự quyết chỉ là biểu hiện triệt để của cuộc đấu tranh chống mọi áp bức dân tộc. Nó không có nghĩa là đòi phân tán thành

(7) V. I. Lê-nin : *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, quyển II, phần II, tr. 433.

(8) V. I. Lê-nin : *Tuyên tập*, Nxb Tiến bộ M-t-xơ-va, bản tiếng Việt, tr. 175.

(9) Sách đã dẫn, tr. 176.

(10) V. I. Lê-nin : *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1961, quyển I, phần II, tr. 315.

những quốc gia nhỏ. Những kẻ phủ nhận quyền tự quyết hay quyền phân lập thì trong thực tiễn, tất nhiên có nghĩa là ủng hộ những đặc quyền của dân tộc thống trị.

Tuy nhiên trong khi bảo vệ quyền dân tộc tự quyết, những người cộng sản và giai cấp vô sản cách mạng hướng sự phát triển xã hội không phải tới việc chia nhỏ các quốc gia mà ngược lại hướng vào sự hình thành một thứ liên minh hoàn toàn tự nguyện của các dân tộc, trong đó không cho phép bất kỳ bạo lực nào của một dân tộc này đối với một dân tộc khác. Làm như vậy là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, với lợi ích của quần chúng và với mục đích của chủ nghĩa xã hội. Lê-nin giải thích điều đó như sau: «Chê đó dân chủ của một nước mà càng gần với quyền hoàn toàn tự do phân lập, thì trên thực tế những xu hướng muốn phân lập sẽ càng hiếm và nhỏ yếu, vì đúng về mặt phát triển kinh tế cũng như về mặt lợi ích của quần chúng mà nói, những ưu thế của những nước lớn là không thể nghi ngờ được, và không ngừng tăng lên cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản » (11); «Do kinh nghiệm hàng ngày, quần chúng nhân dân biết rất rõ tầm quan trọng của những quan hệ địa lý và kinh tế, những lợi ích của một thị trường rộng lớn và của một quốc gia rộng lớn, nên họ chỉ quyết định phân lập ra là khi nào sự áp bức dân tộc và những xung đột dân tộc làm cho cuộc sống chung tuyệt đối không thể chịu đựng được, làm cho mọi thứ quan hệ kinh tế bị trở ngại » (12); «Chủ nghĩa xã hội có mục đích không những chấm dứt tình trạng nhân loại bị chia thành những quốc gia nhỏ và chấm dứt mọi trạng thái biệt lập giữa các dân tộc, không những làm cho các dân tộc gần gũi nhau, mà cũng còn nhằm thực hiện việc hợp nhất các dân tộc lại » (13). Song phép biện chứng của lịch sử lại quy định một

cách nghiêm khắc rằng: «nhân loại cũng chỉ có thể đạt tới sự hợp nhất tất nhiên giữa các dân tộc, sau khi đã trải qua thời kỳ quá độ hoàn toàn giải phóng tất cả các dân tộc, nghĩa là thời kỳ các dân tộc được tự do phân lập » (14).

Đến đây, mượn chính ngay lời của Lê-nin, chúng ta có thể tóm tắt nội dung cơ bản cương lĩnh của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề dân tộc như sau: «Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc được quyền tự quyết; liên hợp công nhân tất cả các dân tộc lại, đó là cương lĩnh dân tộc mà chủ nghĩa Mác giáo dục cho công nhân, mà kinh nghiệm toàn thế giới và kinh nghiệm của nước Nga giáo dục cho công nhân » (15).

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cùng với những nguyên lý của nó đã được thực tiễn cách mạng ở Liên xô chứng minh là hoàn toàn đúng. Chỉ 5 năm sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, vào tháng Chạp năm 1922, các đại biểu của các nước cộng hòa xô viết có chủ quyền lúc đó là Liên bang Nga, U-crai-na, Bê-la-rút-xi-a và Liên bang Da-cáp-ca-do đã họp Đại hội ở Mát-xcơ-va và tuyên bố thành Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết. Được tổ chức theo nguyên tắc liên bang xã hội chủ nghĩa do Lê-nin đề xướng - nguyên tắc này gắn bó chặt chẽ với chế độ tập trung dân chủ, Liên xô duy trì và bảo đảm tuyệt đối chủ quyền của các nước cộng hòa liên bang, đồng thời đã sử dụng được những ưu việt của một quốc gia lớn, của một nền kinh tế hoạt động theo kế hoạch thống nhất

(11) V.I. Lê-nin: *Tuyên tập*: Nxb Tiến-bộ Mát-xcơ-va, bản tiếng Việt tr. 178.

(12) V.I. Lê-nin: *Tuyên tập* Nxb Sự thật, Hà Nội, 1961, quyển I, phần II tr. 327.

(13) V. I. Lê-nin: *Tuyên tập*, Nxb Tiến-bộ Mát-xcơ-va, bản tiếng Việt, tr. 178.

(14) *Sách đã dẫn*, tr. 179.

(15) V.I. Lê-nin: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1961, quyển I, phần II, tr. 361.

vì lợi ích chung. Điều đó cho phép Liên xô tiến nhanh chóng trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đương nhiên, cuộc cách mạng văn hóa ở Liên xô cũng góp phần không nhỏ vào việc củng cố tình hữu nghị giữa các dân tộc.

Và trong những thành tựu rực rỡ của việc củng cố và tăng cường tình hữu nghị giữa các dân tộc ở Liên xô, cần phải nhấn mạnh đến vai trò lớn lao, không gì có thể thay thế được của nước Cộng hòa liên bang Nga, của nhân dân Nga. Chính dân tộc Nga, vượt qua những khó khăn ghê gớm, những sự hy sinh và thiếu thốn của bản thân, đã giúp đỡ một cách vô tư các dân tộc khác ở Liên xô, bảo vệ những thành quả cách mạng của họ, góp phần vô giá vào việc khắc phục sự lạc hậu của các vùng dân tộc xưa kia.

Thực tiễn ở Liên xô cho thấy rằng chỉ trong những điều kiện của chủ nghĩa xã hội hiện thực thì mới có thể giải quyết được về căn bản vấn đề dân tộc do chủ nghĩa tư bản để lại. Trong thực tiễn, việc giải quyết vấn đề dân tộc ở Liên xô trước hết có nghĩa là bảo đảm *sự bình đẳng trên thực tế* giữa các dân tộc và bộ tộc, khắc phục hoàn toàn sự lạc hậu của các vùng biên cương người dân tộc. Những ví dụ sau đây chứng minh điều đó. Trong vòng 60 năm, từ năm 1922 đến năm 1982, sản xuất công nghiệp của nước Cộng hòa xô viết U-dơ-bê-ki-xtan tăng 428 lần, của nước Cộng hòa xô viết Ca-dắc-xtan tăng 928 lần, của nước Cộng hòa xô viết Ác-mê-ni tăng 1036 lần. Đương nhiên, tất cả các vùng khác ở Liên xô cũng đều có tốc độ phát triển công nghiệp cao hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa.

Kinh nghiệm ở Liên xô chỉ rõ rằng: việc phát triển và củng cố tình đoàn kết giữa các dân tộc trong Liên bang xô viết phải dựa trên cơ sở cộng đồng lợi ích giai cấp của đội ngũ giai cấp

vô sản, của những người lao động của các dân tộc.

Kinh nghiệm ấy cho ta thấy rõ: hai xu hướng cơ bản trong sự phát triển dân tộc dưới chủ nghĩa xã hội, tức xu hướng phát triển toàn diện, phồn vinh của mỗi dân tộc và xu hướng không ngừng xích lại gần nhau giữa các dân tộc, chẳng những không mâu thuẫn nhau, không cản trở nhau mà còn thúc đẩy nhau phát triển.

Kinh nghiệm ấy đã chứng thực quan điểm đúng đắn sau đây: mỗi bước tiến lên phía trước trên con đường xây dựng xã hội mới sẽ dần dần dẫn tới sự xích lại gần nhau hơn giữa các dân tộc.

Cuối cùng kinh nghiệm ấy khẳng định rằng: chỉ có Đảng cộng sản mới có thể đoàn kết tất cả các dân tộc và bộ tộc, vì Đảng là người biểu hiện một cách triệt để lợi ích của giai cấp công nhân và của mọi người lao động các dân tộc.

Trên cơ sở những thành tựu to lớn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển, ngày nay sự thống nhất của nhân dân xô viết về mọi mặt đã đạt tới mức độ cao hơn bao giờ hết: một kiểu cộng đồng xã hội và quốc tế mới về nguyên tắc đã hình thành và đang phát triển, tiến tới một cơ cấu xã hội không giai cấp. Đó là thành tựu rực rỡ của việc thực hiện cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Dựa vào kinh nghiệm của Liên xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác cũng giành được những thắng lợi to lớn trong chính sách dân tộc của mình. Các nước này đã cùng với Liên xô hợp thành cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trong đó thiết lập nên mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc trên cơ sở liên quốc gia. Quan hệ hợp tác và hữu nghị này thấm nhuần tinh thần của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đối lập với các

biểu hiện sai lầm của chủ nghĩa dân tộc mà Lê-nin đã từng phê phán nghiêm khắc.

Cần nhấn mạnh thêm rằng thắng lợi của cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lê-nin còn thể hiện ở chỗ: sự đoàn kết quốc tế giữa giai cấp vô sản với phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức trên thế giới cũng như sự phát triển mạnh mẽ của ba đồng thức cách mạng của thời đại—ba đồng thức này đoàn kết với nhau theo tinh thần của chủ nghĩa quốc tế, đã và đang làm biến đổi sâu sắc bộ mặt chính trị của thế giới, đẩy chủ nghĩa đế quốc vào thế bị động, suy yếu, làm cho ngày càng có nhiều dân tộc được giải phóng và tiến lên trên con đường tiến bộ xã hội.

Ở nước ta, Đảng cộng sản do Hồ Chủ tịch sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, đã áp dụng đúng đắn cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt nam. Trung thành với khẩu hiệu « Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại! », Đảng ta và Hồ Chủ tịch luôn luôn gắn phong trào cách mạng nước ta với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới, đặc biệt là gắn với Liên xô, đất nước của Lê-nin vĩ đại, quê hương của Cách mạng Tháng Mười, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên của loài người. Và ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã nêu lên yêu sách xóa bỏ áp bức dân tộc, thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong cương lĩnh cách mạng của mình.

Có thể nói, trong toàn bộ hoạt động của mình, trải qua cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, rồi tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta bao giờ cũng giải quyết đúng đắn vấn đề về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, theo tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt nam.

Thực tiễn ở nước ta cũng chứng minh rằng: việc xóa bỏ áp bức dân tộc và xây dựng quyền bình đẳng giữa các dân tộc là một quy luật quan trọng của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Với nhận thức đúng đắn về quy luật đó, Đảng ta, trong nghị quyết Đại hội thứ tư của mình đã nhấn mạnh rằng: « Giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược của cách mạng Việt nam ». Đảng ta chỉ rõ rằng: « Chính sách dân tộc của Đảng là thực hiện triệt để quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc, tạo những điều kiện cần thiết để xóa bỏ tận gốc sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa dân tộc ít người và dân tộc đông người, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp, làm cho tất cả các dân tộc đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, phát triển về mọi mặt, đoàn kết giúp nhau cùng tiến bộ, cùng làm chủ tập thể Tộc quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa ».

Tư tưởng về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, cũng đã được thể hiện sâu sắc trong câu nói sau đây của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn, khi bàn về việc xây dựng nền văn hóa mới và con người mới Việt nam: « Chủ nghĩa xã hội nâng cao những tinh hoa của dân tộc để thật sự hài hòa với cuộc sống Việt nam, với đại gia đình các dân tộc anh em đã từng kề vai sát cánh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước » (16).

Phấn đấu làm cho chính sách dân tộc của Đảng được thực hiện triệt để, đó là trách nhiệm của tất cả chúng ta: những người cộng sản và những người ngoài Đảng, toàn thể những người lao động thuộc các thành phần dân tộc khác nhau trên Tộc quốc xã hội chủ nghĩa Việt nam vĩ đại.

(16) Lê Duẩn: « Năm vững quy luật, đổi mới quản lý kinh tế », xem *Tạp chí Cộng sản* số 9-1984, tr 30.

Trao đổi ý kiến

VỀ XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN*

Long phú phấn đấu xây dựng huyện vững mạnh toàn diện

LƯU KHÁNH VÂN

Quyền Bí thư Huyện ủy Long phú

LONG PHÚ là huyện đồng bằng ven biển, nằm cuối nguồn sông Cửu long về hướng đông nam của tỉnh Hậu giang. Diện tích tự nhiên 69 000 héc ta có 40 000 héc ta đất canh tác. Dân số khoảng 183 000 người (trong đó có 50 000 là đồng bào Khơ me); lực lượng lao động của huyện gồm 85 000 người.

Nguồn lợi kinh tế ở đây rất phong phú, thế mạnh lớn nhất là nông nghiệp; huyện chẳng những thâm canh cao cây lúa mà còn có khả năng phát triển màu và cây công nghiệp; nghề khai thác thủy sản cũng lớn.

Trong thời kỳ chiến tranh, Long phú là huyện bị địch kìm kẹp nặng; đảng bộ và nhân dân ở đây có truyền thống đánh giặc, bám đất rất kiên cường.

Sau ngày miền Nam giải phóng, cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Long phú có những thuận lợi cơ bản, song cũng gặp phải những khó khăn chồng chất. Hậu quả của chiến tranh khá nặng nề. Hơn 3/4 diện tích sản xuất bị nhiễm mặn quanh năm, chỉ làm được một vụ lúa mùa với năng

suất thấp. Gần 7000 hộ trong số 27 000 hộ nông dân không có đất để sản xuất, trên 10 000 lao động không có việc, 11 000 người không biết chữ, 85% con em đến tuổi không được đi học vì không có trường; toàn huyện chỉ có 1 bệnh xá, 4 nhà hộ sinh và không có một công trình văn hóa nào.

Đảng bộ huyện Long phú được thành lập sớm, nhưng bị tổn thất nhiều trong chiến tranh cho nên khi chuyển sang giai đoạn mới, đã không đáp ứng kịp yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Trên 75% số ấp trong huyện không có đảng viên. Nhiều đảng viên già yếu, trình độ văn hóa phần lớn là lớp 2, lớp 3. Nhiều xã không có đảng viên, huyện ủy phải điều đảng viên nơi khác đến để thành lập chi bộ. Cán bộ chính quyền và đoàn thể quần chúng từ huyện đến cơ sở đều thiếu và yếu, nhất là về trình độ quản lý kinh tế xã hội.

Mặc dù có những khó khăn đó, mấy năm qua đảng bộ Long phú, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của tỉnh ủy Hậu giang, đã tích cực phấn đấu thực hiện

* Xem Tạp chí Công sản từ số 2-1984

đường lối chính sách của Đảng. Cán bộ đảng viên ở Long phú đã nêu cao tinh thần tự lực tự cường, đoàn kết nhất trí, vừa làm vừa học, vừa ra sức xây dựng, củng cố đảng bộ, vừa tích cực nâng cao năng lực lãnh đạo của mình. Kết quả là đã đưa được tình hình trong huyện tiến lên nhiều mặt và từng bước hình thành một huyện nông — ngư — công nghiệp.

Phát triển sản xuất toàn diện chủ yếu là sản xuất nông nghiệp gắn liền với cải tạo nông nghiệp.

Ngay từ những năm đầu sau giải phóng, đảng bộ Long phú đã dốc toàn lực vào việc phát triển sản xuất nông nghiệp, coi đó là con đường giải quyết tận gốc nạn thiếu đói, nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần vào việc khắc phục khó khăn chung của cả nước. Để đạt mục tiêu đó, cần phải giải quyết một loạt vấn đề, trước hết là đất cho nông dân, rồi đến nước cho đồng ruộng.

Bước đi của Long phú bắt đầu từ việc điều chỉnh lại ruộng đất. Việc điều chỉnh ruộng đất được hoàn thành vào cuối năm 1979. Gắn liền với điều chỉnh ruộng đất, Long phú đã tổ chức cho nông dân đi ngay vào làm ăn tập thể bằng các hình thức tổ đổi công, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Đến cuối năm 1983 Long phú được tỉnh công nhận là huyện đã hoàn thành hợp tác hóa với 8 hợp tác xã và 518 tập đoàn sản xuất, thu hút 70% số hộ nông dân và đưa 90% diện tích ruộng đất vào làm ăn tập thể. Nói chung các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đều hoạt động tốt, thể hiện được tính ưu việt của lối làm ăn mới. Long phú đã được tỉnh công nhận là huyện hoàn thành về cơ bản hợp tác hóa nông nghiệp vào cuối năm 1983.

Quá trình phát triển sản xuất và cải tạo nông nghiệp là quá trình thử thách lớn đối với đảng bộ Long phú.

Chúng tôi chưa có kinh nghiệm về mặt này; tư tưởng tư hữu còn in sâu trong tiềm thức của nông dân. Bên cạnh đó, bọn xấu, bọn phản động lại ra sức phá hoại. Không ít đảng viên, trong đó có cả huyện ủy viên lúc đầu thiếu tin tưởng vào con đường làm ăn tập thể, sợ rằng tổ chức nông dân lại sẽ gây khó khăn cho sản xuất, làm cho năng suất và sản lượng đều sụt... Đảng bộ đã kiên trì tiến hành giáo dục và đấu tranh tư tưởng, đồng thời nỗ lực xây dựng mô hình mẫu, lấy kết quả thực tế để thuyết phục quần chúng. Đầu tiên, chúng tôi chọn xã Trường khánh làm điểm để chỉ đạo và cho thị trấn Long phú làm diện, nhằm tạo sự tác động qua lại lẫn nhau. Nhưng công việc ở xã điểm không thành công, do chuẩn bị chưa tốt. Rút kinh nghiệm này, khi chuyển sang tập trung chỉ đạo thị trấn Long phú, chúng tôi làm công tác chuẩn bị kỹ hơn, từ việc giáo dục đảng viên đến việc vận động quần chúng, đào tạo cán bộ quản lý v.v. Trong công tác vận động quần chúng, chúng tôi phát động từng loại người một cách sát hợp, có lý có tình, nhằm bảo đảm tính tự nguyện. Về cán bộ tập đoàn, chúng tôi vừa nhắm vào những nông dân nghèo, có giác ngộ chính trị khá, vừa chú trọng tuyển lựa cả những trung nông có kinh nghiệm lao động sản xuất, để bồi dưỡng họ thành những cán bộ tốt và có năng lực quản lý sản xuất.

Trong những năm đầu xây dựng phong trào, chúng tôi gặp phải khó khăn lớn là quần chúng bị đói, không có gạo ăn. Trước tình hình đó, huyện chủ trương xuất quỹ hương thực cho các tập đoàn mượn, đồng thời động viên cán bộ, nhân viên các ban ngành của huyện trích phần bánh mì ăn sáng để giúp đỡ thêm cho bà con tập đoàn viên yên tâm sản xuất. Kết quả là phong trào của thị trấn Long phú phát triển tốt; từ điển hình này, chúng tôi đã nhân ra trên phạm vi toàn huyện.

Cùng với việc điều chỉnh ruộng đất, vận động nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, đảng bộ Long phú đã phát động phong trào nhân dân làm thủy lợi, coi làm thủy lợi là công tác hàng đầu có tính chất quyết định để phát triển sản xuất, là một mặt trận đấu tranh mới để khắc phục những khó khăn do thiên nhiên gây ra. Hàng năm cứ đến mùa nắng thì công tác thủy lợi được đưa lên thành chiến dịch với hàng chục nghìn người tham gia. Phong trào này được tiến hành liên tục hết năm này đến năm khác, với yêu cầu ngày càng cao hơn. Công việc được bắt đầu từ ngăn mặn, rồi đến tháo chua, xò phèn, cải tạo đồng ruộng, dẫn nước ngọt đến vùng mặn. Tính chung từ ngày giải phóng đến nay, huyện đã thi công trên 3500 công trình lớn nhỏ, đào đắp gần 13 triệu mét khối đất, trong đó có công trình đê ven biển dài 65 km. Hiện nay công tác thủy lợi ở Long phú đã đáp ứng được yêu cầu ngăn mặn, tháo chua, cải tạo đồng ruộng, và đang ở giai đoạn đầu dẫn ngọt và tưới cho vùng mặn; 2/3 số hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đã hoàn thành thủy lợi nội đồng khép kín. Các công trình thủy lợi nói trên đã phục vụ cho 8500 héc ta tăng vụ hè thu và 25 000 héc ta lúa mùa cao sản.

Bên cạnh thủy lợi, huyện còn thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật liên hoàn khác, trong đó có việc sử dụng giống mới thay cho giống cũ. Mỗi năm qua Long phú chẳng những đã tự túc được giống lúa mới mà còn cung cấp được một lượng lớn giống lúa mới cho tỉnh và các huyện lân cận.

Bằng biện pháp thâm canh tăng vụ, kết hợp khai hoang phục hóa, Long phú đã đưa diện tích gieo trồng lúa từ 26 000 héc ta (năm 1976) lên 39 500 héc ta (năm 1984). Do gần chặt phong trào hợp tác hóa với thủy lợi hóa và tiến hành đồng bộ các biện pháp kỹ thuật cho nền sản xuất nông

ng nghiệp ở Long phú đã có sự phát triển vượt bậc, năng suất và sản lượng mỗi năm một tăng. Năng suất lúa năm 1976 còn dưới 2 tấn một héc ta, đến năm 1983 đã tăng lên 4,8 tấn một héc ta và đạt bình quân đầu người 800 kg thóc.

Cùng với lúa, Long phú đã từng bước ổn định được vùng chuyên canh cây công nghiệp. Năm 1975 toàn huyện chỉ có 600 héc ta dừa, 400 héc ta mía, đến năm 1983 đã có 1500 héc ta dừa và 3000 héc ta mía. Dân lợn, dân gia cầm cũng tăng gấp 2 - 3 lần so với lúc mới giải phóng.

Khởi phục và phát triển nghề thủy sản, đưa ngư dân vào con đường làm ăn tập thể.

Do xác định thủy sản là thế mạnh thứ hai, là nguồn sản phẩm xuất khẩu quan trọng, cho nên cùng với việc tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp, coi đó là mục tiêu chính, đảng bộ Long phú chú trọng khai thác nguồn lợi thủy sản. Công việc được bắt đầu từ chỗ điều tra nắm chắc tình hình sản xuất của ngư dân, vận động bà con ngư dân đi vào làm ăn tập thể và thông qua tổ chức sản xuất tập thể để dần dần phát triển các phương tiện đánh bắt. Ngoài việc khai thác nguồn lợi hải sản, huyện còn mở rộng khả năng đánh bắt tôm cá đồng bằng nhiều biện pháp. Những năm đầu do việc phân cấp quản lý giữa tỉnh và huyện chưa rõ, tình hình sản xuất có chiều hướng giảm sút. Từ năm 1981 trở đi, chúng tôi đã ổn định sản xuất và nâng sản lượng lên dần, từ 1800 tấn (năm 1980), lên 4000 tấn (năm 1983). Hiện nay huyện có một đội tàu đánh cá quốc doanh gồm 6 chiếc, một tổ hợp doanh gồm 3 tàu, 28 tổ đoàn kết sản xuất trong đó có 16 tổ chuyên làm nghề đẩy to, 3 tổ lưới cá quang, 6 tổ lưới 3-7 và 3 tổ đánh cá khác. Quy tụ gần 100 thuyền máy, 302 hộ ngư dân và nhiều dụng cụ phục vụ đánh cá. Mặc dù

vẫn còn một số mặt phải tiếp tục củng cố và nâng cao, nhưng về cơ bản các tổ chức sản xuất tập thể đều phát huy được tính ưu việt của cách làm ăn mới, nhất là trong việc tổ chức đánh cá, quản lý sản phẩm, từng bước đưa vào nền nếp việc hợp đồng đầu tư hai chiều, giao nộp sản phẩm giữa ngư dân với Nhà nước. Với đà này, đến năm 1985, Long phú có khả năng đưa sản lượng thủy sản lên 6000 tấn/năm.

Từng bước mở rộng mạng lưới công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn huyện.

Ngay từ những đại hội đầu tiên, đảng bộ Long phú đã xác định hướng đi lên của huyện theo cơ cấu nông - ngư - công nghiệp. Trong đó công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp có vai trò quan trọng là tạo điều kiện để khai thác mạnh hơn tiềm năng, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, ngư nghiệp và góp phần nâng cao đời sống nhân dân. Mục tiêu chính của công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở Long phú là cơ khí sửa chữa, chế biến hàng nông sản và sản xuất một số mặt hàng tiêu dùng cho nhân dân.

Trước hết, chúng tôi tập trung phát triển mạnh các cơ sở sản xuất quốc doanh. Để giải quyết khó khăn về nguồn vốn, huyện đã sử dụng nhiều biện pháp như: tiết kiệm chi, trích nguồn vốn từ ngân sách địa phương để xây dựng, vay vốn dài hạn của ngân hàng, tranh thủ sự đầu tư của các ngành ở tỉnh Hậu Giang và thành phố Hồ Chí Minh. Riêng trong năm 1984 này, huyện dự kiến xây dựng 30 công trình chế biến đường thủy. Cùng với việc phát triển các cơ sở quốc doanh, chúng tôi hướng dẫn phát triển rộng rãi các cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nhằm tận dụng nguồn vốn và tay nghề trong quần chúng, đồng thời giáo dục quần chúng đi dần vào con đường làm ăn

tập thể. Từ chỗ chỉ vắn vắn có 10 cơ sở xây xát và vài lò rèn đến nay trên toàn huyện đã hình thành được một mạng lưới khá lớn các cơ sở công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp gồm khoảng 600 cơ sở lớn nhỏ, trong đó có hơn 210 cơ sở chế biến đường (có 5 cơ sở quốc doanh) với công suất chung là 20 000 tấn đường thê/năm; 92 cơ sở xây xát (có 16 cơ sở quốc doanh) với công suất 80 000 tấn/năm; một xưởng cơ khí, hơn 50 cơ sở sửa chữa máy móc và lò rèn; nhiều cơ sở chế biến thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng thông thường. Đi đôi với phát triển mạnh các cơ sở sản xuất, việc quản lý nắm sản phẩm dần dần được đưa vào nền nếp; hàng năm mỗi cơ sở đều được giao kế hoạch sản xuất và luôn bảo đảm hoàn thành kế hoạch. Giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện năm 1976 chỉ có 860 000 đồng, đến năm 1983 tăng lên 40 triệu đồng; thu nhập từ các ngành này chiếm khoảng 25% thu nhập xã hội.

Từng bước nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.

Từ một huyện bị thiếu đói thường xuyên, cùng với bao sự tồ tộ do chiến tranh và xã hội cũ để lại, mấy năm qua bộ mặt Long phú đã thay đổi rõ rệt. Mọi người đều có đất sản xuất, có công ăn việc làm, không còn lo cảnh no sàng đói chiều. Năm 1983 riêng về sản lượng lúa bình quân đầu người được hơn 700 kg; tẻ bóc lột về cơ bản đã được xóa bỏ, cuộc sống của nhân dân được cải thiện một bước vững chắc. Nhiều trường học, trạm y tế, cầu đường đã và đang được xây dựng theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Nạn không biết chữ đã được xóa bỏ. Huyện có 3 trường cấp III, mỗi xã có 1 - 2 trường cấp II;

ấp có nhiều trường cấp I và các lớp mẫu giáo. Năm học 1983 - 1984 có trên 10.000 em trong độ tuổi học được đến trường. Việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được quan tâm hơn: hầu hết các xã trong huyện đều có trạm y tế, cửa hàng bán thuốc chữa bệnh, trạm hộ sinh; hiện nay huyện đang khởi công xây dựng bệnh viện 200 giường. Nhiều công trình văn hóa như hội trường, rạp hát, thư viện, công viên, nghĩa trang liệt sĩ được xây dựng nhờ vào sự đóng góp to lớn của nhân dân.

Chỉ tính một số mặt hàng chính, năm 1979 Long phú đã đóng góp cho Nhà nước 12.150 tấn thóc, 278 tấn thịt lợn hơi, 70.000 quả dưa, đến năm 1983 tăng lên 38.500 tấn thóc, 7.800 tấn đường, 900 tấn thịt lợn hơi, 5 triệu quả dưa, 950 tấn tôm, cá biển... 6 tháng đầu năm 1984 đã mua được cho Nhà nước hơn 35.000 tấn thóc, 12.000 tấn đường.

Công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội được tiến hành tốt. Nhờ gắn chặt việc phát triển sản xuất, ổn định đời sống với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Long phú đã phát hiện và phá được 20 vụ án phản động, ngăn chặn nhiều vụ phá hoại của địch. Công tác xây dựng quốc phòng cũng có những chuyển biến tốt, nhất là phong trào quốc phòng toàn dân; hằng năm Long phú đều hoàn thành tốt kế hoạch tuyển quân.

Công tác xây dựng Đảng được gắn liền với các mặt công tác khác và luôn được coi trọng. Huyện ủy phân công một số ủy viên thường vụ huyện và cán bộ chuyên đi sâu chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, đặc biệt coi trọng xây dựng các đảng bộ, chi bộ cơ sở, như cử huyện ủy viên xuống làm bí thư xã, giao trách nhiệm cho từng ủy viên thường vụ và huyện ủy viên phụ trách từng xã.

Trong xây dựng Đảng, chúng tôi đã kết hợp ba mặt chính trị, tư tưởng và

tổ chức. Các chi thị, nghị quyết của cấp trên đều được đảng bộ tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc. Quá trình thực hiện từng nghị quyết, chi thị đều có sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm để học tập. Đồng thời, huyện ủy cử nhiều cán bộ đi dự các lớp bồi dưỡng chính trị dài hạn, ngắn hạn ở tỉnh và trung ương; mở liên tục các lớp bồi dưỡng tại huyện. Kết quả của việc giáo dục chính trị là đã tạo được sự nhất trí cao và lòng tin tưởng tuyệt đối của đảng bộ và nhân dân trong huyện vào đường lối chính sách của Đảng, tăng thêm quyết tâm vượt qua khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ. Tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, tinh tổ chức kỷ luật trong việc chấp hành nghị quyết của Đảng đã thấm vào từng đảng viên ở Long phú.

Về mặt tổ chức, đảng bộ đặc biệt quan tâm chăm sóc sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ, trong đó huyện ủy đóng vai trò hạt nhân. Sự đoàn kết nhất trí thể hiện trước hết ở tinh nghiêm túc trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, thực hiện các nhiệm vụ. Sự đoàn kết còn thể hiện ở tình thương yêu đồng chí, thẳng thắn góp ý kiến phê bình lẫn nhau, có lý có tình.

Chúng tôi cũng rất chăm lo đến việc kiện toàn các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng, đào tạo cán bộ trẻ, nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng. Công tác đào tạo cán bộ, phát triển Đảng ở Long phú đã được đưa vào quy hoạch; và trên cơ sở phong trào cách mạng của quần chúng, biện pháp đào tạo cán bộ, phát triển Đảng của chúng tôi là kết hợp việc giáo dục học tập với thử thách qua thực tiễn. Hàng ba tháng, sáu tháng, huyện ủy họp để nhận xét đánh giá cán bộ. Chúng tôi đã mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ có triển vọng. Các chi bộ họp đều kỳ và có nội dung sinh hoạt thiết

thực. Công tác phát triển Đảng được coi trọng. Chúng tôi giúp cho các chi bộ nắm vững đường lối chính sách của Đảng và các nghị quyết của cấp trên, biết nhận xét đánh giá tình hình của địa phương, qua đó mà vận dụng đường lối chính sách của Đảng và các nghị quyết của cấp trên vào hoàn cảnh thực tế một cách sát hợp, biết đề ra nghị quyết của mình một cách đúng đắn và tổ chức thực hiện tốt nghị quyết ấy. Chúng tôi chú trọng sàng lọc đội ngũ cán bộ đảng viên, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người hư hỏng, thoái hóa, biến chất và đưa ra khỏi cương vị lãnh đạo những đồng chí không đủ phẩm chất và năng lực lãnh đạo. Mấy năm qua, Long phú đã bổ sung được một đội ngũ cán bộ khá đông đảo và ngày càng trẻ hơn, số lượng đảng viên đã tăng gấp nhiều lần so với lúc mới giải phóng. Năng lực lãnh đạo của các đảng bộ, chi bộ được nâng lên rõ rệt. Từ chỗ nhiều ngành, nhiều xã không có cán bộ phụ trách, nay ngành nào, xã nào cũng có được nguồn cán bộ bổ sung cho mình. Trước đây toàn huyện chỉ có 280 đảng viên nay đã có 1200 đảng viên; năm 1975 huyện có 32 chi bộ, trong đó có 20 là yếu kém, nay tăng lên 50 đảng bộ, chi bộ, trong đó có 25 là vững mạnh, 21 đạt loại khá. Nhiều xã trước không đủ đảng viên để thành lập chi bộ nay trong toàn huyện đã có 7 xã có đảng ủy, 40 ấp có chi bộ nhỏ, 45 ấp có tổ Đảng, 20 ấp còn lại có đảng viên phụ trách.

Bộ máy chính quyền được hình thành từ huyện đến xã, ấp và ngày càng phát huy tác dụng là cơ quan Nhà nước quản lý kinh tế xã hội ở địa phương. Các đoàn thể quần chúng cũng được chấn chỉnh, kiện toàn, đóng được vai trò nòng cốt trong các phong trào cách mạng của quần chúng ở cơ sở.

Giữa năm 1983, Long phú được vinh dự tiếp nhận cơ đảng bộ vững

mạnh của Ban bí thư Trung ương Đảng trao tặng. Điều có ý nghĩa lớn là qua thực tiễn công tác, đảng bộ chúng tôi đã tích lũy được một số kinh nghiệm quý để chỉ đạo phong trào trong huyện tiến lên hơn nữa.

Bên cạnh những thắng lợi và kết quả đạt được, Long phú vẫn còn những mặt hạn chế. Tiềm lực kinh tế lớn của huyện chưa được khai thác một cách đầy đủ, một nguyên nhân quan trọng là do nguồn vật tư, nguyên liệu và cơ sở vật chất còn ít ỏi, sự phân công, phân cấp quản lý còn lúng túng, kế hoạch hằng năm còn thiếu những căn cứ vững chắc. Sự chỉ đạo của đảng bộ cũng còn có thiếu sót. Việc phát triển kinh tế theo hướng cơ cấu nông - ngư - công nghiệp vừa qua chưa thật toàn diện trên lĩnh vực công nghiệp. Long phú đang gặp khó khăn là sản xuất và chế biến không cân đối; ngư nghiệp đi lên cũng chậm. Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa chưa đồng bộ giữa nông nghiệp và công thương nghiệp; trên lĩnh vực phân phối lưu thông, lực lượng thương nghiệp tư nhân còn lớn. Trong nông nghiệp, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa làm tương đối tốt, phong trào sản xuất khá mạnh, song vẫn chưa tận dụng được nguồn lao động, phần lớn hợp tác xã và tập đoàn sản xuất còn độc canh cây lúa, lao động vẫn còn thừa nhiều. Bộ máy quản lý kinh tế - kỹ thuật của huyện chưa được kiện toàn. Việc tích lũy tiền vốn từ các đơn vị kinh tế của huyện để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho huyện còn ít. Đội ngũ cán bộ, nhất là ở cơ sở tuy phát triển mạnh, hầu hết là trẻ, có nhiệt tình, song trình độ chính trị, văn hóa, kiến thức khoa học - kỹ thuật, năng lực quản lý kinh tế xã hội còn thấp so với yêu cầu. Đó là những vấn đề mà đảng bộ huyện Long phú cố gắng giải quyết trong thời gian tới.

Huyện Sa thày đi lên đúng hướng

NGUYỄN HỒNG DIỆP

HUYỆN Sa thày (tỉnh Gia-lai—Kon tum) được thành lập từ đầu năm 1979. Nằm sát biên giới hai nước bạn Lào và Cam-pu-chia, với diện tích tự nhiên 277 000 héc ta, huyện Sa thày có địa hình núi non trùng điệp, hầu hết là rừng già nguyên thủy, có nhiều gỗ quý, lâm thổ sản quý và muông thú hiếm. Đất có khả năng phát triển nông nghiệp chỉ có khoảng 4—5 chục nghìn héc ta, ở những thung lũng hẹp, hầu hết là ruộng bậc thang bị hoang lầy, phen nặng lâu ngày không thuận lợi cho sản xuất. Số dân của huyện là 10 875 người, thuộc các dân tộc Gia rai, Xê dăng... Trước đây, nhân dân thường sống du canh, du cư cho nên hằng năm có khoảng 4—5 nghìn héc ta rừng già bị phá để làm nương rẫy. Việc canh tác dựa chủ yếu vào điều kiện tự nhiên; năng suất cây trồng thấp, trung bình mỗi héc ta lúa rẫy: 1,6 tấn, ngô: 2 tấn, sắn: 3 tấn. Năm nào cũng bị nạn đói đe dọa, Nhà nước phải cứu giúp hàng chục tấn lương thực. Cơ sở vật chất kỹ thuật của huyện còn rất nghèo nàn. Các loại dịch bệnh ở một vùng miền núi hẻo lánh cùng với những phong tục tập quán lạc hậu, lâu đời đè nặng lên cuộc sống hằng ngày của bà con các dân tộc. Lợi dụng tình hình đó, bọn FULRO và các phần tử phản động khác cấu kết với nhau, ra sức xuyên tạc, nói xấu chế độ, kích động chia rẽ các dân tộc để gây rối và phá hoại.

Thấy rõ trách nhiệm của mình, trong những năm qua đảng bộ huyện Sa thày đã nêu cao vai trò lãnh đạo,

tổ chức và động viên nhân dân các dân tộc trong huyện phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, ý chí tự lực tự cường, tinh thần làm chủ tập thể, vượt qua mọi khó khăn, vươn lên làm chủ cuộc sống mới. Đảng bộ đã xác định hướng đi cụ thể của huyện là động viên nhân dân nhanh chóng định canh, định cư, làm tốt việc tiếp nhận lao động từ các nơi lên xây dựng kinh tế mới, đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Muốn vậy, phải ra sức khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi, xây dựng những cánh đồng lúa nước ổn định, áp dụng mạnh mẽ và đồng bộ các biện pháp kỹ thuật thâm canh trên toàn bộ diện tích (cả lúa nước và lúa cạn) nhằm tăng năng suất cây trồng, bảo đảm tự túc lương thực. Đồng thời có nhiều biện pháp tích cực để hạn chế và tiến tới chấm dứt nạn phá rừng; bảo vệ, khai thác và phát huy tiềm năng về rừng. Huyện ủy xác định trong giai đoạn đầu, Sa thày phấn đấu xây dựng cơ cấu kinh tế nông — lâm — công nghiệp (tiền công nghiệp, thủ công nghiệp là chính), đồng thời chuẩn bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho hướng phát triển lâu dài là xây dựng huyện theo cơ cấu lâm — nông — công nghiệp. Phương hướng đúng đắn đó được nhân dân các dân tộc trong huyện đồng tình và quyết tâm thực hiện.

Trong việc lãnh đạo tổ chức thực hiện, huyện ủy Sa thày đã sâu sát cơ sở, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra. Trong từng thời gian nhất định, huyện đã tập trung chỉ đạo thực hiện

những nhiệm vụ trọng tâm như: công tác định canh, định cư, tiếp nhận lao động mới, đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, cải tạo đất và xây dựng hệ thống tưới và tiêu nước. Đến cuối năm 1983, 95,8% số dân trong huyện đã định canh, định cư; huyện đã tiếp nhận và sắp xếp gần 11 nghìn người từ các tỉnh Nghĩa bình, Bình trị thiên v.v. vào các điểm kinh tế mới; xây dựng 3 hợp tác xã nông nghiệp, 68 tập đoàn sản xuất, thu hút 95% nông hộ, 97,3% diện tích đất canh tác vào con đường sản xuất tập thể.

Trong công tác thủy lợi, được sự giúp đỡ của Nhà nước, năm năm qua Huyện ủy Sa Thầy đã động viên nhân dân đóng góp hàng vạn ngày công, hàng chục triệu đồng, đào đắp, san lấp hàng triệu mét khối đất đá, gấp rút hoàn thành các công trình thủy lợi Ia-xia 1, Ia-xia 2. Đặc ngao cũng như 40 công trình thủy lợi vừa và nhỏ khác với hàng chục ki lô mét kênh mương nhiều tầng, nhiều lớp dẫn nước từ các sông suối, chủ động tưới nước, tiêu nước cho các chân ruộng cấy lúa. Từ một huyện trước đây không có diện tích cấy lúa nước, năm 1983 Sa Thầy đã có gần 300 héc ta ruộng cấy 2 vụ và hàng chục héc ta ruộng cấy một vụ ổn định.

Điều đáng chú ý là nhờ có việc tổ chức tốt phong trào hợp tác hóa nông nghiệp và tiếp nhận lao động mới cho nên những kinh nghiệm sản xuất, nhất là những kinh nghiệm thâm canh lúa của các địa phương được nhân dân Sa Thầy học tập, tiếp thu nhanh chóng, họ đã kiên quyết vứt bỏ những phong tục, tập quán cũ, nếp suy nghĩ, cách làm lạc hậu từ lâu đã kìm hãm sản xuất. Bà con các dân tộc đã cố gắng áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh, phân dậu từng bước đạt năng suất lúa cao trên toàn bộ diện tích. Đây là việc làm hết sức mới, có ý nghĩa cách mạng lớn lao đối với đồng bào các dân tộc trong huyện.

Giờ đây, ở Sa Thầy không những chỉ người Kinh mà cả người Gia rai, Xê dăng... cũng ung cấy lúa nước và tích cực áp dụng các biện pháp thâm canh cây trồng. Các giống lúa mới 73-2, A36, NN23, IR8... sau một thời gian cấy thử tỏ ra thích nghi, phát triển tốt, cho năng suất cao, đã được cấy ra đại trà thay cho giống lóc đen, lóc trắng, lúa ko v.v. Việc sử dụng phân bón trong canh tác đã có nhiều tiến bộ. Từ chỗ trong nhân dân không có tập quán dùng phân bón ruộng, đến nay hằng năm mỗi héc ta ruộng lúa được bón 6 tấn phân chuồng, 3 tấn phân xanh và 280 ki lô gam phân vô cơ. Đó là chưa kể số phân bón của các gia đình, bón thêm trên những mảnh ruộng nhận khoán. Ngoài ra, biện pháp trồng xen canh, gối vụ cũng đã góp phần tăng nhanh vòng quay của đất và tăng năng suất cây trồng. Nhiều hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đã có thể thu hoạch từ 2 đến 3 vụ một năm với năng suất cây trồng tăng từ 2 đến 3 lần.

Năm 1983, huyện Sa Thầy đạt tổng diện tích gieo trồng là 55 000 héc ta, tổng sản lượng lương thực quy thóc là 11 000 tấn (năm 1975 chỉ đạt 3 000 tấn), bình quân lương thực đầu người là 530 ki lô gam. Năng suất lúa tăng lên rõ rệt. Năm 1979 mỗi héc ta ruộng nước chỉ đạt 4,2 tấn, năm 1980: 6,8 tấn, năm 1981: 7,2 tấn, năm 1982: 7,9 tấn và năm 1983: 10,8 tấn. Vụ xuân năm 1984: đạt hơn 5 tấn, tăng 1,2 tạ so với năm 1983.

Sa Thầy là huyện miền núi đầu tiên của tỉnh Gia lai - Kon tum được công nhận là hội viên "câu lạc bộ huyện 10 tấn" của cả nước; 6 đơn vị hợp tác xã và tập đoàn sản xuất được công nhận là hội viên "câu lạc bộ 10 tấn". Đến nay, huyện Sa Thầy đã tự túc được lương thực và lâm nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước gần 2 500 tấn, đạt 140% kế hoạch. Huyện cũng

đang quyết tâm phấn đấu từng bước hạn chế, đi đến chấm dứt hoàn toàn nạn phát rừng (hiện nay hằng năm vẫn còn hàng trăm héc ta rừng bị phát làm rẫy). Huyện đã lập kế hoạch và đang làm thử việc giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, thực hiện phát triển sản xuất nông nghiệp kết hợp chặt chẽ với kinh doanh nghề rừng. Để tiến tới phủ xanh hàng vạn héc ta đồi trọc, cải tạo nương rẫy cũ, Sa thầy đã tìm chọn và trồng thử nhiều loại cây thích hợp. Huyện đã cử người ra tận Hà tuyến mua giống sả công nghiệp về trồng. Từ 8 héc ta giống, đến nay ở Sa thầy đã trồng 300 héc ta sả và dự định đến năm 1985 sẽ trồng 600 - 800 héc ta. Bà con các dân tộc trong huyện còn cố gắng mở rộng diện tích trồng mía, lạc, đỗ các loại, vừng, cà phê, chè và các loại cây công nghiệp khác. Bằng lối chường cắt thủ công. Sa thầy đã làm được hàng tấn dầu sả xuất khẩu đạt chất lượng tốt. Huyện đã tự giải quyết được một số hàng tiêu dùng và cung cấp nhiều nguyên liệu cho công nghiệp địa phương.

Những kết quả đạt được trên lĩnh vực kinh tế đã tạo đà cho sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao phát triển. Toàn huyện đã thanh toán được nạn không biết chữ, đã giữ vững được an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nhiều buôn, xã đã giải quyết dứt điểm được nạn FULRO. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong huyện được nâng lên rõ rệt. Nhân dân các dân tộc đoàn kết, phấn khởi, tin tưởng sâu sắc vào Đảng, vào chế độ mới.

Đi đôi với việc lãnh đạo và tổ chức nhân dân phát triển kinh tế, xây dựng đời sống mới, đảng bộ huyện Sa thầy thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền cách

mạng, coi đây là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của phong trào ở địa phương. Đặc biệt là đảng bộ đã làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giúp cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong huyện quán triệt sâu sắc các nghị quyết của Đảng và các chủ trương chính sách của Nhà nước, xây dựng tinh thần đoàn kết nhất trí, quyết tâm đi vào làm ăn theo lối mới.

Cho đến nay, tuy là một đảng bộ mới được thành lập, có nhiều cán bộ và đảng viên từ nhiều địa phương khác chuyển về, trình độ các mặt chưa đồng đều, nhưng tổ chức Đảng và chính quyền ở tất cả 11 xã trong huyện đã bước đầu hoạt động có nề nếp, biết cách tổ chức và lãnh đạo, bảo đảm hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Năm 1983, đảng bộ huyện Sa thầy đã được Ban bí thư Trung ương Đảng tặng cờ « Đảng bộ huyện vững mạnh », nhân dân huyện Sa thầy được Nhà nước tặng thưởng hai huân chương Lao động hạng ba (một cho huyện và một cho xã Sa bình). Sa thầy là một huyện thuộc vào loại « nhân tố mới » của tỉnh Gia lai - Kon tum.

Phát huy những thành tích đã đạt được, Đảng bộ và nhân dân huyện Sa thầy đang quyết tâm phấn đấu mở rộng diện tích lúa nước hai vụ, trồng sả, dây măng chèo nuôi bò, mở rộng diện tích trồng các loại cây cà phê, chè, đậu xanh, lạc, vừng... ở cả ba khu vực quốc doanh, tập thể và gia đình, thực hiện cân bằng giữa việc tăng nhanh sản lượng lương thực với việc tạo nguồn hàng hóa xuất khẩu, từng bước tiến lên xây dựng quê hương giàu mạnh, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên địa bàn của một huyện miền núi.

Mèo vạc tự lực, tự cường vươn lên

NGUYỄN VĂN TÝ

Bí thư Huyện ủy Mèo vạc

Ở gần tận cùng phía bắc của Tổ quốc, Mèo vạc là một huyện vùng cao biên giới của Hà Tuyên, có 3 xã giáp với Trung quốc (trong tổng số 19 xã) với 45 ki lô mét đường biên giới.

Điều kiện tự nhiên của Mèo vạc khắc nghiệt. Hằng năm rét kéo dài tới 6 tháng, nhiệt độ lúc thấp nhất là -5°C và lúc cao nhất là $32 - 33^{\circ}\text{C}$, gây nhiều khó khăn cho sản xuất. Trong 661 ki lô mét vuông diện tích đất tự nhiên thì diện tích núi đá tai mèo chiếm tới 80%, trong đó có 46% là diện tích núi đá tai mèo có khả năng sản xuất nông nghiệp. Nguồn nước phục vụ cho sản xuất và đời sống hết sức khan hiếm. Cho đến nay, mỗi người dân Mèo vạc bình quân mỗi ngày chỉ có gần 30 lít nước để dùng và phải dự trữ nước từ mùa mưa năm này sang mùa mưa năm sau. Trước kia ở Mèo vạc chỉ sản xuất mỗi năm một vụ ngô và một ít lúa nương, luôn luôn bị thiếu lương thực. Hằng năm Nhà nước phải cung cấp thêm 60 tấn lương thực, có năm tới 150 tấn.

Ở Mèo vạc có 8 dân tộc anh em với số dân là 45.000 người (dân tộc Mông chiếm 81%, Dao 6%, Giáy 5%, Xường 2%, Tày 1%, Lô Lô 1%, Nùng 0,9% và Cờ lao 0,1%). Nhân dân Mèo vạc ngày nay tuy đã có những tiến bộ nhất định, nhưng vẫn còn bị hạn chế về trình độ văn hóa, về phong tục tập quán... Các cơ sở vật chất - kỹ

thuật phục vụ sản xuất và đời sống còn nghèo nàn.

Đảng bộ Mèo vạc được thành lập từ năm 1962, có 31 chi bộ và đảng bộ với 440 đảng viên, chiếm 1,2% so với dân số của huyện. Trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn của đảng viên không đồng đều, ở khu vực nông thôn còn nhiều đảng viên chưa biết chữ.

Song Mèo vạc có những tiềm năng và thuận lợi nhất định: có thể trồng một số cây đặc sản quý, có giá trị kinh tế cao mà các nơi khác không thể trồng được, có giống bò tốt, nhân dân từ lâu có tập quán nuôi ong, biết xen canh, gối vụ trên địa hình núi đá tai mèo. Từ nhiều năm nay, nhân dân Mèo vạc đã xây dựng được tình đoàn kết giữa các dân tộc và có đội ngũ cán bộ, đảng viên gắn bó với nhau thực hiện mọi nhiệm vụ của địa phương.

Hiểu rõ những khó khăn và thuận lợi nói trên, huyện chúng tôi trong những năm qua đã cố gắng phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt yếu, từng bước đáp ứng được yêu cầu « xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện » trước tình hình và nhiệm vụ mới. Chúng tôi đã tập trung làm tốt mấy việc sau đây:

1 - Cùng cố an ninh vững chắc để sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt.

Do nhận thức được vị trí xung yếu về mặt an ninh, quốc phòng của Mèo vạc, huyện ủy chúng tôi thật sự quan tâm lãnh đạo công tác an ninh, quốc

phòng, gắn chặt an ninh với quốc phòng.

Điều đáng chú ý là hoàn cảnh xã hội và địa hình ở Mèo vạc khá phức tạp. Con sông Nho quế bắt nguồn từ Trung quốc chảy qua đã chia cắt 3 xã phía bắc giáp Trung quốc với các xã khác trong huyện. Nhân dân hai bên biên giới đã có nhiều mối quan hệ qua lại từ lâu. Trong huyện, còn có những phần tử xấu, bọn gián điệp nằm vùng. Có những tên trước kia đã từng tham gia làm bạo loạn được ta khoan hồng, nay lại làm tay sai cho Trung quốc phá ta.

Bọn phản động Trung quốc từ lâu đã có âm mưu gây bạo loạn, lật đổ chính quyền của ta ở Mèo vạc. Cho nên, chúng liên tục tung thâm báo để phá hoại, móc nối xây dựng cơ sở ngầm, chờ thời cơ nổi loạn bên trong, phối hợp với đánh từ ngoài vào. Chúng thường xuyên tiến hành chiến tranh tâm lý, xuyên tạc đường lối của Đảng, gây chia rẽ dân tộc, chia rẽ nhân dân với cán bộ, bộ đội, lôi kéo người sang bên kia biên giới hoặc bán các đặc sản, trâu bò cho chúng để phá hoại lực lượng sản xuất của ta. Chúng tổ chức phục kích, đón đường bắt cóc, giết hại cán bộ, dân thường, cắt đường dây điện thoại, gài mìn đường ô tô, đánh phá các cơ sở kinh tế, v.v.

Trước tình hình đó, Huyện ủy Mèo vạc đã chỉ đạo chặt chẽ và tiến hành kiên quyết một loạt biện pháp nhằm từng bước làm trong sạch địa bàn, như xử lý các đối tượng cũ và mới, «bóc» các cơ sở của địch nằm vùng trong nhân dân và trong các tổ chức cách mạng, xây dựng phong trào bảo vệ an ninh của quần chúng, v.v.

Công tác bảo vệ an ninh trước hết được thể hiện ở công tác bảo vệ đảng bộ và chính quyền, nhất là ở cơ sở, vì huyện ủy nhận rõ rằng: nếu đảng bộ cơ sở không trong sạch, vững mạnh thì sẽ ảnh hưởng xấu đến các

mặt công tác của địa phương. Trong việc bảo vệ đảng bộ, chính quyền và các tổ chức quần chúng ở cơ sở, chúng tôi đặc biệt chú trọng mặt chính trị. Huyện đã củng cố đội ngũ cán bộ chủ chốt, cốt cán ở tất cả các xã, nhất là bí thư, chủ tịch, xã đội trưởng và trưởng công an xã, coi việc xây dựng cơ sở vững mạnh là yếu tố hàng đầu để bảo vệ tốt an ninh chính trị và góp phần quan trọng xây dựng huyện vững mạnh. Công tác này trong những năm qua được tiến hành thường xuyên theo phương châm làm từng bước, thận trọng, dứt điểm, và bằng các biện pháp linh hoạt, khi thì kiên quyết, mạnh mẽ, khẩn trương, khi thì nhẹ nhàng, êm dịu, có tính chất động viên, thuyết phục, kết hợp làm rộng với làm có trọng điểm từng vùng, từng đối tượng. Do đó đã từng bước sàng lọc, củng cố đội ngũ cán bộ, đảng viên trong huyện.

Huyện đã chỉ đạo chặt công tác quản lý hộ tịch, hộ khẩu, phân loại các đối tượng để quản lý và giao cho ngành an ninh cùng với các ngành liên quan mở lớp cải tạo đối tượng ngay tại huyện, đưa một số hộ về tuyển sau để bảo đảm an ninh. Từng gia đình ở các xã biên giới đã đăng ký thực hiện quy chế bảo vệ biên giới. Đồng thời huyện phát động nhân dân tố giác bọn buôn lậu, những kẻ hay vượt biên (có tuần Mèo vạc bắt được 18 vụ), theo dõi những người có hiện tượng nghi vấn, và có biện pháp bảo vệ người phát giác. Nhờ có những việc làm kiên quyết và chặt chẽ như vậy, cho nên đã hạn chế nhiều các vụ vượt biên, các vụ mất mát trâu bò, tài sản, bắt được nhiều tên thâm báo nguy hiểm, gián điệp nằm vùng, ngăn ngừa kịp thời một số vụ phá hoại, bắt được thủ phạm, thu tang vật.

Huyện ủy coi trọng việc tuyên truyền giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cho đồng bào các dân tộc, thực hiện tốt chính sách

cao tốc, trung độ địa dư, một địa đạo tạo nên bộ phận địa thế và cũng cao trình đó vào nhà cho con em các dân tộc, nâng cao tính tiến bộ xã hội, đoàn kết dân tộc. Huyện ủy chỉ đạo cho dân trí trong việc tuyên truyền giáo dục, làm cho mọi người thấy rõ những lợi ích thêm được và những tính đúng đắn là địa đạo ban hành trong ba quyền Trung quốc, giáo dục về ý thức dân tộc Việt nam và Tổ quốc Việt nam cho đồng bào các dân tộc. Nhờ đó, chúng tôi đã phá được âm mưu gây chia rẽ của kẻ thù, góp phần tăng cường phong trào an ninh trong lòng dân.

Mèo vac đã xây dựng lại địa bàn dân cư, các dân tộc được bố trí thành trung tâm, ở đây là trung huyện được chia thành các phân khu nhau, trên cơ sở đó tổ chức lại dân cư và tập dìm lại dân cư huyện an toàn cho đồng bào. Nhờ vậy, chúng tôi đã phá vỡ được âm mưu và được sự xuất hiện của trên địa bàn tình trạng mới chốn địa phương mới là thường lại được đổi mới là hoạt động. Thực hiện việc gần gũi dân xuất với an ninh, quốc phòng trong công tác sắp xếp lại địa bàn dân cư, chúng tôi đã làm cho nhân dân ngày càng nhận rõ rằng chỉ có hòa bình và cũng có quốc phòng mới có điều kiện sản xuất tốt, an ninh vững thì quốc phòng mới vững. Có xã là hồ đồng bào các dân tộc được bố trí lại theo quy hoạch mới, chỉ có một thời gian ngắn đã làm được 20 hồ ta ruộng bậc thang, trồng được 150 hồ ta trâu, xe, lương thực cho ta nước, 1 trạm thủy điện tại W h. N. K. là một chương giáo thông. Vì vậy, đã nhanh chóng tạo được không khí phấn khởi, tin tưởng, hăng hái sản xuất, sản xuất chiến đấu trong toàn xã.

Công tác an ninh ở Mèo vac đã góp phần làm cho nội bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể trong xã, lại tạo được những phân tử xấu, bảo đảm

cho nội bộ trong của cấp trên và của huyện được thanh sạch, trong biên nghiêm túc và giữ được bí mật.

Trên cơ sở bảo đảm an ninh vững chắc, chúng tôi đã phát động mạnh mẽ phong trào toàn dân xây dựng lực lượng vũ trang, phong trào "Tất cả cho phía trước, tất cả cho địa phương tiến lên".

Huyện đã chỉ đạo xây dựng được các đơn vị bộ đội địa phương, hàng chục trung đội dân quân cơ động và thương trực cơ động trên các điểm tựa, cũng một số đơn vị khác làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu khi cần. Vừa qua, đối phó với 20 trận pháo kích của địch, trong đó có 3 trận kết hợp với bộ binh xâm lấn một số điểm tựa ở Mèo vac, các trung đội dân quân tăng cường của huyện đã chiến đấu tốt, có thể đánh nhau với địch dài ngày và lực lượng được địa bàn.

Năm năm qua, nhờ có việc giữ được luật pháp và quân sự trong toàn dân và nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên có con em đến tuổi nhập ngũ, cho nên việc gọi thanh niên các dân tộc ở Mèo vac vào bộ đội luôn luôn vượt chỉ tiêu.

Chúng tôi đã coi trọng công tác Đảng, trên thành niên trong lực lượng vũ trang địa phương. Huyện ủy đã trực tiếp duyệt các phương án chiến đấu của các đơn vị. Một số vụ vi phạm quy định về quan hệ quân dân đã được các cấp ủy Đảng trực tiếp giải quyết kịp thời, thỏa đáng. Các đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn nào có trách nhiệm giúp đỡ dân trên địa bàn ấy. Có điều dân đã giúp dân lương nhích ngày càng làm ruộng bậc thang, xây dựng trạm thủy điện... được nhân dân quý mến. Bà con các dân tộc cũng nhiệt tình giúp đỡ bộ đội xây dựng trận địa và các mặt khác. Hiện nay, nhân dân Mèo vac đã cùng bộ đội làm được 12 ki lô mét đường hào lên điểm tựa, đào hàng nghìn hố lẩn cá nhân, xây dựng hàng trăm hầm chiến

đấu kiên cố bằng xi măng hoặc gỗ tốt, hàng chục bể chứa nước trên các điểm tựa, trồng được 12 ki lô mét cây mây, cây găng để rào biên giới.

Huyện đã bảo đảm tốt công tác hậu cần cho chiến đấu, thường xuyên giải quyết đầy đủ nhu cầu lương thực, thực phẩm cho các lực lượng vũ trang. Huyện đã có kế hoạch dự trữ thực phẩm bằng cách ký gửi trong dân hàng chục tấn thịt lợn, vận động nhân dân thực hiện mỗi nhà dự trữ 5 kg lương thực, 1 kg thực phẩm để khi cần thì huy động kịp thời cho các đơn vị. Huyện cũng đã cố gắng làm tốt công tác hậu phương quân đội: giúp đỡ bố mẹ, vợ con liệt sĩ, gia đình quân nhân trong sản xuất và đời sống. Do đó các chiến sĩ yên tâm làm nhiệm vụ.

Nhờ tất cả các công tác nói trên, huyện Mèo vac đã bước đầu tạo nên thế trận chiến tranh nhân dân địa phương, có thể chiến đấu lâu dài chống những hành động phá hoại và xâm lược của bọn phản động Trung quốc. Các lực lượng vũ trang đã có điều kiện bám trụ kiên cường, địch đến là diệt, địch đi lại sinh hoạt bình thường. Do đó, các lực lượng vũ trang Mèo vac đã được Nhà nước tặng thưởng huân chương Chiến thắng từ hạng nhất đến hạng ba, một đồn và một cá nhân đã được tặng danh hiệu Anh hùng.

2 - Vươn lên từ tức được lương thực, phát triển kinh tế địa phương, đóng góp cho Nhà nước.

Trong việc xây dựng kinh tế, do hoàn cảnh đặc biệt của Mèo vac và để có thể chiến đấu tốt trong hoàn cảnh đó, huyện chúng tôi trước hết tập trung giải quyết bằng được vấn đề lương thực. Thực tế đã cho thấy, xã nào trong huyện mà sản xuất tốt lương thực và thực phẩm, thì có điều kiện thực đẩy các mặt công tác khác, từ việc tuyển quân, chuẩn bị chiến đấu, tổ chức hậu cần tại chỗ cho đến

việc chi viện cho 3 xã biên giới chiến đấu, xây dựng phòng tuyến liên kết vững chắc... Trong 4 năm qua, với tinh thần tự lực, tự cường, thực hiện phương châm «Nhà nước và nhân dân cùng làm», huyện chúng tôi đã nâng cao dần sản lượng lương thực. Năm 1981: 7840 tấn lương thực quy thóc, tăng 19% so với 1980. Năm 1982: 8328 tấn lương thực quy thóc, tăng 7% so với năm 1981. Năm 1983: 10 250 tấn lương thực quy thóc, tăng 23% so với năm 1982.

Sau nhiều năm phấn đấu liên tục, đến năm 1983, lần đầu tiên huyện chúng tôi tự túc được lương thực, nâng mức bình quân lương thực đầu người từ 12 ki lô gam lên 19,1 ki lô gam. Năm nay, mặc dù có nhiều khó khăn do thiên tai, địch họa gây ra, huyện chúng tôi vẫn quyết tâm hoàn thành chỉ tiêu sản lượng lương thực là 11 000 tấn. Nhờ sản xuất lương thực và thực phẩm tăng khá, cho nên trong vòng một tuần lễ chúng tôi đã huy động ngoài nghĩa vụ được 56 ton lương thực, 16 con bò làm thực phẩm và 150 nghìn đồng để kịp thời phục vụ chiến đấu, góp phần bảo vệ được trận địa và biên cương bằng lực lượng của địa phương.

Lương thực của Mèo vac chủ yếu là ngô, cho nên chúng tôi thâm canh bằng cách tận dụng lao động, dùng rất nhiều công để xấp đá làm ruộng bậc thang, chuyển đất lên các hốc núi đá, cải tạo nương rẫy, đưa phân đạm và giống ngô mới vào các cơ sở sản xuất. Canh tác lâu đời trên núi đá tai mèo, người dân Mèo vac có kỹ thuật trồng xen canh gối vụ các loại cây họ đậu, bí ngô, v.v. với cây ngô. Trước đây, đồng bào trồng chay là chủ yếu: bây giờ đồng bào đã có phân đạm, một ít phân chuồng và biết cách bón phân. Vì thế từ chỗ hàng năm Mèo vac chỉ sử dụng 30 - 40 tấn phân đạm chủ yếu cho những nơi có ruộng lúa nương, nay đã dùng hơn 600 tấn. (Nhà

nước thu hồi 1 ki lô gam đạm lấy 1,3 ki lô gam ngô), và năm 1981 sẽ dùng đến 970 tấn phân đạm, 30 tấn lân và 1 tấn thuốc trừ sâu. Chúng tôi còn trồng thêm một vụ cây đặc sản quý làm thuốc chữa bệnh, hằng năm thu hàng chục triệu đồng. Ngoài con đường thâm canh tăng vụ, chúng tôi đã chú trọng mở rộng diện tích gieo trồng bằng cách huy động hàng nghìn lao động trong cả huyện tham gia. Tuy diện tích mở rộng không được nhiều (hàng năm từ 20 đến 10 héc ta), nhưng nó có tác dụng thiết thực đối với người dân Mèo vạc, làm cho đồng bào yên tâm định canh định cư, phát triển sản xuất, thấy được sức mạnh của lối làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa.

Giải quyết được vấn đề lương thực chúng tôi có điều kiện để phát triển chăn nuôi trâu, bò, lợn. Trên địa bàn rộng, heo lành, núi đá tai mèo chiếm phần lớn, ít có bãi cỏ, và với cách nuôi bò, trâu «trên vai» (việc cắt cỏ, lấy lá, dự trữ cỏ khô, nấu cháo ngô khi rét, trồng cây ngô ngắn ngày để làm thức ăn cho trâu, bò dễ nặng lên vai người dân Mèo vạc), chúng tôi lấy chăn nuôi gia đình làm chính, và có chính sách khuyến khích, khen thưởng thích đáng. Nhờ đó đã bảo đảm được sức kéo, phân bón và nguồn thực phẩm khá dồi dào; mỗi hộ bình quân nuôi được 1,8 con lợn, 2 con bò, một số hộ nuôi từ 20 con trâu, bò trở lên.

Đi đôi với việc giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm, huyện chúng tôi còn chú trọng trồng bông và lanh để nhân dân có sợi dệt vải mặc, phù hợp với thị hiếu của đồng bào các dân tộc vùng cao. Trong mấy năm qua, bình quân mỗi năm đã sản xuất được 130 nghìn mét vải. Riêng đối với chị em phụ nữ đã đáp ứng được 50% nhu cầu may mặc; bình quân hằng năm mỗi phụ nữ Mông sản xuất được 6 mét vải bằng sợi lanh.

Gắn chặt nông nghiệp với lâm nghiệp, chúng tôi đã có quy hoạch và kế hoạch ngay từ đầu giao rừng và đất rừng cho nhân dân, hướng dẫn trồng các loại cây phục vụ cho đời sống như: cây lấy dầu (trầu); cây ăn quả (mận, lê, đào, óc chó); cây lấy gỗ, oài tre, mây dọc 45 ki lô mét đường biên giới vừa làm vật cản, vừa có thu nhập kinh tế sau này, đồng thời trồng rừng phòng hộ chống xói mòn, trồng cây giữ độ ẩm cho đất.

Giao thông vận tải ở Mèo vạc cũng có bước phát triển rõ rệt. Huyện đã huy động hàng trăm nghìn công để mở hàng trăm ki lô mét đường ô tô phục vụ chiến đấu, sản xuất và nhu cầu đi lại của nhân dân. 12 trên 19 xã trọng toàn huyện đã có đường ô tô. Hiện nay, huyện Mèo vạc là lá cờ đầu trong số các huyện biên giới của Hà Tuyên về thành tích thu mua thực phẩm và phát triển giao thông vận tải, được Nhà nước tặng thưởng hai huân chương Lao động hạng ba.

Ba năm qua, nhờ sản xuất và giao thông vận tải phát triển, huyện Mèo vạc đã có đóng góp cho Nhà nước ngày một tăng. Năm 1981 làm nghĩa vụ 217 tấn lương thực và 65 tấn thực phẩm; năm 1982: 351 tấn lương thực và 70 tấn thực phẩm; năm 1983: 676 tấn lương thực và 92 tấn thực phẩm.

Việc trao đổi hàng hóa hằng năm giữa nhân dân và Nhà nước trên địa bàn huyện cũng tăng. Các năm 1981, 1982, 1983, giá trị hàng hóa nhân dân bán cho Nhà nước là 1,8 triệu đồng, 10,6 triệu đồng và 13 triệu đồng, còn giá trị hàng hóa Nhà nước bán đối lưu là 5,9 triệu đồng, 11 triệu đồng và 12,5 triệu đồng. Ngân sách thu chi của huyện có tiến bộ. Số thu năm 1983 đã đủ bù chi cho bộ máy hành chính sự nghiệp và hoạt động của các đoàn thể trong huyện, trong đó lương và các khoản chi khác cho cán bộ, công nhân viên chức được giải quyết đầy

đủ, kịp thời trong từng tháng. Hiện nay, huyện Mèo vạc đã bảo đảm cung cấp đủ 8 mặt hàng trong số 9 mặt hàng định lượng cho cán bộ, công nhân viên chức.

Nhìn chung, đời sống vật chất lẫn tinh thần của nhân dân trong huyện đã được cải thiện một bước. Một số khu dân cư mới được xây dựng có điện, nước, bà con các dân tộc sống hòa hợp với nhau, nhiều thanh niên nam nữ đã xây dựng gia đình với nhau, sống đầm ấm, hạnh phúc. Con em các dân tộc thiểu số và các gia đình có công với cách mạng được chú ý đào tạo, bồi dưỡng để trở thành những cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực xây dựng và bảo vệ chủ

nghĩa xã hội trên mảnh đất quê hương của mình.



Trước tình hình và nhiệm vụ mới, dưới ánh sáng các nghị quyết của Trung ương Đảng, được sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của tỉnh ủy và huyện ủy lại có kinh nghiệm chiến đấu và sản xuất trong những năm qua, nhân dân các dân tộc huyện Mèo vạc sẽ phát huy hơn nữa tinh thần tự lực tự cường, sử dụng sức mạnh tổng hợp của cả huyện và sự giúp đỡ cần thiết của cấp trên để làm tốt mọi mặt công tác ở địa phương, xây dựng Mèo vạc thành huyện chiến đấu giỏi, sản xuất tốt ở nơi gần tận cùng phía bắc của Tổ quốc.

NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN...

(tiếp theo trang 9)

công việc gì thì nhân dân làm và công việc gì thì Nhà nước và nhân dân cùng làm; khâu nào thì Nhà nước làm, khâu nào thì nhân dân làm. Đối với những việc mà Nhà nước và nhân dân cùng làm thì cũng phải định rõ phạm vi và mức độ của những công việc phải làm giữa Nhà nước và nhân dân.



“Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Đó là lẽ phải đã được chứng minh hùng hồn trong thực tiễn cách mạng. Trong các hoạt động xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, việc phát huy tinh thần làm chủ tập thể, sử dụng sức mạnh tổng hợp — sức mạnh tập trung của Nhà nước và sức mạnh vô tận của nhân dân, là nhân tố quan trọng hàng đầu để bảo đảm mọi thành công.

Từ chế độ phong kiến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội

YẾN VÂN

BƯỢC thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga cổ vũ, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng nhân dân cách mạng Mông cổ, năm 1921, nhân dân Mông cổ đã đứng lên lật đổ ách thống trị của bọn phong kiến và đế quốc. Sau khi đuổi được bọn phong kiến ra khỏi các cơ quan chính quyền địa phương, từng bước củng cố chính quyền nhân dân, tiến hành các công cuộc cải cách dân chủ, ngày 26 tháng 11 năm 1921, tại khóa họp đầu tiên, Quốc hội Mông cổ đã tuyên bố thành lập nước Cộng hòa nhân dân Mông cổ. Đó là một cái mốc lớn trong lịch sử vẻ vang của nhân dân Mông cổ anh em. Từ đó trở đi, toàn bộ quyền lực Nhà nước được chuyển vào tay nhân dân lao động mà đại diện là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Trong sáu mươi năm qua, nước Cộng hòa nhân dân Mông cổ đã thực hiện bước nhảy vọt lịch sử từ chế độ phong kiến lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, thể hiện một cách sinh động nhận định nổi tiếng của Lê-nin về khả năng tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội của các nước nông nghiệp lạc hậu.

Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng nhân dân cách mạng Mông cổ là nhân tố quyết định bước chuyển mình do của đất nước Mông cổ.

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và xuất phát từ đặc điểm của nước mình, Đảng nhân dân cách mạng Mông cổ đã không ngừng phấn đấu vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách sáng tạo. Đại hội thứ III của Đảng họp tháng 8-1924 được ghi đậm nét vào lịch sử ở chỗ đã xác định đường lối đưa Mông cổ phát triển theo con đường phi tư bản chủ nghĩa và xem đó là vấn đề bao trùm trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Nghị quyết của Đại hội nhấn mạnh: Mông cổ không lặp lại con đường trước kia các nước đã đi qua là con đường tư bản chủ nghĩa đầy đau khổ, mà đi theo con đường thật sự phục vụ nhân dân phù hợp với sự phát triển của thế giới hiện đại. Đại hội thứ IV của Đảng (9-1925) đã đề ra cương lĩnh cụ thể nhằm thực hiện đường lối chung đó, nêu rõ nhiệm vụ thủ tiêu giai cấp phong kiến, giành độc lập kinh tế, hạn chế và thu hẹp phạm vi hoạt động của

các yếu tố tư bản chủ nghĩa trong nền kinh tế, thiết lập các thành phần kinh tế Nhà nước và tập thể, phát triển văn hóa mới, giải phóng nhân dân lao động khỏi sự áp bức về tinh thần của nhà thờ Lạt ma. Khi các nhiệm vụ nói trên đã cơ bản được giải quyết, Đại hội thứ X của Đảng nhân dân cách mạng Mông cổ họp tháng 3 năm 1940 đã quyết định việc xóa bỏ hoàn toàn tàn dư của chế độ phong kiến, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Theo nghị quyết của Đại hội, việc tăng cường phát triển nền công nghiệp Nhà nước giữ vai trò rất quan trọng. Các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, cũng như các ngành chế biến sản phẩm chăn nuôi, sản xuất hàng tiêu dùng, được chú trọng xây dựng. Đặc biệt, chăn nuôi, ngành truyền thống và cũng là ngành kinh tế chủ yếu của đất nước, được tổ chức quản lý tốt và được công nghiệp hóa ở nhiều khâu.

Các ngành công nghiệp phát triển đã tạo điều kiện cho nền kinh tế Mông cổ thoát khỏi tình trạng lạc hậu, và đi theo hướng công nghiệp hóa. Đến cuối những năm 60, đời sống kinh tế và xã hội ở Mông cổ đã có những biến đổi sâu sắc. Từ một nước du mục lạc hậu, Mông cổ trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có công-nông nghiệp không ngừng phát triển, văn hóa, giáo dục tiên tiến, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao. Sang thập kỷ 70, những thành tựu về kinh tế và về xã hội ở Mông cổ càng to lớn hơn. Lấy kế hoạch 5 năm thứ 6 (1975 - 1980) so với kế hoạch 5 năm thứ 5 thì tổng sản phẩm xã hội của Mông cổ tăng 35%, thu nhập quốc dân trong lĩnh vực sản xuất tăng 30,9% trong đó 2/3 mức tăng là do tăng năng suất lao động. Theo số liệu thống kê năm 1979, tính bình quân trong 13 phút, công nghiệp Mông cổ sản xuất một khối lượng sản

phẩm bằng cả năm 1924, và trong 15 ngày, sản xuất một khối lượng bằng cả năm 1940.

Đại hội thứ XVIII của Đảng nhân dân cách mạng Mông cổ (5-1981), căn cứ vào những thành tựu đất nước đạt được, đã thông qua phương hướng chủ yếu của kế hoạch 5 năm thứ 7 (1981-1985) nhằm thực hiện trong lĩnh vực thể của Đảng tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tăng năng suất lao động và nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Các nhiệm vụ này được thực hiện trên cơ sở công nghiệp hóa đất nước và cơ khí hóa sản xuất nông nghiệp. Việc hoàn thiện cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ nhằm sử dụng một cách có hiệu quả lực lượng sản xuất của các tỉnh và các khu kinh tế hoàn chỉnh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện nhiệm vụ đó.

Theo phương hướng đúng đắn nói trên, trong những năm qua ngành công nghiệp Mông cổ đã có bước phát triển mới, đạt nhiều kết quả. Sản phẩm công nghiệp chiếm 41% tổng sản phẩm của nền kinh tế quốc dân và chiếm trên 30% thu nhập quốc dân. Hiện nay Mông cổ có trên 300 xí nghiệp công nghiệp cỡ lớn, trong một năm, có thể sản xuất một khối lượng sản phẩm trị giá 1 tỷ tu go rích. Sản phẩm công nghiệp năm 1983 tăng 8,1% so với năm 1982.

Các ngành giao thông vận tải, bưu điện, thương nghiệp cũng như các cơ sở phục vụ công cộng khác cũng đạt những thành tích tốt.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp được thực hiện thắng lợi. Mông cổ đã hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp. Nông nghiệp được cơ khí hóa và được trang bị những phương tiện kỹ thuật tiên tiến. Hiện nay, Mông cổ có 255 liên hiệp nông nghiệp, 40 xí nghiệp liên doanh

hợp tác xã, và trên 60 nông trường quốc doanh. Tính bình quân, mỗi liên hiệp nông nghiệp có 10 triệu tu gơ rich vốn cố định, 441 nghìn héc ta đất canh tác, 72 400 đầu con gia súc, 15 máy kéo và 13 ô tô vận tải. Sản phẩm nông nghiệp chiếm gần 60% sản phẩm xuất khẩu. Năm 1983, sản lượng ngũ cốc đạt 810 000 tấn, một kỷ lục chưa từng có, vượt 150 000 tấn so với mức kế hoạch. Khoai tây, rau, thức ăn gia súc cũng tăng đáng kể so với năm 1982. Nhờ được trang bị kỹ thuật tiên tiến, ngành chăn nuôi có những tiến bộ rõ rệt. Việc xây dựng thêm chuồng trại, mở rộng diện lai giống, tăng khối lượng thức ăn dự trữ,... đã đưa số lượng gia súc không ngừng tăng lên. Mông cổ hiện đứng thứ 5 trên thế giới về sản xuất thịt tính theo đầu người.

Sự hợp tác kinh tế ngày càng mở rộng giữa nước Cộng hòa nhân dân Mông cổ với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đã góp phần đáng kể trong việc phát triển kinh tế và tăng tiềm lực xuất khẩu, đẩy nhanh quá trình nhích lại gần nhau giữa trình độ phát triển kinh tế của Mông cổ và của các nước khác trong Cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Với số tiền do các nước xã hội chủ nghĩa cho vay trong kế hoạch 5 năm hiện nay, Mông cổ đã xây dựng và đưa vào hoạt động nhiều công trình như: xí nghiệp liên hợp làm giàu khoáng sản Ec-dê-nét, các cơ sở khai hoang Nam-gon, Nu-cuéc-nun, Chan-da-gan.

Do kinh tế phát triển, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao. Trước Cách mạng, Mông cổ là một trong những nước lạc hậu nhất châu Á, hầu hết số dân không biết chữ, 15% số nam thanh niên đi tu, sống ăn bám xã hội. Hiện nay nạn không biết chữ đã căn bản bị xóa bỏ, cứ 4 người dân thì có 1 người đang đi học. Số người có trình độ đại học tăng nhanh;

tính bình quân theo dân số thì số sinh viên đại học của Mông cổ gần đạt mức trung bình của các nước hội viên khối SEV. Mông cổ hiện có 25 trường trung học chuyên nghiệp với khoảng 20 700 nghìn học sinh. Về y tế, cứ 10 nghìn người dân có 23 bác sĩ và 109 giường bệnh.

Con đường nhân dân Mông cổ đã trải qua là con đường đấu tranh kiên trì, anh dũng, và những thành tựu mà nhân dân lao động Mông cổ đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng là tấm gương sáng và nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với các nước đang phát triển.

Với những thành tựu đó, và với chính sách đối ngoại hòa bình có nguyên tắc của mình, nước Cộng hòa nhân dân Mông cổ đã và đang có những cống hiến xứng đáng vào việc tăng cường sức mạnh của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Điều đó đã khiến bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc căm tức. Chúng đã liên tiếp có những hành động chống khiêu khích, gây chiến chống nước Cộng hòa nhân dân Mông cổ. Bè lũ cầm quyền ở Trung quốc không che dấu khát vọng muốn nuốt chửng Mông cổ, sáp nhập Mông cổ vào Trung quốc. Mưu đồ thôn tính Mông cổ không thành, chúng chuyển sang hoạt động khiêu khích, phá hoại, gây căng thẳng ở vùng biên giới. Chúng xây dựng công trình quân sự, điều thêm quân, tăng cường khiêu khích, tiến hành nhiều cuộc tập trận và gây các vụ nổ súng ở vùng biên giới. Có nơi quân đội Trung quốc vào sâu trong đất Mông cổ hàng chục ki lô mét, tiến hành các hoạt động do thám và bắn vào các đàn gia súc. Chúng còn dùng cả những thủ đoạn hết sức hèn hạ như xua những gia súc mắc bệnh truyền nhiễm nguy

(Xem tiếp trang 70)

Nền kinh tế An-ba-ni qua 40 năm phát triển

TRỊNH DÂN

SAU nhiều năm chiến đấu bền bỉ và anh dũng, lại được những chiến thắng của các đội quân cách mạng chống phát xít trên thế giới tiếp sức, cõ vũ, ngày 29-11-1944, nhân dân An-ba-ni, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản (nay là Đảng lao động An-ba-ni) đã giải phóng đất nước khỏi ách phát xít xâm lược, mở ra kỷ nguyên mới ở An-ba-ni: kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Qua 10 năm đấu tranh và xây dựng, nhân dân An-ba-ni đã biến đất nước mình từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp, nông nghiệp ngày càng phát triển, khoa học kỹ thuật tiến bộ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện.

Trong quá trình đó, nhân dân An-ba-ni đã phải vượt qua những khó khăn, thử thách to lớn. Trước cách mạng, An-ba-ni thuộc loại những nước lạc hậu nhất châu Âu. Công nghiệp hầu như chưa có, giá trị sản lượng công nghiệp chỉ chiếm 6,6% tổng giá trị sản lượng công - nông nghiệp. Qua những năm chiến tranh thế giới thứ II, An-ba-ni đã phải chịu những tổn thất, hy sinh to lớn: 7,3%

số dân bị chết hoặc bị tàn phế, 21% nhà cửa bị triệt hạ, hơn 1/3 dân gia súc bị giết hại, các cơ sở kinh tế bị tàn phá nghiêm trọng. Những năm cuối thập kỷ 70 vừa qua, bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc, với thái độ sỗ vanh nước lớn cũng đã gây không ít khó khăn cho việc phát triển kinh tế của An-ba-ni; chúng đã cắt viện trợ, rút hết chuyên gia về nước một cách đột ngột.

Vượt lên những khó khăn thử thách đó và giành được những thành tựu to lớn về kinh tế, điều trước hết và chủ yếu là do Đảng lao động An-ba-ni kiên trì thực hiện đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa với nội dung *ưu tiên phát triển công nghiệp nặng phù hợp với nguồn tài nguyên trong nước, đồng thời hết sức coi trọng nông nghiệp và công nghiệp nhẹ*. Trọng phát triển kinh tế, An-ba-ni coi trọng việc xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, trước hết là cơ cấu công - nông nghiệp, và trên cơ sở đó, xây dựng một cơ chế quản lý có hiệu lực.

Quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở An-ba-ni trải qua hai giai đoạn. Từ sau ngày giải phóng đến năm 1960, nhiệm vụ chủ yếu của

công nghiệp hóa là xây dựng những ngành công nghiệp cơ bản, gồm các ngành dầu khí, than, điện, khai thác mỏ, luyện kim, hóa chất, chế tạo máy, công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm. Bắt đầu từ thập kỷ 60 là giai đoạn tăng cường, mở rộng các ngành đã có, trong đó đặc biệt chú trọng ngành công nghiệp mỏ, vì ngành này chiếm giá trị lớn nhất trong toàn bộ công nghiệp nặng của An-ba-ni. Trong giai đoạn này, hầu hết các ngành công nghiệp đều được tăng cường theo hướng đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, nâng cao chất lượng và chủng loại, cải tiến quy trình công nghệ để biến nửa thành phẩm thành sản phẩm cuối cùng. Chẳng hạn, ngành công nghiệp đồng được cải tiến từ việc khai thác quặng, luyện quặng thành đồng nguyên liệu, chế biến đồng nguyên liệu thành thành phẩm như dây đồng, sản phẩm bằng đồng.

Trong công nghiệp nặng, An-ba-ni chú trọng «điện đi trước một bước», gắn công nghiệp hóa với điện khí hóa. Căn cứ vào nguồn thủy lực dồi dào của đất nước, An-ba-ni đặc biệt coi trọng xây dựng các công trình thủy điện. Từ tháng 10-1970, An-ba-ni đã hoàn thành việc điện khí hóa đất nước; khắp các thành phố và nông thôn, kể cả những vùng xa xôi nhất, đều có điện cho sản xuất và tiêu dùng. Từ năm 1972, An-ba-ni bắt đầu xuất khẩu điện. Năm 1983, sản lượng điện ở An-ba-ni đạt khoảng 3,3 tỷ kilô oát/giờ, trong đó thủy điện chiếm 80%. Gắn với công nghiệp điện, các ngành công nghiệp khác đều có bước phát triển nhanh chóng. Năm 1983, An-ba-ni sản xuất khoảng 1,5 triệu tấn dầu mỏ, 1,8 triệu tấn than đá, trên 1 triệu tấn xi măng, 1,2 triệu tấn cơ rô, 900 nghìn tấn đồng, 700 nghìn tấn kẽm... Về công nghiệp chế tạo máy, từ năm 1978, An-ba-ni đã sản xuất được loại máy kéo 75CV. Hiện nay, 95% phụ tùng thay thế của các loại máy móc đã được sản xuất trong nước. Việc phát triển những

ngành công nghiệp nặng có cơ sở nguyên liệu vững chắc trong nước đã cung cấp tư liệu sản xuất trực tiếp phục vụ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, tạo ra tích lũy vốn cần thiết để phát triển toàn bộ nền kinh tế.

Công nghiệp nhẹ An-ba-ni chủ yếu dựa vào nguồn nguyên liệu của công nghiệp nặng và của nông nghiệp. Trong công nghiệp nhẹ, các ngành được phát triển mạnh gồm: dệt vải bông, len, lụa, vải sợi tổng hợp, đồ nhựa, giấy, gỗ... Trong thời kỳ đầu, nhịp độ và tỷ trọng của công nghiệp nặng tăng nhanh hơn công nghiệp nhẹ. Những năm gần đây, công nghiệp nặng vẫn tăng nhanh hơn, song khoảng cách giữa nhịp độ tăng của công nghiệp nặng và của công nghiệp nhẹ đã thu hẹp. Lấy năm 1983 so với năm 1960, công nghiệp nặng tăng 8 lần, công nghiệp nhẹ tăng 4,4 lần. Nhưng năm 1983 so với năm 1970, công nghiệp nặng tăng 2,6 lần, công nghiệp nhẹ tăng 2 lần, nghĩa là trong thập kỷ sau, tốc độ phát triển của công nghiệp nhẹ đã cao hơn thập kỷ trước. Năm 1983, công nghiệp nhẹ chiếm 1/3 giá trị công nghiệp.

Sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp đã thúc đẩy nền kinh tế An-ba-ni phát triển với nhịp độ cao và ổn định. Từ năm 1951 đến năm 1980, tính bình quân hằng năm mức tăng của toàn bộ nền kinh tế là 8,7% trong đó công nghiệp tăng 12,4%, nông nghiệp tăng 5%, và thu nhập quốc dân tăng 7,4%.

An-ba-ni cho rằng nền kinh tế phải đi bằng hai chân: công nghiệp hiện đại và nông nghiệp hiện đại; và việc thực hiện công nghiệp hóa là nhân tố quyết định sự phát triển ổn định của nông nghiệp. Trước khi bước vào giai đoạn hiện đại hóa, nông nghiệp An-ba-ni đã hoàn thành hợp tác hóa. Trong mười năm đầu, từ 1946 đến 1955, nội dung chủ yếu của hợp tác hóa nông nghiệp là trên cơ sở nâng cao

ý thức tự giác của nông dân, làm cho họ nhận rõ tính hơn hẳn của lối làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa, đưa họ vào các hợp tác xã cấp thấp. Sang những năm 1956 — 1960, An-ba-ni hoàn thành về căn bản hợp tác hóa nông nghiệp trong cả nước. Tiếp đó, là việc liên kết các hợp tác xã quy mô nhỏ thành các hợp tác xã có quy mô ngày càng lớn. Hiện nay bình quân mỗi hợp tác xã có khoảng 1200 héc ta, riêng ở vùng đồng bằng, mỗi hợp tác xã có từ 2000 đến 3000 héc ta. Việc thành lập các hợp tác xã có quy mô lớn có lợi cho việc tưới tiêu, cơ khí hóa, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến và nhiều mặt khác. Ở An-ba-ni, các hợp tác xã nông nghiệp cao cấp hiện chiếm 24% tổng diện tích canh tác, và được xây dựng chủ yếu ở vùng đồng bằng, là loại hợp tác xã được Nhà nước cấp phát vốn để phát triển sản xuất, số vốn đó không phải hoàn lại. Trong các hợp tác xã này, cán bộ và xã viên được hưởng lương và các chế độ phúc lợi gần giống như trong các đơn vị kinh tế quốc doanh.

Hiện nay, nông thôn An-ba-ni đã được trang bị đầy đủ máy kéo và các loại máy móc khác để bảo đảm cơ khí hóa những khâu lao động chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp. Lượng phân bón cũng tăng nhanh, năm 1950, bình quân mỗi héc ta được bón 3 ki lô gam phân hóa học thì năm 1983 mỗi héc ta đã được bón 115 ki lô gam. Việc phát triển các công trình thủy lợi cũng là một cố gắng lớn của An-ba-ni. Do điều kiện thiên nhiên, diện tích đất nông nghiệp An-ba-ni trải ra trên hai vùng: 10% thuộc vùng đồng bằng, còn lại thuộc vùng trung du và miền núi, hầu hết ruộng đất ở đồng bằng lại là vùng trũng. Nhà nước An-ba-ni đã đầu tư hàng chục tỷ đồng để xây dựng các công trình tưới tiêu, trong đó có 600 hồ chứa nước, trên khắp cả hai vùng nông

nghiệp. Nhờ vậy, hiện nay gần 60% diện tích trồng trọt đã chủ động được việc tưới tiêu, đưa An-ba-ni đứng vào hàng đầu các nước châu Âu về tỷ lệ diện tích được tưới tiêu, so với tổng diện tích trồng trọt.

Từ chỗ trước đây chỉ là «vương quốc của ngô», An-ba-ni đã và đang xây dựng một nền kinh tế nông nghiệp phát triển toàn diện. An-ba-ni chủ trương phát triển cân đối tất cả các ngành kinh tế ở nông thôn, vừa có trồng trọt, vừa có chăn nuôi, vừa có lương thực vừa có cây công nghiệp và cây rau quả, vừa có nghề cá vừa có nghề rừng, vừa chú ý đồng bằng vừa chú ý trung du và miền núi.

Cuộc cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp đã tạo ra năng suất cao trong trồng trọt và chăn nuôi. Năm 1983, lúa mì đạt 6 tấn/héc ta và ngô đạt 12 tấn/héc ta trên toàn bộ diện tích, đưa tổng sản lượng lương thực cả năm lên 1,6 triệu tấn. Ngày nay An-ba-ni đã có thể tự mình đáp ứng đầy đủ nhu cầu của nhân dân về lương thực, thịt, sữa, rau quả, trứng, và bảo đảm 80% nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm. Nông nghiệp còn cung cấp 10% giá trị hàng xuất khẩu.

Do kết quả phát triển công nghiệp và nông nghiệp, nền ngoại thương An-ba-ni cũng phát triển. Mặt hàng xuất khẩu của An-ba-ni chủ yếu là khoáng sản đã được sơ chế trong nước gồm dầu mỏ, khí đốt, đồng, điện, kền, bô xít v.v. và các thiết bị hàm molybden, hóa chất, vải, thuốc lá, đồ hộp... An-ba-ni là nước đứng thứ hai thế giới về xuất khẩu cơ rôm. Hiện nay, An-ba-ni đã có thể lấy xuất khẩu để trang trải nhập khẩu và tạo ra tích lũy nhất định, thúc đẩy nhanh quá trình xây dựng kinh tế và nâng cao phúc lợi xã hội.



Cùng với những thành tựu trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội, những thành tựu về kinh tế bốn mươi năm qua là niềm tự hào chính đáng của nhân dân An-ba-ni. Chào mừng kỷ niệm thứ 40 quốc khánh An-ba-ni, nhân dân Việt nam bày tỏ sự vui mừng trước những thành tựu xây dựng đất nước của nhân dân An-ba-ni anh em. Chúng ta tin tưởng rằng

trên cơ sở những thắng lợi đã đạt được, với truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, nhân dân An-ba-ni, dưới sự lãnh đạo của Đảng lao động An-ba-ni, đứng đầu là đồng chí An-ve Hốt-gia, nhất định sẽ giành những thắng lợi ngày càng rực rỡ hơn nữa trên con đường xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, làm cho « đất nước phượng hoàng » ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

CHỦ NGHĨA LÊ-NIN...

(Tiếp theo trang 19)

dại, sâu sắc, đôn dập. Đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của thế giới đang có những đổi thay căn bản có lợi cho độc lập dân tộc, dân chủ, chủ nghĩa xã hội và hòa bình. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã và đang cách mạng hóa thế giới. Những di sản của Lê-nin phát triển học thuyết Mác, Ăng-ghe-n trong thời đại mới là vô giá. Thật là đối trá người nào tự nhận là mác xít mà lại không phải là lê nin nít! Có thể nào trung thành với chủ nghĩa Mác mà lại phủ nhận chủ nghĩa Lê-nin?! Có thể nào thật sự theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà lại chống Liên-xô, chống Việt nam, chống chủ nghĩa xã hội hiện thực?! Bất chấp và chiến thắng mọi kẻ thù, chủ nghĩa Lê-nin mãi mãi soi sáng những mục tiêu cao cả của thời đại chúng ta. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin mãi mãi là ngọn cờ dẫn dắt chúng ta tiến lên, vượt qua mọi thử thách, là vũ khí sắc bén không gì thay thế được giúp chiến thắng mọi loại kẻ thù, đưa sự nghiệp cách mạng đi tới đích cuối cùng - chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Từ chế độ phong kiến...

(Tiếp theo trang 66)

hiềm vào lãnh thổ Mông cổ, hòng gây dịch bệnh giết hại dân gia súc, làm suy sụp ngành chăn nuôi của Mông cổ. Trước những hành động thù địch bần thiêu đó của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc, Mông cổ đã buộc phải thực hiện những biện pháp phòng thủ, bảo vệ nền độc lập của đất nước và bảo đảm an ninh cho nhân dân.

Là người bạn thân thiết của nhân dân Mông cổ, nhân dân Việt nam luôn theo dõi với mỗi cảm tình sâu sắc sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của nhân dân Mông cổ. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Mông cổ, chúng ta chân thành gửi tới nhân dân Mông cổ anh em những lời chúc mừng tốt đẹp nhất và tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng nhân dân cách mạng Mông cổ, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư G. Bát-môn-khơ, với tinh thần lao động cần cù và sáng tạo của mình, với sự giúp đỡ mọi mặt, vô tư của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, nhân dân Mông cổ nhất định sẽ vượt qua mọi thử thách, khó khăn, thu được những thành tích ngày càng rực rỡ trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

ПЕРЕДОВАЯ — Активизировать социалистическое преобразование сельского хозяйства в провинциях Намбо. ★ ★ ★ — Общими усилиями государства и народа. НГУЕН ДЫК БИНЬ — Ленинизм — марксизм в нашу эпоху. ФАМ МИНЬ ХАК — Общеобразовательная реформа в СССР в настоящее время. НГУЕН ЧОНГ БАО — 3 года реализации профориентации в школе. ВУ КАО ДАМ — К вопросу об научном и техническом прогрессе в обновлении экономического управления. ЙЕН ВАН — Из феодального строя к социализму. ЧИНЬ ЗАМ — Экономика Албании за 40 лет развития.

REVIEW OF COMMUNISM N° 11-1984

Editorial — Actively and steadily carrying out the socialist transformation of agriculture in Nam Bo provinces. ★ ★ ★ — Combined efforts by the State and the people. NGUYỄN ĐỨC BÌNH — Leninism — Marxism in our Time. PHẠM MINH HẠC — Present educational reforms in the Soviet Union. NGUYỄN TRỌNG BẢO — Three years of occupation—orienting work in general education schools. VŨ CAO ĐÀM — The problem of scientific and technical advances in the renewal of economic management. YẾN VÂN — Direct advance from feudalism to socialism. TRỊNH DÂN — Forty years of Albania's economic development.

REVUE DU COMMUNISME N° 11-1984

Editorial — Procéder activement et fermement à la transformation socialiste de l'agriculture dans les provinces du Sud. ★ ★ ★ — L'Etat et le peuple oeuvrent ensemble. NGUYỄN ĐỨC BÌNH — Le Léninisme — le Marxisme de notre époque. PHẠM MINH HẠC — La réforme de l'enseignement en Union Soviétique. NGUYỄN TRỌNG BẢO — Trois années d'application du programme d'orientation professionnelle dans les écoles de l'enseignement général. VŨ CAO ĐÀM — A propos des progrès scientifiques et techniques dans la rénovation de la gestion économique. YẾN VÂN — Du féodalisme directement au socialisme. TRỊNH DÂN — L'économie de l'Albanie à travers quarante ans de développement.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 11-1984

Editorial — Realizar de manera activa y segura la transformación socialista de la agricultura en las provincias de Nam Bo. ★ ★ ★ — El Estado y el pueblo en cooperación. NGUYỄN ĐỨC BÌNH — El leninismo — el marxismo de nuestra época. PHẠM MINH HẠC — La actual reforma de la educación en la URSS. NGUYỄN TRỌNG BẢO — Tres años de la puesta en práctica la orientación profesional en las escuelas de enseñanza general. VŨ CAO ĐÀM — El progreso científico y técnico en la renovación de la gestión económica. YẾN VÂN — El avance directo del régimen feudal al socialismo. TRỊNH DÂN — 40 año de desarrollo económico en Albania.

Mục lục

Xã luận – Tiến hành tích cực và vững chắc công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ	1
★ ★ ★ – Nhà nước và nhân dân cùng làm	6
NGUYỄN ĐỨC BÌNH – Chủ nghĩa Lê-nin – chủ nghĩa Mác trong thời đại chúng ta	10
PHẠM MINH HẠC – Cải cách giáo dục ở Liên xô hiện nay	20
NGUYỄN TRỌNG BẢO – Ba năm thực hiện công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông	26
VŨ CAO ĐÀM – Vấn đề tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong đời mới quản lý kinh tế	31
DOÀN TRỌNG – Tình hình các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp ở Nam bộ	37
Nghiên cứu ★ QUYẾT TIẾN – Xóa bỏ áp bức dân tộc và xây dựng quyền bình đẳng giữa các dân tộc	42
Trào đổi ý kiến về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ★ LƯU KHÁNH VĂN – Long phú phân đấu xây dựng huyện vững mạnh toàn diện ★ NGUYỄN HỒNG DIỆP – Huyện Sa thấy đi lên dâng hương ★ NGUYỄN VĂN TÝ – Mèo vạc tự lực, tự cường vươn lên	49
YẾN VÂN – Từ chế độ phong kiến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội	64
TRỊNH DÂN – Nền kinh tế An-ba-ni qua 10 năm phát triển	67
Bìa 4 – Tranh của Đặng Đức Sinh	

Trụ sở Bộ biên tập:

1, Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dây nói: 52061 – 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:

19, Duy Tân – T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 – 22010

Đã có bán

LỊCH 1985
TẠP CHÍ CỘNG SẢN
(lịch bỏ túi)

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 xuất bản
tạp chí.

Khổ 7×12 , dày 144 trang, in hai màu.

Bìa ni lông in chữ vàng.



TẠP CHÍ CỘNG SẢN XUẤT BẢN



MỞ ĐƯỜNG HẦM
Công trường thủy điện Hòa bình

Tạp chí Cộng sản

MAIN/UC-B
CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

12

12. 1984

QUÂN ĐỘI TA TRUNG VỚI ĐẢNG, HIẾU VỚI DÂN,
SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU HY SINH VÌ ĐỘC LẬP, TỰ
DO CỦA TÒ QUỐC, VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. NHIỆM
VỤ NÀO CŨNG HOÀN THÀNH, KHÓ KHĂN NÀO
CŨNG VƯỢT QUA, KẼ THÙ NÀO CŨNG DÀNH THẮNG.

HỒ CHÍ MINH

*(Lời phát biểu tại buổi chiêu đãi
mừng quân đội ta 20 tuổi).*

MỤC LỤC

TẠP CHÍ CÔNG SẢN

NĂM 1984

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
I - Những vấn đề chung về đường lối, chính sách của Đảng.		
- Làm chủ tập thể - một động lực to lớn để xây dựng chủ nghĩa xã hội	<i>Xã luận</i>	1
- Làm chủ tập thể, sử dụng sức mạnh tổng hợp, tạo chuyển biến sâu sắc về kinh tế, xã hội	<i>Lê Duẩn</i>	1
- Phấn đấu xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh	<i>Xã luận</i>	2
- Nêu cao cảnh giác, bảo vệ Tổ quốc	<i>Xã luận</i>	3
- Phát huy nhân tố mới, đưa nông nghiệp tiến lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa	<i>Xã luận</i>	4
- Diễn văn của đồng chí Trường Chinh đọc tại lễ kỷ niệm lần thứ 10 ngày ra đời của Đề cương về cách mạng văn hóa Việt nam	<i>Trường Chinh</i>	4
- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng	<i>Xã luận</i>	6
- Nông dân tập thể và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội	<i>Xã luận</i>	7
- Một số vấn đề củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	<i>Văn Tiến Dũng</i>	7
- Hãy thực hiện tốt những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế	<i>Xã luận</i>	8

TÊN BÀI.	TÁC GIẢ
- Cần làm tốt việc sắp xếp lại sản xuất công nghiệp - Phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường xây dựng đất nước. - Năm vững quy luật, đổi mới quản lý kinh tế - Cải tạo và quản lý thị trường - Xây dựng lực lượng công an nhân dân xứng đáng là công cụ tin cậy của Đảng, công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản, là con em yêu quý của nhân dân. - Hòa bình phải được giữ vững - Tiến hành tích cực và vững chắc công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ	<i>Đỗ Mười</i> <i>Xã luận</i> <i>Lê Duẩn</i> <i>Xã luận</i> <i>Phạm Hùng</i> <i>Hoàng Tùng</i> <i>Xã luận</i>
II - Kinh tế. - Công trái xây dựng Tổ quốc - Tích lũy và tiêu dùng trong chặng đường trước mắt ở nước ta - Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - Mấy suy nghĩ về hoàn chỉnh cơ chế khoán sản phẩm trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp - Điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp ở Tây ninh - Phát huy sức mạnh làm chủ tập thể, thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1984 - Một số vấn đề về phân phối lưu thông - Tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường - Cuộc đấu tranh giữa "hai con đường" trên lĩnh vực giá cả - Những thành tựu bước đầu của Long an trên mặt trận kinh tế - Về phân phối theo lao động trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta - Đổi mới hướng dẫn tư khai thác than - Nhà nước và nhân dân cùng làm - Tình hình các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp ở Nam bộ	★★★ <i>Chu Tam Thử</i> <i>Trường Sơn</i> <i>Xuân Kiên</i> <i>Phan Văn</i> ★★★ <i>Trần Hồ</i> <i>Vân Tùng</i> <i>Đoàn Trọng Truyền</i> <i>Lê Văn Kiên</i> <i>Trần Hồ</i> <i>Trần Anh Vinh</i> ★★★ <i>Đoàn Trọng</i>
III - Chính trị - Triết học - Quân sự. - Cách đánh của Quang Trung - Một số vấn đề cấp thiết của công tác dân tộc	<i>Hoàng Minh Thảo</i> <i>Hoàng Trường Minh</i>

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
Một đỉnh cao chiến thắng vĩ đại	<i>Thành Tín</i>	3
Lãnh đạo tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, xã và các cấp tương đương	★★★	1
Làm tốt công tác định canh, định cư	<i>Cư Hòa Văn</i>	4
Vinh dự và trách nhiệm của người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	<i>Nguyễn Nam Khánh</i>	5
Bước tiến mới trong công tác xây dựng pháp luật của Nhà nước ta	<i>Phan Hiền</i>	6
Tội ác mới của bọn phản động Trung quốc	★★★	6
Đường Hồ Chí Minh — một kỳ công chiến lược	<i>Việt Phương</i>	6
Đổi mới, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng với quân đội	<i>Lê Xuân Lưu</i>	7
Chuẩn bị đất nước sẵn sàng động viên chiến tranh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	<i>Lê Trọng Tấn</i>	7
Mặt trận Tổ quốc với việc tổ chức đời sống xã hội trên địa bàn dân cư	<i>Đặng Ngọc Nam</i>	8
Sử dụng sức mạnh tổng hợp — một bài học lớn của cách mạng	<i>Vinh Nghiêm</i>	9
Thủ đô Hà nội 30 năm vừa xây dựng vừa chiến đấu	<i>Trần Vi</i>	10
Quản lý kinh tế xã hội bằng pháp luật	<i>Nguyễn Hữu Thọ</i>	10
Quân và dân tỉnh Hà tuyên kiên quyết đánh bại mọi âm mưu xâm lược và phá hoại của bọn phản động Trung quốc	<i>Nguyễn Đức Thiệp</i>	10
Chủ nghĩa Lê-nin — chủ nghĩa Mác trong thời đại chúng ta	<i>Nguyễn Đức Bình</i>	11
IV — Kỷ niệm lần thứ 30 Chiến thắng Điện biên phủ.		
Mấy vấn đề nghệ thuật quân sự trong chiến cuộc Đông—Xuân 1953 — 1954 và chiến dịch Điện biên phủ	<i>Hoàng Văn Thái</i>	3
Phát huy truyền thống Điện biên phủ	<i>Xã luận</i>	5
Về mưu kế và thế trận trong cuộc tiến công chiến lược Đông—Xuân 1953 — 1954 và chiến dịch Điện biên phủ	<i>Hoàng Minh Thảo</i>	5
Chiến thắng Điện biên phủ, thành quả sức mạnh tổng hợp của cả nước	<i>Nguyễn Hữu Đạo</i>	5
Điện biên phủ — bài học thắng lợi	<i>Nguyễn Hữu Hợp</i>	5
Điện biên phủ — bài học thắng lợi	<i>Hồng Quang</i>	5
Điện biên phủ: đòn mở đầu cuộc kháng hoàng chiến lược quân sự Mỹ	<i>Nhuận Vũ</i>	5

TÊN BÀI

TÁC GIẢ

V - Kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam

- Xây dựng quân đội ta hùng mạnh, đủ sức chiến thắng mọi kẻ thù.
- Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam - nhân tố quyết định mọi chiến thắng và trưởng thành của lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam
- Mấy bài học kinh nghiệm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam
- Hậu cần của quân đội cách mạng
- Một tác phẩm quân sự có giá trị lớn về tổng kết lý luận và chỉ đạo thực tiễn
- Phát huy truyền thống quý báu: đoàn kết quân dân, quân với dân một ý chí
- Tìm hiểu những nét đặc sắc của nền nghệ thuật quân sự Việt nam hiện đại
- Trang sử đen của nền nghệ thuật quân sự Mỹ

Xã luận

Chu Huy Mân

Hoàng Văn Thái

Bùi Phùng

Hoàng Phương

Thế Trường

Vũ Khắc Long

Nhuận Vũ

VI - Văn hóa - giáo dục.

- Bảo chi và chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa
- Về thị hiếu thẩm mỹ của thanh niên ở các tỉnh, thành miền Nam
- Sức sống của một cộng đồng bốn nghìn năm văn hiến
- Qua một số phim truyện Việt nam năm 1983
- Đề góp phần xây dựng chiến lược khoáng sản của nước ta
- Sử học Trung quốc phủ nhận sao nổi bốn nghìn năm văn hiến của dân tộc Việt nam?
- Đẩy nhanh tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân
- Cách mạng và sự nghiệp văn học của một thời đại, của mỗi nhà văn
- Lê Quý Đôn - nhà bác học Việt nam thế kỷ XVIII
- Mấy vấn đề cấp bách về dân số
- Hai mươi lăm năm phim truyện Việt nam

Hồng Chương

Trần Trọng Đăng
Đàn

Lê Xuân Vũ

Trần Đức

Tạ Hoàng Tinh -
Trần Đức Giang

Phạm Huy Thông

Đặng Hữu

Lê Xuân Vũ

Nguyễn Tài Thư

Đặng Thu

Nguyễn Thu

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
Nguyễn Thông – một ngôi sao sáng của nước ta nửa cuối thế kỷ XIX	Trương Quốc Minh	8
Nghiên cứu khoa học phục vụ nhu cầu của cách mạng: một hoạt động cơ bản của nhà trường đại học	Hồ Đắc Di	9
Cải cách giáo dục ở Liên xô hiện nay	Phạm Minh Hạc	11
Ba năm thực hiện công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông	Nguyễn Trọng Bảo	11
Vấn đề tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong đổi mới quản lý kinh tế	Vũ Cao Đàm	11
VII – Đảng – Các tổ chức quần chúng.		
Giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ	Vũ Mão	1
Đồng chí Nguyễn Ái Quốc với phong trào cộng sản quốc tế và cách mạng Đông dương thời kỳ 1930 – 1940	Thế Tệp	2
Chức vụ và uy tín	Trọng Nghĩa	2
Tư cách người đảng viên	Tiến Hải	5
Giai cấp công nhân, lực lượng chính trị cơ bản của chủ nghĩa xã hội	Nguyễn Đức Thuận	7
Những quan điểm cơ bản của Lê nin về sử dụng các chuyên gia tư sản	Trần Hậu	9
“Ba lợi ích”	Vũ Khánh	10
VIII – Trao đổi ý kiến về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.		
Vấn đề sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện	Vũ Oanh	2
Vấn đề phân cấp quản lý cho huyện ở Hải phòng	Nguyễn Dân	2
Quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành trên địa bàn huyện	Lê Huy Thiết	2
Tam diện phân đấu xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh	Vũ Văn Liêm	2
Ý nghĩa của việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện	Nguyễn Lễ	3
Thái bình xây dựng các đảng bộ huyện và củng cố các tổ chức cơ sở Đảng	Trương Đảng Hòa	2

TÊN BÀI	TÁC GIẢ
- Một số biện pháp chủ yếu tạo bước phát triển kinh tế trên địa bàn huyện của Duy tiên - Tổ chức sản xuất nông nghiệp - lâm nghiệp trên địa bàn huyện Thanh chương - Tiên lãg xây dựng kinh tế kết hợp với củng cố quốc phòng trên địa bàn huyện - Vấn đề phát triển văn hóa trong xây dựng huyện - Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở tỉnh Quảng nam - Đà nẵng - Xây dựng huyện nông - lâm - công nghiệp - Về liên kết kinh tế trên địa bàn huyện - Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở An nhơn - Từ một huyện nông nghiệp tiến lên thành một huyện có cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư - công nghiệp toàn diện - Thái thủy đang cố gắng khai thác tiềm năng kinh tế của huyện miền biển - Về pháo đài quân sự huyện - Công tác quân sự địa phương trong xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện - Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện để đưa nông nghiệp Nghĩa bình từng bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa - Đảng bộ huyện Mỹ văn di lên từ sự đoàn kết nhất trí - Vinh long coi trọng công tác bồi túc văn hóa - Mấy vấn đề về xây dựng huyện ở Lạng sơn trong tình hình hiện nay - Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở Thanh hóa - Tổ chức lại sản xuất, phân bổ lại lao động trên địa bàn huyện - Long phú phấn đấu xây dựng huyện vững mạnh toàn diện - Huyện Sa thây đi lên đúng hướng - Mèo vạc tự lực, tự cường vươn lên - Thê trạn cấp huyện - Yên minh phấn đấu xây dựng thành huyện chiến đấu và sản xuất tốt IX - Nghiên cứu về các quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. - Thực hiện và củng cố quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân mà hạt nhân là đảng mác xít - lê nin nít dôi với quần chúng lao động	Nguyễn Văn Mỹ Nguyễn Phương Qu Nguyễn Văn Lưu Lê Quý Đức Phạm Đức Nam Lương Duy Ánh Hồng Long Trương An Hoàng Công Cham Cao Sĩ Kiêm Châu Khải Dịch Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Phú khánh Tô Đình Cơ Nguyễn Quang Vũ Quốc Châu Lê Thăng Hà Trọng Hòa Phan Thanh Phong Lưu Khánh Văn Nguyễn Hồng Diệp Nguyễn Văn Tý Hoàng San Nguyễn Đình Miên
IX - Nghiên cứu về các quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. - Thực hiện và củng cố quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân mà hạt nhân là đảng mác xít - lê nin nít dôi với quần chúng lao động	Quyết Tiến

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
En hành cách mạng vô sản dưới hình thức này hoặc hình thức khác	<i>Quyết Tiến</i>	2
Thiết lập nền chuyên chính vô sản dưới hình thức này hoặc hình thức khác	<i>Quyết Tiến</i>	3
Thực hiện và củng cố khối liên minh giữa giai cấp công nhân với quần chúng cơ bản trong nông dân và các tầng lớp lao động khác	<i>Quyết Tiến</i>	4
Chủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và kiến lập sở hữu công cộng về những tư liệu sản xuất cơ bản	<i>Quyết Tiến</i>	5
Đãi tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp	<i>Quyết Tiến</i>	6
Thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa	<i>Quyết Tiến</i>	7
Phát triển kinh tế quốc dân có kế hoạch nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản và nâng cao mức sống của những người lao động	<i>Quyết Tiến</i>	8
Thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa	<i>Quyết Tiến</i>	9
Xóa bỏ áp bức dân tộc và xây dựng quyền bình đẳng giữa các dân tộc	<i>Quyết Tiến</i>	11
Bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội chống sự phá hoại của kẻ thù bên ngoài và bên trong	<i>Quyết Tiến</i>	12
X - Quốc tế.		
- Bề rộng và chiều sâu của một thất bại chiến lược	<i>Thành Tín</i>	.1
- Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia : năm năm thắng lợi trong công cuộc hồi sinh dân tộc và xã hội	★★★★	1
- Thành tựu rực rỡ, công hiến xuất sắc của cách mạng Cu-ba	<i>Phạm Xuân Nam</i>	1
- Cục diện thế giới - Sang năm mới, nhìn lại năm cũ	★★★★	1
- Trung quốc « dĩ hóa » hay không « dĩ hóa »?	<i>Trần Quốc Tú</i>	4
- Bóng đen của chủ nghĩa quân phiệt tại Nhật bản	<i>Nhuận Vũ</i>	4
- Lê-nin nói về Việt nam và Đông dương	<i>Chương Thâu</i>	5
- Kỷ niệm lần thứ 60 ngày xuất bản tạp chí « Người cộng sản » (Liên xô)		6
- Tạp chí tiên hồi trực tiếp của <i>Người bên-sê-vích</i> - <i>Người cộng sản</i>	★★★★	6

TÊN BÀI

- Thực chất tình hình hiện nay ở Đông Nam châu Á
- Nhân dân Ba lan đang tiến bước vững chắc
- Cách mạng Ni-ca-ra-goa đang không ngừng phát triển
- Phân kỳ thời kỳ quá độ ở các nước xã hội chủ nghĩa
- Công nghiệp và nông nghiệp Ru-ma-ni dưới chính quyền nhân dân
- Kế tục sự nghiệp vĩ đại của Quốc tế I
- Những thành tựu về kinh tế của Bun-ga-ri
- Ê-ti-ô-pi-a trên đường thắng lợi
- Sự đóng góp quý báu của các hiến pháp xô viết vào việc xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa
- Kinh tế Cộng hòa dân chủ Đức trên đà phát triển vững mạnh
- Một cường linh chính trị cường chiến
- Từ chế độ phong kiến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội
- Nền kinh tế An-ba-ni qua 40 năm phát triển

TÁC GIẢ

*Phạm Bình
Hữu Nghị
Thiện Dân
Nguyễn Ngọc Tuấn*

*Lê Tịnh
★★★
Nguyễn Hồ
Hồ Bất Khuất*

*Phan Hiền
Yên Văn
Nhuận Vũ
Yên Văn
Trịnh Dân*

XI - Văn kiện - Tư liệu.

- Thông báo của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam về việc đồng chí lu. V. An-drô-pốp từ trần
- Lời diếu của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam...
- Một bài báo của Bác Hồ cách đây 65 năm : Vấn đề dân bản xứ
- Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội thứ năm của Quốc tế cộng sản (1921)
- Diễn văn của đồng chí Trường Chinh đọc tại lễ kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng Điện biên phủ
- Hội nghị lần thứ sau Ban chấp hành trung ương Đảng - Về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế

Thơ Tập

KỶ NIỆM LẦN THỨ 40 NGÀY THÀNH LẬP LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

Xã luận

XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI TA HÙNG MẠNH, ĐUỔI SỨC CHIẾN THẮNG MỌI KẺ THÙ

MỘT trong những thành quả vĩ đại của cách mạng nước ta là đã sáng tạo ra được một quân đội nhân dân vô địch. Chưa bao giờ trong lịch sử nước ta, chúng ta có được một quân đội mạnh như ngày nay. Sức mạnh vô địch của quân đội ta được chứng minh hùng hồn bằng những thắng lợi rất vẻ vang trong 40 năm chiến đấu hầu như không lúc nào nghỉ.

Ra đời từ những đội vũ trang tập trung và không tập trung trong các cao trào cách mạng của quần chúng, vừa xây dựng vừa chiến đấu trong điều kiện rất khó khăn, gian khổ, quân đội ta đã trưởng thành nhanh chóng, cùng với nhân dân đánh thắng những kẻ thù hung ác, xảo quyệt, lớn mạnh hơn mình gấp nhiều lần, tạo nên những bước ngoặt của cách mạng nước ta trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Với thắng lợi rực rỡ của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, quân đội ta cùng với toàn dân đã giành được chính quyền trong cả nước, lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Quân đội ta trở thành quân đội của nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

Với thắng lợi vang dội của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc bằng chiến dịch Điện Biên phủ chấn động địa cầu năm 1954, quân đội ta cùng với toàn dân đã chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của bọn thực dân Pháp trên đất nước ta, mở đầu thời kỳ sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới, giải phóng một nửa nước, đưa miền Bắc nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Với thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975, quân đội ta cùng với toàn dân đã đánh bại tên đế quốc đầu sỏ lớn mạnh nhất, chấm dứt oanh liệt cuộc kháng chiến lâu dài nhất, khó khăn nhất và vĩ đại nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Cuộc kháng chiến đó đã đập tan sự phân

công lớn nhất của chủ nghĩa đế quốc vào các lực lượng cách mạng kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, mở ra thời kỳ phá sản không tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới trên toàn thế giới, giải phóng hoàn toàn miền Nam, làm cho cả nước ta được độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, đánh dấu một thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của dân tộc ta. Quân đội ta trở thành một trong những quân đội lớn mạnh nhất thế giới.

Với thắng lợi vẻ vang của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa chống bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc xâm lược năm 1978 - 1979, quân đội ta cùng với toàn dân đã làm thất bại bước đầu âm mưu thôn tính của kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm ở ngay sát đất nước ta, tạo ra thế và lực mới chưa từng có cho cách mạng ở nước ta và trên toàn bán đảo Đông dương, tạo điều kiện rất thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Quân đội ta được rèn luyện và trưởng thành thêm một bước quan trọng.

Là một quân đội cách mạng, quân đội nhân dân, một đội quân chiến đấu, công tác và sản xuất như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy, quân đội ta đã hằng hà tài năng gia sản xuất, tự túc được một phần quan trọng về lương thực thực phẩm và các thứ khác, làm giảm bớt sự đóng góp của nhân dân trong thời chiến cũng như trong thời bình, tích cực xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, hậu cần quân đội. Cùng với các ngành khác, quân đội ta tham gia giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, nhất là tham gia xây dựng kinh tế, góp phần trực tiếp vào việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thấm nhuần tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, thủy chung, "giúp bạn cũng là tự giúp mình", quân đội ta trong quá trình cách mạng lâu dài, đã sát cánh cùng với quần và dân hai nước anh em Lào và Cam-pu-chia, chiến đấu chống kẻ thù chung của ba nước Đông dương, trước đây là thực dân Pháp; đế quốc Mỹ và ngày nay là chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung quốc cầu kết với đế quốc Mỹ, làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và cách mạng Cam-pu-chia.

Trải qua bốn mươi năm đấu tranh đầy gian khổ và hy sinh, quân đội ta đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, dù đó là nhiệm vụ chiến đấu trên các chiến trường hay làm nghĩa vụ quốc tế ở các nước anh em; là nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân hay xây dựng kinh tế tại những nơi khó khăn, xung yếu, trong những lĩnh vực trọng điểm, then chốt; là nhiệm vụ phối hợp với các lực lượng công an đấu tranh chống âm mưu và hành động phá hoại của kẻ thù, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội hay cùng nhân dân chống thiên tai, bão lụt. Quân đội ta đã thể hiện lòng trung thành vô hạn với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân. Quân đội ta thật xứng đáng với lời khen của Bác Hồ kính yêu: "Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng" (1); xứng đáng là công cụ đáng tin cậy của Đảng và Nhà nước chuyên chính vô sản, một trụ cột vững chắc của chế độ mới xã hội chủ nghĩa và là con em yêu quý của nhân dân.

Chính vì vậy mà Quân đội ta đã được Đảng và Nhà nước ta tặng thưởng những huân chương cao quý nhất.



(1) Hồ Chí Minh. Tuyên bố, Báo Sự thật, Hà Nội, 1980, tập 2, tr. 345



HỒ CHỦ TỊCH [KHEN THƯỞNG QUÂN ĐỘI

Cán bộ và chiến sĩ quân đội ta nhận thức sâu sắc rằng : mọi chiến công và thành tựu của quân đội ta trước hết đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản, sự chăm sóc, dạy dỗ của Bác Hồ, người cha, người thầy, người đồng chí thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân ta. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, Đảng đã xác định đường lối cách mạng đúng đắn, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong các thời kỳ cách mạng. Từ đó, vạch ra một cách đúng đắn đường lối quân sự, chiến lược chiến tranh nhân dân giải phóng trước đây và chiến lược chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Đảng đã lãnh đạo chặt chẽ và giải quyết thành công hàng loạt vấn đề về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, về chỉ đạo khởi nghĩa vũ trang và tiến hành chiến tranh cách mạng, về xây dựng nền khoa học và nghệ thuật quân sự Việt nam, về củng cố nền quốc phòng toàn dân...

Đảng ta đã thể hiện bản lĩnh vững vàng trong lãnh đạo quân sự, chú trọng cải tiến và đổi mới cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với quân đội qua các thời kỳ cách mạng nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng, bảo đảm cho quân đội ta hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao phó. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : « Quân đội ta có sức mạnh vô địch, vì nó là một quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục » (2).

Sự thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ hết lòng, hết sức của nhân dân là nguồn sức mạnh vô tận và chỗ dựa vững chắc để quân đội ta chiến thắng và trưởng thành. Từ ngày thành lập đến nay, quân đội ta luôn luôn được nhân dân chăm sóc về mọi mặt như người mẹ hiền, cao đẹp, đáng cảm. Nhân dân ta đã cống hiến những gì quý báu nhất của mình, gồm sức người, sức của và tiền bạc cho quân đội. Dù khó khăn trăm bề, nhân dân ta vui lòng chịu đựng mọi thiếu thốn, hy sinh để quân đội ăn no, mặc ấm, có đủ chỗ ở, và có trang bị, vũ khí đánh thắng kẻ thù. Từ các cụ già đến các em nhỏ trong nhân dân các dân tộc ở khắp mọi miền đất nước đều quý trọng những đức tính tốt đẹp của Anh bộ đội Cụ Hồ. Tình nghĩa quân với dân đoàn kết keo sơn, cùng một ý chí thật đạt dào, sâu nặng.

Chế độ xã hội mới, trước đây là chế độ dân chủ nhân dân, ngày nay là chế độ xã hội chủ nghĩa, với tính ưu việt của nó, đã đem lại cho quân đội ta sức mạnh cực kỳ to lớn để chiến thắng và không ngừng lớn mạnh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, bộ máy Nhà nước ta cùng các tổ chức xã hội từ Trung ương đến cơ sở đã huy động mọi lực lượng trong nhân dân để giúp cho quân đội ta hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng của mình. Chế độ xã hội mới đã khai thác được những tiềm năng to lớn của đất nước, tạo nguồn bổ sung dồi dào về người và của cho sự nghiệp xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, củng cố hậu phương vững mạnh và xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Sự chiến thắng và trưởng thành của quân đội ta trong 40 năm qua một phần rất quan trọng là nhờ sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả, trên tinh anh em của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, sự đoàn kết keo sơn và phối hợp chiến đấu của quân và dân hai nước láng giềng anh em Lào và Cam-pu-chia, sự ủng hộ tích cực và động viên mạnh mẽ của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên toàn thế giới, trong đó đặc biệt nổi bật là vai trò của Liên xô. Lào và Cam-pu-chia. Mỗi chặng đường thắng lợi và trưởng thành của quân đội ta, đều gắn liền với sự ủng hộ, giúp đỡ

(2) Hồ-Chí-Minh : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập 2, tr. 345.

quốc lễ hết sức quý báu đó. Sự giúp đỡ quốc lễ đã tạo những điều kiện rất quan trọng để quân đội ta đáp ứng kịp thời những yêu cầu ngày càng cao của chiến tranh, của sự nghiệp tiến lên chính quy, hiện đại.

Quân đội ta lớn mạnh như ngày nay còn là do **những cố gắng phấn đấu không biết mệt mỏi của bản thân**. Được giáo dục và rèn luyện trong lò lửa đấu tranh 40 năm qua, quân đội ta đã thật sự là quân đội của dân, do dân, vì dân, gần bó máu thịt với nhân dân, chiến đấu vì hạnh phúc của nhân dân, biết quý trọng, yêu mến, giúp đỡ và bảo vệ nhân dân, dựa vào dân mà chiến đấu. Quân đội ta thể hiện rõ bản chất giai cấp công nhân trong chiến đấu cũng như trong xây dựng, phát huy truyền thống vẻ vang của mình và của dân tộc. Quân đội ta có ý chí quyết chiến, quyết thắng trong chiến đấu chống quân thù, trong học tập nắm vững khoa học kỹ thuật quân sự hiện đại và trong lao động sản xuất, tham gia xây dựng kinh tế, có tinh thần đoàn kết nội bộ chặt chẽ, đoàn kết quân dân gần bó, đoàn kết quốc tế thủy chung, có ý thức tự giác tuân theo kỷ luật, luôn luôn nêu cao tinh thần quốc lễ vô sản, sẵn sàng làm tròn nghĩa vụ quốc lễ của mình.



Cuộc đấu tranh giai cấp trên phạm vi thế giới giữa một bên là các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và liên bộ xã hội và một bên là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác, đang diễn ra rất quyết liệt và phức tạp. Ở khu vực Đông Nam châu Á, cuộc đấu tranh giai cấp giữa cách mạng và phản cách mạng cũng diễn ra rất gay gắt, trong đó Đông dương đã và đang là một địa bàn nóng bỏng. Đối với đất nước ta, bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc cầu kết với đế quốc Mỹ, đang tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt bằng những hành động ngày càng điên cuồng, trắng trợn hơn, đồng thời vẫn ráo riết chuẩn bị chiến tranh xâm lược quy mô lớn khi có điều kiện.

Trước tình hình rất phức tạp đó, quân và dân ta không thể thỏa mãn với những gì đã làm được. Những thành tựu to lớn, những kinh nghiệm quý báu của 40 năm xây dựng và trưởng thành của quân đội ta là cơ sở rất tốt để chúng ta vươn lên đáp ứng những yêu cầu mới của tình hình. Ra sức củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang, bảo vệ Tổ quốc, đi đôi với đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội, **vẫn là nhiệm vụ hết sức quan trọng, không phút nào được lơ lửng của quân và dân ta**. Trách nhiệm và nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người chúng ta trong lúc này là phải làm cho đất nước ta thật sự mạnh lên cả về kinh tế và quốc phòng, tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn nhất để bảo vệ đất nước.

Trong sức mạnh tổng hợp ấy, quân đội nhân dân (bao gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và bộ đội biên phòng) là công cụ chủ yếu, trụ cột vững chắc của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, tiêu biểu cho sức mạnh quân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết Đại hội thứ V và các nghị quyết khác của Đảng, chúng ta cần tiếp tục đẩy mạnh công cuộc xây dựng quân đội ta thành một quân đội nhân dân cách mạng, có ý chí quyết thắng sắt đá, có kỷ luật chặt chẽ, có tác phong nghiêm túc, có trình độ chính quy hiện đại ngày càng cao, trình độ sẵn sàng chiến đấu ngày càng hoàn thiện. Công cuộc ấy cần được đưa lên tầm cao mới và tiến hành một cách toàn diện, đồng bộ, cân đối. Yêu cầu quan trọng hàng đầu của nó là **tích cực nâng cao**

chất lượng và sức mạnh chiến đấu của quân đội ta. Trong yêu cầu đó, chúng ta cần giải quyết tốt các mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng, giữa cách mạng và chính quy hiện đại, giữa con người và vũ khí, trang bị kỹ thuật, giữa xây dựng và tác chiến, chú ý đến những yêu cầu khác nhau về chất lượng đối với các thứ quân, đặc biệt là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ — **vấn đề then chốt nhất** của việc nâng cao chất lượng quân đội ta. Đồng thời, cần gắn chặt sự nghiệp xây dựng quân đội nhân dân với sự nghiệp xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng mạnh mẽ, rộng khắp, với sự nghiệp củng cố nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, hiện đại và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Có như vậy, quân đội ta mới đáp ứng được những yêu cầu mới của cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa chống kẻ thù mới, của việc lên lên chính quy, hiện đại, làm tròn nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, cùng với toàn dân bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đồng thời lao động sản xuất, xây dựng kinh tế và làm nghĩa vụ quốc tế.

Đảng và nhân dân ta luôn luôn coi sự nghiệp xây dựng quân đội nhân dân là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của mình. Để tăng cường sự lãnh đạo đối với quân đội trong tình hình mới, Đảng ta đã thực hiện cơ chế lãnh đạo mới đối với quân đội. Chúng ta cần nhận thức đúng đắn, đầy đủ sự đổi mới này, thay đổi nếp suy nghĩ và lối làm việc cũ, sớm đưa cơ chế mới vào nền nếp, phát huy tác dụng của nó. Đồng thời các cấp ủy Đảng ở địa phương cũng cần lãnh đạo chặt chẽ và giải quyết kịp thời những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng bộ đội địa phương.

Toàn Đảng, toàn dân, mọi ngành, mọi cấp, mọi tổ chức tùy theo nhiệm vụ, chức năng và điều kiện của mình mà chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của bộ đội, củng cố và tăng cường tình đoàn kết giữa quân và dân, thực hiện tốt các chính sách hậu phương quân đội, chăm sóc gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình bộ đội, động viên, giáo dục thanh niên hăng hái làm nghĩa vụ quân sự.



Tự hào và phấn khởi kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt nam, ngày truyền thống vẻ vang của các lực lượng vũ trang nhân dân, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nâng cao tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia sự nghiệp xây dựng quân đội. Toàn thể cán bộ và chiến sĩ hãy tích cực đầy mạnh mẽ cuộc vận động « phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân », làm cho quân đội ta ngày càng lớn mạnh và trưởng thành hơn nữa.

Chúng ta tin rằng, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, được sự quan tâm giúp đỡ của các cấp chính quyền, sự chăm sóc tận tình của nhân dân, cùng với sự cố gắng vươn lên của cán bộ, chiến sĩ, quân đội ta sẽ ngày càng hùng mạnh hơn nữa, làm trụ cột vững chắc của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM — NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH MỌI CHIẾN THẮNG VÀ TRƯỞNG THÀNH CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

Đại tướng CHU HUY MÃN

HON nửa thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân Việt nam, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi vĩ đại, đưa xã hội ta tiến lên những bước nhảy vọt ngang tầm phát triển của thời đại, thực hiện mơ ước ngàn đời của mình là: độc lập, tự do và xây dựng cuộc sống văn minh, hạnh phúc.

Trong khoảng thời gian đó, lực lượng vũ trang nhân dân ta được *Đảng cộng sản Việt nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh* kính yêu sáng lập, xây dựng và lãnh đạo, được nhân dân đùm bọc, tin yêu, đã sát cánh cùng với toàn dân, góp phần tạo nên sức mạnh kỳ diệu của cách mạng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

Lịch sử 40 năm chiến thắng và trưởng thành của lực lượng vũ trang nhân dân ta gắn liền với thắng lợi vĩ đại của dân tộc và những bước ngoặt đi lên của cách mạng nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, và cũng là lịch sử tổ chức, giáo dục, lãnh đạo của Đảng đối với quân đội. « Thành quả vĩ đại nhất của quá trình cách mạng ấy là nhân dân ta đã giành được độc

lập hoàn toàn và thống nhất trọn vẹn cho Tổ quốc, cả nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội và có một quân đội nhân dân vô địch » (1).

Lịch sử vẻ vang đó đã làm sáng tỏ thêm một chân lý cách mạng vĩ đại trong thời đại chúng ta: sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân là nguồn gốc, là nhân tố quyết định sự trưởng thành và chiến thắng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam. Đó là bài học kinh nghiệm lớn nhất của Đảng ta trong xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng.

Sự phân tích khoa học của Đảng về đối tượng của cách mạng, về kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm của cách mạng trong mỗi giai đoạn là cơ sở để lực lượng vũ trang nhận rõ đối tượng tác chiến chiến lược, thấy đúng bản chất, âm mưu, chỗ mạnh, chỗ yếu của chúng, cảnh giác và căm thù chúng, quyết chiến và quyết thắng chúng.

Đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, tư tưởng chiến lược tiến công nhất quán, phương pháp đấu tranh

(1) Lê Duẩn: « Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng hùng mạnh ». *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1980, trang 25.

sáng tạo của Đảng đã giải quyết thành công những vấn đề cơ bản và cả những vấn đề cụ thể trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, trong phát triển khoa học, nghệ thuật quân sự Việt nam, trong việc tiến hành chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đảng đã xác định và luôn luôn đặt lên hàng đầu, vấn đề xây dựng, củng cố và phát huy bản chất giai cấp công nhân của quân đội, làm cho quân đội tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, của nhân dân, phát huy truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc, kết hợp tinh thần yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng, xây dựng mối quan hệ quân dân chặt chẽ, coi nhân dân là nguồn sức mạnh vô tận và vô địch của quân đội. Đảng ta không ngừng chăm lo xây dựng tổ chức Đảng trong quân đội vững mạnh về mọi mặt, củng cố nguyên tắc, chế độ lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, rèn luyện đội ngũ đảng viên, cán bộ làm hạt nhân đoàn kết, lãnh đạo quân đội vững vàng tiến lên trong mọi hoàn cảnh.

Đó là nội dung chính của bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội ta trong quá trình lịch sử vừa qua.

Từ thực tiễn 40 năm qua, chúng ta thấy rõ rằng: tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang là điều kiện vô cùng quan trọng, là đòi hỏi khách quan để quân đội ta làm tròn nhiệm vụ chính trị hiện nay của mình, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp chung của cách mạng cả nước. Đó là vì:

Một là, nhân dân ta phải cùng một lúc hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản

chủ nghĩa, từ một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ là phổ biến, bị mất cân đối nghiêm trọng. Hậu quả chiến tranh lâu dài rất nặng nề về nhiều mặt. Trở ngại to lớn mà nhân dân ta phải đương đầu trên bước đường đi lên là chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung quốc cầu kết với đế quốc Mỹ đang tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt hồng làm suy yếu và thôn tính nước ta và các nước khác ở Đông dương, tiến tới thực hiện cuồng vọng làm bá chủ toàn cầu.

Cuộc đấu tranh « ai thắng ai » giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa ở nước ta gắn chặt với cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa đang diễn ra phức tạp, quyết liệt và lâu dài. Cuộc đấu tranh đó gắn chặt với cuộc đấu tranh của hai nước anh em Lào và Cam-pu-chia. Cuộc đấu tranh đó cũng không tách rời cuộc đấu tranh giữa lực lượng cách mạng và lực lượng phản cách mạng, giữa lực lượng hòa bình và lực lượng hiếu chiến trên thế giới.

Hai là, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới rất nặng nề. Sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, bảo vệ vững chắc Tổ quốc là nhiệm vụ chính trị hàng đầu của quân đội ta. Quân đội phải góp phần cùng toàn dân đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đồng thời sẵn sàng đập tan chiến tranh xâm lược bất cứ quy mô và thời gian nào nếu địch liều lĩnh gây ra. Lao động sản xuất góp phần xây dựng kinh tế là nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng thuộc bản chất và truyền thống của quân đội ta. Nhiệm vụ đó phải được thực hiện một cách tích cực, với hiệu quả ngày càng cao. Trong giai đoạn mới, quân đội ta vẫn phải tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Cam-pu-chia và Lào. Đó là nhiệm vụ lâu dài không kém phần phức tạp nhằm tăng cường liên minh chiến lược, chiến đấu

giữa ba nước Đông dương, nhân tố cực kỳ quan trọng bảo đảm cho nhân dân mỗi nước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, góp phần gìn giữ hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á và thế giới.

Quân đội ta còn phải tích cực tham gia *xây dựng hậu phương vững mạnh* để làm chỗ dựa vững chắc, và nguồn tiếp tế dồi dào về mọi mặt cho tiền tuyến chiến đấu và chiến thắng cả trước mắt và lâu dài; phát huy vai trò “trường học lớn”, xây dựng, rèn luyện con người mới đối với các thế hệ thanh niên...



Trong giai đoạn mới của cách mạng, đề tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân, qua kinh nghiệm của 40 năm lịch sử, chúng ta cần nhận thức sâu sắc và nắm vững trong hoạt động thực tiễn một số vấn đề cơ bản sau đây:

Nhận rõ kẻ thù, hiểu rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn của chúng, có thái độ rõ ràng, dứt khoát, kiên định đối với chúng, thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, kiên quyết đánh bại chúng. Kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của Đảng ta trên nửa thế kỷ qua cho thấy rằng, trong từng thời kỳ, nhất là trước những bước ngoặt của cách mạng, việc đứng vững trên lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, xác định đúng đối tượng cách mạng, từ đó xác định đúng đối tượng tác chiến chiến lược của quân và dân, định ra đường lối và phương pháp cách mạng chính xác, có thái độ dứt khoát và kiên quyết đánh bại chúng là vấn đề rất quan trọng trong sự lãnh đạo của Đảng. Với Đảng lãnh đạo, nhìn nhận, đánh giá kẻ thù đúng hay không đúng, thái độ đối với kẻ thù kiên quyết hay không kiên quyết tác động trực tiếp đến chiến lược, sách lược đấu tranh cách mạng, đến

vận mệnh của đất nước. Với người chiến sĩ cách mạng, thái độ đối với kẻ thù dứt khoát hay không dứt khoát là thước đo trình độ giác ngộ chính trị, lập trường, ý chí chiến đấu, phẩm chất cách mạng của mỗi người.

Từ thời kỳ đấu tranh giành chính quyền đến thời kỳ tiến hành các cuộc chiến tranh giải phóng, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta luôn luôn chỉ cho nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thấy rõ đối tượng cơ bản, lâu dài, kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm của cách mạng, đối tượng tác chiến chiến lược của quân và dân ta.

Ngày nay, mặc dù bị thất bại nặng nề trong các hành động đe dọa, gây rối, phá hoại công cuộc khôi phục và xây dựng đất nước ta và nhất là thất bại trong hai cuộc chiến tranh xâm lược nước ta năm 1978, 1979, bọn phản động trong giới cầm quyền Trung quốc vẫn tiếp tục âm mưu cơ bản, tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta và cả ba nước Đông dương bằng những thủ đoạn hết sức thâm độc, đồng thời chuẩn bị chiến tranh xâm lược quy mô lớn khi chúng cho là có thời cơ.

Để quốc Mỹ sau thất bại ở Việt nam và Đông dương năm 1975 đang ra sức tập hợp lực lượng, đẩy mạnh chạy đua vũ trang hòng giành ưu thế quân sự đối với Liên xô, ngăn chặn sự phát triển của ba đồng trục cách mạng, đưa loài người đến bờ vực thảm họa một cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt. Chúng cầu kết với bọn bán trướng, bá quyền Trung quốc, xúc tiến âm mưu trở lại Đông dương, nhất là khi bọn phản động Bắc kinh nhận đứng ra làm tên “lính xung kích” cho chúng ở châu Á.

Trong tình hình đó, Đảng đã chỉ rõ: *bọn bán trướng, bá quyền Trung quốc cầu kết với đế quốc Mỹ là kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm của nhân dân Việt nam, nhân dân Lào và Cam-pu-chia; đế quốc Mỹ là kẻ thù cơ bản, lâu dài*

của nhân dân ta và nhân dân thế giới, quân đội Trung quốc xâm lược là đối tượng tác chiến chiến lược của quân và dân ta (2). Nhân dân Việt nam cũng như nhân dân Đông dương, nhân dân Đông Nam Á và thế giới còn phải cảnh giác rất cao, cảnh giác lâu dài đối với âm mưu của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc kinh và các thế lực đế quốc hiếu chiến.

Đường lối cơ bản trước sau như một của chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Bắc kinh là câu kết với đế quốc Mỹ, chống Liên xô, chống Việt nam và phong trào cách mạng thế giới. Đối với Việt nam và ba nước Đông dương, chiến lược và sách lược của chúng không hề thay đổi mà ngày càng thù địch hơn. Chúng đang ráo riết đẩy mạnh những hành động phá hoại nhiều mặt, tiến hành những bước leo thang mới về quân sự cực kỳ nguy hiểm trên tuyến biên giới phía bắc, cũng như những hoạt động mới của chúng và bọn tay sai ở Lào và Campuchia.

Đối với lực lượng vũ trang, hiểu địch, đánh giá đúng địch luôn luôn là vấn đề cơ bản và đang là vấn đề nóng hổi thường xuyên được đặt ra về mặt chiến lược, chiến dịch cũng như chiến đấu. Chúng ta phải nắm vững những nhận định cơ bản của Đảng về bản chất, âm mưu của chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung quốc, của đối tượng tác chiến chiến lược là quân đội Trung quốc xâm lược đế kiên định lập trường, ý chí chiến đấu. Đó phải là cơ sở để hiểu sâu sắc đối tượng tác chiến trực tiếp và những hành động của chúng trên chiến trường, nhằm kiên quyết đánh thắng chúng, hết sức tránh chủ quan hoặc bi quan, lung túng trước những khó khăn tạm thời, tỉnh táo không bị lừa gạt bởi những thủ đoạn che giấu của địch, những âm mưu chiến tranh tâm lý hết sức xảo quyệt của chúng, không một giây phút buông lỏng tay súng để mất cảnh giác cách mạng mà hậu

quả nghiêm trọng sẽ không thể lường được.

Nắm vững những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thực tiễn đất nước, thấu suốt đường lối chung của Đảng để làm cơ sở đi sâu quán triệt đường lối, tư tưởng quân sự của Đảng, hoàn thành nhiệm vụ chính trị của lực lượng vũ trang.

Trong lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đề ra đường lối đúng đắn, phản ánh quy luật khách quan của xã hội và lợi ích, nguyện vọng của nhân dân, và thông qua công tác tổ chức, vận động quần chúng hành động cách mạng, biến đường lối đó thành hiện thực sinh động trong cuộc sống, đưa cách mạng từng bước tiến lên.

Là công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản do Đảng lãnh đạo, quân đội ta phải quán triệt sâu sắc toàn bộ đường lối của Đảng. Có quán triệt đầy đủ đường lối của Đảng, quân đội ta mới hiểu được toàn bộ cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc trong thời đại ngày nay, thấy rõ lý tưởng và mục tiêu chiến đấu của mình vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Có quán triệt đường lối của Đảng mới có cơ sở vững chắc để nắm vững và vận dụng vào thực tiễn hàng loạt vấn đề cơ bản trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Quân đội ta ngoài nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu thắng lợi và làm nghĩa vụ quốc tế, còn phải lao động sản xuất, góp phần xây dựng đất nước. Do đó, phải nhận rõ đường lối xây dựng kinh tế, các mục tiêu kinh tế - xã hội của Đảng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Quán triệt đường lối đối ngoại của Đảng, quân đội ta phải cùng toàn dân tăng cường mối quan hệ hữu nghị,

(2) Nghị quyết số 03 ngày 25-10-1982 của Bộ chính trị.

hợp tác toàn diện với Liên xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, sẵn sàng bảo vệ mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, tăng cường sự liên minh chiến lược, chiến đấu lâu dài Việt nam - Lào - Cam-pu-chia.

Đường lối quân sự là bộ phận hữu cơ của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng. Đường lối đó đã chỉ đạo cho quân và dân ta giành thắng lợi trong các cuộc chiến tranh cứu nước và giữ nước trước đây. Ngày nay, đó là đường lối quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc đường lối hoàn chỉnh của Đảng là cơ sở quan trọng để củng cố, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong quân đội, trong Đảng và trong xã hội ta. Điều đó gắn liền với việc giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, làm cho cán bộ chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, củng cố lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân, có cơ sở lý luận để hiểu sâu, nắm vững, kiên định đường lối, sáng tạo trong việc tổ chức thực hiện đường lối cách mạng của Đảng.

Đường lối của Đảng trong việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chuẩn bị chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa không chỉ tạo nên sức mạnh về quân sự, hoặc về vũ khí, trang bị kỹ thuật, mà tạo nên sức mạnh tổng hợp của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động; sức mạnh dựa trên cơ sở những thành tựu về mọi mặt quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đó là sức mạnh của toàn dân ta, của cả dân tộc ta trong kỷ nguyên mới gắn liền với sức mạnh của ba dòng thác cách mạng của thời đại. *Lãnh đạo sự*

ng nghiệp to lớn đó là nhiệm vụ của Đảng, của Ban chấp hành trung ương và các cấp ủy Đảng các địa phương, các ngành và tổ chức cơ sở Đảng. Xây dựng làng, xã chiến đấu, xây dựng huyện thành pháo đài quân sự, xây dựng tỉnh, thành phố thành các đơn vị chiến lược tổng hợp gắn chặt với việc xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, xây dựng địa phương vững mạnh toàn diện cả trước mắt và lâu dài là nhiệm vụ của nhân dân các địa phương dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng ở địa phương.

Về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, Đảng chủ trương tiếp tục xây dựng quân đội ta thành quân đội nhân dân hùng mạnh có trình độ sẵn sàng chiến đấu không ngừng hoàn thiện, luôn luôn làm tròn mọi nhiệm vụ mà Tổ quốc giao cho. Đảng ta coi việc không ngừng củng cố, phát huy bản chất giai cấp công nhân, truyền thống vẻ vang cho quân đội, là một trong những nhân tố cơ bản quyết định sức mạnh chiến đấu của quân đội. Bản chất giai cấp công nhân được thể hiện ở mục tiêu chiến đấu, nhiệm vụ chính trị, cơ cấu tổ chức, cơ chế lãnh đạo, khoa học và nghệ thuật quân sự, ở phẩm chất chính trị - tinh thần và các mối quan hệ chính trị trong nội bộ quân đội.

Quân đội nhân dân Việt nam được xây dựng theo đường lối tổ chức của Đảng, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tập trung, thống nhất về mọi mặt của Ban chấp hành trung ương, mà thường xuyên, trực tiếp là Bộ chính trị. Các mối quan hệ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý nội bộ thể hiện đầy đủ tính chất cách mạng, tập trung dân chủ, thống nhất cao độ của một quân đội cách mạng của giai cấp công nhân.

Đề quán triệt đường lối quân sự và những quan điểm của Đảng trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, chúng ta cần nhận thức sâu sắc và giải quyết đúng đắn các mối quan hệ cơ bản sau đây:

— *Giữa bản chất cách mạng và trình độ chính quy hiện đại.* Bản chất cách mạng gắn chặt với trình độ chính quy hiện đại. Cách mạng là bản chất chính trị của quân đội. Trình độ chính quy hiện đại tạo nên sức mạnh vật chất của quân đội. Bản chất cách mạng và trình độ chính quy hiện đại không ngừng được nâng cao sẽ tác động và thúc đẩy lẫn nhau, tạo nên sức mạnh chiến đấu cao và bền vững của quân đội.

— *Giữa con người và vũ khí, trang bị kỹ thuật là những yếu tố cơ bản* tạo nên sức mạnh chiến đấu của quân đội. Trong mối quan hệ đó, con người giữ vai trò quyết định. Đó là con người có lý tưởng và mục tiêu chiến đấu đúng đắn, có trình độ chính trị và quân sự, có năng lực làm chủ, sử dụng thành thạo và có hiệu quả vũ khí, trang bị. Với những con người như vậy, trang bị vũ khí càng hiện đại thì hiệu lực chiến đấu càng lớn.

— *Giữa xây dựng và tác chiến.* Năm vững quan điểm xây dựng quân đội để chiến đấu và chiến thắng. Vì chiến đấu và chiến thắng mà xây dựng quân đội. Phải vừa chiến đấu thắng lợi vừa xây dựng vững mạnh để có sức chiến đấu bền bỉ, dẻo dai, càng đánh càng thắng.

— *Giữa số lượng và chất lượng.* Số lượng là quan trọng, nhưng phải rất coi trọng chất lượng. Khi đã có số lượng cần thiết thì phải lấy chất lượng là chính. Với đối tượng tác chiến là quân đội Trung quốc xâm lược, vấn đề nâng cao chất lượng cho quân đội ta càng đặc biệt quan trọng. Phải xây dựng lực lượng thường trực có số lượng cần thiết, đáp ứng mọi tình thế, đồng thời phải xây dựng lực lượng dự bị, dân quân, tự vệ đông đảo, mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng để chủ động đáp ứng yêu cầu và diễn biến của chiến tranh.

Xây dựng cơ chế lãnh đạo thích hợp, bảo đảm vững chắc sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội trong mọi tình huống.

Chế độ tập thể đảng ủy lãnh đạo toàn diện và thủ trưởng phân công phụ trách với hệ thống đảng ủy các cấp từ quân ủy trung ương đến tổ chức cơ sở Đảng, và hệ thống cơ quan chính trị là cơ quan giúp đảng ủy và thủ trưởng tiến hành công tác đảng — công tác chính trị, đã phát huy tác dụng to lớn trong công cuộc xây dựng và chiến đấu của lực lượng vũ trang 40 năm qua. Thực tiễn chứng minh cơ chế lãnh đạo ấy trong thời kỳ vừa qua là đúng đắn.

Bước sang giai đoạn mới của cách mạng, công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân có nội dung phong phú và phức tạp; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mang tính chất toàn dân, toàn diện, hiện đại ngày càng cao; quân đội ta đã và đang được trang bị, huấn luyện, quản lý theo hướng chính quy, hiện đại; tác chiến trong điều kiện hiện đại, bộ đội phải hành động kiên quyết, khẩn trương, hiệp đồng chặt chẽ, người chỉ huy các cấp phải hạ quyết tâm, xử lý các tình huống một cách chủ động, chính xác, kịp thời để giành thắng lợi, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chúng ta lại có đội ngũ cán bộ của Đảng trong quân đội đã trưởng thành về nhiều mặt, tích lũy được nhiều kinh nghiệm trải qua 40 năm rèn luyện và thử thách. *Đó là đòi hỏi khách quan và là điều kiện cho phép cải tiến sự lãnh đạo của Đảng.* Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng đã ra nghị quyết « *Đổi mới, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với quân đội nhân dân Việt nam, sự nghiệp quốc phòng và thực hiện chế độ một người chỉ huy trong quân đội* ».

Từ vấn đề cơ bản nhất là: « *Đảng lãnh đạo trực tiếp, tập trung, thống nhất các lực lượng vũ trang cả về chính trị, tư tưởng và về tổ chức...* » (3). Đảng ta đã phát triển và cụ thể hóa

(3) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tập III, trang 99.

thành những nguyên tắc chủ yếu của cơ chế lãnh đạo mới của Đảng đối với lực lượng vũ trang ta. Đó là:

“ Ban chấp hành trung ương Đảng mà thường xuyên và trực tiếp là Bộ chính trị, lãnh đạo trực tiếp, tập trung, thống nhất về mọi mặt Quân đội nhân dân Việt nam; thực hiện chế độ một người chỉ huy ở tất cả các cấp trong quân đội, thành lập hội đồng quân sự ở một số cấp nhất định với tính chất là một tổ chức lãnh đạo quân sự tập thể; đổi mới chức năng của cơ quan chính trị các cấp trong quân đội nhân dân Việt nam, cơ quan chính trị là cơ quan lãnh đạo về Đảng, đảm nhiệm công tác đảng – công tác chính trị trong quân đội, các tổ chức cơ sở Đảng trong quân đội được thành lập ở cấp trung đoàn và tương đương, hoạt động theo đúng Điều lệ Đảng và quy định của Ban chấp hành trung ương; việc bổ nhiệm cán bộ từ chỉ huy trưởng, chủ nhiệm chính trị cấp sư đoàn và tương đương trở lên, việc chỉ định các ủy viên hội đồng quân sự các cấp do Bộ chính trị và Ban bí thư phê chuẩn » (4).

Cơ chế lãnh đạo mới trong quân đội là một thể hoàn chỉnh, thống nhất. Mỗi tổ chức trong hệ thống đó có chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động khác nhau nhưng quan hệ mật thiết với nhau, hoạt động trong cùng một quỹ đạo và đều nhằm một mục đích chung, thống nhất là bảo đảm sự lãnh đạo vững chắc của Đảng trong mọi tình huống, nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội. Sự lãnh đạo của Đảng không chỉ thể hiện ở hoạt động của Ban chấp hành trung ương, của Bộ chính trị, Ban bí thư, mà còn ở hoạt động thực tiễn hằng ngày của *đội ngũ cán bộ chỉ huy, quản lý, của các cơ quan chính trị, tổ chức cơ sở Đảng và mọi đảng viên, của các tổ chức quần chúng*. Một khâu nào đó xộc xệch, một bộ phận nào đó làm không đầy đủ chức năng, không tôn trọng các nguyên tắc đều dẫn đến giảm sức mạnh của

cả hệ thống, mất *tính đồng bộ* của cơ chế lãnh đạo mới.

Một vấn đề quan trọng là mọi cán bộ đảng viên trong quân đội trước hết là cán bộ, đảng viên giữ cương vị chủ trì các cấp cần nêu cao *tính đảng, tính nguyên tắc*, tự giác hành động đúng theo đường lối, quan điểm của Đảng, đấu tranh bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, bảo vệ sự đoàn kết thống nhất, chung sức chung lòng phấn đấu nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng và sức mạnh chiến đấu của quân đội, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Trong cơ chế lãnh đạo mới, *tổ chức cơ sở Đảng* có vị trí hết sức quan trọng. Việc nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, nhất là của chi bộ bao giờ cũng là *trách nhiệm hàng đầu của toàn Đảng*. Trong lực lượng vũ trang, *việc xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh phải làm nòng cốt cho việc xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao, hoàn thành lợi mọi nhiệm vụ*. Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng phải gắn chặt với xây dựng đơn vị, lấy việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị làm thước đo chất lượng lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng và ngược lại, qua việc thực hiện nhiệm vụ chính trị mà xây dựng tổ chức, nâng cao sức chiến đấu của cơ sở Đảng.

Khâu quyết định trong xây dựng tổ chức cơ sở Đảng là *xây dựng chi bộ đơn vị chiến đấu vững mạnh*. Có chi bộ vững mạnh ở đại đội mới làm cho sự lãnh đạo của Đảng bám sát đơn vị và từng người, phát huy được vai trò nòng cốt dẫn dắt toàn đơn vị chiến đấu ngoan cường, chiến thắng quân địch kẻ cả trong tình huống ngặt nghèo nhất. Chi bộ vững mạnh thì người chỉ huy có chỗ dựa vững chắc, quần chúng có sự hướng dẫn và giúp đỡ trực tiếp.

(4) Nghị quyết số 07, ngày 15-12-1982 của Bộ chính trị.

Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và đơn vị cơ sở là trách nhiệm của bản thân tổ chức cơ sở, đồng thời là trách nhiệm của các cấp, của mọi đảng viên, cán bộ. Cấp trên trực tiếp cần thấy đầy đủ trách nhiệm của mình, hướng mọi hoạt động của mình về cơ sở, làm cho mọi chủ trương công tác được thấu suốt nhanh chóng và thực hiện với hiệu quả cao, lấy kết quả thực tế hoàn thành nhiệm vụ của cơ sở để đánh giá hiệu lực lãnh đạo và chỉ huy. Phải triển khai việc xây dựng cơ sở vững mạnh, trong sạch toàn diện, rộng khắp, đồng thời trong từng lúc phải biết tập trung vào trọng điểm có ảnh hưởng quyết định trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Hiện nay chúng ta đang tập trung xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ở những đơn vị chiến đấu, ở những nơi quản lý nhiều trang bị vũ khí kỹ thuật, cơ sở vật chất và tài chính, ở những nơi tập trung nhiều cán bộ trung cấp, cao cấp là phù hợp với yêu cầu thực tế.

Đội ngũ đảng viên mạnh làm cho tổ chức cơ sở Đảng mạnh và ngược lại, đảng viên chỉ có thể trưởng thành khi tổ chức cơ sở trong sạch, vững mạnh. Việc xây dựng đội ngũ đảng viên trong quân đội gắn liền với việc xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng trong quân đội, lực lượng giữ vị trí quyết định trong việc lãnh đạo, chỉ huy quân đội, quán triệt và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, nhiệm vụ cách mạng của Đảng, nhiệm vụ của quân đội. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng trong quân đội phải đáp ứng những yêu cầu cơ bản của sự nghiệp củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, bảo đảm giành thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, phù hợp với yêu cầu của việc thực hiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với quân đội trong giai đoạn mới.

Trong khi chú ý đội ngũ cán bộ cao cấp, cán bộ chủ trì phải hết sức coi trọng đội ngũ cán bộ cơ sở, vì đây

là đội ngũ cán bộ đông đảo nhất, giữ vai trò quyết định trong việc xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện. Trách nhiệm của mọi người là tăng cường đoàn kết, giữ gìn cán bộ, đề bạt huy được trách nhiệm và năng lực của cả đội ngũ và của từng người, làm cho cán bộ phát triển và trưởng thành không ngừng, tránh những tiêu hao, mất mát không phải trong chiến đấu và công tác mà trong sinh hoạt.



Trải qua 40 năm chiến đấu và trưởng thành, lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam đã cùng toàn dân làm nên những kỳ tích trong đấu tranh cách mạng và chiến tranh cách mạng. Các cuộc chiến tranh thần thánh của dân tộc Việt nam đã đi vào lịch sử quân sự thế giới như những chuyện thần kỳ của thế kỷ 20. Được như vậy là do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan nhưng điều quan trọng hơn cả là vì lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam do Đảng cộng sản Việt nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu tổ chức, giáo dục và rèn luyện. Hồ Chủ tịch đã nói: « Quân đội ta cơ sức mạnh vô địch, vì nó là một quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục » (5).

Để đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang do Đảng ta đề ra là xây dựng « thành quân đội nhân dân cách mạng có ý chí quyết thắng sắt đá, có kỷ luật chặt chẽ... có trình độ chính quy, hiện đại ngày càng cao » (6), chúng ta tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân. Đó chính là tiếp tục phát huy bài học kinh nghiệm lớn nhất của Đảng ta trong quá trình xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng.

(5) Hồ Chí Minh: Tuyên bố Nxb. Sự thật Hà Nội, 1980, tập 2, tr. 345.

(6) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tập I, trang 45.

MÃY BÀI HỌC KINH NGHIỆM XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

Đại tướng HOÀNG VĂN THÁI

NGAY từ khi mới thành lập, Đảng ta đã xác định đường lối cách mạng bạo lực và thấy yêu cầu tất yếu là phải xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng.

Trải qua 40 năm, lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam đã lớn lên từng bước, từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh, với cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh bao gồm dân quân tự vệ, bộ đội địa phương và những binh đoàn chủ lực lớn mạnh, với những binh chủng, quân chủng trang bị ngày càng hiện đại.

Từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, hoàn thành thắng lợi

mọi nhiệm vụ được trao qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng, lực lượng vũ trang Việt nam thật sự là của nhân dân, luôn luôn xứng đáng là công cụ sắc bén của Đảng, của Nhà nước cách mạng.

Bốn mươi năm trưởng thành và chiến thắng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam đã cho chúng ta nhiều bài học quý báu. Những bài học mang tính quy luật đó, về lâu dài vẫn có ý nghĩa thực tiễn trên bước đường lớn mạnh không ngừng và chiến thắng vẻ vang của quân đội ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

I - LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM RA ĐỜI, TRƯỞNG THÀNH VÀ CHIẾN THẮNG TRÊN CƠ SỞ LỰC LƯỢNG CHÍNH TRỊ TO LỚN VÀ VỮNG MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG CÁCH MẠNG

Từ khi mới thành lập, Đảng ta luôn coi việc giác ngộ và tổ chức quần chúng là công tác hàng đầu trong công cuộc vận động cách mạng. Khi khởi nghĩa vũ trang đã trở thành vấn đề cấp bách, Đảng ta càng coi trọng việc tổ chức quần chúng cách mạng thành lực lượng chính trị hùng hậu, làm nền tảng để phát triển lực lượng cách mạng

nói chung và lực lượng vũ trang cách mạng nói riêng.

Việc thành lập Mặt trận Việt minh (5-1941) và sự phát triển nhanh chóng các tổ chức cứu quốc trong Mặt trận đã làm cho lực lượng chính trị của quần chúng cách mạng phát triển nhanh chóng và trên cơ sở vững chắc đó, lực lượng vũ trang cách mạng

cũng được xây dựng rộng khắp, nhất là từ khi Đảng kêu gọi «sửa soạn khởi nghĩa». Đó chính là thời cơ chín muồi để *đội Quân giải phóng* – đội quân chủ lực – ra đời trong cao trào chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

Khi chỉ thị thành lập *đội Quân giải phóng* (12-1944), Hồ Chủ tịch chỉ thị thêm hai chữ «tuyên truyền» vào tên *đội Quân giải phóng*: «*Việt nam tuyên truyền Giải phóng quân*, nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là *đội tuyên truyền*» (1). Nhiệm vụ trước mắt của *đội* là vận động và tổ chức quần chúng, «phải bắt tay vào làm công tác quần chúng, tổ chức Hội Việt minh khắp nơi; có quần chúng, chúng ta sẽ có tất cả» (2).

Thực tế hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trước đây cũng như trong chiến đấu chống quân hành tướng Trung quốc hiện nay đã chứng tỏ vai trò quan trọng có ý nghĩa quyết định của lực lượng chính trị quần

chúng đối với lực lượng vũ trang nhân dân. Lực lượng chính trị quần chúng vừa là cơ sở để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, vừa là chỗ dựa để lực lượng vũ trang tồn tại, chiến đấu và chiến thắng.

Kinh nghiệm trong vùng địch tạm chiếm những năm kháng chiến cho thấy: nơi nào lực lượng chính trị hùng hậu, cơ sở quần chúng vững mạnh thì lực lượng vũ trang nơi đó, dù nằm trong vòng vây dày đặc của địch, vẫn được nhân dân che chở, giúp đỡ để vượt qua những khó khăn tưởng chừng như không thể vượt nổi trong quá trình chuẩn bị và thực hành chiến đấu.

Lịch sử trường thành và chiến thắng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam đã khẳng định: «Nhân dân Việt nam thật sự là người mẹ hiền, người mẹ dũng cảm của quân *đội* ta, là nguồn gốc sức mạnh vô tận của các lực lượng vũ trang ta» (3).

II – BA THỨ QUÂN LÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG SÁNG TẠO, PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH NHÂN DÂN VIỆT NAM

Trong quá trình lãnh đạo chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa và chiến tranh, Đảng ta luôn luôn nắm vững đường lối *vũ trang quần chúng rộng rãi đi đôi với xây dựng quân *đội* nhân dân hùng mạnh*. Ăng-ghe-nê đã nói: «Một dân tộc muốn giành độc lập dân tộc cho mình thì không được tự giới hạn trong những phương thức thông thường để tiến hành chiến tranh. Khởi nghĩa quần chúng, chiến tranh cách mạng, các *đội* du kích ở khắp mọi nơi, đó là phương thức duy nhất, nhờ đó mà một dân tộc nhỏ có thể thắng được một dân tộc lớn, một quân *đội* ít mạnh hơn có thể đối lập với một quân *đội* mạnh hơn và có tổ chức hơn» (1). Căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ

cách mạng, hình thức đấu tranh cách mạng, đối tượng tác chiến và các điều kiện lịch sử cụ thể trong từng thời kỳ, Đảng ta đã giải quyết một cách sáng tạo vấn đề hình thức tổ chức lực lượng vũ trang.

(1) Hồ Chủ tịch với các lực lượng vũ trang nhân dân, Nxb Quân *đội* nhân dân, Hà-nội, 1962, tr. 17.

(2) Hồ Chí Minh: *Chiến tranh nhân dân Việt nam*, Nxb Quân *đội* nhân dân, Hà-nội, 1980, tr. 12.

(3) Lê Duẩn: «Xây dựng quân *đội* nhân dân cách mạng hùng mạnh, kiên quyết chiến thắng mọi kẻ thù», *Tạp chí Cộng sản*, số 1 – 1980, tr. 29.

(4) C. Mác và F. Ăng-ghe-nê: *Toán tập* (bản tiếng Nga), Nxb Chính trị văn học quốc gia, Mát-xcơ-va, 1957, tập 6, tr. 416.

Tháng 10 năm 1940, di dời với chủ trương tổ chức *Nhân dân cách mạng quân* (bộ đội chủ lực), Hội nghị trung ương quyết nghị: « Hiện nay phải lựa chọn người trong các đoàn thể Mặt trận đảng mở rộng các đội tự vệ. Trong giờ tranh đấu quyết liệt này, Mặt trận phải trực tiếp vũ trang cho dân chúng... » (5).

Tháng 5 năm 1941, Hội nghị thứ 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng quyết định hình thành ba lực lượng vũ trang cách mạng: *Đội du kích chính thức* là « đội quân cách mạng chủ lực trực tiếp vũ trang chiến đấu với quân thù ». *Tiêu đội du kích cứu quốc* giúp đỡ và phối hợp với đội du kích chính thức trong chuẩn bị và thực hành chiến đấu; phá hoại phương tiện vận tải và vũ khí địch. *Đội tự vệ cứu quốc* bảo vệ và giải vây cho các chiến sĩ cách mạng, bảo vệ các cơ quan của đoàn thể.

Tháng 12 năm 1944, khi đội Việt nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời và trở thành đội quân chủ lực, thì ở các châu (huyện) có đội vũ trang, các xã có đội tự vệ nửa vũ trang. Mỗi quan hệ giữa bộ đội chủ lực với các lực lượng vũ trang địa phương là sự thống nhất chỉ đạo cả bộ đội chủ lực và các lực lượng vũ trang địa phương. Các lực lượng ấy đoàn kết phối hợp chặt chẽ với nhau. Bộ đội chủ lực có nhiệm vụ diu dắt, giúp đỡ các lực lượng vũ trang địa phương trưởng thành. Đó cũng là phương châm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam trong 40 năm qua.

Sau ngày 9-3-1945, cách mạng Việt nam chuyển lên cao trào mới. Các cuộc khởi nghĩa từng phần, chiến tranh du kích cục bộ diễn ra trên nhiều địa phương. Theo nghị quyết của hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ (4-1945), các lực lượng vũ trang tập trung (gồm Cứu quốc quân, mà tiền thân là đội du kích Bắc sơn ra đời trong cuộc khởi nghĩa Bắc sơn

tháng 9-1940, Việt nam tuyên truyền giải phóng quân, du kích Ba to, ra đời trong cuộc khởi nghĩa Ba to tháng 3-1945...) được thống nhất thành *Giải phóng quân Việt nam*. Lúc này, các đội vũ trang địa phương đã phát triển rộng khắp. Đến ngày Tổng khởi nghĩa, lực lượng vũ trang bao gồm Giải phóng quân và các lực lượng vũ trang rộng rãi của quần chúng (tiêu đội du kích, đội tự vệ được tổ chức từ trong các đoàn thể cứu quốc).

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, kinh nghiệm hoạt động thành công của các đơn vị nhỏ trong chiến dịch Việt bắc đã giúp chúng ta vận dụng sáng tạo việc tổ chức lực lượng vũ trang phù hợp với điều kiện mới. Năm 1948, để thực hiện chủ trương « biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta », chúng ta đã phân tán một bộ phận quan trọng bộ đội chủ lực thành các *đại đội độc lập* nhằm phát động chiến tranh du kích rộng rãi, giúp đỡ các địa phương trong vùng sau lưng địch xây dựng và hoạt động về mọi mặt. Lực lượng còn lại hình thành các *tiểu đoàn tập trung* (ở tỉnh) và các trung đoàn chủ lực ở trung ương, mở các chiến dịch nhỏ, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của chúng và rèn luyện trong thực tế chiến đấu bằng những trận đánh quy mô nhỏ và vừa.

Mùa hè 1949, trước yêu cầu đánh lớn, ta đã tập trung các đại đội độc lập và tiểu đoàn tập trung để xây dựng bộ đội chủ lực. Mặt khác chúng ta đã xây dựng nhiều đơn vị *bộ đội địa phương*, với quy mô phổ biến là đại đội ở huyện, tiểu đoàn ở tỉnh. Đây là lực lượng nòng cốt của chiến tranh nhân dân ở các địa phương, tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực cơ động rộng rãi mà vẫn bảo đảm chiến tranh du kích tiếp tục phát triển.

(5) *Văn kiện quân sự của Đảng*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1969, tập I, tr. 154.

Từ đó đến nay, lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam hình thành *ba thứ quân*: bộ đội chủ lực ở trung ương và ở khu; bộ đội địa phương ở tỉnh và huyện, dân quân du kích, tự vệ ở xã, thôn và ở các công, nông, lâm trường, xí nghiệp, đường phố.

Thực tế cuộc kháng chiến chống Pháp cho thấy: Đảng ta đã sớm nhận thức được quy luật chiến tranh du kích tất yếu phải phát triển lên chiến tranh chính quy, cho nên đã sớm xây dựng các đơn vị chủ lực quy mô trung đoàn rồi đại đoàn, bộ binh cơ động.

Trong kháng chiến chống Mỹ, lực lượng vũ trang quần chúng ở miền Nam ra đời trong phong trào đồng khởi và trưởng thành từng bước trong chiến tranh du kích ngày càng phát triển. Được sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc, bộ đội chủ lực của từng khu, từng chiến trường hình thành và lớn mạnh nhanh chóng trong thực tế chiến đấu. Trong những năm 1973-1975, lực lượng dự bị chiến lược phát triển từ quy mô sư đoàn lên quy mô quân đoàn, được trang bị ngày càng hiện đại, với những binh chủng kỹ thuật dần dần hoàn chỉnh, đồng bộ.

III - GIẢI QUYẾT ĐÚNG ĐẮN NHỮNG MỐI QUAN HỆ CƠ BẢN TRONG XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

1- Quan hệ giữa con người và binh khí kỹ thuật.

Con người và vũ khí là những yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang, trong đó, con người là yếu tố quyết định nhất, binh khí kỹ thuật là yếu tố rất quan trọng. Nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh và quân đội đã khẳng định: kết quả của chiến tranh, suy cho cùng, là do các chiến sĩ đổ máu trên chiến trường quyết định. Nhưng con người trong lực lượng vũ trang chỉ có thể trở thành yếu tố quyết định khi được giác ngộ về mục tiêu

Trong điều kiện hiện nay, đất nước vừa xây dựng trong hòa bình, vừa phải sẵn sàng chiến đấu chống âm mưu của chủ nghĩa bành trướng bá quyền Bắc kinh; Bộ chính trị đã đề ra nhiệm vụ: *« Phải xây dựng các lực lượng vũ trang một cách toàn diện và đồng bộ. Xây dựng quân đội chính quy, hiện đại, đồng bộ và cân đối giữa các quân binh chủng và trong từng quân binh chủng, giữa các đơn vị và các cơ quan. Không những coi trọng xây dựng bộ đội chủ lực mà còn phải chú trọng xây dựng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ và lực lượng hậu bị... »* (6).

Thực tế mấy chục năm qua đã chứng minh: ba thứ quân - với chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ được xác định rõ ràng, đúng đắn - là hình thức thích hợp nhất để động viên và làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc. Hình thức tổ chức đó đã đáp ứng yêu cầu của cả chiến tranh chính quy (chiến tranh nhân dân của các binh đoàn chủ lực) và chiến tranh du kích (chiến tranh nhân dân địa phương).

chiến đấu, có tinh thần chiến đấu cao, có ý thức kỷ luật tự giác nghiêm minh, biết phát huy đến cao độ tinh năng binh khí kỹ thuật và có cách đánh thích hợp để chiến thắng. Thật vậy, « Lúc ra trận, việc đặt mìn, phá lô cốt đều do tay anh em đội viên làm. Nếu anh em tư tưởng vững, chính trị vững, kỹ thuật khá, thân thể khỏe mạnh thì nhất định thắng. Trái lại, nếu anh em chính trị khá, nhưng quân sự kém, hoặc chính trị quân sự đều

(6) Nghị quyết 12 của Bộ chính trị, tháng 5.1983.

khả nhưng thân thể yếu đuối thì cũng không thắng được...» (7).

Lời tướng Mỹ Mac-xoen Tay-lo thú nhận về thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam cũng chính là sự thú nhận sai lầm về vũ khí luận: « Sức mạnh không quân là một sự yểm trợ, nhưng nó không thể quyết định việc chặn đứng những con người kiên quyết chiến đấu trên mặt đất... Chúng tôi đã không đánh giá đúng tính thân cực kỳ kiên quyết và đức tính hy sinh vì sự nghiệp của người Việt nam » (8).

Đảng ta coi trọng cả hai yếu tố con người và vũ khí, trang bị nhưng trước hết là con người. « Người trước, súng sau » không chỉ là phương châm chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang trong những ngày đầu cách mạng mà trong suốt mấy chục năm qua và mãi mãi về sau này.

Xét về yếu tố con người thì lực lượng vũ trang nhân dân cùng toàn dân tiến hành khởi nghĩa và chiến tranh trong điều kiện đất nước đã có một sự thay đổi về chất trong ý thức giác ngộ cách mạng của nhân dân.

Lịch sử 40 năm đã khẳng định bản chất « trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân » của lực lượng vũ trang cách mạng Việt nam. Cán bộ và chiến sĩ ta là những « anh bộ đội cụ Hồ », sẵn sàng xả thân để hoàn thành mọi nhiệm vụ, vượt qua mọi khó khăn, đánh thắng mọi kẻ thù.

Coi trọng yếu tố con người trong chiến tranh, Đảng ta luôn chăm lo phát huy truyền thống tốt đẹp của lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam, bồi dưỡng trình độ chính trị, quân sự, chuyên môn kỹ thuật, đề cán bộ, chiến sĩ có đầy đủ bản lĩnh hoàn thành mọi nhiệm vụ, chiến thắng mọi kẻ thù.

Xét về yếu tố trang bị kỹ thuật thì, xuất phát từ quan điểm cho rằng vũ khí và phương tiện là yếu tố rất quan trọng tạo thành sức mạnh chiến đấu,

và bằng những chủ trương « sắm vũ khí, đuổi thù chung » trong những ngày chuẩn bị khởi nghĩa; « Cướp súng giặc, giết giặc », « vừa đánh vừa vũ trang », « một viên đạn, một quân thù »... trong quá trình chiến đấu và xây dựng, Đảng ta đã giải quyết thành công vấn đề trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang cách mạng Việt nam. Ngay từ những ngày đầu kháng chiến, Đảng đã chỉ rõ, chiến trường là nguồn trang bị chủ yếu của quân đội cách mạng. Khi cuộc chiến đấu đã lên tới đỉnh cao (Đông xuân 1953 - 1954, xuân 1975) các lực lượng mặt đất của ta vẫn coi việc tận dụng chiến lợi phẩm là một trong những biện pháp tốt nhất, kịp thời nhất để đáp ứng yêu cầu chiến đấu.

Ngày nay, xây dựng lực lượng vũ trang trong điều kiện đất nước vừa có hòa bình, vừa phải sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, Đảng ta chủ trương « tập trung mọi khả năng bảo đảm trang bị kỹ thuật cho nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của cả ba thứ quân... Tăng cường công tác quản lý, giữ gìn, sử dụng vũ khí trang bị và bảo vệ kho tàng... Tìm mọi biện pháp làm cho trang bị được đồng bộ... Xây dựng một nền công nghiệp quốc phòng từng bước đủ sức bảo đảm các vũ khí trang bị cần thiết cho các lực lượng vũ trang... » (9).

Có thể nói nhờ tinh thần tự lực, tự cường của nhân dân ta, cán bộ chiến sĩ ta và sự tiếp nhận tốt viện trợ to lớn của quốc tế, chúng ta đã từng bước vượt lên rất nhiều khó khăn về trang bị kỹ thuật trong quá trình chiến đấu lâu dài của một nước kém xa địch về công nghiệp chiến tranh.

(7) Hồ Chí Minh: *Vết các lực lượng vũ trang nhân dân*. Nxb Quân đội nhân dân. Hà Nội, 1975, tr. 184.

(8) *Sức mạnh Việt nam*. Nxb Quân đội nhân dân. Hà Nội, 1976, tr. 181.

(9) Nghị quyết 12 của Bộ chính trị, tháng 5-1983.

2- *Phát triển về số lượng, đồng thời coi trọng, nâng cao chất lượng chiến đấu của lực lượng vũ trang.*

Số lượng và chất lượng là hai yếu tố tạo thành sức mạnh của lực lượng vũ trang, trong đó chất lượng, nhất là chất lượng của bộ đội chủ lực, có ý nghĩa quyết định.

Trong quá trình xây dựng lực lượng vũ trang 40 năm qua, Đảng ta coi trọng cả hai mặt số lượng và chất lượng của cả ba thứ quân, nhất là của lực lượng cơ động chiến lược.

Về mặt số lượng, nếu trong những ngày chuẩn bị khởi nghĩa, bộ đội tập trung của ta mới chừng dăm ngàn người thì trong kháng chiến chống Pháp, đã phát triển lên tới hàng vạn, hàng chục vạn và trong kháng chiến chống Mỹ đã lên tới hàng trăm vạn, cùng với lực lượng vũ trang hùng hậu rộng khắp.

Chính vì sớm phát triển bộ đội chủ lực lên quy mô đại đoàn và nhiều trung đoàn trong những năm 1949 - 1950, ta đã tạo nên bước ngoặt chiến lược với chiến thắng biên giới. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến thắng lợi lịch sử Điện Biên phủ là mấy năm trước đó, Đảng ta đã kịp thời mở rộng khối chủ lực cơ động thành nhiều đại đoàn, tạo nên quả đấm chiến lược mạnh, đồng thời kiên trì giữ vững và phát triển hàng triệu bộ đội địa phương và dân quân du kích, đủ sức duy trì và mở rộng chiến tranh du kích trong vùng sau lưng địch.

Trong kháng chiến chống Mỹ, nhất là từ khi quân Mỹ ồ ạt kéo vào miền Nam và tiến hành chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, lực lượng vũ trang của ta đã phát triển sâu rộng lên quy mô lớn chưa từng thấy.

Có lực lượng phòng không kịp thời được mở rộng, chúng ta mới đủ sức đánh bại hai lần chiến tranh phá hoại của địch mà đỉnh cao là cuộc tập kích chiến lược bằng B52 cuối năm 1972.

Có lực lượng cơ động chiến lược lớn mạnh và tổ chức quy mô quân đoàn cùng với nhiều trung đoàn, lữ đoàn binh khí kỹ thuật, chúng ta mới có quả đấm chiến lược thật mạnh để chớp thời cơ, đánh đòn quyết định, giành thắng lợi trọn vẹn mùa xuân năm 1975.

Tuy nhiên, số lượng tự nó chỉ mới là một yếu tố sản sinh ra thắng lợi. *Càng phát triển lực lượng vũ trang về số lượng thì vấn đề nâng cao chất lượng càng trở nên bức thiết.* Chất lượng chiến đấu của lực lượng vũ trang (bao gồm các mặt chính trị, quân sự, trang bị, tổ chức, chỉ huy...) là yếu tố quyết định thắng lợi. Hồ Chủ tịch luôn nhắc nhở: quân đội ta phải tinh, sức chiến đấu phải mạnh. « Phải xây dựng lực lượng thật tốt, chất lượng thật cao ». Cụ thể là:

« Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong quân đội.

— Phải tăng cường giáo dục chính trị để nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho toàn quân.

— Phải tăng cường huấn luyện quân sự và kỹ thuật, phải chấp hành nghiêm chỉnh chế độ và kỷ luật » (10).

Các đợt vận động nâng cao chất lượng bộ đội trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhất là trong những năm 1952 - 1953 và 1973 - 1971, đã thiết thực nâng cao sức mạnh chiến đấu của các binh đoàn chủ lực, tạo điều kiện cho quân đội giành những thắng lợi có ý nghĩa quyết định về chiến lược.

Sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, Đảng ta chủ trương duy trì quân số chiến đấu của bộ đội chủ lực ở mức độ cần thiết của từng chiến trường và trong cả nước, với chất lượng chiến đấu của lực lượng cơ động chiến lược không ngừng được nâng cao. Đối với lực lượng vũ trang

(10) Hồ Chí Minh: *chiến tranh nhân dân Việt nam*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980, tr. 30.

địa phương, ta chú trọng nâng cao chất lượng và tăng cường số lượng ở những địa bàn trọng điểm và những nơi còn yếu, đồng thời chỉ đạo phối hợp chặt chẽ các cấp, các ngành xúc tiến tích cực việc xây dựng lực lượng dự bị, bảo đảm quân dự bị có chất lượng tốt và động viên được nhanh chóng. Về phương hướng công tác Đảng, công tác chính trị, « phải tiến hành chặt chẽ, tập trung giải quyết có chất lượng một số vấn đề cơ bản nhưng thiết thực và kịp thời, phải làm tốt việc xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng, đảm bảo trong sạch vững mạnh, tích cực phát triển Đảng, lấy chất lượng làm chính, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên. Trong điều kiện hiện nay, càng cần phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là vấn đề then chốt trong công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang » (11).

3 - Quan hệ giữa đề cao kỷ luật và mở rộng dân chủ.

Một nguyên tắc cơ bản trong việc quản lý lực lượng vũ trang nhân dân ta là nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ giữa đề cao kỷ luật và mở rộng dân chủ.

Kỷ luật tự giác và nghiêm minh là một yếu tố quan trọng bảo đảm sự thống nhất ý chí, thống nhất hành động và có ý nghĩa quyết định sức mạnh chiến đấu. Lực lượng vũ trang càng phát triển, trang bị càng hiện đại và phức tạp, yêu cầu tác chiến, hiệp đồng binh chủng, quân chủng càng cao, điều kiện chiến đấu càng khắt khe, ác liệt thì vấn đề đề cao kỷ luật, tăng cường tập trung thống nhất càng quan trọng. « Quân đội mạnh là nhờ có kỷ luật nghiêm... Phải giữ kỷ luật cho nghiêm túc để xứng đáng là một quân đội cách mạng... » (12).

Ngay từ khi đội Quân giải phóng ra đời, các chiến sĩ đã được giáo dục sâu sắc về Mười lời thề danh dự của lực lượng vũ trang cách mạng Việt nam.

Mười lời thề nói lên mục tiêu chiến đấu của người chiến sĩ giải phóng, nói lên 4 điểm mà Hồ Chủ tịch chỉ thị cho toàn quân: « Dân chủ tốt, kỷ luật nghiêm, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quần dân ».

Được sự quan tâm giáo dục của Đảng, quân đội ta đã hun đúc được một truyền thống kỷ luật cách mạng rất tốt đẹp. Truyền thống đó luôn luôn là một yếu tố rất quan trọng góp phần tạo nên mọi thắng lợi của lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam.

Kỷ luật quân đội ta là kỷ luật tự giác, nghiêm minh của quân đội cách mạng, phản ánh bản chất cách mạng và những nguyên tắc xây dựng về tư tưởng và tổ chức của quân đội của giai cấp công nhân. Đó là thứ kỷ luật sắt chân chính của quân đội kiểu mới mà không thể có ở một quân đội nào của giai cấp bóc lột.

Chúng ta thừa nhận một thực tế là: bên cạnh mặt tốt là chủ yếu, cán bộ và chiến sĩ ta còn có những biểu hiện của tư tưởng, tập quán, tác phong, nếp sống chưa phù hợp với tính tổ chức cao của một đội quân chính quy, hiện đại. Để khắc phục nhược điểm trên đây, trước bước phát triển mới của quân đội về tổ chức và trang bị, trước yêu cầu về nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng ngày càng nặng nề và phức tạp, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo và tăng cường giáo dục toàn quân chấp hành nghiêm chỉnh mọi mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên, làm đúng chức trách, chế độ, điều lệnh, điều lệ của quân đội, luôn luôn gương mẫu trong việc chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và tôn trọng pháp luật của Nhà nước.

Kỷ luật của quân đội ta càng được đề cao trên cơ sở mở rộng dân chủ nội

(11) Nghị quyết 12 của Bộ chính trị, tháng 5-1983.

(12) Hồ Chí Minh: *Chiến tranh nhân dân Việt nam*, NXb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980, tr. 32—33.

bộ, cả về chính trị, quân sự và kinh tế. Dân chủ nội bộ là truyền thống tốt đẹp mà quân đội ta phải tiếp tục kế thừa và phát huy. Truyền thống dân chủ trong sinh hoạt, công tác, huấn luyện và cả trong chuẩn bị và thực hành chiến đấu là biểu hiện bản chất cách mạng của lực lượng vũ trang nhân dân ta. Riêng trong chiến đấu, chúng ta đã từng phát huy vai trò của Hội đồng quân nhân cách mạng, bàn bạc dân chủ, tham khảo ý kiến rộng rãi, tạo điều kiện cho người chỉ huy ra quyết định, mệnh lệnh chính xác mà không làm ảnh hưởng đến vị trí, vai trò người chỉ huy. Sau trận đánh, từng phân đội tiến hành rút kinh nghiệm, bình kỹ thuật, chiến thuật, bình chỉ huy, đề mọi người thấy được mặt mạnh, mặt yếu, nhờ đó mà trưởng thành lên từng bước.

Thực hiện dân chủ nội bộ cũng tức là phát huy tính thần làm chủ tập thể, là vận dụng đường lối quản chung của Đảng để lãnh đạo, chỉ huy và quản lý bộ đội. Có mở rộng dân chủ mới phát huy được tính tích cực, chủ động sáng tạo của đồng đội cán bộ và chiến sĩ, tập trung được trí tuệ của mọi người để giải quyết những vấn đề khó khăn, phức tạp trong việc xây dựng và chiến đấu. Có mở rộng dân chủ mới tăng cường được đoàn kết nhất trí từ trên xuống dưới, xây dựng được cơ sở vững chắc cho kỷ luật tự giác, nghiêm minh. Cho nên, trong quân đội ta, dân chủ không mâu thuẫn với kỷ luật. Dân chủ càng được mở rộng, càng có thêm điều kiện để giữ nghiêm kỷ luật. Dân chủ vừa là nguyên tắc về chính trị và tổ chức, vừa là một trong những biện pháp cơ bản để phát động quần chúng tự giác duy trì kỷ luật nghiêm minh.

4 - Kết hợp chặt chẽ xây dựng và chiến đấu

40 năm qua quân đội ta càng đánh càng mạnh trong quá trình vừa xây

dựng vừa chiến đấu lâu dài, xây dựng để kịp thời đáp ứng yêu cầu chiến đấu thắng lợi.

Từ một số trung đội lúc đầu phát triển lên 5000 người trong quá trình khởi nghĩa từng phần, tiến hành chiến tranh du kích cục bộ, Quân Giải phóng đã cùng các lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt cho toàn dân tổng khởi nghĩa thắng lợi. Tranh thủ 15 tháng hòa bình ở miền Bắc sau Cách mạng Tháng Tám, Đảng ta nhanh chóng xây dựng lực lượng cần thiết để bước vào cuộc kháng chiến trong cả nước.

Trên cả ba mặt chiến lược, chiến dịch và chiến đấu, Đảng ta đã kịp thời dự kiến xu hướng phát triển có tính quy luật của chiến tranh để chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang từng bước qua các thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng là điều kiện thuận lợi để Đảng ta xây dựng lực lượng vũ trang quy mô lớn, theo phương hướng tiến dần lên chính quy hiện đại. Thời kỳ này đã đánh dấu một bước trưởng thành về mọi mặt của quân đội ta. Nhờ sự giúp đỡ của các nước anh em, chúng ta bước đầu xây dựng và phát triển các binh chủng, quân chủng kỹ thuật mà trước đây chưa có (hải quân, phòng không, không quân, thiết giáp, pháo lớn, phòng hóa). Lực lượng vũ trang từ miền Bắc chi viện vào chiến trường miền Nam đã góp phần to lớn làm thay đổi lực lượng so sánh giữa ta và địch, không những về lực lượng cơ động mà cả lực lượng tại chỗ, tạo thêm điều kiện quan trọng để chiến trường giành thắng lợi.

Thành công của Đảng ta trong 40 năm qua về việc chỉ đạo kết hợp chặt chẽ xây dựng và chiến đấu là: có tầm nhìn chiến lược xa rộng, sớm dự kiến đúng xu thế phát triển có tính quy luật của chiến tranh để đi trước một bước trong việc chỉ đạo xây dựng lực lượng từ thấp lên cao, phù hợp với

yêu cầu ngày càng nâng lên từng bước của chiến trường; quan tâm xây dựng cả ba thứ quân, duy trì tinh thần dõng, đồng bộ giữa các lực lượng, luôn có một lực lượng cơ động chiến lược mạnh, nhất là vào các thời điểm quan trọng có ý nghĩa quyết định; về mặt trang bị, một mặt tranh thủ sự giúp đỡ của các nước anh em, mặt khác sản xuất những vũ khí nhẹ phù hợp với cách đánh của ta, lãnh đạo toàn quân đề cao tiết kiệm và trách nhiệm trong việc bảo quản, sử dụng, tận dụng chiến lược phòng, nhất là những trang bị nặng thu được của địch.

Coi trọng công tác huấn luyện ngay trong quá trình chiến đấu, không ngừng nâng trình độ tác chiến của bộ đội kịp đáp ứng yêu cầu của chiến tranh; vừa kế thừa những kinh nghiệm đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, vừa từng bước xây dựng nền khoa học quân sự Việt nam độc đáo.

5 - *Coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ.*

Ngay từ những ngày đầu thành lập lực lượng vũ trang, Đảng ta luôn chăm lo xây dựng một đội ngũ cán bộ tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân, có khả năng đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nhiệm vụ quân sự trong mọi giai đoạn cách mạng.

Hội nghị thứ 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng (tháng 5-1941) đã khẳng định: "Việc đào tạo cán bộ nay đã thành công tác gấp rút, không thể bỏ qua một giờ phút. Tất cả các cấp bộ... của Đảng phải đặc biệt chú ý công tác này. Những cấp bộ ấy mau mau tìm ra những đảng viên trung thành có bảo đảm chắc chắn, có năng lực sáng tạo lập ra các lớp huấn luyện..." (13).

Qua các thời kỳ cách mạng, Đảng ta đã chủ trương mở các trường lớp huấn luyện ngắn ngày, dài ngày, bổ túc, đào tạo chính quy, học ở hậu

phương miền Bắc và cả ở chiến trường miền Nam, hoặc cho đi học ở nước ngoài. Các hệ thống trường của các ngành trong quân đội ngày càng được mở rộng và nâng cao chất lượng. Thời kỳ xây dựng ở miền Bắc từ năm 1955 đến năm 1964 đã tạo nên một bước phát triển nhảy vọt về đội ngũ cán bộ trong lực lượng vũ trang. Chúng ta đã xây dựng được đội ngũ cán bộ lớn mạnh cho các ngành, các cấp, kể cả cán bộ chỉ huy và cán bộ kỹ thuật cho các quân chủng, binh chủng. Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra cả nước, hệ thống nhà trường ở hậu phương lớn miền Bắc càng được mở rộng, nhằm khẩn trương đào tạo và bổ túc không chỉ cho cán bộ chỉ huy, tham mưu, chính trị, hậu cần, mà còn cho một đội ngũ đông đảo cán bộ kỹ thuật các binh chủng, quân chủng, nhất là phòng không - không quân. Việc coi trọng công tác chính trị, công tác Đảng trong quân đội và rèn luyện trong thực tế chiến đấu 40 năm qua đã góp phần rất quan trọng vào sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ.

Trải qua mấy chục năm đấu tranh vũ trang lâu dài và quyết liệt, Đảng ta đã xây dựng và rèn luyện được một đội ngũ cán bộ có số lượng đông, có chất lượng cao, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp của Đảng, có năng lực, kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, đấu tranh vũ trang.

Ngày nay, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng của quân đội tiến lên chính quy, hiện đại, việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ trở thành công tác cấp bách. Thực tế những năm qua và nhất là tình hình hiện nay càng chứng minh cho câu nói của Lê-nin: Không có sự tận tụy nào, không có uy tín nào của Đảng có thể thay thế được điều cơ bản

(Xem tiếp trang 31)

(13) Văn kiện quân sự của Đảng, sách đã dẫn, tr. 205

Hậu cần của quân đội cách mạng

Trung tướng BÙI PHÙNG

QUÂN đội ta ra đời từ những đội quân nhỏ bé, thiếu thốn đủ thứ, mới thành lập đã phải chiến đấu, vừa xây dựng vừa chiến đấu và chiến đấu liên tục trong khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh giải phóng, bảo vệ Tổ quốc ở một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, chống lại những kẻ thù mạnh hơn mình gấp nhiều lần về vật chất và có tiềm lực kinh tế, quân sự to lớn. Một quân đội như thế dù anh dũng, thiện chiến đến mấy cũng không thể giành thắng lợi được, nếu không có những kỳ công của công tác hậu cần. Công tác hậu cần thật sự là một công tác cách mạng mang tính chất chính trị, quân sự, khoa học kỹ thuật và kinh tế. Nó đòi hỏi sự chịu đựng gian khổ, hy sinh, luôn luôn khắc phục mọi khó khăn, sự sáng tạo và vươn lên không biết mệt mỏi, đáp ứng và vượt trước những yêu cầu của chiến đấu và mức độ ác liệt của chiến tranh. Nó phải luôn luôn lấy việc phục vụ thắng lợi nhiệm vụ chính trị, quân sự làm mục tiêu hành động cao nhất, theo suốt những quan điểm tư tưởng và đường lối quân sự của Đảng, nắm vững khoa học kỹ thuật hậu cần, thích nghi với hoàn cảnh kinh tế - xã hội nước ta, phù hợp quy luật phát triển của chiến tranh nhân dân. Nói cách khác, nó phải thể hiện

rõ nét bản chất giai cấp, bản chất nhân dân và bản chất khoa học của hậu cần quân đội nhân dân Việt nam.

Vì thế, ngay từ khi mới thành lập những đội quân đầu tiên, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất coi trọng vấn đề hậu cần của quân đội. Hồ Chủ tịch chỉ rõ: "Công việc cung cấp cũng quan trọng như việc trực tiếp đánh giặc trước mặt trận; cung cấp đủ súng đạn, đủ cơm áo cho bộ đội thì bộ đội mới đánh thắng trận" (1).

I

Qua 40 năm xây dựng và chiến đấu, công tác hậu cần của chúng ta chịu sự chi phối nghiêm ngặt của những đặc điểm cơ bản như:

— Phải tổ chức bảo đảm hậu cần trong điều kiện nền kinh tế nông nghiệp chậm phát triển. Kẻ thù dùng mọi thủ đoạn xảo quyệt, man rợ để ngăn chặn, phá hoại việc cung cấp cho quân đội ta, khoét sâu nhược điểm cơ bản của nền kinh tế nước ta.

— Hoàn cảnh địa lý nước ta dài và hẹp, sông suối nhiều, khí hậu thời tiết khắc nghiệt đã tác động hết sức

(1) Hồ Chí Minh: *Về công tác hậu cần quân đội*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1970, tr. 39.

lớn vào các hoạt động hậu cần. Khi xảy ra chiến tranh, dễ bị kẻ địch chia cắt.

— Trong chiến tranh giải phóng trước đây cũng như chiến tranh bảo vệ Tổ quốc hiện nay, chúng ta chiến đấu trong liên minh chiến lược với hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, trên một chiến trường thống nhất. Đặc điểm này đã chi phối mạnh mẽ đến các mặt lãnh đạo, tổ chức thực hiện hợp đồng bảo đảm trên một phạm vi rộng, rất phức tạp và có nhiều yêu cầu khác nhau.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước ta cần cù và sáng tạo, được sự chi viện to lớn, có hiệu quả của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, đã dồn sức người sức của cho sự nghiệp giải phóng đất nước và giữ nước. Trên cơ sở đó, công tác hậu cần đã khắc phục được những khó khăn do các đặc điểm nói trên gây nên, đóng góp to lớn vào sự trưởng thành và chiến thắng của quân đội.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ta chưa có tổ chức hậu cần quân đội. Nhưng công tác hậu cần đã được các tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng cách mạng và nhân dân ở các vùng căn cứ tích cực tham gia, ủng hộ mọi mặt, từ bảo đảm sinh hoạt, cứu chữa thương binh, sản xuất vũ khí thô sơ kết hợp với lấy của địch để đánh địch. Thời kỳ này, hậu cần nhân dân đã góp phần bảo đảm tổng khởi nghĩa thắng lợi.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, việc bảo đảm hậu cần mới dần dần được xây dựng có hệ thống tương đối từ trung ương đến các quân khu, đơn vị chủ lực và bộ đội địa phương. Công tác hậu cần đã dựa vào khả năng tại chỗ để bảo đảm tác chiến; từng bước xác định rõ những quan điểm chỉ đạo hậu cần, định ra được các chế độ, tiêu chuẩn Nhà nước, tổ chức được hội đồng cung cấp từ trung ương xuống tỉnh, huyện;

từng bước hình thành các tuyến vận tải chiến lược... Nhờ đó, công tác hậu cần đã nhanh chóng trưởng thành, bảo đảm cho bộ đội các chiến trường đánh địch, góp phần giành thắng lợi to lớn trong cuộc tiến công chiến lược Đông—Xuân (1953 — 1954) và chiến dịch Điện Biên phủ lịch sử.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, công tác hậu cần tập trung bảo đảm nhiệm vụ xây dựng quân đội tiến lên chính quy hiện đại, và tham gia vào công cuộc xây dựng miền Bắc, đồng thời xúc tiến việc xây dựng tuyến vận chuyển chiến lược cho các chiến trường miền Nam.

Trong việc chi viện cho miền Nam, chúng ta đã kịp thời chuyển hướng tổ chức, phương thức tiếp nhận nguồn vật chất lớn của hậu phương miền Bắc và nguồn chi viện lớn của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, thực hiện được nhiệm vụ bảo đảm hậu cần cho các chiến trường ta và bạn ở phía Nam Đông dương.

Tại các chiến trường miền Nam, đã hình thành tổ chức hậu cần khu vực, áp dụng linh hoạt phương thức bảo đảm tại chỗ, kết hợp với nguồn chi viện từ hậu phương lớn chuyển đến, cho nên đã đáp ứng tốt yêu cầu xây dựng lực lượng và tác chiến, tạo được những điều kiện vật chất chủ yếu, phục vụ đắc lực quyết tâm chiến lược của Đảng và thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Đánh cho Mỹ cút”.

Thời kỳ sau hiệp định Pa-ri, công tác hậu cần từ trung ương đến các chiến trường khăn trương đầy mạnh việc chuẩn bị chiến lược đáp ứng thời cơ lịch sử. Đường Hồ Chí Minh đã được mở rộng và chúng ta phát triển hệ thống đường chiến lược liên hoàn với hệ thống đường chiến dịch, chuẩn bị được khối lượng vật chất kỹ thuật dự trữ chiến lược cho tất cả các chiến trường miền Nam, Lào và Cam-pu-chia.

Khi Bộ chính trị Trung ương Đảng hạ quyết tâm chiến lược, công tác hậu cần đã kịp thời góp phần bảo đảm đặc lực cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt mùa xuân 1975, tiến tới chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đồng thời chi viện đặc lực cho chiến trường Lào và Cam-pu-chia tiến lên giải phóng hoàn toàn đất nước.

Sau khi thống nhất Tổ quốc, công tác hậu cần đã khẩn trương giải quyết những vấn đề hậu quả chiến tranh trong quân đội, tích cực tổ chức bảo đảm cho quân đội xây dựng lực lượng, tham gia khôi phục kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội kết hợp với củng cố quốc phòng, chuẩn bị sẵn sàng cho chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế. Nhờ vậy, công tác hậu cần đã bảo đảm tốt và kịp thời cho hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía tây nam và phía bắc, đánh thắng bọn hành tẩu bá quyền Trung quốc xâm lược.

Ngày nay, trước những yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, công tác hậu cần đã và đang dựa vào sức mạnh của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, hậu phương đất nước hoàn chỉnh, các vùng kinh tế đang mở rộng, đề tạo khả năng phát triển nguồn bảo đảm hậu cần tại chỗ phong phú, đồng thời tích cực, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của mình. Trên cơ sở đó, công tác hậu cần sẽ làm tròn nhiệm vụ bảo đảm cho các lực lượng vũ trang ta đánh thắng địch trong mọi tình huống.

II

Hoạt động hậu cần của quân đội ta trong 10 năm qua thật phong phú, đa dạng và đạt nhiều thành tích xuất sắc. Hoạt động ấy đem lại những kinh nghiệm quý báu, ở đây chỉ xin nêu mấy kinh nghiệm chính.

1 - Quân triệt đường lối chiến tranh nhân dân và nhiệm vụ chính trị, quân sự của Đảng từng giai đoạn cách mạng,

thấm nhuần sâu sắc và vận dụng nhuần nhuyễn tư tưởng chiến lược tiến công và quyết tâm tác chiến của Đảng vào mọi mặt công tác hậu cần.

Đây là yêu cầu có tính nguyên tắc đối với công tác hậu cần. Nó trở thành yêu cầu quan trọng trước hết để làm căn cứ xác lập chủ trương, biện pháp hành động thích hợp. Vì muốn thực hiện mọi quyết tâm chiến lược quân sự, kế hoạch tác chiến trên các chiến trường đều cần phải có những điều kiện vật chất, kỹ thuật bảo đảm. Điều đó luôn luôn đòi hỏi công tác hậu cần phải đi trước một bước. Nếu thiếu nhạy bén và không bám chắc vào các nghị quyết của Đảng thì không thể nhận thức đúng đắn tình thế, phương hướng chiến lược chung, nhiệm vụ từng giai đoạn để xác định phương án chuẩn bị hậu cần. Chẳng hạn mùa khô 1970-1971, trên cơ sở phán đoán chính xác âm mưu địch, Bộ chính trị Trung ương Đảng nhận định: « trường hợp địch đánh ra đường 9 thì đây là thời cơ thuận lợi cho ta tiêu diệt chúng... Nhất thiết phải đánh thắng địch trong trận này... » (2). Do sớm quán triệt chủ trương chiến dịch đó, công tác hậu cần từ Tổng cục đến các chiến trường có liên quan và tuyến Hồ Chí Minh, với tinh thần tích cực tiến công, chủ động chuẩn bị đã bảo đảm cho bộ đội ta phần công tiêu diệt địch khi chúng mở các cuộc hành quân xâm lược sang Cam-pu-chia 1970, và sang Lào năm 1971.

Thực tế lịch sử đã chứng minh những thắng lợi của công tác hậu cần đều bắt nguồn từ nhận thức sâu sắc đường lối, nắm vững tư tưởng chiến lược của Đảng từng giai đoạn và quyết tâm chiến dịch trên từng hướng, vận dụng sáng tạo trong hoàn cảnh cụ thể. Ngược lại, một số nơi do chưa nắm vững tư tưởng chỉ đạo của Đảng, chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa đánh

(2) Chỉ thị gửi Quân ủy trung ương cuối mùa mưa năm 1970.

thắng nhanh với chuẩn bị đánh lâu dài, cho nên đã nóng đánh với tâm lý «dốc ống». Khi kẻ địch tăng thêm thủ đoạn phản kích điên cuồng, phá hủy các cơ sở hậu cần nhân dân và quân đội của ta thì ta buộc phải eo vè cổ thủ một cách thụ động.

Bước sang giai đoạn mới, tư tưởng chiến lược cách mạng tiến công của Đảng trong đường lối chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc lại được phát triển lên một bước. Quán triệt vào công tác hậu cần, tư tưởng đó đòi hỏi phải đặc biệt chăm lo xây dựng «cái thể» vật chất cho quân đội ta, bảo đảm đủ sức giành quyền làm chủ đề tiến công, đồng thời đẩy mạnh hành động tiến công để làm chủ trong mọi tình huống, trên các địa bàn chiến lược.

Công tác hậu cần phải thể hiện đầy đủ, sắc sảo quan điểm «toàn dân, toàn diện, hiện đại và liên minh» trong mọi mặt, trước hết là chủ động chuẩn bị khả năng tiếp nhận sự chi viện lớn những phương tiện vật chất kỹ thuật hiện đại của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, đồng thời phải nắm vững tư tưởng chiến lược và những yêu cầu chiến đấu trên một chiến trường thống nhất với Lào và Cam-pu-chia để chủ động chuẩn bị sớm nội dung công tác hậu cần trong mối quan hệ phối hợp mới.

2 - *Tổ chức tạo nguồn bảo đảm hậu cần vững chắc trên cơ sở chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan Nhà nước và địa phương, áp dụng các biện pháp thích hợp, linh hoạt.*

Muốn chiến thắng kẻ thù mạnh hơn ta gặp nhiều lần trong chiến tranh chống xâm lược, chúng ta phải dựa vào dân để bảo đảm một phần quan trọng điều kiện vật chất cho chiến đấu. Tuy nhiên khi cuộc chiến tranh phát triển lên quy mô lớn, đòi hỏi phải bảo đảm khối lượng lớn vật chất kỹ thuật, thì không thể đơn thuần dựa vào nguồn kinh tế tự cung ở từng

khu vực, vì như vậy sẽ không thể giành được chủ động để bảo đảm những yêu cầu tác chiến. Do đó phải tạo được «nguồn bảo đảm vững chắc» là sự tổ chức sản xuất và tiếp nhận các phương tiện vật chất hậu cần, được Đảng và Nhà nước (kể cả chính quyền địa phương) xét duyệt và cho tiến hành theo các chỉ tiêu và biện pháp cụ thể nằm trong kế hoạch chung.

Xét về mặt cung cấp phương tiện vật chất cho chiến đấu, việc tạo «nguồn bảo đảm vững chắc» giữ vị trí then chốt, có tác dụng chi phối toàn bộ hệ thống bố trí lực lượng hậu cần và quy định hiệu quả công tác hậu cần.

Thật vậy, có khai thác được khối lượng vật chất theo yêu cầu tiêu thụ trước mắt và lâu dài, có nắm chắc những khối lượng đó mới thực hiện được quyền làm chủ phân cấp cho các đơn vị tính theo cơ sở chiến đấu. Ngược lại thì bất cứ cách tổ chức bảo đảm, biện pháp phân phối nào cũng không thể trở thành hiện thực.

Từ ý nghĩa đó, «tạo nguồn» là gốc của việc «bảo đảm». Không có tạo nguồn sẽ không có hoạt động bảo đảm, có nghĩa là không có cả hoạt động hậu cần.

Trong cả hai cuộc chiến tranh giải phóng, «nguồn bảo đảm» được xác định như sau:

Nguồn bảo đảm của hậu phương đất nước là chủ yếu. Hậu phương ở đây bao gồm những khu vực rộng lớn hoàn chỉnh và những khu căn cứ, vùng giải phóng nhỏ hẹp ở từng chiến trường. Tại những nơi đó, Nhà nước (hoặc chính quyền địa phương) đảm nhiệm việc huy động sức dân tổ chức nguồn cung cấp vật chất các loại cho quân đội, bao gồm vũ khí, lương thực, thực phẩm, trang phục, được phẩm y tế, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải, nhân lực, tài chính lớn nhất cho quân đội.

Trong cuộc chiến tranh giải phóng, nhân dân còn trực tiếp cung cấp cho từng đơn vị chiến đấu tại địa phương. Đối với những đơn vị ở xa vùng căn cứ hậu phương, bộ đội ta đã dựa vào dân, lấy việc huy động tiềm lực nhân dân tại chỗ làm nguồn cung cấp chính của hậu cần đơn vị, tổ chức bảo đảm mức sinh hoạt tối thiểu cho cán bộ, chiến sĩ. Tuy nhiên, nguồn cung cấp này không thể đáp ứng yêu cầu tác chiến lớn và khó giành chủ động trong quá trình triển khai chiến dịch.

Nguồn viện trợ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa có hiệu quả to lớn. Nó giúp công tác hậu cần tăng được khả năng bảo đảm những phương tiện vật chất kỹ thuật tiên tiến cho bộ đội. Song nguồn này đòi hỏi chúng ta phải tăng cường công tác nghiên cứu, học tập nắm vững tính năng, tác dụng của những phương tiện đó để bảo quản, sử dụng phù hợp với điều kiện khí hậu, địa lý chiến trường nước ta và hoàn cảnh sinh hoạt, chiến đấu của bộ đội ta. Cần đặc biệt coi trọng việc xây dựng ý thức làm chủ, nêu cao tinh thần trách nhiệm chính trị trong toàn quân, để bảo quản và sử dụng lâu bền các vật phẩm, vật tư kỹ thuật hiện đại đạt hiệu quả lớn nhất.

Nguồn tự sản xuất của lực lượng vũ trang cũng rất quan trọng. Trước đây trong chiến tranh giải phóng, việc tăng gia sản xuất tự túc của bộ đội được Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở: "Các cơ quan trong quân đội phải cố sức trồng trọt chăn nuôi để tự túc phần nào, để giảm bớt gánh nặng của nhân dân" (3). Chấp hành chỉ thị của Người, bộ đội ở phía sau hoặc ở mặt trận đều chú trọng tăng gia sản xuất. Hồ Chủ tịch lại dạy: "Tăng gia mà không tiết kiệm thì vô ích. Tiết kiệm mà không tăng gia thì lấy gì mà tiết kiệm" (4).

Hiện nay, bộ đội được giao nhiệm vụ tham gia xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa gắn liền với củng cố quốc phòng. Hậu cần các cấp đang tổ chức cho các đơn vị đẩy mạnh việc tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Có đơn vị nhận sản xuất những mặt hàng đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế đất nước, đồng thời cũng chính là tạo nguồn hậu cần vững chắc.

Nguồn thu được của địch khá lớn. Hồ Chủ tịch coi việc "bộ đội đánh thắng giặc thu được nhiều chiến lợi phẩm, đấy cũng là tăng gia" (5). Trong cuộc tổng tiến công mùa xuân 1975, bộ đội ta đã thu được một khối lượng rất lớn vũ khí, trang bị, vật tư hậu cần các loại. Đó là nguồn bổ sung rất lớn bảo đảm trang bị cho bộ đội trong quá trình chiến đấu và chiến thắng.

Các nguồn bảo đảm nói trên đều có những vị trí quan trọng nhất định. Muốn phát huy sức mạnh tổng hợp của những nguồn hậu cần đó, điều chủ yếu là nêu cao tinh thần làm chủ và tinh thần trách nhiệm, luôn luôn tìm cách tăng nguồn, đưa chúng vào quỹ đạo hoạt động có hiệu quả nhất.

3 - Xây dựng thể trận hậu cần vững chắc liên hoàn của cả nước, thực hiện hậu cần toàn dân.

Cuộc chiến tranh chống xâm lược ở nước ta qua các thời kỳ lịch sử đều rất ác liệt. Kẻ địch thường chú trọng tập trung phá hoại bằng mọi cách nguồn tiếp tế của ta cho các chiến trường. Đây là một cuộc đấu tranh rất quyết liệt giữa ta và địch.

Yêu cầu của cuộc chiến tranh nhân dân và xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân đòi hỏi công tác hậu cần phải có cách phát huy được hiệu lực của các nguồn bảo đảm đã chuẩn bị, đồng thời phải hết sức đề cao cảnh

(3), (4), (5) Hồ Chí Minh: *Về công tác hậu cần quân đội*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1970, tr 43.

giác, làm thất hại mọi âm mưu và hành động đánh phá của địch vào hậu phương, hậu cần của ta. Thực tiễn các cuộc chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đã khẳng định kinh nghiệm sau đây: phải xây dựng thế trận hậu cần toàn dân vững chắc, liên hoàn — một hình thái bố trí các lực lượng hậu cần gắn bó chặt chẽ với thế trận quân sự, chính trị, kinh tế của chiến tranh nhân dân, phù hợp với phương án chiến lược, chiến dịch và thế bố trí cơ động của bộ đội chủ lực, của các lực lượng vũ trang địa phương.

Để xây dựng được thế trận hậu cần toàn dân vững chắc, phải bố trí lực lượng hậu cần thích hợp theo hướng, tuyến, khu vực.

Trong chiến tranh chống Mỹ, chúng ta bố trí theo cả ba cách này, nhưng phổ biến nhất là tổ chức bảo đảm hậu cần khu vực. Hình thức bố trí lực lượng hậu cần theo địa bàn tác chiến, kết hợp chặt chẽ hậu cần quân đội với hậu cần nhân dân, hậu cần cấp chiến lược với cấp chiến dịch, chiến thuật; kết hợp hậu cần chủ lực với hậu cần địa phương tỉnh, huyện, sử dụng các nguồn bảo đảm dự trữ tại chỗ kết hợp với nguồn cơ động từ nơi khác đến đã đem lại hiệu quả cao nhất.

Một vấn đề có tính nguyên tắc là dù hậu cần cấp nào cũng phải dựa vào nguồn kinh tế trên các địa bàn hoạt động. Đặc biệt đối với hậu cần cấp chiến thuật, nhiều trường hợp phải dựa vào nguồn kinh tế nhân dân địa phương không chỉ ở vùng giải phóng mà ngay cả vùng sâu trong lòng địch để tự bảo đảm cung cấp. Chẳng hạn trong chiến dịch Điện Biên phủ, một sư đoàn được lệnh tiến sang thượng Lào, nhưng hậu cần chưa được chuẩn bị sẵn, chúng ta đã dựa vào nhân dân nước bạn ở lưu vực sông Nam hu, tích cực khai thác nguồn cung cấp tại chỗ, nhờ đó đã bảo đảm cho bộ đội đánh thắng địch.

Muốn xây dựng thế trận hậu cần, phải kiên quyết đầu tư công sức xây dựng mạng đường sá giao thông đi đôi với việc tổ chức các lực lượng và phương tiện vận tải thích hợp phục vụ đặc lực công tác hậu cần. Chỉ trên cơ sở đó mới tạo được mối liên hoàn giữa các cơ sở hậu cần, kịp thời điều chỉnh lực lượng từ khu vực này đến khu vực khác, phát huy sức mạnh tổng hợp của thế trận hậu cần toàn dân.

Thế trận hậu cần toàn dân là một bộ phận hợp thành quan trọng của thế trận chiến tranh nhân dân, được xây dựng bằng ba biện pháp chính là bảo đảm hậu cần tại chỗ, hậu cần từ hậu phương của đất nước chuyển tới và hậu cần theo khu vực.

Trong điều kiện mới của nước ta ngày nay, thế trận hậu cần được hình thành trên cơ sở thế bố trí chiến lược kinh tế của Nhà nước kết hợp với quốc phòng, "mỗi làng, bản, mỗi hợp tác xã là một đơn vị chiến đấu, mỗi quận, huyện là một pháo đài; mỗi tỉnh, thành là một chiến trường; cả nước là một chiến trường lớn". Như vậy, sẽ có điều kiện thuận lợi để xây dựng hoàn chỉnh thế trận hậu cần toàn dân trong thời bình, sẵn sàng đáp ứng những yêu cầu của cuộc chiến tranh giữ nước.

4 — Phát huy truyền thống tự lực tự cường, tinh thần làm chủ của công, quản lý nghiêm ngặt, thực hành tiết kiệm, triệt để chống lãng phí tham ô.

Phương châm "tự lực tự cường, cần kiệm, dựa vào sức mình là chính" để xây dựng quân đội là phản ánh thực tế khách quan của đất nước ta, một đất nước còn nghèo, chiến tranh liên tiếp, chưa tự sản xuất được nhiều phương tiện vật chất kỹ thuật hiện đại và nhận sự chi viện quốc tế gặp khó khăn. Cho nên, công tác hậu cần lại càng phải coi đó là phương châm hành động chủ yếu của mình trong việc tổ chức quản lý, sử dụng các

nguồn bảo đảm với khối lượng vật chất kỹ thuật to lớn, phức tạp

Trước hết cần tập trung giải quyết thật tốt những điều kiện còn yếu và thiếu trong công tác quản lý hậu cần là: chân chính ngay khâu tổ chức bảo đảm ở đơn vị thật hợp lý; nêu cao lề lối làm việc có kế hoạch, tiến tới kế hoạch hóa mọi mặt công tác hậu cần, nhất là khâu quản lý và sử dụng; thực hành chính sách tiết kiệm trong sản xuất và trong bảo đảm hậu cần; nhanh chóng kiện toàn bộ máy quản lý và biện pháp quản lý hậu cần.

Mọi người, nhất là cán bộ, nhân viên ngành hậu cần phải nhận thức sâu sắc rằng chính việc tiết kiệm sức người sức của, sử dụng vật chất hợp lý, đạt hiệu suất cao, là sự tự bổ sung thiết thực nhất lượng dự trữ hậu cần tại chỗ. Cần cứ vào điều lệnh quân đội, các chính sách, chế độ của Nhà nước mà đề ra điều lệ công tác hậu cần. Các cấp đều phải nghiêm chỉnh chấp hành điều lệ công tác và các chế độ, tiêu chuẩn đã định, tuyệt đối không được vi phạm bất cứ lý do gì để vi phạm chế độ, tiêu chuẩn; phải xóa bỏ những quy định không thống nhất và không còn phù hợp với thực tế tình hình mới. Mọi người đều có trách nhiệm đấu tranh chống thái độ vô trách nhiệm gây lãng phí, tham ô, phá hoại nguồn hậu cần quân đội, hậu cần nhân dân, làm suy yếu sức chiến đấu của quân đội.

Hồ Chủ tịch coi tham ô, lãng phí và quan liêu là giặc. Nó trực tiếp phá hoại đạo đức cách mạng của cán bộ, chiến sĩ. « Chống tham ô, lãng phí và quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận » (6).

5 - *Kiên trì xây dựng hệ thống tổ chức hậu cần vững mạnh, coi trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn hậu cần.*

Tình hình xây dựng lực lượng vũ trang của ta trong chiến tranh thường

diễn ra trong hoàn cảnh vừa chiến đấu, vừa tổ chức. Ngành hậu cần tư quân khu trở xuống cũng nằm trong thực tế đó. Tuy chúng ta vẫn thường coi trọng việc củng cố tổ chức vững mạnh, nhưng cốt lõi của sự vững mạnh đó tùy thuộc vào tính hệ thống, quy tắc hành động của tổ chức và chất lượng mọi mặt của cán bộ, nhân viên

Trong kháng chiến, nhiều chiến trường bị chia cắt, lệ thuộc vào hoàn cảnh và tập quán tổ chức cũ ở từng vùng, cho nên về mặt tổ chức, thực hiện nguyên tắc, chế độ, lề lối công tác hậu cần còn thiếu thống nhất.

Trước đòi hỏi của tình hình chiến tranh phát triển và trải qua thực tiễn công tác chiến đấu, chúng ta đã xây dựng được hệ thống tổ chức hậu cần chủ lực hình thành ba cấp chiến lược, chiến dịch và chiến thuật, kết hợp gần bó với hậu cần địa phương, hậu cần nhân dân tạo thành hậu cần toàn dân.

Quá trình công tác cũng đã từng bước định rõ phạm vi chức trách ở từng cấp bảo đảm và mỗi cấp đều phát huy tính năng động xây dựng địa bàn, tạo thế, tạo lực để giữ vững quyền làm chủ thật sự trong phạm vi mình phụ trách.

Đội ngũ cán bộ hậu cần qua thực tiễn công tác, chiến đấu được rèn luyện và phát triển, nhưng phần lớn chưa được đào tạo cơ bản tại trường. Đây là một hạn chế lớn đối với một ngành công tác bao hàm cả nội dung khoa học xã hội lẫn khoa học tự nhiên trong nhiều mặt công tác.

Kinh nghiệm khắc phục mặt yếu kém đó ở các chiến trường là phải dựa vào nguồn bổ sung nhân lực và cán bộ kỹ thuật cấp cao từ hậu phương quốc gia đưa tới, quân khu phải tổ chức bồi dưỡng thực tế và đào tạo

(6) Hồ Chí Minh: *Về công tác hậu cần quân đội*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 1970 tr. 73.

tại chỗ những nhân viên kỹ thuật sơ cấp. Hằng năm tiến hành những hội nghị tập huấn cho cán bộ nhân viên đề nâng cao trình độ hiểu biết, năng lực tổ chức, chỉ huy hậu cần. Mỗi chuyên ngành quân nhu, quân y, vận tải, vật tư, xăng dầu, tài vụ... cũng phải tự đặt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân viên theo chỉ tiêu và yêu cầu của ngành.

Trong quá trình chiến đấu, tuy đội ngũ cán bộ bị tiêu hao không ít, nhưng do sự quan tâm thích đáng của các cấp, vận dụng tốt những kinh nghiệm đào tạo trong chiến đấu, vừa đào tạo tại trường vừa đào tạo tại chức, bổ sung và sàng lọc trong công tác, ngành hậu cần đã đảm đương

được công tác rất to lớn, nặng nề, đội ngũ cán bộ ngày càng trưởng thành.



Trong tương lai, quân đội ta tiến lên chính quy, hiện đại ở một trình độ cao hơn, lại phải đáp ứng những yêu cầu mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhiều mặt của công tác hậu cần sẽ có những thay đổi và phát triển mới. Song bản chất công tác hậu cần toàn dân của lực lượng vũ trang nhằm bảo đảm tiến hành thắng lợi chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc vẫn không thay đổi. Do đó, việc tiếp tục tổng kết và phát huy những kinh nghiệm công tác hậu cần trong 40 năm qua là có ý nghĩa thực tiễn to lớn và thiết thực.

Mấy bài học...

(Tiếp theo trang 23)

trong trường hợp này: Đó là sự hiểu biết công việc. Vì thế trong thời gian trước mắt, chúng ta cần làm tốt công tác xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ.

Điều mấu chốt đối với các cấp lãnh đạo, cũng như cơ quan cán bộ và những người làm công tác cán bộ là cần quán triệt tinh thần nghị quyết của Bộ chính trị: *«Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là vấn đề then chốt trong công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang»*.



Nhìn lại chặng đường trưởng thành và chiến thắng 40 năm qua, lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, ghi nhớ công lao dạy dỗ của Bác Hồ, công tạo đùm bọc của nhân dân, lại càng thấy nhiệm vụ xây dựng và sẵn sàng chiến đấu hiện nay rất nặng nề.

Trước âm mưu và hành động thâm độc của bọn bán nước, bá quyền Trung quốc, chúng ta càng ghi nhớ và chấp hành nghiêm chỉnh lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *«Bất kỳ hòa bình hay chiến tranh, ta cũng phải nắm vững chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước»* (14).

Chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, được sự thương yêu đùm bọc của nhân dân, với truyền thống tốt đẹp được hun đúc trong thực tế chiến đấu 40 năm qua, với những bài học kinh nghiệm quý báu rút ra từ lịch sử trưởng thành và chiến thắng của chính mình, lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam nhất định thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

(14) Hồ Chí Minh. *Chiến tranh nhân dân Việt nam*, sách đã dẫn, tr. 202, 205.

Một tác phẩm quân sự có giá trị lớn về tổng kết lý luận và chỉ đạo thực tiễn

Trung tướng **HOÀNG PHƯƠNG**

TRONG sự nghiệp cách mạng của mình, từ một nước thuộc địa vùng lên giành chính quyền, bảo vệ nền độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta luôn luôn phải chống lại những kẻ thù có tiềm lực mạnh về kinh tế và quân sự. Bọn chúng đều sử dụng bạo lực để đàn áp và tiêu diệt cách mạng. Vì vậy, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã xác định «bạo lực cách mạng là phương thức cơ bản để giành chính quyền». Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt nam dân chủ cộng hòa vừa ra đời thì thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta. Pháp thua, Mỹ lại nhảy vào, rồi sau đó là bọn bành trướng bá quyền Bắc kinh với mục đích thôn tính Việt nam. Cho tới nay, trên đất nước ta tiếng súng chiến đấu chống những hành động xâm phạm bờ cõi của Tổ quốc vẫn chưa ngừng; hòa bình thật sự chưa được bảo đảm, vì bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và bọn phản động quốc tế đang tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại về nhiều mặt, kể cả về quân sự đối với Việt nam, Lào và Cam-pu-chia.

Tình hình trên buộc nhân dân ta phải cầm vũ khí chiến đấu trong nhiều năm ròng. Đấu tranh quân sự trở thành một mặt trận rất quan trọng, nhiều khi có ý nghĩa quyết định, trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta. Thành công rực rỡ của Cách mạng Tháng Tám, chiến thắng vẻ vang của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cũng như của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa chống bọn bành trướng bá quyền Trung quốc ở biên giới phía tây nam và biên giới phía bắc chứng tỏ Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã giải quyết đúng đắn, sáng tạo và rất thành công những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt nam, trong đó có những vấn đề quân sự. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng nói chung và lãnh đạo đấu tranh vũ trang nói riêng, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt nam, giải quyết chính xác và sáng tạo những vấn đề nói trên, phát huy mạnh mẽ truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc ta, xây dựng nền lý luận khoa học và nghệ

thuật quân sự Việt nam độc đáo, đánh thắng mọi kẻ thù, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận quân sự của chủ nghĩa Mác-Lê-nin.

Tác phẩm *Mấy vấn đề quân sự trong cách mạng Việt nam* của đồng chí Trường Chinh, ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước là một đóng góp quan trọng vào thành công này. Qua 14 bài viết và nói về quân sự đã được chọn lọc, tác phẩm đã trình bày có hệ thống sự hình thành và phát triển đường lối quân sự của Đảng, tổ chức quân sự do Đảng lãnh đạo qua các thời kỳ cách mạng từ ngày Đảng ra đời đến nay. Tác phẩm đã làm sáng tỏ những quan điểm tư tưởng cơ bản về đấu tranh vũ trang, về chiến lược quân sự trong chiến tranh nhân dân do Đảng ta lãnh đạo. Tác phẩm đã phân tích sâu sắc những vấn đề mấu chốt của nền quân sự Việt nam, đồng thời giúp cho người đọc thấy được những phương pháp tiến hành đấu tranh cách mạng, đấu tranh vũ trang của nhân dân ta do Đảng lãnh đạo.



Chúng ta đều biết rằng, vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền, mà muốn giành được chính quyền về tay nhân dân, thì phải có tình thế cách mạng, các điều kiện chủ quan và xác định đúng đắn con đường, phương pháp giành chính quyền. Trên đất nước ta sau cuộc «đảo chính» của Nhật ở Đông dương tháng 3-1945, đã xuất hiện một tình thế cách mạng và có điều kiện chủ quan để toàn dân ta mạnh dạn tiến tới tổng khởi nghĩa. Đồng chí Trường Chinh đã phát đi lời kêu gọi «Giờ quyết liệt đang lại. Cơ hội tốt sắp đến. Ai đầu đón, ề chề vì nỗi nhà tan, nước mất, ai đã bị giặc Nhật lừa dối, phỉnh phờ, hãy chạy vào hàng ngũ cách mạng» (tr. 19^{*}). Vào thời điểm này, đồng chí Trường Chinh chỉ rõ

vấn đề quân sự lớn nhất của Đảng ta và cũng là của cách mạng Việt nam là chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Muốn vậy, vấn đề cơ bản đầu tiên trong nghệ thuật lãnh đạo quân sự và cách mạng là phải xác định rõ các loại kẻ thù và kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất trong từng thời kỳ cách mạng, để có sách lược và biện pháp đấu tranh thích hợp nhằm kiên quyết đánh bại chúng. Trong bài cuộc «*Đảo chính*» của Nhật ở Đông dương, đồng chí đã vạch trần những âm mưu và bộ mặt giả nhân giả nghĩa của giặc Nhật, khẳng định bọn phát xít Nhật chính là kẻ thù mà chúng ta phải đánh đổ. «Giặc Nhật vừa bỏ cái ách của Pháp đi để đặt cái ách của Nhật vào cổ chúng ta rồi đó» (tr. 12), đồng thời phân tích sâu sắc thời cơ cách mạng đã đến. Về bài học của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tác giả viết: «Thành công to lớn của Đảng ta là đã biết lợi dụng thời cơ thuận lợi có một không hai đó để phát động quần chúng tổng khởi nghĩa» (tr. 108). Vì thế, Đảng ta đã đề ra một chủ trương hết sức đúng đắn: lãnh đạo quần chúng nhân dân nổi dậy trực tiếp vũ khí của Nhật trước, khi quần chúng mình vào Đông dương, giành lấy chính quyền từ tay Nhật, lật đổ bọn bù nhìn, tay sai của Nhật, đứng ở địa vị cầm quyền mà tiếp đón quân đồng minh vào giải ngũ quân Nhật trên đất Đông dương. Thấm nhuần chủ trương đó, đứng trước tình thế quân Nhật hoang mang, do dự dè dặt, sắp thất bại đến nơi, nhiều nơi các tổ chức Đảng đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy giành chính quyền tuy chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa.

Đồng chí Trường Chinh đã nêu bật một trong những kinh nghiệm lớn

(*) Tất cả những trích dẫn có ghi số trang đều ở trong tác phẩm *Mấy vấn đề quân sự trong cách mạng Việt nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1983.

của Đảng ta là sớm nhận thức sâu sắc tư tưởng cách mạng bạo lực—nền móng của toàn bộ học thuyết của Mác—Ăng-ghe-n, sớm đề ra nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang và tiến hành đấu tranh vũ trang. Đồng chí chỉ rõ: “Chỉ có dùng bạo lực cách mạng của quần chúng đập tan bạo lực phản cách mạng của các giai cấp bóc lột thống trị thì mới giành được chính quyền về tay giai cấp công nhân, nhân dân lao động và xây dựng xã hội mới. Không bao giờ một giai cấp bóc lột lại tự nguyện rút lui khỏi vũ đài chính trị, từ bỏ chính quyền của nó, từ bỏ việc áp bức, bóc lột nhân dân lao động” (tr. 117).

Tổng kết thực tiễn đấu tranh cách mạng của nhân dân ta trong mấy chục năm qua chống những kẻ thù hung ác, xảo quyệt, đồng chí Trường Chinh đã viết: hình thức cơ bản của bạo lực cách mạng ở nước ta là lực lượng vũ trang kết hợp với lực lượng chính trị, đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, cách mạng Việt nam luôn luôn sử dụng hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang để tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền, sử dụng hai lực lượng—lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân, để đập tan bộ máy Nhà nước của bọn đế quốc và tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân. Kinh nghiệm của cách mạng Việt nam trong mấy chục năm qua đã bác bỏ mọi khuynh hướng cải lương, thỏa hiệp, mọi ảo tưởng hợp pháp chủ nghĩa, hòa bình chủ nghĩa, và khẳng định rằng bạo lực cách mạng là phương thức cơ bản, con đường cách mạng bạo lực là con đường duy nhất đúng đắn để giành chính quyền về tay nhân dân, bảo vệ chính quyền cách mạng, đưa cách mạng nước ta đến thắng lợi theo tinh thần “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Đồng chí Trường Chinh đã nêu lên và phân tích sâu sắc nhiều vấn đề của chiến tranh nhân dân, quan hệ giữa chiến tranh và cách mạng ở nước ta, làm sáng tỏ những quan điểm tư tưởng và đường lối quân sự của Đảng và Hồ Chủ tịch, khoa học và nghệ thuật quân sự Việt nam. Đồng chí cho rằng: “Quan điểm *chiến tranh nhân dân* là quan điểm cơ bản trong đường lối quân sự của Đảng ta. Nó thể hiện quan điểm giai cấp, quan điểm quần chúng của Đảng trong vấn đề chiến tranh” (tr. 114). “*Chiến tranh nhân dân* là chiến tranh cách mạng (chiến tranh giải phóng, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc hoặc nội chiến cách mạng) của quần chúng nhân dân đông đảo để tự giải phóng và giành chính quyền về tay mình. Trong điều kiện lịch sử hiện nay, chiến tranh nhân dân ở nước ta là chiến tranh do nhân dân lao động, chủ yếu là công nhân và nông dân, tiến hành dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân”. Theo đồng chí, những nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của cuộc chiến tranh nhân dân ở thời đại chúng ta là: “Phải do đảng mác xít—lênin nít lãnh đạo và phục tùng đường lối chính trị của Đảng; hậu phương của chiến tranh nhân dân được củng cố, nguồn cung cấp nhân, tài, vật lực cho chiến tranh dồi dào, chỗ dựa của các lực lượng vũ trang vững mạnh; tinh thần chiến đấu của quân và dân cao; lực lượng vũ trang nhân dân hùng hậu và được huấn luyện tốt về chính trị và kỹ thuật, chiến thuật; số lượng và chất lượng của các loại vũ khí đủ và tốt; cán bộ quân sự và các cán bộ khác có năng lực tổ chức và chỉ huy giỏi” (tr. 115). Chính những nhân tố đó làm cho chiến tranh nhân dân có sức mạnh vô địch chứ không phải cứ có nhiều vũ khí và kỹ thuật hiện đại thì sẽ giành được thắng lợi, vì chiến tranh là một hình thức đấu tranh quyết liệt nhất giữa các giai cấp, giữa những người có vũ trang

chứ không phải giữa các loại vũ khí và kỹ thuật tự động đối chọi với nhau. Từ thực tiễn của mấy chục năm nhân dân ta tiến hành chiến tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng chí Trường Chinh đã nêu lên tóm tắt những kinh nghiệm lớn về chiến tranh nhân dân của ta. « Muốn tiến hành chiến tranh nhân dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt » (tr. 116). Lực lượng vũ trang của ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, mang bản chất của giai cấp công nhân, một lòng một dạ « trung với Đảng, hiếu với dân... nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng » như Hồ Chủ tịch đã dạy. Nó là đội quân chiến đấu, sản xuất và công tác, là công cụ chủ yếu để tiến hành đấu tranh vũ trang, giành chính quyền cho nhân dân và bảo vệ chính quyền đó, bảo vệ và phát triển mọi thành quả của cách mạng, chống mọi kẻ thù bên trong và bên ngoài. Nó phải được đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện của Đảng. Một trong những kinh nghiệm lớn là phải có nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân. Đồng chí đã chỉ rõ, « đặc điểm nghệ thuật quân sự của ta là nghệ thuật quân sự của một dân tộc nhỏ yếu ở một nước nông nghiệp lạc hậu » (nhưng từ khi hòa bình được lập lại, là một nước xã hội chủ nghĩa, một thành viên của phe xã hội chủ nghĩa), biết « hết sức chú trọng phát huy ưu thế tuyệt đối về chính trị và tinh thần của bản thân lực lượng vũ trang và của toàn dân để chiến đấu và chiến thắng kẻ địch có lực lượng vật chất mạnh hơn ta gấp nhiều lần », biết « đánh thế nào để có thể lấy yếu thắng mạnh, lấy sức mạnh tinh thần chiến thắng sức mạnh vật chất, lấy trang bị kém cỏi và thô sơ chiến thắng trang bị hiện đại » (tr. 119). Vì vậy phải nắm vững và thực hiện kiên quyết « phương

châm tác chiến của chiến tranh nhân dân của ta là tích cực, chủ động tiến công, đánh tiêu diệt, đánh chắc thắng... » (tr. 121).

Một kinh nghiệm lớn nữa là tiến hành chiến tranh nhân dân giải phóng phải theo chiến lược đánh lâu dài, tự lực cánh sinh là chính, giành thắng lợi từng bước, tiến tới thắng lợi hoàn toàn, nhưng khi có thời cơ thuận lợi thì chớp lấy và giành thắng lợi quyết định một cách nhanh chóng. Đối với chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, trong những điều kiện nhất định và đối với kẻ thù nhất định, ta có thể giành thắng lợi trong một thời gian tương đối ngắn, nhưng vẫn phải chuẩn bị sẵn sàng đánh lâu dài, kiên quyết bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Vấn đề xây dựng hậu phương và căn cứ địa vững chắc cũng giữ một vị trí rất quan trọng trong những kinh nghiệm lớn của chiến tranh nhân dân. « Hậu phương của chiến tranh nhân dân, chiến tranh cách mạng, chủ yếu ở trong lòng nhân dân cách mạng », « Sức mạnh của hậu phương bao gồm các nhân tố chính trị, kinh tế và quân sự, trước hết là nhân tố chính trị. Đó là sự nhất trí về chính trị — tinh thần của nhân dân dưới sự lãnh đạo của đảng tiên phong. Nhân tố chính trị và kinh tế là tiềm lực quân sự của hậu phương và của toàn bộ cuộc chiến tranh » (tr. 122 — 123).

Trong bài viết nhân dịp kỷ niệm lần thứ ba chiến thắng quân Trung quốc xâm lược (tháng 3-1979 — tháng 3-1982), tác giả phân tích sắc sảo bản chất cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc, chỉ rõ bọn chúng chính là kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm của nhân dân ta và nêu bật thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống quân Trung quốc xâm lược. Đồng chí nhận định: « Quân và dân ta đã kẻ thừa và phát triển những kinh nghiệm phong phú của mấy chục năm

chiến tranh giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc trước đây, trong những điều kiện cụ thể của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc cùng bè lũ tay sai ngày nay. Từ đó, chúng ta rút ra được nhiều bài học quý báu để không ngừng hoàn chỉnh công cuộc phòng thủ đất nước, *kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng xã hội chủ nghĩa toàn dân, toàn diện và hiện đại, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, sẵn sàng ứng phó với mọi tình thế* » (tr. 382).

Trong mấy chục năm qua, chiến tranh và cách mạng ở nước ta có mối quan hệ gắn bó, tác động lẫn nhau. Có thể nói, cách mạng nước ta trong một thời gian dài, đã vận động trong chiến tranh theo những quy luật chung của cách mạng và quy luật riêng của chiến tranh. Mối quan hệ giữa chiến tranh và cách mạng ở nước ta, như đồng chí Trường Chinh đã viết, thể hiện nổi bật ở mấy điểm: « Nhân dân Việt nam muốn tự giải phóng cho mình, nhất định phải đấu tranh vũ trang và làm chiến tranh cách mạng chống bọn đế quốc và bè lũ tay sai của chúng.

Chiến tranh cách mạng của nhân dân ta là một phương tiện quyết liệt nhất để giành và giữ độc lập dân tộc, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng.

Phải thực hiện từng bước nhiệm vụ của cách mạng Việt nam ngay trong quá trình đấu tranh vũ trang lâu dài » (tr. 127). Đồng chí đã giải thích ta phải và có thể làm như thế, « vì chiến tranh nhân dân của ta là *tây gần đánh mạnh, cho nên phải đánh lâu để chuyển yếu thành mạnh*, phải động viên nhân dân tích cực tham gia chiến tranh, phát huy đến cao độ tinh tích cực và tinh sáng tạo của quần chúng nhân dân, vừa đánh giặc vừa chăm lo cải thiện đời sống cho nhân dân, bồi dưỡng lực lượng nhân

dân, lực lượng kháng chiến, củng cố hậu phương, chiến thắng quân địch » (tr. 138).

Cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta trong những năm qua chẳng những nhằm hoàn thành nhiệm vụ dân tộc, mà còn góp phần làm nhiệm vụ quốc tế. Với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, với ý thức đúng đắn rằng « giúp bạn cũng tức là giúp mình », quân và dân ta đã sát cánh cùng chiến đấu với quân và dân hai nước anh em Lào, Cam-pu-chia chống lại kẻ thù chung của ba nước trên bán đảo Đông dương từ thực dân Pháp, phát xít Nhật đến đế quốc Mỹ, và ngày nay là bọn bành trướng bá quyền Trung quốc. Tinh đoàn kết đặc biệt đó là sức mạnh để cách mạng Việt nam, Lào, Cam-pu-chia, giành được những thắng lợi to lớn. Trong bài viết Về « *vấn đề Cam-pu-chia* », đồng chí Trường Chinh đã chỉ rõ, kinh nghiệm chung của ba dân tộc anh em Việt nam, Lào, Cam-pu-chia là kẻ thù « *luôn luôn tìm mọi cách thống trị cả ba nước ở Đông dương..., thường dùng nhân dân nước này chống lại nhân dân nước kia, dùng địa bàn nước này để xâm chiếm nước khác..., biến Đông dương thành một chiến trường* » (tr. 307). « Vì vậy, nhân dân ba nước không thể không đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ lẫn nhau chống kẻ thù chung. Khối đoàn kết và liên minh chiến đấu giữa nhân dân ba nước Việt nam, Lào và Cam-pu-chia được xây dựng, củng cố và tôi luyện trong cuộc chiến tranh giải phóng lâu dài, là một trong những nhân tố thắng lợi của nhân dân mỗi nước » (tr. 308). Trước họa diệt chủng đối với dân tộc Cam-pu-chia do bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry, tay sai của Bắc kinh gây ra, « nhân dân Việt nam quyết không thể khoanh tay đứng nhìn ; phải tự cứu mình và cứu anh em Cam-pu-chia khỏi tai họa đó ». Nhân

(Xem tiếp trang 70)

Phát huy truyền thống quý báu: đoàn kết quân dân, quân với dân một ý chí

THẾ TRƯỜNG

DƯỚI ngọn cờ vẻ vang của Đảng, làm theo lời dạy của Bác Hồ kính yêu, trong 40 năm qua, quân đội ta đã xây dựng được mối quan hệ đoàn kết keo sơn, thắm tình cá nước giữa quân và dân. Đó thật sự là một trong những sức mạnh to lớn để quân đội ta lập nên những chiến công kỳ diệu, đánh thắng mọi kẻ thù, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, đồng thời góp phần tạo nền và phát huy sức mạnh tổng hợp của cách mạng nước ta.

Đoàn kết quân dân, quân với dân một ý chí là một trong những nguyên tắc cơ bản của việc xây dựng quân đội cách mạng, là một vấn đề quan trọng thuộc về bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta. Nó nằm trong cội nguồn tồn tại và phát triển của quân đội ta, điều mà những quân đội xâm lược không thể nào có được. Đoàn kết quân dân còn là nguyện vọng tha thiết và tình cảm sâu sắc giữa những chiến sĩ quân đội từ nhân dân mà ra với những người dân có con em mình là chiến sĩ quân đội. Nguyện vọng và tình cảm đó bắt nguồn từ sự nhận thức rõ ràng, đầy đủ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta về sự nghiệp thiêng liêng bảo

vệ vững chắc Tổ quốc yêu quý của chúng ta trong bất kể tình huống nào.

Trải qua thử thách của thời gian, kể từ khi quân đội ta được thành lập đến nay, nhất là trong những năm tháng tiến hành các cuộc chiến tranh ác liệt và cả trong thời kỳ xây dựng hòa bình, mối quan hệ keo sơn, tình cá nước đó đã thật sự trở thành truyền thống quý báu của cả quân và dân ta. Truyền thống ấy được tô đậm bằng những chiến công huy hoàng của quân và dân ta trong 40 năm qua, bằng biết bao xương máu của mấy thế hệ đánh giặc cứu nước. Nó có nội dung phong phú và ngày càng được phát huy trong quá trình trưởng thành của quân đội ta. Ngày nay, trước những yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và những đòi hỏi của việc xây dựng quân đội nhân dân hùng mạnh, chúng ta cần phát huy hơn nữa truyền thống quý báu đó.



Sự đoàn kết keo sơn giữa quân và dân ta trước hết, được xây dựng trên cơ sở thực hiện những đường lối, chủ trương, mục tiêu cách mạng do Đảng

dề ra, và lấy việc hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị, quân sự làm mục đích cao nhất. Đường lối, chủ trương đúng đắn, sáng tạo của Đảng qua các thời kỳ chính là sợi dây thắt chặt mối quan hệ đoàn kết quân dân, vì nó thể hiện và đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của toàn dân ta, của dân tộc ta. Nó chỉ ra phương hướng hành động và mục tiêu cách mạng mà quân và dân ta phải phấn đấu, động viên cố vũ và gắn bó toàn dân và toàn quân ta thành một khối thống nhất bền vững, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách để cùng nhau chiến đấu giành thắng lợi hoàn toàn cho sự nghiệp cách mạng cao cả.

Trải qua 9 năm kháng chiến chống Pháp, hơn hai chục năm đánh Mỹ và những năm tháng chống bọn bành trướng bá quyền Trung quốc, theo đường lối chủ trương đúng đắn, sáng suốt của Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã cùng chung một ý chí thống nhất "thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" (1), "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" (2), chịu đựng mọi hy sinh gian khổ để giành và bảo vệ độc lập tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đường lối không chiến toàn dân, toàn diện và các chủ trương, chính sách của Đảng là chỗ dựa vững chắc để lực lượng vũ trang ta đi vào quần chúng, tranh thủ lòng dân, giành được sự ủng hộ, giúp đỡ vô bờ bến của nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn đánh thắng bất kỳ kẻ thù nào. Dưới ánh sáng của đường lối, chủ trương đúng đắn đó, nhân dân ta thấy rõ nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trách nhiệm to lớn đối với quân đội của mình, nhường cơm sẻ áo đùm bọc quân đội, hàng hải đóng góp sức người, sức của, sát cánh cùng quân đội đánh giặc cứu nước.

Dựa trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, sự đoàn kết gắn bó

quân và dân ta biểu hiện ở chỗ cùng chung một ý chí và hành động, thấy rõ trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Quân đội ta hoạt động ở đâu, làm nhiệm vụ gì cũng tranh thủ mọi thời gian, điều kiện để gần gũi nhân dân, tuyên truyền phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong nhân dân, góp phần tạo nên sự nhất trí về chính trị, tình thân ngày càng cao trong nhân dân và giữa quân đội với nhân dân, từ đó càng nhận rõ trách nhiệm của mình, tăng cường đoàn kết quân dân, ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau.

Đoàn kết quân dân có mục đích cao nhất là thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị, quân sự mà Đảng đã đề ra. Cho nên, đoàn kết quân dân không phải chỉ là yêu cầu của quan hệ tình cảm, mà còn là yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng. Đoàn kết quân dân trước hết phải phục tùng và bảo đảm yêu cầu đó.

Nhận rõ ý nghĩa và mục đích của sự đoàn kết quân dân, trong quá trình chiến đấu chống Pháp, chống Mỹ, chống bọn bành trướng bá quyền Trung quốc, quân và dân ta đã chung sức, chung lòng chiến đấu, giành thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bộ đội ta, nhất là bộ đội địa phương, đã biết kết hợp chặt chẽ với dân quân du kích, tự vệ dũng cảm kiên cường bám đất, bám dân, tích cực đánh địch, giúp đỡ quần chúng nhân dân đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, phong trào đấu tranh chính trị, nổi dậy giành quyền làm chủ. Quân đội ta đã tích cực giúp đỡ nhân dân các địa phương xây dựng lực lượng dân quân du kích, củng cố chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng, tổ chức các thôn xã chiến đấu, phát

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyên ngôn*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tập 1, tr. 403.

(2) Hồ Chí Minh: *Sách đã dẫn*, tập 2, tr. 430.

triển sản xuất, ổn định đời sống, góp phần củng cố hậu phương ngày càng vững mạnh.

Đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vô cùng gian khổ và ác liệt, sức mạnh đoàn kết quần dân càng được phát huy. Bộ đội ta đã góp phần tích cực tuyên truyền vận động nhân dân tham gia giết giặc lập công, trước hết là tham gia dân quân, du kích, tự vệ, bảo vệ làng xóm quê hương, bảo vệ các nhà máy và thành phố, thực hiện khẩu hiệu « giết đến nhà, trẻ già đều đánh », « mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi người dân là một dũng sĩ diệt Mỹ »... Các đơn vị quân đội ta dù hoạt động ở chiến trường nào cũng đều phối hợp với chính quyền và đoàn thể địa phương vận động nhân dân thực hiện tốt các phong trào tổng quân giết giặc, phong trào thi đua sản xuất đóng góp cho tiền tuyến, phong trào đánh địch bằng vũ khí thô sơ tự tạo, phong trào thi đua bắn hạ máy bay địch bằng súng bộ binh, phong trào đánh xe cơ giới, đánh phá giao thông địch, phong trào phòng chống gian điệp, biệt kích, v.v. Những việc làm đó của cán bộ, chiến sĩ ta đã góp phần tích cực củng cố mối quan hệ ngày càng mật thiết giữa quân đội và nhân dân, giữa lực lượng vũ trang với các đoàn thể quần chúng và chính quyền địa phương, giữa tổ chức đảng trong quân đội với tổ chức đảng nơi đơn vị hoạt động. Những việc làm đó cũng đã giúp địa phương hoàn thành các công việc quan trọng trực tiếp phục vụ nhiệm vụ chiến đấu như tuyển quân, xây dựng dân quân du kích, tự vệ, vận chuyển tiếp tế chi viện chiến trường, xây dựng căn cứ hậu cần tại chỗ... tạo điều kiện thuận lợi cho quân đội ta đánh thắng địch.

Trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hậu phương chiến lược của cả nước trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, quân đội ta đã giúp đỡ nhân

dân các địa phương vừa làm tốt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, vừa làm tốt nhiệm vụ sản xuất. Cùng với việc đẩy mạnh các phong trào thi đua lập công trong quân đội, cán bộ, chiến sĩ ta đã tham gia tuyên truyền vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ thực hiện tốt các phong trào thi đua « ba sẵn sàng », « ba đảm đang », « năm xung phong », « tay búa tay súng, tay cày tay súng », « giới việc nước đảm việc nhà », phong trào thi đua « bảo đảm giao thông vận tải thông suốt », v.v. Nhiều đơn vị quân đội ta đã trực tiếp đóng góp công sức giúp đỡ các nông trường quốc doanh, các hợp tác xã nông nghiệp, các cơ quan và cơ sở kinh tế quốc doanh trong thời vụ gieo trồng và thu hoạch khẩn trương cũng như trong việc bảo vệ tài sản của Nhà nước, cứu tập thể và nhân dân khi gặp thiên tai, địch họa.

Những hoạt động tích cực đó của toàn quân ta không những có tác dụng củng cố tình đoàn kết tốt đẹp giữa quân và dân mà còn rèn luyện quân đội ta về lập trường tư tưởng, quan điểm quân chúng, lòng yêu thương nhân dân thấm thía, một nhân tố rất quan trọng tạo nên sức mạnh về chính trị tinh thần của quân đội ta. Làm như vậy, quân đội ta đã tuân theo lời dạy của Bác Hồ kính yêu: « Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và du kích không nên chỉ biết đánh. Biết đánh là cái tốt, nhưng chỉ biết đánh mà coi nhẹ chính trị, kinh tế, tuyên truyền giáo dục nhân dân tức là chỉ biết có một mặt, vì đánh không thể tách rời được với chính trị và kinh tế » (3).

Thứ hai là, sự đoàn kết keo sơn giữa quân và dân ta bắt nguồn từ bản chất của quân đội ta là quân đội của nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu.

(3) Hồ Chí Minh: Về đoàn kết quân dân, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1955, tr. 39.

Đoàn kết quân dân là một vấn đề sống còn, đồng thời là tình cảm thiêng liêng của quân đội ta. Mỗi tinh quân dân đó mang nội dung tư tưởng sâu sắc: « Không có dân thì không có bộ đội ». « Minh đánh giặc là vì nhân dân. Nhưng mình không phải là « cứu tinh » của dân, mà mình có trách nhiệm phụng sự nhân dân. Tất cả quân nhân phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu. Phải làm thế nào để khi mình chưa đến, thì dân trông mong, khi mình đến thì dân giúp đỡ, khi mình đi nơi khác thì dân lưu戀 tiếc » (4).

Chiến đấu quên mình để giải phóng và bảo vệ nhân dân đã trở thành nghĩa vụ, tình cảm thiêng liêng và động lực tinh thần mạnh mẽ của các chiến sĩ ta, trở thành truyền thống tốt đẹp của quân đội ta. Truyền thống này đã được tỏ thắm bằng biết bao tâm gương chiến đấu dũng cảm, kiên cường, tận tụy, hy sinh của các cán bộ, chiến sĩ chúng ta để bảo vệ nhân dân, bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc. Do sự hy sinh quên mình vì nhân dân và làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân, tôn trọng giúp đỡ nhân dân trong những năm tháng lâu dài bảo vệ và xây dựng đất nước mà cán bộ, chiến sĩ ta đã được nhân dân tin yêu, mến phục.

Hình ảnh « Anh bộ đội Cụ Hồ » đã được nhân dân ta nhắc đến một cách thân thương, triu mến và đã in đậm nét trong lòng nhân dân ta. Đáp lại sự hy sinh xương máu to lớn của các chiến sĩ ta, nhân dân đã không tiếc sức người, sức của giúp đỡ bộ đội trong mọi tình huống với tình cảm nồng ấm và ý thức trách nhiệm sâu sắc. Vì thế, bộ đội ta đã có những căn cứ vững chắc không gì phá vỡ nổi — căn cứ trong lòng dân. Biết bao hình ảnh và gương sáng về lòng dân thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ bộ đội một cách vô bờ bến đã nảy nở trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ giành

độc lập và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta. Nhờ vậy, các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam trong những năm đánh Mỹ vô cùng ác liệt, gian khổ đã có thể nằm sâu trong lòng địch, bám trụ được ở các vùng giáp ranh hiểm nghèo, đứng vững được ở các vùng ven, vùng đồng bằng và ngay sát cửa ngõ các đô thị lớn như Sài gòn, Đà nẵng, nơi hang ổ của kẻ thù v.v. Trong cuộc chiến đấu chống cường, xâm nhập, lấn chiếm của bọn phản động Trung quốc, bảo vệ vùng biên giới phía bắc hiện nay, bộ đội ta ở những đồn biên phòng, các điểm tựa tiền tiêu và những nơi khác cũng đều được sự giúp đỡ hết lòng của bà con các dân tộc, sự tích cực chi viện, hiệp đồng của lực lượng dân quân, tự vệ địa phương. Cùng với bộ đội, nhân dân vẫn dũng cảm ở lại trụ bám đồng ruộng để sản xuất và phục vụ chiến đấu, giữ vững quyền làm chủ biên cương của Tổ quốc trong hoàn cảnh rất khó khăn, gian khổ.

Với tình thần yêu nước nồng nàn, với tình quân dân như cá với nước, nhân dân ta, đặc biệt là các mẹ, các chị đã sáng tạo ra nhiều hình thức phong phú giúp đỡ, ủng hộ bộ đội: tổ chức hũ gạo nuôi quân, các đội giặt, vá, may quần áo cho chiến sĩ, tiếp tế lương thực, chăm sóc thương binh, giúp đỡ gia đình bộ đội, các hội mẹ chiến sĩ, đỡ đầu bộ đội, các đoàn thăm hỏi bộ đội, thương binh nơi tiền phương, các trạm tiếp đón thương binh, bệnh binh, bộ đội cùng các hình thức kết nghĩa quân dân...

Muốn được dân tin, dân phục, dân yêu và giúp đỡ tận tình, thì như Bác Hồ đã dạy: « Bộ đội phải giúp đỡ dân, thương yêu dân. Mỗi quân nhân phải là một cán bộ tuyên truyền bằng việc làm của mình » (5). Bộ đội ta là

(4) Hồ Chí Minh : Sách đã dẫn, tr. 34, 36.

(5) Sách đã dẫn, tr. 34-35.

đội quân chiến đấu, đồng thời cũng là đội quân tuyên truyền. Song không phải chỉ bằng lời nói, mà chủ yếu là bằng việc làm của mình, nghĩa là thông qua những hành động gương mẫu và sự giúp đỡ về các mặt của mình đối với nhân dân, bộ đội góp phần làm cho nhân dân thấm nhuần đường lối, chính sách của Đảng, nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, khắc sâu lòng căm thù địch, đồng thời đóng góp thiết thực vào các phong trào cách mạng ở địa phương. Biết giúp đỡ dân cũng tức là biết tôn trọng dân, biết ơn nhân dân đã giúp đỡ bộ đội. Cho nên, bộ đội còn phải cố gắng tìm mọi cách tăng thêm phần tự túc của mình về các mặt. Đó cũng là cách giúp đỡ dân thiết thực, giảm bớt gánh nặng của nhân dân, củng cố hậu phương vững mạnh. Vì thế trong thời gian qua, bộ đội ta đã cố gắng nỗ lực lớn giúp đỡ nhân dân trong những công việc khó khăn, vất vả, kể cả việc giữ gìn trật tự an ninh, đồng thời tự túc một phần đáng kể ngay cả ở những nơi rất khó khăn, gian khổ.

Thứ ba là, giữ nghiêm kỷ luật quan hệ quân dân — một yêu cầu quan trọng hàng đầu để bảo đảm đoàn kết quân dân.

Kinh nghiệm thực tế trong 40 năm qua cho thấy một điểm rất rõ là : việc giữ gìn nghiêm ngặt kỷ luật của quân đội trong quan hệ với nhân dân là điều kiện cơ bản trước tiên để giữ uy tín của quân đội, tranh thủ được lòng tin yêu, mến phục của nhân dân đối với bộ đội, củng cố và tăng cường tình đoàn kết quân dân. Kỷ luật quan hệ quân dân là một vấn đề rất quan trọng thuộc về lần chắt giai cấp của quân đội ta, là một trong những tiêu chuẩn nổi bật phân biệt quân đội ta với quân đội của các giai cấp bóc lột, phản động, đồng thời là một yêu cầu cơ bản bảo đảm sức mạnh của quân

đội ta. Kỷ luật quan hệ quân dân ngày càng được củng cố và tăng cường tùy theo yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ cách mạng và nhiệm vụ xây dựng quân đội. Đảng ta và Bác Hồ rất quan tâm đến việc giáo dục bộ đội giữ nghiêm kỷ luật đối với dân. Ngay từ khi quân đội ta còn là Vệ quốc quân, Bác Hồ đã nêu ra 12 điều kỷ luật của bộ đội, trong đó có những điều rất nghiêm: “không động đến một cái kim, một sợi chỉ của dân ;

... phải giữ gìn nhà, vườn của dân cho sạch sẽ ; Nói năng cử động phải giữ lễ phép, phải kính người già, yêu trẻ con ; Mua bán phải công bình ;

Mượn cái gì phải trả tử, tế ;

Hồng cái gì phải bồi thường ;

Phải giúp đỡ dân, bất kỳ việc to, việc nhỏ... » (6). Bác Hồ còn căn dặn cụ thể, tỉ mỉ 6 điều không nên và 6 điều nên làm của bộ đội ta khi tiếp xúc hoặc sống chung với nhân dân để « dân nhận thấy mình là người đứng dân, chăm công việc, trọng kỷ luật » (7).

Bốn mươi năm qua, được Đảng và Bác Hồ quan tâm giáo dục, được nhân dân chỉ bảo, giúp đỡ, nhìn chung quân đội ta đã chấp hành tốt kỷ luật trong quan hệ với nhân dân. Đồng đảo cán bộ chiến sĩ đã thấy rõ được tầm quan trọng của vấn đề này, có ý thức tự giác chấp hành nghiêm túc, cho nên ngày càng củng cố và tăng cường được mối quan hệ đoàn kết quân dân, góp phần nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội ta. Bằng những việc làm tích cực, cụ thể, những hành động gương mẫu từ việc nhỏ cho đến việc lớn trong quan hệ với nhân dân, biết tôn trọng mọi người, không xâm phạm đến tài sản của dân, cán bộ chiến sĩ ta đã gây được ảnh hưởng

(6), (7) Hồ Chí Minh : *Về đoàn kết quân dân*. NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1975, tr. 28-31.

tốt trong nhân dân, tô đậm thêm hình ảnh đẹp đẽ « Anh bộ đội Cụ Hồ » đã in sâu trong trái tim nhân dân ta từ nhiều năm nay. Không phải ngẫu nhiên mà đồng bào Tây bắc đã nói : « Cụ Hồ như mặt trời và mỗi anh bộ đội là một tia nắng ». Những mặt tốt này trong quan hệ quần dân đã làm thất bại những âm mưu, thủ đoạn của địch hòng chia rẽ, phá hoại truyền thống đoàn kết giữa quân và dân ta, hòng làm suy yếu chỗ dựa rất quan trọng của bộ đội ta là lòng dân và hậu phương rộng lớn.

Tuy nhiên trong từng nơi, từng lúc, ở một số đơn vị, việc chấp hành kỷ luật quan hệ quần dân chưa được nghiêm, gây ảnh hưởng không tốt trong nhân dân. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là do nhận thức của cán bộ chiến sĩ về kỷ luật quân đội nói chung và kỷ luật quan hệ quần dân nói riêng chưa đầy đủ, cho nên khi chấp hành còn vấp vào lý do: khó khăn này, khế: đề làm một cách tùy tiện, không nghiêm túc; việc phê phán đấu tranh để phân rõ đúng sai không kịp thời và sâu sắc, cho nên ít tác dụng giáo dục, răn ngừa; việc xử lý khuyết điểm của một số đơn vị còn thiếu kiên quyết, không lấy kỷ luật làm đầu, cầu xin của việc vi phạm, cho nên dễ chần chừ, lờ mờ; việc phát huy vai trò làm chủ tập thể của bộ đội về mặt tham gia quản lý chấp hành kỷ luật quan hệ quần dân chưa làm tốt. Chỉ có giải quyết đồng căn, nghiêm minh những vi phạm kỷ luật quan hệ quần dân hết củ o đầu và lúc nào, thì mới có thể duy trì và tăng cường được tình đoàn kết quần dân. Đây là một vấn đề rất quan trọng, không thể lờ qua được, và cũng không phải chỉ là trách nhiệm của các cấp chỉ huy quân đội, mà còn là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương nơi xảy ra vi phạm.

Việc thường xuyên nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, ý thức tôn trọng, phục tùng chỉ huy, phục tùng

mệnh lệnh, chấp hành triệt để các điều lệ, điều lệnh, đồng thời không ngừng phát huy bản chất cách mạng, truyền thống tốt đẹp của quân đội cũng tạo cơ sở vững chắc và thói quen tốt cho cán bộ chiến sĩ ta chấp hành tự giác, nghiêm túc kỷ luật quan hệ quần dân. Đặc biệt khi có chiến tranh xảy ra, các tình huống chiến đấu diễn biến vô cùng phức tạp, khẩn trương, ác liệt, bộ đội thường gặp nhiều khó khăn về tiếp tế, bảo đảm hậu cần tại chỗ, về phục vụ chiến đấu, về cứu chữa thương binh, v.v. nếu không có ý thức tổ chức kỷ luật tự giác cao, thì cán bộ chiến sĩ dễ phạm khuyết điểm trong việc chấp hành kỷ luật quan hệ quần dân, như có thái độ công thân, kiêu ngạo, hống hách, không tôn trọng nhân dân, xâm phạm đến tài sản của nhân dân hoặc lợi dụng tình cảm quần dân mà phạm khuyết điểm trong sinh hoạt.

Trong hoàn cảnh hiện nay, chúng ta cần làm tốt hơn nữa việc giáo dục chính trị, nâng cao sự hiểu biết cho cán bộ chiến sĩ về các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, về kỷ cương của xã hội, về quyền làm chủ tập thể của nhân dân, v.v. Quân đội phải gương mẫu từ cái nhỏ đến cái lớn trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, các chế độ, thể lệ, pháp luật của Nhà nước. Đối với các tổ chức khác trong hệ thống chuyên chính vô sản như chính quyền các cấp, công an, thanh niên, các bộ chiến sĩ quân đội phải chủ động đến kết, ủng hộ, tôn trọng và công khai hợp tác, hiệp đồng để làm tốt nhiệm vụ, hết sức tránh thái độ kiêu ngạo, công thân, thiếu thân ái hoặc dễ xảy ra những va chạm, xích mích.

Giữ nghiêm kỷ luật quan hệ quần dân cũng là quá trình đấu tranh phân rõ đúng sai, phát huy mặt tốt, khắc phục mặt thiếu sót. Điều đó đòi hỏi cán bộ, chiến sĩ chúng ta phải có tư

tưởng tích cực, chủ động, không chỉ giữ cho mình khỏi sai trái, mà phải chủ động thấy việc gì có lợi cho nhân dân thì kiên quyết làm, khó mấy cũng làm. Ngược lại, thấy điều gì có hại cho nhân dân, cho cách mạng, cho đoàn kết quần dân thì phải hết sức tránh. Muốn vậy, điều quan trọng là trong mối quan hệ với nhân dân, cán bộ chiến sĩ chúng ta phải luôn luôn có tâm hồn trong sáng, có suy nghĩ đúng đắn, có tình cảm gần bó thân thương, không tiếc sức mình làm những việc mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân, cho cách mạng, thắt chặt thêm tình đoàn kết quần dân.

Sự tác động của nhân dân, của các cơ quan chính quyền, đoàn thể địa phương nơi đơn vị đóng quân và tại làng xóm quê hương cũng có ảnh hưởng to lớn đối với việc giữ nghiêm kỷ luật quan hệ quần dân của bộ đội ta. Những lời biểu dương, cổ vũ kịp thời mặt tốt của bộ đội, những sự góp ý chân thành, sự phê phán của dư luận quần chúng đối với những thiếu sót của bộ đội, cùng với những lời khuyên bảo, nhắc nhở của người thân trong gia đình thường có ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với cán bộ chiến sĩ ta. Trong thời gian qua, nhiều nơi đã định kỳ tổ chức các ngày hội quần dân, các buổi sinh hoạt chung giữa bộ đội và nhân dân, giữa bộ đội và các cơ quan, các đoàn thể địa phương để cùng cố hơn nữa tình đoàn kết quần dân, đoàn kết giữa quần đội với các tổ chức ở địa phương. Đó đều là những việc làm có tác dụng tốt.



Ngày nay, trước tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng, truyền thống quý báu đoàn kết quần dân

càng trở thành một yếu tố hết sức quan trọng góp phần nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân ta, phát huy sức mạnh tổng hợp toàn dân đánh giặc, toàn dân xây dựng lực lượng vũ trang, toàn dân tham gia bảo vệ Tổ quốc, sẵn sàng đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Mối quan hệ đoàn kết quần dân hiện nay có những hình thức và nội dung mới. Nó không chỉ đơn thuần là vấn đề tình cảm, tiếp tục phát huy truyền thống trước đây, mà còn là vấn đề giải quyết đúng đắn các lợi ích, cùng nhau thực hiện tốt kế hoạch hợp tác, hiệp đồng nhằm bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của cả quân và dân. Nó không phải chỉ ở trong lĩnh vực chính trị, chiến đấu, mà còn ở trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Vì thế, để tăng cường mối quan hệ đoàn kết quần dân ngày càng bền chặt, một số nơi đã có phong trào kết nghĩa không phải chỉ giữa một đơn vị nhỏ với thôn xã, mà còn cả giữa một đơn vị lớn với huyện, tỉnh. Sự kết nghĩa này có nội dung rộng lớn, ngoài việc quan tâm giúp đỡ nhau về đời sống, còn chú ý giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ cách mạng, cùng nhau xây dựng ý chí chiến đấu, lý tưởng cách mạng cho bộ đội và nhân dân, phối hợp với nhau giữ gìn trật tự, an ninh, đẩy mạnh phong trào văn hóa, thể thao, đặc biệt là cùng quan tâm bồi dưỡng những con người mới xã hội chủ nghĩa.

Được các cấp ủy Đảng lãnh đạo chặt chẽ, cán bộ, chiến sĩ quân đội và nhân dân cùng nhau ra sức vun đắp, mối quan hệ đoàn kết keo sơn giữa quân và dân ta nhất định sẽ ngày càng phát triển tốt đẹp, làm cho truyền thống quý báu đó không ngừng được phát huy.

Tìm hiểu những nét đặc sắc của nền nghệ thuật quân sự Việt nam hiện đại

VŨ KHẮC LONG

Từ khi Đảng cộng sản Việt nam ra đời và lãnh đạo cách mạng đến nay, trải qua những cuộc khởi nghĩa, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong 40 năm quân đội ta cùng với nhân dân chiến đấu và trưởng thành, nghệ thuật quân sự Việt nam hiện đại đã hình thành và phát triển nhanh chóng.

Nghệ thuật quân sự Việt nam hiện đại đã quán triệt sâu sắc đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng trong các giai đoạn cách mạng, thấu suốt những quan điểm quân sự cơ bản của Đảng — cơ sở lý luận của khoa học quân sự Việt nam, đồng thời đã kế thừa và phát huy truyền thống nghệ thuật quân sự của ông cha, tiếp thu có chọn lọc những kiến thức và kinh nghiệm quý báu của khoa học, nghệ thuật quân sự của Liên xô và của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Nghệ thuật quân sự đó lại được xây dựng và phát triển trong thực tiễn của hơn 30 năm chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, trong một

quá trình đấu tranh vũ trang liên tục giữa quân đội của một nước nhỏ yếu với quân đội của những nước lớn mạnh hơn mình nhiều lần. Vì thế, nghệ thuật quân sự Việt nam vừa mang tính chất dân tộc, truyền thống, vừa có tính chất hiện đại, khoa học, được khảo nghiệm trong thực tiễn chiến đấu ác liệt lâu dài. Bốn mươi năm qua là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của nghệ thuật quân sự Việt nam, nghệ thuật có nội dung phong phú, hấp dẫn. Bài này chỉ xin nêu lên mấy nét đặc sắc của nghệ thuật quân sự ấy.

1 — Trên cơ sở của « lực » nhất định, đã biết phát huy cao độ tác dụng của « thế », kết hợp tài tình « thế với lực », tạo nên sức mạnh tổng hợp vô địch.

Trong đấu tranh vũ trang, dù là tác chiến tiến công hay phòng ngự, đối với lực lượng vũ trang cách mạng cũng như quân đội xâm lược, « thế » và « lực » bao giờ cũng là hai mặt thống nhất của sức mạnh tác chiến của lực lượng hai bên.

Mối quan hệ hữu cơ và sự tác động qua lại trực tiếp giữa « thể » và « lực » là do những điều kiện thực tế khách quan chi phối, nhưng trước hết chịu ảnh hưởng trực tiếp của tính năng động chủ quan của con người tham chiến.

Có khi có lực mạnh hoặc rất mạnh, nhưng do trình độ vận dụng thể thấp, không lập và không tạo được thể có lợi, phải ở trong thế không lợi, yếu kém thì khả năng và hiệu quả tác chiến thấp, dễ thất bại trong tác chiến. Ngược lại, dù lực yếu hơn đối phương, nhưng có thể lợi, thế hiểm, thì khả năng và hiệu quả tác chiến lại lớn, có thể đánh thắng lực lượng đối phương đông quân và được trang bị tốt hơn mình. Đương nhiên, khi đã có lực mạnh, mà lại tạo được thể tốt, thì khả năng và hiệu quả tác chiến càng lớn. Như trong nghệ thuật đánh cờ tướng, khi có thế tốt thì một quân tốt có thể làm nên chuyện lớn, trái lại khi mất thế, thì hai quân xe cũng đành bỏ phí. Một tảng đá được đặt trên đỉnh dốc cao, khác với lúc nó được đặt trên mặt đất bằng phẳng, nếu người ta lăn tảng đá đó từ trên đỉnh dốc cao xuống: thế đứng trên đỉnh dốc cao đã tạo cho tảng đá một sức mạnh lớn khi nó được lăn xuống dốc.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước, lực lượng vũ trang của ta đều ít hơn địch, trình độ trang bị kỹ thuật của quân đội ta cũng thua kém địch. Nếu tính đến sức mạnh quân sự của nước ta so với sức mạnh quân sự của nước Pháp những năm 1915 — 1934 và nước Mỹ những năm 1955 — 1975 thì tiềm lực kinh tế, tiềm lực khoa học kỹ thuật của ta càng thua kém địch rất xa. Trong tình hình rất không cân sức như vậy, chúng ta đã vận dụng nghệ thuật quân sự một cách sáng tạo, mưu trí: xác định và xây dựng thành công thế trận tối ưu trên tất cả các lĩnh vực chiến lược quân

sự, chiến dịch và chiến đấu, phát huy cao độ tác dụng của thế trận có lợi của ta, kết hợp tài tình lực với thế, từ đó tạo được sức mạnh tổng hợp đánh thắng địch.

Thế trận tối ưu về chiến lược là thế trận chiến lược quân sự của cuộc chiến tranh nhân dân được phát triển đến một trình độ cao, với chủ trương đánh lâu dài, động viên sức mạnh toàn dân đánh giặc cùng lực lượng nông cốt là lực lượng vũ trang cách mạng gồm ba thứ quân, kết hợp hai phương thức tiến hành chiến tranh (chiến tranh chính quy và chiến tranh du kích, chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực và chiến tranh nhân dân địa phương), kết hợp chặt chẽ hai lực lượng chính trị và quân sự, động viên và phát huy cao độ tinh thần và ý chí kháng chiến của toàn dân. Thế trận đó đã được Đảng ta nghiên cứu và xây dựng có hiệu quả lớn. Nó phát huy triệt để và tạo điều kiện cho lực lượng của ta mạnh lên gấp bội, biến thành sức mạnh tổng hợp to lớn lần lượt đánh bại hoàn toàn các chủ trương chiến lược chiến tranh, kế hoạch tác chiến chiến lược của cả đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ.

Trong chiến dịch và chiến đấu, nền nghệ thuật quân sự Việt nam hiện đại đã vận dụng thể vô cùng mưu trí, linh hoạt, làm cho lực lượng tác chiến của ta đánh thắng được địch trong nhiều tình huống. Các cuộc hành quân nổi tiếng của Pháp và Mỹ với nhiệm vụ chiến lược lớn, lực lượng đông, trang bị hiện đại, tưởng chừng có thể nhanh chóng tiêu diệt đối phương, nhưng kết quả đều thất bại trước lực lượng vũ trang của ta thường ít và trang bị kém hơn địch. Các binh khí kỹ thuật hiện đại nhất, mới nhất, với uy lực rất lớn của Mỹ đều bất lực trước thế trận tác chiến của nghệ thuật quân sự Việt nam và ý chí Việt nam. Sức mạnh về « thể » của ta lại được sức mạnh của Liên xô, các nước xã hội chủ nghĩa

và cả loài người tiến bộ ủng hộ, cho nên nó càng phát huy được hiệu lực.

Lập thể của ta đã đạt yêu cầu là địch phá không nổi, khi ta tiến công lại có thể tiêu diệt địch; lập thể của ta, phá thể của địch là quá trình vận dụng mưu trí "thể" kết hợp với "lực", tạo nên sức mạnh tổng hợp vô địch. Với nghệ thuật quân sự đó, ta có thể lấy ít mà thắng được nhiều, lấy mau thắng sức, lấy thể thắng lực.

Lập thể và phá thể có thể coi là nét đặc sắc nhất của nền nghệ thuật quân sự Việt nam hiện đại.

2- Luôn luôn tạo được bất ngờ cao.

Cả đế quốc Pháp và Mỹ đều thường xuyên bị bất ngờ trên chiến trường Việt nam, chúng bị bất ngờ liên tiếp trong quá trình tiến hành chiến tranh xâm lược, bị bất ngờ ngay từ khi mở đầu chiến tranh, và bị bất ngờ hoàn toàn trong giai đoạn kết thúc chiến tranh.

Trên chiến trường Việt nam, lực lượng vũ trang của Pháp và Mỹ bị bất ngờ cả về chiến lược, chiến dịch và chiến đấu. Chúng thường phán đoán sai các kế hoạch và hoạt động tác chiến của ta. Trước những thời điểm nút của chiến tranh, chúng thường không dự kiến được chính xác quy mô và phương hướng hoạt động của ta, cho nên thường bị bất ngờ lớn trước các cuộc tiến công chiến lược của ta.

Thực dân Pháp đã nỗ lực nới ta gần một thế kỷ, hiểu biết và nắm chắc tình hình mọi mặt của nước ta, nhưng trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta (1945 - 1954), chúng liên tiếp bị bất ngờ trong quá trình tiến hành chiến tranh. Trên chiến trường Nam bộ, quân đội viễn chinh Pháp, được quân đội Anh, Nhật giúp sức, đã bị bất ngờ trước hoạt động tác chiến du kích rộng khắp và có hiệu quả của quân và dân ta. Kế hoạch bình định Nam

bộ của địch do đó không thể thực hiện được, tuy chúng có tạm chiếm được các thành phố, thị xã, các trục đường giao thông quan trọng.

Địch đã bị bất ngờ lớn, khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ (19-12-1946), khi hoạt động tác chiến của ta tại thủ đô là nội kéo dài gần 2 tháng. Chúng lại bị bất ngờ trong cuộc tiến công chiến lược của chúng lên Việt bắc (thu đông năm 1947), cho nên dẫn đến thất bại về chủ trương chiến lược chiến tranh « đánh nhanh giải quyết nhanh ». Năm 1950, chúng lại bị bất ngờ, bàng hoàng trước chiến dịch tiến công của ta đập nát phòng tuyến Cao Bằng - Đồng khê. Thất khê - Lạng sơn của chúng. Năm 1951, Tết-xi-nhi bị bất ngờ và thất bại trong âm mưu giành lại thế chủ động trên chiến trường Bắc bộ bằng cuộc tiến công ra Hòa bình. Đại tướng tài ba này của Pháp đã bị thất bại trên cả hai mặt trận: mặt trận đảng trước và mặt trận đảng sau lưng. Năm 1953 - 1954, nỗi bất ngờ của quân đội Pháp càng lớn trước sự dõ dỏi của kẻ hoạch Na-va trong cuộc tiến công chiến lược Đông xuân 1953 - 1954 và chiến dịch quyết chiến chiến lược Điện biên phủ của ta.

Đế quốc Mỹ hùng mạnh hơn thực dân Pháp nhiều. Nhưng ở Việt nam, quân đội xâm lược Mỹ liên tiếp bị bất ngờ, càng về cuối cuộc chiến tranh bị bất ngờ càng lớn. Mưu đồ của Mỹ càng sâu, chủ trương chiến lược chiến tranh và kế hoạch tác chiến chiến lược càng nhiều tham vọng thì khi bị thất bại, choáng váng càng mạnh, bất ngờ càng lớn. Đế quốc Mỹ không dự kiến phải xoay sở nhiều chủ trương chiến lược chiến tranh xâm lược Việt nam đến như thế, và chúng đều bị bất ngờ mỗi khi một chủ trương chiến lược chiến tranh bị phá sản.

Dùng lực lượng không quân và hải quân hiện đại để tập kích chiến lược,

tiến hành chiến tranh phá hoại quy mô lớn, hết sức ác liệt đối với miền Bắc Việt nam, để quốc Mỹ tưởng sẽ nhanh chóng đè bẹp đối phương, nhưng không ngờ lại chuốc lấy thất bại thảm hại. Kể từ bất ngờ đến mức không thể hiểu nổi trước sự đối phó rất có hiệu quả của đối phương, lại chính là những kẻ cầm đầu ở nước Mỹ và lực lượng vũ trang Mỹ ở Việt nam.

Khi ký hiệp định Pa-ri về Việt nam (1973), Mỹ không hề ngờ lực lượng vũ trang cách mạng Việt nam có khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt nam và thống nhất Tổ quốc. Mùa xuân 1975, Mỹ hoàn toàn bị bất ngờ về sự thất thủ nhanh chóng, dây chuyền từ Buôn mê thuật, Huế, Đà nẵng... đến Sài gòn, về sự sụp đổ và đầu hàng vô điều kiện ngày 30-4-1975 của chính quyền ngụy Sài gòn.

Tạo được bất ngờ trong chiến đấu là một nguyên tắc tác chiến rất quan trọng, đồng thời cũng là một nội dung rất lớn thuộc lĩnh vực nghệ thuật quân sự. Có làm cho địch bị bất ngờ mới có khả năng đánh thắng địch và đánh thắng địch một cách dễ dàng hơn.

Không những phải có nghệ thuật giữ bí mật giỏi, mà còn phải có nghệ thuật nghi binh, đánh lừa đối phương, làm cho đối phương luôn luôn mắc sai lầm trong việc nắm tình hình, phân đoán ý đồ, kế hoạch và hoạt động tác chiến của ta. Nền nghệ thuật quân sự Việt nam hiện đại đã có những nét nổi bật về mặt nghệ thuật tạo bất ngờ lớn đối với địch.

3- Giữ quyền chủ động trên chiến trường.

Trong chiến tranh xâm lược Việt nam, quân đội Pháp và Mỹ tuy có ưu thế về lực lượng vũ trang tập trung và trang bị kỹ thuật, nhưng thường không giữ được quyền chủ động trên chiến trường. Ngược lại, lực lượng vũ

trang cách mạng Việt nam thường giữ vững quyền chủ động trên chiến trường, trước hết là chủ động về chiến lược quân sự, chiến thuật, từng bước giành quyền chủ động về chiến dịch. Cũng về cuối cuộc chiến tranh, chúng ta càng giữ vững quyền chủ động trên cả ba lĩnh vực chiến lược quân sự, chiến dịch và chiến thuật.

Ngay những năm đầu của cuộc chiến tranh xâm lược, quân đội xâm lược Pháp đã phải bị động đối phó với chiến tranh du kích rộng khắp của quân và dân ta. Chủ trương chiến lược chiến tranh đánh nhanh giải quyết nhanh của chúng ta thất bại trước chủ trương chiến lược đánh lâu dài của ta. Tuy các cuộc hành quân tấn diệt của địch vẫn được tiến hành liên tục, nhưng chúng không chủ động thực hiện được nhiệm vụ và yêu cầu là tiêu diệt chủ lực của ta.

Từ năm 1950, quân đội viễn chinh Pháp đã mất hoàn toàn quyền chủ động trên chiến trường Bắc bộ là chiến trường chủ yếu của toàn chiến trường Đông dương; hai kế hoạch tác chiến chiến lược nhằm giành lại quyền chủ động trên chiến trường của Tát-xi-nhi và Na-va đều bị phá sản. Và cuối cùng địch phải chịu thất bại hoàn toàn trên chiến trường trước cuộc tiến công chiến lược Đông xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện biên phủ của ta.

Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam, quân đội xâm lược Mỹ mỗi lần thay đổi chủ trương chiến lược chiến tranh, thay đổi tướng lĩnh, là mỗi lần bị động. Bốn chủ trương chiến lược chiến tranh của Mỹ ở miền Nam Việt nam được thực hiện theo diễn biến: thất bại, bị động đối phó; thất bại, lại bị động đối phó và thất bại hoàn toàn.

Sau thất bại của chính sách dùng ngụy quyền Ngô Đình Diệm và viện trợ Mỹ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt nam, để

quốc Mỹ bị động tiến hành chiến tranh đơn phương. Khi chủ trương chiến lược chiến tranh đơn phương thất bại, Mỹ lại phải bị động tiến hành chiến tranh đặc biệt. Và khi chủ trương chiến lược chiến tranh đặc biệt bị thất bại, Mỹ đã bị động tiến hành chiến tranh cục bộ. Cuối cùng chiến tranh cục bộ được tiến hành đến mức cao nhất cũng thất bại, đã buộc Mỹ lại bị động thực hiện chủ trương chiến lược « Việt nam hóa » chiến tranh.

Trong thế thất bại nặng nề và liên tiếp trên chiến trường miền Nam Việt nam, đế quốc Mỹ đã bị động tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Quá trình tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại cũng diễn biến theo kiểu: bị động leo thang, thất bại; bị động leo thang nữa, lại thất bại; tiếp tục bị động leo thang, thất bại nặng hơn; bị động leo thang đến nấc cao nhất, thất bại nặng nề nhất, buộc phải ký kết hiệp định Pa-ri.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại, Mỹ đã sử dụng lực lượng không quân, hải quân rất hùng mạnh và hiện đại nhất, có đầy đủ điều kiện giữ quyền chủ động đánh phá đối phương trên chiến trường, nhưng thực tế trên chiến trường miền Bắc Việt nam, lực lượng không quân và hải quân cũng có phần bị động cả trên ba lĩnh vực chiến lược quân sự, chiến dịch và chiến thuật. Chính vì vậy, cuộc chiến tranh phá hoại có một không hai trong lịch sử chiến tranh thế giới đối với miền Bắc Việt nam đã thất bại thảm hại.

Trong đấu tranh vũ trang, khi đã không giành và giữ được quyền chủ động, tất nhiên lâm vào thế bị động, phải đối phó lúng túng, khó khăn, dù lực lượng còn mạnh, cũng khó tránh khỏi thất bại.

Ta giành và giữ được quyền chủ động trên chiến trường là do cuộc chiến tranh chống xâm lược của ta là chính

nghĩa, lại có đường lối chủ trương đúng đắn, sáng suốt của Đảng lãnh đạo, cho nên chúng ta đã phát động được cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện và phát triển cao, làm cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân thấm nhuần sâu sắc đường lối của Đảng, nêu cao ý chí cách mạng kiên cường và tư tưởng căm thù tận diệt công trong chiến tranh, đồng thời sáng tạo ra nhiều phương pháp tiến hành cách mạng và chiến tranh đúng đắn, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của đất nước ta.

Luôn luôn giữ vững quyền chủ động trên chiến trường, trong những tình huống chiến tranh, cũng là nét đặc sắc của nghệ thuật quân sự Việt nam hiện đại.

4 - Tìm ra và vận dụng các phương pháp tác chiến đạt hiệu suất cao.

Trên chiến trường, bên nào cũng đều phải có phương pháp tác chiến của mình, nhằm tiêu diệt đối phương, giành thắng lợi. Phương pháp tác chiến tối ưu phải được vận dụng thành công, thì mới có hiệu quả thực tế cao. Tính năng động chủ quan của con người là yếu tố quyết định nhất đối với việc tìm ra và vận dụng các phương pháp tác chiến đạt hiệu suất cao.

Nét nổi bật của nghệ thuật quân sự Việt nam hiện đại ở đây là dù lực lượng và trang bị kém địch, nhưng ta vẫn tìm ra và vận dụng các phương pháp tác chiến đạt hiệu suất cao.

Chúng ta đã nghiên cứu và xác định được các phương pháp tác chiến tối ưu, phát huy được triệt để các mặt mạnh và khắc phục được các mặt yếu của mình, hạn chế được các chỗ mạnh và khoét sâu được các chỗ yếu của địch. Trước các phương pháp tác chiến của lực lượng vũ trang cách mạng Việt nam, quân đội viễn chinh Pháp nhả nghề và thiện chiến, cũng như quân đội xâm lược Mỹ được

trang bị hiện đại "đến tận răng", đều khó mà đối phó được. Ngay thời kỳ đầu chiến tranh, phương pháp tác chiến chiến lược của ta đã tỏ ra hơn địch. Nó rất phù hợp với tình hình thực tế khách quan và phát triển thuận lợi theo đúng quy luật. Càng về cuối cuộc chiến tranh, phương pháp tác chiến chiến lược của ta càng có hiệu quả cao, thể hiện nổi bật ở cuộc tiến công chiến lược Đông xuân 1953—1954 và cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975.

Trên lĩnh vực chiến đấu, phương pháp tác chiến của ta đã vận dụng các hình thức chiến thuật đa dạng, phong phú, độc đáo Việt nam, gây cho quân đội xâm lược Pháp và Mỹ biết bao nỗi kinh hoàng. Không phải chỉ riêng bộ đội đặc công của ta có các phương pháp tác chiến độc đáo Việt nam, làm cho kẻ địch không có cách gì đối phó được, mà các quân binh chủng của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích, tự vệ và các tầng lớp nhân dân khi đánh giặc đều có nhiều cách đánh hay.

Về lĩnh vực chiến dịch, chúng ta có nhiều phương pháp tác chiến rất có hiệu quả như các chiến dịch tiến công biên giới Việt—Trung năm 1950, chiến dịch tiến công Tây bắc năm 1952, chiến dịch tiến công chiến lược Điện biên phủ năm 1954, chiến dịch Ấp Bắc, Bình giả, các chiến dịch tiến công và nổi dậy năm 1968, chiến dịch phản công đường 9 Nam Lào, chiến dịch tiến công Trị thiên năm 1972, chiến dịch tiến công Tây nguyên năm 1975, chiến dịch tiến công Huế—Đà nẵng năm 1975, chiến dịch tiến công chiến lược Hồ Chí Minh năm 1975.

Cũng phải kể đến các phương pháp tác chiến về chiến lược, chiến dịch và chiến thuật của ta trong cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân Mỹ đối với miền Bắc Việt nam.

Bộ đội phòng không và không quân non trẻ của ta sử dụng các phương pháp tác chiến đã đánh thắng không quân Mỹ. Chính tính ưu việt của các phương pháp tác chiến của chúng ta đã đánh thắng vũ khí hiện đại nhất của Mỹ.

Trải qua 40 năm chiến đấu và chiến thắng, nghệ thuật quân sự Việt nam hiện đại đã tìm ra và vận dụng thành công các phương pháp tác chiến đạt hiệu suất cao, bảo đảm thắng lợi cho các cuộc chiến tranh cách mạng.

5—Tạo được các bước phát triển nhảy vọt trong quá trình đấu tranh vũ trang, thúc đẩy cuộc chiến tranh phát triển thuận lợi.

Nghệ thuật quân sự phải tạo được các bước phát triển nhảy vọt về đấu tranh vũ trang, thúc đẩy cuộc chiến tranh phát triển thuận lợi. Đặc biệt trong các thời điểm quan trọng của chiến tranh, nó phải tạo được các bước phát triển nhảy vọt quyết định trên chiến trường. Trình độ nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh và trình độ nghệ thuật quân sự của các lực lượng tham chiến tác động trực tiếp đến sự vận động và phát triển của chiến tranh đối với bên này và bên kia.

Trong quá trình tiến hành chiến tranh cách mạng, chúng ta đã thực hiện được các bước phát triển nhảy vọt về đấu tranh vũ trang, làm thay đổi cục diện chiến trường, thúc đẩy cuộc chiến tranh phát triển thuận lợi đối với ta.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, các bước phát triển nhảy vọt về tác chiến trên chiến trường Việt nam được thực hiện nhiều lần. Năm 1947, chúng ta tạo được bước phát triển nhảy vọt thứ nhất, khi ta đánh bại cuộc tiến công chiến lược thu đông của quân đội viễn chinh Pháp, làm thất bại chủ trương chiến lược đánh nhanh giải quyết nhanh của Pháp.

Năm 1950, với chiến dịch tiến công biên giới Việt—Trung, qua đó ta giành được quyền chủ động chiến lược và chiến dịch trên chiến trường Bắc bộ là chiến trường chủ yếu đối với toàn chiến trường Đông dương, chúng ta đã tạo được bước phát triển nhảy vọt thứ hai. Năm 1952, với thắng lợi của chiến dịch tiến công Tây bắc, ta giải phóng một vùng rộng lớn, tạo thêm một bước phát triển nhảy vọt trên chiến trường. Đến năm 1953 và 1954, trước thời điểm nút của giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, bằng cuộc tiến công chiến lược Đông xuân và chiến dịch quyết chiến chiến lược Điện biên phủ, chúng ta đã tạo được bước phát triển nhảy vọt quyết định trên chiến trường, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ mỗi lần chúng ta đánh bại một chủ trương chiến lược chiến tranh của Mỹ là một lần chúng ta thành công trong việc tạo bước phát triển nhảy vọt về đấu tranh vũ trang trên chiến trường vào những năm 1959 — 1960, 1964 — 1965, 1968, 1971, 1972, 1975.

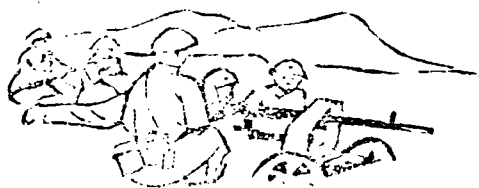
Cũng ở thời điểm nút của cuộc chiến tranh (1975), sự nỗ lực phi thường của quân và dân ta trên cả hai miền Nam Bắc trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 đã tạo nên bước phát triển nhảy vọt có ý nghĩa quyết định nhất. Với bước phát triển nhảy vọt này, nghệ thuật quân sự Việt nam hiện đại đã đạt đến đỉnh cao của sự mưu trí và tài giỏi.



Trải qua mấy chục năm đấu tranh vũ trang liên tục, nghệ thuật quân sự Việt nam hiện đại đã đạt sức thắng lợi với các nghệ thuật quân sự hiện đại của chủ nghĩa thực dân Pháp và chủ nghĩa đế quốc Mỹ.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, chúng ta đang phải chống lại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung

quốc cầu kết với đế quốc Mỹ, sẵn sàng đối phó với âm mưu và hành động gây chiến tranh xâm lược của chúng. Trước tình hình đó, nghệ thuật quân sự Việt nam hiện đại cần được nâng cao và phát triển nhằm đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa



TRANG SỬ ĐEN CỦA NỀN NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ MỸ

NHUẬN VŨ

Lần đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ, quân đội Mỹ đã bị đánh bại trên chiến trường trong một cuộc chiến tranh. Thất bại của Mỹ tại Việt nam trước hết là thất bại quân sự, thất bại của sức mạnh quân sự Mỹ, của nghệ thuật quân sự Mỹ.

Nói đến nghệ thuật quân sự Mỹ tức là nói đến sự vận dụng trên chiến trường chín nguyên tắc tác chiến cơ bản đã được ghi thành văn trong quyền Điều lệnh tác chiến chính thức của lục quân Mỹ, từ sự chỉ đạo chiến lược đến sự chỉ huy và tham mưu Mỹ các cấp. Chín nguyên tắc tác chiến cơ bản đó là: xác định đúng đắn mục tiêu; kiên quyết tiến công; tập trung lực lượng vào địa điểm và thời điểm quyết định; tiết kiệm lực lượng qua việc bố trí và sử dụng lực lượng hợp lý đúng đắn; thực hiện cơ động lực lượng nhanh chóng; thống nhất chỉ huy trên chiến trường và khu vực chiến trường; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, bí mật; thực hiện bất ngờ; và cuối cùng là lẩn tránh đơn giản trong kế hoạch và chỉ huy để không gây phức tạp và khó hiểu, khiến cho các cấp thực hiện có thể hiểu nhầm hay không hiểu rõ các mệnh lệnh. Nằm trong quyền Điều lệnh tác chiến của lục quân Mỹ, những

nguyên tắc đó cũng là những tiêu chuẩn chủ yếu làm thước đo trình độ nghệ thuật quân sự của sĩ quan chỉ huy và tham mưu các cấp trong toàn quân đội Mỹ qua những thử thách thực tế trên chiến trường. Theo giới quân sự Mỹ, thất bại hay chiến thắng trong một trận chiến đấu nhất định cho đến trong toàn cuộc chiến tranh cũng tùy thuộc vào việc vận dụng đúng hay sai, được hay không những nguyên tắc tác chiến cơ bản trên đây.

Khi bước vào cuộc phiêu lưu quân sự tại Việt nam, giới cầm quyền tại Nhà trắng và Lầu năm góc cho rằng quân đội viễn chinh Mỹ có đầy đủ điều kiện để thực hiện các nguyên tắc tác chiến cơ bản, cốt lõi của nghệ thuật quân sự Mỹ. Một mặt, các tướng Mỹ chỉ huy trên chiến trường như tướng Oet-mo-len và tướng A-bram đều được xem là những tướng tài bậc nhất trong quân đội Mỹ và phương Tây, còn các sĩ quan chỉ huy và tham mưu khác trong quân đội viễn chinh Mỹ đều đã được đào tạo có hệ thống trong các trường sĩ quan, các học viện quân sự Mỹ. Đúng là tinh thần của binh sĩ Mỹ «thấp hơn ngọn cỏ», nhưng bù vào đó đã có «sức mạnh khủng khiếp» của hỏa lực Mỹ trên chiến trường. Mặt khác với tiềm lực

kinh tế và đặc biệt là tiềm lực công nghiệp của nước Mỹ, giới cầm quyền Oa-sinh-ton tự cho rằng nước Mỹ có đầy đủ khả năng cung cấp cho quân đội Mỹ những phương tiện vật chất cần thiết để vận dụng có hiệu quả trên chiến trường các nguyên tắc đã được quy định như những mệnh lệnh.

Thế nhưng, thực tiễn chiến tranh tại Việt nam đã cho thấy rằng: « Các nguyên tắc (tác chiến) đó có một giá trị hấp bênh khi người ta nhận thấy rằng trong chiến tranh thế giới thứ hai, tất cả chín nguyên tắc đều được (quân đội Mỹ) tuân thủ, còn trong cuộc chiến tranh Việt nam thì không một nguyên tắc nào được (quân đội Mỹ) tôn trọng triệt để cả. Tại Việt nam, (quân đội Mỹ) không xác định được rõ ràng mục tiêu, do dự trong tiến công; những kế hoạch tác chiến và yểm trợ được vạch ra đều rối rắm, lộn xộn; không thực hiện được chỉ huy thống nhất vì phải quan tâm thích đáng đến bối cảnh chính trị của miền Nam Việt nam, nhân lực và yểm trợ hậu cần bị phân tán, các chiến thuật nặng nề, chậm chạp, thường mất tính bất ngờ vì bí mật không được bảo đảm » (1).

Diễn biến chiến sự trên chiến trường Việt nam từ giữa năm 1965 đến tháng 1-1973, từ trên mặt đất miền Nam Việt nam đến trên bầu trời miền Bắc Việt nam chứng tỏ rằng kẻ đi tiến công bị đẩy vào thế phải chống đỡ liên tục tại mọi nơi, vào mọi lúc, kẻ mong gây bất ngờ lại bị bất ngờ, kẻ nắm trong tay đầy đủ phương tiện cơ động lại bị ghim chân tại chỗ, kẻ tập trung trong tay quân đông, vũ khí nhiều bị buộc phải phân tán, rải mảnh mảnh lực lượng, kẻ nắm trong tay những phương tiện trinh sát điện tử tối tân lại thường bị lộ bí mật của mình... Kẻ ấy là phía quân đội viễn chinh Mỹ xâm lược. Bước vào cuộc chiến tranh thì dễ, nhưng rút ra khỏi cuộc chiến tranh lại khó. Do đó, mục tiêu,

nguyên tắc số 1 trong 9 nguyên tắc tác chiến cơ bản của quân đội Mỹ, được đề ra ban đầu là tiêu diệt tận gốc lực lượng cách mạng và chiếm đóng lâu dài miền Nam Việt nam đã biến đổi theo thời gian, và cuối cùng trở thành « rút quân đội viễn chinh Mỹ an toàn ra khỏi miền Nam Việt nam ». Nghệ thuật quân sự Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ tại Việt nam đã dẫn quân đội viễn chinh Mỹ đến một kết cục là « 36 chước, chước rút chạy về Mỹ là hơn cả ».

Nhìn tổng quát lại, trong suốt quá trình cuộc chiến tranh, tuy có đủ trình độ chỉ đạo chiến lược và chỉ huy chiến đấu, có đủ phương tiện để thực hiện các nguyên tắc tác chiến cơ bản được quy định, nhưng các sĩ quan Mỹ từ tướng tổng chỉ huy đến sĩ quan cấp úy chỉ huy phân đội đều không thể đánh theo các bài bản đã được chuẩn bị sẵn, xây dựng trên nền tảng nghệ thuật quân sự Mỹ. Nói nôm na thì họ đã không đánh được theo đúng cách đánh sở trường của quân đội Mỹ. Không những thế, có những sơ ý đây sai khiến vô hình đã buộc cách đánh của họ lệ thuộc vào cách đánh của đối phương tức là họ bị bắt buộc phải đánh theo cách đánh mà đối phương đã quy định cho họ. Những sơ ý đây sai khiến đó chính là sự chỉ đạo chiến tranh, chiến lược chiến thuật của đối phương, là nghệ thuật quân sự Việt nam, là tài trí và lòng dũng cảm của quân và dân Việt nam. Vì thế, quân đội viễn chinh Mỹ đã lâm vào thế bị động chiến lược ngay từ những ngày đầu chúng mạo hiểm gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam. Lúc chúng ở ạt đặt chân lên lãnh thổ miền Nam Việt nam vào giữa năm 1965 cũng là lúc chúng dần thân vào thế trận chiến tranh nhân dân mà quân và dân miền Nam Việt nam đã bày sẵn để chờ

(1) Bài Xét duyệt lại các nguyên tắc tác chiến, tập san Quân sự Mỹ, số tháng 12-1972.

chúng. Khi chúng hơp hình, kiểu càng tiến hành chiến lược "tìm và diệt" những lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam Việt nam thì trên thực tế chúng chỉ dẫn thân vào một đường hầm chiến lược không lối thoát, vào một trận đồ mà xong đến đâu chúng cũng chỉ gặp cửa "tử".

Trong bài «giảng luận đặc biệt» thuyết trình tại trường Cao đẳng quốc phòng ngày 30-12-1971, bản về việc thực hiện chín nguyên tắc tác chiến cơ bản của quân đội Mỹ trên chiến trường Việt nam, chuẩn tướng Úc F.P. Xa-rông đã phải than thở: "Cuộc chiến tranh Việt nam đã đưa lại một tình hình hoàn toàn mới không chỉ về mặt chiến thuật, tổ chức, chính trị, mà cả về khả năng triển khai những vốn liếng của sức mạnh. Mỹ đã có sức mạnh nhưng không tìm ra được cách để sử dụng sức mạnh đó có hiệu lực... Chúng ta, - Mỹ và các đồng minh - bị đặt vào địa vị không thể đối phó lại được sự phát triển leo thang về lực lượng của đối phương".

Vấn đề đúng là ở đây. Một trong những vấn đề then chốt thuộc nghệ thuật quân sự là nghệ thuật vận dụng hai nhân tố thế và lực trên chiến trường. Trên chiến trường Việt nam, sức mạnh quân sự của Mỹ nằm trong thế bị động đã bị giảm xuống nhiều lần trong khi sức mạnh quân sự của

quân và dân Việt nam được đặt trong thế chủ động đã được nhân lên gấp bội. Đây là kết quả của thắng lợi của nền nghệ thuật quân sự Việt nam đối với nền nghệ thuật quân sự đế quốc Mỹ. Trong thế trận chiến tranh nhân dân, quân và dân Việt nam đã huy động được sức mạnh tổng hợp Việt nam bao gồm sức mạnh về mọi mặt của nước ta cộng với sự ủng hộ và giúp đỡ của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới mà Liên xô là trụ cột, nhờ đó mà đánh bại được sức mạnh quân sự Mỹ trên chiến trường. Đây là nhân tố quyết định trong những nhân tố đã đẩy đế quốc Mỹ vào địa vị kẻ thua trận trong cuộc chiến tranh xâm lược mà chúng tiến hành tại Việt nam.

Trong cuộc độ sức gay go, quyết liệt, kéo dài với đế quốc Mỹ, dưới sự chỉ đạo chiến tranh, chỉ đạo chiến lược tài tình, sáng suốt của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn, quân và dân Việt nam đã viết nên những trang sử mới vẻ vang nhất trong cuốn lịch sử 2000 năm nghệ thuật quân sự Việt nam. Còn về phía địch mà nói, thì trong quyền lịch sử 200 năm nghệ thuật quân sự Mỹ, lần đầu tiên đã xuất hiện những trang sử bi thảm đóng khung viền đen.

Thế trận cấp huyện

HOÀNG SAN

Bí thư Huyện ủy Trảng định

VẬY dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở một nơi hàng ngày phải đương đầu trực tiếp với những âm mưu, thủ đoạn phá hoại của bọn lãnh trưởng, lá quyền Trung quốc cấu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, là một việc có ý nghĩa chiến lược rí rẹt thể và sinh động. Từ năm 1978, huyện Trảng định (Lạng sơn) đã là nơi làm thử việc xây dựng huyện. Nhưng do cuộc chiến tranh xâm lược của bọn lãnh trưởng, bá quyền Trung quốc, tháng 2 năm 1979, vào các tỉnh biên giới phía bắc nước ta, việc xây dựng huyện ở Trảng định bị dừng lại và có phần bị đảo lộn, do đó nảy sinh những nhận thức khác nhau. Có người cho rằng xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho huyện giáp biên này chẳng khác gì đem của đồ xuống sông, xuống biển. Xây được gì, giặc Trung quốc lại tràn sang tàn phá thì cũng lãng không (1?). Một số ngành do bản không muốn dần từ xây dựng cơ bản cho huyện chúng tôi. Trong khi đó bọn lãnh trưởng, bá quyền Trung quốc vẫn thường xuyên tăng cường áp sát biên giới, thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt.

Trước tình hình đó, được Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng và các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng ta soi sáng, đảng bộ huyện chúng tôi khẳng định muốn đánh giặc giặc, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc, ổn định và cải thiện đời sống cư dân nhân dân, không có cách nào khác là bám trụ trên mảnh đất của mình, phát triển sản xuất, tăng cường quốc phòng, xây dựng thế trận cấp huyện vững chắc về mọi mặt.

Từ quyết tâm đó, huyện chúng tôi cũng cố tổ chức, tăng cường giáo dục nhân dân, tháo gỡ vướng mắc và đẩy mạnh sản xuất, xây dựng phòng tuyến biên giới, và đến nay, bước đầu đã có được những kết quả đáng mừng. Những kết quả đạt được trong thời gian qua cũng như hướng phát triển của huyện chúng tôi trong những năm tới trình bày dưới đây phân ánh cả một quá trình mày mò, vừa làm vừa rút kinh nghiệm và đang được hoàn chỉnh.

(*) Xem Tạp chí Cộng sản từ số tháng 2 — 1984.

Trảng Định là một huyện biên giới có diện tích 1 012 km², số dân 48 nghìn người thuộc 6 dân tộc: Tày, Nùng, Kinh, Dao, Mông, Hoa. Huyện chúng tôi có 4 xã giáp Trung quốc là Quốc khánh, Đội Cấn, Tân minh, Đàng viên với tổng số chiều dài biên giới trên 52 km. Huyện chúng tôi là một trong những mục tiêu phá hoại quan trọng của địch. Chúng thường xuyên dùng chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp, tung thâm báo, biệt kích, thâm nhập nước ta, móc nối, đe dọa, khống chế. Chúng thường cho quân phục kích, đón lõng, bắt cóc, giết hại cán bộ, chiến sĩ ta. Chúng tập kích các diêm chốt, các đài quan sát, lấn chiếm đất ta. Có lúc chúng dùng máy bay trinh sát, dùng các loại pháo, cối bắn phá rất dã man các làng, bản, các mục tiêu kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa của ta. Mục đích của chúng là chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, chia rẽ quân và dân ta, làm nhân dân ta không yên tâm sản xuất, giảm sút tinh thần cảnh giác, giảm sút ý chí chiến đấu để chúng dễ bề lấn chiếm lãnh thổ ta.

Do đó, chúng tôi thấy việc xây dựng huyện phải gắn rất chặt với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cả trước mắt cũng như lâu dài. Việc quy hoạch tổng thể trên địa bàn huyện phải làm sao đáp ứng yêu cầu vừa phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, vừa phục vụ tốt nhiệm vụ chiến đấu hiện nay và sau này nếu có chiến tranh lớn xảy ra. Căn cứ vào cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp đã và đang xây dựng, căn cứ vào tình hình, đặc điểm, thế mạnh của một huyện biên cương, miền núi, chúng tôi chia huyện thành 4 vùng kinh tế, tương ứng với 4 cụm chiến đấu liên hoàn và thành 3 tuyến (tuyến trước, tuyến sau, hậu cứ).

- Vùng kinh tế 1 gồm các xã Đại đồng, Hùng sơn, Đề Thám, Chi lăng, Thất Khê và Bắc ái 1.

Đây là vùng thâm canh lúa, màu. Diện tích lúa xuân vùng này là 750 ha trong đó có 650 ha lúa cao sản, phần đầu đạt 8 - 9 tấn/ha/năm. Đây cũng là nơi trồng các loại cây khác như: đỗ tương (140 ha), thuốc lá đông trên chân ruộng 2 vụ lúa (200 ha), cây ăn quả (230 ha), trồng rừng lấy gỗ, làm nguyên liệu sản xuất giấy (2 000 ha), cây làm củi (1 500 ha), hồi (1 400 ha), trâu (2 000 ha) và phát triển chăn nuôi lợn thịt, nuôi vịt, nuôi ong lấy mật, nuôi cá v.v. Ở vùng này, tập trung các xí nghiệp chế biến lâm sản, gỗ, mía, hoa quả, sản xuất giấy... Ở đây cũng sẽ xây dựng các xí nghiệp, hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng để hằng năm có 6 triệu viên gạch, 300 nghìn viên ngói, 800 tấn vôi.

- Vùng kinh tế 2 gồm các xã Tri Phương, Quốc khánh, Đội Cấn.

Đây là vùng có khả năng thâm canh các loại cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày. Ngoài diện tích đất thổ cư 150 ha, vùng này còn có thể trồng 260 ha lúa xuân, 753 ha lúa mùa, 240 ha đậu tương, 250 ha thuốc lá, 50 ha mía, 110 ha cây ăn quả, 1 000 ha trâu, 300 ha sỏ, 100 ha quế, 400 ha cây lấy gỗ. Một nhiệm vụ rất quan trọng ở đây là bảo vệ và trồng rừng giáp biên, rừng đầu nguồn, vừa để ngăn ngừa vừa giữ nước, chống xói mòn đất. Ở đây có điều kiện để phát triển chăn nuôi, có thể nuôi 2 450 con trâu, bò, 4 500 con lợn thịt. Ngoài ra còn nuôi ong, nuôi cá.

Về công nghiệp, vùng này chủ yếu phát triển nghề sản xuất vật liệu xây dựng, mỗi năm có 300 tấn vôi cục, một triệu viên gạch.

- Vùng kinh tế 3 gồm các xã Tân minh, Đàng viên, Trung thành, Quốc Việt, Hùng Việt, Kháng chiến.

Cố gắng giải quyết lương thực tại chỗ và có lương thực dự trữ khoảng 3 - 4 tháng, vùng này chủ trọng tăng cường khai hoang, mở rộng diện tích để có 200 ha đất trồng cây ngắn ngày.

Ở đây trồng 50 ha mía và các loại cây ăn quả như mơ, mận, dứa. Các mục tiêu kinh tế khác của vùng này là: phấn đấu nuôi 6 190 con trâu, bò để làm sản phẩm hàng hóa và 4 000 con lợn thịt; nuôi 1 000 đàn ong, hình thành, trung tâm nuôi ong của huyện; trồng và khôi phục 590 ha rừng, 3 900 ha cây lấy dầu gồm hồi, trâu, sỏ, quế, 1 700 ha cây lấy gỗ; khai thác vầu, nứa phục vụ xây dựng cơ bản và làm nguyên liệu cho nhà máy giấy; phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp như vật liệu xây dựng, đan lát, mộc, rèn, nề...

— *Vùng kinh tế 4* gồm các xã: Kim Đồng, Chí minh, Tân tiến, Đoàn kết, Tân yên, Cao minh, Khánh long, Vĩnh tiến, Bắc ái II.

Đây là vùng có nhiều đồi núi, ruộng đất ít lại phân tán. Nhân dân ở đây sống chủ yếu bằng phương thức làm nương, phát rẫy, du canh du cư. Trên diện tích trồng trọt, nơi chủ động về nước, sẽ gieo trồng hai vụ lúa, một vụ màu hoặc cây công nghiệp. Vụ đông xuân chủ yếu gieo trồng các loại lúa xuân, ngô, thuốc lá, đậu tương. Định canh, định cư, trồng cây công nghiệp, trồng rừng, bảo vệ rừng ở các xã vùng cao: trồng 11 100 ha cây có dầu gồm 300 ha quế, 100 ha hồi, 5 000 ha trâu, 3 000 ha sỏ; trồng 1 200 ha lát hoa và mỗ; xây dựng vùng chè tập trung ở các xã Vĩnh tiến, Cao minh,...; khôi phục nghề trồng nầm hương, mộc nhĩ và các lâm sản khác. Vùng này có khả năng nuôi và cung cấp sức kéo, trâu, bò thịt; có thể nuôi 5 600 con trâu, 400 con bò, 1 000 đàn ong lấy mật; cải tạo, thay thế đàn lợn nái để có đàn lợn thịt năng suất cao. Về công nghiệp, ở đây có khả năng phát triển thủy điện, nhỏ phục vụ các cụm dân cư và các xí nghiệp chế biến: dẩy mạnh tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp như gạch, ngói, đan lát, mộc, nề, chế biến nông sản...

Tương ứng với các vùng kinh tế 1,2,3,4 là các cụm chiến đấu liên hoàn 2,1,3,4. Mỗi cụm chiến đấu có một Ban chỉ huy quân sự thống nhất làm nhiệm vụ vạch phương án tác chiến, bố trí, điều hành lực lượng, chỉ huy chiến đấu, phối hợp với bộ đội chủ lực, với các cụm chiến đấu khác để chiến đấu khi có chiến sự xảy ra. Tùy theo địa hình, địa điểm, điều kiện của cụm, tùy theo tình hình hoạt động của địch, tùy từng lúc, từng nơi mà cụm chiến đấu xác định nhiệm vụ cụ thể của mình. Chẳng hạn, cụm chiến đấu 1 gồm những xã giáp biên, ở đây, địch thường cho thám báo, biệt kích sang hoạt động quấy phá, bắn tỉa, bắt cóc, dụ dỗ cán bộ, chiến sĩ, đồng bào ta, do đó nhiệm vụ của cụm chiến đấu này là khép kín biên giới, không để địch lấn chiếm, lọt vào nội địa ta, chống mọi hành động quấy phá của địch. Lực lượng sản xuất ở đây cũng phải được bố trí theo từng tổ, từng nhóm để chống địch bắt cóc, ám hại, dụ dỗ, mua chuộc, chia rẽ nội bộ ta. Có lực lượng tuần tra, canh gác, phục kích ở những nơi hiểm yếu v.v.

Nhiệm vụ của mỗi cụm chiến đấu tuy có khác nhau nhưng tựu trung đều phải bảo đảm giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm trong sạch địa bàn, chống mọi thủ đoạn phá hoại của kẻ địch, bảo vệ sản xuất, kịp thời đánh thắng địch, giữ vững biên cương của Tổ quốc.

Vùng kinh tế và cụm chiến đấu liên hoàn phải là một khối thống nhất và tác động lẫn nhau. Có xây dựng và phát triển kinh tế mới tạo được nguồn lương thực, thực phẩm, hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu tại chỗ, bảo đảm cho quốc phòng vững mạnh. Ngược lại, có cụm chiến đấu liên hoàn vững mạnh mới đủ sức đánh bại mọi âm mưu, hành động phá hoại của kẻ thù, bảo vệ sản xuất, đời sống và giữ vững biên cương.

Việc chia huyện thành ba tuyến: tuyến trước, tuyến sau, hậu cứ cũng quán triệt tinh thần bám trụ để sản xuất, chiến đấu, giữ vững biên giới. Tuyến trước gồm các xã giáp biên, tuyến sau gồm các xã kế cận và hậu cứ gồm các xã ở sâu trong nội địa. Tuyến trước thường phải đối đầu với mọi hành động phá hoại, quấy nhiễu của địch, do đó; việc bố trí dân cư, sắp xếp cơ sở vật chất, kỹ thuật, kho tàng, lực lượng phải sao cho gọn nhẹ, dễ cơ động để khi có chiến sự kịp thời đánh địch, bảo đảm an toàn cả người và của. Tuyến sau và hậu cứ tuy xa địch, có thể an toàn hơn nhưng không có nghĩa là địch không phá hoại bằng nhiều cách, thậm chí chúng có thể đồ bộ, đánh phá bằng máy bay, pháo cỡ lớn, hoặc cho thám báo, biệt kích hoạt động gây rối. Do đó, ở tuyến nào cũng phải cảnh giác, có phương án và lực lượng đánh thắng địch trong mọi tình huống.

Muốn cho các vùng kinh tế, các cụm chiến đấu và các tuyến hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình thì từng xã, từng làng, từng bản phải vững mạnh về mọi mặt. Vì vậy, chúng tôi đã đề ra tiêu chuẩn một xã vững mạnh là:

- Có đảng bộ xã vững mạnh.
- Có chính quyền và các tổ chức quần chúng vững vàng, trong sạch.
- Xây dựng được thế trận phòng thủ, có các phương án sản xuất, chiến đấu, bảo đảm chiến thắng trong mọi tình huống.
- Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố, tăng cường lòng tin của quần chúng đối với Đảng.
- Xây dựng phong trào hợp tác xã vững mạnh, sản xuất phát triển, bảo đảm đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân. Hoàn thành và thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Việc tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ sản xuất, đời sống, chiến đấu cũng như tăng thêm sức mạnh cho huyện mà còn là sức hút nhân dân bám trụ trên địa bàn của mình. Trong những năm tới, chúng tôi sẽ ra sức cố gắng xây dựng các cơ sở giao thông, bưu điện, thủy điện, thủy lợi, cơ khí, các trạm trại, kho tàng, các cơ sở y tế, văn hóa, giáo dục, cửa hàng, chợ v.v... Ngay ở một số xã giáp biên như: Quốc Khánh, chúng tôi cũng sẽ xây dựng ở đây các công trình như nhà văn hóa, nhà bảo tàng; nhà truyền thống v.v.—Mỗi công trình như thế đều phải quán triệt tinh thần kết hợp chặt chẽ kinh tế — văn hóa — quốc phòng, đưa lại hiệu quả cao nhất trong thời bình cũng như khi có chiến tranh.

Một trận tuyến rất quan trọng, có tính chất quyết định mà chúng tôi đã và đang xây dựng là *trận tuyến lòng dân*. Trên cơ sở tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, chúng tôi thường xuyên chú trọng và làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, làm trong sạch địa bàn, phát động quần chúng, nâng cao giác ngộ, lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, mài sắc cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ biên giới của Tổ quốc. Chỉ có xây dựng vững chắc trận tuyến lòng dân, chúng tôi mới đủ sức chốt giữ vững vàng trên 50 km biên giới mà ngày đêm địch nhòm ngó, tăng cường phá hoại nhiều mặt. Do xây dựng tốt trận tuyến lòng dân, cho nên trong thời gian qua chúng tôi đã diệt và bắt 6 tên thám báo của địch, bắt 38 tên định vượt biên sang Trung quốc, phá một tổ chức chính trị phản động, phát hiện 4 vụ móc nối với Trung quốc, ngăn được hàng chiến tranh tâm lý thâm nhập vào nội địa ta.

Mấy năm qua, do bước đầu thực hiện quy hoạch, kế hoạch trên, sản xuất ở Trảng định ngày càng phát triển, đời sống nhân dân ngày càng

Đen định, biên cương được giữ vững. an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Càng khó khăn, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, khối đoàn kết giữa các dân tộc, giữa quân với dân càng được tăng cường. Đến nay trên 93% số hộ nông dân đã tham gia hợp tác xã sản xuất. Càng giáp biên giới, số hộ vào hợp tác xã càng cao, có nơi đạt 100%.

Từ đầu tháng 4 đến đầu tháng 5-1984, trong 40 ngày đêm, bọn bành trướng bá quyền Trung quốc đã bắn hàng vạn quả đạn pháo, cối các loại vào huyện chúng tôi. Đặc biệt nghiêm trọng là ngày 6-4-1984, địch đã dùng một số tiểu đoàn bộ binh lẫn chiếm các điểm cao 636, 820 thuộc xã Quốc khánh. Nhưng các chiến sĩ đơn vị H, đoàn 37 cùng quân và dân các xã Quốc khánh, Đội Cấn, Tri Phương... đã anh dũng chiến đấu, tiêu diệt nhiều địch, quét sạch chúng ra khỏi các điểm cao đó, dập tan ngay từ đầu âm mưu lấn chiếm của chúng. Trong những ngày chiến đấu ác liệt ấy, huyện chúng tôi vẫn vững vàng thế trận. Nhân dân các dân tộc vẫn bình tĩnh, phối hợp với bộ đội đánh địch, địch đi mọi hoạt động lại bình thường.

Năm năm qua, tuyến biên giới của chúng tôi vẫn được giữ gìn vững chắc. Mặc dù có chiến sự nhưng sản xuất vẫn được bảo đảm. Lúa chiêm xuân của chúng tôi năm nay khá tốt, năng suất bình quân cả huyện đạt gần 30 tạ/ha. Có những xã như Đại đồng, Đề Thám đạt 35 tạ/ha. Những xã giáp biên như Quốc khánh, Đội Cấn... vẫn cấy hết diện tích và đạt năng suất khá cao. Tuy còn nhiều vất vả nhưng huyện chúng tôi vẫn thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, hoàn thành tốt và có những mặt vượt chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao.

Con đường đi lên của huyện chúng tôi còn nhiều khó khăn, gian khổ, phức tạp và quyết liệt, có khi phải trả bằng xương, bằng máu, nhưng được sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy Lạng sơn, được sự động viên, cổ vũ, ủng hộ tích cực của các ngành, các cấp và của đồng bào cả nước, phát huy truyền thống *dũng bộ huyện vững mạnh*, chúng tôi quyết tâm làm tròn nhiệm vụ cao cả, thiêng liêng của mình: xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc một huyện biên cương của Tổ quốc thân yêu.

Yên minh phấn đấu xây dựng thành huyện chiến đấu và sản xuất tốt

NGUYỄN ĐÌNH MIÊN

Bí thư Huyện ủy Yên minh

YÊN MINH là một huyện vùng cao biên giới phía bắc tỉnh Hà tuyền, có đường biên giới với Trung quốc dài 25 km, diện tích đất đai là

800 km², dân số 40 000 người, gồm 15 dân tộc anh em sống xen kẽ với nhau là Mông, Tày, Nùng, Dao, Giáy, v.v. Dân tộc đông nhất là Mông chiếm

41%. Dân tộc ít nhất là Pu péc chiếm 0,05%. Các dân tộc đã nêu cao tinh thần đoàn kết, gần bó với nhau để chiến đấu bảo vệ biên giới của Tổ quốc và đẩy mạnh sản xuất, tự lực vươn lên giải quyết vấn đề lương thực, cải thiện các mặt khác. Nghị quyết tháng 2-1984 của Huyện ủy chúng tôi đã một lần nữa xác định rõ nội dung xây dựng huyện là: "Nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, làm tốt công tác an ninh, đối phó có hiệu quả và làm thất bại mọi thủ đoạn, hành động phá hoại nhiều mặt của địch, đảm bảo cho quân và dân trụ lại trên địa bàn biên giới vừa chiến đấu và sản xuất, vừa tự lực vươn lên khai thác đến mức cao nhất lao động, đất đai và tiềm năng sẵn có của huyện". Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Yên minh, đồng bào các dân tộc trong huyện đã có nhiều cố gắng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, từng bước phấn đấu xây dựng Yên minh trở thành huyện chiến đấu và sản xuất tốt.

I - Bảo đảm chiến đấu tốt, gần liền với bảo vệ vững chắc an ninh.

Từ lâu bọn bành trướng bá quyền Trung quốc đã có nhiều hành động khiêu khích và xâm lấn vùng biên giới thuộc huyện chúng tôi. Từ cuối tháng 3-1984, bọn chúng đã tăng cường mọi lực lượng và phương tiện chiến tranh áp sát đường biên. Chúng mở đường ô tô, đào hầm hào, xây dựng công sự, trận địa. Chúng thường xuyên bắn phá các mục tiêu quan trọng của ta trên biên giới, tung thâm báo sang ta đề dọa la tin tức và điều tra lực lượng của ta... Đặc biệt là trong tháng 4-1984, không một ngày nào chúng không bắn sang huyện chúng tôi bằng nhiều loại vũ khí lớn như pháo 122 ly, 152 ly, H12, cối 120, v.v. Chúng bắn ác liệt suốt ngày

đêm vào các điểm tựa. Riêng ở núi Bạc, chỉ trong 5 ngày từ 2-4 đến 6-4 chúng đã bắn tới 3 716 quả đạn pháo các loại trên một mảnh đất không đầy 2 500 m². Sáng 30-4 sau khi bắn 3 000 quả đạn mở đường, chúng đã dùng hàng sư đoàn bộ binh tiến công vào các điểm tựa của ta trên toàn tuyến biên giới, gây nhiều thiệt hại về người và của trong huyện. Thâm độc hơn, chúng còn gài mìn vào nương ngô, bờ thóc để giết hại dân thường.

Những hành động này lại một lần nữa xác nhận thêm âm mưu thâm độc của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc là đẩy mạnh cuộc chiến tranh phá hoại, lấn chiếm và gặm nhấm dần đất đai của Tổ quốc ta. Nhận rõ âm mưu này, đảng bộ chúng tôi đã xác định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của huyện là nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu thắng lợi để bảo vệ biên cương của Tổ quốc. Vấn đề trọng tâm xây dựng huyện của chúng tôi lúc này là kiện toàn các cơ quan quân sự và an ninh, các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể, đặc biệt là củng cố các xã vùng biên giới về mọi mặt, xây dựng cho được ý chí quyết đánh, quyết thắng của toàn Đảng, toàn dân trong huyện, phát động cuộc chiến tranh nhân dân địa phương, huy động sức mạnh tổng hợp, phát huy truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc, đoàn kết quân dân để đánh thắng mọi âm mưu và hành động phá hoại, xâm lược của kẻ thù.

Thời gian qua, tuy địch đã dùng một lực lượng binh lính rất lớn và hỏa lực mạnh đánh ác liệt vào toàn tuyến biên giới của huyện, nhưng quân và dân chúng tôi đã bình tĩnh giương trả quyết liệt, tiêu diệt gần 2 000 tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch. Các chiến sĩ tiêu đoàn 3 bộ đội địa phương, quân và dân xã Phú lũng, xã Bạch

địch... là những tấm gương tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu dũng cảm, kiên cường bám trụ, tiêu diệt nhiều địch.

Những gì đã xảy ra trong thời gian qua là thử thách lớn đối với sự chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu của nhân dân các dân tộc Yên minh từ sau cuộc chiến tranh xâm lược của địch tháng 2-1979.

Đề có thể chiến đấu tốt, điều quan tâm trước tiên của đảng bộ huyện chúng tôi là *giáo dục cho nhân dân các dân tộc thật sự nhận rõ được kẻ thù, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chuyển hướng kịp thời mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến.*

Đồng bào các dân tộc ở vùng biên giới thường có mối quan hệ họ hàng thân tộc chẳng chịt với nhân dân các dân tộc ở bên kia biên giới. Chẳng hạn, xã Bạch địch có tới 90% số người có mối quan hệ ấy. Bọn phản động Bắc kinh thường lợi dụng những quan hệ thân tộc này để lừa bịp đồng bào ta, tung ra những luận điệu giả dối để bào chữa cho những hành động tội ác của chúng. Chúng tôi đã lấy những hành động thực tế của chúng, sự mâu thuẫn giữa lời nói và việc làm của chúng, và dùng lý lẽ của đồng bào các dân tộc, để vạch trần thủ đoạn lừa dối của địch.

Với cách tuyên truyền giáo dục dễ hiểu như vậy, chúng tôi đã làm cho đồng bào các dân tộc trong huyện ngày càng nhận rõ kẻ thù, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ Tổ quốc và lòng căm thù đối với bọn bành trướng bá quyền Trung quốc, sẵn sàng đánh trả và tiêu diệt chúng một khi chúng liều lĩnh xâm phạm biên giới của Tổ quốc.

Nhờ sự chuẩn bị tương đối tốt về tư tưởng và tổ chức, nhân dân các dân tộc đã có thể chuyển hướng kịp thời mọi mặt từ thời bình sang thời chiến. Đồng bào đã đóng góp nhiều ngày công cũng cố phòng tuyến biên giới vững chắc để lực lượng quân sự có thể bám

trụ tiêu diệt địch. Đồng đảo dân quân và các tầng lớp nhân dân đã hăng hái tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, bảo đảm các công tác trong thời chiến. Đồng bào các dân tộc đã làm đầy đủ nghĩa vụ về lương thực, thực phẩm. Nhiều nơi, đồng bào sẵn sàng bán hoặc ủng hộ rau, củ, lương thực, thực phẩm cho bộ đội. Thực hiện chủ trương của huyện, đồng bào các xã vùng biên giới và các xã phía sau đã tích cực tham gia việc bố trí lại các khu dân cư, sắp xếp lại lực lượng ở các tuyến để có thể vừa chiến đấu tốt, vừa sản xuất tốt.

Điểm nổi bật của huyện Yên minh trong chiến đấu là đã *phát động được chiến tranh nhân dân địa phương, tạo nên sức mạnh tổng hợp của đồng bào các dân tộc để đánh thắng quân thù.* Mặc dù địch dùng một lực lượng lớn với sự yểm trợ mạnh mẽ và dày đặc của đạn pháo các loại để áp đảo, nhưng dân quân và nhân dân nhiều xã đã tìm ra cách đánh cơ động, linh hoạt, có thể bám trụ, tiến công tiêu diệt nhiều địch mà vẫn bảo vệ được mình. Lực lượng vũ trang ở xã Bạch địch, xã Phú lũng đã đánh địch rất linh hoạt, sáng tạo: đánh cả ở trong dải, trong tuyến, ngoài dải, ngoài tuyến, đánh cả trong điều kiện mất liên lạc với cấp trên, phát triển được thế trận cả bề rộng lẫn bề sâu, làm rối loạn đội hình địch, tiêu hao nhiều sinh lực địch, tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực tiêu diệt địch. Bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, dân quân tự vệ và cả nhân dân phối hợp chặt chẽ với nhau, tạo nên sức mạnh tổng hợp tại chỗ đánh thắng địch nhiều trận trên tuyến biên giới.

Chiến tranh nhân dân địa phương ở huyện chúng tôi còn thể hiện ở chỗ đồng bào các dân tộc trong huyện đã phục vụ chiến đấu, tổ chức hậu cần tại chỗ bằng nhiều hình thức thiết thực. Chúng tôi đã có những bản làng làm giao thông, huy động được nhiều

lứa tuổi tham gia, có thể làm cả ngày lẫn đêm tùy theo hoàn cảnh của các gia đình trong bản, cho nên đã rút ngắn được thời gian hoàn thành, có con đường định làm trong 3 tháng, nhưng nhân dân tập trung làm chỉ trong 20 ngày là xong. Riêng 6 tháng đầu năm 1984, nhân dân đã đóng góp mấy nghìn cây gỗ làm hầm, lán trại, cột điện; vận chuyển hàng nghìn tấn hàng trên chiều dài tổng cộng mấy vạn km; dân quân tự vệ đã đào đắp hàng vạn mét khối đất đá, làm hàng vạn công sự.

Nhờ phát động được chiến tranh nhân dân địa phương mà mỗi tình đoàn kết giữa các dân tộc với nhau, giữa các dân tộc với lực lượng vũ trang càng thêm gắn bó. Khi lực lượng vũ trang nhân dân đánh địch ở tuyến trước như ở núi Bạc, xã Bạch dịch, xã Phú lũng thì đồng bào ở tuyến sau lo liệu tiếp tế, đưa đón thương binh, tiếp nhận và bảo đảm chu đáo nơi ăn chốn ở cho bà con phía trước sơ tán về. Nhân dân các dân tộc đã coi các chiến sĩ như con em của mình, sẵn sàng làm những gì có thể làm được để chi viện cho các chiến sĩ lập công. Đồng bào đã quyên góp hàng tấn thực phẩm cho bộ đội, hàng nghìn cây gỗ giúp bộ đội làm hầm hào, hàng trăm nghìn đồng để mua tặng phẩm cho bộ đội. Các cơ quan đóng trên địa bàn huyện như bưu điện, y tế, cửa hàng lương thực, cửa hàng thương nghiệp, v.v. cũng bám trụ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình và tích cực giúp đỡ bộ đội.

Muốn chiến đấu tốt, điều rất quan trọng là phải gắn chặt với bảo đảm an ninh, làm trong sạch địa bàn, bảo vệ các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng. Đây cũng là vấn đề mà Huyện ủy chúng tôi rất coi trọng. Bởi vì, Yên minh trước kia nằm trong huyện Đồng văn là hang ổ của bọn phản động quốc dân đảng, đến năm 1963 mới tách riêng ra. Năm 1959, đặc

vụ Trung quốc đã kích động bọn phản động địa phương nổi dậy bạo loạn ở 8 xã. Từ ngày bọn phản động Trung quốc trở mặt xâm lược nước ta thì bọn xấu trong người Hoa lại móc nối với bọn phản động cũ tiến hành những hoạt động phá hoại trật tự an ninh trong huyện.

Để hỗ trợ cho những hành động xâm lấn biên giới, bọn phản động Bắc kinh đã ra sức dùng chiến tranh tâm lý để mua chuộc nhân dân, chia rẽ nhân dân các dân tộc, chia rẽ quân với dân, hòng làm suy yếu lực lượng của ta. Thời gian vừa qua, địch đã dùng nhiều thứ như vải, phích nước, đèn pin, nông cụ..., và cả truyền đơn tung sang huyện chúng tôi bằng nhiều cách để mua chuộc đồng bào. Bọn chúng còn dùng người xấu rỉ tai đồng bào các dân tộc thuộc các xã biên giới nhằm vu khống và đả kích chính sách của Đảng ta. Trong thời gian có chiến sự, chúng bắt cóc dân ta, lừa phỉnh dân ta quay lại làng cũ trong sự « bảo vệ, giúp đỡ » của chúng. Chúng lợi dụng một số sơ hở trong quan hệ giữa các dân tộc, giữa quân và dân, tung tin bịa đặt về dân tộc này hay dân tộc kia để chia rẽ nội bộ các dân tộc, chia rẽ tình đoàn kết quân dân.

Bọn phản động Trung quốc vẫn thường xuyên tung biệt kích thâm báo sang để điều tra tình hình và phá hoại các cơ sở kinh tế, quốc phòng của ta, đồng thời thực hiện âm mưu xây dựng chính quyền hai mặt ở những xã biên giới, làm cầu nối cho hành động xâm lược của chúng.

Để chống lại những âm mưu và hành động phá hoại đó, chúng tôi đã bằng nhiều cách thích hợp làm cho đồng bào các dân tộc hiểu rõ những âm mưu đen tối và bộ mặt xấu xa, tàn ác của bọn hành trưởng bá quyền Trung quốc, không tin và nghe theo chúng, không dùng hàng chiến tranh tâm lý của chúng, v.v. Chúng tôi đã

dây mạnh việc truy quét bọn gián điệp, phát hiện và trừng trị các cơ sở nội gián của địch, chấn chỉnh lại các tổ chức cách mạng ở cơ sở để bảo đảm sự trong sạch và vững mạnh trong các cơ sở của ta, sửa chữa những thiếu sót trong quân lý kinh tế, khắc phục và ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực, tạo không khí phấn khởi và tin tưởng trong nhân dân. Chúng tôi đã chú trọng dây mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng lũy thép biên phòng trong lòng dân.

Nhờ vậy, chúng tôi đã kịp thời phát hiện những hiện tượng nghi vấn và trong 6 tháng đầu năm không hề xảy ra một vụ vượt biên nào. Tình hình trật tự an ninh được bảo đảm tốt, đã phục vụ đắc lực cho chiến đấu.

II - Phát triển sản xuất, tự lực vươn lên giải quyết vấn đề lương thực.

Mặc dù xác định chiến đấu bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ trọng tâm số một, nhưng chúng tôi không lúc nào coi nhẹ nhiệm vụ phát triển sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân, bảo đảm hậu cần tại chỗ cho chiến đấu. "Chiến đấu để bảo vệ sản xuất, sản xuất để chiến đấu tốt", đó là khẩu hiệu của chúng tôi.

Những năm trước đây huyện chúng tôi sản xuất không đủ ăn, hằng năm tỉnh và trung ương phải cứu trợ. Từ năm 1983 đến nay, chúng tôi đã tự giải quyết được vấn đề ăn cho nhân dân và phần nào đã có đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước. Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi đã xác định: công việc hàng đầu trong sản xuất của chúng tôi là tự lực vươn lên giải quyết vấn đề lương thực. Trong sản xuất lương thực, chúng tôi chú trọng phát triển hai cây lúa và ngô. Diện tích cây lúa và trồng ngô không nhiều: 1300 ha cây lúa, chủ yếu là cây lúa một vụ, còn lại 250 ha cây lúa hai vụ, và 4900 ha

trồng ngô. Đã thế, hằng năm đất canh tác còn bị hao hụt do xói mòn. Ngoài ra còn có những khó khăn khác như mùa hè thì khô, hạn, mùa đông thì rét đậm, băng giá. Có những vụ phải gieo mạ tới hai, ba lần. Những xã giáp biên giới thường bị pháo địch bắn sang, cây nất cá ruộng rẫy, giết hại người và gia súc, làm cho nhiều nơi không thể sản xuất được.

Biện pháp hàng đầu để tăng năng suất cây trồng ở huyện chúng tôi là thâm canh theo cách gắn đất với rừng, trồng rừng và bảo vệ rừng để giữ đất canh tác và có nước tưới ruộng, ngăn cấm phá rừng để mở rộng đất trồng, đồng thời tập trung làm một số công trình thủy lợi, tăng phân bón, chọn giống tốt, cải tạo những vùng đất bạc màu. Ở các xã biên giới thì bám đất, giành giật với địch từng thước đất để sản xuất.

Nhờ những cố gắng như vậy, dù gặp nhiều khó khăn về địch họa, thiên tai, chúng tôi vẫn bảo đảm được diện tích trồng trọt, thậm chí 6 tháng đầu năm 1984 còn tăng hơn so với năm 1983: diện tích lúa xuân tăng 105%, ngô tăng 107%, năng suất lúa bình quân trước đây là 25 tạ/ha một vụ nay lên 32 tạ/ha một vụ.

Bên cạnh cây lương thực, chúng tôi đã chú ý phát triển một số cây công nghiệp, cây thực phẩm, cây dược liệu, phát triển đàn gia súc để cải thiện đời sống nhân dân. Hiện nay, toàn huyện chúng tôi đã có đàn gia súc trên 15 000 con trâu bò, 4 000 con ngựa và trên 20 000 con lợn.

Đi đôi với vấn đề ăn, chúng tôi quan tâm giải quyết vấn đề mặc. Số vải mà hằng năm Nhà nước cung cấp cho huyện chúng tôi không đáp ứng được yêu cầu về mặc của đồng bào các dân tộc. Vì vậy, đồng bào đã tự trồng bông, lanh, tự dệt lấy vải mặc. Những năm gần đây, chúng tôi đã động viên nhân dân tận dụng đất rừng, đất gò đồi, trồng nhiều bông, lanh hơn nữa để có vải mặc. Đến nay,

chúng tôi đã tự túc được 4m vải binh quân/năm cho mỗi người. Đây là một cố gắng lớn thể hiện tinh thần tự lực tự cường vươn lên của đồng bào các dân tộc trong huyện chúng tôi.

Ngoài ra, chúng tôi chú ý thực hiện kế hoạch phát triển các ngành nghề thủ công và công nghiệp địa phương, đẩy mạnh công tác y tế, văn hóa, giáo dục, nhằm từng bước xây dựng cơ cấu nông-lâm-công nghiệp, làm cho nền kinh tế của huyện chúng tôi phát triển một cách toàn diện, đáp ứng những yêu cầu của chiến đấu, sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước.



Có được những thành tích trên đây là do nhiều nguyên nhân, trong đó có một số nguyên nhân chính:

1 - Chúng tôi luôn luôn bám sát các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh để lãnh đạo nhân dân chiến đấu và sản xuất, kịp thời có những chủ trương sát đúng trong từng thời gian cụ thể. Trong quá trình chỉ đạo, chúng tôi luôn luôn tôn trọng nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, bảo đảm thực hiện đúng chủ trương và nghị quyết của Đảng, đồng thời phát huy mạnh mẽ tính sáng tạo, linh hoạt và nhiệt tình cách mạng của từng cơ sở, từng cán bộ, đảng viên.

2 - Biết sử dụng sức mạnh tổng hợp của toàn dân, khai thác được tiềm năng của đồng bào các dân tộc, bước đầu xây dựng được thế trận chiến tranh nhân dân địa phương để đánh bại những hành động phá hoại, lấn chiếm của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc.

3 - Phát huy được truyền thống đoàn kết keo sơn giữa nhân dân các dân tộc, giữa quân và dân, thực hiện quân với dân một ý chí.

4 - Được sự chỉ đạo rất sát sao và giúp đỡ tận tình của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ban, ngành của tỉnh, của trung ương và sự động viên cổ vũ của nhân dân cả nước.

Trong thời gian tới, để đối phó với tình hình có thể diễn biến còn khó khăn và phức tạp hơn, chúng tôi tiếp tục giáo dục nhân dân các dân tộc hiểu rõ và làm tốt hai nhiệm vụ trọng tâm là chiến đấu và sản xuất; tổ chức rút kinh nghiệm về các mặt trong thời gian chiến đấu và sản xuất vừa qua; phát huy những thắng lợi đã đạt được, mở rộng những hình thức chiến tranh nhân dân địa phương như ở các xã Phú lũng, Bạch diêm. Chúng tôi tổ chức lại bản làng chiến đấu và sản xuất cho phù hợp với tình hình địch có thể đánh ác liệt hơn, củng cố tuyến 2, tu sửa hầm hào để bám trụ tốt. Có kế hoạch phòng tránh, bảo đảm sản xuất tốt hơn. Nghiên cứu và đề nghị với cấp trên bổ sung một số chính sách cho phù hợp với những yêu cầu công tác ở vùng cao, và có sự giúp đỡ cần thiết, kịp thời đối với huyện chúng tôi nhằm đáp ứng được yêu cầu của chiến đấu và sản xuất trong thời gian tới.



Nghiên cứu

về các quy luật của cách mạng xã hội
chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội*

**Bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội,
chống sự phá hoại của kẻ thù bên ngoài và bên trong**

QUYẾT TIẾN

ĐÂY là một quy luật mà những người cộng sản và nhân dân lao động ở bất cứ nước nào tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa đều phải nhận thức sâu sắc và thực hiện nghiêm túc.

Thật vậy Lê-nin đã từng nói rằng: « một cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi biết tự vệ ». Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa lại càng phải như vậy, bởi vì kẻ thù của chủ nghĩa xã hội không bao giờ tự nguyện rút lui khỏi vũ đài lịch sử mà không phản kích lại, trái lại chúng tìm trăm phương nghìn kế để chống lại giai cấp vô sản và nhân dân lao động đã chiến thắng chúng, hồng giành lại cái « thiên đường » đã mất.

Những người cách mạng vô sản cần ghi nhớ lời nói sau đây của Lê-nin: « Bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa cộng sản, là cả một thời đại lịch sử. Chứng nào mà giai đoạn đó chưa chấm dứt, thì bọn bóc lột nhất định vẫn nuôi cái hy vọng hồi phục, hy vọng này ắt sẽ biến

thành những mưu toan đề hồi phục. Sau cuộc thất bại nặng nề lần đầu, bọn bóc lột vốn không hề ngờ là sẽ bị đánh đổ, không mấy may tin là sẽ như thế và không thừa nhận là sẽ như thế, nên chúng lao mình vào trận chiến đấu với một nghị lực tăng gấp mười lần, với một lòng căm thù tăng gấp trăm lần, để chiếm lại cái « thiên đường » đã mất, cho gia đình của chúng trước kia đã từng sống một cuộc đời rất êm ấm, mà ngày nay đang bị « đám dân đen » buộc phải lâm vào cảnh phá sản và bần cùng (hay buộc phải lao động « hèn hạ »...) » (1).

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, những người cách mạng vô sản cần nêu cao cảnh giác đối với kẻ thù giai cấp, không chỉ vì nhiệt tình và nghị lực chiến đấu của chúng

(*) Xem Tạp chí Cộng sản từ số tháng 1 - 1984.

(1) V.I. Lê-nin: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1959, quyển II phần II, tr. 51.

tăng lên gấp bội sau khi đã bị cách mạng đánh đổ, cũng không chỉ vì lòng căm thù của chúng đối với cách mạng tăng lên hơn nhiều, mà còn vì một thời gian lâu sau cách mạng, bọn bóc lột còn giữ được nhiều ưu thế thực tế và đáng kể: chúng còn có tiền bạc, những động sản to lớn, những mối liên hệ, những kỹ năng tổ chức và quản lý, trình độ học vấn cao, những quan hệ gần gũi với những nhân viên kỹ thuật cao cấp (những người này, do đời sống và tư tưởng của họ, vẫn còn có tính chất tư sản), kinh nghiệm rất cao về nghệ thuật quân sự v.v. Đặc biệt đáng chú ý là chúng có những mối liên hệ mạnh mẽ và vững chắc với bọn tư bản quốc tế, hơn nữa chúng có thể lực ở sức mạnh của tập quán ở sức mạnh của nền sản xuất nhỏ, mà nền sản xuất nhỏ này thì từng ngày từng giờ luôn luôn đẻ ra chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản một cách tự phát và trên quy mô rộng lớn.

Kẻ thù ở trong nước, theo Lê-nin, có nhiều loại. Đó chủ yếu và trước hết là bọn bóc lột, tức giai cấp tư sản và giai cấp địa chủ đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn. Đó là bọn bạch vệ, tức lực lượng vũ trang phản cách mạng của bọn bóc lột ấy. Đó là bọn gián điệp, bọn phá hoại tay sai của các giai cấp bóc lột và lực lượng vũ trang phản động của chúng. Đó là bọn công chức, bọn quan lại là những kẻ ủng hộ giai cấp tư sản, vì chúng nghĩ rằng bảo vệ chế độ cũ là bảo vệ những lợi ích của xã hội. Đó là bọn đảng phái phản động đang học cách hóa trang làm người « không đảng ». Đó còn là bọn ăn cắp và bọn lưu manh là lớp người trụy lạc, hoàn toàn bị xã hội cũ đè bẹp và không thể vươn lên đến tư tưởng đấu tranh vô sản được v.v.

Kẻ thù ở ngoài nước, đương nhiên chủ yếu là chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Ngay từ thời Lê-nin, nó còn gồm cả bọn tư bản, những tên phản

cách mạng khản và những viên chức cũ không thể thích ứng với chính quyền cách mạng, đã trốn thoát ra nước ngoài. « Chúng ở lại đây, chúng còn sống, và chờ thời cơ. Vì thế, phải quan sát chúng cho kỹ càng, nhất là chúng không phải là những người lãnh nạn thường. Không, chúng là bọn tay sai trực tiếp của tư bản thế giới, chúng lĩnh lương trong ngân sách của bọn đó và hoạt động ăn khớp với bọn đó » (2), đó là lời căn dặn của Lê-nin.

Mục đích của kẻ thù giai cấp, bao giờ cũng là nhằm tiêu diệt chính quyền cách mạng, tiêu diệt Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của những người lao động. Và để đạt đến mục đích bản thân ấy, chúng tiến hành phá hoại trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, văn hóa và tư tưởng, cho đến tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược. Thủ đoạn hoạt động của chúng, khi thì ngấm ngấm, tinh vi, khi thì công khai, trắng trợn. Biện pháp phá hoại của chúng có đủ loại: tổ chức lân công, bãi công để phá hoại những biện pháp của chính phủ nhằm thực hiện những cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa; phá hủy máy móc, kho tàng, phá hoại việc vận tải, nhất là vận tải lương thực cho nhân dân khi đang có nạn đói xảy ra; nhện nhóm các tổ chức phản động để khi có dịp thì gây nên những cuộc bạo loạn phản cách mạng; tiến hành những hoạt động gián điệp, những sự tác động đến tư tưởng quần chúng để làm cho họ bất mãn đối với chính quyền xô viết; tiến hành can thiệp quân sự hoặc xâm lược khi có thời cơ v.v. Đáng chú ý là, như Lê-nin đã nói, chúng lân trốn, nấu hình, thường hay ngụy trang dưới bộ áo « bảo vệ » « xô viết ». Nhiều tên chui lủn vào các cơ sở sản xuất quốc doanh hoặc vào các cơ quan Nhà nước, làm những viên

(2) V.I. Lê-nin: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1959, quyển II, phần II, tr. 477.

chức xô viết; và chúng luôn luôn rình những khuyết điểm và sai lầm của chính quyền xô viết để lật đổ chính quyền ấy.

Đối với tất cả những kẻ thù trong và ngoài nước ấy, thái độ của cách mạng phải như thế nào?

Lê-nin cho rằng, như Mác và Ăngghen đã giải thích, phải thực hành chuyên chính để đập tan sức phản kháng của giai cấp tư sản; để làm cho bọn phản động phải khiếp vía; để giữ vững quyền uy của nhân dân vô trang chống lại giai cấp tư sản; và để giai cấp vô sản có thể trấn áp bằng vũ lực các kẻ thù của mình.

Lê-nin nhấn mạnh rằng: những người cách mạng vô sản phải trấn áp sự kháng cự của các giai cấp hữu sản bằng tất cả mọi biện pháp mà chúng đã dùng để trấn áp giai cấp vô sản, bởi vì người ta chưa phát minh ra được những biện pháp nào khác.

Lê-nin cho rằng, đối với những âm mưu phá hoại của kẻ thù giai cấp, những người cách mạng không thể trả lời một cách nào khác hơn là đàn áp thẳng tay, mau lẹ, ngay lập tức, dựa vào sự đồng tình của công nhân và nông dân. Và để làm được điều đó, một mặt cần phải củng cố và tăng cường nền chuyên chính vô sản, đặc biệt là các cơ quan trấn áp của chuyên chính ấy tức cơ quan an ninh và quân đội cách mạng; mặt khác phải giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng cho nhân dân lao động và động viên họ đứng dậy bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ chính quyền xô viết.

Năm 1919, giữa lúc cuộc nội chiến diễn ra gay gắt, Lê-nin kêu gọi nhân dân hãy đề phòng bọn gián điệp như sau: « Tất cả các công nhân và nông dân giác ngộ phải đứng lên bảo vệ Chính quyền xô viết, phải vùng lên đề đấu tranh chống bọn gián điệp và bọn bạch vệ phản quốc. Mọi người đều phải ở tại vị trí canh phòng của

mình và phải giữ mối liên hệ thường xuyên, được tổ chức theo lối quân sự, với các cấp ủy Đảng, với các Ủy ban đặc biệt (tức các cơ quan an ninh - QT), và với những đồng chí chắc chắn nhất và giàu kinh nghiệm nhất trong các cán bộ xô viết » (3).

Như vậy, dựa vào nhân dân, dựa vào tinh thần cảnh giác, ý thức giác ngộ và lực lượng của họ để trấn áp sự phản kháng của kẻ thù giai cấp đảm bảo vệ những thành quả của cách mạng, đó là một trong những tư tưởng quan trọng nhất của Lê-nin về vấn đề này.

Cùng với tư tưởng quan trọng ấy, Lê-nin rất coi trọng củng cố các cơ quan an ninh mà Người coi là một vũ khí sắc bén của cách mạng để chống lại những âm mưu và hoạt động phá hoại của kẻ thù. Lê-nin còn đặc biệt nhấn mạnh tính tất yếu của việc duy trì trật tự cách mạng, kỷ luật cách mạng. Người cho rằng: « Hễ hơi làm trái luật pháp, hơi làm mất trật tự xô viết một chút, thế là đã có một lỗ hổng cho bọn thù địch của người lao động lợi dụng ngay ». Người nhấn mạnh rằng, trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù giai cấp thì kỷ luật cách mạng cần phải được đề cao tới tột độ.

Lê-nin cũng đã đề ra một loạt luận điểm quan trọng về cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của những người lao động, về việc xây dựng Hồng quân để chống sự xâm lược của kẻ thù bên ngoài.

Trái với bọn lãnh tụ phản bội của Quốc tế thứ hai, tức bọn xã hội số vanh núp dưới danh nghĩa « bảo vệ Tổ quốc » để phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản nước chúng, Lê-nin chủ trương biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến, để bảo vệ lợi ích chân chính của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nhưng khi nhân dân lao động đã giành được chính quyền rồi.

(3) V.I. Lê-nin: *Tổng tập* Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va. 1977, tập 38, tr. 480-481.

đã có Tò quốc của mình rồi, thì Lê-nin lại kiên quyết chủ trương bảo vệ Tò quốc xã hội chủ nghĩa chống lại những hoạt động phá hoại và xâm lược của bọn đế quốc và tay sai của chúng.

Để bảo vệ Tò quốc xã hội chủ nghĩa, Lê-nin đòi hỏi phải có một thái độ nghiêm túc khi bàn đến khả năng quốc phòng và việc chuẩn bị cho đất nước sẵn sàng chiến đấu. Lê-nin cho rằng « Tăng cường việc sẵn sàng chiến đấu để tiến hành chiến tranh một cách nghiêm chỉnh đòi hỏi không phải một sự cao hứng, một lời kêu gọi, một khẩu hiệu chiến đấu mà đòi hỏi một công tác có kỷ luật, kiên trì, không mệt mỏi, và lâu dài trên một quy mô rộng lớn » (4). Phải chuẩn bị đất nước về mọi mặt : cả quân sự lẫn chính trị, cả kinh tế lẫn văn hóa tư tưởng, để có thể chiến thắng kẻ thù xâm lược, bởi vì chiến tranh bao giờ cũng là sự thử thách nặng nề đối với mọi chế độ xã hội.

Để tiến hành chiến tranh thắng lợi, Lê-nin đã tập trung chú ý tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho nhân dân, tăng cường sức phòng thủ của đất nước, tăng cường sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang, xây dựng và củng cố hậu phương, thực hiện khẩu hiệu « tất cả cho chiến tranh », tăng cường chuyên chính vô sản, củng cố khối liên minh công nông, tăng cường bộ máy bạo lực, trấn áp bọn phản cách mạng v.v.

Lê-nin coi nhiệm vụ bảo vệ Tò quốc là nhiệm vụ của toàn dân và cũng là nhiệm vụ quốc tế vĩ đại, bởi vì thắng lợi của nước Nga xô viết chống bọn đế quốc xâm lược là sự góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới. Trong cuộc chiến đấu chống xâm lược, Lê-nin kêu gọi tất cả các xô viết và các tổ chức cách mạng phải bảo vệ từng vi

tri đến giọt máu cuối cùng ; phải huy động mọi tài nguyên, mọi lực lượng của đất nước vào cuộc chiến tranh bảo vệ Tò quốc ; phải làm cho cả nước trở thành một dinh lũy cách mạng.

Trong việc tăng cường sức phòng thủ của đất nước và tăng cường sức chiến đấu của lực lượng vũ trang, Lê-nin đã hết sức chú ý việc xây dựng Hồng quân công nông, đầy mạnh công tác Đảng và công tác chính trị trong Hồng quân, đưa rất nhiều cán bộ và đảng viên vào phục vụ trong quân đội, đồng thời chú trọng việc xây dựng và huấn luyện lực lượng hậu bị, xây dựng và củng cố hậu phương. Người đánh giá rất cao sáng kiến nâng cao năng suất lao động của công nhân ở hậu phương và đặc biệt chú trọng công tác lương thực và giao thông vận tải, đồng thời đề ra nhiều biện pháp rất kiên quyết và có hiệu lực để giải quyết các vấn đề đó.

Trong việc chỉ đạo về mặt quân sự, Lê-nin đã kiên quyết giữ vững và thực hiện cho kỳ được quyết tâm chiến lược đã đề ra. Người kiên quyết tập trung Hồng quân vào mặt trận chính bảo vệ Tò quốc, đồng thời thi hành nhiều biện pháp khác để tăng cường cho mặt trận đó như : động viên thanh niên ra tiền tuyến, đầy mạnh công tác vận tải, tiếp tế lương thực và đạn dược, vũ trang cho các đoàn viên công đoàn ở những vùng sát mặt trận, đưa phụ nữ làm thay công việc của nam giới, phát huy lối làm việc kiểu cách mạng, đầy mạnh công tác tuyên truyền cổ động trong công nhân và nông dân v.v.

Phân tích những thắng lợi của chiến tranh bảo vệ Tò quốc, Lê-nin đã nêu lên nhiều nhân tố, như sự lãnh đạo của Đảng, vai trò tổ chức của Nhà nước xô viết, sức mạnh vô địch của

(4) V.I. Lê-nin : *Ban vệ bảo vệ Tò quốc xã hội chủ nghĩa*. Nxb Quân đội nhân dân. Hà nội. 1965. tr. 26.

Hồng quân dựa vào sự giác ngộ về lý tưởng chính trị, sự nắm vững các trang bị kỹ thuật và vũ khí, sự ủng hộ của toàn dân và chi viện của hậu phương, tinh thần hy sinh quên mình của công nhân và nông dân, sự ủng hộ quốc tế của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước v.v. Song nguồn gốc cơ bản của thắng lợi đã được Lê-nin giải thích như sau: "Một nước yếu, kiệt quệ và lạc hậu mà đã chiến thắng được những nước hùng mạnh nhất thế giới, nếu suy nghĩ đến cùng cái nguồn gốc cơ bản nào đã tạo ra kỳ tích lịch sử ấy, thì chúng ta thấy đó là chế độ tập trung, kỷ luật và tinh thần hy sinh chưa từng thấy..." (5). Đương nhiên, chúng ta hiểu rằng cả chế độ tập trung và kỷ luật, cả tinh thần hy sinh của quần chúng nhân dân đều không tách khỏi vai trò lãnh đạo, tổ chức và giáo dục của Đảng và giai cấp công nhân là những nhân tố, như Lê-nin nói, « đoàn kết được hàng triệu và hàng triệu người lao động ở nước Nga cũng như trên toàn thế giới », tạo ra sức mạnh tổng hợp vô cùng to lớn để đánh thắng kẻ thù xâm lược.

Thực tiễn cách mạng của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đã chứng minh hùng hồn tính đúng đắn của những luận điểm nói trên của Lê-nin về việc bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chống sự phá hoại của kẻ thù bên ngoài và bên trong. Thực tiễn ấy cũng chứng minh tính đúng đắn của lời nói sau đây của Ăng-ghe-n về Công xã Pa-ri: Đảng chiến thắng buộc phải dùng đến vũ khí của mình làm cho bọn phản động phải khiếp sợ, dè dặt trì sự thống trị của mình. Thử hỏi rằng nếu Công xã Pa-ri không nhờ vào quyền uy của nhân dân vũ trang chống lại giai cấp tư sản thì liệu nó có thể đứng vững được quá một ngày không? Trái lại chúng ta há không thể chê trách nó là

đã quá ít sử dụng quyền uy đó hay sao?

Là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, nước Nga xô viết (sau này là Liên-xô) đã phải đương đầu với sự phá hoại và xâm lược vô cùng ác liệt của kẻ thù trong và ngoài nước. Sự phá hoại khi ngấm ngấm, khi công khai của bọn phản cách mạng trong nước diễn ra với quy mô to lớn chưa từng thấy, sau đó đã tiến thành cuộc nội chiến cực kỳ gay gắt; sự xâm lược của 14 nước tư bản đế quốc hòng bóp chết chính quyền xô viết ngay từ trong trứng nước; tất cả hợp thành một nguy cơ vô cùng to lớn đối với những thành quả của Cách mạng Tháng Mười. Song dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Lê-nin và Đảng hôn-sê-vích Nga, giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga với tinh thần cảnh giác cao và tinh thần hy sinh không bờ bến, cùng với Hồng quân vô địch và các lực lượng an ninh của mình, lại thêm có sự ủng hộ quốc tế có hiệu quả, đã chiến đấu vô cùng anh dũng chống mọi kẻ thù giai cấp, cuối cùng đã chiến thắng chúng, bảo vệ được Tổ quốc và chính quyền xô viết của mình. Mấy chục năm sau, Liên-xô lại phải tiến hành cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại chống bọn phát xít Hít-le. Kết quả của cuộc chiến tranh này như ta đã thấy: nhân dân và quân đội Liên-xô đã tiêu diệt hoàn toàn bọn xâm lược Đức, bảo vệ vững chắc Tổ quốc của mình, và góp phần quyết định vào việc cứu loài người khỏi thảm họa phát xít.

Các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng đều phải đấu tranh gian khổ chống những âm mưu và hoạt động phá hoại của kẻ thù giai cấp, mà những biểu hiện nổi bật nhất là các sự kiện phản cách mạng ở Hung-ga-ri (1956), ở Tiệp-khắc (1968) và ở Ba-

(5) V.I. Lê-nin: *Bên về Hồng quân*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1964, tr. 97.

lan (dầu những năm 80). Các sự kiện này chứng tỏ một cách rõ rệt rằng, nhiều năm sau cách mạng xã hội chủ nghĩa, các nhà tư bản cũ, bọn địa chủ cũ, các viên chức, quân nhân và cảnh sát cấp cao cũ, những người khác đại biểu cho bộ máy đàn áp của Nhà nước tư sản cũ vẫn nuôi hy vọng giành lại chính quyền với sự giúp đỡ của chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Đương nhiên, lực lượng của chúng không phải là mối đe dọa nghiêm trọng đối với chế độ xã hội chủ nghĩa. Thường thường, chúng không dám hoạt động công khai Song trong trường hợp những khó khăn khách quan của đất nước đã bị những khuyết điểm và sai lầm chủ quan làm trầm trọng thêm rất nhiều, bọn đế quốc bên ngoài lợi dụng tình hình đó, kích động bọn phản động trong nước gây nên những hiện tượng khủng hoảng và biến những hiện tượng ấy thành những cuộc khủng hoảng chính trị và xã hội sâu sắc, thì lúc đó những thành quả của cách mạng có thể bị đe dọa thật sự. Bởi vậy những người cách mạng cần phải luôn luôn cảnh giác với kẻ thù và phải thường xuyên quan tâm khắc phục những khuyết điểm chủ quan, khiến cho kẻ thù không có thể lợi dụng được để chống phá cách mạng.

Thực tiễn cách mạng nước ta cũng chứng minh rằng việc bảo vệ những thành quả cách mạng, chống sự phá hoại của kẻ thù bên ngoài và bên trong là một quy luật của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hoạt động chống phá điên cuồng của bọn phản động trong nước được bọn phản động quốc tế giúp đỡ trống năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám 1945, cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc (năm 1979), những hoạt

động của bọn phản động trong nước trong thời gian diễn ra các cuộc chiến tranh xâm lược đó, và cuối cùng là cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc cầu kết với đế quốc Mỹ, đối với nước ta hiện nay, v.v. đó là bấy nhiêu sự kiện nổi bật nhắc nhở chúng ta phải luôn luôn cảnh giác với kẻ thù giai cấp, làm tốt mọi công tác đề phòng và chuẩn bị đề bảo vệ vững chắc những thành quả của chủ nghĩa xã hội trong mọi tình huống.

Hiện nay, như Đại hội V của Đảng đã nhận định, “đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc cầu kết với đế quốc Mỹ; đồng thời phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn”.

Trong bài phát biểu tại Hội nghị thứ 6 của Trung ương Đảng (khóa V) đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng đã nói: “Bảo đảm quốc phòng và an ninh của đất nước cũng là quy luật của đấu tranh cách mạng trong tình hình của thế giới ngày nay” (6).

Vì vậy, cùng với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ hàng đầu hiện nay, nhân dân ta phải thực hiện thật tốt nhiệm vụ chiến lược: sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Nhân dân ta kiên quyết xây dựng nền quốc phòng toàn dân; toàn diện và hiện đại; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh; xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh về mọi mặt.

(6) Lê Duẩn: “Năm vững quy luật đó: mới quản lý kinh tế”. xem *Tạp chí Cộng sản* số 9-1948 tr. 33.

Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, với sức mạnh của Nhà nước chuyên chính vô sản, nhân dân ta quyết nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, củng cố sức mạnh mọi mặt của đất nước, cùng với quân đội và lực lượng an ninh của mình sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại,

xâm lược của kẻ thù trong và ngoài nước.

Làm như vậy tức là chúng ta đã coi trọng vận dụng một cách có hiệu quả một trong những quy luật quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa là: bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội, chống sự phá hoại của kẻ thù bên ngoài và bên trong.

Một tác phẩm...

(Tiếp theo trang 36)

dân ba nước Đông dương "nhất định đoàn kết chiến đấu, làm thất bại âm mưu bành trướng và bá quyền Trung quốc trong bất cứ hoàn cảnh nào... thiết thực đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ độc lập, chủ quyền của các nước Đông Nam Á và Nam Á, giữ gìn an ninh trong khu vực và hòa bình trên thế giới" (tr. 308). «Nhân dân Việt nam quyết tâm làm trọn nhiệm vụ dân tộc thiêng liêng của mình và làm trọn nghĩa vụ quốc tế cao cả do lịch sử giao phó» (tr. 309).

Việc «kết hợp tinh thần yêu nước chân chính với tinh thần quốc tế vô sản, kết hợp lợi ích dân tộc với lợi ích cách mạng thế giới» được tác giả giải thích sâu sắc trên quan điểm cách mạng Việt nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng vô sản trên phạm vi toàn thế giới và theo tinh thần «bốn phương vô sản đều là anh em» mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở. Đồng chí đã chú trọng nhiều đến việc «đoàn kết với Liên xô, thành quả vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, trụ cột của hòa bình và cách mạng thế giới» (tr. 351), với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc, với các nước không liên kết và nhân dân yêu chuộng hòa bình, công lý trên toàn thế giới.



Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước ta đang phải thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Chúng ta lại phải đối phó với kẻ thù mới ở ngay sát đất nước ta là bọn bành trướng bá quyền Trung quốc đang hằng ngày hằng giờ tiến hành kế hoạch chiến tranh phá hoại nhiều mặt để chuẩn bị cho chiến tranh xâm lược trên những quy mô khác nhau. Gắn liền với sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cần được tăng cường để đáp ứng những yêu cầu mới của nhiệm vụ cách mạng. Trong tình hình đó, nghiên cứu tác phẩm *Mấy vấn đề quân sự trong cách mạng Việt nam* của đồng chí Trường Chinh, sẽ giúp chúng ta thấu suốt hơn nữa tư tưởng và đường lối quân sự của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nâng cao sự hiểu biết về những vấn đề quân sự của nước ta.

Tác phẩm đó có tác dụng chỉ đạo và cổ vũ toàn quân, toàn dân ta ra sức củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp phòng thủ đất nước, sẵn sàng đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược nước ta.

«ТАПЧИ КОНГШАН» № 12 – 1984

К 40 – й годовщине создания народных вооруженных сил Вьетнама
ПЕРЕДОВАЯ – Строить мощную армию, способную победить любого врага. **ТЮ ХЮИ МАН** – Руководство Коммунистической партии Вьетнама – фактор, определяющий все победы и рост народных вооруженных сил Вьетнама. **ХОАНГ ВАН ТХАЙ** – Некоторые уроки строительства народных вооруженных сил Вьетнама. **БУИ ФУНГ** – Служба тыла революционной армии. **ЧТЕНИЕ КНИГ** ★ **ХОАНГ ФЫОНГ** – Произведение военного искусства, имеющее большое значение для теоретических обобщений и практического руководства. **ТХЕ ЧЫОНГ** – Развивать ценнейшую традицию сплоченности и единства армии и народа. **ВУ КХАК ЛОНГ** – Изучение характерных черт современного вьетнамского военного искусства.

REVIEW OF COMMUNISM N° 12-1984

The 40th Anniversary of the Founding of the Vietnamese Armed Forces

Editorial – Making our army strong to defeat any enemy. **CHU HUY MÂN** – The leadership of the Communist Party of Vietnam, a decisive factor for every victory and for all the growth of the Vietnamese people's armed forces. **HOÀNG VĂN THÁI** – Some lessons drawn from the experience of building the Vietnamese people's armed forces. **BÙI PHÙNG** – The logistics of the revolutionary army. **Book Review** ★ **HOÀNG PHƯƠNG** – A military work of great value on theoretical summing-up and practical guidance. **THẾ TRƯỜNG** – Let's promote our valuable tradition – unity between the army and the people, and the army and the people bound by the same will. **VŨ KHẮC LONG** – Some studies on the salient features of modern Vietnamese military art.

REVUE DU COMMUNISME N° 12-1984

40e anniversaire de la fondation des forces armées populaires du Vietnam

Editorial – Edifier une Armée populaire puissante, capable de vaincre tout ennemi. **CHU HUY MÂN** – La direction du Parti communiste du Vietnam – facteur déterminant de toute victoire et de tout développement des forces armées populaires du Vietnam. **HOÀNG VĂN THÁI** – Quelques leçons d'expériences de l'édification des forces armées populaires du Vietnam. **BÙI PHÙNG** – La logistique de l'armée révolutionnaire. **Lecture** ★ **HOÀNG PHƯƠNG** – Un ouvrage militaire de grande valeur en tant que récapitulation théorique et direction pratique. **THẾ TRƯỜNG** – Promouvoir la belle tradition : le peuple et l'armée dans une union monolithique et animés d'une même volonté. **VŨ KHẮC LONG** – Caractéristiques de l'art militaire moderne du Vietnam.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 12-1984

40 aniversario de la fundación de las fuerzas armadas populares de Vietnam

Editorial – Construir un ejército poderoso, capaz de vencer a cualquier enemigo. **CHU HUY MÂN** – La dirección del Partido Comunista de Vietnam – el factor decisivo de todas las victorias y del crecimiento de las fuerzas armadas populares de Vietnam. **HOÀNG VĂN THÁI** – Algunas experiencias afortunadas en la construcción de las fuerzas armadas populares de Vietnam. **BÙI PHÙNG** – La Intendencia del ejército revolucionario. **Lectura de libros** ★ **HOÀNG PHƯƠNG** – Una valiosa obra militar en el balance teórico y la orientación práctica. **THẾ TRƯỜNG** – Desarrollar la valiosa tradición : el ejército y el pueblo coinciden su unidad y voluntad. **VŨ KHẮC LONG** – Estudiar las particularidades del arte militar vietnamita contemporánea.

Mục lục

Kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam

Xa luận — Xây dựng quân đội ta hùng mạnh, đủ sức chiến thắng mọi kẻ thù	1
CHÚ HUY MÂN — Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam — nhân tố quyết định mọi chiến thắng và trưởng thành của lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam	7
HOÀNG VĂN THÁI — Mấy bài học kinh nghiệm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam	15
BÙI PHÙNG — Hậu cần của quân đội cách mạng	24
Độc sách ★ HOÀNG PHƯƠNG — Một tác phẩm quân sự có giá trị lớn về tổng kết lý luận và chỉ đạo thực tiễn	32
THẾ TRƯỞNG — Phát huy truyền thống quý báu: đoàn kết quân dân, quân với dân một ý chí	37
VŨ KHẮC LONG — Tìm hiểu những nét đặc sắc của nền nghệ thuật quân sự Việt nam hiện đại	44
NHUẬN VŨ — Trang sử đen của nền nghệ thuật quân sự Mỹ	51
Trao đổi ý kiến về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ★ HOÀNG SAN — Thế trận cấp huyện ★ NGUYỄN ĐÌNH MIỀN — Yên mình phần đầu xây dựng thành huyện chiến đấu và sản xuất tốt	51
Nghiên cứu ★ QUYẾT TIỀN — Bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội chống sự phá hoại của kẻ thù bên ngoài và bên trong	64
Bìa 1 — Tranh của Lương Khôi	

Trụ sở Bộ biên tập:

1. Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52031 — 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:

19. Dãy Tân — T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

Sửa lại: Trong Tạp chí Cộng sản số 11-1984 trang 66, cột 2, dòng 6 xin đọc là: 20700 học sinh.

Đã có bán

LỊCH 1985
TẠP CHÍ CỘNG SẢN
(lịch bỏ túi)

Nhấn dịp kỷ niệm lần thứ 30 xuất bản
tạp chí.

Khổ 7×12 , dày 144 trang, in hai màu.

Bìa ni lông in chữ vàng.

Giá: 15 đồng

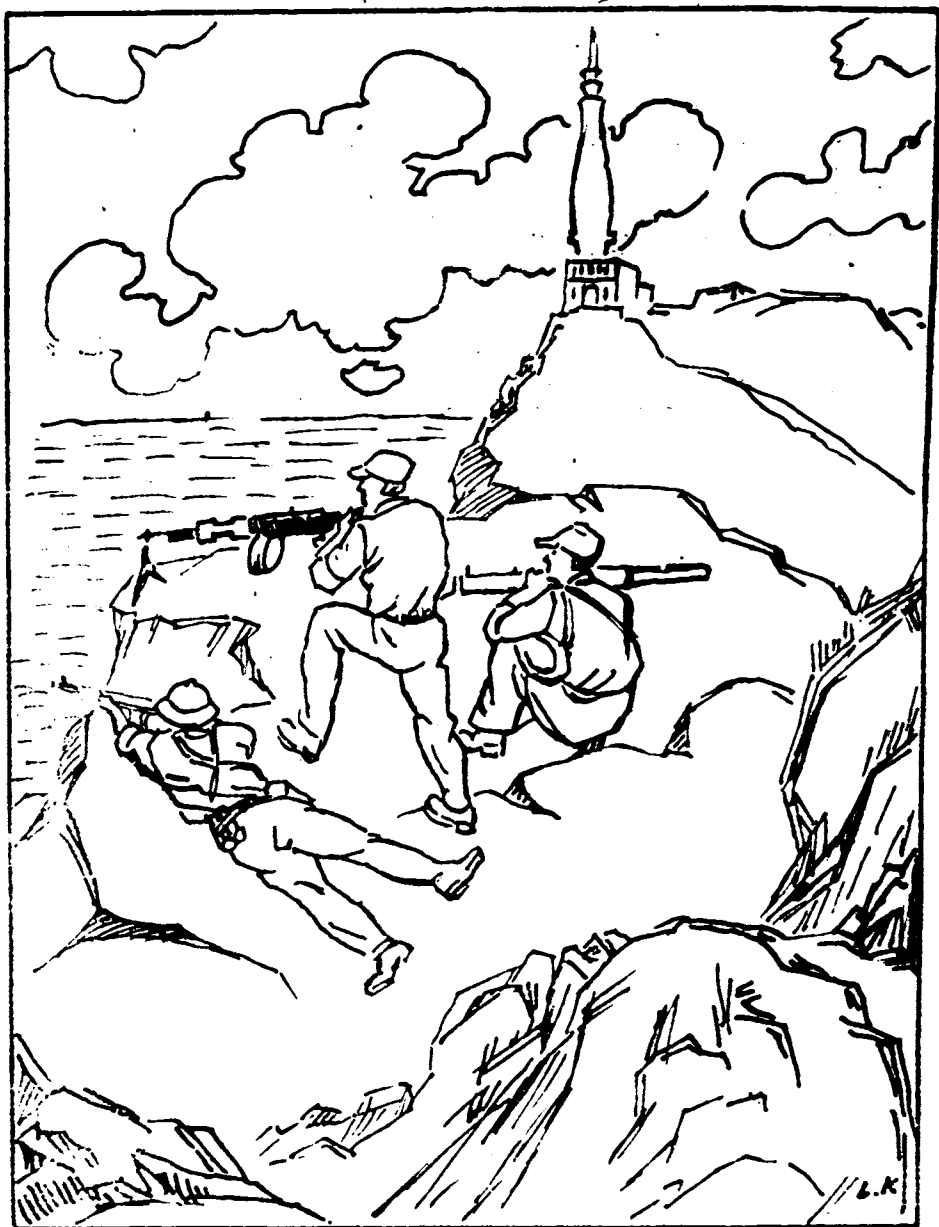


TẠP CHÍ CỘNG SẢN XUẤT BẢN

CÁC BẠN CHÚ Ý:

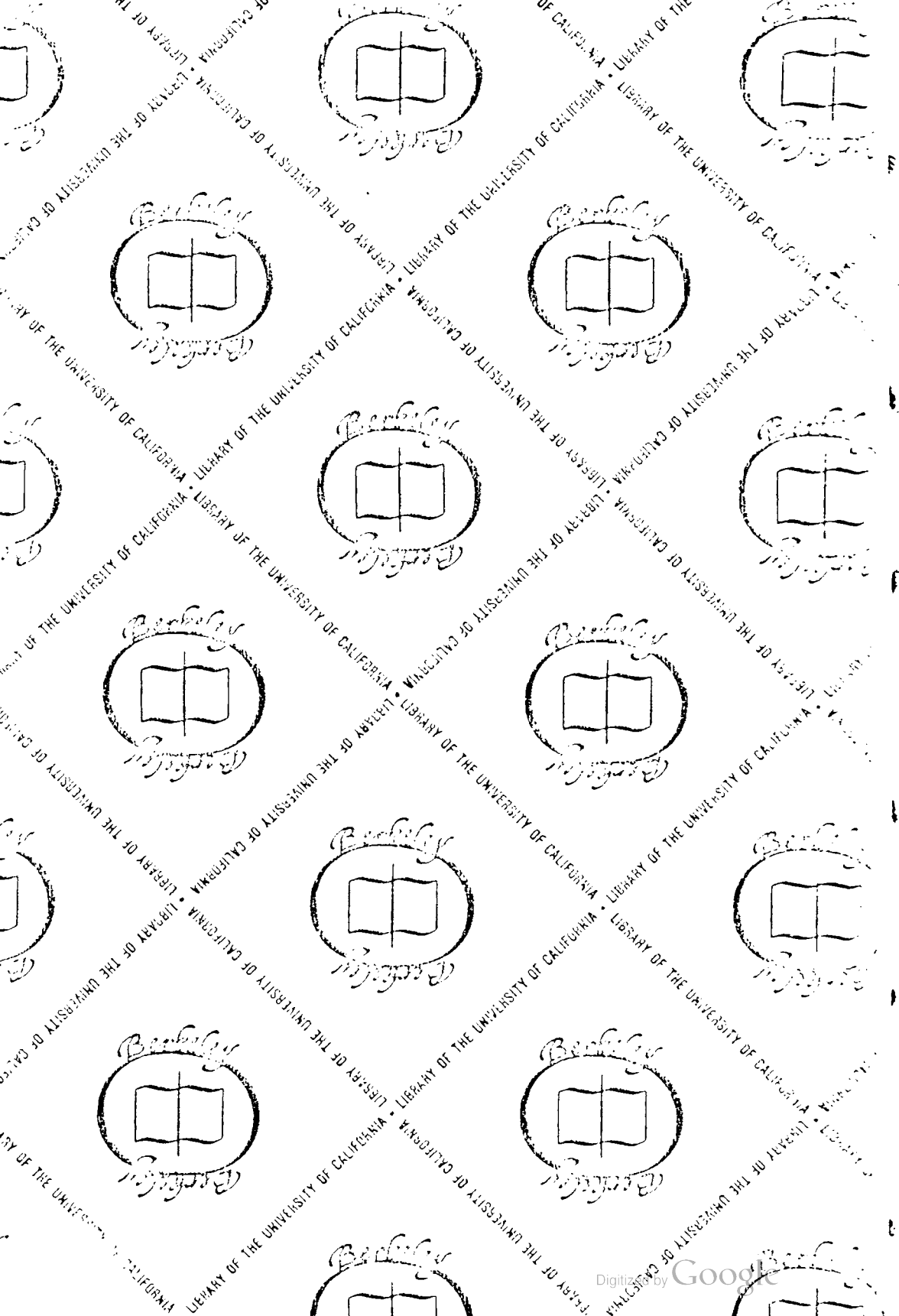
Từ 1-1-1985 giá bán lẻ mỗi cuốn

Tạp chí Cộng sản là **4 đồng**



Cảnh giới trên hải đảo

01-7-54





8000290509

